

VĂN KIỆN ĐẢNG TOÀN TẬP
XUẤT BẢN LẦN THỨ NHẤT
THEO QUYẾT ĐỊNH CỦA
BAN Bí THƯ TRUNG ƯƠNG
ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM,
SỐ 208-QĐ/TW, NGÀY 1
THÁNG 11 NĂM 2013

HỘI ĐỒNG XUẤT BẢN

ĐINH THẾ HUYNH	Chủ tịch Hội đồng
VÕ VĂN THƯỞNG	Phó Chủ tịch Hội đồng
NGUYỄN VĂN NÊN	Phó Chủ tịch Hội đồng
NGUYỄN XUÂN THẮNG	Ủy viên
HÀ BAN	" "
BÙI VĂN NAM	" "
NGUYỄN TRỌNG NGHĨA	" "
PHÙNG HỮU PHÚ	" "
PHẠM VĂN LINH	" "
LÊ QUANG VĨNH	" "
NGUYỄN QUANG THUẤN	" "
PHẠM CHÍ THÀNH	" "

BAN CHỈ ĐẠO XÂY DỰNG BẢN THẢO

NGUYỄN VĂN NÊN	Trưởng ban
PHẠM CHÍ THÀNH	Thường trực
LÊ QUANG VĨNH	Ủy viên
HOÀNG ANH TUẤN	" "
NGUYỄN NGỌC HÀ	" "

NHÓM XÂY DỰNG BẢN THẢO TẬP 66

VŨ TRỌNG LÂM (Chủ biên)
NGUYỄN THỊ HƯƠNG
VŨ THỊ HƯƠNG

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

VĂN KIỆN ĐẢNG
TOÀN TẬP

66

2007

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT
HÀ NỘI - 2017

LỜI GIỚI THIỆU

Văn kiện Đảng Toàn tập, tập 66 phản ánh sự lãnh đạo, chỉ đạo của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư đối với những vấn đề đã quan trọng của đất nước và của Đảng trong năm 2007. Bước vào năm 2007, nước ta có thuận lợi cơ bản là sau hơn 20 năm đổi mới, thế và lực của đất nước cũng như những kinh nghiệm tổ chức, quản lý và điều hành nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đã được tăng lên. Việc nước ta trở thành thành viên của Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) đã tạo thêm cơ hội để nền kinh tế nước ta hội nhập sâu rộng vào kinh tế thế giới. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự chỉ đạo, điều hành sát sao và khẩn trương của Chính phủ, sự nỗ lực của các bộ, ngành, các địa phương nên hầu hết các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh - quốc phòng đều đạt được những kết quả vượt trội và tạo đà cho những năm tiếp theo phát triển mạnh hơn.

Năm 2007 là năm diễn ra nhiều sự kiện quan trọng của đất nước. Nhân dịp kỷ niệm lần thứ 77 Ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (3-2-1930 – 3-2-2007), Đảng ta đã phát động thực hiện Cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh” trong toàn Đảng, toàn dân. Đây là sinh hoạt chính trị lớn nhất của đất nước trong năm, được triển khai sâu rộng với nhiều hình thức phong phú, sinh động, mang lại hiệu quả thiết thực trong xã hội nhằm củng cố niềm tin tưởng của Đảng, toàn quân, toàn dân thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng. Tiếp đó, ngày 20-5-2007, cử tri cả nước đã tiến hành bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XII. Đây thực sự là ngày hội lớn và là sự kiện chính trị quan trọng trong đời sống xã hội của Việt Nam. Cuộc bầu cử đã thành công tốt đẹp, nhân dân cả nước đã sáng suốt lựa chọn bầu 493 đại biểu đại diện cho các tầng lớp nhân

dân, các dân tộc trong cả nước tham gia Quốc hội khóa XII - Quốc hội của thời kỳ tiếp tục đẩy mạnh sự nghiệp đổi mới toàn diện, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập kinh tế quốc tế. Năm 2007, Việt Nam được bầu làm ủy viên không thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc nhiệm kỳ 2008 - 2009, khẳng định uy tín và vị thế mới của Việt Nam trên trường quốc tế. Cũng trong năm này, nền kinh tế đạt mức tăng trưởng 8,5%, cao nhất trong vòng 10 năm trước đây... Tất cả những sự kiện, kết quả nổi bật đó đã khẳng định sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng trong bối cảnh tình hình trong nước và quốc tế còn nhiều khó khăn, thách thức. Bên cạnh đó, trong năm 2007, Trung ương Đảng đã tập trung lãnh đạo và chỉ đạo tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể; nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ; sáp nhập, kiện toàn một số ban Đảng Trung ương; tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giáo dục quốc phòng, an ninh trong tình hình mới; về công tác đối với người Việt Nam ở nước ngoài và phương hướng công tác trong tình hình mới...

Văn kiện Đảng Toàn tập, tập 66 có 168 tài liệu, gồm: các nghị quyết, chỉ thị, thông tri, quyết định, quy định, thông báo, báo cáo, kết luận... của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư; Tuyên bố chung giữa Việt Nam và Ấn Độ, các bài phát biểu của các đồng chí lãnh đạo chủ chốt của Đảng tại các hội nghị quan trọng, lễ kỷ niệm lớn của đất nước trong năm 2007. Trong đó, có 158 tài liệu xếp ở phần văn kiện chính, 10 tài liệu xếp ở phần phụ lục. Trong mỗi phần, các tài liệu được sắp xếp theo trình tự thời gian. Riêng tài liệu Hội nghị Trung ương 4 và Hội nghị Trung ương 5 được sắp xếp theo trình tự Hội nghị để bạn đọc tiện theo dõi và tra cứu.

Mặc dù đã có nhiều cố gắng trong công tác sưu tầm tài liệu, biên tập và xuất bản, song *Văn kiện Đảng Toàn tập*, tập 66 khó tránh khỏi hạn chế, thiếu sót, chúng tôi rất mong nhận được sự đóng góp ý kiến của bạn đọc.

Xin trân trọng giới thiệu cuốn sách cùng bạn đọc.

Tháng 11 năm 2017

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT

**QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN Bí THƯ**

Số 33-QĐ/TW, ngày 3 tháng 1 năm 2007

**Về việc thành lập Tổ Công tác của Ban Bí thư
tại Lâm Đồng**

4- Đồng chí Đàm Kiến Lập, Chuyên viên chính Vụ Địa phương II, Văn phòng Trung ương Đảng, tổ viên.

Điều 2. Tổ Công tác có nhiệm vụ tiến hành kiểm tra theo quy định của Điều lệ Đảng đối với tập thể và một số cá nhân trong Ban Thường vụ Tỉnh ủy, kết luận, kiến nghị xử lý (nếu có vi phạm) và báo cáo Ban Bí thư.

Điều 3. Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lâm Đồng, Ban Tổ chức Trung ương, Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Văn phòng Trung ương Đảng và các đồng chí có tên trên thi hành Quyết định này.

T/M BAN Bí THƯ

TRƯỞNG TÂN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

- Căn cứ Điều lệ Đảng;
- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư khóa X;
- Xét đề nghị của Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Văn phòng Trung ương Đảng và Ban Tổ chức Trung ương,

BAN Bí THƯ QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Tổ Công tác của Ban Bí thư để làm việc với Tỉnh ủy Lâm Đồng, gồm các đồng chí có tên sau:

- 1- Đồng chí Trần Quốc Huy, Phó Trưởng Ban Tổ chức Trung ương, Tổ trưởng Tổ Công tác.
- 2- Đồng chí Nguyễn Việt Hùng, Phó Vụ trưởng Vụ Địa phương III, Ban Tổ chức Trung ương, tổ viên.
- 3- Đồng chí Đỗ Chí Thành, Phó Vụ trưởng Vụ VII, Ủy ban Kiểm tra Trung ương, tổ viên.

**QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN Bí THU**

Số 34-QĐ/TW, ngày 3 tháng 1 năm 2007

**Về việc thành lập Tổ Công tác
của Ban Bí thư tại Thái Bình**

4- Đồng chí Mạc Văn Khoái, Phó Vụ trưởng Vụ Địa phương I, Văn phòng Trung ương Đảng, tổ viên.

Điều 2. Tổ Công tác có nhiệm vụ tiến hành kiểm tra theo quy định của Điều lệ Đảng đối với tập thể và một số cá nhân trong Ban Thường vụ Tỉnh ủy, kết luận, kiến nghị xử lý (nếu có vi phạm) và báo cáo Ban Bí thư.

Điều 3. Ban Thường vụ Tỉnh ủy Thái Bình, Ban Tổ chức Trung ương, Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Văn phòng Trung ương Đảng và các đồng chí có tên trên thi hành Quyết định này.

T/M BAN Bí THU

TRƯỞNG TÂN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

- Căn cứ Điều lệ Đảng;
- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư khóa X;
- Xét đề nghị của Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Văn phòng Trung ương Đảng và Ban Tổ chức Trung ương,

BAN Bí THU QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Tổ Công tác của Ban Bí thư để làm việc với Tỉnh ủy Thái Bình, gồm các đồng chí có tên sau:

- 1- Đồng chí Nguyễn Đông Sương, Phó Trưởng Ban Tổ chức Trung ương, Tổ trưởng Tổ Công tác.
- 2- Đồng chí Lê Văn Thả, Phó Vụ trưởng Vụ Địa phương I, Ban Tổ chức Trung ương, tổ viên.
- 3- Đồng chí Nguyễn Trung Dong, Phó Vụ trưởng Vụ III, Ủy ban Kiểm tra Trung ương, tổ viên.

**PHÁT BIỂU
CỦA TỔNG Bí THƯ NÔNG ĐỨC MẠNH
KHAI MẠC HỘI NGHỊ LẦN THỨ TƯ
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG
KHÓA X***

Ngày 15 tháng 1 năm 2007

*Thưa các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương,
Thưa các đồng chí dự hội nghị,*

Trong không khí phấn khởi của những ngày đầu năm mới 2007, hôm nay Ban Chấp hành Trung ương khóa X họp Hội nghị toàn thể lần thứ tư. Thay mặt Bộ Chính trị, tôi nhiệt liệt chào mừng các đồng chí về dự hội nghị, chúc các đồng chí mạnh khỏe, năm mới giành nhiều thắng lợi mới.

Theo *Chương trình làm việc toàn khóa*, hội nghị lần này sẽ bàn các vấn đề về phương hướng chuẩn bị bầu cử Quốc hội khóa XII; tiếp tục sắp xếp, kiện toàn bộ máy, tổ chức các ban đảng và cơ quan nhà nước; về một số chủ trương, chính sách lớn phát triển kinh tế sau khi nước ta trở thành thành

viên của Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) và về *Chiến lược biển*.

Theo *Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương*, tại hội nghị này, Bộ Chính trị cũng sẽ báo cáo Ban Chấp hành Trung ương về sự lãnh đạo, chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư từ sau Đại hội X đến hết năm 2006; về kết quả những công việc quan trọng Bộ Chính trị đã giải quyết từ sau Hội nghị Trung ương 3 đến Hội nghị Trung ương 4; kết quả công tác kiểm tra, giám sát từ sau Đại hội X đến cuối năm 2006 và về công tác tài chính của Đảng năm 2006.

Với những nội dung nêu trên, Hội nghị Trung ương lần này có ý nghĩa hết sức quan trọng, tiếp tục cụ thể hóa Nghị quyết Đại hội X, thực hiện sự lãnh đạo đối với những nhiệm vụ quan trọng trước mắt, bảo đảm yêu cầu và phương hướng lãnh đạo của Đảng cho cả nhiệm kỳ Đại hội X và những năm tiếp theo.

Như các đồng chí đã biết, Quốc hội khóa XI sắp kết thúc nhiệm kỳ. Việc tổng kết nhiệm kỳ của Quốc hội khóa XI và chuẩn bị cho cuộc bầu cử Quốc hội khóa XII có ý nghĩa hết sức to lớn. Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ X của Đảng đã chỉ rõ: Tiếp tục đổi mới tổ chức và hoạt động của Quốc hội; hoàn thiện cơ chế bầu cử nhằm nâng cao chất lượng đại biểu Quốc hội; tăng hợp lý số lượng đại biểu Quốc hội chuyên trách, phát huy tốt hơn vai trò đại biểu và đoàn đại biểu Quốc hội. Theo tinh thần đó, việc xác định phương hướng chuẩn bị nhân sự và lãnh đạo bầu cử theo đúng các quy định của pháp luật để bầu được những đại biểu Quốc hội thực sự đại diện cho ý chí, nguyện vọng của nhân dân, có phẩm chất và năng lực tương xứng với yêu cầu, nhiệm vụ trong giai đoạn mới, là một

* Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X diễn ra từ ngày 15 đến ngày 24-1-2007 (B.T).

vấn đề hết sức quan trọng, góp phần xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của dân, do dân và vì dân.

Do thực tế đòi hỏi và với điều kiện cho phép, chúng ta cũng cần tính toán để tiến tới việc tổ chức Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng, đại hội đảng bộ các cấp và việc tổ chức bầu cử Quốc hội, hội đồng nhân dân các cấp sao cho hợp lý hơn về thời điểm, bảo đảm đạt chất lượng, hiệu quả cao, thuận lợi cho hoạt động của các cơ quan của Đảng và cơ quan nhà nước trong việc xem xét về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội cũng như công tác tổ chức, cán bộ, đồng thời tiết kiệm được thời gian, công sức và tiền bạc.

Tại hội nghị này, chúng ta sẽ thảo luận và quyết định một số vấn đề về sắp xếp, kiện toàn bộ máy, tổ chức các ban đảng và các cơ quan nhà nước. Nghị quyết Đại hội X đã đề ra yêu cầu sắp xếp, đổi mới tổ chức, bộ máy của Đảng, đặc biệt là các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng ủy khối ở Trung ương và các địa phương gắn với kiện toàn tổ chức, bộ máy của cơ quan nhà nước, Mặt trận và các đoàn thể nhân dân, bảo đảm vừa tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, vừa phát huy vai trò trách nhiệm của các cơ quan nhà nước, Mặt trận và các đoàn thể nhân dân. Khắc phục tình trạng chồng chéo, trùng lặp chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của tổ chức và cá nhân không rõ. Đây là một vấn đề có tính khoa học về tổ chức, nhằm tạo ra cơ chế vận hành thông suốt trong mối quan hệ Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ. Tuy nhiên, đây cũng là vấn đề hết sức hệ trọng, nhạy cảm, cần được nghiên cứu, thảo luận để đi đến các quyết định đúng đắn.

Thưa các đồng chí,

Như chúng ta đều biết, Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) đã kết nạp Việt Nam làm thành viên thứ 150, đây là kết quả sau nhiều năm chúng ta kiên trì thực hiện chủ trương đúng đắn của Đảng và Nhà nước về hội nhập kinh tế quốc tế. Thành công này vừa tạo ra cho chúng ta những cơ hội lớn, vừa đặt ra những yêu cầu mới và những thách thức không nhỏ. Các cơ hội và thách thức đó quan hệ, tác động qua lại, chuyển hóa lẫn nhau. Cơ hội không tự nhiên biến thành lợi ích mà tùy thuộc vào khả năng tận dụng của chúng ta. Tận dụng tốt cơ hội sẽ tạo ra thế và lực mới để phát triển. Thách thức dù là sức ép rất lớn nhưng tác động đến mức nào còn tùy thuộc vào bản lĩnh và sự nỗ lực chủ quan của chúng ta. Nếu chúng ta có quyết tâm cao, có sự chuẩn bị tích cực bằng những chủ trương, chính sách đúng đắn, biện pháp hiệu quả và sự vươn lên nhanh chóng thì không những vượt qua được thách thức mà còn có thể biến chính các thách thức đó thành động lực cho sự phát triển. Để tận dụng được cơ hội và vượt qua thách thức, hội nhập kinh tế thắng lợi, chúng ta phải xây dựng cho được những chủ trương, chính sách đúng đắn, phù hợp, bảo đảm đưa nền kinh tế nước ta phát triển nhanh, bền vững, giữ vững độc lập, chủ quyền và định hướng xã hội chủ nghĩa.

Đảng và Nhà nước ta đã có nhiều nghị quyết, chỉ thị về chiến lược phát triển kinh tế biển và hải đảo. Mới đây, Nghị quyết Đại hội X của Đảng đã chỉ rõ phát triển mạnh kinh tế biển vừa toàn diện, vừa có trọng tâm, trọng điểm với những ngành có lợi thế so sánh để đưa nước ta trở thành quốc gia mạnh về kinh tế biển, gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh và hợp tác quốc tế. Trên thực tế, những kết quả đã đạt được trong thời gian qua chưa tương xứng với tiềm năng nhiều mặt

về biển, vùng ven biển và hải đảo của chúng ta. Tính đồng bộ về chủ trương ở tầm vĩ mô đến việc tổ chức thực hiện ở các cấp, các ngành còn nhiều bất cập và yếu kém. Hội nghị Trung ương lần này thảo luận toàn diện về vị trí, vai trò của biển, cả về kinh tế, xã hội, an ninh, quốc phòng, đối ngoại để xây dựng *Chiến lược biển đến năm 2020* và tầm nhìn xa hơn, là một bước cụ thể hóa Nghị quyết Đại hội X của Đảng, nhằm khai thác tối đa tiềm năng và lợi thế của biển, vùng ven biển và hải đảo, đồng thời bảo đảm quốc phòng, an ninh, góp phần tạo thêm thế và lực mới để phát triển kinh tế - xã hội, làm chủ vùng biển của Tổ quốc, bảo vệ toàn vẹn chủ quyền quốc gia, góp phần đẩy nhanh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Thưa các đồng chí,

Hội nghị Trung ương lần này thảo luận và quyết định nhiều vấn đề rất quan trọng. Thời gian hội nghị không dài, lại tiến hành vào gần Tết cổ truyền của dân tộc, các cơ quan và địa phương đều rất bận rộn trong việc triển khai thực hiện nhiệm vụ kế hoạch năm 2007, vì vậy, tôi đề nghị các đồng chí phát huy cao độ trách nhiệm, trí tuệ, tinh thần làm việc tích cực, khẩn trương, dân chủ tập thể, đóng góp ý kiến để hội nghị thành công tốt đẹp.

Với tinh thần đó, tôi xin tuyên bố khai mạc Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X.

Chúc hội nghị thành công tốt đẹp.

Xin trân trọng cảm ơn.

Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương khóa X*,
Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2007, tr.5-11.

**NGHỊ QUYẾT
HỘI NGHỊ LẦN THỨ TU
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHÓA X**

Số 05-NQ/TW, ngày 24 tháng 1 năm 2007

Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X họp từ ngày 15-1 đến ngày 24-1-2007 tại Hà Nội, sau khi xem xét và thảo luận các tờ trình, đề án và các báo cáo của Bộ Chính trị,

QUYẾT NGHỊ:

1. Nhất trí thông qua nội dung các dự thảo văn kiện sau đây của Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X:

- Nghị quyết về một số chủ trương, chính sách lớn để nền kinh tế nước ta phát triển nhanh và bền vững khi Việt Nam là thành viên Tổ chức Thương mại thế giới (WTO).

- Nghị quyết về Chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020.
- Nghị quyết về việc điều chỉnh thời gian tổ chức Đại hội Đảng toàn quốc, bầu cử Quốc hội và hội đồng nhân dân các cấp.

- Nghị quyết về phương hướng bầu cử và chuẩn bị nhân sự Quốc hội khóa XII.

- Nghị quyết về đổi mới, kiện toàn tổ chức bộ máy các cơ quan đảng, Nhà nước, Mặt trận và các đoàn thể chính trị - xã hội.

Giao Bộ Chính trị căn cứ ý kiến thảo luận, đóng góp của Ban Chấp hành Trung ương, tiếp thu của Bộ Chính trị và kết quả biểu quyết của Ban Chấp hành Trung ương để hoàn chỉnh các văn kiện nói trên, ban hành chính thức để thực hiện.

2. Nhất trí thông qua nội dung các báo cáo sau đây của Bộ Chính trị trình Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X:

- Báo cáo kiểm điểm sự lãnh đạo, chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư từ sau Đại hội X đến cuối năm 2006.

- Báo cáo kết quả những công việc quan trọng Bộ Chính trị đã giải quyết từ sau Hội nghị Trung ương 3 đến Hội nghị Trung ương 4 (khóa X).

- Báo cáo công tác tài chính Đảng năm 2006.

Giao Bộ Chính trị căn cứ vào các báo cáo và tiếp thu ý kiến thảo luận, đóng góp của Ban Chấp hành Trung ương tại Hội nghị để nâng cao hơn nữa chất lượng và hiệu quả lãnh đạo, chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư trong thời gian tới.

3. Nhất trí thông qua nội dung Báo cáo về công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật trong Đảng, hoạt động của Ủy ban Kiểm tra Trung ương và ủy ban kiểm tra các cấp năm 2006.

Giao Ủy ban Kiểm tra Trung ương căn cứ vào báo cáo và tiếp thu ý kiến thảo luận, đóng góp của Ban Chấp hành

Trung ương để nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát trong Đảng.

T/M BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG
TỔNG Bí THƯ

NÔNG ĐỨC MẠNH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**NGHỊ QUYẾT
HỘI NGHỊ LẦN THỨ TƯ
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHÓA X**

Số 06-NQ/TW, ngày 5 tháng 2 năm 2007

**Về phương hướng bầu cử và chuẩn bị
nhân sự Quốc hội khóa XII**

I- TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA QUỐC HỘI KHÓA XI

Kế thừa và phát huy những kết quả đã đạt được của Quốc hội các khóa trước, Quốc hội khóa XI (2002 - 2007) đã có những đổi mới quan trọng trong công tác lập pháp, từng bước nâng cao chất lượng và số lượng các dự án luật được thông qua, đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước, vận hành nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập kinh tế quốc tế. Hoạt động giám sát được tiến hành tích cực hơn; nhiều vấn đề quan trọng của đất nước như kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm, tài chính, ngân sách, các công trình quan trọng quốc gia... đã được Quốc hội xem xét, quyết định, vừa đảm bảo được sự lãnh đạo của Đảng, vừa phát huy vai trò của Quốc hội.

Quốc hội có được những tiến bộ trên, trước hết là do

đường lối đổi mới của Đảng, cơ quan lãnh đạo của Quốc hội được tăng cường, số đại biểu Quốc hội chuyên trách được tăng thêm, bộ máy giúp việc của Quốc hội được củng cố, nâng cao dần chất lượng và đổi mới cách làm việc; sự phối hợp hoạt động giữa các cơ quan của Quốc hội với các cơ quan liên quan của Trung ương Đảng, Chính phủ, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội ngày càng có nền nếp và hiệu quả hơn.

Tuy nhiên, chất lượng một số dự án luật, pháp lệnh còn thấp, còn dừng ở dạng luật khung, không cụ thể, chậm đi vào cuộc sống; hiệu quả của hoạt động giám sát chưa cao; chất lượng quyết định những vấn đề quan trọng của đất nước có mặt còn hạn chế; công tác dân nguyện còn bất cập...

Nhằm đáp ứng yêu cầu tình hình, nhiệm vụ mới, tổ chức và nhân sự của Quốc hội khóa XII cần được tiếp tục đổi mới để phát huy ưu điểm, khắc phục những khuyết điểm nêu trên.

**II- PHƯƠNG HƯỚNG BẦU CỬ VÀ CHUẨN BỊ
NHÂN SỰ QUỐC HỘI KHÓA XII**

Nhiệm kỳ của Quốc hội khóa XII diễn ra trong bối cảnh công cuộc đổi mới của đất nước đang được đẩy mạnh một cách toàn diện. Với việc trở thành thành viên Tổ chức Thương mại thế giới (WTO), nền kinh tế nước ta bước vào một giai đoạn phát triển mới với những cơ hội lớn, đồng thời cũng đặt ra những thách thức gay gắt đòi hỏi phải nỗ lực vượt qua. Các thế lực thù địch vẫn đang tìm mọi cách chống phá cách mạng nước ta. Trong bối cảnh đó, đặt ra những yêu cầu cao hơn đối với Quốc hội khóa XII.

Về tổ chức và hoạt động của Quốc hội, Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ X đã xác định: "Tiếp tục đổi mới tổ chức và hoạt động của Quốc hội. Hoàn thiện cơ chế bầu cử nhằm nâng cao chất lượng đại biểu Quốc hội; tăng hợp lý số lượng đại biểu chuyên trách, phát huy tốt hơn vai trò của đại biểu và đoàn đại biểu Quốc hội. Tổ chức lại một số ủy ban của Quốc hội; nâng cao chất lượng hoạt động của Hội đồng Dân tộc và các ủy ban của Quốc hội. Đổi mới hơn nữa quy trình xây dựng luật, giảm mạnh việc ban hành pháp lệnh. Thực hiện tốt hơn nhiệm vụ quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước và chức năng giám sát tối cao"¹.

Trên tinh thần đó, công tác chuẩn bị nhân sự và tổ chức bầu cử Quốc hội khóa XII cần được tiến hành chu đáo, có chất lượng, đúng pháp luật để đạt được kết quả cao nhất.

1. Về tiêu chuẩn đại biểu Quốc hội

Luật bầu cử đại biểu Quốc hội đã quy định những tiêu chuẩn chung của đại biểu Quốc hội. Đại biểu Quốc hội phải là những người trung thành với Tổ quốc và Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, phấn đấu thực hiện công cuộc đổi mới vì sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, làm cho dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh; có phẩm chất đạo đức tốt, cần kiệm, liêm chính, chí công vô tư, gương mẫu chấp hành pháp luật, không tham nhũng, kiên quyết đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí và các hành vi vi phạm pháp luật; có

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, tr.126 (B.T).

trình độ, năng lực và điều kiện thực hiện nhiệm vụ đại biểu Quốc hội, tham gia quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước; liên hệ chặt chẽ với nhân dân, lắng nghe ý kiến của nhân dân, được nhân dân tín nhiệm.

Trong nhiệm kỳ mới, tiếp tục nâng cao chất lượng đại biểu Quốc hội, đặc biệt coi trọng phẩm chất chính trị, tiêu chuẩn về trình độ và năng lực thực hiện nhiệm vụ của đại biểu Quốc hội; đồng thời cần bảo đảm hợp lý cơ cấu đại diện. Đại biểu là đảng viên được các cấp ủy, tổ chức đảng giới thiệu phải có tính đảng cao, thực hiện nghiêm nguyên tắc tập trung dân chủ, các quy định của Đảng và pháp luật của Nhà nước. Đại biểu ứng cử lần đầu hoặc tái cử vào Quốc hội để hoạt động chuyên trách nói chung phải đủ tuổi để làm trọn khóa. Bộ Chính trị có trách nhiệm định hướng cụ thể về vấn đề này.

2. Về số lượng và cơ cấu đại biểu Quốc hội

Quốc hội khóa XII nên có 500 đại biểu.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ X và từ thực tế hoạt động của Quốc hội khóa XI, cơ cấu đại biểu Quốc hội khóa XII cần được điều chỉnh theo hướng nâng cao chất lượng, tăng thêm số lượng đại biểu Quốc hội chuyên trách, đại biểu nữ, đại biểu người dân tộc thiểu số, đại biểu thuộc khối Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội; giảm hợp lý số đại biểu ở cơ quan hành pháp; bố trí hợp lý hơn số Ủy viên Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Ủy viên Trung ương Đảng tham gia Quốc hội. Đại biểu Quốc hội chuyên trách chiếm khoảng 30% tổng số đại biểu Quốc hội. Đại biểu Quốc hội là Ủy viên Trung ương Đảng khoảng 15 - 17%.

Mỗi tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có ít nhất 4 đại biểu cư trú và làm việc tại địa phương (trong đó có 1 đại biểu là lãnh đạo chủ chốt của tỉnh, thành phố).

3. Về thời gian bầu cử

Tổ chức bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XII vào chủ nhật, ngày 20-5-2007.

III- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Trên cơ sở Nghị quyết này, Bộ Chính trị có trách nhiệm lãnh đạo việc tổ chức thực hiện. Đảng đoàn Quốc hội phối hợp với Đảng đoàn Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các cơ quan có liên quan cụ thể hóa cơ cấu, thành phần, số lượng đại biểu Quốc hội được bầu ở các cơ quan, tổ chức, đơn vị ở Trung ương và các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; tổ chức cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XII một cách dân chủ, đúng pháp luật, an toàn, tiết kiệm, thực sự là ngày hội của nhân dân cả nước.

T/M BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
TỔNG Bí THƯ
NÔNG ĐỨC MẠNH

Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương khóa X,*
Sđd, tr.12-18.

NGHỊ QUYẾT HỘI NGHỊ LẦN THỨ TU BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHÓA X

Số 07-NQ/TW, ngày 5 tháng 2 năm 2007

Về việc điều chỉnh thời gian tổ chức Đại hội Đảng toàn quốc, bầu cử Quốc hội và hội đồng nhân dân các cấp

1. Trong thời gian qua, khoảng cách giữa thời gian tổ chức Đại hội Đảng toàn quốc, bầu cử Quốc hội và hội đồng nhân dân các cấp ở nước ta có sự chênh lệch khá lớn và không ổn định. Sự chênh lệch đó đã bộc lộ nhiều nhược điểm và bất hợp lý, chủ yếu là:

- Thời điểm bầu cử Quốc hội, hội đồng nhân dân các cấp có khoảng cách khá xa so với thời điểm hoạch định kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, nhất là ở cấp trung ương.

- Việc sắp xếp, bố trí, bảo đảm sự kế thừa liên tục của đội ngũ cán bộ lãnh đạo chủ chốt gặp những khó khăn nhất định.

- Trong một kế hoạch 5 năm có quá nhiều kỳ bầu cử, gây lãng phí về thời gian, tiền của, công sức của Đảng, Nhà nước và nhân dân.

Tình hình đó đòi hỏi phải điều chỉnh thời gian tổ chức Đại hội Đảng, bầu cử Quốc hội và hội đồng nhân dân các cấp.

2. Căn cứ Điều lệ Đảng và Hiến pháp, pháp luật, việc điều chỉnh thời gian tổ chức Đại hội Đảng toàn quốc, bầu cử Quốc hội và hội đồng nhân dân các cấp được thực hiện trên cơ sở những nguyên tắc sau:

- Tổ chức Đại hội Đảng toàn quốc, bầu cử Quốc hội, hội đồng nhân dân các cấp trong cùng một năm và là năm đầu của mỗi kế hoạch 5 năm để tạo điều kiện thuận lợi cho việc hoạch định chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

- Bảo đảm sự đồng bộ trong việc bố trí, sắp xếp cán bộ trong hệ thống chính trị, nhất là đội ngũ cán bộ lãnh đạo chủ chốt của Đảng trong các cơ quan nhà nước ở Trung ương và các cấp ở địa phương.

- Góp phần bảo đảm thực hiện có hiệu quả Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

- Thời điểm tổ chức Đại hội Đảng toàn quốc, bầu cử Quốc hội và hội đồng nhân dân các cấp phải phù hợp với điều kiện về thời tiết và tình hình lao động, sản xuất của đại đa số nhân dân cả nước.

3. Từ tình hình và những nguyên tắc nêu trên, cần tiến hành điều chỉnh thời gian tổ chức Đại hội Đảng toàn quốc, bầu cử Quốc hội và hội đồng nhân dân các cấp theo hướng rút ngắn nhiệm kỳ của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X và nhiệm kỳ Quốc hội khóa XII, kéo dài nhiệm kỳ hội đồng nhân dân các cấp (khóa 2004 - 2009) với các mức thời gian cụ thể như sau:

- Rút ngắn nhiệm kỳ của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X khoảng ba tháng, tổ chức Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI vào quý I năm 2011.

- Rút ngắn nhiệm kỳ Quốc hội khóa XII khoảng một năm, bầu cử Quốc hội khóa XIII vào quý II năm 2011.

- Kéo dài nhiệm kỳ hội đồng nhân dân các cấp khóa 2004 - 2009 thêm khoảng hai năm, bầu cử vào quý II năm 2011, cùng ngày với ngày bầu cử Quốc hội khóa XIII.

Sự điều chỉnh về thời gian tổ chức Đại hội Đảng toàn quốc, bầu cử Quốc hội và hội đồng nhân dân các cấp như trên là vì lợi ích chung của đất nước.

Từ sau năm 2011, các nhiệm kỳ của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Quốc hội, hội đồng nhân dân các cấp đều duy trì 5 năm: tổ chức Đại hội Đảng toàn quốc vào quý I, bầu cử Quốc hội và hội đồng nhân dân các cấp trong cùng một ngày vào quý II năm đó.

4. Về tổ chức thực hiện

- Đảng đoàn Quốc hội lãnh đạo Quốc hội khóa XII ra nghị quyết về việc rút ngắn nhiệm kỳ của mình; Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XII ra nghị quyết về việc kéo dài nhiệm kỳ hội đồng nhân dân các cấp theo đúng quy định của Hiến pháp và pháp luật.

- Ban Cán sự Đảng Chính phủ, Đảng đoàn Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các cơ quan liên quan xây dựng kế hoạch để triển khai thực hiện Nghị quyết này. Các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương quán triệt và lãnh đạo thực hiện tốt nghị quyết của Trung ương.

Nghị quyết này phổ biến đến chi bộ.

T/M BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG

TỔNG Bí THƯ

NÔNG ĐỨC MẠNH

Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương khóa X, Sđd, tr.19-23.*

**NGHỊ QUYẾT
HỘI NGHỊ LẦN THỨ TƯ
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHÓA X**

Số 08-NQ/TW, ngày 5 tháng 2 năm 2007

**Về một số chủ trương, chính sách lớn để
nền kinh tế phát triển nhanh và bền vững
khi Việt Nam là thành viên của
Tổ chức Thương mại thế giới**

Sau hơn 11 năm kiên trì và nỗ lực đàm phán, Việt Nam đã trở thành thành viên thứ 150 của Tổ chức Thương mại thế giới (WTO). Đây là kết quả của đường lối đổi mới của Đảng, xây dựng và phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, từng bước hội nhập kinh tế quốc tế từ song phương, khu vực đến đa phương, toàn cầu mà Đảng, Nhà nước ta đã thực hiện trong 20 năm qua.

Sự kiện này đánh dấu một mốc quan trọng trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế của nước ta, mở ra một giai đoạn mới, nền kinh tế nước ta hội nhập sâu và toàn diện hơn vào nền kinh tế thế giới, đang có những biến đổi nhanh và sâu sắc. Việc trở thành thành viên của Tổ chức Thương mại thế giới đã nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường

quốc tế, tạo ra những cơ hội lớn để đất nước ta phát triển nhanh hơn, toàn diện hơn, sớm thoát khỏi tình trạng kém phát triển; đồng thời cũng đặt ra những thách thức rất gay gắt, đòi hỏi sự nỗ lực vượt bậc của toàn Đảng và toàn dân ta để vượt qua.

Trước tình hình và bối cảnh mới, Ban Chấp hành Trung ương đề ra một số chủ trương, chính sách lớn nhằm tận dụng cơ hội, vượt qua thách thức, đưa nền kinh tế nước ta phát triển nhanh và bền vững theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

I- CƠ HỘI, THÁCH THỨC

1. Cơ hội

Một là, chúng ta có điều kiện mở rộng thị trường xuất khẩu vào các nước thành viên của Tổ chức Thương mại thế giới với tư cách là một đối tác bình đẳng, không bị phân biệt đối xử và theo mức thuế các thành viên WTO cam kết. Đây là những yếu tố quan trọng để thúc đẩy phát triển sản xuất hàng hóa, dịch vụ của nước ta, tạo thêm việc làm, góp phần giữ vững tốc độ tăng trưởng kinh tế cao.

Hai là, thực hiện các cam kết khi gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới, thể chế kinh tế thị trường ở nước ta ngày càng hoàn thiện, môi trường đầu tư, kinh doanh trong nước ngày càng thuận lợi, thúc đẩy mạnh mẽ đầu tư của các thành phần kinh tế, các nhà đầu tư trong và ngoài nước, đầu tư trực tiếp và đầu tư gián tiếp, trong đó có các công ty xuyên quốc gia có tiềm lực tài chính lớn, công nghệ cao, trình độ quản lý tiên tiến, đóng góp ngày càng quan trọng vào quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa của nước ta.

Ba là, gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới sẽ thúc đẩy nền kinh tế nước ta phát triển, chính sách kinh tế, cơ chế quản lý ngày càng minh bạch hơn, môi trường kinh doanh thuận lợi hơn, khơi dậy mạnh mẽ những tiềm năng to lớn của đất nước và sức sáng tạo của các tầng lớp nhân dân; việc phân bổ và sử dụng các nguồn lực sẽ hiệu quả hơn; tăng trưởng kinh tế, do đó, sẽ nhanh và bền vững hơn.

Bốn là, là thành viên Tổ chức Thương mại thế giới, nước ta có địa vị bình đẳng với các thành viên khác khi tham gia vào việc hoạch định chính sách thương mại toàn cầu, thiết lập một trật tự kinh tế mới công bằng hơn; có điều kiện thuận lợi để đấu tranh bảo vệ quyền lợi doanh nghiệp Việt Nam trong các cuộc tranh chấp thương mại với các thành viên khác, hạn chế những thiệt hại.

Năm là, chúng ta có những thuận lợi mới để thực hiện đường lối đối ngoại của Đảng: "Việt Nam là bạn, đối tác tin cậy của các nước trong cộng đồng quốc tế", phát huy vai trò của nước ta trong các tổ chức khu vực và quốc tế, xây dựng quan hệ đối tác bình đẳng với các nước trên thế giới.

Ngoài ra, khi là thành viên Tổ chức Thương mại thế giới, người tiêu dùng trong nước sẽ có thêm sự lựa chọn về hàng hóa, dịch vụ có chất lượng cao, giá cả cạnh tranh; các doanh nghiệp trong nước có thể tiếp cận nguồn nguyên liệu đầu vào với giá cạnh tranh hơn, dịch vụ hỗ trợ tiện lợi hơn, có chất lượng hơn, tiết kiệm chi phí sản xuất, nâng cao chất lượng, hiệu quả kinh doanh.

2. Thách thức

Thứ nhất, nước ta phải chịu sức ép cạnh tranh gay gắt

hơn trên cả ba cấp độ: sản phẩm, doanh nghiệp và quốc gia. Các sản phẩm và doanh nghiệp của Việt Nam sẽ phải cạnh tranh với sản phẩm và doanh nghiệp nước ngoài không chỉ trên thị trường thế giới mà ngay trên thị trường trong nước. Chính phủ ta phải cạnh tranh với chính phủ các nước trong cải thiện môi trường thu hút đầu tư.

Thứ hai, gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới, tham gia vào tiến trình toàn cầu hóa kinh tế có thể làm tăng thêm sự phân phối lợi ích không đồng đều giữa các khu vực, các ngành, các vùng, miền đất nước; có những bộ phận dân cư ít được hưởng lợi, thậm chí còn bị tác động tiêu cực; một bộ phận doanh nghiệp có thể bị phá sản, thất nghiệp có thể tăng lên; khoảng cách giàu - nghèo, mức sống giữa nông thôn và thành thị có thể doang ra hơn, từ đó có thể dẫn đến những yếu tố gây bất ổn định xã hội, ảnh hưởng đến định hướng xã hội chủ nghĩa của đất nước.

Thứ ba, với sự hội nhập sâu hơn vào nền kinh tế thế giới, những biến động trên thị trường tài chính, tiền tệ, thị trường hàng hóa quốc tế sẽ tác động mạnh hơn, nhanh hơn đến thị trường trong nước, tiềm ẩn nguy cơ không kiểm soát được thị trường, có thể gây ra rối loạn, thậm chí khủng hoảng kinh tế, tài chính, ảnh hưởng tiêu cực đến sự ổn định và phát triển bền vững của đất nước.

Thứ tư, đội ngũ cán bộ, công chức nước ta (bao gồm cán bộ quản lý nhà nước, quản trị doanh nghiệp và chuyên gia trong các lĩnh vực) còn thiếu và yếu cả về năng lực chuyên môn, trình độ tin học, ngoại ngữ. Đặc biệt, chúng ta còn thiếu một đội ngũ luật sư giỏi, thông thạo luật pháp quốc tế và ngoại ngữ để giải quyết các tranh chấp thương mại và tư vấn

cho các doanh nghiệp trong kinh doanh. Lực lượng lao động chưa qua đào tạo còn chiếm tỷ trọng lớn, số lao động có trình độ chuyên môn và tay nghề cao còn thiếu nhiều.

Thứ năm, cùng với những thách thức trong lĩnh vực kinh tế, quá trình hội nhập quốc tế đặt ra những thách thức lớn đối với chế độ chính trị, vai trò lãnh đạo của Đảng và việc giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa, việc bảo đảm quốc phòng, an ninh, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, bảo vệ môi trường sinh thái cho phát triển bền vững của đất nước.

Những cơ hội, thách thức nêu trên có mối quan hệ, tác động qua lại, có thể chuyển hóa lẫn nhau. Cơ hội không tự phát huy tác dụng mà tùy thuộc vào khả năng tận dụng cơ hội của chúng ta. Tận dụng tốt cơ hội sẽ tạo ra thế và lực mới để vượt qua thách thức, tạo ra cơ hội lớn hơn. Ngược lại, nếu không nắm bắt, tận dụng thì cơ hội có thể bị bỏ lỡ, thách thức sẽ tăng lên, lấn át cơ hội, cản trở sự phát triển. Thách thức tuy là sức ép trực tiếp, nhưng tác động đến đâu cũng còn tùy thuộc vào nỗ lực và khả năng vượt qua của chúng ta. Nếu tích cực chuẩn bị, có biện pháp đối phó hiệu quả, vươn lên nhanh trước sức ép của các thách thức thì không những chúng ta sẽ vượt qua được thách thức mà còn có thể biến thách thức thành động lực phát triển.

II- MỘT SỐ CHỦ TRƯỞNG, CHÍNH SÁCH LỚN

1. Quan điểm chỉ đạo

Quan điểm chỉ đạo chung là: giữ vững độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, hội nhập vì lợi ích đất nước, giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa, thực hiện mục tiêu dân

giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh; đồng thời nhấn mạnh một số quan điểm cụ thể sau:

- Hội nhập kinh tế quốc tế là công việc của toàn dân. Nhân dân là chủ thể của hội nhập và được hưởng thành quả từ hội nhập. Mọi cơ chế, chính sách phải nhằm phát huy tính chủ động, tích cực, khả năng sáng tạo và phát huy mọi nguồn lực của nhân dân, tạo ra sự đồng thuận cao trong toàn xã hội; phát huy vai trò của đồng bào ta đang sinh sống ở nước ngoài vào công cuộc phát triển đất nước và tăng thêm sự gắn bó của đồng bào với Tổ quốc.

- Duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế cao đi liền với nâng cao chất lượng và hiệu quả của tăng trưởng; tăng trưởng kinh tế phải đi đôi với tiến bộ và công bằng xã hội; giữ vững ổn định chính trị, kinh tế - xã hội; giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc; bảo vệ môi trường sinh thái.

- Gắn khai thác với sử dụng có hiệu quả cao các nguồn lực; phát huy tối đa nội lực đi đôi với thu hút và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực bên ngoài, tạo thành sức mạnh quốc gia, xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế; chủ động, tích cực tạo ra và sử dụng có hiệu quả cao các lợi thế so sánh của đất nước.

- Trên cơ sở thực hiện các cam kết gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới, đẩy nhanh nhịp độ cải cách thể chế, cơ chế, chính sách kinh tế phù hợp với chủ trương, định hướng của Đảng và Nhà nước; chủ động xây dựng các quan hệ đối tác mới, tham gia vào các vòng đàm phán mới, thúc đẩy các quan hệ hợp tác kinh tế song phương, khu vực và đa phương.

- Giữ vững và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, đồng thời phát huy vai trò của Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các

đoàn thể nhân dân, tôn trọng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân, tăng cường sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế.

2. Một số chủ trương, chính sách lớn

2.1. Tăng cường công tác tư tưởng, nâng cao nhận thức trong toàn Đảng, toàn dân, toàn quân

Tổ chức tuyên truyền, phổ biến rộng rãi trong cán bộ, đảng viên, các tầng lớp nhân dân về Tổ chức Thương mại thế giới, chủ trương gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới của Đảng, Nhà nước ta, những cơ hội, thách thức đối với nước ta khi gia nhập tổ chức này, những việc phải làm sau khi nước ta gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới để tạo sự đồng thuận cao trong toàn xã hội, khơi dậy và phát huy cao độ tinh thần chủ động, sáng tạo, ý chí tự lực, tự cường, lòng tự tôn dân tộc của mọi người Việt Nam, xây dựng quyết tâm tận dụng thời cơ, vượt qua thách thức, đẩy mạnh sự nghiệp đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

2.2. Khẩn trương bổ sung, hoàn thiện hệ thống pháp luật và thể chế kinh tế phù hợp với các nguyên tắc, quy định của Tổ chức Thương mại thế giới; hình thành nhanh và đồng bộ các yếu tố của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; phát huy tối đa và sử dụng hiệu quả các nguồn lực

- Khẩn trương rà soát hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành, loại bỏ những văn bản, quy định chồng chéo, không còn phù hợp; sửa đổi, bổ sung những quy định mới phù hợp với các cam kết quốc tế. Tập trung xây dựng và bổ sung, hoàn thiện các văn bản pháp luật trong một số lĩnh vực quan trọng, như về quyền sở hữu, quyền tự

do kinh doanh, Luật trọng tài và tài phán trong tranh chấp thương mại, Luật hình sự, Luật xuất bản, Luật điện ảnh..., các quy định về tiêu chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm, tiêu chuẩn môi trường để bảo vệ thị trường trong nước và người tiêu dùng, bảo vệ môi trường phù hợp với các cam kết và điều kiện cụ thể nước ta.

- Hình thành nhanh và đồng bộ các yếu tố của nền kinh tế thị trường. Xây dựng và thực hiện lộ trình loại bỏ các hình thức bao cấp qua giá, thực hiện giá thị trường cho mọi hàng hóa, dịch vụ; loại bỏ các hình thức trợ cấp theo lộ trình cam kết; bổ sung những hình thức trợ cấp phù hợp với các quy định của Tổ chức Thương mại thế giới. Trên cơ sở chế độ sở hữu toàn dân đối với đất đai, nghiên cứu tạo bước đột phá trong quản lý và vận hành thị trường bất động sản, bao gồm cả quyền sử dụng đất. Kiểm kê quỹ đất, quỹ nhà, trụ sở làm việc của các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội, thu hồi diện tích sử dụng không đúng mục đích, để biến nguồn vốn tĩnh trong bất động sản thành nguồn vốn động cho đầu tư. Tạo khung pháp lý để mở rộng từng bước quyền của các nhà đầu tư nước ngoài tham gia vào thị trường bất động sản. Tổ chức vận hành hiệu quả hệ thống đăng ký bất động sản thống nhất, công khai, minh bạch, bảo đảm an toàn pháp lý cho các giao dịch về bất động sản, hoàn chỉnh các quy định về thể chấp đất đai.

Hoàn thiện chính sách thuế, xây dựng các sắc thuế công bằng, thống nhất, đơn giản, thuận tiện cho mọi chủ thể kinh doanh, từng bước giảm đối tượng nộp thuế theo mức khoán; chống thất thu thuế đi đôi với nuôi dưỡng, phát triển nguồn thu. Đổi mới mạnh mẽ chế độ tài chính, kế toán,

kiểm toán, bảo hiểm theo chuẩn mực quốc tế đối với doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế. Phát triển các hình thức đầu tư gián tiếp để đa dạng hóa nguồn vốn đầu tư; đồng thời có cơ chế quản lý và điều hành hiệu quả, bảo đảm an toàn thị trường tài chính và ổn định kinh tế vĩ mô. Tiếp tục đổi mới chính sách tiền tệ, sử dụng linh hoạt các công cụ lãi suất, tỷ giá, quản lý ngoại hối, có các biện pháp hữu hiệu để bảo đảm an toàn hệ thống ngân hàng trước những biến động lớn bên ngoài. Nhanh chóng hoàn thiện chức năng Ngân hàng Trung ương, nâng cao tính độc lập trong điều hành chính sách tiền tệ của Ngân hàng Nhà nước. Bảo đảm quyền tự chủ thực sự của các ngân hàng thương mại nhà nước. Tăng cường công tác nghiên cứu dự báo, thông tin thị trường, cảnh báo sớm những nguy cơ, rủi ro có thể xảy ra do những biến động của thị trường thế giới, nhất là thị trường tài chính, tiền tệ.

- Phát triển thị trường khoa học, công nghệ. Tập trung phát triển công nghệ ở các lĩnh vực, sản phẩm có lợi thế cạnh tranh, đi ngay vào các công nghệ hiện đại, mũi nhọn như công nghệ thông tin, công nghệ sinh học... Nhà nước hỗ trợ nghiên cứu triển khai để nâng cao năng lực nội sinh về công nghệ đi đôi với việc chú trọng nhập khẩu công nghệ nguồn. Khuyến khích hình thành các công ty xuất, nhập khẩu công nghệ, nhất là ở những lĩnh vực có nhu cầu lớn. Chuyển các cơ sở nghiên cứu triển khai sang hoạt động theo cơ chế doanh nghiệp; tăng cường mối liên kết giữa các cơ quan nghiên cứu, thiết kế công nghệ với các doanh nghiệp. Lập và vận hành có hiệu quả quỹ xúc tiến công nghệ, hỗ trợ tổ chức các hội chợ công nghệ, diễn đàn ý tưởng. Tập trung

đầu tư phát triển nhanh hơn hai khu công nghiệp công nghệ cao hiện có.

- Đổi mới để nâng cao hiệu quả đầu tư. Nhà nước ưu tiên đầu tư, đồng thời đa dạng hóa các hình thức thu hút vốn đầu tư cho xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông, năng lượng. Rà soát, điều chỉnh chiến lược và quy hoạch tổng thể phát triển các ngành sản xuất công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ có lợi thế so sánh, phát triển các sản phẩm có giá trị gia tăng cao, các nguyên liệu, sản phẩm trung gian cạnh tranh được với nguyên liệu và sản phẩm nhập khẩu; lựa chọn phát triển một số ngành công nghiệp then chốt có lợi thế và khả năng cạnh tranh. Xem xét để có thể mở cửa nhanh hơn một số ngành dịch vụ phù hợp với chủ trương phát triển của ta (các dịch vụ nhạy cảm, có ảnh hưởng tới an ninh quốc gia, dịch vụ ngân hàng, phân phối chỉ mở cửa theo lộ trình cam kết và có cơ chế quản lý chặt chẽ).

2.3. Đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu quả, hiệu lực của bộ máy nhà nước

- Kiên quyết loại bỏ nhanh các thủ tục hành chính không còn phù hợp; đẩy mạnh phân cấp gắn với tăng cường trách nhiệm và kiểm tra, giám sát; đẩy nhanh tiến độ ra quyết định của các cơ quan nhà nước; thực hiện công khai, minh bạch mọi chính sách, cơ chế quản lý, quy trình tác nghiệp, chống phiền hà, những nhiễu, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp và nhân dân giám sát việc thực hiện. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, góp phần thực hiện tốt chủ trương này.

- Sắp xếp lại tổ chức bộ máy các cơ quan nhà nước theo yêu cầu phổ biến là quản lý đa ngành, đa lĩnh vực; khắc phục sự chồng chéo về chức năng, nhiệm vụ, tăng cường sự phối hợp

đồng bộ, nâng cao năng lực và hiệu quả hoạt động. Khẩn trương hoàn thiện tổ chức, cơ chế hoạt động của cơ quan quản lý cạnh tranh, chống trợ cấp, chống bán phá giá, quản lý thị trường. Kiện toàn tổ chức và bảo đảm điều kiện hoạt động cho các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài, trước hết là phái đoàn Việt Nam tại trụ sở Tổ chức Thương mại thế giới. Tổng kết hoạt động và kiện toàn ủy ban Quốc gia về hợp tác kinh tế quốc tế. Hoàn thiện cơ chế và tổ chức điều phối liên ngành về hợp tác kinh tế quốc tế phù hợp yêu cầu, nhiệm vụ mới. Khẩn trương xây dựng đội ngũ công chức chuyên nghiệp, hiện đại, "vừa hồng, vừa chuyên" trong thời kỳ mới, loại bỏ khỏi bộ máy nhà nước những công chức không đủ năng lực, thiếu trách nhiệm, gây phiền hà, những nhiễu nhện dân, doanh nghiệp, không vì sự nghiệp phát triển đất nước.

2.4. Nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, doanh nghiệp và sản phẩm

- Huy động mọi nguồn lực và nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn lực để đẩy nhanh phát triển kết cấu hạ tầng giao thông, năng lượng, thông tin.

+ Đa dạng hóa các nguồn vốn và hình thức đầu tư, xây dựng kết cấu hạ tầng. Tập trung nguồn lực đầu tư nâng cấp các tuyến giao thông kết nối các vùng có lượng hàng hóa lưu chuyển lớn, các vùng lãnh thổ trên các tuyến hành lang kinh tế. Mở rộng, nâng cấp và đầu tư mới tập trung hơn, tăng nhanh năng lực các cảng biển chính, đầu tư xây dựng một số cảng trung chuyển lớn.

+ Đa dạng hóa nguồn cung cấp điện, tăng năng lực cấp điện, đẩy nhanh việc xây dựng thị trường điện cạnh tranh, sớm xóa bỏ bao cấp về giá điện. Tập trung chỉ đạo đưa Nhà

máy lọc dầu Dung Quất đi vào hoạt động đúng tiến độ, chuẩn bị điều kiện, thu hút đầu tư xây dựng thêm một số nhà máy lọc hóa dầu mới. Hạn chế việc xuất khẩu than hiện nay nhằm bảo đảm nhu cầu nội địa và an ninh năng lượng lâu dài của quốc gia. Khẩn trương nghiên cứu, có cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển các dạng năng lượng mới.

+ Phát triển nhanh kết cấu hạ tầng công nghệ thông tin và truyền thông để đáp ứng yêu cầu phát triển của đất nước.

- Phát triển và sử dụng có hiệu quả nguồn nhân lực.

+ Khẩn trương xây dựng đề án tổng thể cải cách giáo dục - đào tạo nghề, từ nội dung, chương trình đến phương pháp dạy và học, chế độ thi cử; chú trọng đào tạo ngoại ngữ, tin học, luật pháp quốc tế, kiến thức và kỹ năng hành chính; đào tạo và đào tạo lại giáo viên đủ số lượng, đồng bộ về cơ cấu và có chất lượng cao.

+ Huy động mạnh mẽ các nguồn lực để phát triển giáo dục - đào tạo. Trên cơ sở quản lý khung chương trình đào tạo của Nhà nước, mở cửa thu hút các nguồn lực từ nước ngoài cho đào tạo đại học, sau đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp và dạy nghề trong các lĩnh vực kỹ thuật - công nghệ, tin học, thiết kế, chế tạo, tài chính - kế toán, quản trị doanh nghiệp, ngoại ngữ, luật pháp quốc tế... Thực hiện thí điểm cổ phần hóa một số trường công lập. Tạo ra một cơ cấu lao động mới, trong đó lao động có trình độ cao, có kỹ năng, biết ngoại ngữ chiếm tỷ trọng ngày càng lớn.

+ Gấp rút đào tạo đội ngũ luật sư am hiểu luật pháp quốc tế, giỏi ngoại ngữ, có đủ khả năng tham gia tranh tụng quốc tế; đào tạo đội ngũ chuyên gia tư vấn, kế toán, kiểm toán, quản trị doanh nghiệp đạt trình độ quốc tế.

+ Triển khai nhanh chương trình quốc gia về đào tạo tiếng Anh và các ngoại ngữ thông dụng khác. Có chính sách sử dụng và đái ngộ đúng mức để thu hút những chuyên gia giỏi ở trong nước, người Việt Nam định cư ở nước ngoài và người nước ngoài vào công cuộc phát triển đất nước.

- Nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp.

+ Các doanh nghiệp điều chỉnh cơ cấu và quy mô sản xuất trên cơ sở xác định đúng đắn chiến lược sản phẩm và thị trường; tăng nhanh năng lực tài chính, ứng dụng công nghệ hiện đại trong sản xuất, kinh doanh nhằm tạo ra các sản phẩm có giá trị gia tăng ngày càng cao, vươn lên chiếm lĩnh những khâu quan trọng trong dây chuyền phân công lao động quốc tế.

+ Nâng cao trình độ quản trị kinh doanh; củng cố chế độ hạch toán, kiểm toán nội bộ; đẩy mạnh xúc tiến thương mại, thiết lập nhanh mạng lưới kinh doanh, tăng cường liên kết, hợp tác giữa các doanh nghiệp và với các cơ quan nghiên cứu khoa học - công nghệ; coi trọng xây dựng và quảng bá thương hiệu, văn hóa của doanh nghiệp.

+ Hoàn thiện tổ chức và cơ chế hoạt động của các hiệp hội ngành hàng, phát huy vai trò làm cầu nối giữa doanh nghiệp và các cơ quan quản lý nhà nước, hỗ trợ doanh nghiệp trong việc phát triển thị trường, thông tin, đào tạo nguồn nhân lực, đại diện doanh nghiệp trong các vụ kiện bán phá giá và chống bán phá giá.

Đối với doanh nghiệp nhà nước:

Khẩn trương thực hiện chương trình sáp xếp, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh của doanh nghiệp, trọng tâm là thực hiện cổ phần hoá; thúc

đẩy việc hình thành loại hình công ty nhà nước đa sở hữu, chủ yếu là các công ty cổ phần. Thực hiện có hiệu quả việc chuyển một số tổng công ty nhà nước sang tập đoàn kinh tế, hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con có sự tham gia cổ phần của tư nhân trong nước và các nhà đầu tư nước ngoài, trong đó Nhà nước nắm giữ cổ phần chi phối. Tập trung chỉ đạo sắp xếp, đổi mới, nâng cao hiệu quả, sức cạnh tranh của những doanh nghiệp lớn trong những ngành, lĩnh vực quan trọng để làm tốt vai trò chủ lực trong hội nhập kinh tế quốc tế và các ngân hàng thương mại, tổ chức tài chính nhà nước để giữ được vai trò chủ đạo trên thị trường tài chính, tiền tệ trong nước. Kiên quyết chấm dứt tình trạng biến độc quyền nhà nước thành độc quyền doanh nghiệp. Hoàn thiện cơ chế tổ chức và hoạt động của hội đồng quản trị các tổng công ty nhà nước để đóng vai trò đại diện chủ sở hữu tại doanh nghiệp. Thực hiện kiểm toán bắt buộc và minh bạch hóa hoạt động của doanh nghiệp nhà nước. Sớm ban hành luật về quyền và trách nhiệm của tổ chức, cá nhân quản lý, sử dụng vốn nhà nước trong kinh doanh.

Đối với doanh nghiệp tư nhân:

Nhà nước tạo môi trường thuận lợi và khuyến khích mọi người đầu tư vào sản xuất, kinh doanh, tăng nhanh số lượng và chất lượng các loại hình doanh nghiệp. Hỗ trợ kỹ thuật và tư vấn chính sách, đào tạo nguồn nhân lực và nâng cao kỹ năng quản trị doanh nghiệp. Tạo thuận lợi và bình đẳng cho các doanh nghiệp tư nhân trong việc tiếp cận các nguồn vốn, đất đai, công nghệ, thông tin thị trường, các chương trình xúc tiến thương mại. Đẩy nhanh việc lập quỹ bảo hành tín dụng

và phát triển loại hình ngân hàng thương mại chuyên phục vụ doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài:

Đẩy mạnh thu hút các nhà đầu tư nước ngoài, các tập đoàn kinh tế xuyên quốc gia nắm công nghệ nguồn, công nghệ cao; khuyến khích đầu tư vào lĩnh vực kết cấu hạ tầng và các ngành then chốt của nền kinh tế công nghiệp hóa, tạo ra năng lực cạnh tranh mới cho nền kinh tế, đẩy nhanh quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

- Nâng cao năng lực cạnh tranh của sản phẩm.

Điều chỉnh quy hoạch phát triển, nhanh chóng có biện pháp nâng cao sức cạnh tranh của một số sản phẩm dự báo sẽ bị ảnh hưởng mạnh khi Việt Nam là thành viên Tổ chức Thương mại thế giới như mía đường, bông, rau quả, thịt, sữa... và một số sản phẩm công nghiệp được bảo hộ cao của Nhà nước như xi măng, sắt thép, hóa chất, ôtô, xe máy...; quy hoạch lại địa bàn phát triển các ngành hiện đang sử dụng nhiều lao động, có kim ngạch xuất khẩu lớn nhưng giá trị gia tăng thấp như da giày, dệt may, chế biến nông phẩm... Lựa chọn công nghệ sản xuất tập trung hơn, đi liền với đẩy mạnh phát triển các ngành công nghiệp phụ trợ; cung cấp nguồn nguyên liệu tại chỗ, các sản phẩm khác có lợi thế so sánh và lợi thế cạnh tranh cao. Phát triển nhanh các dịch vụ có giá trị gia tăng cao và các dịch vụ cơ bản phục vụ phát triển của các lĩnh vực liên quan trong nền kinh tế như tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, viễn thông, vận tải, du lịch, dịch vụ tư vấn chất lượng cao...

2.5. Bổ sung nguồn lực và tăng cường chỉ đạo phát triển nông nghiệp, nông thôn

- Trên nguyên tắc bảo đảm an ninh lương thực quốc gia,

đẩy mạnh quá trình chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi, tạo ra sản phẩm nông nghiệp có giá trị và khả năng cạnh tranh cao hơn; hình thành những vùng sản xuất hàng hóa lớn, tập trung. Đẩy mạnh nghiên cứu và chuyển giao khoa học - kỹ thuật cho nông dân. Phát triển các loại giống cây, con, ứng dụng công nghệ nuôi trồng tiên tiến...

- Phát triển quan hệ liên kết giữa các hộ sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản, sản xuất muối với các cơ sở chế biến, doanh nghiệp thương mại, dịch vụ, cơ sở nghiên cứu khoa học theo mô hình liên kết "bốn nhà"; khuyến khích nông dân mua cổ phần trong các nhà máy chế biến nông sản, doanh nghiệp thương mại, dịch vụ phục vụ nông nghiệp. Thúc đẩy quá trình tích tụ ruộng đất gắn với việc chuyển dịch lao động nông nghiệp sang các ngành, nghề khác. Khuyến khích phát triển mạnh các doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động ở nông thôn; phát triển các làng nghề, các cụm công nghiệp và dịch vụ ở nông thôn. Tiếp tục đổi mới và phát triển kinh tế hợp tác và hợp tác xã trong nông nghiệp, nông thôn. Đẩy nhanh tiến trình đô thị hóa nông thôn gắn liền với quy hoạch, hình thành các khu dân cư nông thôn có điều kiện sinh hoạt cao hơn. Phát triển hệ thống trường dạy nghề cho nông dân.

- Tăng ngân sách đầu tư cho nông nghiệp và nông thôn cùng với việc dành toàn bộ các nguồn vốn hỗ trợ trước đây cho khuyến khích xuất khẩu nông sản để đầu tư phát triển thủy lợi, giao thông nông thôn đồng bộ, phù hợp với yêu cầu của sự phát triển. Nhà nước hỗ trợ việc xây dựng hệ thống kho tàng, các cơ sở bảo quản, phơi, sấy, sơ chế nhằm giảm hao hụt, bảo đảm chất lượng sản phẩm sau thu hoạch; hỗ trợ phát triển chợ

nông thôn, chợ đầu mối nông sản, tạo điều kiện đẩy mạnh lưu thông, điều tiết giá cả hàng nông sản. Phát triển mạnh hệ thống khuyến nông, thú y, bảo vệ thực vật, kiểm lâm từ trung ương đến cơ sở để giúp nông dân áp dụng nhanh các tiến bộ kỹ thuật và đảm bảo vệ sinh, an toàn thực phẩm.

- Xây dựng cơ chế, chính sách và các chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội ở những vùng khó khăn, nhất là với vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

- Giảm bớt sự đóng góp của nông dân.

2.6. Giải quyết tốt các vấn đề xã hội nảy sinh trong quá trình thực thi các cam kết với Tổ chức Thương mại thế giới

- Xây dựng và ban hành đồng bộ các chính sách hỗ trợ dạy nghề, tạo việc làm và tự tạo việc làm, chuyển đổi nghề nghiệp, cung cấp các dịch vụ tư vấn việc làm, thông tin thị trường lao động, giải quyết vấn đề lao động mất việc làm do doanh nghiệp không đúng vũng được trong quá trình cạnh tranh và nông dân bị thu hồi đất để phát triển công nghiệp và đô thị; thực hiện bảo hiểm thất nghiệp.

- Xây dựng và vận hành có hiệu quả hệ thống an sinh xã hội đối với các nhóm dân cư, khắc phục rủi ro theo nguyên tắc: Nhà nước, doanh nghiệp và người lao động cùng đóng góp, cùng chia sẻ; đồng thời phát huy vai trò tích cực của các tổ chức xã hội - nghề nghiệp. Hoàn thiện, mở rộng diện thực hiện chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm xã hội tự nguyện, bao gồm chế độ bảo hiểm tự nguyện đối với nông dân.

- Đổi mới chính sách lao động nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc dịch chuyển lao động giữa các khu vực kinh tế, giữa các địa phương, giữa các ngành, nghề và giữa các doanh nghiệp theo cơ chế thị trường, phát triển thị trường lao động.

Đẩy nhanh tiến trình cải cách tiền lương. Xây dựng mới mức lương tối thiểu, tách riêng khu vực hành chính, sự nghiệp và khu vực sản xuất, kinh doanh (không phân biệt thành phần kinh tế).

- Điều chỉnh luật pháp và chính sách về quan hệ lao động, xây dựng quan hệ lao động lành mạnh, tăng cường khả năng ngăn ngừa và xử lý tranh chấp lao động, xây dựng và thực hiện cơ chế thương lượng tập thể và thỏa ước lao động tập thể trong việc xác định mức lương, giải quyết tranh chấp ở cấp ngành và cấp doanh nghiệp, bảo đảm những quyền lợi hợp pháp của người lao động.

- Đẩy mạnh công tác xóa đói, giảm nghèo, chống tái nghèo. Nghiên cứu xây dựng các cơ chế, chính sách để người nghèo dần dần có thể tham gia vào tiến trình hội nhập và được hưởng thành quả của hội nhập.

- Xác lập cơ chế đánh giá và cảnh báo định kỳ về tác động của việc gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới đối với lĩnh vực xã hội để có biện pháp xử lý chủ động, đúng đắn, kịp thời.

2.7. Bảo vệ và phát huy những giá trị văn hóa dân tộc

- Xây dựng cơ chế kiểm soát và có chế tài xử lý sự xâm nhập của các sản phẩm và dịch vụ văn hóa không lành mạnh, gây phương hại đến sự phát triển đất nước, văn hóa và con người Việt Nam. Đẩy mạnh thực thi pháp luật bảo vệ sở hữu trí tuệ, tạo môi trường thuận lợi cho sáng tạo các giá trị tinh thần của xã hội.

- Khơi dậy mạnh mẽ lòng tự tôn, tự hào về lịch sử, truyền thống dân tộc; bảo vệ và làm phong phú thêm các giá trị truyền thống, phát huy vai trò nền tảng và động lực tinh thần của văn hóa trong phát triển kinh tế - xã hội. Kết hợp

hài hòa giữa giữ gìn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống với tiếp thu có chọn lọc các giá trị văn hóa tiên tiến và tăng cường giao lưu với các nền văn hóa bên ngoài.

- Tiếp tục củng cố, phát triển hệ thống thông tin đại chúng; hoàn thiện mạng lưới thanh, truyền hình, bảo đảm thông tin trung thực, chính xác, kịp thời của các cơ quan truyền thông để phục vụ phát triển đất nước. Kiên quyết ngăn chặn các hành vi lạm dụng phương tiện thông tin đại chúng làm ảnh hưởng xấu đến thuần phong mỹ tục và sản xuất, kinh doanh, gây thiệt hại cho doanh nghiệp, nền kinh tế và ổn định chính trị - xã hội.

- Bảo vệ có hiệu quả di tích lịch sử, văn hóa, có cơ chế thích hợp để huy động các nguồn lực tạo và phát huy di sản văn hóa nhằm giáo dục truyền thống và tạo tiền đề vững chắc cho phát triển và hội nhập.

2.8. Giải quyết tốt các vấn đề về môi trường trong quá trình phát triển

- Hoàn thiện và nâng cao hiệu lực hệ thống pháp luật về bảo vệ môi trường; thúc đẩy nhanh việc áp dụng các công cụ kinh tế phù hợp với cơ chế thị trường, tăng cường năng lực của các cơ quan chức năng trong công tác bảo vệ môi trường, phòng ngừa và khắc phục hậu quả do sự cố môi trường.

- Nghiên cứu các quy định quốc tế về tiêu chuẩn môi trường để vận dụng phù hợp vào điều kiện Việt Nam. Xây dựng và triển khai các đề án bảo vệ môi trường các khu công nghiệp, làng nghề, lưu vực sông, khu bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học, bảo vệ môi trường biển và ven biển, nâng cao năng lực quan trắc môi trường, phát triển công nghệ môi trường.

- Đẩy mạnh xã hội hóa công tác bảo vệ môi trường, thành lập các hiệp hội về môi trường, đẩy mạnh công tác thông tin, truyền thông môi trường.

2.9. Giữ vững và tăng cường quốc phòng, an ninh quốc gia trong quá trình hội nhập

- Xây dựng nền quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân vững mạnh, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của đất nước; có các phương án đấu tranh chống lại âm mưu diễn biến hòa bình, chuyển hóa chế độ của các thế lực thù địch; có đối sách bảo đảm an ninh chính trị, an ninh tư tưởng, an ninh thông tin, an ninh kinh tế - xã hội... Đẩy mạnh phòng, chống tội phạm có tổ chức, các hành vi tham nhũng, buôn lậu, gian lận thương mại... Xây dựng cơ chế xử lý các vấn đề xuyên biên giới và an ninh phi truyền thống.

- Xây dựng các lực lượng vũ trang nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, tăng cường sức mạnh và khả năng sẵn sàng chiến đấu. Phát huy vai trò thành viên Tổ chức Thương mại thế giới, đẩy mạnh quan hệ với các nước láng giềng, bạn bè truyền thống, các nước lớn, các tổ chức khu vực và toàn cầu, nâng cao vị thế đất nước, tạo sức mạnh tổng hợp để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

2.10. Hoàn thiện các thiết chế dân chủ, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, đổi mới và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng

- Tiếp tục bổ sung và hoàn thiện các quy định về dân chủ ở xã, phường, thị trấn, cơ quan và doanh nghiệp nhà nước; sớm ban hành pháp lệnh về quy chế dân chủ ở xã, phường, thị trấn...

- Đẩy mạnh xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của dân, do dân, vì dân, trọng tâm là cải cách hành chính; sửa đổi các Luật tổ chức Quốc hội, Luật tổ chức Chính phủ, Luật tổ chức hội đồng nhân dân và ủy ban nhân dân. Tiếp tục đẩy mạnh cải cách tư pháp theo yêu cầu của phát triển và hội nhập.

- Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, nhất là của tổ chức đảng ở cơ sở; tập trung xây dựng cơ sở đảng trong các doanh nghiệp và xây dựng giai cấp công nhân trong điều kiện mới; phát huy mạnh mẽ vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội trong xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân, tham gia xây dựng Đảng và chính quyền.

III- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Đảng đoàn Quốc hội xây dựng chương trình sửa đổi, bổ sung, từng bước hoàn thiện hệ thống pháp luật, đáp ứng yêu cầu cam kết gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới và sự phát triển của đất nước.

2. Ban Cán sự Đảng Chính phủ xây dựng và chỉ đạo triển khai thực hiện chương trình hành động thực hiện Nghị quyết này.

3. Các đảng đoàn, ban cán sự đảng, đảng ủy trực thuộc Trung ương và các tỉnh ủy, thành ủy quán triệt Nghị quyết trong đảng viên, cán bộ, công chức, xây dựng chương trình hành động và triển khai thực hiện Nghị quyết trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình.

4. Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương hướng dẫn việc học tập, quán triệt Nghị quyết, chỉ đạo công tác tuyên truyền, tạo nhận thức đúng và đồng thuận cao trong toàn Đảng, toàn dân, toàn quân.

5. Văn phòng Trung ương Đảng phối hợp với các ban đảng và các tổ chức đảng theo dõi, định kỳ báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư tình hình thực hiện Nghị quyết, hàng năm báo cáo Ban Chấp hành Trung ương.

Nghị quyết này phổ biến đến chi bộ.

T/M BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
TỔNG Bí THƯ

NÔNG ĐỨC MẠNH

Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương khóa X, Sđd, tr.39-69.*

**NGHỊ QUYẾT
HỘI NGHỊ LẦN THỨ TƯ
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHÓA X**
Số 09-NQ/TW, ngày 9 tháng 2 năm 2007
Về Chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020

Thế kỷ XXI được thế giới xem là "Thế kỷ của đại dương". Các quốc gia có biển đều rất quan tâm đến biển và coi trọng việc xây dựng chiến lược biển. Khu vực Biển Đông, trong đó vùng biển Việt Nam, có vị trí địa kinh tế và địa chính trị rất quan trọng. Lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc ta đã chứng minh rõ vị trí, vai trò đó. Với nguồn tài nguyên phong phú và đa dạng, ngày nay biển càng có vai trò to lớn hơn đối với sự nghiệp phát triển đất nước.

Từ những năm 90 của thế kỷ trước, Đảng và Nhà nước ta đã có một số nghị quyết, chính sách về các lĩnh vực liên quan đến biển. Trước tình hình mới của đất nước, phát triển kinh tế phải gắn với bảo vệ chủ quyền, quyền chủ quyền quốc gia đối với biển, đảo và vùng trời của Tổ quốc, đòi hỏi nước ta cần có chiến lược biển toàn diện nhằm phát huy mạnh mẽ hơn nữa vai trò của biển đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

**I- TÌNH HÌNH QUẢN LÝ VÀ KHAI THÁC BIỂN
VIỆT NAM**

1. Về tiềm năng

Biển có ý nghĩa to lớn để chúng ta phát triển và mở rộng giao lưu quốc tế. Tiềm năng tài nguyên biển và vùng ven biển của nước ta có ý nghĩa rất quan trọng đối với sự nghiệp phát triển đất nước, nổi bật là dầu khí với trữ lượng khoảng 3 - 4 tỉ tấn dầu quy đổi, cùng các loại khoáng sản có giá trị khác như than, sắt, titan, cát thủy tinh...; hải sản có tổng trữ lượng khoảng 3 - 4 triệu tấn; dọc bờ biển có trên 100 địa điểm có thể xây dựng cảng, trong đó có nơi có thể xây dựng cảng trung chuyển quốc tế; nhiều đảo có tiềm năng phát triển kinh tế cao; hơn 125 bãi biển lớn, nhỏ với cảnh quan đẹp có điều kiện tốt để xây dựng các khu nghỉ mát, nghỉ dưỡng, du lịch cao cấp phục vụ khách trong nước và quốc tế.

Bên cạnh những tiềm năng, thế mạnh đó, biển nước ta cũng có một số khó khăn, trong đó, nổi lên là một số vùng thường xảy ra thiên tai với cường độ lớn và tần suất cao làm ảnh hưởng đến sản xuất, đời sống của nhân dân vùng ven biển và việc khai thác tiềm năng biển.

2. Những thành tựu chủ yếu

Đảng và Nhà nước ta đã đề ra những chủ trương, biện pháp quan trọng nhằm quản lý, bảo vệ, khai thác biển và đạt được một số thành tựu quan trọng. Quy mô kinh tế biển và vùng ven biển trong những năm gần đây đã tăng lên đáng kể, cơ cấu ngành, nghề chuyển dịch theo hướng phục vụ cho xuất khẩu. Công tác điều tra cơ bản và quản lý tài nguyên,

môi trường biển được quan tâm hơn và đạt được những kết quả bước đầu. Trong quá trình phát triển kinh tế, đã hình thành một số trung tâm phát triển để ra biển. Năm 2005, kinh tế biển và vùng ven biển đóng góp khoảng 48% GDP cả nước, trong đó, riêng kinh tế trên biển chiếm khoảng 22%; các ngành kinh tế biển quan trọng như dầu khí, hàng hải, thủy sản, du lịch biển đều tăng trưởng với nhịp độ cao.

Công tác đối ngoại đạt được một số kết quả quan trọng, quốc phòng, an ninh trên biển được bảo đảm; các lực lượng bảo vệ biển đã thực hiện tốt nhiệm vụ quản lý và bảo vệ chủ quyền biển, đảo, tạo điều kiện hỗ trợ cho các hoạt động kinh tế trên biển, đảo; ý thức của nhân dân bảo vệ chủ quyền quốc gia trên biển được nâng lên. Nước ta đã đàm phán giải quyết phân định ranh giới vùng biển với một số nước có biển trong khu vực.

3. Hạn chế, yếu kém

Nhận thức về vị trí, vai trò của biển trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc của các cấp, các ngành và nhân dân chưa đầy đủ; cho đến nay, nước ta vẫn chưa có chiến lược biển, chưa có chương trình phát triển cụ thể, mạnh mẽ để phát huy toàn diện tiềm năng tài nguyên biển. Quy mô kinh tế biển còn nhỏ bé, chưa tương xứng với tiềm năng; cơ cấu ngành, nghề chưa hợp lý; mới phát triển một phần ở vùng biển quốc gia, chưa chuẩn bị điều kiện để vươn ra vùng biển quốc tế; phương thức khai thác kinh tế biển chủ yếu vẫn là sản xuất nhỏ. Công trình hạ tầng kỹ thuật biển còn yếu kém và chưa đồng bộ, chưa có những cảng biển lớn, năng lực vận tải biển còn nhỏ bé, các tuyến đường ven biển chưa được xây

dựng hoàn chỉnh; chưa có những cơ sở nghiên cứu khoa học - công nghệ biển mạnh và các cơ sở dự báo thiên tai từ biển; một số lĩnh vực xã hội đang bộc lộ nhiều yếu kém, trình độ dân trí ở nhiều nơi còn thấp; cuộc sống của số đông nhân dân, nhất là vùng bãi ngang còn rất khó khăn và chịu nhiều rủi ro; công tác đối ngoại, quốc phòng và an ninh liên quan đến biển còn nhiều hạn chế, bất cập.

Những yếu kém nêu trên, trước hết là do công tác tuyên truyền, giáo dục để nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành và nhân dân về vị trí, vai trò của biển chưa đầy đủ, nên chưa tích cực tổ chức triển khai thực hiện tốt các nhiệm vụ liên quan đến biển; các cơ quan quản lý nhà nước về biển chưa làm tốt vai trò của mình, nhất là xây dựng chiến lược và hoạch định chính sách; vốn đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng biển và phát triển ngành, nghề biển còn ít, chưa đáp ứng yêu cầu; hợp tác quốc tế về biển còn nhiều hạn chế, trong khi tranh chấp giữa các nước ở Biển Đông còn phức tạp.

II- ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC BIỂN VIỆT NAM ĐẾN NĂM 2020

1. Quan điểm chỉ đạo

- Nước ta phải trở thành quốc gia mạnh về biển, làm giàu từ biển, trên cơ sở phát huy mọi tiềm năng từ biển, phát triển toàn diện các ngành, nghề biển với cơ cấu phong phú, hiện đại, tạo ra tốc độ phát triển nhanh, bền vững, hiệu quả cao với tầm nhìn dài hạn.

- Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế, xã hội với bảo đảm quốc phòng, an ninh, hợp tác quốc tế và bảo vệ môi

trường; kết hợp chặt chẽ giữa phát triển vùng biển, ven biển, hải đảo với phát triển vùng nội địa theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

- Thu hút mọi nguồn lực để phát triển kinh tế, xã hội, bảo vệ môi trường biển trên tinh thần chủ động, tích cực mở cửa. Phát huy đầy đủ, có hiệu quả các nguồn lực bên trong, tranh thủ hợp tác quốc tế, thu hút mạnh các nguồn lực bên ngoài theo nguyên tắc bình đẳng, cùng có lợi, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của đất nước.

2. Mục tiêu

- *Mục tiêu tổng quát:* Đến năm 2020, phấn đấu đưa nước ta trở thành quốc gia mạnh về biển, làm giàu từ biển, bảo đảm vững chắc chủ quyền, quyền chủ quyền quốc gia trên biển, đảo, góp phần quan trọng trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, làm cho đất nước giàu mạnh.

- *Mục tiêu cụ thể:* Xây dựng và phát triển toàn diện các lĩnh vực kinh tế, xã hội, khoa học - công nghệ, tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh, làm cho đất nước giàu mạnh từ biển, bảo vệ môi trường biển. Phấn đấu đến năm 2020, kinh tế trên biển và ven biển đóng góp khoảng 53 - 55% tổng GDP của cả nước. Giải quyết tốt các vấn đề xã hội, cải thiện một bước đáng kể đời sống nhân dân vùng biển và ven biển. Phấn đấu thu nhập bình quân đầu người cao gấp hai lần so với thu nhập bình quân chung của cả nước. Xây dựng một số thương cảng quốc tế có tầm cỡ khu vực, hình thành một số tập đoàn kinh tế mạnh. Phát triển mạnh cả khai thác, chế biến sản phẩm từ biển và phát triển các ngành dịch vụ biển. Xây dựng một số khu kinh tế mạnh ở ven biển; xây dựng cơ quan quản

lý nhà nước tổng hợp thống nhất về biển có hiệu lực, hiệu quả; mở rộng hợp tác quốc tế trong các lĩnh vực về biển.

3. Định hướng chiến lược phát triển kinh tế - xã hội

Đẩy mạnh công tác điều tra cơ bản về tài nguyên biển và bảo vệ môi trường biển; phát triển khoa học - công nghệ biển; xây dựng kết cấu hạ tầng biển gắn với phát triển mạnh các ngành dịch vụ; xây dựng tuyến đường ven biển, trong đó có một số đoạn cao tốc và các tuyến vận tải cao tốc trên biển. Hình thành một số lĩnh vực kinh tế mạnh gắn với xây dựng các trung tâm kinh tế dọc ra biển, làm động lực thúc đẩy sự phát triển của đất nước. Tăng cường khả năng quốc phòng, an ninh trên biển, khả năng tìm kiếm cứu hộ, cứu nạn và phòng, chống thiên tai. Nâng cao đời sống dân cư vùng ven biển, trên các đảo và những người hoạt động trên biển. Đẩy mạnh công tác quản lý nhà nước và quan hệ quốc tế về biển, đảo.

Đến năm 2020, phát triển thành công, có bước đột phá về kinh tế biển, ven biển như sau: 1) Khai thác, chế biến dầu, khí; 2) Kinh tế hàng hải; 3) Khai thác và chế biến hải sản; 4) Du lịch biển và kinh tế hải đảo; 5) Xây dựng các khu kinh tế, các khu công nghiệp tập trung và khu chế xuất ven biển gắn với phát triển các khu đô thị ven biển.

Sau năm 2020, thứ tự phát triển kinh tế biển có sự thay đổi: 1) Kinh tế hàng hải; 2) Khai thác, chế biến dầu, khí và các loại khoáng sản; 3) Khai thác và chế biến hải sản; 4) Du lịch biển và kinh tế hải đảo; 5) Các khu kinh tế, các khu công nghiệp tập trung và khu chế xuất ven biển gắn với phát triển các khu đô thị ven biển.

Trước mắt, tập trung đầu tư phát triển du lịch biển, xây dựng cảng biển, phát triển công nghiệp đóng tàu, xây dựng đội tàu mạnh, phát triển những ngành dịch vụ mũi nhọn như vận tải biển, các khu kinh tế ven biển; tạo các điều kiện cần thiết bảo đảm an ninh, an toàn cho những người dân hoạt động trên biển, đảo, người dân sinh sống ở những vùng thường bị thiên tai; đồng thời, xây dựng các cơ sở bảo vệ môi trường biển.

4. Định hướng chiến lược quốc phòng, an ninh, đối ngoại

Nhiệm vụ cơ bản, lâu dài và xuyên suốt là xác lập chủ quyền đầy đủ, quản lý và bảo vệ vững chắc chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán vùng biển, thềm lục địa, hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa và các quần đảo, đảo khác thuộc chủ quyền của nước ta. Nhiệm vụ trước mắt là phải bảo vệ toàn vẹn chủ quyền và lợi ích quốc gia trên vùng biển, đảo, duy trì hòa bình, ổn định và hợp tác phát triển.

Định hướng chiến lược về quốc phòng, an ninh, đối ngoại vùng biển và ven biển là:

- Phát huy sức mạnh tổng hợp, giữ vững độc lập, chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán, toàn vẹn lãnh thổ, lãnh hải, vùng trời của Tổ quốc.

- Kết hợp chặt chẽ các hình thức, biện pháp đấu tranh chính trị, ngoại giao, pháp lý, kinh tế, quốc phòng trong quản lý vùng trời, bảo vệ biển, đảo của Tổ quốc.

- Phát triển kinh tế biển gắn liền với quản lý vùng trời, bảo vệ biển, đảo và xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân.

- Xây dựng lực lượng vũ trang, nòng cốt là hải quân, không quân, cảnh sát biển, biên phòng, dân quân tự vệ biển mạnh, làm chỗ dựa vững chắc cho ngư dân và các thành phần kinh tế sản xuất và khai thác tài nguyên biển.

- Sớm xây dựng chính sách đặc biệt để thu hút và khuyến khích mạnh mẽ nhân dân ra đảo định cư lâu dài và làm ăn dài ngày trên biển, vừa phát triển kinh tế, vừa làm nhiệm vụ bảo vệ vùng biển của Tổ quốc.

5. Định hướng điều tra cơ bản về tài nguyên, môi trường biển

Đẩy mạnh công tác điều tra cơ bản về tài nguyên, môi trường biển để xác lập căn cứ khoa học cho việc xây dựng, sửa đổi, bổ sung hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, chính sách quản lý tài nguyên, môi trường biển theo hướng phát triển bền vững. Đổi mới công nghệ, ứng dụng tiến bộ khoa học; nâng cao chất lượng điều tra, quan trắc, dự báo về tài nguyên và môi trường biển phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm an ninh, quốc phòng. Nhà nước thống nhất tổ chức, quản lý, điều hành công tác điều tra, thăm dò và sử dụng dữ liệu về tài nguyên biển.

6. Định hướng phát triển khoa học - công nghệ biển

Phát triển khoa học - công nghệ biển phải trở thành động lực của phát triển các lĩnh vực liên quan đến biển. Xây dựng tiềm lực khoa học - công nghệ biển đáp ứng yêu cầu sự nghiệp đổi mới, phục vụ hiệu quả quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Đẩy mạnh nghiên cứu và hợp tác quốc tế trong lĩnh vực ứng dụng khoa học - công nghệ, phục vụ công tác điều tra cơ bản, dự báo thiên tai và khai thác tài nguyên biển; nhanh chóng nâng cao tiềm lực khoa học - công nghệ cho nghiên cứu và khai thác tài nguyên biển, đáp ứng được yêu cầu giai đoạn phát triển mới của đất nước.

7. Định hướng bảo vệ môi trường biển và ven biển, phòng, chống thiên tai

Hạn chế, ngăn chặn ô nhiễm và suy thoái môi trường biển; bảo vệ và phát triển bền vững các hệ sinh thái biển và ven biển, tạo điều kiện thuận lợi để phát triển kinh tế, xã hội phục vụ sự nghiệp phát triển bền vững đất nước.

Đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong các lĩnh vực phòng, chống và cảnh báo thiên tai, cứu hộ, cứu nạn, từng bước hiện đại hóa lĩnh vực này, đáp ứng được yêu cầu phát triển kinh tế, bảo đảm an toàn đời sống dân cư và các thành phần kinh tế hoạt động trên biển, đảo và ven biển.

8. Định hướng xây dựng kết cấu hạ tầng

Phát triển mạnh hệ thống cảng biển quốc gia, xây dựng đồng bộ một số cảng đạt tiêu chuẩn khu vực và quốc tế, đặc biệt chú trọng các cảng nước sâu ở cả ba miền Bắc, Trung, Nam, tạo những cửa mở lớn vươn ra biển thông với quốc tế. Tăng cường đầu tư chiều sâu, cải tiến đồng bộ và hiện đại hóa cơ sở vật chất kỹ thuật, sớm khắc phục tình trạng lạc hậu về trình độ kỹ thuật - công nghệ các cảng, tăng nhanh năng lực bốc xếp hàng hóa, giảm thiểu tối đa chi phí, bảo đảm có sức cạnh tranh cao trong hội nhập kinh tế quốc tế.

- Sớm hoàn chỉnh, khai thác có hiệu quả hệ thống sân bay ven biển, xây dựng tuyến đường ven biển và đường cao tốc Bắc - Nam trên biển.

- Xây dựng hệ thống cung cấp điện, nước ngọt đảm bảo cho quá trình phát triển kinh tế biển và phục vụ sinh hoạt của dân cư ven biển, trên biển và các đảo.

- Xây dựng hệ thống thông tin, quan sát biển, hình thành hệ thống nghiên cứu và dự báo về biển (có trọng tâm, trọng điểm theo lĩnh vực và theo vùng).

9. Định hướng chiến lược các vùng biển

a) *Vùng biển và ven biển phía Bắc (Quảng Ninh - Ninh Bình):* Xây dựng khu vực Hải Phòng - Quảng Ninh thành trung tâm kinh tế mạnh, nòng cốt là cảng biển, công nghiệp và du lịch biển làm đầu tàu lôi kéo cả vùng phát triển. Hình thành và phát triển các khu kinh tế tổng hợp, cụm công nghiệp ven biển. Phát triển các khu kinh tế thương mại gắn với vành đai kinh tế ven biển Vịnh Bắc Bộ trên cơ sở xây dựng tuyến đường ven biển, cảng biển, các khu kinh tế, các thành phố, thị xã, thị trấn ở dải ven biển.

b) *Vùng biển và ven biển Bắc Trung Bộ, duyên hải Trung Bộ (Thanh Hóa - Bình Thuận):* Xây dựng Đà Nẵng thành trung tâm phát triển các lĩnh vực liên quan đến biển của vùng, là một trong ba trung tâm kinh tế biển lớn của nước ta. Xây dựng hành lang kinh tế trên cơ sở tuyến cao tốc Bắc - Nam, các cảng nước sâu, sân bay quốc tế, phát triển các đô thị ven biển. Xây dựng các khu kinh tế tổng hợp; chú trọng phát triển kinh tế hàng hải, du lịch.

c) *Vùng biển và ven biển Đông Nam Bộ (Bà Rịa - Vũng Tàu - Thành phố Hồ Chí Minh):* Phát triển Thành phố Vũng Tàu thành trung tâm hướng ra biển của vùng. Hình thành các tuyến hành lang kinh tế, các khu công nghiệp, trong đó quan trọng nhất là tuyến hành lang kinh tế dọc quốc lộ 51.

d) *Vùng biển và ven biển Tây Nam Bộ (Tiền Giang - Cà Mau - Kiên Giang):* Xây dựng Phú Quốc thành trung tâm kinh tế lớn của vùng hướng mạnh ra biển. Đến năm 2020, cơ bản xây dựng Phú Quốc thành trung tâm du lịch sinh thái chất lượng cao và trung tâm giao thương quốc tế. Hình thành và phát triển tuyến hành lang kinh tế ven biển phía Tây (Rạch Giá - Hà Tiên) và tuyến hành lang kinh tế ven biển phía Đông (Bạc Liêu - Ghềnh Hào - Cà Mau - Năm Căn) gắn với xây dựng khu công nghiệp khí - điện - đạm Cà Mau.

III- NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Nâng cao nhận thức về vị trí, vai trò của biển đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục sâu rộng, có hệ thống trong nhân dân nhằm nâng cao và tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức của các cấp, các ngành và các tầng lớp nhân dân về vị trí chiến lược của biển. Ý thức về biển phải được thể hiện đầy đủ trong chính sách phát triển của những ngành có liên quan và các địa phương có biển.

2. Xây dựng lực lượng mạnh để bảo vệ vững chắc chủ quyền và an ninh trên biển. Xác định rõ trách nhiệm của các cấp, các ngành, các địa phương đối với nhiệm vụ bảo vệ vững chắc chủ quyền vùng biển, đảo của Tổ quốc.

- Xây dựng và phát triển kinh tế biển phải gắn chặt với đảm bảo quốc phòng, an ninh; xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân gắn với phát triển kinh tế biển.

- Thực hiện dân sự hóa trên biển, đảo gắn với tổ chức dân cư, tổ chức sản xuất và khai thác biển. Có chính sách đặc biệt để khuyến khích mạnh mẽ nhân dân ra định cư ổn định trên đảo và làm ăn dài ngày trên biển. Thí điểm xây dựng các khu quốc phòng - kinh tế tại các đảo, quần đảo Trường Sa, vùng biển, đảo ở Đông Bắc...

- Xác định rõ những khu vực dành riêng cho nhiệm vụ quốc phòng, còn lại cho phép và khuyến khích phát triển các hoạt động kinh tế sản xuất, kinh doanh.

- Đẩy mạnh hoạt động đối ngoại, nắm chắc luật pháp và tập quán quốc tế để giải quyết kịp thời, có hiệu quả các tranh chấp biển, đảo; không để xảy ra các điểm nóng. Xây dựng đầy đủ cơ sở pháp lý và lịch sử để đấu tranh bảo vệ chủ quyền đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa, đấu tranh về quyền điều hành vùng thông báo bay (FIR) phần phía bắc FIR Hồ Chí Minh và đông nam FIR Hà Nội. Củng cố và mở rộng hợp tác về quốc phòng với các nước ASEAN và Trung Quốc với các hình thức thích hợp. Tiếp tục đàm phán với các nước láng giềng, các nước có tranh chấp thêm lục địa, vùng chồng lấn, phân chia vùng biển lịch sử và đảo; xây dựng vùng biển hòa bình, ổn định và hợp tác phát triển.

- Sớm triển khai và hoàn thành việc đặt tên các đảo ở vùng biển quốc gia, xây dựng mô hình tổ chức hành chính và nâng cao năng lực quản lý các huyện đảo, xã đảo, nhằm phát triển mạnh kinh tế, xã hội, bảo vệ môi trường, đảm bảo quốc phòng, an ninh.

3. Đẩy mạnh điều tra cơ bản và phát triển khoa học - công nghệ biển. Xây dựng hệ thống thông tin cơ sở tin cậy, phục vụ việc hoạch định chủ trương, chính sách phát triển các lĩnh vực liên quan đến biển; chủ trương, giải pháp về khoa học - công nghệ phải được coi là giải pháp đi trước, mang tính đột phá nhằm phát huy tốt nhất tiềm năng khoa học cho kinh tế biển, phát triển hệ thống dự báo, cảnh báo phòng, chống thiên tai, giảm thiểu rủi ro cho các hoạt động trên biển.

4. Triển khai mạnh mẽ và có hiệu quả công tác quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế, xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh. Công tác quy hoạch phải đi trước một bước với tầm nhìn dài hạn, hiện đại theo những tiêu chuẩn phù hợp với quốc tế và khu vực. Quán triệt quan điểm coi vùng duyên hải gắn với kinh tế biển là vùng động lực để mở cửa, thúc đẩy phát triển toàn bộ nền kinh tế. Tập trung phát triển mạnh những cơ sở công nghiệp chế biến các sản phẩm từ biển, hạn chế tối đa xuất khẩu sản phẩm thô.

5. Quản lý nhà nước có hiệu lực và hiệu quả đối với các vấn đề liên quan đến biển. Chính phủ nghiên cứu, đề xuất về cơ quan quản lý nhà nước tổng hợp, quản lý thống nhất về biển cùng với Đề án tổ chức của Chính phủ trình Hội nghị Trung ương 5 xem xét, quyết định; xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật về biển một cách đầy đủ, làm cơ sở cho việc xác lập chủ quyền, quyền chủ quyền, quản lý, khai thác và bảo vệ chủ quyền, quyền chủ quyền trên các vùng biển, đảo. Ban hành cơ chế, chính sách bảo đảm cho sự phát triển nhanh, bền vững các lĩnh vực liên

quan đến biển và vùng ven biển, đặc biệt là bảo đảm phát triển kinh tế, xã hội, bảo vệ biển, đảo ở vùng biển xa bờ có giá trị chiến lược về kinh tế và quốc phòng, an ninh.

6. Xây dựng đầy đủ, đồng bộ hệ thống luật pháp và cơ chế, chính sách khuyến khích đầu tư phát triển. Khuyến khích mạnh mẽ các nguồn vốn đầu tư dưới mọi hình thức của các thành phần kinh tế để phát triển kinh tế biển, kể cả các công trình thuộc kết cấu hạ tầng lớn như cảng biển, đường giao thông, các khu đô thị, khu công nghiệp... của mọi hình thức sở hữu. Tập trung đầu tư đủ mức, đồng bộ và dứt điểm nhằm phát huy cao nhất năng lực và hiệu quả khai thác, đặc biệt là với các khu công nghiệp, cảng biển, các cơ sở sản xuất và dịch vụ.

Nghiên cứu xây dựng cơ chế, chính sách cho việc phát triển các trung tâm kinh tế biển mạnh, các khu công nghiệp tập trung, khu chế xuất gắn với bảo vệ môi trường biển, phát triển hệ thống cảng biển gắn với hệ thống giao thông ven biển; có chính sách xây dựng nhà ở kiên cố cho nhân dân vùng ven biển và chính sách khuyến khích đánh bắt khơi xa, nuôi trồng thủy sản trên biển, vận tải biển...

7. Phát triển nguồn nhân lực biển đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội vùng biển và ven biển. Trên cơ sở quy hoạch từng ngành, lĩnh vực thuộc kinh tế biển và vùng ven biển, phát triển mạnh nguồn nhân lực biển bao gồm cán bộ nghiên cứu khoa học, cán bộ quản lý, các chuyên gia và đội ngũ lao động được đào tạo chuyên sâu về các nghề như: hàng hải, khai thác và chế biến dầu, khí, đánh bắt và nuôi trồng hải sản, du lịch biển, nghiên cứu khoa học biển, v.v., xây dựng cơ chế, chính sách đào tạo gắn

với cơ chế cử tuyển để khuyến khích cán bộ khoa học và quản lý ra công tác tại các đảo và vùng ven biển.

Khuyến khích việc xây dựng một số cơ sở đào tạo ngành, nghề về biển (đại học, cao đẳng, dạy nghề) ở các thành phố biển. Đồng thời với việc phát triển nhân lực biển phải coi trọng phát triển các lĩnh vực xã hội ở vùng ven biển, đặc biệt chú ý đến đời sống và đảm bảo an toàn tính mạng của những người hoạt động trên biển, đảo và nhân dân ở những vùng thường bị thiên tai. Có giải pháp mạnh để sớm giải quyết tốt vấn đề phát triển kinh tế, xã hội ở các xã ven biển, vùng bãi ngang, như tổ chức lại sản xuất, quy hoạch lại khu dân cư, xây dựng kết cấu hạ tầng và cải thiện, nâng cao đời sống nhân dân.

8. Tăng cường công tác đối ngoại và hợp tác quốc tế về biển để khai thác có hiệu quả mọi tiềm năng kinh tế biển, đồng thời, bảo đảm tốt nhiệm vụ quốc phòng, an ninh trong mọi tình huống, bảo vệ chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ quốc gia.

Nhanh chóng hoàn thiện hệ thống pháp luật trong lĩnh vực đối ngoại về biển theo luật pháp và thông lệ quốc tế, có tính tới các quan hệ với các nước trong khu vực, đồng thời, tranh thủ các diễn đàn quốc tế để củng cố vị thế của Việt Nam về biển, ranh giới biển của quốc gia. Mở rộng hợp tác quốc tế và tăng cường công tác ngoại giao, đặc biệt với các nước lân cận Biển Đông và những nước có tiềm lực kinh tế, khoa học - công nghệ mạnh về biển để bảo vệ chủ quyền quốc gia trên biển, phát triển kinh tế biển và vùng ven biển, khai thác có hiệu quả nguồn tài nguyên biển, trên nguyên tắc giữ vững độc lập chủ quyền quốc gia, đảm bảo an ninh,

quốc phòng trên biển, góp phần gìn giữ hòa bình, hợp tác hữu nghị giữa các quốc gia vùng Biển Đông.

9. Xây dựng một số tập đoàn kinh tế mạnh làm lực lượng nòng cốt trong phát triển kinh tế biển với sự tham gia của mọi thành phần kinh tế. Các lĩnh vực cần được đặc biệt chú ý là điều tra, khai thác và chế biến dầu, khí, khoáng sản, hàng hải, công nghiệp đóng tàu, vận tải biển, khai thác và chế biến hải sản.

IV- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các cấp ủy, tổ chức đảng từ Trung ương đến địa phương căn cứ chức năng, nhiệm vụ của mình, tập trung lãnh đạo, chỉ đạo quán triệt, xây dựng chương trình, kế hoạch, tổ chức thực hiện tốt Nghị quyết của Trung ương về *Chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020*.

2. Đảng đoàn Quốc hội chỉ đạo việc xây dựng các văn bản luật liên quan đến nhiệm vụ này, bảo đảm thực hiện đầy đủ chủ quyền, quyền chủ quyền vùng biển nước ta.

3. Ban Cán sự Đảng Chính phủ xây dựng và chỉ đạo triển khai thực hiện chương trình hành động thực hiện Nghị quyết này.

4. Ban Cán sự Đảng Bộ Nội vụ chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành có liên quan nghiên cứu, đề xuất mô hình cơ quan quản lý nhà nước tổng hợp về biển.

5. Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức, hướng dẫn việc nghiên cứu, quán triệt, tuyên truyền nội dung Nghị quyết trong Đảng và nhân dân.

6. Văn phòng Trung ương Đảng và các ban của Đảng theo chức năng, nhiệm vụ, phối hợp với các cơ quan liên quan, làm tốt công tác kiểm tra, đôn đốc, sơ kết, tổng kết và định kỳ báo cáo việc thực hiện Nghị quyết với Bộ Chính trị và Ban Chấp hành Trung ương.

T/M BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
TỔNG Bí THƯ
NÔNG ĐỨC MẠNH

Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương khóa X,*
Sđd, tr.70-92.

NGHỊ QUYẾT
HỘI NGHỊ LẦN THỨ TU BAN CHẤP HÀNH
TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHÓA X

Số 10-NQ/TW, ngày 9 tháng 2 năm 2007

Về đổi mới, kiện toàn tổ chức bộ máy các cơ quan đảng, định hướng về đổi mới tổ chức bộ máy nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội

Thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII, trong những năm qua, việc đổi mới và kiện toàn tổ chức bộ máy các cơ quan đảng, nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội đã được thực hiện một bước; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mỗi tổ chức đã được điều chỉnh hợp lý hơn; tính chủ động, năng động, sáng tạo, tự chịu trách nhiệm của mỗi cấp được tăng cường; chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức nhìn chung được nâng lên cả về trình độ lý luận chính trị, học vấn, chuyên môn, nghiệp vụ. Tuyệt đại đa số cán bộ, công chức giữ gìn phẩm chất chính trị và đạo đức, lối sống, trung thành với sự nghiệp cách mạng của Đảng, thích ứng dần với cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập kinh tế quốc

tế. Những tiến bộ đó đã góp phần tích cực thực hiện thắng lợi sự nghiệp đổi mới do Đảng lãnh đạo.

Tuy nhiên, cho đến nay, tổ chức bộ máy các cơ quan đảng, cơ quan nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội vẫn còn nhiều nhược điểm, chưa đáp ứng tốt yêu cầu, nhiệm vụ mới. Cơ cấu tổ chức của các cơ quan đảng, nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội ở các cấp vẫn còn có sự chồng chéo, trùng lặp về chức năng, nhiệm vụ; thẩm quyền, trách nhiệm của cá nhân và tổ chức chưa thật rõ ràng; tình trạng quan liêu, tham nhũng, lãng phí chưa được đẩy lùi; kỷ cương, kỷ luật chưa nghiêm.

Nguyên nhân chủ yếu của các hạn chế, khuyết điểm trên là:

- Nhận thức của các ngành, các cấp về quan điểm, nguyên tắc đổi mới, kiện toàn tổ chức bộ máy chưa đầy đủ, thiếu thống nhất.

- Chỉ đạo tổ chức thực hiện thiếu kiên quyết, còn nể nang, né tránh; triển khai còn thiếu đồng bộ giữa cơ quan đảng, cơ quan nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội.

- Chậm đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng nhằm phát huy mạnh mẽ vai trò chủ động, sáng tạo, tăng cường năng lực, hiệu quả hoạt động của Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội.

Để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của thời kỳ đẩy mạnh toàn diện và mạnh mẽ công cuộc đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa nhằm mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, Đảng ta kiên trì thực hiện chủ trương không

ngừng hoàn thiện bộ máy của hệ thống chính trị; bảo đảm giữ vững và tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng; nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của các cơ quan nhà nước; nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội. Trong thời gian tới, cần quán triệt các quan điểm và tập trung thực hiện tốt các chủ trương, giải pháp sau đây:

I- QUAN ĐIỂM

1. Việc đổi mới, kiện toàn tổ chức bộ máy phải phù hợp với đặc điểm của hệ thống chính trị ta vận hành theo cơ chế Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ do một đảng duy nhất lãnh đạo; phù hợp với đặc điểm của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, hội nhập kinh tế quốc tế và xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, giữ vững và tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng.

2. Kiện toàn tổ chức bộ máy phải nhằm bảo đảm các cơ quan trong hệ thống chính trị hoạt động có hiệu lực, hiệu quả, tinh gọn, khắc phục tình trạng quan liêu, trùng lặp, chồng chéo về chức năng, nhiệm vụ hoặc tổ chức không phù hợp với chức năng, nhiệm vụ. Phân định rõ chức năng, nhiệm vụ, trách nhiệm của mỗi tổ chức, bảo đảm hiệu lực, hiệu quả hoạt động của cả hệ thống chính trị.

3. Kiện toàn tổ chức bộ máy phải bảo đảm tính đồng bộ, hệ thống, bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng trong hệ thống chính trị ta; vừa xây dựng các cơ quan của Đảng vững mạnh, đủ sức thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ, vừa phát huy vai trò, trách nhiệm của các tổ chức đảng và đảng viên

trong các cơ quan nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể chính trị - xã hội.

4. Đổi mới, kiện toàn tổ chức bộ máy phải vừa kế thừa những thành quả và kinh nghiệm đã đạt được, vừa đáp ứng yêu cầu của tiến trình đổi mới đất nước, hội nhập kinh tế quốc tế.

II- CHỦ TRƯỞNG, GIẢI PHÁP

1. Đổi với các cơ quan tham mưu và các tổ chức đảng ở Trung ương

Kiện toàn các cơ quan tham mưu của Trung ương Đảng theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác, tinh gọn, bảo đảm tính thống nhất, hệ thống, đủ sức thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ. Xây dựng đội ngũ cán bộ các cơ quan tham mưu của Trung ương Đảng với cơ cấu hợp lý, có chất lượng cao. Phát huy vai trò của các tổ chức đảng, đảng viên hoạt động trong các cơ quan nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể chính trị - xã hội.

Kiện toàn, nâng cao chất lượng toàn diện các cơ quan tham mưu và các tổ chức đảng ở Trung ương nhằm tăng cường và giữ vững vai trò lãnh đạo của Đảng. Các cơ quan tham mưu của Trung ương Đảng được tổ chức lại thành 6 cơ quan: Ban Tuyên giáo Trung ương, Ban Tổ chức Trung ương, cơ quan Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Ban Dân vận Trung ương, Ban Đối ngoại Trung ương và Văn phòng Trung ương Đảng.

2. Đổi với đảng bộ khối các cơ quan Trung ương

Tổ chức lại 7 đảng bộ khối các cơ quan Trung ương hiện

nay thành 2 đảng bộ khối trực thuộc Trung ương là Đảng bộ Khối các cơ quan Trung ương và Đảng bộ Khối doanh nghiệp Trung ương, tinh gọn tổ chức bộ máy nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động, tăng cường công tác xây dựng Đảng ở các cơ quan đảng, nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội và các doanh nghiệp.

3. Đổi với ban cán sự đảng, đảng đoàn

Kiện toàn tổ chức các ban cán sự đảng, đảng đoàn để các tổ chức đảng này thực hiện tốt hơn chức năng, nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Đảng. Nói không lập ban cán sự đảng, đảng đoàn thì tăng thẩm quyền, trách nhiệm của đảng ủy cơ quan. Thống nhất mô hình tổ chức đảng đoàn trong các liên hiệp hội hiện nay. Phân định rõ cấp có thẩm quyền quyết định về tổ chức và nhân sự của ban cán sự đảng, đảng đoàn ở Trung ương; đồng thời phân định rõ giữa chức năng, nhiệm vụ của ban cán sự đảng, đảng đoàn với chức năng, nhiệm vụ của lãnh đạo cơ quan, đơn vị.

4. Đổi với các cơ quan tham mưu của Đảng ở địa phương

Cơ bản giữ ổn định về tổ chức các cơ quan tham mưu của Đảng ở địa phương như hiện nay. Một số tỉnh, thành phố còn giữ lại một số ban ngoài định hướng của Nghị quyết Trung ương 7 (khoá VIII) và nghị quyết này thì sáp xếp lại. Lập đảng đoàn liên hiệp các hội văn học nghệ thuật, liên hiệp các hội khoa học - kỹ thuật ở một số địa phương có các tổ chức này. Đổi mới, kiện toàn bộ máy và cơ cấu đội ngũ cán bộ; xác

định rõ hơn quy chế làm việc, thẩm quyền, trách nhiệm của từng tổ chức và người đứng đầu mỗi tổ chức.

5. Đối với các đơn vị sự nghiệp của Đảng

Kiện toàn tổ chức các đơn vị sự nghiệp theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả, tinh gọn, khắc phục sự chồng chéo, trùng lặp chức năng giữa các đơn vị sự nghiệp của Đảng và Nhà nước, giữa các đơn vị sự nghiệp trong các cơ quan đảng. Hợp nhất Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh và Học viện Hành chính Quốc gia thành Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh. Đổi mới nội dung, chương trình đào tạo, nâng cao chất lượng, hiệu quả đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức trong hệ thống chính trị.

6. Đối với Quốc hội

Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Quốc hội nhằm thực hiện tốt chức năng lập pháp, giám sát tối cao và quyết định những vấn đề quan trọng của đất nước; tăng cường hợp lý số đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách. Tổ chức lại một số ủy ban của Quốc hội theo hướng chuyên sâu hơn. Nâng cao chất lượng đại biểu Quốc hội, hoạt động của Hội đồng Dân tộc, các ủy ban của Quốc hội, đại biểu Quốc hội và đoàn đại biểu Quốc hội. Đổi mới quy trình xây dựng luật, tiếp tục giảm việc ban hành pháp lệnh. Hợp nhất văn phòng đoàn đại biểu Quốc hội và văn phòng hội đồng nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

7. Đối với Chính phủ

Tiếp tục điều chỉnh cơ cấu tổ chức bộ máy của Chính phủ

theo hướng tinh gọn, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của cơ quan hành chính nhà nước, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ quản lý nhà nước trong giai đoạn mới của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập kinh tế quốc tế. Các bộ và cơ quan ngang bộ nói chung thực hiện chức năng quản lý nhà nước đa ngành, đa lĩnh vực; vừa bảo đảm sự ổn định cần thiết, vừa đổi mới để thực hiện tốt chức năng quản lý nhà nước, phù hợp với thể chế chính trị nước ta, có tính đến việc bảo đảm thuận lợi trong giao dịch quốc tế.

Đối với một số nhiệm vụ thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an có đủ điều kiện dân sự hóa thì chuyển cho các bộ không thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh quản lý nhằm tập trung hơn nhiệm vụ xây dựng quân đội, công an cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại. Chuyển các doanh nghiệp chuyên làm kinh tế đơn thuần thuộc các cơ quan đảng, lực lượng vũ trang, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội cho cơ quan nhà nước quản lý, hoạt động theo Luật doanh nghiệp.

8. Đối với Viện Kiểm sát nhân dân và Tòa án nhân dân

Tiếp tục nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, tiếp tục thực hiện cải cách tư pháp trong giai đoạn mới; bảo đảm tính nghiêm minh của pháp luật, không bỏ lọt tội phạm và người phạm tội, hạn chế tối da các trường hợp oan sai.

Kiện toàn tổ chức bộ máy và nâng cao chất lượng công tác xét xử của tòa án các cấp, bảo đảm tính chuyên sâu, phù

hợp với yêu cầu công tác xét xử hiện nay. Tích cực chuẩn bị để lập tòa án khu vực. Kiện toàn tòa án hành chính để giải quyết các khiếu nại về hành chính của công dân.

Tiếp tục đổi mới tổ chức, sắp xếp lại các đơn vị kiểm sát theo hướng đồng bộ, nâng cao hiệu quả hoạt động để thực hiện tốt chức năng công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp, nâng cao chất lượng tranh tụng tại phiên tòa.

9. Đổi mới Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội

Kiện toàn tổ chức bộ máy của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ trong mỗi tổ chức, chú trọng ở hai cấp trung ương và cơ sở; khắc phục tình trạng "hành chính hóa"; đổi mới phương thức hoạt động, đảm bảo đúng tôn chỉ, mục đích, hướng về cơ sở, tập trung cho cơ sở; chăm lo một cách thiết thực quyền lợi chính đáng, hợp pháp của hội viên, đoàn viên. Tổ chức bộ máy chuyên trách của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội cần được kiện toàn tinh gọn, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ; tăng cường đội ngũ cộng tác viên, tình nguyện viên.

10. Đổi mới cơ chế quản lý, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức trong các cơ quan đảng, nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội

Trên cơ sở định kỳ đánh giá và phân loại đúng đội ngũ cán bộ, công chức, tăng cường đào tạo, đào tạo lại và kịp thời thay thế những người không hoàn thành nhiệm vụ. Lập

quỹ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức trong quy hoạch, nhất là về chuyên môn, ngoại ngữ, tin học, quản lý hành chính và luật pháp quốc tế.

Thực hiện việc điều động, luân chuyển cán bộ; coi trọng việc sử dụng chuyên gia, cán bộ có phẩm chất chính trị tốt, giỏi chuyên môn, có kiến thức lý luận và kinh nghiệm thực tiễn, có năng lực nghiên cứu, tổng kết để tăng cường cho các cơ quan đảng.

Tiếp tục rà soát, làm rõ chức năng, nhiệm vụ của mỗi tổ chức và xác định chức danh, tiêu chuẩn của từng cán bộ, công chức; trên cơ sở đó, xác định lại định mức biên chế, tinh giản biên chế ở các bộ phận trùng lắp, thực hiện giao biên chế theo định kỳ 5 năm. Tiếp tục chuyển đổi cơ chế quản lý biên chế theo hướng thực hiện hợp đồng đối với các công việc phục vụ thay cho việc tuyển vào biên chế.

Tăng cường công tác tư tưởng; thực hiện tốt chính sách đổi mới cán bộ, công chức trong quá trình sắp xếp tổ chức bộ máy, bảo đảm không ảnh hưởng lớn đến đời sống và thu nhập của cán bộ. Chính phủ chỉ đạo sửa đổi, bổ sung chính sách về tinh giản biên chế, tiếp tục đổi mới chính sách tiền lương, bảo hiểm xã hội đối với cán bộ, công chức phù hợp với yêu cầu đổi mới, kiện toàn và nâng cao chất lượng hoạt động tổ chức bộ máy các cơ quan đảng, nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và đoàn thể chính trị - xã hội.

III- TỔ CHỨC CHỈ ĐẠO THỰC HIỆN

1. Các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc Trung ương, các tỉnh ủy, thành ủy quán triệt nghị

quyết này trong cán bộ, đảng viên, công chức; tiến hành rà soát chức năng, nhiệm vụ, sắp xếp tổ chức bộ máy và biên chế của cơ quan, tổ chức cấp mình đúng yêu cầu của Nghị quyết Trung ương.

2. Bộ Chính trị phân công các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị phụ trách từng khối chỉ đạo việc thực hiện trong khối. Các đồng chí Ủy viên Trung ương Đảng, các đồng chí đứng đầu các cơ quan đảng, nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội ở Trung ương và địa phương có trách nhiệm chỉ đạo, kiểm tra việc thực hiện, bảo đảm nghị quyết được thực hiện có hiệu quả, đúng yêu cầu, quan điểm chỉ đạo và nguyên tắc đổi mới, kiện toàn tổ chức bộ máy.

3. Đảng đoàn Quốc hội, Ban Cán sự Đảng Chính phủ, Ban Cán sự Đảng Tòa án nhân dân tối cao, Ban Cán sự Đảng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, ban cán sự đảng các bộ, ngành, Đảng đoàn Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội, các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương phối hợp với Ban Tổ chức Trung ương xây dựng kế hoạch, làm tốt công tác tư tưởng và tổ chức thực hiện có hiệu quả việc sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy ở Trung ương và các địa phương theo chỉ đạo của Bộ Chính trị.

4. Ban Tổ chức Trung ương chủ trì phối hợp với các ban đảng ở Trung ương và các tổ chức đảng có liên quan theo dõi việc thực hiện, định kỳ báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư và hằng năm báo cáo Ban Chấp hành Trung ương.

*
* *

Đổi mới, kiện toàn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị có ý nghĩa hết sức quan trọng, quyết định đến việc nâng cao năng lực, hiệu lực, hiệu quả lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước, chất lượng hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội, đồng thời là vấn đề lớn, phức tạp. Các cấp ủy, tổ chức đảng từ Trung ương đến cơ sở cần tổ chức quán triệt và triển khai thực hiện một cách nghiêm túc, triệt để, đồng bộ Nghị quyết này.

Nghị quyết này được phổ biến đến chi bộ.

T/M BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
TỔNG Bí THƯ

NÔNG ĐỨC MẠNH

Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện*
Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành
Trung ương khóa X, Sđd, tr.24-38.

**PHÁT BIỂU
CỦA TỔNG Bí THƯ NÔNG ĐỨC MẠNH
BẾ MẠC HỘI NGHỊ LẦN THỨ TƯ
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG
KHÓA X**

Ngày 24 tháng 1 năm 2007

*Thưa các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương,
Thưa các đồng chí dự hội nghị,*

Sau gần 10 ngày làm việc khẩn trương, Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X đã hoàn thành chương trình đề ra. Các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương đã thể hiện tinh thần trách nhiệm cao, thái độ nghiêm túc, thận trọng, dân chủ, thảo luận sôi nổi và đóng góp nhiều ý kiến sâu sắc vào các đề án Bộ Chính trị đã trình. Hội nghị đánh giá cao công tác chuẩn bị và đồng tình với các bản giải trình của Bộ Chính trị về các nội dung thảo luận tại hội nghị.

Như chúng ta đều biết, việc nước ta trở thành thành viên của Tổ chức Thương mại thế giới đánh dấu một mốc quan trọng trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế và là kết quả của quá trình đổi mới và xây dựng nền kinh tế thị trường

định hướng xã hội chủ nghĩa. Thắng lợi đó làm cho vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế tiếp tục được khẳng định và nâng cao; tạo ra những cơ hội để đất nước phát triển nhanh hơn, toàn diện hơn, mau chóng thoát khỏi tình trạng kém phát triển; đồng thời cũng đặt ra những thách thức rất gay gắt, đòi hỏi sự nỗ lực vượt bậc của toàn dân tộc để vượt qua.

Quan điểm chỉ đạo xuyên suốt của Đảng ta về hội nhập kinh tế quốc tế là giữ vững độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, hội nhập vì lợi ích đất nước, giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa, thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Hội nhập kinh tế quốc tế là công việc của toàn dân, toàn xã hội, của cả hệ thống chính trị dưới sự lãnh đạo của Đảng. Trên cơ sở thực hiện các cam kết gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới, phải xây dựng các cơ chế, chính sách phù hợp với chủ trương, định hướng phát triển; thúc đẩy các quan hệ hợp tác khu vực và thế giới, song phương và đa phương. Gắn tốc độ phát triển với chất lượng và hiệu quả; tăng trưởng kinh tế phải đi liền với tiến bộ và công bằng xã hội, bảo vệ và cải thiện môi trường sinh thái, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, giữ vững ổn định chính trị, kinh tế - xã hội. Khai thác có hiệu quả mọi nguồn lực để phát triển đất nước. Giữ vững và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, đồng thời nâng cao vai trò chủ động của Nhà nước, của Mặt trận và các tổ chức chính trị - xã hội, phát huy quyền làm chủ của nhân dân, của sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Hội nhập kinh tế quốc tế là chủ trương nhất quán của Đảng ta phù hợp với xu thế khách quan và tiến trình phát triển đất nước. Phải làm cho toàn Đảng, toàn dân, toàn quân

ta nhận thức đúng đắn về vấn đề này. Phải khơi dậy và phát huy cao độ tinh thần cách mạng, ý chí tự lực tự cường của mọi tầng lớp nhân dân để chủ động và tích cực tận dụng cơ hội, đương đầu với cạnh tranh, vượt qua thách thức. Kịp thời bổ sung, hoàn thiện hệ thống pháp luật và thể chế kinh tế; hình thành nhanh và đồng bộ các yếu tố của nền kinh tế thị trường; phát huy tối đa và sử dụng hiệu quả các nguồn lực; đẩy mạnh cải cách hành chính. Nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, doanh nghiệp và sản phẩm. Bổ sung nguồn lực và tăng cường chỉ đạo công cuộc phát triển nông nghiệp, nông thôn; giải quyết tốt các vấn đề xã hội.

Trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, biển nước ta có vị trí, vai trò rất quan trọng. Đảng và Nhà nước ta đã có nhiều nghị quyết, chỉ thị về phát triển kinh tế biển và hải đảo. Tuy nhiên, tính đồng bộ về chủ trương ở tầm vĩ mô và việc tổ chức thực hiện ở các cấp, các ngành còn nhiều bất cập và yếu kém, kết quả đạt được chưa tương xứng với tiềm năng vốn có. Xây dựng *Chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020* và có tầm nhìn xa hơn là một đòi hỏi tất yếu nhằm phấn đấu đưa nước ta thành một quốc gia mạnh về biển, góp phần làm giàu từ biển, bảo đảm vững chắc chủ quyền, quyền chủ quyền quốc gia trên biển, góp phần quan trọng giữ vững ổn định và phát triển đất nước. *Chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020* phải xác định rõ quan điểm, mục tiêu và định hướng các lĩnh vực ưu tiên, đột phá; định hướng phát triển kinh tế - xã hội vùng biển và ven biển; định hướng chiến lược quốc phòng, an ninh, đối ngoại; định hướng điều tra cơ bản về tài nguyên, môi trường biển; định hướng phát triển khoa học - công nghệ biển; định hướng về bảo vệ môi trường, phòng chống thiên tai, về xây

dựng kết cấu hạ tầng vùng biển và ven biển; và định hướng chiến lược các vùng biển phía Bắc, Bắc Trung Bộ, duyên hải Trung Bộ, Đông Nam Bộ và Tây Nam Bộ.

Để thực hiện có kết quả *Chiến lược biển*, chúng ta phải có các chính sách và giải pháp đồng bộ. Tăng cường giáo dục nâng cao nhận thức về vị trí, vai trò của biển trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; xây dựng lực lượng mạnh để bảo vệ vững chắc chủ quyền và an ninh trên biển; đẩy mạnh điều tra cơ bản và phát triển khoa học - công nghệ biển; triển khai mạnh mẽ và có hiệu quả công tác quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh các vùng biển và ven biển; quản lý nhà nước có hiệu lực và hiệu quả đối với mọi vấn đề liên quan đến biển; xây dựng đầy đủ, đồng bộ hệ thống cơ chế, chính sách khuyến khích đầu tư phát triển các lĩnh vực liên quan đến biển và vùng ven biển; phát triển nguồn nhân lực biển gắn với phát triển xã hội; tăng cường công tác đối ngoại và hợp tác quốc tế về biển và xây dựng một số tập đoàn kinh tế mạnh làm lực lượng nòng cốt trong phát triển kinh tế biển.

Có một chiến lược biển đúng đắn chính là cơ sở và điều kiện để phát huy mạnh mẽ hơn nữa vai trò của biển đối với sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Thưa các đồng chí,

Đại hội toàn quốc lần thứ X của Đảng đã xác định: "Tiếp tục đổi mới tổ chức và hoạt động của Quốc hội. Hoàn thiện cơ chế bầu cử nhằm nâng cao chất lượng đại biểu Quốc hội; tăng hợp lý số lượng đại biểu chuyên trách, phát huy tốt hơn vai trò của đại biểu và đoàn đại biểu Quốc hội. Tổ chức lại một số

ủy ban của Quốc hội; nâng cao chất lượng hoạt động của Hội đồng Dân tộc và các ủy ban của Quốc hội. Đổi mới hơn nữa quy trình xây dựng luật, giảm mạnh việc ban hành pháp lệnh. Thực hiện tốt hơn nhiệm vụ quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước và chức năng giám sát tối cao¹.

Để chuẩn bị tốt cho cuộc bầu cử Quốc hội khóa XII, việc xác định phương hướng nhân sự theo đúng các quy định của pháp luật để bầu được những đại biểu Quốc hội thực sự đại diện cho ý chí, nguyện vọng của nhân dân là điều có ý nghĩa hết sức quan trọng. Luật bầu cử đại biểu Quốc hội đã quy định những tiêu chuẩn để lựa chọn đại biểu Quốc hội. Đại biểu Quốc hội ở nước ta phải là những người trung thành với Tổ quốc và Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, phấn đấu thực hiện công cuộc đổi mới vì sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, làm cho dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh; có phẩm chất đạo đức tốt, cần kiệm liêm chính, chí công vô tư, gương mẫu chấp hành pháp luật, không tham nhũng, kiên quyết đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí và các hành vi vi phạm pháp luật; có trình độ, năng lực và điều kiện thực hiện nhiệm vụ đại biểu Quốc hội, tham gia quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước; liên hệ chặt chẽ với nhân dân, lắng nghe ý kiến của nhân dân, được nhân dân tín nhiệm. Đi đôi với việc tiếp tục nâng cao chất lượng đại biểu Quốc hội, cần bảo đảm hợp lý cơ cấu của đại biểu Quốc hội. Cơ cấu đại biểu Quốc hội khóa XII cần được điều chỉnh theo hướng nâng cao chất lượng,

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Sđd, tr.126 (B.T).

tăng thêm số đại biểu Quốc hội chuyên trách, có tỷ lệ thích đáng đại biểu nữ, đại biểu người dân tộc thiểu số, đại biểu thuộc khối Mặt trận và các đoàn thể chính trị - xã hội, có số lượng hợp lý đại biểu công tác ở các cơ quan đảng, cơ quan nhà nước, các địa phương và đại biểu thuộc các thành phần khác. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng và có sự phối hợp chặt chẽ giữa Quốc hội và Mặt trận Tổ quốc Việt Nam để chuẩn bị chu đáo cho cuộc bầu cử Quốc hội sắp tới.

Nghị quyết Đại hội X của Đảng đã chỉ rõ việc tiếp tục đổi mới, kiện toàn bộ máy của Đảng và cả hệ thống chính trị, xác định rõ hơn chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức, cơ chế vận hành và lề lối làm việc của toàn hệ thống. Sắp xếp, đổi mới tổ chức bộ máy của Đảng, đặc biệt là các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng ủy khối ở Trung ương và các địa phương, gắn với việc kiện toàn tổ chức bộ máy của các cơ quan nhà nước, Mặt trận và các đoàn thể nhân dân, bảo đảm tinh gọn, hoạt động hiệu quả. Khắc phục tình trạng chồng chéo, trùng lắp chức năng, nhiệm vụ; quyền hạn, trách nhiệm của cấp ủy và người đứng đầu không rõ. Tổ chức các cơ quan tham mưu của Đảng có chất lượng cao, đồng thời phát huy vai trò của các tổ chức đảng và đội ngũ cán bộ, đảng viên hoạt động trong các cơ quan nhà nước, Mặt trận và các đoàn thể nhân dân.

Quan điểm xuyên suốt của chúng ta là đổi mới, kiện toàn tổ chức bộ máy phải phù hợp với đặc điểm của hệ thống chính trị nước ta; phù hợp với đặc điểm của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, hội nhập kinh tế quốc tế và xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của dân, do dân, vì dân dưới sự lãnh đạo của Đảng. Kiện toàn tổ chức cơ quan đảng, nhà nước là nhằm làm cho bộ máy tinh gọn, hoạt

động có hiệu lực, hiệu quả; bảo đảm mỗi tổ chức trong hệ thống chính trị hoàn thành tốt nhiệm vụ đề ra. Đổi mới, kiện toàn tổ chức bộ máy phải bảo đảm tính đồng bộ, hệ thống, vừa kế thừa những thành quả và kinh nghiệm đã đạt được, vừa đáp ứng yêu cầu của nhiệm vụ mới.

Mục tiêu kiện toàn các cơ quan tham mưu, giúp việc của Trung ương Đảng theo hướng tinh gọn, nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác, phát huy vai trò, trách nhiệm của tổ chức đảng và đảng viên trong các cơ quan nhà nước trong việc tham mưu cho Trung ương; xây dựng đội ngũ cán bộ làm công tác tham mưu ở các cơ quan Trung ương Đảng có chất lượng cao, hoạt động có hiệu quả.

Đổi mới tổ chức bộ máy của Quốc hội là nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả, tiếp tục đổi mới hoạt động của Quốc hội, phát huy tốt hơn vai trò của đại biểu và đoàn đại biểu Quốc hội. Tổ chức lại một số ủy ban của Quốc hội; nâng cao chất lượng hoạt động của Hội đồng Dân tộc và các ủy ban của Quốc hội. Đổi mới hơn nữa quy trình xây dựng luật; thực hiện tốt nhiệm vụ quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước và chức năng giám sát tối cao, góp phần tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của dân, do dân, vì dân.

Đối với tổ chức bộ máy của Chính phủ, cần tiếp tục điều chỉnh cơ cấu tổ chức của Chính phủ theo tinh thần cải cách hành chính, bảo đảm tinh gọn và hợp lý hơn, đáp ứng yêu cầu thực hiện chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước của Chính phủ trong giai đoạn mới, phù hợp với cơ chế quản lý trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập kinh tế quốc tế, hoạt động có hiệu lực, hiệu quả.

Đổi mới Viện Kiểm sát nhân dân và Tòa án nhân dân, cần nâng cao hiệu lực của bộ máy, chất lượng của cán bộ để thực hiện chủ trương của Đảng về cải cách tư pháp, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

Những nội dung Hội nghị Trung ương lần này thảo luận và quyết định có ý nghĩa hết sức quan trọng. Sau khi Trung ương đã có nghị quyết thì điều quan trọng nhất là việc tổ chức quán triệt và chỉ đạo thực hiện để các quyết định của Trung ương sớm đi vào cuộc sống có hiệu quả thiết thực.

Thưa các đồng chí,

Trong năm qua, toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta đã thu được những thành tựu hết sức to lớn và có ý nghĩa rất quan trọng.

Chúng ta đã tổ chức thành công Đại hội X. Sau Đại hội, chúng ta đã tổ chức tốt việc quán triệt và triển khai thực hiện Nghị quyết của Đại hội, các bộ, ngành, địa phương và đơn vị lực lượng vũ trang đã xây dựng các chương trình hành động để đưa nghị quyết vào cuộc sống. Chúng ta đã thực hiện tốt việc bầu lãnh đạo cấp cao của Quốc hội, Nhà nước và Chính phủ; kiện toàn và sắp xếp một bước đội ngũ cán bộ chủ chốt ở Trung ương và các địa phương. Công tác xây dựng Đảng đã có sự chuyển động tích cực. Công tác phòng và chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm đã thu được một số kết quả bước đầu. Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư đã thể hiện sự quyết tâm và nhất trí cao trong lãnh đạo mọi công việc của đất nước, thực hiện nghiêm túc các quy chế làm việc, nguyên tắc tập trung dân chủ, đề cao trách nhiệm của tập thể và cá nhân.

Mặc dù có nhiều khó khăn và thử thách do thiên tai, dịch

bệnh và sự biến động lớn về giá cả quốc tế, nhưng chúng ta đã đạt được những thành tựu nổi bật về kinh tế - xã hội. Nhiều chỉ tiêu kinh tế - xã hội đều đạt hoặc vượt, cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển dịch theo hướng tích cực; đầu tư nước ngoài vào Việt Nam tăng; công tác xóa đói, giảm nghèo đạt nhiều kết quả mới; đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân tiếp tục được cải thiện; các hoạt động đối ngoại thu nhiều kết quả quan trọng; chính trị ổn định; môi trường hòa bình của đất nước được giữ vững, an ninh, quốc phòng được tăng cường, trật tự và an toàn xã hội được bảo đảm.

Những kết quả nói trên đã tạo niềm tin và sự phấn khởi trong toàn Đảng, toàn dân và lực lượng vũ trang về tương lai và triển vọng của đất nước. Đó cũng là tiền đề thuận lợi cho chúng ta bước vào năm 2007 - năm thứ hai thực hiện Nghị quyết Đại hội X của Đảng và là năm bầu cử Quốc hội khóa XII. Tôi tin tưởng chắc chắn rằng, toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta sẽ đạt được những thành tựu to lớn hơn nữa.

Thưa các đồng chí,

Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương kết thúc vào dịp kỷ niệm 77 năm ngày thành lập Đảng ta và cả nước chuẩn bị đón Xuân mới. Các cấp, các ngành đang triển khai thực hiện nhiệm vụ kế hoạch năm 2007. Tôi đề nghị các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương và mọi cán bộ, đảng viên nhận rõ vai trò tiên phong gương mẫu và trách nhiệm của mình trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao, tổ chức đón Tết, vui xuân lành mạnh, an toàn, tiết kiệm, không lãng phí; tuyệt đối không dùng của công làm quà biếu trái quy định của Đảng, Nhà nước và cũng không nhận hối lộ trả hình dưới mọi hình thức. Nhân dân và cả xã

hội đang nhìn vào hành động và sự gương mẫu của mỗi cán bộ, đảng viên chúng ta.

Tôi xin gửi đến các đại biểu dự hội nghị, đồng chí, đồng bào và chiến sĩ cả nước, đồng bào ta ở nước ngoài lời chúc mừng năm mới tốt đẹp nhất.

Chúc các đồng chí mạnh khỏe, hạnh phúc.

Năm mới tiến bộ mới, thắng lợi mới.

Tôi xin tuyên bố bế mạc Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X.

Xin trân trọng cảm ơn.

Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện
Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành
Trung ương khóa X, Sđd, tr.93-106.*

THÔNG BÁO
HỘI NGHỊ LẦN THỨ TƯ BAN CHẤP HÀNH
TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHÓA X

Thực hiện *Chương trình làm việc toàn khóa của Ban Chấp hành Trung ương khóa X*, từ ngày 15 đến ngày 24-1-2007, tại Thủ đô Hà Nội, Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã họp Hội nghị lần thứ tư, tiếp tục cụ thể hóa, triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội X của Đảng. Đồng chí Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh chủ trì, khai mạc, bế mạc hội nghị.

Ban Chấp hành Trung ương đã nghe báo cáo và thảo luận các đề án do Bộ Chính trị trình: về một số chủ trương, chính sách lớn để nền kinh tế ta phát triển nhanh và bền vững khi Việt Nam là thành viên Tổ chức Thương mại thế giới (WTO); về Chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020; về phương hướng bầu cử và chuẩn bị nhân sự Quốc hội khóa XII; về điều chỉnh thời gian tổ chức Đại hội Đảng toàn quốc, bầu cử Quốc hội và hội đồng nhân dân các cấp; về đổi mới, kiện toàn tổ chức bộ máy các cơ quan đảng và cơ quan nhà nước. Ban Chấp hành Trung ương cũng nghe Báo cáo kiểm điểm sự lãnh đạo, chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư từ sau Đại hội X đến nay; Báo cáo những công việc quan trọng mà Bộ Chính trị đã giải quyết từ sau Hội nghị Trung

ương lần thứ ba đến Hội nghị Trung ương lần thứ tư; Báo cáo công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật trong Đảng, hoạt động của Ủy ban Kiểm tra Trung ương và ủy ban kiểm tra các cấp năm 2006; Báo cáo công tác tài chính đảng năm 2006.

Ban Chấp hành Trung ương đã tập trung thảo luận một số chủ trương, chính sách lớn để nền kinh tế ta phát triển nhanh và bền vững khi Việt Nam là thành viên của Tổ chức Thương mại thế giới (WTO). Việc trở thành thành viên Tổ chức Thương mại thế giới tạo cho đất nước ta những cơ hội lớn, đồng thời có cả những thách thức lớn. Các cơ hội và thách thức có mối quan hệ, tác động qua lại, chuyển hóa lẫn nhau. Cơ hội không tất yếu phát huy tác dụng mà phụ thuộc nhiều vào nội lực và khả năng tận dụng cơ hội của chúng ta. Thách thức tuy là sức ép trực tiếp, nhưng tác động đến đâu còn tùy thuộc vào nỗ lực vượt qua của chúng ta. Nếu chúng ta nỗ lực thì có thể biến thách thức thành động lực phát triển. Do đó, đòi hỏi chúng ta phải nỗ lực phấn đấu rất cao, không chủ quan, thỏa mãn, quyết tâm tận dụng thời cơ, vượt qua thách thức để đưa đất nước phát triển nhanh và bền vững.

Quan điểm chỉ đạo của Đảng về hội nhập kinh tế quốc tế là giữ vững độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, hội nhập vì lợi ích đất nước, giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa, thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh; hội nhập kinh tế quốc tế là công việc của toàn dân, của cả hệ thống chính trị dưới sự lãnh đạo của Đảng; phát huy tối đa nội lực, coi trọng và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực bên ngoài; gắn tốc độ tăng trưởng với chất

lượng và hiệu quả, tăng trưởng kinh tế phải đi liền với tiến bộ và công bằng xã hội; giữ vững và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, nâng cao vai trò của Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội; phát huy quyền làm chủ của nhân dân, của khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Để hội nhập kinh tế quốc tế thành công, phải tăng cường công tác tư tưởng, nâng cao nhận thức trong toàn Đảng, toàn dân, tạo được sự đồng thuận cao trong toàn xã hội; khẩn trương bổ sung, hoàn thiện hệ thống pháp luật và thể chế kinh tế; hình thành nhanh và đồng bộ các yếu tố của nền kinh tế thị trường, phát huy tối đa và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực; đẩy mạnh cải cách hành chính; nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế, của doanh nghiệp và của sản phẩm; bổ sung nguồn lực và chăm lo phát triển nông nghiệp, nông thôn; giải quyết tốt các vấn đề xã hội; bảo vệ và cải thiện môi trường sinh thái; giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc; giữ vững quốc phòng, an ninh; tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, phát huy vai trò quản lý của Nhà nước, hoàn thiện các thiết chế dân chủ để bảo đảm và phát huy quyền làm chủ của nhân dân. Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã ra Nghị quyết *Về một số chủ trương, chính sách lớn để nền kinh tế nước ta phát triển nhanh và bền vững khi Việt Nam là thành viên của Tổ chức Thương mại thế giới.*

Ban Chấp hành Trung ương đã thảo luận và cho ý kiến về *Đề án Chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020*. Trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc ta, biển có vai trò, vị trí rất quan trọng, gắn bó mật thiết và ảnh hưởng to lớn đến sự phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh,

bảo vệ môi trường của đất nước. Trong những năm qua, Đảng, Nhà nước ta đã có nhiều chỉ thị, nghị quyết về phát triển kinh tế biển; kinh tế biển đã có bước chuyển biến đáng kể và đạt được những thành tựu quan trọng. Tuy nhiên, tính đồng bộ của các chủ trương, chính sách ở tầm vĩ mô, nhận thức về vai trò, vị trí của biển, sự quan tâm phát triển các lĩnh vực liên quan đến biển của một số cấp ủy đảng, chính quyền các cấp, các ngành, cả Trung ương và địa phương còn nhiều hạn chế, kết quả đạt được chưa tươngứng với tiềm năng và yêu cầu. Trong *Chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020*, phải phấn đấu để nước ta trở thành một quốc gia mạnh về biển, giàu lên từ biển, bảo vệ vững chắc chủ quyền, quyền chủ quyền quốc gia trên biển, góp phần giữ vững ổn định và phát triển đất nước; kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với đảm bảo quốc phòng, an ninh và bảo vệ môi trường; có chính sách hấp dẫn nhằm thu hút mọi nguồn lực cho phát triển kinh tế biển; xây dựng các trung tâm kinh tế lớn vùng duyên hải gắn với các hoạt động kinh tế biển làm động lực quan trọng đối với sự phát triển của cả nước. Phấn đấu đến năm 2020, kinh tế biển đóng góp khoảng 53 - 55% GDP, 55 - 60% kim ngạch xuất khẩu của cả nước, giải quyết tốt các vấn đề xã hội, cải thiện một bước đáng kể đời sống của nhân dân vùng biển và ven biển.

Để thực hiện thắng lợi *Chiến lược biển*, cần nâng cao nhận thức của toàn Đảng, toàn dân về vị trí, vai trò của biển đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; xây dựng cơ sở luật pháp và lực lượng nhằm bảo vệ vững chắc chủ quyền và an ninh trên biển; đẩy mạnh điều tra cơ bản và phát triển khoa học - công nghệ biển; triển khai công tác quy hoạch

tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh các vùng biển và ven biển; tiếp tục xây dựng đồng bộ khung khổ pháp lý về biển và hệ thống cơ chế, chính sách khuyến khích đầu tư phát triển các lĩnh vực liên quan đến biển và vùng ven biển; xây dựng cơ quan quản lý nhà nước có hiệu lực, hiệu quả đối với mọi vấn đề liên quan đến biển; tăng cường công tác đối ngoại và hợp tác quốc tế về biển; phát triển nguồn nhân lực và phát triển một số tập đoàn kinh tế mạnh trong lĩnh vực kinh tế biển. Ban Chấp hành Trung ương đã ra Nghị quyết về *Chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020*.

Ban Chấp hành Trung ương đã thảo luận, quyết định một số vấn đề về đổi mới, kiện toàn tổ chức bộ máy các cơ quan đảng và cơ quan nhà nước. Từ nhiều năm qua, tổ chức bộ máy, đội ngũ cán bộ, công chức các ban đảng, cơ quan nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội đã có nhiều đổi mới, đem lại kết quả tích cực, nhưng nhìn chung bộ máy vẫn còn cồng kềnh, còn có mặt chưa hợp lý, chất lượng của một bộ phận đội ngũ cán bộ chưa cao, hiệu quả hoạt động trên một số lĩnh vực còn hạn chế.

Việc đổi mới, kiện toàn tổ chức các cơ quan đảng và cơ quan nhà nước phải phù hợp với đặc điểm của hệ thống chính trị của nước ta do một đảng duy nhất lãnh đạo; với đặc điểm của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, hội nhập kinh tế quốc tế và xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa; khắc phục tình trạng quan liêu, trùng lặp, chồng chéo chức năng, nhiệm vụ; làm cho bộ máy tinh gọn, đồng bộ, hoạt động có hiệu lực, hiệu quả; nâng cao chất lượng mọi mặt đội ngũ cán bộ, công chức. Theo hướng này, các ban

của Trung ương Đảng sẽ được tổ chức lại thành 6 cơ quan; đảng bộ các cơ quan Trung ương tổ chức thành 2 đảng bộ khối; lập ban cán sự đảng, đảng đoàn ở các cơ quan nhà nước và các đoàn thể theo đúng quy định của Điều lệ Đảng, chủ yếu ở các cơ quan hành pháp, tư pháp và đoàn thể; các ban đảng, đảng ủy khối, ban cán sự đảng, đảng đoàn ở địa phương cơ bản giữ ổn định về tổ chức bộ máy như hiện nay. Các ủy ban và các cơ quan giúp việc của Quốc hội được kiện toàn, hoạt động chuyên sâu, thường xuyên và hiệu quả hơn. Tổ chức bộ máy của Chính phủ và chính quyền địa phương theo tinh thần giảm bớt đầu mối, vận hành thông suốt, đảm bảo tính khoa học, hiệu lực và hiệu quả. Phương án cụ thể về tổ chức bộ máy của Chính phủ khóa XII sẽ được thảo luận và quyết định tại Hội nghị Trung ương 5 sắp tới. Kiện toàn tổ chức bộ máy Viện Kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân các cấp theo hướng đồng bộ, liên tục, hiệu quả. Kiện toàn tổ chức bộ máy của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, chú trọng ở hai cấp Trung ương và cơ sở, khắc phục tình trạng hành chính hóa; đổi mới phương thức hoạt động, bảo đảm đúng tôn chỉ, mục đích, hướng về cơ sở, tập trung cho cơ sở.

Hội nghị thống nhất chủ trương chuyển các doanh nghiệp làm kinh tế đơn thuần hiện có thuộc các cơ quan đảng, lực lượng vũ trang, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội sang các cơ quan nhà nước quản lý từ năm 2007.

Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ X xác định: Tiếp tục đổi mới tổ chức và hoạt động của Quốc hội, hoàn thiện cơ chế bầu cử nhằm nâng cao chất lượng đại biểu Quốc hội; tăng hợp lý

số lượng đại biểu Quốc hội chuyên trách, phát huy tốt hơn vai trò của đại biểu và đoàn đại biểu Quốc hội; tổ chức lại một số ủy ban của Quốc hội; nâng cao chất lượng hoạt động của Hội đồng Dân tộc và các ủy ban của Quốc hội. Trên tinh thần đó, Ban Chấp hành Trung ương đã xác định phương hướng chuẩn bị nhân sự và lãnh đạo bầu cử Quốc hội khóa XII phải tuân thủ Hiến pháp và pháp luật; đảm bảo các yêu cầu về số lượng, chất lượng và cơ cấu, lựa chọn và bầu được những đại biểu Quốc hội trung thành với Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, có phẩm chất đạo đức tốt, cần, kiệm, liêm chính, chí công vô tư, liên hệ chặt chẽ với nhân dân, được nhân dân tín nhiệm, có năng lực và điều kiện hoàn thành tốt nhiệm vụ của người đại biểu Quốc hội.

Do điều kiện lịch sử, việc tổ chức Đại hội Đảng toàn quốc, bầu cử Quốc hội và hội đồng nhân dân các cấp từ ngày thành lập nước đến nay có sự chênh lệch khá lớn về thời gian, do đó cần được điều chỉnh cho hợp lý hơn về thời điểm. Ban Chấp hành Trung ương xác định việc điều chỉnh cần dựa trên nguyên tắc: các sự kiện này tổ chức trong cùng một năm, là năm đầu của mỗi kế hoạch 5 năm; đảm bảo sự đồng bộ, hợp lý của hệ thống chính trị; tạo điều kiện thuận lợi cho việc bố trí, sắp xếp đội ngũ cán bộ lãnh đạo chủ chốt của Đảng trong các cơ quan nhà nước ở các cấp; tiết kiệm thời gian, tiền của, công sức; phù hợp với điều kiện và tình hình sản xuất của đại đa số nhân dân cả nước.

Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương đã nghe và cho ý kiến về Báo cáo kiểm điểm sự lãnh đạo, chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư; Báo cáo những công việc quan trọng mà Bộ Chính trị đã giải quyết từ sau Hội nghị Trung ương 3

đến Hội nghị Trung ương 4; Báo cáo kết quả công tác của Ủy ban Kiểm tra Trung ương; Báo cáo công tác tài chính đảng năm 2006.

Ban Chấp hành Trung ương kêu gọi toàn Đảng, toàn dân, toàn quân phát huy những ưu điểm, thành tích đã đạt được trong thời gian qua, tăng cường đoàn kết, thống nhất tư tưởng và hành động, tiếp tục quán triệt, thực hiện tốt Nghị quyết Đại hội X của Đảng, Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ ba, triển khai có kết quả các Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư của Ban Chấp hành Trung ương; nỗ lực phấn đấu thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2007; tạo tiền đề cho bước phát triển mạnh mẽ, bền vững của đất nước những năm tiếp theo.

Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện
Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành
Trung ương khóa X, Sđd, tr.107-117.*

**QUYẾT ĐỊNH
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ**

Số 35-QĐ/TW, ngày 16 tháng 1 năm 2007

**Thành lập Ban Chỉ đạo Trung ương
cuộc vận động "Học tập và làm theo tấm gương
đạo đức Hồ Chí Minh"**

- Căn cứ Điều lệ Đảng;
- Căn cứ Chỉ thị 06-CT/TW, ngày 7-11-2006 của Bộ Chính trị;
- Xét đề nghị của Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương,

BỘ CHÍNH TRỊ QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Ban Chỉ đạo Trung ương cuộc vận động "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh", gồm các đồng chí:

- 1- Đồng chí Nông Đức Mạnh, Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương, Trưởng Ban Chỉ đạo.
- 2- Đồng chí Nguyễn Tấn Dũng, Ủy viên Bộ Chính trị, Thủ tướng Chính phủ, Phó trưởng Ban Chỉ đạo.
- 3- Đồng chí Nguyễn Phú Trọng, Ủy viên Bộ Chính trị, Chủ tịch Quốc hội, Phó trưởng Ban Chỉ đạo.

4- Đồng chí Tô Huy Rứa, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương, Phó trưởng Ban Chỉ đạo.

5- Đồng chí Hồ Đức Việt, Ủy viên Bộ Chính trị, Trưởng Ban Tổ chức Trung ương, Ủy viên.

6- Đồng chí Nguyễn Văn Chi, Ủy viên Bộ Chính trị, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Ủy viên.

7- Đồng chí Phùng Quang Thanh, Ủy viên Bộ Chính trị, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Ủy viên.

8- Đồng chí Lê Hồng Anh, Ủy viên Bộ Chính trị, Bộ trưởng Bộ Công an, Ủy viên.

9- Đồng chí Tòng Thị Phóng, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng Ban Dân vận Trung ương, Ủy viên.

10- Đồng chí Phạm Thế Duyệt, Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Ủy viên.

11- Đồng chí Lê Doãn Hợp, Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin, Ủy viên.

12- Đồng chí Nguyễn Thiện Nhân, Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Ủy viên.

13- Đồng chí Đỗ Quang Trung, Bộ trưởng Bộ Nội vụ, Ủy viên.

14- Đồng chí Võ Văn Thưởng, Ủy viên dự khuyết Trung ương Đảng, Bí thư thứ nhất Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Ủy viên.

Điều 2. Ban Chỉ đạo có nhiệm vụ chỉ đạo tổ chức thực hiện tốt cuộc vận động "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh" theo tinh thần Chỉ thị số 06-CT/TW, ngày 7-11-2006 của Bộ Chính trị.

Điều 3. Giao Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương là cơ quan thường trực của Ban Chỉ đạo, phối hợp với các cơ quan liên quan hướng dẫn triển khai cuộc vận động, biên soạn tài liệu, chuẩn bị đội ngũ giảng viên phục vụ cuộc vận động, giúp Ban Chỉ đạo theo dõi, kiểm tra đôn đốc việc thực hiện Chỉ thị, định kỳ báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

Điều 4. Các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc Trung ương có liên quan và các đồng chí có tên tại Điều 1 thi hành Quyết định này.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
TỔNG Bí THƯ

NÔNG ĐỨC MẠNH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN Bí THƯ**

Số 36-QĐ/TW, ngày 17 tháng 1 năm 2007

**Thành lập Bộ phận giúp việc
Ban Chỉ đạo Trung ương cuộc vận động
"Học tập và làm theo tấm gương đạo đức
Hồ Chí Minh"**

- Căn cứ Điều lệ Đảng;
- Căn cứ Chỉ thị số 06-CT/TW, ngày 7-11-2006 của Bộ Chính trị;
- Xét đề nghị của Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương,

BAN Bí THƯ QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Bộ phận giúp việc Ban Chỉ đạo Trung ương cuộc vận động "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh", gồm các đồng chí :

- 1- Đồng chí Phùng Hữu Phú, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Trưởng Ban Thường trực Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương, Tổ trưởng.
- 2- Các đồng chí Phó Trưởng Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương, Thành viên.

3- 1 đồng chí Phó Trưởng Ban Tổ chức Trung ương, Thành viên.

4- 1 đồng chí Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Thành viên.

5- 1 đồng chí Phó Trưởng Ban Dân vận Trung ương, Thành viên.

6- Đồng chí Tổng Giám đốc Đài Truyền hình Việt Nam, Thành viên.

7- Đồng chí Tổng Giám đốc Đài Tiếng nói Việt Nam, Thành viên.

8- 1 đồng chí Thứ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin, Thành viên.

9- 1 đồng chí Thứ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Thành viên.

10-1 đồng chí Phó Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị Quân đội Nhân dân Việt Nam, Thành viên.

11-1 đồng chí Thứ trưởng Bộ Công an, Thành viên.

12-1 đồng chí Phó Chánh Văn phòng Trung ương Đảng, Thành viên.

13-1 đồng chí Bí thư Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Thành viên.

14-1 đồng chí Phó Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Thành viên.

15-1 đồng chí Phó Chủ tịch Hội Nông dân Việt Nam, Thành viên.

16-1 đồng chí Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Thành viên.

17-1 đồng chí Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh Việt Nam, Thành viên.

Điều 2. Bộ phận giúp việc có nhiệm vụ giúp Ban Chỉ đạo trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện cuộc vận động "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh" ở các cấp. Bộ phận giúp việc đặt tại Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương.

Điều 3. Các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc Trung ương có liên quan và các đồng chí có tên tại Điều 1 thi hành Quyết định này.

T/M BAN BÍ THƯ
TRƯỞNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**CHỈ THỊ
CỦA BAN Bí THU**

Số 08-CT/TW, ngày 18 tháng 1 năm 2007

**Về việc tổ chức kỷ niệm 45 năm thiết lập
quan hệ ngoại giao và 30 năm ngày ký
Hiệp ước hữu nghị và hợp tác Việt Nam - Lào
(5-9-1962 - 5-9-2007 và 18-7-1977 - 18-7-2007)**

Việt Nam và Lào là hai nước láng giềng gần gũi, có mối quan hệ hữu nghị truyền thống lâu đời, tình đoàn kết đặc biệt và sự hợp tác toàn diện được Chủ tịch Hồ Chí Minh và Chủ tịch Caxxon Phômvihan dày công vun đắp. Bước vào thời kỳ mới, truyền thống quý báu và tốt đẹp đó tiếp tục được hai Đảng và nhân dân hai nước củng cố và phát triển. Vì vậy, việc tổ chức kỷ niệm trọng thể 45 năm thiết lập quan hệ ngoại giao và 30 năm ngày ký Hiệp ước hữu nghị và hợp tác Việt Nam - Lào có ý nghĩa hết sức to lớn.

I- MỤC ĐÍCH

Tuyên truyền, giáo dục cán bộ, đảng viên, các tầng lớp nhân dân, nhất là thế hệ trẻ nhận thức sâu sắc về mối quan hệ hữu nghị truyền thống lâu đời, tình đoàn kết đặc biệt và

sự hợp tác toàn diện giữa hai nước, trên cơ sở đó, nâng cao trách nhiệm giữ gìn, vun đắp và phát triển mãi mãi mối quan hệ tốt đẹp này.

Khẳng định sự nhất quán, thủy chung của Việt Nam luôn coi trọng và phát triển quan hệ hữu nghị, đoàn kết đặc biệt, sự hợp tác toàn diện Việt Nam - Lào trong hiện tại và tương lai vì lợi ích của nhân dân mỗi nước, vì hòa bình, ổn định, hợp tác và phát triển của khu vực và trên thế giới.

II- YÊU CẦU

Kỷ niệm 45 năm thiết lập quan hệ ngoại giao Việt Nam - Lào và 30 năm ngày ký Hiệp ước hữu nghị và hợp tác Việt Nam - Lào phải được tổ chức trọng thể với các hoạt động thiết thực, phong phú, tạo không khí phấn khởi, tin tưởng, tự hào trong nhân dân về những thành tựu to lớn của mỗi nước và về mối quan hệ hữu nghị, đoàn kết đặc biệt, hợp tác toàn diện Việt Nam - Lào.

III- NỘI DUNG VÀ BIỆN PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thành lập Ban Chỉ đạo quốc gia tổ chức kỷ niệm 45 năm thiết lập quan hệ ngoại giao và 30 năm ngày ký Hiệp ước hữu nghị và hợp tác Việt Nam - Lào, do đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, Phó Thủ tướng Chính phủ phụ trách công tác đối ngoại làm Trưởng ban.

2. Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương chủ trì, hướng dẫn các cấp, các ngành, các cơ quan thông tin đại chúng tuyên truyền sâu rộng về truyền thống quan hệ hữu nghị,

đoàn kết đặc biệt, hợp tác toàn diện giữa Đảng, Nhà nước, nhân dân và quân đội hai nước Việt Nam - Lào. Tăng cường trao đổi lý luận và thực tiễn về công cuộc đổi mới trong bối cảnh hội nhập quốc tế của hai nước. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan biên soạn lịch sử quan hệ đặc biệt và liên minh chiến đấu Việt Nam - Lào.

3. Ban Đối ngoại Trung ương, Bộ Ngoại giao tham mưu để phối hợp với bạn tổ chức các hoạt động của đoàn cấp cao của Đảng, Nhà nước hai nước trong dịp lễ kỷ niệm; chuẩn bị điện chúc mừng của lãnh đạo Đảng và Nhà nước ta.

Bộ Ngoại giao hướng dẫn tổ chức kỷ niệm hai sự kiện trên cho các cơ quan ngoại giao Việt Nam ở ngoài nước. Phối hợp với Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội tổ chức lễ mít tinh kỷ niệm trọng thể tại Hà Nội.

4. Bộ Văn hóa - Thông tin chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan biên soạn cuốn sách ảnh để phục vụ kỷ niệm; chủ trì và phối hợp với các hội văn học nghệ thuật, Hội Hữu nghị Việt Nam - Lào tổ chức thi sáng tác văn học nghệ thuật về tình hữu nghị, đoàn kết đặc biệt, hợp tác toàn diện Việt Nam - Lào; tổ chức Tuần văn hóa Việt Nam tại Lào và Tuần văn hóa Lào tại Việt Nam; tổ chức tuần phim, biểu diễn nghệ thuật và triển lãm ở Hà Nội về thành tựu quan hệ hữu nghị, đoàn kết đặc biệt, sự hợp tác toàn diện Việt Nam - Lào.

5. Báo Nhân dân chủ trì, phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo, Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Hữu nghị Việt - Lào tổ chức cuộc thi tìm hiểu về truyền thống hữu nghị, đoàn kết đặc biệt, hợp tác toàn diện Việt - Lào trong thanh niên, thiếu niên, học sinh, sinh viên và nhân dân cả nước.

6. Các địa phương, đơn vị tổ chức thăm hỏi, gặp gỡ các gia đình liệt sĩ, thương binh, bệnh binh, các chuyên gia, cán bộ an ninh, các chiến sĩ tình nguyện đã chiến đấu và công tác tại Lào; tổ chức thăm hỏi, các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao... tại những nơi có cán bộ Lào công tác, học tập.

7. Các bộ, ban, ngành, Mặt trận, đoàn thể, địa phương đẩy mạnh việc thực hiện các hiệp định, thỏa thuận và cam kết giữa Việt Nam với Lào, đặc biệt là các công trình, dự án trọng điểm, nâng cao hiệu quả hợp tác.

8. Các tỉnh có biên giới giáp Lào tăng cường hoạt động giao lưu, kết nghĩa; đẩy mạnh các hoạt động giúp nhau phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh với các địa phương của nước bạn Lào.

9. Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể chính trị - xã hội hướng dẫn tổ chức các hoạt động kỷ niệm hai sự kiện này trong tổ chức của mình bảo đảm thiết thực, hiệu quả.

Các hoạt động kỷ niệm được tổ chức sâu rộng trong cả nước từ tháng 1 đến tháng 9-2007. Các cấp ủy cần có kế hoạch cụ thể và lãnh đạo thực hiện tốt việc tổ chức kỷ niệm 45 năm thiết lập quan hệ ngoại giao và 30 năm ngày ký Hiệp ước hữu nghị và hợp tác Việt Nam - Lào.

T/M BAN BÍ THƯ

TRƯỞNG TẤN SANG

Đảng Cộng sản Việt Nam: *Các nghị quyết
của Trung ương Đảng 2005 - 2010*, Nxb. Chính trị
quốc gia, Hà Nội, tr.488-491.

mới hoạt động của hệ thống chính trị và đổi mới công tác cán bộ".

2. Về nội dung của Đề án

Bộ Chính trị lưu ý một số nội dung trong Đề án cần tiếp tục nghiên cứu, bổ sung và hoàn chỉnh thêm như sau:

2.1. Tên Đề án

"*Đẩy mạnh cải cách hành chính, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của bộ máy nhà nước*" (bổ sung 2 từ "góp phần").

2.2. Về phạm vi

Giữ phạm vi Đề án như đã nêu tại Thông báo kết luận số 50-TB/TW, ngày 19-12-2006 của Bộ Chính trị, lưu ý bổ sung đầy đủ hơn về cải cách thủ tục hành chính.

2.3. Về bố cục, tóm thành bố cục của Đề án gồm 4 phần, trong đó trọng tâm là phần 2 về mục tiêu, quan điểm, yêu cầu và phần 3 về chủ trương, giải pháp.

2.4. Về đánh giá kết quả đạt được của cải cách hành chính

- Đề án cần phân tích sâu hơn thành tựu và hạn chế; lưu ý bổ sung một số vấn đề trong Đề án đề cập chưa đầy đủ, như: đánh giá, kiểm điểm rõ hơn kết quả thực hiện các nghị quyết của Đảng, chương trình cải cách hành chính của Chính phủ; kết quả cải cách thủ tục hành chính; mối quan hệ giữa các cơ quan; cải cách tài chính công.

THÔNG BÁO KẾT LUẬN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 55-TB/TW, ngày 18 tháng 1 năm 2007

Về Đề án "Đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của bộ máy nhà nước"

Ngày 4 và sáng ngày 5-1-2007, sau khi nghe Tổ Biên tập xây dựng Đề án "Đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của bộ máy nhà nước", báo cáo và ý kiến của các ban, bộ, ngành liên quan, Bộ Chính trị đã thảo luận và kết luận như sau:

1. Đây là vấn đề lớn, quan trọng, phức tạp và nhạy cảm; nhiều điểm có liên quan đến Hiến pháp. Vì vậy, cần được nghiên cứu thận trọng và cân nhắc kỹ.

Đề án được chuẩn bị công phu, đã tiếp thu kết quả quá trình cải cách hành chính, có tham khảo kinh nghiệm các nước và mạnh dạn đề xuất nhiều chủ trương, giải pháp mới. Tuy nhiên, do còn nhiều vấn đề chưa rõ, chưa đồng bộ nên cần tiếp tục được nghiên cứu, hoàn chỉnh để trình Hội nghị Trung ương 5 thảo luận và thông qua cùng với Đề án về "Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng gắn với đổi

- Về nguyên nhân, nên phân tích cả nguyên nhân chủ quan và nguyên nhân khách quan; phân tích rõ hơn nguyên nhân thứ nhất, một số chi tiết cần cân nhắc, chỉnh sửa cho chính xác; có nhấn mạnh chế độ trách nhiệm của người đứng đầu.

2.5. Về mục tiêu, quan điểm

- *Mục tiêu:* Nên khái quát hơn, gọn hơn và thể hiện tập trung vào 4 yếu tố cần đạt được của nền hành chính là: trong sạch, dân chủ, hiệu lực và hiệu quả. Chú ý mục tiêu cải cách hành chính là phục vụ nhân dân, góp phần xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa.

- *Quan điểm:* Cần lưu ý một số vấn đề sau:

+ Thể hiện rõ hơn quan điểm về xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, nguyên tắc quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp giữa các cơ quan lập pháp, hành pháp và tư pháp do Đảng lãnh đạo; tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước thực hiện theo nguyên tắc tập trung dân chủ.

+ Đổi mới mạnh mẽ, đồng bộ nhưng có bước đi thích hợp; có kế thừa những thành quả 60 năm qua về xây dựng nhà nước.

+ Cần làm rõ quan điểm bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng trong xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa; quá trình cải cách hành chính phải giữ vững và nâng cao vai trò lãnh đạo của Đảng trong các lĩnh vực, đặc biệt là trong công tác cán bộ.

+ Cần căn cứ vào điều kiện lịch sử, thể chế chính trị và đặc điểm của Nhà nước ta.

2.6. Về chủ trương và giải pháp

Đây là vấn đề hệ trọng, cần lựa chọn, cân nhắc kỹ, có đối chiếu với Cương lĩnh, Hiến pháp, Nghị quyết Đại hội X và các nghị quyết của Trung ương, Bộ Chính trị trước đây để đề ra các giải pháp thích hợp. Trong đó, lưu ý một số vấn đề:

- *Về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng:*

+ Đảng lãnh đạo phải thể hiện ở cả 3 nội dung: về đường lối, về công tác cán bộ và về công tác kiểm tra, giám sát.

+ Bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng bằng hình thức thích hợp, Đảng thống nhất quản lý cán bộ và tăng cường công tác kiểm tra. Cần thể hiện rõ chức năng của các tổ chức đảng trong việc kiểm tra thực hiện đường lối, quan điểm và trong công tác cán bộ của Đảng.

+ Cần cụ thể hóa việc tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, của mỗi tổ chức đảng, đặc biệt là cấp ủy đảng ở cơ sở, đơn vị gắn liền với việc thực hiện cải cách thủ tục hành chính.

- *Về đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng,* lưu ý có lý giải cụ thể hơn khi kiến nghị việc thí điểm nhất thể hóa một số chức danh lãnh đạo bộ máy đảng và bộ máy nhà nước.

- *Việc sắp xếp tổ chức bộ máy* cơ quan của Đảng liên quan đến Đề án sắp xếp bộ máy các cơ quan đảng và cơ quan nhà nước, nên có đối chiếu để bảo đảm nhất quán giữa hai đề án. Việc tăng cường vai trò tham mưu của các cấp ủy, tổ chức đảng ở các cơ quan nhà nước trong xây dựng, chuẩn bị các đề án và triển khai thực hiện là cần thiết; tuy nhiên, cần phải tiếp tục củng cố, nâng cao chất lượng các cơ quan chuyên trách công tác đảng, tức các ban của Đảng để thực hiện đầy đủ chức năng tham mưu, thẩm định, hướng dẫn và kiểm tra, giám sát.

- Về đổi mới tổ chức và hoạt động của Quốc hội:

Cần bổ sung, phân tích sâu hơn về định hướng đổi mới tổ chức và hoạt động của Quốc hội, trong đó có việc xác định chức năng, thẩm quyền của các cơ quan của Quốc hội. Bổ sung những chủ trương, giải pháp để nâng cao năng lực thực hiện quyền lập pháp, năng lực giám sát tối cao và quyết định những vấn đề quan trọng của đất nước.

- Về đổi mới tổ chức và hoạt động của cơ quan tư pháp, trên cơ sở Nghị quyết 49 của Bộ Chính trị về cải cách tư pháp, phát triển, cụ thể hóa những vấn đề cần thiết để thực hiện Nghị quyết Đại hội X tốt hơn. Chưa đặt vấn đề chuyển Viện kiểm sát thành Viện công tố thuộc Chính phủ.

- Về xây dựng và hoàn thiện hệ thống thể chế, cần chú ý đến quy trình xây dựng các văn bản pháp luật, mọi vấn đề trước khi đưa ra lấy ý kiến nhân dân phải được chuẩn bị kỹ, những vấn đề nhạy cảm phải xin ý kiến Bộ Chính trị trước khi lấy ý kiến rộng rãi. Đồng thời với việc lấy ý kiến, phải tổ chức quán triệt, tuyên truyền về trách nhiệm, quyền hạn của công dân, về những kiến thức cơ bản liên quan đến nội dung cần lấy ý kiến.

- Về chức năng của Chính phủ, giữ nguyên chức năng của Chính phủ như đã ghi trong Hiến pháp: Chính phủ là cơ quan chấp hành của Quốc hội, là cơ quan hành chính nhà nước cao nhất. Nội dung Đề án phải thể hiện cả hai vấn đề trên.

- Về cơ cấu Chính phủ: Đồng ý giảm đầu mối các bộ, cơ quan trực thuộc Chính phủ theo nguyên tắc tổ chức các bộ theo hướng quản lý đa ngành, nhưng có tính đến đặc thù của từng lĩnh vực; một số lĩnh vực cần quản lý riêng thì vẫn là bộ đơn ngành.

Cần nhắc thêm việc chuyển chức năng quản lý trại giam sang Bộ Tư pháp. Nêu rõ căn cứ của việc dự định chuyển một số chức năng hiện do công an, quân đội quản lý sang cơ quan dân sự quản lý.

- Về hội đồng nhân dân: Cần nêu rõ hơn vị trí, vai trò của hội đồng nhân dân; củng cố, tăng cường hội đồng nhân dân cấp tỉnh; nhất trí với định hướng bỏ hội đồng nhân dân ở cấp quận, huyện và cấp phường. Không quy định chủ tịch ủy ban nhân dân đồng thời là thường trực hội đồng nhân dân.

Đối với cấp xã: Trong Đề án cần nói rõ chức năng của xã, phường làm những việc gì, từ đó xác định biên chế cho phù hợp, khắc phục tình trạng phình biên chế ra như hiện nay. Nên có chủ trương quy định khung biên chế theo một số loại xã, phường để các xã, phường tự quyết định chức danh, biên chế ở đơn vị mình.

Đồng ý chủ trương nhân dân trực tiếp bầu chủ tịch xã.

- Về người đứng đầu cơ quan hành chính:

Nhất trí thực hiện chế độ thủ trưởng trong các cơ quan hành chính. Tuy nhiên, cần cân nhắc về tên gọi, đồng thời có cơ chế bảo đảm nguyên tắc tập trung dân chủ, quy định rõ đâu là thẩm quyền, trách nhiệm của người đứng đầu, đâu là thẩm quyền, trách nhiệm của tập thể và bảo đảm việc kiểm tra, giám sát cho thích hợp.

Nêu rõ hơn cơ chế bảo đảm thực hiện chủ trương điều động, luân chuyển cán bộ. Đối với các trường hợp nhân sự tại chỗ của cấp tỉnh, có thể kết hợp giữa hội đồng nhân dân giới thiệu và Thủ tướng bổ nhiệm; đối với các trường hợp điều động (giữa nhiệm kỳ) thì không nhất thiết phải do hội đồng nhân dân giới thiệu.

Về quyết định nhân sự Phó Thủ tướng, nên giữ như quy định hiện hành.

- *Về phân cấp quản lý cán bộ:* Cần bám sát nguyên tắc giữ vững và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác cán bộ. Đảng thống nhất quản lý cán bộ, đồng thời phát huy trách nhiệm của tổ chức và cá nhân người đứng đầu, mạnh dạn phân cấp cho cấp ủy, tổ chức đảng, nhưng không để hiểu là phân cấp cho cá nhân. Đi đôi với việc phân cấp, cần tăng cường thực hiện chức năng kiểm tra, giám sát công tác cán bộ của các ban xây dựng Đảng.

Cân nhắc kỹ việc phân cấp, bổ nhiệm cấp thứ trưởng và tương đương, vì đây là nguồn nhân sự cán bộ ở cấp cao hơn.

- *Về cải cách chế độ công vụ, công chức:*

+ *Về phân định cán bộ, công chức:* có giải pháp về tiêu chuẩn và chính sách đối với từng đối tượng làm việc trong các cơ quan đảng, tổ chức đoàn thể và bộ máy nhà nước, nhưng không tách các đối tượng này thành chức danh cán bộ chính trị và công chức hành chính, viên chức sự nghiệp. Tiếp tục nghiên cứu về chức danh công chức xã, nếu có vấn đề cần điều chỉnh thì điều chỉnh cho phù hợp.

+ *Về thi tuyển chức danh lãnh đạo:* Việc thi tuyển chức danh lãnh đạo phải đi liền với công tác quản lý cán bộ, xây dựng đội ngũ cán bộ phù hợp với chủ trương luân chuyển cán bộ của Đảng. Vì vậy, nên có quy định thi tuyển ở một số chức danh lãnh đạo nhất định, không phải ở tất cả các chức danh, đồng thời cần có phương án làm thí điểm trước khi triển khai đại trà.

+ *Về đổi mới quản lý biên chế,* cần có quy định chỉ những công chức, viên chức ở cấp nào mới thực hiện chế độ hợp

đồng. Cán bộ quản lý chưa nên thực hiện chế độ hợp đồng. Cần có bước đi thích hợp trong việc chuyển cơ chế quản lý cán bộ, công chức theo biên chế sang chế độ hợp đồng.

+ *Về giảm cấp phó trong bộ máy,* nhất trí với hướng giảm cấp phó trong các cơ quan đi đôi với đổi mới phương thức và lề lối làm việc. Tuy nhiên, nên tính kỹ lại chủ trương: "không nhất thiết triệu tập lãnh đạo bộ, ngành cùng dự các cuộc làm việc của lãnh đạo Đảng, Nhà nước". Nên nghiên cứu để có quy định một số bộ có thể có cấp phó nhiều hơn 3.

+ Về hiện đại hóa công sở, nên cân nhắc lại chủ trương xây dựng khu hành chính tập trung, vì tuyệt đại bộ phận đã có trụ sở rồi, tránh hình thức, gây ra lãng phí lớn.

- *Về công khai, minh bạch:* Công khai, minh bạch là cần thiết nhưng phải theo quy định của pháp luật. Cân nhắc thận trọng việc công khai tài sản, công khai các khoản chi tiêu đặc biệt.

2.7. Về sửa đổi Hiến pháp: Những vấn đề liên quan Hiến pháp thì phải đặt ra để Trung ương thảo luận, tuy nhiên phải cân nhắc rất kỹ và chỉ nên đưa ra định hướng sửa một số lĩnh vực hết sức cần thiết liên quan đến nội dung cải cách hành chính, chưa nên nêu rõ cụ thể sửa điều nào. Việc sửa Hiến pháp phải tuân thủ các bước theo quy định của pháp luật. Cân nhắc đối với kiến nghị sửa các Điều 103, 119, Điều 137 đến 140.

2.8. Về tổ chức thực hiện

- Trong tổ chức thực hiện, cần có sự phân định những giải pháp có khả năng thực hiện ngay, những giải pháp, vấn đề còn cần phải tiếp tục nghiên cứu cụ thể thêm.

- Các cấp ủy phải thực hiện chức năng kiểm tra, giám sát theo quy định của Điều lệ Đảng. Không nên đặt vấn đề hàng năm Ban Chấp hành Trung ương dành thời gian để kiểm điểm, đánh giá riêng về sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác cải cách hành chính.

3. Về việc hoàn chỉnh Đề án trình Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương

- Trên cơ sở ý kiến Bộ Chính trị, Tổ Biên tập tiếp thu, hoàn chỉnh Đề án; tổ chức lấy ý kiến các ban đảng, một số cơ quan, bộ, ngành và địa phương để nâng cao chất lượng Đề án, chuẩn bị kỹ để Bộ Chính trị cho ý kiến trước khi trình Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa X thông qua.

- Ngoài Đề án và dự thảo Nghị quyết, trong Tờ trình cần nêu một số vấn đề còn ý kiến khác nhau để Bộ Chính trị tập trung thảo luận, cho ý kiến.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
TRƯỜNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

KẾ HOẠCH CỦA BAN Bí THƯ

Số 01-KH/TW, ngày 19 tháng 1 năm 2007

Tổ chức kỷ niệm 77 năm Ngày thành lập Đảng và phát động cuộc vận động "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh"

Thực hiện Chỉ thị số 06-CT/TW, ngày 7-11-2006 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư hướng dẫn kế hoạch tổ chức kỷ niệm 77 năm Ngày thành lập Đảng và phát động cuộc vận động "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh" như sau:

I- CĂN CỨ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

1. Nghị quyết Đại hội X, Nghị quyết Hội nghị Trung ương 3 khóa X đã khẳng định cần phải đẩy mạnh cuộc đấu tranh chống suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, trong đó xác định cần thực hiện cuộc vận động "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh" trong toàn Đảng và cả hệ thống chính trị.

2. Ngày 7-11-2006, Bộ Chính trị đã ban hành Chỉ thị số 06-CT/TW "Về tổ chức cuộc vận động học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh". Chỉ thị nêu rõ: Tổ chức cuộc vận động trong toàn Đảng, toàn dân từ ngày kỷ niệm 77 năm Ngày thành lập Đảng (3-2-2007) đến hết nhiệm kỳ Đại hội X của Đảng. Bộ Chính trị giao Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương phối hợp với các cơ quan liên quan hướng dẫn triển khai cuộc vận động.

3. Ngày 6-12-2006, Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương đã có Hướng dẫn số 11-HD/TTVH hướng dẫn các ngành, các địa phương triển khai cuộc vận động. Trong Hướng dẫn, Ban đã yêu cầu các ngành, địa phương tích cực chuẩn bị các điều kiện để triển khai, hưởng ứng lễ phát động của Trung ương và thực hiện cuộc vận động tại ngành, địa phương ngay sau lễ phát động của Trung ương.

II- CÁC HOẠT ĐỘNG TỔ CHỨC KỶ NIỆM VÀ LỄ PHÁT ĐỘNG CUỘC VẬN ĐỘNG

1. Tổ chức mít tinh ở Hà Nội: Do kỷ niệm Ngày thành lập Đảng năm nay là năm lẻ, nên nội dung chủ yếu kỷ niệm Ngày thành lập Đảng là phát động cuộc vận động. Trong diễn văn kỷ niệm, có cả hai nội dung: kỷ niệm Ngày thành lập Đảng và phát động cuộc vận động.

2. Các tỉnh, thành phố tổ chức mít tinh kỷ niệm 77 năm Ngày thành lập Đảng và lễ phát động cuộc vận động "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh" tại địa phương mình ngay sau lễ phát động của Trung ương (2-2-2007), thể hiện sự hưởng ứng trong toàn Đảng thực hiện cuộc

vận động. Sau lễ phát động, các ngành, địa phương chọn triển khai cuộc vận động ở một số đảng bộ để làm điểm và tuyên truyền sâu rộng trong cán bộ, đảng viên và nhân dân trên các phương tiện thông tin đại chúng, tạo khí thế ngay từ đầu cho cuộc vận động.

3. Các hoạt động kỷ niệm và phát động cuộc vận động ở Trung ương được truyền trực tiếp trên chương trình chính trị - xã hội của Đài Truyền hình Việt Nam và Đài Tiếng nói Việt Nam. Hoạt động kỷ niệm và lễ phát động của tỉnh, thành phố được truyền trực tiếp trên đài phát thanh và truyền hình tỉnh, thành phố. Đài Truyền hình Việt Nam có chương trình tổng hợp thật đậm nét về lễ phát động cuộc vận động trong toàn quốc vào chương trình tối ngày 3-2-2007.

III- CHƯƠNG TRÌNH LỄ MÍT TINH KỶ NIỆM 77 NĂM NGÀY THÀNH LẬP ĐẢNG VÀ LỄ PHÁT ĐỘNG CUỘC VẬN ĐỘNG "HỌC TẬP VÀ LÀM THEO TẤM GƯƠNG ĐẠO ĐỨC HỒ CHÍ MINH" CỦA TRUNG ƯƠNG TẠI HÀ NỘI

1. *Thời gian:* 9 giờ, ngày 2-2-2007.
2. *Địa điểm:* Hội trường Ba Đình, Hà Nội.
3. *Chương trình cụ thể:*
 - 9 giờ đến 9 giờ 30 phút: Văn nghệ chào mừng.
 - 9 giờ 30 phút: Chào cờ (hát Quốc ca và Quốc tế ca).
 - Tuyên bố lý do và giới thiệu đại biểu.
 - Diễn văn kỷ niệm 77 năm Ngày thành lập Đảng và lễ phát động cuộc vận động "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh" do đồng chí Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh đọc.

- Phát biểu hưởng ứng cuộc vận động của Thành ủy Hà Nội, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam và Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh.
- Bế mạc Lễ kỷ niệm.

IV- PHÂN CÔNG THỰC HIỆN

1. Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương:

- Chủ trì, phối hợp với Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh chuẩn bị Bài diễn văn của Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh tại Lễ kỷ niệm.
- Thẩm định các bài phát biểu khác tại Lễ kỷ niệm.
- Mời cơ quan báo chí đến đưa tin và truyền hình trực tiếp và chỉ đạo công tác tuyên truyền về Lễ kỷ niệm.
- Làm công tác tổ chức mít tinh: lễ chào cờ, tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu, lễ bế mạc...

2. Văn phòng Trung ương:

- Mời các đại biểu dự mít tinh.
- Phối hợp với thành phố Hà Nội bố trí đại biểu dự Lễ kỷ niệm.
- Phối hợp với Bộ Tư lệnh Cảnh vệ đảm bảo công tác an ninh tại Lễ kỷ niệm.

3. Bộ Văn hóa - Thông tin:

- Chuẩn bị quân nhạc, cờ Quốc ca, Quốc tế ca (có lời) tại Lễ kỷ niệm.

4. Thành phố Hà Nội:

- Chuẩn bị bài phát biểu hưởng ứng cuộc vận động tại Lễ

kỷ niệm (bài phát biểu gửi Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương thẩm định).

- Chủ trì, phối hợp với Văn phòng Trung ương chuẩn bị thành phần, bố trí chỗ ngồi, số lượng đại biểu đại diện cho các tầng lớp nhân dân Thủ đô tham dự Lễ kỷ niệm.

5. Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh:

Chuẩn bị bài phát biểu hưởng ứng cuộc vận động tại Lễ kỷ niệm (bài phát biểu gửi Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương thẩm định).

- 6. Bộ Tư lệnh Cảnh vệ: Bảo đảm an ninh cho Lễ kỷ niệm.

- 7. Ban Tài chính - Quản trị Trung ương: Bảo đảm kinh phí cho Lễ kỷ niệm.

T/M BAN Bí THƯ

TRƯỞNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**CHỈ THỊ
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ**

Số 09-CT/TW, ngày 26 tháng 1 năm 2007

Về lãnh đạo cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XII

Theo quy định của Hiến pháp và pháp luật hiện hành, cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XII được tiến hành chậm nhất là trong tháng 5-2007.

Bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XII diễn ra trong thời điểm toàn Đảng, toàn dân, toàn quân đang nỗ lực đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới theo tinh thần Nghị quyết Đại hội X của Đảng; chủ động hội nhập kinh tế quốc tế sâu rộng hơn với tư cách là thành viên của Tổ chức Thương mại thế giới. Sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc đang có những thuận lợi và cơ hội lớn; đồng thời cũng gặp nhiều khó khăn, thử thách; các thế lực thù địch vẫn tiếp tục chống phá quyết liệt sự nghiệp đổi mới và phát triển của đất nước ta. Đòi hỏi đối với toàn dân tộc lúc này là phải quyết tâm tranh thủ thời cơ, vượt qua thách thức, sớm đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển, thực hiện bằng được mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Tình hình mới đặt ra những yêu cầu mới cao hơn đối với tổ chức và hoạt động của Quốc hội khóa XII. Vì vậy, việc lựa chọn, hiệp thương giới thiệu để cử tri bầu được những người có đủ đức, tài, xứng đáng đại diện cho các tầng lớp nhân dân tham gia cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân trong năm 2007.

Quán triệt Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa X), để cuộc bầu cử Quốc hội khóa XII đạt kết quả tốt, Bộ Chính trị yêu cầu các cấp ủy, tổ chức đảng lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện đạt kết quả cao các yêu cầu, nhiệm vụ sau đây:

1. Có kế hoạch lãnh đạo, chỉ đạo cụ thể việc chuẩn bị và tổ chức thắng lợi cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XII; bảo đảm dân chủ, đúng pháp luật, an toàn, tiết kiệm, thực sự là ngày hội của toàn dân.

2. Lãnh đạo tốt công tác nhân sự để giới thiệu những người đủ tiêu chuẩn ứng cử đại biểu Quốc hội. Đại biểu Quốc hội khóa XII phải là những người yêu nước, trung thành với Tổ quốc và Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, phấn đấu thực hiện thành công sự nghiệp đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh; có phẩm chất đạo đức tốt, cần kiệm, liêm chính, chí công vô tư, gương mẫu chấp hành pháp luật, không tham nhũng, kiên quyết đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí và các hành vi vi phạm pháp luật; có trình độ, năng lực và điều kiện thực hiện nhiệm vụ đại biểu Quốc hội; liên hệ chặt chẽ với nhân dân, lắng nghe ý kiến của nhân dân, được nhân dân tín nhiệm.

3. Trên cơ sở bảo đảm tiêu chuẩn, coi trọng tiêu chuẩn về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống, trình độ, năng lực và điều kiện thực hiện nhiệm vụ đại biểu Quốc hội, cần có cơ cấu hợp lý về thành phần đại biểu Quốc hội; có tỷ lệ thích đáng là đại biểu các dân tộc thiểu số, các tôn giáo, đại biểu nữ, đại biểu trẻ tuổi, đại biểu xuất thân từ công nhân, nông dân; đại biểu của các nhà khoa học, trí thức, doanh nhân tiêu biểu thuộc các thành phần kinh tế; có cơ cấu hợp lý số đại biểu là người đang công tác ở các cơ quan đảng, nhà nước, lực lượng vũ trang, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân. Tăng số lượng đại biểu Quốc hội chuyên trách, bảo đảm tỷ lệ theo quy định của Luật tổ chức Quốc hội. Việc lựa chọn, giới thiệu người ứng cử đại biểu Quốc hội phải bảo đảm chặt chẽ, đúng tiêu chuẩn, quy trình theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của các cơ quan trung ương có thẩm quyền.

4. Phát huy quyền dân chủ của nhân dân trong việc lựa chọn, giới thiệu người ứng cử đại biểu Quốc hội; bảo đảm để mọi công dân được thực hiện đầy đủ quyền ứng cử, bầu cử theo quy định của pháp luật.

5. Chỉ đạo tốt công tác tuyên truyền, phổ biến sâu rộng trong toàn Đảng, toàn dân và toàn quân về ý nghĩa và tầm quan trọng của cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XII; về Luật bầu cử đại biểu Quốc hội; về vị trí, vai trò của Quốc hội và đại biểu Quốc hội; về quyền và nghĩa vụ của công dân nhằm nâng cao nhận thức và trách nhiệm trong việc xây dựng bộ máy nhà nước trong sạch, vững mạnh; động viên các tầng lớp nhân dân hái hái tham gia bầu cử.

6. Chỉ đạo việc xây dựng các phương án bảo đảm an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội; giải quyết kịp thời các

khiếu nại, tố cáo của công dân; ngăn chặn mọi hành vi vi phạm pháp luật, lợi dụng dân chủ để làm việc sai trái. Kiên quyết đấu tranh chống mọi luận điệu xuyên tạc, những âm mưu, hành động phá hoại cuộc bầu cử, lợi dụng bầu cử để gây rối. Có các phương án đối phó với những tình huống thiên tai có thể xảy ra trong thời gian tiến hành bầu cử.

7. Các cấp ủy, tổ chức đảng, Đảng đoàn Quốc hội, Ban Cán sự Đảng Chính phủ, Đảng đoàn Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Hội đồng Bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XII cần có kế hoạch cụ thể để triển khai thực hiện Chỉ thị, bảo đảm cho cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XII thành công tốt đẹp.

Ban Tổ chức Trung ương có trách nhiệm hướng dẫn thực hiện Chỉ thị này.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

TỔNG Bí THƯ

NÔNG ĐỨC MẠNH

Đảng Cộng sản Việt Nam: *Các nghị quyết của Trung ương Đảng 2005 - 2010*,
Sđd, tr.385-388.

**THÔNG BÁO
Ý KIẾN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ**

Số 56-TB/TW, ngày 26 tháng 1 năm 2007

**Về Dự án Pháp lệnh thực hiện dân chủ
ở xã, phường, thị trấn**

Tại phiên họp ngày 25-1-2007, sau khi nghe báo cáo của Đảng đoàn Quốc hội và ý kiến của các cơ quan hữu quan về Dự án Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn, Bộ Chính trị có ý kiến như sau:

1. Đồng ý với ý kiến của Đảng đoàn Quốc hội về sự cần thiết và phạm vi điều chỉnh của Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn (Báo cáo số 337/ĐĐQH11, ngày 28-12-2006).

2. Về một số nội dung cụ thể của dự thảo Pháp lệnh:

- Những nội dung chính quyền cấp xã công khai để nhân dân biết (Chương II), những nội dung nhân dân bàn và quyết định (Chương III) và những nội dung nhân dân tham gia ý kiến trước khi chính quyền cấp xã quyết định hoặc trình cơ quan có thẩm quyền quyết định (Chương IV) cần nghiên cứu quy định cụ thể hơn nữa để nhân dân hiểu và làm đúng quyền hạn của mình, bảo đảm tính thiết thực, khả thi, hiệu quả, không làm nảy sinh những vấn đề phức tạp khi triển khai thực hiện Pháp lệnh.

- Cần cân nhắc rút ngắn thời hạn xem xét, công nhận những nội dung nhân dân bàn và quyết định xuống dưới 15 ngày (Điều 14).

- Việc lấy phiếu tín nhiệm chủ tịch hội đồng nhân dân, chủ tịch và phó chủ tịch ủy ban nhân dân cấp xã (Điều 23, Chương V), cần nghiên cứu bổ sung thêm chức danh phó chủ tịch hội đồng nhân dân vào đối tượng lấy phiếu tín nhiệm và mở rộng hơn nữa thành phần lấy phiếu tín nhiệm.

Việc lấy phiếu tín nhiệm hàng năm (mỗi năm 1 lần) là nhanh, chưa đủ cơ sở để đánh giá kết quả công tác chỉ đạo, quản lý của cán bộ; mặt khác sẽ gây tốn kém, do vậy cần cân nhắc kỹ có thể quy định 2 năm một lần.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
TRƯỞNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**THÔNG BÁO
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ**

Số 58-TB/TW, ngày 29 tháng 1 năm 2007

Về thời gian tổ chức bầu cử Quốc hội khóa XII

Xem xét Tờ trình của Bộ Chính trị về phương hướng bầu cử và chuẩn bị nhân sự Quốc hội khóa XII (số 29/TLHN, ngày 5-1-2007), tại Hội nghị Trung ương 4 khóa X, Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã đồng ý tổ chức bầu cử Quốc hội khóa XII vào chủ nhật, ngày 20-5-2007.

Xin thông báo để các đồng chí biết và thực hiện.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
TRƯỞNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**THÔNG BÁO
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ**

Số 59-TB/TW, ngày 7 tháng 2 năm 2007

**Về phương hướng bầu cử và chuẩn bị nhân sự
Quốc hội khóa XII**

Tại Hội nghị Trung ương 4 khóa X, Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã xem xét Tờ trình của Bộ Chính trị về phương hướng bầu cử và chuẩn bị nhân sự Quốc hội khóa XII, đã thống nhất các chủ trương cụ thể sau đây:

**1. Về tiêu chuẩn đại biểu Quốc hội và về độ tuổi
của đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách**

- Luật bầu cử đại biểu Quốc hội năm 1997 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật bầu cử đại biểu Quốc hội năm 2002 đã quy định 5 tiêu chuẩn chung của đại biểu Quốc hội, qua hoạt động của Quốc hội các khóa X, XI cho thấy nhìn chung, tiêu chuẩn đại biểu Quốc hội nêu trong Luật bầu cử đại biểu Quốc hội vẫn còn phù hợp. Để tiếp tục nâng cao chất lượng đại biểu Quốc hội đi đôi với việc đảm bảo hợp lý cơ cấu đại diện, cần đặc biệt coi trọng phẩm chất chính trị, tiêu chuẩn về trình độ và năng lực thực hiện nhiệm vụ của đại biểu Quốc hội.

- Đại biểu ứng cử lần đầu hoặc tái cử vào Quốc hội để hoạt động chuyên trách nói chung phải đủ tuổi để làm trọng khoá.

2. Về số lượng đại biểu Quốc hội

Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật bầu cử đại biểu Quốc hội quy định: "Tổng số đại biểu Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam không quá 500 người" (khoản 2, Điều 1). Do vậy, dự kiến tổng số đại biểu Quốc hội khóa XII là 500 đại biểu.

3. Về cơ cấu đại biểu Quốc hội

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ X và từ thực tế hoạt động của Quốc hội khóa XI, cơ cấu đại biểu Quốc hội khóa XII cần được điều chỉnh theo hướng nâng cao chất lượng, tăng thêm số lượng đại biểu Quốc hội chuyên trách, đại biểu nữ, đại biểu người dân tộc thiểu số, đại biểu thuộc khối Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội; giảm hợp lý số đại biểu ở cơ quan hành pháp; bố trí hợp lý hơn số Ủy viên Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Ủy viên Trung ương Đảng tham gia Quốc hội. Đại biểu Quốc hội chuyên trách chiếm khoảng 30% tổng số đại biểu Quốc hội. Đại biểu Quốc hội là Ủy viên Trung ương Đảng khoảng 15 - 17%. Trong đó:

- Đại biểu Quốc hội chuyên trách ở Trung ương: 85 đại biểu = 17%.

- Đại biểu chuyên trách ở địa phương: 68 đại biểu = 13,6%.

Cơ cấu đại biểu Quốc hội khóa XII dự kiến phân bổ như sau:

3.1. Số đại biểu Quốc hội công tác tại các cơ quan Trung ương (do Trung ương giới thiệu ứng cử ở các tỉnh, thành phố):

168 đại biểu = 33,6% (khóa XI là 154 đại biểu = 30,9%) và được phân bổ như sau:

- Đại biểu là cán bộ chuyên trách công tác đảng: 10 đại biểu = 2%.

- Đại biểu ở cơ quan Chủ tịch nước: 3 đại biểu = 0,6%.

- Đại biểu ở các cơ quan của Quốc hội (đại biểu Quốc hội chuyên trách ở Trung ương): 85 đại biểu = 17%.

- Đại biểu ở các cơ quan Chính phủ: 15 đại biểu = 3%.

- Đại biểu Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể chính trị - xã hội và các tổ chức thành viên của Mặt trận (bao gồm cả tôn giáo): 31 đại biểu = 6,2%.

- Đại biểu ở các cơ quan thông tấn, báo chí (Thông tấn xã Việt Nam, Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam, Báo Nhân dân): 4 đại biểu = 0,8%.

- Đại biểu là cán bộ ngành tòa án, kiểm sát: 2 đại biểu = 0,4%.

- Đại biểu quân đội: 15 đại biểu = 3%.

- Đại biểu ngành công an: 3 đại biểu = 0,6%.

3.2. Đại biểu ở địa phương (do địa phương giới thiệu):

Quốc hội khóa XII, dự kiến tổng số đại biểu Quốc hội do địa phương giới thiệu là khoảng 332 đại biểu = 66,4%. Mỗi tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có ít nhất 4 đại biểu cư trú và làm việc tại địa phương (trong đó có 1 là lãnh đạo chủ chốt), với cơ cấu như sau:

- Đại biểu là lãnh đạo chủ chốt tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (bí thư hoặc phó bí thư thường trực, chủ tịch hội đồng nhân dân, chủ tịch ủy ban nhân dân): 64 đại biểu (mỗi tỉnh, thành phố 1 đại biểu). Dự kiến bố trí như sau: bí thư tỉnh ủy, thành ủy: 15 đại biểu = 3%; chủ tịch ủy ban

nhân dân tỉnh, thành phố: 10 đại biểu = 2%; chủ tịch hội đồng nhân dân hoặc phó chủ tịch hội đồng nhân dân hoạt động chuyên trách: 39 đại biểu = 7,8%.

- Đại biểu Quốc hội chuyên trách: 68 đại biểu = 13,6%; 4 tỉnh, thành phố có số dân lớn, có nhiều đại biểu Quốc hội là thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Thanh Hóa, Nghệ An dự kiến bố trí 2 đại biểu chuyên trách; 60 tỉnh, thành phố còn lại, bố trí mỗi tỉnh, thành phố 1 đại biểu chuyên trách.

- Đại biểu thuộc các thành phần khác (một số cơ cấu chính):

+ Đại biểu là các nhà khoa học, công nghệ đầu ngành, trí thức tiêu biểu, lãnh đạo các doanh nghiệp lớn: 9 đại biểu = 1,8%.

+ Đại biểu khối tư pháp địa phương (tòa án, viện kiểm sát, tư pháp): 15 đại biểu = 3%.

+ Đại biểu khối lực lượng vũ trang ở địa phương (công an 12, quân đội 18): 30 đại biểu = 6%.

+ Đại biểu Mặt trận Tổ quốc: 10 đại biểu = 2%.

+ Đại biểu Công đoàn: 7 đại biểu = 1,4%.

+ Đại biểu Đoàn Thanh niên: 7 đại biểu = 1,4%.

+ Đại biểu Hội Liên hiệp Phụ nữ: 7 đại biểu = 1,4%.

+ Đại biểu Hội Nông dân: 7 đại biểu = 1,4%.

+ Đại biểu Hội Cựu chiến binh: 4 đại biểu = 0,8%.

+ Đại biểu hoạt động tôn giáo: 6 đại biểu = 1,2%.

3.3. Cơ cấu kết hợp:

- Đại biểu là người dân tộc thiểu số: 90 đại biểu = 18%.

- Đại biểu là phụ nữ: 150 đại biểu = 30%.

- Đại biểu thuộc các tôn giáo: 10 đại biểu = 2%.

- Đại biểu là người ngoài Đảng: 50 đại biểu = 10%.

- Đại biểu trẻ tuổi (dưới 40 tuổi): 70 đại biểu = 14%.

- Đại biểu khóa XI tái cử: 160 đại biểu = 32%.

Do số lượng đại biểu Quốc hội không tăng (500 đại biểu), nhưng số tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tăng thêm (từ 61 lên 64) nên số lượng đại biểu Quốc hội ở một số địa phương, ngành, lĩnh vực có giảm đi một vài người.

Xin thông báo để các đồng chí biết và thực hiện.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
TRƯỞNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

3. Đề nghị Chính phủ xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định, đảm bảo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

T/M BAN Bí THU

TRƯỞNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO **Ý KIẾN CỦA BAN Bí THU**

Số 60-TB/TW, ngày 7 tháng 2 năm 2007

**Về việc thành lập Ban Chỉ đạo phòng,
chống tham nhũng tại các tỉnh,
thành phố trực thuộc Trung ương**

Tại phiên họp ngày 5-2-2007, xem xét đề nghị của Thủ tướng Chính phủ về thành lập Ban Chỉ đạo phòng, chống tham nhũng tại các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Ban Bí thư có ý kiến chỉ đạo như sau:

1. Đồng ý thành lập Ban Chỉ đạo phòng, chống tham nhũng tại các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, do chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố làm trưởng ban.

2. Về cơ cấu tổ chức và thành phần ban chỉ đạo được tổ chức tương ứng như Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng; có bộ phận giúp việc chuyên trách, trụ sở làm việc đặt tại văn phòng ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố.

**QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN Bí THU**

Số 37-QĐ/TW, ngày 9 tháng 2 năm 2007

**Về việc thay đổi, bổ sung các thành viên
Hội đồng xuất bản các tác phẩm, bài nói, bài viết
của Chủ tịch Hồ Chí Minh**

- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư khóa X;
- Căn cứ Quyết định số 142-QĐ/TW, ngày 18-5-2005 của Ban Bí thư (khóa IX) về việc thành lập Hội đồng xuất bản các tác phẩm, bài nói, bài viết của Chủ tịch Hồ Chí Minh;
- Xét đề nghị của Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương tại Công văn số 729-CV/TTVH, ngày 16-11-2006,

BAN Bí THU QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thay đổi, bổ sung các thành viên Hội đồng xuất bản các tác phẩm, bài nói, bài viết của Chủ tịch Hồ Chí Minh, cụ thể như sau:

- 1- Đồng chí Trương Tấn Sang, Ủy viên Bộ Chính trị, Thường trực Ban Bí thư, Chủ tịch Hội đồng.

2- Đồng chí Tô Huy Rứa, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương, Chủ tịch Hội đồng Lý luận Trung ương, Ủy viên.

3- Đồng chí Lê Văn Dũng, Bí thư Trung ương Đảng, Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam, Ủy viên.

4- Đồng chí Phan Diễn, nguyên Ủy viên Bộ Chính trị, nguyên Thường trực Ban Bí thư, Ủy viên.

5- Đồng chí Lê Hữu Nghĩa, Ủy viên Trung ương Đảng, Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Ủy viên.

6- Đồng chí Đỗ Hoài Nam, Ủy viên Trung ương Đảng, Chủ tịch Viện Khoa học xã hội Việt Nam, Ủy viên.

7- Đồng chí Nguyễn Văn Đặng, Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng lý luận Trung ương, Ủy viên.

8- Đồng chí Giám đốc, Tổng Biên tập Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Ủy viên.

Điều 2. Hội đồng có nhiệm vụ tổ chức thực hiện chương trình nghiên cứu khoa học sưu tầm và xuất bản các tác phẩm, bài nói, bài viết của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Điều 3. Các đồng chí có tên tại Điều 1, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Ban Tài chính - Quản trị Trung ương và các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký và thay Quyết định số 142-QĐ/TW, ngày 18-5-2005.

T/M BAN Bí THU

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN Bí THU**

Số 38-QĐ/TW, ngày 22 tháng 2 năm 2007

**Thành lập Hội đồng Chỉ đạo biên soạn
và xuất bản bộ sách *Lê Duẩn tuyển tập***

5- Đồng chí Lê Minh Nghĩa, Phó Giám đốc, Phó tổng Biên tập Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, phụ trách Nhà xuất bản, Ủy viên.

Điều 2. Hội đồng có nhiệm vụ chỉ đạo công tác biên soạn và xuất bản bộ sách *Lê Duẩn tuyển tập* nhân dịp kỷ niệm 100 năm Ngày sinh của đồng chí Tổng Bí thư Lê Duẩn (7-4-1907 - 7-4-2007).

Điều 3. Các đồng chí có tên tại Điều 1, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia và các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

T/M BAN Bí THU

TRƯỞNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

BAN Bí THU QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Hội đồng Chỉ đạo biên soạn và xuất bản bộ sách Lê Duẩn tuyển tập, gồm các đồng chí:

1- Đồng chí Tô Huy Rứa, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương, Chủ tịch Hội đồng.

2- Đồng chí Ngô Văn Dự, Ủy viên Trung ương Đảng, Chánh Văn phòng Trung ương, Ủy viên.

3- Đồng chí Lê Hữu Nghĩa, Ủy viên Trung ương Đảng, Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Ủy viên.

4- Đồng chí Hà Đăng, nguyên Trưởng Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương, Ủy viên.

THÔNG BÁO**Ý KIẾN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ**

Số 61-TB/TW, ngày 28 tháng 2 năm 2007

Về việc bãi bỏ biện pháp quản chế hành chính

Tại phiên họp ngày 25-1 và 28-2-2007, sau khi xem xét Tờ trình của Đảng đoàn Quốc hội (Tờ trình số 338/ĐĐQH, ngày 28-12-2006) và ý kiến của các cơ quan hữu quan về việc bãi bỏ biện pháp quản chế hành chính, Bộ Chính trị có ý kiến như sau:

Đồng ý với đề nghị của Đảng đoàn Quốc hội về việc Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, thông qua Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính năm 2002 để bãi bỏ biện pháp quản chế hành chính.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

TRƯỞNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO**KẾT LUẬN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ**

Số 62-TB/TW, ngày 2 tháng 3 năm 2007

**Về phương án quy hoạch, xây dựng Nhà Quốc hội
tại lô D khu Trung tâm chính trị Ba Đình**

Tại phiên họp ngày 28-2-2007, sau khi nghe Ban Cán sự Đảng Bộ Xây dựng được sự ủy quyền của Ban Cán sự Đảng Chính phủ, báo cáo phương án quy hoạch, xây dựng Nhà Quốc hội tại lô D khu Trung tâm chính trị Ba Đình, Bộ Chính trị đã thảo luận và kết luận như sau:

1. Hội trường Ba Đình được xây dựng trong thời kỳ đất nước ta chưa thống nhất, còn nghèo nàn chưa có sự đầu tư đồng bộ về kết cấu hạ tầng và công năng sử dụng. Theo những khảo sát gần đây, Hội trường Ba Đình có hiện tượng sụt lún không đều, đã xuống cấp và không đảm bảo an toàn cho sử dụng lâu dài. Vì vậy, việc xây dựng Nhà Quốc hội mang tên Hội trường Ba Đình mới trong Trung tâm chính trị Ba Đình có kiến trúc đẹp, hiện đại, hạ tầng đồng bộ thay thế Hội trường Ba Đình hiện nay là cần thiết, vừa đảm bảo được sự tiếp nối lịch sử của đất nước qua các thời đại mà đỉnh cao là thời đại Hồ Chí Minh, vừa lưu giữ mãi tên

của Hội trường Ba Đình lịch sử và đảm bảo điều kiện hoạt động tốt nhất cho Quốc hội, đáp ứng sự mong mỏi của nhân dân cả nước.

2. Bộ Chính trị tiếp tục khẳng định chủ trương xây dựng Nhà Quốc hội tại lô D (18 Hoàng Diệu) thuộc Trung tâm chính trị Ba Đình và tán thành phương án xây dựng Nhà Quốc hội trên khuôn viên Hội trường Ba Đình hiện nay; đồng thời, tìm địa điểm khác làm nơi làm việc cho Bộ Ngoại giao; giao toàn bộ khu làm việc và khuôn viên Bộ Ngoại giao hiện nay làm trụ sở của các cơ quan Quốc hội. Trong quá trình triển khai xây dựng, Quốc hội sẽ sử dụng một số hội trường đã xây dựng có đủ điều kiện cho việc tổ chức các kỳ họp của Quốc hội, đồng thời nếu có phát lộ các di tích khảo cổ sẽ được lựa chọn để đưa vào bảo tàng.

Việc xây dựng Nhà Quốc hội và bảo tồn di tích cần được triển khai đồng thời trong một quy hoạch tổng thể; sau khi hoàn thành sẽ tạo thành một quần thể văn hóa trong khu Ba Đình lịch sử gồm: Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh, Bảo tàng Hồ Chí Minh, Khu di tích Chủ tịch Hồ Chí Minh tại Phủ Chủ tịch, Nhà Quốc hội, Khu di tích 18 Hoàng Diệu, Khu thành cổ Hà Nội, chùa Một Cột và tạo điều kiện thuận lợi cho công tác bảo vệ an ninh cho các cơ quan lãnh đạo cao nhất của Đảng và Nhà nước ta. Đồng thời, đáp ứng nhu cầu chiêm ngưỡng, hưởng thụ văn hóa của nhân dân cả nước và du khách quốc tế.

3. Nhà Quốc hội mang tên Hội trường Ba Đình mới là công trình lớn, có ý nghĩa nhiều mặt đối với đất nước cần được xây dựng trang trọng, có kiến trúc đẹp, hiện đại, đồng bộ, gắn với phương án bảo tồn và phát huy giá trị các di tích lịch sử tại khu vực này.

Vì vậy, khi triển khai xây dựng, cần thông qua thi tuyển các phương án quy hoạch, kiến trúc; có sự phối hợp giữa các cơ quan chuyên môn về xây dựng, văn hóa, lịch sử, bảo tàng trong nước và quốc tế để đảm bảo về chất lượng, thẩm mỹ, kiến trúc hiện đại, công năng sử dụng phù hợp với hoạt động của Quốc hội thời kỳ đổi mới đất nước, phấn đấu hoàn thành công trình kịp phục vụ kỷ niệm 1.000 năm Thăng Long - Hà Nội.

4. Giao Ban Cán sự Đảng phủ chủ trì, phối hợp với Đảng đoàn Quốc hội và các cơ quan liên quan căn cứ kết luận của Bộ Chính trị báo cáo với Quốc hội và tổ chức triển khai thực hiện, đồng thời chỉ đạo làm tốt công tác tuyên truyền trong cán bộ, đảng viên và nhân dân để tạo sự đồng thuận xã hội về vấn đề này.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
TRƯỞNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**THÔNG BÁO
KẾT LUẬN CỦA BAN Bí THƯ**

Số 63-TB/TW, ngày 9 tháng 3 năm 2007

**Về việc xét tặng Huy hiệu Đảng 30 năm
cho đảng viên**

Tại phiên họp ngày 7-3-2007, sau khi nghe Ban Tổ chức Trung ương trình về việc tặng Huy hiệu Đảng 30 năm đối với đảng viên (Tờ trình số 83-TTr/BTCTW, ngày 6-3-2007), Ban Bí thư đã kết luận như sau:

1. Từ ngày 19-5-2007 trở đi, đảng viên có đủ 30 năm đến dưới 40 năm tuổi Đảng được xét tặng Huy hiệu Đảng 30 năm.
2. Nội dung này thay cho nội dung xét tặng Huy hiệu Đảng 30 năm nêu tại điểm 1 trong Thông báo số 51-TB/TW, ngày 25-12-2006 của Ban Bí thư.

T/M BAN Bí THƯ
TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO

Ý KIẾN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 65-TB/TW, ngày 12 tháng 3 năm 2007

**Về việc chuyển Ban Quản lý Khu kinh tế
Dung Quất về trực thuộc Ủy ban nhân dân
tỉnh Quảng Ngãi**

Về đề nghị của Ban Cán sự Đảng Chính phủ chuyển Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất trực thuộc Thủ tướng Chính phủ về trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi (Công văn số 93/BCS, ngày 2-2-2007), Bộ Chính trị có ý kiến như sau:

Đồng ý với đề nghị của Ban Cán sự Đảng Chính phủ về việc chuyển Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất trực thuộc Thủ tướng Chính phủ về trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi. Song, Chính phủ có trách nhiệm chỉ đạo việc xây dựng Khu kinh tế Dung Quất, Nhà máy lọc dầu Dung Quất bảo đảm đúng tiến độ đã đề ra, không để việc chuyển Ban quản lý Khu kinh tế Dung Quất về trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi làm ảnh hưởng tới tiến độ xây dựng công trình kinh tế trọng điểm này.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

Tiểu ban tiếp thu các ý kiến góp ý cụ thể của các đồng chí Bộ Chính trị để bổ sung, hoàn thiện nâng cao chất lượng đề cương Đề án, khẩn trương tiến hành các bước tiếp theo.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

TRƯỞNG TẤN SANG

THÔNG BÁO

Ý KIẾN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 66-TB/TW, ngày 12 tháng 3 năm 2007

Về Tờ trình Bộ Chính trị về một số vấn đề liên quan đến Đề án "Những vấn đề tư tưởng, lý luận và báo chí trong tình hình mới" trình Hội nghị Trung ương 5

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

Về một số vấn đề liên quan đến Đề án "Những vấn đề tư tưởng, lý luận và báo chí trong tình hình mới" nêu trong Tờ trình số 11-TTr/TTVH, ngày 12-2-2007 của Tiểu ban chuẩn bị Đề án trình xin ý kiến Bộ Chính trị, Bộ Chính trị có ý kiến như sau:

- Đồng ý với kiến nghị của Tiểu ban lựa chọn các phương án về tên gọi hay chủ đề của Đề án (phương án 3), về phạm vi thời gian và nội dung của Đề án (phương án 2), về có đưa lĩnh vực văn hóa, văn nghệ vào Đề án không (phương án 3).

- Cơ bản đồng ý với kết cấu và đề cương khái quát (sơ bộ) của Đề án.

**QUYẾT ĐỊNH
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ**

Số 39-QĐ/TW, ngày 15 tháng 3 năm 2007

Về việc thành lập Hội đồng Lý luận Trung ương

- Căn cứ Điều lệ Đảng;
- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư khóa X;
- Xét yêu cầu công tác và năng lực của cán bộ;
- Theo đề nghị của Thường trực Hội đồng Lý luận Trung ương và Ban Tổ chức Trung ương,

BỘ CHÍNH TRỊ QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Hội đồng Lý luận Trung ương trực thuộc Bộ Chính trị khóa X, nhiệm kỳ 2006 - 2010.

Điều 2. Hội đồng Lý luận Trung ương có chức năng, nhiệm vụ sau đây:

- Hội đồng Lý luận Trung ương là cơ quan tư vấn cho Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư về các vấn đề lý luận chính trị, làm cơ sở cho việc hoạch định, hoàn thiện, phát triển đường lối, chính sách của Đảng, về những

chương trình, đề tài khoa học cấp nhà nước về lý luận chính trị, phục vụ trực tiếp công tác lãnh đạo của Đảng.

- Hội đồng có nhiệm vụ trực tiếp nghiên cứu một số đề tài do Bộ Chính trị, Ban Bí thư giao hoặc chấp thuận đề xuất của Hội đồng, đồng thời kế thừa, chắt lọc kết quả của các chương trình, đề tài nghiên cứu khác, để thực hiện tốt chức năng tư vấn của Hội đồng và thực hiện một số nhiệm vụ tư vấn khác do Bộ Chính trị, Ban Bí thư giao.

- Thẩm định những vấn đề mà các ngành, các cấp trình Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của Hội đồng lý luận Trung ương.

- Nghiên cứu, đề xuất những luận cứ về lý luận đấu tranh bác bỏ những quan điểm sai trái với đường lối, quan điểm của Đảng.

- Giữ mối quan hệ với các cơ quan nghiên cứu lý luận của các đảng cộng sản và đảng cầm quyền trên thế giới.

Điều 3. Thường trực Hội đồng do Bộ Chính trị quyết định theo nhiệm kỳ Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng. Thành viên và Quy chế làm việc của Hội đồng do Thường trực Hội đồng phối hợp với Ban Tổ chức Trung ương chuẩn bị, trình Ban Bí thư xem xét, quyết định. Hội đồng có 1 Ban Thư ký khoa học và Văn phòng Hội đồng giúp việc.

Ban Thư ký khoa học gồm các thư ký khoa học chuyên trách, thành viên của Ban Thư ký khoa học do Thường trực Hội đồng quyết định.

Văn phòng Hội đồng do đồng chí Chủ tịch Hội đồng quyết định về số lượng cán bộ, nhân viên và chức năng, nhiệm vụ với sự thống nhất của Ban Tổ chức Trung ương.

Điều 4. Thành phần Hội đồng Lý luận Trung ương, gồm:

- Chủ tịch Hội đồng.
- 1 Phó Chủ tịch Thường trực chuyên trách và một số Phó Chủ tịch kiêm nhiệm.
- Tổng Thư ký chuyên trách.
- Các Ủy viên Hội đồng.

Điều 5. Hội đồng Lý luận Trung ương có địa điểm làm việc, có con dấu và kinh phí hoạt động, được cung cấp thông tin cần thiết phục vụ công tác tư vấn.

Điều 6. Quyết định này thay cho Quyết định số 13-QĐ/TW, ngày 13-11-2001 của Bộ Chính trị (khóa IX) về thành lập Hội đồng lý luận Trung ương.

Điều 7. Hội đồng Lý luận Trung ương, Ban Tổ chức Trung ương, Văn phòng Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
TỔNG Bí THU
NÔNG ĐỨC MẠNH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN Bí THU**

Số 40-QĐ/TW, ngày 15 tháng 3 năm 2007

Về thành phần Hội đồng Lý luận Trung ương

- Căn cứ Điều lệ Đảng;
- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư khóa X;
- Xét yêu cầu công tác và năng lực của cán bộ;
- Theo đề nghị của Thường trực Hội đồng Lý luận Trung ương và Ban Tổ chức Trung ương,

BAN Bí THU QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành phần Hội đồng Lý luận Trung ương, gồm các đồng chí sau:

- 1- Đồng chí Phó Giáo sư, Tiến sĩ Tô Huy Rứa, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương, Chủ tịch Hội đồng.
- 2- Đồng chí Giáo sư, Tiến sĩ Lê Hữu Nghĩa, Ủy viên Trung ương Đảng, Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Phó Chủ tịch kiêm nhiệm Hội đồng.

3- Đồng chí Giáo sư, Tiến sĩ Đỗ Hoài Nam, Ủy viên Trung ương Đảng, Chủ tịch Viện Khoa học xã hội Việt Nam, Phó Chủ tịch kiêm nhiệm Hội đồng.

4- Đồng chí Phó Giáo sư, Tiến sĩ khoa học Nguyễn Văn Đặng, Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng.

5- Đồng chí Tiến sĩ Nguyễn Việt Thông, Tổng Thư ký Hội đồng.

6- Đồng chí Giáo sư, Tiến sĩ Hoàng Chí Bảo, Chuyên gia cao cấp Hội đồng Lý luận Trung ương, Ủy viên.

7- Đồng chí Phó Giáo sư, Tiến sĩ Phan Xuân Biên, Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy, Trưởng Ban Tư tưởng - Văn hóa Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh, Ủy viên.

8- Đồng chí Tiến sĩ Tạ Minh Châu, Phó Trưởng Ban Thường trực Ban Đối ngoại Trung ương, Ủy viên.

9- Đồng chí Thạc sĩ Nguyễn Quang Chiến, Phó Giám đốc Học viện Quan hệ quốc tế - Bộ Ngoại giao, Ủy viên.

10- Đồng chí Giáo sư, Tiến sĩ Nguyễn Thị Doan, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Chủ nhiệm Thường trực Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Ủy viên.

11- Đồng chí Ngô Văn Dụ, Ủy viên Trung ương Đảng, Chánh Văn phòng Trung ương, Ủy viên.

12- Đồng chí Phó Giáo sư, Tiến sĩ Nguyễn Quang Điển, Phó Giám đốc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Ủy viên.

13- Đồng chí Phó Giáo sư, Tiến sĩ Phạm Văn Đức, quyền Viện trưởng Viện Triết học - Viện Khoa học xã hội Việt Nam, Ủy viên.

14- Đồng chí Giáo sư, Tiến sĩ khoa học Vũ Minh Giang, Phó Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội, Ủy viên.

15- Đồng chí Phó Giáo sư, Tiến sĩ Lê Thế Giới, Phó Giám đốc Đại học Đà Nẵng, Ủy viên.

16- Đồng chí Phó Giáo sư, Tiến sĩ Phạm Xuân Hằng, Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy, Trưởng Ban Tuyên giáo Thành ủy Hà Nội, Ủy viên.

17- Đồng chí Giáo sư, Tiến sĩ Vũ Văn Hiền, Ủy viên Trung ương Đảng, Tổng Giám đốc Đài Tiếng nói Việt Nam, Ủy viên.

18- Đồng chí Giáo sư, Tiến sĩ Nguyễn Văn Huyên, Viện trưởng Viện Chính trị - Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Ủy viên.

19- Đồng chí Tiến sĩ Đinh Thế Huynh, Ủy viên Trung ương Đảng, Tổng Biên tập Báo Nhân dân, Chủ tịch Hội Nhà báo Việt Nam, Ủy viên.

20- Đồng chí Phó Giáo sư, Tiến sĩ Trần Du Lịch, Viện trưởng Viện Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh, Ủy viên.

21- Đồng chí Phó Giáo sư, Tiến sĩ Lê Bộ Lĩnh, Viện trưởng Viện Đông Nam Á - Viện Khoa học xã hội Việt Nam, Ủy viên.

22- Đồng chí Phó Giáo sư, Tiến sĩ Ngô Quang Minh, Viện trưởng Viện Quản lý kinh tế - Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Ủy viên.

23- Đồng chí Giáo sư, Tiến sĩ Phùng Hữu Phú, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Trưởng ban Thường trực Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương, Ủy viên.

24- Đồng chí Phó Giáo sư, Tiến sĩ Tạ Ngọc Tân, Ủy viên Trung ương Đảng, Tổng Biên tập Tạp chí Cộng sản, Ủy viên.

25- Đồng chí Giáo sư, Tiến sĩ Mạch Quang Thắng, Vụ trưởng Vụ Quản lý khoa học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Ủy viên.

26- Đồng chí Phó Giáo sư, Tiến sĩ Lê Minh Thông, Viện trưởng Viện Khoa học tổ chức - Ban Tổ chức Trung ương, Ủy viên.

27- Đồng chí Giáo sư, Tiến sĩ Nguyễn Văn Thường, Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế quốc dân Hà Nội, Ủy viên.

28- Đồng chí Tiến sĩ Lê Đình Tiến, Thứ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ, Ủy viên.

29- Đồng chí Tiến sĩ Nguyễn Thanh Tuyền, Tổng Biên tập Tạp chí Dân vận - Ban Dân vận Trung ương, Ủy viên.

30- Đồng chí Giáo sư, Tiến sĩ khoa học Đào Trí Úc, Viện trưởng Viện Nhà nước và pháp luật - Viện Khoa học xã hội Việt Nam, Phó Chủ tịch kiêm Tổng Thư ký Hội Luật gia Việt Nam, Ủy viên.

31- Đồng chí Phó Giáo sư, Tiến sĩ Ngô Doãn Vịnh, Viện trưởng Viện Chiến lược - Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ủy viên.

32- Đồng chí Phó Giáo sư, Tiến sĩ Lê Minh Vũ, Trung tướng, Giám đốc Học viện Chính trị quân sự - Bộ Quốc phòng, Ủy viên.

33- Đồng chí Tiến sĩ Trương Như Vương, Đại tá, Viện trưởng Viện Chiến lược và Khoa học - Bộ Công an, Ủy viên.

Điều 2. Quyết định này thay cho Quyết định số 24-QĐ/TW, ngày 22-1-2002 của Ban Bí thư (khóa IX) về thành phần Hội đồng Lý luận Trung ương khóa IX.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Hội đồng Lý luận Trung ương, Ban Tổ chức Trung ương, Văn phòng Trung ương và các đồng chí có tên trên chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

T/M BAN BÍ THƯ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN BÍ THƯ**
Số 41-QĐ/TW, ngày 20 tháng 3 năm 2007

**Ban hành Quy chế làm việc
của Hội đồng Lý luận Trung ương**

- Căn cứ Điều lệ Đảng;
- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư khóa X;
- Căn cứ Quyết định số 39-QĐ/TW, ngày 15-3-2007 của Bộ Chính trị khóa X về việc thành lập Hội đồng Lý luận Trung ương;
- Xét đề nghị của Ban Tổ chức Trung ương và Thường trực Hội đồng Lý luận Trung ương,

BAN BÍ THƯ QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Quy chế làm việc của Hội đồng Lý luận Trung ương, nhiệm kỳ 2006 - 2010.

Điều 2. Hội đồng Lý luận Trung ương, các cơ quan của Trung ương Đảng và các tổ chức đảng trực thuộc Trung ương có trách nhiệm thực hiện Quyết định này.

T/M BAN BÍ THƯ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**QUY CHẾ LÀM VIỆC
CỦA HỘI ĐỒNG LÝ LUẬN TRUNG ƯƠNG,
NHIỆM KỲ 2006 - 2010
(Ban hành theo Quyết định số 41-QĐ/TW,
ngày 20-3-2007 của Ban Bí thư)**

**I- CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ, TỔ CHỨC CỦA HỘI ĐỒNG
LÝ LUẬN TRUNG ƯƠNG; TRÁCH NHIỆM, QUYỀN HẠN
CỦA HỘI ĐỒNG VÀ CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG**

Điều 1. Chức năng, nhiệm vụ của Hội đồng Lý luận Trung ương.

- Hội đồng Lý luận Trung ương là cơ quan tư vấn cho Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư về các vấn đề lý luận chính trị làm cơ sở cho việc hoạch định, hoàn thiện, phát triển đường lối, chính sách của Đảng, về những chương trình, đề tài khoa học cấp Nhà nước về lý luận chính trị, phục vụ trực tiếp công tác lãnh đạo của Đảng.

- Hội đồng có nhiệm vụ trực tiếp nghiên cứu một số đề tài do Bộ Chính trị, Ban Bí thư giao hoặc chấp thuận trên cơ sở đề xuất của Hội đồng, đồng thời kế thừa, chắt lọc kết quả của các chương trình, đề tài nghiên cứu khác, để thực hiện tốt chức năng tư vấn của Hội đồng và thực hiện một số nhiệm vụ tư vấn khác do Bộ Chính trị, Ban Bí thư giao.

Thẩm định những vấn đề mà các ngành, các cấp trình Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của Hội đồng lý luận Trung ương.

Nghiên cứu, đề xuất những luận cứ về lý luận đấu tranh bác bỏ những quan điểm sai trái với đường lối, quan điểm của Đảng.

Giữ mối quan hệ với các cơ quan nghiên cứu lý luận của các đảng cộng sản và đảng cầm quyền trên thế giới.

Điều 2. Tổ chức của Hội đồng Lý luận Trung ương.

Tổ chức của Hội đồng bao gồm:

- Thường trực Hội đồng do Bộ Chính trị quyết định theo nhiệm kỳ Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng. Thường trực Hội đồng gồm: Chủ tịch, một Phó Chủ tịch Thường trực chuyên trách, hai Phó Chủ tịch kiêm nhiệm và Tổng Thư ký chuyên trách.

- Thành viên của Hội đồng do Ban Bí thư quyết định.

- Hội đồng có 4 Tiểu ban: Tiểu ban Chính trị và Xây dựng Đảng, Tiểu ban Kinh tế - Xã hội, Tiểu ban Văn hóa và Xây dựng con người, Tiểu ban Quốc phòng - An ninh - Đối ngoại. Mỗi tiểu ban có một trưởng tiểu ban do Thường trực Hội đồng quyết định. Mỗi thành viên Hội đồng tham gia một tiểu ban.

- Ban Thư ký khoa học giúp việc Hội đồng. Thành viên Ban Thư ký khoa học và Quy chế làm việc của Ban Thư ký khoa học do Thường trực Hội đồng quyết định. Ban Thư ký khoa học bao gồm: Tổng Thư ký, các thư ký khoa học chuyên trách.

- Hội đồng có một số cộng tác viên khoa học. Danh sách và số lượng cộng tác viên do Thường trực Hội đồng quyết định.

6. Văn phòng Hội đồng do đồng chí Chủ tịch Hội đồng quyết định về số lượng cán bộ, nhân viên và chức năng, nhiệm vụ với sự thống nhất của Ban Tổ chức Trung ương.

Điều 3. Trách nhiệm và quyền hạn của Hội đồng Lý luận Trung ương.

1. Xác định phương hướng, nhiệm vụ, chương trình công tác trong cả nhiệm kỳ và hằng năm của Hội đồng, báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

2. Tổ chức thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Hội đồng đã được nêu trong Điều 1, cụ thể là:

- Nghiên cứu đề xuất ý kiến của Hội đồng với Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Ban Chấp hành Trung ương về các vấn đề lý luận chính trị mà Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Ban Chấp hành Trung ương yêu cầu.

- Thẩm định những đề án của các ngành, các cấp liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của Hội đồng do Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Ban Chấp hành Trung ương giao.

- Tổ chức nghiên cứu các vấn đề lý luận chính trị và kế thừa, chắt lọc kết quả nghiên cứu của các chương trình, đề tài nghiên cứu khác để phục vụ trực tiếp cho sự lãnh đạo, hoàn thiện, phát triển đường lối của Đảng.

- Trên cơ sở nghiên cứu khoa học và tổng kết thực tiễn, chủ động đề xuất với Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Ban Chấp hành Trung ương những luận giải về những vấn đề do tình hình thực tiễn trong nước và thế giới đặt ra.

- Nghiên cứu, đề xuất những luận chử về lý luận đấu tranh bác bỏ những quan điểm sai trái với đường lối, quan điểm của Đảng.

- Được quan hệ với các cơ quan nghiên cứu lý luận của các đảng cộng sản và đảng cầm quyền trên thế giới, thu thập thông tin và tham khảo kinh nghiệm.

3. Hội đồng Lý luận Trung ương được quan hệ và nhận những thông tin cần thiết có liên quan của các ban của Trung ương Đảng, các cấp, các ngành của Đảng và Nhà nước; huy động lực lượng nghiên cứu khoa học của các chương trình, đề tài nghiên cứu khoa học xã hội cấp Nhà nước; tranh thủ sự cộng tác của các nhà khoa học để chuẩn bị những nội dung tư vấn cho Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

Điều 4. Trách nhiệm và quyền hạn của thành viên Hội đồng Lý luận Trung ương.

1. Tham gia các công việc của Hội đồng đã được nêu trong Điều 3.

2. Tham dự các cuộc họp của Hội đồng, của tiểu ban mình tham gia, các hội nghị, hội thảo khoa học do tiểu ban và Hội đồng tổ chức.

3. Thực hiện những công việc do Thường trực Hội đồng giao.

4. Thường xuyên đóng góp vào công việc của Hội đồng bằng những bài phát biểu, tham luận, chuyên luận, những kiến nghị gửi cho Hội đồng...

5. Được nhận những thông tin và những tài liệu nghiên cứu, tham khảo cần thiết; tham gia các đoàn khảo sát trong nước và ngoài nước do Thường trực Hội đồng tổ chức.

6. Thực hiện nghiêm chỉnh chế độ bảo mật, kỷ luật phát ngôn của Đảng và Nhà nước.

Điều 5. Trách nhiệm và quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng Lý luận Trung ương.

1. Chịu trách nhiệm lãnh đạo, tổ chức, điều hành công việc chung của Hội đồng Lý luận Trung ương.

2. Chủ trì và kết luận các cuộc họp của Hội đồng Lý luận Trung ương và của Thường trực Hội đồng; truyền đạt những ý kiến chỉ đạo và yêu cầu của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư đến Hội đồng; đề xuất những nội dung, chương trình, những vấn đề cần thảo luận trong Hội đồng.

3. Chủ trì các hội nghị, hội thảo, các cuộc khảo sát của Hội đồng tiến hành trong nước và ngoài nước.

4. Được yêu cầu các ban, ngành, cấp ủy đảng cung cấp các thông tin cần thiết cho hoạt động nghiên cứu thực tiễn và lý luận của Hội đồng.

5. Chủ tịch Hội đồng là Chủ nhiệm Chương trình nghiên cứu lý luận chính trị của Hội đồng.

Điều 6. Trách nhiệm và quyền hạn của Thường trực Hội đồng, các Phó Chủ tịch, Tổng Thư ký của Hội đồng Lý luận Trung ương.

1. Thường trực Hội đồng Lý luận Trung ương thay mặt Hội đồng chỉ đạo thực hiện chương trình công tác của Hội đồng. Các Phó Chủ tịch, Tổng Thư ký chịu trách nhiệm phụ trách, theo dõi công việc các tiểu ban của Hội đồng theo sự phân công của Chủ tịch Hội đồng.

2. Các Phó Chủ tịch thực hiện trách nhiệm, quyền hạn của thành viên Hội đồng đã được ghi trong Điều 4; tham gia công tác chỉ đạo của Thường trực Hội đồng; hoàn thành những phần việc theo sự phân công của Thường trực Hội đồng và những phần việc do Chủ tịch Hội đồng giao.

Phó Chủ tịch Thường trực chuyên trách ngoài trách nhiệm, quyền hạn như các Phó Chủ tịch khác, chịu trách nhiệm thay mặt Thường trực Hội đồng giải quyết công việc hàng ngày của Hội đồng; quản lý cơ quan Hội đồng; chỉ đạo công tác của Văn phòng Hội đồng; giữ mối liên hệ giữa Hội đồng với các cấp ủy, các ban, ngành của Đảng và Nhà nước; thay mặt Thường trực Hội đồng ký các văn bản theo ủy nhiệm của Chủ tịch Hội đồng; phối hợp với Văn phòng Trung ương và các cơ quan có liên quan bảo đảm các điều kiện, phương tiện làm việc cho Hội đồng và bảo đảm an toàn trụ sở Hội đồng; chịu trách nhiệm trước Thường trực Hội đồng về việc thực hiện các chế độ, chính sách, pháp luật đối với cán bộ, nhân viên cơ quan Hội đồng và các chi tiêu tài chính của Hội đồng.

3. Tổng Thư ký Hội đồng trực tiếp điều hành công việc của Ban Thư ký khoa học và chịu trách nhiệm về mọi hoạt động của Ban Thư ký khoa học.

II- NGUYÊN TẮC, CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC CỦA HỘI ĐỒNG LÝ LUẬN TRUNG ƯƠNG

Điều 7. Nguyên tắc làm việc của Hội đồng Lý luận Trung ương.

1. Hội đồng Lý luận Trung ương làm việc dưới sự chỉ đạo trực tiếp và thường xuyên của Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

Bộ Chính trị, Ban Bí thư mỗi năm làm việc trực tiếp với Hội đồng lý luận Trung ương 1 lần.

2. Đối với những vấn đề lý luận chính trị có ý kiến khác nhau, Hội đồng có trách nhiệm báo cáo với Bộ Chính trị, Ban Bí thư, đồng thời nêu rõ ý kiến của Hội đồng.

3. Đối với những đề xuất, kiến nghị của các chương trình, đề tài nghiên cứu khoa học xã hội cấp Nhà nước, của các nhà khoa học, các cá nhân gửi đến Hội đồng thì Hội đồng nghiên cứu, đánh giá và báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

4. Hội đồng Lý luận Trung ương làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ.

Trong nghiên cứu lý luận, hội thảo khoa học, thực hiện tự do tư tưởng, phát huy dân chủ, khuyến khích tranh luận, tìm tòi các giải pháp mới và phát hiện những vấn đề mới có tính quy luật của con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Đối với những đề xuất mới, dù của một người, cần được nghiên cứu chu đáo. Những đề xuất, kiến nghị khác với đường lối, quan điểm, chủ trương, chính sách hiện hành của Đảng và Nhà nước được thảo luận, tranh luận trong sinh hoạt nội bộ của Hội đồng và báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư, không truyền bá công khai bên ngoài Hội đồng.

5. Thực hiện nghiêm chỉnh các chế độ và quy định của Đảng và Nhà nước về bảo mật và quan hệ với người nước ngoài.

Điều 8. Chế độ làm việc của Hội đồng, Thường trực Hội đồng và Ban Thư ký khoa học.

1. Để kiểm điểm công việc đã làm và bàn công việc tiếp theo, Hội đồng lý luận Trung ương họp mỗi quý 1 lần, khi cần thì họp bất thường. Thường trực Hội đồng họp mỗi tháng 2 lần, khi cần thì họp bất thường. Ban Thư ký khoa học Hội đồng họp mỗi tuần 1 lần. Các tiểu ban của Hội đồng hoạt động theo yêu cầu công tác và nhiệm vụ cụ thể riêng, không trái với những quy định chung nêu trong Quy chế này.

2. Thực hiện chế độ báo cáo, sơ kết, tổng kết.

Báo cáo về các vấn đề Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư yêu cầu; báo cáo ý kiến của Hội đồng về những vấn đề do thực tiễn đổi mới của nước ta và những biến động của thế giới đặt ra; về các đề xuất, kiến nghị của các chương trình, đề tài, các cuộc hội thảo khoa học; về các cuộc khảo sát trong và ngoài nước; về những vấn đề lý luận, quan điểm của các đảng trên thế giới và những vấn đề cần thiết khác.

Giữa năm, Hội đồng có báo cáo sơ kết. Cuối năm, Hội đồng có báo cáo tổng kết hoạt động gửi Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

III- CÁC MỐI QUAN HỆ CÔNG TÁC CỦA HỘI ĐỒNG LÝ LUẬN TRUNG ƯƠNG

Điều 9. Quan hệ công tác với các ban và các cơ quan của Trung ương Đảng.

1. Hội đồng Lý luận Trung ương phối hợp với các ban và các cơ quan của Trung ương Đảng thực hiện những nhiệm vụ đã được xác định trong Quyết định số 39-QĐ/TW, ngày 15-3-2007 của Bộ Chính trị khóa X.

2. Các ban và các cơ quan của Trung ương Đảng gửi cho Hội đồng lý luận Trung ương những báo cáo, thông tin, tư liệu có liên quan đến việc nghiên cứu lý luận phục vụ công tác lãnh đạo của Đảng; tạo điều kiện để Hội đồng lý luận Trung ương được cử đại diện dự các hội nghị giao ban phổ biến tình hình cần cho việc nghiên cứu của Hội đồng.

3. Hội đồng phối hợp với các ban và các cơ quan của Trung ương Đảng và các tổ chức đảng trực thuộc Trung ương thảo luận, trao đổi ý kiến về những vấn đề cần thiết để chuẩn bị cho những đề xuất, kiến nghị của Hội đồng Lý luận Trung ương trình Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Ban Chấp hành Trung ương.

4. Khi cần, Hội đồng lý luận Trung ương cung cấp thông tin và mời đại diện các ban, các cơ quan của Trung ương Đảng và các tổ chức đảng trực thuộc Trung ương tham dự các hội nghị, hội thảo khoa học có liên quan.

Điều 10. Các quan hệ khác.

1. Hội đồng lý luận Trung ương có quan hệ với các cấp ủy, các ban lãnh đạo của các tổ chức trong hệ thống chính trị từ Trung ương đến địa phương để trao đổi, thảo luận về các vấn đề có liên quan đến đường lối, quan điểm của Đảng, đến các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước và được giúp đỡ để tiến hành các khảo sát thực tế cần thiết.

2. Hội đồng Lý luận Trung ương được nhận từ các cơ quan nghiên cứu và quản lý và Nhà nước các cấp những tài liệu tham khảo, những kết quả khảo sát thực tế, những số liệu thống kê cần cho việc nghiên cứu của Hội đồng.

IV- ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 11. Hội đồng Lý luận Trung ương, các tổ chức đảng có trách nhiệm thực hiện nghiêm chỉnh Quy chế này. Hội đồng Lý luận Trung ương căn cứ vào Quyết định số 39-QĐ/TW, ngày 15-3-2007 của Bộ Chính trị khóa X về việc

thành lập Hội đồng Lý luận Trung ương và Quy chế này để xây dựng các quy chế cụ thể cần thiết cho việc triển khai các hoạt động của Hội đồng Lý luận Trung ương.

Điều 12. Quy chế này thay cho Quy chế làm việc của Hội đồng lý luận Trung ương số 25-QĐ/TW, ngày 22-1-2002 của Ban Bí thư khóa IX và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Trong quá trình thực hiện, nếu cần điều chỉnh, bổ sung, Ban Tổ chức Trung ương và Thường trực Hội đồng lý luận Trung ương thống nhất báo cáo Ban Bí thư quyết định.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN Bí THƯ**

Số 42-QĐ/TW, ngày 26 tháng 3 năm 2007

**Thành lập Ban Chỉ đạo kiểm tra thực hiện
Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành
Trung ương (khóa IX) về tiếp tục đổi mới,
phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể**

- Căn cứ Điều lệ Đảng;
- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư khóa X;
- Căn cứ Chương trình làm việc của Bộ Chính trị, Ban Bí thư năm 2007,

BAN Bí THƯ QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Ban Chỉ đạo kiểm tra thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương (khóa IX) về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể, gồm các đồng chí:

- 1- Đồng chí Trương Tân Sang, Ủy viên Bộ Chính trị, Thường trực Ban Bí thư, Trưởng ban.

2- Đồng chí Võ Đức Huy, Ủy viên Trung ương Đảng, Quyền Trưởng Ban Kinh tế Trung ương, Bí thư Đảng ủy Khối cơ quan Kinh tế Trung ương, Phó Trưởng ban.

3- Đồng chí Nguyễn Tiến Quân, Chủ tịch Liên minh Hợp tác xã Việt Nam, Ủy viên.

4- Đồng chí Nguyễn Đức Hòa, Thứ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ủy viên.

5- Đồng chí Hồ Xuân Hùng, Thứ trưởng Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Ủy viên.

6- Đồng chí Nguyễn Văn Thạo, Phó Chánh Văn phòng Trung ương Đảng, Ủy viên.

7- Đồng chí Văn Trọng Lý, Phó Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ, Ủy viên.

Điều 2. Ban Chỉ đạo có nhiệm vụ: xây dựng kế hoạch, tổ chức kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương (khóa IX) về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể theo kế hoạch kiểm tra năm 2007 của Ban Bí thư.

Giúp việc Ban Chỉ đạo có Tổ Biên tập do Trưởng Ban Chỉ đạo quyết định.

Điều 3. Ban Tài chính - Quản trị Trung ương duyệt và cấp kinh phí phục vụ cho công tác kiểm tra của Ban Chỉ đạo.

Điều 4. Văn phòng Trung ương, Ban Tài chính - Quản trị Trung ương, Ban Kinh tế Trung ương, Đảng ủy Khối cơ quan Kinh tế Trung ương, Liên minh Hợp tác xã Việt Nam, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông

thôn, Văn phòng Chính phủ và các đồng chí có tên tại Điều 1 thi hành Quyết định này.

T/M BAN Bí THƯ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**CHỈ THỊ
CỦA BAN Bí THƯ**

Số 10-CT/TW, ngày 30 tháng 3 năm 2007

Về nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ

Trong những năm qua, Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư đã có nhiều chủ trương, giải pháp về xây dựng, củng cố, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và đội ngũ cán bộ, đảng viên, nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ. Thực hiện sự chỉ đạo của Trung ương, các cấp ủy, tổ chức đảng đã tập trung lãnh đạo, tạo được một số chuyển biến tích cực về công tác xây dựng tổ chức cơ sở đảng, nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên.

Tuy nhiên, vẫn còn không ít tổ chức cơ sở đảng và chi bộ yếu kém; một bộ phận cán bộ, đảng viên, trong đó có cả đảng viên là cán bộ lãnh đạo, quản lý ở các cấp, suy thoái về phẩm chất chính trị và đạo đức, lối sống; nhiều cấp ủy, chi bộ chưa thực hiện nghiêm túc chế độ sinh hoạt đảng, buông lỏng công tác quản lý, giáo dục đảng viên; nội dung sinh hoạt chi bộ còn nghèo nàn, thiếu nội dung chính trị, tư tưởng cụ thể; tính lãnh đạo, tính giáo dục, tính chiến đấu, tinh thần tự phê

bình và phê bình, ý thức tổ chức, kỷ luật yếu kém; tinh thần đoàn kết và tình thương yêu đồng chí bị giảm sút; chi bộ chưa thực sự là nơi sinh hoạt tư tưởng để cấp ủy nắm và hiểu tâm tư, nguyện vọng của đảng viên; chi bộ chưa thể hiện tốt vai trò là nơi lãnh đạo, giáo dục, quản lý, giám sát và rèn luyện đội ngũ đảng viên. Tình hình đó làm suy giảm lòng tin của nhân dân đối với Đảng, giảm năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng ngay từ chi bộ.

Để khắc phục những thiếu sót, khuyết điểm trên, góp phần nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, Ban Bí thư ra Chỉ thị về nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ.

I- MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Làm cho các cấp ủy, tổ chức đảng và đảng viên nhận thức sâu sắc về vai trò, vị trí quan trọng của tổ chức cơ sở đảng và của chi bộ; ý nghĩa và tầm quan trọng của việc nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ đối với việc nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và đội ngũ cán bộ, đảng viên theo tinh thần Nghị quyết Đại hội X của Đảng.

2. Việc nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ phải gắn với thực hiện cuộc vận động "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh", làm cho nội dung sinh hoạt chi bộ phong phú, thiết thực, bảo đảm cho mọi đảng viên nâng cao nhận thức, nắm bắt kịp thời, tự giác chấp hành nghiêm túc các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; thực hiện tốt nghị quyết của chi bộ và của cấp ủy cấp trên, để chi bộ thực sự là nơi trực tiếp lãnh đạo, quản lý, giáo dục, rèn luyện và bồi dưỡng cán bộ, đảng viên.

3. Thông qua sinh hoạt chi bộ, làm cho mọi đảng viên nâng cao ý thức trách nhiệm, tích cực học tập, tự tu dưỡng, rèn luyện và giúp đỡ nhau cùng tiến bộ, thực hiện tốt bốn nhiệm vụ đảng viên và nhiệm vụ cụ thể do cấp trên và chi bộ giao; cấp ủy nắm chắc tình hình đảng viên, có biện pháp cụ thể để xây dựng chi bộ trong sạch, vững mạnh, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng, của chi bộ và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên.

II- NỘI DUNG, BIỆN PHÁP

1. Các cấp ủy và đảng viên trong các tổ chức cơ sở đảng phải nghiên cứu, quán triệt sâu sắc, thực hiện đúng Điều lệ Đảng và các quy định của Ban Bí thư về chức năng, nhiệm vụ của tổ chức cơ sở đảng, tạo sự thống nhất và nâng cao nhận thức về vị trí nền tảng, vai trò hạt nhân chính trị của tổ chức cơ sở đảng và của chi bộ.

2. Cấp ủy, chi bộ trong các tổ chức cơ sở đảng phải thực hiện nghiêm túc chế độ sinh hoạt đảng theo Điều lệ Đảng. Nội dung sinh hoạt chi bộ phải thực hiện đúng nguyên tắc về tổ chức và sinh hoạt đảng, bảo đảm tính lãnh đạo, tính giáo dục và tính chiến đấu; để mọi đảng viên hiểu và xác định rõ vị trí, nhiệm vụ của mình trong thời kỳ tiếp tục đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới và hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế quốc tế. Sinh hoạt chi bộ phải kịp thời phổ biến, quán triệt nghị quyết và sự chỉ đạo của cấp ủy cấp trên, các chủ trương, chính sách, pháp luật mới của Đảng và Nhà nước, tình hình thời sự trong và ngoài nước cho đảng viên; tập trung thảo luận thẳng thắn và giải quyết những vấn đề cụ thể, thiết thực, phù hợp với chức

năng, nhiệm vụ của chi bộ, đáp ứng tâm tư, nguyện vọng chính đáng của đảng viên và quần chúng.

3. Trong sinh hoạt chi bộ phải thực sự mở rộng và phát huy dân chủ, nhất là việc thảo luận, quyết định những vấn đề thuộc chức năng, nhiệm vụ của chi bộ và trách nhiệm, nghĩa vụ, quyền lợi của đảng viên, tạo được không khí cởi mở, chân thành để mọi cán bộ, đảng viên bày tỏ chính kiến, tâm tư, nguyện vọng của mình; thực hiện đúng nguyên tắc tập trung dân chủ; nâng cao ý thức tổ chức, kỷ luật, đề cao tinh thần tự phê bình và phê bình, bảo vệ những đảng viên thẳng thắn đấu tranh chống các biểu hiện sai trái, tiêu cực, tăng cường sự đoàn kết, thống nhất và tình thương yêu đồng chí trong Đảng. Đảng viên là cán bộ lãnh đạo, quản lý ở các cấp phải thực sự gương mẫu trong sinh hoạt chi bộ để mọi người noi theo.

4. Trước khi sinh hoạt chi bộ, chi ủy mà trước hết là bí thư chi bộ phải chuẩn bị kỹ nội dung, trong đó chú trọng một số vấn đề sau:

- Đánh giá tình hình tư tưởng và những diễn biến tư tưởng của cán bộ, đảng viên, quần chúng thuộc phạm vi lãnh đạo của chi bộ; kết quả thực hiện nhiệm vụ của chi bộ trong tháng; tình hình đảng viên thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các nhiệm vụ được cấp trên và chi bộ phân công.

- Tổng hợp ý kiến của đảng viên, quần chúng đóng góp cho sự lãnh đạo của chi bộ, vai trò tiên phong, gương mẫu và phẩm chất đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên ở địa phương, cơ quan, đơn vị và thông báo để chi bộ biết, nhằm phát huy ưu điểm, có biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn và khắc phục khuyết điểm, giải quyết kịp thời những vụ việc tiêu cực phát sinh.

- Việc xác định nhiệm vụ của chi bộ trong tháng tới cần tập trung vào các vấn đề trọng tâm, cụ thể, bức xúc trước mắt, đồng thời phân công nhiệm vụ phù hợp với khả năng của đảng viên để thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ đề ra.

5. Thông qua sinh hoạt chi bộ hàng tháng, cấp ủy phải nắm được tình hình tư tưởng, phẩm chất đạo đức, lối sống và kết quả thực hiện nhiệm vụ của đảng viên, kể cả đảng viên do cấp ủy cấp trên quản lý; kịp thời biểu dương, khen thưởng những đảng viên gương mẫu, có thành tích xuất sắc và giúp đỡ, giáo dục, xử lý những đảng viên có thiếu sót, khuyết điểm hoặc vi phạm nguyên tắc sinh hoạt đảng và tiêu chuẩn đảng viên.

6. Ngoài các buổi sinh hoạt chi bộ định kỳ, tùy điều kiện nhiệm vụ cụ thể, chi ủy cần lựa chọn một số vấn đề mới, phù hợp với nhiệm vụ của chi bộ và chức trách, nhiệm vụ của đảng viên để tổ chức sinh hoạt theo chuyên đề nhằm tập trung sự lãnh đạo của chi bộ, nâng cao kiến thức, năng lực và phẩm chất cho đội ngũ cán bộ, đảng viên.

7. Thường xuyên củng cố, kiện toàn chi ủy đủ số lượng cần thiết, có năng lực, trình độ, phẩm chất đạo đức và phương pháp công tác đảng. Bầu và bố trí đồng chí bí thư chi bộ đủ phẩm chất đạo đức, năng lực, trình độ và uy tín cao, nhiệt tình với công tác đảng để thực sự là người đứng đầu cấp ủy, chi bộ.

III- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương chỉ đạo các cấp ủy đánh giá tình hình sinh hoạt chi bộ trong

các tổ chức cơ sở đảng hiện nay; xác định rõ những ưu điểm, khuyết điểm và nguyên nhân, nhất là nguyên nhân chủ quan; đề ra giải pháp cụ thể, thiết thực để nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ.

2. Căn cứ Chỉ thị này, các cấp ủy đảng xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện cho phù hợp với tình hình, đặc điểm của chi bộ trong các loại hình tổ chức cơ sở đảng; cấp ủy cấp trên thường xuyên theo dõi, hướng dẫn, chỉ đạo và định kỳ kiểm tra việc tổ chức sinh hoạt chi bộ ở cơ sở; coi trọng việc sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm và nhân rộng những điển hình tiên tiến.

3. Chỉ thị này được triển khai thực hiện gắn với việc thực hiện Cuộc vận động "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh". Hằng năm, vào dịp kỷ niệm Ngày thành lập Đảng, các cấp ủy tiến hành đánh giá, rút kinh nghiệm và tiếp tục nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ. Việc tổng kết thực hiện Chỉ thị này được tiến hành vào dịp kỷ niệm 80 năm Ngày thành lập Đảng (3-2-2010).

4. Ban Tổ chức Trung ương chủ trì, phối hợp với các ban đảng liên quan ở Trung ương hướng dẫn nội dung sinh hoạt của từng loại hình cơ sở đảng, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện Chỉ thị, định kỳ báo cáo Ban Bí thư.

Chỉ thị này phổ biến đến các chi bộ để thực hiện.

T/M BAN BÍ THƯ
TRƯỞNG TẤN SANG

Đảng Cộng sản Việt Nam: *Các nghị quyết
của Trung ương Đảng 2005 - 2010,
Sđd, tr.492-497.*

THÔNG BÁO
Ý KIẾN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ
Số 70-TB/TW, ngày 6 tháng 4 năm 2007

**Về Dự án Pháp lệnh ký kết và thực hiện
thỏa thuận quốc tế và Dự án Pháp lệnh bảo vệ
công trình quan trọng liên quan đến
an ninh quốc gia**

Tại phiên họp ngày 4-4-2007, sau khi nghe Đảng đoàn Quốc hội báo cáo về Dự án Pháp lệnh ký kết và thực hiện thỏa thuận quốc tế và Dự án Pháp lệnh bảo vệ công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia và ý kiến của một số cơ quan hữu quan, Bộ Chính trị có ý kiến như sau:

Đồng ý với ý kiến của Đảng đoàn Quốc hội nêu tại Tờ trình số 350/ĐĐQH11, ngày 27-2-2007 về Dự án Pháp lệnh ký kết và thực hiện thỏa thuận quốc tế và Báo cáo số 351/ĐĐQH11, ngày 27-2-2007 về Dự án Pháp lệnh bảo vệ công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia.

Đảng đoàn Quốc hội chỉ đạo các cơ quan hữu quan chỉnh lý, hoàn thiện 2 dự án pháp lệnh nêu trên để Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, thông qua. Trong quá trình xem xét của

Ủy ban Thường vụ Quốc hội, nếu có vấn đề gì thật cần thiết
thì báo cáo Bộ Chính trị trước khi thông qua.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
TRƯỞNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**KẾ HOẠCH
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ**

Số 02-KH/TW, ngày 11 tháng 4 năm 2007

**Tổ chức thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư
Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X
“Về đổi mới, kiện toàn tổ chức bộ máy
các cơ quan đảng, định hướng về đổi mới tổ chức
bộ máy nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và
các đoàn thể chính trị - xã hội”**

Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng
khóa X đã bàn và ra Nghị quyết “Về đổi mới, kiện toàn tổ
chức bộ máy các cơ quan đảng, định hướng về đổi mới tổ chức
bộ máy nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị -
xã hội” (Nghị quyết số 10-NQ/TW, ngày 9-2-2007), nay Bộ
Chính trị ban hành Kế hoạch tổ chức thực hiện như sau:

**I- YÊU CẦU VÀ NGUYÊN TẮC SẮP XẾP,
KIỆN TOÀN TỔ CHỨC BỘ MÁY**

1. Yêu cầu

- Nắm vững các quan điểm và các chủ trương, giải pháp
đã nêu trong Nghị quyết để triển khai thực hiện.

- Làm tốt công tác tư tưởng, thực hiện tốt chế độ, chính sách cho cán bộ, công chức khi tiến hành sắp xếp tổ chức bộ máy, bố trí cán bộ.

- Đảm bảo về thời gian, tiến độ và nội dung sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy các cơ quan. Việc sắp xếp, kiện toàn phải nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả của bộ máy; bộ máy phải tinh, gọn, chất lượng cán bộ phải được nâng lên, bộ máy vận hành phải thông suốt từ Trung ương đến cơ sở.

2. Nguyên tắc sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy

- Sắp xếp, kiện toàn các tổ chức mới theo đúng Nghị quyết Trung ương. Làm rõ chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của các tổ chức mới và xây dựng, bổ sung, hoàn thiện các quy chế, quy định; sớm ổn định đi vào hoạt động, cơ bản hoàn thành việc sắp xếp trong năm 2007.

- Bố trí, điều động, điều chỉnh hợp lý cán bộ lãnh đạo và đội ngũ cán bộ, công chức trong các cơ quan; thực hiện chính sách cán bộ phù hợp, tạo điều kiện để cán bộ yên tâm, không ảnh hưởng lớn đến nhiệm vụ, điều kiện công tác và đời sống của cán bộ, công chức.

- Bảo đảm an toàn và quản lý chặt chẽ tài liệu, tài chính, tài sản của các cơ quan, không để xảy ra thất thoát.

II- NHỮNG CÔNG VIỆC CẦN TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

1. Tổ chức quán triệt Nghị quyết

- Các cấp ủy, đảng đoàn, ban cán sự đảng, các ban đảng, các đơn vị sự nghiệp của Đảng tổ chức quán triệt Nghị quyết Trung ương 4 trong đảng bộ và cơ quan. Cần nhận thức đúng

để thống nhất thực hiện những quan điểm chỉ đạo, các chủ trương, giải pháp được nêu trong Nghị quyết và Kế hoạch tổ chức thực hiện của Bộ Chính trị.

- Trên cơ sở Kế hoạch của Bộ Chính trị, các cơ quan đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn ở Trung ương, các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương... xây dựng chương trình, kế hoạch cụ thể để triển khai thực hiện trong đảng bộ, cơ quan, đơn vị mình.

Thời gian: Thực hiện trong tháng 4-2007.

2. Những công việc khác

1. Đối với các cơ quan đảng trong diện tổ chức lại, cần chỉ đạo làm tốt các công việc sau:

1.1. Tùng cơ quan, đơn vị tiến hành rà soát lại thực trạng về tổ chức, nhân sự và kiểm kê tài sản, tài chính:

- Rà soát nhân sự bao gồm: cán bộ lãnh đạo các cấp; cán bộ, chuyên viên của từng tổ chức, nắm chắc từng lĩnh vực công tác theo chuyên môn, sở trường, khả năng cán bộ.

- Đề xuất phương án bố trí, sắp xếp, điều chỉnh một bước về nhân sự, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý.

- Thống kê thực trạng về bộ máy chuyên môn, các tổ chức đảng, đoàn thể và tài liệu công tác liên quan để phục vụ cho việc bàn giao.

- Lập danh sách cán bộ, công chức theo từng khối công tác.

- Kiểm kê tài sản, tài chính.

Thời gian: Thực hiện trong tháng 4-2007.

1.2. Tiến hành bàn giao nguyên trạng toàn bộ cơ sở vật chất, nhân sự (trừ nhân sự diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư

quản lý sẽ được phân công) từ đơn vị cũ sang tổ chức mới. Các tổ chức mới hoạt động từ tháng 4-2007.

1.3. Các cơ quan mới xây dựng đề án sáp xếp bộ máy của đơn vị gồm: Xây dựng đề án về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế của cơ quan mới theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 4, trình Bộ Chính trị xem xét, quyết định trong quý II-2007.

1.4. Sáp xếp tổ chức bộ máy, điều động cán bộ, công chức trong từng cơ quan: Điều chỉnh, sáp xếp tổ chức bộ máy, cán bộ, công chức hiện có trong từng cơ quan và giữa các cơ quan đảng ở Trung ương; thực hiện các chính sách liên quan đến sáp xếp cán bộ.

Thời gian: Thực hiện xong trong năm 2007.

1.5. Đối với Ban Cán sự Đảng Ngoài nước: Ban Cán sự đảng Ngoài nước hiện nay đang được ủy nhiệm quản lý tổ chức đảng và đảng viên ở ngoài nước theo quy định của Bộ Chính trị. Sau khi Đảng ủy Khối Các cơ quan Trung ương hoạt động ổn định sẽ tiến hành tổ chức lại Ban Cán sự Đảng Ngoài nước thành Đảng ủy Ngoài nước, làm rõ chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền quản lý tổ chức đảng và đảng viên ngoài nước theo mô hình mới, đặt trực thuộc Đảng ủy Khối Các cơ quan Trung ương (trong quý II-2007) sẽ chuyển về trực thuộc Đảng ủy Khối Các cơ quan Trung ương.

2. *Đối với các cơ quan đảng không trong diện sáp xếp* (Ban Dân vận Trung ương, Ban Đổi ngoại Trung ương, cơ quan Ủy ban Kiểm tra Trung ương): Từng cơ quan tiến hành rà soát chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy cơ quan mình, kiện toàn tổ chức, kiến nghị việc bổ sung, sửa đổi để trình Bộ Chính trị xem xét, quyết định trong quý II-2007.

3. Đối với ban cán sự đảng, đảng đoàn: Ban Tổ chức Trung ương chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan xây dựng bổ sung, sửa đổi chức năng, nhiệm vụ của ban cán sự đảng, đảng đoàn và các quyết định về kiện toàn tổ chức ban cán sự đảng, đảng đoàn theo quy định của Điều lệ Đảng; trình Bộ Chính trị xem xét, quyết định trong quý III-2007.

4. Đối với các tỉnh ủy, thành ủy:

4.1. Sắp xếp lại tổ chức bộ máy các ban đảng, đảng ủy khối theo đúng Nghị quyết Trung ương 4 và Quy định của Bộ Chính trị về thi hành Điều lệ Đảng khóa X (Quy định số 23-QĐ/TW, ngày 31-10-2006); lập đảng đoàn liên hiệp các hội văn học nghệ thuật, liên hiệp các hội khoa học kỹ thuật tỉnh, thành phố ở những nơi có đủ điều kiện; lãnh đạo việc thực hiện hợp nhất văn phòng đoàn đại biểu Quốc hội với văn phòng hội đồng nhân dân các tỉnh, thành phố.

Thời gian: Thực hiện xong trong tháng 6-2007.

4.2. Tập trung đổi mới, kiện toàn bộ máy và cơ cấu đội ngũ cán bộ; xác định rõ hơn quy chế làm việc, thẩm quyền trách nhiệm của từng tổ chức. Thời gian: Thực hiện từ tháng 4 đến tháng 12-2007.

4.3- Xây dựng kế hoạch biên chế khối đảng, đoàn thể mỗi địa phương theo yêu cầu của Nghị quyết Trung ương 4 khóa X. Thời gian: Thực hiện xong trong tháng 6-2007.

5. Đối với Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội:

5.1. Các cơ quan, đơn vị xây dựng đề án đổi mới nội dung và phương thức hoạt động, kiện toàn tổ chức bộ máy chuyên

trách theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 4. Thời gian: Thực hiện trong quý II-2007.

5.2. Ban Tổ chức Trung ương phối hợp thẩm định đề án và tổng hợp trình Bộ Chính trị trong quý III-2007.

6. Đối với các đơn vị sự nghiệp của Đảng:

6.1. Các cơ quan, đơn vị xây dựng đề án đổi mới kiện toàn tổ chức bộ máy theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 4. Thời gian: Thực hiện trong quý II-2007.

6.2. Ban Tổ chức Trung ương phối hợp thẩm định đề án và tổng hợp trình Bộ Chính trị trong tháng 6 hoặc tháng 7-2007.

7. Đối với các doanh nghiệp chuyên làm kinh tế đơn thuần thuộc các cơ quan đảng, lực lượng vũ trang, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội:

Đảng ủy Quân sự Trung ương, Đảng ủy Công an Trung ương, Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội, ban đảng liên quan chỉ đạo tiến hành rà soát, thống kê, lập danh sách các doanh nghiệp chuyên làm kinh tế đơn thuần trong cơ quan, đơn vị mình; xây dựng kế hoạch tổ chức chuyển giao các doanh nghiệp chuyên làm kinh tế đơn thuần thuộc các cơ quan đảng, lực lượng vũ trang, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội sang Chính phủ quản lý và hoạt động theo Luật doanh nghiệp.

Thời gian: Thực hiện trong năm 2007.

8. Đối với Quốc hội, Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao:

Đảng đoàn Quốc hội, Ban Cán sự Đảng Chính phủ, Ban

Cán sự Đảng Tòa án nhân dân tối cao, Ban Cán sự Đảng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao chỉ đạo xây dựng chương trình cụ thể triển khai thực hiện đổi mới, kiện toàn tổ chức bộ máy của từng tổ chức liên quan theo các quan điểm, chủ trương, giải pháp được nêu trong Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương khóa X và sắp xếp tổ chức bộ máy mới theo Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa X.

Thời gian: Thực hiện xong trong quý III-2007.

9. Thực hiện đổi mới cơ chế quản lý, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức:

9.1. Ban Cán sự Đảng Chính phủ chỉ đạo các cơ quan liên quan xây dựng và ban hành chính sách phục vụ việc sắp xếp, tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị theo Nghị quyết Trung ương 4 khóa X.

Thời gian: Thực hiện trong quý II-2007.

9.2. Các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương xây dựng chương trình, kế hoạch và lộ trình thực hiện việc đổi mới cơ chế quản lý, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức theo nội dung được nêu trong Nghị quyết Trung ương 4 khóa X.

III- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Ủy viên Trung ương Đảng phụ trách từng khối, cơ quan, đơn vị chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp triển khai thực hiện kế hoạch này ở khối, cơ quan, đơn vị đó; tiến hành

rà soát chức năng, nhiệm vụ, sắp xếp tổ chức bộ máy và biên chế của ngành mình, cấp mình; tiến hành sắp xếp, bố trí cán bộ thuộc quyền, kiện toàn tổ chức nội bộ theo phân cấp quản lý cán bộ; xây dựng và ban hành quy chế làm việc của cơ quan, đơn vị mình.

Bộ Chính trị phân công một số đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư phụ trách từng khối chịu trách nhiệm chỉ đạo việc sắp xếp các khối theo Nghị quyết của Trung ương như sau:

1.1. Đồng chí Trương Tấn Sang, Ủy viên Bộ Chính trị, Thường trực Ban Bí thư:

- Phụ trách chung, chỉ đạo việc sắp xếp các cơ quan đảng, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội ở Trung ương và địa phương.

- Chỉ đạo việc sắp xếp các đơn vị: Văn phòng Trung ương, Ban Nội Chính Trung ương, Ban Kinh tế Trung ương, Ban Tài chính - Quản trị Trung ương.

1.2. Đồng chí Hồ Đức Việt, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng Ban Tổ chức Trung ương:

- Chỉ đạo việc sắp xếp các đơn vị: Ban Tổ chức Trung ương, Ban Bảo vệ Chính trị nội bộ Trung ương, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Học viện Hành chính quốc gia, Ban Cán sự Đảng Ngoài nước; các đảng ủy khối cơ quan Trung ương; các đảng đoàn, ban cán sự đảng ở Trung ương.

- Chỉ đạo xây dựng đề án sắp xếp các đơn vị sự nghiệp của Đảng ở Trung ương trình Bộ Chính trị.

- Chỉ đạo xây dựng đề án đổi mới, kiện toàn tổ chức và hoạt động của Mặt trận và các đoàn thể chính trị - xã hội trình Bộ Chính trị.

1.3. Đồng chí Nguyễn Văn Chi, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương:

Chỉ đạo cơ quan Ủy ban Kiểm tra Trung ương chủ trì xây dựng chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy cơ quan Ủy ban Kiểm tra Trung ương và phối hợp với các cơ quan liên quan trình Bộ Chính trị.

1.4. Đồng chí Phạm Gia Khiêm, Ủy viên Bộ Chính trị, phụ trách công tác đối ngoại của Đảng:

Chỉ đạo Ban Đối ngoại Trung ương rà soát chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy Ban Đối ngoại Trung ương và phối hợp với các cơ quan liên quan trình Bộ Chính trị.

1.5. Đồng chí Tô Huy Rứa, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương:

Chỉ đạo việc sắp xếp các đơn vị: Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương, Ban Khoa giáo Trung ương.

1.6. Đồng chí Tòng Thị Phóng, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng Ban Dân vận Trung ương:

Chỉ đạo Ban Dân vận Trung ương rà soát chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy Ban Dân vận Trung ương và phối hợp với các cơ quan liên quan trình Bộ Chính trị.

2. Ban Tổ chức Trung ương theo chức năng, nhiệm vụ của mình có trách nhiệm chủ trì, phối hợp cùng các cơ quan liên quan hướng dẫn các cơ quan đảng, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội ở Trung ương, các tỉnh ủy, thành ủy tổ chức thực hiện việc sắp xếp tổ chức bộ máy; thẩm định, theo dõi việc thực hiện Nghị quyết và Kế hoạch tổ chức thực hiện của Bộ Chính trị; định kỳ báo cáo và đề xuất ý kiến giúp Bộ Chính trị chỉ đạo có hiệu quả việc sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy.

3. Văn phòng Trung ương Đảng, Ban Tài chính - Quản trị Trung ương hướng dẫn các cơ quan trong diện tổ chức lại bàn giao tài liệu, tài chính, tài sản theo quy định; bố trí, sắp xếp trụ sở làm việc, công tác bảo đảm hậu cần, tài chính, hành chính cho các ban đảng, đảng ủy khôi phục hoạt động theo tổ chức mới.

4. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề vướng mắc, các cơ quan đảng, đoàn thể ở Trung ương, các ban cán sự đảng, đảng đoàn, tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương báo cáo Bộ Chính trị (qua Ban Tổ chức Trung ương) để xem xét, giải quyết.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
TRƯỞNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUYẾT ĐỊNH
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ
Số 43-QĐ/TW, ngày 11 tháng 4 năm 2007
**Về việc hợp nhất Ban Bảo vệ Chính trị nội bộ
Trung ương, Ban Tổ chức Trung ương
thành Ban Tổ chức Trung ương**

- Căn cứ Điều lệ Đảng;
- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư khóa X;
- Căn cứ Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X về đổi mới, kiện toàn tổ chức bộ máy các cơ quan đảng, định hướng về đổi mới tổ chức bộ máy nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội (Nghị quyết số 10-NQ/TW, ngày 9-2-2007);
- Theo đề nghị của Ban Tổ chức Trung ương,

BỘ CHÍNH TRỊ QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hợp nhất Ban Bảo vệ Chính trị nội bộ Trung ương, Ban Tổ chức Trung ương thành Ban Tổ chức Trung ương.

Điều 2. Đồng chí Hồ Đức Việt, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, giữ chức Trưởng Ban Tổ chức Trung ương.

Điều 3. Ban Tổ chức Trung ương có trách nhiệm kiện toàn tổ chức bộ máy, bố trí cán bộ, công chức; xây dựng chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy mới của Ban Tổ chức Trung ương, trình Bộ Chính trị xem xét, quyết định.

Điều 4. Ban Bảo vệ Chính trị nội bộ Trung ương có trách nhiệm bàn giao nguyên trạng về tổ chức, nhân sự, tài liệu, tài sản và tài chính về Ban Tổ chức Trung ương; hồ sơ lưu trữ, con dấu nộp về Kho Lưu trữ Trung ương Đảng theo quy định.

Ban Tổ chức Trung ương hoạt động theo tổ chức mới từ tháng 4-2007.

Điều 5. Ban Tổ chức Trung ương, Ban Bảo vệ Chính trị nội bộ Trung ương và đồng chí Hồ Đức Việt có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
TRƯỞNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUYẾT ĐỊNH

CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 44-QĐ/TW, ngày 11 tháng 4 năm 2007

**Về việc hợp nhất Ban Khoa giáo Trung ương,
Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương
thành Ban Tuyên giáo Trung ương**

- Căn cứ Điều lệ Đảng;
- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư khóa X;
- Căn cứ Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X về đổi mới, kiện toàn tổ chức bộ máy các cơ quan đảng, định hướng về đổi mới tổ chức bộ máy nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội (Nghị quyết số 10-NQ/TW, ngày 9-2-2007);
- Theo đề nghị của Ban Tổ chức Trung ương,

BỘ CHÍNH TRỊ QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hợp nhất Ban Khoa giáo Trung ương, Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương thành Ban Tuyên giáo Trung ương.

Điều 2. Đồng chí Tô Huy Rứa, Bí thư Trung ương Đảng, giữ chức Trưởng Ban Tuyên giáo Trung ương.

Điều 3. Ban Tuyên giáo Trung ương chủ trì, phối hợp với Ban Tổ chức Trung ương kiện toàn tổ chức bộ máy, bố trí cán bộ, công chức; xây dựng chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của Ban Tuyên giáo Trung ương, trình Bộ Chính trị xem xét, quyết định.

Điều 4. Ban Khoa giáo Trung ương, Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương có trách nhiệm bàn giao nguyên trạng về tổ chức, nhân sự, tài liệu, tài sản và tài chính về Ban Tuyên giáo Trung ương; hồ sơ lưu trữ, con dấu nộp về Kho Lưu trữ Trung ương Đảng theo quy định.

Ban Tuyên giáo Trung ương hoạt động từ tháng 4-2007.

Điều 5. Ban Tổ chức Trung ương, Ban Tuyên giáo Trung ương, Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương, Ban Khoa giáo Trung ương và đồng chí Tô Huy Rứa có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
TRƯỜNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**QUYẾT ĐỊNH
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ**

Số 45-QĐ/TW, ngày 11 tháng 4 năm 2007

**Về việc hợp nhất Ban Kinh tế Trung ương,
Ban Nội chính Trung ương, Ban Tài chính - Quản trị
Trung ương, Văn phòng Trung ương Đảng
thành Văn phòng Trung ương Đảng**

- Căn cứ Điều lệ Đảng;
- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư khóa X;
- Căn cứ Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X về đổi mới, kiện toàn tổ chức bộ máy các cơ quan đảng, định hướng về đổi mới tổ chức bộ máy nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội (Nghị quyết số 10-NQ/TW, ngày 9-2-2007);
- Theo đề nghị của Ban Tổ chức Trung ương,

BỘ CHÍNH TRỊ QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hợp nhất Ban Kinh tế Trung ương, Ban Nội chính Trung ương, Ban Tài chính - Quản trị Trung ương, Văn phòng Trung ương Đảng thành Văn phòng Trung ương Đảng.

Điều 2. Đồng chí Ngô Văn Dụ, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, giữ chức Chánh Văn phòng Trung ương Đảng.

Điều 3. Văn phòng Trung ương Đảng chủ trì, phối hợp với Ban Tổ chức Trung ương kiện toàn tổ chức bộ máy, bố trí cán bộ, công chức; xây dựng chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy mới của Văn phòng Trung ương Đảng, trình Bộ Chính trị xem xét, quyết định.

Điều 4. Ban Kinh tế Trung ương, Ban Nội chính Trung ương, Ban Tài chính - Quản trị Trung ương có trách nhiệm bàn giao nguyên trạng về tổ chức, nhân sự, tài liệu, tài sản và tài chính về Văn phòng Trung ương Đảng; hồ sơ lưu trữ, con dấu nộp về Kho Lưu trữ Trung ương Đảng theo quy định.

Văn phòng Trung ương Đảng hoạt động theo tổ chức mới từ tháng 4-2007.

Điều 5. Ban Tổ chức Trung ương, Văn phòng Trung ương Đảng, Ban Kinh tế Trung ương, Ban Nội chính Trung ương, Ban Tài chính - Quản trị Trung ương và đồng chí Ngô Văn Dụ có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
TRƯỜNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUYẾT ĐỊNH CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 47-QĐ/TW, ngày 11 tháng 4 năm 2007

Kết thúc hoạt động của 7 đảng bộ khối trực thuộc Trung ương, lập Đảng bộ Khối Các cơ quan Trung ương

- Căn cứ Điều lệ Đảng;
- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư khóa X;
- Căn cứ Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X về đổi mới, kiện toàn tổ chức bộ máy các cơ quan đảng, định hướng về đổi mới tổ chức bộ máy nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội (Nghị quyết số 10-NQ/TW, ngày 9-2-2007);
- Theo đề nghị của Ban Tổ chức Trung ương,

BỘ CHÍNH TRỊ QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Kết thúc hoạt động của 7 đảng bộ: Đảng bộ Khối I cơ quan Trung ương, Đảng bộ Khối cơ quan Nội chính Trung ương, Đảng bộ Khối cơ quan Kinh tế Trung ương,

Đảng bộ Khối cơ quan Đổi ngoại Trung ương, Đảng bộ Khối cơ quan Trung ương về công tác tư tưởng, Đảng bộ Khối cơ quan Khoa giáo Trung ương, Đảng bộ Khối cơ quan Dân vận Trung ương.

Lập Đảng bộ Khối Các cơ quan Trung ương trực thuộc Ban Chấp hành Trung ương trên cơ sở tổ chức lại 7 Đảng bộ Khối cơ quan Trung ương hiện nay.

Đảng bộ Khối Các cơ quan Trung ương hoạt động từ tháng 4-2007.

Điều 2. Đảng bộ Khối Các cơ quan Trung ương bao gồm các tổ chức đảng các cơ quan hiện nay đang trực thuộc 7 đảng ủy khối trừ các đảng bộ doanh nghiệp chuyển về Đảng bộ Khối Doanh nghiệp Trung ương.

Điều 3. Chỉ định Ban Chấp hành lâm thời Đảng bộ Khối Các cơ quan Trung ương gồm 35 đồng chí, Ban Thường vụ 11 đồng chí, Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy 9 đồng chí (có quyết định riêng).

Điều 4. Đảng ủy Khối Các cơ quan Trung ương lập các cơ quan tham mưu, giúp việc gồm: Văn phòng, Ban Tổ chức, Ban Tuyên giáo, Ban Dân vận và cơ quan Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy.

Điều 5. Đảng ủy Khối Các cơ quan Trung ương được cấp kinh phí hoạt động, trang bị cơ sở vật chất, phương tiện hoạt động theo quy định; có tài khoản, con dấu riêng.

Trụ sở làm việc của Đảng ủy Khối Các cơ quan Trung ương đặt tại Hà Nội.

Điều 6. Ban Tổ chức Trung ương hướng dẫn việc chuyển giao các tổ chức đảng, đảng viên; bố trí cán bộ chuyên trách của Đảng bộ Khối Các cơ quan Trung ương.

Điều 7. Các đảng ủy khối Trung ương hiện nay có trách nhiệm bàn giao: tổ chức đảng, đảng viên, cán bộ chuyên trách, tài liệu, tài sản, tài chính cho Đảng ủy Khối các cơ quan Trung ương; hồ sơ lưu trữ, con dấu nộp về Kho Lưu trữ Trung ương Đảng theo quy định.

Đảng ủy Khối Các cơ quan Trung ương có trách nhiệm: tiếp nhận tổ chức đảng, đảng viên, cán bộ chuyên trách, tài sản, tài chính theo quy định; phối hợp với Ban Tổ chức Trung ương xây dựng chức năng, nhiệm vụ của Đảng ủy Khối Các cơ quan Trung ương, trình Bộ Chính trị xem xét, quyết định.

Điều 8. Ban Tổ chức Trung ương, Đảng ủy Khối Các cơ quan Trung ương, các tổ chức đảng, các cơ quan, đơn vị có liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
TRƯỞNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**QUYẾT ĐỊNH
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ**

Số 48-QĐ/TW, ngày 11 tháng 4 năm 2007

Lập Đảng bộ Khối Doanh nghiệp Trung ương

- Căn cứ Điều lệ Đảng;
- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư khóa X;
- Căn cứ Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X về đổi mới, kiện toàn tổ chức bộ máy các cơ quan đảng, định hướng về đổi mới tổ chức bộ máy nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội (Nghị quyết số 10-NQ/TW, ngày 9-2-2007);
- Theo đề nghị của Ban Tổ chức Trung ương,

BỘ CHÍNH TRỊ QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Lập Đảng bộ Khối Doanh nghiệp Trung ương trực thuộc Ban Chấp hành Trung ương.

Đảng bộ Khối Doanh nghiệp Trung ương hoạt động từ tháng 4-2007.

Điều 2. Đảng bộ Khối Doanh nghiệp Trung ương bao gồm các tổ chức đảng từ các đảng bộ doanh nghiệp trực thuộc Đảng ủy Khối cơ quan kinh tế Trung ương; trực thuộc các đảng ủy cơ quan bộ, ngành và trực thuộc một số cấp ủy địa phương chuyển về.

Điều 3. Chỉ định Ban Chấp hành lâm thời Đảng bộ Khối Doanh nghiệp Trung ương gồm 29 đồng chí, Ban Thường vụ 9 đồng chí, Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy 7 đồng chí (có quyết định riêng).

Điều 4. Đảng ủy Khối Doanh nghiệp Trung ương lập các cơ quan tham mưu giúp việc gồm: Văn phòng, Ban Tổ chức, Ban Tuyên giáo, Ban Dân vận và cơ quan Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy.

Điều 5. Đảng bộ Khối Doanh nghiệp Trung ương được cấp kinh phí hoạt động, trang bị cơ sở vật chất, phương tiện hoạt động theo quy định; có tài khoản, con dấu riêng.

Trụ sở làm việc của Đảng bộ Khối Doanh nghiệp Trung ương đặt tại Hà Nội.

Điều 6. Ban Tổ chức Trung ương hướng dẫn việc chuyển giao các tổ chức đảng, đảng viên; bố trí cán bộ chuyên trách của Đảng bộ Khối Doanh nghiệp Trung ương.

Điều 7. Đảng ủy Khối Doanh nghiệp Trung ương có trách nhiệm: tiếp nhận tổ chức đảng, đảng viên, cán bộ chuyên trách, tài sản, tài chính theo quy định; phối hợp với Ban Tổ chức Trung ương xây dựng chức năng, nhiệm vụ của Đảng ủy Khối Doanh nghiệp Trung ương, trình Bộ Chính trị xem xét, quyết định.

Điều 8. Ban Tổ chức Trung ương, Đảng ủy Khối Doanh nghiệp Trung ương, các tổ chức đảng, các cơ quan, đơn vị có liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
TRƯỞNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN Bí THƯ**

Số 49-QĐ/TW, ngày 12 tháng 4 năm 2007

**Thành lập Ban Chỉ đạo xây dựng Đề án
"Đổi mới phương thức hoạt động của
Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể
chính trị - xã hội"**

- Căn cứ Điều lệ Đảng;
- Căn cứ vào Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư khóa X;
- Căn cứ vào Chương trình làm việc của Ban Chấp hành Trung ương khóa X;
- Xét đề nghị của Văn phòng Trung ương,

BAN Bí THƯ QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Ban Chỉ đạo xây dựng Đề án "Đổi mới phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội" gồm các đồng chí sau:

- 1- Đồng chí Hồ Đức Việt, Ủy viên Bộ Chính trị, Trưởng Ban Tổ chức Trung ương, Trưởng ban.

- 2- Đồng chí Tòng Thị Phóng, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng Ban Dân vận Trung ương, Phó Trưởng ban.
- 3- Đồng chí Vũ Trọng Kim, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Trưởng Ban Thường trực Ban Dân vận Trung ương, Ủy viên.
- 4- Đồng chí Lê Truyền, Phó Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Ủy viên.
- 5- Đồng chí Giàng Seo Phủ, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Trưởng Ban Tổ chức Trung ương, Ủy viên.
- 6- Đồng chí Nguyễn Mạnh Tuấn, Phó Chánh Văn phòng Trung ương, Ủy viên.
- 7- Đồng chí Nguyễn Viết Thông, Tổng Thư ký Hội đồng Lý luận Trung ương, Ủy viên.
- 8- Đồng chí Trần Đức Cường, Phó Chủ tịch Viện Khoa học xã hội Việt Nam, Ủy viên.
- 9- Đồng chí Vũ Đình Hòe, Phó Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Ủy viên.
- 10- Đồng chí Nguyễn Hòa Bình, Phó Chủ tịch Thường trực Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Ủy viên.
- 11- Đồng chí Nguyễn Thị Kim Thúy, Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Ủy viên.
- 12- Đồng chí Lê Hoàng Minh, Phó Chủ tịch Thường trực Hội Nông dân Việt Nam, Ủy viên.
- 13- Đồng chí Đặng Quân Thụy, Chủ tịch Hội Cựu chiến binh Việt Nam, Ủy viên.
- 14- Đồng chí Bùi Văn Cường, Bí thư Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Ủy viên.

Điều 2. Ban Chỉ đạo xây dựng đề án có nhiệm vụ xây dựng kế hoạch tổ chức khảo sát, nghiên cứu và dự thảo Đề án "Đổi mới phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc

Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội" để báo cáo Bộ Chính trị xem xét, trình Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa X.

Giúp việc Ban Chỉ đạo có Tổ Biên tập do Trưởng Ban Chỉ đạo quyết định.

Điều 3. Văn phòng Trung ương cấp kinh phí phục vụ cho việc xây dựng Đề án.

Điều 4. Văn phòng Trung ương, Ban Tổ chức Trung ương và các đồng chí có tên trên thi hành Quyết định này.

T/M BAN Bí THƯ
TRƯỞNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN Bí THU**

Số 50-QĐ/TW, ngày 12 tháng 4 năm 2007

**Thành lập Ban Chỉ đạo xây dựng
Đề án "Xây dựng giai cấp công nhân"**

- Căn cứ Điều lệ Đảng;
- Căn cứ vào Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư khóa X;
- Căn cứ vào Chương trình làm việc của Ban Chấp hành Trung ương khóa X;
- Xét đề nghị của Văn phòng Trung ương,

BAN Bí THU QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Ban Chỉ đạo xây dựng Đề án "Xây dựng giai cấp công nhân" gồm các đồng chí sau:

- 1- Đồng chí Trương Tân Sang, Ủy viên Bộ Chính trị, Thường trực Ban Bí thư, Trưởng ban.
- 2- Đồng chí Tòng Thị Phóng, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng Ban Dân vận Trung ương, Phó Trưởng ban.
- 3- Đồng chí Đặng Ngọc Tùng, Ủy viên Trung ương Đảng, Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Ủy viên.

4- Đồng chí Giàng Seo Phủ, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó trưởng Ban Tổ chức Trung ương, Ủy viên.

5- Đồng chí Vũ Trọng Kim, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó trưởng Ban Dân vận Trung ương, Ủy viên.

6- Đồng chí Nguyễn Mạnh Tuấn, Phó Chánh Văn phòng Trung ương, Ủy viên.

7- Đồng chí Nguyễn Đăng Thành, Phó Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Ủy viên.

8- Đồng chí Nguyễn Văn Đặng, Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng Lý luận Trung ương, Ủy viên.

9- Đồng chí Trần Đức Cường, Phó Chủ tịch Viện Khoa học xã hội Việt Nam, Ủy viên.

Điều 2. Ban Chỉ đạo xây dựng Đề án có nhiệm vụ xây dựng kế hoạch, tổ chức khảo sát, nghiên cứu và dự thảo Đề án "Xây dựng giai cấp công nhân" để báo cáo Bộ Chính trị xem xét, trình Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa X.

Giúp việc Ban Chỉ đạo có Tổ Biên tập do Trưởng Ban Chỉ đạo quyết định.

Điều 3. Văn phòng Trung ương cấp kinh phí phục vụ cho việc xây dựng Đề án.

Điều 4. Văn phòng Trung ương, Ban Tổ chức Trung ương và các đồng chí có tên trên thi hành Quyết định này.

T/M BAN Bí THU

TRƯƠNG TÂN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**CHỈ THỊ
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ**

Số 11-CT/TW, ngày 13 tháng 4 năm 2007

**Về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng
đối với công tác khuyến học, khuyến tài,
xây dựng xã hội học tập**

Thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ IX của Đảng, Nghị quyết Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương (khóa IX) về xây dựng cả nước trở thành một xã hội học tập, Chỉ thị 50-CT/TW của Bộ Chính trị (khóa VIII) về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với Hội Khuyến học Việt Nam; những năm qua, tổ chức đảng các cấp đã có nhiều chủ trương, biện pháp chỉ đạo phát triển sự nghiệp giáo dục và đào tạo, động viên nhân dân tham gia học tập. Phong trào thi đua xây dựng gia đình hiếu học được đẩy mạnh, hàng nghìn trung tâm học tập cộng đồng ở xã, phường, thị trấn được xây dựng và đi vào hoạt động. Việc phát huy vai trò của các lực lượng trong xã hội tham gia khuyến học, khuyến tài, thực hiện chủ trương xã hội hóa giáo dục ngày càng hiệu quả, thu hút đông đảo các tầng lớp nhân dân tham gia. Hội Khuyến học Việt Nam đã phát triển rộng khắp trên cả nước, hoạt

động đạt nhiều kết quả tốt. Đây là những tiền đề quan trọng để thúc đẩy cuộc vận động xây dựng xã hội học tập trong thời kỳ mới.

Tuy nhiên, những kết quả đạt được mới chỉ là bước đầu. Nhận thức của nhiều cấp ủy đảng, cán bộ, đảng viên và nhân dân về sự cần thiết, tầm quan trọng của công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập trong thời kỳ mới chưa thật sự đầy đủ; một số cấp ủy đảng chưa chỉ đạo chính quyền, đoàn thể phối hợp thực hiện; hoạt động ở một số nơi còn mang tính hình thức; phong trào phát triển không đồng đều, triển khai còn lúng túng, hiệu quả thấp; cán bộ chuyên trách chưa đáp ứng yêu cầu; việc huy động các nguồn lực của xã hội thông qua các chủ trương, biện pháp tuyên truyền, vận động thực hiện xã hội hóa để mọi người tham gia hoạt động khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập còn hạn chế; cơ chế, chính sách và hành lang pháp lý cho công tác này chậm được ban hành...

Quán triệt Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng về "chuyển dần mô hình giáo dục hiện nay sang mô hình giáo dục mở - mô hình xã hội học tập" và tư tưởng Hồ Chí Minh về học tập suốt đời, nhằm nâng cao dân trí, phát triển nguồn nhân lực, đào tạo nhân tài, phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, nhất là trong bối cảnh nước ta hội nhập ngày càng sâu rộng vào nền kinh tế thế giới, Bộ Chính trị yêu cầu các cấp ủy đảng tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập trong thời gian tới, tập trung thực hiện một số nội dung cơ bản sau đây:

1. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục trong Đảng và nhân dân với nhiều hình thức phong phú, thiết thực để

nhận thức rõ về sự cần thiết, tầm quan trọng của việc xây dựng xã hội học tập ở nước ta hiện nay; xác định xây dựng xã hội học tập là nhiệm vụ của toàn Đảng, toàn dân, là một mục tiêu cơ bản trong chiến lược chấn hưng và phát triển giáo dục của nước ta.

2. Cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp xây dựng xã hội học tập trong phạm vi từng địa phương, đơn vị. Trước mắt rà soát, bổ sung nội dung kế hoạch thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ trong "Đề án xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2005 - 2010" mà Chính phủ đã ban hành. Thường xuyên theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, chỉ đạo giải quyết kịp thời các khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện.

3. Mở rộng và nâng cao chất lượng phong trào khuyến học, khuyến tài, góp phần hỗ trợ các cơ sở giáo dục trong giảng dạy và học tập; xây dựng gia đình hiếu học; cộng đồng, dòng họ, cơ quan, doanh nghiệp, đơn vị khuyến học. Tiếp tục đẩy mạnh xây dựng các trung tâm học tập cộng đồng ở xã, phường, thị trấn; phát triển nhiều loại hình học tập đa dạng, phù hợp với điều kiện và nhu cầu học tập của cán bộ, nhân dân từng địa phương, đơn vị.

Chú trọng và kịp thời phát hiện, có chính sách cụ thể để bồi dưỡng nhân tài, nhất là tài năng trẻ trên các lĩnh vực.

Vận động nhân dân tích cực học tập nâng cao dân trí, nghề nghiệp, chuyên môn nhằm tăng năng lực sản xuất, chất lượng công việc, chất lượng cuộc sống. Gắn việc phát triển phong trào khuyến học, khuyến tài với xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh, học đi đôi với hành, với phong trào làm kinh tế giỏi, xóa đói, giảm nghèo và xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở.

Chỉ đạo nghiên cứu, tổng kết, rút kinh nghiệm và có hình thức khen thưởng, tuyên dương, nhân rộng các mô hình hay, hiệu quả trong việc triển khai thực hiện phong trào khuyến học, xây dựng xã hội học tập ở các địa phương, đơn vị.

4. Củng cố, xây dựng Hội Khuyến học các cấp vững mạnh, làm nòng cốt trong việc liên kết, phối hợp với các tổ chức, các lực lượng xã hội tham gia hoạt động khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập. Các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, nghề nghiệp, các cơ quan, đơn vị lực lượng vũ trang, doanh nghiệp tích cực, chủ động tổ chức các hoạt động khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập theo tinh thần xã hội hóa giáo dục.

5. Ban Cán sự Đảng Chính phủ, các bộ, ngành, ủy ban nhân dân các cấp trong phạm vi quyền hạn và nhiệm vụ của mình khẩn trương chỉ đạo việc xây dựng, ban hành các chủ trương, chính sách, kế hoạch triển khai thực hiện "Đề án xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2005 - 2010" của Chính phủ, nhất là các chủ trương, chính sách bảo đảm phát triển hệ thống giáo dục thường xuyên, tổ chức dạy nghề ở các quận, huyện, tạo điều kiện cho hoạt động của các trung tâm học tập cộng đồng ở xã, phường, thị trấn; có biện pháp tích cực, nội dung cụ thể giúp các tỉnh miền núi, vùng sâu, vùng xa, những địa phương có khó khăn trong việc triển khai xây dựng xã hội học tập. Ban hành cơ chế giao cho hội khuyến học các cấp thực hiện nhiệm vụ triển khai phong trào khuyến học, khuyến tài, nghiên cứu xây dựng mô hình xã hội học tập; quan tâm, tạo điều kiện thuận lợi về chế độ, chính sách, tổ chức bộ máy, kinh phí hoạt động của hội khuyến học các cấp theo các quy định hiện hành của Nhà nước.

Ban Cán sự Đảng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Trung ương Hội Khuyến học Việt Nam tăng cường các hoạt động phối hợp thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập.

Các cơ quan thông tin đại chúng thường xuyên tuyên truyền công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập và các cá nhân, tập thể có thành tích trong công tác này.

6. Ban Tuyên giáo Trung ương, ban tuyên giáo các địa phương chủ trì, phối hợp với ban dân vận cùng cấp giúp cấp ủy theo dõi, hướng dẫn, chỉ đạo việc thực hiện Chỉ thị này. Hàng năm, báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư (ở địa phương báo cáo thường vụ cấp ủy đảng) về kết quả thực hiện.

Chỉ thị này phổ biến đến chi bộ.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
TRƯỞNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUY ĐỊNH CỦA BAN Bí THƯ

Số 51-QĐ/TW, ngày 19 tháng 4 năm 2007

Về nhiệm vụ và quan hệ công tác của thường trực tỉnh ủy, thành ủy

Căn cứ Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam và Quy định thi hành Điều lệ Đảng;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội lần thứ X của Đảng và Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư khóa X;

Trên cơ sở đánh giá việc thực hiện Hướng dẫn số 01-HD/TW, ngày 3-4-2003 của Ban Bí thư về nhiệm vụ và quan hệ công tác của thường trực tỉnh ủy, thành ủy;

Ban Bí thư quy định nhiệm vụ và quan hệ công tác của thường trực tỉnh ủy, thành ủy như sau:

I- QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Thường trực tỉnh ủy, thành ủy gồm bí thư và các phó bí thư, chỉ đạo kiểm tra thực hiện nghị quyết, chỉ thị của cấp ủy, của ban thường vụ và của cấp ủy cấp trên; giải quyết

công việc hàng ngày của đảng bộ; quyết định triệu tập và chuẩn bị nội dung các kỳ họp của ban thường vụ.

Thường trực tỉnh ủy, thành ủy làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách; thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn, các quan hệ công tác theo Quy định của Ban Bí thư và theo Quy chế làm việc của cấp ủy.

II- NHIỆM VỤ CỦA THƯỜNG TRỰC VÀ CÁC THÀNH VIÊN TRONG THƯỜNG TRỰC TỈNH ỦY, THÀNH ỦY

Điều 2. Nhiệm vụ của tập thể thường trực tỉnh ủy, thành ủy

2.1. Giúp ban thường vụ chỉ đạo việc chuẩn bị và tổ chức thực hiện quy chế làm việc, chương trình làm việc toàn khóa của ban chấp hành đảng bộ tỉnh, thành phố; xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình làm việc hàng năm, 6 tháng, hàng quý, hàng tháng của ban thường vụ tỉnh ủy, thành ủy và chương trình kiểm tra, giám sát hàng năm của cấp ủy; quyết định triệu tập hội nghị ban thường vụ tỉnh ủy, thành ủy; chỉ đạo, kiểm tra việc chuẩn bị các nội dung (báo cáo, đề án, phương án, dự thảo nghị quyết, kết luận...) trình hội nghị ban thường vụ tỉnh ủy, thành ủy quyết định; chỉ đạo việc chuẩn bị nội dung làm việc với lãnh đạo cấp cao của Đảng và Nhà nước đến thăm và làm việc tại địa phương hoặc khi lãnh đạo yêu cầu cấp ủy đến báo cáo, làm việc.

2.2. Chỉ đạo phối hợp hoạt động giữa các cơ quan đảng, đảng đoàn hội đồng nhân dân, ban cán sự đảng ủy ban nhân dân, đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân trong việc quản triệt, cụ thể hóa và chỉ đạo tổ chức thực hiện,

kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết việc thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của Trung ương và của cấp ủy địa phương.

2.3. Chỉ đạo giải quyết những công việc hàng ngày của đảng bộ, những vấn đề đột xuất nảy sinh giữa hai kỳ họp của ban thường vụ tỉnh ủy, thành ủy.

2.4. Thay mặt ban thường vụ tỉnh ủy, thành ủy giải quyết những công việc theo sự chỉ đạo của Trung ương, theo quy chế làm việc của cấp ủy và những công việc được ban thường vụ ủy quyền.

Những công việc ban thường vụ ủy quyền cho tập thể thường trực tỉnh ủy, thành ủy giải quyết gồm:

- Về tổ chức, cán bộ:

+ Quyết định thẩm tra những cán bộ thuộc diện ban thường vụ quản lý khi có vấn đề phải xem xét về lịch sử chính trị và chính trị hiện nay theo Quy định của Bộ Chính trị để đưa ra ban thường vụ tỉnh ủy, thành ủy xem xét, kết luận.

+ Cho ý kiến về bổ nhiệm, điều động, thuyên chuyển, nghỉ hưu, miễn nhiệm cán bộ thuộc quyền quản lý của đảng đoàn, ban cán sự đảng các cơ quan nhà nước hoặc tổ chức quần chúng đối với các trường hợp mà các tổ chức đảng thấy cần phải xin ý kiến thường trực cấp ủy trước khi quyết định.

+ Hiệp y về đề nghị bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, khen thưởng... đối với cán bộ là cấp phó của một số cơ quan trực thuộc Trung ương đóng trên địa bàn (trừ cấp phó của bộ chỉ huy quân sự, công an, viện kiểm sát nhân dân, tòa án nhân dân tỉnh, thành phố thuộc quyền của ban thường vụ) theo Quy định phân cấp quản lý cán bộ của Bộ Chính trị.

+ Chuẩn y kết quả bầu cử cấp ủy viên, ủy ban kiểm tra và các chức danh lãnh đạo của cấp ủy, đảng ủy trực thuộc; chỉ định bổ sung cấp ủy viên, ủy viên đảng đoàn, ban cán sự đảng theo đề nghị của cấp ủy, đảng ủy, đảng đoàn, ban cán sự đảng trực thuộc đúng với quy định của Điều lệ Đảng.

+ Ra quyết định việc thực hiện chế độ và chính sách tiền lương; việc đi học tập, công tác ở trong nước và nước ngoài đối với cán bộ thuộc diện ban thường vụ quản lý.

+ Cho ý kiến về đề nghị xét tặng các loại huân chương, huy chương, các danh hiệu vinh dự nhà nước và các danh hiệu thi đua, khen thưởng khác được ban thường vụ ủy quyền trong quy chế làm việc của cấp ủy, trước khi trình cơ quan có thẩm quyền quyết định.

+ Chỉ đạo công tác chăm sóc sức khỏe và chính sách cán bộ; tổ chức tang lễ đối với cán bộ thuộc diện ban thường vụ quản lý theo đúng chế độ, chính sách quy định.

- Về công tác nội chính, an ninh, quốc phòng, đối ngoại:

+ Cho ý kiến về chương trình công tác hằng năm và đánh giá công tác năm của các cơ quan nội chính.

+ Cho ý kiến về chủ trương xử lý các vấn đề đột xuất có liên quan đến an ninh trên địa bàn, nhất là an ninh chính trị, tôn giáo, dân tộc và an ninh biên giới. Phối hợp chặt chẽ với thường vụ đảng ủy quân khu trong lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, quân sự địa phương và trong chỉ đạo, chỉ huy các đơn vị quân đội đóng trên địa bàn.

+ Cho ý kiến về chủ trương xử lý một số vụ việc, vụ án nghiêm trọng, phức tạp có liên quan đến an ninh chính trị, đối ngoại hoặc còn có ý kiến khác nhau giữa các cơ quan tư

pháp... theo quy định của Bộ Chính trị; chỉ đạo xử lý đơn, thư khiếu nại, tố cáo của công dân liên quan đến cán bộ thuộc diện ban thường vụ quản lý và những đơn, thư nhiều người ký tên có biểu hiện phức tạp.

+ Chỉ đạo các chương trình, kế hoạch và hoạt động đối ngoại lớn ở địa phương.

- Về kinh tế - xã hội:

+ Cho ý kiến về chủ trương đầu tư một số dự án quan trọng được ban thường vụ ủy quyền để ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố quyết định (theo mức vốn đầu tư hoặc quy mô sử dụng đất, có ảnh hưởng sâu rộng đến quyền lợi, tư tưởng của nhiều đối tượng xã hội, đến quốc phòng, an ninh, đối ngoại... trên địa bàn) phù hợp với tình hình thực tiễn của mỗi địa phương.

+ Cho ý kiến về chủ trương sử dụng các khoản chi từ nguồn hỗ trợ của Trung ương, tỉnh bạn, các tổ chức trong và ngoài nước cho các nhu cầu phòng, chống thiên tai, cứu trợ khẩn cấp... (trừ những trường hợp thiên tai, cứu trợ đặc biệt khẩn cấp, không có điều kiện họp được thường trực cấp ủy, do chủ tịch ủy ban nhân dân quyết định, sau đó báo cáo lại thường trực cấp ủy).

Những công việc được ủy quyền nêu trên, nếu có vấn đề phức tạp hoặc khi xét thấy cần thiết thì thường trực tỉnh ủy, thành ủy xin ý kiến ban thường vụ trước khi quyết định.

Trong phạm vi được ủy quyền, các ý kiến chỉ đạo của thường trực tỉnh ủy, thành ủy có hiệu lực thực hiện như quyết định của ban thường vụ.

Kết quả giải quyết công việc giữa hai kỳ họp của ban thường vụ và các công việc được ban thường vụ ủy quyền,

thường trực tỉnh ủy, thành ủy phải báo cáo ban thường vụ trong phiên họp gần nhất.

Điều 3. Nhiệm vụ và quyền hạn của bí thư tỉnh ủy, thành ủy

Bí thư là người chịu trách nhiệm cao nhất trước ban chấp hành, ban thường vụ và thường trực tỉnh ủy, thành ủy; cùng ban chấp hành, ban thường vụ và thường trực cấp ủy chịu trách nhiệm trước Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, trước đảng bộ và nhân dân địa phương về sự lãnh đạo của Đảng trên mọi lĩnh vực ở địa phương và chịu trách nhiệm trực tiếp về những công việc được phân công. Bí thư tỉnh ủy, thành ủy có các nhiệm vụ và quyền hạn:

3.1. Chủ trì các công việc của ban chấp hành, ban thường vụ và thường trực cấp ủy; chủ trì và kết luận các hội nghị của cấp ủy; chủ động đề xuất, trao đổi trong thường trực cấp ủy những vấn đề lớn, quan trọng để đưa ra ban thường vụ, ban chấp hành thảo luận, quyết định.

3.2. Chỉ đạo tổ chức quán triệt trong đảng bộ, nhân dân địa phương và trực tiếp tổ chức quán triệt trong ban chấp hành, ban thường vụ các nghị quyết, chỉ thị của Đảng; chỉ đạo và định hướng chuẩn bị những đề án quan trọng nhằm cụ thể hóa các nghị quyết, chỉ thị của Đảng để trình hội nghị ban chấp hành, ban thường vụ thảo luận, quyết định.

3.3. Tập trung chỉ đạo và thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm trong từng thời kỳ, các khâu và lĩnh vực công tác khó khăn, phức tạp nhất;

làm bí thư đảng ủy quân sự tỉnh, thành phố và tham gia đảng ủy quân khu; trực tiếp nắm và chỉ đạo những vấn đề cơ mật về quốc phòng, an ninh, đối ngoại, về công tác bảo vệ Đảng; chỉ đạo công tác xây dựng Đảng, xây dựng đội ngũ cán bộ chủ chốt và chịu trách nhiệm về công tác tổ chức, cán bộ ở địa phương. Chủ động kiến nghị với ban thường vụ, ban chấp hành các chủ trương, biện pháp để cải tiến và đổi mới phương thức lãnh đạo của cấp ủy; bảo đảm sinh hoạt của ban chấp hành, ban thường vụ và thường trực tỉnh ủy, thành ủy được thực hiện đúng quy chế làm việc, đúng nguyên tắc lãnh đạo của Đảng. Giữ vững đoàn kết, thống nhất trong nội bộ cấp ủy và trong đảng bộ.

3.4. Chỉ đạo việc sơ kết, tổng kết theo định kỳ việc thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của Đảng và chỉ đạo tổng kết các mặt công tác lớn của địa phương; thay mặt tỉnh ủy (thành ủy) báo cáo với Trung ương và thông báo cho cấp dưới về tình hình thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của Đảng ở địa phương và hoạt động của cấp ủy theo đúng chế độ quy định; khi cần thiết trực tiếp báo cáo với Bộ Chính trị, Ban Bí thư về tình hình của địa phương và chịu trách nhiệm về những nội dung báo cáo đó.

3.5. Chỉ đạo đồng chí phó bí thư thường trực giải quyết công việc hằng ngày của đảng bộ; chỉ đạo đồng chí bí thư đảng đoàn - chủ tịch hội đồng nhân dân, đồng chí bí thư ban cán sự đảng - chủ tịch ủy ban nhân dân lãnh đạo đảng đoàn hội đồng nhân dân, ban cán sự đảng ủy ban nhân dân tổ chức triển khai thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của Đảng và của cấp ủy có liên quan đến công tác quản lý nhà nước ở

địa phương; thay mặt ban chấp hành, ban thường vụ ký các nghị quyết, chỉ thị, các văn bản của ban chấp hành và ban thường vụ tỉnh ủy, thành ủy.

Điều 4. Nhiệm vụ và quyền hạn của phó bí thư thường trực tỉnh ủy, thành ủy

Phó bí thư thường trực tỉnh ủy, thành ủy cùng với bí thư và phó bí thư - chủ tịch ủy ban nhân dân chịu trách nhiệm về toàn bộ công việc và hoạt động của thường trực tỉnh ủy, thành ủy, đồng thời chịu trách nhiệm trực tiếp về những công việc được phân công. Phó bí thư thường trực tỉnh ủy, thành ủy có các nhiệm vụ và quyền hạn:

4.1. Chịu trách nhiệm trước ban chấp hành, ban thường vụ, tập thể thường trực và đồng chí bí thư tỉnh ủy, thành ủy chỉ đạo việc chuẩn bị, thẩm định dự thảo quy chế làm việc, chương trình làm việc toàn khóa của ban chấp hành đảng bộ tỉnh, thành phố; chương trình công tác năm, 6 tháng, hằng quý, hằng tháng của ban thường vụ; chương trình kiểm tra, giám sát hằng năm của cấp ủy và tổ chức chỉ đạo việc thực hiện quy chế, các chương trình công tác đã đề ra; chỉ đạo việc chuẩn bị chương trình và nội dung các hội nghị của ban chấp hành, ban thường vụ và các cuộc họp của thường trực cấp ủy.

4.2. Chịu trách nhiệm trước ban chấp hành, ban thường vụ, tập thể thường trực và đồng chí bí thư tỉnh ủy, thành ủy điều hành bộ máy đảng để giải quyết những công việc hằng ngày của đảng bộ. Trực tiếp giải quyết những công việc do bí thư ủy nhiệm; thay mặt bí thư khi bí thư đi vắng.

4.3. Trực tiếp chỉ đạo hoạt động của các ban đảng và phụ trách văn phòng cấp ủy; phối hợp công tác giữa tổ chức đảng, nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân để tổ chức thực hiện và kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của Đảng và của cấp ủy địa phương. Chủ trì cùng với các đồng chí ủy viên thường vụ phụ trách lĩnh vực xử lý những việc cần có sự phối hợp của nhiều cơ quan hoặc những việc do các đồng chí ủy viên thường vụ phụ trách lĩnh vực đề nghị.

4.4. Chịu trách nhiệm trước ban chấp hành, ban thường vụ, tập thể thường trực và đồng chí bí thư tỉnh ủy, thành ủy chỉ đạo một số nhiệm vụ cụ thể: công tác xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở và thực hiện Quy chế dân chủ cơ sở; công tác dân vận của Đảng; công tác thi đua, khen thưởng trong Đảng; công tác ứng dụng công nghệ thông tin trong hệ thống đảng; công tác tài chính đảng và thực hiện chế độ thông tin, báo cáo và bảo mật theo quy định. Đề xuất với tập thể thường trực, ban thường vụ và ban chấp hành những vấn đề cần quan tâm giải quyết thuộc các lĩnh vực, nhiệm vụ mình phụ trách; thay mặt ban chấp hành, ban thường vụ ký một số văn bản của ban chấp hành, ban thường vụ theo sự phân công của đồng chí bí thư.

Điều 5. Nhiệm vụ và quyền hạn của phó bí thư - chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố

Phó bí thư - chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố cùng với bí thư và phó bí thư thường trực tỉnh ủy, thành ủy chịu trách nhiệm về toàn bộ công việc và hoạt động của

thường trực tỉnh ủy, thành ủy, đồng thời chịu trách nhiệm trực tiếp về những công việc được phân công. Phó bí thư - chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố có các nhiệm vụ và quyền hạn:

5.1. Chịu trách nhiệm trước ban chấp hành, ban thường vụ, tập thể thường trực và đồng chí bí thư tỉnh ủy, thành ủy về toàn bộ hoạt động của ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố và của hệ thống cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương theo quy định của pháp luật; cùng với các đồng chí ủy viên ban thường vụ, ủy viên ban chấp hành trong ủy ban nhân dân chỉ đạo xây dựng bộ máy chính quyền địa phương trong sạch, vững mạnh, hoạt động có hiệu lực, hiệu quả.

5.2. Chỉ đạo tổ chức quán triệt và thực hiện chính sách, pháp luật của Nhà nước trong cán bộ, công chức và các tầng lớp nhân dân ở địa phương. Cụ thể hóa, tổ chức thực hiện và kiểm tra việc thực hiện các nghị quyết, chỉ thị, quyết định của ban chấp hành, ban thường vụ, của hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố và của cơ quan nhà nước cấp trên về những vấn đề kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, công tác xây dựng Đảng và công tác tổ chức, cán bộ thuộc quyền. Chỉ đạo công tác quy hoạch, kế hoạch hàng năm và 5 năm; chỉ đạo xây dựng các đề án cụ thể về kinh tế - xã hội và ngân sách, về quốc phòng, an ninh, về hợp tác, liên doanh, liên kết với nước ngoài... để đưa ra hội nghị ban chấp hành, ban thường vụ thảo luận, quyết định theo chương trình làm việc.

5.3. Chịu trách nhiệm trước ban chấp hành, ban thường vụ, tập thể thường trực và đồng chí bí thư tỉnh ủy, thành ủy chỉ đạo triển khai, tổ chức thực hiện công tác đấu tranh

phòng, chống tham nhũng, lãng phí, công tác giải quyết đơn, thư khiếu nại, tố cáo của công dân, công tác cải cách hành chính, công tác thi đua - khen thưởng, công tác dân vận của chính quyền và công tác đối ngoại ở địa phương; chỉ đạo thực hiện chế độ báo cáo về tình hình kinh tế - xã hội, ngân sách, quốc phòng, an ninh trên địa bàn và các công việc chỉ đạo, điều hành chủ yếu của ủy ban nhân dân cho thường trực, ban thường vụ và cấp ủy theo định kỳ hoặc khi có yêu cầu; làm bí thư ban cán sự đảng ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố; trực tiếp phụ trách đảng ủy công an, đảng ủy bộ đội biên phòng (nếu có) của tỉnh, thành phố.

5.4. Thường xuyên báo cáo tình hình với đồng chí bí thư, với thường trực cấp ủy về hoạt động của ban cán sự đảng ủy ban nhân dân và hoạt động của ủy ban nhân dân; chủ động đề xuất những vấn đề thuộc trách nhiệm và phạm vi công tác của ủy ban nhân dân cần báo cáo xin ý kiến tập thể thường trực, ban thường vụ hoặc ban chấp hành; phối hợp chặt chẽ với đồng chí phó bí thư thường trực và đồng chí bí thư đảng đoàn - chủ tịch hội đồng nhân dân trong xử lý công việc để bảo đảm sự thống nhất trong lãnh đạo, điều hành giữa Đảng và chính quyền.

Điều 6. Nhiệm vụ và quyền hạn của bí thư hoặc phó bí thư thường trực là chủ tịch hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố

Cùng với việc thực hiện tốt các nhiệm vụ và quyền hạn của bí thư hoặc phó bí thư thường trực ghi ở Điều 4 và Điều 5 của Quy định này, bí thư hoặc phó bí thư thường trực là

chủ tịch hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố còn có các nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

6.1. Chịu trách nhiệm trước ban chấp hành, ban thường vụ và tập thể thường trực tỉnh ủy, thành ủy về toàn bộ hoạt động của hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố và của hệ thống hội đồng nhân dân các cấp ở địa phương theo quy định của pháp luật; phối hợp với đồng chí chủ tịch ủy ban nhân dân và cùng với các đồng chí trong thường trực hội đồng nhân dân chỉ đạo xây dựng bộ máy chính quyền địa phương trong sạch, vững mạnh, hoạt động có hiệu lực, hiệu quả.

6.2. Là bí thư đảng đoàn hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố, có trách nhiệm chỉ đạo cụ thể hóa, tổ chức thực hiện và kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nghị quyết, chỉ thị, quyết định của cấp ủy và của cơ quan nhà nước cấp trên liên quan đến hoạt động của hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố. Chỉ đạo xây dựng chương trình hoạt động, chương trình giám sát hằng năm, chương trình các kỳ họp của hội đồng nhân dân; những quyết định quan trọng của hội đồng nhân dân về kinh tế - xã hội, ngân sách, quốc phòng, an ninh và những vấn đề quan trọng khác của địa phương... cần xin ý kiến cấp ủy trước khi trình hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố quyết định.

6.3. Định kỳ báo cáo tình hình với thường trực tỉnh ủy, thành ủy về hoạt động của đảng đoàn hội đồng nhân dân và hội đồng nhân dân; chủ động đề xuất những vấn đề thuộc trách nhiệm và phạm vi công tác của hội đồng nhân dân cần báo cáo xin ý kiến tập thể thường trực cấp ủy hoặc ban

thường vụ; phối hợp chặt chẽ với đồng chí bí thư ban cán sự đảng - chủ tịch ủy ban nhân dân trong xử lý công việc để bảo đảm sự thống nhất trong lãnh đạo, điều hành giữa Đảng và chính quyền.

III- QUAN HỆ CÔNG TÁC CỦA THƯỜNG TRỰC TỈNH ỦY, THÀNH ỦY

Điều 7. Quan hệ công tác trong nội bộ thường trực tỉnh ủy, thành ủy

7.1. Thường trực cấp ủy họp định kỳ từ 1 - 2 tuần một lần và họp đột xuất khi cần thiết. Thực hiện chế độ hội ý, trao đổi công việc thường xuyên (có thể là hằng ngày) giữa bí thư và phó bí thư thường trực; khi cần giữa bí thư và phó bí thư - chủ tịch ủy ban nhân dân để xử lý công việc đột xuất.

- Nội dung họp thường trực cấp ủy: Nghe phản ánh tình hình tuân qua và định chương trình công tác tuân thủ của thường trực; bàn thống nhất trước về nội dung những vấn đề sẽ đưa ra ban thường vụ và ban chấp hành đảng bộ thảo luận và quyết định; thảo luận và quyết định những vấn đề thuộc thẩm quyền của thường trực cấp ủy đã được ban thường vụ ủy quyền; cho ý kiến để xử lý kịp thời những công việc hằng ngày vượt quá thẩm quyền cá nhân của từng đồng chí thường trực.

- Tùy nội dung mỗi phiên họp, thành phần mời dự hội nghị thường trực cấp ủy có thể gồm: chánh văn phòng tỉnh ủy, thành ủy; chánh văn phòng hội đồng nhân dân, chánh văn phòng ủy ban nhân dân; đại diện các cơ quan nhà nước,

các ban đảng, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể và các ngành chức năng có liên quan.

7.2. Thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ trong sinh hoạt thường trực cấp ủy

- Khi giải quyết những công việc được ban thường vụ ủy quyền, thường trực cấp ủy phải bàn tập thể và quyết định trên cơ sở tán thành của mọi thành viên trong thường trực; đối với những vấn đề còn có ý kiến khác nhau (nhất là trong công tác tổ chức và cán bộ, trong dự án đầu tư xây dựng cơ bản...) thì cần tiếp tục chuẩn bị chu đáo để bàn lại, nếu vẫn chưa thống nhất thì báo cáo ban thường vụ xem xét, quyết định.

- Đối với những công việc chuẩn bị để trình ban thường vụ, ban chấp hành đảng bộ cần bảo đảm sự nhất trí cao trong thường trực cấp ủy; trường hợp đã thảo luận kỹ mà vẫn chưa có sự nhất trí thì khi báo cáo ban thường vụ cần trình bày rõ các ý kiến khác nhau để ban thường vụ xem xét, quyết định.

7.3. Văn bản hóa các kết luận của thường trực tỉnh ủy, thành ủy

Các kết luận và quyết định xử lý công việc của thường trực tỉnh ủy, thành ủy được ban thường vụ ủy quyền đều được văn bản hóa dưới danh nghĩa của ban thường vụ tỉnh ủy, thành ủy và được gửi đến các tổ chức và cá nhân có nhiệm vụ thực hiện. Các ý kiến chỉ đạo của thường trực tỉnh ủy, thành ủy có tính đôn đốc, nhắc nhở trong giải quyết công việc hàng ngày và giữa hai kỳ họp của ban thường vụ; các quyết định xử lý cụ thể của mỗi đồng chí thành viên trong thường trực khi lấy danh nghĩa thường trực cấp ủy để giải quyết công việc đều phải do văn phòng tỉnh ủy, thành

ủy thông báo bằng văn bản, trừ những trường hợp mà các đồng chí thường trực cấp ủy cần chỉ đạo hoặc xử lý trực tiếp.

Các kết luận, quyết định, các văn bản chỉ đạo của tập thể thường trực và của từng đồng chí thường trực cấp ủy, phải đảm bảo đúng thể thức, thể loại văn bản của Đảng và được phát hành, quản lý, lưu trữ theo quy định hiện hành.

7.4. Thực hiện chế độ tự phê bình và phê bình

Hằng năm, cùng với kiểm điểm sự lãnh đạo, chỉ đạo của ban thường vụ tỉnh ủy, thành ủy, có kiểm điểm trách nhiệm của tập thể thường trực cấp ủy để ban chấp hành đảng bộ tỉnh, thành phố xem xét, góp ý. Bí thư và các phó bí thư tiến hành tự phê bình và phê bình trong hội nghị kiểm điểm của tập thể và cá nhân ban thường vụ tỉnh ủy, thành ủy, có nhận xét của chi ủy nơi sinh hoạt và chi ủy nơi cư trú; kết quả kiểm điểm được thông báo với hội nghị ban chấp hành đảng bộ tỉnh, thành phố để lấy ý kiến và gửi về Bộ Chính trị, Ban Bí thư theo quy định. Bí thư và các phó bí thư kiểm điểm nghiêm túc theo yêu cầu và nội dung gợi ý kiểm điểm của Ban Bí thư (nếu có).

Điều 8. Quan hệ công tác giữa thường trực tỉnh ủy, thành ủy với các đảng đoàn và ban cán sự đảng

8.1. Đối với đảng đoàn hội đồng nhân dân và ban cán sự đảng ủy ban nhân dân

- Thường trực tỉnh ủy, thành ủy chỉ đạo đảng đoàn hội đồng nhân dân chuẩn bị trình ban thường vụ tỉnh ủy, thành ủy cho ý kiến về những định hướng, chủ trương quan trọng trong chương trình hoạt động, chương trình các kỳ họp và những quyết định quan trọng của hội đồng nhân dân về

kinh tế - xã hội, ngân sách, quốc phòng, an ninh, những vấn đề quan trọng khác ở địa phương... trước khi trình hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố quyết định.

- Thường trực tỉnh ủy, thành ủy chỉ đạo ban cán sự đảng ủy ban nhân dân chuẩn bị trình ban thường vụ tỉnh ủy, thành ủy cho ý kiến về các chương trình, kế hoạch, đề án cụ thể hóa các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về kinh tế - xã hội, ngân sách, quốc phòng, an ninh, mở rộng hợp tác quốc tế... trước khi tổ chức thực hiện hoặc trình hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố quyết định.

Trong quá trình chuẩn bị những vấn đề trên, đảng đoàn hội đồng nhân dân và ban cán sự đảng ủy ban nhân dân chủ động phối hợp, lựa chọn những vấn đề xét thấy đặc biệt quan trọng hoặc nhạy cảm để báo cáo xin ý kiến trước thường trực cấp ủy.

- Tùy theo nội dung và tính chất quan trọng của kỳ họp hội đồng nhân dân và phiên họp ủy ban nhân dân, bí thư hoặc phó bí thư thường trực tỉnh ủy, thành ủy thay mặt ban chấp hành đảng bộ đến dự hội nghị và phát biểu ý kiến chỉ đạo.

- Theo định kỳ quy định và khi có yêu cầu, ban cán sự đảng ủy ban nhân dân báo cáo với thường trực, ban thường vụ, ban chấp hành đảng bộ tỉnh, thành phố tình hình chủ yếu về kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh ở địa phương và những công việc chỉ đạo, điều hành chủ yếu của ủy ban nhân dân.

8.2. Đối với ban cán sự đảng viện kiểm sát nhân dân và ban cán sự đảng tòa án nhân dân

- Thường trực tỉnh ủy, thành ủy bảo đảm sự lãnh đạo

trực tiếp và chặt chẽ của Đảng đối với ban cán sự đảng viện kiểm sát nhân dân và ban cán sự đảng tòa án nhân dân trên các vấn đề trọng yếu trong công tác tư pháp; thường xuyên kiểm tra công tác kiểm sát và xét xử bảo đảm đúng đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước; cho ý kiến về nhân sự cấp trưởng, cấp phó của viện kiểm sát nhân dân, tòa án nhân dân, về nhân sự thẩm phán và kiểm sát viên trước khi trình xin ý kiến ban thường vụ tỉnh ủy, thành ủy và báo cáo lên ngành dọc cấp trên.

- Thường trực tỉnh ủy, thành ủy không chỉ đạo cụ thể về tội danh và mức án mà chỉ cho chủ trương và phương hướng xử lý các vụ án nghiêm trọng, phức tạp, có liên quan đến an ninh chính trị, đối ngoại hoặc còn có ý kiến khác nhau giữa các cơ quan tư pháp... theo quy định của Bộ Chính trị.

- Ban cán sự đảng viện kiểm sát nhân dân, ban cán sự đảng tòa án nhân dân cùng với cơ quan điều tra phải chủ động, kịp thời báo cáo những vấn đề cần xin ý kiến thường trực cấp ủy trong việc xử lý các vụ án theo đúng quy định của Bộ Chính trị.

- Định kỳ hàng quý hoặc 6 tháng, thường trực tỉnh ủy, thành ủy làm việc hoặc giao ban với lãnh đạo viện kiểm sát nhân dân, tòa án nhân dân và các cơ quan nội chính để nghe kết quả hoạt động và những vấn đề cần quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy đối với công tác của các cơ quan này.

8.3. Đối với đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân và ban thường vụ tỉnh đoàn, thành đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh

- Thường trực tỉnh ủy, thành ủy cho ý kiến chỉ đạo về những định hướng lớn trong từng thời kỳ; về chương trình,

nội dung hoạt động hàng năm do đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân và ban thường vụ tỉnh đoàn, thành đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh trình; cho ý kiến về vấn đề tổ chức và cán bộ, về nhân sự cấp trưởng và cấp phó các đoàn thể trước khi trình ban thường vụ tỉnh ủy, thành ủy quyết định.

- Thường trực tỉnh ủy, thành ủy chỉ đạo kiểm tra sự phối hợp của các cơ quan đảng, chính quyền với Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân trong việc tổ chức triển khai các chủ trương lớn về công tác dân vận ở địa phương và chỉ đạo các ban, ngành chức năng bảo đảm các điều kiện cần thiết cho các đoàn thể hoạt động; định kỳ hàng quý, đồng chí phó bí thư thường trực tổ chức giao ban với lãnh đạo các tổ chức đoàn thể để nghe kết quả hoạt động và các kiến nghị của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân với Đảng và các cơ quan nhà nước.

- Các đảng đoàn và ban thường vụ tỉnh đoàn, thành đoàn phải đề cao trách nhiệm, kịp thời cụ thể hóa các nghị quyết của Đảng thành chương trình, kế hoạch, phương pháp công tác phù hợp; động viên đoàn viên, hội viên thực hiện tốt các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, tham gia xây dựng Đảng, chính quyền; thường xuyên phản ánh tâm tư, nguyện vọng của quần chúng nhân dân đối với Đảng; chủ động lựa chọn những vấn đề cần thiết và định kỳ báo cáo các hoạt động của đoàn thể với ban thường vụ và thường trực cấp ủy.

Điều 9. Quan hệ công tác giữa thường trực tỉnh ủy, thành ủy với các cấp ủy trực thuộc

9.1. Thường trực tỉnh ủy, thành ủy bảo đảm duy trì sự

lãnh đạo tuyệt đối và trực tiếp về mọi mặt của Đảng đối với quân đội, công an. Thông qua cơ chế đồng chí bí thư tỉnh ủy, thành ủy làm bí thư đảng ủy quân sự tỉnh, thành phố và tham gia đảng ủy quân sự quân khu; đồng chí phó bí thư - chủ tịch ủy ban nhân dân tham gia đảng ủy quân sự, phụ trách đảng ủy công an, đảng ủy bộ đội biên phòng tỉnh, thành phố để lãnh đạo trực tiếp công tác quốc phòng, an ninh; nắm và chỉ đạo các vấn đề cơ mật, trọng yếu về quốc phòng, an ninh ở địa phương.

9.2. Thường trực tỉnh ủy, thành ủy thường xuyên chỉ đạo, kiểm tra các huyện ủy, thành ủy, thị ủy, quận ủy và các đảng ủy trực thuộc, thông qua các ban đảng, văn phòng cấp ủy và các đồng chí cấp ủy viên được phân công phụ trách địa bàn để nắm tình hình các mặt công tác của các đảng bộ trực thuộc; kịp thời uốn nắn các lệnh lạc trong quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của Đảng và cho chủ trương xử lý những vấn đề phức tạp nảy sinh ở từng địa phương, đơn vị.

9.3. Các cấp ủy trực thuộc phải chịu trách nhiệm trước ban chấp hành, ban thường vụ tỉnh ủy, thành ủy về toàn bộ hoạt động ở địa phương, đơn vị mình; kịp thời tổ chức triển khai có hiệu quả các nghị quyết, chỉ thị của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước; thực hiện nghiêm chế độ báo cáo định kỳ và đột xuất về tình hình ở địa phương, đơn vị cho ban thường vụ và thường trực tỉnh ủy, thành ủy.

9.4. Thường trực tỉnh ủy, thành ủy làm việc trực tiếp với tập thể ban thường vụ, đảng ủy của các đảng bộ trực thuộc theo định kỳ hoặc đột xuất và khi thấy cần thiết để kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của

Đảng; nghe tình hình hoạt động của các đảng bộ và định hướng các mặt công tác lớn, xử lý kịp thời những vấn đề xảy ra có liên quan đến địa phương và đơn vị đó.

Điều 10. Quan hệ công tác giữa thường trực tỉnh ủy, thành ủy với các ban của Đảng và văn phòng tỉnh ủy, thành ủy

10.1. Thường trực tỉnh ủy, thành ủy chỉ đạo chặt chẽ hoạt động của các ban đảng gắn với công việc của cấp ủy; phát huy đầy đủ trách nhiệm và năng lực của mỗi ban để tham mưu, giúp việc cho ban chấp hành và ban thường vụ lãnh đạo, điều hành và tổ chức thực hiện các công việc của đảng bộ; thường xuyên chăm lo xây dựng để ngày càng hoàn thiện bộ máy các ban đảng và nâng cao chất lượng vận hành bộ máy đảng.

10.2. Định kỳ hàng quý, đồng chí phó bí thư thường trực tổ chức giao ban với lãnh đạo các ban đảng để kiểm điểm công việc đã qua và định hướng các công tác lớn trong thời gian tới phù hợp với chương trình chung của cấp ủy. Các ban đảng phải đề cao trách nhiệm, chủ động tổ chức công việc của mình theo chức năng, nhiệm vụ; đồng thời lựa chọn những vấn đề cần thiết để xin ý kiến thường trực cấp ủy.

10.3. Thường trực tỉnh ủy, thành ủy mà trực tiếp là đồng chí phó bí thư thường trực thường xuyên chỉ đạo văn phòng cấp ủy để văn phòng thực sự là cơ quan tham mưu tổng hợp, phục vụ sự điều hành, tổ chức công việc của cấp ủy và làm công tác thông tin phục vụ lãnh đạo. Chỉ đạo để văn phòng cấp ủy làm tốt công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, đẩy mạnh

ứng dụng công nghệ thông tin, đổi mới lề lối và phương pháp làm việc; có chế độ và chính sách hợp lý để động viên, khuyến khích cán bộ công tác tại văn phòng cấp ủy.

Điều 11. Quan hệ công tác giữa thường trực tỉnh ủy, thành ủy với Ban Bí thư, các ban của Trung ương Đảng và Văn phòng Trung ương Đảng

11.1. Thường trực tỉnh ủy, thành ủy kịp thời tổ chức quán triệt, vận dụng, thể chế hóa và triển khai thực hiện có hiệu quả đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước ở địa phương mình; thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo định kỳ, đột xuất về tình hình địa phương; chế độ thỉnh thị, xin ý kiến Ban Bí thư đối với những vấn đề vượt quá thẩm quyền và những vấn đề quan trọng mới nảy sinh ở địa phương; báo cáo đầy đủ và kịp thời những vấn đề về tổ chức, cán bộ và công tác quản lý đội ngũ cán bộ tại địa phương thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý khi có yêu cầu. Khi cần thiết, thường trực tỉnh ủy, thành ủy có thể đăng ký làm việc với Ban Bí thư hoặc đồng chí Thường trực Ban Bí thư để báo cáo tình hình và kiến nghị những vấn đề cần được quan tâm chỉ đạo đối với địa phương.

11.2. Thường trực tỉnh ủy, thành ủy chỉ đạo các ban đảng ở địa phương và văn phòng cấp ủy xây dựng mối quan hệ công tác chặt chẽ, thường xuyên với các ban đảng Trung ương và Văn phòng Trung ương; kịp thời báo cáo những vấn đề khi các cơ quan Trung ương có yêu cầu; bảo đảm để cán bộ, chuyên viên các ban đảng, Ủy ban Kiểm tra Trung ương và Văn phòng Trung ương được phân công theo dõi địa phương hoặc đến địa phương công tác thực hiện đúng quy

chế chuyên viên và hoàn thành tốt nhiệm vụ; tranh thủ sự hướng dẫn, đào tạo, bồi dưỡng về nghiệp vụ giúp các ban đảng ở địa phương và văn phòng tỉnh ủy, thành ủy làm tốt chức năng, nhiệm vụ được giao.

IV- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 12. Quy định này thay Hướng dẫn số 01-HD/TW, ngày 03-4-2003 của Ban Bí thư Trung ương (khoá IX) về nhiệm vụ và quan hệ công tác của thường trực tỉnh ủy, thành ủy. Căn cứ vào Quy định, ban thường vụ và thường trực tỉnh ủy, thành ủy cụ thể hóa, bổ sung, điều chỉnh quy chế làm việc của cấp ủy, nhiệm kỳ 2006 - 2010.

Điều 13. Đối với các địa phương (trừ Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh) hiện còn bố trí đồng chí phó bí thư - chủ tịch hội đồng nhân dân tỉnh hoặc phó bí thư phụ trách xây dựng tổ chức cơ sở đảng thì thực hiện theo các quy định của Bộ Chính trị và hướng dẫn của Ban Tổ chức Trung ương.

Điều 14. Văn phòng Trung ương chủ trì, phối hợp với Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Ban Tổ chức Trung ương và các cơ quan liên quan giúp Ban Bí thư theo dõi việc thực hiện Quy định và kiến nghị việc sửa đổi, bổ sung Quy định khi cần thiết.

Quy định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

T/M BAN Bí THƯ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUYẾT ĐỊNH CỦA BAN Bí THƯ

Số 52-QĐ/TW, ngày 25 tháng 4 năm 2007

Về việc thành lập Tổ Biên tập chuẩn bị Đề án "Xây dựng giai cấp công nhân"

- Căn cứ Điều lệ Đảng;
- Căn cứ vào Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư khóa X;
- Căn cứ Quyết định số 50-QĐ/TW, ngày 12-4-2007 về việc thành lập Ban Chỉ đạo xây dựng Đề án "Xây dựng giai cấp công nhân";
- Xét đề nghị của Văn phòng Trung ương,

BAN Bí THƯ QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Tổ Biên tập chuẩn bị Đề án "Xây dựng giai cấp công nhân" gồm các đồng chí sau:

- 1- Đồng chí Đặng Ngọc Tùng, Ủy viên Trung ương Đảng, Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Tổ trưởng.
- 2- Đồng chí Vũ Trọng Kim, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Trưởng Ban Dân vận Trung ương.
- 3- Đồng chí Nguyễn Mạnh Tuấn, Phó Chánh Văn phòng Trung ương.

4- Đồng chí Dương Văn Sao, Viện trưởng Viện Công nhân và Công đoàn, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam.

5- Đồng chí Vũ Việt Dũng, Phó Vụ trưởng Vụ Tổng hợp, Văn phòng Trung ương.

6- Đồng chí Phan Thanh Khôi, Phó Viện trưởng Viện Chủ nghĩa xã hội khoa học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

7- Đồng chí Bùi Đình Bôn, Thư ký khoa học, Hội đồng lý luận Trung ương.

8- Đồng chí Nguyễn Thị Lan Minh, Phó Vụ trưởng Vụ Đoàn thể, Ban Dân vận Trung ương.

9- Đồng chí Đỗ Xuân Viên, Vụ Cán bộ, Ban Tổ chức Trung ương.

10- Đồng chí Tôn Thiện Chiếu, Nghiên cứu viên chính, Viện Xã hội học, Viện Khoa học xã hội Việt Nam.

Điều 2. Tổ Biên tập có nhiệm vụ giúp Ban Chỉ đạo Đề án "Xây dựng giai cấp công nhân" lập kế hoạch, tổ chức khảo sát, nghiên cứu và dự thảo Đề án để trình Bộ Chính trị.

Điều 3. Văn phòng Trung ương Đảng, Ban Tổ chức Trung ương, Ban Dân vận Trung ương, Hội đồng Lý luận Trung ương, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Ban Cán sự Đảng Viện Khoa học xã hội Việt Nam, Đảng đoàn Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam và các đồng chí có tên trên thi hành Quyết định này.

T/M BAN Bí THƯ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUYẾT ĐỊNH CỦA BAN Bí THƯ

Số 53-QĐ/TW, ngày 25 tháng 4 năm 2007

**Thành lập Ban Chỉ đạo tổng kết việc thực hiện
Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành
Trung ương (khóa IX) về tiếp tục đổi mới,
phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể**

- Căn cứ Điều lệ Đảng;
- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư khóa X;
- Căn cứ Chương trình làm việc của Bộ Chính trị, Ban Bí thư năm 2007,

BAN Bí THƯ QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Ban Chỉ đạo tổng kết thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương (khóa IX) về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể, gồm các đồng chí:

- 1- Đồng chí Trương Tấn Sang, Ủy viên Bộ Chính trị, Thường trực Ban Bí thư, Trưởng ban.

2- Đồng chí Võ Đức Huy, Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Đảng ủy Khối Doanh nghiệp Trung ương, Phó Trưởng ban.

3- Đồng chí Nguyễn Tiến Quân, Chủ tịch Liên minh Hợp tác xã Việt Nam, Ủy viên.

4- Đồng chí Nguyễn Đức Hòa, Thứ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ủy viên.

5- Đồng chí Hồ Xuân Hùng, Thứ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy viên.

6- Đồng chí Nguyễn Văn Thạo, Phó Chánh Văn phòng Trung ương Đảng, Ủy viên.

7- Đồng chí Văn Trọng Lý, Phó Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ, Ủy viên.

Điều 2. Ban Chỉ đạo có nhiệm vụ: Xây dựng kế hoạch, tổ chức tổng kết việc thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương (khóa IX) về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể theo kế hoạch kiểm tra năm 2007 của Ban Bí thư.

Giúp việc Ban Chỉ đạo có Tổ Biên tập do Trưởng Ban Chỉ đạo quyết định.

Điều 3. Văn phòng Trung ương duyệt và cấp kinh phí phục vụ cho công tác tổng kết của Ban Chỉ đạo.

Điều 4. Văn phòng Trung ương, Đảng ủy Khối Doanh nghiệp Trung ương, Liên minh Hợp tác xã Việt Nam, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Văn phòng Chính phủ và các đồng chí có tên tại Điều 1 thi hành Quyết định này.

Quyết định này thay thế Quyết định số 42-QĐ/TW, ngày 26-3-2007 của Ban Bí thư.

T/M BAN Bí THU

TRƯỞNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN Bí THU**

Số 54-QĐ/TW, ngày 25 tháng 4 năm 2007

**Thành lập Ban Soạn thảo Đề án
về chính sách nhà ở đối với cán bộ, công chức**

- Căn cứ Điều lệ Đảng;
- Căn cứ Chương trình làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư khóa X;
- Căn cứ ý kiến của Bộ Chính trị tại phiên họp ngày 28-12-2006, về việc phân công chuẩn bị Đề án,

BAN Bí THU QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Ban Soạn thảo Đề án về chính sách nhà ở đối với cán bộ, công chức trong hệ thống chính trị, gồm các đồng chí:

- 1- Đồng chí Hồ Đức Việt, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng Ban Tổ chức Trung ương, Trưởng ban.
- 2- Đồng chí Phó Trưởng Ban Tổ chức Trung ương phụ trách công tác chính sách cán bộ, Phó Trưởng ban.
- 3- Đồng chí Trương Văn Đoan, Thứ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Phó Trưởng ban.

4- Đồng chí Văn Trọng Lý, Phó Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ, Phó Trưởng ban.

5- Đồng chí Đỗ Hoàng Anh Tuấn, Thứ trưởng Bộ Tài chính, Phó Trưởng ban.

6- Đồng chí Nguyễn Quang Lâm, Phó Chánh Văn phòng Trung ương, Phó trưởng ban.

7- Đồng chí Nguyễn Mạnh Hà, Cục trưởng Cục Quản lý nhà, Bộ Xây dựng, Thành viên.

8- Đồng chí Nguyễn Duy Thăng, Vụ trưởng Vụ Tiền lương, Bộ Nội vụ, Thành viên.

9- Đồng chí Phạm Minh Huân, Vụ trưởng Vụ Tiền lương - Tiền công, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Thành viên.

10- Đồng chí Lê Văn Tuyến, Vụ trưởng Vụ Chính sách cán bộ, Ban Tổ chức Trung ương, Thành viên.

Giúp việc Ban Soạn thảo Đề án có Tổ Biên tập do đồng chí Trưởng Ban Soạn thảo Đề án quyết định.

Điều 2. Ban Soạn thảo Đề án có nhiệm vụ: Xây dựng kế hoạch, tổ chức khảo sát, nghiên cứu và xây dựng Đề án về chính sách nhà ở đối với cán bộ, công chức để trình Bộ Chính trị xem xét, quyết định.

Điều 3. Văn phòng Trung ương cấp kinh phí phục vụ cho việc xây dựng Đề án này.

Điều 4. Ban Tổ chức Trung ương, Văn phòng Trung ương và các đồng chí có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

T/M BAN Bí THU

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**QUYẾT ĐỊNH
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ**
Số 56-QĐ/TW, ngày 25 tháng 4 năm 2007
**Chuyển Đảng bộ Đường sắt Việt Nam
đặt trực thuộc Đảng bộ Khối Doanh nghiệp
Trung ương**

- Căn cứ Điều lệ Đảng;
- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư khóa X;
- Căn cứ Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X về đổi mới, kiện toàn tổ chức bộ máy các cơ quan đảng, định hướng về đổi mới tổ chức bộ máy nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội (Nghị quyết số 10-NQ/TW, ngày 9-2-2007);
- Theo đề nghị của Ban Tổ chức Trung ương,

BỘ CHÍNH TRỊ QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chuyển Đảng bộ Đường sắt Việt Nam trực thuộc Trung ương, nay đặt trực thuộc Đảng bộ Khối Doanh nghiệp Trung ương.

Điều 2. Đảng bộ Khối Doanh nghiệp Trung ương tiếp nhận tổ chức đảng, đảng viên và cán bộ chuyên trách công tác đảng của Đảng bộ Đường sắt Việt Nam theo quy định.

Việc chuyển giao thực hiện trong quý II-2007.

Điều 3. Ban Tổ chức Trung ương hướng dẫn việc chuyển giao tổ chức đảng và sắp xếp mô hình tổ chức đảng thuộc Đảng bộ Đường sắt Việt Nam phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ, tổ chức mới; chế độ, chính sách đối với cán bộ cấp ủy, cán bộ chuyên trách công tác đảng của Đảng ủy Đường sắt được bảo lưu đến hết nhiệm kỳ 2005 - 2010.

Điều 4. Ban Tổ chức Trung ương, Đảng ủy Khối Doanh nghiệp Trung ương, Đảng ủy Đường sắt Việt Nam, các tổ chức đảng, các cơ quan, đơn vị có liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

TRƯỞNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**NGHỊ QUYẾT
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ**

Số 11-NQ/TW, ngày 27 tháng 4 năm 2007

**Về công tác phụ nữ thời kỳ đẩy mạnh
công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước**

**I- TÌNH HÌNH PHỤ NỮ VÀ CÔNG TÁC PHỤ NỮ
THỜI GIAN QUA**

Trong suốt quá trình cách mạng, Đảng ta luôn quan tâm lãnh đạo công tác phụ nữ và thực hiện mục tiêu bình đẳng giới. Trong thời kỳ đổi mới, chủ trương của Đảng về công tác phụ nữ và bình đẳng giới được thể hiện xuyên suốt trong Nghị quyết Đại hội Đảng, các nghị quyết và chỉ thị của Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư về công tác quần chúng, công tác vận động phụ nữ, công tác cán bộ nữ. Nhà nước đã ban hành nhiều chính sách cụ thể nhằm tạo điều kiện để phụ nữ phát triển và thúc đẩy bình đẳng giới.

Thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, trong những năm qua, phong trào phụ nữ và bình đẳng giới của nước ta đã đạt được những thành tựu to lớn. Các tầng lớp phụ nữ đã phát huy truyền thống đoàn kết, sáng tạo trong học tập, lao động và công tác, đạt nhiều

thành tích xuất sắc trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh, quốc phòng, góp phần quan trọng xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội của đất nước. Nhận thức xã hội về bình đẳng giới được nâng lên. Phụ nữ được tôn trọng và bình đẳng hơn, địa vị của người phụ nữ trong xã hội và gia đình ngày càng được cải thiện. Bình đẳng giới của Việt Nam được Liên hợp quốc đánh giá là điểm sáng trong thực hiện các mục tiêu thiên niên kỷ. Hội Liên hiệp Phụ nữ các cấp đã có nhiều sáng tạo trong đổi mới nội dung, phương thức hoạt động, góp phần thực hiện có hiệu quả chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về công tác phụ nữ.

Tuy vậy, trước yêu cầu của công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập kinh tế quốc tế, tình hình phụ nữ và công tác phụ nữ còn nhiều mặt hạn chế, đồng thời lại có những vấn đề mới đặt ra với nhiều thách thức.

Do trình độ học vấn, chuyên môn, nghề nghiệp còn thấp, phụ nữ bị hạn chế hơn nam giới về cơ hội có việc làm và thu nhập. Trong nhiều doanh nghiệp, trong các khu công nghiệp tập trung, việc làm của lao động nữ thiếu ổn định, điều kiện lao động, điều kiện sống không được bảo đảm; chính sách tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hộ lao động chưa được thực hiện đầy đủ. Số phụ nữ nông thôn thiếu việc làm, di cư tự phát ra thành phố ngày càng tăng. Ở miền núi, vùng sâu, vùng xa, tỷ lệ phụ nữ mù chữ, nghèo còn cao, còn bị ràng buộc bởi phong tục, tập quán lạc hậu. Phụ nữ cao tuổi, phụ nữ đơn thân, phụ nữ tàn tật có hoàn cảnh khó khăn chưa được quan tâm đúng mức.

Cơ chế thị trường và quá trình công nghiệp hóa một mặt có tác động tích cực, nhưng mặt khác đã và đang làm nảy sinh nhiều vấn đề xã hội liên quan trực tiếp tới phụ nữ. Phụ nữ gặp nhiều khó khăn, thách thức khi thực hiện vai trò người mẹ, người thầy đầu tiên của con người trong điều kiện xã hội và gia đình Việt Nam có nhiều thay đổi. Phẩm chất đạo đức và một số giá trị truyền thống tốt đẹp có phần bị mai một, lối sống thực dụng có xu hướng phát triển trong một bộ phận phụ nữ. Tình trạng nạo, phá thai trong nữ thanh niên, vị thành niên và lây nhiễm HIV/AIDS trong phụ nữ, trẻ em ngày càng tăng. Bạo lực gia đình, tệ nạn mại dâm, buôn bán phụ nữ, trẻ em, lấy chồng nước ngoài vì mục đích vụ lợi diễn biến phức tạp. Phân biệt đối xử với phụ nữ, trẻ em gái vẫn còn dưới nhiều hình thức.

Phụ nữ tham gia lãnh đạo, quản lý có tỷ lệ thấp, chưa tương xứng với năng lực và sự phát triển của lực lượng lao động nữ, nguồn cán bộ nữ hằng hụt, ở một số lĩnh vực, tỷ lệ cán bộ nữ sụt giảm.

Công tác phụ nữ còn những mặt yếu kém. Định hướng lãnh đạo, chính sách, phương pháp công tác vận động phụ nữ còn thiếu cụ thể, sát hợp với từng đối tượng, khu vực, vùng, miền, chưa đáp ứng kịp thời yêu cầu mới.

Nguyên nhân chủ yếu là do:

- Nhận thức của các cấp ủy đảng, chính quyền ở nhiều địa phương, đơn vị về bình đẳng giới, về vai trò, năng lực của phụ nữ còn hạn chế. Định kiến về giới còn tồn tại dai dẳng trong nhận thức chung của xã hội do ảnh hưởng tư tưởng Nho giáo và tập tục phong kiến lạc hậu từ lâu đời.

- Nhiều cấp ủy đảng, chính quyền thiếu quan tâm chỉ đạo,

kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện các chủ trương của Đảng về công tác vận động phụ nữ, chưa chủ động nghiên cứu, dự báo và giải quyết kịp thời các vấn đề xã hội phát sinh liên quan tới phụ nữ. Chủ trương công tác cán bộ nữ chưa được quán triệt, thực hiện đầy đủ trong quy hoạch, tạo nguồn, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí sử dụng, đề bạt cán bộ, còn có biểu hiện "khoán trắng" công tác phụ nữ cho hội phụ nữ.

- Việc thể chế hóa các quan điểm, chủ trương, chính sách của Đảng về công tác phụ nữ, cán bộ nữ chưa đầy đủ, thiếu đồng bộ. Chính sách chăm lo, bảo vệ bà mẹ, trẻ em, xây dựng gia đình còn nhiều bất cập.

- Hoạt động của các cấp Hội Liên hiệp Phụ nữ chưa giải quyết tốt một số vấn đề thực tiễn đặt ra, nhất là những vấn đề xã hội bức xúc liên quan tới phụ nữ; việc tham mưu, đề xuất với Đảng và Nhà nước về công tác phụ nữ trong từng thời kỳ còn rất hạn chế. Một bộ phận phụ nữ còn tự ti, an phận, chưa chủ động vượt khó vươn lên. Trong nội bộ phụ nữ còn có tình trạng níu kéo, chưa ủng hộ nhau.

Để đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới đất nước, thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, Đảng ta đặc biệt coi trọng phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, động viên sự nỗ lực vượt bậc của toàn dân, trong đó có phụ nữ. Phải tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, tiếp tục đổi mới công tác phụ nữ để phụ nữ tham gia ngày càng nhiều hơn, chủ động hơn, đóng góp ngày càng lớn hơn cho sự phát triển của gia đình, cộng đồng, đất nước và thực hiện bình đẳng giới. Công tác phụ nữ trong thời gian tới cần quán triệt quan điểm, mục tiêu và tập trung thực hiện tốt các nhiệm vụ, giải pháp sau đây:

II- QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Quan điểm

1.1. Phát huy vai trò, tiềm năng to lớn của phụ nữ trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, nâng cao địa vị phụ nữ, thực hiện bình đẳng giới trên mọi lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội là một trong những nhiệm vụ và mục tiêu quan trọng của cách mạng Việt Nam trong thời kỳ mới.

1.2. Công tác phụ nữ phải sát hợp với từng đối tượng, vùng, miền, phát huy được tinh thần làm chủ, tiềm năng, sức sáng tạo và khả năng đóng góp cao nhất của các tầng lớp phụ nữ, góp phần tạo nên sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc để phát triển đất nước; đồng thời phải chăm lo cho phụ nữ tiến bộ về mọi mặt, quan tâm đầy đủ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng để phụ nữ có điều kiện thực hiện tốt vai trò người công dân, người lao động, người mẹ, người thầy đầu tiên của con người.

1.3. Xây dựng, phát triển vững chắc đội ngũ cán bộ nữ tương xứng với vai trò to lớn của phụ nữ là yêu cầu khách quan, là nội dung quan trọng trong chiến lược công tác cán bộ của Đảng.

1.4. Công tác phụ nữ là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, của toàn xã hội và từng gia đình. Trong đó, hạt nhân lãnh đạo là các cấp ủy đảng, trách nhiệm trực tiếp và chủ yếu là cơ quan quản lý nhà nước các cấp, vai trò chủ thể là phụ nữ mà nòng cốt là các cấp Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam.

2. Mục tiêu

Phấn đấu đến năm 2020, phụ nữ được nâng cao trình độ về mọi mặt, có trình độ học vấn, chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế; có việc làm, được cải thiện rõ rệt về đời sống vật chất, văn hóa, tinh thần; tham gia ngày càng nhiều hơn công việc xã hội, bình đẳng trên mọi lĩnh vực; đóng góp ngày càng lớn hơn cho xã hội và gia đình. Phấn đấu để nước ta là một trong các quốc gia có thành tựu bình đẳng giới tiến bộ nhất của khu vực.

3. Nhiệm vụ, giải pháp

3.1. Nâng cao nhận thức về công tác phụ nữ và bình đẳng giới

- Quán triệt sâu sắc các quan điểm, mục tiêu công tác phụ nữ trong tình hình mới nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp ủy đảng, chính quyền, các tổ chức chính trị - xã hội, tạo bước chuyển biến rõ rệt về hiệu quả công tác phụ nữ ở từng ngành, địa phương, đơn vị.

- Các cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể, tổ chức xã hội, cơ quan thông tin đại chúng tăng cường tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức về giới và ý thức trách nhiệm thực hiện bình đẳng giới cho cán bộ, đảng viên, các tầng lớp nhân dân; lên án, đấu tranh chống tư tưởng coi thường phụ nữ, các hành vi phân biệt đối xử, xâm hại, xúc phạm nhân phẩm phụ nữ. Đưa nội dung giáo dục về giới, Luật bình đẳng giới vào chương trình đào tạo, bồi dưỡng trong các trường chính trị và các trường thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

- Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Ủy ban Quốc gia Vì sự tiến bộ của phụ nữ Việt Nam phấn đấu làm tốt vai trò nòng cốt tham mưu và thực hiện các giải pháp cần thiết để nâng cao nhận thức cho phụ nữ về bình đẳng giới, khắc phục tư tưởng tự ti, an phận, níu kéo nhau, nêu cao tinh thần tự chủ, đoàn kết, vượt khó vươn lên để không ngừng tiến bộ, đóng góp ngày càng nhiều cho gia đình, xã hội.

3.2. Xây dựng, hoàn thiện và thực hiện tốt hệ thống luật pháp, chính sách về bình đẳng giới, tạo điều kiện cho sự phát triển của phụ nữ

- Triển khai thực hiện tốt Luật bình đẳng giới. Xây dựng, sửa đổi, bổ sung hoàn thiện hệ thống luật pháp, chính sách, bảo đảm tốt hơn quyền lợi chính đáng của phụ nữ, đặc biệt trong các lĩnh vực: lao động - việc làm, giáo dục - đào tạo, dạy nghề, doanh nghiệp, quan hệ dân sự, đất đai, môi trường, bảo hiểm xã hội, hôn nhân - gia đình, chăm sóc sức khỏe, bảo vệ bà mẹ - trẻ em.

Quốc hội, cơ quan nhà nước các cấp có cơ chế để Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Ủy ban Vì sự tiến bộ của phụ nữ các cấp chủ động tham gia vào quá trình xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật, chiến lược, chương trình, dự án phát triển của quốc gia, bộ, ngành, địa phương.

- Chính phủ và các ngành chức năng nghiên cứu, ban hành một số chính sách đặc thù nhằm tạo điều kiện cho sự phát triển của phụ nữ. Cụ thể là:

+ Chính sách hỗ trợ phụ nữ trong đào tạo, bồi dưỡng, tiếp cận thông tin, ứng dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật, công nghệ mới; chính sách khuyến khích đào tạo nghề cho lao động nữ đáp ứng yêu cầu thị trường lao động và phát

huy được thế mạnh của phụ nữ. Có các giải pháp cụ thể để tăng nhanh tỷ lệ phụ nữ được đào tạo trung cấp nghề, cao đẳng nghề, đại học, sau đại học.

+ Chính sách khuyến khích, hỗ trợ phụ nữ phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa. Chính sách đào tạo nghề, giải quyết việc làm cho lao động nữ dôi dư khi cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước, phụ nữ nông thôn không còn đất canh tác, phụ nữ nghèo, phụ nữ tàn tật. Chính sách về nhà ở, chăm lo đời sống văn hóa, tinh thần cho lao động nữ làm việc tại các khu công nghiệp tập trung.

+ Chính sách hỗ trợ, tạo điều kiện để phụ nữ dân tộc thiểu số, miền núi, vùng sâu, vùng xa xóa mù chữ, phổ cập các cấp học giáo dục phổ thông, đào tạo nghề, xóa đói, giảm nghèo, tiếp cận thông tin và hưởng thụ văn hóa. Chính sách hỗ trợ phụ nữ cao tuổi, phụ nữ đơn thân, phụ nữ tàn tật có hoàn cảnh khó khăn.

- Tăng cường phổ biến, giáo dục pháp luật và kiểm tra, giám sát việc thực hiện luật pháp, chính sách liên quan đến phụ nữ và bình đẳng giới. Phát huy vai trò của Quốc hội, Mặt trận, các đoàn thể, các tổ chức xã hội, đặc biệt là Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Ủy ban Quốc gia Vì sự tiến bộ của phụ nữ trong kiểm tra, giám sát việc thực hiện luật pháp, chính sách đối với phụ nữ và lao động nữ trong các thành phần kinh tế.

3.3. Xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc. Xây dựng người phụ nữ Việt Nam có sức khỏe, tri thức, kỹ năng nghề nghiệp, năng động, sáng tạo, có lối sống văn hóa, có lòng nhân hậu

- Tăng cường giáo dục đạo đức, lối sống lành mạnh, có

trách nhiệm với gia đình, xã hội; đấu tranh xóa bỏ các hủ tục, tập quán lạc hậu, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; phòng, chống có hiệu quả tệ nạn mại dâm, buôn bán phụ nữ, trẻ em, bạo lực gia đình; ngăn ngừa tình trạng lấy chồng nước ngoài bất hợp pháp, vì vụ lợi.

- Coi trọng công tác tư vấn, hòa giải về hôn nhân và gia đình. Thực hiện nếp sống văn minh, xây dựng tình làng nghĩa xóm, quan tâm, giúp đỡ các gia đình khó khăn, hoạn nạn, người cao tuổi cô đơn, người tàn tật, trẻ em mồ côi không nơi nương tựa.

- Xây dựng hệ thống chính sách cơ bản nhằm phát triển gia đình Việt Nam thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo tiêu chí "no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc". Cần chú trọng các lĩnh vực: dân số, kế hoạch hóa gia đình; chăm sóc sức khỏe, phòng chống dịch bệnh và HIV/AIDS; bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em; phát triển các dịch vụ hỗ trợ gia đình; cải thiện môi trường sống. Có chính sách thai sản đối với phụ nữ nghèo không có chế độ bảo hiểm xã hội; chính sách phát triển hệ thống nhà trẻ, mẫu giáo; nâng cao kiến thức, kỹ năng nuôi dạy con cho các bà mẹ.

- Nghiên cứu và thực hiện việc giáo dục, xây dựng gia đình "no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc" và giáo dục phẩm chất, đạo đức người phụ nữ Việt Nam thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam phối hợp cùng các ban, ngành, đoàn thể vận động, hướng dẫn phụ nữ phấn đấu rèn luyện theo các tiêu chí: có sức khỏe, tri thức, kỹ năng nghề nghiệp, năng động, sáng tạo, có lối sống văn hóa, có lòng nhân hậu.

3.4. Xây dựng đội ngũ cán bộ khoa học nữ có trình độ cao, cán bộ lãnh đạo, quản lý nữ đáp ứng yêu cầu đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa

- Quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng và bố trí sử dụng cán bộ nữ:

+ Các cấp ủy đảng có trách nhiệm lãnh đạo xây dựng quy hoạch cán bộ nữ trong quy hoạch tổng thể về cán bộ của Đảng ở từng cấp, từng ngành, từng địa phương. Đối với cán bộ nữ, đồng thời với việc xây dựng quy hoạch, phải chăm lo đào tạo, bồi dưỡng để chủ động về nhân sự; đề bạt, bổ nhiệm cần bảo đảm tiêu chuẩn của từng chức danh, có khả năng hoàn thành tốt nhiệm vụ, phát huy được thế mạnh, ưu điểm của cán bộ nữ. Thực hiện nguyên tắc bình đẳng giữa nam và nữ về độ tuổi trong quy hoạch, đào tạo, đề bạt và bổ nhiệm.

+ Xây dựng và thực hiện chương trình đào tạo cán bộ nữ theo từng lĩnh vực, gắn với quy hoạch. Cần bảo đảm tỷ lệ nữ tham gia các khóa đào tạo tại các trường lý luận chính trị, quản lý hành chính nhà nước từ 30% trở lên. Thực hiện cử tuyển đào tạo cán bộ nữ trong các dân tộc thiểu số, tôn giáo và trong các lĩnh vực có tỷ lệ cán bộ nữ quá thấp. Phổ cập tin học cho cán bộ nữ các cấp.

+ Phấn đấu đến năm 2020, cán bộ nữ tham gia cấp ủy đảng các cấp đạt từ 25% trở lên; nữ đại biểu Quốc hội và hội đồng nhân dân các cấp từ 35% đến 40%. Các cơ quan, đơn vị có tỷ lệ nữ từ 30% trở lên, nhất thiết có cán bộ lãnh đạo chủ chốt là nữ. Cơ quan lãnh đạo cấp cao của Đảng, Quốc hội, Nhà nước, Chính phủ có tỷ lệ nữ phù hợp với mục tiêu bình đẳng giới.

- Chính sách phát triển đội ngũ cán bộ nữ:

+ Xây dựng, sửa đổi, bổ sung và tổ chức thực hiện tốt

các chính sách nhằm phát triển cán bộ nữ trong nghiên cứu khoa học, trong lãnh đạo, quản lý. Có chính sách cụ thể về quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bổ nhiệm, luân chuyển đối với cán bộ nữ; đặc biệt quan tâm cán bộ nữ là trí thức, công nhân, người dân tộc thiểu số, tôn giáo. Có chính sách đặc thù đối với cán bộ nữ công tác ở vùng cao, vùng sâu, biên giới, hải đảo, là người dân tộc thiểu số, cán bộ nữ đi học có con nhỏ.

+ Công tác tạo nguồn cán bộ nữ cần được đặt trong chiến lược phát triển nguồn nhân lực của quốc gia. Ưu tiên tuyển dụng cán bộ nữ, lao động nữ có trình độ cao đẳng, đại học, trên đại học. Chăm lo bồi dưỡng, phát triển tài năng là nữ.

Bồi dưỡng phát triển đảng viên nữ cần đổi mới giữa các khu vực. Chú trọng việc bố trí, phân công công tác để đảng viên nữ có điều kiện phấn đấu, rèn luyện và trưởng thành.

Hội Liên hiệp Phụ nữ các cấp, cán bộ, đảng viên nữ cần chủ động, tích cực tham mưu, giới thiệu, tạo nguồn cán bộ nữ và giới thiệu quần chúng là phụ nữ ưu tú cho Đảng. Khắc phục tư tưởng an phận, tình trạng níu kéo, không ủng hộ nhau ngay trong nội bộ cán bộ nữ.

3.5. Xây dựng, củng cố Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam thực sự vững mạnh, phát huy đầy đủ vai trò nòng cốt trong công tác vận động phụ nữ

- Các cấp ủy đảng tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện việc xây dựng, củng cố tổ chức, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các cấp Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam. Phân công cấp ủy viên có năng lực, phẩm chất tốt, có uy tín, trực tiếp phụ trách công tác Hội và ứng cử tham gia lãnh đạo tổ chức Hội Liên hiệp Phụ nữ đồng cấp.

- Các cấp Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam cần đẩy mạnh đổi mới nội dung, phương thức hoạt động, khắc phục tình trạng "hành chính hóa", hướng mạnh hoạt động về cơ sở, khu dân cư, chăm lo thiết thực quyền lợi chính đáng, hợp pháp cho hội viên, không phô trương, hình thức, không chạy theo thành tích; phát huy vai trò chủ động tham mưu, đề xuất với Đảng, Nhà nước về chủ trương, chính sách liên quan đến phụ nữ, thực hiện tốt chức năng giám sát và phản biện xã hội; tham gia đấu tranh phòng, chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí.

Hội cần mở rộng tính liên hiệp, tập hợp rộng rãi các đối tượng là phụ nữ trên nguyên tắc dân chủ, tự nguyện; đa dạng hóa các hình thức tập hợp để phát triển hội viên trong các lĩnh vực. Có hình thức phù hợp động viên phụ nữ Việt Nam định cư ở nước ngoài đoàn kết, phát triển, hướng về Tổ quốc.

- Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực, trình độ, phẩm chất chính trị, phương pháp vận động quần chúng cho đội ngũ cán bộ Hội các cấp. Thành lập và phát triển Học viện Phụ nữ Việt Nam nhằm đáp ứng yêu cầu nghiên cứu khoa học về công tác phụ nữ và đào tạo, bồi dưỡng cán bộ Hội, cán bộ nữ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

III- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các cấp ủy đảng có trách nhiệm tổ chức quán triệt, phổ biến Nghị quyết đến đảng viên, xây dựng chương trình hành động và kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết ở cấp mình.

2. Đảng đoàn Quốc hội, Ban Cán sự Đảng Chính phủ lãnh đạo cụ thể hóa nội dung Nghị quyết thành luật pháp, chính sách cụ thể; xây dựng chương trình hành động, chỉ đạo các bộ, ngành, các địa phương thực hiện.

3. Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể, các tổ chức xã hội xây dựng chương trình hành động thực hiện Nghị quyết, tổ chức tốt việc phổ biến Nghị quyết trong đoàn viên, hội viên và các tầng lớp nhân dân.

4. Các cấp ủy đảng hằng năm tiến hành đánh giá việc thực hiện Nghị quyết; Ban Bí thư chỉ đạo sơ kết toàn quốc vào các năm 2010, 2015 và tổng kết việc thực hiện Nghị quyết vào năm 2020.

5. Ban Dân vận Trung ương chủ trì, phối hợp với Đảng đoàn Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Ban Tổ chức Trung ương, Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam theo dõi việc tổ chức thực hiện Nghị quyết, hằng năm báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
TRƯỜNG TẤN SANG

Đảng Cộng sản Việt Nam: *Các nghị quyết của Trung ương Đảng 2005 - 2010, Sđd, tr.349-360.*

**CHỈ THỊ
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ**

Số 12-CT/TW, ngày 3 tháng 5 năm 2007

**Về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng
đối với công tác giáo dục quốc phòng, an ninh
trong tình hình mới**

Thực hiện Chỉ thị số 62-CT/TW, ngày 12-2-2001 của Bộ Chính trị (khóa VIII) về “Tăng cường công tác giáo dục quốc phòng toàn dân trước tình hình mới”, công tác giáo dục quốc phòng đã được triển khai thực hiện thống nhất, đồng bộ đến mọi cấp, mọi ngành và toàn dân, từng bước đi vào nền nếp. Hội đồng Giáo dục quốc phòng từ Trung ương đến địa phương được củng cố và kiện toàn, phát huy tốt trách nhiệm làm tham mưu cho các cấp ủy đảng, chính quyền, thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ giáo dục quốc phòng, an ninh. Bồi dưỡng kiến thức quốc phòng, an ninh cho các đối tượng được các cấp ủy, chính quyền lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nghiêm túc, chặt chẽ, đúng nội dung chương trình; đối tượng được mở rộng; đạt được một số kết quả nhất định. Giáo dục quốc phòng đối với học sinh, sinh viên ở các loại hình đào tạo được triển khai thực hiện

trong chương trình đào tạo chính khóa; thông qua giáo dục quốc phòng và bồi dưỡng kiến thức quốc phòng, an ninh đã tạo được sự chuyển biến mạnh mẽ trong cán bộ, đảng viên và nhân dân về nhận thức và trách nhiệm đối với sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong tình hình mới.

Kết quả đạt được trong những năm qua đã khẳng định chủ trương đúng đắn của Đảng, Nhà nước về công tác giáo dục quốc phòng, an ninh.

Tuy vậy, trong tổ chức thực hiện công tác giáo dục quốc phòng, an ninh còn bộc lộ một số yếu kém sau:

Nhận thức và trách nhiệm đối với nhiệm vụ giáo dục quốc phòng, an ninh trong tình hình mới của một số cấp ủy, chính quyền, bộ, ngành Trung ương và cơ sở, của một bộ phận cán bộ, đảng viên, trong đó có cả cán bộ chủ chốt các cấp, các ngành chưa sâu sắc, do đó trách nhiệm chưa cao, chưa thực sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, đầu tư đúng mức cho công tác này, cá biệt còn có cán bộ chủ chốt ngại đi học bồi dưỡng kiến thức quốc phòng, an ninh. Tỷ lệ cán bộ, đảng viên được bồi dưỡng kiến thức quốc phòng, an ninh chưa cao, nhất là các doanh nghiệp lớn của Nhà nước. Tuyên truyền giáo dục quốc phòng toàn dân trên các phương tiện thông tin đại chúng chưa được coi trọng, hiệu quả thấp. Giáo viên giáo dục quốc phòng, an ninh chưa đáp ứng yêu cầu về số lượng và chất lượng; phương pháp tổ chức thực hiện ở nhiều cơ sở giáo dục - đào tạo chậm đổi mới nên chất lượng giáo dục quốc phòng, an ninh còn nhiều hạn chế, nhất là ở các trường trung học phổ thông,

trung học chuyên nghiệp, dạy nghề và một số trường cao đẳng, đại học. Tiến độ xây dựng các trung tâm giáo dục quốc phòng cho sinh viên thực hiện chậm.

Để khắc phục những yếu kém, khuyết điểm nêu trên, đưa công tác giáo dục quốc phòng, an ninh đi vào chiều sâu, góp phần làm chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức và trách nhiệm của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân đối với sự nghiệp quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân, Bộ Chính trị yêu cầu các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể thực hiện tốt những nhiệm vụ sau đây:

1. Tiếp tục nghiên cứu, triển khai có hiệu quả Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ X và các chỉ thị, nghị quyết của Đảng về chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới. Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng đối với nhiệm vụ giáo dục quốc phòng, an ninh; công tác giáo dục quốc phòng, an ninh phải đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp của cấp ủy đảng, sự quản lý, điều hành của chính quyền và vai trò tham mưu của các ban, ngành, nòng cốt là Ban Tuyên giáo Trung ương, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh.

2. Thường xuyên tiến hành giáo dục các quan điểm, đường lối của Đảng, chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước về xây dựng nền quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân vững mạnh toàn diện, đồng thời nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm về nhiệm vụ giáo dục quốc phòng, an ninh; hướng dẫn nội dung, phương pháp, kinh nghiệm, cách tổ chức thực hiện theo yêu cầu đặt ra cho từng đối tượng

cán bộ các cấp, các ngành, đảng viên và quần chúng, nhất là thế hệ trẻ để có nhận thức đúng đắn và đầy đủ về nhiệm vụ xây dựng, củng cố nền quốc phòng toàn dân gắn với an ninh nhân dân, thấy rõ trách nhiệm của mỗi người, mỗi tổ chức trong việc thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh; kiên quyết đấu tranh làm thất bại chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch.

3. Giáo dục quốc phòng, an ninh là một bộ phận của nền giáo dục quốc dân, việc phổ cập và tăng cường giáo dục quốc phòng, an ninh là nhiệm vụ chung của Đảng, Nhà nước và toàn xã hội, phải được chỉ đạo, tổ chức thực hiện chặt chẽ, thống nhất từ Trung ương đến địa phương bằng các hình thức phù hợp với từng đối tượng, kết hợp giáo dục thường xuyên với giáo dục tập trung có trọng tâm, trọng điểm, chú trọng giáo dục lòng yêu nước, yêu chế độ xã hội chủ nghĩa, lịch sử, truyền thống của Đảng và dân tộc, lòng tự tôn dân tộc, ý thức sống và làm việc theo pháp luật, trong đó xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa là trách nhiệm và nghĩa vụ của mọi công dân. Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Ban Tuyên giáo Trung ương đổi mới chương trình, nội dung, phương pháp, hình thức giáo dục quốc phòng, an ninh cho phù hợp với từng đối tượng. Chính sửa, bổ sung và biên soạn giáo trình, giáo khoa, tài liệu giáo dục quốc phòng, an ninh đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

4. Ban Tổ chức Trung ương chủ trì, phối hợp với Bộ Quốc phòng, Bộ Nội vụ, Bộ Công an rà soát cán bộ lãnh đạo, quản

lý đương chức, dự nguồn thuộc diện Trung ương quản lý chưa bồi dưỡng kiến thức quốc phòng, an ninh tại Học viện Quốc phòng; ban tổ chức cấp ủy các cấp chủ trì, phối hợp với cơ quan quân sự, công an cùng cấp rà soát cán bộ lãnh đạo, quản lý do cấp ủy quản lý chưa học bồi dưỡng kiến thức quốc phòng, an ninh tại các trường quân sự quân khu, trường quân sự tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương để lập kế hoạch bồi dưỡng cho từng năm, bảo đảm trong nhiệm kỳ công tác, cán bộ đều được bồi dưỡng kiến thức quốc phòng, an ninh. Bồi dưỡng kiến thức quốc phòng, an ninh là tiêu chuẩn bắt buộc đối với cán bộ, đảng viên, là một trong những tiêu chí để xem xét, đề bạt, bổ nhiệm cán bộ.

5. Ban Tuyên giáo Trung ương chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan thống nhất nội dung giáo dục kiến thức quốc phòng, an ninh cho cán bộ, đảng viên và toàn dân, nhất là thế hệ trẻ, để mọi người có kiến thức cơ bản về nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, sẵn sàng làm nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Đồng thời chủ trì, phối hợp với Bộ Văn hóa - Thông tin, Tổng cục Chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam và các bộ, ngành liên quan chỉ đạo hướng dẫn báo chí và đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên nâng cao chất lượng tuyên truyền, giáo dục quốc phòng, an ninh cho toàn dân; đặc biệt quan tâm đến nhân dân ở vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số, biên giới, hải đảo.

6. Chính phủ chỉ đạo, nghiên cứu sửa đổi, bổ sung Nghị định số 15/2001/NĐ-CP, ngày 1-5-2001 về giáo dục quốc phòng phù hợp với nhiệm vụ quốc phòng, an ninh trong tình

hình mới; chỉ đạo Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Nội vụ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an xây dựng và thực hiện kế hoạch đào tạo giáo viên quốc phòng, an ninh hệ chính quy, bảo đảm đến năm 2015 các nhà trường và các trung tâm giáo dục quốc phòng đủ giảng viên, giáo viên giáo dục quốc phòng, an ninh. Bộ Tài chính phối hợp với Bộ Quốc phòng, Bộ Công an và các bộ, ngành liên quan hướng dẫn, bảo đảm và kiểm tra việc thực hiện ngân sách cho công tác giáo dục quốc phòng, an ninh theo quy định của Luật ngân sách nhà nước và các quy định hiện hành.

Hoàn thiện cơ chế quản lý, chỉ đạo, tổ chức thực hiện giáo dục quốc phòng, an ninh các cấp; củng cố, phát huy vai trò tham mưu, tư vấn, nâng cao hiệu lực và trách nhiệm hoạt động của Hội đồng Giáo dục quốc phòng, an ninh các cấp từ Trung ương đến cơ sở xã, phường, thị trấn, trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ giáo dục quốc phòng, an ninh.

7. Bộ Quốc phòng chủ trì, phối hợp với các bộ liên quan, nghiên cứu nâng cấp, mở rộng các trường quân sự khu, trường quân sự tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và hệ thống các trung tâm bồi dưỡng chính trị quận, huyện để đảm nhận chức năng giáo dục quốc phòng, an ninh cho học sinh, sinh viên và bồi dưỡng kiến thức quốc phòng, an ninh cho đội ngũ cán bộ các cấp, các ngành từ Trung ương đến cơ sở.

8. Đảng ủy Quân sự Trung ương, Đảng ủy Công an Trung ương có trách nhiệm giúp Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Chính phủ chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện công tác giáo dục

quốc phòng, an ninh; chủ trì, phối hợp với các cơ quan Đảng, Nhà nước, đoàn thể theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc và định kỳ báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Chính phủ kết quả thực hiện.

Chỉ thị này được phổ biến đến chi bộ.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
TRƯỞNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

chính. Thực hiện chủ trương đó, Ban Bí thư (khóa X) ban hành Chương trình kiểm tra số 07-CTr/TW, ngày 2-6-2006 là đúng đắn và kịp thời, có ý nghĩa quan trọng trong việc thúc đẩy thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, chống tham nhũng.

Thực tế qua kiểm tra ở một số địa phương cho thấy, hầu hết các cấp ủy và tổ chức đảng đã quan tâm nhiều hơn đến nhiệm vụ thực hành tiết kiệm, chống lãng phí so với trước đây, đã lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện nghiêm túc chủ trương này, bước đầu thể chế hóa và cụ thể hóa thành các chỉ thị, nghị quyết, quy định, quy chế để lãnh đạo, chỉ đạo trên các lĩnh vực sử dụng vốn nhà nước mua sắm, chi tiêu; quản lý sử dụng đất đai; đầu tư xây dựng cơ bản ở địa phương, đơn vị mình; ý thức tiết kiệm, chống lãng phí có chuyển biến bước đầu trong cán bộ, đảng viên, cơ quan, đơn vị và đã thu được một số kết quả quan trọng.

Tuy nhiên, tình hình lãng phí ở nhiều cấp, nhiều ngành còn rất nghiêm trọng. Nhận thức của nhiều cấp ủy về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí còn chưa đầy đủ và sâu sắc; chưa khắc phục được tư tưởng nể nang trong đấu tranh thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, chưa có quyết tâm cao trong thực hiện nhiệm vụ này; một số nơi xây dựng chương trình kiểm tra còn chung chung, chưa xác định trọng tâm, trọng điểm; công tác kiểm tra việc thực hiện ở các cấp, các ngành chưa được thường xuyên, chưa chủ động nắm bắt tình hình nên hiệu quả công tác kiểm tra còn hạn chế. Do đó, tác dụng của công tác kiểm tra chưa được phát huy triệt để; chất lượng, hiệu quả việc thực hiện chủ trương của Đảng về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí còn hạn chế. Việc tự kiểm tra, tự phát hiện lãng phí của từng địa phương, đơn vị, ngành còn

THÔNG BÁO KẾT LUẬN CỦA BAN BÍ THƯ

Số 71-TB/TW, ngày 7 tháng 5 năm 2007

Về thực hiện Chương trình kiểm tra số 07-CTr/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí

Trong các ngày 16 và 17-4-2007, tại Hà Nội, Ban Bí thư Trung ương Đảng đã tổ chức Hội nghị toàn quốc tổng kết công tác kiểm tra của cấp ủy theo Chương trình kiểm tra số 07-CTr/TW, ngày 2-6-2006 của Ban Bí thư về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Qua báo cáo kết quả kiểm tra và ý kiến tham gia của các đại biểu dự Hội nghị, Ban Bí thư kết luận như sau:

1. Đánh giá tình hình thực hiện Chương trình kiểm tra số 07-CTr/TW trong năm qua

Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí cùng với chống tham nhũng là một chủ trương lớn của Đảng, nhằm giữ vững ổn định chính trị, phát triển kinh tế - xã hội, củng cố lòng tin của nhân dân, xây dựng Đảng, Nhà nước trong sạch, vững mạnh, đội ngũ cán bộ, công chức kỷ cương, liêm

rất kém; việc kiểm tra hiệu quả đầu tư công trình sau khi đưa vào sử dụng chưa được quan tâm, gây ra lãng phí rất lớn, nhưng chưa có biện pháp khắc phục.

Nguyên nhân của tình hình lãng phí nói trên, trước hết là từ những quyết định đầu tư sai. Nhiều dự án chưa có thiết kế, dự toán hoặc có bổ sung nhưng chưa được duyệt vẫn triển khai thi công; việc giao đất cho dự án để các nhà đầu tư mua bán có nhiều vi phạm, lãng phí lớn nguồn tài nguyên đất đai, gây bất bình trong nhân dân; trách nhiệm của tổ chức đảng, cấp ủy, đảng viên và trước hết là người đứng đầu chưa cao; việc phối hợp trong thanh tra, kiểm tra chưa thường xuyên; việc xử lý sau thanh tra còn chậm, thiếu kiên quyết, hạn chế tác dụng; một số cơ chế, chính sách, pháp luật chưa phù hợp và chưa đồng bộ, nhưng chậm bổ sung, sửa đổi; việc công khai, minh bạch để nhân dân giám sát chưa thực hiện tốt ở các cấp, các ngành, trong từng cơ quan, đơn vị và chưa thành quy định bắt buộc của mỗi cơ quan, đơn vị; đội ngũ cán bộ kiểm tra còn thiếu, một bộ phận còn kém năng lực, chưa đáp ứng yêu cầu; một bộ phận cán bộ lãnh đạo và quản lý ở các cấp, các ngành chưa gương mẫu, yếu kém về năng lực chuyên môn, tha hóa về đạo đức, thiếu trách nhiệm hoặc lợi dụng chức quyền để tham nhũng, lãng phí, nhất là lĩnh vực đất đai, đã gây ra những hậu quả và thiệt hại lớn về tiền của của Nhà nước nhưng chậm được xử lý hoặc xử lý chưa nghiêm nên tác dụng giáo dục, răn đe rất hạn chế.

2. Một số nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu trong thời gian tới

Nhiệm vụ xây dựng Đảng và công tác kiểm tra, giám sát

trong Đảng từ nay đến cuối nhiệm kỳ khóa X là hết sức to lớn, song có nhiều khó khăn, đòi hỏi các cấp ủy, tổ chức đảng, ủy ban kiểm tra các cấp phải tích cực, chủ động hơn nữa để thực hiện tốt nhiệm vụ. Ban Bí thư chủ trương tiếp tục thực hiện chương trình kiểm tra việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí suốt cả khóa X nhằm góp phần: "*Ngăn chặn, tùng bước đẩy lùi tham nhũng, lãng phí; tạo chuyển biến rõ rệt, bảo đảm giữ vững ổn định chính trị, phát triển kinh tế, xã hội, củng cố lòng tin trong Đảng và trong nhân dân; xây dựng Đảng, bộ máy nhà nước trong sạch, vững mạnh, đội ngũ cán bộ, công chức liêm chính*" như tinh thần Nghị quyết Trung ương 3 (khóa X) đã đề ra. Tập trung kiểm tra vào các lĩnh vực quản lý, sử dụng vốn nhà nước trong mua sắm, chi tiêu; trong đầu tư xây dựng cơ bản kể cả trong doanh nghiệp nhà nước và tình hình nợ đọng sau khi quyết toán các công trình xây dựng cơ bản; quản lý sử dụng đất đai đối với các dự án.

Trước mắt, trong năm 2007, tiến hành triển khai công tác kiểm tra ở các ngành, địa phương theo kế hoạch đã được Bộ Chính trị, Ban Bí thư đề ra, đồng thời cần phúc tra lại việc khắc phục các thiếu sót và việc xử lý vi phạm trong năm 2006 ở các địa phương và các ngành có liên quan. Cấp ủy, trước hết là người đứng đầu cấp ủy phải chỉ đạo xây dựng chương trình, kế hoạch kiểm tra và tổ chức thực hiện tốt chương trình này. Tập trung vào những lĩnh vực, địa bàn có nhiều dư luận, có dấu hiệu tiêu cực, tham nhũng, lãng phí để kiểm tra, đồng thời kịp thời xử lý nghiêm minh những tổ chức và cá nhân vi phạm nhằm giáo dục, cảnh báo, răn đe; thu hồi triệt để tài sản bị thất thoát, lãng phí sau khi được thanh tra, kiểm tra.

Để thực hiện tốt nhiệm vụ trên, trước hết phải đề cao trách nhiệm của cấp ủy, tổ chức đảng, đặc biệt là trách nhiệm của người đứng đầu; tiếp tục rà soát, sửa đổi những cơ chế, chính sách không còn phù hợp. Mỗi cấp, mỗi ngành phải bổ sung xây dựng chương trình hành động thực hiện nhiệm vụ này cho sát thực tế, xác định rõ trọng tâm, trọng điểm. Phải quán triệt sâu sắc và thực hiện nghiêm túc Nghị quyết Đại hội X của Đảng, mà trực tiếp là Nghị quyết Trung ương 3 khóa X và Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, trong đó phải công khai, minh bạch sáu lĩnh vực mà Luật đã quy định, đồng thời công khai hóa các chế độ chi tiêu để nội bộ cơ quan và nhân dân giám sát. Nghiên cứu để ban hành chính sách bồi thường vật chất khi cá nhân và tổ chức vi phạm. Kiện toàn bộ máy tổ chức và nhân sự ủy ban kiểm tra các cấp, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chính trị trong giai đoạn cách mạng mới, nhất là khi nước ta đã trở thành thành viên Tổ chức Thương mại thế giới (WTO). Nghiên cứu ban hành chế độ, chính sách hợp lý cho cán bộ kiểm tra các cấp.

Phối hợp tốt công tác kiểm tra, giám sát của cấp ủy, tổ chức đảng với công tác thanh tra của chính quyền gắn với việc thực hiện đấu tranh phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị. Qua thanh tra, kiểm tra, kiên quyết xử lý nghiêm minh, kịp thời kỷ luật về Đảng, kỷ luật hành chính, kể cả phải xử lý bằng pháp luật đối với tổ chức, cá nhân vi phạm. Biểu dương những địa phương, đơn vị làm tốt công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí hoặc sửa chữa, khắc phục tốt khuyết điểm; kiên quyết xử lý những nơi để kéo dài, chậm xử lý sai phạm và khắc phục hậu quả. Có cơ chế bảo vệ

và chính sách khen thưởng về vật chất và tinh thần cho người tố cáo lãng phí, tham nhũng.

Trên cơ sở kết luận của Ban Bí thư, Ban Cán sự Đảng Chính phủ chỉ đạo việc rà soát và ban hành bổ sung những cơ chế, chính sách có liên quan đến thực hành tiết kiệm, chống lãng phí cho phù hợp với tình hình mới và chỉ đạo các cấp, các ngành tổ chức thực hiện.

Yêu cầu các cấp ủy đảng, đảng đoàn, ban cán sự đảng căn cứ nội dung kết luận của Ban Bí thư, cụ thể hóa thành chương trình, kế hoạch công tác và triển khai thực hiện, tạo chuyển biến tích cực trong năm 2007 và thời gian tới.

Giao Ủy ban Kiểm tra Trung ương chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan thường xuyên kiểm tra, giám sát, đôn đốc việc thực hiện, định kỳ báo cáo kết quả với Ban Bí thư.

T/M BAN Bí THƯ

TRƯỞNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Quy chế kèm theo Quyết định này thay thế Quy chế số 53-QĐ/TW, ngày 5-5-1999 của Bộ Chính trị khóa VIII.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
TRƯỞNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**QUYẾT ĐỊNH
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ**

Số 58-QĐ/TW, ngày 7 tháng 5 năm 2007

**Ban hành Quy chế về chế độ
kiểm tra, giám sát công tác cán bộ**

- Căn cứ Điều lệ Đảng;
- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư khóa X, Quy chế làm việc của Ủy ban Kiểm tra Trung ương khóa X;
- Xét đề nghị của Ủy ban Kiểm tra Trung ương,

BỘ CHÍNH TRỊ QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này "Quy chế về chế độ kiểm tra, giám sát công tác cán bộ".

Điều 2. Các cấp ủy, ủy ban kiểm tra các cấp, các tổ chức đảng và cán bộ, đảng viên có trách nhiệm thực hiện đúng Quy chế này; nếu có những vấn đề cần bổ sung, sửa đổi thì báo cáo Bộ Chính trị (qua Ủy ban Kiểm tra Trung ương).

**QUY CHẾ
VỀ CHẾ ĐỘ KIỂM TRA,
GIÁM SÁT CÔNG TÁC CÁN BỘ
(Kèm theo Quyết định số 58-QĐ/TW, ngày 7-5-2007
của Bộ Chính trị)**

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Các cấp ủy và tổ chức đảng phải thường xuyên lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức kiểm tra, giám sát công tác cán bộ theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình.

Điều 2. Kiểm tra, giám sát để đánh giá đúng công tác cán bộ, kịp thời nêu gương cán bộ và tổ chức đảng làm tốt, giúp đỡ cán bộ và tổ chức đảng gặp khó khăn, ngăn chặn những biểu hiện lệch lạc, thiếu sót, khuyết điểm của cán bộ (về phẩm chất chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống, thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao...) và công tác cán bộ (thực hiện các nguyên tắc, quy chế, chế độ đã quy định về phát huy dân chủ, đoàn kết nội bộ...), phát hiện những kinh nghiệm tốt, uốn nắn những sơ hở, thiếu sót trong công tác cán bộ, kịp thời phát hiện và xử lý những vi phạm của cán bộ và tổ chức đảng.

Điều 3. Việc kiểm tra, giám sát phải tuân thủ Điều lệ Đảng, các quy định của Đảng và hướng dẫn của Ủy ban Kiểm tra Trung ương.

Chương II
CHẾ ĐỘ KIỂM TRA CÁN BỘ VÀ CÔNG TÁC CÁN BỘ

Điều 4. Chế độ kiểm tra

1. Đối với cán bộ:

1.1. Thường xuyên tự kiểm điểm, đánh giá ưu điểm, khuyết điểm trong công tác và rèn luyện phẩm chất, đạo đức, lối sống.

1.2. Mỗi năm một lần tự phê bình tại chi bộ và tại cấp ủy hoặc tổ chức chính quyền, đoàn thể mà mình là thành viên.

1.3. Hằng năm, chi ủy nơi cán bộ sinh hoạt lấy ý kiến đóng góp của chi ủy nơi cán bộ cư trú bằng hình thức thích hợp về mối quan hệ của cán bộ với tổ chức đảng, chính quyền, đoàn thể và nhân dân nơi cư trú; về bản thân và gia đình trong việc chấp hành đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nội quy, quy định của khu dân cư.

1.4. Chịu sự kiểm tra, giám sát của chi bộ nơi sinh hoạt đảng và của tổ chức đảng cấp trên.

2. Đối với cấp ủy và tổ chức đảng:

2.1. Thường xuyên có chương trình, kế hoạch tự kiểm tra về công tác cán bộ thuộc cấp mình quản lý; hướng dẫn, kiểm tra tổ chức đảng cấp dưới thực hiện các nội dung đó.

2.2. Thực hiện chế độ tự phê bình, phê bình về công tác cán bộ theo quy định.

2.3. Mỗi năm một lần tổ chức lấy ý kiến đóng góp xây dựng Đảng của cán bộ, đảng viên và quần chúng trong đơn vị.

2.4. Chịu sự kiểm tra và chấp hành kế hoạch kiểm tra của tổ chức đảng cấp trên theo định kỳ và khi có yêu cầu.

2.5. Tiến hành kiểm tra tổ chức đảng cấp dưới trực tiếp về công tác cán bộ; về thực hiện chế độ kiểm tra công tác cán bộ theo định kỳ và bất thường.

Điều 5. Nội dung kiểm tra

1. Đối với cán bộ:

1.1. Kiểm tra về tiêu chuẩn cán bộ bao gồm: phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống; thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao, mối liên hệ với quần chúng trong cơ quan và nơi cư trú.

1.2. Kiểm tra việc chấp hành và tổ chức thực hiện các quyết định của tập thể về công tác cán bộ trong lĩnh vực được phân công phụ trách (đối với người đứng đầu cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị).

1.3. Kiểm tra việc tham mưu, thẩm định về công tác cán bộ.

1.4. Kiểm tra việc chấp hành các nghị quyết, quyết định của cấp ủy, tổ chức đảng về công tác cán bộ (đối với cán bộ, đảng viên).

2. Đối với cấp ủy và tổ chức đảng:

Kiểm tra việc thực hiện các nội dung về công tác cán bộ, bao gồm:

2.1. Việc quán triệt và thực hiện các nghị quyết, chính sách của Đảng về chiến lược cán bộ và công tác cán bộ.

2.2. Thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ trong công tác cán bộ.

2.3. Việc tham mưu, thẩm định, quyết định về công tác cán bộ.

2.4. Thực hiện việc tuyển chọn, bố trí, phân công, điều động và luân chuyển cán bộ, phân cấp quản lý cán bộ; việc đánh giá cán bộ; việc quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ; việc miễn nhiệm, bổ nhiệm cán bộ; việc khen thưởng, kỷ luật cán bộ và thực hiện chế độ, chính sách cán bộ.

2.5. Thực hiện chế độ kiểm tra, giám sát công tác cán bộ; giải quyết tố cáo, khiếu nại về cán bộ.

2.6. Thực hiện cơ chế nhân dân tham gia xây dựng và giám sát cán bộ.

Điều 6. Đối tượng kiểm tra

1. Đối với cán bộ: Cán bộ là cấp ủy viên các cấp, cán bộ thuộc diện cấp ủy các cấp quản lý (theo Quy định về phân cấp quản lý cán bộ của Bộ Chính trị và của cấp ủy các cấp), trước hết là cán bộ chủ chốt, cán bộ trong diện quy hoạch, thủ trưởng cơ quan quản lý cán bộ và cán bộ tham mưu về công tác cán bộ của cấp ủy hoặc tổ chức đảng cấp dưới trực tiếp.

2. Đối với tổ chức đảng (chi bộ, cấp ủy các cấp, các ban của Đảng, các ban cán sự đảng, đảng đoàn) kiểm tra tổ chức đảng cấp dưới, tập trung kiểm tra các cơ quan làm tham mưu giúp cấp ủy, tổ chức đảng về công tác cán bộ.

Điều 7. Tự kiểm tra của cán bộ, đảng viên

1. Cán bộ là đảng viên tự kiểm tra (tự phê bình) mỗi năm một lần (bằng văn bản) trước chi bộ; nếu là cấp ủy viên thì còn kiểm điểm theo quy chế làm việc của cấp ủy mà mình là thành viên, có nhận xét của chi ủy nơi sinh hoạt và chi ủy nơi cư trú.

2. Cán bộ không phải là đảng viên tự phê bình trong tổ chức mà mình là thành viên.

3. Cán bộ, đảng viên tiếp thu ý kiến đóng góp của tập thể về ưu điểm, khuyết điểm để đề ra biện pháp phát huy, sửa chữa, khắc phục; gửi kết quả kiểm điểm về ban thường vụ, ban tổ chức của cấp ủy cấp mình.

Điều 8. Tự kiểm tra của cấp ủy, tổ chức đảng

1. Chuẩn bị báo cáo tự phê bình; lấy ý kiến đóng góp của đảng viên và quần chúng.

2. Tập thể chi bộ hoặc cấp ủy thảo luận, tự phê bình, phê bình.

3. Kết luận ưu điểm, khuyết điểm, vi phạm (nếu có), đề ra phương hướng, biện pháp khắc phục khuyết điểm.

4. Báo cáo kết quả lên cấp ủy cấp trên và ban tổ chức, ủy ban kiểm tra của cấp ủy cấp trên.

Điều 9. Tổ chức đảng tiến hành kiểm tra

1. Xây dựng phương hướng, nhiệm vụ, chương trình, kế hoạch kiểm tra trong từng thời gian, trong đó có nội dung về kiểm tra cán bộ và công tác cán bộ để lãnh đạo, chỉ đạo công tác kiểm tra (đối với cấp ủy các cấp) và thực hiện kiểm tra.

2. Các tổ chức đảng tiến hành kiểm tra theo 3 bước: chuẩn bị nội dung, kế hoạch, tổ chức lực lượng kiểm tra; tiến hành kiểm tra; kết thúc kiểm tra (theo hướng dẫn của Ủy ban Kiểm tra Trung ương).

3. Kết hợp chặt chẽ công tác kiểm tra với công tác tư tưởng, tổ chức, bảo vệ chính trị nội bộ, tự phê bình và phê bình, coi trọng tự phê bình; kết hợp kiểm tra định kỳ 1 năm với thực hiện kiểm điểm theo quy chế đánh giá cán bộ. Nếu phát hiện có vi phạm Điều lệ Đảng, nguyên tắc tổ chức của Đảng thì cấp ủy chỉ đạo việc xem xét, kết luận và xử lý kỷ luật tổ chức đảng và đảng viên vi phạm.

Điều 10. Cấp ủy phải xây dựng quy chế phối hợp và trực tiếp điều hành sự phối hợp để tiến hành các cuộc kiểm tra của các tổ chức đảng (cấp ủy, các ban của cấp ủy, ủy ban kiểm tra):

1. Ủy ban kiểm tra tham mưu về nghiệp vụ công tác kiểm tra, nắm tình hình, giúp cấp ủy gợi ý để đảng viên, tổ chức đảng tự phê bình; chủ trì kiểm tra cán bộ, đảng viên và tổ chức đảng khi có dấu hiệu vi phạm; tiến hành kiểm tra tổ chức đảng cấp dưới thực hiện nhiệm vụ kiểm tra theo Điều 32, Điều lệ Đảng về công tác cán bộ, phân loại cán bộ và tổ chức đảng.

2. Ban tổ chức của cấp ủy tham mưu cho cấp ủy về phối hợp tiến hành kiểm tra hoặc chủ trì kiểm tra theo thẩm quyền việc chấp hành nghị quyết, chỉ thị liên quan đến công tác cán bộ; kiểm tra việc nhận xét, đánh giá theo tiêu chuẩn cán bộ, kiểm tra phân tích chất lượng đảng viên, tổ chức đảng theo định kỳ; kiểm tra về lịch sử chính trị và chính trị hiện nay; phối hợp với ủy ban kiểm tra tiến hành kiểm tra các vụ việc có dấu hiệu vi phạm về công tác cán bộ.

3. Ban tuyên giáo các cấp tham mưu giúp cấp ủy hoặc chủ trì kiểm tra về tư tưởng chính trị, tham gia kiểm tra đánh giá, phân tích chất lượng cán bộ, tổ chức đảng.

4. Ban cán sự đảng các cơ quan nhà nước, đảng đoàn các đoàn thể chính trị - xã hội chủ trì kiểm tra những vấn đề thuộc chức năng, nhiệm vụ của mình về công tác cán bộ. Khi ủy ban kiểm tra tiến hành kiểm tra, nếu có yêu cầu thì các ban của cấp ủy đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn có trách nhiệm phối hợp kiểm tra.

Chương III

CHẾ ĐỘ GIÁM SÁT CÔNG TÁC CÁN BỘ

Điều 11. Chế độ giám sát

1. Tổ chức đảng cấp trên (cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy, ban tổ chức, ủy ban kiểm tra của cấp ủy cấp trên) có chương trình, kế hoạch giám sát công tác cán bộ thuộc phạm vi lãnh đạo, quản lý, lĩnh vực được phân công phụ trách, hoặc theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao; hướng dẫn các tổ chức đảng cấp dưới thực hiện chế độ giám sát công tác cán bộ theo thẩm quyền của cấp mình.

2. Thực hiện chế độ giám sát thường xuyên về công tác cán bộ theo quy định.

3. Chịu sự giám sát và chấp hành chương trình, kế hoạch giám sát của tổ chức đảng cấp trên và khi có yêu cầu.

4. Tiến hành giám sát tổ chức đảng cấp dưới trực tiếp về công tác cán bộ; về thực hiện chế độ giám sát công tác cán bộ theo chương trình, kế hoạch và bất thường.

Điều 12. Nội dung giám sát*1. Đối với cán bộ:*

1.1. Giám sát về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống, thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao, mối liên hệ với quần chúng trong cơ quan và nơi cư trú.

1.2. Giám sát việc chấp hành và tổ chức thực hiện các quyết định của tập thể về công tác cán bộ trong lĩnh vực được phân công phụ trách (đối với người đứng đầu cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị).

1.3. Giám sát việc tham mưu, thẩm định về công tác cán bộ.

1.4. Giám sát việc chấp hành các nghị quyết, chỉ thị, quyết định của cấp ủy, tổ chức đảng về công tác cán bộ (đối với cán bộ, đảng viên).

2. Đối với cấp ủy và tổ chức đảng:

Giám sát việc thực hiện các nội dung về công tác cán bộ, bao gồm:

2.1. Việc quán triệt và thực hiện các nghị quyết, chính sách của Đảng về chiến lược cán bộ và công tác cán bộ.

2.2. Thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ trong công tác cán bộ.

2.3. Việc thẩm định, quyết định về công tác cán bộ.

2.4. Thực hiện việc tuyển chọn, bố trí, phân công, điều động và luân chuyển cán bộ, phân cấp quản lý cán bộ; việc đánh giá cán bộ; việc quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ; việc miễn nhiệm, bổ nhiệm cán bộ; việc khen thưởng, kỷ luật cán bộ và thực hiện chế độ, chính sách cán bộ.

2.5. Thực hiện chế độ kiểm tra, giám sát công tác cán bộ; giải quyết tố cáo, khiếu nại về cán bộ.

2.6. Việc thực hiện cơ chế nhân dân tham gia xây dựng và giám sát cán bộ.

Điều 13. Đối tượng giám sát

1. Đối với cán bộ: Cấp ủy viên các cấp, cán bộ thuộc diện cấp ủy các cấp quản lý (theo Quy định về phân cấp quản lý cán bộ của Bộ Chính trị và của cấp ủy các cấp), trước hết là cán bộ chủ chốt, cán bộ trong diện quy hoạch, người đứng đầu tổ chức, cơ quan, đơn vị; cán bộ tham mưu về công tác cán bộ của cấp ủy hoặc tổ chức đảng cấp dưới trực tiếp.

- Cấp ủy và ban thường vụ cấp ủy giám sát cấp ủy viên cùng cấp; cán bộ thuộc diện cấp ủy quản lý.

- Ban tổ chức và ủy ban kiểm tra của cấp ủy giám sát cấp ủy viên cùng cấp, cán bộ thuộc diện cấp ủy cùng cấp quản lý; người đứng đầu các ban của cấp ủy cấp mình và cán bộ lãnh đạo các đơn vị làm công tác tham mưu về công tác tổ chức của các ban của cấp ủy cấp mình.

2. Đối với tổ chức đảng: Cấp ủy các cấp, ban tổ chức và ủy ban kiểm tra của cấp ủy các cấp giám sát tổ chức đảng cấp dưới, tập trung giám sát cấp ủy, tổ chức đảng, các cơ quan làm tham mưu giúp cấp ủy, tổ chức đảng về công tác cán bộ.

- Cấp ủy giám sát ban thường vụ cấp ủy cấp mình.

- Ban thường vụ cấp ủy giám sát: các ban của cấp ủy; ban cán sự đảng, đảng đoàn thuộc cấp ủy cấp mình quản lý; cấp ủy cấp dưới trực tiếp.

- Ban tổ chức và ủy ban kiểm tra của cấp ủy giám sát: các ban của cấp ủy; ban cán sự đảng, đảng đoàn thuộc cấp ủy cấp mình quản lý; cấp ủy cấp dưới trực tiếp và các ban của cấp ủy cấp dưới trực tiếp.

Điều 14. Hình thức giám sát

1. Giám sát trực tiếp thông qua các kỳ họp của cấp ủy, các tổ chức đảng; thông qua theo dõi, nắm tình hình hoạt động của tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên và thông qua sinh hoạt của cán bộ, đảng viên.

2. Giám sát gián tiếp chủ yếu thông qua nghiên cứu các báo cáo của tổ chức đảng, các tổ chức nhà nước, đoàn thể chính trị - xã hội và phản ảnh của đảng viên, quần chúng đối với cấp ủy, tổ chức đảng.

Điều 15. Phương pháp giám sát

1. Cấp ủy giám sát ban thường vụ cấp ủy tại các kỳ họp của mình thông qua xem xét các quyết định, báo cáo của ban

thường vụ với cấp ủy về công tác cán bộ; xem xét báo cáo của ủy ban kiểm tra cấp mình về kết quả kiểm tra, giám sát công tác cán bộ.

Ban thường vụ cấp ủy giám sát tại các kỳ họp của mình thông qua xem xét báo cáo của các ban của cấp ủy, ban cán sự đảng, đảng đoàn, cấp ủy (ban thường vụ cấp ủy) cấp dưới trực tiếp về công tác cán bộ; báo cáo của ban tổ chức và ủy ban kiểm tra về kết quả kiểm tra, giám sát công tác cán bộ.

Ban thường vụ cấp ủy và ban tổ chức, ủy ban kiểm tra của cấp ủy giám sát thông qua nắm tình hình, nghiên cứu các văn bản, báo cáo của tổ chức đảng cấp dưới gửi; thông qua các văn bản phản ánh của các tổ chức nhà nước, đoàn thể chính trị - xã hội và phản ánh của đảng viên, quần chúng về cán bộ và công tác cán bộ.

2. Cấp ủy, ban tổ chức và ủy ban kiểm tra của cấp ủy cấp trên cử cán bộ dự các cuộc họp của cấp ủy, tổ chức đảng cấp dưới bàn về công tác cán bộ và kiểm điểm việc thực hiện công tác cán bộ; triển khai thực hiện chế độ kiểm tra, giám sát công tác cán bộ.

Dự kiểm điểm về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống, thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao, mối liên hệ với quần chúng trong cơ quan và nơi cư trú của cán bộ.

3. Ban thường vụ cấp ủy cấp trên định kỳ hoặc đột xuất nghe đại diện các tổ chức đảng cấp dưới trực tiếp báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát công tác cán bộ; xem xét và giải quyết các yêu cầu, kiến nghị của cấp dưới; thông báo nhận xét và chỉ đạo thực hiện những việc cần thiết để các tổ chức đảng cấp dưới trực tiếp chấp hành về giám sát công tác cán bộ.

Điều 16. Thẩm quyền giám sát

1. Trong quá trình giám sát về công tác cán bộ, tổ chức đảng tiến hành giám sát được quyền yêu cầu tổ chức đảng và đảng viên được giám sát cung cấp văn bản, tài liệu phục vụ cho việc giám sát và phải giữ bí mật về nội dung văn bản, tài liệu đó.

Các thành viên của tổ chức đảng tiến hành giám sát khi được cử tham dự các cuộc họp của cấp ủy, tổ chức đảng cấp dưới trực tiếp bàn về công tác cán bộ được yêu cầu tổ chức đảng và đảng viên được giám sát cung cấp văn bản, tài liệu phục vụ cho việc giám sát và phải giữ bí mật về nội dung của văn bản, tài liệu đó.

2. Qua giám sát về công tác cán bộ, nếu phát hiện cán bộ và tổ chức đảng có dấu hiệu vi phạm thì chuyển ủy ban kiểm tra xem xét, xử lý hoặc báo cáo tổ chức đảng có thẩm quyền xem xét, xử lý.

3. Thông qua việc giám sát về công tác cán bộ, tổ chức đảng tiến hành giám sát được nhận xét, đánh giá về ưu điểm, khuyết điểm, vi phạm (nếu có) và nguyên nhân; bổ sung, sửa đổi theo thẩm quyền hoặc đề xuất cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung những vấn đề cần thiết.

*Chương IV***TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 17. Quy chế về chế độ kiểm tra, giám sát công tác cán bộ được thực hiện đối với tất cả cán bộ và tổ chức đảng theo quy định tại Điều 6 và Điều 13 của Quy chế này. Cấp

ủy, ban cán sự đảng, đảng đoàn căn cứ Quy chế này quy định cụ thể việc thực hiện đối với cán bộ và tổ chức đảng thuộc phạm vi lãnh đạo của mình.

Điều 18. Ủy ban Kiểm tra Trung ương phối hợp với các ban của Đảng hướng dẫn thực hiện Quy chế này.

Quy chế này được phổ biến đến chi bộ để thực hiện.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN Bí THU**

Số 59-QĐ/TW, ngày 7 tháng 5 năm 2007

**Thành lập Ban Chỉ đạo xây dựng Đề án
"Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường
định hướng xã hội chủ nghĩa trong hội nhập
kinh tế quốc tế"**

- Căn cứ Điều lệ Đảng;
- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư khóa X;
- Căn cứ Chương trình làm việc của Ban Chấp hành Trung ương khóa X;
- Xét đề nghị của Ban Cán sự Đảng Chính phủ,

BAN Bí THU QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Ban Chỉ đạo xây dựng Đề án "Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa trong hội nhập kinh tế quốc tế", gồm các đồng chí:

- 1- Đồng chí Nguyễn Sinh Hùng, Ủy viên Bộ Chính trị, Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ, Trưởng ban.

2- Đồng chí Võ Hồng Phúc, Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Phó Trưởng ban.

3- Đồng chí Đỗ Hoài Nam, Ủy viên Trung ương Đảng, Viện trưởng Viện Khoa học xã hội Việt Nam, Thành viên.

4- Đồng chí Vũ Văn Ninh, Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Tài chính, Thành viên.

5- Đồng chí Lê Đức Thuý, Ủy viên Trung ương Đảng, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Thành viên.

6- Đồng chí Hoàng Trung Hải, Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Công nghiệp, Thành viên.

7- Đồng chí Uông Chu Lưu, Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Tư pháp, Thành viên.

8- Đồng chí Nguyễn Thiện Nhân, Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Thành viên.

9- Đồng chí Hoàng Văn Phong, Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ, Thành viên.

10- Đồng chí Nguyễn Thị Kim Ngân, Ủy viên Trung ương Đảng, Thứ trưởng Thường trực Bộ Thương mại, Thành viên.

11- Đồng chí Phùng Hữu Phú, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Trưởng ban Thường trực Ban Tuyên giáo Trung ương, Thành viên.

Giúp việc Ban Chỉ đạo Đề án có Tổ Biên tập do đồng chí Trưởng Ban Chỉ đạo xây dựng Đề án quyết định.

Điều 2. Ban Chỉ đạo Đề án có nhiệm vụ: Xây dựng kế hoạch, tổ chức khảo sát, nghiên cứu và xây dựng Đề án "Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa trong hội nhập kinh tế quốc tế" để trình Bộ Chính trị xem xét, trình Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa X.

Điều 3. Ban Cán sự Đảng Chính phủ và các đồng chí có tên tại Điều 1 thi hành Quyết định này.

T/M BAN Bí THƯ

TRƯỞNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**QUYẾT ĐỊNH
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ**

Số 60-QĐ/TW, ngày 7 tháng 5 năm 2007

Về việc hợp nhất Học viện Hành chính quốc gia,
Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh
thành Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia
Hồ Chí Minh

- Căn cứ Điều lệ Đảng;
- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư khóa X;
- Căn cứ Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X về đổi mới, kiện toàn tổ chức bộ máy các cơ quan đảng, định hướng về đổi mới tổ chức bộ máy nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội (Nghị quyết số 10-NQ/TW, ngày 9-2-2007);
- Theo đề nghị của Ban Tổ chức Trung ương,

BỘ CHÍNH TRỊ QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hợp nhất Học viện Hành chính quốc gia, Học

viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh thành Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh.

Điều 2. Đồng chí Lê Hữu Nghĩa, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng giữ chức Giám đốc Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh.

Điều 3. Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh chủ trì phối hợp với Ban Tổ chức Trung ương kiện toàn tổ chức bộ máy, bố trí cán bộ, công chức; xây dựng chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh, trình Bộ Chính trị xem xét, quyết định.

Điều 4. Ban Cán sự Đảng Chính phủ chỉ đạo thể chế hóa về mặt nhà nước; Ban Cán sự Đảng Bộ Nội vụ chỉ đạo việc chuyển giao tổ chức, bộ máy, chương trình đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức từ Học viện Hành chính quốc gia về Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh.

Điều 5. Học viện Hành chính quốc gia, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh có trách nhiệm bàn giao nguyên trạng về tổ chức, nhân sự, tài liệu, tài sản và tài chính về Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh; hồ sơ lưu trữ, con dấu nộp về Kho Lưu trữ Trung ương Đảng theo quy định.

Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh hoạt động từ quý II-2007.

Điều 6. Ban Cán sự Đảng Chính phủ, Ban Cán sự Đảng Bộ Nội vụ, Ban Tổ chức Trung ương, Học viện Chính trị -

Hàng chính quốc gia Hồ Chí Minh, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Học viện Hành chính quốc gia và đồng chí Lê Hữu Nghĩa có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
TRƯỞNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**KẾ HOẠCH
CỦA BAN Bí THƯ**

Số 03-KH/TW, ngày 9 tháng 5 năm 2007

**Thực hiện Thông báo kết luận số 68-TB/TW
của Bộ Chính trị tiếp tục thực hiện Thông báo
kết luận số 41-TB/TW về một số biện pháp
tăng cường lãnh đạo, quản lý báo chí**

Ngày 30-3-2007, Bộ Chính trị (khóa X) ra Thông báo kết luận số 68-TB/TW tiếp tục thực hiện Thông báo số 41-TB/TW, ngày 11-10-2006 của Bộ Chính trị về một số biện pháp tăng cường lãnh đạo và quản lý báo chí.

Để triển khai thực hiện Thông báo 68-TB/TW của Bộ Chính trị, các cơ quan lãnh đạo, quản lý báo chí và các cơ quan có liên quan cần khẩn trương, nghiêm túc thực hiện một số nhiệm vụ quan trọng trước mắt sau đây:

1. Ban Tuyên giáo Trung ương

1.1. Chủ trì, phối hợp với Ban Cán sự Đảng Bộ Văn hóa - Thông tin và các cơ quan có liên quan xây dựng quy định về thẩm quyền, trách nhiệm của Ban để chỉ đạo kịp thời, có hiệu lực, hiệu quả việc định hướng chính trị, tư tưởng trong

nội dung thông tin trên báo chí cả nước; nhất là đối với các vấn đề phức tạp, nhạy cảm về đối nội, đối ngoại.

Thời gian hoàn thành tháng 6-2007 (sau khi Ban Bí thư xem xét, ban hành).

1.2. Chủ trì, phối hợp với Ban Cán sự Đảng Bộ Văn hóa - Thông tin, Ban Tổ chức Trung ương, Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Hội Nhà báo Việt Nam và các cơ quan chủ quản báo chí xây dựng, hoàn thiện Quy chế phối hợp giữa các cơ quan chỉ đạo báo chí của Đảng, cơ quan quản lý báo chí của Nhà nước, Hội Nhà báo và các cơ quan chủ quản báo chí trong việc chỉ đạo và quản lý báo chí. Nội dung của Quy chế này gồm: trách nhiệm của các cơ quan trong việc theo dõi, kiểm tra, đánh giá việc thực hiện quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về báo chí; công tác bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật cán bộ lãnh đạo cơ quan báo chí; việc cấp phép, thu hồi giấy phép, đình bản, tăng kỳ, ra thêm phụ san, phụ trương, chuyên san, chuyên đề, mở thêm kênh truyền hình, phát thanh...

Thời gian thực hiện: Cuối tháng 5-2007.

1.3. Chủ trì, phối hợp với Ban Cán sự Đảng Bộ Văn hóa - Thông tin, Ban Tổ chức Trung ương, Ủy ban Kiểm tra Trung ương và một số cơ quan chủ quản báo chí kiện toàn tổ chức, bố trí nhân sự chủ chốt ở một số báo, tạp chí (có danh sách cụ thể).

Thời gian thực hiện: Từ tháng 5-2007.

1.4. Chủ trì, phối hợp với Ban Tổ chức Trung ương, Ban Cán sự Đảng Bộ Văn hóa - Thông tin và các cơ quan hữu quan rà soát quy hoạch, xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ lãnh đạo các cơ quan báo chí.

Thời gian hoàn thành bước 1: Trong tháng 6-2007.

1.5. Chủ trì, phối hợp cùng Tiểu ban chuẩn bị nội dung Hội nghị Trung ương 5 xây dựng Đề án "Về công tác tư tưởng, lý luận và báo chí trước yêu cầu mới" trình Bộ Chính trị, Ban Bí thư cho ý kiến trong tháng 5-2007.

2. Ban Cán sự Đảng Bộ Văn hóa - Thông tin

2.1. Chủ trì, phối hợp với Ban Tuyên giáo Trung ương, các cơ quan chủ quản và các cơ quan hữu quan rà soát, kiểm tra, xử lý một số báo, tạp chí, chương trình truyền hình, ấn phẩm phụ, chuyên đề, chuyên trang... xa rời tôn chỉ mục đích, vi phạm Luật báo chí, để tư nhân núp bóng và một số sai phạm nghiêm trọng về chính trị, tư tưởng trong hoạt động báo chí.

Thời gian thực hiện: Từ tháng 5-2007.

2.2. Chủ trì, phối hợp với Ban Tuyên giáo Trung ương, Hội Nhà báo Việt Nam và các cơ quan chủ quản báo chí xây dựng, hoàn thiện Quy chế giao ban giữa cơ quan chỉ đạo báo chí của Đảng, cơ quan quản lý báo chí của Nhà nước và các cơ quan chủ quản báo chí (3 tháng/lần); Quy chế giao ban báo chí hàng tuần (theo tinh thần mới nhất của Thông báo kết luận số 41-TB/TW và Thông báo số 68-TB/TW của Bộ Chính trị).

Trước mắt, Ban Tuyên giáo Trung ương, Ban cán sự đảng Bộ Văn hóa - Thông tin và Đảng đoàn Hội Nhà báo Việt Nam cần tổ chức ngay cuộc họp rút kinh nghiệm việc giao ban báo chí trong thời gian vừa qua.

Thời gian thực hiện: Cuối tháng 5-2007.

2.3. Xây dựng, hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý báo chí: Quy chế người phát ngôn và cơ chế

cung cấp thông tin cho báo chí; Quy chế thu hồi ấn phẩm, đình bản tạm thời và thu hồi giấy phép hoạt động báo chí; Quy chế cải chính trên báo chí; Quy chế khai thác và sử dụng nguồn tin; Quy chế cấp phép hoạt động báo chí; Thông tư hướng dẫn việc cấp, đổi và thu hồi thẻ nhà báo.

Thời gian thực hiện: Từ cuối tháng 5-2007.

2.4. Chủ trì, phối hợp với Ban Tuyên giáo Trung ương, Hội Nhà báo Việt Nam, các cơ quan báo chí, các tỉnh, thành phố xây dựng Quy chế quản lý văn phòng đại diện cơ quan báo chí, phóng viên thường trú tại các địa phương trong cả nước.

Thời gian thực hiện: Tháng 6-2007.

2.5. Xây dựng kế hoạch tăng cường giám sát, kiểm tra tình hình thực hiện Luật báo chí và các văn bản quản lý nhà nước về báo chí đã ban hành; nghiên cứu, tổng kết, đề xuất nội dung sửa đổi Luật báo chí theo hướng giữ vững bản chất của báo chí cách mạng; điều chỉnh đầy đủ, có hiệu lực, hiệu quả hoạt động báo chí; tăng cường trách nhiệm của cơ quan chủ quản, cơ quan báo chí, đặc biệt là trách nhiệm của lãnh đạo, phóng viên các cơ quan báo chí trước Đảng, Nhà nước và nhân dân.

Thời gian thực hiện: Từ tháng 5-2007.

2.6. Chủ trì, phối hợp với Ban Tuyên giáo Trung ương và các cơ quan có liên quan rà soát lại, bổ sung, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch phát triển báo chí của cả nước; đặc biệt chú ý việc quy hoạch hệ thống các đài phát thanh, truyền hình từ trung ương đến địa phương và báo chí điện tử trong điều kiện công nghệ thay đổi nhanh chóng, ngày càng hiện đại, các loại hình truyền thông đa phương tiện phát triển mạnh mẽ. Nghiên cứu, đề xuất một số phương án sắp xếp, bố trí, thu

gọn đầu mối các báo, tạp chí, chương trình phát thanh, truyền hình, các loại ấn phẩm theo hướng khoa học, hợp lý, hiệu quả. Rà soát các giấy phép đã cấp, xác định rõ tôn chỉ, mục đích, chức năng, nhiệm vụ của các báo, đài nhằm khắc phục sự trùng lắp, chồng chéo, gây lãng phí, tốn kém, gây phức tạp cho hoạt động báo chí và công tác quản lý báo chí. Xây dựng tiêu chí về điều kiện được cấp phép hoạt động báo chí (đối tượng được ra báo, tạp chí, tờ tin, trang tin, đối tượng chỉ được phép làm các ấn phẩm, chương trình phát thanh, truyền hình thuần tuý quảng cáo, thương mại, giải trí...).

Thời gian thực hiện: Từ tháng 6-2007.

2.7. Chủ trì, phối hợp với Ban Tuyên giáo Trung ương, cơ quan chủ quản chuyển báo Điện tử Vietnamnet, VnMedia và Đài Truyền hình Kỹ thuật số VTC về Bộ Bưu chính - Viễn thông quản lý; chuyển báo Điện tử VnExpress về Bộ Khoa học và Công nghệ quản lý.

Thời gian thực hiện: Từ tháng 5-2007.

3. Ban Tổ chức Trung ương

Chủ trì, phối hợp với Ban Tuyên giáo Trung ương, Ban Cán sự Đảng Bộ Văn hóa - Thông tin, Hội Nhà báo Việt Nam xây dựng Quy chế bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật cán bộ lãnh đạo cơ quan báo chí trình Ban Bí thư.

Thời gian hoàn thành: Tháng 5-2007 (sau khi Ban Bí thư xem xét, ban hành).

4. Ủy ban Kiểm tra Trung ương

Chủ trì phối hợp cùng Ban Tuyên giáo Trung ương, Ban Cán sự Đảng Bộ Văn hóa - Thông tin, Đảng đoàn Hội

Nhà báo Việt Nam và các cơ quan hữu quan thường xuyên kiểm tra, giám sát các tổ chức đảng, đảng viên ở các cơ quan báo chí, cơ quan chủ quản, cơ quan chỉ đạo, quản lý báo chí về thi hành Điều lệ Đảng, các quy định của Đảng trong hoạt động báo chí, nhất là Chỉ thị 22-CT/TW, Thông báo 162-TB/TW, Thông báo 41-TB/TW, Thông báo 68-TB/TW của Bộ Chính trị.

5. Ban Cán sự Đảng Bộ Tài chính

Chủ trì, phối hợp cùng Ban Cán sự Đảng Bộ Văn hóa - Thông tin, Ban Cán sự Đảng Kiểm toán Nhà nước báo cáo kết quả kiểm tra, thanh tra tài chính một số cơ quan báo chí thời gian qua, kiến nghị việc xem xét, xử lý đối với các cơ quan báo chí có sai phạm. Nghiên cứu, đề xuất cơ chế tài chính thích hợp với từng loại hình báo chí và cơ quan báo chí.

Thời gian thực hiện: Tháng 5-2007.

6. Đảng đoàn Hội Nhà báo Việt Nam

Chủ trì phối hợp với các cơ quan hữu quan xây dựng Đề án nâng cao vị trí, vai trò, trách nhiệm, chất lượng và hiệu quả hoạt động của các cấp hội; tăng cường giáo dục đạo đức nghề nghiệp, trách nhiệm xã hội, nghĩa vụ công dân của người làm báo; bảo vệ quyền lợi chính đáng của hội viên và xử lý kịp thời, nghiêm khắc những sai phạm của hội viên.

Thời gian thực hiện: Tháng 5-2007 (tổ chức thực hiện vào đúng dịp kỷ niệm 82 năm Ngày Báo chí cách mạng Việt Nam).

7. Ban Chỉ đạo thông tin đối ngoại

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan hữu quan tổng kết công

tác tuyên truyền đối ngoại của báo chí nước ta trong thời gian qua; xây dựng Đề án nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác thông tin đối ngoại, xây dựng đội ngũ cán bộ, đầu tư cơ sở vật chất, kỹ thuật cho các phương tiện phục vụ công tác thông tin đối ngoại trong thời gian tới trình Ban Bí thư, Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; xây dựng quy chế phối hợp giữa các cơ quan báo chí trong việc mở văn phòng đại diện, cử cán bộ, phóng viên thường trú ở nước ngoài một cách hợp lý, khoa học, tiết kiệm, hiệu quả.

Thời gian thực hiện: Tháng 6-2007.

8. Các cơ quan báo chí

Báo Nhân dân, Thông tấn xã Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam, Đài Truyền hình Việt Nam, Tạp chí Cộng sản, Báo điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam, Website Chính phủ, các báo Quân đội nhân dân, Công an nhân dân; hệ thống báo đảng và đài phát thanh, truyền hình các tỉnh, thành phố xây dựng đề án nâng cao chất lượng nội dung, hình thức, tăng tính định hướng chính trị tư tưởng và tính hấp dẫn; tăng số lượng phát hành, phạm vi phủ sóng nhằm bảo đảm hiệu quả cao trong thông tin, thực hiện tốt vai trò là lực lượng chủ lực chi phối trên lĩnh vực thông tin, tuyên truyền của đời sống xã hội.

Thời gian thực hiện: Tháng 6-2007.

*

* * *

Đồng chí Tô Huy Rứa, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng Ban Tuyên giáo Trung ương theo sự phân công của Bộ Chính trị, chỉ đạo triển khai thực hiện kế hoạch; các cơ

quan, đơn vị nêu trên cần khẩn trương triển khai thực hiện nghiêm túc kế hoạch này; Ban Tuyên giáo Trung ương thường xuyên đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện kế hoạch và kịp thời báo cáo Ban Bí thư.

T/M BAN Bí THƯ

TRƯỞNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**THÔNG BÁO
KẾT LUẬN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ**
Số 72-TB/TW, ngày 9 tháng 5 năm 2007

**Về quy hoạch các dự án bôxit - alumin - nhôm
tại Tây Nguyên và các dự án sắt
Thạch Khê (Hà Tĩnh)**

Trong phiên họp ngày 24-4-2007, sau khi nghe Ban Cán sự Đảng Bộ Công nghiệp, được sự ủy quyền của Ban Cán sự Đảng Chính phủ báo cáo về các dự án: Quy hoạch các dự án bôxit - alumin - nhôm tại khu vực Tây Nguyên, các dự án sắt Thạch Khê thuộc tỉnh Hà Tĩnh (Báo cáo số 19, 20-BC/BCSD, ngày 2-4-2007 của Ban Cán sự Đảng Bộ Công nghiệp); ý kiến của các bộ, ngành và địa phương liên quan, Bộ Chính trị đã thảo luận và kết luận như sau:

1. Bộ Chính trị cơ bản tán thành các báo cáo do Ban Cán sự Đảng Bộ Công nghiệp trình và nhấn mạnh:

Đây là những dự án khai thác và chế biến khoáng sản lớn, là bước cụ thể hóa triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội X của Đảng về khai thác quặng gắn với xây dựng ngành công nghiệp luyện thép và ngành công nghiệp sản xuất alumin - nhôm, đây là những ngành công nghiệp và sản

phẩm rất quan trọng của nền kinh tế. Các dự án này phải được thực hiện có hiệu quả, trên cơ sở tiết kiệm tài nguyên, khoáng sản của ta, kết hợp với nhập khẩu quặng bên ngoài về để chế biến, xây dựng ngành công nghiệp thép và alumin - nhôm phục vụ phát triển kinh tế, không xuất khẩu quặng thô, đóng góp tích cực vào quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, góp phần phát triển kinh tế - xã hội, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, nâng cao đời sống nhân dân trong khu vực; đặc biệt phải chú ý bảo vệ môi trường sinh thái, bảo đảm điều kiện tốt cho sự phát triển bền vững, lâu dài của đất nước.

2. Về dự án bôxit - alumin - nhôm: Chính phủ chỉ đạo xây dựng và thông qua quy hoạch phát triển công nghiệp bôxit - alumin - nhôm gắn với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội toàn vùng Tây Nguyên, quy hoạch mạng lưới kết cấu hạ tầng liên quan (giao thông vận tải, cảng biển, điện...); đồng thời cần kết hợp nghiên cứu để triển khai việc hợp tác đầu tư thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản tại Lào và Campuchia, nhất là quặng sắt, quặng bôxit để mở rộng, phát huy hiệu quả dự án của Việt Nam.

Đồng ý thực hiện dự án theo phương thức ta tự đầu tư, không liên doanh với nước ngoài; giao Tập đoàn Than và Khoáng sản Việt Nam chủ trì cùng với một số tổng công ty của Nhà nước tham gia đầu tư để triển khai dự án.

Đối với Công ty cổ phần Nhôm Trung Quốc CHALCO, do đã có ý kiến thỏa thuận của lãnh đạo cấp cao hai nước, nhưng cho đến nay đơn vị kinh tế này vẫn chưa đáp ứng được các yêu cầu của phía Việt Nam về đầu tư đường sắt, về địa điểm xây dựng nhà máy v.v., cần thông báo với doanh nghiệp

và lãnh đạo cấp cao phía Bạn về cách làm mới của ta, khẳng định ta sẽ tiếp tục dành ưu tiên bán cổ phần cho phía Trung Quốc, khi dự án đi vào hoạt động sau này.

3. Về dự án sắt Thạch Khê (Hà Tĩnh): Chính phủ giao Công ty cổ phần Sắt Thạch Khê, trong đó Tập đoàn Than và Khoáng sản Việt Nam làm nòng cốt để chủ trì triển khai dự án, trong đó phần khai thác mỏ do phía Việt Nam tự đầu tư là chính (nếu nước ngoài tham gia cũng không để chiếm tỷ lệ vốn sở hữu chi phối); việc lựa chọn đối tác nước ngoài để xây dựng Nhà máy Luyện thép do Chính phủ quyết định, trong đó phần vốn nước ngoài đầu tư có thể chiếm đa số chi phối, phía Việt Nam góp vốn đầu tư thích hợp vào dự án này.

4. Chính phủ chỉ đạo tập trung đẩy nhanh tiến độ xây dựng dự án và triển khai thực hiện, phấn đấu các dự án có sản phẩm trong thời gian kế hoạch 5 năm 2006 - 2010, góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội X của Đảng.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
TRƯỞNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO

Ý KIẾN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 73-TB/TW, ngày 10 tháng 5 năm 2007

**Về Đề án Mặt trận Tổ quốc Việt Nam
và các tổ chức chính trị - xã hội tham gia
giám sát và phản biện xã hội**

Tại phiên họp ngày 16-3-2007, sau khi nghe ý kiến của Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các ban, ngành có liên quan về Đề án Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội tham gia giám sát và phản biện xã hội, Bộ Chính trị có ý kiến như sau:

Báo cáo chính trị tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng, khi nói về nội dung phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, tiếp tục đổi mới phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể nhân dân, đã chỉ rõ: "Nhà nước ban hành cơ chế để Mặt trận và các đoàn thể nhân dân thực hiện tốt vai trò giám sát và phản biện xã hội"¹; trong mục XII về đổi mới, chỉnh đốn Đảng, nâng cao năng lực lãnh

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X, Sđd, tr.124 (B.T).*

đạo và sức chiến đấu của Đảng, cũng khẳng định: "Xây dựng quy chế giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân đối với việc hoạch định đường lối, chủ trương, chính sách, quyết định lớn của Đảng và việc tổ chức thực hiện, kể cả đối với công tác tổ chức và cán bộ"¹.

Trong những năm qua, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức quần chúng và nhân dân đã tích cực tham gia xây dựng chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; thực hiện nhiệm vụ giám sát hoạt động của cơ quan nhà nước, đại biểu dân cử và cán bộ, công chức nhà nước. Hoạt động giám sát của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đang từng bước được cụ thể hóa trong các văn bản pháp luật, nhất là hoạt động giám sát ở cơ sở dần dà vào đời sống xã hội. Tuy nhiên, kết quả thực hiện của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên vẫn còn hạn chế. Đến nay, cơ chế giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên chưa được quy định cụ thể thành quy chế của Đảng và pháp luật của Nhà nước nên hiệu quả hoạt động chưa cao và còn nhiều khó khăn, bất cập. Vì vậy, cần sớm ban hành Quy chế giám sát và phản biện xã hội.

- Mục đích, yêu cầu của Quy chế giám sát và phản biện xã hội là: Góp phần nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng; xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân ngày càng trong sạch, vững mạnh, hoạt động có hiệu lực, hiệu quả; không ngừng phát huy quyền làm chủ của nhân dân thông qua Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị -

xã hội trong việc tham gia xây dựng chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật và các chính sách của Nhà nước cho sát hợp với thực tiễn của đời sống xã hội, đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của các tầng lớp nhân dân, thể hiện được ý chí, nguyện vọng của các tầng lớp nhân dân.

- Quy chế cần làm rõ khái niệm giám sát và phản biện xã hội; nội dung, hình thức, phạm vi, cơ chế cụ thể và điều kiện đảm bảo để Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội thực hiện được vai trò giám sát và phản biện xã hội.

Giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội mà Nghị quyết Đại hội X của Đảng nêu ra là một nhiệm vụ mới, rất quan trọng và nhạy cảm, cần được nghiên cứu thận trọng và tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả.

Trước mắt, Bộ Chính trị yêu cầu làm tốt một số việc sau:

1. Ban Bí thư cần ban hành Chỉ thị về vấn đề "giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội". Đồng chí Thường trực Ban Bí thư cùng với Ban Dân vận Trung ương, Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam có trách nhiệm chỉ đạo việc chuẩn bị dự thảo Chỉ thị trên.

2. Ban Cán sự Đảng Chính phủ thể chế hóa chủ trương này thành văn bản pháp luật dưới dạng Quy chế giám sát và phản biện xã hội sau khi Ban Bí thư ban hành chỉ thị về vấn đề này.

Trong quá trình triển khai, thường xuyên báo cáo xin ý kiến Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
TRƯỞNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Sđd, tr.135 (B.T).

**THÔNG BÁO
KẾT LUẬN CỦA BAN Bí THƯ**

Số 74-TB/TW, ngày 11 tháng 5 năm 2007

**Tiếp tục thực hiện Chỉ thị 32-CT/TW
của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa IX)
về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong
công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, nâng cao
ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ, nhân dân**

Ngày 18-4-2007, tại Hà Nội, Ban Bí thư Trung ương đã tổ chức Hội nghị toàn quốc sơ kết 3 năm thực hiện Chỉ thị số 32-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa IX) về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ, nhân dân. Qua Báo cáo sơ kết 3 năm thực hiện Chỉ thị và các ý kiến phát biểu tại Hội nghị, Ban Bí thư kết luận như sau:

- Chỉ thị số 32-CT/TW của Ban Bí thư (khóa IX) về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật đã được các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân tích cực triển khai, hầu hết các địa phương, bộ, ban, ngành, đoàn thể ở Trung

ương xây dựng được chương trình, kế hoạch cụ thể, phù hợp với đặc điểm tình hình của từng cơ quan, đơn vị và địa phương để tổ chức thực hiện; xác định rõ hơn công tác phổ biến, giáo dục pháp luật là một bộ phận quan trọng của công tác giáo dục chính trị tư tưởng trong toàn hệ thống chính trị từ Trung ương đến cơ sở, dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Qua việc nghiên cứu, quán triệt Chỉ thị, các cấp ủy, tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên và nhân dân đã nhận thức thống nhất, đầy đủ hơn về tầm quan trọng của công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trong quá trình xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; việc xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật và công tác phổ biến, tuyên truyền, giáo dục pháp luật là yêu cầu, đòi hỏi khách quan của công cuộc đổi mới và phát triển đất nước trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng.

Hoạt động của Hội đồng phối hợp công tác phổ biến, giáo dục pháp luật được tăng cường, đi vào nền nếp; công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật cũng như việc định hướng nội dung, đổi mới hình thức, tăng cường các nguồn lực cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật được quan tâm thực hiện tốt hơn.

Việc thực hiện Chỉ thị 32-CT/TW của Ban Bí thư đã tạo động lực mới trong công tác chính trị tư tưởng, làm cho cán bộ và nhân dân hiểu biết, chấp hành pháp luật ngày một tốt hơn, góp phần giữ vững ổn định chính trị, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội; xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam xã hội chủ nghĩa; nâng cao ý thức sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật của cán bộ và nhân dân trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

2. Tuy nhiên, sau hơn 3 năm thực hiện Chỉ thị 32, công tác phổ biến, tuyên truyền, giáo dục pháp luật còn một số hạn chế, khuyết điểm:

Việc tổ chức thực hiện Chỉ thị ở một số ngành, địa phương còn chậm, kế hoạch, biện pháp phối hợp chưa tốt, hiệu quả thấp, nhất là ở cấp cơ sở. Một số cấp ủy, tổ chức đảng nhận thức chưa đầy đủ về công tác này, còn khoán trackage cho Hội đồng phối hợp công tác phổ biến, giáo dục pháp luật. Công tác kiểm tra, giám sát chưa được thường xuyên. Giáo dục pháp luật trong nhà trường, ngoài xã hội chậm đổi mới, còn nặng về lý thuyết, ít gắn với thực tiễn cuộc sống, nội dung phổ biến, giáo dục pháp luật chưa sâu, thiếu trọng tâm, trọng điểm, nhất là với các đối tượng đặc thù. Việc ban hành văn bản quy phạm pháp luật còn chậm, giới thiệu, học tập, nghiên cứu pháp luật chưa làm được nhiều, đối tượng tiếp cận còn trong phạm vi hẹp, hạn chế đến tổ chức thực hiện các quy định pháp luật trong thực tiễn.

Những hạn chế, thiếu sót trên có nhiều nguyên nhân, trong đó có nguyên nhân nhận thức của một số cấp ủy, chính quyền về vị trí, vai trò, nội dung, nhiệm vụ của công tác phổ biến, giáo dục pháp luật còn hạn chế. Công tác tham mưu của cơ quan tư pháp và các cơ quan chuyên môn của cấp ủy, chính quyền ở một số nơi thiếu chủ động, kịp thời. Kế hoạch, biện pháp tổ chức thực hiện chưa thống nhất, đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật còn thiếu về số lượng, một bộ phận năng lực chưa đáp ứng được yêu cầu mới; nguồn lực đầu tư chưa tương xứng; công tác kiểm tra, giám sát thực hiện Chỉ thị chưa được thường xuyên coi trọng, sự phối hợp giữa các ngành liên quan trong quá trình thực hiện chưa

chặt chẽ, chưa phát huy đầy đủ chức năng, phương tiện của các cơ quan thông tin đại chúng để tuyên truyền, giáo dục pháp luật.

Hạn chế, thiếu sót trên đã làm ảnh hưởng đến tình hình chấp hành pháp luật của cán bộ, đảng viên và nhân dân. Hiện nay, tình hình vi phạm pháp luật tiếp tục tăng, một số loại tội phạm có diễn biến phức tạp, chưa bị đẩy lùi, gây bức xúc trong xã hội.

3. Để tiếp tục thực hiện có hiệu quả Chỉ thị số 32-CT/TW của Ban Bí thư (khóa IX), trong thời gian tới, cấp ủy, tổ chức đảng các cấp cần tập trung thực hiện tốt một số nhiệm vụ chủ yếu sau đây:

Tiếp tục quán triệt sâu sắc và đầy đủ hơn nữa về ý nghĩa, vai trò, tầm quan trọng của công tác phổ biến, giáo dục pháp luật cho cán bộ, đảng viên và nhân dân theo đúng tinh thần của Chỉ thị 32-CT/TW, gắn với việc tổ chức thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ X, các nghị quyết của Bộ Chính trị (khóa IX) về Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020 và Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020; Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa X) về một số chủ trương, chính sách lớn để nền kinh tế phát triển nhanh và bền vững khi Việt Nam là thành viên của Tổ chức Thương mại thế giới (WTO)... Trước mắt cần tập trung vào nhiệm vụ trọng tâm hiện nay là tăng cường tuyên truyền, phổ biến các nội dung pháp luật phục vụ bầu cử Quốc hội khóa XII, phục vụ cho hội nhập kinh tế quốc tế; phòng, chống tham nhũng, lãng phí, quản lý sử dụng đất đai, tài nguyên; an toàn giao thông, vệ sinh an toàn thực phẩm.

Đồng thời, đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến các văn bản quy phạm pháp luật của hội đồng nhân dân, ủy ban nhân dân các cấp ở địa phương.

Đảng đoàn Quốc hội tiếp tục lãnh đạo, đẩy mạnh việc xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật, tạo cơ sở pháp lý chặt chẽ và đồng bộ, tạo điều kiện để mọi người dân sống và làm việc theo pháp luật, có những quy định xử lý vi phạm đảm bảo đủ để răn đe, giáo dục người vi phạm và giáo dục chung trong xã hội; nghiên cứu, ban hành đạo luật riêng về phổ biến, giáo dục pháp luật, làm cơ sở pháp lý thống nhất, điều chỉnh toàn diện hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật.

Ban Cán sự Đảng Chính phủ chỉ đạo các bộ, ngành tiếp tục đẩy mạnh việc thực hiện Chỉ thị 32-CT/TW trong phạm vi ngành, lĩnh vực phụ trách, có biện pháp hiệu quả để khắc phục kịp thời những hạn chế, thiếu sót trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, nâng cao vai trò và chất lượng hoạt động của Hội đồng phối hợp công tác phổ biến, giáo dục pháp luật. Hướng dẫn các cấp chính quyền địa phương xây dựng và tổ chức thực hiện tốt các chương trình, kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật. Tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách về tài chính, đáp ứng đầy đủ hơn cho hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật, có chế độ đãi ngộ hợp lý đối với báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật, xây dựng cơ chế trợ giá phát miễn phí sách tuyên truyền pháp luật cho nhân dân, trước hết là vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Huy động sự tham gia rộng rãi của các doanh nghiệp, các tổ chức, đoàn thể xã hội và cá nhân, từng bước thực hiện xã hội hóa công tác này.

Các Ban Cán sự Đảng: Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam, Bộ Bưu chính - Viễn thông, Bộ Văn hóa - Thông tin chủ động phối hợp với Ban Cán sự Đảng Bộ Tư pháp xây dựng các chương trình phát thanh, truyền hình mới về pháp luật; nghiên cứu, xây dựng kênh truyền hình đại chúng về phổ biến, giáo dục pháp luật, sử dụng có hiệu quả các phương tiện truyền thông đại chúng hiện có ở các địa phương phục vụ công tác phổ biến, giáo dục pháp luật.

Ban Tổ chức Trung ương chủ trì cùng các cơ quan liên quan hướng dẫn việc đưa công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và chấp hành pháp luật vào nội dung sinh hoạt, chương trình công tác của các cấp ủy, tổ chức đảng; lấy kết quả nâng cao ý thức tôn trọng và chấp hành pháp luật là một tiêu chuẩn quan trọng để đánh giá, phân loại đảng viên, cán bộ, công chức hằng năm.

Ban Tuyên giáo Trung ương hướng dẫn việc gắn công tác phổ biến, giáo dục pháp luật với việc triển khai cuộc vận động "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh" trong toàn Đảng, toàn dân theo tinh thần và nội dung Chỉ thị số 06-CT/TW, ngày 7-11-2006 của Bộ Chính trị (khóa X), kết hợp chặt chẽ giữa giáo dục pháp luật với giáo dục công dân, giáo dục thế hệ trẻ, đạo đức công vụ,... để nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật.

Ban Cán sự Đảng Tòa án nhân dân tối cao, Ban Cán sự Đảng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng và triển khai chương trình giáo dục pháp luật dành cho cán bộ, công chức các cơ quan trong hệ thống tư pháp, lãnh đạo cán bộ, công chức trong cơ

quan gương mẫu thực thi pháp luật, ban hành quy chế kiểm tra việc tuân thủ pháp luật, quy tắc đạo đức nghề nghiệp trong thực thi công vụ.

Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên chủ động phối hợp với các cơ quan nhà nước, tích cực vận động, giáo dục nhân dân tự giác tìm hiểu pháp luật, nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật, tạo thói quen trong việc chấp hành nghiêm pháp luật, đẩy mạnh việc giám sát hoạt động thi hành pháp luật của các cơ quan nhà nước và cán bộ, công chức; kiến nghị với các cơ quan chức năng xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật.

Các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền cần thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, sơ kết, tổng kết việc thực hiện, kịp thời biểu dương, khen thưởng, nhân rộng những nơi làm tốt, có cách làm hay, phê phán, uốn nắn những nơi có thiếu sót, khuyết điểm, đưa công tác này đi vào nền nếp, đạt hiệu quả cao hơn.

Giao Văn phòng Trung ương Đảng chủ trì, phối hợp với Ban Tuyên giáo Trung ương, Ban Cán sự Đảng Bộ Tư pháp theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Kết luận này, giúp Ban Bí thư chuẩn bị các nội dung để tổng kết 5 năm thực hiện Chỉ thị số 32-CT/TW vào năm 2009.

T/M BAN Bí THƯ
TRƯỞNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN Bí THƯ**

Số 61-QĐ/TW, ngày 15 tháng 5 năm 2007

**Thành lập Ban Soạn thảo Đề án lập quỹ đào tạo
cán bộ, công chức trong quy hoạch**

- Căn cứ Điều lệ Đảng;
- Căn cứ Chương trình làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư khóa X;
- Căn cứ ý kiến của Bộ Chính trị về việc phân công chuẩn bị Đề án lập quỹ đào tạo cán bộ, công chức trong quy hoạch,

BAN Bí THƯ QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Ban Soạn thảo Đề án lập quỹ đào tạo cán bộ, công chức trong quy hoạch, gồm các đồng chí:

- 1- Đồng chí Hồ Đức Việt, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng Ban Tổ chức Trung ương, Trưởng ban.
- 2- Đồng chí Phó Trưởng Ban Tổ chức Trung ương phụ trách quy hoạch đào tạo cán bộ, Phó Trưởng ban.
- 3- Đồng chí Nguyễn Mạnh Tuấn, Phó Chánh Văn phòng Trung ương Đảng, Thành viên.

4- Đồng chí Nguyễn Bích Đạt, Thứ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Thành viên.

5- Đồng chí Đỗ Hoàng Anh Tuấn, Thứ trưởng Bộ Tài chính, Thành viên.

6- Đồng chí Phạm Vũ Luận, Thứ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Thành viên.

7- Đồng chí Nguyễn Văn Tâm, Vụ trưởng Vụ Tổ chức - Cán bộ, Văn phòng Chính phủ, Thành viên.

8- Đồng chí Chu Văn Thành, Vụ trưởng Vụ Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức nhà nước, Bộ Nội vụ, Thành viên.

9- Đồng chí Trần Khắc Việt, Vụ trưởng Vụ Tổ chức - Cán bộ, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Thành viên.

10- Đồng chí Nguyễn Xuân Sơn, Vụ trưởng Vụ Quy hoạch đào tạo cán bộ, Ban Tổ chức Trung ương, Thành viên.

Giúp Ban Soạn thảo Đề án có Tổ Biên tập do đồng chí Trưởng Ban Soạn thảo Đề án quyết định.

Điều 2. Ban Soạn thảo Đề án có nhiệm vụ: Xây dựng kế hoạch, tổ chức khảo sát, nghiên cứu và xây dựng Đề án lập quy đàm tạo cán bộ, công chức trong quy hoạch để trình Ban Bí thư xem xét, quyết định.

Điều 3. Văn phòng Trung ương Đảng cấp kinh phí phục vụ cho việc xây dựng Đề án này.

Điều 4. Ban Tổ chức Trung ương, Văn phòng Trung ương Đảng và các đồng chí có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

T/M BAN Bí THƯ

TRƯỜNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

CHỈ THỊ

CỦA BAN Bí THƯ

Số 13-CT/TW, ngày 16 tháng 5 năm 2007

**Về lãnh đạo đại hội nông dân các cấp,
tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc
Hội Nông dân Việt Nam lần thứ V**

Những năm qua, thực hiện đường lối đổi mới của Đảng, thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ X của Đảng, nông dân cả nước, trong đó Hội Nông dân Việt Nam giữ vai trò nòng cốt đã phấn đấu vượt qua khó khăn, thử thách, đạt được những thành tựu quan trọng. Sản xuất nông nghiệp tiếp tục phát triển tương đối toàn diện, liên tục với mức tăng trưởng khá, đời sống của đại bộ phận nông dân được cải thiện, tình hình chính trị - xã hội ở nông thôn ổn định. Công tác xây dựng Hội và phong trào nông dân cả nước đạt được nhiều thành tích, đã không ngừng đoàn kết, tập hợp, thu hút, phát triển hội viên mới và tổ chức thực hiện có hiệu quả các phong trào thi đua yêu nước trong nông dân, nhất là phong trào nông dân sản xuất, kinh doanh giỏi, đoàn kết giúp nhau xóa đói, giảm nghèo và làm giàu chính đáng. Hoạt động dịch vụ, tư vấn, hỗ trợ nông dân trong sản xuất và đời sống ngày càng

phát triển. Công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tham gia công tác hòa giải, giải quyết đơn, thư khiếu nại, tố cáo của nông dân đã có tác dụng tích cực, góp phần phát triển kinh tế - xã hội nông thôn theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa và giữ vững ổn định chính trị trên địa bàn nông thôn.

Tuy nhiên, trước yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn và hội nhập kinh tế quốc tế, nhất là sau khi nước ta trở thành thành viên Tổ chức Thương mại thế giới (WTO), tổ chức và hoạt động của Hội còn bộc lộ nhiều hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới.

Đại hội đại biểu toàn quốc Hội Nông dân Việt Nam lần thứ V là sự kiện chính trị quan trọng của giai cấp nông dân và Hội Nông dân Việt Nam trong giai đoạn mới, nhằm phát huy vai trò "trung tâm, nòng cốt cho phong trào nông dân và công cuộc xây dựng nông thôn mới", góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Để lãnh đạo đại hội nông dân các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc Hội Nông dân Việt Nam lần thứ V đạt kết quả tốt, Ban Bí thư yêu cầu các cấp ủy đảng tập trung chỉ đạo thực hiện những nhiệm vụ chính sau đây:

1. Chỉ đạo ban chấp hành hội nông dân các cấp chuẩn bị tốt nội dung đại hội cấp mình: Xây dựng báo cáo tổng kết theo yêu cầu bám sát Nghị quyết Đại hội X của Đảng, nghị quyết đại hội đảng bộ các cấp, nhất là những nội dung liên quan đến nông dân, nông nghiệp, nông thôn, phát huy dân chủ và trí tuệ tập thể của cán bộ, hội viên nông dân để đánh giá đúng thực trạng công tác hội và phong trào nông dân,

làm rõ những thành tích nổi bật, những việc chưa làm được, phân tích sâu sắc những khuyết điểm, yếu kém và nguyên nhân, trên cơ sở đó rút ra những bài học kinh nghiệm để đề ra phương hướng, nhiệm vụ, biện pháp tổ chức chỉ đạo thực hiện cho nhiệm kỳ sau, đưa phong trào nông dân tiến lên một bước mới, tích cực góp phần vào nhiệm vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn và xây dựng nông thôn mới, xây dựng tổ chức các cấp hội trong sạch, vững mạnh, nâng cao chất lượng sinh hoạt, hoạt động của hội. Tích cực tham gia xây dựng Đảng, chính quyền, tổ chức các phong trào thi đua yêu nước.

Trong quá trình lãnh đạo đại hội các cấp Hội Nông dân Việt Nam, các cấp ủy đảng cần kết hợp sơ kết việc thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 (khóa IX) về đẩy nhanh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn thời kỳ 2001 - 2010 để chỉ đạo xây dựng báo cáo tổng kết nhiệm kỳ của hội nông dân cho sát hợp thời kỳ phát triển mới.

2. Tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy đảng trong việc lựa chọn giới thiệu nhân sự ban chấp hành mới của Hội theo tinh thần đổi mới, bảo đảm tiêu chuẩn, cơ cấu, có tính kế thừa và phát triển. Cấp ủy cùng cấp cần phân công, giới thiệu cấp ủy viên để đại hội bầu vào ban chấp hành và giữ chức danh chủ chốt của Hội.

3. Việc tổ chức đại hội phải trang trọng, thiết thực, hiệu quả, tiết kiệm, tránh phô trương, hình thức.

Thời gian đại hội cấp cơ sở, cấp huyện, thị và cấp tỉnh, thành phố tiến hành từ quý II-2007 đến Đại hội đại biểu toàn quốc Hội Nông dân Việt Nam lần thứ V vào cuối quý IV-2008.

4. Các cấp ủy đảng chỉ đạo các cơ quan chính quyền, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể có liên quan ở Trung ương và địa phương tạo mọi điều kiện thuận lợi để Hội Nông dân Việt Nam tổ chức tốt Đại hội.

5. Ban Dân vận Trung ương chủ trì, phối hợp với Đảng đoàn Hội Nông dân Việt Nam giúp Ban Bí thư theo dõi, chỉ đạo thực hiện Chỉ thị này.

Chỉ thị này phổ biến đến chi bộ.

T/M BAN Bí THƯ
TRƯỞNG TẤN SANG

Đảng Cộng sản Việt Nam:

*Các nghị quyết của Trung ương Đảng
2005 - 2010, Sđd, tr.498-500.*

**QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN Bí THƯ**

Số 62-QĐ/TW, ngày 18 tháng 5 năm 2007

**Thành lập Ban Chỉ đạo xây dựng Đề án
"Nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu
của tổ chức cơ sở đảng và chất lượng đội ngũ
cán bộ, đảng viên ở cơ sở"**

- Căn cứ Điều lệ Đảng;
- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư khóa X;
- Căn cứ Chương trình làm việc của Ban Chấp hành Trung ương khóa X;
- Xét đề nghị của Ban Tổ chức Trung ương,

BAN Bí THƯ QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Ban Chỉ đạo xây dựng Đề án "Nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên ở cơ sở", gồm các đồng chí:

1. Đồng chí Hồ Đức Việt, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng Ban Tổ chức Trung ương, Trưởng ban.

2- Đồng chí Trần Văn Tuấn, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Trưởng Ban Tổ chức Trung ương (kiêm nhiệm), Thứ trưởng Thường trực Bộ Nội vụ, Ủy viên.

3- Đồng chí Võ Đức Huy, Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Đảng ủy lâm thời Khối Doanh nghiệp Trung ương, Ủy viên.

4- Đồng chí Trương Hòa Bình, Ủy viên Trung ương Đảng, Ủy viên Thường vụ Đảng ủy Công an Trung ương, Thứ trưởng Bộ Công an, Ủy viên.

5- Đồng chí Phạm Văn Long, Trung tướng, Phó Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị, Bộ Quốc phòng, Ủy viên.

6- Đồng chí Nguyễn Minh Quang, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Ủy viên.

7- Đồng chí Hoàng Thanh Khiết, Phó Chánh Văn phòng Trung ương Đảng, Ủy viên.

8- Đồng chí Nguyễn Đông Sương, Phó Trưởng Ban Tổ chức Trung ương, Ủy viên.

9- Đồng chí Vũ Văn Phúc, Phó Trưởng Ban Tuyên giáo Trung ương, Ủy viên.

10- Đồng chí Nguyễn Mạnh Hùng, Phó Trưởng Ban Dân vận Trung ương, Ủy viên.

11- Đồng chí Phùng Trần Hương, Phó Trưởng Ban Tổ chức Trung ương, Ủy viên.

Giúp việc Ban Chỉ đạo xây dựng Đề án có Tổ Biên tập do đồng chí Trưởng ban chỉ đạo quyết định.

Điều 2. Ban Chỉ đạo xây dựng Đề án có nhiệm vụ: Xây dựng kế hoạch, tổ chức khảo sát, nghiên cứu và xây dựng Đề

án "Nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên ở cơ sở" để trình Bộ Chính trị xem xét, trình Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa X.

Điều 3. Văn phòng Trung ương Đảng cấp kinh phí phục vụ cho việc xây dựng Đề án.

Điều 4. Ban Tổ chức Trung ương, Văn phòng Trung ương Đảng và các đồng chí có tên tại Điều 1 thi hành Quyết định này.

T/M BAN BÍ THƯ
TRƯỞNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**CHỈ THỊ
CỦA BAN Bí THU**

Số 14-CT/TW, ngày 19 tháng 5 năm 2007

**Về lãnh đạo đại hội công đoàn các cấp
tiến tới Đại hội lần thứ X Công đoàn Việt Nam**

Năm 2007 và 2008, tổ chức Công đoàn tiến hành đại hội các cấp tiến tới Đại hội Công đoàn Việt Nam lần thứ X. Đây là sự kiện chính trị quan trọng của giai cấp công nhân và tổ chức Công đoàn Việt Nam. Quá trình chuẩn bị đại hội diễn ra trong bối cảnh nước ta tiếp tục đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội X của Đảng, là thành viên chính thức của Tổ chức Thương mại thế giới (WTO); sự phát triển nền kinh tế nhiều thành phần và quá trình đổi mới cơ chế quản lý, chuyển dịch cơ cấu kinh tế; cơ cấu, tính chất, vị trí các giai cấp và tầng lớp trong xã hội có nhiều thay đổi; tình hình thế giới có nhiều diễn biến phức tạp đặt ra nhiều vấn đề mới, quan trọng đối với việc xây dựng giai cấp công nhân và tổ chức công đoàn các cấp. Để lãnh đạo đại hội công đoàn các cấp tiến tới Đại hội lần thứ X Công đoàn Việt Nam đạt kết quả tốt, Ban Bí thư yêu cầu các cấp ủy đảng,

đảng đoàn, ban cán sự đảng tập trung chỉ đạo thực hiện tốt một số nhiệm vụ sau:

1. Lãnh đạo ban chấp hành công đoàn các cấp chuẩn bị tốt nội dung báo cáo trình đại hội.

Báo cáo tổng kết cần đánh giá đúng thực trạng tình hình công nhân, viên chức, lao động và hoạt động của tổ chức công đoàn ở mỗi cấp; nêu rõ những kết quả đạt được, đồng thời thẳng thắn chỉ ra những hạn chế, khuyết điểm, phân tích sâu sắc nguyên nhân và rút ra những bài học kinh nghiệm. Trên cơ sở quán triệt Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng, Nghị quyết về xây dựng giai cấp công nhân của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X và nghị quyết đại hội đảng bộ các cấp, cần xác định rõ mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ trong nhiệm kỳ tới với những biện pháp thực hiện cụ thể, thiết thực, tập trung vào nâng cao chất lượng tổ chức, đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của công đoàn các cấp, nhất là ở cơ sở. Đặc biệt, quan tâm chỉ đạo công tác phát triển đoàn viên, thành lập công đoàn cơ sở trong các loại hình doanh nghiệp.

2. Quá trình chuẩn bị và tiến hành đại hội công đoàn các cấp tiến tới Đại hội lần thứ X Công đoàn Việt Nam phải thực sự là đợt sinh hoạt chính trị sâu rộng trong mọi đối tượng công nhân, viên chức, lao động với tinh thần dân chủ, đổi mới, năng động, sáng tạo; bàn bạc, thảo luận những nhiệm vụ xây dựng giai cấp công nhân vững mạnh, xứng đáng là lực lượng đi đầu trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục, tạo sự chuyển biến mới trong nhận thức

và hành động của đoàn viên, công nhân, viên chức, lao động, củng cố về chính trị, tư tưởng, tổ chức và nâng cao hiệu quả hoạt động của các cấp công đoàn. Phát động các phong trào hành động cách mạng, thi đua lao động giỏi, lao động sáng tạo... nhằm khơi dậy lòng yêu nước, ý chí tự lực, tự cường, tài năng sáng tạo của cán bộ, công nhân, viên chức, lao động, thực hiện thắng lợi mục tiêu phát triển kinh tế, xã hội của ngành, địa phương và của đất nước, thiết thực chào mừng đại hội công đoàn các cấp, tiến tới Đại hội lần thứ X Công đoàn Việt Nam.

3. Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo đổi mới công tác nhân sự tại đại hội công đoàn các cấp theo hướng mở rộng và phát huy dân chủ, đảm bảo đúng quy trình và tiêu chuẩn trong việc lựa chọn, giới thiệu nhân sự bầu vào ban chấp hành công đoàn ở mỗi cấp, nhất là đối với những chức danh chủ chốt. Nhân sự ban chấp hành công đoàn các cấp cần bao gồm đại diện các thành phần kinh tế, đảm bảo tính kế thừa và phát triển, bao gồm những đồng chí có đủ tiêu chuẩn, thực sự tiêu biểu về phẩm chất, trí tuệ, trưởng thành từ thực tiễn trong phong trào công đoàn, có khả năng tập hợp công nhân, viên chức và người lao động, được đoàn viên tín nhiệm; đồng thời có số lượng, cơ cấu hợp lý theo hướng trẻ hóa để lãnh đạo công tác công đoàn trong nhiệm kỳ tới.

4. Việc tổ chức đại hội công đoàn các cấp phải trang trọng, thiết thực, hiệu quả, tiết kiệm, tránh phô trương, hình thức.

Thời gian đại hội cấp cơ sở, cấp trên cơ sở và ngành, địa phương từ quý IV-2007 đến Đại hội Công đoàn Việt Nam vào quý IV-2008.

5. Các cấp ủy đảng lãnh đạo, chỉ đạo các cấp chính quyền, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể có liên quan phối hợp tạo điều kiện thuận lợi để công đoàn các cấp tổ chức tốt Đại hội.

6. Đảng đoàn Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam chỉ đạo chặt chẽ việc tổng kết hoạt động công đoàn và công tác tổ chức đại hội; khi hoàn thành đại hội công đoàn cấp cơ sở và cấp trên cơ sở của ngành và địa phương, cần đánh giá tổng quát, rút ra những vấn đề cần thiết và những vấn đề mới nảy sinh trình Ban Bí thư xem xét để báo cáo Đại hội lần thứ X Công đoàn Việt Nam.

7. Ban Dân vận Trung ương chủ trì, phối hợp với Đảng đoàn Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam và các cơ quan có liên quan giúp Ban Bí thư theo dõi, chỉ đạo thực hiện Chỉ thị này.

T/M BAN BÍ THƯ

TRƯỞNG TẤN SANG

Đảng Cộng sản Việt Nam:

*Các nghị quyết của Trung ương Đảng
2005 - 2010, Sđd, tr.501-504.*

**QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN Bí THU**

Số 63-QĐ/TW, ngày 23 tháng 5 năm 2007

**Thành lập Ban Chỉ đạo sơ kết việc thực hiện
Nghị quyết của Bộ Chính trị về xây dựng
và phát triển thành phố Hải Phòng trong thời kỳ
công nghiệp hóa, hiện đại hóa**

- Căn cứ Điều lệ Đảng;
- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư khóa X;
- Căn cứ Chương trình làm việc của Bộ Chính trị, Ban Bí thư năm 2007,

BAN Bí THU QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Ban Chỉ đạo sơ kết việc thực hiện Nghị quyết số 32-NQ/TW, ngày 5-8-2003 của Bộ Chính trị (khóa IX) về xây dựng và phát triển thành phố Hải Phòng trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa, gồm các đồng chí:

- 1- Đồng chí Trương Tấn Sang, Ủy viên Bộ Chính trị, Thường trực Ban Bí thư, Trưởng ban.

2- Đồng chí Tô Huy Rứa, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng Ban Tuyên giáo Trung ương, Phó Trưởng ban.

3- Đồng chí Nguyễn Mạnh Tuấn, Phó Chánh Văn phòng Trung ương, Ủy viên.

4- Đồng chí Vũ Văn Phúc, Phó Trưởng Ban Tuyên giáo Trung ương, Ủy viên.

5- Đồng chí Nguyễn Đức Hòa, Thứ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ủy viên.

6- Đồng chí Nguyễn Quốc Huy, Phó Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ, Ủy viên.

7- Đồng chí Bùi Văn Thê, Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Trung ương, ủy viên.

Điều 2. Ban Chỉ đạo có nhiệm vụ: Xây dựng kế hoạch, tổ chức sơ kết việc thực hiện Nghị quyết của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển thành phố Hải Phòng trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo Kế hoạch kiểm tra năm 2007 của Ban Bí thư.

Giúp việc Ban Chỉ đạo có Tổ Biên tập do Trưởng Ban Chỉ đạo quyết định.

Điều 3. Văn phòng Trung ương Đảng duyệt và cấp kinh phí phục vụ cho công tác của Ban Chỉ đạo.

Điều 4. Ban Tuyên giáo Trung ương, Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Văn phòng Trung ương Đảng, Văn phòng Chính phủ, Ban Cán sự Đảng Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các đồng chí có tên tại Điều 1 thi hành Quyết định này.

T/M BAN Bí THU

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
Ý KIẾN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ
Số 77-TB/TW, ngày 24 tháng 5 năm 2007
**Về Đề án trình Hội nghị lần thứ năm
Ban Chấp hành Trung ương (khóa X)
về công tác kiểm tra, giám sát của Đảng**

Tại phiên họp ngày 15-5-2007, sau khi nghe Ban Chỉ đạo tổng kết Chỉ thị 29-CT/TW của Ban Bí thư báo cáo về việc tổng kết Chỉ thị số 29-CT/TW, ngày 14-2-1998 của Bộ Chính trị (khóa VIII) về "Tăng cường công tác kiểm tra của Đảng" và ban hành Nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương (khóa X) về "Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của Đảng", Bộ Chính trị có ý kiến chỉ đạo như sau:

1. Theo chương trình làm việc toàn khóa của Ban Chấp hành Trung ương, tại Hội nghị Trung ương 5 (khóa X) Ban Chấp hành Trung ương sẽ bàn và ra Nghị quyết về "Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của Đảng" nhằm phòng ngừa, ngăn chặn sự suy thoái về chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên, góp phần bảo vệ quan điểm, đường lối của Đảng, thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị và công tác xây dựng Đảng theo Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ X đề ra.

2. Về tên gọi của Nghị quyết

Tóm thành tên gọi của Nghị quyết là: "Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của Đảng".

3. Về phạm vi của Nghị quyết

Về phạm vi của Nghị quyết cần nêu rộng hơn, toàn diện hơn theo tinh thần Điều lệ Đảng và Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ X về công tác kiểm tra, giám sát.

4. Về đánh giá tình hình

- Bộ Chính trị cơ bản tán thành với đánh giá trong dự thảo Báo cáo tổng kết Chỉ thị số 29-CT/TW và dự thảo Nghị quyết, đề nghị căn cứ vào kết quả tổng kết Chỉ thị 29-CT/TW của Bộ Chính trị (khóa VIII) về "Tăng cường công tác kiểm tra của Đảng" và Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ X để đánh giá mặt được, chưa được và nguyên nhân cho cân đối, đúng mức, chặt chẽ; đánh giá rõ hơn những kết quả đạt được qua thực hiện chức năng kiểm tra, giám sát và những vi phạm trên các lĩnh vực như: quan điểm, lập trường, tư tưởng, dân chủ trong Đảng, đoàn kết nội bộ... Đồng thời viết lại cho gọn và rõ hơn.

- Về nguyên nhân: Tóm thành những nguyên nhân đã nêu trong dự thảo Báo cáo; đề nghị bổ sung các nguyên nhân về cơ chế, chủ trương, chính sách còn sơ hở, bất cập, chưa sát với thực tế; chưa đi sâu nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn để đẩy mạnh công tác kiểm tra, giám sát...

5. Về mục tiêu, quan điểm, nhiệm vụ và giải pháp

- Đề nghị bổ sung làm rõ hơn mục tiêu của công tác kiểm

tra, giám sát: Nhằm phòng ngừa, ngăn chặn sự suy thoái về chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên, góp phần xây dựng, bảo vệ quan điểm, đường lối của Đảng, tránh các nguy cơ sai lầm về đường lối, quan liêu, xa dân của đảng cầm quyền; thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng theo Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ X.

- Về nhiệm vụ cần nêu toàn diện hơn, nhất là những nội dung mới về nhiệm vụ giám sát, trong đó nhấn mạnh công tác lãnh đạo của Đảng với cả hệ thống chính trị để làm tốt công tác kiểm tra, giám sát.

- Việc tăng thêm quyền hạn cho ủy ban kiểm tra các cấp cần đảm bảo đúng quy định của Điều lệ Đảng.

6. Về tổ chức thực hiện

Cơ bản tán thành những nội dung về tổ chức thực hiện đã nêu trong dự thảo Nghị quyết; song, cần viết lại cho chặt chẽ, đảm bảo tính khả thi.

*
* * *

Trên cơ sở ý kiến chỉ đạo của Bộ Chính trị, đề nghị Ban Chỉ đạo tổng kết Chỉ thị số 29-CT/TW của Ban Bí thư tiếp thu bổ sung để hoàn chỉnh Báo cáo tổng kết Chỉ thị 29-CT/TW, ngày 14-2-1998 của Bộ Chính trị (khóa VIII); nội dung Tờ trình cần nêu một số vấn đề đề nghị Trung ương

thảo luận cho ý kiến và dự thảo Nghị quyết về "Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của Đảng", trình Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương (khóa X).

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
TRƯỞNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN Bí THƯ**

Số 64-QĐ/TW, ngày 7 tháng 6 năm 2007

**Thành lập Ban Chỉ đạo kiểm tra
của Ban Bí thư năm 2007**

- Căn cứ Điều lệ Đảng và Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư khóa X;
- Căn cứ Chương trình kiểm tra của Bộ Chính trị, Ban Bí thư năm 2007 (Chương trình số 37-CTr/TW, ngày 26-3-2007);
- Xét đề nghị của Ủy ban Kiểm tra Trung ương,

BAN Bí THƯ QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Ban Chỉ đạo kiểm tra của Ban Bí thư năm 2007, gồm các đồng chí :

- 1- Nguyễn Văn Chi, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Trưởng ban.
- 2- Nguyễn Thị Doan, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Chủ nhiệm Thường trực Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Phó trưởng ban.

- 3- Phạm Thị Hải Chuyền, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Thành viên.
 - 4- Trần Hòa, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Thành viên.
 - 5- Nguyễn Minh Quang, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Thành viên.
 - 6- Lê Hồng Liêm, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Thành viên.
 - 7- Phạm Thị Hòe, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Thành viên.
 - 8- Phạm Chí Hòa, Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Thành viên.
 - 9- Lê Văn Giảng, Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Thành viên.
 - 10- Nguyễn Văn Đảm, Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Thành viên.
 - 11- Sa Như Hòa, Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Thành viên.
 - 12- Tô Quang Thu, Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Thành viên.
 - 13- Bùi Văn Thể, Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Thành viên.
 - 14- Lê Thế Đề, Phó Chánh Văn phòng Trung ương, Thành viên.
 - 15- Dương Thành Bắc, Phó Chánh Văn phòng Trung ương, Thành viên.
- Điều 2.** Ban Chỉ đạo có nhiệm vụ chỉ đạo và tổ chức thực hiện các cuộc kiểm tra theo chương trình kiểm tra của

Bộ Chính trị, Ban Bí thư năm 2007 (Chương trình số 37-CTr/TW, ngày 26-3-2007).

Điều 3. Các tỉnh ủy, thành ủy, các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc Trung ương và các đồng chí có tên trên thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

T/M BAN Bí THƯ

TRƯỞNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO

KẾT LUẬN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 80-TB/TW, ngày 19 tháng 6 năm 2007

Về Đề án cơ cấu tổ chức Chính phủ khóa XII

Tại phiên họp ngày 16-6-2007, sau khi nghe Ban Cán sự Đảng Chính phủ báo cáo về Đề án cơ cấu tổ chức Chính phủ khóa XII (số 120/BCS, ngày 14-6-2007), Bộ Chính trị đã thảo luận và kết luận như sau:

Đề án được chuẩn bị công phu, chất lượng tốt; Bộ Chính trị cơ bản đồng ý với việc nhận xét, đánh giá chung về tổ chức, hoạt động của Chính phủ khóa XI và nhìn tổng quát 3 nhiệm kỳ Chính phủ vừa qua; đồng ý về phương án cơ cấu tổ chức Chính phủ khóa XII như báo cáo của Ban Cán sự Đảng Chính phủ. Theo đó, cơ cấu Chính phủ khóa XII bao gồm:

I- Các bộ, cơ quan ngang bộ

- 1- Bộ Quốc phòng
- 2- Bộ Công an
- 3- Bộ Ngoại giao
- 4- Bộ Nội vụ
- 5- Bộ Tư pháp

- 6- Bộ Kế hoạch và Đầu tư
- 7- Bộ Tài chính
- 8- Bộ Công thương
- 9- Bộ Giao thông vận tải
- 10- Bộ Xây dựng
- 11- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
- 12- Bộ Thông tin và Truyền thông
- 13- Bộ Tài nguyên, Môi trường và Biển
- 14- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội
- 15- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
- 16- Bộ Khoa học và Công nghệ
- 17- Bộ Giáo dục và Đào tạo
- 18- Bộ Y tế
- 19- Ủy ban Dân tộc
- 20- Thanh tra Chính phủ
- 21- Văn phòng Chính phủ
- 22- Ngân hàng Trung ương

Với cơ cấu như trên, các cơ quan trực thuộc Chính phủ có chức năng quản lý nhà nước sẽ chuyển vào các bộ. Cụ thể là: Ban Tôn giáo Chính phủ, Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương, Ban Cơ yếu Chính phủ chuyển vào Bộ Nội vụ; Tổng cục Du lịch Việt Nam chuyển vào Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

II- Các cơ quan sự nghiệp trực thuộc Chính phủ

- 1- Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh
- 2- Đài Truyền hình Việt Nam
- 3- Đài Tiếng nói Việt Nam
- 4- Thông tấn xã Việt Nam

- 5- Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam
- 6- Viện Khoa học xã hội Việt Nam
- 7- Bảo hiểm xã hội Việt Nam
- 8- Ban Quản lý Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh

III- Đồng ý chủ trương về số lượng Phó Thủ tướng Chính phủ và số lượng Thứ trưởng các bộ như Ban Cán sự Đảng Chính phủ đề nghị.

IV- Giao Ban Cán sự Đảng Chính phủ tiếp thu ý kiến của Bộ Chính trị, hoàn chỉnh Đề án để Bộ Chính trị trình Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương; chú ý lập luận, trình bày rõ những vấn đề liên quan đến các bộ, ngành được hợp nhất, giải thể, điều chỉnh chức năng và thay đổi tên gọi, trong đó phải đặc biệt quan tâm tới các lĩnh vực: nông nghiệp, nông thôn và nông dân; thủy sản; dân số...

Sau khi Ban Chấp hành Trung ương thông qua Đề án và Quốc hội có nghị quyết về cơ cấu tổ chức Chính phủ khóa XII, Chính phủ sẽ ban hành nghị định quy định chức năng, nhiệm vụ của từng bộ, cơ quan ngang bộ theo đúng quy định của pháp luật.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
TRƯỞNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

TỔNG HỢP

Ý KIẾN BAN Bí THƯ

VỀ DỰ THẢO HƯỚNG DẪN XÂY DỰNG

VÀ THỰC HIỆN CHUẨN MỰC ĐẠO ĐỨC

THEO TẤM GƯƠNG CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH

TẠI CÁC ĐỊA PHƯƠNG, NGÀNH, CƠ QUAN, ĐƠN VỊ

(Kèm theo Thông báo số 81-TB / TW, ngày 19-6-2007)

THÔNG BÁO Ý KIẾN CỦA BAN Bí THƯ

Số 81-TB/TW, ngày 19 tháng 6 năm 2007

**Về bản dự thảo Hướng dẫn xây dựng
và thực hiện chuẩn mực đạo đức theo tấm gương
Chủ tịch Hồ Chí Minh**

Về bản Hướng dẫn xây dựng và thực hiện chuẩn mực đạo đức theo tấm gương Chủ tịch Hồ Chí Minh do Ban Tuyên giáo Trung ương, cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo Trung ương cuộc vận động "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh" dự thảo, Ban Bí thư có ý kiến như sau:

- Về cơ bản tán thành với dự thảo do Ban Tuyên giáo Trung ương xây dựng.

- Ban Tuyên giáo Trung ương tiếp thu ý kiến của các đồng chí trong Ban Bí thư (trong bản tổng hợp gửi kèm theo), hoàn thiện bản hướng dẫn.

T/M BAN Bí THƯ
TRƯỜNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của đồng chí Tổng Bí thư, Trưởng Ban Chỉ đạo cuộc vận động "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh", Văn phòng Trung ương Đảng đã gửi xin ý kiến các đồng chí trong Ban Bí thư về dự thảo Hướng dẫn xây dựng và thực hiện chuẩn mực đạo đức theo tấm gương Chủ tịch Hồ Chí Minh tại các địa phương, ngành, cơ quan, đơn vị do Ban Tuyên giáo Trung ương, cơ quan Thường trực của Ban Chỉ đạo chuẩn bị.

Tính đến hết ngày 18-6-2007, có 6 đồng chí trong Ban Bí thư gửi văn bản về Văn phòng Trung ương Đảng (đồng chí Trương Tấn Sang, đồng chí Nguyễn Văn Chi, đồng chí Trương Vĩnh Trọng, đồng chí Lê Văn Dũng, đồng chí Tô Huy Rứa, đồng chí Tòng Thị Phóng). Văn phòng Trung ương Đảng xin tổng hợp như sau:

- 2 đồng chí nhất trí với dự thảo Hướng dẫn.

- 4 đồng chí có một số góp ý sửa đổi, bổ sung, cụ thể như sau:

+ Tại điểm 1:

Ý thứ nhất (gạch đầu dòng thứ nhất) có ý kiến đề nghị thêm từ "không" vào trước đoạn "nói trái, làm trái với quan điểm...".

Ý thứ hai (gạch đầu dòng thứ hai), nội dung "... chống lanh đạm, vô cảm trước những nhu cầu chính đáng, bức xúc của dân...", có ý kiến đề nghị sửa lại là: "... chống lanh đạm, vô cảm trước những yêu cầu và kiến nghị chính đáng, bức xúc của dân...".

Có ý kiến đề nghị thêm vào sau đoạn "... chống quan liêu, mệnh lệnh, hách dịch, hành dân" nội dung: "... tập trung sức giải quyết dứt điểm các khiếu nại, tố cáo chính đáng của dân".

Ý thứ tư (gạch đầu dòng thứ tư), đoạn "... chống lười biếng, lãng phí, trong làm việc, sinh hoạt", có ý kiến đề nghị bỏ nội dung "trong làm việc, sinh hoạt" và thêm nội dung: "... phô trương, hình thức".

Ý thứ năm (gạch đầu dòng thứ năm), có ý kiến đề nghị thêm vào sau đoạn "chống tham nhũng..., chạy theo lợi ích cá nhân thuần tuý" nội dung: "... danh vọng, địa vị, lạm dụng quyền lực"; có ý kiến đề nghị thay từ "chạy chọt" bằng từ "hối lộ".

+ Tại điểm 2:

"Thực hiện những lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh khi Người đến thăm, nói chuyện với các cấp, ngành, địa phương,

đơn vị...", có ý kiến cho rằng: "Nhiều tỉnh miền Nam đâu có Bác đến thăm thì sao? Bỏ đoạn này".

Văn phòng Trung ương xin báo cáo Ban Bí thư.

VĂN PHÒNG TRUNG ƯƠNG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

ngày 18-1-2007), tập trung vào cải cách hành chính cơ quan hành chính.

3. Về một số nội dung của Đề án

THÔNG BÁO KẾT LUẬN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 82-TB/TW, ngày 19 tháng 6 năm 2007

Về Đề án "Đẩy mạnh cải cách hành chính, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của bộ máy nhà nước"

Tại phiên họp ngày 8-6-2007, sau khi nghe Ban Cán sự Đảng Chính phủ báo cáo về Đề án "Đẩy mạnh cải cách hành chính, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của bộ máy nhà nước", Bộ Chính trị đã thảo luận và kết luận:

1. Dự thảo Đề án được chuẩn bị công phu, đã lấy ý kiến của các bộ, ngành và địa phương; đã tiếp thu ý kiến chỉ đạo của Bộ Chính trị tại Thông báo số 55-TB/TW, ngày 18-1-2007, thể hiện rõ được thực trạng công tác cải cách hành chính thời gian qua và những chủ trương, giải pháp lớn trong thời gian tới cần tiếp tục tập trung chỉ đạo. Đề án cũng đã nêu được lộ trình triển khai các chủ trương, giải pháp, nhất là những giải pháp liên quan đến việc bổ sung, sửa đổi Hiến pháp, các luật. Về cơ bản Bộ Chính trị, Ban Bí thư nhất trí với dự thảo Đề án.

2. Về phạm vi của Đề án: Nhất trí với phạm vi Đề án đã được Bộ Chính trị kết luận (nêu tại Thông báo số 55-TB/TW,

a) Về đánh giá tình hình, cần rà soát, đảm bảo sự thống nhất, ăn khớp giữa đánh giá về thành tựu và những mặt hạn chế; cần xem xét lại việc đánh giá "tình hình tài chính công được tích cực xây dựng và hoàn thiện" là chưa hợp lý, chỉ nên đặt vấn đề từng bước hoàn thiện là phù hợp hơn.

b) Về mục tiêu, quan điểm, yêu cầu: Bộ Chính trị cơ bản nhất trí với mục tiêu, các quan điểm và yêu cầu của dự thảo Đề án. Cần nghiên cứu để điều chỉnh một số điểm:

+ Về mục tiêu, nên bỏ từ "dân chủ" trong đoạn "mục tiêu xây dựng một nền hành chính dân chủ, trong sạch...". Cần thể hiện rõ năng lực của nền hành chính đối với điều hành xã hội.

+ Yêu cầu 2, cần bổ sung yêu cầu cải cách hành chính góp phần tích cực vào chống quan liêu, phòng, chống tham nhũng.

+ Yêu cầu 3, nên bổ sung nội dung để phân biệt giữa chính quyền nông thôn và chính quyền đô thị.

+ Yêu cầu 5, cần thể hiện được yêu cầu về ứng dụng khoa học công nghệ vào công tác cải cách hành chính.

c) Về chủ trương, giải pháp:

- Giải pháp liên quan đến công tác lập pháp, trong Đề án nên quy định rõ hơn việc xây dựng luật chi tiết, minh bạch, rõ ràng, đầy đủ để có thể giảm tối đa việc ban hành nghị định và các văn bản hướng dẫn dưới luật. Đây là cơ sở quan trọng để cải cách hành chính.

- Về giải pháp liên quan đến cải cách tư pháp, cần cân nhắc nguyên tắc "Toà án, thẩm phán xét xử độc lập và chỉ tuân theo pháp luật", nên có cách thể hiện để vừa thể hiện việc xét xử tuân thủ pháp luật nhưng vẫn bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác tư pháp.

- Về *thực hiện nguyên tắc trung dân chủ và chế độ thủ trưởng* trong các cơ quan hành chính. Bộ Chính trị, Ban Bí thư nhất trí việc phát huy trách nhiệm của người đứng đầu trong các cơ quan hành chính kết hợp với việc phát huy dân chủ của cán bộ, công chức và vai trò của các tổ chức đảng, đoàn thể trong việc kiểm tra, giám sát thực hiện.

Trách nhiệm của người đứng đầu đối với công tác cán bộ, cần nhất quán nguyên tắc về quản lý cán bộ, đổi chiếu điều chỉnh cho phù hợp với Đề án về "Tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động của hệ thống chính trị". Đối với các trưởng hợp nhân sự tại chỗ thì do hội đồng nhân dân bầu, các trưởng hợp nhân sự điều động từ nơi khác đến thì do Thủ tướng bổ nhiệm.

- Về *chức năng, nhiệm vụ* của Chính phủ: Cần làm rõ hơn những nội dung về phân cấp cho địa phương để dễ dàng thực hiện.

- Về *cơ cấu* của Chính phủ, nhất trí với chủ trương nói chung các bộ quản lý theo hướng đa ngành, đa lĩnh vực.

- Đối với Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, phải bảo đảm nguyên tắc xây dựng quân đội, công an nhân dân cách mạng, tinh nhuệ, chính quy, từng bước hiện đại. Việc chuyển giao những nhiệm vụ có liên quan đến dân sự cho các bộ khác quản lý cần được nghiên cứu kỹ lưỡng và có các quy định cụ thể thật phù hợp.

- Về *chính quyền địa phương*: Về cơ bản nhất trí với việc đổi mới cơ cấu chính quyền địa phương như dự thảo Đề án (bỏ hội đồng nhân dân cấp quận, huyện, phường) nhưng phải có cơ chế bảo đảm nguyên tắc xây dựng chính quyền của dân, do dân và vì dân; có biện pháp tăng cường công tác giám sát của cấp ủy đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức đoàn thể đối với hoạt động của chính quyền địa phương.

Về chính quyền nông thôn và chính quyền đô thị, cần bổ sung thêm những nguyên tắc và tiêu chí cơ bản xác định chính quyền đô thị và chính quyền nông thôn về chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức, bộ máy, biên chế...

Về tên gọi của chính quyền địa phương, thống nhất tên gọi chính quyền địa phương từ cấp tỉnh, thành phố đến cấp xã, phường là ủy ban nhân dân, đảm bảo tính chất "nhà nước của dân, do dân, vì dân".

- *Đồng ý chủ trương thí điểm bầu trực tiếp chủ tịch xã*. Cần xem xét kỹ điều kiện để có thể thực hiện, lưu ý những nơi còn có sự gắn kết chặt chẽ về dòng họ, dân tộc. Cần có lộ trình triển khai thí điểm, rút kinh nghiệm.

- Về vấn đề lập cơ quan Tài phán hành chính, nhất trí với đề nghị của Ban Cán sự Đảng Chính phủ, trước mắt chưa nên khẳng định việc lập cơ quan Tài phán hành chính, cần tiếp tục nghiên cứu kỹ lưỡng hơn vấn đề này.

- Về *đào tạo cán bộ, công chức*, cần bảo đảm sự thống nhất về chương trình, giáo trình đào tạo đội ngũ công chức trong phạm vi cả nước.

- Về *thí điểm thi tuyển công chức*, chỉ thực hiện đối với một số chức danh lãnh đạo gắn với chuyên môn, nghiệp vụ; đối với chức danh liên quan đến công tác tổ chức cần phải

được cân nhắc kỹ. Nên đồng thời kết hợp giữa việc thi tuyển và xét tuyển chức danh lãnh đạo.

- Về chủ trương tiền tệ hóa triết để chính sách tiền lương, cần xem xét kỹ để chủ trương đưa ra có thể thực hiện được.

- Cần nghiên cứu để có cơ chế thích hợp cho việc thành lập mới các đơn vị sự nghiệp theo mô hình cổ phần và tư nhân để góp phần cùng với Nhà nước phát triển mạng lưới sự nghiệp đủ sức phục vụ các tầng lớp nhân dân.

- Về giảm cấp phó, nhất trí việc giảm cấp phó nhưng cần quy định ở mức hợp lý, không nên quy định quá cứng nhắc. Cần làm rõ khái niệm "kiêm nhiệm". Không nên kéo dài tình trạng thực hiện nhiệm vụ kiêm nhiệm ở Chính phủ và các bộ. Nên xác định rõ số lượng Phó Thủ tướng, thứ trưởng, không đặt vấn đề kiêm nhiệm.

Đối với cấp tỉnh, thành phố, cân nhắc việc ở một số tỉnh, thành phố lớn có thể có số lượng cấp phó nhiều hơn 3.

Đối với cấp xã, cần phải xem xét đến điều kiện thực tế các xã ở vùng sâu, vùng xa, vùng núi cao, các xã có quy mô dân số lớn để xác định cấp phó cho phù hợp.

- Về mối quan hệ giữa cơ quan hành chính với nhân dân, một mặt quy định cơ quan hành chính phải phục vụ tốt nhân dân, nhưng đồng thời cần phải có quy định đề cao trách nhiệm của công dân trong việc chấp hành pháp luật.

d) Về tổ chức thực hiện:

Việc thực hiện chủ trương bỏ hội đồng nhân dân cấp huyện, quận, phường có liên quan đến sửa đổi Điều 123 của Hiến pháp. Vì vậy, cần có lộ trình thí điểm thực hiện ở một số địa phương trong lúc chưa sửa Điều 123 của Hiến pháp.

Cần nêu vai trò của các ban tham mưu của Đảng trong việc tổ chức triển khai thực hiện Đề án này.

e) Về lập Ủy ban cải cách hành chính:

Bộ Chính trị nhất trí với đề nghị của Ban Cán sự Đảng Chính phủ, chưa nên lập Ủy ban cải cách hành chính. Tuy nhiên, cần phải có quy chế phối hợp giữa các ban chỉ đạo hiện nay để bảo đảm thống nhất trong chỉ đạo, điều hành giữa cải cách hành chính và cải cách tư pháp.

4. Căn cứ vào ý kiến của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Ban Cán sự Đảng Chính phủ tiếp thu, hoàn chỉnh Đề án, rà soát bảo đảm thống nhất với Đề án "Tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động của hệ thống chính trị" để trình Ban Chấp hành Trung ương.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
TRƯỞNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**THÔNG BÁO
KẾT LUẬN CỦA BAN Bí THƯ**

Số 83-TB/TW, ngày 27 tháng 6 năm 2007

Về tình hình lễ hội, tâm linh, ngoại cảm

Tại phiên họp ngày 19-6-2007, sau khi nghe Ban Tuyên giáo Trung ương báo cáo tình hình lễ hội, tâm linh, ngoại cảm (Báo cáo số 01-BC/BTGTW, ngày 15-5-2007) và ý kiến của đại diện lãnh đạo Bộ Văn hóa - Thông tin, Bộ Công an, Bộ Khoa học và Công nghệ, Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam, Ban Bí thư đã kết luận như sau:

1. Sau khi có Chỉ thị 27-CT/TW của Bộ Chính trị khóa VIII "Về việc thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội", nhìn chung, việc tổ chức các hoạt động lễ hội đã có những chuyển biến tích cực, góp phần tạo nên đời sống văn hóa tinh thần lành mạnh ở cơ sở, tình làng, nghĩa xóm, sự gắn kết cộng đồng được củng cố, phát huy.

Tuy nhiên, khi tổ chức lễ hội, nhiều nơi chưa quan tâm đến công tác tuyên truyền, giáo dục truyền thống; các hoạt động văn hóa phục vụ nhân dân chưa được coi trọng; xu hướng thương mại hóa các lễ hội ngày càng nhiều, môi trường bị xâm hại...; công tác chỉ đạo của cấp ủy đảng, quản

lý nhà nước đối với lễ hội ở nhiều địa phương, cơ sở còn bị buông lỏng, thiếu kiên quyết.

2. Giao Ban Tuyên giáo Trung ương chủ trì, phối hợp với Ban Dân vận Trung ương, Ban Cán sự Đảng Bộ Văn hóa - Thông tin tiến hành tổng kết, đánh giá kết quả 10 năm thực hiện Chỉ thị 27-CT/TW của Bộ Chính trị khóa VIII, báo cáo Bộ Chính trị vào đầu quý I năm 2008. Việc tổng kết tình hình thực hiện Chỉ thị của Bộ Chính trị về thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội để làm tốt hơn nhiệm vụ này là việc làm thiết thực góp phần vào thực hiện cuộc vận động "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh".

3. Trước mắt, để chấn chỉnh những tiêu cực trong hoạt động lễ hội, tâm linh, ngoại cảm đang có xu hướng lan rộng, Ban Bí thư yêu cầu cấp ủy đảng và chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể các cấp triển khai một số nội dung trọng tâm sau:

- Lãnh đạo, chỉ đạo đẩy mạnh phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa", tăng cường quản lý, nhắc nhở cán bộ, đảng viên gương mẫu, vận động nhân dân chấp hành chỉ thị của Đảng, quy định của Nhà nước về thực hiện nếp sống văn minh, phê phán các hành vi lợi dụng lễ hội, tín ngưỡng, tâm linh để hoạt động mê tín, dị đoan, kinh doanh trực lợi.

- Tăng cường chỉ đạo, quản lý báo chí, xuất bản. Các báo, tạp chí, nhà xuất bản không được thông tin, phát hành ấn phẩm có nội dung tâm linh, ngoại cảm khi chưa được các cơ quan nghiên cứu khoa học thẩm định, kết luận. Xử lý nghiêm và kiên quyết các hành vi truyền bá, phát tán tài liệu, băng

đĩa không được phép lưu hành; những cá nhân lợi dụng tâm linh, ngoại cảm để lừa bịp, xuyên tạc, vu khống cá nhân, tập thể, phá hoại an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội.

- Đảng đoàn Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam chủ trì phối hợp với một số cơ quan nghiên cứu khoa học của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an tiến hành đánh giá kết quả nghiên cứu về "khả năng đặc biệt của con người" thời gian qua, báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư vào quý IV năm 2007.

T/M BAN Bí THƯ

TRƯỞNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO

KẾT LUẬN CỦA BAN Bí THƯ

Số 84-TB/TW, ngày 27 tháng 6 năm 2007

**Về Hội đồng Lý luận, phê bình văn học,
nghệ thuật Trung ương**

Tại phiên họp ngày 19-6-2007, sau khi nghe Ban Tuyên giáo Trung ương báo cáo về hoạt động của Hội đồng Lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật Trung ương (Báo cáo số 37-BC/TTVH, ngày 23-11-2006) và ý kiến của đại diện lãnh đạo Hội đồng Lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật Trung ương, Ban Bí thư đã kết luận như sau:

1. Được thành lập theo Quyết định số 81-QĐ/TW, ngày 10-9-2003 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa IX), sau 3 năm hoạt động, Hội đồng Lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật Trung ương đã bước đầu tập hợp được các nhà lý luận phê bình, thúc đẩy hoạt động lý luận, phê bình của các hội chuyên ngành, góp phần định hướng công tác lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật, tạo không khí sinh hoạt học thuật, được dư luận quan tâm.

Tuy nhiên, hoạt động của Hội đồng Lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật Trung ương còn nhiều hạn chế; hoạt động

mang tính vụ việc, chưa thường xuyên, chưa bám sát thực tiễn đời sống sáng tác, lý luận phê bình văn học, nghệ thuật, chưa đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ đặt ra cho Hội đồng.

2. Đồng ý cho kết thúc hoạt động của Hội đồng Lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật Trung ương nhiệm kỳ Đại hội IX; thành lập Hội đồng Lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật Trung ương nhiệm kỳ Đại hội X.

3. Ban Tuyên giáo Trung ương chủ trì, phối hợp với Ban Tổ chức Trung ương xây dựng Đề án thành lập Hội đồng Lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật Trung ương nhiệm kỳ Đại hội X trình Thường trực Ban Bí thư.

Chức năng, nhiệm vụ của Hội đồng là tư vấn cho Đảng, Nhà nước về công tác lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật; đánh giá tình hình sáng tác, lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật; tổng kết việc thực hiện đường lối văn nghệ của Đảng; đề xuất các nội dung đổi mới, hoàn chỉnh đường lối văn học, nghệ thuật của Đảng, cơ sở lý luận của nền văn học, nghệ thuật Việt Nam trong tình hình mới; đấu tranh với những quan điểm lý luận sai trái, lệch lạc trên lĩnh vực văn học, nghệ thuật, góp phần hình thành đời sống văn nghệ phong phú, lành mạnh... Nhân sự của Hội đồng gồm những người có uy tín, năng lực trong lĩnh vực lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật, nhiệt huyết với công việc, có bản lĩnh chính trị vững vàng. Nghiên cứu đổi mới phương thức hoạt động của Hội đồng đảm bảo thiết thực, hiệu quả, kịp thời tham mưu, xử lý những vấn đề đặt ra trong hoạt động văn học, nghệ thuật nước ta trong thời kỳ mới.

Hội đồng Lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật Trung ương trực thuộc Ban Tuyên giáo Trung ương. Văn phòng

Trung ương Đảng xem xét bố trí địa điểm làm việc và kinh phí hoạt động cho Hội đồng Lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật Trung ương.

4. Ban Tổ chức Trung ương chủ trì, phối hợp với Ban Tuyên giáo Trung ương sớm kiện toàn nhân sự Đảng đoàn Liên hiệp các Hội Văn học, nghệ thuật Việt Nam trình Ban Bí thư.

T/M BAN Bí THƯ

TRƯỞNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
KẾT LUẬN CỦA BAN Bí THƯ
Số 85-TB/TW, ngày 28 tháng 6 năm 2007
**Về Đề án nâng cao chất lượng,
hiệu quả công tác thông tin đối ngoại**

Tại phiên họp ngày 19-6-2007, sau khi nghe Ban Chỉ đạo thông tin đối ngoại báo cáo tổng kết công tác tuyên truyền đối ngoại của báo chí nước ta trong thời gian qua (số 06-BC/BTGTW, ngày 5-6-2007) và Đề án nâng cao chất lượng và hiệu quả của công tác thông tin đối ngoại (số 5-BC/BTGTW, ngày 5-6-2007), ý kiến của các bộ, ban, ngành liên quan, Ban Bí thư đã thảo luận và kết luận như sau:

- Trong những năm vừa qua, thực hiện Chỉ thị số 11-CT/TW, ngày 13-6-1992 của Ban Bí thư (khóa VII) về đổi mới và tăng cường công tác thông tin đối ngoại, hoạt động thông tin đối ngoại đã được đẩy mạnh, đạt được những kết quả đáng ghi nhận; lực lượng tham gia ngày càng đông, hình thức ngày càng đa dạng, bước đầu đã sử dụng các phương thức thông tin hiện đại, chất lượng thông tin đã từng bước được nâng lên.

Tuy nhiên, hoạt động thông tin đối ngoại còn nhiều hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu đề ra; công tác chỉ đạo, phối hợp các lực lượng làm thông tin đối ngoại, phối hợp thông tin trong nước với thông tin đối ngoại chưa chặt chẽ, chất lượng và hiệu quả thông tin chưa cao, đấu tranh chống các quan điểm sai trái, thù địch chưa thường xuyên, kịp thời, tính thuyết phục chưa cao.

- Cần phải đẩy mạnh, đa dạng hóa hơn nữa các hình thức hoạt động và nâng cao hơn nữa chất lượng, hiệu quả thông tin đối ngoại; phối hợp chặt chẽ giữa thông tin đối ngoại với thông tin tuyên truyền trong nước; chủ động thông tin kịp thời, chính xác tình hình mọi mặt của đất nước, đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước ta tới bạn bè quốc tế, tới đồng bào ta sinh sống, làm việc, học tập ở nước ngoài, bà con Việt kiều về thăm quê hương và người nước ngoài đến Việt Nam; chú ý tới các địa bàn trọng điểm (Mỹ, EU, Úc, Nga, Mỹ Latinh...); đấu tranh bác bỏ kịp thời, có sức thuyết phục các thông tin sai trái, xuyên tạc của các thế lực thù địch; phát huy tối đa các lực lượng thông tin hiện có, các phương thức truyền thông hiện đại, nhất là mạng internet vào hoạt động thông tin đối ngoại.

- Đẩy mạnh và nâng cao chất lượng, hiệu quả thông tin đối ngoại là nhiệm vụ của cả hệ thống chính trị ở Trung ương, địa phương, các cấp, các ngành. Cần kiện toàn tổ chức, chức năng, nhiệm vụ, quy chế làm việc của Ban Chỉ đạo thông tin đối ngoại, đặc biệt là bộ phận thường trực, để chỉ đạo, phối hợp chặt chẽ hơn các lực lượng làm công tác thông tin đối ngoại.

- Theo phương hướng trên, Ban Chỉ đạo thông tin đối ngoại hoàn chỉnh lại Đề án với những nội dung đầy đủ và cụ thể hơn.

- Về vấn đề đầu tư và chế độ, chính sách cần thiết cho hoạt động thông tin đối ngoại, Ban Chỉ đạo thông tin đối ngoại phối hợp với các cơ quan có liên quan xây dựng thành các đề án trình các cơ quan có thẩm quyền xem xét, giải quyết.

T/M BAN Bí THƯ
TRƯỞNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**QUYẾT ĐỊNH
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ**

Số 67-QĐ/TW, ngày 4 tháng 7 năm 2007

Ban hành Quy định về phân cấp quản lý cán bộ

- Căn cứ Điều lệ Đảng;
- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư khóa X;
- Xét đề nghị của Ban Tổ chức Trung ương,

BỘ CHÍNH TRỊ QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này "Quy định về phân cấp quản lý cán bộ".

Điều 2. Các tỉnh ủy, thành ủy, các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn và đảng ủy trực thuộc Trung ương có trách nhiệm thực hiện Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 49-QĐ/TW, ngày 3-5-1999 của

Bộ Chính trị (khóa VIII) và các quy định trước đây trái với
Quy định này về phân cấp quản lý cán bộ.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

TỔNG BÍ THU

NÔNG ĐỨC MẠNH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUY ĐỊNH

VỀ PHÂN CẤP QUẢN LÝ CÁN BỘ

(Kèm theo Quyết định số 67-QĐ/TW, ngày 4-7-2007
của Bộ Chính trị)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Nội dung quản lý cán bộ

Trong quy định này, quản lý cán bộ bao gồm các nội dung chính sau:

1. Tuyển chọn, bố trí, phân công, điều động và luân chuyển cán bộ, phân cấp quản lý cán bộ.
2. Đánh giá cán bộ.
3. Quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ.
4. Bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ.
5. Khen thưởng, kỷ luật cán bộ.
6. Thực hiện chế độ, chính sách cán bộ.
7. Kiểm tra, giám sát công tác cán bộ; giải quyết khiếu nại, tố cáo về cán bộ.

Điều 2. Nguyên tắc quản lý cán bộ

1. Đảng thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ, đi đôi với phát huy trách nhiệm của các tổ chức và người đứng đầu các tổ chức trong hệ thống chính trị về công tác cán bộ.

1.1. Đảng đề ra đường lối, chủ trương, chính sách, tiêu chuẩn, quy chế, quy định về công tác cán bộ và thông qua các cấp ủy, tổ chức đảng, đảng viên trong các cơ quan nhà nước, Mặt trận, đoàn thể, các tổ chức kinh tế, đơn vị sự nghiệp để lãnh đạo các cấp, các ngành tổ chức thực hiện các quyết định của Đảng về cán bộ và công tác cán bộ.

1.2. Đảng chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức của hệ thống chính trị trên mọi lĩnh vực. Đảng trực tiếp quản lý đội ngũ cán bộ, trước hết là cán bộ lãnh đạo chủ chốt các ngành, các cấp, đi đôi với việc phát huy trách nhiệm của các tổ chức trong hệ thống chính trị.

1.3. Đảng phân công, phân cấp quản lý cán bộ cho các cấp ủy và tổ chức đảng, đồng thời thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thực hiện công tác cán bộ của các ngành, các cấp.

2. Bảo đảm nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể quyết định, đồng thời phát huy đầy đủ trách nhiệm cá nhân, trước hết là người đứng đầu trong công tác quản lý cán bộ:

2.1. Những vấn đề về đường lối, chủ trương, chính sách, đánh giá, bố trí, sử dụng, bổ nhiệm, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật cán bộ phải do tập thể cấp ủy và tổ chức đảng có thẩm quyền thảo luận dân chủ và quyết định theo đa số. Trường hợp ý kiến của người đứng đầu và ý kiến của tập thể cấp ủy, tổ chức đảng, lãnh đạo cơ quan, đơn vị khác nhau thì phải báo cáo lên cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

2.2. Người đứng đầu cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị có trách nhiệm đề xuất và tổ chức thực hiện các quyết định

của tập thể về cán bộ và công tác cán bộ trong lĩnh vực được phân công phụ trách.

2.3. Cá nhân đề xuất, cơ quan thẩm định, tập thể quyết định về cán bộ phải chịu trách nhiệm về đề xuất, thẩm định, quyết định của mình.

2.4. Cán bộ, đảng viên phải nghiêm chỉnh chấp hành các nghị quyết, quyết định của cấp ủy, tổ chức đảng; cấp ủy cấp dưới phải chấp hành quyết định của cấp ủy cấp trên về cán bộ và công tác cán bộ.

Điều 3. Về quản lý và quyết định đối với cán bộ

1. Mỗi cấp ủy, tổ chức đảng, người đứng đầu các cơ quan, đơn vị chịu trách nhiệm trực tiếp quản lý và sử dụng cán bộ đang công tác, sinh hoạt trong tổ chức mình (kể cả các đồng chí ủy viên Ban Chấp hành Trung ương) theo các nội dung quy định tại Điều 1 trong phạm vi được phân cấp và chịu trách nhiệm trước cấp ủy, thủ trưởng cấp trên về cán bộ thuộc quyền quản lý, sử dụng của mình.

2. Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý, trực tiếp quyết định một số khâu trong nội dung quản lý cán bộ đối với các chức danh cán bộ lãnh đạo chủ chốt cấp trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và lực lượng vũ trang; đồng thời phân công, phân cấp cho các cấp ủy, tổ chức đảng quản lý, trực tiếp quyết định một số khâu khác và những chức danh cán bộ khác.

3. Trong trường hợp một người đồng thời được giao đảm nhiệm nhiều chức vụ thuộc thẩm quyền quản lý của các cấp khác nhau thì giao cho cấp cao hơn xem xét, quyết định.

4. Các cấp ủy, tổ chức đảng xem xét, quyết định khen thưởng, kỷ luật hoặc đề nghị khen thưởng, kỷ luật đối với cán bộ được phân cấp quản lý. Việc khen thưởng, thi hành kỷ luật thực hiện theo Điều lệ Đảng, pháp luật của Nhà nước và điều lệ của các tổ chức chính trị - xã hội.

Chương II

TRÁCH NHIỆM VÀ QUYỀN HẠN CỦA CÁC CẤP ỦY, TỔ CHỨC ĐẢNG TRONG QUẢN LÝ CÁN BỘ

Điều 4. Bộ Chính trị

1. Quyết định các chủ trương, chính sách về cán bộ và công tác cán bộ theo nghị quyết của Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng và nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương.

2. Trình Ban Chấp hành Trung ương những vấn đề về cán bộ và công tác cán bộ thuộc thẩm quyền quyết định của Ban Chấp hành Trung ương.

3. Quyết định phân công công tác đối với các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương.

4. Chỉ định Đảng đoàn Quốc hội, Ban Cán sự Đảng Chính phủ, Đảng ủy Quân sự Trung ương, Đảng ủy Công an Trung ương; khi cần thiết chỉ định bí thư ban chấp hành đảng bộ tỉnh, thành phố và đảng ủy trực thuộc Trung ương.

5. Quyết định việc bố trí, giới thiệu ứng cử, chỉ định; quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng; điều động, luân chuyển, bổ nhiệm, miễn nhiệm; khen thưởng, kỷ luật; nghỉ hưu và thực hiện chính sách đối với cán bộ có chức danh nêu tại Điều 9, Chương IV của Quy định này.

6. Quyết định phân công, phân cấp quản lý cán bộ đối với các cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc Trung ương.

7. Quyết định kiểm tra công tác cán bộ ở các ngành, các cấp, các thành viên trong hệ thống chính trị.

Điều 5. Ban Bí thư

1. Quyết định việc bố trí, giới thiệu ứng cử, chỉ định; quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng; điều động, luân chuyển, bổ nhiệm, miễn nhiệm; khen thưởng, kỷ luật; nghỉ hưu và thực hiện chính sách đối với cán bộ có chức danh nêu tại Điều 10, Chương IV của Quy định này.

2. Quyết định kiểm tra công tác cán bộ theo ủy quyền của Bộ Chính trị.

3. Chỉ định Ban Cán sự Đảng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Ban Cán sự đảng Toà án nhân dân tối cao, Ban Cán sự Đảng Kiểm toán Nhà nước, ban cán sự đảng các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ.

4. Chỉ định các Đảng đoàn: Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Hội Cựu chiến binh Việt Nam, Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam, Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam, Hội Nhà văn Việt Nam, Hội Nhà báo Việt Nam, Hội Luật gia Việt Nam, Hội Chữ thập đỏ Việt Nam, Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam, Hội đồng Trung ương Liên minh các hợp tác xã Việt Nam, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam.

5. Khi cần thiết chỉ định quyền bí thư ban chấp hành đảng bộ tỉnh, thành phố và đảng ủy trực thuộc Trung ương.

6. Chỉ định ủy viên ban chấp hành đảng bộ quân khu là cán bộ ngoài quân đội.

7. Định kỳ báo cáo Bộ Chính trị những vấn đề về cán bộ và công tác cán bộ do Ban Bí thư quản lý.

8. Đồng chí Thường trực Ban Bí thư chủ trì cùng với các đồng chí Trưởng Ban Tổ chức Trung ương, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương xem xét kết quả bầu cử và quyết định chuẩn y danh sách ban chấp hành, ủy ban kiểm tra và các chức danh bầu bổ sung của các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương; chỉ định bổ sung cấp ủy viên, ủy viên đảng đoàn, ban cán sự đảng trực thuộc Trung ương theo quy định của Điều lệ Đảng; trường hợp cần thiết thì trình tập thể Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

Điều 6. Các cấp ủy trực thuộc Trung ương

A- Các tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương

1. Ban chấp hành đảng bộ tỉnh, thành phố

1.1. Chịu trách nhiệm trước Bộ Chính trị, Ban Bí thư việc lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện các nghị quyết, chủ trương, chính sách, quyết định của Trung ương về cán bộ và công tác cán bộ tại địa phương.

1.2. Trình Bộ Chính trị, Ban Bí thư nhân sự giới thiệu ứng cử các chức danh bí thư tỉnh ủy, thành ủy, chủ tịch hội đồng nhân dân, chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố; nhân sự bổ sung ủy viên ban chấp hành đảng bộ tỉnh, thành phố.

1.3. Căn cứ quy định của Trung ương, quyết định số lượng ủy viên ban thường vụ, ủy viên ủy ban kiểm tra tỉnh ủy, thành ủy.

1.4. Bầu ủy viên thường vụ, bí thư, phó bí thư tỉnh ủy, thành ủy; bầu ủy viên ủy ban kiểm tra, chủ nhiệm ủy ban kiểm tra tỉnh ủy, thành ủy.

1.5. Giới thiệu người ứng cử hoặc người được đề nghị chỉ định vào ban chấp hành đảng bộ tỉnh, thành phố.

1.6. Giới thiệu chức danh chủ tịch hội đồng nhân dân, chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố để hội đồng nhân dân bầu; tham gia ý kiến về nhân sự phó chủ tịch hội đồng nhân dân, phó chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trước khi ban thường vụ tỉnh ủy, thành ủy quyết định giới thiệu để hội đồng nhân dân bầu.

1.7. Quyết định kiểm tra công tác cán bộ tại địa phương.

2. Ban thường vụ tỉnh ủy, thành ủy

2.1. Quyết định phân công công tác đối với các đồng chí ủy viên thường vụ, ủy viên ban chấp hành đảng bộ tỉnh, thành phố.

2.2. Trên cơ sở đề nghị của đồng chí bí thư và thường trực tỉnh ủy, thành ủy, thảo luận và quyết định:

- Tuyển chọn, bố trí, phân công công tác; giới thiệu ứng cử, chỉ định; quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng; điều động, luân chuyển, bổ nhiệm, miễn nhiệm; khen thưởng, kỷ luật; nghỉ hưu và thực hiện chính sách đối với các chức danh ủy viên thường vụ, trưởng ban, phó trưởng ban của tỉnh ủy, thành ủy và tương đương; phó chủ tịch hội đồng nhân dân, phó chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố; bí thư, phó bí thư, ủy viên thường vụ huyện ủy, quận ủy và tương đương; bí thư, phó bí thư, ủy viên thường vụ đảng ủy khối trực thuộc; giám đốc, phó giám đốc sở và tương đương; chủ tịch hội đồng nhân dân, chủ tịch ủy ban nhân dân huyện, quận và tương đương; chủ tịch, phó chủ tịch Mặt trận, cấp trưởng và cấp phó trong ban chấp hành các đoàn thể của tỉnh, thành phố.

- Chuẩn bị nhân sự để tỉnh ủy, thành ủy xem xét, đề nghị Bộ Chính trị, Ban Bí thư giới thiệu nhân sự ứng cử các chức danh bí thư, phó bí thư tỉnh ủy, thành ủy, chủ tịch hội đồng nhân dân, chủ tịch ủy ban nhân dân; giới thiệu nhân sự bổ sung tỉnh ủy viên, thành ủy viên; giới thiệu bầu bổ sung ủy viên ban thường vụ tỉnh ủy, thành ủy.

- Đề nghị Bộ Chính trị, Ban Bí thư về bố trí, phân công công tác; nhận xét, đánh giá; bổ nhiệm, miễn nhiệm; khen thưởng, kỷ luật; nghỉ hưu và thực hiện chính sách đối với các chức danh cán bộ công tác tại địa phương thuộc quyền trực tiếp quyết định của Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

2.3. Quyết định việc phân cấp quản lý cán bộ đối với các ban cán sự đảng, đảng đoàn ở các cơ quan, ban, ngành cấp tỉnh, thành phố; đối với cấp ủy huyện, quận và tương đương.

2.4. Quyết định kiểm tra công tác cán bộ của các cấp ủy, tổ chức đảng trong phạm vi phụ trách.

2.5. Chuẩn y ban chấp hành, bí thư, phó bí thư, ủy viên ban thường vụ các đảng ủy trực thuộc; chủ nhiệm, phó chủ nhiệm, ủy viên ủy ban kiểm tra đảng ủy trực thuộc. Chỉ định (hoặc ủy quyền cho thường trực tỉnh ủy, thành ủy) bổ sung ủy viên ban chấp hành, ủy viên ban thường vụ đảng ủy trực thuộc; khi cần thiết chỉ định bí thư ban chấp hành đảng bộ trực thuộc.

2.6. Chỉ định đảng đoàn, ban cán sự đảng một số cơ quan nhà nước, Mặt trận, đoàn thể ở cấp tỉnh, thành phố.

2.7. Tham gia ý kiến với ban cán sự đảng, đảng đoàn các cơ quan Trung ương về bố trí, bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo của tổ chức theo ngành dọc công tác và sinh hoạt đảng tại địa phương. Tham gia ý kiến với Đảng ủy Quân sự Trung ương,

Đảng ủy Công an Trung ương về chỉ huy trưởng, phó chỉ huy trưởng bộ chỉ huy quân sự, bộ đội biên phòng tỉnh, thành phố; giám đốc, phó giám đốc công an tỉnh, thành phố.

B- Đảng ủy Quân sự Trung ương, Đảng ủy Công an Trung ương

1. Chịu trách nhiệm trước Bộ Chính trị về việc lãnh đạo, chỉ đạo và kiểm tra thực hiện các nghị quyết, chủ trương, chính sách, quyết định của Đảng về cán bộ và công tác cán bộ trong phạm vi phụ trách.

2. Quyết định phân công công tác đối với các đồng chí ủy viên thường vụ, ủy viên Đảng ủy Quân sự Trung ương, Đảng ủy Công an Trung ương.

3. Trên cơ sở đề nghị của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an, thảo luận và quyết định:

- Quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, điều động, luân chuyển, bổ nhiệm, miễn nhiệm; khen thưởng, kỷ luật; nghỉ hưu và thực hiện chính sách đối với cán bộ được phân cấp quản lý.

- Đề nghị về quy hoạch, tuyển chọn, bố trí, phân công công tác; nhận xét, đánh giá; điều động, luân chuyển, bổ nhiệm, miễn nhiệm; khen thưởng, kỷ luật; nghỉ hưu và thực hiện chính sách đối với các chức danh cán bộ thuộc quyền trực tiếp quyết định của Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

4. Quyết định ủy quyền cho ban thường vụ đảng ủy và phân cấp quản lý cán bộ đối với các cấp ủy trực thuộc.

5. Chuẩn y ban chấp hành, ban thường vụ các đảng bộ trực thuộc; chủ nhiệm, phó chủ nhiệm và các ủy viên ủy ban kiểm tra các đảng ủy trực thuộc. Chỉ định bổ sung ủy viên ban chấp hành, ủy viên ban thường vụ các đảng bộ trực thuộc; khi cần thiết chỉ định bí thư ban chấp hành đảng bộ trực thuộc.

6. Chủ trì, phối hợp, trao đổi ý kiến với ban thường vụ các tỉnh ủy, thành ủy về cấp trưởng, cấp phó bộ chỉ huy quân sự, bộ đội biên phòng tỉnh, thành phố; giám đốc, phó giám đốc công an tỉnh, thành phố. Đảng ủy Quân sự Trung ương, Đảng ủy Công an Trung ương phân tích, thảo luận những ý kiến khác nhau, quyết định và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

7. Quyết định kiểm tra công tác cán bộ của các cấp ủy trực thuộc.

8. Thường vụ Đảng ủy Quân sự Trung ương xem xét, điều động giữ chức vụ tương đương đối với cán bộ thuộc các chức danh: phó tư lệnh và phó chính ủy quân khu; phó tư lệnh và phó chính ủy quân chủng; phó tư lệnh và phó chính ủy bộ đội biên phòng. Nếu điều động giữ chức vụ thấp hoặc cao hơn chức vụ hiện tại thì Thường vụ Đảng ủy Quân sự Trung ương trình Ban Bí thư xem xét, quyết định; các đồng chí Ủy viên Trung ương Đảng thuộc các chức danh trên do Bộ Chính trị quyết định.

C- Đảng ủy khối ở Trung ương

Khi có yêu cầu của Ban Tổ chức Trung ương, đảng ủy khối ở Trung ương phối hợp với Ban Tổ chức Trung ương và các ban đảng có liên quan thẩm định về bổ nhiệm, miễn nhiệm đối với cán bộ công tác và sinh hoạt đảng trong khối.

Điều 7. Các ban cán sự đảng, đảng đoàn trực thuộc Trung ương

1. Ban Cán sự Đảng Chính phủ

1.1. Chịu trách nhiệm trước Bộ Chính trị về việc lãnh đạo, chỉ đạo và kiểm tra thực hiện các nghị quyết, chủ

trưởng, chính sách, quyết định của Đảng về cán bộ và công tác cán bộ trong phạm vi phụ trách.

1.2. Được Bộ Chính trị, Ban Bí thư ủy quyền quyết định việc tổ chức quản lý, sử dụng cán bộ; quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ; nhận xét, đánh giá cán bộ; khen thưởng, kỷ luật cán bộ trong phạm vi phụ trách có chức danh nêu tại Điều 10, Chương IV của Quy định này.

1.3. Theo đề nghị của Thủ tướng Chính phủ, thảo luận và quyết định:

- Tuyển chọn, bố trí, phân công công tác; quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng; điều động, luân chuyển, bổ nhiệm, miễn nhiệm; khen thưởng, kỷ luật; nghỉ hưu và thực hiện chính sách đối với cán bộ được phân cấp quản lý. Trên cơ sở đó, Thủ tướng Chính phủ ra quyết định về mặt nhà nước.

- Đề nghị Bộ Chính trị, Ban Bí thư về quy hoạch, bố trí, phân công công tác; điều động, luân chuyển, bổ nhiệm, miễn nhiệm; khen thưởng, kỷ luật; nghỉ hưu và thực hiện chính sách đối với các chức danh cán bộ trong bộ máy Chính phủ (bao gồm cả Bộ Quốc phòng, Bộ Công an) thuộc quyền trực tiếp quyết định của Bộ Chính trị, Ban Bí thư; nhân sự chủ tịch hội đồng nhân dân, chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

2. Đảng đoàn Quốc hội

2.1. Chịu trách nhiệm trước Bộ Chính trị việc lãnh đạo, chỉ đạo và kiểm tra thực hiện các nghị quyết, chủ trương, chính sách, quyết định của Đảng về cán bộ và công tác cán bộ trong phạm vi phụ trách.

2.2. Theo đề nghị của Chủ tịch Quốc hội, của Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội, của Chủ tịch Hội đồng Dân tộc, của chủ nhiệm các ủy ban của Quốc hội hoặc của trưởng các ban của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, tập thể Đảng đoàn thảo luận và quyết định việc tuyển chọn, bố trí, phân công công tác; quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng; điều động, luân chuyển, bổ nhiệm, miễn nhiệm; khen thưởng, kỷ luật; nghỉ hưu và thực hiện chính sách đối với cán bộ được phân cấp quản lý.

2.3. Theo đề nghị của Chủ tịch Quốc hội, của Trưởng Ban Tổ chức Trung ương, của Chủ tịch Hội đồng Dân tộc, hoặc của chủ nhiệm các ủy ban của Quốc hội, tập thể Đảng đoàn thảo luận, đề xuất Bộ Chính trị, Ban Bí thư về quy hoạch; nhận xét, đánh giá; bố trí, phân công công tác; điều động, luân chuyển, bổ nhiệm, miễn nhiệm, giới thiệu ứng cử các chức danh cán bộ trong bộ máy của Quốc hội thuộc quyền trực tiếp quyết định của Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

3. Ban cán sự đảng cơ quan nhà nước ở Trung ương

3.1. Lãnh đạo, tổ chức thực hiện và kiểm tra thực hiện các quyết định của cấp trên về cán bộ và công tác cán bộ trong phạm vi phụ trách.

3.2. Theo đề nghị của bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, thảo luận và quyết định:

- Tuyển chọn, bố trí, phân công công tác; quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng; điều động, luân chuyển, bổ nhiệm, miễn nhiệm; khen thưởng, kỷ luật; nghỉ hưu và thực hiện chính sách đối với cán bộ được phân cấp quản lý. Trên cơ sở đó, thủ trưởng cơ quan ra quyết định về mặt nhà nước.

- Kiến nghị về quy hoạch, tuyển chọn, bố trí, phân công công tác; nhận xét, đánh giá; điều động, luân chuyển, bổ nhiệm, miễn nhiệm, giới thiệu ứng cử, khen thưởng, kỷ luật các chức danh cán bộ của bộ, ngành thuộc quyền trực tiếp quyết định của cấp trên.

3.3. Chủ trì, phối hợp, trao đổi ý kiến với ban thường vụ tỉnh ủy, thành ủy về bố trí, bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật đối với cán bộ lãnh đạo cấp trưởng của tổ chức ngành dọc công tác và sinh hoạt đảng trên địa bàn tỉnh, thành phố. Ban cán sự đảng bộ, ngành phân tích, thảo luận những ý kiến khác nhau, quyết định và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

4. Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể, các hội ở Trung ương và Ban Bí thư Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh

4.1. Lãnh đạo, tổ chức thực hiện và kiểm tra thực hiện các quyết định của cấp trên về cán bộ và công tác cán bộ trong phạm vi phụ trách.

4.2. Trên cơ sở ý kiến đề xuất của Chủ tịch Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, người đứng đầu các đoàn thể, các hội ở Trung ương, của Chủ tịch, Bí thư Đảng đoàn Mặt trận, đoàn thể, các hội, Bí thư thứ nhất Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, thảo luận và quyết định:

- Tuyển chọn, bố trí, phân công công tác; quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng; điều động, luân chuyển, bổ nhiệm, miễn nhiệm; khen thưởng, kỷ luật; nghỉ hưu và thực hiện chính sách đối với cán bộ được phân cấp quản lý.

- Đề nghị về quy hoạch, bố trí, phân công công tác, nhận xét, đánh giá; điều động, luân chuyển, bổ nhiệm, miễn nhiệm, giới thiệu ứng cử, khen thưởng, kỷ luật; nghỉ hưu và thực hiện chính sách đối với các chức danh cán bộ của tổ chức mình thuộc quyền trực tiếp quyết định của Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

Chương III

TRÁCH NHIỆM VÀ QUYỀN HẠN CỦA CÁC CƠ QUAN THAM MUU CỦA TRUNG ƯƠNG ĐẢNG TRONG QUẢN LÝ CÁN BỘ

Điều 8. Trách nhiệm và quyền hạn của các ban của Trung ương Đảng trong quản lý cán bộ

1. Ban Tổ chức Trung ương

1.1. Là cơ quan tham mưu của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về đường lối, chủ trương, chính sách cán bộ và công tác cán bộ; hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện các nghị quyết, chỉ thị, quy chế, quy định, quyết định của Trung ương Đảng về cán bộ và công tác cán bộ.

1.2. Tổng hợp, theo dõi đội ngũ cán bộ chủ chốt, trước hết là phối hợp với các cấp ủy đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn trực thuộc Trung ương và các ban đảng ở Trung ương giúp Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý, nhận xét, đánh giá, điều động, luân chuyển, bổ nhiệm, miễn nhiệm, giới thiệu ứng cử cán bộ thuộc quyền trực tiếp quyết định của Bộ Chính trị, Ban Bí

thư và cán bộ thuộc diện quy hoạch để đảm nhiệm các chức danh này.

1.3. Trình Bộ Chính trị, Ban Bí thư các vấn đề về cán bộ và công tác cán bộ.

1.4. Xây dựng và hướng dẫn thực hiện quy hoạch, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ theo quy định của Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

1.5. Chủ trì, phối hợp với các ban của Trung ương Đảng và các cơ quan có liên quan thẩm định nhân sự; đồng thời tùy theo chức danh cán bộ mà gửi văn bản xin ý kiến Chủ tịch nước, Ban Cán sự Đảng Chính phủ hoặc Đảng đoàn Quốc hội; tổng hợp, đề xuất và trình Bộ Chính trị, Ban Bí thư xem xét, quyết định.

1.6. Chủ trì, phối hợp với các ban của Trung ương Đảng theo dõi, kiểm tra, tham gia ý kiến trước khi cơ quan có thẩm quyền quyết định bổ nhiệm một số chức danh cán bộ (nêu tại Điều 11 của Quy định này) ở các ban, bộ, ngành và cấp ủy trực thuộc Trung ương.

1.7. Giải quyết một số chế độ, chính sách cụ thể đối với cán bộ theo ủy nhiệm của Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

1.8. Hướng dẫn, kiểm tra công tác xây dựng và quản lý hồ sơ cán bộ; trực tiếp quản lý hồ sơ, lý lịch cán bộ thuộc quyền trực tiếp quyết định của Bộ Chính trị, Ban Bí thư. Hướng dẫn thống nhất việc xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, đảng viên; trực tiếp quản lý cơ sở dữ liệu cán bộ trong các cơ quan đảng, đoàn thể; cơ sở dữ liệu đảng viên trong toàn Đảng.

1.9. Trưởng Ban Tổ chức Trung ương ký quyết định bổ nhiệm cán bộ giữ chức danh lãnh đạo ở các cơ quan Trung ương Đảng mà Ban Bí thư không trực tiếp quản lý nêu tại Điều 11 của Quy định này.

2. Ủy ban Kiểm tra Trung ương và các ban khác của Trung ương Đảng (Ban Tuyên giáo Trung ương, Ban Dân vận Trung ương, Ban Đối ngoại Trung ương, Văn phòng Trung ương Đảng)

2.1. Kiến nghị Bộ Chính trị, Ban Bí thư việc bố trí, sử dụng, điều động, bổ nhiệm, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thực hiện chính sách đối với cán bộ thuộc quyền trực tiếp quyết định của Bộ Chính trị, Ban Bí thư; kiểm tra, giám sát, kiến nghị Bộ Chính trị, Ban Bí thư xem xét những quyết định không đúng quan điểm, đường lối, chính sách, quy định đối với cán bộ thuộc thẩm quyền quyết định của các tổ chức đảng cấp dưới.

2.2. Ủy ban Kiểm tra Trung ương quyết định kỷ luật cán bộ theo thẩm quyền quy định tại Điều lệ Đảng, Quy định của Bộ Chính trị về thi hành Điều lệ Đảng và Quyết định của Bộ Chính trị ban hành hướng dẫn thực hiện các quy định về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng.

2.3. Phối hợp với Ban Tổ chức Trung ương thẩm định nhân sự để bổ nhiệm cán bộ thuộc quyền trực tiếp quyết định của Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

2.4. Phối hợp với Ban Tổ chức Trung ương theo dõi, kiểm tra và tham gia thẩm định nhân sự để cơ quan có thẩm quyền quyết định bổ nhiệm đối với các chức danh cán bộ nêu tại Điều 11 của Quy định này.

Chương IV

CHỨC DANH CÁN BỘ DO BỘ CHÍNH TRỊ, BAN Bí THƯ QUYẾT ĐỊNH; CHỨC DANH CÁN BỘ CẦN CÓ SỰ THẨM ĐỊNH NHÂN SỰ CỦA CÁC BAN CỦA TRUNG ƯƠNG ĐẢNG

Điều 9. Chức danh cán bộ do Bộ Chính trị quyết định

1. Các cơ quan Trung ương

- Ủy viên Bộ Chính trị; Ủy viên Ban Bí thư; Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

- Phó Chủ tịch nước; Phó Thủ tướng Chính phủ; Phó Chủ tịch Quốc hội.

- Ủy viên Hội đồng Quốc phòng - An ninh.

- Thành viên Đảng đoàn Quốc hội, Ban Cán sự Đảng Chính phủ.

- Chủ nhiệm, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương; Trưởng ban Trung ương Đảng; Chánh Văn phòng Trung ương Đảng; Giám đốc Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh.

- Ủy viên Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Chủ tịch Hội đồng Dân tộc; chủ nhiệm các ủy ban của Quốc hội; Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội; Tổng Kiểm toán Nhà nước.

- Chánh án Tòa án nhân dân tối cao; Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao.

- Chủ nhiệm Văn phòng Chủ tịch nước.

- Bộ trưởng; thủ trưởng cơ quan ngang bộ; Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ; Chủ tịch Viện Khoa học và Công

nghệ Việt Nam; Chủ tịch Viện Khoa học xã hội Việt Nam; Chánh Văn phòng Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng.

- Chủ tịch, Phó Chủ tịch kiêm Tổng Thư ký Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam; Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam; Chủ tịch Hội Nông dân Việt Nam; Chủ tịch Hội Cựu chiến binh Việt Nam; Bí thư thứ nhất Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh.

- Tổng Biên tập Báo Nhân dân; Tổng Biên tập Tạp chí Cộng sản.

- Bí thư Đảng ủy khối ở Trung ương.

2. Các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

- Bí thư tỉnh ủy, thành ủy.

- Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quân đội, công an

- Ủy viên Đảng ủy Quân sự Trung ương, Ủy viên Đảng ủy Công an Trung ương.

- Tổng Tham mưu trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam.

- Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam.

- Chính ủy, tư lệnh quân khu, quân chủng, bộ đội biên phòng.

Bộ Chính trị xem xét, quyết định việc phong hoặc thăng hàm đối với các đồng chí giữ chức vụ nêu trên và phong hoặc thăng hàm Đại tướng, Thượng tướng, Đô đốc Hải quân cho các đồng chí giữ chức vụ thấp hơn.

Điều 10. Chức danh cán bộ do Ban Bí thư quyết định

1. Các cơ quan Trung ương

- Phó trưởng ban của Trung ương Đảng; Phó Chánh Văn phòng Trung ương; Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Trung ương; Phó Giám đốc Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh; Phó Tổng Biên tập Báo Nhân dân; Phó Tổng Biên tập Tạp chí Cộng sản; Giám đốc Nhà xuất bản Chính trị quốc gia; Phó Bí thư Đảng ủy khối ở Trung ương.

- Trợ lý của Tổng Bí thư, Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch Quốc hội, của các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị; chuyên gia cao cấp.

- Bí thư Ban Cán sự Đảng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao, Kiểm toán Nhà nước; bí thư ban cán sự đảng các bộ và cơ quan ngang bộ; bí thư các đảng đoàn: Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Hội Cựu chiến binh Việt Nam; bí thư ban cán sự đảng các cơ quan thuộc Chính phủ.

- Phó Chủ tịch Hội đồng Dân tộc, phó chủ nhiệm các ủy ban của Quốc hội; Phó Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội; trưởng các ban thuộc Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Phó Tổng Kiểm toán Nhà nước.

- Phó Chủ nhiệm Văn phòng Chủ tịch nước.

- Thứ trưởng, phó thủ trưởng cơ quan ngang bộ; Phó Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ; Phó Chánh Văn phòng Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng; Phó Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Phó Chánh án Tòa án nhân dân tối cao; Tổng Giám đốc: Thông tấn xã Việt Nam,

Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam; tổng cục trưởng các tổng cục và thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ.

- Phó Chủ tịch: Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam, Hội Cựu chiến binh Việt Nam.

- Bí thư Đảng đoàn, Chủ tịch hoặc Tổng Thư ký: Liên hiệp các hội văn học nghệ thuật Việt Nam, Liên hiệp các hội khoa học và kỹ thuật Việt Nam, Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam, Hội Nhà văn Việt Nam, Hội Nhà báo Việt Nam, Hội Luật gia Việt Nam, Hội Chữ thập đỏ Việt Nam; Chủ tịch Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, Hội đồng Trung ương Liên minh các hợp tác xã Việt Nam.

- Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại sứ Việt Nam tại các nước.

2. Các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

- Phó bí thư tỉnh ủy, thành ủy.
- Chủ tịch hội đồng nhân dân; chủ tịch ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố (trừ Thành phố Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh).

3. Quân đội, Công an

a) Quân đội

- Thủ trưởng Bộ Quốc phòng.
- Phó Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam.
- Phó Tổng Tham mưu trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam.

- Chính ủy, chủ nhiệm tổng cục (trừ Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị).

- Chính ủy, tổng cục trưởng.
- Phó Chính ủy, phó tư lệnh quân khu, quân chủng, bộ đội biên phòng.

- Chính ủy, Giám đốc Học viện Quốc phòng.

b) Công an

- Thủ trưởng.
- Tổng cục trưởng.

Ban Bí thư xem xét, quyết định việc phong hoặc thăng hàm đối với các đồng chí giữ các chức vụ nêu trên và phong hoặc thăng hàm Trung tướng, Thiếu tướng, Phó Đô đốc, Chuẩn Đô đốc Hải quân đối với các chức vụ thấp hơn.

Điều 11. Chức danh cán bộ cần có sự tham gia thẩm định nhân sự của các ban của Trung ương Đảng

- Phó Tổng Giám đốc: Đài Tiếng nói Việt Nam, Đài Truyền hình Việt Nam, Thông tấn xã Việt Nam.

- Phó Viện trưởng: Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam, Viện Khoa học xã hội Việt Nam.

- Phó Tổng cục trưởng các tổng cục và phó thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ.

- Phó trưởng ban các ban thuộc Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Chủ tịch hội đồng quản trị các công ty nhà nước đặc biệt quan trọng.

- Tổng cục trưởng các tổng cục thuộc bộ.

- Phó Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.

- Phó Giám đốc Nhà xuất bản Chính trị quốc gia.

- Bí thư Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh.

- Phó Chủ tịch hoặc Phó Tổng Thư ký Liên hiệp các hội văn học nghệ thuật Việt Nam, Liên hiệp các hội khoa học và kỹ thuật Việt Nam, Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam, Hội Nhà văn Việt Nam, Hội Nhà báo Việt Nam, Hội Luật gia Việt Nam, Hội Chữ thập đỏ Việt Nam, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, Hội đồng Trung ương Liên minh các hợp tác xã Việt Nam; Tổng Thư ký các hội văn học nghệ thuật chuyên ngành Việt Nam.

- Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy khối ở Trung ương.

- Ủy viên ban thường vụ tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương; Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đối với các chức danh cán bộ nêu trong điều này, cơ quan có thẩm quyền quyết định bổ nhiệm hoặc giới thiệu ứng cử nghiên cứu ý kiến thẩm định về nhân sự của Ban Tổ chức Trung ương, Ủy ban Kiểm tra Trung ương và các ban hữu quan của Trung ương Đảng để xem xét, quyết định bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử và chịu trách nhiệm về quyết định của mình; các ban đảng chịu trách nhiệm về ý kiến thẩm định của mình.

Chương V

PHÂN CẤP QUẢN LÝ ĐỐI VỚI CÁN BỘ ĐÃ THÔI GIỮ CHỨC VỤ HOẶC ĐÃ NGHỈ HUƯ

Điều 12. Nội dung quản lý

Cán bộ khi còn đang công tác thuộc diện Ban Chấp hành

Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý thì khi thôi giữ chức vụ hoặc đã nghỉ hưu vẫn phải được Bộ Chính trị, Ban Bí thư xem xét, cho ý kiến về những vấn đề sau:

- Tham gia các tổ chức chính trị - xã hội (ứng cử đại biểu Quốc hội, hội đồng nhân dân các cấp, tham gia thành viên lãnh đạo (chủ tịch, phó chủ tịch, tổng thư ký và tương đương) của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội; đứng ra lập hội và làm người đứng đầu các hội).

- Thực hiện chế độ, chính sách đối với cán bộ.
- Đi nước ngoài có sử dụng ngân sách nhà nước.
- Khen thưởng, kỷ luật cán bộ.

Điều 13. Phân cấp quản lý

1. Bộ Chính trị xem xét, cho ý kiến đối với các chức danh sau:

- Các đồng chí nguyên là Tổng Bí thư, Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch Quốc hội.

- Các đồng chí nguyên là Ủy viên Bộ Chính trị.
- Các đồng chí nguyên là Bí thư Trung ương Đảng.
- Các đồng chí nguyên là Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

- Các đồng chí nguyên là Phó Chủ tịch nước, Phó Thủ tướng Chính phủ, Phó Chủ tịch Quốc hội.

- Đại tướng lực lượng vũ trang.

2. Ban Bí thư xem xét, cho ý kiến đối với các chức danh còn lại trong danh mục cán bộ khi còn đang công tác thuộc diện Bộ Chính trị quản lý được quy định tại Điều 9 của Quy định này.

3. Lãnh đạo các ban đảng và cơ quan Trung ương, ban cán sự đảng, đảng đoàn, ban thường vụ các tỉnh ủy, thành ủy và đảng ủy trực thuộc Trung ương xem xét, cho ý kiến đối với các chức danh khi còn đang công tác do Ban Bí thư quản lý quy định tại Điều 10 của Quy định này.

Hồ sơ, lý lịch gốc của cán bộ có chức danh nêu tại các khoản 1, 2, 3 của Điều này vẫn quản lý tại Ban Tổ chức Trung ương.

Chương VI
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 14. Căn cứ vào quy định trên đây, các tỉnh ủy, thành ủy, các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc Trung ương quy định cụ thể việc phân cấp quản lý cán bộ trong phạm vi phụ trách.

Điều 15. Ban Tổ chức Trung ương có trách nhiệm hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện Quy định này.

Lưu tại Kho Lưu trữ

Văn phòng Trung ương Đảng.

**QUYẾT ĐỊNH
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ**
Số 68-QĐ/TW, ngày 4 tháng 7 năm 2007
**Ban hành Quy chế bổ nhiệm cán bộ
và giới thiệu cán bộ ứng cử**

- Căn cứ Điều lệ Đảng;
- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư khóa X;
- Xét đề nghị của Ban Tổ chức Trung ương,

BỘ CHÍNH TRỊ QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này "Quy chế bổ nhiệm cán bộ và giới thiệu cán bộ ứng cử".

Điều 2. Các tỉnh ủy, thành ủy, các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn và đảng ủy trực thuộc Trung ương có trách nhiệm thực hiện Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 51-QĐ/TW, ngày 3-5-1999 của

Bộ Chính trị (khóa VIII) và các quy định trước đây trái với
Quy chế này về bổ nhiệm cán bộ và giới thiệu cán bộ ứng cử.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
TRƯỞNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUY CHẾ
BỔ NHIỆM CÁN BỘ
VÀ GIỚI THIỆU CÁN BỘ ỦNG CỬ
*(Kèm theo Quyết định số 68-QĐ/TW, ngày 4-7-2007
của Bộ Chính trị)*

Quy chế này quy định việc bổ nhiệm cán bộ và giới thiệu cán bộ ứng cử (dưới đây gọi chung là bổ nhiệm cán bộ) vào các vị trí lãnh đạo, quản lý của các tổ chức trong hệ thống chính trị.

Chương I
NGUYÊN TẮC CHUNG

Điều 1. Nguyên tắc bổ nhiệm cán bộ

1. Đảng thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ.
2. Cấp ủy, tổ chức đảng và tập thể lãnh đạo cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định một cách dân chủ trên cơ sở phát huy đầy đủ trách nhiệm và quyền hạn của từng thành viên, nhất là của người đứng đầu cơ quan, đơn vị.
3. Phải xuất phát từ yêu cầu, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị; phải căn cứ vào phẩm chất, đạo đức, năng lực và sở trường của cán bộ.
4. Đảm bảo sự ổn định, kế thừa và phát triển của đội ngũ cán bộ, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của cơ quan, đơn vị.

Điều 2. Trách nhiệm và thẩm quyền bổ nhiệm cán bộ

Trong phạm vi thẩm quyền theo quy định phân cấp quản lý cán bộ của Bộ Chính trị:

1. Người đứng đầu, các thành viên cấp ủy, tổ chức đảng, lãnh đạo cơ quan, đơn vị đề xuất nhân sự và nhận xét, đánh giá cán bộ được đề xuất. Nếu người được giới thiệu là cán bộ công tác trong cơ quan, đơn vị thì nói chung phải được quy hoạch vào chức danh bổ nhiệm.

2. Tập thể cấp ủy, tổ chức đảng, lãnh đạo cơ quan, đơn vị thảo luận, nhận xét, đánh giá cán bộ, quyết định hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

3. Cá nhân, tập thể đề nghị bổ nhiệm phải chịu trách nhiệm về đề nghị của mình.

4. Trường hợp người đứng đầu cơ quan, đơn vị và tập thể lãnh đạo có ý kiến khác nhau thì cần báo cáo đầy đủ lên cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

Trường hợp tập thể lãnh đạo giới thiệu hai người có số phiếu ngang nhau thì chọn nhân sự do người đứng đầu giới thiệu để quyết định bổ nhiệm hoặc trình cấp có thẩm quyền bổ nhiệm.

Điều 3. Quy trình, thủ tục bổ nhiệm

Quy trình, thủ tục bổ nhiệm phải thực hiện theo đúng Điều lệ Đảng, pháp luật của Nhà nước, điều lệ của các tổ chức chính trị - xã hội và Quy chế này.

Chương II

THỜI HẠN VÀ ĐIỀU KIỆN BỔ NHIỆM CÁN BỘ

Điều 4. Thời hạn giữ chức vụ

- Thời hạn mỗi nhiệm kỳ bổ nhiệm chức vụ là 5 năm đối với cán bộ giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý cấp trưởng, cấp phó ở cơ quan, đơn vị trong bộ máy tổ chức đảng, nhà nước, đoàn thể, các đơn vị sự nghiệp; thành viên hội đồng quản trị, tổng giám đốc, phó tổng giám đốc, giám đốc, phó giám đốc, kế toán trưởng... các doanh nghiệp nhà nước.

- Thời hạn dưới 5 năm mỗi nhiệm kỳ bổ nhiệm áp dụng đối với một số chức vụ đặc thù theo quy định riêng.

- Thời hạn giữ chức vụ bầu cử căn cứ vào nhiệm kỳ đại hội của tổ chức đó.

Điều 5. Điều kiện bổ nhiệm

- 1. Bảo đảm tiêu chuẩn chung của cán bộ quy định tại Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương (khóa VIII) và tiêu chuẩn cụ thể của chức danh bổ nhiệm.

- 2. Có hồ sơ, lý lịch cá nhân đầy đủ, rõ ràng, được cơ quan chức năng có thẩm quyền xác minh.

- 3. Tuổi bổ nhiệm: Cán bộ các cơ quan trong hệ thống chính trị được đề nghị bổ nhiệm vào vị trí lãnh đạo, quản lý lần đầu nói chung cần đủ tuổi để công tác được trọn một nhiệm kỳ.

- 4. Có đủ sức khỏe để hoàn thành nhiệm vụ được giao.

- 5. Cán bộ bị kỷ luật từ khiển trách trở lên thì không được bổ nhiệm vào các chức vụ cao hơn trong thời gian ít nhất một năm kể từ khi có quyết định kỷ luật.

6. Khi cần thiết, cơ quan có thẩm quyền quyết định bổ nhiệm gấp, trao đổi ý kiến hoặc ủy quyền cho cơ quan tham mưu về tổ chức cán bộ gấp, trao đổi ý kiến với nhân sự trước khi quyết định.

Chương III

QUY TRÌNH BỔ NHIỆM CÁN BỘ DIỆN TRUNG ƯƠNG QUẢN LÝ

Điều 6. Trình tự, thủ tục bổ nhiệm cán bộ thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư trực tiếp quản lý

Căn cứ nhu cầu công tác, ban cán sự đảng, đảng đoàn, lãnh đạo các ban và cơ quan trực thuộc Trung ương, ban thường vụ hoặc ban chấp hành đảng bộ các tỉnh, thành phố, các đảng ủy trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là tập thể lãnh đạo) thực hiện các bước sau:

1. Trình cơ quan cấp trên có thẩm quyền (bằng văn bản) về chủ trương, số lượng và dự kiến phân công công tác đối với cán bộ được đề nghị bổ nhiệm.

2. Đề xuất nhân sự cụ thể sau khi được cấp trên đồng ý về chủ trương:

2.1. Đối với nguồn nhân sự tại chỗ

a) Trên cơ sở nguồn cán bộ trong quy hoạch và nhận xét, đánh giá cán bộ, người đứng đầu, các thành viên lãnh đạo cơ quan, đơn vị và cơ quan tham mưu đề xuất phương án nhân sự.

b) Tập thể lãnh đạo thảo luận, lựa chọn nhân sự và thông qua nhận xét, đánh giá để lấy ý kiến của cán bộ trong cơ quan, đơn vị. Nhu cầu bổ nhiệm một người có thể lựa chọn một người hoặc nhiều người.

c) Tổ chức lấy ý kiến của cán bộ chủ chốt về nhân sự:

- Thành phần tham gia lấy ý kiến:

+ Ở Trung ương là tập thể ban cán sự đảng, đảng đoàn, lãnh đạo bộ, ban, ngành, vụ trưởng, phó vụ trưởng và tương đương, trưởng các đơn vị trực thuộc, thường vụ đảng ủy, trưởng các đoàn thể ở cơ quan bộ, ban, ngành. Ngoài ra, có thể lấy thêm ý kiến của giám đốc sở và tương đương, nhưng khi tổng hợp thì tách riêng.

+ Ở các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương là các đồng chí trong ban chấp hành đảng bộ, chủ tịch, phó chủ tịch hội đồng nhân dân, ủy ban nhân dân cấp tỉnh, trưởng các ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh, bí thư các đảng bộ trực thuộc, chủ tịch hội đồng nhân dân, ủy ban nhân dân các huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh.

- Trình tự lấy ý kiến:

+ Trao đổi, thảo luận về yêu cầu bổ nhiệm, tiêu chuẩn cán bộ.

+ Thông báo danh sách cán bộ do tập thể lãnh đạo giới thiệu; tóm tắt lý lịch, quá trình học tập, công tác; nhận xét, đánh giá ưu, khuyết điểm, mặt mạnh, mặt yếu, triển vọng phát triển; dự kiến phân công công tác.

+ Giới thiệu bổ sung (ngoài danh sách nhân sự do tập thể lãnh đạo giới thiệu).

+ Ghi phiếu lấy ý kiến (không phải ký tên).

- Kết quả phiếu tín nhiệm có giá trị tham khảo quan

trọng, là một trong những căn cứ để xem xét, nhưng không phải là căn cứ duy nhất và chủ yếu để quyết định.

d) Người đứng đầu cùng với tập thể lãnh đạo:

- Phân tích kết quả tổng hợp phiếu lấy ý kiến.
- Xác minh, kết luận những vấn đề mới nảy sinh (nếu có).
- Lấy ý kiến bằng văn bản của ban thường vụ đảng ủy hoặc đảng ủy cơ quan (những nơi không có ban thường vụ) về nhân sự được đề nghị bổ nhiệm.
- Tập thể lãnh đạo thảo luận, nhận xét, đánh giá và biểu quyết nhân sự (bằng phiếu kín). Nhân sự được đề nghị bổ nhiệm phải được đa số các thành viên trong tập thể lãnh đạo tán thành.

d) Làm tờ trình đề nghị cấp trên bổ nhiệm

Trường hợp người đứng đầu cơ quan, đơn vị và tập thể lãnh đạo có ý kiến khác nhau thì cần báo cáo đầy đủ lên Bộ Chính trị, Ban Bí thư xem xét, quyết định.

Trường hợp tập thể lãnh đạo giới thiệu hai người có số phiếu ngang nhau thì chọn nhân sự do người đứng đầu giới thiệu để trình, đồng thời báo cáo đầy đủ các ý kiến khác nhau để Bộ Chính trị, Ban Bí thư xem xét, quyết định.

2.2. Đối với nguồn nhân sự từ nơi khác

a) Người đứng đầu, các thành viên lãnh đạo cơ quan, đơn vị đề xuất nhân sự hoặc cơ quan tham mưu của Trung ương Đảng giới thiệu.

b) Tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị thảo luận, thống nhất về chủ trương và chỉ đạo tiến hành một số công việc sau:

- Gặp cán bộ được đề nghị bổ nhiệm để trao đổi ý kiến về yêu cầu nhiệm vụ công tác.
- Trao đổi ý kiến với tập thể lãnh đạo và thường vụ đảng

ủy cơ quan nơi cán bộ đang công tác về chủ trương điều động; lấy nhận xét, đánh giá của tập thể lãnh đạo và thường vụ cấp ủy đối với nhân sự; xác minh lý lịch của cán bộ.

- Thảo luận, nhận xét, đánh giá và biểu quyết nhân sự (bằng phiếu kín).

Trường hợp cơ quan cấp trên có dự kiến điều động, bổ nhiệm cán bộ từ nguồn nhân sự ngoài cơ quan, đơn vị thì trao đổi ý kiến với tập thể lãnh đạo của cơ quan tiếp nhận cán bộ về dự kiến điều động (nếu cơ quan đó không chủ động đề nghị).

c) Làm tờ trình đề nghị cấp trên bổ nhiệm

Trường hợp cán bộ đảm bảo được tiêu chuẩn bổ nhiệm nhưng chưa được cơ quan nơi cán bộ đang công tác nhất trí điều động thì cơ quan có yêu cầu bổ nhiệm hoặc cơ quan tham mưu về công tác cán bộ vẫn có thể báo cáo đề nghị Bộ Chính trị, Ban Bí thư xem xét, quyết định.

2.3. Đối với nhân sự tham gia ban cán sự đảng, đảng đoàn

Khi đề xuất cán bộ giữ chức danh lãnh đạo, nếu chức danh đó thuộc cơ cấu đã được quy định là tham gia ban cán sự đảng, đảng đoàn, hoặc xét thấy cán bộ được đề nghị bổ nhiệm cần tham gia ban cán sự đảng, đảng đoàn thì đồng thời đề xuất việc tham gia ban cán sự đảng, đảng đoàn của cán bộ đó.

Điều 7. Thẩm định, xét duyệt đối với cán bộ thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư trực tiếp quyết định ở các cơ quan Trung ương

1. Các cơ quan, đơn vị làm tờ trình bổ nhiệm gửi lên cấp có thẩm quyền thì đồng thời gửi hồ sơ đề nghị bổ nhiệm cho

Ban Tổ chức Trung ương để thẩm định. Ban Tổ chức Trung ương gửi hồ sơ nhân sự và xin ý kiến tham gia thẩm định nhân sự của các cơ quan liên quan.

Ban Tổ chức Trung ương và các cơ quan liên quan thẩm định nhân sự theo chức năng, nhiệm vụ được giao và chịu trách nhiệm về ý kiến thẩm định của mình.

2. Khi Ban Tổ chức Trung ương gửi xin ý kiến thẩm định của các cơ quan liên quan về nhân sự bổ nhiệm thì đồng thời gửi văn bản xin ý kiến của:

- Chủ tịch nước (đối với nhân sự bổ nhiệm hoặc giới thiệu ứng cử giữ chức vụ: Phó Chủ tịch nước, Chủ nhiệm, Phó Chủ nhiệm Văn phòng Chủ tịch nước, Viện trưởng, Phó Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Chánh án, Phó Chánh án Tòa án nhân dân tối cao...).

- Ban Cán sự Đảng Chính phủ (đối với nhân sự bổ nhiệm hoặc giới thiệu ứng cử giữ chức vụ: Phó Thủ tướng Chính phủ, bộ trưởng, thứ trưởng, thủ trưởng, phó thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và chức vụ tương đương, chủ tịch hội đồng nhân dân, chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố, đại sứ Việt Nam tại các nước, nhân sự phong, thăng hàm cấp tướng trong lực lượng vũ trang...).

- Đảng đoàn Quốc hội (đối với nhân sự bổ nhiệm hoặc giới thiệu ứng cử giữ chức vụ: Phó Chủ tịch Quốc hội, Ủy viên Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng Dân tộc, Chủ nhiệm, phó chủ nhiệm các ủy ban của Quốc hội, Tổng Kiểm toán, Phó Tổng Kiểm toán Nhà nước, Chủ nhiệm, Phó Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội, trưởng các ban của Ủy ban Thường vụ Quốc hội...).

Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ khi nhận được yêu cầu, các cơ quan xem xét, thẩm định nhân sự trả lời cho Ban Tổ chức Trung ương. Quá thời hạn trên, nếu không có ý kiến trả lời thì được coi như cơ quan đồng ý với đề nghị bổ nhiệm. Nếu vì lý do khách quan mà không kịp trả lời thì thông báo cho Ban Tổ chức Trung ương biết.

3. Ban Tổ chức Trung ương thẩm định, hoàn chỉnh hồ sơ nhân sự, tổng hợp đầy đủ các ý kiến về nhân sự và làm tờ trình Bộ Chính trị, Ban Bí thư, báo cáo rõ ý kiến của đồng chí Chủ tịch nước, Ban Cán sự Đảng Chính phủ, Đảng đoàn Quốc hội, ý kiến của thường vụ cấp ủy trực thuộc Trung ương, ý kiến của các cơ quan.

Thời hạn Ban Tổ chức Trung ương thẩm định nhân sự, hoàn chỉnh hồ sơ để trình Bộ Chính trị, Ban Bí thư là 15 ngày làm việc. Nếu vì lý do khách quan mà chưa kịp thẩm định trong thời hạn trên thì báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

4. Bộ Chính trị, Ban Bí thư xem xét, quyết định.

Dự cuộc họp của Bộ Chính trị, Ban Bí thư xem xét, quyết định về nhân sự có đại diện lãnh đạo một số ban của Trung ương Đảng và những cơ quan có liên quan.

5. Ban Tổ chức Trung ương dự thảo quyết định bổ nhiệm để Bộ Chính trị, Ban Bí thư ký hoặc thông báo ý kiến kết luận của Bộ Chính trị, Ban Bí thư đến các cơ quan liên quan để thực hiện việc bổ nhiệm hoặc giới thiệu ứng cử theo đúng quy định của Điều lệ Đảng, luật pháp của Nhà nước, điều lệ của các đoàn thể chính trị - xã hội; đồng thời thông báo việc xếp lương chức vụ hoặc phụ cấp chức vụ lãnh đạo theo chức danh lãnh đạo được bổ nhiệm.

Chương IV

**QUY TRÌNH BỔ SUNG CÁN BỘ CÁC TỈNH ỦY,
THÀNH ỦY VÀ ĐẢNG ỦY TRỰC THUỘC
TRUNG ƯƠNG VÀ BỔ NHIỆM CÁN BỘ
PHÂN CẤP CHO CẤP DƯỚI**

Điều 8. Bổ sung các chức danh lãnh đạo đảng, chính quyền tỉnh, thành phố và đảng ủy trực thuộc Trung ương

Khi cần bổ sung cấp ủy viên, ủy viên ban cán sự đảng, đảng đoàn còn thiếu so với số lượng mà đại hội quyết định hoặc trong khung số lượng do Trung ương quy định, các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương, ban cán sự đảng, đảng đoàn chủ động làm quy trình giới thiệu nhân sự và báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư xem xét, chỉ định; không phải báo cáo xin chủ trương.

Riêng trường hợp cần kiện toàn, bổ sung các chức danh bí thư, phó bí thư, chủ tịch hội đồng nhân dân, chủ tịch ủy ban nhân dân thì ban thường vụ các tỉnh ủy, thành ủy phải báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư xin chủ trương và dự kiến nguồn nhân sự trước khi thực hiện quy trình nhân sự.

Đối với nhân sự được giới thiệu để bầu vào ban thường vụ, bầu giữ chức Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh, thì phải xin ý kiến thẩm định của các ban Trung ương Đảng trước khi giới thiệu để tỉnh ủy, thành ủy hoặc hội đồng nhân dân bầu và báo cáo cấp có thẩm quyền chuẩn y hoặc phê chuẩn kết quả bầu cử.

Điều 9. Trình tự, thủ tục bổ nhiệm cán bộ thuộc diện Bộ Chính trị phân cấp cho các ban, bộ, ngành, địa phương

Ban cán sự đảng, đảng đoàn, lãnh đạo các ban và cơ quan trực thuộc Trung ương, Đảng ủy Quân sự Trung ương, Đảng ủy Công an Trung ương, ban thường vụ tỉnh ủy, thành ủy căn cứ vào quy định tại các Điều 6, 7, 8 của Quy chế này, cụ thể hóa trình tự, thủ tục bổ nhiệm đối với cán bộ trong diện được phân cấp quản lý và hướng dẫn cấp dưới thực hiện.

Chương V

BỔ NHIỆM LẠI

Điều 10. Yêu cầu đối với việc bổ nhiệm lại

1. Khi hết thời hạn giữ chức vụ bổ nhiệm theo quy định, phải xem xét có hay không bổ nhiệm lại hoặc giới thiệu tái ứng cử.

Những cán bộ sau khi được bổ nhiệm vì những lý do cụ thể, như: sức khoẻ không đảm bảo, không phù hợp với điều kiện làm việc, sinh hoạt, không hoàn thành nhiệm vụ, vi phạm kỷ luật Đảng, pháp luật của Nhà nước... thì các cơ quan tham mưu đề xuất và cấp lãnh đạo có thẩm quyền cần xem xét, thay thế kịp thời, không chờ hết thời hạn giữ chức vụ bổ nhiệm.

2. Việc bổ nhiệm lại hoặc giới thiệu tái ứng cử được tiến hành từng bước, phù hợp quy định của Điều lệ Đảng, luật pháp của Nhà nước, điều lệ của các đoàn thể chính trị - xã hội và yêu cầu của từng lĩnh vực, từng ban, bộ, ngành, địa phương, bảo đảm ổn định và hiệu quả thiết thực.

Điều 11. Điều kiện bổ nhiệm lại

1. Hoàn thành nhiệm vụ trong thời hạn giữ chức vụ và vẫn đủ tiêu chuẩn, đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ trong thời gian tới.

2. Cơ quan, đơn vị có yêu cầu.

3. Đủ sức khoẻ để tiếp tục đảm nhiệm chức vụ cũ.

Điều 12. Thẩm quyền quyết định bổ nhiệm lại

1. Cấp nào ra quyết định bổ nhiệm cán bộ thì cấp đó thực hiện việc bổ nhiệm lại.

2. Bộ Chính trị, Ban Bí thư ủy quyền cho các đồng chí Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch Quốc hội xem xét, bổ nhiệm lại đối với cán bộ thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư trực tiếp quyết định trong phạm vi phụ trách.

Những trường hợp cán bộ thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý không bổ nhiệm lại, phải báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư xem xét, quyết định.

Ban Tổ chức Trung ương và các ban liên quan của Trung ương Đảng tham mưu, kịp thời phát hiện và đề xuất với cơ quan có thẩm quyền các trường hợp cần thay thế, miễn nhiệm và các trường hợp không nên bổ nhiệm lại.

3. Những cán bộ tính đến tuổi nghỉ hưu không còn đủ một nhiệm kỳ bổ nhiệm lại, nếu vẫn đáp ứng yêu cầu công việc thì có thể tiếp tục giữ chức vụ cho đến tuổi nghỉ hưu.

4. Cán bộ không được bổ nhiệm lại sẽ được bố trí công tác khác.

Điều 13. Thủ tục bổ nhiệm lại

1. Cán bộ làm báo cáo tự nhận xét, đánh giá việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ trong thời hạn giữ chức vụ.

2. Tập thể cán bộ, công chức trong đơn vị tham gia ý kiến bằng phiếu kín.

3. Cán bộ đứng đầu cơ quan, đơn vị trực tiếp sử dụng cán bộ nhận xét, đánh giá và đề xuất ý kiến có bổ nhiệm lại hay không. Tập thể lãnh đạo xem xét, quyết định hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền quyết định theo phân cấp quản lý cán bộ.

*Chapter VI***TÙ CHỨC, MIỄN NHIỆM****Điều 14. Từ chức**

1. Trong thời gian giữ chức vụ, nếu cán bộ tự xét thấy không đủ điều kiện để hoàn thành chức trách, nhiệm vụ được giao hoặc có nguyện vọng xin từ chức vì các lý do khác thì làm đơn báo cáo lãnh đạo cơ quan, đơn vị xem xét.

2. Lãnh đạo cơ quan, đơn vị trực tiếp sử dụng cán bộ xem xét, quyết định hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền quyết định.

3. Cán bộ sau khi từ chức được bố trí công tác khác.

Điều 15. Miễn nhiệm

Cán bộ đang giữ chức vụ có nguyện vọng xin thôi giữ chức, cán bộ có sai phạm chưa đến mức phải kỷ luật cách chức nhưng không còn đủ uy tín, điều kiện để giữ chức vụ, cán bộ xin miễn nhiệm vì sức khỏe, năng lực... thì cơ quan trực tiếp sử dụng cán bộ quyết định hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền quyết định miễn nhiệm chức vụ của cán bộ và bố trí công tác khác.

Các cơ quan có trách nhiệm tham mưu về công tác cán bộ kịp thời phát hiện và đề xuất về các trường hợp cần miễn nhiệm.

Chương VII

ĐIỀU ĐỘNG VÀ LUÂN CHUYỂN CÁN BỘ

Điều 16. Mục đích, yêu cầu của việc điều động, luân chuyển cán bộ

Việc điều động và luân chuyển cán bộ phải căn cứ vào yêu cầu công tác, nhiệm vụ chính trị, quy hoạch cán bộ nhằm sử dụng có hiệu quả và tạo nên sự đồng bộ trong đội ngũ cán bộ; luân chuyển cán bộ nhằm tạo điều kiện cho cán bộ trẻ có triển vọng, cán bộ trong quy hoạch được bồi dưỡng toàn diện, rèn luyện trong thực tiễn; khắc phục tình trạng khép kín, cục bộ trong từng ngành, từng địa phương, từng tổ chức; đồng thời bảo đảm sự ổn định và phát triển của đội ngũ cán bộ.

Điều 17. Đối tượng, phạm vi và thẩm quyền quyết định điều động và luân chuyển cán bộ

1. Đối tượng:

- Cán bộ các ban, bộ, ngành, đoàn thể ở Trung ương, địa phương có yêu cầu luân chuyển để rèn luyện, đào tạo, chuẩn bị bổ nhiệm vào các chức vụ lãnh đạo, quản lý theo quy hoạch cán bộ.

- Cán bộ đứng đầu từ cấp huyện, quận và tương đương trở lên đã giữ chức vụ hai nhiệm kỳ ở cùng một địa phương, đơn vị.

- Cán bộ được điều động do yêu cầu công tác theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

2. Phạm vi: Điều động và luân chuyển cán bộ giữa các ban, bộ, ngành, đoàn thể ở Trung ương và địa phương các cấp.

3. Thẩm quyền: Thẩm quyền quyết định điều động và luân chuyển cán bộ thực hiện theo quy định về phân cấp quản lý cán bộ của Bộ Chính trị.

Khi cần thiết, Bộ Chính trị, Ban Bí thư xem xét, quyết định điều động, luân chuyển cán bộ từ nơi khác về đảm nhận các chức vụ thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý tại các địa phương, cơ quan, đơn vị; Ban Tổ chức Trung ương phối hợp với người đứng đầu và tập thể lãnh đạo địa phương, cơ quan, đơn vị (nơi đi và nơi đến) trong luân chuyển đối với các chức danh khác.

Điều 18. Kế hoạch điều động và luân chuyển cán bộ

Căn cứ quy hoạch cán bộ, nhu cầu công tác và năng lực, sở trường của cán bộ, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, ban thường vụ cấp ủy, ban cán sự đảng, đảng đoàn, lãnh đạo cơ quan, đơn vị xây dựng kế hoạch, biện pháp điều động và luân chuyển cán bộ thuộc phạm vi quản lý:

- Lập danh sách cán bộ cần điều động và luân chuyển.
- Biện pháp thực hiện cụ thể đối với từng cán bộ.
- Trước khi quyết định điều động, luân chuyển, lãnh đạo cấp có thẩm quyền cần gặp gỡ cán bộ, nói rõ mục đích, sự cần thiết của việc điều động, luân chuyển để nghe cán bộ phát biểu, đề xuất ý kiến; trao đổi với cơ quan, đơn vị nơi cán bộ đi và nơi cán bộ đến.

Điều 19. Trách nhiệm thi hành

Các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị và cá nhân cán bộ phải nghiêm chỉnh chấp hành quyết định điều động và luân chuyển cán bộ của cấp có thẩm quyền.

Điều 20. Bảo đảm chế độ, chính sách đối với cán bộ được điều động, luân chuyển

1. Các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị có liên quan có trách nhiệm tạo điều kiện để cán bộ được điều động, luân chuyển sớm ổn định công tác và sinh hoạt.

2. Cán bộ được điều động, luân chuyển đến những vùng có khó khăn như miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo được ưu tiên giải quyết trước thời hạn một số chế độ, chính sách.

3. Ban Cán sự Đảng Chính phủ chỉ đạo Bộ Nội vụ phối hợp với các cơ quan chức năng, có sự tham gia của Ban Tổ chức Trung ương quy định chế độ, chính sách cụ thể.

Chương VIII

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 21. Căn cứ vào quy định trên đây, các tỉnh ủy, thành ủy và đảng ủy trực thuộc Trung ương, các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn quy định cụ thể việc bổ nhiệm và giới thiệu ứng cử đối với cán bộ trong phạm vi phụ trách.

Điều 22. Ban Tổ chức Trung ương có trách nhiệm hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện Quy chế này.

Lưu tại Kho Lưu trữ

Văn phòng Trung ương Đảng.

PHÁT BIỂU

**CỦA TỔNG Bí THƯ NÔNG ĐỨC MẠNH
KHAI MẠC HỘI NGHỊ LẦN THỨ NĂM
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG
KHÓA X***

Ngày 5 tháng 7 năm 2007

*Thưa các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương,
Thưa các đồng chí dự hội nghị,*

Hôm nay, Ban Chấp hành Trung ương khóa X họp Hội nghị toàn thể lần thứ năm. Thay mặt Bộ Chính trị, tôi nhiệt liệt chào mừng các đồng chí đã về dự hội nghị, chúc các đồng chí mạnh khỏe, hạnh phúc và đạt nhiều thắng lợi trên các cương vị công tác của mình.

Theo *Chương trình công tác toàn khóa*, hội nghị lần này sẽ bàn việc tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động của hệ thống chính trị; đẩy mạnh cải cách

* Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X diễn ra từ ngày 5 đến ngày 14-7-2007. Các tài liệu của Hội nghị này, chúng tôi sắp xếp theo trình tự diễn biến của Hội nghị để bạn đọc tiện theo dõi (B.T).

hành chính, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của bộ máy nhà nước; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của Đảng; về công tác tư tưởng, lý luận, báo chí trước yêu cầu mới; về cơ cấu tổ chức Chính phủ nhiệm kỳ Quốc hội khóa XII; giới thiệu nhân sự lãnh đạo các cơ quan nhà nước để Quốc hội xem xét, quyết định. Theo quy chế làm việc, Bộ Chính trị sẽ báo cáo với Ban Chấp hành Trung ương kết quả những công việc quan trọng Bộ Chính trị đã giải quyết từ sau Hội nghị Trung ương lần thứ tư đến nay.

Với những nội dung trên, Hội nghị Trung ương lần này tập trung bàn về công tác xây dựng Đảng và Nhà nước nhằm tiếp tục cụ thể hóa Nghị quyết Đại hội lần thứ X của Đảng, thực hiện sự lãnh đạo đối với những nhiệm vụ quan trọng trước mắt, bảo đảm yêu cầu và phương hướng lãnh đạo của Đảng cho cả nhiệm kỳ và những năm tiếp theo.

Như các đồng chí đã biết, trong phương hướng, mục tiêu xây dựng Đảng, Nghị quyết Đại hội X đã xác định phải đổi mới và hoàn thiện phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động của hệ thống chính trị. Đây là một nhiệm vụ hết sức quan trọng. Việc đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng phải đồng bộ với đổi mới tổ chức và hoạt động của cả hệ thống chính trị, đồng bộ với đổi mới kinh tế; thực hiện đúng nguyên tắc tập trung dân chủ trong tổ chức, sinh hoạt và hoạt động của Đảng. Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước là khâu mấu chốt, cần tiếp tục quán triệt và thực hiện tốt các nguyên tắc chung đã được xác định là: Đảng lãnh đạo Nhà nước bằng đường lối, quan điểm, các nghị quyết; lãnh đạo thể chế hóa, cụ thể hóa thành *Hiến pháp*,

pháp luật, kế hoạch, các chương trình công tác lớn của Nhà nước; phải bố trí đúng cán bộ và thường xuyên kiểm tra việc tổ chức thực hiện. Đảng lãnh đạo nhưng không bao biện, làm thay Nhà nước; trái lại, phát huy mạnh mẽ vai trò chủ động, sáng tạo của Nhà nước trong quản lý đất nước và xã hội. Theo hướng đó, khẩn trương xây dựng, hoàn thiện hệ thống văn bản quy định cụ thể về nguyên tắc, nội dung và cơ chế Đảng lãnh đạo đối với Nhà nước trong từng lĩnh vực: lập pháp, hành pháp, tư pháp và từng cấp, từng loại hình tổ chức nhà nước. Đối với Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân, Đảng định hướng và tạo điều kiện để Mặt trận và các đoàn thể xác định đúng mục tiêu, phương thức hoạt động; đồng thời, phát huy tinh thần dân chủ, sáng tạo trong xây dựng, đổi mới tổ chức và hoạt động của mình. Đảng thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ trong hệ thống chính trị, đi đôi với phát huy trách nhiệm của các tổ chức và người đứng đầu các tổ chức trong hệ thống chính trị về công tác cán bộ; thực hiện luân chuyển cán bộ, khắc phục tình trạng khép kín, cục bộ về cán bộ. Tăng cường trách nhiệm của cán bộ, đảng viên là thủ trưởng cơ quan nhà nước... Việc đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động của hệ thống chính trị phải thường xuyên gắn với đổi mới phong cách và lề lối làm việc ở từng cấp theo hướng thật sự dân chủ, thiết thực, nói phải đi đôi với làm.

Đẩy mạnh cải cách hành chính là nhằm mục tiêu tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa; xây dựng một nền hành chính dân chủ, trong sạch, vững mạnh, từng bước hiện đại; đội ngũ cán bộ, công chức có

đủ phẩm chất và năng lực; hệ thống các cơ quan nhà nước hoạt động có hiệu lực, hiệu quả, phù hợp với thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập kinh tế quốc tế; đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh và bền vững của đất nước. Cải cách hành chính phải được tiến hành trên cơ sở các nghị quyết và nguyên tắc về xây dựng hệ thống chính trị, đổi mới phương thức lãnh đạo và nâng cao vai trò lãnh đạo của Đảng. Xuất phát từ các mục tiêu và yêu cầu đó, trong thời gian tới cần tiếp tục hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ và quy chế phối hợp để nâng cao vai trò, trách nhiệm của từng cơ quan và cả bộ máy nhà nước. Thực hiện phân công, phân cấp rõ ràng, đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, phục vụ tốt nhất cho người dân và chịu sự giám sát chặt chẽ của nhân dân. Các chủ trương, giải pháp cải cách hành chính phải đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Cải cách hành chính phải được tiến hành đồng bộ, vững chắc, có trọng tâm, trọng điểm và phù hợp với điều kiện lịch sử cụ thể của nước ta.

Thưa các đồng chí,

Triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội X của Đảng và *Chương trình làm việc toàn khóa* của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị trình đề án về *Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của Đảng* để Ban Chấp hành Trung ương xem xét quyết định theo tinh thần tăng cường công tác kiểm tra, giám sát với nhận thức và yêu cầu mới. Công tác kiểm tra, giám sát phải được đổi mới, tăng cường trong cả nhận thức và hành động, cả về tổ chức bộ máy, đội ngũ cán bộ, cơ sở vật chất

và điều kiện làm việc; góp phần tích cực thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị, công tác xây dựng Đảng. Đồng thời, công tác kiểm tra của Đảng phải góp phần thực hiện bằng được mục tiêu phòng, chống tham nhũng, lãng phí mà Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X đã đề ra, nhằm vừa đáp ứng yêu cầu cấp bách trước mắt cũng như lâu dài của công tác xây dựng Đảng, vừa là mong muốn của các cấp ủy, tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên và đông đảo cán bộ làm công tác kiểm tra của Đảng và của toàn dân.

Công tác tư tưởng, lý luận, báo chí là lĩnh vực quan trọng trong toàn bộ hoạt động của Đảng. Trước những đòi hỏi, yêu cầu của sự nghiệp cách mạng trong những năm tới, Đại hội X của Đảng đã đề ra những yêu cầu mới đối với công tác tư tưởng, lý luận, báo chí, đòi hỏi toàn Đảng cần tiếp tục nỗ lực vững, phát huy vai trò to lớn của các lĩnh vực công tác này. Cần phải chủ động hơn trong công tác tư tưởng; nghiên cứu xây dựng chiến lược công tác tư tưởng trong tình hình mới. Đổi mới mạnh mẽ nội dung, hình thức, biện pháp giáo dục chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh; tuyên truyền sâu rộng đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; bồi dưỡng lòng yêu nước, yêu nhân dân, lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, tăng cường giáo dục phẩm chất, đạo đức cách mạng trong toàn Đảng, toàn dân, đặc biệt là đối với thế hệ trẻ, chăm lo, củng cố sự đoàn kết, thống nhất và tình đồng chí trong Đảng, sự đồng thuận trong xã hội; thực hành dân chủ rộng rãi, thường xuyên tự phê bình và phê bình, nâng cao sức chiến đấu và sức thuyết phục của công tác tư tưởng. Bám sát thực tiễn, lắng nghe tâm tư, nguyện vọng

và những vướng mắc trong tư tưởng của cán bộ, đảng viên và nhân dân để giải đáp sát thực, kịp thời; đấu tranh khắc phục những biểu hiện phai nhạt lý tưởng, cơ hội; chạy theo lợi ích cá nhân; chủ động và kiên quyết phê phán những quan điểm sai trái, bác bỏ những luận điểm phản động, góp phần làm thất bại mọi mưu toan "diễn biến hòa bình", bạo loạn, lật đổ của các thế lực thù địch.

Tiếp tục đổi mới tư duy, tăng cường tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận, kịp thời làm sáng tỏ hơn những vấn đề bức xúc về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta; về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; về đảng cầm quyền và công tác xây dựng Đảng; về xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; về tổ chức và hoạt động của Mặt trận và các đoàn thể nhân dân... Đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác giảng dạy và học tập lý luận, công tác thông tin, tuyên truyền, cổ động, báo chí, xuất bản, văn hóa - nghệ thuật, nắm bắt định hướng dư luận xã hội... Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng về chính trị, tư tưởng và tổ chức trong các cơ quan báo chí; khắc phục những biểu hiện lệch lạc trong hoạt động báo chí, xuất bản, văn hóa, văn nghệ, nhất là xa rời tôn chỉ, mục đích, chạy theo thị hiếu thấp kém, vì lợi ích vật chất cá nhân, cục bộ. Đặc biệt quan tâm giáo dục, rèn luyện cán bộ, đảng viên học tập, quán triệt, làm theo tư tưởng và tấm gương đạo đức của Chủ tịch Hồ Chí Minh, để mỗi cán bộ, đảng viên thực sự là tấm gương sáng về phẩm chất, đạo đức, lối sống, hết lòng vì nhân dân, vì sự nghiệp cách mạng.

Thưa các đồng chí,

Như các đồng chí đã biết, Quốc hội khóa XII vừa được bầu thực sự dân chủ, đúng pháp luật và thành công tốt đẹp. Sắp tới, Quốc hội sẽ họp kỳ đầu tiên với nhiệm vụ trọng tâm là bầu và phê chuẩn nhân sự lãnh đạo các cơ quan nhà nước và cơ cấu tổ chức Chính phủ nhiệm kỳ Quốc hội khóa XII. Tại hội nghị này, Ban Chấp hành Trung ương quyết định việc giới thiệu nhân sự để Quốc hội xem xét, bầu và phê chuẩn theo quy định của pháp luật. Đây là một việc làm có ý nghĩa hết sức quan trọng, thể hiện ý thức trách nhiệm rất cao của Ban Chấp hành Trung ương và toàn Đảng nhằm góp phần xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân, bảo đảm nguyên tắc tất cả quyền lực nhà nước đều thuộc về nhân dân; quyền lực của Nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp giữa các cơ quan trong việc thực hiện quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp; bảo đảm đổi mới tổ chức và hoạt động của Chính phủ theo hướng xây dựng hệ thống cơ quan hành pháp thống nhất, thông suốt, hiện đại.

Thưa các đồng chí,

Với những nội dung như tôi vừa trình bày ở trên, Hội nghị Trung ương lần này sẽ thảo luận và quyết định nhiều vấn đề có ý nghĩa hết sức quan trọng và có quan hệ mật thiết với nhau, trong đó, một số vấn đề vẫn còn có nhận thức khác nhau. Thời gian hội nghị lại có hạn, chúng ta vừa họp hội nghị, vừa phải chỉ đạo giải quyết nhiều nhiệm vụ quan trọng khác ở cả Trung ương và địa phương. Vì vậy, tôi đề nghị các đồng chí phát huy cao độ ý thức trách

nhiệm, trí tuệ tập thể, tập trung tinh thần làm việc tích cực, khẩn trương, dân chủ, thảo luận, đóng góp ý kiến để hội nghị thành công tốt đẹp.

Với tinh thần đó, tôi xin tuyên bố khai mạc Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X.

Xin trân trọng cảm ơn.

Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa X*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2007, tr.5-12.

**NGHỊ QUYẾT
HỘI NGHỊ LẦN THỨ NĂM
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHÓA X**

Số 13-NQ/TW, ngày 14 tháng 7 năm 2007

Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X họp từ ngày 5-7 đến ngày 14-7-2007 tại Hà Nội, sau khi xem xét và thảo luận các tờ trình, đề án và các báo cáo của Bộ Chính trị,

QUYẾT NGHỊ:

1. Thông qua nội dung các dự thảo văn kiện sau đây của Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X:

- Nghị quyết về tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động của hệ thống chính trị.
- Nghị quyết về đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của bộ máy nhà nước.
- Nghị quyết về tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của Đảng.
- Nghị quyết về công tác tư tưởng, lý luận và báo chí trước yêu cầu mới.

Giao Bộ Chính trị căn cứ ý kiến thảo luận, đóng góp của Ban Chấp hành Trung ương, tiếp thu và giải trình của Bộ Chính trị, hoàn chỉnh các văn kiện nói trên và ban hành chính thức để thực hiện.

2. Thông qua nội dung Báo cáo của Bộ Chính trị về những công việc quan trọng Bộ Chính trị đã giải quyết từ sau Hội nghị Trung ương 4 đến Hội nghị Trung ương 5 (khóa X).

Giao Bộ Chính trị căn cứ vào báo cáo và tiếp thu ý kiến thảo luận, đóng góp của Ban Chấp hành Trung ương để nâng cao hơn nữa chất lượng và hiệu quả lãnh đạo, chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư trong thời gian tới.

T/M BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
TỔNG BÍ THƯ
NÔNG ĐỨC MẠNH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

BÁO CÁO GIẢI TRÌNH CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 81/TLHN, ngày 13 tháng 7 năm 2007

Tiếp thu ý kiến của Trung ương về Đề án Công tác tư tưởng, lý luận và báo chí trước yêu cầu mới

Trong hai ngày 5 và 6-7-2007, Trung ương đã thảo luận Đề án *Công tác tư tưởng, lý luận và báo chí trước yêu cầu mới*. Đã có 118 lượt ý kiến phát biểu. Đa số ý kiến đồng tình với các nội dung trong tờ trình và đề án của Bộ Chính trị, khẳng định đề án được chuẩn bị công phu, nội dung phong phú, sâu sắc, có sức thuyết phục, có nhiều vấn đề mới, thiết thực. Nhiều ý kiến cho rằng, Ban Chấp hành Trung ương thảo luận và ra Nghị quyết về *Công tác tư tưởng, lý luận và báo chí trước yêu cầu mới* vào thời điểm hiện nay là hết sức cần thiết, kịp thời đáp ứng những đòi hỏi mới của công cuộc đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng đi vào chiều sâu và phát triển toàn diện, mạnh mẽ. Nhiều ý kiến nhấn mạnh hoặc bổ sung, làm rõ hơn, sâu hơn, cụ thể hơn một số nội dung trong đề án.

Bộ Chính trị xin tiếp thu các ý kiến hợp lý của Trung ương để bổ sung, hoàn chỉnh đề án và dự thảo nghị quyết, đồng thời xin được trình bày rõ thêm một số vấn đề sau:

I- VỀ PHẠM VI NỘI DUNG, TÊN GỌI CỦA ĐỀ ÁN

1. Về phạm vi nội dung đề án

Đa số ý kiến tán thành phạm vi nội dung của đề án, vì cho rằng ba vấn đề tư tưởng, lý luận, báo chí có quan hệ gắn bó chặt chẽ với nhau. Tuy vậy, có ý kiến cho rằng, nội dung của đề án đề cập ba vấn đề đều rất lớn, tương đối độc lập, gộp chung sẽ khó đạt được yêu cầu phân tích, đánh giá sâu từng lĩnh vực, vì vậy đề nghị tách thành các nghị quyết riêng. Cũng có ý kiến cho rằng, báo chí chỉ là một bộ phận, là công cụ của công tác tư tưởng, tuy có những vấn đề bức xúc, nhưng không nên ghép vào nghị quyết này, nếu cần thiết thì Bộ Chính trị ra nghị quyết.

Bộ Chính trị xin trình bày như sau: Ba lĩnh vực tư tưởng, lý luận, báo chí, tuy là ba vấn đề lớn, có nội dung riêng, nhưng có mối quan hệ mật thiết, gắn bó và tác động lẫn nhau cả trên phương diện lý luận và đặc biệt trong hoạt động thực tiễn. Theo nghĩa rộng, công tác tư tưởng bao hàm cả công tác lý luận và công tác báo chí, đồng thời các hoạt động lý luận và báo chí, tuy có những đặc thù, đặc điểm, nhiệm vụ riêng, song hoạt động của hai lĩnh vực này đều có mục tiêu chung phục vụ công tác tư tưởng.

Vì vậy, nếu tách riêng từng lĩnh vực, khi đánh giá, và đặc biệt, khi xác định mục tiêu, phương hướng, quan điểm chỉ đạo sẽ có nhiều điểm trùng lặp. Thực hiện *Chương trình toàn khóa* của Ban Chấp hành Trung ương khóa X, trong quá

trình chỉ đạo xây dựng đề án, Bộ Chính trị đã quan tâm các vấn đề trên, một mặt, chỉ ra những đặc điểm riêng của từng lĩnh vực, cả trong đánh giá, xác định các nhiệm vụ cụ thể và giải pháp; mặt khác, khẳng định những điểm chung về mục tiêu, quan điểm chỉ đạo, nhiệm vụ trọng tâm, chỉ ra quan hệ không thể tách rời của các lĩnh vực đó trong hoạt động thực tiễn. Báo chí tuy chỉ là một bộ phận của công tác tư tưởng, nhưng lại là một lĩnh vực đặc biệt quan trọng trong hoạt động tư tưởng. Hiện nay, báo chí đang có nhiều vấn đề cần giải quyết, vì vậy, đặt báo chí trong đề án sẽ có điều kiện nhìn nhận báo chí trên cả hai phương diện: Những vấn đề đặc thù của báo chí và quan hệ không thể tách rời của báo chí với yêu cầu, nhiệm vụ chung của công tác tư tưởng. Đề án đã thực hiện theo hướng trên.

2. Về tên gọi

Đại đa số ý kiến tán thành tên gọi của đề án. Cũng có ý kiến đề nghị thêm cụm từ: "Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng..." vào tên gọi của đề án. Trong quá trình chuẩn bị đề án, Bộ Chính trị đã thảo luận và điều chỉnh tên gọi từ "*Những vấn đề tư tưởng, lý luận, báo chí trong tình hình mới*" thành "*Công tác tư tưởng, lý luận và báo chí trước yêu cầu mới*" nhằm làm rõ và nhấn mạnh hai nội dung cốt lõi sau: Vai trò chủ thể là sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng và đặt công tác tư tưởng, lý luận, báo chí trước những yêu cầu mới những năm sắp tới. Như vậy, tên gọi đó đã xác định công tác tư tưởng, lý luận, báo chí là công tác của Đảng, không chỉ tăng cường, mà còn phải củng cố, đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả toàn diện của sự lãnh đạo đó.

Vì những lý do trên, Bộ Chính trị đề nghị Trung ương chấp nhận phạm vi nội dung và tên gọi đề án như đã trình Trung ương.

II- VỀ TÌNH HÌNH TƯ TƯỞNG VÀ CÔNG TÁC TƯ TƯỞNG

1. Về tình hình tư tưởng

Nhiều ý kiến tán thành những đánh giá về mặt tích cực, tiêu cực và đánh giá khái quát tình hình tư tưởng trong Đảng và trong nhân dân nêu trong đề án, cho rằng đánh giá như vậy là đúng với thực trạng tình hình.

Tuy vậy, cũng có ý kiến chưa đồng tình với đánh giá "Năm năm qua, tư tưởng tích cực được mở rộng, là dòng chủ lưu trong đời sống xã hội có sức mạnh chi phối sự vận động của cuộc sống". Lại có ý kiến cho rằng chưa đến mức đánh giá tư tưởng, tâm trạng các giai cấp và tầng lớp xã hội là "đáng lo ngại". Về vấn đề này, Bộ Chính trị có ý kiến như sau:

Từ sau Đại hội IX đến nay, chúng ta đã đạt được nhiều thành tựu rất quan trọng, nhiều thắng lợi nổi bật và có ý nghĩa to lớn, đại đa số cán bộ, đảng viên và nhân dân đồng thuận, phấn khởi, tin tưởng hơn vào công cuộc đổi mới và triển vọng phát triển tốt đẹp của đất nước. Nhận định này cũng là kết quả khảo sát thực tiễn ở nhiều bộ, ban, ngành, địa phương, kết quả điều tra xã hội học và ý kiến của một số đồng chí lão thành cách mạng, các chuyên gia đầu ngành, các nhà khoa học. Vì vậy, Bộ Chính trị đề nghị Trung ương cho giữ nội dung đánh giá tư tưởng tích cực được "mở rộng" như trong đề án.

Đề án khẳng định mặt tích cực là cơ bản. Song qua khảo sát, nghiên cứu thực tiễn, trong tư tưởng, tâm trạng các giai cấp, tầng lớp xã hội như công nhân, nông dân, trí thức... thực sự là có những vấn đề bức xúc đáng lo ngại như đề án đã phân tích. Đây không phải là đánh giá mặt tiêu cực của các giai cấp, tầng lớp xã hội, mà nêu lên thực trạng tình hình tư tưởng Đảng cần "đánh giá đúng mức, đầy đủ và cần được quan tâm, giải quyết sớm".

Về tình hình tư tưởng trong Đảng, đa số ý kiến tán thành nhận định đã nêu trong đề án: "Sự xuất hiện trong Đảng các ý kiến khác nhau về một số vấn đề cơ bản liên quan đến đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ảnh hưởng đến sự thống nhất tư tưởng trong Đảng". Nhiều ý kiến đã phân tích sâu về vấn đề này và cho rằng, trong Đảng đã xuất hiện những ý kiến khác nhau trên một số vấn đề cơ bản, song chưa có cơ sở để khẳng định đã có sự phân hóa tư tưởng trong Đảng, chưa hình thành các khuynh hướng tư tưởng khác nhau.

Một số ý kiến đề nghị Đảng phải có thái độ dứt khoát trước một số ý kiến phát biểu trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên mạng internet, trái với quan điểm, đường lối của Đảng để tránh dẫn tới sự phân tâm trong xã hội và đảm bảo sự thống nhất tư tưởng trong Đảng, đặc biệt trong tình hình cuộc đấu tranh tư tưởng đang diễn ra ngày càng phức tạp, tinh vi, quyết liệt. Bộ Chính trị xin tiếp thu ý kiến này để thể hiện rõ hơn trong đề án.

Một số ý kiến đề nghị cân nhắc, xem lại đánh giá về những bức xúc trong tư tưởng, tâm trạng cán bộ ưu tú, cựu chiến binh. Về vấn đề này, Bộ Chính trị có ý kiến như sau:

Khi đánh giá tình hình tư tưởng cựu chiến binh, cán bộ hữu trí, đề án đã đánh giá rất cao mặt tích cực về tư tưởng, chính trị của cựu chiến binh và cán bộ hữu trí: "Đa số tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng và công cuộc đổi mới đất nước; kiên quyết đấu tranh bảo vệ Đảng, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa; rõ sự bất bình, bức xúc trước tình trạng tham nhũng, lãng phí, thoái hóa, biến chất của một số cán bộ đương chức và trước các tệ nạn xã hội đang lan rộng". Đồng thời trên cơ sở phân tích khách quan, điều tra xã hội học và khảo sát thực tế, đề án nêu một số biểu hiện đáng quan tâm trong tư tưởng, tâm trạng của một bộ phận nhỏ cán bộ hữu trí. Song, đây là vấn đề nhạy cảm, Bộ Chính trị tiếp thu ý kiến của Trung ương, đề nghị được điều chỉnh lại như sau: "Một bộ phận trong cán bộ hữu trí có tâm trạng thiếu phấn khởi, tin tưởng, có biểu hiện bi quan, thiếu lòng tin đối với cán bộ đương chức..." .

Một số ý kiến đề nghị bổ sung việc đánh giá tình hình tư tưởng đồng bào dân tộc, đồng bào các tôn giáo, đồng bào vùng sâu, vùng xa... Bộ Chính trị xin tiếp thu bổ sung vào đề án.

2. Về công tác tư tưởng

Đa số các ý kiến thảo luận cơ bản nhất trí với đánh giá về tình hình công tác tư tưởng những năm qua và về các nhiệm vụ, giải pháp của công tác tư tưởng thời gian tới nêu trong đề án. Nhiều ý kiến phân tích sâu sắc, làm rõ hơn các mặt được, chưa được và những công việc sắp tới cần quan tâm đối với các lĩnh vực của công tác tư tưởng. Bộ Chính trị xin tiếp thu để nhấn mạnh trong đề án các nội dung sau: Thời gian qua, Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư

thường xuyên quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo công tác tư tưởng; công tác tư tưởng đã góp phần quan trọng vào phát triển kinh tế là nhiệm vụ trung tâm, xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt và phát triển văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội; bước đầu có nhiều cố gắng cải tiến, nâng cao chất lượng công tác, đấu tranh chống các quan điểm sai trái, thù địch. Trong thời gian tới, công tác tư tưởng phải tiếp tục nâng cao tính chiến đấu, tính thiết thực, tính tiến công; tăng cường đối thoại; chú trọng các sự kiện lớn, bám sát từng đối tượng, thành phần, từng vùng, miền; phải tham gia tích cực, trực tiếp vào quá trình phát triển kinh tế - xã hội, gắn với việc hoàn thiện các cơ chế, chính sách.

III- VỀ CÔNG TÁC LÝ LUẬN

1. Về đánh giá công tác lý luận trong giai đoạn hiện nay

Đại đa số ý kiến phát biểu đều tán thành nhận định của Bộ Chính trị trong đề án về thành tựu và yếu kém, khuyết điểm của công tác lý luận.

- Về thành tựu, nhiều ý kiến khẳng định, những năm qua, công tác lý luận đã có bước tiến mới. Qua 20 năm đổi mới, từ tổng kết thực tiễn và nghiên cứu lý luận, nhiều vấn đề rất cơ bản về lý luận đổi mới ở nước ta, như nhận thức về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội đã sáng tỏ hơn, hệ thống các quan điểm lý luận về công cuộc đổi mới đã hình thành trên những nét cơ bản. Việc tập trung nghiên cứu, truyền bá về tư tưởng Hồ Chí Minh đã bước đầu đạt kết quả tốt, tính thuyết phục được nâng cao, tạo được

những tác động tích cực trong đời sống xã hội. Công tác giáo dục lý luận chính trị đối với cán bộ, đảng viên có những chuyển biến tích cực, đi vào nền nếp hơn... Khẳng định những thành tựu cơ bản đạt được trong công tác lý luận như trên là cơ sở quan trọng để định hướng phát triển của công tác lý luận, phục vụ cho sự phát triển của cách mạng trước yêu cầu mới.

- Về mặt hạn chế, có ý kiến phân vân, "nói công tác lý luận còn trong tình trạng lạc hậu có nặng quá không, có làm giảm đi những thành tựu 20 năm đổi mới và mâu thuẫn với những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử, trong đó có sự đóng góp của lý luận".

Bộ Chính trị xin giải trình rõ hơn biểu hiện sự lạc hậu của công tác lý luận trên một số mặt cơ bản như sau:

Biểu hiện rõ nhất tình trạng lạc hậu là công tác lý luận của chúng ta vẫn chưa đáp ứng được những đòi hỏi của thực tiễn công cuộc đổi mới đất nước đang diễn ra rất nhanh chóng và có nhiều nội dung, yêu cầu mới. Nhiều vấn đề cơ bản của công cuộc đổi mới liên quan đến định hướng, thiết kế con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta, đến khoa học cầm quyền của Đảng, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và hoàn thiện hệ thống chính trị, xây dựng văn hóa và con người Việt Nam thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước chưa thực sự sáng tỏ, vì vậy chưa có sức thuyết phục cao. Ở một số lĩnh vực, nhất là lĩnh vực văn hóa, xã hội, do lý luận chưa lý giải được nhiều vấn đề thực tiễn đặt ra, chưa cung cấp được cơ sở khoa học cho việc hoạch định chủ trương, chính sách, nên có những chủ trương, giải pháp chưa đúng và chưa trúng, không nhận

được sự đồng tình của cán bộ, đảng viên và nhân dân. Công tác lãnh đạo và quản lý hoạt động nghiên cứu lý luận còn nhiều bất cập, chưa phát huy được tiềm năng sáng tạo, phát triển lý luận. Công tác giáo dục lý luận chính trị còn nhiều hạn chế, yếu kém, cả về nội dung, phương pháp và đội ngũ cán bộ giảng dạy.

Chỉ ra một số mặt lạc hậu của công tác lý luận không mâu thuẫn với việc khẳng định những thành tựu đạt được của công tác này, vì những năm qua sự biến đổi cực kỳ nhanh chóng và phức tạp của tình hình thế giới và trong nước là những thách thức gay gắt đối với công tác lý luận của Đảng.

Với thực tế trên, Bộ Chính trị đề nghị Trung ương cho giữ lại nội dung cơ bản trong đánh giá về công tác lý luận đã nêu trong đề án và cho điều chỉnh mức độ đánh giá hạn chế như sau: "Công tác lý luận còn tình trạng lạc hậu trên một số mặt, chưa đáp ứng được những đòi hỏi của thực tiễn đang vận động nhanh chóng, phong phú, phức tạp...".

2. Về một số giải pháp đối với công tác lý luận

Đa số các ý kiến phát biểu đồng tình với tám nhóm giải pháp của công tác tư tưởng, lý luận, đồng thời đề nghị làm rõ thêm và bổ sung một số giải pháp cụ thể. Bộ Chính trị xin tiếp thu các ý kiến sau đây đưa vào đề án và nghị quyết để chỉ đạo thực hiện: Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư định kỳ thảo luận về những vấn đề lý luận lớn và sớm có kết luận; tập trung đầu tư nghiên cứu những vấn đề lý luận để giải đáp những vấn đề nóng hổi do thực tiễn cuộc sống đặt ra; có cơ chế, chính sách và tạo điều kiện

để các cán bộ am hiểu lý luận và thực tiễn đã nghỉ lãnh đạo, quản lý tham gia các hoạt động nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn.

3. Về đổi mới nội dung chương trình giáo dục lý luận chính trị

Trong các ý kiến phát biểu, Trung ương đã đồng tình và nhất trí cao đối với giải pháp cải cách các chương trình giáo dục lý luận chính trị hiện nay, khắc phục tình trạng trùng lặp, chưa gắn với thực tiễn của đất nước và xu hướng xa rời những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin. Một số ý kiến đề nghị làm rõ các nguyên nhân vì sao học sinh, sinh viên không hứng thú học tập các bộ môn Mác - Lênin.

Về vấn đề này, Bộ Chính trị xin trình bày như sau: Trong thời gian vừa qua, để khắc phục tình trạng học sinh đại học, cao đẳng không hứng thú học các bộ môn lý luận Mác - Lênin, Ban Bí thư đã chỉ đạo Ban Tuyên giáo Trung ương, Ban Cán sự Đảng Bộ Giáo dục và Đào tạo tiến hành khảo sát, đánh giá đúng thực trạng dạy và học các bộ môn này trong các trường đại học và cao đẳng; yêu cầu xây dựng đề án đổi mới nội dung, chương trình các bộ môn này trong các nhà trường và sớm áp dụng trong năm học 2008 - 2009. Tiếp thu ý kiến Trung ương, sau Hội nghị Trung ương 5, Bộ Chính trị, Ban Bí thư sẽ tiếp tục chỉ đạo nghiên cứu, phân tích sâu hơn về vấn đề này, triển khai việc cải cách chương trình, nội dung giáo dục chính trị trong các trường đại học, cao đẳng, các trường đảng và trung tâm bồi dưỡng chính trị cấp huyện để nâng cao chất lượng học tập, giảng dạy về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh.

IV- VỀ TÌNH HÌNH BÁO CHÍ VÀ CÔNG TÁC LÃNH ĐẠO, QUẢN LÝ BÁO CHÍ

1. Về đánh giá tình hình

Đa số ý kiến đồng tình với đánh giá của đề án và làm rõ hơn nhận định trong những năm qua, báo chí nước ta có sự phát triển nhanh chóng, mạnh mẽ trên nhiều mặt, đóng góp xứng đáng vào công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Phần lớn các cơ quan báo chí hoạt động đúng tôn chỉ, mục đích, đúng định hướng chính trị, trở thành công cụ tư tưởng sắc bén của Đảng, diễn đàn tin cậy của các tầng lớp nhân dân. Thông tin trên báo chí ngày càng đa dạng, phong phú, nhanh nhẹn, hấp dẫn.

Về yếu kém, khuyết điểm của hoạt động báo chí và công tác lãnh đạo, quản lý báo chí, các ý kiến phát biểu nhất trí với nội dung của đề án, làm rõ hơn một số nhận định, đánh giá nêu trong đề án. Một số ý kiến cho rằng các yếu kém, khuyết điểm của báo chí, trên thực tế thường tập trung ở một số ít báo, tạp chí nhưng lặp đi, lặp lại, kéo dài, không được xử lý dứt điểm. Nguyên nhân trước hết là do năng lực, phương thức lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý báo chí của Đảng, Nhà nước chưa theo kịp bước phát triển nhanh chóng, sôi động, có phần phức tạp của báo chí; chưa xây dựng đầy đủ, kịp thời cơ chế lãnh đạo, quản lý báo chí; chưa có những chế tài đủ mạnh để xử lý các tập thể và cá nhân sai phạm; vai trò, trách nhiệm của cơ quan chủ quản báo chí còn hạn chế, có nơi mờ nhạt, thụ động; phẩm chất, trách nhiệm, ý thức chính trị, năng lực chuyên môn của một số cán bộ lãnh đạo cơ quan báo chí chưa đảm bảo yêu cầu, một số người yếu

kém chưa được xử lý, thay thế kịp thời; đội ngũ phóng viên thiếu chọn lọc, đào tạo thiếu toàn diện; một bộ phận tư cách, đạo đức kém, thậm chí hư hỏng. Việc xây dựng và thực hiện quy hoạch, kế hoạch phát triển báo chí còn bị động, lúng túng, thiếu tính khoa học, thiếu tầm nhìn lâu dài. Việc rà soát, sắp xếp, thu gọn đầu mối một số báo, tạp chí, ấn phẩm, phụ san, phụ trương, chuyên san, chuyên đề trùng lặp về nội dung, xa rời tôn chỉ, mục đích, gây lãng phí, tốn kém thực hiện rất chậm.

Bộ Chính trị xin tiếp thu ý kiến Trung ương về việc phân tích các nguyên nhân của yếu kém, khuyết điểm của báo chí, đặc biệt chỉ ra trách nhiệm của cơ quan chỉ đạo báo chí của Đảng, cơ quan quản lý báo chí của Nhà nước, Hội Nhà báo, cơ quan chủ quản và trách nhiệm trực tiếp của lãnh đạo, phóng viên, biên tập viên... các cơ quan báo chí.

2. Về mục tiêu, quan điểm, nhiệm vụ, giải pháp của công tác báo chí những năm sắp tới, các ý kiến phát biểu đồng tình cao với đề án. Có ý kiến đề nghị nhấn mạnh quan điểm: Đảng lãnh đạo trực tiếp công tác báo chí, đặc biệt là ở các khâu trọng yếu: công tác cán bộ; định hướng phát triển báo chí; định hướng chính trị, tư tưởng trong nội dung thông tin của báo chí. Một số ý kiến cho rằng cần tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với báo chí, coi trọng vai trò của cơ quan chủ quản báo chí, của Hội Nhà báo. Một số ý kiến nhấn mạnh vai trò, trách nhiệm của lãnh đạo các cơ quan báo chí, nhất là của tổng biên tập. Một số ý kiến yêu cầu phải có kế hoạch nâng cao chất lượng báo chí chủ lực, báo chí của cấp ủy đảng các tỉnh, thành phố. Có ý kiến lưu ý: Trong thời đại khoa học, công nghệ, nhất là công nghệ

thông tin phát triển như vũ bão, báo chí nước ta phải chớp thời cơ, đồng thời phải vượt qua những thách thức không nhỏ. Thực tế này đòi hỏi công tác lãnh đạo, quản lý báo chí cần đổi mới mạnh mẽ nội dung, phương thức, nâng tầm trí tuệ và bản lĩnh.

Bộ Chính trị xin tiếp thu các nội dung được Trung ương nhấn mạnh nói trên và xin trình bày thêm như sau: Thời gian gần đây, cùng với quá trình chuẩn bị đề án, Bộ Chính trị đã ban hành Thông báo kết luận số 68-TB/TW, Ban Bí thư đề ra Kế hoạch số 03-KH/TW nêu một số biện pháp tăng cường lãnh đạo, quản lý báo chí, chỉ đạo chuẩn bị ban hành một số quy định về định hướng chính trị, tư tưởng, nhất là các vấn đề quan trọng, phức tạp, nhạy cảm trong nội dung thông tin của báo chí; quy định về cơ chế phối hợp giữa Ban Tuyên giáo Trung ương, Ban Cán sự Đảng Bộ Văn hóa - Thông tin, Hội Nhà báo Việt Nam, các cơ quan liên quan trong công tác lãnh đạo, quản lý báo chí; quy định về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật cán bộ lãnh đạo cơ quan báo chí; rà soát quy hoạch, xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ lãnh đạo các cơ quan báo chí; kiện toàn tổ chức, bố trí nhân sự chủ chốt một số báo, tạp chí; nâng cao vai trò, đổi mới nội dung và phương thức lãnh đạo của tổ chức đảng, cấp ủy đảng trong các cơ quan báo chí; xử lý nghiêm khắc một số tập thể và cá nhân cơ quan báo chí sai phạm; tổng kết việc thực hiện Luật báo chí, đề xuất những nội dung cần bổ sung, sửa đổi Luật báo chí phù hợp với tình hình, nhiệm vụ mới...

V- VỀ DỰ BÁO TÌNH HÌNH VÀ QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO

1. Đa số ý kiến nhất trí cao với dự báo và các quan điểm chỉ đạo đối với công tác tư tưởng, lý luận, báo chí trong đề án. Một số ý kiến phân tích sâu sắc, làm rõ hơn những nội dung dự báo và bổ sung một số dự báo về sự phát triển của phong trào cánh tả, về chủ nghĩa xã hội, về sự bùng nổ của công nghệ thông tin sẽ tác động mạnh mẽ đến việc truyền bá tư tưởng; về những yếu tố kinh tế bất lợi tác động đến công tác tư tưởng, lý luận, báo chí... Bộ Chính trị xin tiếp thu các ý kiến trên để bổ sung vào đề án, để chủ động hơn trong lãnh đạo, chỉ đạo ba lĩnh vực trên trong những năm sắp tới.

Có ý kiến đề nghị làm rõ nội hàm của "yêu cầu mới" đối với công tác tư tưởng, lý luận, báo chí. Bộ Chính trị xin giải trình như sau: Những dự báo trong đề án chính là nhằm, từ tình hình và những đặc điểm mới thời gian tới để xác định những đòi hỏi, yêu cầu mới đối với công tác tư tưởng, lý luận, báo chí, thể hiện tập trung ở một số nội dung sau:

- Công tác tư tưởng, lý luận, báo chí phải thích ứng và phục vụ có hiệu quả cao nhất các mục tiêu lớn của cách mạng nước ta: Sớm ra khỏi tình trạng kém phát triển, đến 2020, về cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại.

- Công tác tư tưởng, lý luận, báo chí phải đáp ứng những đòi hỏi mới của quá trình đẩy mạnh hội nhập kinh tế quốc tế, sau khi chúng ta là thành viên của WTO, nhất là yêu cầu phải bảo vệ vững chắc trận địa tư tưởng chính trị, giữ vững bản sắc văn hóa trước sự xâm nhập ngày càng mạnh của các trào lưu, khuynh hướng tư tưởng, văn hóa từ bên ngoài.

- Trước những biến đổi phong phú, mau lẹ và phức tạp của đời sống đất nước trên các lĩnh vực (như phân tích trong đề án), công tác tư tưởng, lý luận, báo chí phải đổi mới mạnh mẽ nội dung, phương thức hoạt động để đáp ứng kịp thời những vấn đề mới đặt ra trong những năm tới.

2. Về quan điểm chỉ đạo, có ý kiến đề nghị bổ sung quan điểm: "Công tác tư tưởng, lý luận, báo chí phải bám sát và phản ánh kịp thời, trung thực, khách quan thực tiễn đất nước, quốc tế, thời đại".

Nội dung trên tuy đã được thể hiện trong bốn quan điểm, song chưa được nhấn mạnh, vì vậy, Bộ Chính trị tiếp thu ý kiến Trung ương, bổ sung nội dung trên vào đoạn cuối của quan điểm thứ tư, như sau: "Công tác tư tưởng, lý luận, báo chí phải bám sát thực tiễn đất nước và quốc tế, gắn bó mật thiết và phục vụ hiệu quả công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, nâng cao đời sống và phát huy quyền làm chủ của nhân dân".

VI- VỀ VIỆC RA NGHỊ QUYẾT VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT

1. Về việc ra nghị quyết

Đại đa số ý kiến nhất trí đề nghị Trung ương ra Nghị quyết về *Công tác tư tưởng, lý luận, báo chí trước yêu cầu mới*. Có ý kiến đề nghị Trung ương chỉ cần có chủ trương tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa IX về *Nhiệm vụ chủ yếu của công tác tư tưởng, lý luận trong tình hình mới*, mà không cần ra nghị quyết mới.

Bộ Chính trị đề nghị Trung ương ra Nghị quyết về *Công tác tư tưởng, lý luận và báo chí trước yêu cầu mới*, vì công tác tư tưởng, lý luận, báo chí là một lĩnh vực đặc biệt quan trọng trong toàn bộ hoạt động của Đảng, nhất là trong thời kỳ cách mạng nước ta đang đứng trước những thời cơ, vận hội lớn và cả những thách thức gay gắt, phức tạp, đặt ra những yêu cầu rất cao và mới đối với công tác tư tưởng, lý luận, báo chí; những yếu kém, khuyết điểm của công tác tư tưởng, lý luận, báo chí đã được chỉ ra, nhắc nhở nhiều lần, làm hạn chế đến chất lượng, hiệu quả công tác tư tưởng, lý luận, báo chí những năm vừa qua đòi hỏi phải được khắc phục; cuộc đấu tranh trên mặt trận tư tưởng, lý luận, báo chí trong thời gian tới sẽ diễn ra ngày càng gay go, quyết liệt, phức tạp và tinh vi hơn... Cần có nghị quyết để tạo ra sự thống nhất cao trong Đảng và trong xã hội trên lĩnh vực tư tưởng chính trị, nền tảng tinh thần của chế độ ta.

2. Về việc tổ chức thực hiện

Đa số ý kiến thống nhất với đề án. Có ý kiến đề nghị, việc tổ chức thực hiện Nghị quyết Trung ương cần giao cho Bộ Chính trị, mà không chỉ giao cho các ban đảng, các cấp ủy đảng. Có ý kiến nhấn mạnh, cần xác định những điều kiện cần thiết về cơ chế, chính sách, cơ sở vật chất - kỹ thuật, về tài chính... đảm bảo cho việc thực hiện nghị quyết.

Bộ Chính trị xin tiếp thu các ý kiến trên. Bộ Chính trị sẽ trực tiếp chỉ đạo việc thực hiện nghị quyết, phân công rõ

ràng, cụ thể, đồng thời định kỳ kiểm tra việc thực hiện nghị quyết trong từng giai đoạn và chỉ đạo các cơ quan của Chính phủ tạo những thuận lợi cần thiết cho việc thực hiện có hiệu quả nghị quyết quan trọng này.

Bộ Chính trị xin trình Trung ương.

BỘ CHÍNH TRỊ

Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện
Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành
Trung ương khóa X, Sđd, tr.13-32.*

NGHỊ QUYẾT
HỘI NGHỊ LẦN THỨ NĂM
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG KHÓA X

Số 16-NQ/TW, ngày 1 tháng 8 năm 2007

**Về công tác tư tưởng, lý luận và báo chí
trước yêu cầu mới**

I- TÌNH HÌNH TƯ TƯỞNG
VÀ CÔNG TÁC TƯ TƯỞNG, LÝ LUẬN, BÁO CHÍ
THỜI GIAN QUA

1. Về tình hình tư tưởng

Trước những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử của đất nước qua 20 năm đổi mới, trực tiếp là những kết quả nổi bật của 5 năm qua, đại đa số cán bộ, đảng viên và nhân dân phấn khởi, tin tưởng vào Đảng, Nhà nước, vào công cuộc đổi mới và triển vọng phát triển tốt đẹp của đất nước... Lòng yêu nước, ý thức tự hào dân tộc, tinh thần đoàn kết, tương thân, tương ái, tính năng động, chủ động, sáng tạo của con người Việt Nam được phát huy và nâng cao. Tư tưởng tích cực được mở rộng, là xu hướng chủ đạo, tạo nên sức mạnh tinh thần to lớn của dân tộc ta trong thời kỳ mới.

Tuy vậy, một số mặt tiêu cực về tư tưởng đang có biểu hiện phức tạp và nghiêm trọng hơn, tiềm ẩn các nguy cơ trực

tiếp gây mất ổn định chính trị. Tình trạng suy thoái về chính trị, tư tưởng, đạo đức và lối sống trong một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên và nhân dân chưa được khắc phục có hiệu quả, làm giảm sức chiến đấu của Đảng và lòng tin của nhân dân với Đảng, Nhà nước. Trong Đảng đã xuất hiện các ý kiến khác nhau về một số vấn đề cơ bản liên quan đến đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ảnh hưởng tới sự thống nhất tư tưởng. Trong cán bộ, đảng viên và nhân dân, kể cả trong những lực lượng nòng cốt, gắn bó với Đảng, với chế độ, đã phát sinh một số vấn đề tư tưởng, tâm trạng bức xúc đáng lo ngại, ảnh hưởng tới tính đồng thuận xã hội. Các phần tử cơ hội chính trị trong nước móc nối với thế lực thù địch, phản động ở nước ngoài xuyên tạc, vu cáo, chống phá quyết liệt Đảng, Nhà nước ta trên lĩnh vực chính trị, tư tưởng.

2. Về công tác tư tưởng, lý luận, báo chí

Thời gian qua, công tác tư tưởng luôn được coi trọng và tăng cường, góp phần xây dựng Đảng vững mạnh về chính trị, tư tưởng, khẳng định và bảo vệ đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, giữ gìn, củng cố sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng và sự đồng thuận trong xã hội; gắn kết chặt chẽ hơn với những nhiệm vụ kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại; việc đấu tranh chống lại các luận điệu tuyên truyền, xuyên tạc của các thế lực thù địch, phản động, cơ hội chính trị vu cáo Đảng, Nhà nước ta bước đầu được đẩy mạnh, có nhiều cố gắng tìm tòi, đổi mới nội dung và phương thức hoạt động. Các sinh hoạt văn hóa, văn học - nghệ thuật phát triển đa dạng.

Công tác lý luận đạt được một số kết quả đáng kể. Từ tổng kết lý luận và thực tiễn 20 năm đổi mới, nhận thức về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội đã ngày càng sáng tỏ hơn, hệ thống quan điểm lý luận về công cuộc đổi mới đã hình thành trên những nét cơ bản; góp phần đề ra những luận điểm mới trong Văn kiện Đại hội X của Đảng. Việc tập trung nghiên cứu, truyền bá tư tưởng Hồ Chí Minh bước đầu đạt kết quả tốt, tính thuyết phục được nâng cao, tác động tích cực đối với đời sống xã hội; việc nghiên cứu, giáo dục chủ nghĩa Mác - Lenin và tư tưởng Hồ Chí Minh, giáo dục lý luận chính trị trong Đảng và trong xã hội được đẩy mạnh.

Báo chí tiếp tục phát triển nhanh về số lượng, loại hình, ấn phẩm, đội ngũ người làm báo và số lượng người đọc; cơ sở vật chất kỹ thuật, công nghệ, năng lực tài chính được tăng cường; tác động, ảnh hưởng của báo chí được mở rộng. Phần lớn báo chí hoạt động đúng tôn chỉ, mục đích, phản ánh kịp thời tâm tư, nguyện vọng của nhân dân, biểu dương phong trào thi đua yêu nước, đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu và các tệ nạn xã hội, chống "diễn biến hòa bình"... góp phần tích cực vào thành tựu chung của đất nước.

Tuy nhiên, nhiều yếu kém, khuyết điểm của công tác tư tưởng, lý luận và báo chí đã được chỉ ra từ nhiều năm qua nhưng chậm được khắc phục, đó là:

Công tác tư tưởng còn thiếu sắc bén, thiếu sức thuyết phục, tính chiến đấu còn hạn chế, chưa sát thực tiễn và chưa linh hoạt; chưa làm tốt công tác giáo dục chính trị, tư tưởng và đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân, tư tưởng cơ hội, những quan điểm mơ hồ, sai trái; thiếu quan tâm giáo dục lý

tưởng, đạo đức, lối sống. Chất lượng sinh hoạt tư tưởng trong tổ chức đảng thấp, thiếu tính chiến đấu. Phạm vi tác động, ảnh hưởng của công tác tư tưởng có dấu hiệu bị thu hẹp. Đầu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch còn bị động, hiệu quả thấp. Xuất hiện xu hướng hạ thấp chức năng giáo dục, xa rời các chức năng cao quý của văn học, nghệ thuật cách mạng. Nội dung, phương pháp công tác tư tưởng chậm đổi mới, công tác tư tưởng trở nên lạc hậu so với yêu cầu của thực tiễn trong tình hình mới.

Công tác lý luận còn lạc hậu trên một số mặt, chưa đáp ứng được đòi hỏi của thực tiễn đang vận động nhanh chóng, phong phú, phức tạp; chưa giải đáp được nhiều vấn đề do thực tiễn đất nước đặt ra; chất lượng các sản phẩm nghiên cứu khoa học lý luận chưa cao; lý luận chưa làm tốt chức năng định hướng cho hoạt động thực tiễn, cung cấp cơ sở khoa học cho việc hoạch định đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước. Trình độ đội ngũ cán bộ lý luận còn bất cập so với yêu cầu mới. Công tác lãnh đạo, quản lý các hoạt động lý luận, chương trình, nội dung, phương pháp giáo dục lý luận, chính trị trong nhà trường chậm đổi mới, chưa theo kịp trình độ phát triển và yêu cầu của xã hội.

Trong hoạt động báo chí, một số yếu kém, khuyết điểm được nhắc nhở nhiều lần nhưng chậm khắc phục, có mặt, có lúc, có nơi còn trầm trọng hơn. Một số cơ quan báo chí thiếu nhạy bén chính trị, chưa làm tốt chức năng tư tưởng, văn hóa, có biểu hiện xa rời sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước, xa rời tôn chỉ, mục đích, thông tin không trung thực, thiếu chính xác, phản ánh nhiều về tiêu cực và tệ nạn xã hội, ít tuyên truyền các điển hình tiên tiến, gương

người tốt, việc tốt, cỗ vũ phong trào thi đua yêu nước; khuynh hướng tư nhân hóa, thương mại hóa báo chí, tư nhân núp bóng để ra báo, kinh doanh báo chí ngày càng tăng. Các cơ quan báo chí quan trọng của Đảng, Nhà nước chậm đổi mới, nội dung và hình thức chưa hấp dẫn, chất lượng và hiệu quả tuyên truyền không cao, chưa chi phối, làm chủ thông tin và định hướng được dư luận xã hội. Công tác chỉ đạo, quản lý báo chí còn nhiều hạn chế. Hệ thống dài phát thanh, truyền hình phát triển thiếu quy hoạch, gây lãng phí, tốn kém lớn.

Nguyên nhân của những yếu kém, khuyết điểm

Những yếu kém, khuyết điểm trong công tác tư tưởng, lý luận, báo chí có những nguyên nhân khách quan, nhưng chủ yếu là do những nguyên nhân chủ quan. Tư duy của Đảng trên lĩnh vực tư tưởng, lý luận, báo chí còn chậm đổi mới. Sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng đối với công tác tư tưởng, lý luận chưa đúng tầm trong điều kiện Đảng cầm quyền. Một số cấp ủy chưa thật sự quan tâm và coi trọng công tác tư tưởng; có biểu hiện hữu khuynh, nể nang, né tránh đối với những quan điểm sai trái có tính nguyên tắc. Công tác tư tưởng chưa gắn chặt chẽ với công tác tổ chức, cán bộ và kiểm tra của Đảng. Công tác quản lý báo chí còn buông lỏng, bị động, xử lý sai phạm thiếu kiên quyết, nể nang, né tránh kéo dài. Đội ngũ cán bộ và công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ làm công tác tư tưởng, lý luận, báo chí còn nhiều hạn chế, yếu kém. Công tác tổng kết thực tiễn, nghiên cứu về tư tưởng, lý luận và báo chí chưa theo kịp sự phát triển của tình hình.

II- MỤC TIÊU, QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG, HIỆU QUẢ CÔNG TÁC TƯ TƯỞNG, LÝ LUẬN, BÁO CHÍ TRƯỚC YÊU CẦU MỚI

Trong những năm tối, trên thế giới, hòa bình, hợp tác, phát triển vẫn là xu thế lớn, nhưng chiến tranh, xung đột dân tộc, tôn giáo, tranh chấp về biên giới, lãnh thổ, hoạt động khủng bố... tiếp tục diễn ra ở nhiều nơi với tính chất rất phức tạp. Các mâu thuẫn lớn của thời đại và cuộc đấu tranh tư tưởng vẫn rất gay gắt. Sự phát triển của khoa học - công nghệ, toàn cầu hóa kinh tế và thông tin quốc tế tạo ra những cơ hội phát triển nhưng cũng tạo ra không ít khó khăn, thách thức cho các nước, nhất là các nước đang phát triển. Ở trong nước, sự nghiệp đổi mới toàn diện đất nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc tiếp tục được đẩy mạnh; thế và lực, uy tín quốc tế của đất nước ngày một cao tạo ra những thời cơ, thuận lợi mới, nhưng những biến đổi mạnh mẽ của cơ cấu giai cấp, xã hội, sự đa dạng về lợi ích kinh tế, sự chênh lệch về trình độ phát triển giữa các vùng, phân hóa giàu, nghèo giữa các tầng lớp dân cư, các tiêu cực và tệ nạn xã hội (quan liêu, tham nhũng, lãng phí...) tạo ra những khó khăn và thách thức lớn đối với sự ổn định, phát triển đất nước, đối với công tác tư tưởng, lý luận, báo chí.

Trong bối cảnh đó, sự nghiệp cách mạng của Đảng và nhân dân ta đòi hỏi công tác tư tưởng, lý luận, báo chí phải đổi mới mạnh mẽ nội dung, phương pháp, không ngừng nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động.

1. Mục tiêu

- Công tác tư tưởng, lý luận, báo chí phải góp phần tích cực vào việc thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội X của Đảng; củng cố, tăng cường sự thống nhất về tư tưởng, chính trị trong Đảng, sự đồng thuận về chính trị và tinh thần trong nhân dân; giữ vững và mở rộng trận địa tư tưởng của Đảng, bảo vệ và phát triển chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh; phát huy sức mạnh của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, của đại đoàn kết toàn dân tộc, nâng cao ý chí phấn đấu thực hiện thành công sự nghiệp đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hội nhập kinh tế quốc tế, xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

- Công tác tư tưởng, lý luận, báo chí phải góp phần tích cực thực hiện có hiệu quả cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên, các tổ chức đảng ngày càng trong sạch, vững mạnh, phấn đấu để từ nay đến Đại hội XI của Đảng ngăn chặn, từng bước đẩy lùi tham nhũng, lãng phí, khắc phục một bước quan trọng tình trạng suy thoái về chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống trong một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên.

- Công tác tư tưởng, lý luận phải vượt qua tình trạng lạc hậu, yếu kém, công tác báo chí phải khắc phục được những khuyết điểm, yếu kém kéo dài; đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động, góp phần củng cố tư tưởng, phát triển trình độ lý luận, chính trị, tri thức của toàn Đảng và hệ thống chính trị, khẳng định vai trò tiên phong của Đảng.

2. Quan điểm chỉ đạo

- Công tác tư tưởng, lý luận là một bộ phận cấu thành đặc biệt quan trọng trong toàn bộ hoạt động của Đảng; là lĩnh vực trọng yếu để xây dựng, bồi đắp nền tảng chính trị của chế độ, tuyên truyền, giáo dục, động viên và tổ chức nhân dân thực hiện các nhiệm vụ cách mạng, khẳng định và nâng cao vai trò tiên phong của Đảng về chính trị, lý luận, trí tuệ, văn hóa và đạo đức; thể hiện vai trò đi trước, mở đường trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

- Công tác tư tưởng, lý luận, báo chí phải đóng vai trò quan trọng trong việc bảo vệ và phát triển chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, đường lối của Đảng, làm cho hệ tư tưởng của Đảng, của giai cấp công nhân, lý tưởng xã hội chủ nghĩa, những giá trị tốt đẹp trong truyền thống văn hóa dân tộc, những tinh hoa văn hóa thế giới chiếm vị trí chủ đạo trong đời sống tinh thần xã hội.

- Công tác tư tưởng là nhiệm vụ của toàn Đảng, của tất cả đảng viên, trước hết là cấp ủy các cấp và đồng chí bí thư cấp ủy, của cả hệ thống chính trị với sự tham gia, đóng góp của nhân dân, trong đó lực lượng nòng cốt là đội ngũ chuyên trách làm công tác tư tưởng, lý luận, báo chí của Đảng; phải phát huy dân chủ, khai thác mọi tiềm năng sáng tạo của toàn Đảng và toàn xã hội để tạo bước phát triển mạnh mẽ trên lĩnh vực tư tưởng, lý luận, báo chí.

- Công tác tư tưởng của Đảng là công tác đối với con người, một nhiệm vụ khó khăn, phức tạp, đòi hỏi phải nắm vững những quy luật riêng của tư tưởng, có thái độ, phương pháp khoa học, kết hợp chặt chẽ giữa yêu cầu định hướng tư

tưởng với sự tự nguyện, giữa lý trí và tình cảm, giữa lời nói và việc làm, giữa "xây" và "chống", lấy "xây" làm chính, lấy tích cực đẩy lùi tiêu cực; phải gắn bó mật thiết và phục vụ có hiệu quả công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, nâng cao đời sống và phát huy quyền làm chủ của nhân dân.

Đối với báo chí, cần nhấn mạnh, báo chí là tiếng nói của Đảng, Nhà nước, của tổ chức chính trị - xã hội và là diễn đàn của nhân dân, đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Đảng, sự quản lý của Nhà nước và hoạt động trong khuôn khổ pháp luật; phải bảo đảm tính tư tưởng, tính chân thật, tính nhân dân, tính chiến đấu và tính đa dạng của hoạt động báo chí.

3. Nhiệm vụ và giải pháp

a) Đối với công tác tư tưởng

- Nâng cao nhận thức về vai trò của công tác tư tưởng; tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng đối với công tác tư tưởng. Đổi mới, nâng cao chất lượng tuyên truyền, giáo dục chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, đường lối của Đảng cho cán bộ, đảng viên và nhân dân, nhất là cho thế hệ trẻ; làm cho toàn Đảng, toàn dân nắm vững, nhất trí với mục tiêu, quan điểm, nhiệm vụ trong công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Kiên trì đấu tranh bảo vệ lý tưởng độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, thường xuyên gắn kết chặt chẽ công tác tư tưởng với các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại. Tăng cường tuyên truyền, cổ vũ, động viên các nhân tố mới, điển hình tiên tiến, gương người tốt, việc tốt trên mọi lĩnh vực, phát huy chủ nghĩa yêu nước, năng lực

thực thi dân chủ, tinh thần sáng tạo, tự lực, tự cường, tạo ra phong trào hành động cách mạng của toàn dân thực hiện thắng lợi công cuộc đổi mới và phát triển đất nước.

Đề cao trách nhiệm của toàn Đảng đối với công tác tư tưởng. Xây dựng và thực hiện quy chế, quy định toàn Đảng, từ Trung ương đến cơ sở và mọi đảng viên có trách nhiệm trực tiếp làm công tác tư tưởng, tham gia tổng kết thực tiễn. Bí thư cấp ủy, thủ trưởng các cơ quan, đơn vị hàng năm phải lập kế hoạch chỉ đạo công tác tư tưởng, chủ động nắm bắt, đánh giá, dự báo diễn biến tư tưởng của đơn vị mình, có biện pháp giải quyết kịp thời. Thường xuyên nâng cao chất lượng tự phê bình và phê bình trong sinh hoạt đảng, khắc phục tình trạng mơ hồ về tư tưởng trong cán bộ, đảng viên. Xây dựng cơ chế các cấp ủy đảng tiếp xúc, đối thoại trực tiếp với nhân dân, cơ chế phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước từ trung ương đến cơ sở với cơ quan làm công tác tư tưởng trong việc triển khai kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, giải quyết các vấn đề bức xúc của nhân dân. Cải tiến, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các loại hình tuyên truyền, đặc biệt chú trọng công tác tuyên truyền miệng phù hợp với trình độ, nhu cầu của từng đối tượng.

- Triển khai sâu rộng nhiệm vụ xây dựng đạo đức đối với các tầng lớp nhân dân, đặc biệt là cán bộ, đảng viên và thế hệ trẻ. Xây dựng và thực hiện các chuẩn mực đạo đức phù hợp với từng đối tượng, xây dựng cơ chế giám sát về đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên. Tổ chức thực hiện rộng khắp, có chiều sâu, thiết thực và hiệu quả cuộc vận động "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh", gắn với nhiệm vụ

xây dựng, chỉnh đốn Đảng và cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, chống suy thoái về tư tưởng, chính trị, đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên. Nghiên cứu, xây dựng, tổng kết và truyền bá rộng rãi những giá trị mới của con người Việt Nam trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đồng thời bảo vệ và phát huy bản sắc dân tộc, đấu tranh chống lai căng, bắt chước, lệ thuộc nước ngoài.

- Xây dựng và thực hiện chiến lược, các kế hoạch cụ thể về phát triển văn học - nghệ thuật, tạo ra những tác phẩm văn học, nghệ thuật có giá trị cao về tư tưởng và nghệ thuật, có tác dụng giáo dục sâu sắc. Dựa cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa" đi vào chiều sâu, nâng cao hiệu quả chính trị - kinh tế - xã hội của cuộc vận động.

- Triển khai đồng bộ, chủ động cuộc đấu tranh trên mặt trận tư tưởng, phản bác các luận điệu xuyên tạc, vu cáo, chống phá Đảng, Nhà nước ta, làm thất bại âm mưu "diễn biến hòa bình", thực hiện đa nguyên chính trị, hình thành lực lượng đối lập, gây bạo loạn, lật đổ của các thế lực thù địch; thường xuyên cảnh giác, chủ động phòng, chống nguy cơ tự diễn biến ở cả Trung ương và các ngành, các cấp.

- Củng cố tổ chức, tăng cường cán bộ và phương tiện để mở rộng phạm vi và nâng cao hiệu quả công tác thông tin đối ngoại, giúp cho cộng đồng quốc tế, cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài có nhận thức và thái độ đúng đắn về đất nước ta, tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ của nhân dân thế giới đối với sự nghiệp đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc của nhân dân ta.

- Xây dựng và phát triển đội ngũ cán bộ chuyên trách, tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, kỹ thuật cho công tác tư tưởng theo hướng hiện đại, đáp ứng yêu cầu của hoạt động tư tưởng trước những đòi hỏi mới trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế. Khẩn trương xây dựng quy hoạch đội ngũ cán bộ làm công tác tư tưởng đến năm 2020 từ Trung ương đến cơ sở, cả cán bộ cấp chiến lược, các chuyên gia đầu ngành, đội ngũ kế cận và cán bộ trẻ. Nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng, có chế độ, chính sách đãi ngộ thỏa đáng đối với đội ngũ này. Chủ trọng công tác nghiên cứu, điều tra xã hội học, nắm bắt dư luận xã hội phục vụ công tác tư tưởng. Xây dựng chiến lược công tác tư tưởng trong tình hình mới.

b) Đối với công tác lý luận

- Nghiên cứu, vận dụng sáng tạo và phát triển chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh; làm rõ những giá trị bền vững của chủ nghĩa Mác - Lê nin, những vấn đề cần bổ sung và phát triển cho phù hợp với thực tiễn đất nước và thời đại; đẩy mạnh nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh gắn với triển khai sâu rộng, có hiệu quả cuộc vận động "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh".

- Tiếp tục làm sáng tỏ nhận thức, quan niệm về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của nước ta, tập trung vào các vấn đề: độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội; phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế; tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hóa và thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội; phát huy và thực hành quyền dân chủ của nhân dân; xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của dân, do dân, vì dân, phân công và giám sát quyền lực

trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa; mối quan hệ giữa dân chủ và kỷ luật, kỷ cương; những biến đổi về cơ cấu xã hội, phân tầng xã hội, phân hóa giàu nghèo, chiến lược phát triển giai cấp công nhân, chương trình phát triển nông thôn - nông nghiệp - nông dân, chiến lược chấn hưng giáo dục, phát triển khoa học, công nghệ và xây dựng đội ngũ trí thức; vấn đề tôn giáo, dân tộc và chủ nghĩa xã hội...

- Tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận về đảng cầm quyền, về đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng, về phát huy và thực thi dân chủ trong Đảng, nâng cao tầm trí tuệ và văn hóa, năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng.

- Nghiên cứu sự phát triển văn hóa và con người Việt Nam trong thời kỳ mới, chăm lo bồi dưỡng và xây dựng con người Việt Nam về lý tưởng, đạo đức, lối sống, đặc biệt đối với thế hệ trẻ. Nghiên cứu những vấn đề mới trong lý luận và phê bình văn học, nghệ thuật phù hợp với quá trình phát triển, đồng thời phê phán, đẩy lùi các khuynh hướng, quan điểm lệch lạc, sai trái.

- Nghiên cứu các vấn đề lý luận và thực tiễn về chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới; đường lối, chính sách đối ngoại của Đảng, Nhà nước và nhân dân; những vấn đề đặt ra trong cuộc đấu tranh tư tưởng, lý luận trong thời kỳ mới.

- Nghiên cứu những vấn đề cơ bản của thời đại ngày nay và của thế giới đương đại. Chủ động nghiên cứu, tiếp thu có chọn lọc các lý thuyết phát triển, các trào lưu lý luận và các thành tựu khoa học xã hội thế giới.

- Đổi mới và nâng cao chất lượng giáo dục lý luận trong hệ thống các trường chính trị, các trường đại học, cao đẳng

và trung học chuyên nghiệp trong cả nước; khắc phục sự lạc hậu của chương trình, nội dung, phương pháp dạy và học, bảo đảm tính cơ bản, hệ thống, hiện đại và phù hợp với thực tiễn Việt Nam. Tham khảo, tiếp thu có chọn lọc những kinh nghiệm quốc tế về cải cách giáo dục chính trị. Tăng cường đào tạo, đào tạo lại, nâng cao trình độ khoa học, bản lĩnh chính trị và phẩm chất đạo đức của đội ngũ cán bộ nghiên cứu, giảng dạy các bộ môn khoa học Mác - Lenin, tư tưởng Hồ Chí Minh; chú trọng phát hiện và bồi dưỡng đội ngũ chuyên gia đối với các chuyên ngành nghiên cứu, giảng dạy lý luận. Đổi mới cách đánh giá chất lượng đào tạo, bảo đảm thực chất, chống bệnh thành tích và chủ nghĩa hình thức.

- Khẩn trương xây dựng và ban hành quy chế dân chủ trong hoạt động lý luận và công tác chỉ đạo, quản lý nghiên cứu lý luận. Tạo môi trường dân chủ, loại trừ việc hạn chế tự do tư tưởng, tăng cường thảo luận, tranh luận khoa học, khuyến khích tìm tòi, sáng tạo, phát huy trí tuệ của cá nhân và các tập thể khoa học trong nghiên cứu lý luận.

c) *Đối với công tác báo chí*

- Báo chí phải nắm vững và tuyên truyền sâu rộng, kịp thời, có hiệu quả đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, bám sát nhiệm vụ công tác tư tưởng, tích cực tuyên truyền, cổ vũ thành tựu của công cuộc đổi mới. Coi trọng đúng mức việc phát hiện, biểu dương các nhân tố mới, điển hình tiên tiến; tích cực đấu tranh, góp phần ngăn chặn và từng bước đẩy lùi tham nhũng, lãng phí, quan liêu, các tiêu cực và tệ nạn xã hội; phản bác có hiệu

quả những thông tin, quan điểm sai trái, phản động, thù địch, bảo vệ vững chắc trận địa tư tưởng của Đảng; tiếp tục phát huy tiềm lực và ưu điểm, khắc phục các yếu kém, khuyết điểm, nâng cao chất lượng tư tưởng, tính hấp dẫn, mở rộng đối tượng độc giả, vươn lên hiện đại về mô hình tổ chức hoạt động, về cơ sở vật chất, kỹ thuật và công nghệ.

- Đổi mới, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước đối với hoạt động báo chí.

Coi trọng, chăm lo công tác xây dựng Đảng trong các cơ quan báo chí. Đề cao trách nhiệm đảng viên của người làm báo, nhất là người giữ cương vị lãnh đạo. Thường xuyên kiểm tra, giám sát các tổ chức đảng, đảng viên ở các cơ quan báo chí, cơ quan chủ quản, cơ quan quản lý báo chí về thi hành Điều lệ Đảng, các quy định của Đảng, Nhà nước đối với hoạt động báo chí.

Xây dựng quy chế để thường xuyên làm tốt việc định hướng và cung cấp thông tin cho báo chí, nhất là đối với các vấn đề quan trọng, phức tạp, nhạy cảm về đối nội, đối ngoại; nghiên cứu bổ sung, sửa đổi Luật báo chí và các văn bản quy phạm pháp luật liên quan; quy định thẩm quyền, trách nhiệm, cơ chế phối hợp giữa các cơ quan chỉ đạo báo chí của Đảng, cơ quan quản lý báo chí của Nhà nước, Hội Nhà báo và cơ quan chủ quản báo chí đối với cơ quan báo chí và người làm báo; xây dựng chế tài đủ mạnh, xử lý dứt điểm, kịp thời, nghiêm minh các sai phạm.

Rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch phát triển hệ thống báo chí, các đài phát thanh, truyền hình từ Trung ương đến địa phương và báo chí điện tử; sáp xếp, thu gọn

đầu mối theo hướng khoa học, hợp lý, hiệu quả. Nghiên cứu, phân loại báo chí theo chức năng, nhiệm vụ, bảo đảm tính đa dạng; khắc phục tình trạng xa rời tôn chỉ, mục đích, trùng lặp, chồng chéo về chức năng, nhiệm vụ của một số cơ quan báo chí.

- Đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả của công tác đào tạo, bồi dưỡng phẩm chất chính trị, trình độ nghiệp vụ, năng lực chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp của đội ngũ những người làm báo. Rà soát, đánh giá lại đội ngũ lãnh đạo, quản lý, phóng viên, biên tập viên, kiêm quyết đưa những người không đủ phẩm chất, năng lực ra khỏi cơ quan báo chí. Thực hiện tốt các quy định của Đảng về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật cán bộ lãnh đạo các cơ quan báo chí. Quản lý chặt chẽ cơ quan đại diện, phóng viên thường trú ở các địa phương và ở nước ngoài; việc đào tạo phóng viên báo chí ở nước ngoài và bằng tiền tài trợ của các tổ chức nước ngoài.

- Có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, bổ sung cán bộ có đủ phẩm chất, năng lực, tạo điều kiện về cơ sở vật chất - kỹ thuật để các báo, đài, tạp chí chủ lực đổi mới, nâng cao chất lượng về nội dung, hình thức, tăng tính thuyết phục, tính hấp dẫn, lượng phát hành, phạm vi phủ sóng, làm tốt khả năng chi phối, định hướng thông tin và dư luận xã hội.

- Tăng cường và nâng cao chất lượng hoạt động thông tin đối ngoại. Tiếp tục tăng thời lượng phát thanh, truyền hình, báo điện tử ra các nước, các khu vực, đưa được nhiều thông tin và sản phẩm văn hóa có nội dung tốt đến đồng bào ta ở nước ngoài và bạn bè quốc tế; tăng cường giới thiệu, quảng bá

hình ảnh về đất nước và con người Việt Nam đến nhiều nước trên thế giới.

III- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các tỉnh ủy, thành ủy, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc Trung ương tổ chức nghiên cứu, học tập Nghị quyết; xây dựng chương trình hành động thực hiện Nghị quyết một cách phù hợp, gắn với chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội X; chú trọng đổi mới từ khâu nghiên cứu, học tập Nghị quyết.

2. Ban Tuyên giáo Trung ương chủ trì:

- Phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng văn bản hướng dẫn, biên soạn tài liệu phục vụ việc triển khai nghiên cứu Nghị quyết trong quý III và đầu quý IV-2007, chỉ đạo công tác tuyên truyền sâu rộng và thiết thực các nội dung cơ bản của Nghị quyết; phối hợp với Hội Nhà báo Việt Nam và Ủy ban toàn quốc Liên hiệp các Hội văn học, nghệ thuật Việt Nam tổ chức nghiên cứu, quán triệt Nghị quyết cho đội ngũ báo chí và văn nghệ sĩ.

- Cùng Ban Cán sự Đảng Bộ Thông tin và Truyền thông, Đảng đoàn Hội Nhà báo Việt Nam và các cơ quan hữu quan khẩn trương triển khai các nhiệm vụ về công tác báo chí, xây dựng và thực hiện đề án sắp xếp lại hệ thống các cơ quan báo chí trong cả nước.

- Phối hợp với Đảng đoàn Ủy ban toàn quốc Liên hiệp các Hội văn học, nghệ thuật Việt Nam, Ban Cán sự Đảng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các cơ quan chức năng sớm xây

dựng đề án phát triển văn học, nghệ thuật trong tình hình mới, trình Bộ Chính trị ban hành nghị quyết riêng.

- Phối hợp với các ngành liên quan xây dựng chiến lược công tác tư tưởng của Đảng trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

- Phối hợp với Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh, Ban Cán sự Đảng Bộ Giáo dục và Đào tạo xây dựng đề án đổi mới việc giảng dạy, học tập chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh và giáo dục đạo đức công dân trong nhà trường ở từng cấp học và đề án tăng cường công tác giáo dục chính trị cho học sinh, sinh viên.

- Phối hợp với Ban Tổ chức Trung ương, Ủy ban Kiểm tra Trung ương xây dựng cơ chế phối hợp và gắn kết công tác tư tưởng với công tác tổ chức, cán bộ, công tác kiểm tra đảng trên lĩnh vực tư tưởng, lý luận, báo chí.

3. Hội đồng Lý luận Trung ương chủ trì, phối hợp với Ban Tuyên giáo Trung ương, Ban Cán sự Đảng Bộ Khoa học và Công nghệ, Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh, Viện Khoa học xã hội Việt Nam xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện các nhiệm vụ của công tác lý luận.

4. Ban Cán sự Đảng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và Đảng đoàn Ủy ban toàn quốc Liên hiệp các Hội văn học, nghệ thuật Việt Nam chủ trì, phối hợp với các cơ quan hữu quan xây dựng kế hoạch nhằm tạo ra nhiều sản phẩm văn hóa - văn nghệ có giá trị về tư tưởng nghệ thuật và đưa phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa" đi vào chiều sâu.

5. Ban Cán sự Đảng Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Văn phòng Trung ương Đảng và các cơ quan hữu quan nghiên cứu chế độ, chính sách đối với cán bộ ngành tư tưởng, lý luận, báo chí, xây dựng cơ chế tài chính đối với báo chí.

6. Ban Tuyên giáo Trung ương chủ trì, phối hợp với các ngành, các cấp kiểm tra thực hiện Nghị quyết, định kỳ báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

Nghị quyết này phổ biến đến chi bộ.

T/M BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
TỔNG Bí THƯ
NÔNG ĐỨC MẠNH

Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện*
Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành
Trung ương khóa X, Sđd, tr.33-54.

BÁO CÁO GIẢI TRÌNH CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 82/TLHN, ngày 13 tháng 7 năm 2007

**Tiếp thu ý kiến của Trung ương về Đề án
Tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo
của Đảng đối với hoạt động
của hệ thống chính trị**

Buổi sáng, một phần buổi chiều ngày 9 và sáng ngày 10-7-2007, Trung ương thảo luận ở tổ và hội trường về Đề án *Tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động của hệ thống chính trị*. Có 113 lượt ý kiến phát biểu tại tổ và 12 ý kiến phát biểu tại hội trường.

Nhiều ý kiến cho rằng, đây là vấn đề khó, phức tạp, trước và trong Đại hội X của Đảng đã bàn về vấn đề này, Trung ương lần này cần thảo luận kỹ để tạo sự thống nhất cao trong toàn Đảng. Hầu hết ý kiến đồng tình với các nội dung trong tờ trình và đề án của Bộ Chính trị; cho rằng, đề án được chuẩn bị công phu, nghiêm túc; nội dung chặt chẽ về mặt lý luận, đáp ứng được yêu cầu của thực tiễn; đề án có nhiều điểm mới, nêu vấn đề trúng, đặt vấn đề rõ ràng, mạnh dạn nêu rõ những yếu kém về phương thức lãnh đạo của Đảng

thời gian qua, thể hiện rõ Đảng lãnh đạo toàn diện về chính trị, kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại..., hoạt động trong khuôn khổ *Hiến pháp* và pháp luật; phương thức lãnh đạo của Đảng ngày càng rõ và hoàn thiện hơn, những nét lớn thể hiện ở năm nội dung nêu trong đề án là phù hợp với *Cương lĩnh 1991* và các nghị quyết của Đảng. Tuy nhiên, một số ý kiến cho rằng đề án còn nêu chung chung, ít cái mới, chưa có nhiều giải pháp mới, mạnh mẽ và có tính đột phá, nêu được nhiều vấn đề cụ thể nhưng còn thiếu lý luận nên chưa có đủ lý lẽ để làm rõ bản chất vấn đề.

Đồng thời, có nhiều ý kiến của Trung ương góp ý bổ sung, nhấn mạnh, làm rõ hơn về nhiều vấn đề của đề án. Bộ Chính trị xin tiếp thu những ý kiến hợp lý, xác đáng để bổ sung, hoàn chỉnh đề án và dự thảo nghị quyết trước khi ban hành.

Sau đây Bộ Chính trị xin giải trình về một số ý kiến Trung ương nêu ra trong thảo luận.

1. Một số ý kiến cho rằng, đề án còn ít cái mới, có cái mới nhưng trong khuôn khổ của cái hiện nay ta vẫn làm. Đề án chưa nêu được những giải pháp mới, mạnh mẽ và có tính đột phá đáp ứng yêu cầu của thực tiễn hiện nay. Giải pháp mạnh mẽ, có tính đột phá là Đảng phải hóa thân thành Nhà nước, nhất thể hóa các chức danh lãnh đạo của Đảng và lãnh đạo Nhà nước, không để song trùng các chức danh và các bộ máy lãnh đạo.

Về vấn đề này, Bộ Chính trị xin trình bày như sau: Trên cơ sở kế thừa những đánh giá về phương thức lãnh đạo của Đảng được nêu trong nhiều văn kiện của Đảng trước đây, đề án lần này đưa ra đánh giá tương đối đầy đủ, hệ thống về những kết quả đạt được và những hạn chế trong phương thức

lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động của hệ thống chính trị trong hơn 20 năm đổi mới, nguyên nhân của những kết quả và hạn chế đó; mục tiêu, quan điểm, nhiệm vụ và giải pháp tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động của hệ thống chính trị đáp ứng đòi hỏi của giai đoạn cách mạng mới. Trong phần nhiệm vụ và giải pháp, đề án có nêu lại một số vấn đề mặc dù đã được đề ra trong các nghị quyết của Đảng nhưng chưa được thực hiện hoặc thực hiện chưa tốt, đồng thời cũng đã đề xuất thêm nhiều nội dung mới nhằm cụ thể hóa các quan điểm của *Cương lĩnh, Điều lệ, Nghị quyết Đại hội X* về đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động của hệ thống chính trị.

Đảng ta là đảng cầm quyền, Đảng lãnh đạo đất nước chủ yếu thông qua Nhà nước. Đảng lập các tổ chức đảng hoạt động trong các cơ quan nhà nước và giới thiệu những đảng viên ưu tú vào các vị trí lãnh đạo chủ chốt của bộ máy nhà nước để lãnh đạo thể chế hóa và tổ chức thực hiện đúng đắn *Cương lĩnh, nghị quyết, chỉ thị* của Đảng. Trong đề án đã đề xuất nhiều giải pháp để cụ thể hóa nội dung này. Song, không thể hợp nhất tất cả các chức danh lãnh đạo của Đảng và của Nhà nước, bộ máy tổ chức của Đảng và bộ máy tổ chức Nhà nước, bởi Đảng và Nhà nước có vai trò, vị trí, nhiệm vụ khác nhau (Đảng lãnh đạo chính trị đối với Nhà nước và toàn xã hội, Nhà nước quản lý xã hội); Đảng cần có bộ máy tổ chức và cán bộ để làm chức năng lãnh đạo chính trị và làm công tác xây dựng Đảng. Vì vậy, không thể đặt vấn đề Đảng "hoá thân" vào Nhà nước, làm lấn lộn vai trò lãnh đạo của Đảng và vai trò quản lý của Nhà nước. Việc hợp nhất chức danh lãnh đạo nào, tổ chức nào của bộ máy của Đảng và bộ máy

của Nhà nước phải xuất phát từ yêu cầu thực tiễn và phải được cân nhắc thật thận trọng. Các đề xuất trong đề án trình Trung ương được xây dựng theo quan điểm này.

2. Về phạm vi đề án: Bên cạnh đa số ý kiến đồng tình với phạm vi đề án theo đề nghị của Bộ Chính trị, *còn có một số ý kiến đề nghị bổ sung nội dung về Chủ tịch nước vào đề án; đề nghị nội dung đổi mới hoạt động của hệ thống chính trị và đổi mới công tác cán bộ nếu không bàn trong hội nghị lần này thì phải có lộ trình để bàn ở các hội nghị Trung ương khác và cho rằng nội dung đề án về phương thức lãnh đạo của Đảng ở Trung ương và cấp tỉnh thì rõ, nhưng ở cấp huyện, xã chưa rõ nên triển khai thực hiện sẽ khó.*

Về những vấn đề này, Bộ Chính trị xin trình bày như sau: Bộ Chính trị đề nghị Trung ương cho tiếp thu bổ sung vào đề án và nghị quyết của Trung ương vấn đề xây dựng quy định về quan hệ lãnh đạo giữa Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư đối với Chủ tịch nước, để vừa bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng, đồng thời phát huy vai trò của Chủ tịch nước theo quy định của *Hiến pháp*.

Như đã nêu trong tờ trình của Bộ Chính trị, khi chuẩn bị đề án, Bộ Chính trị đã cân nhắc điều chỉnh phạm vi đề án, do phạm vi ban đầu quá rộng và nhiều vấn đề liên quan đến đổi mới hoạt động của hệ thống chính trị và đổi mới công tác cán bộ đã và sẽ được Trung ương, Bộ Chính trị bàn theo chương trình đã được quyết định. Vì vậy, đề nghị Trung ương cho giữ phạm vi đề án như đề nghị của Bộ Chính trị.

Như đã nêu trong tờ trình của Bộ Chính trị, nội dung đề án về *Tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động của hệ thống chính trị*, thì trọng tâm là đổi mới

Nhà nước, ở cả Trung ương và địa phương, nhưng trọng tâm là ở Trung ương. Vì vậy, việc đổi mới phương thức lãnh đạo của các cấp ủy địa phương chủ yếu mới đề cập tới cấp tỉnh, chưa đề cập đến cấp huyện và cơ sở. Sau hội nghị Trung ương, căn cứ vào nghị quyết được Trung ương thông qua, Bộ Chính trị, Ban Bí thư và các ban đảng Trung ương sẽ tiếp tục nghiên cứu và có hướng dẫn cho cấp huyện và cơ sở.

3. Một số ý kiến đề nghị "chúng ta xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa nên cần phải có Luật về hệ thống chính trị và về Đảng".

Về vấn đề này, Bộ Chính trị xin trình bày như sau: Hệ thống chính trị nước ta bao gồm Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội. Thực hiện đường lối của Đảng về xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, trong những năm qua công tác xây dựng luật pháp và quản lý xã hội bằng pháp luật đã được tăng cường. Đối với hệ thống chính trị, đã có các luật về tổ chức Quốc hội, tổ chức Chính phủ, tổ chức Toà án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, *Luật về Mặt trận Tổ quốc, Luật công đoàn, Luật thanh niên...*

Riêng đối với luật về Đảng, trong quá trình chuẩn bị đề án, cũng có một số ý kiến đề nghị cần phải có luật về Đảng (một luật riêng hoặc một chương trong *Hiến pháp*) để cụ thể hóa điều 4 *Hiến pháp*, luật hóa vai trò lãnh đạo của Đảng. Có ý kiến còn đề nghị việc này cần phải làm sớm. Nhưng cũng có nhiều ý kiến đề nghị không nên có luật về Đảng. Điều 4 *Hiến pháp* đã khẳng định rõ vai trò lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước và xã hội về mặt pháp lý.

Đây là vấn đề rất hệ trọng và nhạy cảm, Bộ Chính trị đã thảo luận, cân nhắc kỹ, quyết định không đưa vấn đề này vào đề án. Bộ Chính trị đề nghị Trung ương chấp thuận quan điểm này.

4. Có ý kiến đề nghị, lần này Trung ương nên xem xét việc nhất thể hóa chức danh Tổng Bí thư kiêm Chủ tịch nước; ý kiến khác đề nghị cần làm rõ mối quan hệ giữa Tổng Bí thư là Bí thư Quân ủy Trung ương, Chủ tịch nước là Thống lĩnh các lực lượng vũ trang, Chủ tịch Hội đồng Quốc phòng, an ninh của Quốc hội.

Về vấn đề này, Bộ Chính trị xin trình bày như sau: Trong quá trình chuẩn bị đề án, đã có những ý kiến đề nghị Đảng giới thiệu đồng chí Tổng Bí thư để Quốc hội bầu là Chủ tịch nước, Bộ Chính trị đã thảo luận, cân nhắc kỹ những ý kiến này. Trước và trong Đại hội X của Đảng, vấn đề này đã được Ban Chấp hành Trung ương khóa IX và Đại hội X xem xét, cân nhắc nhiều mặt, đã thống nhất chủ trương khi có điều kiện thì Ban Chấp hành Trung ương có thể giới thiệu đồng chí Tổng Bí thư để Quốc hội bầu vào chức danh Chủ tịch nước; tại Hội nghị Trung ương 2 khóa X, Ban Chấp hành Trung ương đã cân nhắc giới thiệu một đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị để Quốc hội bầu giữ chức Chủ tịch nước. Vì vậy, Bộ Chính trị đề nghị Trung ương, hiện nay chưa nên đặt lại vấn đề này, không đưa nội dung này vào đề án. Xin đề nghị Trung ương chấp thuận.

Đối với lực lượng vũ trang, Đảng lãnh đạo trực tiếp, tuyệt đối về mọi mặt; những vấn đề quan trọng có liên quan đến quốc phòng, an ninh của đất nước đều được Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị bàn bạc và quyết định tập thể,

đồng chí Tổng Bí thư với tư cách là Bí thư Quân ủy Trung ương, đồng chí Chủ tịch nước là thống lĩnh các lực lượng vũ trang, Chủ tịch Hội đồng Quốc phòng, an ninh của Quốc hội đều phải triển khai thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ của mình. Quan hệ giữa đồng chí Tổng Bí thư, Bí thư Quân ủy Trung ương, đồng chí Chủ tịch nước thống lĩnh các lực lượng vũ trang, Chủ tịch Hội đồng Quốc phòng, an ninh của Quốc hội là quan hệ giữa vai trò lãnh đạo của Đảng với vai trò quản lý của Nhà nước đối với lĩnh vực quốc phòng, an ninh. Quan hệ này sắp tới cần được tiếp tục nghiên cứu để cụ thể hóa trong quy định, quy chế phù hợp.

5. Một số ý kiến đề nghị cân nhắc nhận định trong phần đánh giá tổng quát "Đổi mới phương thức lãnh đạo còn chậm và lúng túng" vì nếu lúng túng thì chúng ta không thể đạt được thành tựu như hiện nay. Có ý kiến đề nghị về vấn đề Đảng lãnh đạo việc xây dựng cơ chế phán quyết về những vi phạm Hiến pháp trong hoạt động lập pháp, hành pháp, tư pháp, Bộ Chính trị cần cân nhắc, nghiên cứu kỹ, thực hiện chủ trương này trong thời điểm hiện nay là chưa phù hợp.

Về vấn đề này, Bộ Chính trị xin báo cáo như sau: "Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng còn chậm và lúng túng" là nhận định trong Báo cáo về công tác xây dựng Đảng của Ban Chấp hành Trung ương khóa IX trình Đại hội X của Đảng, đã được Đại hội X của Đảng thông qua, được trích dẫn đưa vào đề án trình Trung ương.

"Xây dựng cơ chế phán quyết về những vi phạm Hiến pháp trong hoạt động lập pháp, hành pháp, tư pháp" là nội dung được nêu trong Báo cáo chính trị Đại hội X của Đảng. Đề án nêu lại nội dung này để cụ thể hóa và tổ chức triển

khai thực hiện Nghị quyết Đại hội X. Trong quá trình triển khai thực hiện, Bộ Chính trị sẽ chỉ đạo chặt chẽ, cân nhắc thời điểm thực hiện, nội dung, hình thức, cơ chế hoạt động của tổ chức này phù hợp với yêu cầu, đặc điểm thể chế chính trị của nước ta.

Vì vậy, Bộ Chính trị đề nghị Trung ương cho giữ những nội dung này trong đề án.

6. Có ý kiến đề nghị nên sửa "Đảng giới thiệu đảng viên để Quốc hội bầu, phê chuẩn..." thành "Đảng giới thiệu nhân sự để Quốc hội bầu, phê chuẩn...". Nhiều ý kiến đồng tình với quan điểm nêu trong đề án với mỗi chức danh Đảng chỉ giới thiệu một người để Quốc hội, hội đồng nhân dân bầu. Nhưng có một số ý kiến khác đề nghị quy định mỗi chức danh cấp ủy chỉ giới thiệu một người chỉ nên áp dụng đối với các chức danh chủ chốt (Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch Quốc hội, chủ tịch hội đồng nhân dân và chủ tịch ủy ban nhân dân), còn các chức danh khác thì có thể giới thiệu hai người để chọn; đề nghị xem lại quy định "đảng viên không được tổ chức đảng giới thiệu thì không được tự ứng cử, khi đại biểu Quốc hội, đại biểu hội đồng nhân dân đề cử thì phải xin rút...", vì quy định như vậy là quá cứng; vì sao quy định về những điều đảng viên không được làm sau khi sửa đổi đã cho phép đảng viên có quyền nhận sự đề cử, song trong đề án lại không cho phép?

Về vấn đề này, Bộ Chính trị xin báo cáo như sau: Bộ Chính trị xin tiếp thu ý kiến của Trung ương để sửa lại câu "Đảng giới thiệu đảng viên để Quốc hội bầu, phê chuẩn..." thành "Đảng giới thiệu nhân sự để Quốc hội bầu, phê chuẩn...", vì Đảng không chỉ giới thiệu đảng viên mà còn có

thể giới thiệu cả người không phải đảng viên để Quốc hội bầu, phê chuẩn với những chức danh thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý.

Về mỗi chức danh, cấp ủy chỉ giới thiệu một người để Quốc hội, hội đồng nhân dân bầu, Bộ Chính trị thấy rằng, việc giới thiệu cán bộ vào các chức danh lãnh đạo, nhất là những chức danh chủ chốt trong các cơ quan nhà nước là vấn đề hệ trọng, bảo đảm vai trò cầm quyền của Đảng. Trước khi giới thiệu, cấp ủy đưa ra nhiều phương án để lựa chọn, nhưng khi giới thiệu, mỗi chức danh cấp ủy chỉ giới thiệu một người; đồng thời tôn trọng quyền đề cử, ứng cử của đại biểu Quốc hội, đại biểu hội đồng nhân dân; như vậy, vừa đúng nguyên tắc tập trung dân chủ trong Đảng, vừa phát huy dân chủ trong hoạt động của Quốc hội, hội đồng nhân dân và không trái với quy định của pháp luật.

Về quy định đối với đảng viên không được tổ chức đảng có thẩm quyền giới thiệu, thì không được tự ứng cử, khi được đại biểu Quốc hội, đại biểu hội đồng nhân dân đề cử thì phải tự nguyện xin rút, tiếp thu ý kiến Trung ương, Bộ Chính trị đề nghị sửa lại quy định này theo hướng: đối với các đồng chí cấp ủy viên ở từng cấp đã tham gia thảo luận, quyết định việc giới thiệu nhân sự, khi không được cấp ủy giới thiệu thì không được tự ứng cử, khi được đề cử thì phải xin rút. Đối với các đảng viên khác, khi không được cấp ủy đảng giới thiệu thì không được tự ứng cử, nếu được đại biểu Quốc hội, đại biểu hội đồng nhân dân đề cử thì Đảng đoàn Quốc hội, đảng đoàn hội đồng nhân dân phải báo cáo cấp ủy có thẩm quyền giới thiệu nhân sự vào chức danh được bầu xem xét, quyết định.

7. Một số ý kiến cho rằng, quan điểm về công tác cán bộ nêu ở phân nhiệm vụ cơ bản vẫn như cũ, chưa có gì mới so với trước, nhất là trách nhiệm của người đứng đầu. Cấp phó nên để cấp trưởng, người đứng đầu được chọn, nếu chọn sai thì phải chịu trách nhiệm. Thủ tướng Chính phủ đề nghị chọn, thay phó thủ tướng, bộ trưởng đề nghị chọn, thay thứ trưởng... Vì vậy, cần phân cấp mạnh hơn nữa việc bổ nhiệm cán bộ cho Ban Cán sự Đảng Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ chịu trách nhiệm; nên giao cho Ban Cán sự Đảng Chính phủ giới thiệu và Thủ tướng Chính phủ bổ nhiệm cấp thứ trưởng, không cần trình Ban Bí thư; các ban đảng có chức năng liên quan chỉ nên hậu kiểm, không nên thẩm định trước khi bổ nhiệm.

Về vấn đề này, Bộ Chính trị xin trình bày như sau: Nghị quyết Đại hội X của Đảng đã khẳng định nguyên tắc Đảng thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ của cả hệ thống chính trị, đồng thời phát huy vai trò của tổ chức và của người đứng đầu tổ chức; công tác cán bộ là thuộc thẩm quyền của tập thể cấp ủy đảng, theo nguyên tắc tập trung dân chủ. Vừa qua, Bộ Chính trị đã cho ý kiến sửa đổi, bổ sung Quy định về phân cấp quản lý cán bộ và Quy chế bổ nhiệm cán bộ theo hướng đổi mới với cán bộ thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý công tác tại cơ quan, tổ chức thuộc Quốc hội và Chính phủ, Đảng đoàn Quốc hội và Ban Cán sự Đảng Chính phủ giới thiệu, Ban Tổ chức Trung ương và các ban đảng có liên quan thẩm định trình Bộ Chính trị, Ban Bí thư xem xét, quyết định; đổi mới với cán bộ thuộc diện phân cấp quản lý của Ban Cán sự Đảng Chính phủ, Ban Cán sự Đảng Chính phủ quyết định việc bổ nhiệm, miễn nhiệm

sau khi có ý kiến thẩm định của Ban Tổ chức Trung ương, Ủy ban Kiểm tra Trung ương và các ban liên quan của Đảng. Việc bổ nhiệm, đề bạt cán bộ là công việc rất hệ trọng, phải được thực hiện theo một quy trình chặt chẽ, xem xét đầy đủ trước khi bổ nhiệm, đề bạt. Vì vậy, không thể đặt vấn đề "hậu kiểm" trong công tác cán bộ. Vấn đề quan trọng là phải thường xuyên kiện toàn cơ quan làm công tác tổ chức cán bộ các cấp, để cao trách nhiệm làm tham mưu trong việc lựa chọn cán bộ để trình cấp thẩm quyền quyết định; cải tiến mạnh mẽ các thủ tục hành chính trong Đảng, trong đó có thủ tục, quy trình bổ nhiệm cán bộ, đảm bảo được nhanh chóng và chính xác. Bộ Chính trị đề nghị Trung ương chấp thuận đề nghị trên.

8. Có một số ý kiến đề nghị cần xác định phương thức lãnh đạo của Đảng không chỉ đối với hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội mà còn đối với các hội quần chúng khác. Vì thực tế hiện nay có hàng trăm hội ở cấp trung ương và hàng nghìn hội ở địa phương, trong khi đó Mặt trận Tổ quốc Việt Nam chỉ có 44 đơn vị thành viên tiêu biểu; tuy ở những mức độ khác nhau nhưng các hội quần chúng này đều có tính chất chính trị và được Nhà nước cấp kinh phí hoặc được tạo cơ chế hoạt động; việc thành lập, quản lý, lãnh đạo của Đảng đối với các hội đó như thế nào trong tờ trình và đề án chưa đề cập.

Về vấn đề này, Bộ Chính trị xin trình bày như sau: Các tổ chức hội quần chúng ở nước ta hiện nay rất phong phú, đa dạng, có quy mô, phạm vi hoạt động khác nhau, có hội có quy mô toàn quốc, có hội có quy mô cấp tỉnh, huyện, xã; có hội là thành viên của Mặt trận Tổ quốc, có hội chưa phải là thành

viên của Mặt trận Tổ quốc. Về nguyên tắc, tất cả các hội quần chúng đều phải có sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước. Nhà nước quản lý việc thành lập, tổ chức và hoạt động của hội theo pháp luật. Đảng lãnh đạo các hội thông qua Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc (nếu hội đã là thành viên Mặt trận), bằng công tác tuyên truyền, giáo dục, thuyết phục, qua đảng viên và tổ chức đảng tại các hội... Tùy theo quy mô, phạm vi, tính chất hoạt động của hội mà cấp ủy đảng các cấp có các hình thức lãnh đạo phù hợp.

Tuy nhiên, như đã nêu trong tờ trình của Bộ Chính trị, phạm vi của đề án là tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động của hệ thống chính trị, trong đó trọng tâm là đổi mới với Nhà nước, ở cả Trung ương và địa phương, nhưng trọng tâm là ở Trung ương, nên chưa đề cập đến các hội không phải là tổ chức chính trị - xã hội, chưa phải là thành viên Mặt trận Tổ quốc. Tiếp thu ý kiến của Trung ương, Bộ Chính trị sẽ chỉ đạo Đảng đoàn Quốc hội, Ban Cán sự Đảng Chính phủ, các cơ quan có liên quan tiếp tục bổ sung, hoàn chỉnh các quy định pháp luật về quản lý nhà nước đối với hoạt động của các hội quần chúng và sẽ chỉ đạo các cấp ủy đảng chú ý đúng mức đến vấn đề này khi triển khai thực hiện nghị quyết.

9. *Có ý kiến nêu: Việc Bộ Chính trị, Ban Bí thư ủy quyền cho Đảng đoàn Quốc hội và Ban Cán sự đảng Chính phủ thi hành kỷ luật đảng viên là đại biểu Quốc hội và cán bộ thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý công tác tại Quốc hội và cơ quan thuộc Chính phủ là trái nguyên tắc chung về phân cấp quản lý cán bộ, cần được nghiên cứu lại cho phù hợp.*

Bộ Chính trị xin tiếp thu ý kiến Trung ương và đề nghị cho nghiên cứu kỹ hơn vấn đề này cùng với việc tổng kết về tổ chức và hoạt động của các đảng đoàn, ban cán sự đảng theo chủ trương Đại hội X của Đảng, để vừa phân cấp được nhiều hơn đồng thời đảm bảo việc xem xét kỷ luật trong Đảng phải được thực hiện đúng thẩm quyền, đúng nguyên tắc và các quy định của *Điều lệ Đảng*. Đề nghị Trung ương chưa đưa vấn đề này vào đề án.

10. *Về mô hình Ban Cán sự Đảng Chính phủ và Đảng đoàn Quốc hội, một số ý kiến đề nghị mô hình tổ chức Ban Cán sự Đảng Chính phủ nên giữ như hiện nay, nhưng cần xác định rõ hơn trách nhiệm, quyền hạn và mối quan hệ công tác; ban cán sự đảng các bộ trước mắt giữ như hiện nay, nhưng về lâu dài không nên thành lập ban cán sự đảng các bộ, ngành thuộc Chính phủ. Không nên có sự phân biệt Ban Cán sự Đảng Chính phủ trực thuộc Bộ Chính trị, ban cán sự đảng các cơ quan tư pháp và các bộ, ngành của Chính phủ lại thuộc Ban Bí thư. Phân loại như vậy không hợp lý và không có lợi.*

Về vấn đề này Bộ Chính trị xin trình bày như sau: Việc tổ chức Đảng đoàn Quốc hội, Ban Cán sự Đảng Chính phủ, Ban Cán sự Đảng Tòa án nhân dân tối cao, Ban Cán sự Đảng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, ban cán sự đảng các bộ, ngành, ban cán sự đảng ủy ban nhân dân, toà án, viện kiểm sát các tỉnh, thành phố đã được nêu lên trong quá trình chuẩn bị Đại hội X của Đảng, Đại hội đã thảo luận và thông qua *Điều lệ* quy định việc tổ chức đảng đoàn, ban cán sự đảng trong các cơ quan quan trọng của Nhà nước. Vì vậy, Bộ Chính trị đề nghị không nên đặt lại vấn đề này. Vấn đề hiện

nay là sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ, quy chế làm việc của các đảng đoàn, ban cán sự đảng để tổ chức thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội X của Đảng.

Việc quy định Đảng đoàn Quốc hội và Ban Cán sự Đảng Chính phủ trực thuộc Bộ Chính trị là xuất phát từ vị trí và tầm quan trọng của hai tổ chức này trong việc lãnh đạo Quốc hội và Chính phủ thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng.

Vì vậy, Bộ Chính trị đề nghị Trung ương cho giữ như trong đề án.

11. Về hợp nhất chức danh bí thư cấp ủy đồng thời là chủ tịch hội đồng nhân dân hoặc chức danh bí thư cấp ủy với chức danh chủ tịch ủy ban nhân dân, một số ý kiến đề nghị cần quy định cứng vấn đề này cho thống nhất trong cả nước (không dùng chữ "nên" như ghi trong đề án). Một số ý kiến khác lại đề nghị nên thận trọng vấn đề này, bí thư hoặc phó bí thư có thể kiêm chủ tịch hội đồng nhân dân, nhưng bí thư kiêm chủ tịch ủy ban nhân dân thì phải cân nhắc, vì nếu không sẽ tập trung quyền lực vào một người, dễ dẫn đến những hậu quả bất lợi.

Về vấn đề này, Bộ Chính trị xin trình bày như sau: Việc đồng chí bí thư cấp ủy đồng thời là chủ tịch hội đồng nhân dân ở các cấp sẽ gánh trách nhiệm của đồng chí đứng đầu cấp ủy với đồng chí đứng đầu cơ quan dân cử ở địa phương, góp phần nâng cao vai trò của hội đồng nhân dân, bảo đảm cho hội đồng nhân dân hoạt động thuận lợi. Tuy nhiên, do đặc điểm tình hình và chất lượng đội ngũ cán bộ ở mỗi địa phương còn có sự khác nhau, nên thực tế hiện nay, đa số các địa phương đồng chí bí thư cấp ủy đồng thời là chủ tịch hội đồng nhân dân; một số địa phương, đồng chí phó bí thư

thường trực hoặc phó bí thư là chủ tịch hội đồng nhân dân và ở một số ít địa phương thì đồng chí ủy viên thường vụ là chủ tịch hội đồng nhân dân. Vì vậy, việc hợp nhất hai chức danh bí thư cấp ủy và chủ tịch hội đồng nhân dân cần phải được xem xét cụ thể căn cứ vào tình hình thực tế của địa phương. Bộ Chính trị đề nghị Trung ương cho giữ như trong đề án.

Việc đồng chí bí thư cấp ủy đồng thời là chủ tịch ủy ban nhân dân ở những nơi không còn hội đồng nhân dân như cấp quận, huyện, phường... cũng có tác dụng gắn trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy với người đứng đầu cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương, thuận lợi cho việc tổ chức thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước, đề cao được trách nhiệm cá nhân... Tuy nhiên, đây là vấn đề mới, tiếp thu ý kiến Trung ương, Bộ Chính trị đề nghị Trung ương cho làm thí điểm vấn đề này, sau đó tổng kết, rút kinh nghiệm, nếu tốt thì nhân ra diện rộng.

Trên đây là báo cáo tiếp thu và giải trình của Bộ Chính trị về ý kiến Trung ương nêu ra trong quá trình thảo luận.

Bộ Chính trị trình xin ý kiến Trung ương.

BỘ CHÍNH TRỊ

Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện
Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành
Trung ương khóa X, Sđd, tr.89-106.*

NGHỊ QUYẾT
HỘI NGHỊ LẦN THỨ NĂM
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG KHÓA X
Số 15-NQ/TW, ngày 30 tháng 7 năm 2007

**Về tiếp tục đổi mới phương thức
lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động
của hệ thống chính trị**

**I- KẾT QUẢ ĐỔI MỚI PHƯƠNG THỨC
LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG
CỦA HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ HƠN 20 NĂM QUA**

1. Thành tựu

Qua hơn 20 năm đổi mới, Đảng ta nhận thức ngày càng rõ hơn về phương thức lãnh đạo của Đảng và ý nghĩa, tầm quan trọng của đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng. Phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động của hệ thống chính trị từ Trung ương đến địa phương đã có nhiều đổi mới và đạt được nhiều kết quả quan trọng.

Những đổi mới về quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội là định hướng chính trị cho đổi mới hoạt động của hệ thống chính trị nước ta những năm qua. Đảng đặc biệt coi trọng việc

lãnh đạo thể chế hóa, cụ thể hóa quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng thành luật pháp, cơ chế, chính sách của Nhà nước; lãnh đạo, chỉ đạo Quốc hội trong các hoạt động lập pháp, giám sát tối cao và quyết định những vấn đề quan trọng của đất nước; định hướng cho việc ban hành cơ chế, chính sách, các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại... của Chính phủ.

Đảng đã lãnh đạo công tác tuyên truyền, vận động, giáo dục, thuyết phục, thực hành công khai, dân chủ trong Đảng và trong xã hội; phát huy và thực hiện tốt hơn quyền làm chủ của nhân dân; phát huy tính năng động, sáng tạo của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội.

Việc lập đảng đoàn, ban cán sự đảng, giới thiệu những đảng viên của Đảng vào các vị trí lãnh đạo chủ chốt của các tổ chức trong hệ thống chính trị, củng cố tổ chức cơ sở đảng và phát huy vai trò quản lý, giám sát của tổ chức đảng đối với đảng viên, nêu cao tính tiên phong, gương mẫu của đảng viên đã có tác động tích cực đến việc giữ vững và nâng cao vai trò, hiệu quả lãnh đạo của Đảng.

Công tác kiểm tra, giám sát của Đảng đã được tăng cường; Đảng lãnh đạo, phối hợp sự kiểm tra, giám sát của Đảng, của Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể, của nhân dân đối với các tổ chức trong hệ thống chính trị, tập thể và cá nhân cán bộ, đảng viên trong việc thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật, chính sách của Nhà nước, về trách nhiệm đối với công việc và thái độ phục vụ nhân dân.

Phương thức lãnh đạo của Đảng đối với công tác cán bộ; phong cách, lề lối làm việc của các cấp ủy đảng và đảng viên

đã có đổi mới theo hướng khoa học, công khai, dân chủ, sát cơ sở hơn.

Những đổi mới trong phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động của hệ thống chính trị đã góp phần nâng cao hơn hiệu quả lãnh đạo của Đảng, đồng thời phát huy tốt hơn vai trò quản lý của Nhà nước theo quy định của pháp luật, nâng cao hơn chất lượng hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể, đóng góp tích cực vào những thành tựu chung của đất nước.

2. Hạn chế

Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị mà trọng tâm là đổi mới với Nhà nước còn chậm và lúng túng. Vẫn còn tình trạng cấp ủy bao biện làm thay hoặc buông lỏng lãnh đạo đối với hoạt động của hệ thống chính trị trên một số lĩnh vực. Chậm ban hành những quy định cụ thể về phương thức Đảng lãnh đạo Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội; về mối quan hệ công tác giữa các tổ chức trong hệ thống chính trị.

Thiếu những quy định cụ thể bảo đảm thực hiện đúng đắn nguyên tắc tập trung dân chủ, thực hành dân chủ trong Đảng và trong xã hội. Phương thức lãnh đạo của Đảng đối với công tác tư tưởng, công tác cán bộ đổi mới chậm; chất lượng công tác tư tưởng, tuyên truyền còn nhiều hạn chế; tiêu chuẩn cán bộ trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa chậm được cụ thể hóa cho từng chức danh ở các cấp, các ngành; chất lượng công tác đánh giá, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, luân chuyển, bổ nhiệm cán bộ còn nhiều hạn chế; chính sách đãi ngộ cán bộ còn nhiều bất

cập; chưa có cơ chế, chính sách phù hợp để phát hiện, tuyển chọn, bồi dưỡng, trọng dụng người có đức, có tài, thay thế kịp thời những người yếu kém về phẩm chất và năng lực.

Chưa thực sự coi trọng đổi mới phong cách, lề lối làm việc; tình trạng họp hành nhiều, ban hành nhiều nghị quyết, nhưng lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện yếu, nói chưa đi đôi với làm, nói nhiều, làm ít, né tránh, dùn đẩy trách nhiệm, thiếu gương mẫu còn diễn ra ở nhiều nơi.

3. Nguyên nhân

a) Nguyên nhân của những kết quả đạt được

- Đường lối đổi mới đúng đắn và những thành tựu đạt được của đất nước trong hơn 20 năm qua đã đặt ra những yêu cầu đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng và là cơ sở khoa học và thực tiễn để đổi mới đúng đắn phương thức lãnh đạo của Đảng.

- Đảng ta ngày càng quan tâm, nhận thức rõ hơn ý nghĩa và tầm quan trọng của việc đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng, coi đổi mới phương thức lãnh đạo là một trong những nhiệm vụ và giải pháp hàng đầu để nâng cao năng lực lãnh đạo, năng lực cầm quyền của Đảng.

- Trong quá trình đổi mới phương thức lãnh đạo, Đảng ta vừa giữ vững những nguyên tắc cơ bản của công tác xây dựng Đảng, giữ vững vai trò lãnh đạo của Đảng, vừa bám sát thực tiễn đất nước, tổng kết thực tiễn, phát huy dân chủ để tìm tòi, đổi mới một cách sáng tạo.

b) Nguyên nhân của những hạn chế

- Phương thức lãnh đạo của Đảng trong thời kỳ chiến tranh và thời kỳ cơ chế quản lý tập trung quan liêu, bao cấp

còn tiếp tục có ảnh hưởng đến ngày nay. Việc đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng trong điều kiện một đảng duy nhất cầm quyền lãnh đạo công cuộc đổi mới, phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, hội nhập kinh tế quốc tế... là vấn đề mới mẻ, chưa có thực tiễn trong nước và trên thế giới, đòi hỏi phải tìm tòi, vừa làm, vừa rút kinh nghiệm.

- lý luận về đảng cầm quyền, về phương thức lãnh đạo của Đảng trong điều kiện một đảng cầm quyền còn nhiều vấn đề chưa được làm rõ, nhận thức còn khác nhau. Công tác nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn về vấn đề này còn chậm; nhiều vấn đề thực tiễn đặt ra chưa được Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư lãnh đạo, tập trung làm rõ, có giải pháp phù hợp. Nhận thức về đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng chưa theo kịp đổi mới kinh tế. Một số cấp ủy đảng ở địa phương, cơ sở chưa nhận thức đúng ý nghĩa của đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng. Một số quan điểm, chủ trương đúng đắn của Đảng về đổi mới phương thức lãnh đạo chưa được triển khai thực hiện đầy đủ; chưa khơi dậy và phát huy được sự tìm tòi, sáng tạo trong toàn Đảng về vấn đề này.

- Phương thức lãnh đạo của Đảng có quan hệ chặt chẽ với tổ chức bộ máy, chất lượng đội ngũ cán bộ của các tổ chức trong hệ thống chính trị. Những hạn chế, chưa hợp lý trong tổ chức bộ máy và yếu kém trong đội ngũ cán bộ có tác động tiêu cực, cản trở việc đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng. Chậm ban hành đầy đủ và đồng bộ các quy chế, quy định mối quan hệ về sự lãnh đạo và sự phối hợp công tác giữa các tổ chức đảng trong hệ thống chính trị.

II- VỀ MỤC TIÊU, QUAN ĐIỂM, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP TIẾP TỤC ĐỔI MỚI PHƯƠNG THỨC LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG CỦA HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ

1. Mục tiêu

Tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động của hệ thống chính trị nhằm giữ vững và tăng cường vai trò lãnh đạo, nâng cao tính khoa học, năng lực và hiệu quả lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước và toàn xã hội, sự gắn bó mật thiết giữa Đảng với nhân dân; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước, chất lượng hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội; phát huy dân chủ, quyền làm chủ của nhân dân; tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong Đảng và trong xã hội; để nước ta phát triển nhanh và bền vững theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

2. Quan điểm chỉ đạo

- Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động của hệ thống chính trị phải được đặt trong tổng thể nhiệm vụ đổi mới và chỉnh đốn Đảng, tiến hành đồng bộ với đổi mới các mặt của công tác xây dựng Đảng, với đổi mới tổ chức và hoạt động của cả hệ thống chính trị, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; đồng bộ với đổi mới kinh tế, xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, thích ứng với những đòi hỏi của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của đất nước.

- Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động của hệ thống chính trị phải trên cơ sở kiên định các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng; thực hiện đúng nguyên tắc tập trung dân chủ; thực hành dân chủ rộng rãi trong Đảng và trong xã hội, đẩy mạnh phân cấp, tăng cường chế độ trách nhiệm cá nhân, nhất là người đứng đầu.

- Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động của hệ thống chính trị là công việc hệ trọng, đòi hỏi phải chủ động, tích cực, có quyết tâm chính trị cao, đồng thời cần thận trọng, có bước đi vững chắc, vừa làm vừa tổng kết, rút kinh nghiệm.

- Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động của hệ thống chính trị ở mỗi cấp, mỗi ngành vừa phải quán triệt các nguyên tắc chung, vừa phải phù hợp với đặc điểm, yêu cầu, nhiệm vụ lãnh đạo của từng cấp, từng ngành.

3. Nhiệm vụ và giải pháp

a) Đối với hoạt động của Quốc hội và Chủ tịch nước

- Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị lãnh đạo chặt chẽ bầu cử Quốc hội, định hướng tiêu chuẩn, số lượng, cơ cấu, tỷ lệ đại biểu chuyên trách, tỷ lệ đảng viên ứng cử đại biểu Quốc hội; có quy định về trách nhiệm của các ban Đảng, Đảng đoàn Quốc hội, các cấp ủy đảng đối với công tác bầu cử Quốc hội; lãnh đạo việc sửa đổi, bổ sung Luật bầu cử Quốc hội, quy định cụ thể tiêu chuẩn đối với người tự ứng cử đại biểu Quốc hội, sửa đổi, bổ sung Luật tổ chức Quốc hội để xác định tổ chức bộ máy và hoạt động của Quốc hội; giới thiệu nhân sự để bầu vào các chức vụ lãnh đạo chủ chốt của Quốc hội.

- Bộ Chính trị chỉ đạo xây dựng quy định về quan hệ lãnh đạo giữa Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư đối với Chủ tịch nước để vừa bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng, đồng thời phát huy vai trò của Chủ tịch nước theo quy định của Hiến pháp.

- Bộ Chính trị lập Đảng đoàn Quốc hội trực thuộc Bộ Chính trị gồm các đồng chí Ủy viên Trung ương, đảng viên là Ủy viên Ủy ban Thường vụ Quốc hội; xác định chức năng, nhiệm vụ, quy chế làm việc của Đảng đoàn Quốc hội; quy định quan hệ lãnh đạo, chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư đối với Đảng đoàn Quốc hội; quan hệ công tác giữa Đảng đoàn Quốc hội với Ủy ban Thường vụ, các ủy ban, hội đồng của Quốc hội, với Ban Cán sự Đảng Chính phủ, ban cán sự đảng các bộ, ngành, Ban Cán sự Đảng Tòa án nhân dân tối cao, Ban Cán sự Đảng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Ban Cán sự Đảng Kiểm toán Nhà nước, với Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể, với các ban của Đảng, cấp ủy địa phương.

Đảng đoàn Quốc hội xây dựng quy định về sinh hoạt đảng, quản lý, cung cấp cho đảng viên là đại biểu Quốc hội đầy đủ thông tin về các quyết định, định hướng chỉ đạo của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Đảng đoàn Quốc hội để đảng viên quán triệt khi thực hiện trách nhiệm đại biểu Quốc hội; nâng cao trách nhiệm của các tổ đảng ở từng đoàn đại biểu Quốc hội; giữ nghiêm kỷ luật, kỷ cương trong Đảng, có hình thức kỷ luật đảng viên là đại biểu Quốc hội không chấp hành nghiêm túc các quyết định của Đảng.

- Trong lĩnh vực lập pháp: Ban Chấp hành Trung ương xác định chủ trương, định hướng nội dung sửa đổi, bổ sung Hiến pháp. Bộ Chính trị cho ý kiến về chương trình xây dựng luật của nhiệm kỳ Quốc hội; định hướng chính trị đối với những nội dung lớn, quan trọng trong các luật, pháp lệnh theo đề nghị của Đảng đoàn Quốc hội; lãnh đạo xây dựng cơ chế phán quyết về những vi phạm Hiến pháp trong hoạt động lập pháp, hành pháp, tư pháp.

Đảng đoàn, các đảng viên trong Quốc hội có trách nhiệm lãnh đạo Quốc hội lập hiến, lập pháp theo đúng quan điểm, đường lối của Đảng, chỉ đạo của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, nâng cao chất lượng xây dựng luật; nâng cao vai trò, trách nhiệm của Hội đồng Dân tộc, các ủy ban và đại biểu Quốc hội đưa ra các sáng kiến và xây dựng dự thảo luật; có quy định về việc mở rộng lấy ý kiến nhân dân về các luật quan trọng.

- Trong lĩnh vực giám sát: Bộ Chính trị, Đảng đoàn Quốc hội lãnh đạo Quốc hội xây dựng chương trình, kế hoạch thực hiện chức năng giám sát, định hướng trọng tâm giám sát và có biện pháp nâng cao hiệu lực giám sát của Quốc hội tại các kỳ họp, giám sát của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng Dân tộc, các ủy ban và các đoàn đại biểu Quốc hội giữa các kỳ họp; quy định về việc Quốc hội bỏ phiếu bất tín nhiệm cán bộ thuộc các chức danh do Quốc hội bầu, phê chuẩn khi có sai phạm.

- Trong lĩnh vực quyết định những vấn đề quan trọng của đất nước: Ban Chấp hành Trung ương lãnh đạo, định hướng về mục tiêu, nhiệm vụ, chính sách lớn của chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm, kế hoạch phát triển kinh tế -

xã hội 5 năm và hàng năm, phân bổ ngân sách nhà nước, chủ trương đầu tư những dự án, công trình quan trọng quốc gia, phê chuẩn các hiệp ước quốc tế, về chủ trương thành lập, chia tách, sáp nhập, giải thể các bộ, cơ quan ngang bộ, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trước khi Chính phủ trình Quốc hội. Ban Chấp hành Trung ương quyết định việc giới thiệu nhân sự để Quốc hội bầu vào các chức vụ Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch Quốc hội.

Bộ Chính trị quyết định việc giới thiệu nhân sự để Quốc hội bầu vào chức vụ Phó Chủ tịch nước, Phó Chủ tịch Quốc hội, Chủ tịch Hội đồng Dân tộc, chủ nhiệm các ủy ban của Quốc hội, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Tổng Kiểm toán Nhà nước, phê chuẩn vào các chức vụ Phó Thủ tướng, bộ trưởng và tương đương; Ban Bí thư quyết định việc giới thiệu nhân sự để Quốc hội bầu vào các chức vụ Phó Chủ tịch Hội đồng Dân tộc, phó chủ nhiệm các ủy ban của Quốc hội. Khi chuẩn bị nhân sự, Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị có nhiều phương án lựa chọn, nhưng khi giới thiệu để Quốc hội bầu chỉ giới thiệu mỗi chức danh một người, đồng thời tôn trọng quyền đề cử, ứng cử của các đại biểu Quốc hội (các đồng chí cấp ủy viên ở từng cấp đã tham gia thảo luận, quyết định việc giới thiệu nhân sự, khi không được cấp ủy đảng giới thiệu thì không được tự ứng cử, khi được đề cử thì phải xin rút). Đối với các đảng viên khác, khi không được cấp ủy đảng giới thiệu thì không được tự ứng cử, khi được đề cử thì Đảng đoàn Quốc hội, đảng đoàn hội đồng nhân dân phải báo cáo cấp ủy có thẩm quyền giới thiệu nhân sự vào chức danh được bầu xem xét, quyết định).

Khi Bộ Chính trị nghe Ban Cán sự Đảng Chính phủ báo cáo về chiến lược, các kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, các chương trình, đề án quan trọng trước khi trình Ban Chấp hành Trung ương và Quốc hội thì các cơ quan của Quốc hội cần tham gia thẩm định, thể hiện quan điểm của mình, tham mưu cho Bộ Chính trị xem xét cho ý kiến chỉ đạo; cần nghiên cứu quy định rõ hơn các tiêu chí xác định chương trình, dự án Chính phủ phải báo cáo Quốc hội, Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị phải chỉ đạo, định hướng, phù hợp với từng giai đoạn phát triển của đất nước. Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị khi có ý kiến chỉ đạo cần cung cấp đủ thông tin, trình bày rõ quan điểm, lý lẽ với đảng viên là đại biểu Quốc hội để lãnh đạo đảng viên tự giác chấp hành và vận động, thuyết phục đại biểu không phải là đảng viên cùng thực hiện. Đảng đoàn Quốc hội phải báo cáo kịp thời Bộ Chính trị những ý kiến của đại biểu Quốc hội khác với chỉ đạo của Đảng. Bộ Chính trị lắng nghe, xem xét, tiếp thu những ý kiến hợp lý của các đại biểu Quốc hội để điều chỉnh sự chỉ đạo của mình. Những quyết định của Bộ Chính trị (sau khi tiếp thu ý kiến của đại biểu Quốc hội), Đảng đoàn và các đảng viên trong Quốc hội phải lãnh đạo thực hiện nghiêm túc.

b) Đối với hoạt động của Chính phủ

- Bộ Chính trị lãnh đạo việc sửa đổi, bổ sung *Luật tổ chức Chính phủ* để kiện toàn tổ chức bộ máy, chức năng, nhiệm vụ của Chính phủ theo hướng tinh gọn, các bộ làm chức năng quản lý nhà nước đa ngành, đa lĩnh vực, khắc phục sự chồng chéo về chức năng, nhiệm vụ. Giới thiệu nhân sự để Quốc hội bầu, phê chuẩn vào các chức vụ lãnh đạo chủ chốt của Chính phủ; lập Ban Cán sự Đảng Chính phủ trực thuộc Bộ Chính trị,

ban cán sự đảng các bộ, ngành trực thuộc Ban Bí thư. Lãnh đạo, chỉ đạo xác định chức năng, nhiệm vụ, quy chế làm việc của Ban Cán sự Đảng Chính phủ, ban cán sự đảng các bộ, ngành; quy định quan hệ lãnh đạo, chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư với Ban Cán sự Đảng Chính phủ, quan hệ công tác giữa Ban Cán sự Đảng Chính phủ với Thường trực Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, với Đảng đoàn Quốc hội, Ban Cán sự Đảng Tòa án nhân dân tối cao, Ban Cán sự Đảng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Ban Cán sự Đảng Kiểm toán Nhà nước, Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc và đảng đoàn các đoàn thể chính trị - xã hội, với ban cán sự đảng các bộ, ngành, với các ban của Đảng và cấp ủy địa phương; giữa ban cán sự đảng của bộ với lãnh đạo bộ, bộ trưởng và đảng ủy cơ quan bộ.

- *Trong lĩnh vực kinh tế - xã hội:* Ban Chấp hành Trung ương định hướng xây dựng và hoàn thiện thể chế kinh tế, xác định mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ chủ yếu trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm và hằng năm, phân bổ ngân sách nhà nước, chủ trương đầu tư những chương trình, dự án quan trọng của quốc gia trước khi Quốc hội xem xét, quyết định; quyết định những chủ trương, quan điểm chỉ đạo lớn về công tác tư tưởng, lý luận, phát triển nền văn hóa.

Bộ Chính trị xác định mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ chủ yếu của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội (chiến lược 10 năm, kế hoạch 5 năm và hằng năm) và ngân sách nhà nước hằng năm để trình Ban Chấp hành Trung ương; định hướng quan điểm, mục tiêu, giải pháp chủ yếu của chiến lược, quy hoạch phát triển một số ngành, lĩnh vực, địa bàn

quan trọng; chiến lược sử dụng các nguồn lực quốc gia; một số chủ trương, chính sách lớn về kinh tế - xã hội, một số chương trình, dự án đầu tư quan trọng do Chính phủ quyết định có ảnh hưởng sâu rộng đến quyền lợi, tư tưởng của nhiều đối tượng xã hội, đến quốc phòng, an ninh, đối ngoại, những vấn đề đòi hỏi sự phối hợp sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị; những vấn đề có tính chiến lược thuộc các lĩnh vực tư tưởng, lý luận; lãnh đạo cụ thể hóa chủ trương phát triển các lĩnh vực văn hóa, giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ, chăm sóc sức khỏe nhân dân...

- *Trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh, đối ngoại:* Ban Chấp hành Trung ương xác định chiến lược bảo vệ Tổ quốc, chiến lược an ninh quốc gia, phương hướng hoạt động đối ngoại của Đảng và Nhà nước trong từng thời kỳ, chủ trương về tham gia các công ước, hiệp ước, ký kết các hiệp định song phương, đa phương đặc biệt quan trọng cần có sự phê chuẩn hoặc xin ý kiến Quốc hội.

Bộ Chính trị xác định phương hướng, nhiệm vụ xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân, các kế hoạch và phương án tác chiến chiến lược; chiến lược xây dựng công nghiệp quốc phòng; chiến lược trang bị cho quân đội, công an; phương hướng xây dựng hậu phương chiến lược; chính sách và tổ chức đối với lực lượng vũ trang; chủ trương xử lý các tình huống đặc biệt của đất nước (tổng động viên, động viên cục bộ, tình trạng khẩn cấp...); những chủ trương lớn về công tác đảng, công tác chính trị trong lực lượng vũ trang; lãnh đạo, chỉ đạo giải quyết những vấn đề quan trọng về hoạt động đối ngoại của Đảng và Nhà nước...

Trên cơ sở quan điểm, chủ trương của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Ban Cán sự đảng Chính phủ lãnh đạo Chính phủ xây dựng các chương trình, kế hoạch tổ chức thực hiện, bảo đảm các điều kiện cần thiết để thực hiện, giải quyết những vấn đề thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước theo quy định của pháp luật, chủ động xin ý kiến Bộ Chính trị, Ban Bí thư về những vấn đề quan trọng, phức tạp chưa có chủ trương của Đảng.

- *Trong công tác cán bộ:* Thực hiện đúng nguyên tắc tập trung dân chủ, Đảng thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ của cả hệ thống chính trị, đồng thời đề cao thẩm quyền, trách nhiệm của tổ chức và người đứng đầu tổ chức sử dụng cán bộ. Bộ Chính trị xây dựng quy chế về công tác cán bộ theo hướng đối với cán bộ thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý công tác tại cơ quan, tổ chức trực thuộc Chính phủ, Ban Cán sự đảng Chính phủ đề xuất nhân sự, nhận xét, đánh giá cán bộ được đề xuất; Ban Tổ chức Trung ương, Ủy ban Kiểm tra Trung ương và các ban đảng Trung ương thẩm định, trình Bộ Chính trị, Ban Bí thư xem xét, quyết định về quy hoạch, bố trí, phân công công tác, điều động, luân chuyển, bổ nhiệm, miễn nhiệm. Đối với cán bộ thuộc diện được phân cấp quản lý của Ban Cán sự đảng Chính phủ, Ban Cán sự đảng Chính phủ quyết định việc bổ nhiệm, miễn nhiệm sau khi có ý kiến thẩm định của Ban Tổ chức Trung ương, Ủy ban Kiểm tra Trung ương và các ban liên quan của Trung ương Đảng.

c) *Đối với hoạt động của các cơ quan tư pháp và Kiểm toán Nhà nước*

- Bộ Chính trị lãnh đạo việc sửa đổi, bổ sung Luật tổ chức

tòa án nhân dân, Luật tổ chức viện kiểm sát nhân dân, Luật kiểm toán nhà nước làm cơ sở cho việc kiện toàn tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của tòa án nhân dân, viện kiểm sát nhân dân các cấp, Kiểm toán Nhà nước; lãnh đạo việc sửa đổi, bổ sung các luật liên quan đến lĩnh vực tư pháp làm cơ sở cho hoạt động điều tra, truy tố, xét xử; chuẩn bị tốt việc giới thiệu đảng viên để Quốc hội bầu vào vị trí lãnh đạo chủ chốt của các cơ quan tư pháp và Kiểm toán Nhà nước. Khi kiện toàn Ban Cán sự Đảng Tòa án nhân dân tối cao, Ban Cán sự Đảng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao và Ban Cán sự Đảng Kiểm toán Nhà nước trực thuộc Ban Bí thư. Xác định chức năng, nhiệm vụ, quy chế làm việc của Ban Cán sự Đảng Tòa án nhân dân tối cao, Ban Cán sự Đảng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Ban Cán sự Đảng Kiểm toán Nhà nước; quy định quan hệ lãnh đạo, chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư đối với các Ban Cán sự Đảng Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Kiểm toán Nhà nước; quan hệ công tác giữa Ban Cán sự Đảng Tòa án nhân dân tối cao, Ban Cán sự Đảng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Ban Cán sự Đảng Kiểm toán Nhà nước với Đảng đoàn Quốc hội, Ban Cán sự Đảng Chính phủ, ban cán sự đảng các bộ, ngành, với tập thể lãnh đạo, đảng ủy cơ quan, với Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Tổng Kiểm toán Nhà nước, với Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, đảng đoàn các đoàn thể, với các ban của Đảng và cấp ủy địa phương.

- Bộ Chính trị, Ban Bí thư chỉ đạo về chủ trương xử lý đối với một số vụ án đặc biệt nghiêm trọng có liên quan đến an ninh chính trị, đối ngoại, đến cán bộ thuộc diện Bộ Chính trị,

Ban Bí thư quản lý (trừ diện theo Nghị quyết Trung ương 3 khóa X đã quy định) hoặc theo đề nghị của các cơ quan tư pháp, nhưng không quyết định những vấn đề cụ thể thuộc thẩm quyền của các cơ quan tư pháp.

d) Đối với hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội

- Bộ Chính trị tiếp tục lãnh đạo hoàn thiện luật pháp, các văn bản pháp quy của Nhà nước về Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội, xác định rõ tôn chỉ, mục đích, tổ chức và phương thức hoạt động của các tổ chức này; chuẩn bị việc giới thiệu đảng viên để Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội bầu giữ các vị trí lãnh đạo chủ chốt của mình; kiện toàn Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc và đảng đoàn các đoàn thể chính trị - xã hội trực thuộc Ban Bí thư.

- Bộ Chính trị, Ban Bí thư lãnh đạo, định hướng nội dung hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội trong từng thời kỳ; phát huy tính năng động, sáng tạo, đa dạng hóa các hình thức tổ chức và hoạt động, sự gắn bó với nhân dân, tăng cường công tác tuyên truyền, vận động, thuyết phục, đổi mới phương thức hoạt động, khắc phục tình trạng quan liêu, hành chính hóa trong hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể; lãnh đạo việc xây dựng và thực hiện quy chế giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể và nhân dân đối với các cơ quan đảng, nhà nước, cán bộ, đảng viên; xây dựng và phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong thời kỳ mới.

- Xác định rõ chức năng, nhiệm vụ, quy chế làm việc của Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc và đảng đoàn các đoàn thể;

quy định quan hệ lãnh đạo, chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư đối với Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc và đảng đoàn các đoàn thể; quan hệ công tác giữa Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc và đảng đoàn các đoàn thể với Đảng đoàn Quốc hội, Ban Cán sự Đảng Chính phủ, ban cán sự đảng các bộ, ngành, Ban Cán sự Đảng Tòa án nhân dân tối cao, Ban Cán sự Đảng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Ban Cán sự Đảng Kiểm toán Nhà nước, với tập thể lãnh đạo và đảng ủy cơ quan, với các ban đảng và cấp ủy địa phương; quan hệ giữa Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc với đảng đoàn các tổ chức thành viên. Phân biệt nguyên tắc hiệp thương thương chính trị trong hoạt động của Mặt trận Tổ quốc với nguyên tắc tập trung dân chủ trong hoạt động của đảng đoàn và sinh hoạt đảng của đảng viên ở Mặt trận Tổ quốc. Đảng đoàn, tổ chức đảng trong cơ quan Mặt trận và các đoàn thể phải có quy định về việc nêu cao tính gương mẫu, ý thức tổ chức kỷ luật, chấp hành chỉ thị, nghị quyết của Đảng của đảng viên trong Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể. Đảng đoàn Mặt trận lãnh đạo Mặt trận thực hiện đúng các quan điểm chỉ đạo của Đảng, kịp thời báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư khi nhiều thành viên mặt trận có ý kiến khác với sự chỉ đạo của Đảng. Bộ Chính trị, Ban Bí thư tôn trọng, tiếp thu những ý kiến hợp lý của Mặt trận, điều chỉnh sự chỉ đạo của mình. Tăng cường lãnh đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Đảng đoàn Mặt trận đối với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam bằng tuyên truyền, vận động, thuyết phục, giải thích rõ quan điểm, đường lối của Đảng để tạo sự thống nhất cao trong Mặt trận.

Bộ Chính trị, Ban Bí thư tăng cường và nâng cao chất lượng công tác tuyên truyền, công tác tư tưởng trong Đảng và trong xã hội; định kỳ hàng năm hoặc khi cần thiết làm việc để nghe báo cáo về kết quả và định hướng hoạt động của Đảng đoàn Quốc hội, Ban Cán sự Đảng Chính phủ, ban cán sự đảng các bộ, ngành, Ban Cán sự Đảng Tòa án nhân dân tối cao, Ban Cán sự Đảng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Ban Cán sự Đảng Kiểm toán Nhà nước, Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc và đảng đoàn các đoàn thể chính trị - xã hội; có chương trình, kế hoạch kiểm tra hoạt động của các đảng đoàn, ban cán sự đảng, tổ chức đảng và đảng viên trong các cơ quan này.

d) Đối với công tác cán bộ

- Bộ Chính trị, Ban Bí thư, các cấp ủy tiếp tục xây dựng các quy định, quy chế để cụ thể hóa nguyên tắc tập trung dân chủ, Đảng thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ của hệ thống chính trị, có phân công, phân cấp hợp lý, xác định rõ và tôn trọng vai trò, trách nhiệm của tổ chức, người đứng đầu tổ chức trong công tác cán bộ.

Bộ Chính trị, Ban Bí thư thường xuyên đôn đốc, kiểm tra tình hình thực hiện chiến lược cán bộ, xem đây là một trong những trọng tâm lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng hiện nay; chỉ đạo các cấp ủy đảng, đảng đoàn, ban cán sự đảng, trên cơ sở tiêu chuẩn cán bộ chung, xây dựng tiêu chuẩn cụ thể cho từng chức danh cán bộ và xác định cơ cấu đội ngũ cán bộ của cả hệ thống chính trị, làm cơ sở cho công tác quy hoạch, xây dựng đội ngũ cán bộ ở các cấp, các ngành.

- Tiếp tục sửa đổi, bổ sung, đổi mới đồng bộ các quy định, quy chế về đánh giá, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng,

luân chuyển, đề bạt và thực hiện chính sách cán bộ. Xây dựng quy chế về giám sát trong Đảng, giám sát của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể và nhân dân đối với cán bộ và công tác cán bộ. Khi đánh giá cán bộ phải lấy ý kiến đảng viên trong chi bộ, cán bộ, quần chúng cơ quan nơi công tác, nơi cư trú; đây là những thông tin tham khảo quan trọng, nhưng quyết định là đánh giá của tập thể cấp ủy quản lý cán bộ; lấy kết quả thực hiện nhiệm vụ là thước đo chủ yếu năng lực, phẩm chất cán bộ; khắc phục những lệch lạc, thiếu công tâm, thiếu khách quan, định kiến hẹp hòi, cảm tính, chủ quan khi đánh giá cán bộ. Đổi mới công tác đào tạo cán bộ theo hướng nâng cao bản lĩnh chính trị và trình độ chuyên môn nghiệp vụ, khả năng vận động, thuyết phục, đối thoại với nhân dân của cán bộ; tăng cường đào tạo theo chức danh, đào tạo, bồi dưỡng thường xuyên trong mỗi nhiệm kỳ công tác. Sơ kết việc thực hiện Nghị quyết 11 của Bộ Chính trị (khóa IX), tiếp tục thực hiện việc luân chuyển cán bộ lãnh đạo theo quy hoạch giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị, ở tất cả các cấp, các ngành, các địa phương, khắc phục tình trạng cục bộ, khép kín trong công tác cán bộ.

Hoàn thiện quy chế bổ nhiệm và chế độ bầu cử theo hướng chuẩn bị, giới thiệu nhiều phương án nhân sự để lựa chọn, mở rộng quyền đề cử, ứng cử của cán bộ, đảng viên, bầu cử có số dư. Có cơ chế để phát hiện người có đức, có tài cả đảng viên và người ngoài Đảng để quy hoạch, đào tạo, bổ nhiệm vào các vị trí lãnh đạo các cấp, trẻ hóa đội ngũ cán bộ. Thực hiện việc thi tuyển dân chủ, công khai đối với một số chức danh lãnh đạo chuyên môn trong bộ máy hành chính nhà nước, các đơn vị sự nghiệp ở trung ương và địa

phương. Xây dựng quy định về chế độ trách nhiệm của tập thể và cá nhân người đứng đầu cơ quan trong việc nhận xét, đánh giá, giới thiệu, đề cử và bổ nhiệm, đề bạt cán bộ. Hoàn thiện quy chế về mối quan hệ giữa cấp ủy địa phương với ban cán sự đảng các bộ, ngành trung ương trong công tác cán bộ ở các cơ quan, đơn vị của ngành dọc hoạt động tại địa phương. Xây dựng quy chế miễn nhiệm, từ chức để thay thế kịp thời, dễ dàng những cán bộ năng lực và phẩm chất yếu kém, vi phạm kỷ luật, không hoàn thành nhiệm vụ, mất uy tín. Cải cách thủ tục hành chính trong Đảng, rút ngắn, hợp lý hóa quy trình cho chủ trương, xét duyệt, phê chuẩn trong công tác cán bộ. Đổi mới chính sách cán bộ, có chính sách nhà ở cho cán bộ, công chức, chính sách tiền lương phải bảo đảm cho cán bộ, công chức có mức sống trung bình xã hội. Kiện toàn tổ chức, tăng cường cán bộ có năng lực, phẩm chất cho các cơ quan tổ chức làm công tác cán bộ ở các cấp, các ngành, các địa phương.

e) Tiếp tục đổi mới phong cách và lề lối làm việc của các cơ quan lãnh đạo của Đảng

Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo việc nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn, làm rõ và kết luận những vấn đề lớn của thời đại, những vấn đề có ý nghĩa chiến lược trong công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, công tác xây dựng Đảng để không ngừng hoàn thiện quan điểm, chủ trương, đường lối, nâng cao trình độ trí tuệ, năng lực lãnh đạo chính trị, năng lực cầm quyền của Đảng.

Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, các cấp ủy cần quan tâm hơn nữa việc lãnh đạo đổi mới và

nâng cao chất lượng công tác tư tưởng, lấy tuyên truyền, vận động, thuyết phục làm phương thức quan trọng để thực hiện sự lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị và toàn xã hội. Bộ Chính trị, Ban Bí thư, các cấp ủy chỉ đạo các cấp, các ngành, các phương tiện thông tin đại chúng bằng nhiều hình thức đa dạng, hấp dẫn, tuyên truyền sâu rộng về quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước trên các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại, về hoạt động của các cơ quan đảng, nhà nước, các phong trào của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể để cán bộ, đảng viên và nhân dân có nhận thức đầy đủ về tình hình và nhiệm vụ của đất nước, tạo sự đồng thuận trong xã hội, đoàn kết toàn dân tộc, đẩy mạnh phong trào cách mạng của quần chúng, thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ, mục tiêu do Đảng và Nhà nước đề ra.

- Rà soát, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện hệ thống quy định, quy chế làm việc của các cơ quan lãnh đạo và tham mưu của Đảng ở mọi cấp, mọi ngành và từng lĩnh vực để cụ thể hóa Cương lĩnh, Điều lệ Đảng, các nguyên tắc tổ chức, sinh hoạt đảng.

Tổng kết tổ chức và hoạt động của ban cán sự đảng, đảng đoàn cả về lý luận và thực tiễn, trên cơ sở đó, Bộ Chính trị xem xét về mô hình và phương thức hoạt động của các tổ chức này phù hợp với thời kỳ mới.

- Cơ quan lãnh đạo, cơ quan tham mưu của Đảng ở tất cả các cấp đều phải xây dựng và thực hiện nghiêm túc chế độ làm việc theo chương trình, kế hoạch, quy chế. Chương trình làm việc phải bám sát chức năng, nhiệm vụ, quy chế làm việc của từng cơ quan, giải quyết công việc đúng thẩm quyền, lựa

chọn đúng những việc quan trọng và cấp bách nhất để tập trung triển khai thực hiện.

Cải tiến các thủ tục hành chính trong Đảng; các cơ quan lãnh đạo, cơ quan tham mưu của Đảng ở các cấp, các ngành, các địa phương cần có quy định xác định rõ thời gian xử lý, trả lời đối với từng loại công việc; rút ngắn thủ tục xin và cho chủ trương, xét duyệt, phê chuẩn trong công tác cán bộ (bầu bổ sung cấp ủy viên, thường vụ cấp ủy, ủy viên ủy ban kiểm tra của cấp ủy...) theo hướng tăng thêm thẩm quyền cho cấp ủy sử dụng, quản lý cán bộ.

Sửa đổi, bổ sung các quy định của Trung ương về chế độ thông tin, báo cáo; thực hiện nghiêm chế độ thông tin, báo cáo trong Đảng; định kỳ hàng năm Ban Bí thư đánh giá việc thực hiện chế độ báo cáo, thông tin của các cấp ủy và tổ chức đảng trực thuộc. Ứng dụng nhanh các thành tựu mới của công nghệ thông tin phục vụ sự lãnh đạo của Đảng.

- Đổi mới cách ra nghị quyết, chỉ thị và việc quán triệt, tổ chức thực hiện nghị quyết, chỉ thị của Đảng. Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư chỉ ra nghị quyết, chỉ thị khi thật cần thiết, không ra quá nhiều nghị quyết, chỉ thị ở một nhiệm kỳ và ở một hội nghị Trung ương. Cấp ủy cấp dưới hạn chế ra nghị quyết để thực hiện nghị quyết của cấp ủy cấp trên mà tập trung xây dựng chương trình hành động, kế hoạch thực hiện một cách thiết thực.

Xây dựng quy chế phát huy trí tuệ tập thể của các đồng chí Ủy viên Trung ương trong quá trình chuẩn bị nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương; đối với những nghị quyết lớn, có tầm ảnh hưởng chính trị sâu rộng, cần lấy ý kiến Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội, các cơ quan lý luận, các tổ

chức nghiên cứu khoa học và của nhân dân. Nghị quyết, chỉ thị cần ngắn gọn, rõ chủ trương, quan điểm chỉ đạo, nhiệm vụ và giải pháp cụ thể, phân công thực hiện rõ người, rõ việc, rõ thời gian hoàn thành. Rút ngắn thời gian thể chế hóa, cụ thể hóa về mặt nhà nước các nghị quyết, chỉ thị của Đảng.

- Thực hiện đúng nguyên tắc tập trung dân chủ, thực hành dân chủ rộng rãi trong tổ chức và hoạt động của Đảng. Các cấp ủy và tổ chức đảng thực hiện tốt chế độ tự phê bình và phê bình hằng năm theo đúng quy định của Điều lệ Đảng và quy chế làm việc. Cán bộ, đảng viên phải xây dựng phong cách làm việc khoa học, khách quan, tôn trọng sự thật, sâu sát cơ sở, gần gũi nhân dân... dành thời gian nhiều hơn cho học tập, nghiên cứu lý luận, đôn đốc, kiểm tra tình hình thực hiện nghị quyết, chỉ thị và tổng kết thực tiễn, gặp gỡ và đối thoại trực tiếp với đảng viên và nhân dân; nói đi đôi với làm và làm có hiệu quả.

g) Tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của cấp ủy đảng đối với hoạt động của hệ thống chính trị ở địa phương

- Cấp ủy đảng lãnh đạo, chỉ đạo chặt chẽ việc bầu cử hội đồng nhân dân, xây dựng, kiện toàn tổ chức hội đồng nhân dân, ủy ban nhân dân; giới thiệu nhân sự để hội đồng nhân dân bầu vào các vị trí lãnh đạo chủ chốt của các cơ quan nhà nước ở địa phương; mỗi chức danh cấp ủy chỉ giới thiệu một người, đồng thời tôn trọng quyền đề cử, ứng cử của các đại biểu hội đồng nhân dân; chỉ đạo việc thành lập đảng đoàn hội đồng nhân dân, Mặt trận Tổ quốc, ban cán sự đảng ủy ban nhân dân, viện kiểm sát nhân dân và tòa án nhân dân ở địa phương.

Cấp ủy lãnh đạo về chủ trương, định hướng lớn trong những quyết định quan trọng của hội đồng nhân dân để hội đồng nhân dân thảo luận, quyết định. Cấp ủy lãnh đạo ủy ban nhân dân quán triệt, tổ chức thực hiện các nghị quyết, chỉ thị, quyết định của ban chấp hành, ban thường vụ, của hội đồng nhân dân cùng cấp và của cơ quan nhà nước cấp trên.

Về kinh tế - xã hội, ban chấp hành đảng bộ cho ý kiến về những định hướng lớn trong chiến lược và quy hoạch tổng thể về phát triển kinh tế - xã hội, về những chủ trương, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp lớn và những cân đối chủ yếu trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm và hằng năm. Ban thường vụ cấp ủy cho ý kiến về quy hoạch, kế hoạch phát triển các ngành và các lĩnh vực, các địa bàn trọng yếu, việc vận dụng các cơ chế, chính sách của Nhà nước có ảnh hưởng rộng ở địa phương; về những chủ trương huy động các nguồn lực, vay vốn để đầu tư phát triển; về chủ trương đầu tư một số dự án quan trọng, sử dụng nhiều đất hoặc có ảnh hưởng đến quyền lợi của nhiều đối tượng xã hội, đến quốc phòng, an ninh, đối ngoại trên địa bàn phù hợp với tình hình thực tiễn của mỗi địa phương; định hướng đổi mới, phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của kinh tế nhà nước, kinh tế tập thể, khuyến khích phát triển và quản lý kinh tế tư nhân và kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài ở địa phương.

Về quốc phòng - an ninh và đối ngoại, ban thường vụ cho ý kiến về chủ trương, nhiệm vụ trọng yếu bảo đảm quốc phòng - an ninh và giữ vững sự ổn định chính trị - xã hội ở địa phương; cho chủ trương xử lý các vấn đề đột xuất có liên quan đến an ninh trên địa bàn, nhất là an ninh chính trị, tông

giáo, dân tộc, chủ quyền và an ninh biên giới; về những chủ trương lớn trong công tác xây dựng Đảng, công tác chính trị trong các lực lượng vũ trang; chỉ đạo các chương trình, kế hoạch và hoạt động đối ngoại lớn ở địa phương.

Về công tác cán bộ, ban chấp hành, ban thường vụ cho ý kiến định hướng bầu cử đại biểu hội đồng nhân dân (tỷ lệ đảng viên, tỷ lệ ủy viên ban chấp hành, ủy viên ban thường vụ, tỷ lệ nữ, tỷ lệ người dân tộc thiểu số tham gia hội đồng nhân dân...). Ban chấp hành giới thiệu nhân sự ứng cử, đề cử hoặc rút khỏi các chức danh chủ tịch hội đồng nhân dân, chủ tịch ủy ban nhân dân để báo cáo Ban Bí thư quyết định trước khi hội đồng nhân dân bầu hoặc miễn nhiệm. Ban thường vụ quyết định giới thiệu nhân sự để hội đồng nhân dân bầu các chức danh phó chủ tịch hội đồng nhân dân, ủy ban nhân dân, ủy viên thường trực, trưởng, phó các ban của hội đồng nhân dân, các thành viên của ủy ban nhân dân và để ủy ban nhân dân bổ nhiệm lãnh đạo các sở, ngành trực thuộc ủy ban nhân dân; đánh giá, nhận xét định kỳ hằng năm đối với cán bộ thuộc diện ban thường vụ quản lý hoạt động ở các cơ quan nhà nước.

Xác định rõ chức năng, nhiệm vụ của đảng đoàn, ban cán sự đảng; xây dựng quy định về mối quan hệ lãnh đạo của cấp ủy với đảng đoàn hội đồng nhân dân và ban cán sự đảng ủy ban nhân dân, trong đó quy định rõ những nội dung mà cấp ủy phải có lãnh đạo, chỉ đạo trước khi các cơ quan nhà nước thảo luận, quyết định. Có quy chế quản lý và nâng cao trách nhiệm của tổ chức đảng và đảng viên hoạt động trong cơ quan chính quyền. Hằng năm và khi cần thiết ban thường vụ tỉnh ủy, thành ủy làm việc nghe đảng đoàn, ban cán sự đảng

báo cáo tình hình hoạt động và cho ý kiến chỉ đạo; có chương trình kiểm tra hoạt động của đảng đoàn hội đồng nhân dân và ban cán sự đảng ủy ban nhân dân.

Phân lớn đồng chí bí thư cấp ủy đồng thời là chủ tịch hội đồng nhân dân, những nơi có tính đặc thù thì có thể đồng chí phó bí thư hay ủy viên thường vụ làm chủ tịch hội đồng nhân dân; thí điểm việc đồng chí bí thư cấp ủy đồng thời là chủ tịch ủy ban nhân dân ở các cấp không còn hội đồng nhân dân để rút kinh nghiệm, nếu phù hợp thì nhân ra diện rộng.

- Tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của cấp ủy đối với hoạt động của các cơ quan tư pháp ở địa phương; bảo đảm tính độc lập trong điều tra, xét xử đúng pháp luật, chống bỏ lọt tội phạm và làm oan người vô tội. Cấp ủy lãnh đạo các cơ quan tư pháp địa phương cụ thể hóa, tổ chức thực hiện các nghị quyết, chỉ thị, chủ trương của Đảng đối với hoạt động của các cơ quan tư pháp; lãnh đạo thực hiện cải cách công tác tư pháp ở địa phương; thường xuyên kiểm tra công tác kiểm sát và xét xử, công tác thi hành án bảo đảm đúng đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

Thường trực cấp ủy cho chủ trương và phương hướng xử lý các vụ án nghiêm trọng, phức tạp, có liên quan đến an ninh chính trị, đối ngoại ở địa phương hoặc theo đề nghị của các cơ quan tư pháp, không chỉ đạo những vấn đề cụ thể thuộc thẩm quyền theo luật định của các cơ quan tư pháp; ban thường vụ giới thiệu nhân sự cấp trưởng, cấp phó viện kiểm sát nhân dân, tòa án nhân dân, thường trực cấp ủy giới thiệu nhân sự thẩm phán và kiểm sát viên, chấp hành viên để ngành dọc cấp trên bổ nhiệm; cho ý kiến về chương trình công tác năm và đánh giá công tác năm của các cơ

quan; nhận xét, đánh giá định kỳ hàng năm đối với cán bộ là cấp trưởng, cấp phó các cơ quan tư pháp ở địa phương.

Ban thường vụ lãnh đạo công tác xây dựng Đảng trong ngành tư pháp; chỉ đạo xây dựng đội ngũ cán bộ trong các cơ quan tư pháp trong sạch, vững mạnh, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới; định kỳ và khi cần thiết, thường trực cấp ủy làm việc với ban cán sự đảng và lãnh đạo viện kiểm sát nhân dân, tòa án nhân dân và cơ quan điều tra để nghe báo cáo kết quả hoạt động và những vấn đề cần quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy đối với các cơ quan này.

- Ban thường vụ lãnh đạo Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội cụ thể hóa, tổ chức thực hiện các nghị quyết, chỉ thị, chủ trương của Đảng đối với công tác dân vận, Mặt trận và các đoàn thể phù hợp với tình hình thực tiễn ở địa phương; cho ý kiến chỉ đạo về những định hướng công tác lớn trong từng thời kỳ, về chương trình, nội dung hoạt động hàng năm của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội; xây dựng quy định về sự lãnh đạo của cấp ủy đảng với Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể; chỉ đạo đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể ở địa phương xây dựng quy chế hoạt động, quy chế phối hợp giữa các cơ quan chính quyền với Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội trong việc tổ chức triển khai các chủ trương lớn của Đảng về xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân, về công tác dân vận ở địa phương, về công tác giám sát và phản biện xã hội.

Ban thường vụ cấp ủy cho ý kiến về định hướng nhân sự đại hội, giới thiệu nhân sự cấp trưởng, cấp phó để Mặt trận

và các đoàn thể bầu; nên phân công, giới thiệu đồng chí ủy viên thường vụ cấp ủy, trưởng ban dân vận để Mặt trận Tổ quốc bầu làm chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cùng cấp và trực tiếp làm bí thư đảng đoàn; nhận xét, đánh giá theo định kỳ hàng năm đối với cán bộ thuộc diện ban thường vụ quản lý, chỉ đạo công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, xây dựng đội ngũ cán bộ Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể ở địa phương trong sạch, vững mạnh; tăng cường công tác kiểm tra đối với hoạt động của các tổ chức đảng và đảng viên hoạt động trong Mặt trận và các đoàn thể.

Ban thường vụ cấp ủy chỉ đạo các ban, ngành chức năng bảo đảm các điều kiện cần thiết cho Mặt trận và các đoàn thể hoạt động; định kỳ hàng quý giao ban để nghe Mặt trận và các đoàn thể báo cáo kết quả hoạt động và các kiến nghị đối với Đảng và Nhà nước.

III- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các cấp ủy, ban cán sự đảng, đảng đoàn, các tổ chức đảng từ Trung ương đến địa phương tập trung lãnh đạo, chỉ đạo quán triệt, xây dựng chương trình, kế hoạch và tổ chức thực hiện Nghị quyết này của Trung ương phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, đặc điểm cụ thể của mình.

2. Ban Tuyên giáo Trung ương chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan hướng dẫn việc nghiên cứu, quán triệt, tuyên truyền nội dung Nghị quyết trong Đảng và nhân dân.

3. Văn phòng Trung ương Đảng, Ban Tổ chức Trung ương, Ủy ban Kiểm tra Trung ương và các ban của Trung

ương Đảng theo chức năng, nhiệm vụ làm tốt công tác kiểm tra, giám sát, đôn đốc, sơ kết, tổng kết và định kỳ báo cáo việc thực hiện Nghị quyết với Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

Nghị quyết này phổ biến đến chi bộ.

T/M BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
TỔNG Bí THƯ
NÔNG ĐỨC MẠNH

Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện*
Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành
Trung ương khóa X, Sđd, tr.107-140.

**BÁO CÁO GIẢI TRÌNH
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ**

Số 83/TLHN, ngày 13 tháng 7 năm 2007

**Tiếp thu ý kiến của Trung ương về Đề án
Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của Đảng**

Trung ương đã thảo luận Đề án *Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của Đảng*. Đã có 101 ý kiến phát biểu (99 ý kiến tại tổ và 2 ý kiến tại hội trường). Không khí thảo luận sôi nổi, liên tục, có tranh luận. Trong đó nhiều ý kiến tập trung vào năm vấn đề Bộ Chính trị đề nghị Trung ương thảo luận, quyết định. Đa số ý kiến đồng tình với các nội dung trong tờ trình và đề án của Bộ Chính trị. Nhiều ý kiến cho rằng, đề án được chuẩn bị kỹ, công phu, có gắn với tổng kết thực hiện công tác kiểm tra của Đảng trong gần 20 năm đổi mới và tổng kết Chỉ thị 29 của Bộ Chính trị khóa VIII, nên việc đánh giá sát với tình hình. Đồng thời có một số ý kiến đề nghị nhấn mạnh, bổ sung hoặc làm rõ thêm một số nội dung trong đề án và dự thảo nghị quyết.

Bộ Chính trị xin tiếp thu những ý kiến hợp lý của Trung ương để bổ sung vào dự thảo nghị quyết, dưới đây xin giải trình một số vấn đề lớn, trọng tâm sau:

A. VỀ NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

1. Một số ý kiến cho rằng: Công tác kiểm tra, giám sát là những chức năng lãnh đạo của Đảng, nhưng đề án chưa thể hiện rõ đây là công việc của toàn Đảng, mới đề cập đến trách nhiệm của cấp ủy.

Về vấn đề này, Bộ Chính trị xin giải trình như sau: Trong tờ trình của Bộ Chính trị và đề án đã đề cập công tác kiểm tra, giám sát là của toàn Đảng (cấp ủy, tổ chức đảng, ủy ban kiểm tra các cấp), nhấn mạnh đến trách nhiệm của cấp ủy, vì công tác kiểm tra, giám sát trước hết là nhiệm vụ trực tiếp, thường xuyên của cấp ủy, do cấp ủy đích thân tiến hành. Tuy nhiên, do đề án gộp chung phần công tác kiểm tra của cấp ủy và tổ chức đảng, nên trình bày về thực hiện công tác kiểm tra của các tổ chức đảng chưa đậm nét; đồng thời cũng chưa nêu rõ trách nhiệm của đảng viên đối với công tác kiểm tra. Bộ Chính trị xin tiếp thu ý kiến này để thể hiện rõ hơn trong nghị quyết.

2. Về ý kiến: Đề án mới nêu sâu về công tác kiểm tra, nội dung giám sát còn mờ nhạt, chưa đề cập rõ về phạm vi, nội dung, phương pháp, thẩm quyền, trách nhiệm trong giám sát.

Bộ Chính trị xin trình bày vấn đề này như sau: Đối với nhiệm vụ giám sát mới được quy định trong *Điều lệ Đảng* khóa X, nên chưa có thực tiễn, đang vừa làm vừa rút kinh nghiệm. Quyết định số 25-QĐ/TW, ngày 24-11-2006, Bộ Chính trị ban hành *Hướng dẫn về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng*. Hiện nay đang giao cho Ủy ban Kiểm tra Trung ương ban hành hướng dẫn về thực hiện trình

tự, thẩm quyền và trách nhiệm giám sát của các tổ chức đảng. Do đó, trong đề án không nhắc lại về phạm vi, nội dung, phương pháp, thẩm quyền, trách nhiệm đối với nhiệm vụ giám sát.

3. Một số ý kiến nêu: Đề án mới tập trung vào công tác kiểm tra, kỷ luật đảng, còn nội dung kiểm tra việc thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng chưa được nêu tương ứng.

Về vấn đề này, Bộ Chính trị xin giải trình như sau: Tại các trang 2, 3 và 4 của đề án đã nêu rõ việc kiểm tra chấp hành đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng. Trong *Báo cáo tổng kết thực hiện công tác kiểm tra của Đảng trong gần 20 năm đổi mới và Báo cáo tổng kết thực hiện Chỉ thị số 29-CT/TW của Bộ Chính trị khóa VIII* đã đề cập đầy đủ, toàn diện nội dung kiểm tra việc thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Trong thực tế, Bộ Chính trị, Ban Bí thư hàng năm đều có chương trình, kế hoạch kiểm tra về việc thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước đối với cấp ủy, tổ chức đảng, đồng thời chỉ đạo các tổ chức đảng cấp dưới thực hiện. Bộ Chính trị xin tiếp thu ý kiến này để thể hiện rõ hơn trong nghị quyết.

B. CÔNG TÁC KIỂM TRA VÀ KỶ LUẬT CỦA ĐẢNG TRONG THỜI GIAN QUA

I- THỰC HIỆN CÔNG TÁC KIỂM TRA CỦA CẤP ỦY, TỔ CHỨC ĐẢNG

Một số ý kiến cho rằng: Chất lượng, hiệu quả kiểm tra

còn thấp, còn bị động, việc phát hiện dấu hiệu vi phạm của cấp ủy còn chậm, chưa phát hiện được những vụ sai phạm lớn, nghiêm trọng, chưa phát huy tốt sức mạnh tổng hợp của các ngành trong công tác kiểm tra. Việc sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm về công tác kiểm tra của cấp ủy, tổ chức đảng từ Trung ương đến cơ sở chưa được chú trọng.

Ý kiến Trung ương nêu trên là xác đáng, cấp ủy các cấp hằng năm ít tổng kết công tác kiểm tra của cấp ủy theo Điều 30 Điều lệ Đảng, mới tập trung chỉ đạo ủy ban kiểm tra thực hiện việc kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm, giải quyết tố cáo, nên sự phối hợp phát hiện những vụ việc sai phạm lớn, nghiêm trọng còn hạn chế. Bộ Chính trị xin tiếp thu, sẽ chỉ đạo các cấp ủy, tổ chức đảng và ủy ban kiểm tra các cấp tổ chức thực hiện tốt hơn vấn đề này trong thời gian tới.

II- THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KIỂM TRA CỦA ỦY BAN KIỂM TRA CÁC CẤP

1. Về kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm

Một số ý kiến cho rằng, ủy ban kiểm tra các cấp mới tập trung chủ yếu vào kiểm tra các dấu hiệu vi phạm về đạo đức, lối sống, về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực..., chưa chú ý đúng mức đến việc kiểm tra dấu hiệu vi phạm về chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, việc phát ngôn, viết bài trái với chủ trương, đường lối của Đảng, tình trạng cục bộ, kéo bè, kéo cánh, mất dân chủ, thiếu công khai, minh bạch trong công tác cán bộ.

Về vấn đề này, Bộ Chính trị xin tiếp thu để chỉ đạo cấp ủy và ủy ban kiểm tra chú trọng hơn những nội dung này trong

thời gian tới. Tuy nhiên, trong thời gian qua, ủy ban kiểm tra các cấp đã tích cực tham mưu giúp cấp ủy xây dựng chương trình, kế hoạch kiểm tra hàng năm và tổ chức thực hiện nhiệm vụ cấp ủy giao, trong đó nội dung chủ yếu là kiểm tra việc chấp hành đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, việc chấp hành nguyên tắc tập trung dân chủ và xây dựng đoàn kết nội bộ.

Một số ý kiến cho rằng, về đánh giá trong đề án: "Hầu hết các vụ tham nhũng, tiêu cực không phải do cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan kiểm tra phát hiện được mà chủ yếu do nhân dân phát hiện, tố cáo hoặc báo chí nêu" là chưa chuẩn xác, cần cân nhắc lại.

Về vấn đề này, Bộ Chính trị xin tiếp thu và chỉnh sửa như sau: "Thực tế một số vụ án lớn, nghiêm trọng liên quan đến tham nhũng, tiêu cực, do nội bộ mất đoàn kết, đấu tranh tự phê bình và phê bình yếu kém, nên có đơn, thư tố cáo gửi đến nhiều cơ quan chức năng hoặc cung cấp cho báo chí khai thác, đăng tải".

Về một số ý kiến nêu kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm kết quả chưa cao là do năng lực, trình độ, thậm chí cả đạo đức nghề nghiệp của đội ngũ cán bộ kiểm tra còn nhiều yếu kém, bất cập với nhiệm vụ...

Bộ Chính trị xin trình bày như sau: Đánh giá như trong đề án là đúng mức: "Một bộ phận cán bộ kiểm tra năng lực, trình độ, phương pháp công tác còn hạn chế; một số ủy ban kiểm tra còn nể nang, né tránh kiểm tra người đứng đầu, cán bộ chủ chốt, cấp ủy viên cùng cấp có dấu hiệu vi phạm". Thực tế qua nhiều nhiệm kỳ, đội ngũ cán bộ kiểm tra các cấp có bản lĩnh, có đạo đức nghề nghiệp, có tính chiến đấu, rất ít có vi phạm.

2. Về giải quyết tố cáo đối với tổ chức đảng và đảng viên

Về một số ý kiến cho rằng, phải làm rõ nguyên nhân vì sao người tố cáo phải giấu tên. Nên sớm có quy định bảo vệ người tố cáo để giảm bớt việc tố cáo mạo danh, nặc danh. Cần làm rõ và có biện pháp xử lý đối với người cố tình tố cáo sai; đồng thời có cơ chế bảo vệ cán bộ khi bị người xấu dùng đơn, thư nặc danh để vu cáo, bôi nhọ.

Theo Nghị quyết Trung ương 3 khóa X, Bộ Chính trị sẽ có quy định về bảo vệ người tố cáo và xử lý nghiêm người cố tình tố cáo sai hoặc có dụng ý xấu.

3. Về thực hiện chức năng tham mưu, giúp cấp ủy và thực hiện nhiệm vụ do cấp ủy giao

Về ý kiến cho rằng, việc tham mưu cho cấp ủy xây dựng chương trình kiểm tra của cấp ủy là đúng, nhưng gần đây còn có tình trạng kiểm tra đột xuất nhiều hơn là kiểm tra theo chương trình.

Những năm qua, Bộ Chính trị, Ban Bí thư đều có chương trình kiểm tra hằng năm. Việc kiểm tra đột xuất (nếu có) là khi có vấn đề nổi cộm cần phải kiểm tra làm rõ để xử lý kịp thời là cần thiết.

III- VỀ THI HÀNH KỶ LUẬT TRONG ĐẢNG

Về tình hình thi hành kỷ luật trong Đảng

Về nhận định: Chưa khắc phục được tình trạng "nhẹ trên, nặng dưới" trong thi hành kỷ luật, tình trạng cùng một lỗi vi

phạm nhưng mỗi nơi xử lý một khác, như việc vi phạm chính sách kế hoạch hóa gia đình nơi thì cảnh cáo, nơi thì khai trừ.

Vấn đề này, Bộ Chính trị đã giao cho Ủy ban Kiểm tra Trung ương xây dựng Quy định về xử lý kỷ luật đảng viên vi phạm. Tới đây, Bộ Chính trị sẽ xem xét ban hành để từng bước khắc phục tình trạng trên.

C. MỤC TIÊU, QUAN ĐIỂM, NHIỆM VỤ VÀ CHỦ TRƯƠNG, GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG CÔNG TÁC KIỂM TRA, GIÁM SÁT CỦA ĐẢNG

1. Sự cần thiết phải tăng cường công tác kiểm tra, giám sát

Nhiều ý kiến nêu vai trò, vị trí của công tác kiểm tra, giám sát là cực kỳ quan trọng, nhất là đối với một đảng cầm quyền như Đảng ta hiện nay.

Ý kiến của Trung ương là xác đáng, phù hợp với tình hình thực tiễn hiện nay, Bộ Chính trị xin tiếp thu để bổ sung vào nghị quyết.

2. Về mục tiêu

Có ý kiến đề nghị, cần khẳng định mục tiêu đầu tiên, quan trọng nhất của việc tăng cường công tác kiểm tra, giám sát là nhằm nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng theo tinh thần Nghị quyết Đại hội X (trong đề án nói mục tiêu của việc tăng cường công tác kiểm tra, giám sát nhằm phòng ngừa, ngăn chặn suy thoái... sau đó mới nói nhằm nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng).

Bộ Chính trị xin tiếp thu để chỉnh sửa lại như sau: "Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát nhằm nâng cao năng lực

lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, sự đoàn kết thống nhất và bảo đảm thực hiện dân chủ trong Đảng, giữ vững kỷ cương, kỷ luật của Đảng, phòng ngừa, ngăn chặn sự suy thoái về chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên, bảo vệ quan điểm, đường lối của Đảng, tránh các nguy cơ sai lầm về đường lối, quan liêu, xa dân của đảng cầm quyền, góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị theo Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ X đã đề ra".

3. Về quan điểm

Về ý kiến cho rằng, năm quan điểm nêu trong đề án, nội dung vẫn còn chung chung. Cần khẳng định coi trọng công tác kiểm tra, giám sát là việc làm cần thiết hiện nay, là công việc quan trọng của Đảng ta, có ảnh hưởng trực tiếp đến sự tồn vong của Đảng. Do vậy, phải tạo sự chuyển biến sâu sắc về nhận thức và hành động của cán bộ, đảng viên và cấp ủy, tổ chức đảng về công tác này.

Bộ Chính trị xin tiếp thu để thể hiện rõ hơn trong nghị quyết.

4. Về nhiệm vụ

Ý kiến đề nghị, cần xác định rõ ranh giới giữa kiểm tra và giám sát như thế nào để khi thực hiện được chặt chẽ, không chồng chéo.

Bộ Chính trị xin giải trình như sau: Trong Quyết định số 25-QĐ/TW, ngày 24-11-2006 của Bộ Chính trị đã quy định rõ về phạm vi, chủ thể, đối tượng, nội dung, phương pháp kiểm tra và giám sát. Bộ Chính trị đã giao cho Ủy ban Kiểm tra Trung ương ban hành hướng dẫn cụ thể việc thực hiện nhiệm vụ giám sát.

5. Về chủ trương và giải pháp tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của Đảng

a) Về xây dựng, hoàn thiện các quy định của Đảng và Nhà nước phục vụ công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng

Có một số ý kiến đề nghị phải xây dựng đầy đủ, đồng bộ cơ chế, chính sách để nhân dân tham gia giám sát, kiểm tra đối với tổ chức đảng và đảng viên.

Vấn đề này là hết sức cần thiết, vì không có cơ chế, chính sách cụ thể, đồng bộ thì nhân dân không thể giám sát, kiểm tra đối với cán bộ, đảng viên. Bộ Chính trị đang chỉ đạo các cơ quan chức năng tham mưu, giúp Bộ Chính trị ban hành *Quy chế và biện pháp thực hiện sự giám sát của nhân dân đối với tổ chức đảng và cán bộ, đảng viên.*

b) Về đổi mới, tăng cường công tác kiểm tra của các cấp ủy, ủy ban kiểm tra, tổ chức đảng và chi bộ

Một số ý kiến đề nghị phải tăng cường sự kiểm tra, giám sát của cấp ủy cấp trên đối với cấp ủy cấp dưới.

Đề nghị này là cần thiết, vì thời gian qua, việc kiểm tra, giám sát của cấp ủy cấp trên đối với cấp dưới trong việc chấp hành nghị quyết, chỉ thị, chủ trương, chính sách của Đảng còn hạn chế. Theo quy định của Điều lệ Đảng, việc kiểm tra, giám sát của cấp ủy cấp trên đối với cấp ủy cấp dưới là việc làm thường xuyên và bằng chương trình, kế hoạch. Bộ Chính trị xin tiếp thu, sẽ chỉ đạo các cấp ủy tổ chức thực hiện tốt vấn đề này trong thời gian tới.

c) Về xử lý kỷ luật

Một số ý kiến đề nghị cần phải quy định rõ phạm vi, hình thức xử lý trách nhiệm người đứng đầu của cấp ủy, tổ chức đảng theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của từng tổ chức.

Chỉ nên quy định xử lý trách nhiệm của người đứng đầu đối với những nhiệm vụ có liên quan trực tiếp.

Về vấn đề này, Bộ Chính trị đã giao cho Ban Tổ chức Trung ương xây dựng *Quy định về trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy, tổ chức đảng không hoàn thành nhiệm vụ, để cơ quan, đơn vị mình trực tiếp phụ trách xảy ra tham nhũng, tiêu cực, lãng phí*. Tới đây, Bộ Chính trị sẽ ban hành quy định này. Trên cơ sở đó, Bộ Chính trị sẽ chỉ đạo xây dựng quy định về xử lý trách nhiệm người đứng đầu.

d) Về xử lý trách nhiệm của cơ quan báo chí

Có ý kiến cho rằng, báo chí đưa tin sai thì xử lý tổng biên tập, đồng thời cũng phải xử lý những tổ chức hoặc người cung cấp tin cho báo chí. Xử lý đối với cơ quan báo chí khi có sai phạm phải xử lý cả cơ quan chủ quản, tổng biên tập, phóng viên và phải xử lý kiên quyết.

Về vấn đề này, Bộ Chính trị xin giải trình như sau: Hồ sơ tài liệu, kết luận về công tác kiểm tra, kỷ luật đảng là công việc nội bộ của Đảng. Do đó phải được bảo mật theo quy định của Đảng và pháp luật của Nhà nước. Các cơ quan báo chí hoạt động theo quy định của Luật báo chí, đồng thời phải thực hiện theo các quy định của Đảng. Nếu vi phạm các quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước thì phải xem xét, xử lý trách nhiệm của cơ quan chủ quản, tổng biên tập và phóng viên; đồng thời xử lý nghiêm túc người cung cấp tin khi chưa được phép của tổ chức có thẩm quyền. Bộ Chính trị xin tiếp thu để thể hiện trong nghị quyết.

d) Về công tác tổ chức, bộ máy và cán bộ ngành kiểm tra đảng

Có ý kiến đề nghị, hiện nay, Đảng ta đang chủ trương

hướng về cơ sở, tăng cường hệ thống chính trị ở cơ sở. Vì vậy, đề nghị cần nghiên cứu để quy định có định biên cán bộ làm công tác kiểm tra chuyên trách ở cơ sở và có chính sách thỏa đáng.

Về vấn đề này, Bộ Chính trị xin giải trình như sau: Theo quy định của Điều lệ Đảng, ủy ban kiểm tra các cấp do cấp ủy cùng cấp bầu ra. Hiện nay, ủy ban kiểm tra từ cấp huyện, thị và tương đương trở lên đều có cơ quan giúp việc và có cán bộ chuyên trách; ủy ban kiểm tra đảng ủy cơ sở không có cơ quan giúp việc và chưa có cán bộ chuyên trách nên hoạt động rất khó khăn, nhất là đối với cấp ủy xã, phường, thị trấn và đảng bộ cơ sở có đông đảng viên. Vừa qua, nhiều địa phương, cơ sở đã kiến nghị vấn đề này, Bộ Chính trị sẽ chỉ đạo tổng kết Nghị quyết Trung ương 5 khóa IX, để có biện pháp giải quyết đồng bộ đối với công tác cán bộ ở cơ sở.

Về thành lập Cục Giám sát ở Trung ương và phòng giám sát ở tỉnh, thành phố, tổ giám sát ở quận, huyện: Một số ý kiến đồng tình chủ trương này... Song cũng có một số ý kiến cho rằng việc thành lập Cục Giám sát không thuộc thẩm quyền của Trung ương mà thuộc thẩm quyền của Bộ Chính trị, nên không đưa vào nghị quyết.

Bộ Chính trị xin giải trình vấn đề này như sau: Theo quy định của Điều lệ Đảng khóa X, ủy ban kiểm tra các cấp được giao thêm chức năng, nhiệm vụ giám sát. Do vậy, ủy ban kiểm tra các cấp cần có tổ chức bộ máy tương xứng để thực hiện có hiệu quả chức năng, nhiệm vụ được giao là cần thiết. Bộ Chính trị sẽ chỉ đạo các ban đảng ở Trung ương tham mưu, nghiên cứu, báo cáo Bộ Chính trị xem xét, quyết định.

Về việc nghiên cứu ủy ban kiểm tra các cấp do đại hội đảng cùng cấp bầu và việc kết hợp công tác kiểm tra của Đảng với công tác thanh tra của Nhà nước.

Về vấn đề này, Bộ Chính trị xin giải trình như sau: Trước và trong Đại hội X của Đảng đã bàn và quyết định. Hiện nay cần tổ chức thực hiện tốt theo Nghị quyết Đại hội X. Việc nghiên cứu hai vấn đề trên sẽ được đặt ra khi chuẩn bị Văn kiện Đại hội XI của Đảng.

Ngoài các nội dung trên, các đồng chí Ủy viên Trung ương còn lưu ý, quan tâm đến nhiều vấn đề cụ thể, một số vấn đề mang tính nghiệp vụ, Bộ Chính trị xin tiếp thu, sẽ hướng dẫn trong quá trình chỉ đạo và tổ chức thực hiện Nghị quyết của Trung ương về *Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của Đảng*.

Trình Ban Chấp hành Trung ương xem xét, quyết định.

BỘ CHÍNH TRỊ

Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện
Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành
Trung ương khóa X, Sđd, tr.55-68.*

**NGHỊ QUYẾT
HỘI NGHỊ LẦN THỨ NĂM
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG KHÓA X**

Số 14-NQ/TW, ngày 30 tháng 7 năm 2007

**Về tăng cường công tác kiểm tra, giám sát
của Đảng**

Trong thời gian qua, công tác kiểm tra được các cấp ủy, tổ chức đảng quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, có nhiều đổi mới và đạt được những kết quả quan trọng, góp phần tích cực vào thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị, tăng cường kỷ cương, kỷ luật, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng.

Từ nhiệm kỳ Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VIII đến nay (nhất là từ khi có Chỉ thị số 29-CT/TW, ngày 14-2-1998 của Bộ Chính trị khóa VIII), nhận thức của hầu hết cấp ủy, tổ chức đảng và ủy ban kiểm tra các cấp về công tác kiểm tra và thi hành kỷ luật có chuyển biến tích cực, lãnh đạo, chỉ đạo và triển khai thực hiện nhiệm vụ kiểm tra đạt nhiều kết quả. Bộ Chính trị, Ban Bí thư, cấp ủy các cấp đã xây dựng kế hoạch kiểm tra hằng năm và chỉ đạo thực hiện có kết quả các cuộc kiểm tra về thực hiện nghị quyết, chỉ thị, quy định của Đảng; thực hiện các chương trình, dự án; quản lý, sử dụng đất đai, đầu tư xây dựng cơ bản; thực hành tiết kiệm, phòng, chống tham nhũng, lãng phí và công tác cán bộ. Đội ngũ cán

bộ kiểm tra có bản lĩnh chính trị vững vàng, trung thành với sự nghiệp cách mạng, giữ gìn phẩm chất đạo đức, lối sống, có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ khá, ngày càng đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong từng thời kỳ.

Đạt được kết quả trên là do:

- Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư và cấp ủy các cấp đã kịp thời ban hành các nghị quyết, chỉ thị, quy chế, quy định về công tác xây dựng Đảng, trong đó có công tác kiểm tra và kỷ luật đảng. Đặc biệt, Bộ Chính trị khóa VIII đã ban hành Chỉ thị số 29-CT/TW *Về tăng cường công tác kiểm tra của Đảng*, tạo sự chuyển biến tích cực về nhận thức và trách nhiệm của tổ chức đảng, trước hết là các cấp ủy đảng về công tác kiểm tra, kỷ luật của Đảng.

- Cấp ủy, tổ chức đảng các cấp đã nghiêm túc quán triệt và triển khai thực hiện các nghị quyết, chỉ thị, quy định của Đảng về công tác kiểm tra, kỷ luật đảng; ban hành các văn bản thuộc thẩm quyền của cấp mình để lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện có kết quả công tác này; xử lý nghiêm minh những khuyết điểm, vi phạm của tổ chức đảng và đảng viên; chỉ đạo ủy ban kiểm tra và các tổ chức có liên quan xử lý kiên quyết, dứt điểm vi phạm của tổ chức và cá nhân, thu hồi tài sản bị chiếm dụng cho Nhà nước.

- Ủy ban kiểm tra các cấp vừa thực hiện tốt nhiệm vụ kiểm tra theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, vừa thực hiện tốt vai trò tham mưu, giúp cấp ủy về công tác kiểm tra, góp phần từng bước nâng cao chất lượng các cuộc kiểm tra của Đảng.

Tuy nhiên, công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng chưa đạt yêu cầu. Kỷ cương, kỷ luật ở nhiều cấp, nhiều lĩnh vực không

nghiêm. Sự đoàn kết, nhất trí ở không ít cấp ủy chưa tốt. Quan hệ giữa Đảng và nhân dân có lúc, có nơi chưa chặt chẽ. Dân chủ trong Đảng và trong xã hội còn bị vi phạm. Nhiều tổ chức cơ sở đảng không đủ năng lực giải quyết những vấn đề phức tạp nảy sinh, thậm chí có tổ chức cơ sở đảng bị tê liệt. Công tác tư tưởng còn thiếu sức thuyết phục. Công tác tổ chức và cán bộ còn nhiều mặt yếu kém. Tình trạng suy thoái về tư tưởng, chính trị, đạo đức, lối sống, bệnh cơ hội, chủ nghĩa cá nhân và tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí trong một bộ phận cán bộ, đảng viên còn diễn ra nghiêm trọng.

Chất lượng và hiệu quả công tác kiểm tra chưa cao, chưa phát huy được sức mạnh tổng hợp của các ngành, các lĩnh vực trong công tác kiểm tra; chưa coi trọng kiểm tra phòng ngừa, phát huy nhân tố tích cực; nhiều khuyết điểm, sai lầm của đảng viên và tổ chức đảng chậm được phát hiện và khắc phục. Công tác kiểm tra của nhiều tổ chức đảng, nhất là ban cán sự đảng, đảng đoàn còn mang tính hình thức, chất lượng, hiệu quả thấp; kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ chính trị, nghị quyết, chỉ thị của Đảng chưa được quan tâm đúng mức. Năng lực, trình độ, phong cách công tác của một bộ phận cán bộ kiểm tra chưa đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ.

Nguyên nhân của những yếu kém trên đây là:

- Một số cấp ủy, tổ chức đảng, bí thư cấp ủy chưa quan tâm đúng mức, nhận thức chưa đầy đủ về công tác kiểm tra và thi hành kỷ luật của Đảng. Còn thiếu các quy định của Đảng làm cơ sở cho việc đẩy mạnh, nâng cao chất lượng công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng; một số chính sách, pháp luật của Nhà nước còn nhiều sơ hở, thiếu đồng bộ, nhiều quy định không còn phù hợp nhưng chậm được bổ sung, sửa đổi,

ban hành mới; chưa có cơ chế giám sát trong Đảng và giám sát của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội và của nhân dân đối với tổ chức đảng và cán bộ, đảng viên.

- Một số nơi còn vi phạm nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt đảng, nhất là nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách; việc buông lỏng quản lý đảng viên còn khá phổ biến. Tình trạng thiếu tính chiến đấu, hữu khuynh, né tránh, bao che, giấu giếm khuyết điểm trong đấu tranh tự phê bình và phê bình, trong xem xét thi hành kỷ luật đảng còn xảy ra ở nhiều tổ chức đảng.

- Tổ chức bộ máy làm công tác kiểm tra của Đảng từ Trung ương đến cơ sở còn thiếu thống nhất, bất cập nhưng chậm được đổi mới. Đội ngũ cán bộ kiểm tra của Đảng, nhất là cán bộ kiểm tra chuyên trách còn thiếu về số lượng, một bộ phận yếu về chất lượng. Công tác nghiên cứu về kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng chưa giải đáp được nhiều vấn đề lý luận và thực tiễn đặt ra.

Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ X đã đề ra mục tiêu là: "Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, phát huy sức mạnh toàn dân tộc, đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, sớm đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển", đòi hỏi công tác xây dựng Đảng, công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng phải được tăng cường với nhận thức và yêu cầu mới để thực hiện thắng lợi mục tiêu, nhiệm vụ nói trên.

I- MỤC TIÊU, QUAN ĐIỂM VÀ NHIỆM VỤ

1. Mục tiêu

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát nhằm nâng cao

năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng, sự đoàn kết thống nhất và bảo đảm thực hiện dân chủ trong Đảng, giữ vững kỷ cương, kỷ luật của Đảng; phòng ngừa, ngăn chặn sự suy thoái về chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên, bảo vệ quan điểm, đường lối của Đảng, tránh các nguy cơ sai lầm về đường lối, quan liêu, xa dân của đảng cầm quyền, góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ X.

- Tạo sự chuyển biến tích cực về tư tưởng, nhận thức và hành động trong Đảng đối với công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng, trước hết là trong cấp ủy, đặc biệt là người đứng đầu cấp ủy, tổ chức đảng, tổ chức nhà nước, đoàn thể chính trị - xã hội các cấp. Từng bước hoàn thiện quan điểm, nội dung, phương pháp, nâng cao hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát của Đảng trong tình hình mới.

- Kịp thời đánh giá đúng ưu điểm của tổ chức đảng và đảng viên để phát huy, phát hiện, làm rõ thiêu sót, khuyết điểm để uốn nắn, khắc phục và xử lý nghiêm minh khi có vi phạm, góp phần xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh; phục vụ việc tổng kết thực tiễn, nhân rộng những nhân tố mới, bổ sung, hoàn thiện và phát triển đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; chống tư tưởng bảo thủ, trì trệ, cục bộ, bản位, chống quan liêu, tham nhũng, tiêu cực.

2. Quan điểm

- Kiểm tra, giám sát là nội dung rất quan trọng trong quá trình lãnh đạo của Đảng, là chức năng lãnh đạo, nhiệm vụ thường xuyên của toàn Đảng, trước hết là nhiệm vụ của

cấp ủy và người đứng đầu cấp ủy, do cấp ủy trực tiếp tiến hành. Công tác kiểm tra, giám sát phải được tiến hành công khai, dân chủ, khách quan, thận trọng và chặt chẽ theo đúng nguyên tắc, phương pháp công tác đảng. Tổ chức đảng và đảng viên phải chịu sự kiểm tra, giám sát của Đảng và chịu sự giám sát của nhân dân.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát phải gắn chặt với công tác tư tưởng, công tác tổ chức và đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng; phải thực hiện toàn diện, đồng bộ, có hiệu lực, hiệu quả, góp phần xây dựng Đảng vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức; thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị của Đảng.

- Thực hiện đồng bộ giữa công tác kiểm tra và công tác giám sát; "giám sát phải mở rộng", "kiểm tra phải có trọng tâm, trọng điểm" để chủ động phòng ngừa vi phạm, kịp thời phát hiện những nhân tố mới để phát huy, khắc phục thiếu sót, khuyết điểm, vi phạm ngay từ lúc mới manh nha.

- Công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng phải kết hợp chặt chẽ giữa xây và chống, lấy xây là chính. Khi các vụ việc vi phạm được phát hiện, phải kiên quyết xử lý nghiêm minh để răn đe và giáo dục.

- Đề cao trách nhiệm của tổ chức đảng và đảng viên; phát huy vai trò, trách nhiệm của các tổ chức trong hệ thống chính trị và của nhân dân trong công tác kiểm tra, giám sát.

3. Nhiệm vụ

- Cấp ủy các cấp tăng cường công tác giáo dục chính trị tư tưởng, nâng cao chất lượng nghiên cứu các nghị quyết, chỉ thị, quy định của Đảng để các tổ chức đảng và cán bộ,

đảng viên nắm vững và tự giác chấp hành; đấu tranh chống những biểu hiện tiêu cực, suy thoái trong Đảng. Cấp ủy các cấp, nhất là chi bộ cần tăng cường quản lý, giáo dục, rèn luyện cán bộ, đảng viên để chủ động phòng ngừa, ngăn chặn xảy ra vi phạm hoặc không để tái phạm, góp phần chủ động thực hiện có hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng.

- Đổi mới và nâng cao hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát trong Đảng và trong cả hệ thống chính trị. Chú trọng kiểm tra, giám sát người đứng đầu cấp ủy, tổ chức đảng, tổ chức nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và đoàn thể chính trị - xã hội ở các cấp trong việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao. Tập trung kiểm tra, giám sát việc chấp hành các chủ trương, đường lối, nghị quyết, chỉ thị, quy định của Đảng về các nội dung, lĩnh vực sau:

+ *Lĩnh vực tư tưởng chính trị, quản lý báo chí*: Kiểm tra, giám sát việc thực hiện quan điểm, đường lối của Đảng, việc thi hành Điều lệ Đảng, các quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước trong công tác tư tưởng chính trị nói chung và hoạt động báo chí nói riêng.

+ *Về chấp hành nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng*: Kiểm tra, giám sát việc chấp hành nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách; chấp hành quy chế làm việc, chế độ công tác; thực hiện dân chủ trong Đảng, giữ gìn đoàn kết nội bộ; về mối quan hệ giữa tổ chức đảng và đảng viên với quần chúng; việc giáo dục, rèn luyện, nâng cao phẩm chất đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên.

+ *Lĩnh vực kinh tế - tài chính*: Kiểm tra, giám sát việc thực hành tiết kiệm, phòng, chống tham nhũng, lãng phí trong các khâu cấp và sử dụng vốn thuộc ngân sách nhà nước, vốn ODA, tài trợ của nước ngoài; trong xây dựng cơ bản, mua sắm trang thiết bị; quản lý và sử dụng đất đai, tài nguyên, công sản; triển khai thực hiện các dự án trọng điểm.

+ *Lĩnh vực hành chính, tư pháp*: Kiểm tra, giám sát việc lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện cải cách hành chính, nhất là cải cách thủ tục hành chính liên quan đến giải quyết công việc của các tổ chức và cá nhân, đặc biệt là trong các hoạt động đầu tư, sản xuất, kinh doanh. Kiểm tra việc thực hiện các chủ trương, quan điểm của Đảng về cải cách tư pháp trong điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án, nhất là những vụ án nghiêm trọng, gây bức xúc trong dư luận.

+ *Trong công tác tổ chức và cán bộ*: Kiểm tra, giám sát về tuyển dụng, quy hoạch, luân chuyển, đào tạo, bồi dưỡng, đê bạt, bố trí, sử dụng, khen thưởng và thực hiện chính sách cán bộ; về phẩm chất đạo đức, lối sống và thực hiện chức trách, nhiệm vụ của cán bộ, đảng viên; việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh; về nội dung và chất lượng sinh hoạt của các cấp ủy, tổ chức đảng.

+ *Kiểm tra, giám sát việc lãnh đạo, chỉ đạo và giải quyết khiếu nại, tố cáo* của đảng viên và nhân dân; việc thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của Đảng gắn với vai trò, trách nhiệm của các tổ chức trong hệ thống chính trị và của nhân dân trong đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí theo tinh thần Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X.

- Đổi mới phương pháp kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng theo hướng đồng bộ, nghiêm minh, có hiệu lực, hiệu quả; sớm hoàn thiện quy chế giám sát trong Đảng. Kết hợp giám sát trong Đảng với giám sát của Nhà nước và giám sát của nhân dân.

- Củng cố, kiện toàn tổ chức, bộ máy, tăng cường cán bộ đủ số lượng, bảo đảm chất lượng; bảo đảm chế độ, chính sách theo quy định; cải thiện điều kiện, phương tiện làm việc của ủy ban kiểm tra các cấp.

II- CHỦ TRƯƠNG VÀ GIẢI PHÁP

1. Tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức của các cấp ủy, tổ chức đảng, ủy ban kiểm tra, trước hết là người đứng đầu cấp ủy về công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng

Tăng cường công tác phổ biến, quán triệt các quy định của Đảng, trước hết là đối với người đứng đầu về vị trí, vai trò, ý nghĩa, tác dụng của công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng; vai trò, trách nhiệm của các cấp ủy trong lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện công tác kiểm tra, giám sát; trách nhiệm của các tổ chức đảng, ủy ban kiểm tra, của cán bộ, đảng viên và nhân dân đối với công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng; tạo được sự chuyển biến thực sự về nhận thức và hành động đối với công tác này.

2. Xây dựng, hoàn thiện các quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước phục vụ công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng

- Sửa đổi, bổ sung, ban hành mới các quy định pháp luật

về chế độ, chính sách cho phù hợp với tình hình thực tế. Ban hành mới các quy định, quy chế về công tác xây dựng Đảng; quy chế phối hợp giữa các tổ chức đảng với các tổ chức nhà nước, đoàn thể chính trị - xã hội trong công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng.

- Thực hiện minh bạch, công khai hóa các chế độ, chính sách để cán bộ, đảng viên và nhân dân giám sát, kiểm tra tổ chức đảng và cán bộ, đảng viên.

3. Đổi mới, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng của cấp ủy, tổ chức đảng, ủy ban kiểm tra các cấp và chi bộ bảo đảm hiệu lực, hiệu quả

- **Cấp ủy các cấp:** Thường xuyên kiểm tra, giám sát việc chấp hành Điều lệ Đảng, chủ trương, nghị quyết, chỉ thị và các quy định của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước nhằm phát hiện nhân tố tích cực để nhân rộng, những chủ trương, chính sách chưa phù hợp để điều chỉnh, ngăn ngừa, hạn chế các sai phạm của tổ chức đảng và đảng viên. Chủ trọng kiểm tra, giám sát việc cụ thể hóa, thể chế hóa đường lối, quan điểm của Đảng. Tập trung kiểm tra, giám sát những nơi thường dễ xảy ra vi phạm như lĩnh vực đầu tư xây dựng cơ bản, quản lý sử dụng đất đai, tài chính, ngân hàng, thương mại; những nơi có dấu hiệu ban hành chủ trương, chính sách trái với nghị quyết, chỉ thị của Đảng, pháp luật của Nhà nước và bao che sai phạm của cấp dưới. Kiểm tra, giám sát người đứng đầu cơ quan quản lý nhà nước ở các cấp về năng lực lãnh đạo, quản lý, về phẩm chất đạo đức, lối sống, về phong cách và tính tiên phong, gương mẫu trong thực hiện nhiệm vụ.

- **Các tổ chức đảng:** Chủ động thực hiện tốt nhiệm vụ kiểm tra, giám sát tổ chức đảng và đảng viên theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao; phối hợp với ủy ban kiểm tra tham mưu, giúp cấp ủy thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát thuộc lĩnh vực được phân công phụ trách và nhiệm vụ cấp ủy giao. Kịp thời phát hiện dấu hiệu vi phạm thuộc lĩnh vực công tác của tổ chức mình và chuyển tổ chức đảng có thẩm quyền xem xét, giải quyết.

- **Ủy ban kiểm tra các cấp:** Tăng cường kiểm tra, giám sát tổ chức đảng cấp dưới và đảng viên, trước hết là cấp ủy viên cùng cấp, cán bộ thuộc diện cấp ủy cấp mình quản lý, chủ động phát hiện và kịp thời kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm. Nâng cao chất lượng kiểm tra, giám sát tài chính của cấp ủy cấp dưới và của cơ quan tài chính cấp ủy cùng cấp để chủ động phòng ngừa, ngăn chặn tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. Qua kiểm tra, giám sát, kịp thời phát hiện các tổ chức trong hệ thống chính trị ban hành các chủ trương trái với nghị quyết, chỉ thị của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, kiến nghị các cơ quan và tổ chức đảng có thẩm quyền nghiên cứu sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành chủ trương, chính sách mới cho phù hợp với thực tế và xem xét trách nhiệm của tổ chức đảng và đảng viên có vi phạm.

- **Chi bộ:** Tăng cường kiểm tra, giám sát đảng viên trong chi bộ. Tập trung giám sát chi ủy, chi ủy viên, đảng viên là cấp ủy viên các cấp, cán bộ thuộc diện cấp ủy cấp trên quản lý sinh hoạt trong chi bộ cả nơi công tác và nơi cư trú. Qua kiểm tra, giám sát, kịp thời phát huy ưu điểm, uốn nắn, khắc phục thiếu sót, khuyết điểm của cán bộ, đảng viên từ khi mới

phát sinh để chủ động phòng ngừa, ngăn chặn xảy ra vi phạm từ trong nội bộ, ngay từ cơ sở.

- Các cấp ủy, tổ chức đảng, ủy ban kiểm tra các cấp phải xây dựng phương hướng, nhiệm vụ, chương trình công tác kiểm tra, giám sát toàn khóa, hàng năm và thực hiện kiểm tra, giám sát theo chương trình, kế hoạch đã đề ra.

- Công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng là công việc của nội bộ Đảng. Những vụ việc trong quá trình kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng khi chưa được phép của cấp ủy, tổ chức đảng, ủy ban kiểm tra các cấp thì tuyệt đối không được cung cấp và công bố trên các phương tiện thông tin đại chúng. Nếu vi phạm quy định trên thì phải xem xét, xử lý trách nhiệm người đứng đầu cơ quan chủ quản, tổng biên tập, phóng viên, cộng tác viên; đồng thời xử lý nghiêm người cung cấp tin khi chưa được phép của tổ chức có thẩm quyền.

- Đẩy mạnh tuyên truyền công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng cả về lý luận, thực tiễn và kinh nghiệm trên các phương tiện thông tin đại chúng, trước hết là trên các tạp chí, các báo của Đảng, đài phát thanh, truyền hình ở Trung ương và địa phương.

- *Đổi mới việc sơ kết, tổng kết* thực hiện công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng của các cấp ủy. Hàng năm, cuối nhiệm kỳ, cấp ủy các cấp từ Trung ương đến cơ sở, trước hết là người đứng đầu cấp ủy phải trực tiếp chỉ đạo tổng kết việc thực hiện công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng ở cấp mình.

4. Hoàn chỉnh quy trình, phương pháp kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng

- Quy trình, phương pháp kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng

của các cấp ủy, tổ chức đảng, ủy ban kiểm tra các cấp phải bảo đảm các nguyên tắc, phương pháp công tác đảng; công khai, dân chủ, cụ thể, dễ thực hiện và được quy chuẩn hóa.

- Cấp ủy, ủy ban kiểm tra các cấp căn cứ quy chế, quy định, quyết định của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư và hướng dẫn của Ủy ban Kiểm tra Trung ương ban hành để vận dụng ban hành quy chế, quy định, quy trình kiểm tra, kỷ luật đảng ở cấp mình cho phù hợp và tổ chức thực hiện có kết quả.

5. Kiện toàn tổ chức bộ máy cơ quan ủy ban kiểm tra và tăng cường cán bộ kiểm tra các cấp bảo đảm tương xứng với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao

- Kiện toàn tổ chức bộ máy cơ quan ủy ban kiểm tra theo mô hình thống nhất từ Trung ương đến cấp quận, huyện và tương đương, bảo đảm hoạt động có hiệu lực, hiệu quả. Trên cơ sở tổng kết Nghị quyết Trung ương 5 khóa IX *Về đổi mới và nâng cao chất lượng hệ thống chính trị ở cơ sở, xã, phường, thị trấn*, cần tăng cường cán bộ kiểm tra chuyên trách cho ủy ban kiểm tra đảng ủy cơ sở xã, phường, thị trấn và những tổ chức cơ sở đảng trong cơ quan, doanh nghiệp có từ 300 đảng viên trở lên.

- Xây dựng, hoàn thiện các quy định và đổi mới công tác tuyển chọn, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bổ nhiệm, đề bạt, bố trí, luân chuyển, sử dụng, khen thưởng để nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ làm công tác kiểm tra, giám sát. Thực hiện luân chuyển cán bộ lãnh đạo, quản lý các ngành, các cấp về làm công tác kiểm tra; chuyển đổi vị trí công tác đối với

cán bộ kiểm tra từ cấp quận, huyện và tương đương trở lên để đào tạo, bồi dưỡng, tạo nguồn cán bộ kiểm tra các cấp. Có chính sách thỏa đáng về nhà ở, chế độ đãi ngộ, phụ cấp nghề... để thu hút những cán bộ có phẩm chất đạo đức, năng lực, tâm huyết, bản lĩnh về làm công tác kiểm tra.

- Xây dựng đội ngũ cán bộ kiểm tra các cấp đủ về số lượng, bảo đảm chất lượng, đủ sức hoàn thành nhiệm vụ; có phẩm chất đạo đức cách mạng, có bản lĩnh chính trị, kinh nghiệm, tính chiến đấu cao, có kỹ năng nghiệp vụ thuần thực, phương pháp công tác khoa học, công tâm, khách quan, sâu sát, thận trọng và ứng xử có văn hóa. Không được lợi dụng vị trí công tác để làm sai chức trách, nhiệm vụ được giao.

- Tiếp tục nâng cao chất lượng tài liệu huấn luyện, giáo trình đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng cho các cấp ủy, lãnh đạo các tổ chức đảng và cán bộ kiểm tra các cấp, đáp ứng tốt yêu cầu công tác kiểm tra, giám sát trên từng vị trí công tác.

6. Tăng cường đầu tư, hiện đại hóa cơ sở vật chất, kỹ thuật, phương tiện làm việc cho công tác kiểm tra, giám sát của Đảng

- Từng bước ứng dụng khoa học - công nghệ, nhất là công nghệ thông tin, gắn với cải cách thủ tục, lề lối làm việc, góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát. Cấp ủy các cấp quan tâm đầu tư, tạo điều kiện về nguồn lực, cơ sở vật chất, kỹ thuật, phương tiện làm việc bảo đảm cho hoạt động của ủy ban kiểm tra các cấp.

- Lập các trang thông tin điện tử để tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng. Thiết lập hệ thống cơ sở dữ liệu về công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật Đảng của toàn Đảng và của ngành kiểm tra đảng.

7. Nâng cao chất lượng công tác nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn về công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng

- Tập trung đầu tư nghiên cứu cả ở tầm vĩ mô và vi mô; nâng cao khả năng dự báo về tình hình vi phạm của tổ chức đảng và đảng viên, nhất là những vi phạm mới do tác động của toàn cầu hóa, cơ chế thị trường, hội nhập kinh tế quốc tế, sự phát triển nhanh chóng của khoa học - công nghệ mới... Chú trọng nghiên cứu các chủ trương, biện pháp, cơ chế, chính sách để chủ động phòng ngừa, ngăn chặn xảy ra vi phạm của tổ chức đảng và đảng viên.

- Tăng cường nghiên cứu, trao đổi kinh nghiệm về công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng với các đảng cộng sản và về giám sát, phản biện xã hội của một số nước trên thế giới.

III- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

- Đảng đoàn Quốc hội, Ban Cán sự Đảng Chính phủ và các cơ quan liên quan trong chương trình xây dựng pháp luật hàng năm cần rà soát, sửa đổi, bổ sung chính sách, pháp luật đáp ứng yêu cầu của tình hình mới.

- Ban Cán sự Đảng Chính phủ chỉ đạo các cơ quan chức năng xây dựng, ban hành quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức.

- Các tỉnh ủy, thành ủy, đảng đoàn, ban cán sự đảng, đảng ủy trực thuộc Trung ương tổ chức nghiên cứu, quán triệt Nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương trong cán bộ, đảng viên; xây dựng chương trình hành động thực hiện nghị quyết một cách cụ thể, thiết thực và phù hợp với điều kiện của địa phương, đơn vị, tổ chức mình; tạo bước chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức và trong thực hiện nhiệm vụ công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng.

- Ban Tuyên giáo Trung ương chủ trì, phối hợp với Ủy ban Kiểm tra Trung ương hướng dẫn và tổ chức tuyên truyền, quán triệt, triển khai thực hiện nghị quyết trong toàn Đảng.

- Ban Tổ chức Trung ương chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan ở Trung ương xây dựng *Quy chế về chế độ tự phê bình và phê bình trong Đảng, Quy chế thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ trong Đảng, Quy chế dân chủ trong Đảng và Quy định về trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy, tổ chức đảng không hoàn thành nhiệm vụ, để cơ quan, đơn vị mình trực tiếp phụ trách xảy ra tham nhũng, tiêu cực, lãng phí.*

Chủ trì, phối hợp với Ủy ban Kiểm tra Trung ương chuẩn bị đề án về tổ chức bộ máy, tăng thêm biên chế cho ủy ban kiểm tra các cấp, trình Bộ Chính trị xem xét, quyết định cho phù hợp với tình hình mới.

- Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam chủ trì, phối hợp với Ban Dân vận Trung ương, Ban Tổ chức Trung ương, Ủy ban Kiểm tra Trung ương và các tổ chức đảng liên quan nghiên cứu xây dựng quy chế và biện pháp thực hiện sự giám sát của nhân dân đối với tổ chức đảng và cán bộ, đảng viên;

phối hợp với các đoàn thể chính trị - xã hội ở Trung ương chỉ đạo ban hành quy định của đoàn thể mình trong việc phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện tốt công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng theo quy định của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

- Ủy ban Kiểm tra Trung ương chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan giúp Bộ Chính trị, Ban Bí thư ban hành *Quy định xử lý kỷ luật đảng viên vi phạm, Quy chế giám sát trong Đảng, Quy chế chất vấn trong Đảng và Quy chế phối hợp giữa ủy ban kiểm tra với các tổ chức đảng có liên quan trong thực hiện công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật của Đảng*; hướng dẫn việc triển khai thực hiện Nghị quyết này, chủ trì, phối hợp với các ban của Đảng theo dõi, đôn đốc việc thực hiện và hằng năm báo cáo Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư kết quả thực hiện.

Nghị quyết này phổ biến đến chi bộ.

T/M BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
TỔNG Bí THƯ

NÔNG ĐỨC MẠNH

Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện*
Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành
Trung ương khóa X, Sđd, tr.69-88.

Bộ Chính trị xin tiếp thu những ý kiến hợp lý để bổ sung, hoàn chỉnh đề án và nghị quyết của Trung ương. Bộ Chính trị xin giải trình một số vấn đề sau:

1. Về phạm vi đề án

Nhiều ý kiến đồng tình với phạm vi của đề án. Tuy nhiên, cũng có ý kiến đề nghị phạm vi của đề án cần bao quát hơn, nên đề cập đến cải cách hành chính cả trong bộ máy nhà nước, bao gồm Quốc hội, Chính phủ, các cơ quan tư pháp và Mặt trận, các đoàn thể chính trị - xã hội. Trong tờ trình của Bộ Chính trị đã nêu rõ trọng tâm của đề án là cải cách hành chính trong hệ thống các cơ quan hành chính nhà nước và có đề cập đến những vấn đề lớn về cải cách hành chính của Quốc hội, Viện Kiểm sát, Toà án nhân dân. Đề án chưa có điều kiện đề cập toàn diện vấn đề cải cách hành chính trong cả hệ thống chính trị. Tiếp thu ý kiến Trung ương, Bộ Chính trị sẽ chỉ đạo triển khai đồng bộ hơn về cải cách hành chính trong các cơ quan của Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội.

2. Về nguyên nhân hạn chế, yếu kém của cải cách hành chính

Có ý kiến cho rằng, *một trong những nguyên nhân của những hạn chế, yếu kém vừa qua là sự lãnh đạo của Đảng trong việc thực hiện cải cách hành chính, nhất là thủ tục hành chính còn thiếu thống nhất, kiên quyết và một phần là do trách nhiệm và quyền hạn của người đứng đầu chưa được quy định rõ.*

BÁO CÁO GIẢI TRÌNH CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 84/TLHN, ngày 13 tháng 7 năm 2007

Tiếp thu ý kiến của Trung ương về Đề án Đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của bộ máy nhà nước

Qua thảo luận, đã có 78 lượt ý kiến phát biểu tại tổ và 10 ý kiến phát biểu tại hội trường. Hầu hết các ý kiến đều tán thành với nội dung của đề án và tờ trình của Bộ Chính trị và cho rằng đề án được chuẩn bị công phu, cấu trúc hợp lý, có tính tổng kết, chủ trương, giải pháp đề ra cụ thể và sát thực tế. Nhiều ý kiến nhấn mạnh kết quả đạt được của cải cách hành chính thời gian qua đã góp phần quan trọng vào thành tựu chung của công cuộc đổi mới và phát triển kinh tế - xã hội; một số ý kiến đề nghị bổ sung thêm về những hạn chế, yếu kém của nền hành chính là sự chồng chéo, trùng lắp chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan hành chính nhà nước và việc thực hiện chưa triệt để việc phân cấp giữa trung ương và địa phương, nhất là phân cấp về nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, tài chính và quản lý cán bộ, công chức.

Bộ Chính trị xin tiếp thu ý kiến xác đáng này của Trung ương và bổ sung vào phần nguyên nhân trong đề án và dự thảo nghị quyết như sau:

- "Sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng trong việc thực hiện cải cách hành chính và thủ tục hành chính còn thiếu thống nhất, chưa kiên quyết; chưa gắn kết đồng bộ giữa cải cách hành chính với đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị và cải cách lập pháp, cải cách tư pháp đã làm cho cải cách hành chính chậm và hiệu quả thấp".

- "Sự chỉ đạo, điều hành của Chính phủ và chính quyền các cấp đối với việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính còn thiếu kiên quyết và chưa được tập trung cao; kỷ luật, kỷ cương trong cải cách hành chính chưa nghiêm; trách nhiệm và quyền hạn của người đứng đầu chưa được quy định rõ".

3. Về mục tiêu của cải cách hành chính

Đề án xác định: Đẩy mạnh cải cách hành chính nhằm mục tiêu tiếp tục xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa; xây dựng một nền hành chính dân chủ, trong sạch, vững mạnh, từng bước hiện đại; đội ngũ cán bộ, công chức có đủ phẩm chất và năng lực; hệ thống các cơ quan nhà nước hoạt động có hiệu lực, hiệu quả, phù hợp với thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập kinh tế quốc tế; đáp ứng tốt yêu cầu phát triển nhanh và bền vững của đất nước.

Có ý kiến cho rằng, mục tiêu nêu như vậy còn quá chung, nên lượng hóa theo thời điểm, ví dụ như mục tiêu về thể chế, về công tác cán bộ từng giai đoạn làm đến đâu, lúc nào thì

thực hiện xong...; cần đưa nội dung liên quan đến cải cách tài chính công vào mục tiêu.

Bộ Chính trị xin được trình bày như sau: Mục tiêu đã nêu trong đề án là mục tiêu chung, cơ bản cần phấn đấu đạt được. Cải cách hành chính có nhiều nội dung, yêu cầu cụ thể nên không thể đưa hết vào mục tiêu chung. Sau khi có nghị quyết Trung ương, Chính phủ sẽ xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình hành động thực hiện nghị quyết Trung ương, trong đó xác định cụ thể thời điểm thực hiện của một số nội dung cơ bản về công tác cán bộ, công chức, về cải cách tiền lương, hiện đại hóa nền hành chính, cải cách tài chính công... Bộ Chính trị đề nghị Trung ương cho giữ mục tiêu như đã trình trong đề án.

4. Về quan điểm

Một số ý kiến cho rằng, cần nhấn mạnh quan điểm cải cách hành chính phải gắn với mục tiêu phát triển ổn định.

Bộ Chính trị xin tiếp thu và thể hiện trong đề án và Nghị quyết Trung ương như sau:

"Các chủ trương, giải pháp cải cách hành chính phải đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Cải cách hành chính phải được tiến hành đồng bộ, vững chắc, có trọng tâm, trọng điểm, phù hợp với điều kiện lịch sử cụ thể và bảo đảm sự phát triển ổn định, bền vững của đất nước".

5. Về yêu cầu

Có ý kiến cho rằng, cần xác định được vai trò, chức năng, nhiệm vụ của Nhà nước trong nền kinh tế thị trường định

hướng xã hội chủ nghĩa. Cơ quan nhà nước làm gì, doanh nghiệp làm gì phải cho rõ.

Về vấn đề này trong đề án đã xác định: Tiếp tục hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ của Chính phủ theo hướng xây dựng hệ thống cơ quan hành pháp thống nhất, thông suốt, hiện đại và đúng với vai trò là cơ quan hành chính nhà nước cao nhất. Chính phủ tập trung làm tốt hơn nữa chức năng quản lý nhà nước trên tất cả các lĩnh vực mà pháp luật đã quy định. Xác định rõ phạm vi và nội dung quản lý nhà nước về kinh tế, xã hội cho phù hợp với yêu cầu phát triển. Làm rõ chức năng quản lý nhà nước của cơ quan hành chính, đẩy mạnh sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp nhà nước mà trọng tâm là cổ phần hóa kể cả các tổng công ty và tập đoàn kinh tế để thu hẹp và tiến tới không còn chức năng đại diện chủ sở hữu của các bộ và ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố đối với doanh nghiệp nhà nước. Bộ Chính trị đề nghị Trung ương cho giữ như đề án.

6. Về khâu đột phá của cải cách hành chính

Nhiều ý kiến đồng tình với các chủ trương và giải pháp để đẩy mạnh cải cách hành chính trong thời gian tới. Cải cách hành chính phải được triển khai đồng bộ trên các lĩnh vực: cải cách thể chế, luật pháp và thủ tục hành chính; cải cách tổ chức bộ máy hành chính; xây dựng và phát triển đội ngũ cán bộ, công chức; cải cách tài chính công; hiện đại hóa nền hành chính. Tuy nhiên, cũng có ý kiến nêu *cần xác định rõ khâu đột phá của cải cách hành chính trong thời gian tới và đề xuất đó là cải cách thủ tục và quy trình hành chính.*

Hiện nay chúng ta đang tập trung chỉ đạo cải cách thủ tục hành chính như là khâu đột phá vì từ đây sẽ chỉ rõ nguyên nhân cụ thể để sửa đổi, bổ sung, chấn chỉnh về thể chế, luật pháp, chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan hành chính nhà nước và cán bộ, công chức. Bộ Chính trị xin tiếp thu ý kiến này và thể hiện trong đề án và nghị quyết như sau:

“4. Tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính

Tập trung đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, xem đây là khâu đột phá để tạo môi trường thuận lợi, minh bạch cho hoạt động của nhân dân và doanh nghiệp. Tiến hành rà soát các thủ tục hành chính trên tất cả các lĩnh vực, chỉ rõ những thủ tục, những quy định sai pháp luật, không phù hợp để kiên quyết sửa đổi…”.

7. Về chủ trương không tổ chức hội đồng nhân dân huyện, quận, phường

Đa số ý kiến đồng tình với chủ trương này. Một số ý kiến đề nghị *không tổ chức hội đồng nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh và giữ hội đồng nhân dân xã, phường*. Có ý kiến đề nghị *bỏ hội đồng nhân dân cấp huyện (huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh) và cả hội đồng nhân dân xã, phường*. Cũng có ý kiến đề nghị *chỉ làm thí điểm phường án mà đề án đã nêu*.

Bộ Chính trị xin được trình bày về vấn đề này như sau: Đa số ý kiến của Trung ương nhất trí với chủ trương không tổ chức hội đồng nhân dân huyện, quận, phường, nhưng đây là vấn đề hệ trọng và không phù hợp với quy định của *Hiến pháp* hiện hành. Bộ Chính trị đề nghị Trung ương cho chủ trương tổ chức thí điểm không tổ chức hội đồng nhân dân huyện, quận, phường. Qua thí điểm, sẽ tổng kết, đánh giá và xem xét thực

hiện chính thức chủ trương này cùng với việc xem xét sửa đổi, bổ sung Hiến pháp.

8. Về tiếp tục cải cách chế độ công vụ, công chức

Một số ý kiến đề nghị *cần nhắc ý không khuyến khích trả lương theo bằng cấp; về chế độ trả lương cho công chức, không thể thực hiện trả lương theo công việc được mà chỉ có thể trả theo thời gian; cần có cơ chế công khai, minh bạch tài sản của công chức đối với từng đối tượng và phạm vi thích hợp*. Có ý kiến đề nghị *cần có chính sách, chế độ thống nhất về xây dựng và sử dụng nhà công vụ; cũng có ý kiến cho rằng việc thực hiện chế độ nhà công vụ là mâu thuẫn với việc tiền tệ hóa tiền lương cán bộ, công chức*.

Việc thực hiện chế độ nhà công vụ không mâu thuẫn với việc tiền tệ hóa tiền lương của cán bộ, công chức. Vấn đề quan trọng là có chính sách, chế độ hợp lý và thống nhất về nhà công vụ để áp dụng trong cả nước. Bộ Chính trị xin tiếp thu ý kiến Trung ương và thể hiện trong đề án và nghị quyết, phần đề cập về những nội dung này như sau:

“Thực hiện cải cách tiền lương và các chế độ, chính sách khác đối với cán bộ, công chức. Tiếp tục thực hiện cải cách chế độ tiền lương, rút gọn bậc trong các thang bậc hiện tại, thực hiện lương chuyên môn cộng phụ cấp để khuyến khích cán bộ, công chức phấn đấu theo con đường chuyên môn, khi không còn giữ chức vụ thì thôi hưởng phần phụ cấp chức vụ. Thực hiện từng bước tiền tệ hóa tiền lương, tính đủ các bộ phận cấu thành lương để cán bộ, công chức sống được bằng lương. Nghiên cứu có chính sách, chế độ thích hợp về nhà ở cho cán bộ, công chức. Nhà nước có chính sách xây dựng và

sử dụng nhà công vụ, quy định rõ chế độ, tiêu chuẩn sử dụng nhà công vụ để áp dụng trong cả hệ thống chính trị...”.

“Bảo đảm sự công khai, minh bạch của nền hành chính... khẩn trương xây dựng các quy định về chế độ công khai, như: công khai thẩm quyền và trách nhiệm của từng cơ quan hành chính... công khai tài sản của cán bộ, công chức, công khai tuyển dụng, bổ nhiệm cán bộ, công chức... theo quy định của pháp luật”.

Cũng có ý kiến đề nghị *thực hiện chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức nên có sự phân biệt giữa thành phố trực thuộc Trung ương và tỉnh*. Bộ Chính trị xin đề nghị Trung ương cho nghiên cứu vấn đề này, chưa nên đưa vào nghị quyết.

9. Về hiện đại hóa nền hành chính

Có ý kiến đề nghị *cần “mã số hóa” thống nhất trên các lĩnh vực, như: mã vùng điện thoại, biển số xe ôtô, xe máy, chứng minh thư nhân dân... của từng tỉnh, thành phố để dễ nhớ và quản lý*.

Bộ Chính trị đề nghị Trung ương cho tiếp thu để nghiên cứu về đề nghị này.

Có ý kiến đề nghị *tiếp tục triển khai đồng bộ và quản lý chặt chẽ Đề án 112 về tin học hóa hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước trong toàn quốc sao cho hiệu quả*.

Bộ Chính trị xin trình bày về vấn đề này như sau: Để khắc phục những yếu kém, triển khai đồng bộ và quản lý có hiệu quả Đề án 112, Thủ tướng Chính phủ đã có quyết định tổ chức lại việc quản lý đề án này, đồng thời đã giao Bộ Bưu chính - Viễn thông chủ trì và phối hợp với các cơ quan có liên

quan xây dựng *Đề án chính phủ điện tử* trình Chính phủ xem xét nhằm triển khai có hiệu quả việc tin học hóa hoạt động của các cơ quan hành chính trong cả nước.

10. Về thí điểm bầu chủ tịch ủy ban nhân dân xã

Có một số ý kiến đề nghị *chưa nên thực hiện cơ chế nhân dân bầu trực tiếp chủ tịch ủy ban nhân dân xã*.

Về vấn đề này Bộ Chính trị xin báo cáo như sau: Đây là vấn đề mới và cũng không phù hợp với Hiến pháp hiện hành, Bộ Chính trị đề nghị Trung ương cho thực hiện thí điểm; trên cơ sở tổng kết thí điểm sẽ xem xét thực hiện chính thức chủ trương này cùng với việc xem xét sửa đổi, bổ sung Hiến pháp.

11. Về vấn đề chuyển một số nhiệm vụ liên quan nhiều đến dân sự do Bộ Công an quản lý cho các bộ chức năng khác quản lý

Có ý kiến băn khoăn *việc chuyển một số nhiệm vụ hiện nay thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an quản lý nhưng liên quan nhiều đến dân sự thì từng bước xây dựng đề án cụ thể để chuyển cho các bộ chức năng khác quản lý*.

Về vấn đề này, Bộ Chính trị xin đề nghị Trung ương cho tiếp thu và thể hiện đúng theo Nghị quyết Trung ương 4 khóa X như sau: "*Đối với một số nhiệm vụ thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an có đủ điều kiện dân sự hóa thì chuyển cho các bộ không thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh quản lý nhằm tập trung hơn nhiệm vụ xây dựng quân đội, công an cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại*. Việc thực hiện chủ trương này phải bảo đảm thận trọng, chặt chẽ và có hiệu quả".

12. Về cải tiến hoạt động chất vấn của đại biểu Quốc hội

Một số ý kiến nêu *cần thay đổi phương pháp chất vấn trong các kỳ họp Quốc hội sao cho phù hợp, có chất lượng với tinh thần xây dựng*.

Bộ Chính trị xin báo cáo về vấn đề này như sau: Hoạt động chất vấn của đại biểu Quốc hội thời gian qua đã có nhiều tiến bộ, kết quả nói chung là tốt, góp phần nâng cao hiệu quả giám sát của Quốc hội, nhưng cá biệt vẫn còn có ý kiến chất vấn chất lượng chưa cao, chưa thể hiện rõ tinh thần xây dựng. Bộ Chính trị xin tiếp thu ý kiến này và thể hiện trong đề án và nghị quyết phân đề cập về Quốc hội như sau:

"*Tiếp tục đổi mới tổ chức và hoạt động của Quốc hội. Hoàn thiện quy chế bầu cử nhằm nâng cao chất lượng đại biểu Quốc hội; tăng hợp lý số lượng đại biểu Quốc hội chuyên trách, phát huy tốt vai trò của đại biểu Quốc hội và đoàn đại biểu Quốc hội; cải tiến hoạt động chất vấn của đại biểu Quốc hội theo hướng nâng cao chất lượng và hiệu quả của công tác giám sát. Tổ chức lại một số ủy ban của Quốc hội...*".

13. Về cơ chế cấp phát ngân sách theo kết quả công việc đối với cơ quan hành chính

Đây là một nội dung thuộc cải cách tài chính công mà đề án đã nêu. *Có ý kiến nêu cơ chế này chưa được làm rõ, khó hiểu và cũng khó thực hiện*.

Bộ Chính trị xin báo cáo Trung ương như sau: Đây là một chủ trương mới nhằm thay thế dần cho cơ chế cấp kinh phí cho cơ quan hành chính chủ yếu dựa vào chỉ tiêu biên chế. Tuy nhiên, vì là cơ chế mới nên đề án cũng chỉ nêu mức độ là thí

điểm việc thực hiện chủ trương này. Bộ Chính trị đề nghị Trung ương cho thí điểm thực hiện cơ chế này đối với cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp dịch vụ công để từng bước thực hiện chủ trương đã được Nghị quyết Đại hội X xác định: “Đổi mới cơ chế quản lý ngân sách theo kết quả thực hiện các công việc được ngân sách cấp kinh phí”.

Bộ Chính trị xin giải trình tiếp thu về một số vấn đề Trung ương nêu lên trong thảo luận Đề án *Đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của bộ máy nhà nước*.

Bộ Chính trị xin trình Trung ương.

BỘ CHÍNH TRỊ

Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện
Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành
Trung ương khóa X, Sđd, tr.141-154.*

NGHỊ QUYẾT HỘI NGHỊ LẦN THỨ NĂM BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG KHÓA X

Số 17-NQ/TW, ngày 1 tháng 8 năm 2007

Về đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của bộ máy nhà nước

Thực hiện đường lối đổi mới, Đảng ta đã có nhiều chủ trương về cải cách hành chính và luôn xác định cải cách hành chính là một khâu quan trọng trong sự nghiệp đổi mới để phát triển đất nước. Các cơ quan nhà nước, trong đó Chính phủ đã ban hành và tổ chức thực hiện nhiều chương trình, kế hoạch để triển khai cải cách hành chính theo các chủ trương, nghị quyết của Đảng, nhất là Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2001 - 2010.

Cải cách hành chính đã đạt những kết quả bước đầu quan trọng, góp phần vào thành tựu chung của đất nước. Hệ thống thể chế, luật pháp tiếp tục được đổi mới và hoàn thiện, hình thành dần cơ chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, đảm bảo ngày càng tốt hơn quyền dân chủ của nhân dân. Chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của các cơ quan trong hệ thống hành chính nhà nước được điều chỉnh,

sắp xếp phù hợp hơn, quản lý nhà nước ngày càng tốt hơn trong điều kiện mới. Chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức trong bộ máy hành chính nhà nước có bước được nâng lên, đáp ứng tốt hơn yêu cầu nhiệm vụ. Thể chế, pháp luật về quản lý tài chính công được tích cực xây dựng và từng bước hoàn thiện. Thủ tục hành chính và hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước có bước đổi mới, hiệu lực, hiệu quả, kỷ luật, kỷ cương được tăng cường hơn.

Tuy nhiên, nền hành chính nhà nước vẫn còn nhiều hạn chế, yếu kém. Hệ thống thể chế, pháp luật, nhất là thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa vẫn còn nhiều bất cập, vướng mắc. Chức năng, nhiệm vụ của một số cơ quan trong hệ thống hành chính nhà nước chưa đủ rõ, còn trùng lặp và chưa bao quát hết các lĩnh vực quản lý nhà nước; cơ cấu tổ chức bộ máy còn cồng kềnh, chưa phù hợp. Chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức chưa đáp ứng kịp yêu cầu; tình trạng quan liêu, tham nhũng, lãng phí còn nghiêm trọng. Thể chế, luật pháp về quản lý tài chính công tuy có nhiều đổi mới, nhưng còn bất cập. Thủ tục hành chính còn nhiều vướng mắc, gây phiền hà cho tổ chức và công dân; kỷ luật, kỷ cương cán bộ, công chức chưa nghiêm; hiệu lực, hiệu quả của quản lý nhà nước còn nhiều yếu kém.

Nguyên nhân chủ yếu của các hạn chế, yếu kém là:

- Chủ trương và nhận thức về một số vấn đề lớn, quan trọng trong sự nghiệp đổi mới nói chung và cải cách hành chính nói riêng còn lúng túng, chưa đủ rõ.
- Sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng trong việc thực hiện cải cách hành chính và thủ tục hành chính còn thiếu thống nhất, chưa kiên quyết; chưa gắn kết đồng bộ

giữa cải cách hành chính với đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị và cải cách lập pháp, cải cách tư pháp, làm cho cải cách hành chính chậm và hiệu quả thấp.

- Sự chỉ đạo, điều hành của Chính phủ và chính quyền các cấp đối với việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính còn thiếu kiên quyết và chưa được tập trung cao; kỷ luật, kỷ cương trong cải cách hành chính chưa nghiêm; trách nhiệm và quyền hạn của người đứng đầu chưa được quy định rõ.

Trong thời gian tới, cải cách hành chính phải được tiếp tục thực hiện toàn diện trên tất cả các lĩnh vực, đảm bảo tuân thủ các mục tiêu, quan điểm, yêu cầu, chủ trương và giải pháp sau:

I- MỤC TIÊU, QUAN ĐIỂM VÀ YÊU CẦU ĐẨY MẠNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

1. Mục tiêu

Đẩy mạnh cải cách hành chính nhằm tiếp tục xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa; xây dựng một nền hành chính dân chủ, trong sạch, vững mạnh, từng bước hiện đại; đội ngũ cán bộ, công chức có đủ phẩm chất và năng lực; hệ thống các cơ quan nhà nước hoạt động có hiệu lực, hiệu quả, phù hợp với thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập kinh tế quốc tế; đáp ứng tốt yêu cầu phát triển nhanh và bền vững của đất nước.

2. Quan điểm

- Cải cách hành chính phải được tiến hành trên cơ sở các nghị quyết và nguyên tắc của Đảng về xây dựng hệ thống chính trị, đổi mới phương thức lãnh đạo và nâng cao vai trò lãnh đạo của Đảng.

- Tiếp tục hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ và quy chế phối hợp để nâng cao vai trò, trách nhiệm của từng cơ quan và cả bộ máy nhà nước. Thực hiện phân công, phân cấp rõ ràng, đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, phục vụ tốt nhất cho nhân dân và chịu sự giám sát chặt chẽ của nhân dân.

- Các chủ trương, giải pháp cải cách hành chính phải đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Cải cách hành chính phải được tiến hành đồng bộ, vững chắc, có trọng tâm, trọng điểm, phù hợp với điều kiện lịch sử cụ thể và bảo đảm sự phát triển ổn định, bền vững của đất nước.

3. Yêu cầu

- Cải cách hành chính phải đáp ứng yêu cầu hoàn thiện nhanh và đồng bộ thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; nâng cao hiệu quả của quá trình hội nhập kinh tế quốc tế; phát huy dân chủ trong đời sống xã hội; huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực và sự tham gia của mọi người dân vào tiến trình phát triển của đất nước.

- Cải cách hành chính nói chung, đặc biệt là cải cách thủ tục hành chính phải bảo đảm tạo thuận lợi nhất cho nhân dân, doanh nghiệp và góp phần tích cực chống quan liêu, phong và chống tham nhũng, lãng phí.

- Xây dựng tổ chức bộ máy hành chính tinh gọn, xác định rõ chức năng, nhiệm vụ, phân định rõ trách nhiệm giữa các cơ quan, giữa các cấp chính quyền, giữa chính quyền đô thị và chính quyền nông thôn, giữa tập thể và người đứng đầu cơ quan hành chính; hoạt động có kỷ luật, kỷ cương và nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước.

- Cải cách hành chính phải đáp ứng yêu cầu xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức có phẩm chất chính trị, trình độ chuyên môn nghiệp vụ, tinh thần trách nhiệm và tận tụy phục vụ nhân dân.

- Cải cách hành chính phải hướng tới xây dựng một nền hành chính hiện đại, ứng dụng có hiệu quả thành tựu phát triển của khoa học - công nghệ, nhất là công nghệ thông tin.

II- CHỦ TRƯƠNG VÀ GIẢI PHÁP

1. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác cải cách hành chính

Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác cải cách hành chính, bảo đảm cải cách hành chính thành công. Sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác cải cách hành chính thể hiện chủ yếu ở các nội dung sau:

- Quyết định các mục tiêu, quan điểm, chủ trương và giải pháp lớn về cải cách hành chính; lãnh đạo công tác tuyên truyền, giáo dục bảo đảm sự nhận thức sâu sắc và thống nhất hành động trong các tổ chức đảng, trong cán bộ, đảng viên về nhiệm vụ cải cách hành chính; lãnh đạo việc xây dựng các thể chế, pháp luật, cơ chế, chính sách, phù hợp với thực tế và chủ trương, nghị quyết của Đảng.

- Quyết định giới thiệu cán bộ, đảng viên có đủ phẩm chất và năng lực để cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước xem xét, bổ nhiệm giữ các chức vụ trong bộ máy nhà nước, thông qua đó bảo đảm việc thực hiện cải cách hành chính theo đúng các chủ trương, quan điểm của Đảng.

- Tăng cường lãnh đạo, kiểm tra, đôn đốc, sơ kết, uốn nắn kịp thời việc thực hiện các chủ trương, nghị quyết của Đảng về công tác cải cách hành chính. Các cấp ủy đảng phải lãnh đạo cơ quan chính quyền xây dựng chương trình, kế hoạch cải cách hành chính, đặc biệt là cải cách thủ tục hành chính phục vụ nhân dân, doanh nghiệp và thông qua kết quả cải cách hành chính mà xem xét, đánh giá, sử dụng cán bộ, đảng viên.

2. Thực hiện đồng bộ cải cách hành chính với cải cách lập pháp, cải cách tư pháp

- Tiếp tục đổi mới tổ chức và hoạt động của Quốc hội. Hoàn thiện quy chế bầu cử nhằm nâng cao chất lượng đại biểu Quốc hội; tăng hợp lý số lượng đại biểu Quốc hội chuyên trách, phát huy tốt vai trò của đại biểu Quốc hội và đoàn đại biểu Quốc hội, cải tiến hoạt động chất vấn của đại biểu Quốc hội theo hướng nâng cao chất lượng và hiệu quả của công tác giám sát. Tổ chức lại một số ủy ban của Quốc hội; nâng cao vai trò và chất lượng hoạt động của Hội đồng Dân tộc và các ủy ban của Quốc hội. Đổi mới hơn nữa quy trình xây dựng luật, giảm mạnh việc ban hành pháp lệnh. Thực hiện tốt hơn nhiệm vụ quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước và chức năng giám sát tối cao của Quốc hội.

Đẩy nhanh tiến độ xây dựng và nâng cao chất lượng văn

bản quy phạm pháp luật, đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước; khắc phục nhanh tình trạng ban hành luật khung, hạn chế tối đa luật phải chờ văn bản hướng dẫn thi hành. Khắc phục tình trạng ban hành luật với những vấn đề chưa đủ rõ và khó hướng dẫn thực hiện. Tính thống nhất của hệ thống pháp luật phải được đề cao, phải được bảo đảm chấp hành nghiêm chỉnh trong thực tiễn của đời sống xã hội và thông qua hoạt động lập pháp và giám sát của Quốc hội.

Các văn bản pháp luật ban hành phải quán triệt tinh thần đẩy mạnh cải cách hành chính; quy định rõ chức năng, nhiệm vụ, trách nhiệm, thẩm quyền của các cơ quan trong bộ máy nhà nước; hạn chế tối đa việc quy định về tổ chức bộ máy ngay trong các luật chuyên ngành và quy định thủ tục hành chính phức tạp, gây phiền hà ngay trong các thể chế pháp luật.

Hoàn thiện cơ chế phối hợp giữa Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng Dân tộc, các ủy ban của Quốc hội với Chính phủ theo hướng thiết thực, hiệu quả; xác định rõ cơ chế giám sát của Quốc hội đối với Chính phủ, các bộ, cơ quan ngang bộ.

- Xây dựng hệ thống cơ quan tư pháp trong sạch, vững mạnh. Đẩy mạnh việc thực hiện chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 theo tinh thần và nội dung Nghị quyết số 49-NQ/TW, ngày 2-6-2005 của Bộ Chính trị. Tiến hành cải cách tư pháp khẩn trương, đồng bộ; lấy cải cách hoạt động xét xử làm trọng tâm; ban hành quy định cụ thể để thực hiện cơ chế công tố gắn với hoạt động điều tra. Xây dựng cơ chế phán quyết về những vi phạm Hiến pháp trong hoạt động lập pháp, hành pháp và tư pháp.

Nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của Tòa án nhân dân tối cao và Viện Kiểm sát nhân dân tối cao. Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính trong các cơ quan tư pháp; mở rộng thẩm quyền xét xử của tòa án đối với các khiếu kiện hành chính; bảo đảm thực hiện nguyên tắc tòa án, thẩm phán xét xử độc lập và chỉ tuân theo pháp luật, tăng cường áp dụng công nghệ thông tin vào hoạt động của các cơ quan tư pháp. Đổi mới quy trình, thủ tục giải quyết công việc của các tòa án; hoàn thiện quy chế tăng cường quan hệ phối hợp giữa các cơ quan tòa án với các cơ quan hành chính, cơ quan điều tra, viện kiểm sát, cơ quan thi hành án. Tiếp tục hoàn thiện cơ chế quản lý ngân sách và tổ chức cán bộ của tòa án các cấp.

Nâng cao phẩm chất, năng lực, trách nhiệm của đội ngũ cán bộ cơ quan tư pháp các cấp để đủ sức phát hiện, xử lý nghiêm minh, đúng pháp luật các loại tội phạm và giải quyết các tranh chấp phát sinh trong xã hội, nhất là ở cấp sơ thẩm, đáp ứng yêu cầu của quá trình hội nhập kinh tế quốc tế.

Tạo điều kiện để phát triển nhanh các tổ chức bổ trợ tư pháp, phục vụ trực tiếp cho hoạt động của các cơ quan tư pháp, đồng thời làm chỗ dựa cho nhân dân và doanh nghiệp tiếp cận hệ thống tư pháp, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp theo quy định của pháp luật.

3. Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện hệ thống thể chế

Tập trung chỉ đạo chặt chẽ và đẩy nhanh việc xây dựng, hoàn thiện hệ thống thể chế, pháp luật, đặc biệt là thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các thể chế về nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

Xác định hợp lý chương trình xây dựng pháp luật dài hạn và ngắn hạn. Nâng cao chất lượng xây dựng luật; xác định rõ quan điểm chỉ đạo của từng văn bản pháp luật cần ban hành. Ban hành các văn bản hướng dẫn thi hành luật đủ cụ thể, rõ ràng, kịp thời, đúng quy định.

Xác định rõ những văn bản pháp luật cần thiết phải có để đáp ứng yêu cầu của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập kinh tế quốc tế; không nhất thiết mỗi lĩnh vực, mỗi ngành phải có một bộ luật riêng. Tiếp tục đổi mới và hoàn thiện quy trình xây dựng pháp luật; có cơ chế hợp lý để nhân dân tham gia ý kiến, nhất là các đối tượng chịu sự điều chỉnh của pháp luật sẽ ban hành. Khi đưa ra lấy ý kiến nhân dân phải được chuẩn bị kỹ, những vấn đề nhạy cảm liên quan đến quan điểm chính trị phải có sự lãnh đạo, chỉ đạo chặt chẽ của Bộ Chính trị.

4. Tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính

Tập trung đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, xem đây là khâu đột phá để tạo môi trường thuận lợi, minh bạch cho hoạt động của nhân dân và doanh nghiệp. Tiến hành rà soát các thủ tục hành chính trên tất cả các lĩnh vực, chỉ rõ những thủ tục, những quy định sai pháp luật, không phù hợp để kiên quyết sửa đổi. Đây là khâu cản trở sự phát triển và gây nhiều bức xúc trong nhân dân, cần tập trung chỉ đạo tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong lĩnh vực này.

Các biện pháp chủ yếu để đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính:

- Giảm đầu mối, bỏ cấp trung gian, hình thành bộ quản lý đa ngành, đa lĩnh vực. Hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ

của Chính phủ, các bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và chính quyền địa phương. Đẩy mạnh vững chắc việc sắp xếp, đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp nhà nước và xã hội hóa một số loại hình dịch vụ công cộng.

- Tiếp tục phân cấp mạnh và giao quyền chủ động hơn nữa cho chính quyền địa phương, nhất là trong việc quyết định về ngân sách, tài chính, đầu tư, nguồn nhân lực, thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với trung ương; đồng thời hoàn thiện thể chế, pháp luật, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển để bảo đảm sự quản lý tập trung, thống nhất của Trung ương.

- Tập trung chỉ đạo rà soát và cải cách mạnh mẽ các thủ tục hành chính, tạo môi trường thuận lợi nhất cho sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp và nhu cầu chính đáng của người dân, như: thành lập, giải thể, phá sản doanh nghiệp; đăng ký kinh doanh và chứng nhận đầu tư; đầu tư xây dựng công trình, dự án và nhà ở; quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản; xuất, nhập khẩu; nộp thuế; hộ tịch, hộ khẩu, giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu, thị thực nhập cảnh; công chứng, chứng thực; thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp...

- Các cấp chính quyền và từng cơ quan hành chính nhà nước khẩn trương rà soát các loại thủ tục hành chính, bãi bỏ hoặc sửa đổi, bổ sung theo thẩm quyền hoặc trình cấp trên xem xét sửa đổi theo hướng tạo thuận tiện cho nhân dân và doanh nghiệp. Xử lý nghiêm những cá nhân và tổ chức tùy tiện đặt ra các quy định trái pháp luật, trái thẩm quyền, gây khó khăn, phiền hà cho nhân dân. Đề cao trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan hành chính trong việc cải cách thủ tục hành chính.

- Công bố công khai các thủ tục (các loại giấy tờ, biểu mẫu) và quy trình giải quyết công việc, thời gian giải quyết, phí và lệ phí theo quy định để nhân dân biết và thực hiện thuận lợi.

- Tiếp tục đẩy mạnh việc thực hiện có hiệu quả cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại các cơ quan hành chính nhà nước và mở rộng áp dụng tại các đơn vị sự nghiệp dịch vụ công như bệnh viện, trường học.

- Chính phủ khẩn trương rà soát, sửa đổi các quy định của mình và chịu trách nhiệm rà soát những thủ tục hành chính đã quy định trong các luật, pháp lệnh, trình Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, sửa đổi cho phù hợp.

5. Xác định rõ chức năng, nhiệm vụ của Chính phủ và các cơ quan hành chính nhà nước

Tiếp tục hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ của Chính phủ theo hướng xây dựng hệ thống cơ quan hành pháp thống nhất, thông suốt, hiện đại và đúng với vai trò là cơ quan hành chính nhà nước cao nhất. Tập trung xây dựng các quy định hướng dẫn thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Chính phủ đầy đủ và cụ thể. Thực hiện nhất quán nguyên tắc: một việc chỉ giao cho một cơ quan, một người chịu trách nhiệm chính.

Chính phủ tập trung thực hiện tốt hơn nữa chức năng quản lý nhà nước trên tất cả các lĩnh vực mà pháp luật đã quy định. Xác định rõ phạm vi và nội dung quản lý nhà nước về kinh tế, xã hội cho phù hợp với yêu cầu phát triển. Tập trung làm tốt hơn việc hoạch định thể chế, cơ chế, chính sách, xây dựng giải pháp, bảo đảm các cân đối lớn và ổn định

kinh tế vĩ mô, cải cách thủ tục hành chính, tạo môi trường pháp lý thuận lợi cho các hoạt động kinh tế, xã hội. Xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch và nâng cao năng lực chỉ đạo tổ chức thực hiện, tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra.

Xây dựng quy chế làm việc của Chính phủ chặt chẽ và thiết thực. Xác định cụ thể nhiệm vụ của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các Phó Thủ tướng và từng thành viên Chính phủ, bảo đảm bao quát hết các chức năng, nhiệm vụ của Chính phủ. Xác định rõ phạm vi và nội dung quản lý nhà nước của cơ quan hành chính nhà nước các cấp.

Đẩy mạnh sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp nhà nước mà trọng tâm là cổ phần hóa, kể cả các tổng công ty và tập đoàn kinh tế, thu hẹp và tiến tới các bộ và ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố không còn thực hiện chức năng đại diện chủ sở hữu đối với doanh nghiệp nhà nước. Làm rõ chức năng quản lý nhà nước của cơ quan hành chính và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các đơn vị sự nghiệp, phân cấp mạnh cho các đơn vị sự nghiệp về sử dụng ngân sách, kinh phí, tuyển dụng và bổ nhiệm cán bộ.

Từ thực tiễn giải quyết đơn, thư khiếu nại của công dân, nghiên cứu việc thành lập tài phán hành chính.

Về cơ cấu tổ chức của Chính phủ:

Tiếp tục hình thành bộ quản lý đa ngành, đa lĩnh vực; giảm phù hợp số đầu mối các bộ, cơ quan ngang bộ; khắc phục tình trạng bô trống hoặc trùng lặp về chức năng, nhiệm vụ giữa các bộ, ngành; không giữ các cơ quan thuộc Chính phủ có chức năng quản lý nhà nước; chỉ duy trì một số cơ quan cần thiết thuộc Chính phủ là đơn vị sự nghiệp.

Tập trung xây dựng các bộ để làm tốt chức năng chủ yếu là xây dựng thể chế, luật pháp, cơ chế, chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển đối với các lĩnh vực được phân công; tổ chức chỉ đạo thực hiện và đôn đốc, kiểm tra, thanh tra việc chấp hành.

Thực hiện phân cấp mạnh và phù hợp hơn về nhiệm vụ từ Chính phủ và các bộ cho chính quyền địa phương, phát huy tinh thần trách nhiệm, tính năng động, sáng tạo của chính quyền địa phương trên cơ sở phân định rõ nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của mỗi cấp trong bộ máy chính quyền, đồng thời xây dựng hành lang pháp lý bảo đảm sự thống nhất quản lý của Nhà nước Trung ương.

Cơ cấu bên trong của các bộ phải được sắp xếp hợp lý, bô cấp trung gian, giảm tầng nấc, thủ tục, xác định rõ chức năng, nhiệm vụ, tránh chồng chéo, nâng cao trách nhiệm của từng bộ phận và đề cao trách nhiệm cá nhân trong thực hiện công việc.

Đối với một số nhiệm vụ thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an có đủ điều kiện dân sự hóa thì chuyển cho các bộ không thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh quản lý nhằm tập trung hơn nhiệm vụ xây dựng quân đội, công an cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại. Việc thực hiện chủ trương này phải bảo đảm thận trọng, chặt chẽ và hiệu quả.

Về chính quyền địa phương:

Khẩn trương xây dựng và đưa vào thực hiện quy hoạch tổng thể đơn vị hành chính các cấp, trên cơ sở đó ổn định cơ bản các đơn vị hành chính ở cả ba cấp tỉnh, huyện, xã. Kiện

toàn thống nhất hệ thống cơ quan chuyên môn của các cấp chính quyền.

Tính thống nhất và thông suốt của hệ thống hành chính nhà nước được bảo đảm trên cơ sở xác định rõ vị trí, trách nhiệm của chính quyền địa phương trong hệ thống cơ quan nhà nước. Chính quyền địa phương được xây dựng, tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc nhà nước đơn nhất, quyền lực của Nhà nước là thống nhất. Theo đó, cần điều chỉnh, bổ sung các quy định để thực hiện nhất quán chủ trương này, đồng thời có cơ chế bảo đảm nguyên tắc xây dựng chính quyền của dân, do dân và vì dân, tăng cường công tác giám sát của cấp ủy, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể đối với hoạt động của chính quyền địa phương.

Tổ chức hợp lý chính quyền địa phương, phân biệt rõ những khác biệt giữa chính quyền nông thôn và chính quyền đô thị:

+ Đối với chính quyền nông thôn:

Không tổ chức hội đồng nhân dân ở huyện; ở huyện có ủy ban nhân dân với tính chất là đại diện của cơ quan hành chính cấp tỉnh để giải quyết các nhiệm vụ về hành chính và các công việc liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của người dân theo quy định của pháp luật. Ủy ban nhân dân huyện tập trung chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra cấp dưới thực hiện chủ trương, chính sách, nghị quyết, kế hoạch của cấp trên. Cơ chế giám sát đối với tổ chức, hoạt động của ủy ban nhân dân huyện được thực hiện thông qua hoạt động giám sát của đại biểu và đoàn đại biểu Quốc hội, hội đồng nhân dân, ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể và giám sát trực tiếp của nhân dân. Kiện toàn cấp ủy huyện để

đáp ứng tốt yêu cầu lãnh đạo toàn diện và lãnh đạo hoạt động của ủy ban nhân dân huyện.

Chính quyền xã có hội đồng nhân dân và ủy ban nhân dân chịu trách nhiệm xây dựng và chỉ đạo thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quản lý ngân sách xã, quản lý nhà nước về các lĩnh vực giáo dục, y tế, đất đai, xây dựng, hộ tịch... trên địa bàn theo quy định của pháp luật. Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ của chính quyền cấp xã, xác định cụ thể các chức danh công chức xã theo hướng ổn định và chuyên sâu về nghiệp vụ.

+ Đối với chính quyền đô thị:

Tổ chức chính quyền đô thị phải bảo đảm tính thống nhất và liên thông trên địa bàn về quy hoạch đô thị, kết cấu hạ tầng (như điện, đường, cấp thoát nước, xử lý rác thải, bảo vệ môi trường) và đời sống dân cư...

Xác định cấp đô thị có hội đồng nhân dân là: hội đồng nhân dân thành phố trực thuộc Trung ương, hội đồng nhân dân thành phố thuộc tỉnh, hội đồng nhân dân thị xã; không tổ chức hội đồng nhân dân ở quận và ở phường. Tại quận, phường có ủy ban nhân dân là đại diện của cơ quan hành chính cấp trên đặt tại địa bàn để thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của pháp luật và phân cấp của chính quyền cấp trên.

Ở huyện, quận, phường không tổ chức hội đồng nhân dân, nhưng có cơ quan hành chính là ủy ban nhân dân để quản lý và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của pháp luật và phân cấp của chính quyền cấp trên. Ủy ban nhân dân huyện, quận, phường bao gồm chủ tịch, các phó chủ tịch và các ủy viên do ủy ban nhân dân cấp trên bổ nhiệm, miễn

nhiệm trên cơ sở xem xét nhân sự do cấp ủy huyện, quận, phường giới thiệu và được cấp có thẩm quyền quản lý cán bộ đồng ý.

Khi thực hiện không tổ chức hội đồng nhân dân ở huyện, quận, phường, cần tăng cường hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương về số lượng, chất lượng đại biểu, về cơ sở vật chất, điều kiện làm việc.

Thực hiện thí điểm việc không tổ chức hội đồng nhân dân huyện, quận, phường. Qua thí điểm sẽ tổng kết, đánh giá và xem xét để có chủ trương sửa đổi, bổ sung Hiến pháp về tổ chức chính quyền địa phương cho phù hợp.

Về thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ và chế độ thủ trưởng trong các cơ quan hành chính:

Chủ tịch ủy ban nhân dân là người đứng đầu cơ quan hành chính, chịu trách nhiệm trước hội đồng nhân dân cùng cấp và cơ quan hành chính cấp trên. Quy định rõ trong luật về thẩm quyền, trách nhiệm của chủ tịch ủy ban nhân dân và tập thể ủy ban nhân dân theo hướng phân định rõ những loại việc bắt buộc phải thảo luận và biểu quyết của ủy ban nhân dân, những loại việc thuộc thẩm quyền quyết định của chủ tịch ủy ban nhân dân.

Người đứng đầu cơ quan hành chính có trách nhiệm đề xuất, giới thiệu nhân sự cấp phó và các thành viên của cơ quan hành chính để cấp ủy có thẩm quyền xem xét, quyết định, sau đó giới thiệu cho cơ quan dân cử để bầu hoặc bổ nhiệm và chịu trách nhiệm về việc đề xuất, giới thiệu của mình.

Chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, chủ tịch ủy ban nhân dân thị xã, thành phố

thuộc tỉnh do hội đồng nhân dân cùng cấp bầu, cấp trên phê chuẩn. Trường hợp cần thay đổi chủ tịch ủy ban nhân dân mà nhân sự là người phải điêu động từ nơi khác đến thì sau khi trao đổi với cấp ủy cùng cấp và được cấp có thẩm quyền quản lý cán bộ đồng ý, Thủ tướng Chính phủ bổ nhiệm chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh, chủ tịch ủy ban nhân dân cấp trên bổ nhiệm chủ tịch ủy ban nhân dân cấp dưới trực tiếp.

Thí điểm việc nhân dân bầu trực tiếp chủ tịch ủy ban nhân dân xã, chủ tịch ủy ban nhân dân cấp trên trực tiếp quyết định phê chuẩn; trên cơ sở tổng kết thí điểm sẽ xem xét thực hiện chính thức chủ trương này cùng với việc xem xét sửa đổi, bổ sung Hiến pháp về việc nhân dân trực tiếp bầu chủ tịch ủy ban nhân dân xã.

6. Tiếp tục cải cách chế độ công vụ, công chức

- Xác định rõ vị trí, cơ cấu và tiêu chuẩn chức danh công chức trong từng cơ quan của Nhà nước để làm căn cứ tuyển dụng và bố trí, sử dụng cán bộ, công chức.

- Làm tốt công tác quy hoạch và thực hiện quy hoạch cán bộ, công chức; thông qua việc đánh giá, phân loại cán bộ, công chức, xác định rõ những người đủ và không đủ tiêu chuẩn. Có chính sách thích hợp đối với những người không đủ tiêu chuẩn phải đưa ra khỏi bộ máy.

- Đổi mới chế độ tuyển dụng và quản lý cán bộ, công chức. Tuyển dụng cán bộ, công chức phải căn cứ vào nhu cầu, vị trí, cơ cấu và tiêu chuẩn chức danh cán bộ, công chức. Thông qua việc thi tuyển, sát hạch, kiểm tra để tuyển dụng cán bộ, công chức đủ phẩm chất và năng lực vào làm việc trong bộ máy.

Khắc phục tình trạng vào cơ quan rồi mới đưa đi đào tạo và chủ yếu là đào tạo tại chức.

Cơ quan quản lý nhà nước về cán bộ, công chức có chức năng tham mưu xây dựng chính sách, pháp luật, kiểm tra, thanh tra việc thực hiện và đánh giá việc thi tuyển, thi nâng ngạch công chức. Thủ trưởng cơ quan hành chính các cấp chịu trách nhiệm kiểm tra, thanh tra việc thực hiện công vụ và chịu trách nhiệm về những vi phạm trong thực thi công vụ của cán bộ, công chức thuộc phạm vi mình quản lý. Cơ quan hành chính quản lý trực tiếp cán bộ, công chức chịu trách nhiệm đánh giá, phân loại cán bộ, công chức. Việc đánh giá, phân loại cán bộ, công chức phải căn cứ vào kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao.

Trong bố trí, phân công nhiệm vụ cho cán bộ, công chức, cần bảo đảm sự ổn định để chuyên môn hóa, đồng thời có sự điều chuyển cần thiết để đào tạo, bồi dưỡng cán bộ và phòng ngừa tiêu cực.

Thực hiện việc thi tuyển đối với một số chức danh lãnh đạo gắn với chuyên môn nghiệp vụ trong bộ máy hành chính nhà nước và các đơn vị sự nghiệp.

- Đổi mới công tác quản lý biên chế.

Đối với các cơ quan nhà nước: Trên cơ sở xây dựng chức danh, tiêu chuẩn, vị trí việc làm và cơ cấu công chức, từng cơ quan nhà nước rà soát lại đội ngũ công chức, đổi chiếu với tiêu chuẩn để bố trí lại cho phù hợp. Tiếp tục thực hiện mạnh chế độ hợp đồng đối với một số loại việc trong các cơ quan nhà nước.

Đối với các đơn vị sự nghiệp dịch vụ công: Căn cứ vào

nhu cầu hoạt động thực tế để xác định số lượng các vị trí việc làm trong từng đơn vị sự nghiệp dịch vụ công. Thực hiện chế độ hợp đồng làm việc trong các đơn vị sự nghiệp dịch vụ công.

- Thực hiện cải cách tiền lương và các chế độ, chính sách khác đối với đội ngũ cán bộ, công chức. Tiếp tục thực hiện cải cách chế độ tiền lương, rút gọn bậc trong các thang, bảng lương hiện tại, thực hiện lương chuyên môn cộng phụ cấp để khuyến khích công chức phấn đấu theo con đường chuyên môn, khi không còn giữ chức vụ thì thôi hưởng phần phụ cấp chức vụ. Thực hiện từng bước tiền tệ hóa tiền lương, tính đủ các bộ phận cấu thành lương để cán bộ, công chức sống được bằng lương. Nghiên cứu có chính sách, chế độ thích hợp về nhà ở cho cán bộ, công chức. Nhà nước có chính sách xây dựng và sử dụng nhà công vụ, quy định rõ chế độ, tiêu chuẩn sử dụng nhà công vụ để áp dụng trong cả hệ thống chính trị. Xây dựng chế độ phụ cấp công vụ đối với cán bộ, công chức hành chính, bao gồm cả cán bộ, công chức đảng, đoàn thể trong hệ thống chính trị.

- Đổi mới công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức.

Đổi mới phương thức và nội dung các chương trình đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức sát với thực tế, hướng vào các vấn đề thiết thực đặt ra từ quá trình thực thi công vụ, nâng cao kỹ năng hành chính. Thông qua đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ và kỹ năng hành chính bảo đảm tính thống nhất trong hoạt động của cơ quan hành chính, nhất là trong giải quyết các yêu cầu của nhân dân, doanh nghiệp. Thực hiện cơ chế đào tạo tiền công vụ và đào tạo, bồi dưỡng trong công vụ theo định kỳ bắt buộc hàng năm; thực hiện chế độ đào tạo, bồi dưỡng trước khi bổ nhiệm.

Coi trọng công tác giáo dục đạo đức và phẩm chất chính trị cho đội ngũ cán bộ, công chức để nâng cao lòng yêu nước, yêu chế độ, niềm tự hào dân tộc và tinh thần trách nhiệm, thái độ phục vụ nhân dân của đội ngũ cán bộ, công chức.

- Giảm cấp phó trong bộ máy.

Để khắc phục tình trạng quá nhiều cấp phó trong cơ quan hành chính, trước hết cần tập trung đổi mới phương thức, lề lối làm việc của các cơ quan; giảm hội họp, phân định rõ trách nhiệm của tập thể và người đứng đầu cơ quan. Từ đó, giảm hợp lý cấp phó trong các cơ quan hành chính nhà nước.

7. Cải cách tài chính công

Phát huy vai trò của Quốc hội và hội đồng nhân dân các cấp trong việc quyết định và giám sát việc thu - chi ngân sách. Tăng cường phân cấp quản lý ngân sách, đồng thời phải bảo đảm tính thống nhất của thể chế, luật pháp về ngân sách nhà nước và vai trò chủ đạo của ngân sách trung ương. Nâng cao tính minh bạch, dân chủ và công khai trong quản lý ngân sách nhà nước. Xây dựng thể chế giám sát tài chính đồng bộ và hiệu quả.

Thí điểm thực hiện cơ chế cấp phát ngân sách theo kết quả công việc thay thế cơ chế cấp kinh phí cho cơ quan hành chính chủ yếu dựa vào chỉ tiêu biên chế đối với cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp dịch vụ công. Tạo thêm động lực đổi mới hoạt động của các cơ quan hành chính, nâng cao trách nhiệm của thủ trưởng cơ quan, khuyến khích, động viên cán bộ, công chức làm việc tích cực, gắn việc hoàn thành nhiệm vụ với tiền lương, tiền thưởng.

Thực hiện cơ chế tổ chức và hoạt động (trong đó có cơ chế tài chính) đổi mới các đơn vị sự nghiệp dịch vụ công theo hướng tự chủ, tự chịu trách nhiệm, thực hiện hạch toán

thu - chi không vì lợi nhuận tối đa và Nhà nước không bao cấp bình quân. Cải cách tài chính công phục vụ cho chủ trương đẩy mạnh xã hội hóa trong các ngành giáo dục, y tế, khoa học và công nghệ, văn hóa, thể dục, thể thao. Phát huy trách nhiệm và tính sáng tạo, chủ động của các đơn vị này nhằm cung cấp các dịch vụ công ngày càng có chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu của nhân dân, đồng thời tạo động lực cho đội ngũ cán bộ, viên chức làm việc. Ban hành cơ chế tài chính thích hợp cho đơn vị sự nghiệp nhà nước đã cổ phần hóa và đơn vị sự nghiệp ngoài công lập; thực hiện thí điểm cổ phần hóa một số đơn vị sự nghiệp công lập.

8. Hiện đại hóa nền hành chính

Đẩy mạnh đào tạo, bồi dưỡng nâng cao tính chuyên nghiệp của bộ máy hành chính, của cán bộ, công chức, đặc biệt là kỹ năng hành chính và áp dụng công nghệ thông tin vào hoạt động của cơ quan hành chính.

Cần quy hoạch và xây dựng công sở theo hướng tập trung và từng bước hiện đại, có đủ điều kiện và phương tiện làm việc, tạo thuận lợi cho người dân khi đến liên hệ và giải quyết công việc.

Từ nay đến năm 2010, khắc phục xong tình trạng một số xã chưa có trụ sở chính quyền hoặc có nhưng ở mức độ chưa đáp ứng được yêu cầu hoạt động của chính quyền cấp xã.

9. Giải quyết tốt mối quan hệ giữa cơ quan hành chính với nhân dân, huy động sự tham gia có hiệu quả của nhân dân và xã hội vào hoạt động quản lý của các cơ quan hành chính nhà nước

Tiếp tục phát huy mạnh mẽ quyền làm chủ của nhân dân.

Quán triệt sâu sắc trong nhận thức và hành động của cả hệ thống cơ quan hành chính nhà nước ý thức phục vụ dân, gần dân, giúp dân, học dân. Khắc phục tình trạng vô trách nhiệm hoặc dùn đẩy khó khăn của cán bộ, công chức cho người dân và doanh nghiệp.

Tập trung cải cách theo hướng đơn giản, minh bạch, công khai về thủ tục hành chính. Coi đây là một giải pháp quan trọng để phòng, chống tham nhũng, khắc phục tiêu cực trong bộ máy hành chính nhà nước. Xây dựng và đưa vào thực hiện các quy định về quyền được thông tin của người dân, tạo điều kiện để người dân tham gia, giám sát hoạt động của cơ quan hành chính.

Xử lý nghiêm các hành vi nhũng nhiễu, gây phiền hà cho dân trong quá trình quản lý hành chính; hạn chế tối đa các oan sai và xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của công dân trong quá trình công chức nhà nước thi hành công vụ; khẩn trương ban hành Luật về bồi thường nhà nước.

Tạo lập cơ sở pháp luật nhằm bảo đảm quyền giám sát trực tiếp của nhân dân đối với hoạt động của bộ máy hành chính, tăng cường các hình thức dân chủ trực tiếp để người dân tham gia vào công việc của Nhà nước ngày càng thực chất và có hiệu quả; đảm bảo cho người dân, tổ chức là đối tượng chịu sự điều chỉnh của pháp luật được tham gia vào quá trình xây dựng pháp luật và thực hiện pháp luật.

Khẩn trương xây dựng các quy định về chế độ công khai, như: công khai thẩm quyền và trách nhiệm của từng cơ quan hành chính; các quy định, quy trình giải quyết công việc, thủ tục hành chính, phí, lệ phí và thời gian giải

quyết công việc; công khai ngân sách, tài chính; công khai báo cáo kiểm toán; công khai tài sản của cán bộ, công chức và tuyển dụng, bổ nhiệm cán bộ, công chức... theo quy định của pháp luật.

10. Nâng cao nhận thức và trách nhiệm của mỗi cán bộ, đảng viên đối với công tác cải cách hành chính

Tăng cường công tác tư tưởng, nâng cao nhận thức và ý thức chấp hành kỷ luật, kỷ cương của tổ chức đảng và đảng viên trong cả hệ thống chính trị về cải cách hành chính, đặc biệt là cải cách thủ tục hành chính.

Xây dựng chương trình hành động thiết thực, cụ thể về cải cách hành chính trong từng cơ quan hành chính nhà nước. Tập trung chỉ đạo thực hiện có trọng tâm, trọng điểm và có sơ kết, uốn nắn trong từng thời gian. Bảo đảm cho công tác cải cách hành chính thật sự là một khâu đột phá trong phát triển kinh tế - xã hội và là một nhiệm vụ trọng tâm thường xuyên của các cấp ủy và cơ quan hành chính nhà nước.

III- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

- Đảng đoàn Quốc hội, Ban Cán sự Đảng Chính phủ, các đảng đoàn, ban cán sự đảng, đảng ủy trực thuộc Trung ương và các tỉnh ủy, thành ủy quán triệt Nghị quyết này trong đảng viên, cán bộ, công chức, xây dựng chương trình hành động và triển khai thực hiện Nghị quyết trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình.

2. Văn phòng Trung ương Đảng và các ban của Đảng theo chức năng, nhiệm vụ phối hợp với các cơ quan liên quan làm tốt công tác kiểm tra, đôn đốc, sơ kết, tổng kết và định kỳ báo cáo việc thực hiện Nghị quyết với Bộ Chính trị.

T/M BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
TỔNG Bí THƯ
NÔNG ĐỨC MẠNH

Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện*
Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành
Trung ương khóa X, Sđd, tr.155-182.

KẾT LUẬN
HỘI NGHỊ LẦN THỨ NĂM
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHÓA X

Số 11-KL/TW, ngày 14 tháng 7 năm 2007

**Về cơ cấu tổ chức Chính phủ nhiệm kỳ
Quốc hội khóa XII**

Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa X họp từ ngày 5-7 đến ngày 14-7-2007 tại Hà Nội, sau khi xem xét và thảo luận Tờ trình số 66/TLHN, ngày 5-7-2007 của Bộ Chính trị về cơ cấu tổ chức Chính phủ nhiệm kỳ Quốc hội khóa XII, kết luận:

1. Đồng ý Tờ trình và Báo cáo giải trình tiếp thu của Bộ Chính trị về cơ cấu tổ chức Chính phủ nhiệm kỳ Quốc hội khóa XII gồm 22 bộ và cơ quan ngang bộ như sau:

- 1- Bộ Quốc phòng
- 2- Bộ Công an
- 3- Bộ Ngoại giao
- 4- Bộ Nội vụ
- 5- Bộ Tư pháp
- 6- Bộ Kế hoạch và Đầu tư
- 7- Bộ Tài chính

- 8- Bộ Công thương
- 9- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
- 10- Bộ Giao thông vận tải
- 11- Bộ Xây dựng
- 12- Bộ Tài nguyên, Môi trường và Biển
- 13- Bộ Thông tin và Truyền thông
- 14- Bộ Lao động - Thương binh và xã hội
- 15- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
- 16- Bộ Khoa học và Công nghệ
- 17- Bộ Giáo dục và Đào tạo
- 18- Bộ Y tế
- 19- Ủy ban Dân tộc
- 20- Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
- 21- Thanh tra Chính phủ
- 22- Văn phòng Chính phủ.

2. Giao Bộ Chính trị căn cứ Kết luận này lãnh đạo việc trình Quốc hội xem xét; trong quá trình Quốc hội thảo luận, nếu có vấn đề cần thiết, Đảng đoàn Quốc hội, Ban Cán sự Đảng Chính phủ báo cáo Bộ Chính trị cho ý kiến trước khi Quốc hội quyết định.

T/M BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
TỔNG Bí THƯ
NÔNG ĐÚC MẠNH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

NGHỊ QUYẾT

HỘI NGHỊ LẦN THỨ NĂM BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHÓA X

Số 12-NQ/TW, ngày 14 tháng 7 năm 2007

Về giới thiệu nhân sự chủ chốt của Nhà nước nhiệm kỳ Quốc hội khóa XII

Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X họp từ ngày 5-7 đến ngày 14-7-2007 tại Hà Nội, sau khi xem xét và thảo luận Tờ trình số 79/TLHN, ngày 11-7-2007 của Bộ Chính trị,

QUYẾT NGHỊ

1. Giới thiệu đồng chí Nguyễn Minh Triết, Ủy viên Bộ Chính trị, Chủ tịch nước khóa XI, đại biểu Quốc hội khóa XII, ứng cử giữ chức Chủ tịch nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam, nhiệm kỳ Quốc hội khóa XII.

2. Giới thiệu đồng chí Nguyễn Tấn Dũng, ủy viên Bộ Chính trị, Thủ tướng Chính phủ khóa XI, đại biểu Quốc hội khóa XII, ứng cử giữ chức Thủ tướng Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam, nhiệm kỳ Quốc hội khóa XII.

3. Giới thiệu đồng chí Nguyễn Phú Trọng, Ủy viên Bộ Chính trị, Chủ tịch Quốc hội khóa XI, đại biểu Quốc hội khóa XII, ứng cử giữ chức Chủ tịch Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam, nhiệm kỳ Quốc hội khóa XII.

4. Giao Bộ Chính trị chỉ đạo Đảng đoàn Quốc hội, các đồng chí đảng viên trong Quốc hội và các đồng chí có tên trên đây thực hiện và lãnh đạo thực hiện Nghị quyết này, bảo đảm việc bầu các chức danh Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ và Chủ tịch Quốc hội tại kỳ họp thứ nhất, Quốc hội khóa XII thành công tốt đẹp, thể hiện sự đoàn kết, thống nhất cao trong toàn Đảng, toàn dân, toàn quân.

T/M BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
TỔNG Bí THƯ
NÔNG ĐỨC MẠNH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

PHÁT BIỂU
CỦA TỔNG Bí THƯ NÔNG ĐỨC MẠNH
BẾ MẠC HỘI NGHỊ LẦN THỨ NĂM
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHÓA X

Ngày 14 tháng 7 năm 2007

Thưa các đồng chí ủy viên Ban Chấp hành Trung ương,

Thưa các đồng chí dự hội nghị,

Sau 10 ngày làm việc khẩn trương, Hội nghị toàn thể lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X đã hoàn thành chương trình đề ra. Các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương đã thể hiện tinh thần trách nhiệm cao, thảo luận dân chủ, sôi nổi và tích cực, góp nhiều ý kiến sâu sắc vào các đề án Bộ Chính trị đã trình. Hội nghị đánh giá cao công tác chuẩn bị, đồng tình với các bản giải trình của Bộ Chính trị và ra nghị quyết về những nội dung đã trình tại hội nghị.

Về công tác tư tưởng, lý luận và báo chí trước yêu cầu mới, chúng ta đều biết công cuộc đổi mới do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo trong hơn 20 năm qua đã đem lại những thắng lợi to lớn và có ý nghĩa lịch sử, đặc biệt là việc thực hiện Nghị quyết Đại hội IX và Đại hội X của Đảng trong những năm gần đây đã đạt được những thành tựu quan

trọng trên các mặt chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh, quốc phòng và đối ngoại. Những thắng lợi đó đã làm cho thế, lực và uy tín của đất nước ta trên trường quốc tế không ngừng được nâng cao; cán bộ, đảng viên và nhân dân phấn khởi, đồng thuận, tin tưởng vào công cuộc đổi mới và triển vọng phát triển của đất nước, vào sự lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước. Những thắng lợi đó đã góp phần đẩy lùi đáng kể những nhận thức lệch lạc, những biểu hiện tiêu cực trong xã hội; làm tăng thêm lòng yêu nước, lòng tự hào dân tộc, tình đoàn kết và tương thân, tương ái của người Việt Nam; phát huy tính năng động, tích cực và sáng tạo của người lao động, cải thiện đáng kể đời sống của nhân dân, làm thay đổi rõ rệt bộ mặt của toàn xã hội. Qua hơn 20 năm đổi mới, từ tổng kết thực tiễn và nghiên cứu lý luận, nhiều vấn đề rất cơ bản về lý luận, về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội đã sáng tỏ hơn, hệ thống các quan điểm lý luận về công cuộc đổi mới đã hình thành trên những nét cơ bản... Tuy nhiên, do tác động từ mặt tiêu cực của kinh tế thị trường, những phức tạp và mặt trái của hội nhập kinh tế quốc tế, sự chống phá của các thế lực thù địch và những hạn chế, yếu kém của chúng ta, tình trạng suy thoái về chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống trong một bộ phận cán bộ, đảng viên ở các cấp và trong một bộ phận nhân dân chưa được khắc phục có hiệu quả. Tệ nạn xã hội chưa được đẩy lùi, gây tâm tư lo lắng và bức xúc cho nhân dân. Trong khi đó, công tác tư tưởng thiếu sắc bén và tính chiến đấu chưa cao; phương pháp thiếu linh hoạt, còn bị động và kém hiệu quả. Công tác lý luận còn lạc hậu trên một số mặt, chưa đáp ứng kịp thời những đòi hỏi của thực tiễn cuộc sống đang vận động

nhanh chóng và phức tạp. Đội ngũ cán bộ làm công tác lý luận còn bất cập so với yêu cầu; công tác lãnh đạo, quản lý các hoạt động lý luận chậm đổi mới. Công tác truyền thông, báo chí có một số mặt yếu kém, khuyết điểm kéo dài chậm được khắc phục.

Trước những yêu cầu mới về xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, công tác tư tưởng, lý luận, báo chí phải góp phần nâng cao trí tuệ, tầm nhìn, phải đổi mới sâu sắc nội dung, phương pháp và mở rộng phạm vi và năng lực hoạt động. Mục tiêu chung của công tác tư tưởng, lý luận, báo chí phải góp phần trực tiếp thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội X của Đảng, sự đồng thuận về chính trị và tinh thần trong nhân dân, giữ vững và mở rộng trận địa tư tưởng của Đảng, bảo vệ và phát triển chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh; phát huy sức mạnh của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, của khối đại đoàn kết toàn dân tộc, nâng cao ý chí và năng lực, phấn đấu thực hiện thành công sự nghiệp đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hội nhập kinh tế quốc tế; góp phần thực hiện có hiệu quả cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên, các tổ chức đảng ngày càng trong sạch, vững mạnh. Công tác tư tưởng, lý luận cần khắc phục những mặt yếu kém; kiên trì tìm tòi, đổi mới mạnh mẽ, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động, góp phần củng cố, phát triển trình độ nhận thức lý luận của toàn Đảng và hệ thống chính trị, khẳng định vai trò tiên phong của Đảng. Công tác báo chí cần khắc phục bằng được những khuyết điểm kéo dài, bảo đảm báo chí là tiếng nói của Đảng, của Nhà nước, của tổ chức chính trị - xã hội và là diễn đàn

của nhân dân dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Đảng, sự quản lý của Nhà nước và hoạt động trong khuôn khổ của pháp luật. Báo chí phải bảo đảm tính tư tưởng, tính trung thực, tính nhân dân, tính chiến đấu và tính đa dạng; có trách nhiệm lớn trong việc hình thành và hướng dẫn dư luận xã hội tích cực, lành mạnh, góp phần tăng cường sự đoàn kết, nhất trí về tư tưởng, chính trị và tinh thần trong nhân dân.

Công tác tư tưởng, lý luận, báo chí cần tập trung làm tốt một số nhiệm vụ chủ yếu, cấp bách: Tổ chức thực hiện có hiệu quả, rộng khắp, thiết thực và có chiều sâu cuộc vận động "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh", gắn chặt với nhiệm vụ xây dựng, chỉnh đốn Đảng và cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, chống suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức và lối sống của cán bộ, đảng viên. Tiếp tục đổi mới nội dung, phương pháp công tác tư tưởng, lý luận, làm rõ một số vấn đề cấp bách còn có những ý kiến khác nhau; cung cấp luận cứ khoa học cho việc xây dựng chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, chuẩn bị bổ sung, phát triển Cương lĩnh của Đảng; khắc phục có hiệu quả những yếu kém, khuyết điểm, đổi mới việc nghiên cứu và tổ chức thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và công tác giáo dục chính trị trong nhà trường. Tiếp tục phát huy ưu điểm của báo chí, khắc phục các yếu kém, khuyết điểm, giải quyết có hiệu quả những vấn đề bức xúc trong chỉ đạo, quản lý và hoạt động của báo chí, tạo cơ sở cho bước phát triển mới của báo chí Việt Nam hiện đại.

Trong những năm qua, công tác kiểm tra Đảng đã góp phần tích cực vào việc thực hiện chủ trương, chính sách, thực

hiện nhiệm vụ xây dựng và chỉnh đốn Đảng; tăng cường kỷ cương, kỷ luật, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh. Nhận thức về công tác kiểm tra và thi hành kỷ luật có chuyển biến tích cực; công tác lãnh đạo, chỉ đạo và triển khai thực hiện nhiệm vụ kiểm tra có tiến bộ rõ rệt. Đội ngũ cán bộ kiểm tra Đảng có bản lĩnh chính trị, trung thành với sự nghiệp cách mạng, giữ gìn phẩm chất đạo đức, lối sống, trình độ chuyên môn nghiệp vụ được nâng lên. Tuy nhiên, qua công tác kiểm tra, kỷ luật Đảng, công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng đạt kết quả chưa được như mong muốn; kỷ cương, kỷ luật ở nhiều cấp, nhiều lĩnh vực không nghiêm; sự đoàn kết, nhất trí ở một số cấp ủy chưa tốt; bệnh cơ hội, chủ nghĩa cá nhân trong một bộ phận cán bộ, đảng viên chưa giảm; sức chiến đấu và năng lực lãnh đạo ở một số tổ chức đảng còn hạn chế.

Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ X đã xác định: "Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, phát huy sức mạnh toàn dân tộc, đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, sớm đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển". Phương hướng đó đòi hỏi công tác xây dựng Đảng, công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng phải được tăng cường với nhận thức và yêu cầu mới. Công tác kiểm tra, giám sát nhằm trước hết là nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng; phòng ngừa, ngăn chặn sự suy thoái về chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên, bảo vệ quan điểm, đường lối của Đảng, tránh các nguy cơ sai lầm về đường lối, quan liêu, xa dân khi Đảng cầm quyền, góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị. Tạo sự chuyển biến mạnh mẽ cả trong nhận thức tư tưởng và hành động của toàn

Đảng đối với công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng, trước hết là trong cấp ủy, đặc biệt là người đứng đầu. Kịp thời phát hiện ưu điểm của tổ chức và đảng viên để phát huy, chỉ rõ thiếu sót, khuyết điểm để uốn nắn, khắc phục và xử lý nghiêm minh khi có vi phạm; góp phần phục vụ việc tổng kết thực tiễn, phát hiện, nhân rộng những nhân tố mới, bổ sung, hoàn thiện và phát triển đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng. Kiểm tra, giám sát là nhiệm vụ thường xuyên của toàn Đảng, trước hết là của cấp ủy. Kiểm tra, giám sát phải gắn chặt với đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng, góp phần xây dựng Đảng vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức, thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị. Kiểm tra, giám sát để chủ động phòng ngừa vi phạm, kết hợp chặt chẽ giữa "xây" và "chống", lấy "xây" là chính. Kiểm tra, giám sát phải dựa vào sự phối hợp của các tổ chức trong hệ thống chính trị và nhân dân.

Để thực hiện được các mục tiêu nói trên, cần tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức của các cấp ủy, tổ chức đảng, ủy ban kiểm tra, trước hết là người đứng đầu cấp ủy về công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng. Xây dựng và hoàn thiện các quy định của Đảng, luật pháp của Nhà nước phục vụ công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng. Đổi mới, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật Đảng của cấp ủy, tổ chức đảng, ủy ban kiểm tra các cấp và chi bộ bảo đảm hiệu lực, hiệu quả. Hoàn thiện quy trình, phương pháp kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng. Kiện toàn tổ chức bộ máy ủy ban kiểm tra, cơ quan ủy ban kiểm tra và tăng cường cán bộ kiểm tra các cấp, bảo đảm tương xứng với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao. Tăng

cường đầu tư, hiện đại hóa cơ sở vật chất, kỹ thuật, phương tiện làm việc, nâng cao chất lượng công tác nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn về công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng.

Đổi mới và hoàn thiện phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động của hệ thống chính trị có ý nghĩa và vai trò quan trọng trong việc giữ vững, tăng cường và nâng cao hiệu quả lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước và toàn xã hội. Trong hơn 20 năm qua, cùng với quá trình đổi mới đất nước, đổi mới và chỉnh đốn Đảng, phương thức lãnh đạo của Đảng đổi với hoạt động của hệ thống chính trị đã có nhiều đổi mới, góp phần quan trọng vào những thành tựu chung của đất nước. Đảng ta nhận thức ngày càng rõ hơn về phương thức lãnh đạo, về ý nghĩa và tầm quan trọng của đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng. Đảng lãnh đạo hệ thống chính trị và toàn xã hội bằng cương lĩnh, nghị quyết, chỉ thị; bằng việc thể chế hóa các cương lĩnh, nghị quyết, chỉ thị; bằng giới thiệu những đảng viên có đủ phẩm chất, năng lực vào các vị trí lãnh đạo chủ chốt của hệ thống chính trị; bằng công tác tuyên truyền, vận động, thuyết phục; bằng tổ chức đảng và sự gương mẫu của đảng viên; bằng kiểm tra, giám sát việc thực hiện nghị quyết, chỉ thị của Đảng, luật pháp, chính sách của Nhà nước đối với tổ chức đảng và đảng viên. Có thể nói, phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động của hệ thống chính trị từ Trung ương đến địa phương đã có nhiều đổi mới và đạt nhiều kết quả quan trọng...

Tuy nhiên, việc đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị trên một số mặt còn chậm và lúng túng. Việc phân định chức năng, nhiệm vụ, trách nhiệm lãnh

đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện giữa cơ quan đảng và cơ quan nhà nước còn chưa cụ thể, rõ ràng. Do đó, có tình trạng cấp ủy bao biện, làm thay hoặc buông lỏng lãnh đạo đối với hoạt động của hệ thống chính trị. Chậm ban hành những quy định cụ thể về phương thức Đảng lãnh đạo Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể; về mối quan hệ công tác giữa các tổ chức trong hệ thống chính trị. Thiếu những quy định cụ thể bảo đảm thực hiện đúng nguyên tắc tập trung dân chủ, thực hành dân chủ trong Đảng và trong xã hội. Chậm đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với công tác tư tưởng, công tác cán bộ; chất lượng công tác tư tưởng, tuyên truyền còn nhiều hạn chế; chậm cụ thể hóa tiêu chuẩn cán bộ trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa cho từng chức danh ở các cấp, các ngành; chất lượng công tác đánh giá, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, luân chuyển, bổ nhiệm cán bộ còn nhiều hạn chế; chính sách đối với cán bộ còn nhiều bất cập; chưa thực sự coi trọng đổi mới phong cách, lề lối làm việc; tình trạng họp nhiều, nói chưa đi đôi với làm, nói nhiều, làm ít, né tránh, dùn đẩy trách nhiệm, thiếu gương mẫu còn diễn ra ở nhiều nơi.

Trong thời gian tới, việc tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động của hệ thống chính trị, trong đó trọng tâm là đổi mới Nhà nước, nhằm giữ vững và tăng cường vai trò lãnh đạo, nâng cao tính khoa học, năng lực và hiệu quả lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước và toàn xã hội, gắn bó mật thiết giữa Đảng với nhân dân; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước, chất lượng hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội; phát huy dân chủ, quyền làm chủ của nhân dân; tăng cường

kỷ luật, kỷ cương trong Đảng và toàn xã hội. Tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động của hệ thống chính trị phải được đặt trong tổng thể nhiệm vụ đổi mới và chỉnh đốn Đảng; tiến hành đồng bộ với đổi mới các mặt công tác xây dựng Đảng, với đổi mới tổ chức và hoạt động của cả hệ thống chính trị, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; đồng bộ với đổi mới kinh tế, xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân; phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, thích ứng với những đòi hỏi của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của đất nước.

Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động của hệ thống chính trị phải trên cơ sở kiên định các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng; thực hiện đúng nguyên tắc tập trung dân chủ; thực hành dân chủ rộng rãi trong Đảng và trong xã hội, đẩy mạnh phân cấp, tăng cường chế độ trách nhiệm cá nhân, nhất là người đứng đầu. Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động của hệ thống chính trị là công việc hệ trọng, đòi hỏi phải chủ động, tích cực, có quyết tâm cao, đồng thời cần thận trọng, có bước đi vững chắc, vừa làm vừa tổng kết, rút kinh nghiệm. Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động của hệ thống chính trị ở mỗi cấp, mỗi ngành vừa phải quán triệt các nguyên tắc chung, vừa phải phù hợp với đặc điểm, yêu cầu, nhiệm vụ lãnh đạo của từng cấp, từng ngành.

Thưa các đồng chí,

Như các đồng chí đã biết, thực hiện đường lối đổi mới, Đảng ta đã có nhiều chủ trương về cải cách hành chính và

tập trung chỉ đạo cải cách thủ tục hành chính là khâu đột phá. Các cơ quan nhà nước, nhất là Chính phủ đã ban hành và tổ chức thực hiện nhiều chương trình, kế hoạch để thực hiện cải cách hành chính theo các chủ trương, nghị quyết của Đảng, nhất là Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2001 - 2010. Cải cách hành chính đã đạt những kết quả tích cực. Qua cải cách, hệ thống thể chế, luật pháp tiếp tục được đổi mới và hoàn thiện, hình thành khá nhanh thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và bảo đảm ngày càng tốt hơn quyền dân chủ của nhân dân. Chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của các cơ quan trong hệ thống hành chính nhà nước được điều chỉnh, sắp xếp phù hợp hơn và bảo đảm ngày càng tốt hơn yêu cầu quản lý nhà nước trong điều kiện mới. Chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức trong bộ máy hành chính nhà nước được nâng lên, đáp ứng tốt hơn yêu cầu nhiệm vụ. Thể chế, luật pháp về quản lý tài chính công được tích cực xây dựng và từng bước hoàn thiện. Thủ tục hành chính và hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước được đổi mới, hiệu lực, hiệu quả và kỷ luật, kỷ cương từng bước được nâng cao.

Tuy nhiên, nền hành chính nhà nước vẫn còn nhiều hạn chế, yếu kém. Hệ thống thể chế, luật pháp, nhất là thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa vẫn còn không ít bất cập, vướng mắc. Chức năng, nhiệm vụ của một số cơ quan trong hệ thống hành chính nhà nước chưa đủ rõ, vẫn còn chồng chéo, bỗn sót và chưa bao quát hết các lĩnh vực quản lý nhà nước; tổ chức bộ máy còn chồng kẽm, chưa phù hợp. Chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức vẫn chưa đáp ứng kịp yêu cầu; tình trạng quan liêu, tham nhũng, lãng phí vẫn

còn nghiêm trọng. Thể chế, luật pháp về quản lý tài chính công tuy có nhiều đổi mới nhưng vẫn còn bất cập và thiếu đồng bộ. Thủ tục hành chính còn nhiều vướng mắc; kỷ luật, kỷ cương chưa nghiêm; hiệu lực, hiệu quả của quản lý nhà nước chưa tương xứng với yêu cầu. Những yếu kém, hạn chế của cải cách hành chính đã làm cản trở tiến trình phát triển nhanh và bền vững của đất nước.

Đẩy mạnh cải cách hành chính trong thời gian tới nhằm tiếp tục xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa; xây dựng một nền hành chính dân chủ, trong sạch, vững mạnh, từng bước hiện đại; đội ngũ cán bộ, công chức có đủ phẩm chất và năng lực; hệ thống các cơ quan nhà nước hoạt động có hiệu lực, hiệu quả, phù hợp với thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập kinh tế quốc tế; đáp ứng tốt yêu cầu phát triển nhanh và bền vững của đất nước. Cải cách hành chính phải được tiến hành trên cơ sở luật pháp, các nghị quyết và nguyên tắc của Đảng về xây dựng hệ thống chính trị, đổi mới phương thức lãnh đạo và nâng cao vai trò lãnh đạo của Đảng và phải gắn liền với mục tiêu phát triển ổn định đất nước. Tiếp tục hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ và quy chế phối hợp để nâng cao vai trò, trách nhiệm của từng cơ quan và cả bộ máy nhà nước. Thực hiện phân công, phân cấp rõ ràng, đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, phục vụ tốt mọi nhu cầu chính đáng, hợp pháp của công dân và chịu sự giám sát chặt chẽ của nhân dân. Các chủ trương, giải pháp cải cách hành chính phải đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Cải cách hành chính phải tiến hành đồng bộ, vững chắc, có trọng tâm, trọng điểm và phù hợp với điều kiện lịch sử cụ thể của nước ta. Cải cách hành chính phải đáp ứng các yêu cầu là hoàn thiện nhanh và đồng bộ thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; nâng cao hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế; phát huy dân chủ trong đời sống xã hội; huy động các nguồn lực và sự tham gia của mọi người vào tiến trình phát triển đất nước. Cải cách hành chính nói chung, đặc biệt là cải cách thủ tục hành chính nói riêng, phải bảo đảm thuận lợi nhất cho người dân, cho các doanh nghiệp và góp phần chống quan liêu, phòng và chống tham nhũng, lãng phí. Xây dựng bộ máy hành chính tinh gọn, xác định rõ chức năng, nhiệm vụ, phân định rạch ròi trách nhiệm giữa các cơ quan, giữa các cấp chính quyền, giữa chính quyền đô thị và chính quyền nông thôn, giữa tập thể và người đứng đầu cơ quan hành chính; hoạt động có kỷ luật, kỷ cương và nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước. Cải cách hành chính phải đáp ứng yêu cầu xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức có phẩm chất chính trị và phẩm chất đạo đức tốt, thành thạo chuyên môn nghiệp vụ, có tinh thần trách nhiệm cao, tận tụy phục vụ nhân dân. Cải cách hành chính phải hướng tới xây dựng một nền hành chính hiện đại, ứng dụng có hiệu quả thành tựu phát triển của khoa học - công nghệ, nhất là công nghệ thông tin.

Để đạt được mục tiêu và yêu cầu nói trên phải tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác cải cách hành chính. Thực hiện đồng bộ cải cách hành chính với cải cách lập pháp và tư pháp. Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện hệ thống thể chế; đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính; xác

định rõ chức năng, nhiệm vụ của Chính phủ và các cơ quan hành chính nhà nước; thực hiện nguyên tắc trung dân chủ và chế độ thủ trưởng trong các cơ quan hành chính. Tiếp tục cải cách chế độ công vụ, công chức, cải cách tài chính công. Hiện đại hóa nền hành chính, giải quyết tốt mối quan hệ giữa cơ quan hành chính với nhân dân, huy động sự tham gia có hiệu quả của nhân dân và xã hội vào hoạt động quản lý của các cơ quan hành chính nhà nước, nâng cao nhận thức và trách nhiệm của mỗi cán bộ, đảng viên đối với công tác cải cách hành chính.

Tại hội nghị lần này, với tinh thần trách nhiệm rất cao của Đảng đối với việc xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa; để bảo đảm nguyên tắc tất cả quyền lực nhà nước đều thuộc về nhân dân, "Nhà nước ta phải có đủ quyền lực và đủ khả năng định ra luật pháp và tổ chức, quản lý mọi mặt đời sống xã hội bằng pháp luật..., có mối liên hệ thường xuyên và chặt chẽ với nhân dân"¹; bảo đảm đổi mới tổ chức và hoạt động của Chính phủ đủ mạnh, đồng bộ, thống nhất, thông suốt, nhanh chóng và hiệu lực, hiệu quả... Ban Chấp hành Trung ương đã xem xét, giới thiệu nhân sự lãnh đạo các cơ quan nhà nước và cơ cấu bộ máy Chính phủ nhiệm kỳ Quốc hội khóa XII để Quốc hội xem xét, bầu, phê chuẩn.

Thưa các đồng chí,

Hội nghị Trung ương lần này đã quyết định nhiều nội dung quan trọng. Nhưng vấn đề có ý nghĩa quan trọng hơn là

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1991, tr.19.

chúng ta phải tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả các nghị quyết của Trung ương. Tôi đề nghị các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương, cấp ủy đảng các cấp, mọi cán bộ và đảng viên cần lãnh đạo và tổ chức thật tốt việc quán triệt và thực hiện các nghị quyết, mau chóng đưa nghị quyết của Đảng vào cuộc sống với những kết quả thiết thực vì mục tiêu đổi mới và hội nhập thắng lợi.

Chúc các đồng chí mạnh khỏe, hạnh phúc.

Tôi xin tuyên bố bế mạc Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X.

Xin trân trọng cảm ơn.

Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện
Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành
Trung ương khóa X, Sđd, tr.183-200.*

**THÔNG BÁO
HỘI NGHỊ LẦN THỨ NĂM
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG KHÓA X**

Thực hiện *Chương trình làm việc toàn khóa* để triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội X của Đảng, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X đã họp Hội nghị lần thứ năm từ ngày 5-7 đến ngày 14-7-2007 tại Thủ đô Hà Nội. Đồng chí Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh chủ trì, khai mạc và bế mạc hội nghị.

Ban Chấp hành Trung ương đã nghe báo cáo và thảo luận các đề án: Công tác tư tưởng, lý luận và báo chí trước yêu cầu mới; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của Đảng; tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động của hệ thống chính trị; đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của bộ máy nhà nước; cơ cấu tổ chức Chính phủ nhiệm kỳ Quốc hội khóa XII; giới thiệu nhân sự lãnh đạo các cơ quan nhà nước để Quốc hội bầu và phê chuẩn; báo cáo những công việc quan trọng Bộ Chính trị đã giải quyết từ sau Hội nghị Trung ương 4 đến Hội nghị Trung ương 5.

Công tác tư tưởng, lý luận, báo chí là một bộ phận quan trọng trong hoạt động của Đảng để xây dựng, củng cố nền

tảng tư tưởng chính trị của Đảng, tuyên truyền, tập hợp nhân dân, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ cách mạng của đất nước. Trong hơn 20 năm đổi mới vừa qua, công tác tư tưởng, lý luận, báo chí đã tích cực tuyên truyền chủ nghĩa Mác - Lenin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, chủ trương của Đảng, luật pháp, chính sách của Nhà nước, làm sáng tỏ hơn nhiều vấn đề lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta; cổ vũ, động viên phong trào thi đua trên mọi lĩnh vực, góp phần tạo nên những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử của đất nước. Tuy nhiên, công tác tư tưởng còn thiếu sắc bén, thiếu tính thuyết phục, tính chiến đấu còn hạn chế. Công tác nghiên cứu lý luận trên một số mặt còn lạc hậu, chưa đáp ứng được đòi hỏi của thực tiễn. Một số yếu kém, khuyết điểm của báo chí chậm được khắc phục, có mặt, có lúc, có nơi còn trầm trọng hơn.

Trong những năm tới, bối cảnh tình hình trong nước và quốc tế đan xen cả thời cơ và thách thức to lớn, công tác tư tưởng, lý luận, báo chí cần phải chủ động, tích cực, tiếp tục đổi mới mạnh mẽ hơn nữa cả nội dung và phương thức hoạt động, nâng cao tính định hướng chính trị, tính thuyết phục, tính hiệu quả, góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội X của Đảng. Tuyên truyền sâu rộng chủ nghĩa Mác - Lenin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, chủ trương của Đảng, luật pháp, chính sách của Nhà nước, những thành tựu của công cuộc đổi mới, những điển hình tiên tiến, bồi dưỡng lòng yêu nước, lý tưởng độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội; củng cố, tăng cường sự thống nhất tư tưởng trong Đảng, sự đồng thuận chính trị trong nhân dân; tăng cường

giáo dục đạo đức cách mạng, thực hiện thắng lợi cuộc vận động "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh" trong toàn Đảng, toàn dân, đặc biệt trong đội ngũ cán bộ, đảng viên và thế hệ trẻ. Đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi những biểu hiện suy thoái chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống, các tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí; phản bác kịp thời các thông tin, quan điểm sai trái, phản động, làm thất bại âm mưu "diễn biến hòa bình" của các thế lực thù địch. Tăng cường công tác nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn, làm sáng tỏ hơn nữa nhận thức lý luận về thời đại, về chủ nghĩa xã hội, con đường đi lên chủ nghĩa xã hội, những vấn đề do thực tiễn đất nước đặt ra, cung cấp cơ sở khoa học cho hoạch định đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước. Để thực hiện thắng lợi những nhiệm vụ đặt ra, cần phải nâng cao nhận thức, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước đối với công tác tư tưởng, lý luận, báo chí; có cơ chế gắn kết chặt chẽ hoạt động tư tưởng, lý luận, báo chí với các hoạt động phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, nâng cao đời sống và phát huy quyền làm chủ của nhân dân; đề cao trách nhiệm của cán bộ, đảng viên, nhất là của tập thể lãnh đạo và người đứng đầu các cơ quan làm công tác tư tưởng, lý luận, báo chí; đổi mới, nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo cán bộ tư tưởng, lý luận, báo chí, đáp ứng yêu cầu của đất nước trong giai đoạn mới. Ban Chấp hành Trung ương đã ban hành Nghị quyết về *Công tác tư tưởng, lý luận và báo chí trước yêu cầu mới*.

Trong những năm qua, nhất là từ khi có Chỉ thị số 29-CT/TW, ngày 14-2-1998 của Bộ Chính trị khóa VIII về *Tăng cường công tác kiểm tra của Đảng*, cùng với các mặt của công

tác xây dựng Đảng, công tác kiểm tra, kỷ luật của Đảng có nhiều đổi mới và đạt được những kết quả quan trọng, góp phần tích cực vào thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị và công tác xây dựng Đảng. Nhận thức, hoạt động của các cấp ủy, tổ chức đảng về công tác kiểm tra có chuyển biến tích cực. Ủy ban kiểm tra các cấp đã chủ động thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, kỷ luật Đảng theo quy định của Điều lệ Đảng và nhiệm vụ do cấp ủy giao; chủ động tham mưu, giúp cấp ủy lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ công tác kiểm tra. Công tác kiểm tra đã góp phần tích cực vào việc ngăn ngừa sự suy thoái về tư tưởng chính trị, phẩm chất đạo đức, lối sống, tình trạng quan liêu, tham nhũng, lãng phí trong một bộ phận cán bộ, đảng viên, tạo sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng, xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh. Tuy nhiên, công tác kiểm tra của Đảng vẫn còn yếu, chất lượng, hiệu quả kiểm tra chưa cao; nhiều khuyết điểm, sai phạm của đảng viên và tổ chức đảng chậm được phát hiện và khắc phục; công tác kiểm tra thực hiện nghị quyết, chỉ thị của Đảng, kiểm tra, phòng ngừa, phát huy nhân tố tích cực chưa được nhiều.

Đại hội X của Đảng đã bổ sung chức năng giám sát cho cấp ủy, tổ chức đảng và ủy ban kiểm tra đảng các cấp và xác định cần phải tăng cường công tác kiểm tra, giám sát với nhận thức và yêu cầu mới, góp phần tích cực vào thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị, công tác xây dựng Đảng do Đại hội X của Đảng đề ra. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát nhằm phòng ngừa sự suy thoái về chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống, quan liêu, tham nhũng, lãng phí, góp phần bảo vệ quan điểm, đường lối của Đảng, tránh các nguy cơ sai lầm về đường lối, quan liêu, xa dân của đảng cầm quyền, nâng

cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng. Kịp thời phát hiện những nhân tố mới, các ưu điểm của tổ chức đảng, đảng viên để phát huy, bảo vệ, bổ sung, hoàn thiện đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước; những khuyết điểm, thiếu sót để uốn nắn, khắc phục và xử lý nghiêm minh khi có vi phạm. Để thực hiện tốt các nhiệm vụ đề ra, cần tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức của các cấp ủy, tổ chức đảng, ủy ban kiểm tra các cấp, trước hết của người đứng đầu cấp ủy về công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng; xây dựng, hoàn thiện các quy định của Đảng và Nhà nước phục vụ công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng; đổi mới, tăng cường, nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật của cấp ủy, tổ chức đảng, ủy ban kiểm tra các cấp và chi bộ; hoàn chỉnh quy trình, phương pháp kiểm tra, giám sát của Đảng; kiện toàn tổ chức bộ máy ủy ban kiểm tra, cơ quan ủy ban kiểm tra và tăng cường cán bộ kiểm tra các cấp tương xứng với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao; nâng cao chất lượng công tác nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn về công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng; tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, kỹ thuật, phương tiện làm việc cho công tác kiểm tra, giám sát của Đảng. Ban Chấp hành Trung ương đã ban hành Nghị quyết về *Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của Đảng*.

Trong hơn 20 năm qua, cùng với quá trình đổi mới đất nước, đổi mới, chỉnh đốn Đảng, Đảng ta nhận thức ngày càng rõ hơn về phương thức lãnh đạo và ý nghĩa, tầm quan trọng của việc đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng. Phương thức lãnh đạo của Đảng đổi mới với hoạt động của hệ thống chính trị từ trung ương đến địa phương đã có nhiều đổi mới và đạt

được nhiều kết quả quan trọng. Những đổi mới đó đã góp phần nâng cao hơn hiệu quả lãnh đạo của Đảng, đồng thời phát huy tốt hơn vai trò quản lý của Nhà nước, nâng cao hơn chất lượng hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể, đóng góp tích cực vào thành tựu chung của đất nước. Tuy nhiên, việc đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động của hệ thống chính trị còn chậm và lúng túng. Vẫn còn tình trạng cấp ủy bao biện, làm thay hoặc buông lỏng lãnh đạo đối với một số hoạt động của hệ thống chính trị. Chậm ban hành nhiều quy định cụ thể về phương thức Đảng lãnh đạo Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể. Phương thức lãnh đạo của Đảng đối với công tác tư tưởng, công tác cán bộ đổi mới chậm; chưa thực sự coi trọng đổi mới phong cách, lề lối làm việc, tình trạng họp nhiều, nói chưa đi đôi với làm, né tránh, dùn đẩy trách nhiệm... còn diễn ra ở nhiều nơi.

Trước yêu cầu của tình hình và nhiệm vụ của đất nước trong thời kỳ mới, Đại hội X của Đảng đề ra nhiệm vụ tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động của hệ thống chính trị. Mục tiêu đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động của hệ thống chính trị nhằm giữ vững và tăng cường vai trò lãnh đạo, nâng cao tính khoa học, năng lực và hiệu quả lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước và toàn xã hội, sự gắn bó mật thiết giữa Đảng với nhân dân; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước, chất lượng hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội; phát huy dân chủ, quyền làm chủ của nhân dân; tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong Đảng và trong xã hội để nước ta phát triển nhanh, bền vững theo định hướng xã hội

chủ nghĩa. Việc tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động của hệ thống chính trị thực hiện theo các quan điểm: Nhiệm vụ này phải đặt trong tổng thể của nhiệm vụ đổi mới, chỉnh đốn Đảng, tiến hành đồng bộ với đổi mới các mặt của công tác xây dựng Đảng, đổi mới tổ chức hoạt động của cả hệ thống chính trị, đồng bộ với xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hội nhập kinh tế quốc tế; phải trên cơ sở kiên định các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng, thực hiện đúng nguyên tắc tập trung dân chủ, thực hiện dân chủ rộng rãi trong Đảng và trong xã hội, đẩy mạnh phân cấp, tăng cường trách nhiệm cá nhân, nhất là của người đứng đầu; đây là công việc hệ trọng, đòi hỏi vừa phải chủ động, tích cực, đồng thời cần thận trọng, có bước đi vững chắc, vừa làm, vừa tổng kết, rút kinh nghiệm; mỗi cấp, mỗi ngành vừa quán triệt các nguyên tắc chung, vừa phải phù hợp với đặc điểm, yêu cầu, nhiệm vụ riêng của mình. Theo mục tiêu và những quan điểm đó, Ban Chấp hành Trung ương đã thảo luận và quyết định nhiều nội dung cụ thể trong việc tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước (Chủ tịch nước, Quốc hội, Chính phủ, các cơ quan tư pháp), Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội, đổi mới trong công tác cán bộ, đổi mới phong cách, lề lối làm việc và tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của cấp ủy đối với hoạt động của hệ thống chính trị ở địa phương. Ban Chấp hành Trung ương đã ban hành Nghị quyết về *Tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động của hệ thống chính trị*.

Trong hơn 20 năm qua, nhất là từ năm 2001 đến nay, công tác cải cách hành chính đã được tập trung triển khai thực hiện đồng bộ trên các lĩnh vực: thể chế, tổ chức bộ máy, xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, tài chính công và từng bước hiện đại hóa nền hành chính. Hệ thống thể chế, luật pháp tiếp tục được đổi mới và hoàn thiện, cơ chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa hình thành trên những nét cơ bản và bảo đảm ngày càng tốt hơn quyền làm chủ của nhân dân. Chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của các cơ quan trong hệ thống hành chính nhà nước được điều chỉnh, sắp xếp phù hợp hơn và bảo đảm ngày càng tốt hơn các yêu cầu quản lý nhà nước trong điều kiện mới. Chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức trong bộ máy hành chính nhà nước có bước được nâng lên, đáp ứng tốt hơn yêu cầu nhiệm vụ. Thể chế, luật pháp, chính sách tài chính công được xây dựng tích cực và từng bước hoàn thiện. Thủ tục hành chính và hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước được đổi mới, hiệu lực, hiệu quả và kỷ luật, kỷ cương có bước được nâng lên. Tuy nhiên, hệ thống thể chế, luật pháp, nhất là thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa còn không ít bất cập, vướng mắc; chức năng, nhiệm vụ của một số cơ quan hành chính nhà nước chưa đủ rõ, còn trùng dẫm, chưa bao quát hết các lĩnh vực quản lý nhà nước; bộ máy tổ chức còn công kẽm, chưa thật phù hợp. Chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức chưa đáp ứng được yêu cầu; tình trạng quan liêu, tham nhũng, lăng phí còn nghiêm trọng. Thể chế, luật pháp về quản lý tài chính công vẫn còn bất cập. Thủ tục hành chính còn nhiều vướng mắc, kỷ luật, kỷ cương chưa nghiêm, hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước chưa tương xứng với yêu cầu.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội X của Đảng, trong những năm tới, công tác cải cách hành chính phải được tiếp tục thực hiện toàn diện trên tất cả các lĩnh vực: cải cách thể chế, luật pháp và thủ tục hành chính; cải cách tổ chức bộ máy hành chính; xây dựng và phát triển đội ngũ cán bộ, công chức; cải cách tài chính công; hiện đại hóa nền hành chính với mục tiêu: Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, xây dựng nền hành chính dân chủ, trong sạch, vững mạnh, từng bước hiện đại, đội ngũ cán bộ, công chức có đủ phẩm chất và năng lực, hệ thống cơ quan nhà nước hoạt động có hiệu lực, hiệu quả, phù hợp với thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập kinh tế quốc tế, đáp ứng tốt yêu cầu phát triển nhanh và bền vững của đất nước. Để thực hiện được mục tiêu và các nhiệm vụ đó, một số chủ trương và giải pháp chủ yếu được đề ra là: Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác cải cách hành chính; thực hiện đồng bộ cải cách hành chính với cải cách lập pháp, cải cách tư pháp; tiếp tục xây dựng và hoàn thiện hệ thống thể chế; tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính; xác định rõ chức năng, nhiệm vụ của Chính phủ và các cơ quan hành chính nhà nước; tiếp tục cải cách chế độ công chức, công vụ; cải cách tài chính công; hiện đại hóa nền hành chính; giải quyết tốt quan hệ giữa cơ quan hành chính nhà nước với nhân dân; huy động sự tham gia có hiệu quả của nhân dân và xã hội vào hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước; nâng cao nhận thức và trách nhiệm của mỗi cán bộ, đảng viên đối với công tác cải cách hành chính. Ban Chấp hành Trung ương đã ban hành Nghị quyết về *Đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của bộ máy nhà nước*.

Ban Chấp hành Trung ương đã xem xét cơ cấu tổ chức Chính phủ nhiệm kỳ Quốc hội khóa XII và quyết định việc giới thiệu nhân sự lãnh đạo các cơ quan nhà nước để Quốc hội bầu và phê chuẩn; xem xét báo cáo những công việc quan trọng Bộ Chính trị đã giải quyết từ sau Hội nghị Trung ương 4 đến Hội nghị Trung ương 5.

Ban Chấp hành Trung ương kêu gọi toàn Đảng, toàn dân, toàn quân tăng cường đoàn kết, thống nhất tư tưởng và hành động, nỗ lực phấn đấu, tích cực triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội X của Đảng, nghị quyết các Hội nghị lần thứ ba, thứ tư, thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa X, thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ do Nghị quyết Đại hội, các hội nghị Trung ương đề ra, đưa sự nghiệp đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc của nhân dân ta vững bước tiến lên; trước mắt là chuẩn bị tốt để tổ chức thành công kỳ họp thứ nhất Quốc hội khóa XII, đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước, lập thành tích chào mừng kỷ niệm 62 năm Cách mạng Tháng Tám và Quốc khánh 2-9, các hoạt động đền ơn đáp nghĩa nhân kỷ niệm 60 năm Ngày Thương binh - liệt sĩ, hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2007, tạo tiền đề cho sự phát triển mạnh mẽ, vững chắc của đất nước những năm tiếp theo.

Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện*
Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành
Trung ương khóa X, Sđd, tr.201-212.

THÔNG BÁO KẾT LUẬN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 86-TB/TW, ngày 16 tháng 7 năm 2007

Về việc giới thiệu nhân sự lãnh đạo các cơ quan nhà nước nhiệm kỳ Quốc hội khóa XII

Sau khi tham khảo kết quả lấy ý kiến của các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương tại Hội nghị Trung ương 5 khóa X về nhân sự lãnh đạo các cơ quan nhà nước nhiệm kỳ Quốc hội khóa XII, chiều ngày 14-7-2007, Bộ Chính trị đã họp và đồng ý giới thiệu nhân sự lãnh đạo các cơ quan nhà nước thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Chính trị, ứng cử để Quốc hội khóa XII bầu hoặc phê chuẩn tại kỳ họp thứ nhất, cụ thể như sau:

I- Phó Chủ tịch nước, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao

- 1- Phó Chủ tịch nước: Đồng chí Nguyễn Thị Doan
- 2- Chánh án Tòa án nhân dân tối cao: Đồng chí Trương Hoà Bình
- 3- Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao: Đồng chí Trần Quốc Vượng.

II- Phó Chủ tịch Quốc hội

- 1- Đồng chí Tòng Thị Phóng
- 2- Đồng chí Nguyễn Đức Kiên
- 3- Đồng chí Uông Chu Lưu
- 4- Đồng chí Huỳnh Ngọc Sơn.

III- Các thành viên khác của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

- 1- Chủ tịch Hội đồng Dân tộc: Đồng chí Ksor Phước
- 2- Chủ nhiệm Ủy ban Pháp luật: Đồng chí Nguyễn Văn Thuận
- 3- Chủ nhiệm Ủy ban Tư pháp: Đồng chí Lê Thị Thu Ba
- 4- Chủ nhiệm Ủy ban Kinh tế: Đồng chí Hà Văn Hiền
- 5- Chủ nhiệm Ủy ban Tài chính - Ngân sách: Đồng chí Phùng Quốc Hiển
- 6- Chủ nhiệm Ủy ban Quốc phòng - An ninh: Đồng chí Lê Quang Bình
- 7- Chủ nhiệm Ủy ban Văn hóa, giáo dục, thanh niên, thiếu niên và nhi đồng: Đồng chí Đào Trọng Thi
- 8- Chủ nhiệm Ủy ban Khoa học - Công nghệ và Môi trường: Đồng chí Đặng Vũ Minh
- 9- Chủ nhiệm Ủy ban về các vấn đề xã hội: Đồng chí Trương Thị Mai
- 10- Chủ nhiệm Ủy ban Đối ngoại: Đồng chí Nguyễn Văn Son
- 11- Ủy viên Thường vụ Quốc hội phụ trách công tác đại biểu: Đồng chí Phạm Minh Tuyên
- 12- Ủy viên Thường vụ Quốc hội phụ trách công tác dân nguyện: Đồng chí Trần Thế Vượng

- 13- Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội: Đồng chí Trần Đình Đàm

IV- Các Phó Thủ tướng Chính phủ

- 1- Đồng chí Nguyễn Sinh Hùng
- 2- Đồng chí Phạm Gia Khiêm
- 3- Đồng chí Trương Vĩnh Trọng
- 4- Đồng chí Hoàng Trung Hải
- 5- Đồng chí Nguyễn Thiện Nhân.

V- Các bộ trưởng và thủ trưởng cơ quan ngang bộ

- 1- Bộ trưởng Bộ Quốc phòng: Đồng chí Phùng Quang Thanh
- 2- Bộ trưởng Bộ Công an: Đồng chí Lê Hồng Anh
- 3- Bộ trưởng Bộ Ngoại giao: Đồng chí Phạm Gia Khiêm
- 4- Bộ trưởng Bộ Nội vụ: Đồng chí Trần Văn Tuấn
- 5- Bộ trưởng Bộ Tư pháp: Đồng chí Hà Hùng Cường
- 6- Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư: Đồng chí Võ Hồng Phúc
- 7- Bộ trưởng Bộ Tài chính: Đồng chí Vũ Văn Ninh
- 8- Bộ trưởng Bộ Công thương: Đồng chí Vũ Huy Hoàng
- 9- Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Đồng chí Cao Đức Phát
- 10- Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải: Đồng chí Hồ Nghĩa Dũng
- 11- Bộ trưởng Bộ Xây dựng: Đồng chí Nguyễn Hồng Quân
- 12- Bộ trưởng Bộ Tài nguyên, Môi trường và Biển: Đồng chí Phạm Khôi Nguyên
- 13- Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông: Đồng chí Lê Doãn Hợp
- 14- Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội: Đồng chí Nguyễn Thị Kim Ngân

15- Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch: Đồng chí
Hoàng Tuấn Anh

16- Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ: Đồng chí
Hoàng Văn Phong

17- Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo: Đồng chí Nguyễn
Thiện Nhân

18- Bộ trưởng Bộ Y tế: Đồng chí Nguyễn Quốc Triệu

19- Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc: Đồng chí
Giàng Seo Phủ

20- Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam: Đồng chí
Nguyễn Văn Giàu

21- Tổng Thanh tra Chính phủ: Đồng chí Trần Văn
Truyền

22- Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ: Đồng
chí Nguyễn Xuân Phúc.

Bộ Chính trị giao Đảng đoàn Quốc hội, Ban Cán sự Đảng
Chính phủ căn cứ Thông báo kết luận này lãnh đạo việc
trình Quốc hội xem xét, quyết định; trong quá trình Quốc hội
thảo luận, nếu có vấn đề cần thiết, Đảng đoàn Quốc hội, Ban
Cán sự Đảng Chính phủ báo cáo Bộ Chính trị cho ý kiến
trước khi Quốc hội quyết định.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
TỔNG Bí THU

NÔNG ĐỨC MẠNH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN Bí THU**

Số 72-QĐ/TW, ngày 15 tháng 8 năm 2007

**Kết thúc hoạt động của Hội đồng lý luận,
phê bình văn học, nghệ thuật Trung ương
nhiệm kỳ Đại hội IX (2003 - 2007)**

- Căn cứ Điều lệ Đảng;
- Căn cứ Thông báo kết luận số 84-TB/TW, ngày 27-6-2007
của Ban Bí thư Trung ương về Hội đồng lý luận, phê bình
văn học, nghệ thuật Trung ương nhiệm kỳ Đại hội IX;
- Theo đề nghị của Ban Tuyên giáo Trung ương và Ban
Tổ chức Trung ương,

BAN Bí THU QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Kết thúc hoạt động của Hội đồng lý luận, phê
bình văn học, nghệ thuật Trung ương nhiệm kỳ Đại hội IX
(được thành lập theo Quyết định số 81-QĐ/TW, ngày 10-9-
2003 của Ban Bí thư Trung ương Đảng khóa IX).

Điều 2. Ban Tuyên giáo Trung ương chỉ đạo Hội đồng lý
luyện, phê bình văn học, nghệ thuật Trung ương nhiệm kỳ Đại

hội IX tổ chức tổng kết, đánh giá ba năm hoạt động của Hội đồng để rút kinh nghiệm cho khóa sau; phối hợp với Ban Tổ chức Trung ương xây dựng Đề án thành lập Hội đồng lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật nhiệm kỳ Đại hội X (2007 - 2011) theo Thông báo kết luận số 84-TB/TW, ngày 27-6-2007 của Ban Bí thư.

Điều 3. Ban Tuyên giáo Trung ương, Ban Tổ chức Trung ương và các thành viên trong Hội đồng lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật Trung ương (khóa IX) có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

T/M BAN Bí THƯ
TRƯỞNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUYẾT ĐỊNH CỦA BAN Bí THƯ

Số 76-QĐ/TW, ngày 21 tháng 8 năm 2007

**Thành lập Đoàn kiểm tra việc thực hiện
Nghị quyết 10-NQ/TW của Bộ Chính trị
về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm
quốc phòng, an ninh vùng Tây Nguyên
thời kỳ 2001 - 2010**

- Căn cứ Điều lệ Đảng và Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư khóa X;
- Căn cứ Chương trình kiểm tra của Bộ Chính trị, Ban Bí thư năm 2007;
- Xét đề nghị của Ban Chỉ đạo Tây Nguyên,

BAN Bí THƯ QUYẾT ĐỊNH:

- Điều 1.** Thành lập Đoàn kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết 10-NQ/TW của Bộ Chính trị, gồm các đồng chí:
- 1- Đồng chí Lê Hồng Anh, Ủy viên Bộ Chính trị, Bộ trưởng Bộ Công an, Trưởng Ban Chỉ đạo Tây Nguyên, Trưởng đoàn;

2- Đồng chí Mai Văn Năm, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó trưởng ban Thường trực Ban Chỉ đạo Tây Nguyên, Phó trưởng Đoàn;

3- Đồng chí Y Ly Niê Kđăm, Phó Trưởng Ban Chỉ đạo Tây Nguyên, Thành viên;

4- Đồng chí Nguyễn Vĩ Hà, Phó Trưởng Ban Chỉ đạo Tây Nguyên, Thành viên;

5- Đồng chí Phan Trung Kiên, Ủy viên Trung ương Đảng, Thượng tướng, Thứ trưởng Bộ Quốc phòng, Thành viên;

6- Đồng chí Nguyễn Tuấn Khanh, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Trưởng Ban Tổ chức Trung ương, Thành viên;

7- Đồng chí Kiều Đình Thụ, Phó Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ, Thành viên;

8- Đồng chí Phạm Chí Hòa, Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Thành viên;

9- Đồng chí Nguyễn Bích Đạt, Thứ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Thành viên;

10- Đồng chí Hồ Xuân Hùng, Thứ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thành viên;

11- Đồng chí Hà Hùng, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc, Thành viên;

12- Đồng chí Đinh Hữu Cường, Phó Trưởng Ban Dân vận Trung ương, Thành viên;

13- Đồng chí Trần Hữu Thắng, Thứ trưởng Bộ Nội vụ, Thành viên;

14- Đồng chí Dương Thành Bắc, Phó Chánh Văn phòng Trung ương Đảng, Thành viên;

15- Đồng chí Nguyễn Thanh Xuân, Phó Trưởng Ban Tôn giáo Chính phủ, Thành viên;

16- Đồng chí Đinh Hồng Đe, Thiếu tướng, Phó Tư lệnh Bộ đội Biên phòng, Thành viên;

17- Đồng chí Nông Văn Lưu, Thiếu tướng, Phó Tổng cục trưởng Tổng cục An ninh, Bộ Công an, Thành viên.

Điều 2. Đoàn kiểm tra có nhiệm vụ tổ chức thực hiện các nội dung nêu trong Chương trình kiểm tra của Bộ Chính trị, Ban Bí thư năm 2007 (Chương trình số 37-CTr/TW, ngày 26-3-2007).

Các Tỉnh ủy: Kon Tum, Gia Lai, Đăk Lăk, Đăk Nông, Lâm Đồng, các ban đảng, ban cán sự đảng: Ban Tổ chức Trung ương, Ban Dân vận Trung ương, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Giao thông vận tải, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Ngoại giao, Bộ Y tế, Ủy ban Dân tộc, Bộ Nội vụ và Đảng ủy Quân sự Trung ương, Đảng ủy Công an Trung ương tiến hành tự kiểm tra theo Đề cương hướng dẫn của Đoàn kiểm tra và báo cáo kết quả về Ban Bí thư trong quý III-2007 (qua Đoàn kiểm tra). Đoàn kiểm tra sẽ tiến hành kiểm tra ở một số địa phương và đơn vị (cụ thể có thông báo sau).

Đoàn kiểm tra quyết định thành lập các tổ công tác giúp việc phục vụ nhiệm vụ kiểm tra; kinh phí hoạt động của Đoàn kiểm tra do Ban Chỉ đạo Tây Nguyên đảm bảo.

Điều 3. Các tỉnh ủy, các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc Trung ương và các đồng chí có tên trên thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

T/M BAN BÍ THƯ

TRƯỞNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**QUYẾT ĐỊNH
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ**

Số 77-QĐ/TW, ngày 21 tháng 8 năm 2007

**Về việc kết thúc hoạt động của Ban Nghiên cứu
của Bộ Chính trị về an ninh quốc gia**

- Căn cứ Điều lệ Đảng và Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng;
- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư khóa X;
- Căn cứ Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X về đổi mới, kiện toàn tổ chức bộ máy các cơ quan đảng, định hướng về đổi mới tổ chức bộ máy nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội;
- Xét đề nghị của Ban Tổ chức Trung ương,

BỘ CHÍNH TRỊ QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Kết thúc hoạt động của Ban Nghiên cứu của Bộ Chính trị về an ninh quốc gia được thành lập theo Quyết định số 51-QĐ/TW, ngày 5-9-2002 của Bộ Chính trị

khóa IX; chuyển nhiệm vụ theo dõi, tham mưu, tổng hợp về an ninh quốc gia về Văn phòng Trung ương Đảng.

Điều 2. Ban Tổ chức Trung ương phối hợp với Văn phòng Trung ương Đảng hướng dẫn thực hiện việc kết thúc hoạt động của Ban Nghiên cứu của Bộ Chính trị về an ninh quốc gia, điều động cán bộ, bàn giao tài liệu, con dấu, tài chính, tài sản theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Ban Tổ chức Trung ương, Văn phòng Trung ương Đảng, Ban Nghiên cứu của Bộ Chính trị về an ninh quốc gia có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
TRƯỞNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

bộ của hệ thống chính trị; đồng thời là cơ quan chuyên môn - nghiệp vụ về công tác tổ chức, cán bộ, đảng viên, bảo vệ chính trị nội bộ của Trung ương.

Điều 2. Nhiệm vụ của Ban Tổ chức Trung ương

1. Nghiên cứu, đề xuất:

- Chủ trì hoặc phối hợp nghiên cứu, cụ thể hóa Điều lệ Đảng, đường lối của Đảng về tổ chức hệ thống chính trị, chiến lược cán bộ, bảo vệ chính trị nội bộ của hệ thống chính trị; chuẩn bị hoặc tham gia chuẩn bị nghị quyết Đại hội, các nghị quyết, chỉ thị và quyết định về các lĩnh vực nêu trên của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

- Chủ trì xây dựng các đề án về tổ chức bộ máy đảng, đoàn thể; về xây dựng cơ sở đảng; về quản lý cán bộ, đảng viên, bảo vệ chính trị nội bộ và chính sách cán bộ thuộc thẩm quyền quyết định của Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

- Nghiên cứu, đề xuất chủ trương, giải pháp bảo vệ chính trị nội bộ trong hệ thống chính trị; nghiên cứu, đề xuất với các cơ quan nhà nước trong việc thể chế hóa các nghị quyết, quyết định của Đảng về lĩnh vực tổ chức, cán bộ, công chức.

- Phối hợp nghiên cứu, đề xuất chủ trương, chính sách đối với cán bộ thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý.

2. Hướng dẫn, kiểm tra:

- Hướng dẫn và kiểm tra thi hành Điều lệ Đảng trong toàn Đảng.

- Hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện các nghị quyết, chỉ thị, quyết định của Trung ương về tổ chức, cán bộ, đảng viên, bảo vệ chính trị nội bộ đối với các tỉnh ủy, thành ủy, các

QUYẾT ĐỊNH CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 78-QĐ/TW, ngày 21 tháng 8 năm 2007

Về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của Ban Tổ chức Trung ương

- Căn cứ Điều lệ Đảng, Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng;

- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư khóa X;

- Căn cứ Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương (khoá X) về đổi mới, kiện toàn tổ chức bộ máy các cơ quan đảng, định hướng về đổi mới tổ chức bộ máy nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội;

BỘ CHÍNH TRỊ QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chức năng của Ban Tổ chức Trung ương

Ban Tổ chức Trung ương là cơ quan tham mưu của Ban Chấp hành Trung ương, trực tiếp và thường xuyên là Bộ Chính trị, Ban Bí thư về chủ trương và các chính sách lớn thuộc lĩnh vực tổ chức, cán bộ, đảng viên, bảo vệ chính trị nội

ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc Trung ương.

- Hướng dẫn, bồi dưỡng nghiệp vụ công tác tổ chức, cán bộ, đảng viên, bảo vệ chính trị nội bộ cho cấp ủy và cán bộ tổ chức các cấp.

- Chủ trì, phối hợp với các ban đảng, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội ở Trung ương hướng dẫn xây dựng và kiểm tra thực hiện chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế của các cơ quan đảng, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội ở địa phương.

3. Thẩm định, thẩm tra:

- Thẩm định các đề án về tổ chức, cán bộ, đảng viên mà Trung ương phân cấp cho cấp ủy, các ngành, các đoàn thể, các cơ quan trực thuộc Trung ương đảm nhiệm; thẩm định hoặc tham gia thẩm định các đề án về công tác bảo vệ chính trị nội bộ trình Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

- Tham gia thẩm định các đề án lớn về tổ chức, cán bộ, công chức của Chính phủ và các bộ, ngành, cơ quan nhà nước.

- Thẩm định và trình Bộ Chính trị, Ban Bí thư nhân sự dự kiến đề bạt, bổ nhiệm theo phân cấp quản lý cán bộ.

- Thẩm tra, xác minh đối với cán bộ, đảng viên có vấn đề về chính trị thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý.

4. Phối hợp với các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, các đảng ủy trực thuộc Trung ương trong công tác xây dựng Đảng về tư tưởng, tổ chức, cán bộ, đảng viên, bảo vệ chính trị nội bộ.

5. Thực hiện một số nhiệm vụ do Bộ Chính trị, Ban Bí thư ủy quyền:

- Quản lý tổ chức bộ máy và biên chế các cơ quan đảng, đoàn thể ở Trung ương và các tỉnh ủy, thành ủy.

- Theo báo cáo, đề nghị của các cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc Trung ương, xác nhận quy hoạch các chức danh cán bộ diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý.

- Thực hiện chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức khối đảng, đoàn thể, cán bộ cao cấp, lão thành cách mạng; chính sách tiền lương, khen thưởng huân chương bậc cao, chăm sóc sức khỏe cán bộ diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý.

- Quản lý hồ sơ cán bộ theo phân cấp quản lý của Bộ Chính trị và cán bộ, đảng viên có vấn đề về chính trị theo quy định của Bộ Chính trị.

- Giải quyết các vấn đề về đảng tịch; quản lý cấp phát thẻ đảng viên; giải quyết hoặc phối hợp giải quyết khiếu nại, tố cáo các vấn đề về chính trị của cán bộ thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý.

- Được cử cán bộ dự các phiên họp bàn về công tác xây dựng Đảng, về tổ chức, cán bộ, đảng viên, bảo vệ chính trị nội bộ của các tỉnh ủy, thành ủy, các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc Trung ương.

Điều 3. Tổ chức bộ máy

1. Lãnh đạo Ban Tổ chức Trung ương:

Có Trưởng ban và các Phó Trưởng ban, trong đó có 1 Phó Trưởng ban là Bí thư Ban Cán sự Đảng Bộ Nội vụ kiêm nhiệm.

2. Cơ cấu tổ chức của Ban Tổ chức Trung ương gồm:

- 1- Vụ Tổ chức - Điều lệ.
- 2- Vụ Cơ sở đảng.
- 3- Vụ Đảng viên.
- 4- Vụ Tổng hợp cán bộ.

- 5- Vụ Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ.
- 6- Vụ Chính sách cán bộ.
- 7- Vụ Bảo vệ chính trị nội bộ.
- 8- Vụ Địa phương I (tại Hà Nội, gọi tắt là Vụ I).
- 9- Vụ Địa phương II (tại Đà Nẵng, gọi tắt là Vụ II).
- 10- Vụ Địa phương III (tại Thành phố Hồ Chí Minh, gọi tắt là Vụ III).
- 11- Vụ các bộ, ban, ngành, đoàn thể ở Trung ương (gọi tắt là Vụ IV).
- 12- Tạp chí Xây dựng Đảng.
- 13- Viện Khoa học tổ chức.
- 14- Vụ Tổ chức - cán bộ cơ quan.
- 15- Văn phòng Ban.

3. Về biên chế:

Thực hiện theo chức danh tiêu chuẩn cán bộ, công chức và cơ cấu lao động của đội ngũ cán bộ, công chức.

Điều 4. Quy chế làm việc

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy và biên chế, Ban Tổ chức Trung ương cụ thể hóa chức năng, nhiệm vụ của các vụ, đơn vị trực thuộc; xây dựng quy chế phối hợp giữa các vụ, đơn vị trực thuộc Ban; xây dựng và ban hành Quy chế làm việc của Ban.

Quan hệ giữa Ban Tổ chức Trung ương với các tỉnh ủy, thành ủy, các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc Trung ương thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ của Ban và các quy định của Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

Điều 5. Điều khoản thi hành

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế

Quyết định số 43-QĐ/TW, ngày 15-7-2002 của Bộ Chính trị (khoá IX) về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của Ban Tổ chức Trung ương, Quyết định số 42-QĐ/TW, ngày 15-7-2002 của Bộ Chính trị (khoá IX) về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của Ban Bảo vệ Chính trị nội bộ Trung ương.

Ban Tổ chức Trung ương, các tỉnh ủy, thành ủy, các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc Trung ương có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
TRƯỞNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**QUYẾT ĐỊNH
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ**

Số 79-QĐ/TW, ngày 21 tháng 8 năm 2007

**Về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy
của Văn phòng Trung ương Đảng**

- Căn cứ Điều lệ Đảng, Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng;
- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư khóa X;
- Căn cứ Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá X) về đổi mới, kiện toàn tổ chức bộ máy các cơ quan đảng, định hướng về đổi mới tổ chức bộ máy nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội,

BỘ CHÍNH TRỊ QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chức năng của Văn phòng Trung ương Đảng

Văn phòng Trung ương Đảng là cơ quan tham mưu, giúp việc Ban Chấp hành Trung ương, trực tiếp là Bộ Chính trị, Ban Bí thư trong tổ chức, điều hành công việc lãnh đạo của Đảng, phối hợp, điều hòa hoạt động của các cơ quan tham

mưu của Trung ương Đảng; tham mưu về chủ trương và các chính sách lớn thuộc lĩnh vực kinh tế - xã hội, nội chính; tham mưu về nguyên tắc và chế độ quản lý tài chính, tài sản của Đảng, trực tiếp quản lý tài chính, tài sản của các cơ quan đảng Trung ương và bảo đảm hậu cần phục vụ hoạt động của Trung ương Đảng; đồng thời là một trung tâm thông tin tổng hợp phục vụ lãnh đạo.

Điều 2. Nhiệm vụ của Văn phòng Trung ương Đảng

1. Giúp Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư xây dựng, tổ chức thực hiện Quy chế làm việc và chương trình công tác, sơ kết, tổng kết và sửa đổi, bổ sung Quy chế nếu thấy cần thiết.

Là đầu mối phối hợp, điều hòa chương trình công tác của đồng chí Tổng Bí thư, đồng chí Thường trực Ban Bí thư và một số hoạt động của các đồng chí ủy viên Bộ Chính trị, Ban Bí thư để thực hiện Quy chế làm việc và chương trình công tác của Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

Tham gia tổ chức phục vụ Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng, các hội nghị Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, hội nghị do Bộ Chính trị, Ban Bí thư triệu tập; các cuộc làm việc của đồng chí Tổng Bí thư, đồng chí Thường trực Ban Bí thư.

Giúp Thường trực Ban Bí thư xử lý công việc hằng ngày của Đảng.

2. Tham mưu, tổng hợp và đề xuất ý kiến trong một số lĩnh vực công tác.

2.1. Về lĩnh vực kinh tế - xã hội:

Tham gia phối hợp với các cơ quan hữu quan nghiên cứu,

đề xuất một số chủ trương về cơ chế, chính sách kinh tế - xã hội, về phát triển lực lượng sản xuất và hoàn thiện quan hệ sản xuất theo yêu cầu và nhiệm vụ được giao; tham gia ý kiến với cơ quan nhà nước trong việc cụ thể hóa đường lối, chính sách của Đảng, các nghị quyết, chỉ thị, quyết định thuộc lĩnh vực kinh tế - xã hội.

2.2. Về lĩnh vực nội chính:

Tham gia phối hợp với các cơ quan hữu quan nghiên cứu, đề xuất một số chủ trương, chính sách về an ninh quốc gia, về tổ chức và hoạt động của các cơ quan nội chính; tham gia giúp Bộ Chính trị, Ban Bí thư chỉ đạo xử lý một số vụ việc, vụ án nghiêm trọng, phức tạp (ngoài các vụ việc, vụ án tham nhũng) theo quy định.

Tham mưu, giúp việc cho Bộ phận Thường trực Ban Chỉ đạo cải cách tư pháp Trung ương.

Phối hợp với các cơ quan hữu quan nghiên cứu, đề xuất những quan điểm, định hướng trong công tác xây dựng pháp luật, trong một số dự án pháp luật, trọng tâm là những dự án thuộc lĩnh vực kinh tế - xã hội và nội chính.

3. Thẩm định các đề án thuộc lĩnh vực kinh tế - xã hội và một số đề án về lĩnh vực nội chính trước khi trình Bộ Chính trị, Ban Bí thư. Các đề án thuộc lĩnh vực khác, tùy theo tính chất của đề án, Văn phòng Trung ương Đảng chủ động báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư để tổ chức nghiên cứu và phát biểu ý kiến bằng văn bản với Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

Tham gia ý kiến với Ban Tổ chức Trung ương trong việc thẩm định nhân sự cán bộ thuộc khối kinh tế - xã hội - nội chính trước khi trình cấp có thẩm quyền quyết định theo quy định tại điểm 2, Điều 8 Quy chế phân cấp quản lý cán bộ.

4. Chủ trì hoặc phối hợp tham gia xây dựng một số nghị quyết, chỉ thị và một số đề án do Bộ Chính trị, Ban Bí thư giao; tham gia cùng các cơ quan chủ đề án chỉnh lý các văn bản của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư; trực tiếp biên tập những văn bản được Bộ Chính trị, Ban Bí thư giao.

Theo dõi, đôn đốc, thẩm tra việc chuẩn bị các đề án trình Trung ương về yêu cầu, phạm vi, quy trình, tiến độ chuẩn bị và thể thức văn bản của đề án.

5. Theo dõi, đánh giá, tổng hợp tình hình tổ chức thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của Trung ương ở các tỉnh ủy, thành ủy; đề xuất với Bộ Chính trị, Ban Bí thư những vấn đề liên quan đến hoạt động của các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương; góp ý kiến với Ban Tổ chức Trung ương và phản ánh với Bộ Chính trị, Ban Bí thư về tình hình nhân sự chủ chốt của các tỉnh ủy, thành ủy (bí thư, phó bí thư thường trực, chủ tịch hội đồng nhân dân, chủ tịch ủy ban nhân dân) khi có yêu cầu; nắm tình hình hoạt động của các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc Trung ương, báo cáo với Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

6. Phối hợp với các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn và đảng ủy trực thuộc Trung ương tham mưu, giúp Bộ Chính trị, Ban Bí thư chỉ đạo kiểm tra, sơ kết, tổng kết việc thực hiện nghị quyết, chỉ thị, quyết định của Đảng về kinh tế - xã hội, về công tác nội chính; kiểm tra việc thực hiện chủ trương, chế độ, nguyên tắc quản lý tài chính, tài sản của Đảng.

7. Tổ chức công tác thông tin phục vụ sự lãnh đạo của Trung ương Đảng và các cấp ủy, cơ quan, tổ chức đảng trực thuộc Trung ương. Theo dõi, đôn đốc các ban đảng, ban cán

sự đảng, đảng đoàn và các cấp ủy đảng trực thuộc Trung ương thực hiện chế độ thông tin báo cáo theo quy định.

8. Tiếp nhận và xử lý đơn, thư gửi đến Trung ương; kiến nghị với Ban Bí thư xử lý đơn, thư; theo dõi, đôn đốc việc giải quyết một số đơn, thư được Ban Bí thư giao. Phối hợp với các cơ quan chức năng của Nhà nước tổ chức công tác tiếp dân.

9. Tiếp nhận, phát hành và quản lý các tài liệu, văn kiện của Trung ương; thực hiện và kiểm tra việc thực hiện chế độ bảo vệ bí mật của Đảng và Nhà nước trong hệ thống văn phòng cấp ủy.

10. Quản lý tập trung, thống nhất Phòng Lưu trữ Đảng Cộng sản Việt Nam; trực tiếp quản lý Kho Lưu trữ của Trung ương Đảng; chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra nghiệp vụ công tác văn thư, lưu trữ trong các cơ quan đảng và tổ chức chính trị - xã hội.

11. Nghiên cứu, đề xuất ý kiến về chủ trương, chế độ quản lý tài chính, tài sản của Đảng. Hướng dẫn chế độ quản lý, chi tiêu ngân sách trong các cơ quan đảng và chế độ, chính sách chi tiêu tài chính, quản lý tài sản của các văn phòng cấp ủy. Báo cáo tình hình công tác tài chính hằng năm của Đảng để trình Bộ Chính trị, Ban Bí thư và Ban Chấp hành Trung ương theo quy định.

Là chủ sở hữu tài sản của Trung ương Đảng theo sự ủy quyền của Bộ Chính trị; trực tiếp quản lý tài chính, tài sản của các cơ quan đảng ở Trung ương theo đúng chính sách, pháp luật của Nhà nước và quy định của Đảng; hướng dẫn các cấp ủy thực hiện quyền chủ sở hữu tài sản.

Tổ chức và quản lý các đơn vị sự nghiệp sử dụng, quản lý vốn, tài sản của Đảng theo đúng pháp luật.

12. Bảo đảm điều kiện vật chất, trang bị kỹ thuật phục vụ hoạt động của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư; đảm bảo tài chính, trụ sở làm việc và một số điều kiện vật chất khác phục vụ hoạt động của các cơ quan đảng ở Trung ương.

Tổ chức thực hiện một số chế độ, chính sách đối với cán bộ lão thành cách mạng và cán bộ diện chính sách theo quy định của Bộ Chính trị và Ban Bí thư; một số vấn đề về đời sống của các đồng chí ủy viên Bộ Chính trị, Ban Bí thư, cán bộ cao cấp và cán bộ, công chức của các cơ quan đảng Trung ương.

13. Thực hiện nhiệm vụ quan hệ quốc tế về tài chính với các đảng và các tổ chức chính trị có quan hệ với Đảng ta theo sự chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

Phối hợp với Ban Đối ngoại Trung ương phục vụ hoạt động đối ngoại của Đảng.

14. Phối hợp với các cơ quan chức năng nhà nước trong việc quản lý về quy hoạch, kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản; đầu tư các dự án cho các cơ quan đảng ở Trung ương theo đúng quy định của pháp luật.

15. Tổ chức quản lý, khai thác, bảo vệ mạng thông tin điện rộng của Đảng; triển khai ứng dụng công nghệ thông tin ở Văn phòng Trung ương Đảng; hướng dẫn việc ứng dụng công nghệ thông tin ở các văn phòng tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương.

16. Phối hợp với các cơ quan chức năng có liên quan tổ chức công tác bảo vệ, bảo đảm thông tin liên lạc tại trụ sở Trung ương Đảng.

17. Hướng dẫn, bồi dưỡng nghiệp vụ công tác văn phòng cấp ủy, công tác tài chính, tài sản của Đảng ở văn phòng tỉnh ủy, thành ủy, các cơ quan đảng ở Trung ương. Phối hợp với Ban Tổ chức Trung ương hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy và biên chế của văn phòng cấp ủy địa phương.

18. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Bộ Chính trị, Ban Bí thư giao.

Điều 3. Tổ chức bộ máy của Văn phòng Trung ương Đảng

1. Lãnh đạo Văn phòng Trung ương Đảng:

Chánh Văn phòng và các Phó Chánh Văn phòng Trung ương.

2. Cơ cấu tổ chức của Văn phòng Trung ương Đảng gồm:

1- Vụ Tổng hợp

2- Vụ Thư ký

3- Vụ Kinh tế

4- Vụ Xã hội

5- Vụ Nội chính

6- Vụ Pháp luật và cải cách tư pháp

7- Vụ Địa phương I (tại Hà Nội)

8- Vụ Địa phương II (tại Thành phố Hồ Chí Minh)

9- Vụ Địa phương III (tại Đà Nẵng)

10- Vụ Hành chính

11- Vụ Thư từ - Tiếp dân

12- Vụ Tổ chức - Cán bộ

13- Vụ Tài chính

14- Vụ Quản lý đầu tư và xây dựng

15- Cục Quản trị A (tại Hà Nội)

16- Cục Quản trị T.78 (tại Thành phố Hồ Chí Minh)

17- Cục Quản trị T.26 (tại Đà Nẵng)

18- Cục Quản trị - Tài vụ (nội bộ Văn phòng Trung ương)

19- Cục Lưu trữ

20- Trung tâm Công nghệ thông tin

21- Tạp chí Văn phòng cấp ủy

Ngoài 21 đơn vị trên, trước mắt giữ Ban Quản lý dự án các công trình của Đảng ở Trung ương để tiếp tục quản lý một số dự án đang triển khai và sẽ giải thể khi dự án hoàn thành.

3. Về biên chế: Văn phòng Trung ương Đảng, Ban Tổ chức Trung ương thống nhất xác định biên chế của Văn phòng Trung ương Đảng trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy và chức danh tiêu chuẩn cán bộ, công chức.

Điều 4. Chế độ làm việc

- Văn phòng Trung ương Đảng làm việc theo chế độ thủ trưởng. Chánh Văn phòng Trung ương chịu trách nhiệm tổ chức, lãnh đạo, điều hành công việc chung của Văn phòng. Giúp việc Chánh Văn phòng Trung ương có các Phó Chánh Văn phòng.

- Chánh Văn phòng Trung ương được ký thừa lệnh Bộ Chính trị, Ban Bí thư một số thông tri, thông báo, điện mèt, công văn chỉ đạo công tác và chương trình làm việc của Bộ Chính trị, Ban Bí thư; được yêu cầu các ban, ngành, cấp ủy đảng cung cấp các thông tin cần thiết cho việc theo dõi nắm tình hình chuẩn bị các đề án, chỉ đạo và tổ chức thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của Đảng.

- Chánh Văn phòng Trung ương được cử chuyên viên nghiên cứu thuộc các vụ chức năng tham dự các cuộc họp để bàn triển khai thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của Trung

ương; chủ trương công tác của các tỉnh ủy, thành ủy, các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc Trung ương thuộc phạm vi được phân công theo dõi.

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, Văn phòng Trung ương Đảng xây dựng Quy chế làm việc, các quy trình công tác để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Điều 5. Điều khoản thi hành

- Quyết định này thay thế Quyết định số 71-QĐ/TW, ngày 1-12-1999 của Bộ Chính trị (khóa VIII), các Quyết định số 39-QĐ/TW, ngày 15-7-2002, số 40-QĐ/TW, ngày 15-7-2002, số 79-QĐ/TW, ngày 4-7-2003 của Bộ Chính trị (khóa IX) về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức của Văn phòng Trung ương Đảng, Ban Kinh tế Trung ương, Ban Nội chính Trung ương, Ban Tài chính - Quản trị Trung ương và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

- Văn phòng Trung ương Đảng, các tỉnh ủy, thành ủy, các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc Trung ương có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

TRƯỜNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUYẾT ĐỊNH CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 80-QĐ/TW, ngày 28 tháng 8 năm 2007

Về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của Ban Tuyên giáo Trung ương

- Căn cứ Điều lệ Đảng, Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng;
- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư khóa X;
- Căn cứ Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương (khoá X) về đổi mới, kiện toàn tổ chức bộ máy các cơ quan đảng, định hướng về đổi mới tổ chức bộ máy nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội;

BỘ CHÍNH TRỊ QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chức năng của Ban Tuyên giáo Trung ương

Ban Tuyên giáo Trung ương là cơ quan tham mưu của Ban Chấp hành Trung ương, trực tiếp và thường xuyên là Bộ Chính trị, Ban Bí thư trong công tác xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng, về chủ trương, quan điểm và chính sách của

Đảng trong lĩnh vực tuyên truyền, báo chí, xuất bản, văn hóa, văn nghệ, khoa học - công nghệ, giáo dục - đào tạo và một số lĩnh vực xã hội; đồng thời là cơ quan chuyên môn - nghiệp vụ về các lĩnh vực công tác này của Đảng.

Điều 2. Nhiệm vụ của Ban Tuyên giáo Trung ương

1. Nghiên cứu, đề xuất

- Chủ trì, phối hợp nghiên cứu, tham mưu về chủ trương, quan điểm, chính sách và giải pháp của Đảng thuộc lĩnh vực tuyên giáo. Tham gia chuẩn bị dự thảo nghị quyết Đại hội Đảng; các nghị quyết, chỉ thị và quyết định của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư thuộc lĩnh vực tuyên giáo.

- Chủ trì, phối hợp nghiên cứu, cụ thể hóa Cương lĩnh, nghị quyết, chỉ thị của Đảng thuộc lĩnh vực tuyên giáo; tham mưu về nghiên cứu, phát triển lý luận chính trị, tổ chức tổng kết thực tiễn, nghiên cứu một số đề án thuộc lĩnh vực tuyên giáo. Tham gia ý kiến với các cơ quan nhà nước trong việc thể chế hóa và thực hiện các nghị quyết, chỉ thị, quyết định của Đảng thuộc lĩnh vực tuyên giáo.

- Nghiên cứu tình hình tư tưởng trong Đảng và trong xã hội, đề xuất phương hướng, nhiệm vụ, nội dung, giải pháp xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng.

- Nghiên cứu và tham gia đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng, nghiệp vụ cho cán bộ làm công tác tuyên giáo các cấp, các ngành, các đoàn thể.

- Nghiên cứu, phân tích, tổng hợp những âm mưu, thủ đoạn chống phá Đảng, Nhà nước, chế độ ta của các thế lực thù địch, kịp thời đề xuất đối sách và biện pháp chống các quan điểm, tư tưởng sai trái, thù địch.

2. Thẩm định

Thẩm định các đề án, văn bản liên quan đến chủ trương, chính sách thuộc lĩnh vực tuyên giáo của các cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận, tổ chức đoàn thể và các địa phương trước khi trình Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

3. Hướng dẫn, kiểm tra

- Chủ trì, phối hợp hướng dẫn, kiểm tra việc tổ chức học tập, quán triệt các nghị quyết, chỉ thị, quyết định của Đảng đối với các tỉnh ủy, thành ủy, các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc Trung ương.

- Chủ trì, phối hợp hướng dẫn, kiểm tra việc tổ chức thực hiện các nghị quyết, chỉ thị, quyết định của Đảng được Bộ Chính trị, Ban Bí thư phân công.

- Hướng dẫn, kiểm tra các tỉnh ủy, thành ủy và đảng ủy trực thuộc Trung ương về nội dung đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị cho cán bộ, đảng viên và quần chúng ngoài đối tượng thuộc hệ thống trường chính trị - hành chính của Trung ương, của các tỉnh ủy, thành ủy; kiểm tra về phương hướng chính trị, tư tưởng trong giảng dạy lý luận chính trị, khoa học xã hội - nhân văn trong hệ thống trường chính trị - hành chính, hệ thống giáo dục quốc dân và hệ thống các trường ngành, đoàn thể.

- Hướng dẫn, kiểm tra, định hướng nội dung tuyên truyền và bồi dưỡng nghiệp vụ hoạt động cho hệ thống báo cáo viên, tuyên truyền viên, hệ thống cộng tác viên dư luận xã hội từ Trung ương đến cơ sở.

- Hướng dẫn, kiểm tra, định hướng chính trị, tư tưởng trong hoạt động của các cơ quan báo chí, xuất bản, văn hóa, văn nghệ, các cơ quan thông tin, tuyên truyền đối ngoại ở

Trung ương và địa phương. Khi cần thiết chủ trì hoặc phối hợp kiểm tra về mặt quan điểm chính trị, tư tưởng các công trình nghiên cứu khoa học; các tác phẩm văn học, nghệ thuật, báo chí, xuất bản...

- Hướng dẫn, kiểm tra việc tổ chức thực hiện các nghị quyết, chỉ thị, quyết định của Đảng về lĩnh vực tư tưởng, lý luận, báo chí, xuất bản, văn hóa, văn nghệ, khoa học - công nghệ, môi trường, giáo dục - đào tạo, y tế, thể dục thể thao...

- Tổ chức biên soạn, phối hợp phát hành các tài liệu nội bộ phục vụ học tập nghị quyết, chỉ thị, quyết định của Đảng và tài liệu phổ biến kiến thức về giáo dục lý luận chính trị...

4. Tham gia công tác xây dựng tổ chức bộ máy, đội ngũ cán bộ làm công tác tuyên giáo

- Phối hợp với Ban Tổ chức Trung ương hướng dẫn về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy và biên chế cho ban tuyên giáo các cấp.

- Tham gia với các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương về phương hướng công tác xây dựng Đảng thuộc lĩnh vực tuyên giáo; về tổ chức bộ máy, về quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng, đề bạt, bổ nhiệm, luân chuyển, khen thưởng, miễn nhiệm, kỷ luật đối với đội ngũ cán bộ trong lĩnh vực tuyên giáo theo danh mục phân cấp quản lý của Trung ương.

5. Thông tin đối ngoại và hợp tác quốc tế

- Mở rộng tuyên truyền thông tin đối ngoại.

- Tăng cường hợp tác quốc tế về lĩnh vực tuyên giáo đối với các đảng cộng sản, đảng công nhân và một số đảng cầm quyền trên thế giới.

6. Thực hiện một số nhiệm vụ do Bộ Chính trị, Ban Bí thư ủy quyền

- Chủ trì, phối hợp đề xuất chủ trương, kế hoạch nghiên

cứu, chỉ đạo, quản lý công tác nghiên cứu lý luận và giáo dục lý luận chính trị. Chủ trì, phối hợp chỉ đạo nội dung giáo dục lý luận chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong hệ thống giáo dục quốc dân, hệ thống trường chính trị - hành chính, hệ thống trường của các ngành, đoàn thể và các trung tâm bồi dưỡng chính trị cấp quận, huyện.

- Chủ trì chỉ đạo định hướng chính trị, tư tưởng trong hoạt động của các cơ quan báo chí, xuất bản, văn hóa, văn nghệ, các cơ quan thông tin, tuyên truyền đối ngoại, các hội văn học - nghệ thuật, Hội Nhà báo, Hội Xuất bản, Liên hiệp các hội khoa học và kỹ thuật. Phối hợp với Ban Tổ chức Trung ương trong công tác tổ chức, bộ máy và công tác cán bộ của các cơ quan, đơn vị trên.

- Nghiên cứu và tham gia xây dựng chủ trương, chính sách phát hiện, đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng, quản lý và đai ngô nhân tài.

- Xây dựng kế hoạch và quản lý các đề tài nghiên cứu khoa học cấp bộ của các ban Đảng Trung ương.

- Được Bộ Chính trị, Ban Bí thư phân công thường trực và tham gia một số ban chỉ đạo Trung ương.

- Thực hiện những công việc khác do Bộ Chính trị, Ban Bí thư giao.

Điều 3. Tổ chức bộ máy của Ban Tuyên giáo Trung ương

1. Lãnh đạo Ban Tuyên giáo Trung ương

Trưởng ban và các phó trưởng ban, trong đó có một số phó trưởng ban kiêm nhiệm.

2. Cơ cấu tổ chức của Ban gồm các vụ và đơn vị sau đây

1) Vụ lý luận chính trị

- 2) Vụ Tuyên truyền
- 3) Vụ Báo chí - Xuất bản
- 4) Vụ Văn hóa - Văn nghệ
- 5) Vụ Khoa học và Công nghệ, Môi trường
- 6) Vụ Giáo dục và Đào tạo, Day nghề
- 7) Vụ Các vấn đề xã hội
- 8) Vụ Thông tin đối ngoại và Hợp tác quốc tế
- 9) Vụ Tổng hợp
- 10) Vụ Tổ chức và Cán bộ
- 11) Viện Nghiên cứu dư luận xã hội
- 12) Trung tâm Thông tin công tác tuyên giáo
- 13) Trung tâm Nghiên cứu khoa học, nghiệp vụ và tư liệu
- 14) Tạp chí Tuyên giáo
- 15) Cơ quan thường trực tại Thành phố Hồ Chí Minh
- 16) Cơ quan thường trực tại thành phố Đà Nẵng
- 17) Văn phòng
- 18) Báo Điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam
- 19) Tạp chí Thông tin Đối ngoại.

3. Về biên chế

Ban Tuyên giáo Trung ương, Ban Tổ chức Trung ương thống nhất xác định biên chế của Ban Tuyên giáo Trung ương trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy và chức danh tiêu chuẩn cán bộ, công chức.

Ngoài số biên chế theo quy định, Ban Tuyên giáo Trung ương được sử dụng chế độ chuyên gia, chế độ cộng tác viên phục vụ cho công tác của Ban.

Điều 4. Quy chế làm việc

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy và biên

chế, Ban Tuyên giáo Trung ương tiến hành xây dựng và hoàn chỉnh quy chế làm việc của Ban.

- Quan hệ giữa Ban Tuyên giáo Trung ương với các tỉnh ủy, thành ủy, các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc Trung ương thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ, quy chế phối hợp và theo quy định của Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

Điều 5. Điều khoản thi hành

- Quyết định này thay thế Quyết định số 37-QĐ/TW, ngày 15-7-2002 và Quyết định số 41-QĐ/TW, ngày 15-7-2002 của Bộ Chính trị (khóa IX) về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của Ban Khoa giáo Trung ương, Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương và có hiệu lực kể từ ngày ký.

- Ban Tuyên giáo Trung ương, các tỉnh ủy, thành ủy, các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**THÔNG BÁO
KẾT LUẬN CỦA BAN Bí THƯ**

Số 87-TB/TW, ngày 29 tháng 8 năm 2007

**Về việc tổ chức Đại hội đại biểu phụ nữ toàn quốc
lần thứ X**

Trong phiên họp ngày 28-8-2007, sau khi nghe Đảng đoàn Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam báo cáo công tác chuẩn bị Đại hội đại biểu phụ nữ toàn quốc lần thứ X và ý kiến tham gia của đại diện lãnh đạo các ban Trung ương Đảng, Ban Bí thư đã kết luận như sau:

1. Đại hội đại biểu phụ nữ toàn quốc lần thứ X được tiến hành sau Đại hội lần thứ X của Đảng; đất nước sau 20 năm đổi mới đã đạt được những thành tựu to lớn, đang bước vào giai đoạn phát triển mới với những thời cơ và thách thức to lớn. Trong tình hình đó, Đại hội đại biểu phụ nữ toàn quốc lần thứ X cần quán triệt sâu sắc nội dung Nghị quyết Đại hội X của Đảng và Nghị quyết số 11-NQ/TW, ngày 27-4-2007 của Bộ Chính trị "về công tác phụ nữ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước"; đánh giá đúng những kết quả đạt được trong hoạt động của Hội, những đóng góp to lớn của phong trào phụ nữ

trong nhiệm kỳ qua vào thành tựu chung của đất nước, chỉ rõ những yếu kém cần khắc phục để phát huy vai trò của Hội Liên hiệp Phụ nữ, phong trào của phụ nữ cả nước trong thời kỳ mới của đất nước.

2. Tiếp thu ý kiến của Ban Bí thư, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam cần xem xét, điều chỉnh, bổ sung nội dung báo cáo tại Đại hội, mục tiêu, nhiệm vụ của Hội trong nhiệm kỳ tới theo tinh thần Nghị quyết 11-NQ/TW của Bộ Chính trị; các chỉ tiêu cơ bản của nhiệm kỳ tới phải phù hợp với khả năng và điều kiện thực tế, thể hiện rõ vai trò quan trọng của phụ nữ trong xã hội. Trong đó, cần hết sức chú ý nâng cao chất lượng hoạt động của các tổ chức Hội ở cơ sở, quan tâm tới điều kiện sống, làm việc của phụ nữ ở nông thôn, vùng sâu, vùng xa, ở các khu công nghiệp, vấn đề bạo lực trong gia đình, phụ nữ Việt Nam lấy chồng người nước ngoài, phụ nữ tham gia khiếu kiện làm ảnh hưởng đến an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội...

3. Về Điều lệ Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam (bổ sung, sửa đổi): không đưa nội dung Điều 8 (về việc thu hút các tổ chức phụ nữ Việt Nam hợp pháp ở nước ngoài là thành viên của Hội) vào Điều lệ lần này. Hội cần tìm các biện pháp, hình thức phù hợp để tập hợp, giúp đỡ phụ nữ Việt Nam đang sống, làm việc, học tập ở nước ngoài, cũng như nữ Việt kiều, phù hợp với pháp luật Việt Nam và của nước sở tại.

4. Đồng ý Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam tổ chức Đại hội lần thứ X như đề nghị của Đảng đoàn Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam. Ban Chấp hành Trung ương Đảng sẽ tặng bức trướng cho Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam tại Đại hội. Giao Đảng đoàn Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam phối hợp với

Ban Dân vận Trung ương, Ban Tuyên giáo Trung ương đề xuất nội dung bức trướng.

Về đề nghị tặng Huân chương Sao Vàng lần thứ hai cho Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam để ghi nhận những đóng góp to lớn của phụ nữ vào sự nghiệp đổi mới đất nước 20 năm qua. Hội cần thực hiện theo đúng quyết định của Luật thi đua, khen thưởng.

5. Về nhân sự chủ chốt của Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam nhiệm kỳ 2007 - 2012, Ban Tổ chức Trung ương phối hợp với Đảng đoàn Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam chuẩn bị, trình Bộ Chính trị, Ban Bí thư trong tháng 9-2007.

T/M BAN Bí THƯ
TRƯỞNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

Xem xét đề nghị của Văn phòng Trung ương Đảng về Ngày truyền thống của Văn phòng Trung ương Đảng sau hợp nhất theo Quyết định số 45-QĐ/TW, ngày 11-4-2007 của Bộ Chính trị (Công văn số 2857-CV/VPTW, ngày 14-8-2007), Ban Bí thư đồng ý tiếp tục lấy ngày 18-10 hàng năm là Ngày truyền thống của Văn phòng Trung ương Đảng, đồng thời là ngày truyền thống của văn phòng cấp ủy.

T/M BAN Bí THƯ
TRƯỞNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

lượng tốt, đẹp, tiết kiệm, tránh thất thoát, lãng phí; việc triển khai xây dựng cần khẩn trương, tích cực để hoàn thành, đưa công trình vào khai thác, sử dụng trong năm 2009.

3. Ban Cán sự Đảng Chính phủ chỉ đạo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và các cơ quan chức năng thực hiện việc bố trí và cấp phát vốn ngân sách nhà nước để công trình được triển khai, hoàn thành đúng tiến độ.

THÔNG BÁO KẾT LUẬN CỦA BAN Bí THU

Số 89-TB/TW, ngày 30 tháng 8 năm 2007

**Về quy hoạch chi tiết Dự án xây dựng
khu nghỉ dưỡng cao cấp tại Tuần Châu,
thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh**

T/M BAN Bí THU
TRƯỞNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

Tại phiên họp ngày 28-8-2007, sau khi nghe Văn phòng Trung ương Đảng báo cáo về quy hoạch chi tiết Dự án xây dựng khu nghỉ dưỡng cao cấp của Đảng tại khu nhà nghỉ Tuần Châu, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh (Tờ trình số 28-TTr/VPTW, ngày 28-8-2007), Ban Bí thư đã kết luận:

1. Đồng ý quy hoạch xây dựng khu nghỉ dưỡng cao cấp của Đảng tại Tuần Châu theo Phương án 1 trong đề án do Văn phòng Trung ương Đảng đề xuất. Diện tích 1,6ha phía tây, tây bắc liền kề với khu nghỉ dưỡng, tỉnh Quảng Ninh đã giao cho Công ty trách nhiệm hữu hạn Âu Lạc phải được trồng cây xanh làm giải phân cách giữ gìn môi trường cho khu nghỉ dưỡng.

2. Văn phòng Trung ương Đảng tổ chức triển khai thực hiện Dự án theo đúng quy định về quản lý dự án đầu tư xây dựng của Nhà nước, quản lý chặt chẽ để công trình có chất

THÔNG BÁO KẾT LUẬN CỦA BAN Bí THƯ

Số 90-TB/TW, ngày 31 tháng 8 năm 2007

Về tình hình trật tự, an toàn giao thông

Trong phiên họp ngày 28-8-2007, sau khi nghe đồng chí Bí thư Ban Cán sự Đảng Bộ Giao thông vận tải, Chủ tịch Ủy ban An toàn giao thông quốc gia báo cáo tình hình an toàn giao thông và các giải pháp cấp bách nhằm kiềm chế tai nạn giao thông, Ban Bí thư đã thảo luận và kết luận:

- Trong những năm qua, mặc dù Đảng, Nhà nước đã có nhiều biện pháp để phòng ngừa, kiềm chế tai nạn giao thông, nhưng tai nạn giao thông vẫn xảy ra nghiêm trọng, gây ra những thiệt hại to lớn về người, tài sản của Nhà nước và nhân dân, trở thành vấn đề xã hội hết sức bức xúc. Có nhiều nguyên nhân của tình trạng này, có cả những nguyên nhân khách quan do sự yếu kém của hệ thống cơ sở hạ tầng giao thông, nhưng chủ yếu là do các nguyên nhân chủ quan về phía quản lý nhà nước và ý thức của người tham gia giao thông còn nhiều hạn chế. Các giải pháp nêu trong Chỉ thị số 22-CT/TW, ngày 24-2-2003 của Ban Bí thư “Về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo đảm trật tự, an toàn giao thông” và các văn bản chỉ đạo của Chính phủ chưa được thực hiện nghiêm túc, đầy đủ, triệt để.

- Để thực hiện được mục tiêu là kiềm chế việc gia tăng, chặn đứng và đẩy lùi tai nạn giao thông, cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể các cấp, các ngành phải đặt nhiệm vụ bảo đảm an toàn giao thông là một trong những nhiệm vụ chính trị trọng tâm trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý của mình; phải tổ chức quán triệt, triển khai thực hiện nghiêm túc, đầy đủ, triệt để các chủ trương, giải pháp cơ bản, lâu dài và các biện pháp cấp bách trước mắt nêu trong Chỉ thị số 22-CT/TW của Ban Bí thư và Nghị quyết số 32/2007/NQ-CP, ngày 29-6-2007 của Chính phủ “Về một số giải pháp cấp bách nhằm kiềm chế tai nạn giao thông và ùn tắc giao thông”. Các đồng chí đứng đầu cấp ủy, chính quyền các cấp phải chịu trách nhiệm về tình hình tai nạn giao thông xảy ra ở địa phương mình, ngành mình.

- Kiện toàn, củng cố Ủy ban An toàn giao thông quốc gia. Ủy ban An toàn giao thông quốc gia phải xây dựng chương trình và chỉ đạo thực hiện nghiêm túc chỉ thị của Ban Bí thư, nghị quyết của Chính phủ có trọng tâm, trọng điểm trong từng thời kỳ, từng địa bàn, từng tuyến đường, từng lĩnh vực; theo dõi sát tình hình, định kỳ hàng năm và khi cần thiết báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Chính phủ về tình hình, những chuyển biến trong việc bảo đảm trật tự, an toàn giao thông.

T/M BAN Bí THƯ

TRƯỞNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**QUYẾT ĐỊNH
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ**

Số 81-QĐ/TW, ngày 5 tháng 9 năm 2007

**Bổ sung thẩm quyền thi hành kỷ luật
của Ủy ban Kiểm tra Trung ương đối với
đảng viên trong "Hướng dẫn thực hiện các
quy định về công tác kiểm tra, giám sát
và kỷ luật của Đảng" ban hành kèm theo
Quyết định số 25-QĐ/TW, ngày 24-11-2006
của Bộ Chính trị**

- Căn cứ Điều lệ Đảng khóa X;
- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư khóa X, Quy chế làm việc của Ủy ban Kiểm tra Trung ương khóa X;
- Xét đề nghị của Ủy ban Kiểm tra Trung ương,

BỘ CHÍNH TRỊ QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bổ sung vào cuối điểm 4, Điều 36 trong "Hướng dẫn thực hiện các quy định về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng" ban hành kèm theo Quyết

định số 25-QĐ/TW, ngày 24-11-2006 của Bộ Chính trị một đoạn nói về thẩm quyền thi hành kỷ luật của Ủy ban Kiểm tra Trung ương đối với đảng viên như sau:

"Ủy ban Kiểm tra Trung ương có thẩm quyền quyết định các hình thức kỷ luật khiếu trách, cảnh cáo cấp ủy viên tỉnh, thành ủy và đảng ủy trực thuộc Trung ương (kể cả bí thư, phó bí thư, ủy viên ban thường vụ), đảng viên là cán bộ thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý nhưng không phải là ủy viên Ban Chấp hành Trung ương. Quyết định các hình thức kỷ luật đối với các trường hợp khác theo quy định của Điều lệ Đảng".

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Các cấp ủy, ủy ban kiểm tra các cấp, các tổ chức đảng và đảng viên có trách nhiệm thực hiện Quyết định này.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

TRƯỞNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**CHỈ THỊ
CỦA BAN BÍ THU**

Số 16-CT/TW, ngày 12 tháng 9 năm 2007

**Về việc tổ chức kỷ niệm 90 năm
Cách mạng Tháng Mười (7-11-1917 - 7-11-2007)
và 160 năm *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*
(24-2-1848 - 24-2-2008)**

Sự ra đời tác phẩm *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* của C. Mác và Ph. Ăngghen (24-2-1848) và thắng lợi của Cách mạng Tháng Mười (7-11-1917) là hai sự kiện lịch sử có ý nghĩa to lớn của giai cấp công nhân, nhân dân lao động toàn thế giới. Kỷ niệm hai sự kiện lịch sử này có ý nghĩa quan trọng đối với Đảng và nhân dân ta.

I- YÊU CẦU

1. Khẳng định giá trị bền vững của những nguyên lý cơ bản trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*; nêu bật ý nghĩa lịch sử to lớn của Cách mạng Tháng Mười trong lịch sử nhân loại, mở ra thời đại mới, thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội trên phạm vi toàn thế giới, làm cho cán

bộ, đảng viên và nhân dân ta nhận thức rõ thắng lợi của Cách mạng Tháng Mười có ảnh hưởng to lớn đến sự phát triển và thắng lợi của cách mạng Việt Nam trong hơn 70 năm qua và công cuộc đổi mới đất nước hiện nay.

2. Làm rõ những thành tựu vĩ đại của chủ nghĩa xã hội hiện thực trong 90 năm qua, nhất là thành tựu cải cách, đổi mới ở các nước xã hội chủ nghĩa những năm vừa qua; đề cao bản chất ưu việt của chế độ xã hội chủ nghĩa, sức sáng tạo, năng lực tự đổi mới và những đóng góp của các nước xã hội chủ nghĩa cho hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ, văn minh và tiến bộ xã hội. Khẳng định chủ nghĩa xã hội trên thế giới, từ những bài học thành công và thất bại, từ khát vọng và sự thức tỉnh của các dân tộc, nhất định sẽ có bước phát triển mới; theo quy luật khách quan của lịch sử, loài người nhất định sẽ tiến tới chủ nghĩa xã hội.

3. Nêu bật những thành tựu to lớn của công cuộc đổi mới nước ta trong hơn 20 năm qua là minh chứng sinh động về sự kiên định và vận dụng sáng tạo của Đảng ta đối với những nguyên lý cơ bản trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*, những bài học kinh nghiệm của Cách mạng Tháng Mười vào thực tiễn xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

4. Tổ chức tốt các hoạt động nghiên cứu, tuyên truyền, giáo dục về hai sự kiện lịch sử này gắn với cuộc đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng là chủ nghĩa Mác - Lê nin và tư tưởng Hồ Chí Minh; kiên quyết phản bác các luận điệu xuyên tạc, phủ nhận chủ nghĩa Mác - Lê nin; vạch trần các âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch chống phá cách

mạng nước ta; giáo dục ý thức kiên định lý tưởng, mục tiêu cách mạng của Đảng và nhân dân ta là độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, củng cố lòng tin vào sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước, tạo ra động lực mới trong quá trình thực hiện Nghị quyết Đại hội X của Đảng.

II- CÁC HOẠT ĐỘNG KỶ NIỆM

Việc tổ chức các hoạt động kỷ niệm được tiến hành sâu rộng trong cả nước với nhiều hình thức phong phú, đa dạng, sáng tạo, có nội dung sâu sắc, hấp dẫn, sinh động, có tác dụng bồi dưỡng, nâng cao nhận thức tư tưởng, tình cảm cho cán bộ, đảng viên, các tầng lớp nhân dân. Trong đó, cần tập trung làm tốt các việc sau đây:

1. Ban Tuyên giáo Trung ương, các ban cán sự đảng, đảng đoàn, các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương chỉ đạo tổ chức tốt các hoạt động tuyên truyền, thông tin, cổ động, giáo dục truyền thống, triển lãm, biểu diễn nghệ thuật, chiếu phim, xuất bản sách, tổ chức tuần văn hóa về chủ đề Cách mạng Tháng Mười và thành tựu của chủ nghĩa xã hội trong nước và quốc tế; xét tặng và trao Huân chương Hữu nghị và Kỷ niệm chương trong dịp kỷ niệm 90 năm Cách mạng Tháng Mười trong phạm vi, quyền hạn, trách nhiệm của mình.

2. Ban Tuyên giáo Trung ương ban hành hướng dẫn các cấp ủy, đảng đoàn, ban cán sự đảng thực hiện chỉ thị của Ban Bí thư; chủ trì, phối hợp với Hội đồng lý luận Trung ương và Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh biên tập *Đề cương tuyên truyền kỷ niệm 90 năm Cách*

mạng Tháng Mười phục vụ sinh hoạt chính trị của các tổ chức đảng, chính quyền, đoàn thể chính trị - xã hội và cung cấp cho các cơ quan thông tấn, báo chí.

3. Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Chủ tịch nước, Quốc hội, Chính phủ, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Thành phố Hà Nội tổ chức mít tinh cấp nhà nước kỷ niệm 90 năm Cách mạng Tháng Mười tại Thủ đô Hà Nội.

4. Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh chủ trì, phối hợp với Viện Khoa học xã hội Việt Nam, các cơ quan nghiên cứu lý luận, các trường đại học khoa học xã hội và nhân văn tổ chức hội thảo, tọa đàm về chủ đề Cách mạng Tháng Mười và ảnh hưởng của sự kiện này đối với cách mạng Việt Nam; hội thảo về tác phẩm *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*.

5. Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam, Hội Hữu nghị Việt Nam - Liên bang Nga và các tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp tổ chức các hoạt động gặp mặt nhân chứng, giao lưu, tọa đàm về chủ đề Cách mạng Tháng Mười và Liên Xô vĩ đại.

6. Các cơ quan thông tấn, báo chí có chuyên trang, chuyên mục về hai ngày kỷ niệm, có các bài xã luận, chuyên luận, nghiên cứu với nội dung sâu sắc; có các phóng sự, phóng vấn... phản ánh kịp thời, sinh động các hoạt động kỷ niệm, tổ chức diễn đàn trao đổi về ý nghĩa của hai sự kiện này.

7. Tổ chức đội ngũ báo cáo viên có trình độ lý luận chính trị và kiến thức thực tiễn đến nói chuyện ở các cơ quan, đơn vị, địa phương, cơ sở.

8. Các đơn vị lực lượng vũ trang, các cơ quan, nhà máy, nông trường, xí nghiệp, viện nghiên cứu, trường học, bệnh viện... do Liên Xô trước đây giúp đỡ xây dựng, các tổ chức hữu nghị và các đơn vị hợp tác, liên doanh Việt - Nga tổ chức mít tinh nội bộ và các hoạt động tuyên truyền, giáo dục.

III- CHỈ ĐẠO THỰC HIỆN

1. Thành lập Ban Chỉ đạo Nhà nước kỷ niệm 90 năm Cách mạng Tháng Mười và 160 năm *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* do đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, Phó Thủ tướng Chính phủ làm Trưởng ban với sự tham gia của các thành viên: Ban Tuyên giáo Trung ương, Văn phòng Trung ương Đảng, Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh, Ban Đối ngoại Trung ương, Viện Khoa học xã hội Việt Nam, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Ngoại giao, Bộ Tài chính, Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam.

2. Văn phòng Trung ương Đảng bảo đảm kinh phí cho các hoạt động kỷ niệm.

3. Ban Tuyên giáo Trung ương chủ trì, phối hợp với các ban Trung ương Đảng có liên quan theo dõi, kiểm tra việc thực hiện và báo cáo Ban Bí thư.

T/M BAN BÍ THƯ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUYẾT ĐỊNH CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 84-QĐ/TW, ngày 18 tháng 9 năm 2007

Kết thúc hoạt động của Ban Cán sự Đảng tổng công ty nhà nước hạng đặc biệt

- Căn cứ Điều lệ Đảng;
- Căn cứ Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X;
- Xét đề nghị của Ban Tổ chức Trung ương,

BỘ CHÍNH TRỊ QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Kết thúc hoạt động của Ban Cán sự Đảng tổng công ty nhà nước hạng đặc biệt được lập theo Quyết định số 67-QĐ/TW, ngày 24-3-2003 của Bộ Chính trị (khoá IX) bao gồm: Ban Cán sự Đảng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, Ban Cán sự Đảng Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Ban Cán sự Đảng Tập đoàn Bưu chính - Viễn thông Việt Nam, Ban Cán sự Đảng Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam, Ban Cán sự Đảng Tổng Công ty Thép Việt Nam, Ban Cán sự Đảng Tổng Công ty Xi măng Việt Nam và Ban Cán sự Đảng Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam.

Điều 2. Chuyển một số nhiệm vụ của ban cán sự đảng tập đoàn kinh tế, tổng công ty về đảng ủy tập đoàn kinh tế, tổng công ty theo hướng dẫn của Ban Tổ chức Trung ương.

Điều 3. Ban Tổ chức Trung ương, Văn phòng Trung ương Đảng hướng dẫn ban cán sự đảng các tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước kết thúc hoạt động, bàn giao tài liệu, hồ sơ lưu trữ, con dấu theo quy định.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
TRƯỞNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO

KẾT LUẬN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 93-TB/TW, ngày 19 tháng 9 năm 2007

Về Đề án tổng thể các hình thức lưu niệm, tưởng niệm danh nhân

Tại phiên họp ngày 13-9-2007, sau khi nghe Ban Cán sự Đảng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch báo cáo "Đề án tổng thể về các hình thức lưu niệm, tưởng niệm danh nhân" (số 26/ĐA-BVHTT, ngày 18-7-2007) và ý kiến của các bộ, ban, ngành có liên quan, Bộ Chính trị đã thảo luận và kết luận:

1. Việc suy tôn, có các hình thức lưu niệm, tưởng niệm danh nhân nhằm tôn vinh những người có công lao, đóng góp to lớn đối với đất nước là việc có ý nghĩa hết sức quan trọng để bảo tồn, phát huy truyền thống của dân tộc và giáo dục cho các thế hệ người Việt Nam. Song, đây cũng là việc rất nhạy cảm, cần phải được thực hiện hết sức chu đáo, khoa học. Đề án tổng thể các hình thức lưu niệm, tưởng niệm danh nhân đã được Ban Cán sự Đảng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chuẩn bị kỹ, công phu. Bộ Chính trị cơ bản tán thành với nội dung của Đề án.

2. Đồng ý việc phân chia danh nhân thành các cấp độ: Quốc tổ Hùng Vương được suy tôn ở cấp độ đặc biệt, tiếp đến là anh hùng dân tộc, danh nhân tiêu biểu, danh nhân. Tán thành những tiêu chí phân loại các cấp độ danh nhân nêu trong Đề án, nhưng cần phải nghiên cứu để cụ thể hóa hơn nữa những tiêu chí này, tạo điều kiện thuận lợi cho việc đánh giá, xếp loại. Việc xem xét, suy tôn danh nhân chỉ thực hiện sau khi người đó mất 20 năm, những người qua đời chưa được 20 năm hoặc những người còn có ý kiến đánh giá khác nhau hoặc chưa rõ ràng về mặt lịch sử thì chưa xem xét việc suy tôn danh hiệu danh nhân, nhưng vẫn được bảo tồn các di tích lưu niệm gắn với cuộc đời và sự nghiệp của họ. Đối với những người có đóng góp đặc biệt xuất sắc, có uy tín lớn, được nhân dân suy tôn thì có thể được xem xét suy tôn danh nhân và thực hiện các hình thức lưu niệm, tưởng niệm trước 20 năm sau khi qua đời (nhưng ít nhất phải được 10 năm). Trong việc suy tôn danh nhân, cần chú ý tới cả những người trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam và người nước ngoài có công lao, đóng góp to lớn với đất nước Việt Nam.

- Cần có các quy định cụ thể, chi tiết hơn về các hình thức lưu niệm, tưởng niệm danh nhân (nhà lưu niệm, tượng niệm, bia di tích danh nhân, việc xây dựng tượng đài, giới thiệu sự nghiệp danh nhân trong bảo tàng, đặt tên danh nhân cho đường phố, công trình công cộng, các loại quỹ công cộng, xuất bản sách, làm phim, đưa vào tài liệu giảng dạy trong nhà trường...) để thống nhất thực hiện trong cả nước (không hồi tố, xem xét lại những công trình đã xây dựng trước khi có quy định này).

- Cần có quy định, hướng dẫn cụ thể về việc tổ chức lễ kỷ niệm cấp quốc gia đối với các danh nhân tiêu biểu (tổ chức 10 năm một lần vào các năm chẵn) cùng với việc tổ chức các ngày lễ lớn của đất nước để việc tổ chức các lễ kỷ niệm được trang trọng, tiết kiệm. Việc xã hội hóa các hình thức tưởng niệm danh nhân của nhân dân ở các địa phương cũng phải có hướng dẫn để thật sự là các sinh hoạt văn hóa có ý nghĩa giáo dục truyền thống. Quản lý chặt chẽ việc làm tượng danh nhân.

3. Trên cơ sở ý kiến chỉ đạo của Bộ Chính trị, Chính phủ ban hành nghị định; các bộ, ngành có liên quan ban hành các thông tư, hướng dẫn việc thực hiện. Chính phủ thành lập Hội đồng quốc gia để tư vấn giúp Thủ tướng Chính phủ thẩm định hồ sơ, lựa chọn danh nhân suy tôn, báo cáo Bộ Chính trị trước khi trình Chủ tịch nước ban hành sắc lệnh suy tôn danh nhân.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
TRƯỞNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**QUYẾT ĐỊNH
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ**

Số 85-QĐ/TW, ngày 24 tháng 9 năm 2007

**Lập Đảng bộ Ngoài nước, tổ chức lại
Ban Cán sự Đảng Ngoài nước thành
Đảng ủy Ngoài nước**

- Căn cứ Điều lệ Đảng;
- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư khóa X;
- Căn cứ Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X;
- Căn cứ tính chất hoạt động trong điều kiện đặc biệt của các tổ chức đảng ngoài nước,

BỘ CHÍNH TRỊ QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Lập Đảng bộ Ngoài nước, đặt trực thuộc Đảng ủy Khối các cơ quan Trung ương.

Đảng bộ Ngoài nước bao gồm các tổ chức đảng hoạt động ở ngoài nước và Đảng bộ cơ quan Đảng ủy Ngoài nước.

Điều 2. Tổ chức lại Ban Cán sự Đảng Ngoài nước thành Đảng ủy Ngoài nước.

Đảng ủy Ngoài nước có 15 ủy viên, gồm một số cấp ủy viên chuyên trách công tác đảng ở trong nước và một số cấp ủy viên ở ngoài nước; Ban Thường vụ Đảng ủy có 5 ủy viên, gồm bí thư, các phó bí thư và trưởng một số ban xây dựng Đảng của Đảng ủy Ngoài nước do Đảng ủy Khối các cơ quan Trung ương chỉ định. Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy có 5 ủy viên do Đảng ủy Ngoài nước bầu theo quy định của Điều lệ Đảng.

Điều 3. Ban Tổ chức Trung ương phối hợp với Đảng ủy Khối các cơ quan Trung ương xây dựng chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của Đảng ủy Ngoài nước phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ, tổ chức mới, trình Ban Bí thư xem xét, quyết định; hướng dẫn Đảng ủy Ngoài nước thực hiện quyết định của Ban Bí thư.

Điều 4. Kinh phí hoạt động của Đảng ủy Ngoài nước do Văn phòng Trung ương Đảng trực tiếp cấp và quản lý.

Đảng ủy Ngoài nước có tài khoản, con dấu riêng.

Văn phòng Trung ương Đảng chủ trì, phối hợp với Ban Tổ chức Trung ương, Đảng ủy Khối các cơ quan Trung ương hướng dẫn việc sử dụng kinh phí hoạt động cho phù hợp với tính chất đặc thù của các tổ chức đảng ở ngoài nước.

Điều 5. Chế độ, chính sách đối với cấp ủy viên và cán bộ chuyên trách của Đảng ủy Ngoài nước bảo lưu đến hết năm 2010.

Giao Ban Tổ chức Trung ương nghiên cứu chế độ, chính sách đối với cán bộ cấp ủy, cán bộ chuyên trách của Đảng ủy Ngoài nước, theo hướng ổn định, lâu dài, phù hợp với tính

chất đặc thù của Đảng ủy Ngoài nước, trình Ban Bí thư xem xét, quyết định.

Điều 6. Ban Tổ chức Trung ương, Đảng ủy Khối các cơ quan Trung ương, Đảng ủy Ngoài nước, Ban Cán sự Đảng Ngoài nước, các tổ chức đảng, các cơ quan, đơn vị liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

TRƯỞNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**QUYẾT ĐỊNH
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ**

Số 86-QĐ/TW, ngày 24 tháng 9 năm 2007

Về việc kiện toàn Ban Chỉ đạo cải cách tư pháp

- Căn cứ Điều lệ Đảng;
- Xét đề nghị của Ban Chỉ đạo cải cách tư pháp,

BỘ CHÍNH TRỊ QUYẾT ĐỊNH:

1. Các đồng chí sau đây thôi tham gia Ban Chỉ đạo cải cách tư pháp:

- Đồng chí Nguyễn Văn Yểu, nguyên Ủy viên Trung ương Đảng, nguyên Phó Chủ tịch Quốc hội, Ủy viên.

- Đồng chí Hà Mạnh Trí, nguyên Ủy viên Trung ương Đảng, nguyên Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Ủy viên.

- Đồng chí Nguyễn Văn Được, Ủy viên Trung ương Đảng, Thứ trưởng Bộ Quốc phòng, Ủy viên.

- Đồng chí Vũ Đức Khiển, nguyên Chủ nhiệm Ủy ban Pháp luật của Quốc hội, Ủy viên.

- Đồng chí Nguyễn Tuấn Khanh, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Trưởng Ban Tổ chức Trung ương, Ủy viên.

2. Bổ sung các đồng chí sau đây tham gia Ban Chỉ đạo cải cách tư pháp:

- Đồng chí Nguyễn Văn Hiện, Ủy viên Trung ương Đảng, nguyên Chánh án Toà án nhân dân tối cao, giữ chức Phó Trưởng ban Thường trực Ban Chỉ đạo cải cách tư pháp.

- Đồng chí Hà Hùng Cường, Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Tư pháp, Ủy viên.

- Đồng chí Phan Trung Kiên, Ủy viên Trung ương Đảng, Thứ trưởng Bộ Quốc phòng, Ủy viên.

- Đồng chí Trương Hoà Bình, Ủy viên Trung ương Đảng, Chánh án Toà án nhân dân tối cao, Ủy viên.

- Đồng chí Trần Quốc Vượng, Ủy viên Trung ương Đảng, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Ủy viên.

- Đồng chí Lê Thị Thu Ba, Ủy viên Trung ương Đảng, Ủy viên Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chủ nhiệm Ủy ban Tư pháp của Quốc hội, Ủy viên.

- Đồng chí Nguyễn Văn Thuận, Ủy viên Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chủ nhiệm Ủy ban Pháp luật của Quốc hội, Ủy viên.

3. Kiện toàn Ban Chỉ đạo cải cách tư pháp gồm các đồng chí:

1- Đồng chí Nguyễn Minh Triết, Ủy viên Bộ Chính trị, Chủ tịch nước, Trưởng ban.

2- Đồng chí Trương Vĩnh Trọng, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Phó Thủ tướng Chính phủ, Phó Trưởng ban thứ nhất.

3- Đồng chí Nguyễn Văn Hiện, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Trưởng ban Thường trực.

4- Đồng chí Lê Hồng Anh, Ủy viên Bộ Chính trị, Bộ trưởng Bộ Công an, Ủy viên.

5- Đồng chí Uông Chu Lưu, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Chủ tịch Quốc hội, Ủy viên.

6- Đồng chí Trương Hoà Bình, Ủy viên Trung ương Đảng, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Ủy viên.

7- Đồng chí Trần Quốc Vượng, Ủy viên Trung ương Đảng, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Ủy viên.

8- Đồng chí Hà Hùng Cường, Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Tư pháp, Ủy viên.

9- Đồng chí Lê Thị Thu Ba, Ủy viên Trung ương Đảng, Ủy viên Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chủ nhiệm Ủy ban Tư pháp của Quốc hội, Ủy viên.

10- Đồng chí Nguyễn Văn Chiềng, Ủy viên Trung ương Đảng, Chủ nhiệm Văn phòng Chủ tịch nước, Ủy viên.

11- Đồng chí Phan Trung Kiên, Ủy viên Trung ương Đảng, Thứ trưởng Bộ Quốc phòng, Ủy viên.

12- Đồng chí Phạm Quốc Anh, Chủ tịch Hội Luật gia Việt Nam, Ủy viên.

13- Đồng chí Nguyễn Văn Thuận, Ủy viên Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chủ nhiệm Ủy ban Pháp luật của Quốc hội, Ủy viên.

14- Đồng chí Nguyễn Văn Quyền, Phó Chánh Văn phòng Trung ương Đảng, Ủy viên kiêm Trưởng ban Thư ký.

Bộ phận Thường trực của Ban Chỉ đạo cải cách tư pháp gồm Trưởng ban, Phó Trưởng ban thứ nhất, Phó Trưởng ban Thường trực và Ủy viên kiêm Trưởng ban Thư ký.

4. Văn phòng Trung ương Đảng có nhiệm vụ tham mưu, giúp việc cho Bộ phận Thường trực Ban Chỉ đạo cải cách tư pháp.

Ban Chỉ đạo cải cách tư pháp có con dấu riêng.

Ban Chỉ đạo cải cách tư pháp được cấp kinh phí hoạt động do Văn phòng Trung ương Đảng đảm bảo.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
TỔNG Bí THƯ
NÔNG ĐỨC MẠNH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO

KẾT LUẬN CỦA BAN Bí THƯ

Số 95-TB/TW, ngày 24 tháng 9 năm 2007

**Về Ngày truyền thống
của Ban Tuyên giáo Trung ương**

Ngày 18-9-2007, sau khi nghe Ban Tuyên giáo Trung ương trình xin ý kiến về việc xác định Ngày truyền thống của Ban sau khi được hợp nhất từ Ban Khoa giáo Trung ương và Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương (Công văn số 648-CV/BTGTW, ngày 4-9-2007 của Ban Tuyên giáo Trung ương), Ban Bí thư đồng ý lấy ngày 1-8-1930 là Ngày truyền thống của Ban Tuyên giáo Trung ương.

T/M BAN Bí THƯ
TRƯỞNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**THÔNG BÁO
KẾT LUẬN CỦA BAN Bí THƯ**

Số 96-TB/TW, ngày 24 tháng 9 năm 2007

Về việc tổng kết 30 năm thực hiện

Chỉ thị số 14-CT/TW về tổ chức đội ngũ báo cáo viên và tuyên truyền viên của Đảng và 10 năm thực hiện Thông báo số 71-TB/TW về tăng cường lãnh đạo và đổi mới công tác tuyên truyền miệng

Ngày 18-9-2007, sau khi nghe Ban Tuyên giáo Trung ương trình xin ý kiến về tổng kết 30 năm thực hiện Chỉ thị số 14-CT/TW, ngày 3-8-1977 của Ban Bí thư "về việc tổ chức đội ngũ báo cáo viên và tuyên truyền viên của Đảng" và 10 năm thực hiện Thông báo số 71-TB/TW, ngày 7-6-1997 của Thường vụ Bộ Chính trị "về việc tăng cường lãnh đạo và đổi mới công tác tuyên truyền miệng" (Tờ trình số 19-TTr/BTGTW, ngày 20-8-2007 của Ban Tuyên giáo Trung ương), Ban Bí thư kết luận như sau:

- Công tác tuyên truyền miệng và việc tổ chức đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên của Đảng có vai trò hết sức quan trọng và được Đảng ta thường xuyên quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo. Trong thời đại phát triển hết sức phong phú, đa

dạng các phương tiện thông tin hiện nay, nhưng tuyên truyền miệng của đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên vẫn có ưu thế riêng và tác dụng to lớn, tuy nhiên cũng đòi hỏi phải xây dựng đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên có chất lượng cao (có tâm huyết, có trình độ, kiến thức và phương pháp tuyên truyền hấp dẫn) và đổi mới về cách làm để tăng sức hấp dẫn, thuyết phục.

Ban Bí thư đồng ý ra chỉ thị về đổi mới và nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác tuyên truyền miệng trong tình hình mới. Hội nghị tổng kết việc thực hiện Chỉ thị số 14-CT/TW của Ban Bí thư (khoá IV) và Thông báo số 71-TB/TW của Thường vụ Bộ Chính trị (khoá VIII) tổ chức gắn với hội nghị tổng kết năm của ngành tuyên giáo để đánh giá những mặt được, chưa được, những vấn đề cần rút kinh nghiệm và triển khai thực hiện chỉ thị của Ban Bí thư để làm tốt hơn công tác này trong những năm tới.

- Trong thời gian từ nay đến hội nghị, Ban Tuyên giáo Trung ương rà soát, rút kinh nghiệm, chấn chỉnh ngay công tác tuyên truyền miệng và tổ chức đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên của Đảng ở các cấp, các ngành đồng thời với việc chuẩn bị hội nghị tổng kết.

T/M BAN Bí THƯ

TRƯỞNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**THÔNG BÁO
KẾT LUẬN CỦA BAN Bí THƯ**

Số 97-TB/TW, ngày 24 tháng 9 năm 2007

**Về việc tổng kết việc thực hiện Chỉ thị 15-CT/TW,
ngày 28-8-2002 của Ban Bí thư về tăng cường
và nâng cao chất lượng công tác nghiên cứu,
biên soạn lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam**

Ngày 18-9-2007, sau khi nghe Học viện Chính trị -
Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh trình xin ý kiến về việc
tổng kết việc thực hiện Chỉ thị 15-CT/TW, ngày 28-8-2002
của Ban Bí thư về tăng cường và nâng cao chất lượng công
tác nghiên cứu, biên soạn lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam
(Tờ trình số 09/TTr-HVCTQG, ngày 24-8-2007), Ban Bí thư
kết luận như sau:

- Nghiên cứu, biên soạn lịch sử Đảng là công tác có ý
nghĩa quan trọng đã được Đảng ta sớm quan tâm lãnh đạo,
chỉ đạo tiến hành trong nhiều năm qua. Ban Bí thư đồng ý
chủ trương tổng kết 5 năm thực hiện Chỉ thị 15-CT/TW của
Ban Bí thư (khoá IX). Tuy nhiên, việc tổng kết cần đánh giá
một cách đầy đủ và bao quát hơn tình hình công tác nghiên
cứu, biên soạn, tuyên truyền lịch sử Đảng trong những năm

qua, chỉ ra những mặt được và chưa được, những vấn đề mới
nảy sinh, rút ra những bài học kinh nghiệm, từ đó đề ra
phương hướng, biện pháp làm tốt hơn công tác nghiên cứu,
biên soạn, tuyên truyền lịch sử Đảng trong thời gian tới.

- Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh
phối hợp với Ban Tuyên giáo Trung ương xây dựng đề cương
hướng dẫn ban tuyên giáo các tỉnh ủy, thành ủy, các ban cán
sư đảng, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc Trung ương tiến hành
tổng kết từ cơ sở tất cả các mặt công tác lịch sử Đảng, từ
nghiên cứu, biên soạn, tuyên truyền, giáo dục, giảng dạy lịch
sử Đảng cho cán bộ, đảng viên và nhân dân, đặc biệt là thế hệ
trẻ đến tổ chức bộ máy và cán bộ, chế độ, chính sách đối với
công tác này; đồng thời xây dựng quy định về viết lịch sử
Đảng, trong đó quy định rõ yêu cầu, quy trình, thẩm quyền
đối với việc nghiên cứu, biên soạn, thẩm định, đánh giá,
nghiệm thu, in ấn, phát hành các công trình lịch sử Đảng...

- Ban Bí thư đồng ý ban hành thông tri về việc tổng kết 5
năm thực hiện Chỉ thị 15-CT/TW của Ban Bí thư (khóa IX).
Việc tổ chức hội nghị toàn quốc tổng kết công tác nghiên cứu,
biên soạn lịch sử Đảng cần phối hợp với tổng kết công tác của
Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh hoặc
của ngành tuyên giáo năm 2007.

T/M BAN Bí THƯ

TRƯỞNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**KẾT LUẬN
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ**

Số 12-KL/TW, ngày 24 tháng 9 năm 2007

**Về những công việc cần làm để triển khai
thực hiện các Nghị quyết Trung ương 5 (khóa X),
phân công chỉ đạo chuẩn bị và thời gian
hoàn thành các đề án**

Tại phiên họp ngày 13-9-2007, sau khi nghe Văn phòng Trung ương Đảng theo sự chỉ đạo của Ban Bí thư, trình về những công việc cần làm và dự kiến phân công các đồng chí Bộ Chính trị, Ban Bí thư phụ trách, chỉ đạo chuẩn bị từng đề án để triển khai thực hiện các Nghị quyết Trung ương 5 (khoá X), Bộ Chính trị đã thảo luận và kết luận:

**A- VỀ NHỮNG VẤN ĐỀ CẦN ĐƯỢC CỤ THỂ HÓA
ĐỂ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CÁC NGHỊ QUYẾT
TRUNG ƯƠNG 5**

I- Đối với Nghị quyết về "Tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động của hệ thống chính trị", cần xây dựng, ban hành các quy chế, quy định về các vấn đề sau đây:

1. Quy định về trách nhiệm của các ban đảng, Đảng đoàn Quốc hội, Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc, các cấp ủy đảng đối với công tác bầu cử Quốc hội.
2. Quy định về tiêu chuẩn đối với người tự ứng cử đại biểu Quốc hội.
3. Quy định về quan hệ lãnh đạo giữa Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư đối với Chủ tịch nước, Đảng đoàn Quốc hội và Ban Cán sự Đảng Chính phủ, Ban Cán sự Đảng Tòa án nhân dân tối cao, Ban Cán sự Đảng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Ban Cán sự Đảng Kiểm toán Nhà nước, ban cán sự đảng các bộ, ngành; với Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, đảng đoàn các đoàn thể chính trị - xã hội.
4. Quy chế về quan hệ công tác giữa Đảng đoàn Quốc hội với Ủy ban Thường vụ Quốc hội, các ủy ban, hội đồng của Quốc hội, với các ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc Trung ương, các ban Trung ương Đảng và các tỉnh ủy, thành ủy.
5. Quy định về sinh hoạt đảng và quản lý đảng viên là đại biểu Quốc hội trong các kỳ họp Quốc hội.
6. Xây dựng cơ chế phán quyết về những vi phạm Hiến pháp trong hoạt động lập pháp, hành pháp, tư pháp.
7. Quy chế về quan hệ công tác giữa Ban Cán sự Đảng Chính phủ với Thủ tướng trực Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, với các đảng đoàn, ban cán sự đảng, đảng ủy trực thuộc Trung ương, các ban Trung ương Đảng và các tỉnh ủy, thành ủy.
8. Quy chế về quan hệ công tác giữa ban cán sự đảng bộ với lãnh đạo bộ, bộ trưởng và đảng ủy cơ quan bộ, với các

đảng đoàn, ban cán sự đảng, đảng ủy trực thuộc Trung ương, các ban Trung ương Đảng, các tỉnh ủy, thành ủy.

9. Sửa đổi, bổ sung tiêu chí xác định các chương trình, dự án Chính phủ phải báo cáo Quốc hội; Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị phải chỉ đạo, định hướng phù hợp với tình hình hiện nay.

10. Quy định về quan hệ công tác giữa Ban Cán sự Đảng Toà án nhân dân tối cao, Ban Cán sự Đảng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Ban Cán sự Đảng Kiểm toán Nhà nước, với tập thể lãnh đạo, với Chánh án Toà án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Tổng Kiểm toán Nhà nước, đảng ủy cơ quan; với các đảng đoàn, ban cán sự đảng, đảng ủy trực thuộc Trung ương, các ban Trung ương Đảng và các tỉnh ủy, thành ủy.

11. Quy định về quan hệ công tác giữa Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc, đảng đoàn các đoàn thể với tập thể lãnh đạo và đảng ủy cơ quan, với các đảng đoàn, ban cán sự đảng, đảng ủy trực thuộc Trung ương, các ban Trung ương Đảng và các tỉnh ủy, thành ủy.

12. Sơ kết việc thực hiện Chiến lược cán bộ; việc thực hiện Nghị quyết 11 của Bộ Chính trị (khoá IX) về việc luân chuyển cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp.

13. Quy chế miễn nhiệm, từ chức của cán bộ; cơ chế phát hiện người có đức, có tài để quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bổ nhiệm.

14. Tổng kết tổ chức và hoạt động của ban cán sự đảng, đảng đoàn.

15. Cải cách các thủ tục hành chính trong Đảng; sửa đổi, bổ sung các quy định của Trung ương về chế độ thông tin, báo

cáo trong Đảng; đổi mới cách ra nghị quyết, chỉ thị và việc quán triệt, tổ chức thực hiện nghị quyết, chỉ thị của Đảng.

16. Quy chế phát huy trí tuệ tập thể của các đồng chí ủy viên Trung ương trong quá trình chuẩn bị nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương.

17. Quy định về mối quan hệ lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy với các đảng đoàn, ban cán sự đảng trực thuộc cấp ủy ở địa phương.

18. Quy chế quản lý và nâng cao trách nhiệm của tổ chức đảng và đảng viên hoạt động trong cơ quan chính quyền.

19. Xây dựng và tổ chức đề án thí điểm việc đồng chí bí thư cấp ủy đồng thời là chủ tịch ủy ban nhân dân ở những cấp không có hội đồng nhân dân, để rút kinh nghiệm.

II- Đối với Nghị quyết về "Đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của bộ máy nhà nước", cần xây dựng, ban hành các quy chế, quy định về các vấn đề sau đây:

1. Quy chế về quan hệ công tác giữa Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng Dân tộc, các ủy ban của Quốc hội với Chính phủ, Toà án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các cơ quan hữu quan khác.

2. Quy định về cơ chế công tố gắn với hoạt động điều tra; về quan hệ giữa các cơ quan tư pháp và các cơ quan hành chính, giữa các cơ quan tư pháp trong hoạt động tố tụng.

3. Đề án hoàn thiện các tổ chức bổ trợ tư pháp.

4. Đề án về danh mục các văn bản pháp luật cần thiết ban hành, bổ sung, sửa đổi từ nay đến năm 2010.

5. Đề án nghiên cứu việc thành lập Tài phán hành chính.

6. Đề án thực hiện thí điểm việc không tổ chức hội đồng nhân dân huyện, quận, phường; thí điểm việc nhân dân bầu trực tiếp chủ tịch ủy ban nhân dân xã.

7. Đề án về chuyển một số nhiệm vụ thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an có đủ điều kiện dân sự hóa sang các bộ.

8. Đề án tiếp tục thực hiện cải cách tiền lương, chế độ phụ cấp công vụ và các chế độ, chính sách khác đối với đội ngũ cán bộ, công chức, bao gồm cả cán bộ, công chức đảng, đoàn thể trong hệ thống chính trị.

9. Đề án về chính sách, chế độ nhà ở cho cán bộ, công chức; về chính sách xây dựng và sử dụng nhà công vụ.

10. Đề án về xã hội hóa một số loại hình dịch vụ công; tổ chức và cơ chế hoạt động của các đơn vị sự nghiệp dịch vụ công.

11. Quy định của Chính phủ về rà soát các loại thủ tục hành chính, bãi bỏ hoặc sửa đổi, bổ sung các thủ tục không cần thiết; về công bố công khai các thủ tục và quy trình giải quyết công việc, thời gian giải quyết, phí và lệ phí; về tiếp tục triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại các cơ quan hành chính nhà nước và các đơn vị sự nghiệp dịch vụ công.

12. Đề án đổi mới công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức; tổ chức việc thi tuyển đối với một số chức danh lãnh đạo gắn với chuyên môn nghiệp vụ trong bộ máy hành chính nhà nước và các đơn vị sự nghiệp.

13. Nghị quyết của Chính phủ về giảm cấp phó trong bộ máy hành chính.

14. Đề án thí điểm thực hiện cơ chế cấp phát ngân sách theo kết quả công việc.

15. Quy định của Chính phủ về quy hoạch và xây dựng công sở.

16. Quy định của Chính phủ về quyền được thông tin của người dân.

III- Đối với Nghị quyết về "Công tác tư tưởng, lý luận và báo chí trước yêu cầu mới", cần nghiên cứu để xây dựng, ban hành các quy chế, quy định về các vấn đề sau đây:

1. Chiến lược công tác tư tưởng của Đảng trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

2. Chiến lược phát triển đội ngũ cán bộ làm công tác tư tưởng, lý luận đến năm 2020.

3. Đề án về chiến lược phát triển văn học nghệ thuật, về phát triển lý luận và phê bình văn học, nghệ thuật trong tình hình mới.

4. Đề án về cải tiến, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các loại hình tuyên truyền, đặc biệt là công tác tuyên truyền miệng.

5. Đề án về nâng cao hiệu quả công tác thông tin đối ngoại.

6. Đề án về tăng cường đấu tranh trên mặt trận tư tưởng, chống âm mưu "diễn biến hoà bình" của các thế lực thù địch.

7. Đề án về tăng cường năng lực điều tra xã hội học, nắm bắt dư luận xã hội.

8. Quy định về trách nhiệm của các cấp ủy đảng, các tổ chức đảng, bí thư cấp ủy, các cán bộ đảng và đảng viên trực tiếp làm công tác tư tưởng, tham gia tổng kết thực tiễn; về việc các cấp ủy đảng tiếp xúc, đối thoại trực tiếp với nhân dân.

9. Quy chế phối hợp giữa cơ quan quản lý nhà nước các cấp với cơ quan làm công tác tư tưởng trong việc triển khai kế

hoạch phát triển kinh tế - xã hội, giải quyết các vấn đề bức xúc của nhân dân.

10. Quy chế phối hợp và gắn kết công tác tư tưởng với công tác tổ chức, cán bộ và công tác kiểm tra đảng trên lĩnh vực tư tưởng, lý luận, báo chí.

11. Đề án về chế độ, chính sách đối với cán bộ ngành tư tưởng, lý luận, báo chí.

12. Đề án về đổi mới, nâng cao chất lượng giảng dạy, học tập chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh và giáo dục công dân trong nhà trường ở từng cấp học; tăng cường công tác giáo dục chính trị cho học sinh, sinh viên.

13. Quy chế dân chủ trong hoạt động lý luận và công tác chỉ đạo, quản lý nghiên cứu lý luận.

14. Đề án về tăng cường công tác xây dựng Đảng trong các cơ quan báo chí.

15. Quy chế phối hợp giữa cơ quan lãnh đạo báo chí của Đảng, cơ quan quản lý báo chí của Nhà nước, Hội Nhà báo và cơ quan chủ quản trong chỉ đạo, quản lý báo chí; về việc định hướng và cung cấp thông tin cho báo chí.

16. Đề án về quy hoạch, sắp xếp lại hệ thống báo chí. Nghiên cứu sửa đổi, bổ sung Luật báo chí.

17. Đề án về nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ làm công tác báo chí, trong đó có vấn đề đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ làm công tác báo chí.

18. Xây dựng cơ chế tài chính đối với báo chí.

IV- Đối với Nghị quyết về "Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của Đảng", cần nghiên cứu, xây dựng để ban hành các quy chế, quy định về các vấn đề sau đây:

1. Quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức.

2. Quy chế dân chủ trong Đảng, quy định thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ và chế độ tự phê bình và phê bình trong Đảng.

3. Quy định về trách nhiệm và xử lý trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy, tổ chức đảng không hoàn thành nhiệm vụ, để cơ quan, đơn vị mình trực tiếp phụ trách xảy ra tham nhũng, tiêu cực, lãng phí.

4. Đề án về tổ chức bộ máy, biên chế ủy ban kiểm tra các cấp.

5. Quy chế giám sát trong Đảng.

6. Quy chế giám sát của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể và nhân dân đối với tổ chức đảng và cán bộ, đảng viên.

7. Quy định xử lý kỷ luật đảng viên vi phạm.

8. Quy chế chất vấn trong Đảng.

9. Quy chế phối hợp giữa Ủy ban Kiểm tra Trung ương với các tổ chức đảng có liên quan.

B- PHÂN CÔNG CHỈ ĐẠO CHUẨN BỊ VÀ THỜI GIAN HOÀN THÀNH CÁC ĐỀ ÁN TRÌNH BỘ CHÍNH TRỊ, BAN BÍ THƯ (như trong 4 phụ lục kèm theo. Ngoài ra còn một số đề án việc chỉ đạo xây dựng, ban hành thuộc thẩm quyền của Chính phủ (Phụ lục 5)).

Căn cứ vào việc phân công của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, các đồng chí được giao phụ trách từng đề án phổ biến đến các cơ quan chủ trì và cơ quan phối hợp để triển khai thực hiện.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

TRƯỞNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

Phụ lục 1
PHÂN CÔNG CHUẨN BỊ ĐỀ ÁN TRÌNH BỘ CHÍNH TRỊ
 thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa X
 về “Tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng
 đổi mới hoạt động của hệ thống chính trị”

Tên Đề án	Đồng chí BCT ¹ , BBT ² phụ trách	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành
1- Quy định về trách nhiệm của các ban đảng, Đảng đoàn Quốc hội, Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc, các cấp ủy đảng đối với công tác bầu cử.	Đồng chí Hồ Đức Việt	Ban Tổ chức Trung ương	Đảng đoàn Quốc hội, Đảng đoàn Mặt trận, các ban đảng và một số cấp ủy địa phương.	Quý III- 2008
2- Quy định về quan hệ lãnh đạo, chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư đối với Chủ tịch nước, Đảng đoàn Quốc hội và Ban Cán sự Đảng Chính phủ, Ban Cán sự Đảng Tòa án nhân	Đồng chí Trương Tấn Sang	Văn phòng Trung ương Đảng	Ban Tổ chức Trung ương, Văn phòng Chủ tịch nước, Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ, Ban Cán sự Đảng Tòa án nhân	Quý II-2008

1. BCT: Bộ Chính trị (B.T).

2. BBT: Ban Bí thư (B.T.).

Tên Đề án	Đồng chí BCT , BBT phụ trách	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành
dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Kiểm toán Nhà nước, ban cán sự đảng các bộ, ngành; với Đảng đoàn Quốc hội, đảng đoàn các đoàn thể chính trị - xã hội			dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Kiểm toán Nhà nước và một số ban cán sự đảng.	
3- Quy chế về quan hệ công tác giữa Đảng đoàn Quốc hội với ủy ban Thường vụ, các ủy ban, hội đồng của Quốc hội, với các ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc Trung ương, các ban Trung ương Đảng và các tỉnh, thành ủy	Đồng chí Nguyễn Phú Trọng	Đảng đoàn Quốc hội	Ban Tổ chức Trung ương, Ban Cán sự Đảng Chính phủ, Ban Cán sự Đảng Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao và một số ban cán sự đảng, đảng đoàn, cấp ủy địa phương.	Quý I-2008
4- Cơ chế phán quyết về những vi phạm Hiến pháp trong hoạt động lập pháp, hành pháp, tư pháp.	Đồng chí Nguyễn Phú Trọng	Đảng đoàn Quốc hội	Ban Tổ chức Trung ương, Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Văn phòng Trung ương, Ban Cán sự Đảng Tòa án nhân dân tối cao,	Quý IV- 2008

Tên Đề án	Đồng chí BCT, BBT phụ trách	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành
			Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Ban Cán sự Đảng Bộ Tư pháp.	
5- Quy chế về quan hệ công tác giữa Ban Cán sự Đảng Chính phủ với Thường trực Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, với các đảng đoàn, ban cán sự đảng, đảng ủy trực thuộc Trung ương, các ban Trung ương Đảng và các tỉnh, thành ủy.	Đồng chí Nguyễn Tấn Dũng	Ban Cán sự Đảng Chính phủ	Ban Tổ chức Trung ương, Đảng đoàn Quốc hội, Ban Cán sự Đảng Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao và một số ban cán sự đảng, đảng đoàn, cấp ủy địa phương.	Quý I-2008
6- Sửa đổi, bổ sung tiêu chí xác định các chương trình, dự án Chính phủ phải báo cáo Quốc hội, Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, phải chỉ đạo, định hướng phù hợp với tình hình hiện nay.	Đồng chí Nguyễn Tấn Dũng	Ban Cán sự Đảng Chính phủ	Văn phòng Trung ương, Đảng đoàn Quốc hội và một số ban cán sự đảng.	Quý II-2008

PHÂN CÔNG CHUẨN BỊ ĐỀ ÁN TRÌNH BAN Bí THƯ
thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa X
về “Tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng
đối với hoạt động của hệ thống chính trị”

Tên Đề án	Đồng chí BCT, BBT phụ trách	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành
1- Quy định về sinh hoạt đảng và quản lý đảng viên là đại biểu Quốc hội trong các kỳ họp Quốc hội.	Đồng chí Hồ Đức Việt	Ban Tổ chức Trung ương	Đảng đoàn Quốc hội	Quý IV-2007
2- Quy chế về quan hệ công tác giữa ban cán sự đảng bộ với lãnh đạo bộ, bộ trưởng và đảng ủy cơ quan bộ, với các đảng đoàn, ban cán sự đảng, đảng ủy trực thuộc Trung ương, các ban Trung ương Đảng và các tỉnh, thành ủy.	Đồng chí Nguyễn Sinh Hùng	Ban Cán sự Đảng Chính phủ	Các ban đảng và một số ban cán sự đảng ở Trung ương	Quý I-2008
3- Quy định về quan hệ công tác giữa Ban Cán sự Đảng Tòa án nhân dân tối cao, Ban Cán sự Đảng Viện Kiểm sát	Đồng chí Hồ Đức Việt	Ban Tổ chức Trung ương	Đảng đoàn Quốc hội, Ban Cán sự Đảng Chính	Quý I-2008

Tên Đề án	Đồng chí BCT, BBT phụ trách	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành
nhân dân tối cao, Ban Cán sự Đảng Kiểm toán Nhà nước với tập thể lãnh đạo, đảng ủy cơ quan, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Tổng Kiểm toán Nhà nước với các đảng đoàn, ban cán sự đảng, đảng ủy trực thuộc Trung ương, các ban Trung ương Đảng và các tỉnh, thành ủy.			phủ, Ban Cán sự đảng Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, các ban đảng ở Trung ương và một số cấp ủy địa phương	
4- Quy định về quan hệ công tác giữa Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc, đảng đoàn các đoàn thể với tập thể lãnh đạo và đảng ủy cơ quan, các đảng đoàn, ban cán sự đảng, đảng ủy trực thuộc Trung ương, các ban Trung ương Đảng và các tỉnh, thành ủy.	Đồng chí Trương Tấn Sang	Ban Dân vận Trung ương	Ban Tổ chức Trung ương, Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội và một số cấp ủy địa phương	Quý I-2008

Tên Đề án	Đồng chí BCT, BBT phụ trách	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành
5- Sơ kết thực hiện Chiến lược cán bộ; việc thực hiện Nghị quyết 11 của Bộ Chính trị (khoá IX) về việc luân chuyển cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp.	Đồng chí Hồ Đức Việt	Ban Tổ chức Trung ương	Các ban đảng ở Trung ương và một số cấp ủy địa phương	Quý I-2008
6- Quy chế miễn nhiệm, từ chức của cán bộ; cơ chế phát hiện người có đức, có tài để quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bổ nhiệm.	Đồng chí Hồ Đức Việt	Ban Tổ chức Trung ương	Các ban đảng ở Trung ương và một số cấp ủy địa phương	Quý II-2008
7- Cải cách các thủ tục hành chính trong Đảng. Sửa đổi, bổ sung các quy định của Trung ương về chế độ thông tin, báo cáo trong Đảng. Đổi mới cách ra chỉ thị, nghị quyết và việc quán triệt, tổ chức thực hiện nghị quyết, chỉ thị của Đảng.	Đồng chí Trương Tấn Sang	Văn phòng Trung ương Đảng	Các ban đảng ở Trung ương, Ban cán sự đảng Bộ Nội vụ và một số cấp ủy địa phương	Quý III- 2008
8- Quy chế phát huy trí tuệ tập thể của các đồng chí ủy viên Trung ương trong quá trình chuẩn bị nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương.	Đồng chí Trương Tấn Sang	Văn phòng Trung ương Đảng	Các ban đảng ở Trung ương và một số đồng chí ủy viên Ban Chấp hành Trung ương	Quý I-2008

Tên Đề án	Đồng chí BCT, BBT phụ trách	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành
9- Xây dựng quy định về mối quan hệ lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy với các đảng đoàn, ban cán sự đảng trực thuộc cấp ủy ở địa phương.	Đồng chí Trương Tấn Sang	Văn phòng Trung ương Đảng	Các ban đảng ở Trung ương và một số cấp ủy địa phương	Quý II-2008
10- Quy chế quản lý và nâng cao trách nhiệm của tổ chức đảng và đảng viên hoạt động trong cơ quan chính quyền.	Đồng chí Hồ Đức Việt	Ban Tổ chức Trung ương	Các ban đảng ở Trung ương và một số cấp ủy địa phương	Quý III-2008
11- Xây dựng và tổ chức Đề án thí điểm việc đồng chí bí thư cấp ủy đồng thời là chủ tịch ủy ban nhân dân ở các cấp không có hội đồng nhân dân để rút kinh nghiệm.	Đồng chí Hồ Đức Việt	Ban Tổ chức Trung ương	Các ban đảng ở Trung ương và một số cấp ủy địa phương	Quý I-2008

Phụ lục 2
PHÂN CÔNG CHUẨN BỊ ĐỀ ÁN TRÌNH BỘ CHÍNH TRỊ
 thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa X
 về “Đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực,
 hiệu quả quản lý của bộ máy nhà nước”

TT	Nội dung công việc	Đồng chí BCT, BBT phụ trách	Cơ quan chủ trì chuẩn bị	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành
1	Đề án tiếp tục thực hiện cải cách tiền lương, chế độ phụ cấp công vụ và các chế độ, chính sách khác đối với đội ngũ cán bộ, công chức, bao gồm cả cán bộ, công chức Đảng, đoàn thể trong hệ thống chính trị.	Đồng chí Nguyễn Tấn Dũng	Ban Cán sự Đảng Chính phủ		Quý IV-2007
2	Đề án về xã hội hóa một số loại hình dịch vụ công cộng; tổ chức và cơ chế hoạt động của các đơn vị sự nghiệp dịch vụ công.	Đồng chí Nguyễn Sinh Hùng	Ban Cán sự Đảng Chính phủ		Quý I-2008

PHÂN CÔNG CHUẨN BỊ ĐỀ ÁN TRÌNH BAN Bí THƯ
thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa X
về “Đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực,
hiệu quả quản lý của bộ máy nhà nước”

TT	Nội dung công việc	Đồng chí BCT, BBT phụ trách	Cơ quan chủ trì chuẩn bị	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành
1	Đề án nghiên cứu việc thành lập Tài phán hành chính.	Đồng chí Trương Vĩnh Trọng	Ban Cán sự Đảng Chính phủ	Ban Cán sự Đảng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Toà án nhân dân tối cao	Quý I-2008
2	Đề án thực hiện thí điểm việc không tổ chức hội đồng nhân dân huyện, quận, phường; thí điểm việc nhân dân bầu trực tiếp chủ tịch ủy ban nhân dân xã.	Đồng chí Nguyễn Sinh Hùng	Ban Cán sự Đảng Chính phủ	Đảng đoàn Quốc hội	Quý II-2008

TT	Nội dung công việc	Đồng chí BCT, BBT phụ trách	Cơ quan chủ trì chuẩn bị	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành
3	Đề án về chính sách, chế độ nhà ở cho cán bộ, công chức; về chính sách xây dựng và sử dụng nhà công vụ.	Đồng chí Hồ Đức Việt	Ban Tổ chức Trung ương	Ban Cán sự Đảng Chính phủ	Quý IV-2007
4	Đề án đổi mới công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức; tổ chức việc thi tuyển đối với một số chức danh lãnh đạo gắn với chuyên môn nghiệp vụ trong bộ máy hành chính nhà nước và các đơn vị sự nghiệp.	Đồng chí Nguyễn Tấn Dũng	Ban Cán sự Đảng Bộ Nội vụ	Ban Tổ chức Trung ương	Quý I-2008

Phụ lục 3

PHÂN CÔNG CHUẨN BỊ ĐỀ ÁN TRÌNH BỘ CHÍNH TRỊ

thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa X

về “Công tác tư tưởng, lý luận và báo chí trước yêu cầu mới”

TT	Nhiệm vụ công tác	Đồng chí BCT, BBT phụ trách	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp hoặc được ủy quyền	Thời gian hoàn thành
1	Xây dựng Chiến lược công tác tư tưởng của Đảng trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa.	Đồng chí Tô Huy Rứa	Ban Tuyên giáo Trung ương	Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh, Hội đồng Lý luận Trung ương	Quý II- 2008
2	Đề án về vấn đề chiến lược phát triển văn học nghệ thuật (trong đó có vấn đề phê bình lý luận văn học nghệ thuật) trong tình hình mới.	Đồng chí Tô Huy Rứa	Ban Tuyên giáo Trung ương	Ban Cán sự Đảng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Đảng đoàn Liên hiệp các hội văn học nghệ thuật	Quý II- 2008

PHÂN CÔNG CHUẨN BỊ ĐỀ ÁN TRÌNH BAN Bí THƯ

thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa X

về “Công tác tư tưởng, lý luận và báo chí trước yêu cầu mới”

TT	Nhiệm vụ công tác	Đồng chí BCT, BBT phụ trách	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp hoặc được ủy quyền	Thời gian hoàn thành
1	Chiến lược phát triển đội ngũ cán bộ làm công tác tư tưởng, lý luận đến năm 2020.	Đồng chí Tô Huy Rứa	Ban Tuyên giáo Trung ương	Ban Tổ chức Trung ương, Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh, Hội đồng Lý luận Trung ương	Quý II- 2008
2	Đề án cải tiến, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các loại hình tuyên truyền, đặc biệt là công tác tuyên truyền miệng.	Đồng chí Tô Huy Rứa	Ban Tuyên giáo Trung ương	Ban Cán sự Đảng Bộ Thông tin và Truyền thông, Ban Cán sự Đảng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Quý I-2008

TT	Nhiệm vụ công tác	Đồng chí BCT, BBT phụ trách	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp hoặc được ủy quyền	Thời gian hoàn thành
3	Đề án nâng cao hiệu quả công tác thông tin đối ngoại.	Đồng chí Phạm Gia Khiêm	Ban Chỉ đạo Thông tin đối ngoại	Ban Tuyên giáo Trung ương, Ban Đối ngoại Trung ương, Ban Cán sự Đảng Bộ Thông tin và Truyền thông, Ban Cán sự Đảng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Ban Cán sự Đảng Bộ Ngoại giao	Quý IV-2007
4	Đề án tăng cường đấu tranh trên mặt trận tư tưởng, chống âm mưu "diễn biến hòa bình" của các thế lực thù địch.	Đồng chí Phạm Gia Khiêm	Ban Chỉ đạo 94	Ban Tuyên giáo Trung ương, Ban Cán sự Đảng Bộ Ngoại giao, Đảng ủy Công an Trung ương, Đảng ủy Quân sự Trung ương	Quý I-2008

TT	Nhiệm vụ công tác	Đồng chí BCT, BBT phụ trách	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp hoặc được ủy quyền	Thời gian hoàn thành
5	Đề án tăng cường năng lực điều tra xã hội học, nắm bắt dư luận xã hội.	Đồng chí Tô Huy Rứa	Ban Tuyên giáo Trung ương	Ban Cán sự Đảng Viện Khoa học xã hội Việt Nam	Quý II-2008
6	Quy định về trách nhiệm của các cấp ủy đảng, các tổ chức đảng, bí thư cấp ủy, các cán bộ đảng và đảng viên trực tiếp làm công tác tư tưởng, tham gia tổng kết thực tiễn; về việc các cấp ủy đảng tiếp xúc, đối thoại trực tiếp với nhân dân.	Đồng chí Tô Huy Rứa	Ban Tuyên giáo Trung ương	Ban Tổ chức Trung ương	Quý I-2008
7	Quy chế phối hợp giữa cơ quan quản lý nhà nước các cấp với cơ quan làm công tác	Đồng chí Tô Huy Rứa	Ban Tuyên giáo Trung ương	Ban Tổ chức Trung ương, Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Ban Cán sự	Quý I-2008

TT	Nhiệm vụ công tác	Đồng chí BCT, BBT phụ trách	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp hoặc được ủy quyền	Thời gian hoàn thành
	tư tưởng trong việc triển khai kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, giải quyết các vấn đề bức xúc của nhân dân.			Đảng Bộ Nội vụ, Ban Cán sự Đảng Thanh tra Chính phủ	
8	Quy chế phối hợp và gắn kết công tác tư tưởng với công tác tổ chức, cán bộ và công tác kiểm tra đảng trên lĩnh vực tư tưởng, lý luận, báo chí.	Đồng chí Tô Huy Rứa	Ban Tuyên giáo Trung ương	Ban Tổ chức Trung ương, Ủy ban Kiểm tra Trung ương	Quý IV- 2007
9	Chế độ, chính sách đối với cán bộ ngành tư tưởng, lý luận, báo chí.	Đồng chí Nguyễn Sinh Hùng	Ban Cán sự Đảng Bộ Tài chính	Văn phòng Trung ương Đảng, Ban Tuyên giáo Trung ương	Quý II- 2008
10	Đề án đổi mới, nâng cao chất lượng giảng dạy, học tập chủ nghĩa Mác - Lenin, tư tưởng	Đồng chí Tô Huy Rứa	Ban Tuyên giáo Trung ương	Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh, Ban Cán sự	Quý IV- 2007

TT	Nhiệm vụ công tác	Đồng chí BCT, BBT phụ trách	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp hoặc được ủy quyền	Thời gian hoàn thành
	Hồ Chí Minh và giáo dục công dân trong nhà trường ở từng cấp học, tăng cường công tác giáo dục chính trị cho học sinh, sinh viên.			Đảng Bộ Giáo dục và Đào tạo	
11	Quy chế dân chủ trong hoạt động lý luận và công tác chỉ đạo, quản lý nghiên cứu lý luận.	Đồng chí Tô Huy Rứa	Hội đồng lý luận Trung ương	Ban Tuyên giáo Trung ương, Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh, Ban Tổ chức Trung ương	Quý II- 2008
12	Đề án tăng cường công tác xây dựng Đảng trong các cơ quan báo chí.	Đồng chí Hồ Đức Việt	Ban Tổ chức Trung ương	Ban Tuyên giáo Trung ương, Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Ban Cán sự Đảng Bộ Thông tin và Truyền thông, Đảng đoàn Hội Nhà báo Việt Nam	Quý I-2008

TT	Nhiệm vụ công tác	Đồng chí BCT, BBT phụ trách	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp hoặc được ủy quyền	Thời gian hoàn thành
13	Quy chế phối hợp giữa cơ quan chỉ đạo báo chí của Đảng, cơ quan quản lý báo chí của Nhà nước, Hội Nhà báo và cơ quan chủ quản trong chỉ đạo, quản lý báo chí; về việc định hướng và cung cấp thông tin cho báo chí.	Đồng chí Tô Huy Rứa	Ban Tuyên giáo Trung ương	Ban Cán sự Đảng Bộ Thông tin và Truyền thông, Đảng đoàn Hội Nhà báo Việt Nam, Ban Cán sự Đảng Bộ Nội vụ, Ban Tổ chức Trung ương	Quý IV- 2007
14	Đề án nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ làm công tác báo chí, đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ làm công tác báo chí.	Đồng chí Tô Huy Rứa	Ban Tuyên giáo Trung ương	Ban Tổ chức Trung ương, Ban Cán sự Đảng Bộ Thông tin và Truyền thông, Đảng đoàn Hội Nhà báo Việt Nam	Quý III- 2008

Phụ lục 4
PHÂN CÔNG CHUẨN BỊ ĐỀ ÁN TRÌNH BỘ CHÍNH TRỊ
 thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa X
 về "Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của Đảng"

TT	Nhiệm vụ công tác	Đồng chí BCT, BBT phụ trách	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp hoặc được ủy quyền	Thời gian hoàn thành
1	Quy chế giám sát trong Đảng.	Đồng chí Nguyễn Văn Chi	Ủy ban Kiểm tra Trung ương		Quý I-2008
2	Quy chế giám sát của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể và nhân dân đối với tổ chức đảng và cán bộ, đảng viên.	Đồng chí Trương Tấn Sang	Ban Dân vận Trung ương	Ban Tổ chức Trung ương	Quý I-2008

PHÂN CÔNG CHUẨN BỊ ĐỀ ÁN TRÌNH BAN Bí THƯ
thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa X
về "Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của Đảng"

TT	Nội dung công việc	Đồng chí BCT, BBT phụ trách	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành
1	Quy chế dân chủ trong Đảng, thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, chế độ tự phê bình và phê bình trong Đảng.	Đồng chí Hồ Đức Việt	Ban Tổ chức Trung ương	Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	Quý I-2008
2	Quy định về trách nhiệm và xử lý trách nhiệm người đứng đầu cấp ủy, tổ chức đảng không hoàn thành nhiệm vụ, để cơ quan, đơn vị mình trực tiếp phụ trách xảy ra tham nhũng, tiêu cực, lãng phí.	Đồng chí Hồ Đức Việt	Ban Tổ chức Trung ương	Ủy ban Kiểm tra Trung ương	Quý I-2008

TT	Nội dung công việc	Đồng chí BCT, BBT phụ trách	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành
3	Đề án về tổ chức bộ máy, biên chế của ủy ban kiểm tra các cấp.	Đồng chí Hồ Đức Việt	Ban Tổ chức Trung ương	Ủy ban Kiểm tra Trung ương	Quý IV-2007
4	Quy định xử lý kỷ luật đảng viên vi phạm.	Đồng chí Nguyễn Văn Chi	Ủy ban Kiểm tra Trung ương	Ban Tổ chức Trung ương	Quý IV-2007
5	Quy chế chất vấn trong Đảng.	Đồng chí Nguyễn Văn Chi	Ủy ban Kiểm tra Trung ương	Đảng đoàn Quốc hội	Quý II-2008
6	Quy chế phối hợp giữa Ủy ban Kiểm tra Trung ương với các tổ chức đảng có liên quan.	Đồng chí Nguyễn Văn Chi	Ủy ban Kiểm tra Trung ương	Các tổ chức đảng liên quan	Quý IV-2007

Phụ lục 5

NHỮNG ĐỀ ÁN CHÍNH PHỦ CHỈ ĐẠO TRIỂN KHAI
thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa X
về “Đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu
quả quản lý của bộ máy nhà nước”

- 1- Đề án hoàn thiện các tổ chức bổ trợ tư pháp.
- 2- Đề án về danh mục các văn bản pháp luật cần thiết phải ban hành, bổ sung, sửa đổi từ nay đến năm 2010.
- 3- Quy định của Chính phủ về rà soát các loại thủ tục hành chính, bãi bỏ hoặc sửa đổi, bổ sung các thủ tục không cần thiết; về công bố công khai các thủ tục và quy trình giải quyết công việc, thời gian giải quyết, phí và lệ phí; về tiếp tục triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại các cơ quan hành chính nhà nước và các đơn vị sự nghiệp dịch vụ công.
- 4- Đề án về chuyển một số nhiệm vụ thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an có đủ điều kiện dân sự hóa sang các bộ.
- 5- Nghị quyết của Chính phủ về giảm cấp phó trong bộ máy hành chính.
- 6- Đề án thí điểm thực hiện cơ chế cấp phát ngân sách theo kết quả công việc.
- 7- Quy định của Chính phủ về quy hoạch và xây dựng công sở.
- 8- Quy định của Chính phủ về quyền được thông tin của người dân.

NHỮNG ĐỀ ÁN CHÍNH PHỦ CHỈ ĐẠO TRIỂN KHAI
thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa X
về công tác tư tưởng, lý luận và báo chí
trước yêu cầu mới

- 1- Xây dựng Đề án quy hoạch, sắp xếp lại hệ thống báo chí; nghiên cứu sửa đổi, bổ sung Luật báo chí.
- 2- Xây dựng cơ chế tài chính đối với báo chí.

ĐỀ ÁN CHÍNH PHỦ CHỈ ĐẠO TRIỂN KHAI
thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa X
về "Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của Đảng"

- 1- Quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức.

**QUY ĐỊNH
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ**

Số 88-QĐ/TW, ngày 1 tháng 10 năm 2007

Về tổ chức đảng trong Công an nhân dân

- Căn cứ Điều lệ Đảng, Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng;
- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư khóa X;

Bộ Chính trị quy định về tổ chức đảng trong Công an nhân dân Việt Nam như sau:

I- TỔ CHỨC ĐẢNG TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

1. Nguyên tắc chung

- Đảng lãnh đạo Công an nhân dân tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt. Cấp ủy các cấp trong Công an nhân dân lãnh đạo mọi mặt công tác đối với các đơn vị thuộc quyền. Các cơ quan chuyên môn ở công an cấp nào có trách nhiệm tham mưu cho cấp ủy công an cấp đó lãnh đạo về lĩnh vực công tác chuyên môn được phân công.

- Tổ chức đảng trong Công an nhân dân hoạt động theo

Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, nghị quyết, chỉ thị của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

- Tổ chức đảng trong Công an nhân dân không có hệ thống dọc từ Trung ương đến các đơn vị cơ sở của công an nhân dân địa phương. Tổ chức đảng ở công an nhân dân địa phương cấp nào đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp về mọi mặt của cấp ủy địa phương cấp đó, đồng thời chấp hành nghị quyết, chỉ thị của đảng ủy công an cấp trên về bảo đảm an ninh chính trị, giữ gìn trật tự an toàn xã hội, xây dựng lực lượng Công an nhân dân và xây dựng tổ chức đảng trong sạch, vững mạnh.

2. Hệ thống tổ chức ở Đảng bộ Công an Trung ương

2.1. Đảng bộ Công an Trung ương trực thuộc Ban Chấp hành Trung ương, bao gồm các tổ chức đảng ở các tổng cục, bộ tư lệnh và các cục, vụ, viện trực thuộc Bộ trưởng Bộ Công an.

Đảng ủy Công an Trung ương do Bộ Chính trị chỉ định, có từ 15 đến 21 ủy viên, gồm các đồng chí ủy viên Ban Chấp hành Trung ương công tác trong Công an nhân dân, lãnh đạo Bộ Công an, tổng cục trưởng các tổng cục và một số đồng chí thủ trưởng ở các đơn vị trực thuộc Bộ trưởng. Ban Thường vụ có từ 5 đến 7 ủy viên.

Đảng ủy Công an Trung ương đặt dưới sự lãnh đạo của Ban Chấp hành Trung ương mà trực tiếp, thường xuyên là Bộ Chính trị, Ban Bí thư. Bộ Chính trị phân công đồng chí ủy viên Bộ Chính trị là Thủ tướng Chính phủ phụ trách Đảng ủy Công an Trung ương.

2.2. Ở các tổng cục ^{đã} lập đảng bộ tổng cục, bao gồm tổ chức đảng ở các cục, vụ, viện, học viện, trường Công an nhân dân

và các đơn vị trực thuộc tổng cục; đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp về mọi mặt của Đảng ủy Công an Trung ương.

Đảng ủy tổng cục trực thuộc Đảng ủy Công an Trung ương là cấp ủy cấp trên trực tiếp của các tổ chức đảng trực thuộc, do đại hội đảng bộ tổng cục bầu; số lượng từ 15 đến 21 ủy viên. Ban thường vụ có từ 5 đến 7 ủy viên.

2.3. Ở các cục, bộ tư lệnh có các đơn vị cơ sở trực thuộc (Cục Quản lý trại giam, Bộ Tư lệnh Cảnh vệ...), lập đảng bộ cục, bộ tư lệnh do Đảng ủy Công an Trung ương quyết định thành lập, bao gồm tổ chức đảng ở các trung đoàn, tiểu đoàn, trại giam, cơ sở giáo dục, trường giáo dưỡng và các phòng trực thuộc cục, bộ tư lệnh.

Đảng ủy cục, bộ tư lệnh nói trên là cấp ủy cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng trực thuộc, do đại hội đảng bộ cùng cấp bầu; số lượng từ 15 đến 21 ủy viên. Ban thường vụ có từ 5 đến 7 ủy viên.

2.4. Ở các cục, vụ, viện, học viện, trường Công an nhân dân, các trung đoàn, tiểu đoàn độc lập, trại giam, cơ sở giáo dục, trường giáo dưỡng, bệnh viện, đơn vị doanh nghiệp của công an và phòng trực thuộc cục, bộ tư lệnh có đặc thù được lập tổ chức cơ sở đảng (đảng bộ cơ sở hoặc chi bộ cơ sở).

Cấp ủy cơ sở do đại hội tổ chức đảng cùng cấp bầu. Đảng ủy cơ sở có số lượng từ 5 đến 15 ủy viên; những nơi có từ 9 ủy viên trở lên được lập ban thường vụ từ 3 đến 5 ủy viên. Chi ủy cơ sở có từ 3 đến 5 ủy viên. Đối với chi bộ có dưới 9 đảng viên chính thức, bầu bí thư; nếu cần, bầu phó bí thư.

2.5. Ở các đơn vị trong Công an nhân dân hoạt động có tính chất đặc biệt, lập tổ chức đảng được giao nhiệm vụ đặc

biệt theo quy định của Trung ương; giao cho Đảng ủy Công an Trung ương hướng dẫn thực hiện cụ thể.

3. Tổ chức đảng ở công an địa phương

3.1. Đảng bộ công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương bao gồm tổ chức đảng ở các phòng, ban và các đơn vị thuộc cơ quan công an tỉnh, thành phố.

Đảng ủy công an tỉnh, thành phố là đảng ủy cấp trên trực tiếp của các tổ chức cơ sở đảng; đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp về mọi mặt của tỉnh ủy, thành ủy mà thường xuyên là ban thường vụ tỉnh ủy, thành ủy.

Đảng ủy công an tỉnh, thành phố có số lượng từ 15 đến 21 ủy viên do đại hội cùng cấp bầu. Ban thường vụ có từ 5 đến 7 ủy viên.

Ban Thường vụ tỉnh ủy, thành ủy phân công đồng chí phó bí thư tỉnh ủy, thành ủy là chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố phụ trách đảng ủy công an tỉnh, thành phố.

3.2. Ở các phòng, ban và các đơn vị thuộc cơ quan công an tỉnh, thành phố, lập tổ chức cơ sở đảng đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp về mọi mặt của đảng ủy công an tỉnh, thành phố.

Cấp ủy cơ sở thuộc đảng bộ công an tỉnh, thành phố do đại hội cùng cấp bầu. Đảng ủy cơ sở có số lượng từ 5 đến 15 ủy viên; những nơi có từ 9 ủy viên trở lên được lập ban thường vụ từ 3 đến 5 ủy viên. Chi ủy cơ sở có từ 3 đến 5 ủy viên. Đối với chi bộ có dưới 9 đảng viên chính thức, bầu bí thư; nếu cần, bầu phó bí thư.

3.3. Ở công an huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi chung là huyện) lập tổ chức cơ sở đảng (đảng bộ cơ sở hoặc chi bộ cơ sở), đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp về mọi

mặt của huyện ủy. Ở những nơi công an huyện chưa đủ 30 đảng viên nhưng có yêu cầu tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, là địa bàn có vị trí quan trọng về an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội thì huyện ủy có thể xem xét, quyết định cho lập đảng bộ cơ sở.

Đảng ủy công an huyện có số lượng từ 5 đến 15 ủy viên do đại hội cùng cấp bầu. Ở những nơi có từ 9 ủy viên trở lên được lập ban thường vụ từ 3 đến 5 ủy viên; chi bộ cơ sở công an huyện có 3 đến 5 ủy viên. Chi bộ có dưới 9 đảng viên chính thức, bầu bí thư, nếu cần, bầu phó bí thư.

Ban thường vụ huyện ủy phân công đồng chí phó bí thư huyện ủy là chủ tịch ủy ban nhân dân huyện phụ trách đảng bộ, chi bộ công an huyện.

3.4. Ở công an phường, thị trấn, lập chi bộ công an phường, thị trấn, đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp về mọi mặt của đảng ủy phường, thị trấn.

4. Tổ chức đảng sinh hoạt tạm thời

Khi có yêu cầu, nhiệm vụ đột xuất cần tập trung lực lượng của nhiều đơn vị để thực hiện trong khoảng thời gian không quá một năm và đủ điều kiện theo quy định của Điều lệ Đảng, thì cấp ủy cấp trên ra quyết định thành lập tổ chức đảng sinh hoạt tạm thời và chỉ định cấp ủy để lãnh đạo thực hiện các nhiệm vụ được giao. Nếu quá một năm thì cấp ủy có thẩm quyền xem xét, quyết định cụ thể. Sau khi hoàn thành nhiệm vụ, cấp ủy có thẩm quyền ra quyết định giải thể tổ chức đảng đó; giới thiệu sinh hoạt đảng cho đảng viên; nhận bàn giao hồ sơ, tài liệu, cơ sở vật chất và báo cáo lên cấp trên.

II- CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA CẤP ỦY VÀ TỔ CHỨC ĐẢNG CÔNG AN CÁC CẤP

1. Đảng ủy Công an Trung ương

1.1. Chức năng

- Nghiên cứu, đề xuất để Ban Chấp hành Trung ương quyết định những vấn đề về đường lối, chính sách bảo đảm an ninh chính trị, giữ gìn trật tự an toàn xã hội và xây dựng lực lượng Công an nhân dân.

- Lãnh đạo mọi mặt công tác trong Công an nhân dân.

1.2. Nhiệm vụ

- Nghiên cứu, đề xuất các quan điểm, đường lối, chính sách, các vấn đề chiến lược, đối sách bảo đảm an ninh chính trị, giữ gìn trật tự an toàn xã hội và phương hướng xây dựng lực lượng Công an nhân dân để trình Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư xem xét, quyết định.

- Lãnh đạo và kiểm tra Công an nhân dân quán triệt và thực hiện đường lối, chính sách, nghị quyết, chỉ thị của Đảng, pháp luật của Nhà nước và lãnh đạo thực hiện thắng lợi nhiệm vụ bảo đảm an ninh chính trị, giữ gìn trật tự an toàn xã hội trong mọi tình huống; phối hợp và hướng dẫn các cấp ủy địa phương, các bộ, ban, ngành, đoàn thể ở Trung ương thực hiện nghị quyết, chỉ thị của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư về bảo đảm an ninh chính trị, giữ gìn trật tự an toàn xã hội và xây dựng lực lượng Công an nhân dân.

- Lãnh đạo xây dựng lực lượng Công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, có bản lĩnh chính trị vững vàng; tuyệt đối trung thành với Tổ quốc, với

Đảng và nhân dân; có trình độ học vấn và tinh thông về chuyên môn nghiệp vụ, mẫu mực về phẩm chất đạo đức, có lối sống lành mạnh, giản dị; có năng lực chỉ huy và tác chiến tốt; có trình độ sẵn sàng chiến đấu và sức chiến đấu ngày càng cao, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ bảo đảm an ninh chính trị, giữ gìn trật tự an toàn xã hội trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; chống các biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống và lợi dụng chức vụ, quyền hạn được giao để vụ lợi, tham nhũng, nhận hối lộ, gây phiền hà, sách nhiễu nhân dân.

- Quyết định mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ từng thời gian của Công an nhân dân; mục tiêu, phương hướng đấu tranh với các vụ án phức tạp, quan trọng có liên quan đến an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội của đất nước; đến người nước ngoài và chính sách đối ngoại của Đảng, Nhà nước; đến cán bộ cao cấp của Đảng, Nhà nước thuộc diện Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý; đến cán bộ cao cấp của Công an nhân dân và các vụ án lớn mà ba ngành (Công an, Tòa án, Kiểm sát) ở Trung ương còn có ý kiến khác nhau cần xin ý kiến chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

- Lãnh đạo công tác đảng, công tác chính trị và công tác quần chúng ở Đảng bộ Công an Trung ương; phối hợp với các tỉnh ủy, thành ủy lãnh đạo công tác đảng, công tác chính trị và công tác quần chúng ở công an địa phương cho phù hợp với tính chất, đặc điểm của Công an nhân dân; quyết định phương hướng, biện pháp tăng cường công tác xây dựng đảng bộ, chi bộ trong sạch, vững mạnh và xây dựng các đoàn thể quần chúng trong Công an nhân dân vững mạnh về mọi mặt.

- Lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra và thực hiện công tác tổ chức, cán bộ trong Công an nhân dân đúng quan điểm, nguyên tắc, chế độ, quy chế, quy định của Đảng và Nhà nước. Quyết định hoặc đề xuất để cấp trên xem xét, quyết định những vấn đề về công tác tổ chức, cán bộ theo thẩm quyền.

- Lãnh đạo và thực hiện công tác kiểm tra, khen thưởng, kỷ luật đối với tổ chức đảng, đảng viên thuộc diện Đảng ủy Công an Trung ương quản lý; giải quyết khiếu nại, tố cáo theo thẩm quyền.

- Lãnh đạo nghiên cứu, xây dựng lý luận về công tác công an, lịch sử, truyền thống Công an nhân dân; công tác nghiên cứu khoa học - công nghệ, hợp tác quốc tế và công tác pháp chế trong Công an nhân dân.

- Quyết định chủ trương, phương hướng, giải pháp lớn về điều hành ngân sách, kế hoạch công tác hậu cần, phát triển khoa học - kỹ thuật và xây dựng các dự án của Công an nhân dân, trình cấp có thẩm quyền của Nhà nước quyết định; chủ trương chăm lo đời sống cho cán bộ, chiến sĩ trong Công an nhân dân.

- Tổ chức Đại hội đại biểu Đảng bộ Công an Trung ương; tham gia chuẩn bị và phục vụ Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng theo chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư; đề xuất kiện toàn Đảng ủy Công an Trung ương và chỉ đạo đại hội các đảng bộ, chi bộ trực thuộc.

1.3. Quyền hạn

- Giúp Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư kiểm tra việc thực hiện các chủ trương, nghị quyết, chỉ thị của Trung ương Đảng trên lĩnh vực bảo đảm an ninh chính trị, giữ gìn trật tự an toàn xã hội và xây dựng lực lượng Công an nhân dân.

Bộ Chính trị ủy nhiệm cho Đảng ủy Công an Trung ương khi cần thiết được triệu tập bí thư tỉnh ủy, thành ủy, bí thư đảng đoàn, bí thư ban cán sự đảng các bộ, ban, ngành, đoàn thể ở Trung ương để truyền đạt, hướng dẫn việc thực hiện những vấn đề trên.

- Thực hiện các quyền theo quy định của Điều lệ Đảng, quy định của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư đối với các cấp ủy trực thuộc Trung ương.

2. Đảng ủy tổng cục

2.1. Chức năng

- Lãnh đạo mọi mặt công tác của tổng cục và các đơn vị thuộc quyền theo quy định phân cấp của Đảng ủy Công an Trung ương.

- Nghiên cứu, đề xuất để Đảng ủy Công an Trung ương xem xét, quyết định những vấn đề về chủ trương, phương hướng, biện pháp cơ bản thuộc lĩnh vực công tác chuyên môn do tổng cục đảm nhiệm và tổ chức thực hiện có hiệu quả các quyết định đó.

2.2. Nhiệm vụ

- Nghiên cứu, đề xuất để Đảng ủy Công an Trung ương xem xét, quyết định những chủ trương, phương hướng, biện pháp thực hiện tốt nhiệm vụ do đơn vị đảm nhiệm.

- Lãnh đạo và kiểm tra thực hiện đúng đường lối, chính sách, nghị quyết, chỉ thị của Đảng, pháp luật của Nhà nước, nghị quyết, chỉ thị, mệnh lệnh của cấp trên trong phạm vi tổng cục; quyết định chủ trương, phương hướng thực hiện những nhiệm vụ trọng tâm, đột xuất, phức tạp có vướng mắc; những vụ án lớn, phức tạp có nhiều địa phương, lực lượng

phối hợp hoặc các vụ án vướng mắc trong đấu tranh và xử lý đối tượng.

- Quyết định phương hướng, kế hoạch giáo dục chính trị tư tưởng nhằm xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên, chiến sĩ trong tổng cục giữ vững phẩm chất chính trị, đạo đức cách mạng; chống các biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống và lợi dụng chức vụ, quyền hạn được giao để tham nhũng, nhận hối lộ, gây phiền hà, sách nhiễu nhân dân.

- Quyết định các chủ trương, biện pháp xây dựng tổ chức đảng trong sạch, vững mạnh và đội ngũ đảng viên thuộc tổng cục có đủ phẩm chất, năng lực lãnh đạo và hoạt động có hiệu quả; lãnh đạo xây dựng các đoàn thể quần chúng trong đơn vị vững mạnh.

- Lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra và thực hiện công tác tổ chức, cán bộ trong tổng cục theo đúng quan điểm, nguyên tắc, chế độ, quy chế, quy định của Đảng và Nhà nước, hướng dẫn của Đảng ủy Công an Trung ương. Quyết định hoặc đề xuất để cấp trên xem xét, quyết định những vấn đề về công tác tổ chức, cán bộ theo thẩm quyền.

- Lãnh đạo và thực hiện công tác kiểm tra, khen thưởng, kỷ luật đối với tổ chức đảng, đảng viên thuộc diện đảng ủy tổng cục quản lý; giải quyết khiếu nại, tố cáo theo thẩm quyền.

- Quyết định mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ của tổng cục theo định kỳ 3 tháng, 6 tháng, 1 năm; chủ trương, kế hoạch phân bổ ngân sách, công tác hậu cần, tài chính hàng năm của tổng cục.

- Tổ chức đại hội đại biểu đảng bộ tổng cục; chuẩn bị, tham gia Đại hội đại biểu Đảng bộ Công an Trung ương; đề

xuất kiện toàn đảng ủy tổng cục và chỉ đạo đại hội các đảng bộ, chi bộ trực thuộc.

2.3. Quyền hạn

Thực hiện các quyền theo quy định của Điều lệ Đảng, các quy định của Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư và hướng dẫn của Đảng ủy Công an Trung ương đối với cấp ủy cấp trên của tổ chức đảng trực thuộc.

3. Đảng ủy cục, bộ tư lệnh có các đơn vị cơ sở trực thuộc

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định đối với đảng ủy cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng. Riêng công tác tổ chức, cán bộ thì thực hiện sự lãnh đạo của cấp ủy theo phân cấp.

4. Đảng ủy công an tỉnh, thành phố

4.1. Chức năng

- Lãnh đạo mọi mặt công tác công an ở địa phương.

- Nghiên cứu, đề xuất để tỉnh ủy, thành ủy quyết định về chủ trương, kế hoạch và biện pháp tổ chức thực hiện nghị quyết, chỉ thị của Trung ương, Đảng ủy Công an Trung ương trong lĩnh vực bảo đảm an ninh chính trị, giữ gìn trật tự an toàn xã hội và xây dựng lực lượng Công an nhân dân.

4.2. Nhiệm vụ

- Nghiên cứu, đề xuất để tỉnh ủy, thành ủy lãnh đạo thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của Trung ương, Đảng ủy Công an Trung ương về lĩnh vực bảo đảm an ninh chính trị, giữ gìn trật tự an toàn xã hội và xây dựng lực lượng Công an nhân dân trong phạm vi tỉnh, thành phố; phối hợp và hướng dẫn

các huyện ủy, các cấp ủy, tổ chức đảng các sở, ban, ngành, đoàn thể trong tỉnh, thành phố thực hiện các nghị quyết, chỉ thị trên.

- Lãnh đạo và kiểm tra công an tỉnh, thành phố thực hiện đúng đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, nghị quyết, chỉ thị, mệnh lệnh của cấp trên; đề ra phương hướng, nhiệm vụ công tác 3 tháng, 6 tháng, 1 năm của công an tỉnh, thành phố.

- Quyết định phương hướng, kế hoạch giáo dục chính trị tư tưởng cho cán bộ, đảng viên của công an tỉnh, thành phố trong từng thời gian phù hợp với sự chỉ đạo của cấp trên và tình hình thực tế của công an tỉnh, thành phố; chống các biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống và lợi dụng chức vụ, quyền hạn được giao để vụ lợi, tham nhũng, nhận hối lộ, gây phiền hà, sách nhiễu nhân dân.

- Lãnh đạo công tác đảng, công tác chính trị và công tác quần chúng ở công an tỉnh, thành phố; phối hợp với huyện ủy lãnh đạo công tác đảng, công tác chính trị và công tác quần chúng ở công an huyện cho phù hợp với tính chất, đặc điểm của Công an nhân dân; quyết định chủ trương, phương hướng, biện pháp tăng cường công tác xây dựng đảng bộ, chi bộ trong sạch, vững mạnh và xây dựng các đoàn thể quần chúng ở công an tỉnh, thành phố vững mạnh.

- Lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra và thực hiện công tác tổ chức, cán bộ trong công an tỉnh, thành phố đúng quan điểm, nguyên tắc, chế độ, quy chế, quy định của Đảng, Nhà nước và của cấp trên. Quyết định hoặc đề xuất để cấp trên xem xét, quyết định những vấn đề về công tác tổ chức, cán bộ theo thẩm quyền.

- Lãnh đạo và thực hiện công tác kiểm tra, khen thưởng, kỷ luật đối với tổ chức đảng, đảng viên thuộc diện đảng ủy công an tỉnh, thành phố quản lý; giải quyết khiếu nại, tố cáo theo thẩm quyền.

- Quyết định chủ trương sơ kết, tổng kết những chuyên đề lớn về công tác bảo đảm an ninh chính trị, giữ gìn trật tự an toàn xã hội và xây dựng lực lượng công an tỉnh, thành phố. Cho ý kiến về kết quả chỉ đạo đấu tranh, xử lý các vụ án lớn, phức tạp về chính trị, kinh tế, hình sự, các vụ án có liên quan đến cán bộ công an khi ban thường vụ đảng ủy đề nghị; chủ trương sơ kết, tổng kết các vụ án lớn, điển hình của địa phương để rút kinh nghiệm chung.

- Lãnh đạo công tác hậu cần, đời sống và phương hướng dự toán ngân sách, kế hoạch phân bổ ngân sách hằng năm của công an tỉnh, thành phố.

- Tổ chức đại hội đại biểu đảng bộ công an tỉnh, thành phố; tham gia, chuẩn bị và phục vụ đại hội đại biểu đảng bộ tỉnh, thành phố; đề xuất kiện toàn đảng ủy công an tỉnh, thành phố và chỉ đạo đại hội các đảng bộ, chi bộ trực thuộc.

4.3. Quyền hạn

- Giúp tỉnh ủy, thành ủy kiểm tra việc thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của Trung ương, của Đảng ủy Công an Trung ương, lãnh đạo Bộ Công an và của tỉnh ủy, thành ủy về bảo đảm an ninh chính trị, giữ gìn trật tự an toàn xã hội và xây dựng lực lượng Công an nhân dân trong phạm vi tỉnh, thành phố.

Khi cần thiết, ban thường vụ tỉnh ủy, thành ủy ủy nhiệm cho đảng ủy công an tỉnh, thành phố được triệu tập bí thư huyện ủy, trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể thuộc tỉnh,

thành phố để truyền đạt, hướng dẫn việc thực hiện những vấn đề thuộc các lĩnh vực trên.

- Thực hiện các quyền theo quy định của Điều lệ Đảng, quy định của Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư và hướng dẫn của cấp ủy cấp trên đối với cấp ủy cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng.

5. Cấp ủy công an huyện

5.1. Chức năng

- Lãnh đạo mọi mặt công tác công an ở công an huyện.

- Nghiên cứu, đề xuất để huyện ủy quyết định về kế hoạch, biện pháp tổ chức thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của cấp ủy cấp trên và của đảng ủy công an cấp trên trong lĩnh vực bảo đảm an ninh chính trị, giữ gìn trật tự an toàn xã hội và xây dựng lực lượng Công an nhân dân.

5.2. Nhiệm vụ

- Nghiên cứu, đề xuất với huyện ủy các chủ trương, biện pháp lãnh đạo thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của cấp trên về lĩnh vực bảo đảm an ninh chính trị, giữ gìn trật tự an toàn xã hội và xây dựng lực lượng công an trong phạm vi huyện; phối hợp và hướng dẫn cấp ủy xã, phường, thị trấn và các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể ở huyện thực hiện các nghị quyết, chỉ thị trên.

- Lãnh đạo và kiểm tra công an huyện thực hiện đúng đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, nghị quyết, chỉ thị, mệnh lệnh của cấp trên; đề ra phương hướng, nhiệm vụ công tác hàng tháng, 3 tháng, 6 tháng và 1 năm của công an huyện.

- Lãnh đạo chính trị, giáo dục tư tưởng cho cán bộ, đảng viên, chiến sĩ công an huyện kiên định mục tiêu lý tưởng xâ

hội chủ nghĩa; phát huy truyền thống cách mạng, sẵn sàng hy sinh bảo vệ Đảng, bảo vệ Tổ quốc; chấp hành nghiêm chỉnh chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; kiên quyết đấu tranh với các loại tội phạm; chống các biểu hiện tiêu cực, tham nhũng, quan liêu, lãng phí, sách nhiễu nhân dân.

- Lãnh đạo công tác đảng, công tác chính trị, công tác quần chúng trong đảng bộ, chi bộ công an huyện, xây dựng đảng bộ, chi bộ công an huyện trong sạch, vững mạnh; phối hợp với cấp ủy phường, thị trấn lãnh đạo công tác đảng, công tác chính trị và công tác quần chúng ở công an phường, thị trấn cho phù hợp với tính chất, đặc điểm của Công an nhân dân.

- Lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra và thực hiện công tác tổ chức, cán bộ của công an huyện theo đúng quan điểm, nguyên tắc, chế độ, quy chế, quy định của Đảng, Nhà nước và của cấp trên. Quyết định hoặc đề xuất để cấp trên xem xét, quyết định những vấn đề về công tác tổ chức, cán bộ theo thẩm quyền.

- Lãnh đạo thực hiện và thực hiện công tác kiểm tra, khen thưởng, kỷ luật đối với tổ chức đảng, đảng viên thuộc diện cấp ủy công an huyện quản lý; giải quyết khiếu nại, tố cáo theo thẩm quyền.

- Tổ chức đại hội đảng ở công an huyện; tham gia, chuẩn bị và phục vụ đại hội đảng bộ huyện; đề xuất kiện toàn cấp ủy công an huyện và chỉ đạo đại hội các chi bộ trực thuộc (nếu có).

5.3. Quyền hạn

- Giúp huyện ủy kiểm tra việc thực hiện các nghị quyết,

chỉ thị của cấp ủy cấp trên, của cấp ủy công an cấp trên và của huyện ủy về bảo đảm an ninh chính trị, giữ gìn trật tự an toàn xã hội và xây dựng lực lượng Công an nhân dân trong phạm vi huyện.

Khi cần thiết, ban thường vụ huyện ủy ủy nhiệm cho cấp ủy công an huyện được triệu tập bí thư đảng ủy xã, phường, thị trấn, trưởng các ban, ngành, đoàn thể thuộc huyện để truyền đạt, hướng dẫn việc thực hiện những vấn đề thuộc các lĩnh vực trên.

- Thực hiện các quyền theo quy định của Điều lệ Đảng và các quy định của Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư đối với cấp ủy cơ sở.

6. Tổ chức cơ sở đảng, tổ chức đảng được giao nhiệm vụ đặc biệt và chi bộ công an phường, thị trấn

6.1. Tổ chức cơ sở đảng trong Đảng bộ Công an Trung ương và đảng bộ công an tỉnh, thành phố

Có chức năng là hạt nhân chính trị, lãnh đạo mọi mặt công tác đối với các đơn vị thuộc quyền. Nhiệm vụ, quyền hạn thực hiện theo quy định của Điều lệ Đảng và quy định của Bộ Chính trị, Ban Bí thư phù hợp với từng loại hình tổ chức cơ sở đảng trong Công an nhân dân.

6.2. Tổ chức đảng được giao nhiệm vụ đặc biệt

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo hướng dẫn của Đảng ủy Công an Trung ương.

6.3. Chi bộ công an phường, thị trấn

Chi bộ công an ~~phường~~, thị trấn thực hiện đầy đủ nhiệm vụ quy định tại Điều 24, Điều lệ Đảng và các nhiệm vụ sau:

- Lãnh đạo công an phường, thị trấn thực hiện đúng đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và nghị quyết, chỉ thị, mệnh lệnh công tác của cấp trên; xây dựng đơn vị trong sạch, vững mạnh; đấu tranh chống các biểu hiện tiêu cực, sáu nhiễu nhân dân trong cán bộ, đảng viên, chiến sĩ công an phường, thị trấn.

- Nghiên cứu, đề xuất để đảng ủy phường, thị trấn quyết định về kế hoạch, biện pháp thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của Đảng, của cấp ủy cấp trên và các nghị quyết của cấp ủy công an cấp trên về lĩnh vực bảo đảm an ninh chính trị, giữ gìn trật tự an toàn xã hội và xây dựng lực lượng Công an nhân dân; giúp đảng ủy phường, thị trấn hướng dẫn, kiểm tra việc tổ chức triển khai, thực hiện các kế hoạch đó trong phạm vi phường, thị trấn.

III- CÁC MỐI QUAN HỆ CỦA CẤP ỦY CÔNG AN NHÂN DÂN

1. Quan hệ giữa Đảng ủy Công an Trung ương với các tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương

Là quan hệ phối hợp trong lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ bảo đảm an ninh chính trị, giữ gìn trật tự an toàn xã hội và xây dựng lực lượng Công an nhân dân; lãnh đạo xây dựng thế trận an ninh nhân dân và phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc ở tỉnh, thành phố.

Định kỳ hàng năm hoặc đột xuất, Đảng ủy Công an Trung ương thông báo hoặc làm việc với tỉnh ủy, thành ủy về các chủ trương, phương hướng, nhiệm vụ bảo đảm an ninh chính trị, giữ gìn trật tự an toàn xã hội và xây dựng lực lượng Công an nhân dân.

Các tỉnh ủy, thành ủy có trách nhiệm lãnh đạo thực hiện nghị quyết của Đảng ủy Công an Trung ương trên lĩnh vực bảo đảm an ninh chính trị, giữ gìn trật tự an toàn xã hội và xây dựng lực lượng Công an nhân dân trong phạm vi tỉnh, thành phố; tham gia ý kiến với Đảng ủy Công an Trung ương về chủ trương, phương hướng xây dựng thế trận an ninh nhân dân và phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc. Nếu có vấn đề tỉnh ủy, thành ủy chưa thống nhất với nghị quyết của Đảng ủy Công an Trung ương thì báo cáo, xin ý kiến chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư. Khi có tình huống đột xuất, phức tạp về an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội xảy ra tại địa phương thì tỉnh ủy, thành ủy báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư, đồng thời trao đổi với Đảng ủy Công an Trung ương để có sự hướng dẫn, chỉ đạo về nghiệp vụ.

Ban Thường vụ Đảng ủy Công an Trung ương trước khi quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, luân chuyển, điều động, khen thưởng, kỷ luật đối với giám đốc và các phó giám đốc công an tỉnh, thành phố thì cần phải trao đổi thống nhất với ban thường vụ tỉnh ủy, thành ủy; thủ tục, quy trình cụ thể thực hiện theo hướng dẫn của Ban Tổ chức Trung ương. Nếu không thống nhất thì Ban Thường vụ Đảng ủy Công an Trung ương quyết định. Trường hợp cán bộ lãnh đạo công an tỉnh, thành phố là ủy viên ban chấp hành đảng bộ tỉnh, thành phố thì phải báo cáo, xin ý kiến Ban Bí thư (qua Ban Tổ chức Trung ương) trước khi quyết định.

Đối với đồng chí giám đốc công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được bổ nhiệm trong thời gian giữa hai nhiệm kỳ đại hội đảng bộ tỉnh, thành phố thì tỉnh ủy, thành ủy căn cứ vào yêu cầu, tiêu chuẩn cán bộ, chủ động trao đổi,

thống nhất với Đảng ủy Công an Trung ương để trình Ban Bí thư chỉ định bổ sung kịp thời vào tỉnh ủy, thành ủy và lãnh đạo việc bầu bổ sung đồng chí đó vào ban thường vụ tỉnh ủy, thành ủy theo Quy định số 23-QĐ/TW, ngày 31-10-2006 của Bộ Chính trị về “Quy định thi hành Điều lệ Đảng”.

Tỉnh ủy, thành ủy trước khi lựa chọn cán bộ lãnh đạo công an tỉnh, thành phố tham gia cấp ủy tỉnh, thành phố; quyết định khen thưởng, kỷ luật về Đảng hoặc điều chuyển sang công tác ở các ngành khác đối với đảng viên là cán bộ thuộc công an tỉnh, thành phố trong diện quản lý của Đảng ủy Công an Trung ương thì trao đổi, thống nhất với Đảng ủy Công an Trung ương. Nếu không thống nhất thì tỉnh ủy, thành ủy báo cáo, xin ý kiến Ban Bí thư (qua Ban Tổ chức Trung ương) trước khi quyết định.

2. Quan hệ giữa đảng ủy công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương với cấp ủy huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (gọi chung là huyện ủy)

Là quan hệ phối hợp trong lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ bảo đảm an ninh chính trị, giữ gìn trật tự an toàn xã hội và xây dựng lực lượng Công an nhân dân; lãnh đạo xây dựng thể trạng an ninh nhân dân và phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc ở huyện.

Định kỳ 6 tháng hoặc đột xuất, đảng ủy công an tỉnh, thành phố thông báo hoặc làm việc với huyện ủy về chủ trương, nhiệm vụ bảo đảm an ninh chính trị, giữ gìn trật tự an toàn xã hội và xây dựng lực lượng công an ở địa phương.

Huyện ủy có trách nhiệm lãnh đạo thực hiện nghị quyết của đảng ủy công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

trên lĩnh vực bảo đảm an ninh chính trị, giữ gìn trật tự an toàn xã hội và xây dựng lực lượng Công an nhân dân trong phạm vi huyện; tham gia ý kiến với đảng ủy công an tỉnh, thành phố về chủ trương, phương hướng xây dựng thể trạng an ninh nhân dân và phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc. Nếu huyện ủy có vấn đề chưa thống nhất với nghị quyết của đảng ủy công an tỉnh, thành phố thì báo cáo, xin ý kiến chỉ đạo của ban thường vụ tỉnh ủy, thành ủy. Khi có tình huống đột xuất, phức tạp về an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội xảy ra tại địa phương thì huyện ủy báo cáo ban thường vụ tỉnh ủy, thành ủy, đồng thời trao đổi với đảng ủy công an tỉnh, thành phố để có sự hướng dẫn, chỉ đạo về nghiệp vụ.

Ban thường vụ đảng ủy công an tỉnh, thành phố trước khi quyết định hoặc đề nghị cấp trên quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, luân chuyển, điều động, khen thưởng, kỷ luật đối với trưởng, phó trưởng công an huyện thì trao đổi, thống nhất với ban thường vụ huyện ủy. Nếu không thống nhất thì ban thường vụ đảng ủy công an tỉnh, thành phố quyết định theo thẩm quyền. Trường hợp cán bộ lãnh đạo công an huyện là ủy viên ban chấp hành đảng bộ huyện thì báo cáo, xin ý kiến ban thường vụ tỉnh ủy, thành ủy xem xét, quyết định (qua ban tổ chức tỉnh ủy, thành ủy).

Đối với đồng chí trưởng công an huyện được bổ nhiệm trong thời gian giữa hai nhiệm kỳ đại hội đảng bộ huyện thì huyện ủy chủ động trao đổi, thống nhất với đảng ủy công an tỉnh, thành phố trình ban thường vụ tỉnh ủy, thành ủy chỉ định bổ sung kịp thời vào huyện ủy và lãnh đạo việc bầu bổ sung đồng chí đó vào ban thường vụ huyện ủy theo Quy định số 23-QĐ/TW, ngày 31-10-2006 của Bộ Chính trị về “Quy định thi hành Điều lệ Đảng”.

Huyện ủy trước khi lựa chọn cán bộ lãnh đạo công an huyện tham gia huyện ủy; quyết định khen thưởng, kỷ luật về Đảng hoặc điều động sang công tác ở ngành khác đối với đảng viên là trưởng, phó trưởng công an huyện thì trao đổi, thống nhất với đảng ủy công an tỉnh, thành phố. Nếu không thống nhất thì huyện ủy báo cáo, xin ý kiến ban thường vụ tỉnh ủy, thành ủy (qua ban tổ chức tỉnh ủy, thành ủy) trước khi quyết định.

3. Quan hệ giữa cấp ủy công an huyện với đảng ủy xã, phường, thị trấn

Là quan hệ phối hợp lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ bảo đảm an ninh chính trị, giữ gìn trật tự an toàn xã hội và xây dựng lực lượng Công an nhân dân; xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc ở xã, phường, thị trấn.

Định kỳ 6 tháng hoặc đột xuất, cấp ủy công an huyện thông báo hoặc làm việc với đảng ủy xã, phường, thị trấn về chủ trương, tình hình, nhiệm vụ bảo đảm an ninh chính trị, giữ gìn trật tự an toàn xã hội và xây dựng lực lượng Công an nhân dân địa phương.

Đảng ủy xã, phường, thị trấn có trách nhiệm lãnh đạo thực hiện nghị quyết của cấp ủy công an huyện trên lĩnh vực bảo đảm an ninh chính trị, giữ gìn trật tự an toàn xã hội và xây dựng lực lượng công an trong phạm vi xã, phường, thị trấn; tham gia ý kiến với cấp ủy công an huyện về phương hướng xây dựng và phát động phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc.

Cấp ủy công an huyện trước khi đề nghị cấp trên quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, điều động, khen thưởng, kỷ luật

đối với trưởng, phó trưởng công an phường, thị trấn thì trao đổi, thống nhất với đảng ủy phường, thị trấn. Nếu không thống nhất thì cấp ủy công an huyện quyết định theo thẩm quyền. Trường hợp cán bộ lãnh đạo công an phường, thị trấn là ủy viên thường vụ cấp ủy phường, thị trấn thì báo cáo, xin ý kiến ban thường vụ huyện ủy và ban thường vụ đảng ủy công an tỉnh, thành phố xem xét, quyết định.

Đảng ủy xã, phường, thị trấn trước khi lựa chọn cán bộ lãnh đạo công an xã, phường, thị trấn tham gia cấp ủy xã, phường, thị trấn; quyết định khen thưởng, kỷ luật hoặc điều động sang công tác ở ngành khác đối với đảng viên là lãnh đạo công an xã, phường, thị trấn thì trao đổi, thống nhất với cấp ủy công an huyện. Nếu không thống nhất thì đảng ủy xã, phường, thị trấn báo cáo, xin ý kiến ban thường vụ huyện ủy (qua ban tổ chức huyện ủy) trước khi quyết định.

4. Quan hệ giữa cấp ủy công an với các ban, ngành, Mặt trận và đoàn thể chính trị - xã hội cùng cấp

Cấp ủy công an có trách nhiệm hướng dẫn các ban, ngành, Mặt trận, các đoàn thể chính trị - xã hội cùng cấp thực hiện nghị quyết của Trung ương, của cấp ủy công an cấp trên và cấp ủy địa phương về bảo đảm an ninh chính trị, giữ gìn trật tự an toàn xã hội theo chức năng của từng ban, ngành, Mặt trận, đoàn thể nhằm vận động và tổ chức quần chúng, các tầng lớp nhân dân tham gia phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc.

Đối với các ban ^{chứa} Trung ương và của cấp ủy địa phương cùng cấp là quan hệ phối hợp để tham mưu cho cấp

ủy cùng cấp và chịu sự hướng dẫn, kiểm tra về nghiệp vụ công tác xây dựng Đảng theo chức năng từng ban.

5. Quan hệ giữa cấp ủy công an cấp trên với cấp ủy công an địa phương cấp dưới

Cấp ủy công an cấp trên phối hợp với cấp ủy địa phương để chỉ đạo cấp ủy công an địa phương cấp dưới về công tác đảng, công tác chính trị và công tác quần chúng cho phù hợp với tính chất, đặc điểm của Công an nhân dân. Cấp ủy công an địa phương cấp dưới có trách nhiệm chấp hành nghị quyết của cấp ủy công an cấp trên về bảo đảm an ninh chính trị, giữ gìn trật tự an toàn xã hội và xây dựng lực lượng Công an nhân dân.

Cấp ủy công an địa phương cấp dưới khi gửi báo cáo tình hình, kết quả công tác theo định kỳ hoặc đột xuất lên cấp ủy địa phương cùng cấp thì đồng gửi cấp ủy công an cấp trên trực tiếp để theo dõi, hướng dẫn cho phù hợp với tính chất, đặc điểm của Công an nhân dân.

6. Quan hệ giữa cấp ủy công an với đồng chí thủ trưởng công an cùng cấp

Quan hệ giữa cấp ủy công an với đồng chí thủ trưởng công an cùng cấp là mối quan hệ giữa lãnh đạo và phục tùng.

Định kỳ hoặc đột xuất, thủ trưởng có trách nhiệm báo cáo với cấp ủy tình hình các mặt công tác của cơ quan, đơn vị và đề xuất biện pháp thực hiện từng thời gian. Cấp ủy thảo luận, ra nghị quyết lãnh đạo về mục tiêu, yêu cầu, chủ trương, phương hướng và phân công trách nhiệm cho cấp ủy viên thực hiện; định chế độ kiểm tra đối với các mặt công tác

của cơ quan, đơn vị. Thủ trưởng cụ thể hóa thành chương trình, kế hoạch, mệnh lệnh để tổ chức thực hiện các nghị quyết đó và điều hành theo chức trách của thủ trưởng.

Về công tác tổ chức, cán bộ ở công an mỗi cấp do tập thể cấp ủy hoặc ban thường vụ cấp ủy công an cấp đó quyết định theo thẩm quyền, thủ trưởng thể chế hóa thành văn bản nhà nước và tổ chức thực hiện.

IV. VỀ CƠ QUAN XÂY DỰNG LỰC LUỢNG TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

1. Tổng cục Xây dựng lực lượng Công an nhân dân đảm nhiệm công tác đảng, công tác chính trị và công tác quần chúng trong các đơn vị thuộc Đảng bộ Công an Trung ương; hoạt động dưới sự lãnh đạo của Đảng ủy Công an Trung ương; tham mưu, giúp Đảng ủy Công an Trung ương trong việc phối hợp với cấp ủy địa phương lãnh đạo công tác đảng, công tác chính trị và công tác quần chúng trong lực lượng công an địa phương; đồng thời chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn của các ban đảng ở Trung ương về công tác xây dựng Đảng.

2. Cơ quan xây dựng lực lượng ở Công an nhân dân mỗi cấp đảm nhiệm công tác đảng, công tác chính trị, công tác quần chúng trong đảng bộ cấp mình; hoạt động dưới sự lãnh đạo của cấp ủy đảng công an cùng cấp, sự chỉ đạo của cơ quan xây dựng lực lượng Công an nhân dân cấp trên và sự chỉ đạo, hướng dẫn về nghiệp vụ của các ban đảng của cấp ủy địa phương cùng cấp; tham mưu, giúp đảng ủy công an cùng cấp trong việc phối hợp với cấp ủy địa phương cấp dưới lãnh

đạo công tác đảng, công tác chính trị và công tác quần chúng trong lực lượng công an địa phương cấp dưới.

*

* *

Căn cứ quy định này, các ban đảng ở Trung ương phối hợp với Đảng ủy Công an Trung ương hướng dẫn thực hiện. Trong quá trình thực hiện, nếu có phát sinh vấn đề mới thì báo cáo, xin ý kiến chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư (qua Ban Tổ chức Trung ương).

Quy định này thay thế Quy định số 107-QĐ/TW, ngày 19-8-2004 của Bộ Chính trị (khoá IX) và có hiệu lực thi hành từ ngày ký.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
TRƯỞNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

Số 89-QĐ/TW, ngày 3 tháng 10 năm 2007

QUY ĐỊNH CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức, bộ máy, địa bàn hoạt động, quan hệ công tác, chế độ, chính sách cán bộ của các Ban Chỉ đạo:

Tây Bắc, Tây Nguyên, Tây Nam Bộ

- Căn cứ Điều lệ Đảng; Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư khóa X;

- Căn cứ các Quyết định số 117-QĐ/TW, ngày 24-8-2004; số 46-QĐ/TW, ngày 17-7-2002; số 56-QĐ/TW, ngày 09-12-2002 của Bộ Chính trị (khoá IX) về việc thành lập các Ban Chỉ đạo: Tây Bắc, Tây Nguyên, Tây Nam Bộ,

Bộ Chính trị quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức, bộ máy, địa bàn hoạt động, quan hệ công tác, chế độ, chính sách cán bộ của các Ban Chỉ đạo: Tây Bắc, Tây Nguyên và Tây Nam Bộ như sau:

Chương I

CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ, TRÁCH NHIỆM, QUYỀN HẠN, TỔ CHỨC CỦA CÁC BAN CHỈ ĐẠO

Điều 1. Chức năng và tổ chức bộ máy của các Ban Chỉ đạo

1. Chức năng của các Ban Chỉ đạo:

Các Ban Chỉ đạo: Tây Bắc, Tây Nguyên và Tây Nam Bộ là các cơ quan trực thuộc Bộ Chính trị, Ban Bí thư, giúp Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ ghi tại Điều 2 của Quy định này.

2. Tổ chức bộ máy của các Ban Chỉ đạo:

- Bộ Chính trị phân công một đồng chí ủy viên Bộ Chính trị làm Trưởng Ban Chỉ đạo.

- Bộ phận chuyên trách Ban Chỉ đạo gồm Cơ quan Thường trực và Văn phòng Ban Chỉ đạo.

Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo gồm: một đồng chí Ủy viên Trung ương Đảng làm Phó trưởng ban Thường trực; một số đồng chí Phó trưởng ban chuyên trách và một số đồng chí ủy viên chuyên trách. Cơ quan Thường trực có 4 vụ tham mưu, giúp việc: Vụ Kinh tế - Xã hội, Vụ An ninh - Quốc phòng, Vụ Dân tộc, tôn giáo và Vụ Xây dựng hệ thống chính trị.

- Bộ phận kiêm nhiệm gồm các đồng chí bí thư tỉnh ủy, thành ủy hoặc chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, tư lệnh quân khu, tư lệnh quân đoàn trên địa bàn và đại diện lãnh đạo của một số ban, bộ, ngành Trung ương tham gia Ban Chỉ đạo với chức danh thành viên kiêm nhiệm: Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Ngoại giao, Bộ Nội vụ (Ban Tôn giáo Chính phủ), Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Bộ Giao thông vận tải, Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Y tế, Ủy ban Dân tộc, Văn phòng Chính phủ, Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Ban Tổ chức Trung ương, Ban Dân vận Trung ương, Ban Tuyên giáo Trung ương.

Khi cần thiết, Ban Bí thư chỉ định bổ sung đại diện lãnh đạo một số bộ, ban, ngành Trung ương, địa phương tham gia Ban Chỉ đạo.

3. Ban Tổ chức Trung ương quy định cụ thể biên chế các Ban Chỉ đạo.

4. Các Ban Chỉ đạo có con dấu riêng.

5. Các Ban Chỉ đạo là đơn vị dự toán ngân sách thuộc Văn phòng Chính phủ, được mở tài khoản hạn mức tại Kho bạc Nhà nước nơi bộ phận chuyên trách của Ban Chỉ đạo đóng trụ sở.

Văn phòng Chính phủ bảo đảm điều kiện hoạt động cho các Ban Chỉ đạo; dự toán, phân bổ và quyết toán ngân sách chi cho hoạt động của các Ban Chỉ đạo trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

6. Tổ chức đảng của bộ phận chuyên trách các Ban Chỉ đạo trực thuộc đảng ủy khối dân chính đảng tỉnh, thành phố nơi Ban Chỉ đạo đặt trụ sở.

Điều 2. Nhiệm vụ, quyền hạn của các Ban Chỉ đạo.

2.1. Nhiệm vụ:

Các Ban Chỉ đạo: Tây Bắc, Tây Nguyên, Tây Nam Bộ chịu trách nhiệm trước Bộ Chính trị, Ban Bí thư và Thủ tướng Chính phủ về việc thực hiện các nhiệm vụ sau:

1- Chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc các bộ, ngành, địa phương triển khai thực hiện nghị quyết, chỉ thị, quyết định của Bộ Chính trị, Ban Bí thư và Thủ tướng Chính phủ về phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh, quốc phòng, công tác dân tộc, tôn giáo, công tác xây dựng hệ thống chính trị trên địa bàn.

2- Nghiên cứu, tham mưu, đề xuất với Đảng và Chính phủ về cơ chế, chính sách cùng các giải pháp cần chỉ đạo để

thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh, quốc phòng, công tác dân tộc, tôn giáo, công tác xây dựng hệ thống chính trị trên địa bàn.

3- Chỉ đạo và tổ chức phối hợp các lực lượng, các cơ quan chức năng của Trung ương và các địa phương đấu tranh ngăn chặn mọi âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch; chỉ đạo xử lý kịp thời những tình huống đột xuất về an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội, giữ vững ổn định chính trị - xã hội trên địa bàn.

4- Tổ chức sơ kết, tổng kết và định kỳ báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư và Thủ tướng Chính phủ về việc thực hiện các nhiệm vụ công tác của Ban Chỉ đạo.

2.2. Quyền hạn:

1- Các Ban Chỉ đạo được yêu cầu các ban, bộ, ngành liên quan, cấp ủy và chính quyền các tỉnh, thành phố trên địa bàn báo cáo tình hình thực hiện nghị quyết, chỉ thị, quyết định của Đảng và Chính phủ về phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh, quốc phòng, công tác dân tộc, tôn giáo, công tác xây dựng hệ thống chính trị trên địa bàn.

2- Được tham dự các hội nghị sơ kết, tổng kết các chuyên đề của Trung ương, Chính phủ, các ban, bộ, ngành và địa phương có liên quan tới sự phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh, quốc phòng, công tác dân tộc, tôn giáo, công tác xây dựng hệ thống chính trị trên địa bàn.

3- Được cung cấp thông tin và tham gia ý kiến đối với các văn bản của các ban, bộ, ngành Trung ương về phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh, quốc phòng, công tác dân tộc, tôn giáo, công tác xây dựng hệ thống chính trị trên địa bàn.

4- Được tham mưu, đề xuất với Bộ Chính trị, Ban Bí thư và Thủ tướng Chính phủ các chủ trương, chính sách có tính đặc thù trên địa bàn về các lĩnh vực kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng, dân tộc, tôn giáo, xây dựng hệ thống chính trị.

Điều 3. Nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng ban

1. Chịu trách nhiệm trước Bộ Chính trị, Ban Bí thư và Thủ tướng Chính phủ về việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ; lãnh đạo, tổ chức, điều hành công việc chung của Ban Chỉ đạo.

2. Chủ trì và kết luận các cuộc họp của Ban Chỉ đạo; kết luận và quyết định các biện pháp để xử lý kịp thời những vấn đề đột xuất về an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn; trực tiếp báo cáo Tổng Bí thư và Thủ tướng Chính phủ về những vấn đề cần thiết.

Điều 4. Nhiệm vụ, quyền hạn của Phó trưởng ban thường trực

1. Giúp Trưởng ban thực hiện nhiệm vụ của Ban Chỉ đạo đã ghi tại Điều 3 của Quy định này; thay mặt và chịu trách nhiệm trước Trưởng ban về việc trực tiếp điều hành công việc, chủ trì, kết luận các cuộc họp giao ban của Ban Chỉ đạo theo sự ủy nhiệm của Trưởng ban; tham mưu, đề xuất với Trưởng ban về nội dung, chương trình, kế hoạch công tác của Ban Chỉ đạo; định kỳ nhận xét, đánh giá hoạt động của cán bộ thuộc bộ phận chuyên trách của Ban Chỉ đạo; phối hợp với Văn phòng Trung ương Đảng, Văn phòng Chính phủ bảo đảm các điều kiện cần thiết cho hoạt động của Ban Chỉ đạo.

2. Trực tiếp quản lý và điều hành hoạt động của bộ phận chuyên trách Ban Chỉ đạo; báo cáo Trưởng ban kết quả chỉ

đạo thực hiện những nhiệm vụ được Trưởng ban ủy nhiệm; phụ trách Văn phòng Ban Chỉ đạo.

3. Chỉ đạo bộ phận chuyên trách xây dựng và trình Ban Chỉ đạo xem xét, quyết định các chương trình, kế hoạch công tác năm, 6 tháng, quý của Ban Chỉ đạo; chuẩn bị nội dung và tổ chức các cuộc họp của Ban Chỉ đạo; báo cáo kịp thời những diễn biến đột xuất, phức tạp về an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn, đề xuất phương hướng giải quyết; giúp Ban Chỉ đạo tổ chức sơ kết, tổng kết công tác, báo cáo định kỳ về việc thực hiện nhiệm vụ của Ban Chỉ đạo.

4. Trực tiếp giữ mối quan hệ công tác giữa Ban Chỉ đạo với các ban, bộ, ngành Trung ương và các địa phương trên địa bàn để thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Ban Chỉ đạo.

Điều 5. Nhiệm vụ, quyền hạn của Phó trưởng ban chuyên trách

1. Các Phó trưởng ban chuyên trách làm việc tại bộ phận chuyên trách của Ban Chỉ đạo, chịu trách nhiệm trước Trưởng ban, Phó trưởng ban Thường trực về các nhiệm vụ:

- Tham gia xây dựng các chương trình, kế hoạch công tác năm, 6 tháng, quý và chuẩn bị nội dung các cuộc họp của Ban Chỉ đạo.

- Theo dõi, đôn đốc việc thực hiện một hoặc một số lĩnh vực, chuyên đề thuộc nhiệm vụ của Ban Chỉ đạo do Trưởng ban, Phó trưởng ban Thường trực phân công.

- Nghiên cứu, tham mưu, đề xuất các chủ trương, chính sách, giải pháp thực hiện các nhiệm vụ của Ban Chỉ đạo; chủ động nắm tình hình, đề xuất biện pháp giải quyết những vấn đề thuộc lĩnh vực, chuyên đề được phân công.

- Chủ động nắm tình hình, kịp thời báo cáo Trưởng ban và Phó trưởng ban Thường trực những vấn đề đột xuất, phức tạp về an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn, đề xuất những giải pháp cần chỉ đạo để thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ của Ban Chỉ đạo trên địa bàn, lĩnh vực công tác được phân công phụ trách.

2. Được cung cấp những thông tin, tài liệu có liên quan đến nhiệm vụ của Ban Chỉ đạo; được tham dự các cuộc họp chuyên đề của các ban, bộ, ngành, địa phương trên địa bàn do Trưởng ban, Phó trưởng ban Thường trực phân công.

Điều 6. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy viên chuyên trách

1. Ủy viên chuyên trách chịu trách nhiệm trước Phó trưởng ban Thường trực và Phó trưởng ban phụ trách lĩnh vực, chuyên đề về các nhiệm vụ:

- Theo dõi, đôn đốc việc thực hiện một số lĩnh vực, chuyên đề thuộc nhiệm vụ của Ban Chỉ đạo do Phó trưởng ban Thường trực và Phó trưởng ban phụ trách lĩnh vực, chuyên đề phân công.

- Nghiên cứu, tham mưu, đề xuất các chủ trương, chính sách, giải pháp thực hiện các nhiệm vụ của Ban Chỉ đạo; chủ động nắm tình hình, đề xuất biện pháp giải quyết những vấn đề thuộc lĩnh vực, chuyên đề được phân công.

- Chủ động nắm tình hình, kịp thời báo cáo Phó trưởng ban Thường trực và Phó trưởng ban phụ trách lĩnh vực, chuyên đề những vấn đề đột xuất, phức tạp về an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn, đề xuất những giải pháp cần chỉ đạo để thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ của Ban Chỉ đạo trong địa bàn, lĩnh vực công tác được phân công.

2. Được cung cấp ~~nhiều~~ những thông tin, tài liệu của Ban Chỉ đạo có liên quan đến nhiệm vụ được phân công; được tham

dự các cuộc họp chuyên đề của các ban, bộ, ngành, địa phương trên địa bàn do Phó trưởng ban Thường trực hoặc Phó trưởng ban phụ trách lĩnh vực, chuyên đề phân công.

Điều 7. Nhiệm vụ, quyền hạn của thành viên kiêm nhiệm

1. Thành viên kiêm nhiệm là lãnh đạo các ban, bộ, ngành, có các nhiệm vụ, quyền hạn sau:

- Tham dự các cuộc họp của Ban Chỉ đạo; thảo luận và đóng góp ý kiến về nội dung, chương trình, kế hoạch công tác của Ban Chỉ đạo.

- Nghiên cứu, tham mưu, đề xuất với Ban Chỉ đạo về cơ chế, chính sách và các giải pháp cần chỉ đạo để phối hợp thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ liên quan đến ban, bộ, ngành mình phụ trách trên địa bàn.

- Chủ động triển khai thực hiện nhiệm vụ của Ban Chỉ đạo và ý kiến chỉ đạo trực tiếp của Trưởng ban về lĩnh vực, chuyên đề thuộc chức năng, nhiệm vụ của ban, bộ, ngành mình phụ trách.

- Thường xuyên báo cáo Trưởng Ban Chỉ đạo về tình hình thực hiện nhiệm vụ được phân công; đề xuất những vấn đề về chủ trương, chính sách, giải pháp có liên quan thuộc lĩnh vực của ban, bộ, ngành mình phụ trách.

- Được cung cấp những thông tin, tài liệu có liên quan đến nhiệm vụ công tác; được dự các hội nghị của các ban, bộ, ngành và các địa phương trên địa bàn về phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh - quốc phòng, công tác dân tộc, tôn giáo, công tác xây dựng hệ thống chính trị.

2. Thành viên kiêm nhiệm là bí thư tỉnh ủy, thành ủy hoặc chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trên địa bàn, có các nhiệm vụ, quyền hạn sau:

- Tham dự các cuộc họp của Ban Chỉ đạo; thảo luận và đóng góp ý kiến về nội dung, chương trình, kế hoạch công tác của Ban Chỉ đạo.

- Nghiên cứu, tham mưu, đề xuất với Ban Chỉ đạo về cơ chế, chính sách cùng các giải pháp cần chỉ đạo để thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh, quốc phòng, công tác dân tộc, tôn giáo, công tác xây dựng hệ thống chính trị của địa phương mình và trong cả vùng.

- Chỉ đạo cấp ủy, chính quyền địa phương mình cụ thể hóa những chủ trương, biện pháp mà Ban Chỉ đạo đề ra nhằm triển khai thực hiện có hiệu quả nghị quyết, chỉ thị, quyết định của Bộ Chính trị, Ban Bí thư và Thủ tướng Chính phủ.

- Kịp thời báo cáo với Ban Chỉ đạo những vấn đề đột xuất, phức tạp về an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội của địa phương mình, đề xuất những biện pháp cần chỉ đạo để phối hợp giải quyết trong cả vùng.

- Được cung cấp những thông tin, tài liệu có liên quan đến nhiệm vụ công tác; được dự các hội nghị của các ban, bộ, ngành tổ chức trên địa bàn về các lĩnh vực có liên quan.

Điều 8. Nhiệm vụ của Văn phòng Ban Chỉ đạo

Văn phòng Ban Chỉ đạo chịu sự lãnh đạo của Ban Chỉ đạo mà trực tiếp là đồng chí Phó trưởng ban Thường trực Ban Chỉ đạo. Văn phòng Ban Chỉ đạo có nhiệm vụ:

- Tham mưu cho Ban Chỉ đạo về chương trình, kế hoạch công tác tháng, quý, năm.

- Nghiên cứu, tổng hợp về các lĩnh vực công tác của Ban Chỉ đạo.

- Tổ chức tiếp nhận, chuyển giao, lưu giữ công văn, tài liệu; giúp lãnh đạo Ban tổng hợp tình hình, soạn thảo các báo

cáo, công văn, tài liệu của Ban Chỉ đạo và bộ phận chuyên trách của Ban Chỉ đạo.

- Thực hiện sự chỉ đạo của lãnh đạo Ban trong việc đảm bảo cơ sở vật chất, phương tiện đi lại, trang thiết bị làm việc cho hoạt động của bộ phận chuyên trách Ban Chỉ đạo.

- Giúp bộ phận chuyên trách Ban Chỉ đạo tổ chức, phục vụ các cuộc họp của Ban Chỉ đạo.

- Tổ chức việc quản lý, thực hiện chế độ, chính sách đối với cán bộ, nhân viên của Văn phòng theo phân cấp quản lý cán bộ và chế độ, chính sách hiện hành.

Chương II

NGUYÊN TẮC, CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC CỦA CÁC BAN CHỈ ĐẠO

Điều 9. Nguyên tắc làm việc

- Ban Chỉ đạo chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Thủ tướng Chính phủ.

- Ban Chỉ đạo làm việc theo nguyên tắc tập thể thảo luận, Trưởng ban kết luận và chỉ đạo thực hiện.

Điều 10. Chế độ làm việc

- Bộ phận chuyên trách của Ban Chỉ đạo do Phó trưởng ban Thường trực trực tiếp chỉ đạo và quản lý.

- Các thành viên kiêm nhiệm của Ban Chỉ đạo phải dành thời gian cần thiết để nắm tình hình và chỉ đạo thực hiện những nhiệm vụ thuộc lĩnh vực được phân công.

- Ban Chỉ đạo họp 6 tháng một lần, họp bất thường khi cần.

- Cơ quan Thường trực của Ban Chỉ đạo mỗi tháng họp một lần; họp 3 tháng một lần với các cơ quan, đơn vị có liên quan của Trung ương đóng trên địa bàn để thống nhất nội dung phối hợp và chỉ đạo các mặt công tác thuộc nhiệm vụ của Ban Chỉ đạo.

Chương III

ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG, QUAN HỆ CÔNG TÁC CỦA BAN CHỈ ĐẠO

Điều 11. Địa bàn hoạt động của các Ban Chỉ đạo

- Ban Chỉ đạo Tây Bắc hoạt động trên địa bàn các tỉnh: Hà Giang, Lào Cai, Yên Bái, Lai Châu, Điện Biên, Sơn La, Hoà Bình, Cao Bằng, Bắc Kạn, Lạng Sơn và các huyện phía tây của các tỉnh: Thanh Hóa, Nghệ An.

- Ban Chỉ đạo Tây Nguyên hoạt động trên địa bàn các tỉnh: Gia Lai, Kon Tum, Đăk Lăk, Lâm Đồng, Đăk Nông và các huyện miền núi của các tỉnh: Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa, Bình Phước.

- Ban Chỉ đạo Tây Nam Bộ hoạt động trên địa bàn các tỉnh, thành phố: Cần Thơ, Hậu Giang, Long An, Đồng Tháp, An Giang, Tiền Giang, Bến Tre, Vĩnh Long, Trà Vinh, Sóc Trăng, Kiên Giang, Bạc Liêu, Cà Mau.

- Ban Chỉ đạo Trung ương với các ban, bộ, ngành ở Trung ương để thực hiện tốt các nghị quyết, chỉ thị, quyết định của Bộ Chính trị, Ban Bí thư và Chính phủ về phát triển kinh tế -

1. Ban Chỉ đạo phối hợp với các ban, bộ, ngành ở Trung ương để thực hiện tốt các nghị quyết, chỉ thị, quyết định của Bộ Chính trị, Ban Bí thư và Chính phủ về phát triển kinh tế -

xã hội, bảo đảm an ninh, quốc phòng, công tác dân tộc, tôn giáo và xây dựng hệ thống chính trị các tỉnh, thành phố trên địa bàn.

2. Ban Chỉ đạo chủ động trao đổi thông tin cần thiết với các ban, bộ, ngành ở Trung ương và mời đại diện các cơ quan tham dự các hội nghị có liên quan đến việc thực hiện nhiệm vụ của Ban Chỉ đạo.

3. Báo cáo của các ban, bộ, ngành về thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh, quốc phòng, công tác dân tộc, tôn giáo, xây dựng hệ thống chính trị của các tỉnh, thành phố trên địa bàn Tây Nguyên, Tây Bắc, Tây Nam Bộ, khi gửi Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Thủ tướng Chính phủ thì đồng gửi các Ban Chỉ đạo.

Điều 13. Quan hệ công tác với các tỉnh, thành phố trên địa bàn

1. Ban Chỉ đạo có trách nhiệm kiểm tra, đôn đốc các tỉnh, thành phố trên địa bàn về việc thực hiện các nghị quyết, chỉ thị, quyết định của Bộ Chính trị, Ban Bí thư và Chính phủ về phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh, quốc phòng, công tác dân tộc, tôn giáo và xây dựng hệ thống chính trị.

2. Chỉ đạo các tỉnh, thành phố trên địa bàn xây dựng chương trình, kế hoạch cụ thể để đấu tranh ngăn chặn mọi âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch; chỉ đạo xử lý kịp thời những tình huống đột xuất về an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội, giữ vững ổn định chính trị - xã hội trên địa bàn.

3. Báo cáo về phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh, quốc phòng, công tác dân tộc, tôn giáo và xây dựng hệ thống chính trị của các tỉnh, thành phố trên địa bàn, khi gửi

Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Thủ tướng Chính phủ thì đồng gửi Ban Chỉ đạo.

Chương IV

VIỆC ĐIỀU ĐỘNG CÁN BỘ, ĐẢM BẢO CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI CÁN BỘ CÔNG TÁC TẠI CÁC BAN CHỈ ĐẠO

Điều 14. Ban Tổ chức Trung ương trình Bộ Chính trị, Ban Bí thư về việc điều động, bổ nhiệm và xem xét xếp lương đối với các đồng chí thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý; phối hợp với các địa phương, ban, bộ, ngành ở Trung ương và các Ban Chỉ đạo về việc điều động cán bộ làm công tác chuyên trách tại bộ phận chuyên trách của các Ban Chỉ đạo.

Điều 15. Các đồng chí Phó trưởng ban chuyên trách, ủy viên chuyên trách và thành viên kiêm nhiệm của các Ban Chỉ đạo được hưởng chế độ, chính sách như sau:

- Lương và phụ cấp trách nhiệm của Phó trưởng ban thường trực: tương đương bộ trưởng.

- Phụ cấp trách nhiệm của Phó trưởng ban chuyên trách: 1,3.

- Phụ cấp trách nhiệm của ủy viên chuyên trách: 1,1 - 1,2.

- Phụ cấp trách nhiệm của thành viên kiêm nhiệm: 10% lương.

- Phụ cấp trách nhiệm của Chánh Văn phòng Ban Chỉ đạo: 1,0.

Điều 16. Các chức danh cán bộ, công chức khác do các Ban Chỉ đạo quản lý và xem xét, quyết định theo quy chế, quy định, chính sách hiện hành.

*Chương V***ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 17. Các Ban Chỉ đạo: Tây Bắc, Tây Nguyên, Tây Nam Bộ, các ban, bộ, ngành có liên quan ở Trung ương, các cấp ủy đảng, chính quyền các tỉnh, thành phố vùng Tây Bắc, Tây Nguyên, Tây Nam Bộ có trách nhiệm thi hành Quy định này.

Điều 18. Quy định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký, thay thế các quy định, quy chế trước đây về các Ban Chỉ đạo: Tây Bắc, Tây Nguyên, Tây Nam Bộ. Trong quá trình thực hiện, nếu cần điều chỉnh, bổ sung, các Ban Chỉ đạo báo cáo Bộ Chính trị quyết định.

Điều 19. Căn cứ Quy định này, các Ban Chỉ đạo: Tây Bắc, Tây Nguyên, Tây Nam Bộ xây dựng và ban hành quy chế làm việc của từng ban, phù hợp với tình hình thực tế và đặc điểm của địa bàn phụ trách.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

BÁO CÁO**CỦA BỘ CHÍNH TRỊ**

Số 03-BC/TW, ngày 8 tháng 10 năm 2007

**Về quá trình xem xét, quyết định việc xây dựng
nhà Quốc hội tại Trung tâm chính trị Ba Đình,
Hà Nội**

Vừa qua Bộ Chính trị đã nhận được thư của một số đồng chí cán bộ lão thành đề nghị Bộ Chính trị xem xét, cân nhắc lại chủ trương, địa điểm xây dựng nhà Quốc hội tại Trung tâm chính trị Ba Đình. Về vấn đề này, Bộ Chính trị đã có ý kiến như sau:

1. Từ đầu nhiệm kỳ khóa VIII, Bộ Chính trị đã bàn và có chủ trương về quy hoạch chi tiết Trung tâm chính trị Ba Đình và việc xây dựng Trung tâm Hội nghị quốc gia, nhà Quốc hội. Tại Thông báo số 11-TB/TW, ngày 22-10-1996 của Bộ Chính trị (khoá VIII) đã nêu: "*Đồng ý về chủ trương xây dựng Trung tâm Hội nghị quốc gia và nhà Quốc hội. Địa điểm xây dựng các công trình trên được xác định tại quy hoạch chi tiết khu Trung tâm chính trị Ba Đình (trên diện tích khu đất khoảng 6ha đối diện với Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh)*". Thủ tướng Chính phủ đã giao Bộ Xây dựng quy hoạch chi tiết

Trung tâm chính trị Ba Đình và xây dựng dự án nhà Quốc hội và Trung tâm Hội nghị quốc gia. Ngày 8-1-2001, Bộ Xây dựng có tờ trình Thủ tướng Chính phủ về việc xin phê duyệt quy hoạch chi tiết khu Trung tâm chính trị Ba Đình - Thủ đô Hà Nội. Chính phủ đã họp lấy ý kiến các bộ, ngành liên quan để thống nhất chủ trương về quy hoạch chi tiết Trung tâm chính trị Ba Đình và chủ trương xây dựng nhà Quốc hội và Trung tâm Hội nghị quốc gia để trình Bộ Chính trị và Quốc hội thông qua.

Tại phiên họp ngày 23-3-2002, sau khi nghe Ban Cán sự Đảng Chính phủ báo cáo về quy hoạch chi tiết Trung tâm chính trị Ba Đình, dự án đầu tư xây dựng nhà Quốc hội và Trung tâm Hội nghị quốc gia, Bộ Chính trị đã thảo luận và kết luận:

“Bộ Chính trị về cơ bản nhất trí với nội dung chủ yếu của quy hoạch chi tiết Trung tâm chính trị Ba Đình trong báo cáo của Ban Cán sự Đảng Chính phủ... Đồng ý địa điểm xây dựng nhà Quốc hội và Hội trường Ba Đình là lô đất khu D trong sơ đồ quy hoạch chi tiết khu Trung tâm chính trị Ba Đình... Nhà Quốc hội và Hội trường Ba Đình là công trình có ý nghĩa lịch sử và chính trị to lớn, kiến trúc phải đẹp, trang trọng, vừa hiện đại, vừa mang đậm tính dân tộc, phải là biểu tượng về kiến trúc của đất nước Việt Nam trong thế kỷ mới”.

Sau khi Bộ Chính trị cho ý kiến, Chính phủ đã chỉ đạo các bộ, ngành chức năng, Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội triển khai thực hiện quy hoạch chi tiết khu Trung tâm chính trị Ba Đình. Đồng thời thành lập Ban Chỉ đạo dự án xây dựng nhà Quốc hội và Hội trường Ba Đình do một đồng

chí Phó Thủ tướng Chính phủ làm Trưởng ban, một đồng chí Ủy viên Thường vụ Quốc hội làm Phó Trưởng Ban Chỉ đạo, Bộ Xây dựng làm Thường trực và sự tham gia của một số cơ quan có liên quan. Ban Chỉ đạo đã huy động các cơ quan, các nhà khoa học, các nhà kiến trúc, xây dựng trong nước, nghiên cứu, tham khảo kiến trúc của nhà Quốc hội và Trung tâm Hội nghị quốc gia của một số nước, mời tổ chức tư vấn nước ngoài có uy tín tham gia vào việc thiết kế và thi công các công trình. Các mẫu thiết kế đã được trưng cầu lấy ý kiến nhân dân và thi tuyển các phương án kiến trúc, sau đó báo cáo Bộ Chính trị trước khi lựa chọn.

2. Tại phiên họp ngày 18-4-2003, sau khi nghe Ban Cán sự Đảng Chính phủ báo cáo về kết quả thi tuyển phương án kiến trúc nhà Quốc hội và Hội trường Ba Đình (mới), Bộ Chính trị đã kết luận như sau:

“Trong thời gian qua, Ban Cán sự Đảng Chính phủ đã chỉ đạo các cơ quan có liên quan tổ chức tốt việc thi tuyển các phương án kiến trúc nhà Quốc hội và Hội trường Ba Đình (mới), kết quả đã chọn được 3 phương án xếp hạng A là các phương án số 17, 13 và 4. Nay cần gop ý kiến nhận xét để các tác giả 3 phương án tiếp tục nâng cấp hoàn thiện phương án kiến trúc... Giao Ban Cán sự Đảng Chính phủ chỉ đạo các cơ quan chức năng có liên quan tổ chức lấy ý kiến thêm của nhân dân ở Thành phố Hồ Chí Minh, của đại biểu Quốc hội tại kỳ họp thứ ba Quốc hội khóa XI và của các Ủy viên Trung ương Đảng tại Hội nghị Trung ương 8 sắp tới; xem xét, đánh giá 3 phương án kiến trúc đã được nâng cấp hoàn thiện, chọn ra 1 phương án tối ưu, báo cáo Bộ Chính trị xem xét, quyết định... Trên cơ sở bảo đảm chất lượng

công trình, phấn đấu bảo đảm tiến độ thiết kế và thi công để đưa công trình vào phục vụ Đại hội X của Đảng (dự kiến khai mạc vào tháng 4-2006)”.

Sau đó, Ban Cán sự Đảng Chính phủ đã chỉ đạo các cơ quan chức năng việc tổ chức lấy ý kiến nhân dân ở Thành phố Hồ Chí Minh, của các đại biểu Quốc hội và các đồng chí Ủy viên Trung ương Đảng. Khi đưa ra lấy ý kiến đều nhận được sự đồng tình cao về các nội dung này. Đồng thời, trong thời gian chuẩn bị xây dựng, theo quy định của Luật di sản văn hóa, Chính phủ đã giao Trung tâm Khoa học xã hội và Nhân văn quốc gia chỉ đạo việc khai quật khảo cổ học khu vực dự định xây dựng nhà Quốc hội và Hội trường Ba Đình mới. Quá trình khảo cổ đã phát hiện được những di tích và hiện vật lịch sử quốc gia tại khu vực phía tây Hoàng thành Thăng Long xưa; đây là vấn đề lớn, nhạy cảm, cần được xem xét thận trọng trước khi tiến hành xây dựng các công trình trên.

3. Tại phiên họp ngày 1-11-2003, sau khi nghe Đảng đoàn Quốc hội, các ban cán sự đảng: Bộ Văn hóa - Thông tin, Bộ Xây dựng, Trung tâm Khoa học xã hội và Nhân văn quốc gia báo cáo về kết quả bước đầu khai quật khảo cổ học khu vực dự định xây dựng nhà Quốc hội và Hội trường Ba Đình mới và những đề xuất, kiến nghị liên quan đến việc này, Bộ Chính trị đã thảo luận và kết luận:

“Thời gian vừa qua, thực hiện chủ trương của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Quốc hội về việc xây dựng nhà Quốc hội và Hội trường Ba Đình mới, Chính phủ đã chỉ đạo theo đúng quy trình từ khâu xây dựng luận chứng, khảo sát thiết kế và tiến hành khảo cổ theo quy định của Luật di

sản văn hóa. Trong quá trình khảo cổ đã phát hiện được những di tích và hiện vật tại khu vực phía tây Hoàng thành Thăng Long xưa, cùng một số lượng lớn các hiện vật phong phú, quý giá gắn với lịch sử hơn 1.000 năm dựng nước và giữ nước của dân tộc, của Thủ đô Hà Nội, với các tầng văn hóa kế tiếp nhau qua các thời kỳ từ thế kỷ thứ VII tiếp nối đến thời đại Hồ Chí Minh. Với ý nghĩa đó, Bộ Chính trị đồng ý tiếp tục nghiên cứu, khai quật khảo cổ trên diện tích đã được Chính phủ phê duyệt để có đánh giá, kết luận đầy đủ hơn về quần thể di tích lịch sử này.

Đồng ý lùi tiến độ thi công công trình nhà Quốc hội và Hội trường Ba Đình mới để tiếp tục khảo cổ theo chủ trương trên. Về đề án xây dựng nhà Quốc hội, sau khi có báo cáo kết quả khai quật khảo cổ của Trung tâm Khoa học xã hội và Nhân văn quốc gia và các cơ quan chức năng, sẽ xem xét và quyết định cụ thể. Đề án xây dựng Trung tâm Hội nghị quốc gia, Bộ Chính trị đồng ý với đề nghị của Chính phủ, giao các cơ quan chức năng lựa chọn địa điểm, tiến hành triển khai các thủ tục xây dựng Trung tâm Hội nghị quốc gia tại một địa điểm mới trên đường Láng - Hoà Lạc gần khu vực Sân vận động quốc gia Mỹ Đình, để kịp phục vụ Hội nghị cấp cao APEC (11-2006) và nếu điều kiện cho phép, phấn đấu để kịp phục vụ Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ X. Trung tâm Hội nghị quốc gia phải bảo đảm tính hiện đại, tính dân tộc, đáp ứng tốt yêu cầu sử dụng và đảm bảo chất lượng cao của công trình”.

Thực hiện chủ trương này, Chính phủ đã chỉ đạo các cơ quan chức năng lựa chọn địa điểm, tiến hành triển khai xây dựng Trung tâm Hội nghị quốc gia trên đường Láng - Hòa

Lạc gần khu vực Sân vận động quốc gia Mỹ Đình và đã khánh thành kịp đưa công trình vào phục vụ Hội nghị cấp cao APEC14 diễn ra tại Việt Nam (11-2006), đảm bảo đúng yêu cầu chỉ đạo của Bộ Chính trị.

4. Về phương án bảo tồn, phát huy giá trị Khu di tích Hoàng thành Thăng Long tại 18 Hoàng Diệu, Hà Nội và địa điểm xây nhà Quốc hội:

Sau hơn 2 năm tiếp tục khai quật khảo cổ trên diện tích đã được phê duyệt, Chính phủ đã chỉ đạo Trung tâm Khoa học xã hội và Nhân văn quốc gia (nay là Viện Khoa học Xã hội Việt Nam) chủ trì, phối hợp với Bộ Văn hóa - Thông tin và các cơ quan có liên quan, các nhà khoa học đánh giá, kết luận đầy đủ hơn về quần thể di tích lịch sử Hoàng thành Thăng Long và xây dựng phương án bảo tồn, phát huy giá trị Khu di tích Hoàng thành Thăng Long tại 18 Hoàng Diệu, Hà Nội để trình Bộ Chính trị.

Tại phiên họp ngày 28-9-2006, sau khi nghe Ban Cán sự Đảng Bộ Văn hóa - Thông tin được sự ủy quyền của Ban cán sự đảng Chính phủ báo cáo về "Phương án bảo tồn, phát huy giá trị Khu di tích Hoàng thành Thăng Long tại 18 Hoàng Diệu, Hà Nội và địa điểm xây dựng nhà Quốc hội", ý kiến của Ban cán sự đảng Bộ Xây dựng và các bộ, ban, ngành liên quan, Bộ Chính trị đã thảo luận và kết luận:

"Bộ Chính trị đồng ý phương án lựa chọn một số vị trí khai quật có di tích quan trọng, đặc sắc, tiêu biểu để bảo tồn nguyên trạng làm bảo tàng tại chỗ, kết hợp với tổ chức trưng bày tại Khu di tích các hình ảnh, tư liệu, hiện vật, mô hình dấu tích kiến trúc khác được phát hiện. Ban Cán sự Đảng Chính phủ chỉ đạo Bộ Văn hóa - Thông tin, Viện Khoa học xâ

hội Việt Nam, Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội và các bộ, ngành liên quan hoàn thành việc nghiên cứu, chỉnh lý các tài liệu, hiện vật, đánh giá đầy đủ giá trị khoa học của toàn bộ Khu di tích 18 Hoàng Diệu theo quy định của Luật di sản văn hóa, xây dựng đề án bảo tồn, phát huy giá trị Khu di tích 18 Hoàng Diệu gắn với quy hoạch tổng thể bảo tồn, phát huy giá trị của cả Khu di tích lịch sử Hoàng thành Thăng Long, Hà Nội... Đồng ý chọn địa điểm xây dựng nhà Quốc hội trong khu vực 18 Hoàng Diệu với diện tích khoảng 4 ha đất... Xây dựng nhà Quốc hội, nơi làm việc của cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất của đất nước ở vị trí này có ý nghĩa là sự nối tiếp, kế tục truyền thống lịch sử vẻ vang của Thủ đô ngàn năm văn hiến và phù hợp với quyết định của Bộ Chính trị khóa VIII, khóa IX xác định nhà Quốc hội cần nằm trong khu vực Trung tâm chính trị Ba Đình".

Ban Cán sự Đảng Chính phủ chỉ đạo việc báo cáo Quốc hội kết quả khai quật và đánh giá giá trị Khu di tích Hoàng thành Thăng Long tại 18 Hoàng Diệu, chỉ đạo Bộ Xây dựng và các cơ quan liên quan bổ sung hoàn chỉnh Đề án xây dựng nhà Quốc hội để trình Quốc hội xem xét, quyết định.

Tại kỳ họp thứ 10 Quốc hội khóa XI, Chính phủ đã báo cáo Quốc hội về một số phương án địa điểm xây dựng nhà Quốc hội trong quá trình xem xét lựa chọn trên cơ sở bảo đảm các tiêu chí, yêu cầu, vị thế, tầm quan trọng và công năng của công trình để các đại biểu Quốc hội cho ý kiến góp ý.

5. Trên cơ sở ý kiến của Bộ Chính trị, Ban Cán sự Đảng Chính phủ chỉ đạo Bộ Xây dựng và các cơ quan có liên quan bổ sung, hoàn chỉnh Đề án xây dựng nhà Quốc hội và tiến hành khảo sát kỹ hiện trạng Hội trường Ba Đình hiện nay,

qua khảo sát, thấy việc bảo tồn lâu dài Hội trường Ba Đình hiện nay là rất khó khăn, vốn kém và không đảm an toàn do hiện tượng sụt lún của công trình không đều...

Tại phiên họp ngày 28-2-2007, sau khi nghe Ban Cán sự Đảng Chính phủ báo cáo phương án quy hoạch, xây dựng nhà Quốc hội tại lô D khu Trung tâm chính trị Ba Đình, Bộ Chính trị đã thảo luận và kết luận như sau:

"Hội trường Ba Đình được xây dựng trong thời kỳ đất nước ta chưa thống nhất, còn nghèo nên chưa có sự đầu tư đồng bộ về kết cấu hạ tầng và công năng sử dụng. Theo những khảo sát gần đây, Hội trường Ba Đình có hiện tượng sụt lún không đều, đã xuống cấp và không đảm bảo an toàn cho sử dụng lâu dài. Vì vậy, việc xây dựng nhà Quốc hội mang tên Hội trường Ba Đình mới trong Trung tâm chính trị Ba Đình có kiến trúc đẹp, hiện đại, hạ tầng đồng bộ thay thế Hội trường Ba Đình hiện nay là cần thiết, vừa đảm bảo được sự tiếp nối lịch sử của đất nước qua các thời đại mà đỉnh cao là thời đại Hồ Chí Minh, vừa lưu giữ mãi tên của Hội trường Ba Đình lịch sử và đảm bảo điều kiện hoạt động tốt nhất cho Quốc hội, đáp ứng sự mong mỏi của nhân dân cả nước."

Bộ Chính trị tiếp tục khẳng định chủ trương xây dựng nhà Quốc hội tại lô D (18 Hoàng Diệu) thuộc Trung tâm chính trị Ba Đình, trên khuôn viên Hội trường Ba Đình hiện nay... Trong quá trình triển khai xây dựng, nếu có phát lộ các di tích khảo cổ, sẽ được lựa chọn để đưa vào bảo tàng.

Việc xây dựng nhà Quốc hội và bảo tồn di tích cần được triển khai đồng thời trong một quy hoạch tổng thể, sau khi hoàn thành sẽ tạo thành một quần thể văn hóa trong khu

Ba Đình lịch sử gồm: Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh, Bảo tàng Hồ Chí Minh, Khu di tích Chủ tịch Hồ Chí Minh tại Phủ Chủ tịch, nhà Quốc hội, Khu di tích 18 Hoàng Diệu, Khu thành cổ Hà Nội, Chùa Một Cột và tạo điều kiện thuận lợi cho công tác bảo vệ an ninh cho các cơ quan lãnh đạo cao nhất của Đảng và Nhà nước ta. Đồng thời, đáp ứng nhu cầu chiêm ngưỡng, hưởng thụ văn hóa của nhân dân cả nước và du khách quốc tế.

Giao Ban Cán sự Đảng Chính phủ chủ trì, phối hợp với Đảng đoàn Quốc hội và các cơ quan liên quan cù kết luận của Bộ Chính trị báo cáo với Quốc hội và tổ chức triển khai thực hiện..."

Thực hiện kết luận của Bộ Chính trị, Chính phủ đã chỉ đạo Bộ Xây dựng tiếp thu ý kiến của Ủy ban Thường vụ Quốc hội tại phiên họp ngày 5-3-2007 về phương án quy hoạch, xây dựng nhà Quốc hội tại lô D khu Trung tâm chính trị Ba Đình, để hoàn chỉnh đề án trước khi trình Quốc hội xem xét, thông qua (nội dung này đã được đưa vào chương trình làm việc chính thức của kỳ họp thứ 11 của Quốc hội khóa XI).

Tại kỳ họp thứ 11 Quốc hội khóa XI (tháng 3-2007), sau khi nghe Chính phủ trình bày, Quốc hội đã thảo luận kỹ và biểu quyết thông qua với đa số phiếu tán thành về phương án quy hoạch, xây dựng nhà Quốc hội tại lô D khu Trung tâm chính trị Ba Đình, Hà Nội.

Từ trung tuần tháng 4-2007, Chính phủ chỉ đạo Bộ Xây dựng cho tổ chức thi tuyển thiết kế kiến trúc nhà Quốc hội theo phương thức rộng rãi, có sự tham gia của các tổ chức tư vấn thiết kế trong và ngoài nước. Trên cơ sở đó đã lựa chọn

17 phương án kiến trúc tham gia dự thi tổ chức triển lãm tại Trung tâm Hội nghị quốc gia để lấy ý kiến nhân dân, các nhà khoa học, các tổ chức, cơ quan (từ ngày 2-9 đến 15-9-2007). Trong hai tuần triển lãm đã có 11.442 lượt người đến tham quan, đã có 5.605 lượt ý kiến góp ý, phần lớn các ý kiến đồng tình với việc lựa chọn địa điểm xây dựng nhà Quốc hội tại lô D khu Trung tâm chính trị Ba Đình, Hà Nội và mong muốn nhà Quốc hội được xây dựng bề thế, tiêu biểu, hiện đại nhưng mang tính dân tộc cao, xứng đáng là công trình của thời đại Hồ Chí Minh; có một số góp ý về phương án kiến trúc của nhà Quốc hội.

*
* * *

Như vậy, sau 11 năm kể từ khi Bộ Chính trị (khoá VIII) có chủ trương về quy hoạch khu vực Trung tâm chính trị Ba Đình và xây dựng nhà Quốc hội, Chính phủ đã chỉ đạo Bộ Xây dựng và các cơ quan có liên quan triển khai khảo sát, quy hoạch chi tiết khu Trung tâm chính trị Ba Đình và xây dựng dự án nhà Quốc hội để trình Bộ Chính trị và Quốc hội nhiều lần để xem xét, quyết định; từ năm 2002 đến nay, Bộ Chính trị các khóa IX và X đã họp 7 lần để xem xét, cân nhắc quyết định chủ trương lựa chọn các phương án về địa điểm xây dựng nhà Quốc hội tại lô D khu Trung tâm chính trị Ba Đình, Hà Nội; khi phát hiện được di tích khảo cổ Hoàng thành Thăng Long, Bộ Chính trị đã nghe ý kiến của các cơ quan có liên quan, ý kiến của nhiều nhà khoa học về lịch sử, khảo cổ và nhiều chuyên ngành khoa học khác, đã chỉ đạo

việc lấy ý kiến nhân dân, đại biểu Quốc hội về các phương án xây dựng nhà Quốc hội và bảo tồn, phát huy giá trị của cả Khu di tích lịch sử Hoàng thành Thăng Long, Hà Nội.

Trong quá trình thảo luận, lấy ý kiến các bộ, ngành chức năng và các nhà khoa học thuộc nhiều lĩnh vực có liên quan, những phương án đề xuất xây nhà Quốc hội ở những vị trí khác cũng được nêu lên để nghiên cứu, thảo luận. Sau khi phân tích, cân nhắc một cách toàn diện, cả về phương diện chính trị, lịch sử, văn hóa; vấn đề tổ chức giao thông; yêu cầu đảm bảo an ninh, an toàn cho hoạt động của Quốc hội; vấn đề chi phí để bù giải phóng mặt bằng; khả năng khi tiến hành khai quật khảo cổ dưới lòng đất ở những địa điểm dự kiến chuyển vị trí xây dựng nhà Quốc hội lại sẽ phát hiện các di tích mới v.v.. thì hầu hết ý kiến của các bộ, ngành, các nhà khoa học đều nhất trí là nên xây nhà Quốc hội mới tại lô D, là nơi đã tiến hành giải phóng mặt bằng, đã khai quật khảo cổ, đã có phương án bảo tồn và phát huy giá trị di tích, đồng thời lại thực hiện được việc bảo tồn gắn liền với phát triển một cách hài hoà, hợp lý; vừa tôn vinh được các giá trị lịch sử, văn hóa hàng nghìn năm của Thăng Long - Hà Nội; vừa thể hiện được yêu cầu kế thừa và tiếp nối về mặt văn hóa, lịch sử qua các thời kỳ, từ quá khứ đến hiện tại, thời đại Hồ Chí Minh. Mặc dù cũng còn những hạn chế nhất định, nhưng tuyệt đại đa số ý kiến đều tán thành lựa chọn phương án này.

Việc xây dựng nhà Quốc hội mới thay cho nhà Quốc hội hiện nay chính là sự kế tục và nâng cao tầm vóc, vị thế của Quốc hội. Trước đây chúng ta đã xây dựng Lăng Bác ngay trên nền Quảng trường Ba Đình lịch sử, không những

không làm giảm giá trị, ý nghĩa của Quảng trường Ba Đình, mà thực tế là nâng cao, phát huy hơn nữa vị thế của địa danh lịch sử Quảng trường Ba Đình. Nhiều công trình khác trên đất nước ta được xây dựng trong những năm qua cũng đã lựa chọn cách làm tương tự, phát huy được hiệu quả, được nhân dân đồng tình. Bộ Chính trị đã chỉ đạo Chính phủ và các cơ quan có liên quan tiến hành các biện pháp để lưu giữ hình ảnh, các hiện vật của di tích lịch sử Hội trường Ba Đình.

Đối với yêu cầu bảo tồn và phát huy giá trị di tích khảo cổ tại đây và vấn đề lập hồ sơ đề nghị công nhận di tích đặc biệt cấp quốc gia, đề nghị UNESCO công nhận là di sản văn hóa, Bộ Chính trị và Chính phủ đã giao Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì đề án này. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch với chức năng là cơ quan quản lý nhà nước cũng đã chủ trì tổ chức rất nhiều cuộc hội thảo để lấy ý kiến các nhà khoa học trong và ngoài ngành, đại đa số ý kiến cũng hoàn toàn tán thành phương án xây dựng nhà Quốc hội kết hợp với bảo tồn và phát huy giá trị các di tích đã được phát hiện. Phương án này nhiều nước trên thế giới đã và đang làm. Đó cũng là một trong những nguyên tắc hết sức quan trọng của việc bảo tồn đi đôi với phát triển được hầu hết các quốc gia trên thế giới thực hiện.

Trong quá trình thảo luận, Bộ Chính trị và Chính phủ được biết, cũng còn có một số ý kiến chưa đồng tình với phương án này. Nhưng khi các phương án khác được đưa ra để thảo luận, so sánh mặt được và không được, thì thực sự không có phương án nào tốt hơn phương án đã được đa số ý kiến lựa chọn.

Trên những cơ sở đó, Bộ Chính trị khóa X khẳng định xây dựng nhà Quốc hội, nơi làm việc của cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất của đất nước cần nằm trong khu vực Trung tâm chính trị Ba Đình, Hà Nội nhằm tạo sự nối tiếp, kế tục truyền thống lịch sử vẻ vang của Thủ đô ngàn năm văn hiến và phù hợp với quyết định của Bộ Chính trị khóa VIII, khóa IX. Về phương án bảo tồn di tích lịch sử, đồng ý phương án lựa chọn một số vị trí khai quật có di tích quan trọng, đặc sắc, tiêu biểu để bảo tồn nguyên trạng làm bá tàng tại chỗ, kết hợp với tổ chức trưng bày tại Khu di tích các hình ảnh, tư liệu, hiện vật, mô hình dấu tích kiến trúc khác được phát hiện.

Chủ trương này khi đưa ra xin ý kiến Quốc hội đã được các đại biểu Quốc hội thống nhất cao tại kỳ họp thứ 11, Quốc hội khóa XI.

Như vậy, việc xem xét, quyết định chủ trương về địa điểm và phương án xây dựng nhà Quốc hội tại khu vực Trung tâm chính trị Ba Đình, Hà Nội đã được Bộ Chính trị, Quốc hội, Chính phủ nghiên cứu, cân nhắc thận trọng trên cơ sở lắng nghe các ý kiến của các cơ quan khoa học, cơ quan chức năng liên quan, các nhà khoa học và đồng đảo nhân dân, đồng thời có nghiên cứu, tham khảo kinh nghiệm của một số nước trên thế giới về những nội dung liên quan đến vấn đề này để quyết định.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
TRƯỞNG TẤN SANG

**QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN Bí THU**

Số 90-QĐ/TW, ngày 8 tháng 10 năm 2007

**Thành lập Ban Chỉ đạo xây dựng Đề án
"Văn đề nông nghiệp, nông dân, nông thôn"**

- Căn cứ Điều lệ Đảng;
- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư khóa X;
- Căn cứ Chương trình làm việc của Ban Chấp hành Trung ương khóa X;
- Xét đề nghị của Ban Cán sự Đảng Chính phủ,

BAN Bí THU QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Ban Chỉ đạo xây dựng Đề án "Văn đề nông nghiệp, nông dân, nông thôn", gồm các đồng chí:

- 1- Đồng chí Nguyễn Sinh Hùng, Ủy viên Bộ Chính trị, Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ, Trưởng ban.
- 2- Đồng chí Cao Đức Phát, Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Phó Trưởng ban Thường trực.

- 3- Đồng chí Võ Hồng Phúc, Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Phó Trưởng ban.
- 4- Đồng chí Trần Văn Tuấn, Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Nội vụ, Ủy viên.
- 5- Đồng chí Vũ Văn Ninh, Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Tài chính, Ủy viên.
- 6- Đồng chí Hồ Nghĩa Dũng, Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, Ủy viên.
- 7- Đồng chí Vũ Huy Hoàng, Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Công thương, Ủy viên.
- 8- Đồng chí Nguyễn Hồng Quân, Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Xây dựng, Ủy viên.
- 9- Đồng chí Nguyễn Thị Kim Ngân, Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và xã hội, Ủy viên.
- 10- Đồng chí Nguyễn Văn Giàu, Ủy viên Trung ương Đảng, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Ủy viên.
- 11- Đồng chí Nguyễn Quốc Triệu, Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Y tế, Ủy viên.
- 12- Đồng chí Hoàng Tuấn Anh, Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Ủy viên.
- 13- Đồng chí Giàng Seo Phủ, Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc, Ủy viên.
- 14- Đồng chí Phạm Vũ Luận, Thứ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Ủy viên.
- 15- Đồng chí Phùng Quốc Hiển, Ủy viên Trung ương Đảng, Chủ nhiệm Ủy ban Tài chính và Ngân sách Quốc hội, Ủy viên.
- 16- Đồng chí Đỗ Hoài Nam, Ủy viên Trung ương Đảng, Chủ tịch Viện Khoa học xã hội Việt Nam, Ủy viên.

17- Đồng chí Nguyễn Quốc Cường, Ủy viên Trung ương Đảng, Chủ tịch Hội Nông dân Việt Nam, Ủy viên.

18- Đồng chí Trịnh Long Biên, Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy Điện Biên, Ủy viên.

19- Đồng chí Nguyễn Hoàng Việt, Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy An Giang, Ủy viên.

20- Đồng chí Chu Văn Đạt, Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy Nam Định, Ủy viên.

21- Đồng chí Huỳnh Đảm, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Chủ tịch kiêm Tổng Thư ký Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Ủy viên.

22- Đồng chí Nguyễn Thị Thanh Hòa, Ủy viên Trung ương Đảng, Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Ủy viên.

23- Đồng chí Võ Văn Thủ tướng, Ủy viên dự khuyết Trung ương Đảng, Bí thư thứ nhất Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Ủy viên.

Giúp việc Ban Chỉ đạo Đề án có Tổ Biên tập do đồng chí Trưởng Ban Chỉ đạo xây dựng Đề án quyết định.

Điều 2. Ban Chỉ đạo Đề án có nhiệm vụ: Xây dựng kế hoạch, tổ chức khảo sát, nghiên cứu và xây dựng Đề án "Vấn đề nông nghiệp, nông dân, nông thôn" để trình Bộ Chính trị xem xét, trình Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa X.

Điều 3. Ban Cán sự Đảng Chính phủ và các đồng chí có tên tại Điều 1 thi hành Quyết định này.

T/M BAN BÍ THƯ

TRƯỜNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUY ĐỊNH CỦA BAN BÍ THƯ

Số 91-QĐ/TW, ngày 9 tháng 10 năm 2007

Về tổ chức cơ quan chính trị trong Quân đội nhân dân Việt Nam

- Căn cứ Điều lệ Đảng;
- Căn cứ Nghị quyết số 51-NQ/TW, ngày 20-7-2005 của Bộ Chính trị về tiếp tục hoàn thiện cơ chế lãnh đạo của Đảng, thực hiện chế độ một người chỉ huy gắn với thực hiện chế độ chính ủy, chính trị viên trong Quân đội nhân dân Việt Nam;

- Căn cứ Quy định số 23-QĐ/TW, ngày 31-10-2006 của Bộ Chính trị (khóa X) quy định thi hành Điều lệ Đảng;

- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư khóa X;

Ban Bí thư quy định về tổ chức cơ quan chính trị trong Quân đội nhân dân Việt Nam như sau:

Cơ quan chính trị đảm nhiệm công tác đảng, công tác chính trị trong Quân đội nhân dân Việt Nam, một lĩnh vực hoạt động rất quan trọng của Đảng nhằm lãnh đạo xây dựng quân đội vững mạnh, trung thành với Đảng, với Tổ quốc, với nhân dân,

với độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, hoàn thành thắng lợi mọi nhiệm vụ mà Đảng, Nhà nước và nhân dân giao cho.

Tiến hành công tác đảng, công tác chính trị là một nguyên tắc cơ bản trong xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng của Đảng, là trách nhiệm của các tổ chức và mọi cán bộ, đảng viên.

I. HỆ THỐNG TỔ CHỨC

1. Cơ quan chính trị trong Quân đội nhân dân Việt Nam được tổ chức ở bốn cấp

- Toàn quân có Tổng cục Chính trị.
- Cấp quân khu và đơn vị tương đương có cục chính trị.
- Cấp sư đoàn và đơn vị tương đương có phòng chính trị.
- Cấp trung đoàn và đơn vị tương đương có ban chính trị.

Thủ trưởng cơ quan chính trị là chủ nhiệm chính trị.

- Những đơn vị, cơ quan không đủ điều kiện lập ban chính trị thì bổ trí trợ lý chính trị.

- Ở các doanh nghiệp trong quân đội, căn cứ vào quy mô tổ chức, lực lượng và tính chất, nhiệm vụ để tổ chức cơ quan chính trị tương ứng như tổ chức các cơ quan chức năng trong doanh nghiệp.

2. Cán bộ chủ trì về chính trị ở các cấp

- Từ cấp đại đội và tương đương đến cấp tiểu đoàn và tương đương có chính trị viên. Từ cấp trung đoàn và tương đương đến cấp quân khu và tương đương có chính ủy. Chính ủy, chính trị viên là người chủ trì về chính trị, chịu trách nhiệm trước cấp trên và cấp ủy cấp mình về toàn bộ các hoạt

động công tác đảng, công tác chính trị trong đơn vị; có trách nhiệm trực tiếp chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra và tổ chức tiến hành các nội dung công tác đảng, công tác chính trị theo chức trách, nhiệm vụ; tham gia xây dựng, tổ chức thực hiện các kế hoạch công tác của đơn vị.

- Ở xã, phường, thị trấn, cơ sở thuộc các bộ, ngành (bao gồm các đơn vị kinh tế, cơ quan, viện nghiên cứu, trường học, bệnh viện... do Nhà nước quản lý), bí thư đảng ủy (chi bộ) trực tiếp làm chính trị viên, đảm nhiệm công tác đảng, công tác chính trị đối với dân quân, tự vệ và trong các nhiệm vụ quân sự, quốc phòng ở địa phương, đơn vị mình.

II- CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ CƠ QUAN CHÍNH TRỊ CÁC CẤP

A- CHỨC NĂNG

1. Tổng cục Chính trị đảm nhiệm công tác đảng, công tác chính trị trong toàn quân, hoạt động dưới sự lãnh đạo của Ban Bí thư và trực tiếp, thường xuyên của Đảng ủy Quân sự Trung ương.

- Căn cứ nghị quyết, chỉ thị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, sự chỉ đạo, hướng dẫn của các ban của Ban Chấp hành Trung ương, Tổng cục Chính trị nghiên cứu đề xuất để Đảng ủy Quân sự Trung ương quyết định chủ trương, biện pháp về công tác đảng, công tác chính trị trong quân đội.

- Căn cứ nghị quyết của Đảng ủy Quân sự Trung ương, mệnh lệnh của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Tổng cục Chính

trị xác định kế hoạch tiến hành công tác đảng, công tác chính trị để chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra các cấp trong toàn quân thực hiện.

2. Cục chính trị đảm nhiệm công tác đảng, công tác chính trị ở cấp quân khu, quân chủng, Bộ đội Biên phòng, quân đoàn, binh chủng, Bộ Tổng Tham mưu cơ quan Bộ Quốc phòng, các tổng cục, Học viện Quốc phòng hoạt động dưới sự lãnh đạo trực tiếp của đảng ủy cùng cấp và sự chỉ đạo, hướng dẫn của Tổng cục Chính trị. Căn cứ sự chỉ đạo, hướng dẫn của Tổng cục Chính trị, nghị quyết của đảng ủy cấp mình và sự chỉ đạo, hướng dẫn của chính ủy, mệnh lệnh của người chỉ huy cùng cấp, cục chính trị đề xuất để đảng ủy quyết định nội dung công tác đảng, công tác chính trị; trực tiếp tổ chức thực hiện những nội dung thuộc cấp mình và hướng dẫn, kiểm tra cấp dưới thực hiện.

Cục chính trị quân khu, Cục Chính trị Bộ đội Biên phòng còn có nhiệm vụ phối hợp với các cấp ủy địa phương để chỉ đạo công tác đảng, công tác chính trị và công tác quần chúng trong lực lượng vũ trang địa phương và trong bộ đội biên phòng tỉnh, thành phố, trong công tác quân sự, quốc phòng địa phương; phối hợp với các ban của cấp ủy địa phương để chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra thực hiện các mặt công tác trên. Cục chính trị các quân chủng, Tổng cục Hậu cần, Tổng cục Kỹ thuật, Tổng cục Công nghiệp quốc phòng, Tổng cục Tình báo, Bộ đội Biên phòng và binh chủng còn có nhiệm vụ nghiên cứu, đề xuất với Tổng cục Chính trị về công tác đảng, công tác chính trị thuộc ngành, quân, binh chủng mình và hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện trong toàn quân theo sự ủy nhiệm của Tổng cục Chính trị.

3. Phòng chính trị đảm nhiệm công tác đảng, công tác chính trị ở cấp học viện, trường sĩ quan, trường đại học và cao đẳng, trường quân sự quân khu, quân đoàn, binh đoàn, sư đoàn, vùng hải quân, lữ đoàn, bộ chỉ huy quân sự và bộ chỉ huy biên phòng tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các tổng công ty và đơn vị tương đương, hoạt động dưới sự lãnh đạo trực tiếp của đảng ủy cùng cấp và sự chỉ đạo, hướng dẫn của cơ quan chính trị cấp trên. Căn cứ sự chỉ đạo, hướng dẫn của cơ quan chính trị cấp trên, nghị quyết của đảng ủy, sự chỉ đạo, hướng dẫn của bí thư cấp ủy, chính ủy và mệnh lệnh của người chỉ huy cùng cấp, tình hình nhiệm vụ, tính chất hoạt động và kế hoạch công tác của đơn vị, phòng chính trị đề xuất để đảng ủy quyết định nội dung công tác đảng, công tác chính trị trong đơn vị; xây dựng kế hoạch, hướng dẫn, kiểm tra các đơn vị thực hiện.

4. Ban chính trị đảm nhiệm công tác đảng, công tác chính trị ở cấp trung đoàn, ban chỉ huy quân sự huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh và đơn vị tương đương, hoạt động dưới sự lãnh đạo trực tiếp của đảng ủy cùng cấp và sự chỉ đạo, hướng dẫn của cơ quan chính trị cấp trên. Căn cứ kế hoạch của cơ quan chính trị cấp trên, nghị quyết của đảng ủy, sự chỉ đạo, hướng dẫn của bí thư cấp ủy, chính ủy, chính trị viên và mệnh lệnh của người chỉ huy cùng cấp, tình hình nhiệm vụ, đối tượng, hoàn cảnh và kế hoạch hoạt động của đơn vị, ban chính trị đề xuất để đảng ủy quyết định nội dung công tác đảng, công tác chính trị; xây dựng kế hoạch và trực tiếp tiến hành công tác đảng, công tác chính trị cho các đối tượng trong đơn vị.

B- NHIỆM VỤ CỦA CƠ QUAN CHÍNH TRỊ CÁC CẤP

1. Giáo dục, bồi dưỡng chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, Hiến pháp, pháp luật của Nhà nước, truyền thống của Đảng, dân tộc, quân đội, nhiệm vụ đơn vị để mọi cán bộ, chiến sĩ luôn luôn có bản lĩnh chính trị vững vàng, trung thành tuyệt đối với Đảng, với Tổ quốc và nhân dân, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, có tinh thần cảnh giác cách mạng, ý thức tổ chức kỷ luật tự giác, nghiêm minh, phẩm chất đạo đức, lối sống trung thực, lành mạnh. Giáo dục, động viên cán bộ, chiến sĩ ra sức học tập nắm vững khoa học kỹ thuật quân sự, nghiệp vụ chuyên môn, sử dụng và quản lý tốt các phương tiện, trang bị, cơ sở vật chất kỹ thuật, không ngừng nâng cao năng lực tổ chức hành động, sẵn sàng nhận và hoàn thành mọi nhiệm vụ.

2. Chỉ đạo, hướng dẫn xây dựng các đảng bộ, chi bộ trong sạch, vững mạnh, chấp hành nghiêm nguyên tắc tập trung dân chủ; giữ vững sự đoàn kết trong Đảng, bảo đảm sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng đối với quân đội. Xây dựng đội ngũ cán bộ có chất lượng cao, số lượng và cơ cấu phù hợp, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trước mắt và lâu dài của quân đội.

3. Chỉ đạo, hướng dẫn các đơn vị chủ động và kiên quyết đấu tranh với các thế lực thù địch, bảo đảm quân đội luôn trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức, làm nòng cốt cùng với toàn dân bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, bảo vệ an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân

và chế độ xã hội chủ nghĩa; bảo vệ sự nghiệp đổi mới và lợi ích quốc gia, dân tộc.

4. Phối hợp với cấp ủy, chính quyền và các đoàn thể ở địa phương tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc, xây dựng nền quốc phòng toàn dân, xây dựng bộ đội địa phương, dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên, hậu phương chiến lược, thực hiện chính sách hậu phương quân đội; giáo dục, động viên lực lượng vũ trang tham gia thực hiện các chương trình phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội, xây dựng cơ sở chính trị ở địa phương vững mạnh. Tiến hành công tác tuyên truyền đặc biệt.

5. Nghiên cứu, đề xuất với cấp trên về chế độ, chính sách có liên quan đến quân đội, hậu phương quân đội và hướng dẫn, tổ chức thực hiện các chế độ, chính sách hiện hành bảo đảm dân chủ, công khai, công bằng.

6. Xây dựng các tổ chức quần chúng và hội đồng quân nhân ở cơ sở vững mạnh, hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ; thực hiện quy chế dân chủ; chăm lo đời sống vật chất, tinh thần của bộ đội.

7. Chỉ đạo và tham gia nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn công tác đảng, công tác chính trị trong lực lượng vũ trang; quản lý và sử dụng kinh phí, vật tư, phương tiện công tác đảng, công tác chính trị.

Thực hiện các nhiệm vụ trên nhằm không ngừng tăng cường, giữ vững sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng đối với quân đội. Xây dựng Đảng bộ Quân đội trong sạch, vững mạnh. Xây dựng quân đội nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, ~~để~~ ^{Để} bước hiện đại, lấy xây dựng về chính trị làm cơ sở để quân đội luôn luôn giữ vững bản chất

giai cấp công nhân, có bản lĩnh chính trị vững vàng, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; không ngừng tăng cường đoàn kết nội bộ, đoàn kết quân dân và tinh thần đoàn kết quốc tế; có trình độ và khả năng sẵn sàng chiến đấu và sức chiến đấu ngày càng cao, hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ Đảng, Nhà nước và nhân dân giao cho, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc.

III- NHIỆM VỤ VÀ TỔ CHỨC BỘ MÁY CỦA TỔNG CỤC CHÍNH TRỊ

A- NHIỆM VỤ

1. Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra công tác tuyên huấn trong toàn quân:

- Giáo dục chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, Hiến pháp, pháp luật của Nhà nước; đường lối, quan điểm, tư tưởng quân sự của Đảng, nhiệm vụ chính trị của lực lượng vũ trang, tích cực tham gia đấu tranh với các quan điểm, tư tưởng sai trái trên lĩnh vực lý luận chính trị, tư tưởng, văn hóa, giữ vững trận địa tư tưởng của Đảng trong quân đội.

- Xây dựng và thực hiện các chương trình, nội dung giáo dục chính trị cho các đối tượng trong toàn quân.

- Chỉ đạo, hướng dẫn công tác thông tin, tuyên truyền, văn hóa, văn nghệ, báo chí, xuất bản, in, phát hành trong quân đội theo đúng đường lối, quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và quy định của Bộ Quốc

phòng. Phối hợp với cơ quan văn hóa - thông tin ngoài quân đội chỉ đạo, hướng dẫn sáng tác văn học - nghệ thuật thuộc đề tài lực lượng vũ trang, chiến tranh cách mạng, góp phần xây dựng nền văn hóa tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc.

- Chỉ đạo, hướng dẫn phong trào thi đua quyết thắng trong toàn quân; chăm lo đời sống văn hóa tinh thần của bộ đội.

2. Chỉ đạo, hướng dẫn xây dựng Đảng bộ Quân đội vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức:

- Xây dựng các đảng bộ, chi bộ trong sạch, vững mạnh, có năng lực lãnh đạo toàn diện và sức chiến đấu cao.

- Xây dựng đội ngũ đảng viên có chất lượng cao, số lượng phù hợp, tiên phong gương mẫu về mọi mặt, gắn bó mật thiết với quần chúng; hướng dẫn và thực hiện đúng các quy định của Trung ương về công tác quản lý đảng viên, công tác tài chính đảng và công tác khen thưởng trong Đảng.

- Chấp hành nghiêm chỉnh nguyên tắc tập trung dân chủ trong tổ chức, lãnh đạo và sinh hoạt đảng.

- Hướng dẫn tiến hành đại hội đảng và nội dung sinh hoạt của cấp ủy, tổ chức đảng đúng với chức năng, nhiệm vụ lãnh đạo của từng cấp.

- Chỉ đạo, hướng dẫn xây dựng, củng cố tổ chức và hoạt động của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, công đoàn, hội phụ nữ và hội đồng quân nhân ở cơ sở vững mạnh, hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ.

3. Quán triệt đường lối, quan điểm, nguyên tắc, chính sách của Đảng về công tác cán bộ. Đề xuất với Đảng ủy Quân sự Trung ương về chủ trương, quy hoạch, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng, quản lý và thực hiện chính sách cán bộ theo phân cấp. Kết hợp chặt chẽ giữa xây dựng đội ngũ cán

bộ với xây dựng đội ngũ đảng viên; xây dựng đội ngũ cán bộ trong quân đội vững vàng về chính trị, gương mẫu về đạo đức, lối sống, có trình độ kiến thức chính trị, quân sự, khoa học - kỹ thuật, hiểu biết thực tiễn và kiến thức kinh tế - xã hội đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao.

4. Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra công tác đảng, công tác chính trị trong các nhiệm vụ, trọng tâm là: sẵn sàng chiến đấu, chiến đấu, huấn luyện, xây dựng chính quy, rèn luyện kỷ luật, quản lý sử dụng vũ khí, trang bị kỹ thuật, phòng chống thiên tai, công tác quân sự, quốc phòng địa phương.

5. Phối hợp với các cơ quan chức năng trong và ngoài quân đội nghiên cứu, đề xuất với Đảng và Nhà nước ban hành các chính sách đối với quân đội, hậu phương quân đội; chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc quán triệt thực hiện các chính sách đó trong toàn quân.

6. Chỉ đạo, hướng dẫn công tác dân vận, tuyên truyền đặc biệt; tham gia thực hiện các chương trình kinh tế - xã hội của Đảng và Nhà nước, góp phần xây dựng cơ sở chính trị ở địa phương vững mạnh, củng cố và tăng cường mối quan hệ đoàn kết quân dân.

7. Quán triệt, chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước.

8. Chỉ đạo, hướng dẫn công tác bảo vệ an ninh, giáo dục cán bộ, chiến sĩ nâng cao cảnh giác, chủ động phòng ngừa và góp phần đấu tranh làm thất bại chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch, xây dựng đơn vị trong sạch về chính trị, an toàn về mọi mặt.

9. Phối hợp với các ban của Đảng, các cơ quan chức năng của Nhà nước để chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện các nội dung

công tác đảng, công tác chính trị theo chức năng, nhiệm vụ của Tổng cục Chính trị.

10. Phối hợp với các ngành có liên quan để kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện công tác điều tra, xét xử trong quân đội theo đúng đường lối, quan điểm của Đảng, Hiến pháp, pháp luật của Nhà nước, bảo đảm khách quan, chính xác, mọi công dân đều bình đẳng trước pháp luật.

11. Chỉ đạo và tham gia nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn công tác đảng, công tác chính trị trong lực lượng vũ trang. Nghiên cứu phát triển khoa học xã hội nhân văn quân sự, tham gia nghiên cứu khoa học nghệ thuật quân sự Việt Nam; biên soạn các điều lệ, quy định về công tác đảng, công tác chính trị. Lập kế hoạch phân bổ, phân cấp và kiểm tra việc quản lý, sử dụng ngân sách, phương tiện vật tư công tác đảng, công tác chính trị trong toàn quân.

12. Chỉ đạo, hướng dẫn xây dựng cơ quan chính trị các cấp vững mạnh toàn diện. Quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức cơ quan chính trị; chức trách, nhiệm vụ cán bộ chính trị từ cấp trực thuộc Bộ Quốc phòng đến cơ sở, xây dựng cơ quan Tổng cục Chính trị vững mạnh toàn diện.

B- TỔ CHỨC BỘ MÁY

Ban Bí thư giao cho Đảng ủy Quân sự Trung ương căn cứ kế hoạch tổ chức lực lượng quân đội và quy hoạch số lượng cán bộ quân đội để quyết định cơ cấu tổ chức bộ máy của Tổng cục Chính trị. Tổng cục Chính trị chủ trì phối hợp với Bộ Tổng Tham mưu ~~quy~~ định cơ cấu tổ chức bộ máy và biên chế cụ thể cơ quan chính trị, cán bộ chính trị ở từng cấp.

IV- NGUYÊN TẮC TIẾN HÀNH CÔNG TÁC ĐẢNG, CÔNG TÁC CHÍNH TRỊ TRONG QUÂN ĐỘI

Tiến hành công tác đảng, công tác chính trị trong quân đội phải tuân thủ các nguyên tắc sau đây:

- Có tính đảng, tính giai cấp, tính chiến đấu cao.
- Xuất phát từ đường lối, nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, tình hình thực tiễn của đất nước, đường lối, quan điểm, tư tưởng quân sự và các nhiệm vụ của lực lượng vũ trang, đi sâu vào các lĩnh vực hoạt động và đời sống của quân đội, sát với từng đối tượng.
- Kết hợp chặt chẽ công tác tư tưởng, công tác tổ chức và công tác chính sách.
- Có tính quần chúng rộng rãi, phát huy sức mạnh tổng hợp của mọi tổ chức, mọi người trong quân đội, các cơ quan Đảng, Nhà nước, các đoàn thể chính trị - xã hội và các tổ chức, hội quần chúng ở các cấp.
- Có kế hoạch, chủ động, sáng tạo, thiết thực, cụ thể, bảo đảm chất lượng, hiệu quả cao, đáp ứng yêu cầu trước mắt và cơ bản, lâu dài.

V- TỔ CHỨC QUẦN CHÚNG

Tổ chức quần chúng trong Quân đội nhân dân Việt Nam gồm có:

Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Công đoàn, Hội phụ nữ.

Các tổ chức quần chúng chỉ tổ chức ở đơn vị cơ sở, đặt dưới sự lãnh đạo của tổ chức cơ sở đảng, sự chỉ đạo trực tiếp

của chính ủy, chính trị viên và cơ quan chính trị cùng cấp, sự chỉ đạo và hướng dẫn của cơ quan chính trị cấp trên.

Các tổ chức quần chúng trong quân đội có nhiệm vụ thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ theo điều lệ của đoàn thể mình và các nghị quyết, chỉ thị của ban chấp hành trung ương đoàn thể đó; vận dụng sát với đặc điểm, tình hình, nhiệm vụ và phù hợp với cơ chế Đảng lãnh đạo quân đội.

Đối với các tổ chức nghề nghiệp, căn cứ tình hình cụ thể, nơi nào có nhu cầu cần thiết, nếu được Tổng cục Chính trị cho phép thì lập chi hội ở cơ sở, đặt dưới sự lãnh đạo của đảng bộ, chi bộ cơ sở, sự chỉ đạo của cơ quan chính trị cùng cấp và sự hướng dẫn về hoạt động nghề nghiệp của ban chấp hành hội mà chi hội đó trực thuộc.

*
* * *

Tổng cục Chính trị phối hợp với các ban của Đảng ở Trung ương hướng dẫn thực hiện Quy định này.

Quy định này có hiệu lực từ ngày ký và thay thế Quy định số 71-QĐ/TW, ngày 24-4-2003 của Ban Bí thư Trung ương Đảng khóa IX.

T/M BAN Bí THU
TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN Bí THU**

Số 92-QĐ/TW, ngày 9 tháng 10 năm 2007

**Thành lập Đoàn kiểm tra việc thực hiện
Nghị quyết 37-NQ/TW, ngày 1-7-2004
của Bộ Chính trị (khóa IX) về phương hướng
phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm
quốc phòng, an ninh vùng trung du
và miền núi Bắc Bộ đến năm 2010**

- Căn cứ Điều lệ Đảng, Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư khóa X;
- Căn cứ Chương trình kiểm tra của Bộ Chính trị, Ban Bí thư năm 2007;
- Xét đề nghị của Ban Chỉ đạo Tây Bắc,

BAN Bí THU QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Đoàn kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết 37-NQ/TW, ngày 1-7-2004 của Bộ Chính trị (khóa IX) về Phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng trung du và miền núi Bắc Bộ đến năm 2010, gồm các đồng chí:

- 1- Đồng chí Trương Vĩnh Trọng, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Phó Thủ tướng Chính phủ, Trưởng ban Chỉ đạo Tây Bắc, Trưởng đoàn;
- 2- Đồng chí Vũ Tiến Chiến, Ủy viên Trung ương Đảng, Ủy viên Thường trực, Chánh Văn phòng Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng, Phó trưởng ban kiêm nhiệm Ban Chỉ đạo Tây Bắc, Phó Trưởng đoàn;
- 3- Đồng chí Phan Trung Kiên, Ủy viên Trung ương Đảng, Thứ trưởng Bộ Quốc phòng, Phó Trưởng ban kiêm nhiệm Ban Chỉ đạo Tây Bắc, Phó trưởng đoàn;
- 4- Đồng chí Đào Ngọc Dung, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Trưởng ban Thường trực Ban Chỉ đạo Tây Bắc, Phó trưởng đoàn;
- 5- Đồng chí Bùi Thanh Thu, Phó Trưởng ban Chỉ đạo Tây Bắc, Thành viên;
- 6- Đồng chí Đàm Thơm, Phó Trưởng ban Chỉ đạo Tây Bắc, Thành viên;
- 7- Đồng chí Lê Khả Đấu, Phó Trưởng ban Chỉ đạo Tây Bắc, Thành viên;
- 8- Đồng chí Sa Như Hòa, Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Thành viên;
- 9- Đồng chí Nguyễn Mạnh Tuấn, Phó Chánh Văn phòng Trung ương Đảng, Thành viên;
- 10- Đồng chí Nguyễn Quốc Huy, Phó Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ, Thành viên;
- 11- Đồng chí Trương Văn Đoan, Thứ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Phó Trưởng Ban kiêm nhiệm Ban Chỉ đạo Tây Bắc, Thành viên;

12- Đồng chí Nguyễn Công Nghiệp, Thứ trưởng Bộ Tài chính, Phó Trưởng ban kiêm nhiệm Ban Chỉ đạo Tây Bắc, Thành viên;

13- Đồng chí Hứa Đức Nhị, Thứ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Phó Trưởng ban kiêm nhiệm Ban Chỉ đạo Tây Bắc, Thành viên;

14- Đồng chí Nguyễn Hồng Trường, Thứ trưởng Bộ Giao thông vận tải, thành viên kiêm nhiệm Ban Chỉ đạo Tây Bắc, Thành viên.

Điều 2. Đoàn kiểm tra có nhiệm vụ tổ chức thực hiện các nội dung nêu trong Chương trình kiểm tra của Bộ Chính trị, Ban Bí thư năm 2007 (Chương trình số 37-CTr/TW, ngày 26-3-2007).

Đoàn kiểm tra và Ban Chỉ đạo Tây Bắc có kế hoạch cụ thể thực hiện nhiệm vụ này.

Đoàn kiểm tra quyết định thành lập các tổ công tác giúp việc phục vụ nhiệm vụ kiểm tra; kinh phí hoạt động của Đoàn kiểm tra do Ban Chỉ đạo Tây Bắc đảm bảo.

Điều 3. Các tỉnh ủy thuộc địa bàn hoạt động của Ban Chỉ đạo Tây Bắc, thuộc phạm vi thực hiện Nghị quyết 37-NQ/TW của Bộ Chính trị, các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc Trung ương có thành viên tham gia Ban Chỉ đạo Tây Bắc và các đồng chí có tên trên thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

T/M BAN Bí THƯ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUYẾT ĐỊNH CỦA BAN Bí THƯ

Số 93-QĐ/TW, ngày 9 tháng 10 năm 2007

Thành lập Ban Chỉ đạo tổ chức các lớp bồi dưỡng, cập nhật kiến thức cho cán bộ cao cấp của Cộng hòa Dân chủ nhân dân Lào

- Căn cứ Điều lệ Đảng;
- Thực hiện Thông báo số 20-TB/TW, ngày 12-9-2006 của Ban Bí thư về công tác đào tạo cán bộ chính trị giúp Cộng hoà Dân chủ nhân dân Lào;
- Thực hiện Thông báo số 94-TB/TW, ngày 24-9-2007 của Ban Bí thư về việc tổ chức các lớp bồi dưỡng, cập nhật kiến thức cho cán bộ cao cấp và tập huấn giảng viên bốn trường chính trị - hành chính tỉnh giúp Cộng hoà Dân chủ nhân dân Lào,

BAN Bí THƯ QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Ban Chỉ đạo tổ chức các lớp bồi dưỡng, cập nhật kiến thức cho cán bộ cao cấp của Cộng hoà Dân chủ nhân dân Lào, gồm các đồng chí:

- 1- Đồng chí Hồ Đức Việt, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng Ban Tổ chức Trung ương, Trưởng ban;

2- Đồng chí Lê Hữu Nghĩa, Ủy viên Trung ương Đảng, Giám đốc Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh, Phó Trưởng ban;

3- Đồng chí Nguyễn Tuấn Khanh, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Trưởng ban Tổ chức Trung ương, Ủy viên;

4- Đồng chí Thượng tướng Nguyễn Khánh Toàn, Ủy viên Trung ương Đảng, Thứ trưởng Thường trực Bộ Công an, Ủy viên;

5- Đồng chí Nguyễn Huy Cường, Phó Chánh Văn phòng Trung ương Đảng, Ủy viên;

6- Đồng chí Phạm Xuân Sơn, Phó Trưởng ban Đối ngoại Trung ương, Ủy viên;

7- Đồng chí Vũ Văn Phúc, Phó Trưởng ban Tuyên giáo Trung ương, Ủy viên.

Giúp Ban Chỉ đạo có Tổ giúp việc do đồng chí Trưởng Ban Chỉ đạo quyết định.

Điều 2. Ban Chỉ đạo có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan liên quan chỉ đạo và tổ chức các lớp bồi dưỡng, cập nhật kiến thức giúp bạn.

Điều 3. Ban Tổ chức Trung ương, Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh, Văn phòng Trung ương Đảng, Ban Tuyên giáo Trung ương, Ban Đối ngoại Trung ương, Bộ Công an và các đồng chí có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

T/M BAN BÍ THƯ
TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUY ĐỊNH CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 94-QĐ/TW, ngày 15 tháng 10 năm 2007

Xử lý kỷ luật đảng viên vi phạm

- Căn cứ Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam;
 - Căn cứ nghị quyết, chỉ thị, quy định của Đảng; Hiến pháp, pháp luật của Nhà nước;
 - Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư khóa X;
 - Xét đề nghị của Ủy ban Kiểm tra Trung ương,
- Bộ Chính trị quy định về xử lý kỷ luật đảng viên vi phạm như sau:*

Chương I **QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi, đối tượng xử lý kỷ luật

1. Tất cả đảng viên, nếu vi phạm trong việc thực hiện nguyên tắc tập trung ~~độc~~ chủ; nói, viết và làm trái với quan điểm, đường lối, chính sách, nghị quyết, chỉ thị, nguyên tắc,

quy định của Đảng và pháp luật của Nhà nước; vi phạm các quy định về khiếu nại, tố cáo và giải quyết khiếu nại, tố cáo; vi phạm chính sách dân số, kế hoạch hoá gia đình; bản thân hoặc có con kết hôn với người nước ngoài mà không báo cáo đều phải xử lý kỷ luật theo Quy định này.

2. Đảng viên vi phạm trước đây, nhưng sau khi chuyển công tác, nghỉ việc, hoặc nghỉ hưu mới phát hiện vi phạm thì vẫn phải xem xét, kết luận; nếu vi phạm đến mức phải thi hành kỷ luật thì phải thi hành kỷ luật theo đúng quy định của Điều lệ Đảng, pháp luật của Nhà nước và những nội dung nêu trong Quy định này.

Điều 2. Nguyên tắc xử lý kỷ luật

1. Tất cả đảng viên đều bình đẳng trước kỷ luật của Đảng. Đảng viên ở bất cứ cương vị, lĩnh vực công tác nào, nếu vi phạm kỷ luật của Đảng đều phải được xem xét, xử lý kỷ luật nghiêm minh.

2. Việc thi hành kỷ luật đảng viên vi phạm phải thực hiện đúng phương hướng, phương châm, nguyên tắc, thủ tục và đúng thẩm quyền theo quy định của Điều lệ Đảng, quy định của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư và hướng dẫn của Ủy ban Kiểm tra Trung ương.

3. Khi xem xét, xử lý kỷ luật đảng viên vi phạm, phải căn cứ vào nội dung, tính chất, mức độ, tác hại, nguyên nhân vi phạm, thái độ tiếp thu phê bình và sửa chữa, khắc phục khuyết điểm; mục tiêu, yêu cầu của việc thực hiện nhiệm vụ chính trị và công tác xây dựng Đảng.

4. Các hình thức kỷ luật đảng viên được thực hiện theo đúng quy định của Điều lệ Đảng. Đảng viên vi phạm đến mức phải thi hành kỷ luật đều phải thi hành kỷ luật nghiêm

minh; vi phạm đến mức khai trừ thì phải khai trừ, không áp dụng hình thức xoá tên; cấp uỷ viên vi phạm đến mức cách chức thì phải cách chức, không cho thôi giữ chức; đảng viên dự bị vi phạm đến mức phải thi hành kỷ luật thì áp dụng hình thức khiển trách hoặc cảnh cáo, không đủ tư cách thì xoá tên trong danh sách đảng viên.

5. Đảng viên vi phạm pháp luật đến mức phải truy cứu trách nhiệm hình sự thì phải truy cứu trách nhiệm hình sự, không "xử lý nội bộ"; bị toà án tuyên phạt từ cải tạo không giam giữ trở lên thì phải khai trừ; nếu bị xử phạt bằng hình thức thấp hơn, được miễn truy cứu trách nhiệm hình sự, bị xử phạt hành chính thì tuỳ nội dung, mức độ, tính chất, tác hại và nguyên nhân vi phạm mà xem xét thi hành kỷ luật đảng một cách thích hợp.

6. Kỷ luật đảng không thay thế kỷ luật hành chính, kỷ luật đoàn thể và các hình thức xử lý của pháp luật. Đảng viên bị thi hành kỷ luật về Đảng thì cấp ủy quản lý đảng viên đó phải kịp thời chỉ đạo tổ chức nhà nước, đoàn thể chính trị - xã hội có thẩm quyền, trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày công bố quyết định kỷ luật về Đảng, phải xem xét, xử lý kỷ luật về hành chính, đoàn thể (nếu có) theo quy định của cơ quan nhà nước và điều lệ của đoàn thể. Khi các cơ quan nhà nước, đoàn thể chính trị - xã hội đình chỉ công tác, khởi tố bị can hoặc thi hành kỷ luật đối với cán bộ, hội viên, đoàn viên là đảng viên thì phải thông báo ngay cho tổ chức đảng quản lý đảng viên đó biết. Chậm nhất là 30 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, tổ chức đảng quản lý đảng viên phải xem xét, xử lý kỷ luật về Đảng.

7. Đảng viên vi phạm đang trong thời gian nghỉ thai sản theo chế độ quy định, đang mắc bệnh hiểm nghèo hoặc mất

khả năng nhận thức, được cơ quan y tế có thẩm quyền xác nhận thì chưa xem xét, xử lý kỷ luật.

Điều 3. Những tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng mức kỷ luật

1. Những trường hợp vi phạm có một hoặc một số tình tiết sau được xem xét giảm mức kỷ luật:

a) Chủ động báo cáo vi phạm của mình, tự giác nhận khuyết điểm, vi phạm.

b) Chủ động báo cáo, cung cấp thông tin, phản ánh về những người cùng vi phạm.

c) Chủ động khắc phục hậu quả vi phạm và tích cực tham gia ngăn chặn hành vi vi phạm; tự giác bồi thường những thiệt hại do mình gây ra.

2. Những trường hợp vi phạm có một hoặc một số tình tiết sau phải xem xét tăng mức kỷ luật:

a) Đã được tổ chức, cá nhân có thẩm quyền nhắc nhở, giáo dục mà không sửa chữa khuyết điểm, vi phạm.

b) Không tự giác nhận khuyết điểm, vi phạm của mình mà còn quanh co, che giấu vi phạm.

c) Bao che cho người cùng vi phạm; trù dập, trả thù người thẳng thắn đấu tranh, tố cáo vi phạm hoặc cung cấp chứng cứ vi phạm.

d) Cung cấp thông tin sai sự thật; ngăn cản người khác cung cấp chứng cứ vi phạm.

đ) Đối phó, cản trở quá trình kiểm tra, giám sát, thanh tra, thẩm tra, xác minh, thu thập chứng cứ vi phạm.

e) Vi phạm do lợi dụng tình trạng khẩn cấp, thiên tai, chính sách xã hội.

g) Vi phạm gây thiệt hại về vật chất phải bồi hoàn nhưng không bồi hoàn.

h) Vi phạm nhiều lần, tái vi phạm; bị xử lý kỷ luật nhiều lần về cùng nội dung.

i) Vi phạm có tổ chức; là người tổ chức, chủ mưu, khởi xướng hành vi vi phạm.

k) Ép buộc, vận động, tổ chức, tiếp tay cho người khác cùng vi phạm.

Chương II

NỘI DUNG VI PHẠM VÀ HÌNH THỨC XỬ LÝ

Điều 4. Vi phạm nguyên tắc tập trung dân chủ

1. Vi phạm một trong các trường hợp sau, gây hậu quả ít nghiêm trọng thì kỷ luật bằng hình thức khiển trách:

a) Thiếu trách nhiệm trong việc chấp hành nghị quyết, chỉ thị, quyết định, quy định, quy chế, kết luận của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

b) Bị kích động, xúi giục, bị mua chuộc, lôi kéo hoặc tự mình tham gia các hoạt động làm mất dân chủ, gây mất đoàn kết nội bộ; nhận xét, đánh giá tùy tiện, có dụng ý xấu đối với cá nhân và tổ chức.

c) Tự mình hoặc lôi kéo người khác làm trái nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng; vi phạm quy chế dân chủ, quy chế làm việc của cấp ủy, các quy định của cơ quan, tổ chức ở nơi công tác.

2. Trường hợp vi phạm đã bị xử lý kỷ luật theo quy định tại khoản 1 Điều này mà tái vi phạm, hoặc vi phạm lần đầu gây hậu quả nghiêm trọng, hoặc vi phạm một trong các trường hợp sau đây thì kỷ luật bằng hình thức cảnh cáo hoặc cách chức (nếu có chức vụ):

a) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để phủ quyết ý kiến của đa số khi thông qua nghị quyết, chỉ thị, quyết định, quy định, kết luận thuộc thẩm quyền của tập thể.

b) Vi phạm các quy định về bầu cử của Đảng, Nhà nước và các đoàn thể chính trị - xã hội. Sau khi đã được trình bày nguyện vọng, hoàn cảnh, khi tổ chức ra quyết định vẫn không chấp hành sự phân công, điều động, luân chuyển cán bộ của tổ chức đảng và tổ chức nhà nước.

c) Tự ý nhận giữ chức sắc của các tổ chức tôn giáo khi chưa báo cáo hoặc đã báo cáo nhưng chưa được tổ chức có thẩm quyền đồng ý bằng văn bản.

d) Quan liêu, thiếu trách nhiệm, buông lỏng quản lý để địa phương, đơn vị mình trực tiếp phụ trách xảy ra lãng phí, tham nhũng, mất dân chủ, mất đoàn kết hoặc các tiêu cực khác.

e) Bản thân gây thiệt hại về kinh tế phải bồi hoàn nhưng cố ý không bồi hoàn.

3. Trường hợp vi phạm quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, gây hậu quả rất nghiêm trọng hoặc vi phạm một trong các trường hợp sau thì kỷ luật bằng hình thức khai trừ:

a) Vi phạm nguyên tắc tập trung dân chủ, vô tổ chức, vô kỷ luật, cố ý bỏ sinh hoạt đảng; không chấp hành nghị quyết, chỉ thị, quy định, quyết định, kết luận, chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước.

b) Lừa dối cấp trên, báo cáo sai, xuyên tạc sự thật; che giấu khuyết điểm, vi phạm của bản thân, của người khác hoặc của tổ chức; tạo thành tích giả; cơ hội, kèn cựa, địa vị, độc đoán, chuyên quyền; lợi dụng quyền dân chủ để kéo bè, kéo cánh, gây mất đoàn kết trong tổ chức, cơ quan, đơn vị nói minh sinh hoạt, công tác.

c) Không tán thành quan điểm, đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội của Đảng; phủ định chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Lợi dụng dân chủ, quyền bảo lưu ý kiến, quyền tự do ngôn luận để tuyên truyền chống Đảng; ủng hộ hoặc tán thành đa nguyên, đa đảng.

Điều 5. Vi phạm về kỷ luật phát ngôn

1. Vi phạm một trong các trường hợp sau đây gây hậu quả ít nghiêm trọng thì kỷ luật bằng hình thức khiển trách:

a) Vi phạm quy định của Đảng và Nhà nước về hoạt động báo chí, tuyên truyền.

b) Tuyên truyền, sao chép, tán phát những tài liệu có nội dung xấu, làm lộ bí mật của Đảng, Nhà nước hoặc có nội dung kích động, chống Đảng và chế độ ta (qua tờ rơi, thư từ, báo chí, fax, internet...).

c) Tự ý phát ngôn, cung cấp thông tin cho báo chí, vi phạm những điều cấm của Luật báo chí và những quy định khác của Đảng và Nhà nước về phát ngôn, cung cấp thông tin.

d) Phát ngôn hoặc cung cấp những văn bản, đề án đang trong quá trình soạn thảo mà theo quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước chưa được cấp có thẩm quyền cho phép phổ biến.

2. Trường hợp vi phạm đã bị xử lý kỷ luật theo quy định tại khoản 1 Điều này mà tái vi phạm hoặc vi phạm lần đầu nhưng gây hậu quả nghiêm trọng, hoặc vi phạm một trong những trường hợp sau thì kỷ luật bằng hình thức cảnh cáo hoặc cách chức (nếu có chức vụ):

a) Phát ngôn trái với quan điểm, đường lối, chính sách, nghị quyết, chỉ thị, quy định, quyết định, kết luận của Đảng và Nhà nước; loan truyền những thông tin không đúng sự

thật làm ảnh hưởng đến tổ chức hoặc cá nhân, hoặc làm lộ bí mật của Đảng và Nhà nước. Phát ngôn vô tổ chức, vô trách nhiệm.

b) Lợi dụng việc tham gia góp ý kiến xây dựng Đảng để tung tin, loan truyền dư luận, tán phát tài liệu có quan điểm trái với đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước.

c) Cung cấp thông tin cho báo chí những vấn đề thuộc bí mật nhà nước; những vấn đề bí mật thuộc nguyên tắc và quy định của Đảng. Cung cấp thông tin sai sự thật, không trung thực khi cung cấp thông tin cho báo chí.

d) Cung cấp thông tin cho báo chí về các vụ án đang trong quá trình điều tra hoặc chưa xét xử, trường hợp cơ quan điều tra có yêu cầu không thông tin trên báo chí để tạo điều kiện cho hoạt động điều tra và công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm.

d) Cung cấp thông tin cho báo chí về các cuộc kiểm tra, thanh tra đang trong quá trình thực hiện, chưa được cơ quan có thẩm quyền kết luận và công bố.

e) Những người làm báo viết bài, cho đăng tải thông tin có nội dung sai sự thật, mang tính kích động, gây hoang mang hoặc quy kết về tội danh, mức án trước khi xét xử; đưa những thông tin chưa được phép phổ biến hoặc không đăng tải ý kiến phản hồi, cải chính theo quy định của pháp luật.

3. Trường hợp vi phạm quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này, gây hậu quả rất nghiêm trọng hoặc cố tình phát ngôn mang tính chất xuyên tạc để kề xấu lợi dụng hoặc vi phạm một trong các trường hợp sau thì kỷ luật bằng hình thức khai trừ:

a) Không chấp hành nghiêm kỷ luật phát ngôn và bảo vệ bí mật của Đảng, Nhà nước, đã để lộ tin tức, tán phát tài liệu không đúng nguyên tắc, tung tin sai lệch về nội bộ Đảng, gây tác động xấu đến ổn định chính trị, giữ gìn kỷ luật, kỷ cương, sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng và trong nhân dân, để kề xấu và các lực lượng thù địch lợi dụng xuyên tạc làm giảm uy tín của Đảng, chống phá chế độ ta.

b) Lợi dụng dân chủ, nhân quyền để tuyên truyền chống Đảng; cố ý nói, viết, lưu giữ trái phép hoặc tán phát các tài liệu có nội dung trái Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng hoặc đưa lên mạng internet những nội dung chống lại đường lối, chính sách của Đảng và Hiến pháp, pháp luật của Nhà nước.

c) Phát ngôn tuỳ tiện, vô nguyên tắc, gây rối nội bộ, gây hoài nghi, bất mãn trong nhân dân, mất uy tín trước nhân dân. Người làm báo đưa tin sai sự thật, vu cáo, bịa đặt gây hậu quả xấu.

d) Tổ chức hoặc cố ý tham gia các diễn đàn, các cuộc họp, hội thảo, mít tinh, biểu tình trái phép hoặc có nội dung chống Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Điều 6. Vi phạm về khiếu nại, tố cáo và giải quyết khiếu nại, tố cáo

1. Vi phạm một trong các trường hợp sau, gây hậu quả ít nghiêm trọng thì kỷ luật bằng hình thức khiển trách:

a) Viết, soạn thảo, ký tên tập thể vào đơn, thư tố cáo.

b) Tham gia khiếu kiện đồng người gây mất trật tự, an toàn xã hội.

c) Tổ chức, cá nhân có trách nhiệm đã tiết lộ họ tên, địa chỉ, bút tích của người tố cáo, nội dung tố cáo, các thông tin,

tài liệu về vụ việc đang trong quá trình thanh tra, kiểm tra cho tổ chức hoặc cá nhân không có trách nhiệm biết.

d) Thiếu trách nhiệm, gây phiền hà trong việc giải quyết khiếu nại, tố cáo; vi phạm nội quy, quy chế tiếp công dân khiếu nại, tố cáo.

đ) Can thiệp trái pháp luật vào việc giải quyết khiếu nại, tố cáo.

2. Trường hợp vi phạm đã bị xử lý kỷ luật theo quy định tại khoản 1 Điều này mà tái vi phạm hoặc vi phạm lần đầu nhưng gây hậu quả nghiêm trọng, hoặc vi phạm một trong các trường hợp sau đây thì kỷ luật bằng hình thức khai trừ:

a) Cố tình trì hoãn việc giải quyết khiếu nại, tố cáo hoặc làm sai lệch các thông tin, tài liệu do người khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh cung cấp trong quá trình giải quyết khiếu nại, tố cáo.

b) Cố ý ra quyết định giải quyết khiếu nại, tố cáo trái pháp luật, trái quy định của Đảng.

c) Không chấp hành quyết định cuối cùng về giải quyết khiếu nại của cơ quan có thẩm quyền đã có hiệu lực pháp luật.

d) Không chấp hành quyết định giải quyết tố cáo của cơ quan nhà nước, tổ chức đảng, đoàn thể có thẩm quyền giải quyết đúng trình tự, thủ tục đã có hiệu lực.

đ) Không thực hiện các yêu cầu, kiến nghị của các cơ quan, tổ chức và đại biểu Quốc hội, đại biểu hội đồng nhân dân theo quy định của pháp luật.

e) Chiếm đoạt, tiêu hủy tài liệu, vật chứng liên quan đến nội dung kiểm tra, thanh tra.

g) Vu cáo, vu khống đối với người đang làm nhiệm vụ thanh tra, kiểm tra hoặc can thiệp trái pháp luật vào hoạt động thanh tra, kiểm tra.

h) Lợi dụng nhiệm vụ, quyền hạn để kích động, dụ dỗ, lôi kéo người khác khiếu nại, tố cáo sai sự thật và thực hiện hành vi trái pháp luật.

3. Trường hợp vi phạm quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, gây hậu quả rất nghiêm trọng hoặc vi phạm một trong các trường hợp sau thì kỷ luật bằng hình thức khai trừ:

a) Tố cáo mang tính bịa đặt, vu khống, đả kích, có dụng ý xấu.

b) Tổ chức, cưỡng ép, kích động, xúi giục, giúp sức, mua chuộc người khác khiếu nại, tố cáo sai sự thật; theo đuổi quần chúng viết, ký tên tập thể vào đơn, thư tố cáo.

c) Tổ chức hoặc theo đuổi quần chúng khiếu nại đông người gây áp lực, đòi yêu sách, gây mất trật tự, an toàn xã hội.

d) Đe dọa, trấn áp, trả thù, trù dập, xúc phạm người khiếu nại, tố cáo, người có trách nhiệm giải quyết khiếu nại, tố cáo.

đ) Lợi dụng việc khiếu nại, tố cáo để xuyên tạc sự thật, gây rối trật tự, gây thiệt hại cho cơ quan, tổ chức, cá nhân.

Điều 7. Vi phạm các quy định của Đảng và Nhà nước về dân số, kế hoạch hóa gia đình

1. Vi phạm một trong các trường hợp sau, gây hậu quả ít nghiêm trọng thì kỷ luật bằng hình thức khiển trách:

a) Cản trở, cưỡng bức thực hiện kế hoạch hóa gia đình.

b) Sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu, cung cấp phương tiện tránh thai giả, không bảo đảm tiêu chuẩn chất lượng, quá hạn sử dụng hoặc chưa được phép lưu hành và sử dụng tại Việt Nam.

2. Trường hợp vi phạm đã bị xử lý kỷ luật theo quy định tại khoản 1 Điều này mà tái phạm hoặc vi phạm lần đầu nhưng gây hậu quả nghiêm trọng, hoặc vi phạm trong trường hợp sinh con thứ ba (trừ những trường hợp pháp luật có quy định khác) thì kỷ luật bằng hình thức cảnh cáo hoặc cách chức (nếu có chức vụ).

3. Trường hợp vi phạm quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, gây hậu quả rất nghiêm trọng hoặc sinh con thứ tư trở lên thì kỷ luật bằng hình thức khai trừ.

Điều 8. Vi phạm quy định về kết hôn với người nước ngoài

1. Vi phạm một trong các trường hợp sau, gây hậu quả ít nghiêm trọng thì kỷ luật bằng hình thức khiển trách:

a) Có con kết hôn với người nước ngoài hoặc người Việt Nam định cư ở nước ngoài mà không báo cáo trung thực bằng văn bản với chi bộ, thường trực cấp ủy quản lý mình về lai lịch, thái độ chính trị của người con dâu (hoặc con rể) và cha, mẹ ruột của họ.

b) Có con kết hôn với người nước ngoài vi phạm quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình Việt Nam.

2. Trường hợp vi phạm đã bị xử lý kỷ luật theo quy định tại khoản 1 Điều này mà tái phạm hoặc vi phạm một trong các trường hợp sau đây thì kỷ luật bằng hình thức cảnh cáo hoặc cách chức (nếu có chức vụ):

a) Có con kết hôn với người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài có hành vi chống Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

b) Có vợ hoặc chồng là người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài nhưng không báo cáo với tổ chức.

c) Có hành vi ép con kết hôn với người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài nhằm mục đích vụ lợi.

d) Kết hôn với người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài nhưng không báo cáo cấp ủy trực tiếp quản lý và cấp ủy nơi mình sinh hoạt.

3. Trường hợp vi phạm quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, đã bị xử lý mà còn tái phạm gây hậu quả rất nghiêm trọng, hoặc vi phạm một trong các trường hợp sau thì kỷ luật bằng hình thức khai trừ:

a) Kết hôn với người nước ngoài hoặc người Việt Nam định cư ở nước ngoài mà người đó không đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật Việt Nam.

b) Kết hôn với người nước ngoài hoặc người Việt Nam định cư ở nước ngoài mà người đó có hoạt động phạm tội nghiêm trọng, có thái độ hoặc hoạt động chống Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

c) Kết hôn với người nước ngoài hoặc người Việt Nam định cư ở nước ngoài mà không báo cáo với chi bộ về các nội dung có liên quan đến lai lịch của người mà đảng viên kết hôn bằng văn bản hoặc đã báo cáo nhưng cấp ủy có thẩm quyền không đồng ý.

d) Bản thân đã cố tình che giấu tổ chức đảng; đồng tình, khuyến khích con quan hệ hôn nhân với người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài trái với quy định của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

Điều 9. Vi phạm về quản lý, cấp phát, sử dụng văn bằng, chứng chỉ không hợp pháp

1. Vi phạm một trong các trường hợp sau, gây hậu quả ít nghiêm trọng thì kỷ luật bằng hình thức khiển trách:

a) Nhận văn bằng, chứng chỉ không hợp pháp.

b) Công chứng, chứng thực văn bằng, chứng chỉ trái quy định của pháp luật.

2. Trường hợp vi phạm đã bị xử lý kỷ luật theo quy định tại khoản 1 Điều này mà tái phạm hoặc vi phạm lần đầu nhưng gây hậu quả nghiêm trọng, hoặc vi phạm một trong các trường hợp sau đây thì kỷ luật bằng hình thức cảnh cáo hoặc cách chức (nếu có chức vụ):

a) Có hành vi xin, mua, sử dụng văn bằng, chứng chỉ không hợp pháp để lập hồ sơ dự thi tuyển, xét tuyển, học tập nâng cao trình độ văn hoá, lý luận, nghiệp vụ, thi chuyển ngạch, nâng bậc; để được bổ nhiệm, đề bạt vào các chức vụ lãnh đạo, quản lý.

b) Thiếu trách nhiệm làm sai lệch nội dung hồ sơ học tập để cấp văn bằng, chứng chỉ cho người không đủ điều kiện, tiêu chuẩn.

c) Can thiệp đến cá nhân, tổ chức để bắn thân hoặc người khác được cấp văn bằng, chứng chỉ không hợp pháp, không đúng đối tượng.

d) Ký, cấp văn bằng, chứng chỉ không hợp pháp cho người không đủ tiêu chuẩn, điều kiện.

đ) Làm giả hoặc cố ý sửa chữa, bổ sung làm sai lệch hồ sơ để cấp có thẩm quyền cấp phát văn bằng, chứng chỉ cho người không đủ điều kiện, tiêu chuẩn hoặc sửa chữa, bổ sung làm sai lệch các nội dung trong văn bằng, chứng chỉ.

3. Trường hợp vi phạm quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này mà tái phạm hoặc vi phạm gây hậu quả rất nghiêm trọng hoặc vi phạm một trong các trường hợp sau đây thì kỷ luật bằng hình thức khai trừ:

a) Làm công tác tuyển dụng, xét tuyển, đào tạo đã cố tình để cho những người không đủ tiêu chuẩn, điều kiện sử dụng văn bằng, chứng chỉ không hợp pháp được dự thi tuyển, xét tuyển đi học, thi nâng ngạch.

b) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn bao che cho cán bộ, đảng viên thuộc quyền quản lý sử dụng văn bằng, chứng chỉ không hợp pháp.

c) Trực tiếp tham gia sản xuất, tiêu thụ hoặc môi giới tiêu thụ phôi văn bằng, phôi chứng chỉ, hoặc văn bằng, chứng chỉ không hợp pháp.

Chương III

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 10. Quy định này chỉ nêu nguyên tắc và hình thức xử lý kỷ luật đối với một số hành vi vi phạm mang tính phổ biến của đảng viên nhằm giữ vững nguyên tắc tổ chức, hoạt động của Đảng, giữ nghiêm kỷ cương, kỷ luật của Đảng; mặt khác trong thực tế xem xét, xử lý còn có sự khác nhau giữa các địa phương, đơn vị. Ngoài các trường hợp này, nếu đảng viên vi phạm các quy định khác của Đảng; chính sách, pháp luật của Nhà nước; điều lệ, quy định của các đoàn thể chính trị - xã hội đến mức phải thi hành kỷ luật thì phải xem xét, thi hành kỷ luật kịp thời để giữ nghiêm kỷ luật của Đảng.

Điều 11. Quy định này thay thế Chỉ thị số 27-CT/TW, ngày 4-2-1988 của Ban Bí thư Trung ương Đảng khoá VI "Về chính sách xử lý đối với đảng viên phạm sai lầm".

Quy định này có hiệu lực từ ngày ký, được phổ biến, quán triệt toàn văn đến chi bộ để thực hiện.

Các cấp ủy, tổ chức đảng và đảng viên có trách nhiệm thực hiện Quy định này. Những trường hợp đảng viên vi phạm đã bị xử lý kỷ luật đảng trước đây thì nay không cần cứ vào Quy định này để xem xét lại.

Các quy định của cấp ủy địa phương, đơn vị về thi hành kỷ luật đảng viên trái với Quy định này đều bãi bỏ.

Điều 12. Ủy ban Kiểm tra Trung ương hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra, giám sát các cấp ủy, tổ chức đảng và đảng viên thực hiện Quy định này; định kỳ báo cáo kết quả thực hiện với Bộ Chính trị.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc cần bổ sung, sửa đổi thì báo cáo để Bộ Chính trị xem xét, quyết định.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
TRƯỞNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ

Trung ương Đảng.

Số 17-CT/TW, ngày 15 tháng 10 năm 2007

**Về tiếp tục đổi mới và nâng cao chất lượng,
hiệu quả công tác tuyên truyền miệng
trong tình hình mới**

Qua 30 năm thực hiện Chỉ thị số 14-CT/TW, ngày 3-8-1977 của Ban Bí thư (khóa IV) "Về việc tổ chức đội ngũ báo cáo viên và tuyên truyền viên của Đảng" và 10 năm thực hiện Thông báo số 71-TB/TW, ngày 7-6-1997 của Thường vụ Bộ Chính trị (khóa VIII) "Về việc tăng cường lãnh đạo và đổi mới công tác tuyên truyền miệng", công tác tuyên truyền miệng và hoạt động của đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên đã có bước phát triển, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ công tác tư tưởng trong từng thời kỳ, góp phần tăng cường sự gắn bó giữa Đảng với nhân dân, sự thống nhất tư tưởng trong Đảng, sự đồng thuận trong xã hội.

Công tác tuyên truyền miệng đã đi vào nền nếp, bám sát cơ sở, có cốt gắt đổi mới nội dung và phương thức hoạt động để phù hợp với tình hình thực tiễn và trình độ nhận thức, yêu cầu của cán bộ, đảng viên và nhân dân ở mỗi đơn vị, thực

sự là một trong những kênh quan trọng, có hiệu quả cao của công tác tư tưởng - văn hóa. Đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên được phát triển cả về số lượng và chất lượng, có nhiều hoạt động phong phú, tích cực, làm tốt vai trò là lực lượng nòng cốt, chủ lực thực hiện công tác tuyên truyền miệng của Đảng.

Tuy nhiên, việc thực hiện các chủ trương của Đảng về công tác tuyên truyền miệng và hoạt động của đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên còn những hạn chế và khuyết điểm. Một số cấp ủy và ban tuyên giáo các cấp chưa nhận thức đầy đủ ý nghĩa, tầm quan trọng của công tác tuyên truyền miệng; chưa thực sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo công tác tuyên truyền miệng và việc xây dựng lực lượng, đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên. Không ít cán bộ lãnh đạo các cấp chưa tích cực tham gia công tác tuyên truyền miệng với vai trò báo cáo viên, tuyên truyền viên. Nhiều đảng viên chưa chủ động tham gia tuyên truyền các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước cho quần chúng.

Chất lượng công tác tuyên truyền miệng còn hạn chế, chưa đáp ứng tốt nhu cầu của cán bộ, đảng viên, nhân dân có trình độ ngày càng cao và có nhiều nguồn thông tin; tính thuyết phục, tính hấp dẫn chưa cao, gần đây có biểu hiện né tránh những vấn đề bức xúc mà dư luận quan tâm. Phương thức hoạt động còn nặng về tuyên truyền một chiều từ trên xuống, ít chú trọng trao đổi, đối thoại trực tiếp với cán bộ, đảng viên và nhân dân.

Lực lượng báo cáo viên, tuyên truyền viên đông nhưng chưa mạnh, nhiều vùng, lĩnh vực còn thiếu và yếu; chất

lượng còn nhiều hạn chế, chưa đủ sức giải đáp có sức thuyết phục những vướng mắc do thực tiễn cuộc sống đặt ra. Các chế độ, chính sách, điều kiện về cơ sở vật chất, kỹ thuật và tài chính cho công tác tuyên truyền miệng và hoạt động của báo cáo viên, tuyên truyền viên đã lạc hậu nhưng chậm được khắc phục.

Để đáp ứng những đòi hỏi của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong thời kỳ mới, thực hiện Nghị quyết Đại hội X và Nghị quyết Trung ương 5 (khóa X) "Về công tác tư tưởng, lý luận và báo chí trước yêu cầu mới", Ban Bí thư yêu cầu các cấp ủy đảng và mỗi cán bộ, đảng viên cần nhận thức sâu sắc vai trò, tầm quan trọng của công tác tuyên truyền miệng, phát huy cao độ các ưu thế của tuyên truyền miệng của đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên để cùng với các kênh thông tin, tuyên truyền khác tạo ra sức mạnh tổng hợp và nâng cao hiệu quả của công tác tư tưởng; cụ thể, cần tập trung thực hiện tốt các nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu sau:

- 1. Tiếp tục quán triệt ý nghĩa, vai trò, tầm quan trọng của công tác tuyên truyền miệng, hoạt động của đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên, xác định đây là một trong những kênh thông tin quan trọng nhất, trực tiếp truyền bá sâu rộng chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, phổi biển, giáo dục, quán triệt các quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; định hướng tư tưởng cho cán bộ, đảng viên và nhân dân trước các vấn đề thời sự quan trọng trong nước và quốc tế; góp phần tạo sự thống nhất tư tưởng trong Đảng, sự đồng thuận trong xã hội, củng cố niềm tin, cổ vũ phong trào cách mạng. Đồng**

thời, đây là một trong những vũ khí sắc bén, kịp thời đấu tranh chống âm mưu, thủ đoạn "diễn biến hòa bình" của các thế lực thù địch, phê phán các quan điểm sai trái, lệch lạc, phản động. Tuyên truyền miệng và đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên là một mắt khâu quan trọng, trực tiếp nối liền Đảng, Nhà nước với nhân dân, trung ương với địa phương và cơ sở để vừa đưa chủ trương, đường lối của Đảng, luật pháp, chính sách của Nhà nước đến với nhân dân, vừa nắm bắt, phản ánh trung thực, kịp thời tư tưởng, tâm tư, nhu cầu, lợi ích, nguyện vọng của nhân dân đối với lãnh đạo Đảng, Nhà nước; gắn truyền đạt với đối thoại, trao đổi, truyền tải trực tiếp những thông tin nội bộ cần thiết phục vụ công tác tư tưởng đối với tất cả các đối tượng ở mọi hoàn cảnh, điều kiện một cách linh hoạt.

2. Công tác tuyên truyền miệng là nhiệm vụ của toàn Đảng, vì vậy tất cả cấp ủy các cấp từ Trung ương đến cơ sở, các đảng viên hoạt động trên mọi lĩnh vực đều phải có trách nhiệm làm nhiệm vụ tuyên truyền miệng, trực tiếp tham gia tuyên truyền đường lối, quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; kịp thời thông tin và định hướng tư tưởng cho cán bộ, đảng viên, nhân dân ở nơi công tác và cư trú về các vấn đề quan trọng trong nước và trên thế giới, coi đó là một tiêu chuẩn để đánh giá năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu, chất lượng công tác của các cấp ủy, tính tiên phong, gương mẫu và phẩm chất chính trị của mỗi đảng viên.

3. Các cấp ủy đảng, người đứng đầu các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm lãnh đạo xây dựng, quản lý và chỉ đạo hoạt động của đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên của

ngành, cấp và đơn vị mình, phát huy vai trò của đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên, ưu thế của công tác tuyên truyền miệng trên mặt trận tư tưởng - văn hóa. Tất cả các tổ chức đảng từ Trung ương đến cơ sở đều phải có lực lượng báo cáo viên, tuyên truyền viên.

4. Ban Tuyên giáo Trung ương chỉ đạo, hướng dẫn việc tổ chức và hoạt động của đội ngũ báo cáo viên từ Trung ương đến các tổ chức cơ sở đảng, việc đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chính trị, tư tưởng, chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ báo cáo viên, kết hợp hài hòa giữa đội ngũ báo cáo viên lâu năm, có kinh nghiệm với đội ngũ cán bộ trẻ, kế cận, từng bước nâng cao trình độ chuyên nghiệp của báo cáo viên ở tỉnh, thành phố và Trung ương; đổi mới mạnh mẽ phương thức hoạt động tuyên truyền miệng, hoạt động của đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên theo hướng đáp ứng kịp thời, nhanh nhẹn nhu cầu và phù hợp với trình độ của cán bộ, đảng viên và nhân dân, nâng cao tính định hướng và sức thuyết phục của hoạt động tuyên truyền miệng.

5. Văn phòng Trung ương Đảng chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính, Ban Tuyên giáo Trung ương và các cơ quan liên quan nghiên cứu, xây dựng, bổ sung chế độ, chính sách và bảo đảm các phương tiện hoạt động cho báo cáo viên các cấp phù hợp với tình hình mới và hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện.

6. Ban Tổ chức Trung ương chủ trì, phối hợp với Ban Tuyên giáo Trung ương chỉ đạo, hướng dẫn việc đổi mới, kiện toàn tổ chức bộ máy, chức năng, nhiệm vụ, cơ chế hoạt động của Trung tâm Thông tin công tác tuyên giáo các cấp để nâng cao tính tích cực, năng động, hướng về cơ sở, chất lượng, hiệu quả hoạt động của Trung tâm này.

7. Ban Tuyên giáo Trung ương chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Chỉ thị này và định kỳ báo cáo Ban Bí thư.

Chỉ thị này phổ biến đến chi bộ.

T/M BAN Bí THƯ
TRƯỞNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN Bí THƯ**

Số 95-QĐ/TW, ngày 16 tháng 10 năm 2007

**Thành lập Ban Chỉ đạo nhà nước
kỷ niệm 90 năm Cách mạng Tháng Mười Nga
và 160 năm *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản***

- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư khóa X;
- Căn cứ Chỉ thị số 16-CT/TW, ngày 12-9-2007 của Ban Bí thư về việc tổ chức kỷ niệm 90 năm Cách mạng Tháng Mười (7-11-1917 - 7-11-2007) và 160 năm *Tuyên ngôn Đảng Cộng sản* (24-2-1948 - 24-2-2008);
- Theo đề nghị của Ban Tuyên giáo Trung ương,

BAN Bí THƯ QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Ban Chỉ đạo nhà nước kỷ niệm 90 năm Cách mạng Tháng Mười và 160 năm *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*, gồm:

- 1- Đồng chí Phạm Gia Khiêm, Ủy viên Bộ Chính trị, Phó Thủ tướng Chính phủ, Trưởng ban;

- 2- Đồng chí Nguyễn Hồng Vinh, Phó Trưởng ban Tuyên giáo Trung ương, Phó trưởng ban;
- 3- Đại diện lãnh đạo Văn phòng Trung ương Đảng;
- 4- Đại diện lãnh đạo Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh;
- 5- Đại diện lãnh đạo Ban Đối ngoại Trung ương;
- 6- Đại diện lãnh đạo Viện Khoa học xã hội Việt Nam;
- 7- Đại diện lãnh đạo Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
- 8- Đại diện lãnh đạo Bộ Thông tin và Truyền thông;
- 9- Đại diện lãnh đạo Bộ Công an;
- 10- Đại diện lãnh đạo Bộ Quốc phòng;
- 11- Đại diện lãnh đạo Bộ Ngoại giao;
- 12- Đại diện lãnh đạo Bộ Tài chính;
- 13- Đại diện lãnh đạo Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam;
- 14- Đại diện lãnh đạo Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội.

Điều 2. Ban Chỉ đạo nhà nước có trách nhiệm chỉ đạo tổ chức nghiêm túc, chu đáo, có kết quả các hoạt động kỷ niệm 90 năm Cách mạng Tháng Mười và 160 năm "Tuyên ngôn Đảng Cộng sản" được xác định trong Chỉ thị số 16-CT/TW, ngày 12-9-2007 của Ban Bí thư.

Điều 3. Văn phòng Trung ương Đảng bảo đảm kinh phí cho các hoạt động kỷ niệm.

T/M BAN BÍ THƯ
TRƯỜNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

KẾT LUẬN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 13-KL/TW, ngày 17 tháng 10 năm 2007

Về Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội năm 2007 và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2008

Tại phiên họp ngày 10-10-2007, sau khi nghe Ban Cán sự Đảng Bộ Kế hoạch và Đầu tư được ủy quyền của Ban Cán sự Đảng Chính phủ báo cáo tình hình kinh tế - xã hội năm 2007 và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2008; Ban Cán sự Đảng Bộ Tài chính báo cáo về tình hình thực hiện ngân sách nhà nước năm 2007, dự toán ngân sách nhà nước năm 2008; Văn phòng Trung ương Đảng báo cáo một số ý kiến về tình hình kinh tế - xã hội năm 2007 và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2008, Bộ Chính trị đã thảo luận và kết luận:

Bộ Chính trị cơ bản nhất trí với nội dung các báo cáo. Tuy nhiên, để Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội năm 2007 và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2008 hoàn chỉnh hơn, cần làm rõ hơn về những hạn chế và giải pháp phát triển các lĩnh vực xã hội, phát triển mạng lưới giao thông, thị trường bất động sản, cơ chế, chính sách để huy động tối đa

các nguồn lực cho phát triển đất nước, đồng thời cần nhấn mạnh và bổ sung thêm một số vấn đề như sau:

I- NHỮNG VẤN ĐỀ NỔI BẬT TRONG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2007

Năm 2007 là năm thứ hai thực hiện Nghị quyết Đại hội X và là năm đầu tiên Việt Nam thực hiện các cam kết gia nhập WTO, nền kinh tế tiếp tục có những thuận lợi lớn như: tình hình tăng trưởng kinh tế thế giới, khu vực tác động thuận lợi đến kinh tế trong nước; những kết quả đạt được trong những năm qua đã tạo thế, lực và uy tín của nước ta trên thế giới ngày một nâng lên; song chúng ta cũng đứng trước những khó khăn, thách thức về thiên tai, lũ lụt, về khả năng cạnh tranh, giá cả một số mặt hàng phục vụ sản xuất và đời sống tăng cao, tình trạng tham nhũng, tiêu cực và nhiều vấn đề xã hội bức xúc chưa được giải quyết triệt để. Trong bối cảnh đó, với sự nỗ lực quyết tâm cao của cả hệ thống chính trị và các tầng lớp nhân dân, sự điều hành năng động, có hiệu quả của Chính phủ, các bộ, ngành Trung ương và địa phương, đã đưa nền kinh tế đất nước đạt nhiều kết quả tích cực.

1. Những kết quả chủ yếu

(1) Nền kinh tế nước ta tiếp tục phát triển ổn định và đạt mức tăng trưởng cao nhất trong 10 năm qua (8,5%), hầu hết các chỉ tiêu đều đạt và vượt kế hoạch đề ra (21/23 chỉ tiêu), cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực.

(2) Kinh tế đối ngoại và hội nhập kinh tế quốc tế đạt kết

quả quan trọng, góp phần mở rộng quan hệ hợp tác và nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế.

(3) Thu hút được nhiều nguồn vốn cho đầu tư phát triển, đặc biệt là vốn đầu tư nước ngoài, vốn đầu tư của khu vực dân cư và doanh nghiệp ngoài nhà nước.

(4) Các cân đối kinh tế vĩ mô được bảo đảm, tạo điều kiện phát triển kinh tế. Cân đối ngân sách tiếp tục được ổn định, các chỉ tiêu tổng thu và tổng chi đều đạt kế hoạch đề ra, đặc biệt thu nội địa tăng (cả về tỷ trọng và giá trị tuyệt đối).

Tính đồng bộ của thị trường được nâng lên, quản lý nhà nước đã nhanh nhẹn hơn trước sự biến động của thị trường, tăng cường sử dụng các công cụ quản lý vĩ mô gián tiếp và hạn chế can thiệp hành chính; một số cơ chế, chính sách được điều chỉnh phù hợp, rõ ràng, minh bạch hơn.

(5) Cải cách hành chính có bước chuyển biến: triển khai tốt chủ trương công khai, đơn giản hóa thủ tục hành chính và đăng ký kinh doanh; tăng cường phân cấp quản lý cho các ngành, địa phương, nhất là trong quản lý đầu tư đã góp phần tích cực cải thiện môi trường đầu tư, thúc đẩy sản xuất, kinh doanh phát triển.

(6) Một số lĩnh vực xã hội đạt kết quả tích cực: công tác giảm nghèo đạt kết quả khá; văn hóa, giáo dục, y tế, thể dục thể thao có tiến bộ; khoa học - công nghệ được đẩy mạnh.

(7) Công tác phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí tiếp tục được tăng cường.

(8) Chính trị, xã hội ổn định, quốc phòng, an ninh được giữ vững, tạo môi trường thuận lợi để phát triển kinh tế và ổn định xã hội.

2. Một số hạn chế, yếu kém

(1) Chất lượng tăng trưởng kinh tế tuy có cải thiện nhưng còn nhiều mặt hạn chế, năng suất, hiệu quả còn thấp, khả năng cạnh tranh và tính bền vững của nền kinh tế chưa cao. Tăng trưởng kinh tế chủ yếu dựa vào vốn và tài nguyên; tỷ trọng hàng gia công còn lớn, giá trị gia tăng thấp; chưa tích cực ứng dụng thành tựu khoa học - công nghệ vào sản xuất; tỷ trọng các sản phẩm có hàm lượng công nghệ cao còn rất thấp.

(2) Chuyển dịch cơ cấu kinh tế còn chậm so với yêu cầu, mục tiêu của Đại hội X. Chuyển dịch cơ cấu lao động từ nông nghiệp sang công nghiệp và dịch vụ chưa đạt kế hoạch, chất lượng lao động có tay nghề cao chưa đáp ứng yêu cầu sản xuất.

Những hạn chế trên đã ảnh hưởng đến việc rút ngắn khoảng cách phát triển giữa nước ta với các nước, đòi hỏi cần có biện pháp để nhanh chóng khắc phục.

(3) Một số ngành hàng quan trọng như cơ khí, điện tử, tin học, sản xuất vật liệu mới... chất lượng và sức cạnh tranh còn hạn chế; giá trị gia tăng của nhiều sản phẩm đạt thấp, hạ tầng cơ sở yếu làm giảm sức hấp dẫn của nền kinh tế. Sản xuất nông nghiệp tăng trưởng có xu hướng chậm lại so với những năm trước; dịch bệnh kéo dài nhiều năm và trong năm 2007 có diễn biến phức tạp hơn nhưng chưa có biện pháp giải quyết tốt. Kinh tế nông thôn phát triển còn chậm, việc triển khai thực hiện Nghị quyết 15-NQ/TW (khóa IX) về đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn đạt kết quả chưa cao.

(4) Tình trạng nhập siêu lớn và đang gia tăng là một thách thức đối với nền kinh tế nhưng chưa có biện pháp khắc

phục có hiệu quả. Chất lượng một số mặt hàng nhập khẩu thấp, nhập khẩu một số thiết bị công nghệ lạc hậu ảnh hưởng xấu lâu dài đến sản xuất và môi trường, đang gây những bất lợi cho nền kinh tế.

(5) Về huy động và sử dụng vốn: Nguồn vốn nhà nước (đặc biệt là vốn ngân sách, trái phiếu chính phủ) giải ngân chậm; công tác quy hoạch, giải phóng mặt bằng còn nhiều yếu kém, chậm trễ, làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện dự án và hiệu quả sử dụng vốn đầu tư. Tình hình thị trường chứng khoán biến động thất thường, chưa được quản lý một cách có hiệu quả, thiếu các công cụ kiểm soát để bảo đảm thị trường này phát triển lành mạnh.

(6) Về hội nhập kinh tế quốc tế: Các cơ quan quản lý nhà nước, các doanh nghiệp chưa chuẩn bị tốt các điều kiện để tiếp cận với các quy định khi Việt Nam gia nhập WTO. Nhiều doanh nghiệp thích ứng chậm với quá trình hội nhập, chưa khai thác tốt cơ hội khi Việt Nam đã gia nhập WTO.

(7) Một số cân đối kinh tế vĩ mô chưa được đảm bảo, như cân đối lao động - việc làm; cân đối xuất nhập khẩu (nhập siêu lớn); cân đối về cán cân vãng lai đang có nhiều khó khăn.

(8) Chỉ số giá tiêu dùng tăng cao ảnh hưởng không lợi đến sản xuất và đời sống nhân dân. Cải cách chính sách tiền lương không đạt mục tiêu, nhiệm vụ theo đề án Quốc hội đã thông qua.

Chất lượng cuộc sống ở một số vùng nông thôn chưa được cải thiện nhiều, đời sống của nhân dân ở các vùng miền núi, vùng đồng bào dân tộc ~~đa~~ các vùng chịu ảnh hưởng nhiều của thiên tai, bão lụt... còn rất nhiều khó khăn.

(9) Công tác y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân còn hạn chế. Tình hình dịch bệnh gia tăng và diễn biến phức tạp; vệ sinh an toàn thực phẩm còn nhiều bất ổn. Chất lượng giáo dục còn thấp. Thực hiện chủ trương xã hội hóa một số lĩnh vực dịch vụ công còn nhiều lúng túng.

(10) Tình hình khiếu kiện đông người, trong đó phần lớn liên quan đến vấn đề đất bù, thu hồi đất của nông dân còn diễn biến phức tạp. Đinh công của công nhân ở các khu công nghiệp tiếp tục xảy ra; chỗ ở, sinh hoạt của công nhân ở các khu công nghiệp tập trung còn nhiều khó khăn. Nhiều vụ tai nạn lao động, tai nạn giao thông nghiêm trọng liên tiếp xảy ra; tình trạng ùn tắc giao thông ở các đô thị lớn chưa được khắc phục; tội phạm và tệ nạn xã hội chưa được đẩy lùi...

(11) Tình trạng ô nhiễm môi trường khu vực đô thị, khu công nghiệp, vùng đầu nguồn nước, ven biển, vùng nông thôn... còn cao, nhưng chưa có biện pháp hữu hiệu để ngăn chặn, xử lý kịp thời.

(12) Công tác quản lý nhà nước một số mặt còn yếu kém, một bộ phận cán bộ, công chức năng lực, trình độ yếu, chưa theo kịp yêu cầu phát triển của đất nước.

II- VỀ KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2008

Năm 2008 là năm bản lề có ý nghĩa rất quan trọng, tạo đà cho việc hoàn thành kế hoạch 5 năm 2006 - 2010. Vì vậy, cần phải xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội theo hướng tích cực, thể hiện sự quyết tâm cao của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân, các ngành, các cấp trong việc thực hiện Nghị quyết Đại hội X của Đảng. Bộ Chính trị lưu ý một số vấn đề sau:

1. Mục tiêu, nhiệm vụ

Bộ Chính trị nhất trí với mục tiêu, nhiệm vụ nêu trong Báo cáo và nhấn mạnh thêm:

Tiếp tục tập trung tháo gỡ khó khăn về cơ chế, chính sách để giải phóng sức sản xuất, thu hút các nguồn lực, chuyển dịch mạnh cơ cấu đầu tư, cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, bảo đảm cho nền kinh tế phát triển nhanh và bền vững. Nâng cao đời sống, tăng thu nhập của nhân dân, nhất là đời sống, việc làm, thu nhập của hộ nghèo và cận nghèo.

2. Về chỉ tiêu chủ yếu

Về cơ bản, Bộ Chính trị nhất trí với các chỉ tiêu Báo cáo đã nêu. Tuy nhiên, để đạt mục tiêu của Nghị quyết Đại hội X, nhất là các chỉ tiêu chủ yếu, cần xem xét, cân nhắc thêm một số chỉ tiêu như sau:

- Về chỉ tiêu kinh tế:

Tốc độ tăng trưởng kinh tế 8,5 - 9% là hợp lý. Tuy nhiên, phải chú ý đến chỉ tiêu về chuyển dịch cơ cấu kinh tế mà Đại hội X đề ra là đến năm 2010 phải đạt: nông nghiệp 15 - 16%, công nghiệp 43 - 44%, dịch vụ 40 - 41%.

Cần xác định rõ các chỉ tiêu về chất lượng tăng trưởng của nền kinh tế.

- Về chỉ tiêu xã hội: bổ sung thêm chỉ tiêu đào tạo nghề cho lao động, nhất là lao động nông nghiệp để có thể chuyển dịch cơ cấu lao động trong nông nghiệp, chỉ tiêu về phát triển nhà ở cho người dân, trong đó cần quan tâm đến lao động ở các khu công nghiệp, khu chế xuất.

- Về chỉ tiêu môi trường: cần đề ra chỉ tiêu thống nhất theo tiêu chí của quốc tế.

- Nghiên cứu để có tiêu chí đánh giá được mức độ chênh lệch giàu nghèo giữa các nhóm dân cư, giữa các vùng; kết quả thực hiện lộ trình tiến tới bảo hiểm y tế toàn dân (theo tinh thần Nghị quyết Đại hội X).

3. Về dự báo một số cân đối lớn trong nền kinh tế

Nhất trí với dự báo một số cân đối lớn của nền kinh tế trong Báo cáo đã nêu, cần xây dựng thêm hệ thống thông tin dự báo cho các ngành, lĩnh vực.

4. Về định hướng phát triển và giải pháp chủ yếu

Bộ Chính trị đồng tình với định hướng và các giải pháp phát triển từng ngành, những cơ chế, chính sách chủ yếu như Báo cáo đã nêu và nhấn mạnh một số vấn đề cụ thể:

(1) Tập trung đẩy mạnh sản xuất, kinh doanh, nhất là đối với những sản phẩm có đóng góp lớn cho tăng trưởng kinh tế. Thúc đẩy triển khai nhanh các dự án đầu tư phát triển nguồn điện nhằm sớm giải quyết tình trạng thiếu điện. Phát triển mạnh công nghiệp chế biến nông - lâm - thủy sản, những ngành sản xuất có công nghệ cao. Chú trọng phát triển công nghiệp phụ trợ. Tiếp tục thực hiện các biện pháp giảm chi phí sản xuất, tăng khả năng cạnh tranh của sản phẩm.

(2) Chú trọng phát triển các ngành dịch vụ chất lượng cao, có lợi thế. Quan tâm khai thác tiềm năng du lịch gắn với bảo vệ di tích danh lam thắng cảnh. Nâng cao chất lượng hiệu quả hoạt động dịch vụ tài chính, ngân hàng.

(3) Tập trung phát triển vùng nguyên liệu gắn với công nghiệp chế biến và thị trường xuất khẩu; đẩy mạnh ứng dụng khoa học - công nghệ vào sản xuất và chế biến nông sản; tăng cường các dịch vụ hỗ trợ sản xuất để nông dân chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi có hiệu quả.

Có giải pháp hạn chế tác động bất lợi của quá trình hội nhập kinh tế quốc tế đối với nông nghiệp, nông thôn và nông dân.

(4) Tiếp tục đẩy mạnh các giải pháp tháo gỡ khó khăn, bất cập trong quản lý, sử dụng đất đai. Xem xét, giải quyết vấn đề giá đất khi đền bù, thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội, thuế, điều tiết thị trường bất động sản. Thực hiện đồng bộ các giải pháp hỗ trợ nông dân chuyển đổi nghề, ổn định cuộc sống lâu dài sau khi thu hồi đất.

(5) Nâng cao chất lượng hàng hóa để chiếm lĩnh thị trường trong nước, đẩy mạnh xuất khẩu, thực hiện tốt những cam kết trong hội nhập kinh tế quốc tế. Tiếp tục triển khai thực hiện các cơ chế quản lý nhập khẩu mới phù hợp với quy định của WTO.

Cần có biện pháp tích cực để khắc phục dần mức nhập siêu quá cao; có biện pháp sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn đầu tư nước ngoài, thúc đẩy chuyển đổi nhanh cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

(6) Huy động tối đa các nguồn lực cho đầu tư phát triển, đặc biệt là nguồn vốn đầu tư của các thành phần kinh tế ngoài nhà nước; nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn vốn. Tập trung tháo gỡ khó khăn, vướng mắc để đẩy nhanh tiến độ giải ngân nguồn vốn ngân sách nhà nước, trái phiếu chính phủ, vốn tín dụng nhà nước.

Có cơ chế thu hút vốn đầu tư để phát triển nhanh cơ sở hạ tầng, nhất là mạng lưới giao thông, thủy lợi...

Quản lý tốt thị trường chứng khoán, có biện pháp định hướng hoạt động, tăng khả năng minh bạch và an toàn của loại thị trường này.

Có cơ chế cụ thể, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp Việt Nam đầu tư ra nước ngoài (ưu tiên trước hết đối với các nước Lào, Campuchia).

(7) Bảo đảm và tiếp tục cải thiện đời sống nhân dân. Thực hiện tốt lộ trình Đề án cải cách chính sách tiền lương giai đoạn 2008 - 2012. Tiếp tục rà soát các khoản phí và lệ phí đóng góp của dân, bãi bỏ các khoản đóng góp không còn phù hợp; có lộ trình hợp lý cho việc miễn, giảm các khoản đóng góp theo quy định của pháp luật hiện hành. Miễn thủy lợi phí cho nông dân trong hạn điền bắt đầu từ năm 2008. Có chính sách miễn, giảm học phí, viện phí, bảo đảm cho con em người nghèo đều được đi học; người nghèo đều được khám, chữa bệnh.

(8) Đẩy mạnh xã hội hóa dịch vụ công để tập trung nguồn lực cho cải cách tiền lương; sửa đổi, bổ sung chính sách xã hội hóa về giáo dục và y tế cho phù hợp. Cần có đề án riêng về 2 lĩnh vực này, trình Trung ương và Quốc hội.

(9) Tiếp tục đẩy mạnh công tác đào tạo, phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển của xã hội (nhất là nguồn lao động chất lượng cao).

(10) Giải quyết tốt các vấn đề xã hội bức xúc, như mất dân chủ ở nông thôn; đình công của công nhân; khiếu kiện đông người, nhất là nông dân khi thu hồi đất; vấn đề giảm tai nạn lao động, tai nạn giao thông, vấn đề ùn tắc giao thông và ngập trong mùa mưa ở các đô thị lớn; ô nhiễm môi trường; tệ nạn xã hội.

(11) Có chính sách quản lý tốt hoạt động tôn giáo, chấn chỉnh kịp thời tình trạng lợi dụng tôn giáo gây ảnh hưởng đến an ninh, trật tự xã hội, nhất là khu vực Tây Nguyên, Tây Nam Bộ.

(12) Triển khai có hiệu quả Nghị quyết Trung ương 5 về đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả của bộ máy nhà nước; tăng cường phân cấp quản lý, nâng cao trách nhiệm của cá nhân, tổ chức trong giải quyết công việc hành chính. quản lý tốt hơn hoạt động của báo chí.

(13) Tiếp tục đẩy mạnh công tác quản lý và giám sát (nhất là các công trình đầu tư quy mô lớn), kiểm tra, thanh tra kết hợp với việc thực hiện chủ trương về phòng, chống tham nhũng và thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Xử lý dứt điểm, nghiêm minh những vụ việc vi phạm đã phát hiện.

*
* * *

Căn cứ ý kiến góp ý của các đồng chí Ủy viên Trung ương Đảng và kết luận này của Bộ Chính trị, Ban Cán sự Đảng Chính phủ tiếp thu, hoàn chỉnh Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội năm 2007 và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2008; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách nhà nước năm 2007, dự toán ngân sách nhà nước năm 2008 để trình Quốc hội xem xét, quyết định.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
TRƯỞNG TẤN SANG

KẾT LUẬN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 14-KL/TW, ngày 18 tháng 10 năm 2007

Về cải cách chính sách tiền lương, bảo hiểm xã hội và ưu đãi người có công, giai đoạn 2008 - 2012

Ngày 28-9-2007 và ngày 11-10-2007, sau khi nghe Ban Cán sự Đảng Chính phủ báo cáo về Đề án cải cách chính sách tiền lương, bảo hiểm xã hội và trợ cấp ưu đãi người có công, giai đoạn 2008 - 2012 (Tờ trình số 150/BCS, ngày 26-9-2007 của Ban Cán sự Đảng Chính phủ) và ý kiến của các bộ, ngành có liên quan, Bộ Chính trị đã thảo luận và kết luận:

1. Bộ Chính trị nhất trí với quan điểm, mục tiêu, nguyên tắc cải cách nêu trong Đề án, đồng thời nhấn mạnh một số điểm:

- Cải cách chính sách tiền lương, bảo hiểm xã hội, ưu đãi người có công phải phù hợp với tăng trưởng kinh tế, bảo đảm các cân đối kinh tế vĩ mô, giữ ổn định chính trị - xã hội, tạo được tác động tích cực đối với kinh tế, an ninh, quốc phòng.

- Tiếp tục quán triệt và thực hiện quan điểm của Đảng: "Coi việc trả lương đúng cho người lao động là đầu tư cho phát triển... góp phần làm trong sạch và nâng cao hiệu lực, hiệu

quả hoạt động của hệ thống chính trị"; từ đó xác định các giải pháp đột phá trong tạo nguồn cho cải cách tiền lương.

- Cải cách chính sách tiền lương, bảo hiểm xã hội và ưu đãi người có công phải gắn với việc bảo đảm tốt hơn nhu cầu về đời sống của người nghèo, đồng bào dân tộc, các đối tượng chính sách xã hội nhằm đạt được mục tiêu mà Đại hội X của Đảng đã đề ra là: "Thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước và từng chính sách phát triển".

- Cải cách chính sách tiền lương phải tiến tới thực hiện tiền tệ hóa đầy đủ các khoản thu nhập có tính bao cấp vào tiền lương, bảo đảm cho cán bộ, công chức, viên chức nhà nước sống ở mức trung bình khá của xã hội. Trên cơ sở đó, hình thành các cơ chế tiền lương (hành chính, sự nghiệp, doanh nghiệp) ngày càng phù hợp với thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và tạo động lực nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức nhà nước.

- Cải cách chính sách tiền lương, bảo hiểm xã hội, ưu đãi người có công phải khắc phục được những bất hợp lý về quan hệ tiền lương trong từng khu vực và giữa các khu vực: hành chính, sự nghiệp, doanh nghiệp nhà nước, lực lượng vũ trang.

- 2. Về nội dung cải cách và giải pháp thực hiện, Bộ Chính trị lưu ý một số vấn đề sau:

- Từ ngày 1-1-2008, Chính phủ điều chỉnh tăng tiền lương tối thiểu chung từ 450.000 đồng/tháng lên 540.000 đồng/tháng; từ năm 2009, cần tính toán khả năng tạo nguồn hằng năm một cách cụ thể, phấn đấu rút ngắn lộ trình 1 năm so với dự kiến trong Đề án.

- Đối với khu vực doanh nghiệp trong nước: áp dụng tiền lương tối thiểu vùng như các vùng của khu vực doanh nghiệp

có vốn đầu tư trực tiếp của nước ngoài (FDI). Từ ngày 1-1-2008, lấy mức lương tối thiểu chung (540.000 đồng/tháng) làm căn cứ xác định mức lương tối thiểu của các vùng. Từ năm 2009, cần tính toán để điều chỉnh mức lương tối thiểu với tốc độ tăng cao hơn, phấn đấu đến năm 2011 có thể áp dụng thống nhất mức lương tối thiểu theo vùng cho các loại hình doanh nghiệp.

- Đối với khu vực doanh nghiệp FDI: thực hiện điều chỉnh lương tối thiểu hằng năm với tốc độ tăng hợp lý để đến năm 2011 có thể áp dụng mức lương tối thiểu theo vùng của doanh nghiệp trong nước.

Đồng thời, cần tăng cường kiểm tra, thanh tra các doanh nghiệp FDI và cả doanh nghiệp dân doanh trong việc thực hiện các quy định về việc xây dựng và trả lương theo bảng lương, thang lương nhằm bảo vệ quyền lợi của người lao động.

- Từ ngày 1-1-2008, điều chỉnh tăng lương hưu 20%; từ năm 2009, việc điều chỉnh lương hưu được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp với tăng trưởng kinh tế và chỉ số giá sinh hoạt như Luật bảo hiểm xã hội đã quy định.

- Từ ngày 1-1-2008, điều chỉnh tăng trợ cấp ưu đãi người có công (mức chuẩn) 20%; tốc độ điều chỉnh của các năm sau cần tính toán cho phù hợp với mức sống trung bình của xã hội và lộ trình điều chỉnh tiền lương tối thiểu chung.

- Để thu hút cán bộ giỏi vào khu vực hành chính và thực hiện chuyên nghiệp hóa lực lượng lao động trong khu vực này thì việc áp dụng phụ cấp trách nhiệm công vụ và phụ cấp thâm niên nghề là cần thiết, nhưng phạm vi và đối tượng áp dụng hai phụ cấp này cần được nghiên cứu, xác định cho phù hợp.

- Đối với lực lượng vũ trang: tiếp tục bảo đảm tương quan tiền lương giữa lực lượng vũ trang và hành chính như hiện nay; đồng ý áp dụng chế độ phụ cấp đặc thù cho các quân, binh chủng; nghiên cứu, áp dụng một số phụ cấp của khu vực dân sự cho lực lượng vũ trang.

- Đối mới cơ chế tài chính và cơ chế tiền lương đối với khu vực sự nghiệp công phù hợp với kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, nhưng cần xác định cụ thể lộ trình thực hiện và phạm vi, đối tượng áp dụng cho phù hợp. Trước mắt, đối với sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực giáo dục và y tế, Chính phủ chỉ đạo xây dựng các đề án đổi mới cơ chế hoạt động và cơ chế tài chính, trong đó có cơ chế tiền lương để trình Bộ Chính trị, Ban Chấp hành Trung ương và Quốc hội xem xét, quyết định.

- Tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện hệ thống bảng lương, thang lương, bậc lương và chế độ phụ cấp lương theo hướng: đơn giản, tránh bình quân, có khả năng thu hút cán bộ, công chức, viên chức đến công tác ở các vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn, đồng thời khắc phục những bất hợp lý hiện nay về quan hệ tiền lương trong hệ thống chính trị.

- Cần bảo đảm duy trì tổng mức đầu tư toàn xã hội đạt từ 42 - 43% GDP. Trong đó, chi đầu tư từ ngân sách nhà nước (cả trái phiếu chính phủ, xổ số kiến thiết) đạt trên 30% tổng chi ngân sách nhà nước để GDP tăng trưởng khoảng 9%/năm.

- Phải trên cơ sở thực hiện tích cực và đồng bộ các giải pháp: đổi mới cơ chế tài chính và cơ chế tiền lương của khu vực sự nghiệp công; khuyến khích mạnh mẽ xã hội hóa một số lĩnh vực dịch vụ công; đẩy mạnh khoán biên chế và kinh phí trong khu vực hành chính nhà nước; hạn chế thất thu và

sử dụng tiết kiệm ngân sách nhà nước; quản lý thu nhập ngoài lương đối với cán bộ, công chức nhà nước... để tạo bước đột phá trong cải cách chính sách tiền lương.

3. Cải cách chính sách tiền lương, bảo hiểm xã hội, ưu đãi người có công là vấn đề kinh tế - xã hội hệ trọng, phức tạp và nhạy cảm, trực tiếp ảnh hưởng đến đời sống của người lao động, người hưởng chế độ bảo hiểm xã hội, người có công và tác động nhiều mặt đến các tầng lớp nhân dân. Vì vậy, Bộ Chính trị giao Ban Cán sự Đảng Chính phủ hoàn chỉnh Đề án để Bộ Chính trị trình Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ sáu sắp tới.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
TRƯỞNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**KẾT LUẬN
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ**

Số 15-KL/TW, ngày 18 tháng 10 năm 2007

**Về sơ kết 5 năm thực hiện Nghị quyết 20-NQ/TW
của Bộ Chính trị (khóa IX) về phương hướng,
nhiệm vụ phát triển Thành phố Hồ Chí Minh
đến năm 2010 và về thí điểm mô hình chính quyền
đô thị theo Nghị quyết Trung ương 5 (khóa X)
ở Thành phố Hồ Chí Minh**

Tại phiên họp ngày 14-9-2007, sau khi nghe Ban Thường vụ Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh báo cáo sơ kết 5 năm thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2010 (Báo cáo kèm theo Tờ trình số 15-TTr/TU, ngày 8-9-2007) và Đề án thí điểm mô hình chính quyền đô thị Thành phố Hồ Chí Minh (Đề án kèm theo Tờ trình số 14-TTr/TU, ngày 8-9-2007), ý kiến của các bộ, ban, ngành Trung ương, Bộ Chính trị đã thảo luận và kết luận:

- Năm năm qua, Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh đã quán triệt, tổ chức thực hiện Nghị quyết 20-NQ/TW của Bộ Chính trị một cách nghiêm túc, tích cực. Các nội dung của

Nghị quyết đã được tuyên truyền, phổ biến rộng rãi, được cụ thể hóa trong các nghị quyết, chương trình hành động của Đảng bộ, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể các cấp của Thành phố. Trong quá trình đó, Thành phố đã sơ kết đánh giá 1 năm và 3 năm để đôn đốc thực hiện Nghị quyết.

Thành phố đã thực hiện có kết quả 7 nhiệm vụ mà Nghị quyết 20-NQ/TW của Bộ Chính trị đã đề ra, cụ thể là:

- Đảng bộ, chính quyền và nhân dân Thành phố luôn vững vàng về chính trị, chủ động, tích cực đấu tranh có hiệu quả với các âm mưu phá hoại của các thế lực thù địch, giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn, tạo môi trường thuận lợi cho phát triển Thành phố, góp phần giữ vững ổn định chính trị - xã hội của đất nước.

- Kinh tế Thành phố tiếp tục giữ được nhịp độ tăng trưởng cao (tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân 5 năm 2001 - 2005 là 11%, năm 2006 tăng 12,2%, luôn cao hơn 1,4 - 1,5 lần tốc độ tăng trưởng kinh tế chung của cả nước), cơ cấu kinh tế bước đầu chuyển dịch theo hướng phát triển nhanh các ngành công nghiệp, dịch vụ, nông nghiệp công nghệ cao. Hiệu quả, sức cạnh tranh của kinh tế Thành phố được nâng lên.

- Công tác rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch sử dụng đất đai, quy hoạch và phát triển kết cấu hạ tầng, công tác quản lý đô thị đã được chú trọng. Công tác di dời hệ thống cảng được thực hiện bước đầu, bảo đảm các hoạt động vận tải biển và dịch vụ vận tải bình thường. Việc phát triển nhà ở và chỉnh trang đô thị được đẩy mạnh.

- Quan tâm phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục - đào tạo, đẩy mạnh phổ cập giáo dục bậc trung học phổ thông, mở rộng mạng lưới dạy nghề, nâng cao dân trí, phát triển

nguồn nhân lực; nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất ngành y tế, xây dựng một số cơ sở y tế kỹ thuật cao, bên cạnh việc nâng cao chất lượng hoạt động các bệnh viện công, các bệnh viện tư và bệnh viện có vốn đầu tư nước ngoài phát triển nhanh, góp phần đáp ứng tốt hơn nhu cầu khám và điều trị bệnh ngày càng tăng của nhân dân Thành phố và các địa phương trong khu vực.

- Lĩnh vực văn hóa - xã hội tiếp tục có bước phát triển, quản lý nhà nước về văn hóa có chuyển biến tích cực. Các chương trình xã hội của Thành phố (chương trình xóa đói, giảm nghèo, xây dựng nhà tình nghĩa, nhà tình thương, chăm lo gia đình chính sách, người có công, người nghèo...) đạt nhiều kết quả tích cực. Chương trình mục tiêu "3 giảm", việc quản lý, dạy nghề và giải quyết việc làm cho người sau cai nghiện, cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa" được thực hiện có kết quả.

- Thành phố đã có nhiều chủ trương, giải pháp chỉ đạo cụ thể để thực hiện các nghị quyết của Trung ương về nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, về chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới, về cải cách tư pháp, đấu tranh phòng, chống tội phạm và tệ nạn xã hội, giải quyết khiếu kiện, đình công; kết hợp tương đối chặt chẽ nhiệm vụ xây dựng kinh tế với bảo đảm quốc phòng, an ninh trong các chiến lược, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội.

- Thành ủy đã dành nhiều thời gian chỉ đạo công tác xây dựng Đảng trên các lĩnh vực chính trị, tư tưởng, tổ chức cán bộ, kiểm tra, bảo vệ chính trị nội bộ. Công tác cải cách hành chính, kiện toàn bộ máy chính quyền, xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, chống nhũng nhiễu, tham nhũng, tiêu cực

trong các cơ quan hành chính nhà nước các cấp ở Thành phố có tiến bộ nhất định. Công tác vận động nhân dân, hoạt động của Mặt trận Tổ quốc, công tác thanh niên, phụ nữ, cựu chiến binh, xây dựng giai cấp công nhân, công tác dân tộc, tôn giáo được tăng cường. Chất lượng, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị Thành phố được nâng lên.

2. Tuy nhiên, Thành phố vẫn còn những hạn chế, yếu kém. Bộ Chính trị tán thành những nhận định đã nêu trong Báo cáo, đồng thời nhấn mạnh:

- Việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế, phát triển các ngành công nghiệp, dịch vụ, nông nghiệp công nghệ cao làm mũi nhọn cho phát triển kinh tế Thành phố và việc phát triển các loại thị trường tài chính, thị trường khoa học - công nghệ, thị trường bất động sản, thị trường lao động còn rất chậm. Quy mô các thị trường còn nhỏ, quản lý chưa chặt chẽ. Khu vực công nghệ cao còn chiếm tỉ trọng rất nhỏ trong kinh tế Thành phố. Kinh tế tăng trưởng chưa vững chắc, chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế của Thành phố; hiệu quả, sức cạnh tranh còn thấp. Thành phố chưa phát huy mạnh mẽ vai trò trung tâm, đầu tàu kinh tế với khu vực và cả nước.

- Công tác quy hoạch và quản lý quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch và phát triển cơ sở hạ tầng, công tác quản lý xây dựng, chỉnh trang đô thị còn nhiều hạn chế, yếu kém. Hệ thống cơ sở hạ tầng giao thông, hệ thống thoát nước của Thành phố quá lạc hậu, không đáp ứng được yêu cầu phát triển kinh tế và đời sống, ngập nước trong mùa mưa và tình trạng ách tắc giao thông diễn ra trên diện rộng nhiều năm qua, ô nhiễm môi trường Thành phố ngày càng nghiêm trọng nhưng chậm được khắc phục.

- Chưa phát huy được tiềm năng khoa học - công nghệ của đội ngũ trí thức, chuyên gia ở các trường đại học, viện nghiên cứu trên địa bàn. Chất lượng giáo dục - đào tạo thấp, cơ cấu đào tạo chưa cân đối, chưa đáp ứng được yêu cầu về nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực có trình độ kỹ thuật cao cho yêu cầu phát triển Thành phố. Chất lượng hệ thống các cơ sở y tế, hoạt động chăm sóc sức khỏe nhân dân chưa đáp ứng được yêu cầu, vệ sinh an toàn thực phẩm chưa được đảm bảo. Quản lý các hoạt động văn hóa trên địa bàn còn nhiều bất cập. Tình trạng tai nạn giao thông, tội phạm hình sự, các loại tệ nạn xã hội còn phức tạp.

- Kết quả xây dựng hệ thống chính trị, chất lượng công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, công tác tổ chức cán bộ, chất lượng sinh hoạt, năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức đảng, nhất là ở cơ sở còn thấp. Kỷ luật, kỷ cương trong một số cơ quan hành chính nhà nước còn lỏng lẻo; quy trình, thủ tục hành chính còn rườm rà, phức tạp, hiệu lực quản lý nhà nước trên một số lĩnh vực còn hạn chế. Việc quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý của Thành phố chưa đáp ứng được yêu cầu. Tình trạng những nhiễu, né tránh, dùn đẩy trách nhiệm, thái độ thờ ơ trong giải quyết công việc còn tồn tại trong một bộ phận không nhỏ cán bộ, công chức, ảnh hưởng đến chất lượng công việc và làm giảm lòng tin của nhân dân. Chất lượng công tác vận động nhân dân chưa cao.

3. Nguyên nhân của những hạn chế, yếu kém

- Việc triển khai thực hiện nhiệm vụ do Nghị quyết đề ra trên một số lĩnh vực còn chậm, thiếu những chủ trương, biện pháp đủ mạnh, chỉ đạo chưa quyết liệt. Chất lượng nguồn

nhân lực và năng lực, trình độ đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý, đội ngũ công chức của Thành phố còn hạn chế.

- Khuôn khổ pháp luật, cơ chế, chính sách chung chưa đồng bộ, còn nhiều bất cập. Mô hình tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của chính quyền Thành phố chưa phù hợp với yêu cầu của một đô thị lớn, chưa tạo điều kiện thuận lợi cho Thành phố phát huy tính năng động, sáng tạo, huy động các nguồn lực cho đầu tư phát triển và giải quyết các vấn đề kinh tế - xã hội của Thành phố đặt ra.

- Một số bộ, ngành Trung ương chưa tích cực phối hợp với Thành phố để giải quyết những vấn đề thuộc thẩm quyền của Trung ương theo đúng tinh thần Nghị quyết 20-NQ/TW của Bộ Chính trị. Sự kiểm tra, đôn đốc của Ban Bí thư, Chính phủ đối với các bộ, ngành Trung ương và Thành phố trong việc thực hiện Nghị quyết chưa thường xuyên như yêu cầu trong Nghị quyết của Bộ Chính trị.

4. Về mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp phát triển Thành phố đến năm 2010, tầm nhìn đến năm 2020

- Thực tiễn 5 năm qua đã khẳng định Nghị quyết 20-NQ/TW của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thành phố là đúng đắn, có ý nghĩa rất quan trọng đối với sự phát triển của Thành phố. Đến nay, Nghị quyết vẫn còn nguyên giá trị, Đảng bộ Thành phố cần tiếp tục quán triệt sâu sắc và triển khai thực hiện nghiêm túc.

- Mục tiêu phát triển Thành phố đến năm 2010, tầm nhìn đến năm 2020 là: xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh đi đầu trong công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển nhanh và bền vững, trở thành một thành phố xã hội chủ nghĩa văn minh, hiện đại, một trung tâm lớn về nhiều mặt của đất nước và có tầm cỡ ở khu vực Đông Nam Á.

Thành phố cần phối hợp với các bộ, ban, ngành Trung ương nghiên cứu, làm rõ hơn các tiêu chí xác định thế nào là thành phố xã hội chủ nghĩa văn minh, hiện đại và luôn nhìn ra thế giới, trước hết là các thành phố lớn trong khu vực để định ra mục tiêu và nhiệm vụ phát triển cụ thể.

- Bộ Chính trị tán thành những nhiệm vụ, giải pháp Thành phố đã nêu trong báo cáo, đồng thời nhấn mạnh:

+ Thành phố cần hết sức quan tâm củng cố quốc phòng, an ninh, kết hợp tốt nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội với bảo đảm an ninh, quốc phòng; giải quyết tốt các vấn đề xã hội bức xúc, các vụ việc phức tạp nảy sinh trên địa bàn; cảnh giác, ngăn chặn và làm thất bại mọi âm mưu phá hoại của các thế lực thù địch, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội của Thành phố trong mọi hình huống, góp phần giữ vững sự ổn định chính trị - xã hội của đất nước.

+ Cần quan tâm làm tốt hơn nữa công tác quy hoạch, nâng cao chất lượng quy hoạch phát triển trên tất cả các lĩnh vực, đặc biệt chú ý các quy hoạch phát triển đô thị, quy hoạch xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng để đảm bảo cho sự phát triển lâu dài của Thành phố theo hướng văn minh, hiện đại, ngang tầm với các thành phố lớn trong khu vực Đông Nam Á. Mạnh dạn thuê các công ty tư vấn có uy tín trên thế giới xây dựng các quy hoạch phát triển quan trọng của Thành phố.

Thành phố cần phối hợp chặt chẽ với các bộ, ngành Trung ương có những giải pháp đủ mạnh để huy động các nguồn lực trong và ngoài nước đầu tư xây dựng hệ thống cơ sở hạ tầng giao thông^{điện}, nước, tạo ra bước đột phá lớn, khắc phục nhanh những yếu kém, lạc hậu của các lĩnh vực

này, đáp ứng yêu cầu của sản xuất và đời sống của nhân dân, bảo đảm vệ sinh môi trường. Tăng cường công tác quản lý xây dựng mới, chỉnh trang ở các khu đô thị cũ; phát triển nhanh, có chất lượng các khu đô thị mới theo hướng văn minh, hiện đại.

+ Phát triển mạnh các ngành công nghiệp công nghệ cao, dịch vụ hiện đại, nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp sinh thái để khu vực này nhanh chóng chiếm tỷ trọng ngày càng cao, trở thành các mũi nhọn trong tăng trưởng kinh tế Thành phố. Phát triển nhanh, bền vững các thị trường tài chính, thị trường khoa học - công nghệ, thị trường bất động sản, thị trường lao động, hình thành đồng bộ các yếu tố của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, phục vụ tích cực cho yêu cầu phát triển Thành phố, từng bước xây dựng Thành phố trở thành trung tâm tài chính, trung tâm giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ của đất nước và khu vực. Phấn đấu để kinh tế Thành phố phát triển nhanh hơn, có hiệu quả, chất lượng và sức cạnh tranh cao hơn, đóng góp tích cực hơn cho đất nước.

+ Quan tâm hơn nữa tới phát triển, nâng cao chất lượng giáo dục - đào tạo, đổi mới mạnh mẽ hơn cơ cấu đào tạo, phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực có trình độ cao đáp ứng yêu cầu phát triển của Thành phố. Nâng cấp các cơ sở y tế, xây dựng bệnh viện công nghệ cao, đáp ứng yêu cầu khám, chữa bệnh của nhân dân Thành phố và khu vực. Tiếp tục làm tốt công tác xoá đói, giảm nghèo, chăm lo các gia đình thương binh, liệt sĩ, người có công, các đối tượng xã hội. Tổ chức và quản lý tốt các hoạt động văn hóa, thể dục, thể thao

đỉnh cao; nâng cao chất lượng đời sống tinh thần của nhân dân. Đẩy mạnh đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi tội phạm hình sự, tai nạn giao thông, các loại tệ nạn xã hội, xây dựng nếp sống văn hóa, văn minh đô thị.

+ Tăng cường công tác giáo dục chính trị tư tưởng, tạo sự thống nhất về tư tưởng và hành động trong toàn Đảng bộ, thực hiện thắng lợi chủ trương, đường lối của Đảng; thực hiện tốt cuộc vận động "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh". Làm tốt công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, luân chuyển, xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý, công chức đủ phẩm chất, năng lực đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của Thành phố trong giai đoạn mới. Nâng cao chất lượng hoạt động, năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của các tổ chức đảng, nhất là ở cơ sở; thực hiện tốt chế độ tự phê bình và phê bình trong sinh hoạt của cấp ủy, chi bộ; giữ gìn, củng cố sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng làm hạt nhân đoàn kết trong hệ thống chính trị.

Đẩy mạnh cải cách hành chính, loại bỏ những thủ tục hành chính phiền hà, nhất là những thủ tục hành chính liên quan đến nhân dân và doanh nghiệp; củng cố, kiện toàn bộ máy quản lý hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của các cấp chính quyền, đặc biệt trên các lĩnh vực quản lý đô thị, giao thông, đất đai, các hoạt động báo chí, xuất bản, văn hóa. Phát huy vai trò, tính năng động, sáng tạo và nâng cao chất lượng hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể trong công tác vận động nhân dân, xây dựng và củng cố khối đại đoàn kết toàn dân, thực hiện thắng lợi nhiệm vụ trong giai đoạn mới.

5. Việc cần thiết phải nghiên cứu xây dựng bộ máy chính quyền phù hợp với đặc điểm, yêu cầu của các đô thị lớn đã

được nêu trong văn kiện Đại hội X của Đảng. Nghị quyết Trung ương 5 (khóa X) vừa qua đã cụ thể hóa một bước nghị quyết của Đại hội, cho phép làm thí điểm về một số nội dung ở các thành phố lớn.

Trên cơ sở Đề án thí điểm chính quyền đô thị của Thành phố Hồ Chí Minh, Bộ Chính trị đồng ý về chủ trương cho Thành phố Hồ Chí Minh làm thí điểm ở cấp quận, huyện, phường không có hội đồng nhân dân, chỉ có ủy ban nhân dân do ủy ban nhân dân cấp trên bổ nhiệm, miễn nhiệm và thí điểm chủ tịch ủy ban nhân dân xã do nhân dân bầu trực tiếp, chủ tịch ủy ban nhân dân huyện phê chuẩn, theo tinh thần của Nghị quyết Trung ương 5 (khóa X), qua đó rút kinh nghiệm để bổ sung, sửa đổi Hiến pháp trước khi nhân rộng.

Bộ Chính trị cũng đồng ý về nguyên tắc Chính phủ cần phân cấp nhiều hơn cho Thành phố trong một số lĩnh vực, như về quản lý tài chính công, tăng hơn tính tự chủ cho Thành phố về ngân sách, việc quyết định một số khoản thu, chi, về quy hoạch, kế hoạch và đầu tư, về tổ chức, nhân sự, thẩm quyền xử phạt hành chính... phù hợp với điều kiện của Thành phố. Nội dung và mức độ phân cấp cụ thể, Chính phủ, các bộ, ngành Trung ương có liên quan sẽ cùng với Thành phố thảo luận, xác định.

6. Về một số kiến nghị của Thành phố

- Đồng ý với kiến nghị việc Bộ Chính trị chỉ đạo Đảng đoàn Quốc hội, Ban Cán sự Đảng Chính phủ, ban cán sự đảng các bộ, ngành có liên quan tiếp tục triển khai thực hiện thí điểm một số cơ chế, chính sách mà Bộ Chính trị đã cho phép, được nêu trong Nghị quyết 20-NQ/TW nhưng đến nay chưa được thực hiện.

- Đồng ý để Thành phố được thực hiện thí điểm mô hình tổ chức chính quyền theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 5 (khoá X) với những nội dung nêu ở mục 5. Thành phố Hồ Chí Minh làm đề án trình Chính phủ, Chính phủ trình Quốc hội, Quốc hội ban hành nghị quyết cho phép Thành phố làm thí điểm.

- Đồng ý cho phép Thành phố được lập Công ty Đầu tư - Tài chính nhà nước của Thành phố để huy động vốn và đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật đô thị và các lĩnh vực kinh tế quan trọng của Thành phố.

Trên cơ sở ý kiến chỉ đạo của Bộ Chính trị, Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh chỉ đạo hoàn chỉnh, bổ sung để cụ thể, chi tiết hơn các nội dung, trình xin ý kiến Chính phủ và Quốc hội theo đúng các quy định của pháp luật.

Định kỳ hàng năm, Ban Bí thư, Chính phủ sẽ làm việc với Ban Thường vụ Thành ủy Thành phố để kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Nghị quyết 20-NQ/TW và Kết luận này của Bộ Chính trị.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**QUYẾT ĐỊNH
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ**

Số 96-QĐ/TW, ngày 22 tháng 10 năm 2007

**Về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy
của Ban Đối ngoại Trung ương**

- Căn cứ Điều lệ Đảng, Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng;
- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư khóa X;
- Căn cứ Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa X) về đổi mới, kiện toàn tổ chức bộ máy các cơ quan đảng, định hướng về đổi mới tổ chức bộ máy nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội);

BỘ CHÍNH TRỊ QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chức năng của Ban Đối ngoại Trung ương

Ban Đối ngoại Trung ương là cơ quan tham mưu của Ban Chấp hành Trung ương, trực tiếp và thường xuyên là Bộ Chính trị, Ban Bí thư về chủ trương và các chính sách thuộc

lĩnh vực đối ngoại; đồng thời là cơ quan tổ chức thực hiện quan hệ đối ngoại của Đảng.

Điều 2. Nhiệm vụ của Ban Đối ngoại Trung ương

1. Nghiên cứu, đề xuất

- Nghiên cứu tình hình các đảng cộng sản và công nhân, các lực lượng cánh tả, các phong trào độc lập và giải phóng dân tộc, các lực lượng cách mạng và tiến bộ, các chính đảng và đảng cầm quyền trên thế giới; nghiên cứu, dự báo tình hình quốc tế, đề xuất kịp thời những đối sách của Đảng ta.

- Chuẩn bị hoặc tham gia chuẩn bị nghị quyết đại hội, các nghị quyết, chỉ thị, quyết định của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư về lĩnh vực đối ngoại. Chủ trì hoặc tham gia nghiên cứu cụ thể hóa đường lối của Đảng về đối ngoại.

2. Thẩm định

Thẩm định hoặc tham gia thẩm định các đề án về lĩnh vực đối ngoại của các cơ quan đảng, nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể ở Trung ương trước khi trình Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

3. Hướng dẫn, kiểm tra

Hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách, các quy chế, quy định về công tác đối ngoại của Đảng đối với các tỉnh ủy, thành ủy, các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc Trung ương.

4. Tham gia xây dựng Đảng và xây dựng đội ngũ cán bộ làm công tác đối ngoại

- Tham gia với Đảng ủy Khối Các cơ quan Trung ương về phương hướng công tác xây dựng Đảng; với các cơ quan chức

năng có liên quan về công tác xây dựng các đảng bộ và quản lý đảng viên ở ngoài nước theo quy định của Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

- Tham gia ý kiến về quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, đề bạt, bổ nhiệm, luân chuyển, khen thưởng, miễn nhiệm, kỷ luật và thực hiện chính sách cán bộ đối với đội ngũ cán bộ trong các cơ quan đối ngoại ở Trung ương theo phân cấp quản lý của Trung ương.

- Tham gia ý kiến với các cơ quan liên quan trong việc bố trí cán bộ chủ chốt tại các cơ quan đại diện ngoại giao Việt Nam ở nước ngoài và cử cán bộ làm công tác đảng ở các đảng bộ ngoài nước.

5. Thực hiện một số nhiệm vụ do Bộ Chính trị, Ban Bí thư ủy quyền

- Tổ chức thực hiện các hoạt động trong quan hệ của Đảng ta với các đảng cộng sản và công nhân, các lực lượng cánh tả, các phong trào độc lập và giải phóng dân tộc, các phong trào cách mạng, các chính đảng và phong trào tiến bộ trên thế giới, các đảng cầm quyền mà Đảng ta có quan hệ.

- Tham gia chỉ đạo và hướng dẫn hoạt động đối ngoại của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể và các tổ chức hòa bình, đoàn kết, hữu nghị.

- Phối hợp với các ban đảng, bộ, ngành, các đảng ủy trực thuộc Trung ương, các tỉnh ủy, thành ủy chỉ đạo công tác thông tin, tuyên truyền đối ngoại và các công tác khác có liên quan trực tiếp đến đối ngoại.

- Cử cán bộ làm công tác đối ngoại đảng ở một số địa bàn do Ban Bí thư quy định.

- Phối hợp với Văn phòng Trung ương Đảng xây dựng và quản lý ngân sách hoạt động đối ngoại của Đảng.
- Thực hiện những nhiệm vụ khác do Bộ Chính trị, Ban Bí thư giao.

Điều 3. Tổ chức bộ máy của Ban Đối ngoại Trung ương

1. Lãnh đạo Ban Đối ngoại Trung ương

Có trưởng ban và các phó trưởng ban.

2. Cơ cấu tổ chức của Ban Đối ngoại Trung ương, gồm:

- 1- Vụ Trung Quốc - Đông Bắc Á,
- 2- Vụ Lào - Campuchia,
- 3- Vụ Đông Nam Á - Nam Á - Nam Thái Bình Dương,
- 4- Vụ Tây Bắc Âu - Bắc Mỹ,
- 5- Vụ SNG - Ban Tích - Đông Âu,
- 6- Vụ Trung Đông - châu Phi - Mỹ Latinh,
- 7- Vụ Tổng hợp,
- 8- Vụ Đối ngoại nhân dân,
- 9- Vụ Tổ chức - Cán bộ,
- 10- Vụ Lẽ tân - Quản trị,
- 11- Văn phòng.

3. Về biên chế

Ban Đối ngoại Trung ương, Ban Tổ chức Trung ương thống nhất xác định biên chế của Ban Đối ngoại Trung ương trên cơ sở xác định chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy và chức danh, tiêu chuẩn cán bộ, công chức.

Ngoài số biên chế theo quy định, Ban Đối ngoại Trung ương được thực hiện chế độ công tác viên phục vụ cho công tác nghiên cứu của Ban.

Điều 4. Quy chế làm việc

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy và biên chế, Ban Đối ngoại Trung ương tiến hành xây dựng và hoàn chỉnh quy chế làm việc của Ban.

- Quan hệ công tác giữa Ban Đối ngoại Trung ương với các tỉnh ủy, thành ủy, các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc Trung ương thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ, quy chế phối hợp và theo quy định của Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

Điều 5. Điều khoản thi hành

- Quyết định này thay thế Quyết định số 44-QĐ/TW, ngày 15-7-2002 của Bộ Chính trị (khóa IX) về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của Ban Đối ngoại Trung ương và có hiệu lực kể từ ngày ký.

- Ban Đối ngoại Trung ương, các tỉnh ủy, thành ủy, các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc Trung ương có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
TRƯỜNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUYẾT ĐỊNH CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 97-QĐ/TW, ngày 22 tháng 10 năm 2007

Về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của Ban Dân vận Trung ương

- Căn cứ Điều lệ Đảng, Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng;

- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư khóa X;

- Căn cứ Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương (khóa X) về đổi mới, kiện toàn tổ chức bộ máy các cơ quan đảng, định hướng về đổi mới tổ chức bộ máy nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội,

BỘ CHÍNH TRỊ QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chức năng của Ban Dân vận Trung ương

Ban Dân vận Trung ương là cơ quan tham mưu của Ban Chấp hành Trung ương, trực tiếp và thường xuyên là Bộ Chính trị, Ban Bí thư ~~và~~ chủ trương, chính sách và giải pháp lớn về công tác dân vận.

Điều 2. Nhiệm vụ của Ban Dân vận Trung ương

1. Nghiên cứu, đề xuất

- Chủ trì hoặc tham gia nghiên cứu cụ thể hóa đường lối dân vận của Đảng (công tác mặt trận, các đoàn thể chính trị - xã hội, hội quần chúng, tôn giáo, dân tộc); chuẩn bị hoặc tham gia chuẩn bị nghị quyết đại hội, các nghị quyết, chỉ thị, quyết định thuộc lĩnh vực nêu trên của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

- Tham gia ý kiến với các cơ quan nhà nước trong việc thể chế hóa các nghị quyết, chỉ thị, quyết định của Đảng về công tác dân vận; phát huy quyền làm chủ của nhân dân.

2. Thẩm định

- Thẩm định các đề án về công tác dân vận của các ban, ngành, mặt trận và các đoàn thể Trung ương trước khi trình Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

- Tham gia thẩm định các chính sách, đề án có liên quan đến quyền dân chủ của nhân dân và công tác dân vận của Chính phủ, các bộ, ngành, cơ quan nhà nước (bao gồm cả quân đội và công an).

- Khi cần thiết, tham gia với Ban Tổ chức Trung ương về tổ chức bộ máy, cán bộ làm công tác dân vận theo phân cấp quản lý.

3. Hướng dẫn, kiểm tra

- Hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện nghị quyết, chỉ thị, quyết định của Đảng về dân vận đối với các tỉnh ủy, thành ủy, các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc Trung ương.

- Phối hợp hướng dẫn, bồi dưỡng nghiệp vụ công tác dân

vận đối với đội ngũ cán bộ phụ trách công tác dân vận của các cấp ủy trực thuộc Trung ương.

- Phối hợp với Ban Tổ chức Trung ương hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế ban dân vận của các cấp ủy trực thuộc Trung ương.

4. Tham gia công tác xây dựng Đảng, xây dựng đội ngũ cán bộ trong khối cơ quan dân vận và ban dân vận các cấp ủy trực thuộc Trung ương

- Tham gia với Đảng ủy Khối các cơ quan Trung ương về phương hướng, nhiệm vụ công tác xây dựng Đảng.

- Tham gia ý kiến về quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng, bổ nhiệm, luân chuyển, khen thưởng, miễn nhiệm, kỷ luật đối với đội ngũ cán bộ trong khối theo danh mục phân cấp quản lý của Trung ương.

5. Thực hiện một số nhiệm vụ do Bộ Chính trị, Ban Bí thư ủy quyền

- Theo dõi hoạt động của một số hội quần chúng.

- Tham gia thẩm định những đề án thuộc các lĩnh vực kinh tế, chính trị, xã hội, an ninh, quốc phòng... có liên quan mật thiết đến công tác dân vận.

- Thực hiện những công việc khác do Bộ Chính trị, Ban Bí thư giao.

Điều 3. Tổ chức bộ máy của Ban Dân vận Trung ương

1. Lãnh đạo Ban Dân vận Trung ương:

Có trưởng ban và các phó trưởng ban.

2. Cơ cấu tổ chức của Ban Dân vận Trung ương, gồm:

1- Vụ Công tác dân vận của các cơ quan nhà nước,

2- Vụ Đoàn thể nhân dân,

- 3- Vụ Công tác tôn giáo,
- 4- Vụ Dân tộc,
- 5- Tạp chí Dân vận,
- 6- Vụ Tổ chức - Cán bộ,
- 7- Cơ quan Thường trực tại Thành phố Hồ Chí Minh,
- 8- Cơ quan Thường trực tại thành phố Đà Nẵng,
- 9- Trung tâm Nghiên cứu khoa học dân vận,
- 10- Văn phòng.

3. Về biên chế:

Ban Tổ chức Trung ương chủ trì, thống nhất với Ban Dân vận Trung ương xác định biên chế của Ban Dân vận Trung ương trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy và chức danh, tiêu chuẩn cán bộ, công chức.

Ngoài số biên chế theo quy định, Ban Dân vận Trung ương được thực hiện cơ chế cộng tác viên phục vụ nhiệm vụ nghiên cứu của Ban.

Điều 4. Quy chế làm việc

- Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy và biên chế, Ban Dân vận Trung ương tiến hành xây dựng và hoàn chỉnh Quy chế làm việc của Ban và xây dựng quy chế công tác dân vận của hệ thống chính trị, trình Ban Bí thư ban hành.

- Quan hệ công tác giữa Ban Dân vận Trung ương với các tỉnh ủy, thành ủy, các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc Trung ương, thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ, quy chế phối hợp và theo quy định của Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

Điều 5. Điều khoản thi hành

- Quyết định này thay thế Quyết định số 38-QĐ/TW, ngày 15-7-2002 của Bộ Chính trị (khóa IX) về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của Ban Dân vận Trung ương và có hiệu lực từ ngày ký.

- Ban Dân vận Trung ương, các tỉnh ủy, thành ủy, các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc Trung ương có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
TRƯỞNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**QUYẾT ĐỊNH
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ**

Số 98-QĐ/TW, ngày 22 tháng 10 năm 2007

**Về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy
của Đảng ủy Khối Các cơ quan Trung ương**

- Căn cứ Điều lệ Đảng, Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng;
- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư khóa X;
- Căn cứ Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa X) về đổi mới, kiện toàn tổ chức bộ máy các cơ quan đảng, định hướng về đổi mới tổ chức bộ máy nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội,

BỘ CHÍNH TRỊ QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Vị trí, chức năng của Đảng ủy Khối Các cơ quan Trung ương

Đảng ủy Khối Các cơ quan Trung ương (sau đây gọi tắt là Đảng ủy Khối) là cấp ủy trực thuộc Ban Chấp hành Trung

ương, chịu sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp và thường xuyên của Bộ Chính trị, Ban Bí thư; có chức năng lãnh đạo các tổ chức đảng trực thuộc bảo đảm hoàn thành nhiệm vụ chính trị của các cơ quan Trung ương, xây dựng tổ chức đảng trong sạch, vững mạnh gắn với xây dựng cơ quan và đoàn thể trong Khối vững mạnh.

Điều 2. Nhiệm vụ của Đảng ủy Khối Các cơ quan Trung ương

1. Lãnh đạo các tổ chức đảng trực thuộc chấp hành đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị được giao; tham gia với lãnh đạo các bộ, ban, ngành, mặt trận, đoàn thể chính trị - xã hội thuộc Khối, đề xuất với Bộ Chính trị, Ban Bí thư những vấn đề cần thiết nhằm bảo đảm hoàn thành nhiệm vụ chính trị của các cơ quan Trung ương.

2. Lãnh đạo các tổ chức đảng trực thuộc thực hiện tốt công tác giáo dục chính trị, tư tưởng; bồi dưỡng, nâng cao phẩm chất, đạo đức, lối sống, trình độ lý luận chính trị, kiến thức và năng lực hoạt động thực tiễn cho cán bộ, đảng viên, công nhân viên trong cơ quan.

3. Lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng các tổ chức đảng trực thuộc trong sạch, vững mạnh; nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng; thực hiện đúng Điều lệ Đảng và các quy định của Trung ương về tổ chức sinh hoạt đảng; bồi dưỡng cấp ủy viên; chăm lo công tác phát triển đảng viên; thực hiện công tác khen thưởng và kỷ luật đối với tổ chức đảng và đảng viên theo quy định.

4. Lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý cán bộ theo phân cấp; tham gia với các ban đảng, đảng đoàn, ban cán sự đảng, lãnh đạo các cơ quan Trung ương trong công tác cán bộ và quản lý cán bộ đối với đảng viên là cán bộ thuộc diện Đảng ủy Khối quản lý; tham gia ý kiến về bổ nhiệm, miễn nhiệm, giới thiệu ứng cử đối với nhân sự thuộc diện Trung ương quản lý theo Quyết định phân cấp quản lý cán bộ của Trung ương.

5. Lãnh đạo Đảng bộ thực hiện tốt công tác kiểm tra, giám sát, giữ gìn kỷ luật đảng, đoàn kết nội bộ; phát hiện, ngăn chặn và xử lý kịp thời những biểu hiện trái với quan điểm, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, suy thoái về tư tưởng, phẩm chất, đạo đức, lối sống, quan liêu, tham nhũng, lãng phí và các biểu hiện tiêu cực khác.

6. Lãnh đạo, chỉ đạo các tổ chức đảng trực thuộc thực hiện tốt các nghị quyết, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về công tác dân vận; lãnh đạo, chăm lo xây dựng các đoàn thể trong các cơ quan Trung ương, bảo đảm thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ theo điều lệ của các đoàn thể; trực tiếp lãnh đạo Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh Khối Các cơ quan Trung ương.

7. Lãnh đạo Đảng bộ thực hiện các chủ trương của Trung ương về công tác bảo vệ chính trị nội bộ, nhiệm vụ quốc phòng và giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, đề cao cảnh giác, giữ gìn bí mật của Đảng và Nhà nước; quản lý tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên công tác, làm việc, học tập ở nước ngoài theo quy định.

Điều 3. Tổ chức bộ máy và điều kiện hoạt động của Đảng ủy Khối Các cơ quan Trung ương

- Bộ máy tham mưu, giúp việc của Đảng ủy Khối gồm: Văn

phòng, Ban Tổ chức, Ban Tuyên giáo, Ban Dân vận, cơ quan Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy, Trung tâm Bồi dưỡng chính trị.

Đảng ủy Khối quyết định việc lập các đơn vị trực thuộc Văn phòng và các ban của Đảng ủy Khối theo hướng dẫn của Ban Tổ chức Trung ương; quyết định về cán bộ và công tác cán bộ đối với cán bộ chuyên trách của Đảng ủy Khối (trừ những chức danh do Trung ương quản lý).

- Ban Tổ chức Trung ương chủ trì, phối hợp với Ban Thường vụ Đảng ủy Khối xác định biên chế chuyên trách trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy và chức danh tiêu chuẩn cán bộ, công chức.

- Cơ quan Đảng ủy Khối có trụ sở làm việc, có tài khoản, con dấu riêng.

- Đảng ủy Khối chủ trì xây dựng Quy chế phối hợp giữa Ban Thường vụ Đảng ủy Khối với đảng đoàn, ban cán sự đảng, lãnh đạo các cơ quan Trung ương, các cấp ủy địa phương.

Điều 4. Các mối quan hệ công tác của Đảng ủy Khối Các cơ quan Trung ương

- Với các ban đảng Trung ương: thực hiện sự hướng dẫn, kiểm tra của các ban về chuyên môn, nghiệp vụ công tác xây dựng Đảng theo quy định.

- Với đảng đoàn, ban cán sự đảng, lãnh đạo các cơ quan Trung ương là quan hệ phối hợp trong công tác xây dựng các tổ chức đảng, quản lý cán bộ, đảng viên và xây dựng cơ quan, đoàn thể vững mạnh, ~~đảm~~ đảm hoàn thành nhiệm vụ chính trị của các cơ quan Trung ương.

- Với các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương là quan hệ phối hợp trong công tác xây dựng Đảng và quản lý đảng viên; giữ mối liên hệ với cấp ủy nơi cư trú.

Điều 5. Điều khoản thi hành

- Đảng ủy Khối Các cơ quan Trung ương căn cứ quyết định này xây dựng Quy chế làm việc của Đảng ủy Khối.

- Các ban đảng Trung ương theo chức năng, nhiệm vụ được giao theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra hoạt động của Đảng ủy Khối Các cơ quan Trung ương, định kỳ báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

Trong quá trình thực hiện, nếu cần bổ sung, sửa đổi, Đảng ủy Khối phối hợp với Ban Tổ chức Trung ương báo cáo Bộ Chính trị xem xét, quyết định.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
TRƯỜNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUYẾT ĐỊNH CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 99-QĐ/TW, ngày 22 tháng 10 năm 2007

Về chức năng, nhiệm vụ và tổ chức bộ máy của Đảng ủy Khối Doanh nghiệp Trung ương

- Căn cứ Điều lệ Đảng, Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng;

- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư khóa X;

- Căn cứ Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa X) về đổi mới, kiện toàn tổ chức bộ máy các cơ quan đảng, định hướng về đổi mới tổ chức bộ máy nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội,

BỘ CHÍNH TRỊ QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Vị trí, chức năng của Đảng ủy Khối Doanh nghiệp Trung ương

1. Đảng ủy Khối Doanh nghiệp Trung ương là cấp ủy trực thuộc Ban Chấp hành Trung ương, chịu sự lãnh đạo, chỉ đạo

trực tiếp và thường xuyên của Bộ Chính trị, Ban Bí thư; là cấp ủy cấp trên trực tiếp của các đảng bộ tập đoàn kinh tế, tổng công ty, đơn vị thuộc Khối.

2. Đảng ủy Khối Doanh nghiệp Trung ương có chức năng: lãnh đạo, kiểm tra, giám sát các đảng bộ trực thuộc chấp hành nghiêm chỉnh Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, nghị quyết, chỉ thị của Đảng, pháp luật của Nhà nước; hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị và công tác tổ chức, cán bộ; xây dựng doanh nghiệp, đơn vị, đoàn thể chính trị - xã hội vững mạnh; xây dựng đảng bộ trong sạch, vững mạnh. Tham gia nghiên cứu, đề xuất với Trung ương về công tác đảng, công tác tổ chức, cán bộ và nhiệm vụ chính trị của các tập đoàn kinh tế, tổng công ty, đơn vị thuộc Khối có vị trí then chốt trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Điều 2. Nhiệm vụ của Đảng ủy Khối Doanh nghiệp Trung ương

1. Lãnh đạo các đảng bộ trực thuộc thực hiện nhiệm vụ chính trị

Quán triệt đường lối, quan điểm, nghị quyết, chỉ thị của Đảng, pháp luật của Nhà nước và xây dựng chương trình hành động sát hợp với doanh nghiệp.

- Lãnh đạo triển khai nhiệm vụ chính trị để các doanh nghiệp, đơn vị tổ chức thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh; kiểm tra, giám sát tổ chức đảng và đảng viên trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao.

- Đề xuất với các cơ quan đảng, nhà nước có thẩm quyền về cơ chế, chính sách nhằm tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh trong sản xuất, kinh doanh.

- Lãnh đạo thực hiện các chủ trương của Đảng về kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với quốc phòng, giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội và bí mật quốc gia.

2. Công tác chính trị, tư tưởng

- Lãnh đạo các tổ chức đảng thường xuyên làm tốt công tác giáo dục chính trị, tư tưởng cho cán bộ, đảng viên, công nhân và người lao động thực hiện đúng đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị của doanh nghiệp, đơn vị.

- Giáo dục phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống; xây dựng văn hóa doanh nghiệp, giữ gìn bản sắc dân tộc trong hội nhập kinh tế quốc tế.

- Bồi dưỡng nâng cao trình độ, kiến thức, năng lực hoạt động thực tiễn, ý thức tổ chức kỷ luật cho cán bộ, đảng viên.

3. Công tác xây dựng tổ chức đảng

- Lãnh đạo việc xây dựng đảng bộ, chi bộ trong sạch, vững mạnh; thực hiện đúng Điều lệ Đảng và các quy định của Trung ương về nguyên tắc tổ chức sinh hoạt đảng và quản lý đảng viên; bồi dưỡng cấp ủy viên, cán bộ chuyên trách công tác đảng; thực hiện tốt công tác phát triển đảng viên; đánh giá chất lượng, khen thưởng, kỷ luật tổ chức đảng và đảng viên theo quy định của Trung ương.

- Đề xuất với Trung ương về hệ thống tổ chức đảng trực thuộc phù hợp với hệ thống tổ chức doanh nghiệp.

- Lãnh đạo đảng bộ thực hiện tốt công tác bảo vệ chính trị nội bộ.

4. Công tác cán bộ

- Lãnh đạo, kiểm tra, hướng dẫn các đảng ủy trực thuộc trong việc thực hiện các nghị quyết, chỉ thị, quy chế, quy

định, quyết định về cán bộ và công tác cán bộ. Lãnh đạo các đảng ủy trực thuộc thực hiện việc nhận xét, đánh giá, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, điều động, luân chuyển, bổ nhiệm, miễn nhiệm, giới thiệu ứng cử đối với cán bộ theo phân cấp quản lý.

- Tham gia với các ban Đảng, đảng đoàn, ban cán sự đảng trong công tác cán bộ và quản lý cán bộ đối với đảng viên là cán bộ thuộc diện Khối quản lý. Tham gia ý kiến về bổ nhiệm, miễn nhiệm đối với đảng viên là ủy viên hội đồng quản trị của các tập đoàn kinh tế, tổng công ty, đơn vị trong Khối và cán bộ thuộc diện hội đồng quản trị các tập đoàn kinh tế, tổng công ty, đơn vị quyết định.

- Quyết định về tổ chức bộ máy và cán bộ chuyên trách công tác đảng thuộc thẩm quyền theo phân cấp quản lý. Đề nghị với các cơ quan có thẩm quyền về chế độ, chính sách đối với cán bộ chuyên trách công tác đảng.

5. Công tác kiểm tra, giám sát

- Lãnh đạo và tổ chức thực hiện công tác kiểm tra, giám sát theo quy định của Điều lệ Đảng; giữ nghiêm kỷ luật đảng, pháp luật của Nhà nước; giữ vững đoàn kết nội bộ.

- Chống suy thoái về tư tưởng, phẩm chất, đạo đức, lối sống; phòng, chống tham nhũng, lãng phí có hiệu quả.

- Chủ động phát hiện, kịp thời ngăn chặn tổ chức đảng, cán bộ và đảng viên có biểu hiện vi phạm; xử lý nghiêm minh tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên vi phạm các quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

6. Công tác dân vận

- Chỉ đạo các đảng ủy trực thuộc về việc lãnh đạo các đoàn thể chính trị - xã hội, các tổ chức nghề nghiệp thuộc Khối theo quy định của Trung ương.

- Lãnh đạo xây dựng và thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở, phát huy quyền làm chủ của người lao động để thực hiện đúng đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước; bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng, hợp pháp của người lao động, của nhà đầu tư. Động viên, khuyến khích, tạo điều kiện để các đoàn thể tham gia xây dựng Đảng và quản lý doanh nghiệp; đẩy mạnh phong trào thi đua hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ chính trị của doanh nghiệp, đơn vị.

- Lãnh đạo Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh Khối Doanh nghiệp Trung ương về phương hướng, nhiệm vụ, tư tưởng, tổ chức và cán bộ.

Điều 3. Tổ chức bộ máy và điều kiện hoạt động của Đảng ủy Khối Doanh nghiệp Trung ương

- Đảng ủy Khối Doanh nghiệp Trung ương có các cơ quan tham mưu, giúp việc: văn phòng, ban tổ chức, ban tuyên giáo, ban dân vận, cơ quan ủy ban kiểm tra và trung tâm bồi dưỡng chính trị. Đảng ủy Khối Doanh nghiệp Trung ương ban hành quyết định về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của các cơ quan tham mưu thuộc Khối theo hướng dẫn của Ban Tổ chức Trung ương; quyết định về cán bộ và công tác cán bộ chuyên trách của Đảng ủy Khối (trừ các chức danh do Trung ương quản lý).

Ban Tổ chức Trung ương chủ trì thống nhất với Đảng ủy Khối Doanh nghiệp Trung ương xác định biên chế chuyên trách trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy và chức danh tiêu chuẩn cán bộ, công chức.

- Đảng ủy Khối Doanh nghiệp Trung ương có con dấu, tài khoản riêng, được trang bị cơ sở vật chất, phương tiện hoạt động theo quy định.

Điều 4. Các mối quan hệ công tác của Đảng ủy Khối Doanh nghiệp Trung ương

- Với các ban đảng Trung ương: thực hiện sự hướng dẫn kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ công tác xây dựng Đảng theo quy định.

- Với Ban Cán sự Đảng Chính phủ, ban cán sự đảng, đảng đoàn các bộ, ngành, cơ quan Trung ương là quan hệ phối hợp nhằm tạo điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp, đơn vị hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị và thực hiện công tác cán bộ theo phân cấp.

- Với các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương là quan hệ phối hợp nhằm giúp các cấp ủy doanh nghiệp lãnh đạo phát triển kinh tế - xã hội, công tác quốc phòng, an ninh, chính sách dân tộc, tôn giáo trên địa bàn; quản lý đảng viên, giữ mối liên hệ với cấp ủy nơi cư trú; nghiên cứu, trao đổi kinh nghiệm trong lãnh đạo, quản lý doanh nghiệp, công tác xây dựng Đảng.

- Đảng ủy Khối Doanh nghiệp Trung ương chủ trì xây dựng quy chế phối hợp công tác với các ban cán sự đảng, đảng đoàn, cơ quan Trung ương, đảng ủy trực thuộc Trung ương.

Điều 5. Điều khoản thi hành

- Đảng ủy Khối Doanh nghiệp Trung ương căn cứ Quyết định này xây dựng Quy chế làm việc của Đảng ủy Khối.

- Các ban đảng ở Trung ương theo chức năng, nhiệm vụ được giao theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra hoạt động của Đảng ủy Khối Doanh nghiệp Trung ương, định kỳ báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

Trong quá trình thực hiện, nếu cần bổ sung, sửa đổi, Đảng ủy Khối phối hợp với Ban Tổ chức Trung ương báo cáo Bộ Chính trị xem xét, quyết định.

Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
TRƯỞNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**QUYẾT ĐỊNH
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ**

Số 100-QĐ/TW, ngày 22 tháng 10 năm 2007

**Về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy
của Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia
Hồ Chí Minh**

- Căn cứ Điều lệ Đảng, Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng;

- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư khóa X;

- Căn cứ Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa X) về đổi mới, kiện toàn tổ chức bộ máy các cơ quan đảng, định hướng về đổi mới tổ chức bộ máy nhà nước, Mật trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội,

BỘ CHÍNH TRỊ QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1. Vị trí, chức năng của Học viện Chính trị -
Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh**

Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh là đơn vị sự nghiệp trực thuộc Ban Chấp hành Trung ương Đảng

và Chính phủ, đặt dưới sự chỉ đạo trực tiếp, thường xuyên của Bộ Chính trị, Ban Bí thư và Thủ tướng Chính phủ.

Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh là trung tâm quốc gia đào tạo, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, quản lý trung, cao cấp, công chức hành chính, viên chức quản lý các đơn vị sự nghiệp và doanh nghiệp, cán bộ khoa học chính trị và hành chính của hệ thống chính trị; trung tâm quốc gia nghiên cứu khoa học lý luận Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước, các khoa học chính trị và khoa học hành chính.

Điều 2. Nhiệm vụ của Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh

1. Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ

- Đào tạo cán bộ lãnh đạo, quản lý trung, cao cấp về chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh; về đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước; về khoa học chính trị và quản lý nhà nước.

- Bồi dưỡng, cập nhật những quan điểm, chủ trương và kiến thức mới trong đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước; những vấn đề lý luận và thực tiễn mới trong nước và trên thế giới cho cán bộ lãnh đạo, quản lý trung, cao cấp.

- Đào tạo cao cấp lý luận chính trị - hành chính cho cán bộ, công chức, viên chức.

- Đào tạo, bồi dưỡng các chức danh công chức, viên chức từ chuyên viên chính và tương đương trở lên của hệ thống chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội, các đơn vị sự nghiệp và doanh nghiệp.

- Bồi dưỡng, cập nhật kiến thức cho đại biểu Quốc hội, hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

- Đào tạo, bồi dưỡng giảng viên, nghiên cứu viên và các đối tượng khác về các chuyên ngành lý luận chính trị, hành chính, quản lý nhà nước và một số ngành khoa học xã hội và nhân văn.

- Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ tuyên truyền, cán bộ lãnh đạo các cơ quan thông tin đại chúng.

- Đào tạo, bồi dưỡng chuyên ngành cho cán bộ trong hệ thống chính trị làm công tác tuyên giáo, tổ chức, kiểm tra, dân vận, tôn giáo, văn phòng, quản lý hành chính nhà nước...

2. Nghiên cứu khoa học

- Nghiên cứu lý luận Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, đường lối của Đảng; nghiên cứu lý luận và kinh nghiệm của một số đảng cộng sản và các trào lưu tư tưởng trên thế giới; nghiên cứu các khoa học chính trị, khoa học hành chính và quản lý nhà nước, một số ngành khoa học xã hội và nhân văn; tổng kết thực tiễn, phát triển lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

- Nghiên cứu, biên soạn lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam và phong trào cách mạng thế giới.

- Nghiên cứu, xây dựng, bổ sung chương trình, nội dung, tổ chức biên soạn, chỉnh lý các giáo trình, tài liệu học tập cho các chương trình đào tạo, bồi dưỡng của Học viện.

3. Tham mưu, đề xuất, tư vấn cho Đảng và Nhà nước trong việc hoạch định đường lối, xây dựng chính sách, đổi mới tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị, cải cách nền hành chính nhà nước.

4. Hướng dẫn và thống nhất quản lý việc thực hiện chương trình, nội dung đào tạo và bồi dưỡng, phương pháp

giảng dạy và học tập, nghiên cứu khoa học của các trường chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các trường đào tạo, bồi dưỡng cán bộ của các bộ, ngành Trung ương trên lĩnh vực khoa học chính trị và hành chính.

5. Hướng dẫn việc nghiên cứu, biên soạn và tham gia thẩm định lịch sử đảng của các địa phương, các bộ, ban, ngành, đoàn thể Trung ương; các tài liệu về thân thế, sự nghiệp cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh và các lãnh tụ của Đảng, Nhà nước.

6. Mở rộng các quan hệ hợp tác quốc tế trong đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, nghiên cứu khoa học chính trị, khoa học hành chính và các lĩnh vực khác.

7. Thực hiện một số nhiệm vụ được Bộ Chính trị, Ban Bí thư và Chính phủ giao

- Đào tạo đại học và sau đại học thuộc lĩnh vực đào tạo của Học viện theo quy định của Nhà nước.

- quản lý, cấp các loại văn bằng, chứng chỉ thuộc lĩnh vực đào tạo, bồi dưỡng của Học viện theo quy định của Đảng và Nhà nước.

- Phối hợp tổ chức khảo thí, sát hạch, kiểm tra, đánh giá trình độ công chức theo tiêu chuẩn ngạch, chức danh công chức hành chính các cấp để tuyển dụng, bổ nhiệm vào ngạch công chức.

- Thực hiện các nhiệm vụ khác do Bộ Chính trị, Ban Bí thư và Chính phủ giao.

Điều 3. Tổ chức bộ máy của Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh

1. Lãnh đạo Học viện

Có Giám đốc và các Phó Giám đốc.

2. Cơ cấu tổ chức của Học viện gồm:

- 2.1. Các đơn vị chức năng tại trung tâm Học viện
- (1) Vụ Tổ chức - Cán bộ,
 - (2) Vụ quản lý đào tạo,
 - (3) Vụ quản lý khoa học,
 - (4) Vụ Các trường chính trị,
 - (5) Vụ Hợp tác quốc tế,
 - (6) Vụ Kế hoạch - Tài chính,
 - (7) Ban Thanh tra,
 - (8) Văn phòng Học viện.

2.2. Các Học viện Chính trị - Hành chính khu vực

- (1) Học viện Chính trị - Hành chính khu vực I (đặt tại thành phố Hà Nội),
- (2) Học viện Chính trị - Hành chính khu vực II (đặt tại Thành phố Hồ Chí Minh),
- (3) Học viện Chính trị - Hành chính khu vực III (đặt tại thành phố Đà Nẵng),
- (4) Học viện Chính trị - Hành chính khu vực IV (đặt tại thành phố Cần Thơ).

2.3. Các học viện chuyên ngành

- (1) Học viện Hành chính (đặt tại thành phố Hà Nội),
- (2) Học viện Báo chí và Tuyên truyền (đặt tại thành phố Hà Nội).

2.4. Các đơn vị nghiên cứu, giảng dạy và các đơn vị sự nghiệp tại trung tâm Học viện

Giao Giám đốc Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh phối hợp với Ban Tổ chức Trung ương xác định các đơn vị này, trình Ban Bí thư xem xét, quyết định.

3. Về biên chế

Ban Tổ chức Trung ương chủ trì, thống nhất với Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh xác định biên chế trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy và chức danh tiêu chuẩn cán bộ, công chức, viên chức.

Ngoài số biên chế theo quy định, Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh được thực hiện chế độ cộng tác viên nghiên cứu khoa học, giảng viên kiêm nhiệm.

Điều 4. Về con dấu và tài chính của Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh

Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh được sử dụng con dấu hình Quốc huy.

Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh là đơn vị dự toán cấp I.

Điều 5. Chế độ làm việc và quan hệ của Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy, Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh xây dựng quy chế làm việc, trình Ban Bí thư quyết định.

- Quan hệ giữa Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh với các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc Trung ương, các tỉnh ủy, thành ủy, các bộ, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể chính trị - xã hội, các trường chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ của Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh và quy định của Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

- Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh thực hiện quản lý và phân cấp các nhiệm vụ đào tạo cán bộ cho các học viện chuyên ngành theo quy chế đào tạo của Nhà nước.

Điều 6. Điều khoản thi hành

- Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.
- Giao Ban Cán sự Đảng Chính phủ chỉ đạo thể chế hóa về mặt nhà nước Quyết định này.
- Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh, các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc Trung ương, các tỉnh ủy, thành ủy và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
TRƯỞNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO

Ý KIẾN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 102-TB/TW, ngày 30 tháng 10 năm 2007

**Về dự kiến chương trình xây dựng luật, pháp lệnh
của Quốc hội nhiệm kỳ khóa XII (2007 - 2011)
và năm 2008**

Tại phiên họp ngày 27-10-2007, sau khi nghe Đảng đoàn Quốc hội báo cáo và ý kiến của các cơ quan, tổ chức hữu quan về dự kiến chương trình xây dựng luật, pháp lệnh của Quốc hội nhiệm kỳ khóa XII (2007 - 2011) và năm 2008, Bộ Chính trị có ý kiến như sau:

1. Về những vấn đề chung

Cơ bản đồng ý với Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Đảng đoàn Quốc hội về các quan điểm chỉ đạo việc xây dựng chương trình, các tiêu chí lựa chọn các dự án đưa vào chương trình xây dựng luật, pháp lệnh của Quốc hội nhiệm kỳ khóa XII và năm 2008 như đã nêu trong Báo cáo số 72/ĐĐQH12, ngày 17-10-2007 của Đảng đoàn Quốc hội.

Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh của Quốc hội khóa XII phải quán triệt kịp thời, đầy đủ, đúng đắn đường

lối, chủ trương, chính sách của Đảng; tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật phục vụ yêu cầu phát triển đất nước trên tất cả các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh...; xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

2. Về việc sửa đổi, bổ sung Hiến pháp

Chưa nên đặt vấn đề sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp năm 1992 trong nhiệm kỳ Quốc hội khóa XII. Cần tổ chức nghiên cứu, tổng kết việc thực hiện các chế định của Hiến pháp để sau khi Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI quyết định việc bổ sung và phát triển Cương lĩnh chính trị, sẽ đề xuất các phương án cụ thể về việc sửa đổi, bổ sung Hiến pháp phù hợp với sự phát triển và những yêu cầu khách quan của xã hội trong giai đoạn mới.

Khi triển khai thực hiện các chủ trương, đường lối nêu trong Văn kiện Đại hội X của Đảng và các nghị quyết của Trung ương về cải cách hành chính, cải cách tư pháp, đổi mới tổ chức và hoạt động của các cơ quan nhà nước, nếu có nội dung liên quan đến Hiến pháp thì cần tính toán kỹ và báo cáo với Quốc hội cho phép triển khai thực hiện thí điểm.

3. Về dự kiến chương trình xây dựng luật, pháp lệnh của Quốc hội nhiệm kỳ khóa XII (2007 - 2011) và năm 2008

Không đưa vào chương trình những dự án luật có nội dung nhạy cảm, chưa có sự đồng thuận, nhất trí cao giữa các cơ quan, tổ chức hữu quan hoặc chưa rõ nội dung, mục đích điều

chỉnh và cuộc sống chưa đòi hỏi bức thiết phải có luật. Không nên đưa dự án Luật biếu tình, Luật trưng cầu ý dân, Luật hội nghề nghiệp, Luật dân tộc, Luật nông dân... vào chương trình xây dựng luật, pháp lệnh của Quốc hội khóa XII.

Tiếp tục rà soát, xác định hợp lý thứ tự ưu tiên các dự án luật, pháp lệnh cần đưa vào chương trình theo đúng các quan điểm và tiêu chí nêu trong báo cáo của Đảng đoàn Quốc hội. Nên giữ dự án Luật phòng, chống khủng bố trong chương trình chuẩn bị và chuyển các dự án Luật phòng, chống buôn bán người, Luật nghĩa vụ quân sự (sửa đổi), Luật lực lượng dự bị động viên từ chương trình chính thức sang chương trình chuẩn bị; đưa dự án Luật cơ yếu và Luật dân số vào chương trình chính thức (nâng pháp lệnh lên thành luật như đề nghị của Chính phủ).

Trong quá trình Quốc hội thảo luận, nếu có vấn đề gì thật cần thiết, Đảng đoàn Quốc hội báo cáo Bộ Chính trị trước khi trình Quốc hội thông qua.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
TRƯỞNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**THÔNG BÁO
KẾT LUẬN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ**

Số 103-TB/TW, ngày 30 tháng 10 năm 2007

**Về Dự án Luật thuế thu nhập cá nhân và một số
dự án luật trình Quốc hội thông qua tại kỳ họp
thứ hai (tháng 11-2007)**

Tại phiên họp ngày 27-10-2007, sau khi nghe Đảng đoàn Quốc hội báo cáo và ý kiến của các cơ quan, tổ chức hữu quan về dự án Luật thuế thu nhập cá nhân và một số dự án luật trình Quốc hội khóa XII thông qua tại kỳ họp thứ hai, Bộ Chính trị có ý kiến như sau:

1. Về dự án Luật thuế thu nhập cá nhân (Tờ trình số 73/ĐĐQH12, ngày 17-10-2007 của Đảng đoàn Quốc hội)

Đồng ý với ý kiến của Đảng đoàn Quốc hội về sự cần thiết ban hành luật và những nội dung cơ bản của dự thảo luật. Những nội dung còn ý kiến khác nhau nên để Quốc hội thảo luận, quyết định.

- Về *thu nhập chịu thuế*, nên đưa khoản thu nhập từ cổ tức của người lao động là cổ đông được mua cổ phần ưu đãi trong các doanh nghiệp nhà nước cổ phần hóa vào đối tượng chịu thuế (Điều 3), không đưa vào diện miễn thuế (Điều 5).

- Về *giảm trừ gia cảnh*, nên cân nhắc tăng mức giảm trừ đối với cá nhân đối tượng chịu thuế lên trên 4 triệu đồng/tháng (điểm a, khoản 1, Điều 20). Chủ yếu tập trung điều tiết hợp lý đối với người có thu nhập cao nhằm thu hẹp sự chênh lệch về thu nhập giữa các tầng lớp dân cư, bảo đảm công bằng xã hội và sự phát triển ổn định của nền kinh tế, tránh gây phân tâm, bức xúc cho số đông người lao động và cán bộ, công chức.

2. Về một số dự án luật trình Quốc hội thông qua tại kỳ họp thứ hai (Báo cáo số 77/ĐĐQH12, ngày 19-10-2007 của Đảng đoàn Quốc hội)

- Về *dự án Luật Tương trợ tư pháp*, đồng ý giao cho tòa án nhân dân cấp tỉnh thẩm quyền quyết định dẫn độ, quyết định chuyển giao người đang chấp hành hình phạt tù theo trình tự, thủ tục luật định.

- Về *dự án Luật phòng, chống bạo lực trong gia đình*, không nên quy định trong luật biện pháp lao động vì lợi ích cộng đồng đối với người có hành vi bạo lực gia đình. Biện pháp này không phù hợp với thực tế và phong tục, tập quán Việt Nam, tính khả thi thấp; việc áp dụng có thể làm ảnh hưởng đến hạnh phúc gia đình hoặc có thể bị lạm dụng dẫn đến phản ứng tiêu cực của các đối tượng bị áp dụng.

Trong quá trình Quốc hội thảo luận, nếu có vấn đề gì thật cần thiết, Đảng đoàn Quốc hội báo cáo Bộ Chính trị trước khi trình Quốc hội thông qua.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**KẾT LUẬN
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ**

Số 16-KL/TW, ngày 31 tháng 10 năm 2007

**Về tình hình cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước
và phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp
giai đoạn 2007 - 2010, có tính đến năm 2015**

Tại phiên họp ngày 12-10-2007, sau khi nghe Ban Cán sự Đảng Chính phủ báo cáo tình hình cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước và phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp giai đoạn 2007 - 2010, có tính đến năm 2015, ý kiến của Văn phòng Trung ương Đảng và các ban, ngành có liên quan, Bộ Chính trị đã thảo luận và kết luận:

Về cơ bản, Bộ Chính trị nhất trí với Báo cáo của Chính phủ về đánh giá tình hình thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước trong giai đoạn vừa qua và phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp cho giai đoạn 2007 - 2010, có tính đến năm 2015, đồng thời nhấn mạnh và lưu ý các vấn đề sau:

1. Về những kết quả đạt được

- Quá trình triển khai công tác cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước của Chính phủ trong những năm qua cơ bản đã bám

sát tinh thần chỉ đạo của các nghị quyết của Đảng. Cổ phần hóa đã trở thành một giải pháp quan trọng để sắp xếp, đổi mới, nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước. Trong quá trình chỉ đạo cổ phần hóa, Chính phủ đã từng bước tổng kết, rút kinh nghiệm, đề ra các biện pháp tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc để công tác cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước được thuận lợi và có hiệu quả hơn. Cùng với cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước, các tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước được xây dựng và củng cố một bước đã làm tăng khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp nhà nước, chuẩn bị cho hội nhập kinh tế quốc tế.

- Về cơ bản, công tác cổ phần hóa đã thực hiện được những mục tiêu chủ yếu của Nghị quyết Trung ương 3 và Nghị quyết Trung ương 9 (khóa IX) đề ra là: cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước, giảm mạnh các doanh nghiệp nhà nước có quy mô nhỏ, doanh nghiệp kém hiệu quả, doanh nghiệp ở các lĩnh vực Nhà nước không cần nắm giữ; tập trung vốn nhà nước vào các lĩnh vực then chốt, bảo đảm kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo trong nền kinh tế; thu hút thêm các nguồn vốn của xã hội đầu tư vào sản xuất, kinh doanh; tạo ra loại hình doanh nghiệp đa sở hữu với cơ chế quản lý năng động, hiệu quả hơn; quản lý nhà nước đối với các doanh nghiệp cũng từng bước được đổi mới, hoàn thiện, đáp ứng tốt hơn yêu cầu phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

- Hầu hết các doanh nghiệp nhà nước sau cổ phần hóa đều có tốc độ tăng trưởng khá, hoạt động kinh doanh có hiệu quả hơn, đóng góp tích cực vào thành tựu kinh tế chung của đất nước. Cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước, sự ra đời và

phát triển của các công ty cổ phần đã góp phần thúc đẩy sự phát triển của thị trường chứng khoán và làm tăng tính cạnh tranh trong nền kinh tế, tạo điều kiện cho tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững.

- Chế độ, chính sách xử lý, sắp xếp lại lao động trong quá trình cổ phần hóa được quan tâm đúng mức; việc giải quyết chính sách cho gần 20 vạn lao động dôi dư được thực hiện khá tốt, góp phần giữ vững ổn định chính trị - xã hội.

- Kết quả tích cực của cổ phần hóa trong thời gian qua đã củng cố lòng tin của nhân dân vào chủ trương, đường lối đúng đắn của Đảng về phát triển kinh tế thị trường, tạo ra bước đổi mới trong nhận thức, tư duy về quan hệ sản xuất và vai trò của doanh nghiệp nhà nước trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

2. Về những hạn chế, yếu kém

Tuy đạt được những kết quả quan trọng nêu trên nhưng so với yêu cầu và mục tiêu của Nghị quyết Trung ương 3, Nghị quyết Trung ương 9 (khóa IX), Nghị quyết Đại hội X thì việc sắp xếp, nâng cao hiệu quả doanh nghiệp mà trọng tâm là cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước vẫn còn gặp nhiều khó khăn, vướng mắc, có việc còn lúng túng, cần phải được tiếp tục nghiên cứu, tháo gỡ:

- Việc xác định giá trị tài sản của các doanh nghiệp còn nhiều hạn chế và sơ hở, giá trị doanh nghiệp chưa được tính đúng, tính đủ, nhất là trong giai đoạn chưa đấu giá, niêm yết cổ phiếu doanh nghiệp trên thị trường chứng khoán (chưa tính đúng giá trị thương hiệu, lợi thế kinh doanh, nguồn nhân lực và nhất là chưa xác định đúng giá trị quyền sử

dụng đất của doanh nghiệp...). Do đó, việc cổ phần hóa ở một số doanh nghiệp đã làm thất thoát lớn tài sản của Nhà nước, làm lợi cho một số người, tạo nên bức xúc của xã hội. Các hoạt động bổ trợ cho quá trình cổ phần hóa doanh nghiệp (kiểm toán, tư vấn, các định chế tài chính trung gian...) chưa được phát triển đồng bộ, chưa đáp ứng yêu cầu.

- Mục tiêu thu hút các nguồn vốn xã hội vào sản xuất, kinh doanh khi cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước đạt được còn thấp. Việc thực hiện chủ trương thu hút đối tác chiến lược mua cổ phần của doanh nghiệp nhà nước khi cổ phần hóa còn nhiều lúng túng.

- Việc bán cổ phần cho người lao động tại doanh nghiệp để đảm bảo quyền lợi và tạo sự gắn bó, phát huy tinh thần làm chủ của người lao động trong doanh nghiệp chưa được giải quyết tốt. Tình trạng nhiều người lao động trong doanh nghiệp bán cổ phần ưu đãi được mua, thậm chí bán trước khi được mua, chưa có cách khắc phục có hiệu quả.

- Cơ chế quản lý trong doanh nghiệp và quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp mà Nhà nước giữ cổ phần chi phối (nhất là còn giữ trên 51% vốn cổ phần) trên một số mặt vẫn còn như doanh nghiệp nhà nước trước đây; doanh nghiệp còn chưa được quyền tự chủ, bình đẳng với các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác.

- Ở hầu hết các doanh nghiệp sau khi cổ phần hóa, nhất là ở các doanh nghiệp mà Nhà nước không giữ cổ phần chi phối, hoạt động của tổ chức đảng và các đoàn thể gặp nhiều khó khăn, chưa tạo được sự phối hợp hoạt động tốt giữa tổ chức đảng, đoàn thể ~~với~~ hội đồng quản trị và giám đốc doanh nghiệp.

3. Về phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp tiếp tục thực hiện tốt nhiệm vụ cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước giai đoạn 2007 - 2010, có tính đến năm 2015

Để tiếp tục thực hiện có hiệu quả các mục tiêu và nhiệm vụ cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước, Bộ Chính trị nhấn mạnh các vấn đề sau đây:

- Công tác cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước trong thời gian tới cần tiếp tục quán triệt thực hiện tốt những mục tiêu và yêu cầu do Nghị quyết Trung ương 3, Nghị quyết Trung ương 9 (khóa IX) và Nghị quyết Đại hội X đề ra, trong đó hết sức chú ý các yêu cầu: Thông qua thị trường để xác định đúng giá trị doanh nghiệp, không để tài sản nhà nước bị thất thoát; tạo được sự gắn bó, phát huy vai trò làm chủ của người lao động tại doanh nghiệp và giữ vững vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

- Việc cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước, nhất là cổ phần hóa các tập đoàn, tổng công ty lớn cần thực hiện chặt chẽ, có bước đi vững chắc, tùy theo tính chất, ngành, nghề kinh doanh để vừa làm, vừa rút kinh nghiệm nhằm đạt hiệu quả kinh tế, chính trị, xã hội cao nhất, trong đó cần lưu ý:

+ Chỉ tiêu về tiến độ, số lượng các doanh nghiệp nhà nước cổ phần hóa đến năm 2010 và năm 2015 nêu trong Đề án chỉ có tính chất định hướng. Trong điều hành, cần căn cứ chất lượng, hiệu quả mà quyết định kế hoạch thực hiện cụ thể để đạt mục tiêu đề ra. Đề phòng và khắc phục những lạch lác, tiêu cực trong quá trình cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước.

+ Thực hiện triệt để phương thức thị trường trong việc cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước. Xác định đúng giá trị doanh nghiệp theo cơ chế thị trường trên cơ sở công khai hóa, minh bạch hóa tình hình tài sản, kết quả sản xuất, kinh

doanh, đánh giá giá trị thương hiệu, lợi thế kinh doanh, giá trị quyền sử dụng đất, chất lượng nguồn nhân lực của doanh nghiệp và đấu giá cổ phần doanh nghiệp. Đối với những doanh nghiệp có đủ điều kiện thì niêm yết trên thị trường chứng khoán để thị trường định giá doanh nghiệp, không để thất thoát tài sản nhà nước khi cổ phần hóa.

Các cơ quan quản lý nhà nước và tổ chức làm nhiệm vụ chủ sở hữu vốn nhà nước phối hợp với doanh nghiệp lựa chọn thời điểm và phương án phát hành cổ phiếu của doanh nghiệp trên thị trường trên cơ sở quan hệ cung - cầu, đảm bảo mang lại hiệu quả cao nhất cho Nhà nước.

+ Khuyến khích các doanh nghiệp, nhất là các tập đoàn kinh tế, các tổng công ty lớn, thu hút các đối tác có tiềm lực lớn về vốn, trình độ cao về khoa học - công nghệ, năng lực quản trị, thương hiệu có uy tín trên thị trường quốc tế, có quan hệ quốc tế rộng làm cổ đông chiến lược của doanh nghiệp khi cổ phần hóa.

+ Số tiền chênh lệch giữa giá trị doanh nghiệp theo mệnh giá cổ phiếu khi phát hành và số tiền thu được khi đấu giá cổ phiếu doanh nghiệp trên thị trường cần để lại một phần cho doanh nghiệp nếu doanh nghiệp ở trong lĩnh vực cần có vai trò chi phối của kinh tế nhà nước, có dự án kinh doanh có hiệu quả và giao cho Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước quản lý, sử dụng, tái đầu tư đạt hiệu quả cao nhất, tạo ra năng lực sản xuất mới và tăng thêm vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước trong nền kinh tế (không đưa vào nguồn thu ngân sách cho chi tiêu thường xuyên).

+ Về vấn đề bán cổ phần cho người lao động khi cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước để phát huy vai trò làm chủ, tạo sự gắn bó lâu dài của công nhân tại doanh nghiệp, Ban Cán

sự Đảng Chính phủ chỉ đạo tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện chủ trương này trong thời gian qua, nghiên cứu, đề xuất chính sách để thực hiện tốt chủ trương này báo cáo Bộ Chính trị, đảm bảo cổ phần hóa không dẫn đến tư nhân hóa như nghị quyết của Đảng đã xác định.

+ Tiếp tục đổi mới, sửa đổi, bổ sung, hoàn chỉnh cơ chế quản lý trong doanh nghiệp và quản lý của Nhà nước đối với các doanh nghiệp Nhà nước giữ 100% vốn và giữ cổ phần chi phối. Đối với các doanh nghiệp trong lĩnh vực Nhà nước cần phải nắm cổ phần chi phối thì cần phải luôn giữ được cổ phần chi phối của Nhà nước khi doanh nghiệp tăng vốn.

+ Chính phủ giao quyền đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước trong doanh nghiệp nhà nước sau khi cổ phần hóa từ cơ quan hành chính chủ quản sang Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước. Tiếp tục đổi mới phương thức đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp có hiệu quả.

- Ban Tổ chức Trung ương chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan nghiên cứu, tổng kết để sớm ban hành quy định về tổ chức và hoạt động của tổ chức đảng, công đoàn và các tổ chức quần chúng khác trong các doanh nghiệp nhà nước sau khi chuyển sang công ty cổ phần cho phù hợp.

Trên cơ sở ý kiến của Bộ Chính trị, Ban Cán sự Đảng Chính phủ tiếp tục chỉ đạo để đảm bảo cổ phần hóa thực hiện được các mục tiêu mà các nghị quyết của Đảng đã đề ra.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
TRƯỜNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO Ý KIẾN CỦA BAN Bí THƯ

Số 106-TB/TW, ngày 5 tháng 11 năm 2007

Về kiện toàn Ban Chỉ đạo Công nghệ thông tin của cơ quan đảng Trung ương

Tại phiên họp ngày 31-10-2007, xem xét đề nghị của Ban Tổ chức Trung ương về kiện toàn nhân sự Ban Chỉ đạo Công nghệ thông tin của cơ quan đảng Trung ương (Công văn số 2715-CVNS/BTCTW, ngày 12-10-2007), Ban Bí thư có ý kiến như sau:

- Đồng ý bổ nhiệm đồng chí Trần Minh Tiến, Viện trưởng Viện Chiến lược Bưu chính - Viễn thông, thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông, giữ chức Phó trưởng ban chuyên trách, làm nhiệm vụ Thường trực Ban Chỉ đạo Công nghệ thông tin của cơ quan đảng Trung ương, hưởng phụ cấp trách nhiệm 1,25.

- Đồng ý các ủy viên Ban Chỉ đạo Công nghệ thông tin của cơ quan đảng Trung ương theo đề nghị của Ban Tổ chức Trung ương.

- Ban Chỉ đạo Công nghệ thông tin của cơ quan đảng Trung ương sớm kiện toàn về tổ chức và quy chế hoạt động

của Ban Chỉ đạo và bộ phận chuyên trách giúp việc Ban Chỉ đạo, phối hợp với Ban Tổ chức Trung ương, Văn phòng Trung ương Đảng tăng cường cán bộ có trình độ cao về công nghệ thông tin và cán bộ có năng lực quản lý tài chính cho bộ phận chuyên trách đủ sức hoàn thành nhiệm vụ.

T/M BAN Bí THƯ
TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO

KẾT LUẬN CỦA BAN Bí THƯ

Số 107-TB/TW, ngày 5 tháng 11 năm 2007

Về việc tổ chức kỷ niệm 40 năm cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân - 1968

Tại phiên họp ngày 31-10-2007, sau khi nghe Tổng cục Chính trị báo cáo về việc tổ chức kỷ niệm 40 năm cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân - 1968 (Công văn số 1046/TTr-CV, ngày 4-10-2007) và ý kiến của Ban Tuyên giáo Trung ương, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Ban Bí thư kết luận như sau:

1. Chiến thắng của quân và dân ta trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân - 1968 là sự kiện có ý nghĩa lịch sử to lớn, đánh dấu bước ngoặt quan trọng trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của dân tộc ta; làm phá sản chiến lược "Chiến tranh cục bộ", góp phần chấm dứt chiến tranh phá hoại miền Bắc, buộc đế quốc Mỹ phải chấp nhận đàm phán với ta tại Hội nghị Pari về việc lập lại hòa bình ở Việt Nam.

Việc tổ chức kỷ niệm 40 năm cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân - 1968 một lần nữa khẳng định sự lãnh

đạo sáng suốt, đúng đắn của Đảng và Bác Hồ, tinh thần chiến đấu anh dũng, hy sinh quên mình của quân, dân ta vì sự nghiệp đấu tranh thống nhất Tổ quốc; giáo dục truyền thống yêu nước, ý chí độc lập, tự chủ, niềm tự hào dân tộc cho cán bộ, chiến sĩ và nhân dân ta, tạo sự thống nhất cao về ý chí và hành động trong sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc hôm nay; phản bác những luận điệu xuyên tạc, phủ nhận giá trị, ý nghĩa của sự kiện này.

2. Bộ Quốc phòng chủ trì, phối hợp với Tỉnh ủy Thừa Thiên Huế tổ chức tại Huế hội thảo khoa học về cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân -1968.

3. Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh chủ trì, phối hợp với Bộ Quốc phòng, Ban Tuyên giáo Trung ương tổ chức lễ mít tinh trọng thể cấp Nhà nước tại Thành phố Hồ Chí Minh kỷ niệm 40 năm Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân - 1968.

4. Các tỉnh, thành phố trong cả nước, nhất là các tỉnh từ Quảng Trị trở vào tổ chức gặp mặt truyền thống, tọa đàm,... về chiến thắng của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân -1968; chú ý lồng ghép tổ chức kỷ niệm sự kiện này với những ngày kỷ niệm khác trong quý I-2008; sưu tầm các tư liệu, tài liệu, hiện vật, trùng tu, tôn tạo những di tích tiêu biểu của chiến thắng Mậu Thân 1968 để phục vụ cho giáo dục truyền thống và các hoạt động văn hóa, du lịch; tổ chức các hoạt động giúp đỡ thiết thực cho những địa phương, cá nhân có thành tích trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân - 1968 hiện còn gặp nhiều khó khăn về kinh tế - xã hội.

5. Ban Tuyên giáo Trung ương phối hợp với Tổng cục Chính trị biên soạn các tài liệu tuyên truyền, hướng dẫn tổ

chức kỷ niệm 40 năm Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân - 1968; phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan thông tin đại chúng tuyên truyền rộng rãi về sự kiện lịch sử này.

6. Bộ Tài chính báo cáo Chính phủ bảo đảm kinh phí cho các hoạt động kỷ niệm 40 năm Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân - 1968.

T/M BAN BÍ THU

TRƯỞNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**THÔNG BÁO
KẾT LUẬN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ**

Số 108-TB/TW, ngày 8 tháng 11 năm 2007

Về tổ chức cơ quan thường trú của các cơ quan thông tấn, báo chí nước ta ở nước ngoài

Tại phiên họp ngày 2-11-2007, khi xem xét đề nghị lập thêm 2 cơ quan thường trú nước ngoài của Báo Nhân dân, Bộ Chính trị có ý kiến chỉ đạo:

Giao Ban Cán sự Đảng Chính phủ chỉ đạo xây dựng và thực hiện đề án về bố trí, sắp xếp cơ quan thường trú của các cơ quan thông tấn, báo chí nước ta tại nước ngoài (Thông Tấn xã Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam, Đài Truyền hình Việt Nam, Báo Nhân dân) hợp lý, hiệu quả nhất, đáp ứng tốt nhất được yêu cầu của công việc, đồng thời tiết kiệm kinh phí của Nhà nước và báo cho Ban Bí thư biết kết quả khi thực hiện đề án.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN Bí THƯ**

Số 103-QĐ/TW, ngày 8 tháng 11 năm 2007

**Thành lập Ban Chỉ đạo xây dựng Đề án
"Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với
thế hệ trẻ thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa"**

- Căn cứ Điều lệ Đảng;
- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư khóa X;
- Căn cứ Chương trình làm việc của Ban Chấp hành Trung ương khóa X;
- Xét đề nghị của Văn phòng Trung ương Đảng và các cơ quan Trung ương có liên quan,

BAN Bí THƯ QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Ban Chỉ đạo xây dựng Đề án "Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với thế hệ trẻ thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa" gồm các đồng chí sau :

- 1- Đồng chí Trương Tấn Sang, Ủy viên Bộ Chính trị, Thường trực Ban Bí thư, Trưởng Ban Chỉ đạo.

2- Đồng chí Trần Lưu Hải, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó trưởng Ban Tổ chức Trung ương, Phó trưởng Ban Chỉ đạo.

3- Đồng chí Vũ Trọng Kim, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó trưởng Ban Thường trực Ban Dân vận Trung ương, Ủy viên.

4- Đồng chí Nguyễn Bắc Son, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó trưởng Ban Tuyên giáo Trung ương, Ủy viên.

5- Đồng chí Võ Văn Thuởng, Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bí thư thứ nhất Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Ủy viên.

6- Đồng chí Hoàng Công Hoàn, Phó Chánh Văn phòng Trung ương Đảng, Ủy viên.

7- Đồng chí Nguyễn Trọng Đài, Phó Giám đốc Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh, Ủy viên.

8- Đồng chí Phạm Vũ Luận, Thứ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Ủy viên.

9- Đồng chí Nguyễn Thanh Hòa, Thứ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Ủy viên.

10- Đồng chí Trần Đức Cường, Phó Viện trưởng Viện Khoa học Xã hội Việt Nam, Ủy viên.

11- Đồng chí Trần Quốc Huy, Trưởng Ban Mặt trận thanh niên Trung ương Đoàn, Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam, Ủy viên.

Điều 2. Ban Chỉ đạo xây dựng Đề án có nhiệm vụ xây dựng kế hoạch, tổ chức khảo sát, nghiên cứu và dự thảo Đề án "Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với thế hệ trẻ thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa" để báo cáo Bộ Chính trị xem xét, trình Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa X.

Giúp việc Ban Chỉ đạo có Tổ Biên tập do Trưởng Ban Chỉ đạo quyết định.

Điều 3. Văn phòng Trung ương Đảng cấp kinh phí phục vụ cho việc xây dựng Đề án.

Điều 4. Văn phòng Trung ương Đảng, Ban Tổ chức Trung ương, các cơ quan có liên quan và các đồng chí có tên trên thi hành Quyết định này.

T/M BAN BÍ THƯ

TRƯỞNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN Bí THU**

Số 104-QĐ/TW, ngày 13 tháng 11 năm 2007

**Thành lập Đoàn kiểm tra việc thực hiện
Nghị quyết số 21-NQ/TW, ngày 20-1-2003
và Chỉ thị số 12-CT/TW, ngày 16-4-2002
của Bộ Chính trị (khóa IX) về phương hướng,
nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội
và bảo đảm an ninh, quốc phòng vùng đồng bằng
sông Cửu Long thời kỳ 2001 - 2010**

- Căn cứ Điều lệ Đảng và Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư khóa X;
- Căn cứ Chương trình kiểm tra của Bộ Chính trị, Ban Bí thư năm 2007;
- Xét đề nghị của Ban Chỉ đạo Tây Nam Bộ,

BAN Bí THU QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Đoàn kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW và Chỉ thị số 12-CT/TW của Bộ Chính trị, gồm các đồng chí:

- 1- Đồng chí Nguyễn Sinh Hùng, Ủy viên Bộ Chính trị, Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ, Trưởng Ban Chỉ đạo Tây Nam Bộ, Trưởng đoàn;
- 2- Đồng chí Sơn Song Sơn, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Trưởng Ban Thường trực Ban Chỉ đạo Tây Nam Bộ, Phó Trưởng đoàn;
- 3- Đồng chí Lưu Phước Lượng, Phó Trưởng Ban Chỉ đạo Tây Nam Bộ, Phó Trưởng đoàn;
- 4- Đồng chí Phan Trung Kiên, Ủy viên Trung ương Đảng, Thứ trưởng Bộ Quốc phòng, Thành viên;
- 5- Đồng chí Nguyễn Văn Đảng, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Chánh Văn phòng Trung ương Đảng, Thành viên;
- 6- Đồng chí Thi Văn Tám, Thứ trưởng Bộ Công an, Thành viên;
- 7- Đồng chí Phạm Vũ Luận, Thứ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Thành viên;
- 8- Đồng chí Ngô Thịnh Đức, Thứ trưởng Bộ Giao thông vận tải, Thành viên;
- 9- Đồng chí Diệp Kinh Tân, Thứ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thành viên;
- 10- Đồng chí Trần Quốc Huy, Phó Trưởng Ban Tổ chức Trung ương, Thành viên;
- 11- Đồng chí Nguyễn Đức Hòa, Thứ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Thành viên;
- 12- Đồng chí Kiều Đình Thụ, Phó Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ, Thành viên;
- 13- Đồng chí Hà Hùng, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc, Thành viên;

14- Đồng chí Đinh Hữu Cường, Phó Trưởng Ban Dân vận Trung ương, Thành viên;

15- Đồng chí Nguyễn Hữu Oanh, Phó Trưởng Ban Tôn giáo Chính phủ (Bộ Nội vụ), Thành viên;

16- Đồng chí Huỳnh Tiên Phong, Tư lệnh Quân khu 9, Thành viên;

17- Đồng chí Sơn Cang, Phó Tổng cục trưởng Tổng cục An ninh (Bộ Công an), Thành viên;

18- Đồng chí Lê Hồng Liêm, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Thành viên;

19- Đồng chí đại diện lãnh đạo Ban Tuyên giáo Trung ương, Thành viên;

20- Đồng chí Huỳnh Vĩnh Ái, Thủ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Thành viên;

21- Đồng chí đại diện lãnh đạo Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Thành viên.

Điều 2. Đoàn kiểm tra có nhiệm vụ tổ chức thực hiện các nội dung nêu trong Chương trình kiểm tra của Bộ Chính trị, Ban Bí thư năm 2007 (Chương trình số 37-CTr/TW, ngày 26-3-2007).

Đoàn Kiểm tra và Ban Chỉ đạo Tây Nam Bộ có kế hoạch cụ thể thực hiện nhiệm vụ này.

Đoàn kiểm tra quyết định thành lập các tổ công tác giúp việc phục vụ nhiệm vụ kiểm tra; kinh phí hoạt động của Đoàn kiểm tra do Ban Chỉ đạo Tây Nam Bộ đảm bảo.

Điều 3. Các tỉnh ủy, thành ủy thuộc địa bàn hoạt động của Ban Chỉ đạo Tây Nam Bộ, các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc Trung ương có thành

viên tham gia Ban Chỉ đạo Tây Nam Bộ và các đồng chí có tên ở Điều 1 thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

T/M BAN Bí THƯ

TRƯỞNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**THÔNG BÁO
KẾT LUẬN CỦA BAN Bí THƯ**

Số 109-TB/TW, ngày 14 tháng 11 năm 2007

**Về việc tổ chức Đại hội lần thứ IX
Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh**

Ngày 31-10-2007, sau khi nghe Ban Bí thư Trung ương Đoàn báo cáo về việc chuẩn bị Đại hội Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh lần thứ IX và ý kiến của các ban đảng Trung ương có liên quan, Ban Bí thư có ý kiến như sau:

Công tác chuẩn bị Đại hội IX Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh đã được Trung ương Đoàn chuẩn bị tốt, chu đáo, có cố gắng tìm tòi đổi mới hoạt động của Đoàn phù hợp với tình hình và yêu cầu của đất nước trong giai đoạn mới. Ban Bí thư cơ bản tán thành các báo cáo của Trung ương Đoàn, đồng thời lưu ý và nhấn mạnh một số điểm sau:

1. Báo cáo của Ban Chấp hành Trung ương Đoàn tại Đại hội và thảo luận trong Đại hội cần tập trung phân tích, đánh giá đúng tình hình đoàn viên, thanh niên, tổ chức đoàn các cấp, nhất là tổ chức đoàn cơ sở, các phong trào do Đoàn phát động và tổ chức... Chỉ rõ những mặt mạnh, những kết quả, thành tựu đạt được, những đóng góp của đoàn viên, thanh

niên, tổ chức đoàn đối với sự nghiệp đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Đồng thời, phân tích kỹ, chỉ rõ những hạn chế, yếu kém của đoàn viên, thanh niên, tổ chức đoàn, các phong trào của Đoàn, trong tất cả các lĩnh vực, các đối tượng (đoàn viên, thanh niên, tổ chức đoàn ở nông thôn, ở đô thị, trong công nhân, học sinh, sinh viên, trong các lực lượng vũ trang...). Rút ra nguyên nhân và bài học kinh nghiệm. Làm rõ, thảo luận sâu về vấn đề mới đặt ra, những thời cơ, thách thức đối với đoàn viên, thanh niên và tổ chức đoàn trong thời kỳ phát triển mới của đất nước.

Phương hướng, nhiệm vụ của Đoàn trong nhiệm kỳ Đại hội IX cần phải bám sát, quán triệt sâu sắc Nghị quyết Đại hội X của Đảng, phù hợp với tôn chỉ, mục đích, chức năng, nhiệm vụ của tổ chức Đoàn là trường học cộng sản chủ nghĩa của thanh niên, hạt nhân đoàn kết, tập hợp, giáo dục, rèn luyện thanh niên kế tục sự nghiệp cách mạng vẻ vang của Đảng. Trong các phong trào "đồng hành" cùng thanh niên, cần thể hiện rõ vai trò tiên phong, gương mẫu, hướng dẫn của tổ chức đoàn. Các chương trình, dự án của Đoàn cần chú ý tới các vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn, các lĩnh vực quan trọng cần đến vai trò xung kích của tuổi trẻ. Cần hết sức quan tâm tới việc xây dựng, củng cố tổ chức Đoàn cơ sở, xây dựng đội ngũ cán bộ Đoàn các cấp vững mạnh, đáp ứng yêu cầu của phong trào Đoàn trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hội nhập kinh tế quốc tế của đất nước.

2. Việc bầu trực tiếp bí thư đoàn tại đại hội đoàn các cấp cần được cân nhắc, thảo luận thật kỹ tại Đại hội và cho phép làm thí điểm để rút kinh nghiệm. Khi tổng kết thực tiễn việc

thí điểm, nếu thực sự là tốt thì mới tính đến việc đưa vào Điều lệ Đoàn.

3. Ban Bí thư Trung ương Đoàn phối hợp với Ban Tổ chức Trung ương, Ban Dân vận Trung ương tiếp tục chuẩn bị tốt nhân sự lãnh đạo Trung ương Đoàn khóa IX trên cơ sở rút kinh nghiệm công tác cán bộ của các nhiệm kỳ trước, nâng cao chất lượng cán bộ toàn diện (về bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức, năng lực công tác đoàn), có cơ cấu hợp lý và theo hướng trẻ hóa (Bí thư Trung ương Đoàn nên dưới 40 tuổi).

4. Ban Bí thư đồng ý để Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tổ chức Đại hội IX với thời gian, địa điểm, số lượng đại biểu tham dự, chương trình Đại hội như báo cáo của Trung ương Đoàn; đồng ý tặng bức trướng của Ban Chấp hành Trung ương Đảng cho tuổi trẻ Việt Nam và Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh với nội dung: "Tuổi trẻ Việt Nam xây hoài bão lớn, đoàn kết, sáng tạo, xung kích trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc" nhân Đại hội IX của Đoàn.

5. Ban Dân vận Trung ương chủ trì, phối hợp với các ban Đảng chỉ đạo, giúp Trung ương Đoàn tổ chức tốt Đại hội lần thứ IX Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh.

T/M BAN Bí THƯ
TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO

Ý KIẾN CỦA BAN Bí THƯ

Số 111-TB/TW, ngày 16 tháng 11 năm 2007

Về **Đại hội Hội Cựu chiến binh Việt Nam lần thứ IV**

Tại phiên họp ngày 31-10-2007, sau khi nghe Đảng đoàn Hội Cựu chiến binh Việt Nam báo cáo về việc chuẩn bị Đại hội Hội Cựu chiến binh lần thứ IV và ý kiến các ban, ngành Trung ương có liên quan, Ban Bí thư có ý kiến như sau:

Công tác chuẩn bị Đại hội lần thứ IV Hội Cựu chiến binh Việt Nam đã được chuẩn bị tích cực, chặt chẽ, nghiêm túc theo đúng tinh thần Chỉ thị số 02-CT/TW, ngày 19-6-2006 của Ban Bí thư. Đại hội Hội Cựu chiến binh từ cơ sở đến các tỉnh, thành hội tiến tới Đại hội Hội Cựu chiến binh Việt Nam lần thứ IV thật sự là một đợt sinh hoạt chính trị có tác dụng giáo dục, tuyên truyền sâu rộng trong toàn Hội. Ban Bí thư cơ bản tán thành nội dung Báo cáo của Hội về công tác chuẩn bị Đại hội IV Hội Cựu chiến binh Việt Nam, đồng thời nhấn mạnh một số điểm sau:

1. Ban Bí thư đánh giá cao hoạt động và những đóng góp của Hội Cựu chiến binh Việt Nam đối với công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Ở cơ sở, Hội Cựu chiến binh có uy tín, có vai trò tích cực trong việc tuyên truyền, vận động

thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, luật pháp, chính sách của Nhà nước, có nhiều đóng góp với cấp ủy, chính quyền, nhân dân địa phương trong phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, tháo gỡ những khó khăn, giữ vững ổn định chính trị, xã hội trên địa bàn.

2. Tán thành phương hướng, nhiệm vụ của Hội Cựu chiến binh Việt Nam trong nhiệm kỳ khóa IV (2007 - 2010) nêu trong Báo cáo. Trong nhiệm kỳ tới, hoạt động của Hội cần tiếp tục quán triệt và góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội X của Đảng; tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục cho thế hệ trẻ về lý tưởng cách mạng, về truyền thống vẻ vang của Đảng, quân đội và nhân dân ta; củng cố và nâng cao chất lượng hoạt động của Hội ở cơ sở, nhất là ở các vùng khó khăn, những địa bàn phức tạp, cùng đồng bào phát triển kinh tế, xóa đói giảm nghèo, giải quyết những mâu thuẫn trong nội bộ nhân dân, đấu tranh chống các luận điệu xuyên tạc của các thế lực thù địch, hoạt động truyền đạo trái pháp luật, các tệ nạn xã hội..., làm chố dựa tin cậy cho cấp ủy, chính quyền ở cơ sở.

3. Về sửa đổi, bổ sung Điều lệ mở rộng đối tượng kết nạp hội viên, Hội cần cân nhắc kỹ, chặt chẽ về tiêu chuẩn để bảo đảm chất lượng hội viên.

4. Đồng ý số lượng Ban Chấp hành và nhân sự chủ chốt Trung ương Hội Cựu chiến binh Việt Nam khóa IV, nhiệm kỳ 2007 - 2010 và thời gian, địa điểm, thành phần đại biểu Đại hội như trong Tờ trình (chỉ báo cáo xin ý kiến lại Ban Bí thư nếu có thay đổi phương án nhân sự chủ chốt Trung ương Hội).

5. Về một số đề nghị của Hội

- Đồng ý Ban Chấp hành Trung ương Đảng tặng Hội Cựu

chiến binh Việt Nam bức trướng "*Cựu chiến binh phát huy bản chất, truyền thống "Bộ đội Cụ Hồ" trung thành - đoàn kết - gương mẫu - đổi mới*" nhân Đại hội IV Hội Cựu chiến binh Việt Nam.

- Đồng ý tổ chức tổng kết, đánh giá 5 năm thực hiện Nghị quyết 09-NQ/TW, ngày 8-1-2002 của Bộ Chính trị về "Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác cựu chiến binh Việt Nam trong giai đoạn cách mạng mới", sau Đại hội IV Hội Cựu chiến binh Việt Nam.

- Đồng ý để Hội Cựu chiến binh cử cán bộ tham gia các Ban Chỉ đạo Tây Bắc, Ban Chỉ đạo Tây Nguyên, Ban Chỉ đạo Tây Nam Bộ của Trung ương Đảng. Ban Tổ chức Trung ương phối hợp cùng Đảng đoàn Hội Cựu chiến binh Việt Nam chuẩn bị nhân sự báo cáo Ban Bí thư.

- Việc tập huấn, bồi dưỡng công tác hội cho cán bộ Hội Cựu chiến binh là cần thiết. Song về việc thành lập trung tâm tập huấn, bồi dưỡng cán bộ của hội, giao Ban Tổ chức Trung ương phối hợp với Ban Dân vận Trung ương, Ban Tuyên giáo Trung ương và các cơ quan có liên quan nghiên cứu, có tính tối yêu cầu chung của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể khác, xây dựng đề án cho phù hợp, báo cáo Ban Bí thư. Chế độ, chính sách đối với cán bộ Hội Cựu chiến binh cơ sở cần được xem xét chung cùng với các chức danh cán bộ khác ở cơ sở. Về đề nghị hỗ trợ kinh phí giúp đỡ Hội Cựu chiến binh Lào, Hội báo cáo để Chính phủ xem xét, hỗ trợ.

T/M BAN BÍ THƯ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ

Trung ương Đảng.

**QUY ĐỊNH
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ**

Số 105-QĐ/TW, ngày 20 tháng 11 năm 2007

Về tổ chức đảng trong Quân đội nhân dân

- Căn cứ Điều lệ Đảng, Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng;
- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư khóa X;

Bộ Chính trị quy định về tổ chức đảng trong Quân đội nhân dân Việt Nam như sau:

A- HỆ THỐNG TỔ CHỨC ĐẢNG CÁC CẤP

Đảng Cộng sản Việt Nam thực hiện sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt đối với quân đội thông qua hệ thống tổ chức đảng, hệ thống tổ chức chỉ huy, hệ thống cơ quan chính trị, cán bộ chính trị các cấp và tổ chức quần chúng ở đơn vị cơ sở.

Toàn quân có Đảng ủy Quân sự Trung ương (gọi tắt là Quân ủy Trung ương) do Bộ Chính trị chỉ định, gồm một số ủy viên Ban Chấp hành Trung ương công tác trong quân đội

và một số ủy viên Ban Chấp hành Trung ương công tác ngoài quân đội, đặt dưới sự lãnh đạo của Ban Chấp hành Trung ương mà thường xuyên là Bộ Chính trị, Ban Bí thư. Ban Thường vụ Đảng ủy Quân sự Trung ương có từ 5 - 7 đồng chí. Căn cứ vào Điều lệ Đảng và sự phân công công tác của Bộ Chính trị, Đảng ủy Quân sự Trung ương lập danh sách nhân sự, phối hợp với Ban Tổ chức Trung ương đề nghị Bộ Chính trị chỉ định Đảng ủy Quân sự Trung ương nhiệm kỳ mới.

Nhiệm kỳ của Đảng ủy Quân sự Trung ương được tính từ khi Bộ Chính trị chỉ định và kết thúc khi Bộ Chính trị có quyết định chỉ định Đảng ủy Quân sự Trung ương nhiệm kỳ mới.

Các cấp ủy đảng từ cấp trực thuộc Đảng ủy Quân sự Trung ương đến cơ sở, cấp ủy ở cấp nào do đại hội đảng bộ (chi bộ) cấp đó bầu; hội nghị đảng ủy bầu ban thường vụ, bầu bí thư, phó bí thư trong số ủy viên thường vụ và được cấp ủy cấp trên trực tiếp chuẩn y; trường hợp đặc biệt do cấp ủy cấp trên trực tiếp chỉ định.

I- Cấp ủy đảng trong bộ đội chủ lực

1. Đảng ủy quân khu gồm các đồng chí ủy viên công tác trong đảng bộ quân khu do đại hội cùng cấp bầu có số lượng từ 13 - 17 ủy viên và các đồng chí là bí thư tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương trên địa bàn quân khu được Ban Bí thư chỉ định tham gia. Trường hợp cần thiết, Bộ Chính trị có thể chỉ định một số đồng chí khác có cơ cấu thích hợp tham gia đảng ủy quân khu.

Các đồng chí được Bộ Chính trị, Ban Bí thư chỉ định tham gia đảng ủy quân khu thực hiện nhiệm vụ, quyền

hạn của cấp ủy viên (trừ quyền ứng cử); thực hiện chế độ sinh hoạt theo quy chế làm việc của đảng ủy quân khu; tham gia đảng ủy quân khu từ khi được Bộ Chính trị, Ban Bí thư chỉ định và kết thúc khi thôi giữ chức vụ tương ứng, số lượng ủy viên ban thường vụ đảng ủy quân khu không quá 1/3 số cấp ủy viên công tác trong đảng bộ quân khu.

2. Đảng ủy Bộ Tổng Tham mưu - cơ quan Bộ Quốc phòng, cơ quan Tổng cục Chính trị, Tổng cục Hậu cần, Tổng cục Kỹ thuật, Tổng cục Công nghiệp quốc phòng, Tổng cục Tình báo, Đảng ủy Quân chủng Hải quân, Quân chủng Phòng không - Không quân, Đảng ủy Bộ đội Biên phòng, có số lượng từ 13 - 17 ủy viên. Số lượng ủy viên ban thường vụ không quá 1/3 số cấp ủy viên cùng cấp.

Đảng ủy quân đoàn, Học viện Quốc phòng, Học viện Lục quân, Học viện Chính trị quân sự, Học viện Hậu cần, Học viện Quân y, Học viện Kỹ thuật quân sự, Trường Sĩ quan Lục quân I, Trường Sĩ quan Lục quân II, đảng ủy các binh chủng có số lượng từ 11 - 15 ủy viên. Số lượng ủy viên ban thường vụ không quá 1/3 số cấp ủy viên cùng cấp.

3. Đảng ủy các binh đoàn, Trung tâm Khoa học - Kỹ thuật công nghệ quân sự Bộ Quốc phòng, Trung tâm Nhiệt đới Việt - Nga, Đoàn 969, các học viện, trường sĩ quan, trường quân sự quân khu, quân đoàn; đảng ủy sư đoàn, các tổng công ty; các đơn vị kinh tế, quốc phòng; các doanh nghiệp mà tổ chức đảng là cấp trên trực tiếp cơ sở và tương đương có số lượng từ 9 - 13 ủy viên. Số lượng ủy viên ban thường vụ không quá 1/3 số cấp ủy viên cùng cấp.

II- Tổ chức đảng ở cơ quan quân sự, đơn vị bộ đội địa phương và bộ đội biên phòng tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

1. Tổ chức đảng ở cơ quan quân sự và đơn vị bộ đội địa phương tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được tổ chức thành đảng bộ quân sự tỉnh, thành phố theo quy định về tổ chức đảng trong quân đội, đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp về mọi mặt của cấp ủy địa phương, đồng thời chấp hành nghị quyết của đảng ủy quân sự cấp trên về nhiệm vụ quốc phòng toàn dân và công tác quân sự địa phương.

Đảng ủy quân sự tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương là cấp ủy cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng, gồm các đồng chí ủy viên công tác trong đảng bộ quân sự địa phương do đại hội cùng cấp bầu và các đồng chí bí thư tỉnh ủy, thành ủy và cấp ủy viên là chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố được ban thường vụ tỉnh ủy, thành ủy chỉ định tham gia.

Các đồng chí cấp ủy viên là bí thư cấp ủy, chủ tịch ủy ban nhân dân được ban thường vụ cấp ủy địa phương chỉ định tham gia đảng ủy quân sự thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của cấp ủy viên (trừ quyền ứng cử); thực hiện chế độ sinh hoạt theo quy chế làm việc của đảng ủy quân sự; tham gia đảng ủy quân sự từ khi được ban thường vụ cấp ủy địa phương chỉ định và kết thúc khi thôi chức vụ bí thư cấp ủy và chủ tịch ủy ban nhân dân cùng cấp.

Đảng ủy quân sự tỉnh, thành phố có số lượng từ 11 - 15 ủy viên, ban thường vụ có số lượng từ 3 - 5 đồng chí, đồng chí bí thư tỉnh ủy, thành ủy trực tiếp làm bí thư. Khi ban thường vụ đảng ủy họp quyết định những vấn đề quan

trọng, nhất là các vấn đề liên quan đến công tác tổ chức và cán bộ, phải có ít nhất 2/3 số thành viên.

2. Tổ chức đảng ở các cơ quan, đơn vị trực thuộc bộ đội biên phòng tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được tổ chức thành đảng bộ biên phòng tỉnh, thành phố theo quy định về tổ chức đảng trong quân đội, đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp về mọi mặt của tỉnh ủy, thành ủy, đồng thời chấp hành nghị quyết của Đảng ủy Bộ đội Biên phòng về tổ chức xây dựng lực lượng và công tác biên phòng.

Đảng ủy biên phòng tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương là cấp ủy cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng, có số lượng từ 11 - 15 ủy viên. Số lượng ủy viên ban thường vụ không quá 1/3 số cấp ủy viên cùng cấp.

Các tỉnh ủy, thành ủy phân công đồng chí phó bí thư là chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố phụ trách đảng ủy biên phòng.

3. Cơ quan chính trị cấp trên phối hợp với cấp ủy địa phương chỉ đạo công tác đảng, công tác chính trị và công tác quần chúng trong lực lượng vũ trang địa phương. Phối hợp với các ban của cấp ủy địa phương hướng dẫn, kiểm tra thực hiện các mặt công tác trên.

III- Tổ chức cơ sở đảng

Tổ chức cơ sở đảng được lập tại đơn vị cơ sở trong Quân đội nhân dân Việt Nam theo quy định của Điều lệ Đảng, do cấp ủy cấp trên trực tiếp quyết định. Căn cứ vào số lượng đảng viên, cơ cấu tổ chức và tính chất, đặc điểm, nhiệm vụ của đơn vị mà thành lập đảng bộ cơ sở hoặc chi bộ cơ sở.

1. Tổ chức cơ sở đảng trong bộ đội chủ lực được thành lập ở các đơn vị sau đây:

- Trung đoàn, lữ đoàn, hải đoàn, hải đội, tiểu đoàn và đơn vị tương đương trực thuộc sư đoàn, vùng hải quân.

- Ở các hệ, tiểu đoàn quản lý học viên và đơn vị tương đương; các phòng, khoa thuộc các học viện, trường sĩ quan, trường quân sự quân khu, quân đoàn, bệnh viện trực thuộc bộ; trường hạ sĩ quan, trường trung cấp và dạy nghề; bệnh viện thuộc quân khu, quân chủng, tổng cục; cấp cục, phòng, ban thuộc Bộ Tổng Tham mưu - cơ quan Bộ Quốc phòng, các tổng cục, quân khu, quân chủng, bộ đội biên phòng, quân đoàn, binh chủng, binh đoàn; cấp phòng thuộc sư đoàn, vùng hải quân và tương đương.

2. Tổ chức cơ sở đảng ở cơ quan quân sự, đơn vị bộ đội địa phương; cơ quan, đơn vị bộ đội biên phòng tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được thành lập ở các đơn vị sau đây:

- Cấp phòng thuộc bộ chỉ huy quân sự, bộ chỉ huy biên phòng tỉnh, thành phố.

- Ban chỉ huy quân sự huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh.

- Tiểu khu, cửa khẩu, cảng, đồn, hải đội, tiểu đoàn, đại đội và đơn vị tương đương thuộc bộ chỉ huy biên phòng tỉnh, thành phố.

3. Tổ chức cơ sở đảng ở các doanh nghiệp trong quân đội được thành lập ở công ty, nhà máy, xí nghiệp và tương đương

4. Số lượng cấp ủy viên của cấp ủy cơ sở đảng

- Đảng ủy cơ sở có từ 5 - 11 ủy viên. Những đảng ủy có 9 ủy viên trở lên được bầu ban thường vụ, số lượng ủy viên thường vụ không quá 1/3 số ủy viên cấp ủy cùng cấp. Đảng ủy cơ sở dưới 9 ủy viên bầu bí thư, phó bí thư.

- Đảng ủy trung đoàn, lữ đoàn đơn vị chiến đấu, hải đoàn biên phòng nếu có 7 ủy viên, do yêu cầu nhiệm vụ, xét thấy cần thiết thì đảng ủy cấp trên chỉ định bổ sung cấp ủy để đủ điều kiện bầu ban thường vụ.

- Đảng ủy quân sự huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh gồm các đồng chí ủy viên công tác trong đảng bộ quân sự địa phương do đại hội cùng cấp bầu và các đồng chí bí thư huyện, quận, thị, thành ủy và cấp ủy viên là chủ tịch ủy ban nhân dân được cấp ủy địa phương chỉ định tham gia.

Các đồng chí cấp ủy viên là bí thư cấp ủy, chủ tịch ủy ban nhân dân được ban thường vụ cấp ủy địa phương chỉ định tham gia đảng ủy quân sự thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của cấp ủy viên (trừ quyền ứng cử); thực hiện chế độ sinh hoạt theo quy chế làm việc của đảng ủy quân sự; tham gia đảng ủy quân sự từ khi được cấp ủy địa phương chỉ định và kết thúc khi thôi chức vụ bí thư cấp ủy và chủ tịch ủy ban nhân dân cùng cấp. Đảng ủy quân sự huyện, quận, thị xã, thành phố có số lượng từ 5 - 7 ủy viên (huyện có biên chế tiểu đoàn bộ đội địa phương đủ quân thì đảng ủy quân sự có số lượng từ 7 - 9 ủy viên); đồng chí bí thư cấp ủy địa phương trực tiếp làm bí thư đảng ủy quân sự.

- Đảng ủy cơ sở tiểu đoàn, đảng ủy bộ phận và tương đương có từ 5 - 7 ủy viên, bầu bí thư, phó bí thư.

- Chi bộ có 9 đảng viên chính thức trở lên bầu chi ủy, chi bộ dưới 9 đảng viên chính thức bầu bí thư, nếu cần bầu phó bí thư, chi bộ đồng đảng viên bầu không quá 7 chi ủy viên. Đại hội chi bộ bầu chi ủy, bầu bí thư, phó bí thư trong số chi ủy viên.

IV- Tổ chức đảng sinh hoạt tạm thời

- Khi có yêu cầu nhiệm vụ và đủ điều kiện như quy định của Điều lệ Đảng thì cấp ủy cấp trên ra quyết định thành lập tổ chức đảng sinh hoạt tạm thời và chỉ định cấp ủy lâm thời để lãnh đạo thực hiện các nhiệm vụ được giao.

- Ở các xã, phường, thị trấn khi có yêu cầu tổ chức lực lượng dân quân hoạt động tập trung, hoặc có đội công tác tăng cường cơ sở hoạt động thì lập chi bộ sinh hoạt tạm thời trong đơn vị dân quân tập trung và đội công tác tăng cường cơ sở.

- Sau khi hoàn thành nhiệm vụ, cấp ủy có thẩm quyền ra quyết định giải thể tổ chức đảng sinh hoạt tạm thời đó và báo cáo cấp ủy cấp trên.

B- CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA CÁC CẤP ỦY VÀ TỔ CHỨC CƠ SỞ ĐẢNG

I- Đảng ủy Quân sự Trung ương

1. Chức năng

Nghiên cứu, đề xuất để Ban Chấp hành Trung ương quyết định những vấn đề về đường lối, nhiệm vụ quân sự và quốc phòng; lãnh đạo mọi mặt trong quân đội.

2. Nhiệm vụ

- Nghiên cứu, đề xuất để Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư quyết định đường lối, nhiệm vụ quân sự, quốc phòng, kế hoạch phòng thủ đất nước, phương án tác chiến chiến lược; phương hướng, nhiệm vụ xây dựng, củng cố nền quốc phòng toàn dân, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân; xây dựng công nghiệp quốc phòng, xây dựng hậu phương chiến lược; công tác quân sự địa phương; ngân sách quốc phòng; phương hướng, chủ trương công tác đối ngoại quân sự; cơ chế Đảng lãnh đạo quân đội; những chủ trương lớn về công tác đảng, công tác chính trị; chế độ, chính sách của Đảng và Nhà nước đối với quân đội và dân quân tự vệ và những vấn đề khác mà Đảng ủy hoặc Thường vụ Đảng ủy Quân sự Trung ương đề nghị Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư xem xét, quyết định.

- Phối hợp và hướng dẫn các cấp ủy địa phương, đảng đoàn, ban cán sự đảng, các đảng ủy trực thuộc Trung ương thực hiện nghị quyết, chỉ thị của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư về nhiệm vụ quân sự, quốc phòng, xây dựng tiềm lực, thế trận quốc phòng toàn dân gắn với tiềm lực, thế trận an ninh nhân dân; xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên vững mạnh và thực hiện chính sách hậu phương quân đội.

- Lãnh đạo xây dựng Quân đội nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, lấy xây dựng về chính trị làm cơ sở, bảo đảm quân đội luôn trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức, tuyệt đối trung thành với Đảng, Tổ quốc và nhân dân, kiên định

mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, tuyệt đối phục tùng sự lãnh đạo của Đảng, nghiêm chỉnh chấp hành Hiến pháp, pháp luật của Nhà nước, kỷ luật của quân đội; đoàn kết thống nhất nội bộ, gắn bó mật thiết với nhân dân, có trình độ sẵn sàng chiến đấu và sức mạnh chiến đấu ngày càng cao, có năng lực chỉ huy và tác chiến thắng lợi trong mọi tình huống, là lực lượng nòng cốt cùng toàn dân bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, tham gia xây dựng đất nước.

- Xây dựng Đảng bộ Quân đội trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức; chấp hành và thực hiện nghiêm chỉnh nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách, tự phê bình, phê bình và các chế độ sinh hoạt của Đảng. Lãnh đạo công tác cán bộ và công tác bảo vệ an ninh trong quân đội.

- Lãnh đạo nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác đảng, công tác chính trị, giữ vững và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với quân đội.

- Lãnh đạo công tác kiểm tra, giám sát và thực hiện kiểm tra, giám sát đối với tổ chức đảng trực thuộc và đảng viên thuộc diện Đảng ủy Quân sự Trung ương quản lý; giải quyết các khiếu nại, tố cáo theo thẩm quyền.

- Lãnh đạo công tác bảo đảm hậu cần, kỹ thuật, tài chính; xây dựng công nghiệp quốc phòng từng bước đáp ứng yêu cầu xây dựng, chiến đấu của lực lượng vũ trang; chấp hành nghiêm quy định của Nhà nước về quản lý, sử dụng vũ khí, trang bị, tài chính, tài sản của quân đội; bảo đảm an toàn, chống tham nhũng, lãng phí.

- Lãnh đạo công tác tình báo quốc phòng.

- Lãnh đạo quân đội lao động, sản xuất, làm kinh tế theo đúng chức năng, nhiệm vụ, đúng đường lối, quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, đạt năng suất, chất lượng, hiệu quả cao.

- Lãnh đạo nhiệm vụ biên soạn lịch sử và truyền thống quân đội; phát triển khoa học nghệ thuật quân sự Việt Nam, khoa học công nghệ quân sự và khoa học xã hội nhân văn quân sự.

- Lãnh đạo công tác đối ngoại quân sự, công tác pháp chế trong quân đội đúng với quan điểm, đường lối, chủ trương của Đảng, Hiến pháp, pháp luật của Nhà nước.

- Triệu tập Đại hội Đảng bộ Quân đội; chuẩn bị tham gia Đại hội Đảng toàn quốc theo nghị quyết, chỉ thị của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

Trong khi thực hiện các nhiệm vụ nêu trên, các vấn đề sau đây nhất thiết phải do tập thể Đảng ủy Quân sự Trung ương quyết định:

- Chủ trương, chương trình, kế hoạch hành động triển khai tổ chức thực hiện nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc, nghị quyết Đại hội Đảng bộ Quân đội và các nghị quyết, chỉ thị của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư trong Đảng bộ Quân đội; chương trình công tác toàn khóa, quy chế làm việc, quy chế lãnh đạo của Đảng ủy Quân sự Trung ương, quy chế làm việc của Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy Quân sự Trung ương.

- Chủ trương, biện pháp xây dựng Quân đội nhân dân.

- Chủ trương tiến hành công tác đảng, công tác chính trị trong Quân đội nhân dân và dân quân tự vệ.

- Chủ trương lãnh đạo và quyết định những vấn đề về

công tác cán bộ trong quân đội theo quy định của Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

- Quyết định chủ trương về sử dụng ngân sách bảo đảm cho nhiệm vụ quân sự, quốc phòng, quốc phòng kết hợp với kinh tế, xây dựng nền công nghiệp quốc phòng.

- Phương hướng phát triển khoa học nghệ thuật quân sự Việt Nam, khoa học công nghệ quân sự và khoa học xã hội nhân văn quân sự.

3. Quyền hạn

- Quyết định thành lập, giải thể các tổ chức đảng cấp dưới trực tiếp.

- Chuẩn y kết quả bầu cử cấp ủy, ủy ban kiểm tra, chủ nhiệm, phó chủ nhiệm ủy ban kiểm tra, chỉ định bổ sung cấp ủy viên và ủy viên ủy ban kiểm tra đảng ủy cấp dưới trực tiếp.

- Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm chức vụ; thăng, giáng cấp quân hàm và cho nghỉ hưu đối với cán bộ thuộc diện Đảng ủy Quân sự Trung ương quản lý.

- Quyết định các hình thức khen thưởng, kỷ luật đối với tổ chức đảng, đảng viên theo Điều lệ Đảng, quy định của Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

- Về thẩm quyền xử lý đảng viên có vấn đề về đảng tịch: Việc thẩm tra, kết luận về đảng tịch của đảng viên, việc công nhận là đảng viên, khôi phục quyền đảng viên, xóa tên đảng viên hoặc cho nổi lại sinh hoạt đảng của đảng viên thực hiện theo phân cấp quản lý cán bộ.

- Những vấn đề khác do Ban Thường vụ đề nghị Đảng ủy Quân sự Trung ương xem xét, quyết định theo quy chế làm việc của Đảng ủy Quân sự Trung ương.

II- Cấp ủy các cấp

1. Chức năng

- Lãnh đạo mọi mặt các đơn vị thuộc quyền xây dựng tổ chức đảng trong sạch, vững mạnh, xây dựng đơn vị vững mạnh toàn diện.

- Nghiên cứu, đề xuất với cấp ủy cấp trên những vấn đề có liên quan đến việc thực hiện nhiệm vụ chính trị và công tác đảng, công tác chính trị.

2. Nhiệm vụ

- Nghiên cứu, đề xuất với cấp ủy cấp trên nội dung, biện pháp để thực hiện nghị quyết, chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, quân đội về nhiệm vụ quân sự, quốc phòng và những chủ trương về công tác đảng, công tác chính trị; việc thực hiện các chế độ, chính sách của Đảng và Nhà nước đối với lực lượng vũ trang.

- Lãnh đạo đơn vị chấp hành đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, Hiến pháp, pháp luật của Nhà nước, nghị quyết của đảng ủy, mệnh lệnh của cấp trên, nghị quyết đại hội đảng bộ cấp mình, thực hiện thắng lợi mọi nhiệm vụ được giao.

- Giáo dục và xây dựng đội ngũ cán bộ, chiến sĩ trong đơn vị có bản lĩnh chính trị vững vàng, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, nhất trí và tin tưởng vào đường lối, quan điểm của Đảng, phát huy bản chất cách mạng, truyền thống vẻ vang của dân tộc, của Đảng, của quân đội, của đơn vị; đấu tranh chống các quan điểm sai trái, tư tưởng cơ hội, thực dụng, chủ nghĩa cá nhân; phòng,

chống sự suy thoái về tư tưởng chính trị, phẩm chất đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên và quần chúng; nâng cao ý thức tổ chức kỷ luật, sẵn sàng nhận và hoàn thành mọi nhiệm vụ.

- Xây dựng các đảng bộ, chi bộ trong sạch, vững mạnh, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu; chấp hành nghiêm nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách, tự phê bình, phê bình và các chế độ sinh hoạt, giữ vững sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng. Lãnh đạo công tác cán bộ và công tác bảo vệ an ninh trong đơn vị.

- Lãnh đạo nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác đảng, công tác chính trị, giữ vững và tăng cường sự lãnh đạo của tổ chức đảng, hiệu lực của chế độ một người chỉ huy gắn với chế độ chính ủy, chính trị viên theo Nghị quyết 51-NQ/TW của Bộ Chính trị.

- Lãnh đạo công tác kiểm tra, giám sát; kiểm tra, giám sát các tổ chức đảng và đảng viên thuộc diện quản lý theo quy định của Điều lệ Đảng và hướng dẫn của cấp trên; giải quyết khiếu nại, tố cáo theo thẩm quyền.

- Lãnh đạo xây dựng cơ quan, đơn vị vững mạnh toàn diện; xây dựng hệ thống tổ chức chỉ huy, các tổ chức quần chúng và hội đồng quân nhân ở đơn vị cơ sở vững mạnh, hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ; xây dựng đoàn kết nội bộ, đoàn kết quân dân; thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở. Lãnh đạo công tác đối ngoại quân sự và công tác pháp chế trong đơn vị.

- Lãnh đạo công tác bảo đảm hậu cần, kỹ thuật, tài chính, sản xuất, kinh tế của đơn vị. Chấp hành nghiêm quy định của Nhà nước, quân đội về quản lý, sử dụng vũ

khí, trang bị, cơ sở vật chất hậu cần, kỹ thuật, tài chính, tài sản của đơn vị, bảo đảm an toàn, chống tham nhũng, lãng phí.

Trong khi thực hiện các nhiệm vụ nêu trên, các vấn đề sau đây nhất thiết phải do tập thể cấp ủy quyết định:

Các chủ trương, biện pháp lãnh đạo thực hiện nghị quyết, chỉ thị của cấp trên và lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị của đơn vị; những chủ trương về công tác đảng, công tác chính trị, công tác bảo đảm hậu cần, kỹ thuật, tài chính và lao động, sản xuất, làm kinh tế.

Do tính chất nhiệm vụ, các cấp ủy sau đây cần chú trọng lãnh đạo các nhiệm vụ có tính đặc thù:

+ Đảng ủy quân khu: Đิ đôi với trách nhiệm lãnh đạo các đơn vị thuộc quyền, còn có nhiệm vụ chỉ đạo, hướng dẫn các cấp ủy địa phương lãnh đạo xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận chiến tranh nhân dân gắn với thế trận an ninh nhân dân, công tác quân sự địa phương, xây dựng lực lượng vũ trang địa phương, thực hiện chính sách hậu phương quân đội; phối hợp với cấp ủy địa phương thực hiện đường lối, chính sách của Đảng trong quân khu.

+ Đảng ủy quân sự tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; đảng ủy quân sự huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh có nhiệm vụ: Đề xuất nội dung lãnh đạo và giúp cấp ủy địa phương chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra các cấp, các ngành thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, quân sự và chính sách hậu phương quân đội tại địa phương mình; lãnh đạo mọi mặt cơ quan quân sự cùng cấp và các đơn vị bộ đội địa phương thuộc quyền thực hiện thắng lợi mọi nhiệm vụ do cấp ủy địa phương và cấp trên giao cho.

+ Đảng ủy Bộ đội Biên phòng cùng với trách nhiệm lãnh đạo các đơn vị thuộc quyền, còn có nhiệm vụ nghiên cứu, đề xuất để Đảng ủy Quân sự Trung ương quyết định các chủ trương về công tác biên phòng và xây dựng bộ đội biên phòng, đồng thời lãnh đạo bộ đội biên phòng trong cả nước thực hiện các chủ trương trên.

+ Đảng ủy biên phòng tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương cùng với việc lãnh đạo mọi mặt các đơn vị thuộc quyền, còn có nhiệm vụ nghiên cứu, đề xuất với cấp ủy địa phương và Đảng ủy Bộ đội Biên phòng nội dung lãnh đạo về công tác biên phòng, đồng thời có trách nhiệm lãnh đạo các đơn vị bộ đội biên phòng tỉnh, thành phố chấp hành nghị quyết của Đảng ủy Bộ đội Biên phòng và nghị quyết của đảng ủy quân khu về kế hoạch tác chiến trong khu vực phòng thủ.

+ Đảng ủy đơn vị sản xuất quốc phòng và làm kinh tế có nhiệm vụ: Lãnh đạo đơn vị thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ; quán triệt và thực hiện quan điểm kết hợp kinh tế với quốc phòng, quốc phòng, an ninh với kinh tế, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ quân sự, quốc phòng trong mọi tình hình theo đúng đường lối, quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, quy định của quân đội; sản xuất, kinh doanh phát triển, đạt hiệu quả kinh tế - xã hội cao; góp phần cùng các doanh nghiệp nhà nước giữ vị trí then chốt trong nền kinh tế quốc dân.

+ Cấp ủy đảng trong các doanh nghiệp của quân đội liên doanh với nước ngoài có nhiệm vụ lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh đúng pháp luật, chính sách của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, bảo

đảm lợi ích hợp pháp của các bên trong doanh nghiệp, bảo vệ quyền lợi, nhân phẩm người lao động.

3. Quyền hạn

- Quyết định thành lập, giải thể đảng bộ, chi bộ cấp dưới trực tiếp.

- Chuẩn y kết quả bầu cử cấp ủy, ủy ban kiểm tra, chủ nhiệm, phó chủ nhiệm ủy ban kiểm tra và chỉ định bổ sung cấp ủy cấp dưới trực tiếp.

- Bổ nhiệm, bãi nhiệm, miễn nhiệm chức vụ; thăng hoặc giáng cấp quân hàm sĩ quan theo phân cấp quản lý.

- Quyết định hoặc ủy quyền cho đảng ủy cơ sở xem xét, quyết định kết nạp đảng viên và xét công nhận đảng viên chính thức.

- Thẩm tra, kết luận, xử lý về đảng tịch của đảng viên thực hiện theo phân cấp quản lý cán bộ, do đảng ủy hoặc thường vụ đảng ủy từ cấp sư đoàn và tương đương trở lên xem xét, quyết định.

- Khen thưởng, kỷ luật đối với đảng viên và tổ chức đảng; quản lý, sử dụng tài chính đảng theo Điều lệ Đảng và quy định của Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

Việc đề bạt, bổ nhiệm, điều động cán bộ, quyết định thôi phục vụ tại ngũ đối với cán bộ và xem xét kỷ luật đối với đảng viên thuộc đảng bộ quân sự địa phương, đảng bộ biên phòng tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương là sĩ quan theo phân cấp quản lý cần được bàn bạc, nhất trí giữa đảng ủy quân khu, Đảng ủy Bộ đội Biên phòng với tỉnh ủy, thành ủy trước khi quyết định. Trường hợp còn có ý kiến khác nhau thì báo cáo Đảng ủy Quân sự Trung ương, Ban

Bí thư, Bộ Chính trị xem xét, quyết định. Trường hợp khẩn cấp trong chiến đấu, việc điều động, bổ nhiệm cán bộ quân sự địa phương, cán bộ biên phòng tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện theo quyết định của cấp có thẩm quyền trong quân đội.

III- Tổ chức cơ sở đảng

1. Chức năng

- Tổ chức cơ sở đảng là hạt nhân chính trị lãnh đạo mọi mặt hoạt động trong đơn vị.

- Nghiên cứu, đề xuất với cấp ủy cấp trên những vấn đề có liên quan đến việc thực hiện nhiệm vụ chính trị và công tác đảng, công tác chính trị.

2. Nhiệm vụ

Các tổ chức cơ sở đảng trong quân đội thực hiện đầy đủ 5 nhiệm vụ đã ghi trong Điều lệ Đảng và các quy định của Ban Bí thư. Trong quá trình lãnh đạo thực hiện toàn diện các nhiệm vụ, cấp ủy cơ sở ở các loại hình sau đây cần chú trọng lãnh đạo nhiệm vụ có tính đặc thù:

- Tổ chức cơ sở đảng ở đơn vị chiến đấu: Lãnh đạo nâng cao chất lượng huấn luyện, trình độ sẵn sàng chiến đấu, sức mạnh chiến đấu, xây dựng chính quy, rèn luyện kỷ luật; xây dựng đơn vị vững mạnh toàn diện gắn với xây dựng đảng bộ trong sạch, vững mạnh; giữ gìn và sử dụng có hiệu quả vũ khí, trang bị, cơ sở vật chất hậu cần - kỹ thuật trong đơn vị. Tổ chức tốt đời sống vật chất, tinh thần cho bộ đội, bảo đảm đơn vị hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ trong mọi tình huống.

- Tổ chức cơ sở đảng ở cơ quan: Lãnh đạo quán triệt và chấp hành các quan điểm, đường lối chính trị, quân sự, chủ trương, chính sách, nghị quyết của Đảng, pháp luật của Nhà nước, chỉ thị, mệnh lệnh của cấp trên. Nâng cao chất lượng nghiên cứu, tham mưu đúng đường lối, chủ trương, quan điểm, nguyên tắc của Đảng; hướng dẫn, kiểm tra thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ của cơ quan; bồi dưỡng nâng cao kiến thức, năng lực, đổi mới phong cách và phương pháp công tác cho cán bộ, đảng viên.

- Tổ chức cơ sở đảng trong các học viện, nhà trường: Lãnh đạo thực hiện đổi mới nâng cao chất lượng dạy - học và nghiên cứu khoa học, tiếp tục hoàn thiện nội dung, giáo trình, chương trình, quy trình đào tạo; xây dựng tiềm lực vật chất, khoa học - kỹ thuật của nhà trường; xây dựng nhà trường chính quy, tiên tiến, mẫu mực.

- Tổ chức cơ sở đảng ở bệnh viện: Lãnh đạo quán triệt và thực hiện quan điểm kết hợp y học hiện đại với y học cổ truyền trong chẩn đoán, điều trị và nghiên cứu khoa học; không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; giáo dục, rèn luyện phẩm chất đạo đức, y đức, quan điểm, trách nhiệm của người thầy thuốc quân đội đối với bệnh nhân.

- Tổ chức cơ sở đảng ở các đơn vị nghiên cứu khoa học công nghệ: Lãnh đạo quán triệt và thực hiện đúng đường lối, quan điểm của Đảng về khoa học - công nghệ, nâng cao chất lượng, hiệu quả nghiên cứu, bám sát thực tiễn, phục vụ thiết thực cho nhiệm vụ xây dựng, huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu, góp phần vào sự phát triển của đất nước. Chấp hành nghiêm kỷ luật công tác, giữ gìn bí mật quân sự, bí mật quốc gia.

- Tổ chức cơ sở đảng ở đơn vị, cơ quan quản lý cơ sở vật chất kỹ thuật, tài chính: Lãnh đạo quán triệt và thực hiện quan điểm cần kiệm, liêm chính, ý thức tự lực, tự cường, chấp hành nghiêm chỉnh các chế độ quản lý, sử dụng, bảo quản trang bị kỹ thuật, vật tư, tài chính; kiên quyết đấu tranh chống mọi biểu hiện của quyền, lãng phí, tham ô, tham nhũng, hối lộ, làm thất thoát tài sản của Nhà nước, quân đội.

Trong khi thực hiện các nhiệm vụ nêu trên, những vấn đề thuộc về chủ trương, biện pháp lãnh đạo, nhất thiết phải do tập thể cấp ủy quyết định.

3. Quyền hạn

- Quyết định thành lập, giải thể đảng bộ, chi bộ trực thuộc và chi bộ thuộc đảng ủy bộ phận.

- Chuẩn y kết quả bầu cử cấp ủy, bí thư, phó bí thư đảng ủy bộ phận, chi bộ; chỉ định bổ sung cấp ủy viên thuộc đảng ủy bộ phận và chi ủy trực thuộc.

- Khen thưởng, kỷ luật đối với đảng viên, tổ chức đảng; quản lý, sử dụng tài chính đảng theo Điều lệ Đảng và các quy định của Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

- Đảng ủy trung đoàn, lữ đoàn, các đảng ủy cơ sở khác có trên 100 đảng viên được công nhận đạt trong sạch, vững mạnh và được cấp ủy cấp trên trực tiếp ủy quyền thì được quyền quyết định kết nạp đảng viên, cấp giấy chứng nhận học lớp nhận thức về Đảng, lớp bồi dưỡng đảng viên mới và thi hành kỷ luật khai trừ đảng viên nhưng không phải là cấp ủy viên cùng cấp và đảng viên là cán bộ thuộc diện cấp ủy cấp trên quản lý.

- Đảng ủy tiểu đoàn (đảng ủy bộ phận) và tương đương: Hướng dẫn, kiểm tra các chi bộ trực thuộc thực hiện nghị quyết, chủ trương của cấp trên và cấp mình; thẩm định nghị quyết và các văn bản đề nghị của chi bộ về kết nạp đảng, chuyển đảng chính thức, thi hành kỷ luật đảng viên, ra quyết nghị đề nghị đảng ủy cơ sở quyết định.

C- ĐẠI HỘI ĐẢNG CÁC CẤP VÀ NHIỆM KỲ CỦA CÁC CẤP ỦY ĐẢNG

- Đại hội đảng bộ, chi bộ từ cấp cơ sở trở lên, đảng bộ bộ phận do cấp ủy cùng cấp triệu tập 5 năm một lần; khi được cấp ủy cấp trên đồng ý, có thể triệu tập sớm hoặc muộn hơn, nhưng không quá 1 năm.

- Đại hội chi bộ trực thuộc đảng ủy cơ sở và chi bộ trực thuộc đảng ủy bộ phận do chi ủy triệu tập, nơi chưa có chi ủy do bí thư chi bộ triệu tập 5 năm hai lần; khi được đảng ủy cơ sở đồng ý có thể triệu tập sớm hoặc muộn hơn, nhưng không quá 6 tháng.

Đại hội đảng các cấp thảo luận văn kiện của cấp trên; đánh giá kết quả thực hiện nghị quyết nhiệm kỳ vừa qua, quyết định nhiệm vụ nhiệm kỳ tới; bầu cấp ủy, bầu đại biểu đi dự đại hội cấp trên (đại hội Đảng bộ Quân đội không bầu cấp ủy).

Đại hội bất thường của tổ chức đảng các cấp thực hiện theo Điều lệ Đảng và quy định của Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

Nhiệm kỳ của cấp ủy đảng ở cấp nào theo nhiệm kỳ đại hội của tổ chức đảng cấp đó.

D- CHẾ ĐỘ SINH HOẠT CỦA CẤP ỦY, ĐẢNG BỘ CƠ SỞ VÀ CHI BỘ

- Đảng ủy Quân sự Trung ương thường lệ 6 tháng họp một lần. Ban Thường vụ một tháng họp một lần.

- Đảng ủy quân khu thường lệ 6 tháng họp một lần, bàn và quyết nghị chủ trương lãnh đạo toàn diện các nhiệm vụ trong toàn quân khu. Những nội dung lãnh đạo nhiệm vụ cụ thể lực lượng vũ trang quân khu, giao cho ban thường vụ họp quyết định và báo cáo đảng ủy trong lần sinh hoạt định kỳ. Ban thường vụ một tháng họp một lần.

- Đảng ủy từ cấp trên trực tiếp cơ sở trở lên thường lệ 3 tháng họp một lần; ban thường vụ một tháng họp một lần.

- Đảng ủy cơ sở, đảng ủy bộ phận, chi ủy thường lệ một tháng họp một lần; ban thường vụ một tháng họp một lần.

- Khi cần thiết, các đảng ủy, ban thường vụ, chi ủy họp bất thường.

- Đảng bộ cơ sở họp thường lệ mỗi năm hai lần; họp bất thường khi cần. Chi bộ (kể cả chi bộ cơ sở) họp thường lệ mỗi tháng một lần; họp bất thường khi cần.

E- ỦY BAN KIỂM TRA CÁC CẤP

Ủy ban kiểm tra các cấp do cấp ủy cùng cấp bầu, gồm một số đồng chí trong cấp ủy và một số đồng chí ngoài cấp ủy. Chủ nhiệm ủy ban kiểm tra do đảng ủy bầu, phó chủ nhiệm ủy ban kiểm tra do ủy ban kiểm tra bầu trong số ủy viên ủy ban kiểm tra.

Chủ nhiệm, phó chủ nhiệm và các thành viên ủy ban kiểm tra cấp dưới phải được cấp ủy cấp trên trực tiếp

chuẩn y; nếu điều động chủ nhiệm, phó chủ nhiệm ủy ban kiểm tra sang công tác khác phải được cấp ủy cấp trên trực tiếp đồng ý. Nhiệm vụ và quyền hạn của ủy ban kiểm tra các cấp chấp hành theo đúng quy định của Điều lệ Đảng.

Ủy ban kiểm tra làm việc theo chế độ tập thể, dưới sự lãnh đạo của cấp ủy cùng cấp và sự chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra của ủy ban kiểm tra cấp trên.

Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn do Điều lệ Đảng quy định và hướng dẫn của Ủy ban Kiểm tra Trung ương, ủy ban kiểm tra các cấp có quyền yêu cầu tổ chức đảng cấp dưới, các đơn vị, cơ quan, đảng viên, cán bộ, chiến sĩ cung cấp tình hình và những tài liệu có liên quan đến nội dung kiểm tra, giám sát.

Ủy ban kiểm tra đảng ủy quân khu, Đảng ủy Bộ đội Biên phòng chủ trì phối hợp với ủy ban kiểm tra tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương trong địa bàn quân khu và nơi có bộ đội biên phòng có quy chế phối hợp để kiểm tra, giám sát đảng viên và tổ chức đảng trong đảng bộ quân sự địa phương và đảng bộ biên phòng tỉnh, thành phố theo quy định của Điều lệ Đảng.

Ủy ban kiểm tra đảng ủy quân sự tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chủ trì, phối hợp với ủy ban kiểm tra huyện, quận, thị, thành ủy xây dựng quy chế phối hợp và tham mưu để đảng ủy quân sự tỉnh, thành phố kiểm tra, giám sát đảng viên và tổ chức đảng trong đảng bộ quân sự huyện theo Điều 30 Điều lệ Đảng. Khi thực hiện kiểm tra, giám sát theo Điều 32 Điều lệ Đảng thì ủy ban kiểm tra huyện, thị ủy chủ trì, phối hợp với ủy ban kiểm tra đảng ủy quân sự tỉnh, thành phố để kết luận và xử lý theo thẩm quyền.

F- CÁC MỐI QUAN HỆ CỦA CẤP ỦY ĐẢNG

I- Quan hệ giữa cấp ủy, bí thư cấp ủy với người chỉ huy và chính ủy, chính trị viên

1. Quan hệ giữa cấp ủy với người chỉ huy đơn vị (kể cả tổng giám đốc, giám đốc) và chính ủy, chính trị viên là mối quan hệ giữa lãnh đạo với phục tùng sự lãnh đạo.

- Người chỉ huy và chính ủy, chính trị viên phải phục tùng sự lãnh đạo của cấp ủy về mọi mặt, kịp thời báo cáo tình hình đơn vị và mọi nhiệm vụ được cấp trên giao; đề xuất chủ trương lãnh đạo, biện pháp thực hiện để cấp ủy thảo luận, quyết định và có trách nhiệm tổ chức thực hiện nghiêm chỉnh nghị quyết theo chức trách.

Đối với nhiệm vụ chiến đấu, người chỉ huy báo cáo với cấp ủy nhiệm vụ cấp trên giao, quyết tâm chiến đấu, đề xuất chủ trương, biện pháp lãnh đạo để cấp ủy thảo luận, quyết định. Trường hợp nhận nhiệm vụ chiến đấu khẩn cấp hoặc có tình huống diễn biến ngoài dự kiến, không có điều kiện họp cấp ủy hoặc thường vụ thì người chỉ huy phải chủ động trao đổi với bí thư, chính ủy, chính trị viên, quyết đoán xử trí kịp thời để hoàn thành nhiệm vụ, sau đó báo cáo và chịu trách nhiệm với cấp ủy cấp mình và cấp trên.

- Các đơn vị sản xuất quốc phòng làm kinh tế, định kỳ hàng tháng, quý, năm, tổng giám đốc, giám đốc phải báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất quốc phòng, kinh tế của kỳ trước, dự kiến kế hoạch kỳ sau để cấp ủy thảo luận, quyết định. Tổng giám đốc, giám đốc phải thực hiện nghiêm chỉnh nghị quyết và chịu sự kiểm tra về mọi mặt

của cấp ủy, đồng thời chịu trách nhiệm trước cấp ủy, trước pháp luật, trước cấp trên về các quyết định của mình.

- Cấp ủy đảng ở cơ quan, viện nghiên cứu có trách nhiệm lãnh đạo, kiểm tra mọi hoạt động của người đứng đầu cơ quan, nhất là trong chỉ đạo, quản lý, điều hành công tác chuyên môn theo đúng đường lối, quan điểm, nguyên tắc, nghị quyết, chủ trương, chính sách của Đảng, Hiến pháp và pháp luật của Nhà nước, chỉ thị, mệnh lệnh của cấp trên. Người đứng đầu cơ quan có trách nhiệm báo cáo để cấp ủy thảo luận, quyết định chủ trương, biện pháp lãnh đạo về công tác chuyên môn, đồng thời thực hiện nghiêm chỉnh nghị quyết và chịu sự kiểm tra về mọi mặt của cấp ủy, chịu trách nhiệm trước cấp ủy và cấp trên về kết quả thực hiện nhiệm vụ chuyên môn.

2. Quan hệ giữa bí thư cấp ủy (phó bí thư thường trực đảng ủy quân sự địa phương) với người chỉ huy đơn vị, tổng giám đốc, giám đốc là quan hệ phối hợp công tác.

Bí thư cấp ủy (phó bí thư thường trực đảng ủy quân sự địa phương) và người chỉ huy, tổng giám đốc, giám đốc phải kịp thời thông báo và trao đổi cho nhau biết các nghị quyết, chỉ thị và mệnh lệnh của cấp trên, thống nhất đánh giá tình hình, đề xuất chủ trương, biện pháp lãnh đạo, báo cáo cấp ủy hoặc ban thường vụ quyết định; xây dựng kế hoạch thực hiện nghị quyết và kiểm tra các tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị thực hiện. Trường hợp có ý kiến khác nhau, phải cùng nhau trao đổi để nhất trí, nếu đã trao đổi kỹ mà chưa nhất trí, phải kịp thời đưa ra đảng ủy hoặc thường vụ đảng ủy thảo luận, quyết định. Trường hợp khẩn cấp (trong chiến đấu, phòng chống thiên tai, cứu hộ, cứu nạn)

không họp được cấp ủy (thường vụ) hoặc có tình huống phát sinh ngoài thường án, người chỉ huy và bí thư, phó bí thư thường trực đảng ủy quân sự địa phương (chính ủy, chính trị viên) bàn bạc, thống nhất để quyết định, chịu trách nhiệm trước cấp trên và cấp ủy cấp mình về các quyết định đó; khi đã trao đổi kỹ mà có vấn đề chưa thống nhất, người chỉ huy được quyền quyết định để hoàn thành nhiệm vụ, sau đó phải báo cáo và chịu trách nhiệm trước cấp trên và cấp ủy cấp mình về các quyết định đó.

II- Quan hệ giữa cấp ủy đảng trong quân đội với cấp ủy đảng và chính quyền địa phương

1. Quan hệ giữa đảng ủy quân khu với tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương trên địa bàn quân khu là mối quan hệ phối hợp.

- Đảng ủy quân khu có trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn cấp ủy địa phương xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận chiến tranh nhân dân, công tác quân sự địa phương, xây dựng lực lượng vũ trang địa phương, chấp hành chính sách hậu phương quân đội; phối hợp với tỉnh ủy, thành ủy thực hiện đường lối, chính sách của Đảng trong quân khu.

- Tỉnh ủy, thành ủy có trách nhiệm lãnh đạo địa phương thực hiện nghị quyết của đảng ủy quân khu về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận chiến tranh nhân dân, công tác quân sự địa phương và chấp hành chính sách hậu phương quân đội; lãnh đạo đảng ủy, bộ chỉ huy quân sự tỉnh, thành phố chấp hành nghị quyết, chỉ thị của đảng ủy, mệnh lệnh của tư lệnh quân khu về nhiệm vụ quốc phòng và công tác quân sự địa phương; phối hợp với cục

chính trị quân khu chỉ đạo, hướng dẫn công tác đảng, công tác chính trị, công tác quần chúng trong lực lượng vũ trang địa phương và công tác quân sự địa phương.

2. Quan hệ giữa đảng ủy quân sự tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương với huyện ủy, quận ủy, thị ủy, thành ủy thuộc tỉnh (gọi chung là huyện ủy) là mối quan hệ phối hợp để thực hiện nhiệm vụ quân sự, quốc phòng và chính sách hậu phương quân đội.

- Đảng ủy quân sự tỉnh, thành phố: Lãnh đạo bộ chỉ huy quân sự tham mưu cho tỉnh ủy, thành ủy chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra huyện ủy lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, quân sự và chính sách hậu phương quân đội. Chủ động trao đổi, thông báo với huyện ủy tình hình nhiệm vụ công tác quốc phòng, quân sự địa phương và các chỉ thị, nghị quyết của cấp trên về lĩnh vực quốc phòng, quân sự. Phối hợp với huyện ủy chỉ đạo ban chỉ huy quân sự, đơn vị bộ đội địa phương huyện thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, quân sự; xây dựng đảng bộ quân sự huyện trong sạch, vững mạnh, xây dựng ban chỉ huy quân sự và đơn vị bộ đội địa phương huyện vững mạnh toàn diện.

- Huyện ủy: Thực hiện sự hướng dẫn, kiểm tra của đảng ủy quân sự tỉnh, thành phố về công tác quân sự, quốc phòng địa phương; tham gia ý kiến với đảng ủy quân sự tỉnh, thành phố về chủ trương, phương hướng, nhiệm vụ quân sự, quốc phòng và chính sách hậu phương quân đội. Trao đổi thống nhất với ban thường vụ đảng ủy quân sự tỉnh, thành phố trước khi quyết định về củng cố, kiện toàn cấp ủy và chuẩn bị nhân sự đại hội đảng bộ quân sự huyện. Lãnh đạo đảng ủy, ban chỉ huy quân sự huyện chấp hành nghị quyết,

chỉ thị của đảng ủy, mệnh lệnh của người chỉ huy quân sự cấp trên về công tác quốc phòng, quân sự địa phương. Phối hợp với phòng chính trị bộ chỉ huy quân sự tỉnh, thành phố chỉ đạo công tác đảng, công tác chính trị, công tác quần chúng trong lực lượng vũ trang địa phương.

3. Quan hệ giữa đảng ủy quân sự huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (gọi chung là đảng ủy quân sự huyện) với đảng ủy xã, phường, thị trấn (gọi chung là đảng ủy xã) là mối quan hệ phối hợp.

- Đảng ủy quân sự huyện: Lãnh đạo ban chỉ huy quân sự tham mưu cho huyện ủy chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra đảng ủy xã lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, quân sự và chính sách hậu phương quân đội. Chủ động trao đổi với đảng ủy xã tình hình, nhiệm vụ công tác quân sự, quốc phòng của địa phương; phối hợp với đảng ủy xã chỉ đạo kiện toàn ban chỉ huy quân sự xã, xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên và công tác đảng ở nơi lập chi bộ sinh hoạt tạm thời trong lực lượng dân quân tự vệ và lực lượng dự bị động viên.

- Đảng ủy xã: Thực hiện hướng dẫn, kiểm tra của đảng ủy quân sự huyện về công tác quân sự, quốc phòng và chính sách hậu phương quân đội ở địa phương. Chủ động trao đổi, thông báo với đảng ủy quân sự huyện tình hình, kết quả thực hiện nhiệm vụ quân sự, quốc phòng; tham gia ý kiến với đảng ủy quân sự huyện về chủ trương, phương hướng, nhiệm vụ quốc phòng, quân sự địa phương. Phối hợp với ban chính trị, ban chỉ huy quân sự huyện chỉ đạo, hướng dẫn công tác chính trị trong lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên và chỉ đạo, hướng dẫn công

tác đảng ở những nơi lập chi bộ sinh hoạt tạm thời trong lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên.

4. Quan hệ giữa Đảng ủy Bộ đội Biên phòng với tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương (nơi có bộ đội biên phòng) là quan hệ phối hợp để thực hiện nhiệm vụ xây dựng, quản lý, bảo vệ chủ quyền, an ninh biên giới; xây dựng nền biên phòng toàn dân và xây dựng bộ đội biên phòng ở địa phương vững mạnh về mọi mặt.

- Đảng ủy Bộ đội Biên phòng chủ động trao đổi, thông báo với tỉnh ủy, thành ủy về tình hình biên giới và các chủ trương, nội dung, biện pháp thực hiện nhiệm vụ quản lý, bảo vệ chủ quyền an ninh biên giới quốc gia. Phối hợp với các tỉnh ủy, thành ủy lãnh đạo bộ đội biên phòng tỉnh, thành phố thực hiện nhiệm vụ biên phòng; xây dựng nền biên phòng toàn dân ở địa phương vững mạnh, xây dựng bộ đội biên phòng tỉnh, thành phố vững mạnh về mọi mặt.

- Tỉnh ủy, thành ủy có trách nhiệm lãnh đạo đảng bộ và nhân dân địa phương thực hiện các nghị quyết, chỉ thị và các quy định của Đảng, Nhà nước và quân đội về công tác biên phòng; lãnh đạo đảng ủy, bộ chỉ huy bộ đội biên phòng tỉnh, thành phố chấp hành nghị quyết, chỉ thị của đảng ủy, mệnh lệnh của Tư lệnh Bộ đội Biên phòng về công tác biên phòng và nghị quyết, chỉ thị của tư lệnh quân khu về xây dựng và tác chiến trong khu vực phòng thủ; phối hợp với Cục Chính trị Bộ đội Biên phòng để chỉ đạo, hướng dẫn công tác đảng, công tác chính trị và công tác quần chúng đối với lực lượng bộ đội biên phòng tỉnh, thành phố.

5. Quan hệ giữa đảng ủy biên phòng tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương với huyện, quận, thị, thành ủy thuộc

tỉnh nơi có bộ đội biên phòng làm nhiệm vụ là quan hệ phối hợp để thực hiện nghị quyết, chủ trương của tỉnh ủy, thành ủy và Đảng ủy Bộ đội Biên phòng về xây dựng, quản lý, bảo vệ chủ quyền an ninh biên giới trên bộ, trên biển và xây dựng nền biên phòng toàn dân ở địa phương vững mạnh, xây dựng bộ đội biên phòng vững mạnh về mọi mặt.

- Đảng ủy biên phòng tỉnh, thành phố phải thường xuyên thông báo, trao đổi với huyện, quận, thị, thành ủy thuộc tỉnh về thực hiện nhiệm vụ biên phòng và diễn biến tình hình biên giới có liên quan; thống nhất với huyện, quận, thị, thành ủy các chủ trương, biện pháp kết hợp giữa nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội với nhiệm vụ bảo vệ chủ quyền an ninh biên giới ở địa phương.

- Các huyện, quận, thị, thành ủy thuộc tỉnh lãnh đạo địa phương chấp hành nghiêm chỉnh các chủ trương, quy định của Đảng, Nhà nước, quân đội về an ninh biên giới, tham gia thực hiện nhiệm vụ xây dựng, quản lý, bảo vệ chủ quyền an ninh biên giới quốc gia, giúp đỡ, tạo điều kiện cho bộ đội biên phòng hoàn thành nhiệm vụ; thường xuyên thông báo với đảng ủy biên phòng tỉnh và đơn vị bộ đội biên phòng làm nhiệm vụ ở địa phương tình hình phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh trên địa bàn.

6. Quan hệ giữa cấp ủy đồn biên phòng với huyện ủy nơi có đồn biên phòng.

- Cấp ủy đồn biên phòng: Thường xuyên phản ánh với huyện ủy tình hình khu vực biên giới đơn vị phụ trách; các chủ trương, đổi mới về công tác biên phòng. Chấp hành sự chỉ đạo của huyện ủy về các vấn đề có liên quan đến công tác vận động quần chúng, đổi ngoại nhân dân, chính sách

dân tộc, tôn giáo. Nghiên cứu, đề xuất và tích cực tham gia xây dựng cơ sở chính trị, quốc phòng, an ninh, phát triển kinh tế - xã hội, xóa đói, giảm nghèo ở địa phương.

- Huyện ủy: Thường xuyên thông báo với cấp ủy và chỉ huy đồn biên phòng các chủ trương phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng quốc phòng, an ninh ở các xã, phường, thị trấn biên giới. Lãnh đạo các ban, ngành, đoàn thể và nhân dân địa phương phối hợp, giúp đỡ các đồn biên phòng thực hiện nhiệm vụ.

7. Quan hệ giữa cấp ủy các đơn vị với cấp ủy, chính quyền địa phương.

Các đơn vị đến làm nhiệm vụ ở địa phương nào thì cấp ủy và người chỉ huy đơn vị đó có trách nhiệm thông báo tình hình và nhiệm vụ có liên quan với cấp ủy, chính quyền địa phương, cùng người chỉ huy quân sự địa phương thống nhất kế hoạch, hiệp đồng tổ chức phòng thủ tác chiến theo sự chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền địa phương và của cấp trên.

Khi chuyển đi nơi khác, cần thông báo với cấp ủy, chính quyền và người chỉ huy quân sự địa phương biết.

Trong trường hợp đặc biệt hoặc đơn vị làm nhiệm vụ lâu dài trên địa bàn tỉnh, thành phố, huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, khi thấy cần thiết thì cấp ủy cấp trên trực tiếp bàn bạc, thống nhất với cấp ủy địa phương để nghị cấp ủy cấp trên có thể chỉ định một số đồng chí đảng viên là cán bộ chủ trì đơn vị tham gia vào cấp ủy địa phương để phối hợp lãnh đạo thực hiện công tác quốc phòng, quân sự trên địa bàn.

III- Quan hệ giữa đảng ủy khu, đảng ủy quân sự tỉnh, thành phố và cấp ủy các đơn vị chủ lực với các cấp ủy đảng trong bộ đội biên phòng

1. Quan hệ giữa đảng ủy khu với Đảng ủy Bộ đội Biên phòng

Là mối quan hệ phối hợp để lãnh đạo, chỉ đạo lực lượng vũ trang quân khu và bộ đội biên phòng tỉnh, thành phố thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ đã được xác định và những vấn đề có liên quan đến xây dựng nền quốc phòng toàn dân, công tác biên phòng, công tác quân sự địa phương và xây dựng tác chiến trong khu vực phòng thủ trên địa bàn quân khu.

- Đảng ủy khu: Định kỳ 6 tháng, 1 năm và khi có tình huống đột xuất, kịp thời thông báo với Đảng ủy Bộ đội Biên phòng tình hình, nhiệm vụ công tác quân sự địa phương và tình hình có liên quan đến hoạt động xây dựng, quản lý, bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, an ninh biên giới. Thống nhất với Đảng ủy Bộ đội Biên phòng về bố trí, sử dụng lực lượng bộ đội biên phòng trong khu vực phòng thủ. Lãnh đạo, chỉ đạo đảng ủy quân sự tỉnh, thành phố và các lực lượng của quân khu làm nhiệm vụ ở khu vực biên giới, biển, đảo chấp hành nghiêm Quy chế Biên giới của Chính phủ và tham gia công tác biên phòng theo hướng dẫn của Bộ đội Biên phòng.

- Đảng ủy Bộ đội Biên phòng: Định kỳ 6 tháng, 1 năm và khi có tình huống đột xuất, kịp thời thông báo với đảng ủy quân khu tình hình trên các tuyến biên giới, các chủ trương, đối sách của Đảng, Nhà nước, Bộ Quốc phòng về nhiệm vụ xây dựng, quản lý, bảo vệ chủ quyền, an ninh biên giới. Lãnh

đạo, chỉ đạo bộ đội biên phòng tỉnh, thành phố thực hiện các nhiệm vụ phòng thủ, tác chiến.

2. Quan hệ giữa đảng ủy quân khu với đảng ủy biên phòng tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

- Đảng ủy quân khu chỉ đạo đảng ủy biên phòng tỉnh, thành phố lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ phòng thủ, tác chiến, xây dựng nền quốc phòng toàn dân vững mạnh trên địa bàn quân khu.

- Đảng ủy biên phòng tỉnh, thành phố lãnh đạo đơn vị chấp hành nghị quyết, chỉ thị của đảng ủy, mệnh lệnh của tư lệnh quân khu về kế hoạch phòng thủ, tác chiến trên địa bàn và thực hiện nhiệm vụ chiến đấu khi xảy ra xung đột vũ trang hoặc chiến tranh xâm lược.

3. Quan hệ giữa đảng ủy quân sự tỉnh, thành phố và cấp ủy các đơn vị chủ lực với đảng ủy biên phòng tỉnh, thành phố là mối quan hệ phối hợp công tác

- Đảng ủy quân sự tỉnh, thành phố: Định kỳ hằng tháng và khi có tình huống đột xuất, kịp thời thông báo với đảng ủy biên phòng tỉnh, thành phố về kế hoạch công tác quân sự có liên quan đến bộ đội biên phòng; thống nhất với đảng ủy biên phòng tỉnh, thành phố về chủ trương, kế hoạch bố trí, sử dụng lực lượng bộ đội biên phòng trong khu vực phòng thủ.

- Đảng ủy biên phòng tỉnh, thành phố: Định kỳ hằng tháng và khi có tình huống đột xuất, kịp thời thông báo với đảng ủy quân sự tỉnh, thành phố về chủ trương, đổi mới, nhiệm vụ công tác biên phòng, tình hình khu vực biên giới, biển, đảo và bố trí lực lượng bộ đội biên phòng trên địa bàn.

Lãnh đạo các đơn vị thuộc quyền thực hiện nhiệm vụ xây dựng nền quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân; chịu sự chỉ huy, chỉ đạo của chỉ huy trưởng quân sự tỉnh, thành phố, vùng hải quân về xây dựng kế hoạch phòng thủ, hiệp đồng chiến đấu và chiến đấu khi xảy ra xung đột vũ trang hoặc chiến tranh xâm lược.

- Cấp ủy đơn vị chủ lực và các lực lượng có liên quan làm nhiệm vụ ở khu vực biên giới, biển, đảo có trách nhiệm lãnh đạo đơn vị chấp hành nghiêm chỉnh Quy chế Biên giới của Chính phủ, đồng thời có trách nhiệm tham gia công tác biên phòng theo hướng dẫn của Bộ đội Biên phòng và sẵn sàng chi viện khi có tình huống xảy ra theo yêu cầu của Bộ đội Biên phòng.

IV- Quan hệ giữa cấp ủy đảng cơ sở với tổ chức quần chúng

Các tổ chức quần chúng trong quân đội được tổ chức ở đơn vị cơ sở, đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp về mọi mặt của cấp ủy đảng cơ sở; sự chỉ đạo, hướng dẫn của cơ quan chính trị cùng cấp và cơ quan chính trị cấp trên. Các cấp ủy đảng có trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng các tổ chức quần chúng trong đơn vị vững mạnh, quan tâm, tạo điều kiện cho các tổ chức quần chúng hoạt động có hiệu quả; chăm lo sự tiến bộ, trưởng thành và bảo vệ lợi ích hợp pháp, chính đáng của quần chúng. Các tổ chức quần chúng phải quán triệt và thực hiện nghiêm chỉnh nghị quyết của cấp ủy theo chức năng, nhiệm vụ của tổ chức mình.

*

* * *

Căn cứ vào Quy định này, các ban của Ban Chấp hành Trung ương Đảng phối hợp với Ban Thường vụ Đảng ủy Quân sự Trung ương hướng dẫn tổ chức thực hiện.

Quy định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành và thay thế Quy định số 74-QĐ/TW, ngày 7-5-2003 của Bộ Chính trị (khoá IX).

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
TRƯỜNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO

KẾT LUẬN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 112-TB/TW, ngày 20 tháng 11 năm 2007

Tổng kết 5 năm thực hiện

**Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 (khóa IX)
về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao
hiệu quả kinh tế tập thể**

Tại phiên họp ngày 1-11-2007, sau khi nghe Báo cáo của Ban Chỉ đạo của Ban Bí thư tổng kết tình hình thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 (khóa IX) về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể, ý kiến của các bộ, ngành liên quan, Bộ Chính trị đã thảo luận và kết luận:

Báo cáo tổng kết 5 năm thực hiện Nghị quyết 13-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 5 (khóa IX) về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả của kinh tế tập thể đã được chuẩn bị công phu, đánh giá sát, đúng thực trạng kinh tế tập thể, đề ra được một số giải pháp cần thiết để tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5, đẩy mạnh việc đổi mới, phát triển kinh tế tập thể trong thời gian tới. Bộ Chính trị cơ bản tán thành nội dung Báo cáo, đồng thời lưu ý và nhấn mạnh một số vấn đề sau:

1. Sau 5 năm thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 (khóa IX), tình hình kinh tế tập thể có chuyển biến tích cực. Kinh tế tập thể tiếp tục phát triển rộng khắp trong các lĩnh vực nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, xây dựng, vận tải, thương mại, tín dụng..., hình thức tổ hợp tác phát triển mạnh, có thêm nhiều loại hình hợp tác xã mới, nhân tố mới, mô hình làm ăn có hiệu quả.

Tuy nhiên, so với nhiệm vụ, mục tiêu mà Nghị quyết đặt ra, khu vực kinh tế tập thể còn nhiều yếu kém, tốc độ tăng trưởng thấp (thấp hơn tốc độ tăng trưởng chung của nền kinh tế), không ổn định, do đó, tỷ trọng của kinh tế tập thể trong GDP của cả nước giảm xuống; quy mô của các tổ hợp tác, hợp tác xã nhỏ, trình độ công nghệ lạc hậu, trình độ năng lực của đội ngũ cán bộ quản lý yếu, hiệu quả hoạt động thấp, một số hợp tác xã tồn tại chỉ có tính hình thức. Lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng, chính quyền nhiều nơi còn lúng túng, chưa thực sự quan tâm đến việc phát triển kinh tế tập thể.

2. Bám sát tinh thần Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 (khóa IX), Báo cáo cần tổng kết, phân tích sâu thêm các loại hình, mô hình hợp tác xã, tổ hợp tác phong phú, đa dạng trong các lĩnh vực nông - lâm - ngư nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, xây dựng, vận tải, thương mại, tín dụng..., những hợp tác xã chuyển đổi, hợp tác xã mới thành lập, cả về mặt kinh tế, cả về mặt xã hội..., nêu rõ những thuận lợi, khó khăn, mặt được, mặt chưa được, nhân tố mới và nguyên nhân của tình hình này.

3. Đồng ý sau khi hoàn chỉnh Báo cáo tổng kết theo ý kiến của Bộ Chính trị, Ban Bí thư chỉ đạo tổ chức Hội nghị tổng kết 5 năm thực hiện Nghị quyết 13-NQ/TW về tiếp tục

đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể vào tháng 12-2007. Sau Hội nghị tổng kết, Ban Bí thư ra chỉ thị về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết 13-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 5 (khóa IX), Quốc hội, Chính phủ nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung luật pháp, cơ chế, chính sách cần thiết để tiếp tục thực hiện thắng lợi Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 (khóa IX) và Nghị quyết Đại hội X của Đảng về đổi mới, phát triển, nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
TRƯỞNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**QUYẾT ĐỊNH
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ**

Số 106-QĐ/TW, ngày 21 tháng 11 năm 2007

**Về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của
cơ quan Ủy ban Kiểm tra Trung ương**

- Căn cứ Điều lệ Đảng, Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng;
- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư và Quy chế làm việc của Ủy ban Kiểm tra Trung ương khóa X;
- Căn cứ Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương (khóa X) về đổi mới, kiện toàn tổ chức bộ máy các cơ quan đảng, định hướng về đổi mới tổ chức bộ máy nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội,

BỘ CHÍNH TRỊ QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chức năng của cơ quan Ủy ban Kiểm tra Trung ương

Cơ quan Ủy ban Kiểm tra Trung ương là cơ quan tham mưu, giúp Ủy ban Kiểm tra Trung ương thực hiện các nhiệm

vụ, quyền hạn về công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật trong Đảng theo quy định của Điều lệ Đảng và thực hiện các nhiệm vụ do Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư giao; đồng thời là cơ quan chuyên môn, nghiệp vụ về công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật trong Đảng của Trung ương.

Điều 2. Nhiệm vụ của cơ quan Ủy ban Kiểm tra Trung ương

Cơ quan Ủy ban Kiểm tra Trung ương tham mưu, giúp Ủy ban Kiểm tra Trung ương thực hiện các nhiệm vụ sau:

1. Tổ chức thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban Kiểm tra Trung ương được quy định trong Điều lệ Đảng và nhiệm vụ do Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư giao; thực hiện chương trình, kế hoạch công tác do Ủy ban Kiểm tra Trung ương quyết định.

2. Phối hợp với các ban đảng Trung ương, giúp Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư xây dựng phương hướng, nhiệm vụ, chương trình, kế hoạch kiểm tra, giám sát tổ chức đảng cấp dưới và đảng viên chấp hành Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, nghị quyết, chỉ thị của Đảng (theo Điều 30 Điều lệ Đảng) và giúp Bộ Chính trị, Ban Bí thư tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch này.

3. Hướng dẫn và kiểm tra, giám sát các cấp ủy, tổ chức đảng và đảng viên thực hiện công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật trong Đảng; đồng thời chỉ đạo, hướng dẫn nghiệp vụ đối với ủy ban kiểm tra và cơ quan ủy ban kiểm tra cấp dưới.

4. Đề xuất ý kiến đóng góp vào sự lãnh đạo, chỉ đạo chung của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí

thư đối với công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật trong Đảng.

5. Thẩm định các đề án của các cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội về những nội dung liên quan đến công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật trong Đảng; phối hợp với Văn phòng Trung ương Đảng (là cơ quan chủ trì), Ban Tổ chức Trung ương và các cơ quan liên quan giúp Ban Chấp hành Trung ương theo dõi, giám sát việc thực hiện Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư.

6. Thực hiện hợp tác quốc tế theo quy định của Trung ương.

7. Phối hợp với Ban Tổ chức Trung ương trong công tác cán bộ theo phân cấp quản lý; hướng dẫn về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của cơ quan Ủy ban Kiểm tra tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương.

8. Tuyên truyền, nghiên cứu, sơ kết, tổng kết về công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật trong Đảng; tham gia tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cán bộ kiểm tra.

Điều 3. Tổ chức bộ máy của cơ quan Ủy ban Kiểm tra Trung ương

1. Lãnh đạo cơ quan Ủy ban Kiểm tra Trung ương

- Lãnh đạo cơ quan Ủy ban Kiểm tra Trung ương gồm Chủ nhiệm và các Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương.

- Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương là thủ trưởng cơ quan Ủy ban Kiểm tra Trung ương; các Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương là phó thủ trưởng cơ quan Ủy ban Kiểm tra Trung ương; trong đó phân công một đồng chí Phó Chủ

nhiệm thường trực Ủy ban Kiểm tra Trung ương là phó thủ trưởng thường trực cơ quan Ủy ban Kiểm tra Trung ương.

2. Cơ cấu tổ chức bộ máy của cơ quan Ủy ban Kiểm tra Trung ương gồm các vụ, đơn vị sau đây:

- 1- Vụ Trung ương I (gọi tắt là Vụ I)
- 2- Vụ Trung ương IA (gọi tắt là Vụ IA)
- 3- Vụ Địa phương II (gọi tắt là Vụ II)
- 4- Vụ Địa phương III (gọi tắt là Vụ III)
- 5- Vụ Địa phương V (gọi tắt là Vụ V)
- 6- Vụ Địa phương VII (gọi tắt là Vụ VII)
- 7- Vụ Kiểm tra tài chính
- 8- Vụ Nghiên cứu
- 9- Vụ Tổng hợp
- 10- Vụ Tổ chức - Cán bộ
- 11- Tạp chí Kiểm tra
- 12- Văn phòng.

3. Về biên chế

- Biên chế của cơ quan Ủy ban Kiểm tra Trung ương do Bộ Chính trị quyết định trên cơ sở đề xuất của Ủy ban Kiểm tra Trung ương và Ban Tổ chức Trung ương.

- Ngoài số biên chế quy định, khi cần thiết, cơ quan Ủy ban Kiểm tra Trung ương được trưng tập một số cán bộ phục vụ công tác nghiên cứu và thực hiện nhiệm vụ công tác kiểm tra, giám sát trong Đảng.

Điều 4. Quy chế làm việc

Căn cứ Quy chế làm việc của Ủy ban Kiểm tra Trung ương khóa X và chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của cơ quan Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Ủy ban Kiểm tra Trung

ương ban hành quy chế làm việc của cơ quan Ủy ban Kiểm tra Trung ương.

Điều 5. Điều khoản thi hành

- Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.
- Ủy ban Kiểm tra Trung ương, cơ quan Ủy ban Kiểm tra Trung ương, các tỉnh ủy, thành ủy, các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc Trung ương có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

TRƯỞNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUYẾT ĐỊNH
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ
Số 107-QĐ/TW, ngày 21 tháng 11 năm 2007
Về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy
của Báo Nhân dân

- Căn cứ Điều lệ Đảng, Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng;
- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư khóa X;
- Căn cứ Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương (khóa X) về đổi mới, kiện toàn tổ chức bộ máy các cơ quan đảng, định hướng về đổi mới tổ chức bộ máy nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội,

BỘ CHÍNH TRỊ QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chức năng của Báo Nhân dân

Báo Nhân dân là đơn vị sự nghiệp của Trung ương Đảng, đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp và thường xuyên của Bộ Chính trị, Ban Bí thư; có chức năng là cơ quan ngôn luận Trung ương của Đảng Cộng sản Việt Nam, tiếng nói của Đảng, Nhà

nước và nhân dân Việt Nam; ngọn cờ chính trị - tư tưởng của Đảng trên mặt trận báo chí nước ta; cầu nối giữa Đảng, Nhà nước với nhân dân.

Đối tượng đọc báo Nhân dân là cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân.

Điều 2. Nhiệm vụ của Báo Nhân dân

Trên cơ sở chức năng của Báo Nhân dân, Ban Biên tập tổ chức xuất bản các ấn phẩm *Nhân dân* (Nhân dân hàng ngày, Nhân dân cuối tuần, Nhân dân hàng tháng, Nhân dân điện tử tiếng Việt và tiếng Anh và một số ấn phẩm khác), thực hiện những nhiệm vụ cụ thể sau:

1. Tuyên truyền

- Truyền bá chủ nghĩa Mác - Lê nin và tư tưởng Hồ Chí Minh, giáo dục chủ nghĩa yêu nước chân chính và chủ nghĩa quốc tế trong sáng của giai cấp công nhân, giáo dục lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, lối sống lành mạnh, truyền thống tốt đẹp của dân tộc và tinh hoa văn hóa của loài người trong cán bộ, đảng viên và nhân dân; góp phần xây dựng con người mới Việt Nam.

- Tuyên truyền, phổ biến đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước trong cán bộ, đảng viên và nhân dân.

- Tuyên truyền đường lối, chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta; góp phần mở rộng quan hệ hữu nghị và hợp tác quốc tế trên cơ sở giữ vững độc lập dân tộc và chủ quyền đất nước, tranh thủ và tạo môi trường quốc tế thuận lợi cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Thông tin và bình luận kịp thời, chính xác với định hướng đúng đắn các sự kiện quan trọng trong nước và trên thế giới.

2. Cổ động

Cổ vũ những nhân tố mới, những điển hình tiên tiến, hướng suy nghĩ và hành động của cán bộ, đảng viên, nhân dân vào những mục tiêu cụ thể và thiết thực của công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

3. Tổ chức tập thể

- Tham gia phát động, chỉ đạo và tổ chức các phong trào hoạt động cách mạng của quần chúng.

- Từ những vấn đề đặt ra trong cuộc sống, tham gia tổng kết thực tiễn, góp phần vào việc hình thành, kiểm nghiệm, bổ sung, sửa đổi và hoàn thiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; đưa nghị quyết của Đảng vào cuộc sống.

4. Là diễn đàn của nhân dân

Phản ánh trung thực những tâm tư, nguyện vọng chính đáng, những kiến nghị, kinh nghiệm và sáng kiến của mọi tầng lớp nhân dân.

5. Đấu tranh, bảo vệ chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và đấu tranh chống tiêu cực, tham nhũng, lăng phí, quan liêu và các tệ nạn xã hội khác

- Bảo vệ chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, đồng thời đấu tranh kiên quyết, chủ động, kịp thời, sắc bén và có sức thuyết phục chống lại những luận điệu và hành động của các thế lực thù địch phá hoại sự nghiệp cách mạng nước ta.

- Đấu tranh kiên quyết, có trọng tâm, trọng điểm, chính xác, đúng pháp luật chống tiêu cực, tham nhũng, lãng phí, quan liêu và các tệ nạn xã hội khác.

Điều 3. Tổ chức bộ máy của Báo Nhân dân

Báo Nhân dân là đơn vị sự nghiệp có thu, được tổ chức thành Bộ Biên tập với cơ cấu tổ chức như sau:

1. Ban Biên tập

Cơ quan lãnh đạo, quản lý tờ báo, gồm các chức danh: Tổng Biên tập, Phó Tổng Biên tập, Ủy viên Ban Biên tập.

2. Cơ cấu tổ chức của Báo Nhân dân gồm 27 đầu mối là các ban biên tập chuyên môn, các vụ và đơn vị trực thuộc Ban Biên tập:

- Ban Xây dựng Đảng.
- Ban Chính trị - Xã hội.
- Ban Kinh tế - Công nghiệp.
- Ban Nông nghiệp.
- Ban Khoa giáo.
- Ban Văn hóa - Văn nghệ.
- Ban Quốc tế.
- Ban Bạn đọc.
- Ban Tuyên truyền lý luận.
- Ban Nhân dân điện tử.
- Ban Nhân dân cuối tuần.
- Ban Nhân dân hàng tháng.
- Ban Thư ký - Biên tập.
- Ban quản lý phóng viên thường trú.
- Cơ quan thường trực tại Thành phố Hồ Chí Minh.
- Cơ quan thường trực tại Đà Nẵng.

- Cơ quan thường trực tại Cần Thơ.
- Cơ quan thường trú tại Trung Quốc.
- Cơ quan thường trú tại Pháp.
- Cơ quan thường trú tại Thái Lan.
- Ban Trị sự.
- Ban Hỗ trợ xuất bản.
- Vụ Tổ chức - Cán bộ.
- Phòng Tư liệu - Thư viện.
- Nhà in Báo Nhân dân tại Hà Nội.
- Nhà in Báo Nhân dân tại Thành phố Hồ Chí Minh.
- Nhà in Báo Nhân dân tại Đà Nẵng.

Các ban, vụ, cơ quan thường trực có cán bộ cấp vụ trưởng là thủ trưởng và một số phó vụ trưởng. Các cơ quan thường trú ở nước ngoài có thủ trưởng cơ quan (không nhất thiết phải là cấp vụ).

Các nhà in tự chủ sản xuất, kinh doanh, hạch toán độc lập, thực hiện biên chế và quỹ tiền lương theo những quy định đối với doanh nghiệp nhà nước. Về cán bộ, Ban Biên tập quản lý 3 chức danh: giám đốc, phó giám đốc, kế toán trưởng.

Khi cần điều chỉnh, bổ sung cơ cấu tổ chức, Báo Nhân dân thống nhất với Ban Tổ chức Trung ương và báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư quyết định.

3. Về biên chế

Báo Nhân dân thống nhất với Ban Tổ chức Trung ương trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy và chức danh tiêu chuẩn cán bộ, công chức.

Điều 4. Quy chế làm việc

- Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy và

biên chế, Ban Biên tập Báo xây dựng và ban hành quy chế làm việc của Báo.

- Quan hệ giữa Báo Nhân dân với các cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc Trung ương, các ban, bộ, ngành, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể ở Trung ương thực hiện theo chức năng và theo quy định của Ban Bí thư.

Điều 5. Điều khoản thi hành

- Quyết định này thay thế Quyết định số 70-QĐ/TW, ngày 3-4-2003 của Bộ Chính trị (khóa IX) về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của Báo Nhân dân và có hiệu lực từ ngày ký.

- Báo Nhân dân, các tỉnh ủy, thành ủy, các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc Trung ương có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
TRƯỜNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

Số 108-QĐ/TW, ngày 21 tháng 11 năm 2007

Về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của Tạp chí Cộng sản

- Căn cứ Điều lệ Đảng, Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng;

- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư khóa X;

- Căn cứ Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa X) về đổi mới, kiện toàn tổ chức bộ máy các cơ quan đảng, định hướng về đổi mới tổ chức bộ máy nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội,

BỘ CHÍNH TRỊ QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chức năng của Tạp chí Cộng sản

Tạp chí Cộng sản là đơn vị sự nghiệp của Trung ương Đảng, đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp và thường xuyên của

Bộ Chính trị, Ban Bí thư, có chức năng là cơ quan lý luận và chính trị của Trung ương Đảng.

Điều 2. Nhiệm vụ của Tạp chí Cộng sản

1. Tuyên truyền, giáo dục

Tuyên truyền, giáo dục về quan điểm, đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; đời sống sinh hoạt của Đảng, của đất nước và của xã hội; những vấn đề cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh; những vấn đề trọng tâm của công tác xây dựng Đảng; những vấn đề quốc tế.

2. Hoạt động lý luận và tổng kết thực tiễn

Nghiên cứu lý luận và tổng kết thực tiễn, phát triển những nhân tố mới, những kinh nghiệm của các điển hình tiên tiến, rút ra những vấn đề lý luận để làm công tác tuyên truyền, giáo dục. Cùng các cơ quan lý luận của Đảng đi tiên phong trong công tác lý luận, vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, góp phần bổ sung, hoàn thiện đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước; hướng dẫn lý luận và hoạt động thực tiễn cho cán bộ, đảng viên, động viên phong trào quần chúng hành động cách mạng, thực hiện tốt hai nhiệm vụ chiến lược là xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

3. Đấu tranh chống các luận điểm sai trái, bảo vệ chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, quan điểm của Đảng

Đấu tranh kịp thời, sắc bén chống những quan điểm sai trái, những luận điệu xuyên tạc của các thế lực thù địch, bảo vệ nền tảng tư tưởng, đường lối, quan điểm và các chủ trương

của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước, bảo vệ chủ nghĩa xã hội. Đồng thời đấu tranh kiên quyết chống tiêu cực, tham nhũng, lãng phí, quan liêu và các tệ nạn xã hội khác.

4. Nghiên cứu khoa học

Tham gia nghiên cứu các chương trình quốc gia, đề tài khoa học xã hội cấp nhà nước, đề tài nghiên cứu thuộc các ban đảng; góp phần làm sáng tỏ hơn những vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

5. Công tác đối ngoại

Xây dựng mối quan hệ hữu nghị và hợp tác với các cơ quan lý luận chính trị, các cơ sở nghiên cứu khoa học của các đảng cộng sản và công nhân, các đảng cầm quyền và các tổ chức tiến bộ trên thế giới, nhằm góp phần nâng cao chất lượng công tác lý luận chính trị của Đảng.

Điều 3. Tổ chức bộ máy của Tạp chí Cộng sản

Tạp chí Cộng sản được tổ chức thành Bộ Biên tập, có cơ cấu tổ chức như sau:

1. Ban Biên tập

Cơ quan lãnh đạo, quản lý Tạp chí gồm các chức danh: Tổng Biên tập, Phó Tổng Biên tập, các Ủy viên Ban Biên tập.

2. Cơ cấu tổ chức của Tạp chí Cộng sản gồm 15 đầu mối, là các ban biên tập chuyên môn, các vụ và đơn vị trực thuộc Ban Biên tập sau đây:

- Ban Kinh tế,
- Ban Chính trị,
- Ban Xây dựng Đảng,
- Ban Văn hóa - Xã hội,

- Ban Quốc tế,
- Ban Thông tin - Tư liệu,
- Ban Thư ký - Ban đọc,
- Ban Chuyên san Hồ sơ sự kiện,
- Ban Chuyên đề cơ sở,
- Ban Tạp chí Cộng sản điện tử,
- Cơ quan thường trực tại miền Nam (Thành phố Hồ Chí Minh),
- Cơ quan thường trực tại miền Trung - Tây Nguyên (Đà Nẵng),
- Vụ Tổ chức - Cán bộ,
- Văn phòng,
- Công ty In Tạp chí Cộng sản.

Khi cần điều chỉnh, bổ sung cơ cấu tổ chức, Tạp chí Cộng sản thống nhất với Ban Tổ chức Trung ương và báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư quyết định.

3. Về biên chế:

Thống nhất với Ban Tổ chức Trung ương trên cơ sở xác định biên chế theo từng chức danh, tiêu chuẩn và cơ cấu biên chế của đơn vị sự nghiệp Trung ương.

Ngoài số cán bộ, công chức biên chế theo quy định, Tạp chí được thực hiện chế độ cộng tác viên báo chí.

Điều 4. Quy chế làm việc

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy và biên chế, Ban Biên tập Tạp chí xây dựng và ban hành quy chế làm việc của Tạp chí.
- Quan hệ giữa Tạp chí Cộng sản với các cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc Trung ương, các ban, bộ, ngành, Mặt trận Tổ

quốc Việt Nam và các đoàn thể ở Trung ương thực hiện theo chức năng và theo quy định của Ban Bí thư.

Điều 5. Điều khoản thi hành

- Quyết định này thay thế Quyết định số 69-QĐ/TW, ngày 3-4-2003 của Bộ Chính trị (khóa IX) về chức năng, nhiệm vụ và tổ chức bộ máy của Tạp chí Cộng sản và có hiệu lực từ ngày ký.
- Tạp chí Cộng sản, các tỉnh ủy, thành ủy, các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc Trung ương có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
TRƯỞNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**CHỈ THỊ
CỦA BAN Bí THU**

Số 18-CT/TW, ngày 22 tháng 11 năm 2007

**Về việc lãnh đạo Đại hội Mặt trận Tổ quốc
Việt Nam các cấp và Đại hội đại biểu toàn quốc
Mặt trận Tổ quốc Việt Nam lần thứ VII**

Đại hội đại biểu toàn quốc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam lần thứ VII sẽ tổ chức vào cuối quý III năm 2009. Đây là sự kiện chính trị quan trọng diễn ra trong bối cảnh nước ta đang tiếp tục thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ X của Đảng, công cuộc đổi mới ngày càng toàn diện, đi vào chiều sâu, hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng rộng mở, với nhiều thời cơ và thách thức mới. Trong bối cảnh đó, yêu cầu phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc có ý nghĩa rất quan trọng, là nguồn sức mạnh, động lực chủ yếu và là nhân tố có ý nghĩa quyết định bảo đảm thắng lợi vững chắc của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Quá trình tiến hành Đại hội Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam lần thứ VII là đợt sinh hoạt chính trị sâu rộng trong toàn Đảng, toàn dân, là quá trình nâng cao nhận thức,

hành động cách mạng của cả hệ thống chính trị và các tầng lớp nhân dân trong việc thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ kinh tế - xã hội của đất nước, đường lối chiến lược của Đảng về chính sách đại đoàn kết toàn dân tộc và vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam như Nghị quyết Đại hội lần thứ X của Đảng và các nghị quyết của Trung ương, nhất là Nghị quyết Trung ương 5 (khóa X) đã đề ra.

Để tiếp tục củng cố, tăng cường và xây dựng Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xứng đáng là tổ chức liên minh chính trị, liên hiệp tự nguyện của các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp và các cá nhân tiêu biểu trong các giai cấp, các tầng lớp xã hội, các dân tộc, các tôn giáo và người Việt Nam định cư ở nước ngoài; là bộ phận quan trọng của hệ thống chính trị, là cơ sở chính trị vững chắc của chính quyền nhân dân, Ban Bí thư yêu cầu các cấp ủy và tổ chức đảng tập trung chỉ đạo Đại hội Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp và Đại hội đại biểu toàn quốc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam lần thứ VII, cụ thể cần thực hiện tốt một số nhiệm vụ sau:

1. Chỉ đạo Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp chuẩn bị và tiến hành đại hội đạt chất lượng và hiệu quả cao nhất.

- Về báo cáo tổng kết nhiệm kỳ: Cần đánh giá đúng tình hình khôi đại đoàn kết toàn dân tộc, nêu rõ những mặt làm được, chưa làm được, nguyên nhân và bài học kinh nghiệm; chú ý biểu dương những nhân tố mới, những cách làm hay và phát hiện kịp thời những vấn đề mới đặt ra cần phải giải quyết trong nhiệm kỳ mới.

- Chương trình hành động của nhiệm kỳ mới cần bám sát tinh thần Nghị quyết Đại hội lần thứ X của Đảng và các nghị quyết của Trung ương, nêu rõ mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể, giải pháp đúng đắn, gắn liền với đổi mới phương thức hoạt động của Mặt trận ở từng cấp. Chương trình hành động phải thể hiện rõ vai trò của Mặt trận trong việc thực hiện đa dạng hóa các hình thức tập hợp và phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc; đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước rộng khắp và có hiệu quả; thực hiện tốt quy chế dân chủ ở các cấp; nắm bắt và phản ánh kịp thời tâm tư nguyện vọng, kiến nghị đúng đắn, chăm lo, bảo vệ lợi ích chính đáng và hợp pháp của các tầng lớp nhân dân; tham gia xây dựng hệ thống chính trị; hướng mạnh về cơ sở, khu dân cư. Coi trọng đổi mới tổ chức và phương thức hoạt động để Mặt trận các cấp thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ, vai trò, vị trí của mình trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hội nhập kinh tế quốc tế.

- Đại hội Mặt trận các cấp cần kiến nghị sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, để Đại hội toàn quốc xem xét, quyết định việc sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với yêu cầu, tình hình, nhiệm vụ mới.

- Việc chuẩn bị nhân sự Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp phải căn cứ vào tiêu chuẩn cán bộ và cơ cấu thành phần theo quy định của Điều lệ Mặt trận, coi trọng tính tiêu biểu, tính đại diện và tính thiết thực; mở rộng thành phần là những cá nhân tiêu biểu, đại diện cho các giai cấp, các tầng lớp, các dân tộc, các tôn giáo, người Việt Nam ở nước ngoài; có đủ điều kiện hoàn thành nhiệm vụ của Ủy viên Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp mình; tăng số ủy viên là người ngoài Đảng hơn khóa trước (phần đấu ở

Trung ương là trên 50%, ở các cấp địa phương là trên 30%) để Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp thực sự là liên minh chính trị, liên hiệp tự nguyện rộng lớn nhất, là hình ảnh tiêu biểu nhất cho khối đại đoàn kết toàn dân tộc ở mỗi cấp và trên phạm vi toàn quốc.

- Kiên toàn tổ chức, bộ máy cơ quan Mặt trận các cấp theo hướng tinh gọn, đội ngũ cán bộ chuyên trách đủ về số lượng, có chất lượng và cơ cấu phù hợp. Đồng thời coi trọng việc mở rộng và tạo điều kiện để phát huy đội ngũ cán bộ không chuyên trách, lực lượng cộng tác viên, thông qua hoạt động của các tổ chức tư vấn.

Các cấp ủy đảng phân công đồng chí ủy viên thường vụ cấp ủy làm bí thư đảng đoàn Mặt trận và giới thiệu để đại hội bầu giữ chức Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp.

2. Coi trọng công tác tuyên truyền trong nước và tuyên truyền đối ngoại về chính sách đại đoàn kết toàn dân tộc, chính sách dân tộc, chính sách tôn giáo, chính sách đối với kiều bào; về tổ chức, hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trong hệ thống chính trị ở nước ta; đấu tranh với những luận điệu xuyên tạc về dân chủ, nhân quyền, dân tộc, tôn giáo, phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc của các thế lực thù địch.

3. Đảng đoàn Quốc hội chủ trì, phối hợp với Ban Cán sự Đảng Chính phủ và Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam chỉ đạo các cơ quan chức năng hoàn thiện luật pháp và các văn bản pháp quy của Nhà nước về Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cho phù hợp với Nghị quyết Đại hội lần thứ X của Đảng.

4. Các cấp ủy đảng chỉ đạo việc rà soát, điều chỉnh, bổ sung những quy định về chế độ, chính sách để phát huy vai trò, trách nhiệm, nâng cao năng lực hoạt động của cán bộ Mặt trận các cấp; chỉ đạo các cấp chính quyền, các đoàn thể phối hợp và tạo mọi điều kiện để Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp tổ chức tốt đại hội.

5. Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam chủ trì, phối hợp với Ban Dân vận Trung ương, Ban Tổ chức Trung ương, Ban Tuyên giáo Trung ương, Văn phòng Trung ương Đảng, Ban Cán sự Đảng Chính phủ giúp Ban Bí thư theo dõi và tổ chức thực hiện Chỉ thị này; định kỳ báo cáo Ban Bí thư.

Chỉ thị này phổ biến đến chi bộ đảng.

T/M BAN Bí THƯ
TRƯỞNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN Bí THƯ**

Số 109-QĐ/TW, ngày 23 tháng 11 năm 2007

**Về chức năng, nhiệm vụ và tổ chức bộ máy
của Đảng ủy Ngoài nước**

- Căn cứ Điều lệ Đảng;
- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư khóa X;
- Căn cứ Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa X) về đổi mới, kiện toàn tổ chức bộ máy các cơ quan đảng, định hướng về đổi mới tổ chức bộ máy nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội;
- Căn cứ tính chất hoạt động trong điều kiện đặc biệt của các tổ chức đảng ở ngoài nước,

BAN Bí THƯ QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Vị trí, chức năng của Đảng ủy Ngoài nước

Đảng ủy Ngoài nước là cấp ủy cấp trên trực tiếp của các tổ chức đảng ở ngoài nước và Đảng bộ cơ quan Đảng ủy Ngoài nước, đặt trực thuộc Đảng ủy Khối Các cơ quan Trung ương.

Đảng ủy Ngoài nước có chức năng lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý các tổ chức đảng, đảng viên thuộc đảng bộ và lãnh đạo công tác quần chúng ở ngoài nước; nghiên cứu, đề xuất các chủ trương và giải pháp lớn của Đảng về công tác đảng và công tác quần chúng ở ngoài nước.

Điều 2. Nhiệm vụ của Đảng ủy Ngoài nước

1. Lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý các tổ chức đảng và đảng viên thuộc đảng bộ thực hiện xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng, tổ chức, kiểm tra, bảo vệ Đảng và công tác quần chúng nhằm bảo đảm hoàn thành nhiệm vụ chính trị của cơ quan đại diện, của tổ chức và cá nhân cán bộ, nhân viên, chuyên gia, lưu học sinh, người lao động ở ngoài nước.

2. Nghiên cứu, đề xuất với Bộ Chính trị, Ban Bí thư và Đảng ủy Khối Các cơ quan Trung ương các chủ trương và giải pháp lớn về công tác đảng, công tác quần chúng ở ngoài nước; đề xuất ý kiến với Đảng ủy Khối Các cơ quan Trung ương về thẩm định nhân sự diện Trung ương quản lý có thời gian sinh hoạt đảng tại các tổ chức đảng ở ngoài nước; khi có yêu cầu, tham gia thẩm định các văn bản có nội dung liên quan đến công tác đảng và công tác quần chúng ở ngoài nước do các cơ quan chuẩn bị trước khi trình Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

3. Thành lập, giải thể, chia tách, sáp nhập các tổ chức đảng ở ngoài nước, chỉ định ban chấp hành đảng bộ, chuẩn y ủy ban kiểm tra của các đảng ủy trực thuộc tại các nước; chuẩn y các chi ủy, đảng ủy trực thuộc do đại hội bầu; bồi dưỡng cấp ủy ở các tổ chức đảng ngoài nước; kết nạp đảng viên, phát thẻ đảng viên, khen thưởng, kỷ luật đảng viên, chuyển sinh hoạt đảng cho đảng viên khi ra ngoài nước, tiếp

nhận đảng viên ở ngoài nước về; quản lý hồ sơ đảng viên, quản lý thẻ đảng viên và danh sách đảng viên ở ngoài nước.

4. Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nghị quyết, chỉ thị, quyết định của Đảng đối với các tổ chức đảng trực thuộc. Cử cán bộ hướng dẫn, kiểm tra, giám sát công tác của các cấp ủy đảng ở ngoài nước; cử cán bộ chuyên trách công tác đảng ở ngoài nước sau khi có chủ trương và phê duyệt của Ban Bí thư đối với từng địa bàn cụ thể.

5. Quy hoạch đào tạo, bồi dưỡng, sắp xếp, sử dụng, quản lý cán bộ cơ quan tham mưu giúp việc của Đảng ủy Ngoài nước và cán bộ chuyên trách công tác đảng ở ngoài nước theo quy định.

Điều 3. Tổ chức bộ máy và chế độ sinh hoạt của Đảng ủy Ngoài nước

1. Đảng ủy Ngoài nước lập các cơ quan tham mưu giúp việc gồm: văn phòng, ban tổ chức, ban tuyên giáo, ban công tác quần chúng và cơ quan ủy ban kiểm tra đảng ủy.

2. Biên chế cán bộ chuyên trách của cơ quan Đảng ủy Ngoài nước: Ban Tổ chức Trung ương căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ của Đảng ủy Ngoài nước để xác định biên chế cụ thể, giao Đảng ủy Ngoài nước thực hiện và thông báo cho Đảng ủy Khối Các cơ quan Trung ương.

3. Đảng ủy Ngoài nước sinh hoạt thường kỳ 6 tháng một lần (theo phương thức phù hợp), họp bất thường khi cần. Ban Thường vụ Đảng ủy Ngoài nước họp mỗi tháng một lần, họp bất thường khi cần.

Điều 4. Thu, nộp đảng phí

Đảng phí của các tổ chức đảng và đảng viên ở ngoài nước,

của Đảng ủy cơ quan Đảng ủy Ngoài nước do Đảng ủy Ngoài nước thu và nộp về Văn phòng Trung ương Đảng theo chế độ quản lý tài chính của Đảng.

Điều 5. Chế độ thông tin của Đảng ủy Ngoài nước

Đảng ủy Ngoài nước thực hiện chế độ thông tin, báo cáo với cấp ủy cấp trên theo quy định.

Đảng ủy Ngoài nước được Trung ương cung cấp các thông tin cần thiết cho lãnh đạo, chỉ đạo công tác đảng, công tác quần chúng ở ngoài nước; được thực hiện chế độ điện tử (thông qua cơ yếu của Bộ Ngoại giao) để bảo đảm lãnh đạo kịp thời, đúng định hướng chính trị đối với các cấp ủy đảng và đảng viên ở ngoài nước.

Điều 6. Các mối quan hệ công tác của Đảng ủy Ngoài nước

1. Đảng ủy Khối Các cơ quan Trung ương lãnh đạo Đảng ủy Ngoài nước hướng dẫn, kiểm tra, giám sát về công tác xây dựng Đảng, công tác quần chúng ở ngoài nước.

2. Các ban đảng Trung ương, ban cán sự đảng, đảng đoàn các bộ, ngành, đoàn thể ở Trung ương phối hợp với Đảng ủy Ngoài nước về những vấn đề liên quan đến công tác xây dựng tổ chức đảng, quản lý đảng viên và lãnh đạo công tác quần chúng ở ngoài nước.

3. Các cấp ủy địa phương, đảng ủy trực thuộc Trung ương phối hợp với Đảng ủy Ngoài nước trong quá trình quản lý đảng viên công tác, học tập, lao động ở ngoài nước.

4. Đảng ủy Ngoài nước xây dựng quy chế làm việc và chủ trì việc xây dựng quy chế phối hợp công tác giữa Đảng ủy

Ngoài nước với các ban đảng Trung ương, ban cán sự đảng, đảng đoàn các bộ, ngành, đoàn thể ở Trung ương; với các cấp ủy địa phương và đảng ủy trực thuộc Trung ương để thực hiện các chức năng, nhiệm vụ được giao.

Điều 7. Điều khoản thi hành

- Đảng ủy Ngoài nước, Đảng ủy Khối Các cơ quan Trung ương, các tỉnh ủy, thành ủy, các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc Trung ương có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

- Quá trình thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh, Đảng ủy Ngoài nước báo cáo Đảng ủy Khối Các cơ quan Trung ương và Ban Tổ chức Trung ương trình Ban Bí thư xem xét quyết định.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

T/M BAN BÍ THU

TRƯỞNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

Ban Tuyên giáo Trung ương phối hợp với Tỉnh ủy Bắc Ninh chỉ đạo, hướng dẫn tổ chức các hoạt động kỷ niệm 100 năm Ngày sinh đồng chí Ngô Gia Tự theo đúng các quy định của Đảng và Nhà nước về kỷ niệm các danh nhân của đất nước.

2. Đối với việc đầu tư xây dựng quần thể Khu lưu niệm đồng chí Ngô Gia Tự tại xã Tam Sơn, huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh, Tỉnh ủy Bắc Ninh chỉ đạo các cơ quan của tỉnh xây dựng đề án báo cáo Chính phủ theo các quy định của Đảng, Nhà nước.

T/M BAN Bí THU
TRƯỞNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

Tại phiên họp ngày 22-11-2007, sau khi nghe Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bắc Ninh báo cáo xin ý kiến về việc tổ chức kỷ niệm 100 năm Ngày sinh và xây dựng Khu lưu niệm đồng chí Ngô Gia Tự (Tờ trình số 04-TTr/TU, ngày 2-10-2007), ý kiến Ban Tuyên giáo Trung ương, Ban Tổ chức Trung ương, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Ban Bí thư kết luận như sau:

1. Đồng ý tổ chức kỷ niệm 100 năm Ngày sinh đồng chí Ngô Gia Tự, thể hiện tình cảm, lòng biết ơn của các thế hệ hôm nay đối với những cống hiến to lớn của đồng chí Ngô Gia Tự trong sự nghiệp cách mạng của Đảng và dân tộc ta, góp phần giáo dục cán bộ, đảng viên và nhân dân, nhất là thế hệ trẻ về tấm gương một trong những lãnh tụ xuất sắc của Đảng ta, một người con ưu tú của dân tộc đã trọn đời chiến đấu, hy sinh vì độc lập, tự do của Tổ quốc.

**THÔNG BÁO
KẾT LUẬN CỦA BAN Bí THU**

Số 114-TB/TW, ngày 27 tháng 11 năm 2007

**Về việc Nhà lưu niệm đồng chí Lê Duẩn
và xây dựng Tượng đài Bồ tát Thích Quảng Đức**

Tại phiên họp ngày 22-11-2007, sau khi nghe Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh báo cáo về việc lập Nhà lưu niệm cố Tổng Bí thư Lê Duẩn và xây dựng Tượng đài Bồ tát Thích Quảng Đức (tại Công văn số 256-CV/TU và số 257-CV/TU, ngày 14-8-2007); ý kiến của Ban Tuyên giáo Trung ương, Ban Tổ chức Trung ương, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Ban Bí thư kết luận như sau:

1. Đồng ý với đề nghị của Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh mua lại căn nhà số 29-31, đường Huỳnh Khương Ninh, phường Đa Kao, Quận 1, để lập Nhà lưu niệm cố Tổng Bí thư Lê Duẩn. Đây là việc làm phù hợp với nguyện vọng và tình cảm của nhân dân ta đối với đồng chí Lê Duẩn, người học trò xuất sắc của Chủ tịch Hồ Chí Minh, nhà lãnh đạo lỗi lạc của cách mạng Việt Nam. Quá trình triển khai lập Nhà lưu niệm cố Tổng Bí thư Lê Duẩn thực hiện theo các quy định hiện hành của Đảng và Nhà nước.

2. Việc xây dựng Tượng đài Bồ tát Thích Quảng Đức tại nơi Hòa thượng tự thiêu để phản đối chính quyền Sài Gòn đàn áp dã man phong trào đấu tranh của sinh viên, học sinh và đồng bào Phật giáo (nay là số 70-73, đường Cách mạng Tháng Tám, Quận 3) là việc làm có ý nghĩa nhằm ghi nhận những đóng góp của nhân dân Sài Gòn - Gia Định (nay là Thành phố Hồ Chí Minh) và Phật giáo Việt Nam nói chung, Hòa thượng Thích Quảng Đức nói riêng trong sự nghiệp đấu tranh giành độc lập, tự do cho dân tộc, thống nhất Tổ quốc. Vì vậy, Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh cần lưu ý xem xét xây dựng Bức tượng Bồ tát Thích Quảng Đức trong tổng thể bức phù điêu thể hiện sự tham gia của các tầng lớp nhân dân, tăng ni, phật tử, học sinh, sinh viên... vào cuộc đấu tranh chung lúc bấy giờ. Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh chỉ đạo các cơ quan chức năng trao đổi, thống nhất với Thành hội Hội Phật giáo thành phố các yêu cầu, nội dung nói trên.

Sau khi quần thể di tích hoàn thành, thành phố cần chú ý có phương án quản lý, tránh việc lợi dụng các hoạt động tôn giáo làm ảnh hưởng đến an ninh, chính trị, trật tự an toàn xã hội thành phố.

T/M BAN Bí THU

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**THÔNG BÁO
KẾT LUẬN CỦA BAN Bí THƯ**

Số 115-TB/TW, ngày 6 tháng 12 năm 2007

Kết quả kiểm tra thực hiện Nghị quyết 32-NQ/TW, ngày 5-8-2003 của Bộ Chính trị "Về xây dựng và phát triển thành phố Hải Phòng trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước"

Thực hiện Chương trình công tác năm 2007, ngày 27-11-2007, Ban Bí thư đã làm việc với Ban Chỉ đạo kiểm tra thực hiện Nghị quyết 32 của Bộ Chính trị, đại diện Ban Thường vụ Thành ủy Hải Phòng và đại diện lãnh đạo các bộ, ban, ngành có liên quan ở Trung ương để nghe Báo cáo kết quả kiểm tra 4 năm thực hiện Nghị quyết 32-NQ/TW, ngày 5-8-2003 của Bộ Chính trị "Về xây dựng và phát triển thành phố Hải Phòng trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước".

Sau khi nghe Ban Chỉ đạo kiểm tra báo cáo và ý kiến phát biểu của đồng chí Bí thư Thành ủy Hải Phòng, lãnh đạo một số bộ, ban, ngành Trung ương, Ban Bí thư hoan nghênh tinh thần nghiêm túc, khẩn trương, với trách nhiệm cao của Ban Chỉ đạo, của Thành ủy Hải Phòng, các bộ, ban, ngành Trung ương đã phối hợp chặt chẽ, hoàn thành tốt cuộc kiểm

tra và cơ bản đồng tình với Báo cáo của Ban Chỉ đạo, đồng thời chỉ ra những ưu điểm, yếu kém và những công việc cần tập trung chỉ đạo để Đảng bộ Hải Phòng và các bộ, ban, ngành Trung ương tiếp tục thực hiện tốt Nghị quyết 32 của Bộ Chính trị trong thời gian tới.

1. Kết quả thực hiện Nghị quyết 32 của Bộ Chính trị của thành phố Hải Phòng

Ngay sau khi Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết 32, công tác nghiên cứu, quán triệt và tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết đã được Thành ủy và các cấp ủy ở Hải Phòng tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai đồng bộ với tinh thần chủ động và khẩn trương. Đến nay, hầu hết các nội dung, nhiệm vụ ghi trong Nghị quyết đều được triển khai thực hiện ở các mức độ khác nhau. Sau 4 năm thực hiện đã đạt được kết quả bước đầu quan trọng, đưa Hải Phòng có bước phát triển mới và toàn diện hơn trên nhiều lĩnh vực. Nổi bật là:

- Đã có bước chuyển biến mới về phát huy các nguồn lực và lợi thế của thành phố Hải Phòng cho đầu tư phát triển, chú trọng cho mục tiêu tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Vì vậy, trong 4 năm qua, GDP tăng liên tục, năm sau cao hơn năm trước; cơ cấu kinh tế có bước chuyển dịch theo hướng tích cực (dịch vụ - công nghiệp - nông nghiệp); một số ngành có thế mạnh của thành phố (đóng mới và sửa chữa tàu thủy, vật liệu xây dựng, sản xuất kim loại, dịch vụ cảng, thủy sản...) có bước phát triển nhanh; xuất khẩu và thu ngân sách tăng khá; tiềm lực kinh tế, kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội và đô thị tăng đáng kể, góp phần làm thay đổi một bước quan trọng bộ mặt thành phố.

- Công tác xây dựng, rà soát, điều chỉnh quy hoạch và quản lý quy hoạch, kể cả quy hoạch tổng thể, quy hoạch chung, quy hoạch ngành và một số quy hoạch chi tiết; công tác xây dựng, chỉnh trang đô thị và quản lý xây dựng đô thị đã được quan tâm chỉ đạo, đạt được những kết quả tích cực, góp phần thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển và hiện đại hóa đô thị.

- Việc gắn phát triển kinh tế với giải quyết các vấn đề xã hội, nhất là xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở; nâng cao chất lượng giáo dục - đào tạo, chăm sóc sức khỏe nhân dân; giải quyết các chính sách xã hội... có những tiến bộ mới. Đời sống nhân dân tiếp tục được cải thiện.

- Quốc phòng - an ninh gắn với xây dựng khu vực phòng thủ vững chắc, nhất là trên những địa bàn trọng yếu của thành phố được tăng cường; an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội và sự ổn định chính trị - xã hội trên địa bàn tiếp tục được giữ vững.

- Công tác xây dựng Đảng, chính quyền; đổi mới phương thức lãnh đạo của cấp ủy, cải cách hành chính; nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng, hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; đổi mới và nâng cao chất lượng hoạt động của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội ở địa phương được tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, tạo chuyển biến mới.

Những kết quả đạt được sau 4 năm thực hiện Nghị quyết 32 của Bộ Chính trị tuy mới là bước đầu, song có ý nghĩa rất quan trọng, tạo điều kiện và tiền đề mới để Hải Phòng tiếp tục đẩy nhanh nhịp độ công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Tuy nhiên, quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết *cũng nổi lên một số hạn chế, yếu kém*. Đáng chú ý là:

- Chưa tập trung cao độ để lãnh đạo, chỉ đạo khai thác và phát huy tối đa các nguồn lực và lợi thế, nhất là nguồn lực tại chỗ; huy động từ nguồn đầu tư nước ngoài (FDI) còn thấp, chưa bằng mức bình quân của cả nước; tỷ trọng vốn ngân sách trong đầu tư phát triển còn lớn, xã hội hóa để huy động các nguồn lực còn yếu; thu ngân sách tăng chưa bằng tốc độ tăng bình quân của cả nước; thu nội địa mới chiếm hơn 20% tổng thu ngân sách trên địa bàn; chưa tạo được những bứt phá mới trong đầu tư, phát triển.

- Tốc độ tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa chưa mạnh và còn thấp hơn so với một số địa phương ở các vùng kinh tế động lực và một số thành phố trực thuộc Trung ương; chất lượng tăng trưởng và năng lực cạnh tranh còn thấp; quy mô kinh tế còn nhỏ bé. Vai trò của một trọng điểm kinh tế với sự phát triển nồng động, có sức lan tỏa cho cả vùng theo tinh thần của Nghị quyết còn hạn chế.

- Công tác quy hoạch và quản lý quy hoạch, xây dựng và quản lý đô thị chưa đáp ứng được yêu cầu đẩy nhanh quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa, xây dựng thành phố văn minh, hiện đại và chưa tương xứng với yêu cầu của đô thị loại I trực thuộc Trung ương.

- Chất lượng nguồn nhân lực còn thấp, chưa đáp ứng được yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa; giải quyết các vấn đề dân sinh bức xúc, nhất là việc làm cho lao động nông thôn còn hạn chế; các tệ nạn xã hội, các tội phạm hình sự còn diễn biến phức tạp.

- Chất lượng hoạt động của hệ thống chính trị, của đội ngũ cán bộ còn nhiều yếu kém, bất cập, chưa đáp ứng được

yêu cầu nhiệm vụ. Công tác quản lý nhà nước còn hạn chế, đặc biệt là quản lý đất đai còn nhiều yếu kém, để xảy ra một số vụ việc tham nhũng phải xử lý theo pháp luật.

- Công tác xây dựng Đảng vẫn còn những hạn chế; công tác cán bộ vẫn là khâu yếu, chậm được đổi mới; vấn đề đoàn kết, thống nhất trong Đảng bộ có lúc, có nơi chưa được tăng cường.

Ban Bí thư đồng tình với những nguyên nhân khách quan và chủ quan của những hạn chế, yếu kém nêu trong Báo cáo. Song, nhấn mạnh nguyên nhân chủ quan, đó là: Sự lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của cấp ủy, chính quyền thành phố có lúc, có nơi chưa tương xứng với yêu cầu nhiệm vụ triển khai thực hiện Nghị quyết; tư tưởng trông chờ,ỷ lại vào nguồn lực của Nhà nước, nhất là ở cấp dưới vẫn còn nặng nề.

2. Kết quả thực hiện Nghị quyết 32 của Bộ Chính trị của các bộ, ban, ngành Trung ương

Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ và trách nhiệm được giao trong Nghị quyết, các bộ, ban, ngành Trung ương đã phối hợp, hỗ trợ thành phố hoặc trực tiếp triển khai, đạt được một số kết quả cụ thể:

- Hầu hết các bộ, ban, ngành Trung ương đã phân công một đồng chí lãnh đạo để chỉ đạo và giao trách nhiệm cho các đơn vị có liên quan trực tiếp nghiên cứu, đề xuất và tổ chức thực hiện; đồng thời đã phối hợp với thành phố từng bước cụ thể hóa nội dung Nghị quyết 32 vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm và hằng năm.

- Đã giúp thành phố rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch tổng thể, quy hoạch chung của thành phố và một số

quy hoạch phát triển ngành, vùng liên quan đến Hải Phòng đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt hoặc cho chủ trương; tham gia giúp thành phố xây dựng, rà soát, điều chỉnh quy hoạch cho các quận, huyện, quy hoạch ngành và lĩnh vực trên địa bàn thành phố.

- Đã tham mưu cho Thủ tướng Chính phủ xây dựng và ban hành một số cơ chế tài chính, ngân sách ưu đãi đối với Hải Phòng; có sự ưu tiên hơn trong phân bổ dự toán ngân sách hàng năm, nguồn vốn đối ứng ODA và hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách trung ương để thực hiện Nghị quyết.

- Với sự chủ trì hoặc giúp đỡ của các bộ, ngành liên quan, đến nay, nhiều dự án ghi trong Nghị quyết đã được triển khai thực hiện ở mức độ khác nhau.

Tuy nhiên, vẫn còn một số bộ chưa thực hiện tốt việc triển khai, nhất là trong những năm đầu thực hiện Nghị quyết. Một số nội dung quan trọng (xây dựng cơ chế, chính sách đặc thù về tổ chức, bộ máy, cán bộ cho đô thị loại I cấp quốc gia; xây dựng Hải Phòng thành một trong những trung tâm công nghiệp, thương mại lớn của cả nước, trung tâm giáo dục - đào tạo của vùng duyên hải Bắc Bộ...) ghi trong Nghị quyết chậm được cụ thể hóa. Một số dự án, chủ trương quan trọng (cảng nước sâu Lạch Huyện; đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng; Khu đô thị mới Bắc Sông Cấm; xây dựng đảo Cát Bà cùng với Đô Sơn, Hạ Long trở thành một trong những trung tâm du lịch quốc tế của cả nước...) triển khai thực hiện chậm...

3. Một số vấn đề Đảng bộ Hải Phòng và các bộ, ban, ngành Trung ương cần quan tâm chỉ đạo trong thời gian tới

Ban Bí thư tán thành những công việc thuộc trách nhiệm

của Đảng bộ Hải Phòng và các bộ, ban, ngành Trung ương có liên quan cần quan tâm chỉ đạo trong thời gian tới đã nêu trong Báo cáo, đồng thời nhấn mạnh:

Đối với Thành ủy Hải Phòng:

- Trên cơ sở nhận thức đầy đủ tiềm năng, lợi thế, những thuận lợi, khó khăn của thành phố, Đảng bộ và nhân dân Hải Phòng cần tiếp tục phát huy truyền thống cách mạng, tinh thần tự lực, tự cường cao độ, đổi mới tư duy, năng động, sáng tạo, tăng cường đoàn kết để phát huy tất cả mọi nguồn lực, mọi tiềm năng và lợi thế vốn có và sẽ có, coi đó là giải pháp cực kỳ quan trọng có tính chất quyết định để đẩy nhanh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng thành phố công nghiệp, văn minh, hiện đại, xứng đáng là một cực tăng trưởng của vùng kinh tế động lực phía Bắc, là một trong những thành phố trực thuộc Trung ương tiêu biểu của cả nước.

- Phải tích cực, chủ động hơn trong phối hợp với các bộ, ban, ngành Trung ương để thực hiện tốt các mục tiêu, nhiệm vụ đã ghi trong Nghị quyết. Căn cứ kết luận của Ban Bí thư, thành phố cần làm việc cụ thể với các bộ, ban, ngành Trung ương để xử lý các kiến nghị cụ thể. Đẩy mạnh hơn sự hợp tác, liên kết với các địa phương trong vùng để cùng phát huy tiềm năng, lợi thế vì sự phát triển chung.

Đối với các bộ, ban, ngành Trung ương:

- Các bộ, ban, ngành Trung ương cần tiếp tục rà soát những công việc đã được Bộ Chính trị và Chính phủ giao, nhất là những mặt còn chậm, những vấn đề đang còn vướng mắc để tập trung chỉ đạo, tháo gỡ kịp thời, với tinh thần tích cực, khẩn trương hơn nhằm đẩy nhanh tiến độ thực hiện

Nghị quyết. Tăng cường chỉ đạo, kiểm tra các đơn vị của ngành trong việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ cụ thể; chủ động, thường xuyên phối hợp với thành phố để cùng tháo gỡ khó khăn, vướng mắc nảy sinh trong quá trình thực hiện Nghị quyết.

- Các kiến nghị của thành phố (nêu trong Báo cáo) cơ bản là hợp lý, căn cứ vào chức năng và thẩm quyền, các bộ, ban, ngành Trung ương cần khẩn trương nghiên cứu, xử lý và trả lời sớm cho thành phố, nhất là các vấn đề về cơ chế, chính sách đặc thù cho đô thị loại I (trong đó có Hải Phòng), cho vùng nông thôn của Hải Phòng để đẩy nhanh quá trình đô thị hóa; xây dựng, rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch; ưu tiên phân bổ nguồn lực, tháo gỡ khó khăn để đẩy nhanh tiến độ xây dựng các công trình, dự án trên địa bàn thành phố. Những vấn đề vượt quá thẩm quyền thì tham mưu, kiến nghị với Ban Bí thư, Thủ tướng Chính phủ xem xét, xử lý.

4. Về một số kiến nghị của thành phố với Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Chính phủ

- Đồng ý về mặt chủ trương để Chính phủ sớm nghiên cứu, ban hành các cơ chế, chính sách đặc thù đối với đô thị loại I trực thuộc Trung ương (bao gồm cả tổ chức bộ máy, cán bộ, chính sách tài chính, ngân sách, đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng...); nghiên cứu để điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 54/2004/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về các cơ chế, chính sách tài chính, ngân sách cho Hải Phòng theo hướng toàn diện hơn, có mặt ưu đãi hơn; sớm phê duyệt các dự án quan trọng theo đề nghị của thành phố; về xác định Hải Phòng là một khâu quan trọng trong chiến lược hợp tác phát

triển "Hai hành lang, một vành đai kinh tế" Việt Nam - Trung Quốc; về xây dựng quân cảng tại nam Đồ Sơn; nghiên cứu, xây dựng sớm tuyến đường ven biển từ Thanh Hóa đến Quảng Ninh để gắn phát triển kinh tế với khắc phục tác hại của thiên tai; về cơ chế nâng cao hiệu quả phối hợp giữa Hải Phòng với các địa phương trong vùng, với các bộ, ban, ngành Trung ương nhằm đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết trong thời gian tới.

- Đồng ý với đề nghị 2 năm một lần, Ban Bí thư và Thủ tướng Chính phủ có chương trình làm việc với lãnh đạo thành phố Hải Phòng để kiểm tra việc thực hiện, chỉ đạo xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết.

Ban Bí thư tin tưởng rằng, phát huy truyền thống cách mạng vẻ vang, sự năng động, sáng tạo, sự phối hợp, giúp đỡ có trách nhiệm của các bộ, ban ngành Trung ương, Đảng bộ và nhân dân thành phố Hải Phòng nhất định sẽ khắc phục được những mặt khó khăn, yếu kém, thực hiện thành công Nghị quyết 32 của Bộ Chính trị, đạt được nhiều thành tựu to lớn hơn trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đưa Hải Phòng phát triển nhanh và bền vững, trở thành thành phố công nghiệp hiện đại trước năm 2020 (như yêu cầu của Nghị quyết), để Hải Phòng phát triển không chỉ riêng cho mình mà còn vì sự phát triển chung cho cả vùng và cả nước.

T/M BAN Bí THU

TRƯỜNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUYẾT ĐỊNH CỦA BAN Bí THU

Số 114-QĐ/TW, ngày 7 tháng 12 năm 2007

Về việc thành lập Ban Chỉ đạo chuẩn bị Đề án trinh Hội nghị Trung ương 7 (khóa X)

- Căn cứ Điều lệ Đảng;
- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư khóa X;
- Căn cứ Chương trình làm việc số 13-CTr/TW, ngày 4-8-2006 của Ban Chấp hành Trung ương khóa X;
- Theo đề nghị của Ban Tuyên giáo Trung ương,

BAN Bí THU QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Ban Chỉ đạo chuẩn bị Đề án trinh Hội nghị Trung ương 7 (khóa X) về "Phát triển giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ gắn với vấn đề xây dựng đội ngũ trí thức trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế", do đồng chí Tô Huy Rứa, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng Ban Tuyên giáo Trung ương, Chủ tịch Hội đồng lý luận Trung ương làm Trưởng Ban Chỉ đạo (có danh sách kèm theo).

Đồng chí Tô Huy Rứa có trách nhiệm thành lập Ban Biên tập giúp việc Ban Chỉ đạo để chuẩn bị Đề án trình Hội nghị Trung ương 7.

Điều 2. Ban Tuyên giáo Trung ương dự trù kinh phí xây dựng Đề án gửi Văn phòng Trung ương Đảng cấp theo quy định hiện hành.

Điều 3. Ban Tuyên giáo Trung ương, Văn phòng Trung ương Đảng, đồng chí Tô Huy Rứa và các đồng chí có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thực hiện Quyết định này.

T/M BAN BÍ THƯ
TRƯỞNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

DANH SÁCH
BAN CHỈ ĐẠO CHUẨN BỊ ĐỀ ÁN
TRÌNH HỘI NGHỊ TRUNG ƯƠNG 7 (KHÓA X)
(Kèm theo Quyết định số 114-QĐ/TW, ngày 7-12-2007)

STT	Họ và tên	Chức vụ	Phân công
1.	Đồng chí Tô Huy Rứa	Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng Ban Tuyên giáo Trung ương, Chủ tịch Hội đồng Lý luận Trung ương	Trưởng Ban Chỉ đạo
2.	Đồng chí Phùng Hữu Phú	Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Trưởng Ban Thường trực Ban Tuyên giáo Trung ương	Phó Trưởng Ban Thường trực Ban Chỉ đạo
3.	Đồng chí Nguyễn Thiện Nhân	Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Thủ tướng Chính phủ kiêm Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo	Phó Trưởng Ban Chỉ đạo
4.	Đồng chí Bùi Sĩ Tiếu	Phó Trưởng Ban Tuyên giáo Trung ương	Phó Trưởng Ban Chỉ đạo
5.	Đồng chí Hoàng Văn Phong	Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ	Ủy viên
6.	Đồng chí Đỗ Hoài Nam	Ủy viên Trung ương Đảng, Chủ tịch Viện Khoa học xã hội Việt Nam	Ủy viên

7.	Đồng chí Đặng Vũ Minh	Ủy viên Trung ương Đảng, Chủ nhiệm Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường của Quốc hội	Ủy viên
8.	Đồng chí Đào Trọng Thi	Ủy viên Trung ương Đảng, Chủ nhiệm Ủy ban Văn hóa, Giáo dục, Thanh niên, Thiếu niên và Nhi đồng của Quốc hội	Ủy viên
9.	Đồng chí Nguyễn Văn Quynh	Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Trưởng Ban Tổ chức Trung ương	Ủy viên
10.	Đồng chí Huỳnh Thị Nhân	Ủy viên Trung ương Đảng, Thứ trưởng Thường trực Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	Ủy viên
11.	Đồng chí Phạm Mạnh Hùng	Phó Trưởng Ban Tuyên giáo Trung ương	Ủy viên
12.	Đồng chí Nghiêm Đình Vỹ	Phó Trưởng Ban Tuyên giáo Trung ương	Ủy viên
13.	Đồng chí Vũ Văn Phúc	Phó Trưởng Ban Tuyên giáo Trung ương	Ủy viên
14.	Đồng chí Nguyễn Mạnh Tuấn	Phó Chánh Văn phòng Trung ương Đảng	Ủy viên
15.	Đồng chí Đinh Hữu Cường	Phó Trưởng Ban Dân vận Trung ương	Ủy viên

16.	Đồng chí Trần Quốc Toản	Phó Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ	Ủy viên
17.	Đồng chí Thang Văn Phúc	Thứ trưởng Bộ Nội vụ	Ủy viên
18.	Đồng chí Nguyễn Đăng Thành	Phó Giám đốc Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh	Ủy viên
19.	Đồng chí Nguyễn Hữu Tăng	Phó Chủ tịch Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam	Ủy viên
20.	Đồng chí Châu Văn Minh	Phó Chủ tịch Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam	Ủy viên
21.	Đồng chí Hữu Thỉnh	Phó Chủ tịch Ủy ban tổng quốc Liên hiệp các Hội Văn học - nghệ thuật Việt Nam	Ủy viên

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**QUY ĐỊNH
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ**

Số 115-QĐ/TW, ngày 7 tháng 12 năm 2007

Về những điều đảng viên không được làm

- Căn cứ Điều lệ Đảng;
- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư (khóa X);
- Để tăng cường kỷ cương, kỷ luật của Đảng và giữ gìn phẩm chất chính trị, đạo đức cách mạng, tính tiên phong gương mẫu của cán bộ, đảng viên, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức đảng,

BỘ CHÍNH TRỊ QUY ĐỊNH:

I- Những điều đảng viên không được làm

1. Nói hoặc làm trái Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, nghị quyết, chỉ thị, quy định, quyết định, kết luận của Đảng; làm những việc mà pháp luật không cho phép công dân, cán bộ, công chức làm.

2. Cung cấp những thông tin, tài liệu bí mật của Đảng và Nhà nước hoặc những việc chưa được phép công bố; tuyên

truyền, tán phát hoặc xúi giục người khác tuyên truyền, tán phát thông tin, tài liệu dưới mọi hình thức để truyền bá những quan điểm trái với đường lối của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

3. Tổ cáo mang tính bịa đặt; viết đơn, thư tố cáo nặc danh, mạo danh; viết, ký tên tập thể vào đơn, thư tố cáo. Tổ chức, tham gia kích động, xúi giục, mua chuộc, cưỡng ép người khác khiếu nại, tố cáo. Gửi, tán phát đơn, thư khiếu nại, tố cáo đến những nơi không có thẩm quyền giải quyết.

4. Tổ chức, xúi giục, tham gia các hoạt động bè phái, chia rẽ, cục bộ gây mất đoàn kết. Lợi dụng việc phát ngôn, nhân danh việc phản ánh, góp ý kiến đối với Đảng để đả kích, vu cáo, xúc phạm, nhận xét, đánh giá tùy tiện đối với người khác. Đe dọa, trù dập người tố cáo, phê bình, góp ý trái với ý kiến mình.

5. Viết bài, cho đăng tải tin, bài sai sự thật, vu cáo, bịa đặt hoặc quy kết về tội danh, mức án trước khi xét xử, không đăng tải ý kiến phản hồi, cải chính theo quy định của pháp luật. Sáng tác các tác phẩm văn học, nghệ thuật, viết, phát hành hồi ký không lành mạnh, không đúng sự thật, mang tính kích động gây ảnh hưởng xấu trong xã hội.

6. Tổ chức, tham gia các hội trái quy định của pháp luật. Tổ chức, tham gia mít tinh, biểu tình khi chưa được cấp có thẩm quyền cho phép.

7. Không chấp hành sự phân công, điều động của tổ chức đảng; đảng viên tự ứng cử, cấp ủy viên tự ứng cử hoặc tự nhận đề cử vào các chức danh của tổ chức nhà nước, đoàn thể chính trị - xã hội khi chưa được các tổ chức đảng có thẩm quyền giới thiệu.

8. Quan liêu, thiếu trách nhiệm, bao che, báo cáo sai sự thật, để cờ quan, đơn vị, địa phương do mình trực tiếp phụ trách xảy ra tình trạng mất đoàn kết, tham nhũng, buôn lậu, lãng phí, thất thoát tài sản và các tiêu cực khác.

9. Làm trái quy định của Đảng và pháp luật của Nhà nước trong những việc: quản lý nhà, đất, quỹ, thuế; kinh doanh chứng khoán, cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước; các hoạt động giám định quản lý và cấp phát các loại giấy đăng ký, giấy chứng nhận, giấy phép; cấp, sử dụng, chứng thực, xác nhận hồ sơ, tài liệu, văn bằng, chứng chỉ; thẩm định, phê duyệt, đấu thầu, giao, nhận dự án; giao đất; tuyển dụng, sắp xếp, bố trí, ký luật cán bộ, công chức và người lao động; kiểm tra, thanh tra, kiểm toán, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án.

10. Can thiệp, tác động đến cá nhân, tổ chức để bắn thân hoặc người khác được bổ nhiệm, đi học, đi nước ngoài trái quy định của pháp luật. Ép buộc, mua chuộc cá nhân hoặc tổ chức để bao che, giảm tội cho người khác.

11. Chủ trì, tham mưu, đề xuất, tham gia ban hành các văn bản trái với quy định của Đảng và pháp luật của Nhà nước. Cố ý để người thân lợi dụng vị trí công tác của mình trực lợi.

12. Đưa, nhận, môi giới hối lộ; môi giới làm thủ tục hành chính hoặc lợi dụng vị trí công tác để môi giới hưởng thù lao dưới mọi hình thức trái với quy định của pháp luật. Đưa, nhận hoa hồng hoặc môi giới đưa, nhận hoa hồng trái quy định của pháp luật.

13. Kê khai không đầy đủ tài sản, thu nhập theo quy định của pháp luật; trốn, trì hoãn nộp thuế; mở tài khoản ở

nước ngoài trái quy định của pháp luật; tham gia hoạt động rửa tiền.

14. Dùng công quỹ xây dựng công trình, mua sắm trang thiết bị, phương tiện làm việc, đi lại, thông tin liên lạc vượt quá định mức và sử dụng trái quy định của pháp luật.

15. Dùng công quỹ để tiếp khách, tặng quà trái quy định của pháp luật hoặc để xây dựng các công trình vui chơi giải trí cho một số ít người. Cho thuê, cho mượn tài sản của Nhà nước được giao quản lý, sử dụng trái quy định của pháp luật.

16. Tự mình hoặc để người trong gia đình đi du lịch, tham quan, học tập, chữa bệnh ở trong nước hoặc ngoài nước bằng nguồn tài trợ của tổ chức trong nước hoặc tổ chức, cá nhân nước ngoài khi chưa được phép của cơ quan có thẩm quyền.

17. Tổ chức, tham gia đánh bạc, số đề, cá cược, cho vay trái quy định của pháp luật; sử dụng các chất ma túy; uống rượu, bia đến mức bê tha, mất tư cách và các tệ nạn xã hội khác.

Vì phạm đạo đức nghề nghiệp; có hành vi bạo lực trong gia đình, vi phạm chính sách dân số và kế hoạch hóa gia đình, sống chung với người khác như vợ chồng; bắn thân hoặc để con kết hôn với người nước ngoài trái quy định của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

18. Mê tín, hoạt động mê tín (hành nghề đồng cốt, thầy cúng, thầy bói; lập đền, miếu trái phép; ủng hộ hoặc tham gia tôn giáo bất hợp pháp).

19. Tổ chức việc cưới, các ngày lễ, tết, sinh nhật, kỷ niệm ngày cưới; mừng thọ, mừng nhà mới, lên chức, chuyển công tác nhằm vụ lợi.

II- Tổ chức thực hiện và xử lý vi phạm

1. Giao Ủy ban Kiểm tra Trung ương hướng dẫn thực hiện Quy định này và giúp Bộ Chính trị, Ban Bí thư kiểm tra, giám sát việc thực hiện.

Các cấp ủy đảng có trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện Quy định và định kỳ hàng năm phải báo cáo với cấp ủy cấp trên tình hình thực hiện Quy định này qua ủy ban kiểm tra của cấp ủy cấp trên.

Trong quá trình thực hiện, có vấn đề cần bổ sung, sửa đổi thì báo cáo Bộ Chính trị xem xét, quyết định.

2. Đảng viên vi phạm Quy định này là vi phạm kỷ luật Đảng. Nếu vi phạm thì tiến hành thẩm tra, xác minh, kết luận, xử lý công minh, chính xác, kịp thời theo quy định của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

3- Quy định này thay thế Quy định số 19-QĐ/TW, ngày 3-1-2002 của Bộ Chính trị (khóa IX) về những điều đảng viên không được làm, có hiệu lực từ ngày ký và phổ biến đến chi bộ để thực hiện.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

TRƯỞNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

KẾT LUẬN

CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 17-KL/TW, ngày 11 tháng 12 năm 2007

**Về dự thảo Đề án "Xây dựng giai cấp công nhân
Việt Nam thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa,
hiện đại hóa đất nước"**

Bộ Chính trị và Ban Bí thư đã nghiên cứu các tài liệu do Ban Chỉ đạo xây dựng Đề án trình. Tại cuộc họp ngày 6-12-2007, Bộ Chính trị đã nghe Ban Chỉ đạo xây dựng Đề án trình bày rõ thêm một số vấn đề trong Đề án. Sau khi thảo luận, Bộ Chính trị kết luận:

I- VỀ SỰ CẦN THIẾT VÀ QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

1. Bộ Chính trị nhất trí với Ban Chỉ đạo xây dựng Đề án về tính cấp thiết và tầm quan trọng của Đề án này.

Các nghị quyết Đại hội Đảng qua các nhiệm kỳ đều đề cập đến yêu cầu phải phát huy bản chất giai cấp công nhân của Đảng và xây dựng giai cấp công nhân lớn mạnh.

Qua hơn 20 năm đổi mới, giai cấp công nhân nước ta phát triển nhanh, có những chuyển biến tích cực, nhưng

cũng còn nhiều hạn chế, chưa nổi bật về địa vị chính trị; đời sống vật chất, tinh thần còn nhiều khó khăn. Cần có sự lãnh đạo, chỉ đạo để sớm khắc phục.

Khi chuyển mạnh sang kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập kinh tế quốc tế, trong thực tiễn cũng như trong nhận thức có những vấn đề mới nảy sinh về vị trí, vai trò của giai cấp công nhân, cần được tổng kết, phân tích rõ cả về lý luận và thực tiễn để có quyết định phù hợp, đáp ứng yêu cầu của thời kỳ mới. Do đó, cần có nghị quyết chuyên đề của Ban Chấp hành Trung ương về xây dựng giai cấp công nhân.

Trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, xây dựng giai cấp công nhân lớn mạnh là nhiệm vụ quan trọng có ý nghĩa chiến lược và cấp bách.

Ban Chấp hành Trung ương (khóa X) đã thống nhất đưa vào Chương trình toàn khóa: Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương bàn và ra nghị quyết về "Xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước". Hội nghị Trung ương 7 sẽ bàn và ra nghị quyết về thế hệ trẻ, giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức.

Cần làm rõ thêm để có sức thuyết phục hơn về sự cấp thiết phải có Nghị quyết của Trung ương về xây dựng giai cấp công nhân thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, nhiều thành phần và hội nhập kinh tế quốc tế. Cần tổng kết thực tiễn vừa qua, xác định quan điểm và giải pháp xây dựng giai cấp công nhân trong thời kỳ mới.

Cần làm rõ những vấn đề lý luận và thực tiễn đặt ra đối với giai cấp công nhân ta, những chiêu hướng tư tưởng, những hạn chế, yếu kém cần khắc phục, sự chống phá, lôi kéo của các thế lực thù địch đối với giai cấp công nhân.

2. Bộ Chính trị đề nghị Trung ương xác định tiêu đề của Đề án là: "Tiếp tục xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước".

3. Bộ Chính trị đánh giá cao những cố gắng, nỗ lực của Ban Chỉ đạo xây dựng Đề án: Tuy thời gian ngắn, nhưng đã tập hợp đông đảo các bộ, ngành, các tỉnh ủy, thành ủy, các tổ chức chính trị - xã hội, các nhà khoa học,... tham gia nghiên cứu, xây dựng Đề án; trực tiếp nghiên cứu, trao đổi ý kiến tại nhiều tỉnh, thành phố và các khu công nghiệp với các đồng chí lãnh đạo, công nhân và người sử dụng lao động; thu thập thông tin về giai cấp công nhân hiện nay trên thế giới và nghiên cứu, trao đổi kinh nghiệm tại Trung Quốc về xây dựng giai cấp công nhân; tổ chức nhiều cuộc hội thảo, tọa đàm để lấy ý kiến rộng rãi; phát huy trí tuệ tập thể, dân chủ, tôn trọng, lắng nghe và cân nhắc kỹ các ý kiến khác nhau trong quá trình chuẩn bị Đề án. Bản dự thảo Đề án, dự thảo Nghị quyết và Tờ trình đã được xây dựng công phu. Tuy nhiên, cần tiếp thu ý kiến Bộ Chính trị để tiếp tục bổ sung, nâng cao thêm chất lượng Đề án trước khi trình Trung ương.

II- VỀ NỘI DUNG CỦA DỰ THẢO ĐỀ ÁN

Bộ Chính trị cơ bản nhất trí với bối cảnh và những nội dung Ban Chỉ đạo xây dựng Đề án đã trình; đồng thời yêu cầu làm rõ thêm một số vấn đề trong nội dung của Đề án và Tờ trình Ban Chấp hành Trung ương.

1. Về định nghĩa và sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước

- Bộ Chính trị cơ bản nhất trí định nghĩa giai cấp công nhân do Ban Chỉ đạo xây dựng Đề án trình, nhưng chỉ nên coi đó là một khái niệm và cần bổ sung thêm ý "đang hình thành và phát triển"; cụ thể như sau: "*Giai cấp công nhân Việt Nam là một lực lượng xã hội to lớn, đang hình thành và phát triển, bao gồm những người lao động chân tay và trí óc, làm công hưởng lương trong các loại hình doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh và dịch vụ công nghiệp, hoặc sản xuất, kinh doanh và dịch vụ có tính chất công nghiệp*".

Cần có lý giải thêm, phân biệt giữa giai cấp và tầng lớp; không đơn giản là việc xếp mỗi người vào giai cấp, tầng lớp nào, mà phải nhận thức rõ bản chất giai cấp là một tập đoàn xã hội, đại diện cho một hệ tư tưởng chính trị. Cũng không thể phân định rạch ròi, vì có sự đan xen, chuyển dịch giữa các giai cấp, tầng lớp xã hội trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội.

Trên cơ sở khái niệm này sẽ tiếp tục nghiên cứu, hoàn chỉnh dần.

Cần nói rõ, tương ứng với khái niệm này, những số liệu về giai cấp công nhân mới chỉ là xác định sơ bộ bước đầu.

- Xác định trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước: "*Giai cấp công nhân nước ta là giai cấp lãnh đạo cách mạng thông qua đội tiên phong là Đảng Cộng sản Việt Nam có sứ mệnh lịch sử to lớn: là giai cấp đại diện cho phương thức sản xuất tiên tiến, giai cấp tiên phong trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, lực lượng đi đầu trong*

sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, vì mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh"; lực lượng nòng cốt trong liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức dưới sự lãnh đạo của Đảng; trong khối đại đoàn kết toàn dân tộc, giai cấp công nhân là cơ sở chính trị - xã hội vững chắc của Đảng và Nhà nước".

2. Về đánh giá tình hình giai cấp công nhân nước ta trong hơn 20 năm đổi mới vừa qua

Cơ bản nhất trí với đánh giá về những chuyển biến, ưu điểm và những hạn chế, yếu kém của giai cấp công nhân.

Cần bổ sung để đánh giá đầy đủ về cả những chuyển biến, ưu điểm và nhất là những hạn chế, yếu kém của giai cấp công nhân nước ta qua hơn 20 năm đổi mới.

Cần đánh giá đúng mức độ, phù hợp với thực tế về những chuyển biến quan trọng, những đóng góp to lớn của giai cấp công nhân vào sự phát triển của đất nước, cũng như những hạn chế, yếu kém. Cần nêu bật những chuyển biến lớn của giai cấp công nhân nước ta qua hơn 20 năm đổi mới vừa qua.

Cần chứng minh để có sức thuyết phục trong đánh giá đúng mức độ vai trò làm chủ và địa vị chính trị của giai cấp công nhân nước ta trong thực tế hiện nay (giai cấp tiên phong trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội; lực lượng đi đầu trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa; vai trò nòng cốt trong liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức). Cần thấy những nét mới của công nhân ngày nay.

Cần có thêm chứng minh để thể hiện rõ thực trạng đời sống vật chất, tinh thần của công nhân hiện nay.

Một đặc điểm cần lưu ý của giai cấp công nhân nước ta là: một bộ phận lớn xuất thân từ nông dân trong một số năm gần đây, do đó rất hạn chế, yếu kém về trình độ học vấn, chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp và giác ngộ giai cấp, bản lĩnh chính trị. Cần thấy rõ đặc điểm này để có giải pháp tích cực, phù hợp.

Cần có một ý riêng kiểm điểm về sự lãnh đạo của Đảng đối với việc xây dựng giai cấp công nhân.

3. Về nguyên nhân những ưu điểm, hạn chế và yếu kém của giai cấp công nhân nước ta hiện nay

Nhất trí cần nhìn toàn diện các nguyên nhân, phân tích sâu từng nguyên nhân, trong đó sự lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước là nguyên nhân quan trọng, quyết định nhất.

Đảng cần có kiểm điểm nghiêm túc về trách nhiệm đối với tình hình giai cấp công nhân. Đảng có chú trọng xây dựng giai cấp công nhân, nhưng chưa ngang tầm vị trí, vai trò của giai cấp công nhân trong thời kỳ mới; có một số biểu hiện chưa nhìn nhận đúng mức vị trí, vai trò của giai cấp công nhân, chưa quan tâm đúng mức xây dựng giai cấp công nhân (từ sau Đại hội VII, Ban Chấp hành Trung ương và Bộ Chính trị chưa có nghị quyết, chỉ thị chuyên đề về xây dựng giai cấp công nhân; nhiều khó khăn, hạn chế, yếu kém của giai cấp công nhân chưa được quan tâm khắc phục kịp thời; chưa chú trọng công tác giáo dục, nâng cao giác ngộ giai cấp, bản lĩnh chính trị cho giai cấp công nhân; tổ chức cơ sở đảng

tại các doanh nghiệp ngoài nhà nước rất thiếu và yếu; tỷ lệ đảng viên và lãnh đạo các cấp xuất thân từ công nhân rất thấp; còn ít quan tâm đào tạo, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo xuất thân từ công nhân; động viên, khen thưởng công nhân còn ít; đời sống của một bộ phận công nhân quá khó khăn,...). Về quan điểm của Đảng không có biểu hiện lệch lạc, nhưng trong chỉ đạo thực hiện còn lúng túng vì giai cấp công nhân nước ta phát triển nhanh; quan tâm xây dựng giai cấp công nhân cũng chưa đầy đủ.

Nhà nước ban hành nhiều chính sách, pháp luật xây dựng giai cấp công nhân, nhưng những chính sách, pháp luật này còn nhiều hạn chế, bất cập (nhiều chính sách, pháp luật kém khả thi, không được thực hiện tốt, một bộ phận công nhân lương quá thấp,...).

Hoạt động của tổ chức công đoàn còn nhiều hạn chế, hiệu quả thấp, chưa thực hiện tốt chức năng là tổ chức chính trị - xã hội của giai cấp công nhân. Tỷ lệ doanh nghiệp ngoài nhà nước có tổ chức công đoàn thấp.

4. Về bài học kinh nghiệm

Nhất trí những bài học kinh nghiệm chủ yếu đã nêu trong Đề án về xây dựng, phát huy vị trí, vai trò của giai cấp công nhân nước ta qua hơn 20 năm đổi mới; cần đưa vào Tờ trình và dự thảo Nghị quyết nội dung này.

5. Về quan điểm chỉ đạo đối với việc xây dựng giai cấp công nhân nước ta trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước

Nhất trí trình bày quan điểm chỉ đạo trước phần mục

tiêu. Các quan điểm chỉ đạo này chi phối việc xác định các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp.

Cơ bản nhất trí với nội dung 5 quan điểm trình bày trong dự thảo Đề án; nhưng cần cố gắng chắt lọc và sắp xếp lại để làm nổi rõ hơn nội dung cơ bản của các quan điểm.

Cần nói rõ thêm mối quan hệ hữu cơ giữa Đảng và giai cấp công nhân, Đảng không thể mạnh nếu không có giai cấp công nhân lớn mạnh.

6. Về mục tiêu xây dựng giai cấp công nhân

- Nhất trí xác định mục tiêu xây dựng giai cấp công nhân đến năm 2020 như trong dự thảo Đề án tương ứng với mục tiêu của Đại hội X: "Đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại". Xác định từ nay đến năm 2020, nói chung các doanh nghiệp đều có tổ chức cơ sở đảng (cần có giải pháp để đạt được mục tiêu này).

- Nhất trí với những chuyển biến phải tập trung phấn đấu để đạt được trong 3 năm còn lại của nhiệm kỳ Đại hội X (đến hết năm 2010). Đó là những vấn đề có tính cấp bách, phải phấn đấu đạt được những chuyển biến sớm và rõ. Trong đó cần chú trọng phát triển Đảng, thành lập tổ chức cơ sở đảng, công đoàn và Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh trong các doanh nghiệp và sớm cải thiện đời sống vật chất, tinh thần và nâng cao trình độ tay nghề của công nhân.

7. Về những thuận lợi và khó khăn, thách thức trong xây dựng giai cấp công nhân nước ta thời gian tới

Nhất trí xác định những thuận lợi và khó khăn, thách thức trong xây dựng giai cấp công nhân nước ta thời gian tới

gắn với thực hiện những chủ trương quan trọng của Đại hội X về công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập kinh tế quốc tế.

8. Về nhiệm vụ và giải pháp xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước

Cơ bản nhất trí với nội dung 7 nhiệm vụ và giải pháp trình bày trong dự thảo Đề án. Trong Tờ trình cần trình bày cụ thể thêm.

Cần nói rõ hơn những giải pháp cấp bách, đáp ứng những điều giai cấp công nhân đang mong đợi, để sau khi có nghị quyết của Trung ương sẽ tạo ra những chuyển biến mạnh mẽ; đồng thời cũng để giai cấp công nhân chủ động vươn lên.

(1) Về những nội dung công tác nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn về giai cấp công nhân trong thời gian tới, cần bổ sung thêm, nhất là đối với những vấn đề mới nảy sinh.

(2) Về đẩy mạnh và nâng cao chất lượng đào tạo nghề, từng bước trí thức hóa giai cấp công nhân, cần thấy đây là giải pháp hết sức quan trọng để chuyển một bộ phận lớn nông dân thành công nhân; cùng với các giải pháp công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn, đô thị hóa nông thôn,...

(3) Về bồi dưỡng, nâng cao trình độ chính trị, ý thức giai cấp, tinh thần dân tộc cho công nhân, cần thấy đây là vấn đề hết sức quan trọng, có ý nghĩa lớn, tạo cơ sở khẳng định địa vị chính trị, hệ tư tưởng của giai cấp công nhân; là đòi hỏi cấp thiết, vì một bộ phận lớn công nhân xuất thân từ nông dân.

(4) Về bổ sung, sửa đổi, xây dựng và thực hiện nghiêm chỉnh hệ thống chính sách, pháp luật đối với giai cấp công nhân gắn với tăng năng suất lao động.

Nghiên cứu bổ sung, sửa đổi chính sách, pháp luật đối với giai cấp công nhân theo hướng: phát huy các nguồn lực và trách nhiệm của Nhà nước, người sử dụng lao động, các tổ chức chính trị - xã hội, của toàn xã hội và của công nhân trong chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho công nhân.

Một số chính sách, pháp luật đối với giai cấp công nhân trước mắt cần sớm nghiên cứu sửa đổi, chú trọng nâng cao tính khả thi:

- Nghiên cứu ban hành Luật tiền lương tối thiểu.

- Quy định các doanh nghiệp đầu tư xây dựng nhà ở cho công nhân và các công trình phúc lợi công cộng được tính vào chi phí sản xuất.

- Xây dựng quy định pháp luật về thực hiện quy chế dân chủ ở các doanh nghiệp ngoài nhà nước.

- Có chính sách tôn vinh thích đáng những người lao động giỏi, có nhiều cống hiến, cả lao động chân tay và trí óc.

- Bổ sung chính sách về tổ chức phong trào thi đua, khen thưởng trong các doanh nghiệp ngoài nhà nước; quan tâm đúng mức đến việc tôn vinh công nhân có thành tích xứng đáng trong phong trào thi đua.

- Tiếp tục thực hiện chính sách bán cổ phần cho công nhân khi cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước (cần sớm làm rõ vấn đề này). Có chính sách đủ mạnh để khuyến khích doanh nghiệp ngoài nhà nước bán cổ phần cho công nhân.

- Nghiên cứu quy định có đại diện công đoàn để đại diện cho tập thể công nhân tham gia hội đồng quản trị công ty thuộc các thành phần kinh tế.

- Nghiên cứu xây dựng Luật đình công trên cơ sở tổng kết, bổ sung, sửa đổi các quy định trong Bộ luật lao động.

(5) Về xây dựng tổ chức cơ sở đảng và các tổ chức chính trị - xã hội vững mạnh, hoạt động có hiệu quả trong các doanh nghiệp.

- Ban hành Luật doanh nghiệp đi liền với quy định việc thành lập, hoạt động của tổ chức cơ sở đảng và các tổ chức chính trị - xã hội ở các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế, các doanh nghiệp có trách nhiệm tạo điều kiện thuận lợi để tổ chức đảng và các tổ chức chính trị - xã hội thành lập và hoạt động.

Có nhiều hình thức để tăng cường lực lượng đảng viên làm nòng cốt xây dựng tổ chức đảng, công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh trong các doanh nghiệp ngoài nhà nước.

- Phải hết sức quan tâm đổi mới mạnh mẽ phương thức hoạt động của công đoàn cơ sở.

Phối hợp chặt chẽ giữa Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam và Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam trong tăng cường công tác nữ công của công đoàn tại các doanh nghiệp.

Nghiên cứu, bổ sung cơ chế, chính sách bảo vệ cán bộ công đoàn cơ sở. Áp dụng chế độ phụ cấp trách nhiệm cho cán bộ công đoàn cơ sở từ ngân sách nhà nước và tổ chức công đoàn cấp trên.

- Đổi mới và nâng cao chất lượng hoạt động của tổ chức Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh trong các loại hình doanh nghiệp. Sớm khắc phục những hạn chế, bất cập hiện nay trong vận động, tập hợp thanh niên làm việc ở các doanh nghiệp ngoài nhà nước.

(6) *Xây dựng tổ chức công đoàn lớn mạnh, phát huy vai trò của công đoàn trong xây dựng giai cấp công nhân.*

- Cần thấy đây là một vấn đề rất quan trọng đối với việc xây dựng giai cấp công nhân.

- Nghiên cứu sớm sửa đổi, bổ sung Luật công đoàn (ban hành từ năm 1990).

- Nghiên cứu có quy định cơ cấu đại diện công đoàn vào thường vụ cấp ủy các cấp.

- Quy định cơ cấu đại diện công đoàn trong cơ quan lập pháp của Nhà nước và hội đồng nhân dân các cấp.

(7) *Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng trong xây dựng giai cấp công nhân.*

- Khẩn trương xây dựng chiến lược về giai cấp công nhân trên cơ sở nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương.

- Phát huy mạnh hơn vai trò lãnh đạo của Đảng, vai trò của Nhà nước, của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên trong xây dựng giai cấp công nhân.

- Có cơ chế, chính sách đẩy mạnh bồi dưỡng, đào tạo, tuyển chọn, sử dụng cán bộ xuất thân từ công nhân, nhất là công nhân trực tiếp sản xuất; tăng dần tỷ lệ công nhân trong bộ máy lãnh đạo các cấp của Đảng, Nhà nước, công đoàn và các tổ chức chính trị - xã hội khác.

- Cần xác định rõ cơ chế làm việc của lãnh đạo Đảng và Nhà nước các cấp đối với giai cấp công nhân và công đoàn.

III- Căn cứ các ý kiến trên đây của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Ban Chỉ đạo xây dựng Đề án bổ sung, tu chỉnh bản Đề án, dự thảo Nghị quyết, các phụ lục và Tờ trình để báo cáo Ban Chấp hành Trung ương. Trong Tờ trình cần thể hiện rõ có mấy loại ý kiến trong mỗi vấn đề quan trọng và ý kiến của

Bộ Chính trị theo từng vấn đề. Bộ Chính trị ủy nhiệm đồng chí Trưởng Tán Sang chỉ đạo việc tu chỉnh Đề án, Tờ trình, dự thảo Nghị quyết gửi Bộ Chính trị góp ý vào văn bản một lần nữa để tiếp tục hoàn thiện và chính thức trình Ban Chấp hành Trung ương.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
TỔNG Bí THƯ

NÔNG ĐỨC MẠNH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN Bí THU**

Số 117-QĐ/TW, ngày 12 tháng 12 năm 2007

**Về việc thành lập Bộ phận thường trực
Ban Chỉ đạo Công tác thông tin đối ngoại**

- Căn cứ Điều lệ Đảng;
- Căn cứ Quy định về phân cấp quản lý cán bộ;
- Căn cứ kết luận của Ban Bí thư tại Công văn số 114-CV/TW, ngày 15-8-2007;
- Xét đề nghị của Ban Chỉ đạo Công tác thông tin đối ngoại và Ban Tuyên giáo Trung ương,

BAN Bí THU QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Bộ phận thường trực Ban Chỉ đạo Công tác thông tin đối ngoại gồm các đồng chí sau:

- 1- Đồng chí Nguyễn Hồng Vinh, Phó Trưởng Ban Tuyên giáo Trung ương, Phó Trưởng Ban Chỉ đạo Công tác thông tin đối ngoại, Trưởng Bộ phận thường trực.
- 2- Đồng chí Thượng tướng Nguyễn Khánh Toàn, Ủy viên Trung ương Đảng, Thứ trưởng Thường trực Bộ Công an, Ủy viên.

3- Đồng chí Đào Việt Trung, Thứ trưởng Bộ Ngoại giao, Ủy viên.

4- Đồng chí Đỗ Quý Doãn, Thứ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông, Ủy viên.

Điều 2. Bộ phận thường trực Ban Chỉ đạo Công tác thông tin đối ngoại có quy chế hoạt động và có 2 cán bộ chuyên trách thuộc biên chế Ban Tuyên giáo Trung ương.

Điều 3. Văn phòng Trung ương Đảng bảo đảm chỗ làm việc và kinh phí phục vụ hoạt động chung của Ban Chỉ đạo Công tác thông tin đối ngoại và hoạt động của Bộ phận thường trực.

Điều 4. Ban Chỉ đạo Công tác thông tin đối ngoại, Ban Tuyên giáo Trung ương, Ban Tổ chức Trung ương, Văn phòng Trung ương Đảng và các đồng chí có tên trên thi hành Quyết định này.

T/M BAN Bí THU

TRƯỞNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**THÔNG BÁO
KẾT LUẬN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ**

Số 118-TB/TW, ngày 17 tháng 12 năm 2007

**Về kết quả thực hiện Nghị quyết 15-NQ/TW
của Bộ Chính trị và công tác chuẩn bị
kỷ niệm 1000 năm Thăng Long - Hà Nội**

Thực hiện chương trình công tác năm 2007, ngày 7-12-2007, Bộ Chính trị làm việc với Ban Thường vụ Thành ủy Hà Nội để cho ý kiến về kết quả thực hiện Nghị quyết 15-NQ/TW của Bộ Chính trị (khóa VIII) "Về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thủ đô Hà Nội trong thời kỳ 2001 - 2010" và công tác chuẩn bị kỷ niệm 1000 năm Thăng Long - Hà Nội.

Sau khi nghe đồng chí Bí thư và Phó Bí thư Thường trực Thành ủy báo cáo, Bộ Chính trị đánh giá cao quá trình chuẩn bị chu đáo, với tinh thần tự phê bình và phê bình nghiêm túc của Ban Thường vụ về các nội dung trình Hội nghị, đồng thời đã thảo luận và kết luận một số vấn đề chủ yếu sau đây:

1. Tình hình thực hiện Nghị quyết 15-NQ/TW của Bộ Chính trị và công tác chuẩn bị kỷ niệm 1000 năm Thăng Long - Hà Nội

Những năm qua, Đảng bộ, chính quyền và nhân dân Thủ đô

Hà Nội đã quán triệt nghiêm túc, chủ động và tích cực tổ chức thực hiện Nghị quyết 15-NQ/TW "Về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thủ đô Hà Nội trong thời kỳ 2001 - 2010" và Chỉ thị số 32-CT/TW "Về việc kỷ niệm 1000 năm Thăng Long 1010 - 2010" của Bộ Chính trị (khóa VIII). Đã vận dụng sáng tạo các nội dung của Nghị quyết, Chỉ thị đưa vào Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII, XIV Đảng bộ thành phố; cụ thể hóa bằng các chương trình hành động và kế hoạch chỉ đạo để tổ chức thực hiện; gắn việc thực hiện Nghị quyết với thực hiện Pháp lệnh Thủ đô Hà Nội. Trong quá trình đó, Bộ Chính trị đã chỉ đạo thành phố phối hợp với các bộ, ban, ngành Trung ương sơ kết đánh giá 1 năm và 5 năm, có kết luận để đôn đốc thực hiện Nghị quyết; nhiều đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã trực tiếp làm việc với lãnh đạo thành phố.

Sau 7 năm thực hiện Nghị quyết 15 và 8 năm thực hiện Chỉ thị 32 của Bộ Chính trị, thành phố đã *đạt được những thành tựu rất quan trọng, tạo ra những biến đổi tích cực trên các lĩnh vực*. Nổi bật là:

- Kinh tế tiếp tục phát triển với tốc độ cao và ổn định; cơ cấu kinh tế đang chuyển dịch theo hướng tích cực: dịch vụ - công nghiệp - nông nghiệp; các yếu tố của kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đã và đang được hình thành ngày càng rõ nét hơn.

Thành phố Hà Nội tiếp tục thể hiện được vai trò là một trong những trung tâm kinh tế lớn của cả nước. Năm 2007, kinh tế thành phố đã đóng góp 9,3% GDP, gần 15% giá trị sản xuất công nghiệp, gần 9% kim ngạch xuất khẩu, trên 14,7% tổng thu ngân sách nhà nước, trên 10% vốn đầu tư

toàn xã hội của cả nước (đều cao hơn 1 - 2% vào thời điểm năm 2005).

- Công tác xây dựng, rà soát, điều chỉnh, quản lý quy hoạch được tăng cường; kết cấu hạ tầng tiếp tục được đầu tư mở rộng theo hướng hiện đại, bộ mặt đô thị thay đổi khá nhanh; công tác quản lý đô thị, lập lại trật tự xây dựng được chấn chỉnh, đạt kết quả tốt hơn; việc huy động các nguồn lực trong xã hội cho đầu tư phát triển, thu hút đầu tư nước ngoài có bước tiến bộ mới; nhiều vấn đề dân sinh bức xúc từng bước được giải quyết.

- Các lĩnh vực văn hóa - xã hội chuyển biến tích cực; quy mô, chất lượng giáo dục - đào tạo, phát triển nguồn nhân lực, y tế, thể dục - thể thao, khoa học - công nghệ... tiếp tục được mở rộng và nâng cao; công tác bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa Thăng Long - Hà Nội, xóa đói, giảm nghèo, chăm sóc các đối tượng chính sách xã hội... đạt nhiều kết quả. Đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân Thủ đô được cải thiện.

- Chính trị ổn định, quốc phòng được tăng cường, an ninh, trật tự an toàn xã hội tiếp tục được giữ vững; các cơ quan đầu não, các mục tiêu quan trọng, các sự kiện chính trị - văn hóa lớn diễn ra trên địa bàn Thủ đô được bảo vệ an toàn tuyệt đối.

- Quan hệ đối ngoại với một số thành phố lớn trong khu vực và thế giới được mở rộng; quan hệ hợp tác với một số địa phương trong nước, tranh thủ sự giúp đỡ của các bộ, ban, ngành Trung ương được coi trọng hơn trước; uy tín và vị thế của Thủ đô Hà Nội ngày càng được nâng cao.

- Công tác xây dựng Đảng, hệ thống chính trị được tập trung chỉ đạo, đạt được kết quả rõ nét; năng lực và sức chiến

đấu của Đảng bộ, vai trò quản lý nhà nước của các cấp chính quyền, cải cách hành chính, phòng chống tham nhũng, lãng phí, đổi mới phương thức lãnh đạo, điều hành của cấp ủy, chính quyền, đổi mới hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội của thành phố đều có những tiến bộ. Truyền thống đoàn kết trong Đảng bộ, trong cấp ủy tiếp tục được phát huy.

- Công tác chuẩn bị kỷ niệm 1000 năm Thăng Long - Hà Nội đã và đang được tập trung chỉ đạo, trên một số mặt triển khai khá tích cực. Thành phố đã tổ chức thành công Đại lễ kỷ niệm 990 năm; xây dựng Đề cương hoạt động tiến tới kỷ niệm 1000 năm Thăng Long - Hà Nội; gắn phát triển văn hóa với xây dựng người Hà Nội thanh lịch, văn minh; xác định các hoạt động, các danh mục công trình tiêu biểu phục vụ cho kỷ niệm; nhiều hoạt động, nhiều công trình, dự án đã hoặc đang được triển khai.

Những thành tựu trên đây đã góp phần rất quan trọng vào thành tựu chung của đất nước. Thành phố đã được Đảng và Nhà nước phong tặng danh hiệu "Thành phố Anh hùng", hai lần đón nhận Huân chương Sao Vàng; được UNESCO công nhận là "Thành phố vì hòa bình"...

Tuy nhiên, thành phố vẫn còn những hạn chế, yếu kém chủ yếu:

- Chất lượng, hiệu quả tăng trưởng, chuyển dịch cơ cấu kinh tế chưa cao, sức cạnh tranh còn hạn chế; nhiều tiềm năng, thế mạnh của Thủ đô (vị thế, vai trò, các nguồn lực về con người, đất đai, văn hóa, khoa học - công nghệ...) chưa được khai thác tốt; vai trò của các ngành chủ lực, mũi nhọn, nhất là những ngành dịch vụ chất lượng cao, các ngành công

nghiệp công nghệ cao chưa rõ nét. Vai trò đầu tàu của một trung tâm kinh tế, khoa học - công nghệ trình độ cao; trung tâm tài chính, tiền tệ của vùng và cả nước chưa được phát huy mạnh mẽ.

- Công tác quy hoạch triển khai chậm, chất lượng thấp, thiếu đồng bộ, chưa theo kịp yêu cầu phát triển; hiệu quả quản lý quy hoạch, quản lý đô thị, xử lý những vấn đề dân sinh bức xúc, quản lý và sử dụng đất đai nhiều mặt còn nhiều yếu kém; kết cấu hạ tầng đô thị nhìn chung còn lạc hậu, chưa đáp ứng yêu cầu của một đô thị văn minh, hiện đại. Công tác giải phóng mặt bằng còn nhiều khó khăn, tốn kém.

- Sự nghiệp văn hóa - xã hội, lĩnh vực khoa học - công nghệ phát triển chưa tương xứng với tiềm năng, vị thế của Thủ đô, chưa huy động được nhiều nguồn tiềm năng, trí tuệ trên địa bàn để đầu tư phát triển cho các lĩnh vực này; chất lượng nguồn nhân lực còn thấp; khoảng cách giàu - nghèo giữa thành thị với nông thôn ngày càng lớn (tính theo giá thực tế, GDP năm 2007 bình quân đầu người ở nông thôn ngoại thành chỉ đạt khoảng trên 500 USD so với 2.100 USD bình quân của thành phố).

- Môi trường đầu tư chưa thật hấp dẫn; các hoạt động hợp tác, liên kết giữa Thủ đô Hà Nội với các địa phương trong nước chưa toàn diện, mới dừng ở một số lĩnh vực kinh tế, quy mô không lớn; chưa thể hiện được vai trò "đầu tàu" trong hợp tác, liên kết với các địa phương trong vùng kinh tế động lực. Hiệu quả của việc phối hợp, tranh thủ sự giúp đỡ của các cơ quan Trung ương trong thực hiện Nghị quyết của Bộ Chính trị chưa cao.

- An ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội còn diễn biến phức tạp, đang tiềm ẩn những nhân tố gây mất ổn định chính trị - xã hội không thể xem thường; tình trạng ùn tắc giao thông, ô nhiễm môi trường, một số vụ việc về tệ nạn xã hội đang trở thành vấn đề bức xúc.

- Công tác xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị và đội ngũ cán bộ chuyển biến chưa ngang tầm với nhiệm vụ và tình hình mới. Tính chiến đấu, vai trò hạt nhân lãnh đạo của một số tổ chức đảng, đảng viên còn mờ nhạt; chất lượng sinh hoạt chi bộ, nhất là chi bộ ở cơ quan, doanh nghiệp còn thấp. Vai trò quản lý nhà nước của các cấp chính quyền, nhất là ở cơ sở trên một số mặt về quản lý đất đai, quản lý trật tự và xây dựng đô thị còn những mặt yếu kém. Công tác cải cách hành chính tiến bộ chưa căn bản. Nhiều thủ tục còn phiền hà; bộ máy chồng kẽm, hiệu lực chưa cao; tình trạng dùn đầy, né tránh, sách nhiễu của một bộ phận cán bộ thi hành công vụ... gây nhiều bức xúc cho doanh nghiệp và công dân.

- Công tác chuẩn bị kỷ niệm 1000 năm Thăng Long - Hà Nội còn nhiều khó khăn, vướng mắc, một số mục tiêu đặt ra triển khai chưa đồng bộ; nhiều công trình, dự án, nhiều phần việc còn chậm so với tiến độ; công tác chỉ đạo, năng lực tổ chức thực hiện còn hạn chế; chưa tranh thủ được sự quan tâm, phối hợp của các tỉnh, thành phố và các bộ, ngành Trung ương trong tổ chức thực hiện các công việc chuẩn bị kỷ niệm.

Nguyên nhân chủ yếu của những hạn chế, yếu kém trên đây là do:

- Tính chủ động, nhạy bén, quyết liệt trong chỉ đạo, điều hành của thành phố và trong một bộ phận cán bộ, một số cấp ủy và chính quyền các cấp chưa theo kịp với yêu cầu; tình

trạng況 hành nhiều, chậm trễ, đùn đẩy trách nhiệm trong điều hành, xử lý công việc ở một số sở, ngành, đơn vị của thành phố chưa được kiên quyết khắc phục; công tác kiểm tra, giám sát chưa thường xuyên, thiếu sâu sát; một bộ phận cán bộ chưa đáp ứng được yêu cầu về phẩm chất và năng lực chậm được thay thế.

- Những khó khăn, thách thức của thời kỳ hội nhập, giá cả tăng cao và hậu quả của dịch bệnh xảy ra đã tác động không nhỏ đến quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết và Chỉ thị của Bộ Chính trị. Hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách chung vừa chưa đồng bộ, vừa chưa phù hợp với đặc thù của Thủ đô, gây khó khăn, lúng túng khi vận dụng và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ chính trị của thành phố.

- Một số bộ, ngành Trung ương chưa chủ động, tích cực phối hợp với thành phố giải quyết những vấn đề thuộc thẩm quyền của Trung ương theo đúng tinh thần Nghị quyết 15 và Chỉ thị 32 của Bộ Chính trị. Nhiều vấn đề vướng mắc trong triển khai thực hiện có liên quan đến trách nhiệm của Trung ương, nhiều kiến nghị của thành phố đã được Bộ Chính trị kết luận khi sơ kết Nghị quyết, nhưng chưa được các cơ quan chức năng của Trung ương xem xét hoặc xử lý kịp thời, thấu đáo.

2. Phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm tiếp tục thực hiện Nghị quyết 15 và Chỉ thị 32 của Bộ Chính trị từ nay đến năm 2010

Để thực hiện thắng lợi những mục tiêu, nhiệm vụ còn lại của Nghị quyết 15 và hoàn thành những công việc chuẩn bị kỷ niệm 1000 năm Thăng Long - Hà Nội, từ nay đến năm 2010,

Hà Nội phải là địa phương đi đầu trong phát triển nhanh, toàn diện và bền vững, xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; đi đầu trong phát triển kinh tế tri thức, hội nhập kinh tế quốc tế, trong công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng và quản lý đô thị; đi đầu trong xây dựng nền văn hóa mới, con người mới; giữ vững ổn định chính trị - xã hội nhằm tạo ra bước phát triển mới trên mọi lĩnh vực, thiết thực kỷ niệm 1000 năm Thăng Long - Hà Nội và góp phần quan trọng vào sự phát triển chung của đất nước.

Phấn đấu đến năm 2015, Hà Nội về cơ bản hoàn thành sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và đến năm 2020, Thủ đô Hà Nội trở thành một đô thị văn minh, hiện đại, không gian được mở rộng; xứng đáng với vai trò là Thủ đô xã hội chủ nghĩa, trái tim của cả nước, đầu não chính trị - hành chính quốc gia, trung tâm lớn về văn hóa, khoa học, giáo dục, kinh tế và giao dịch quốc tế.

Theo phương hướng đó, Bộ Chính trị tán thành những nhiệm vụ, giải pháp thành phố đã nêu trong Báo cáo, đồng thời nhấn mạnh:

- Đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế đạt mức bình quân mỗi năm từ 12% trở lên; gắn tăng trưởng với chuyển dịch cơ cấu kinh tế, hướng vào phát triển mạnh các ngành, các lĩnh vực dịch vụ cao, công nghiệp có công nghệ cao, ít ô nhiễm môi trường; gắn tăng trưởng kinh tế với phát triển bền vững, nâng cao chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế.

- Tạo bước chuyển biến rõ nét hơn trong phát triển văn hóa, xây dựng người Hà Nội thanh lịch, văn minh xứng tầm với Thủ đô ngàn năm văn hiến, anh hùng, tiêu biểu cho cả nước; huy

động mọi trí tuệ, nguồn lực để phát triển khoa học - công nghệ, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, chăm sóc sức khỏe nhân dân để thực sự là một trung tâm lớn của vùng và cả nước; giải quyết có hiệu quả các vấn đề xã hội bức xúc, việc làm, nhà ở cho công nhân, người có thu nhập thấp, thu hẹp khoảng cách giàu - nghèo; nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân Thủ đô.

- Đẩy mạnh công tác quy hoạch và quản lý quy hoạch; công tác xã hội hóa đầu tư, huy động nguồn lực để phát triển mạnh kết cấu hạ tầng kỹ thuật, nhất là giao thông đô thị theo hướng đồng bộ, hiện đại, sớm định hình một hạ tầng kỹ thuật khung cho quá trình đô thị hóa. Trên cơ sở bảo đảm chất lượng, đẩy nhanh tiến độ thực hiện các nhiệm vụ, công trình, dự án cho các hoạt động kỷ niệm 1000 năm Thăng Long - Hà Nội. Tập trung giải quyết tốt hơn những vấn đề quản lý đô thị, đất đai, ô nhiễm môi trường, úng ngập; khắc phục, tiến tới giảm nhanh tình trạng ùn tắc và tai nạn giao thông.

- Giữ vững ổn định chính trị, bảo đảm an ninh và trật tự an toàn xã hội; bảo vệ an toàn tuyệt đối các cơ quan đầu não, các hoạt động của Đảng và Nhà nước trên địa bàn thành phố.

- Mở rộng các hoạt động đối ngoại và hợp tác phát triển. Bảo đảm các điều kiện để hội nhập thành công. Trong đó, hình thành nhanh và đồng bộ các yếu tố của kinh tế thị trường; đẩy mạnh cải cách hành chính trên cả 3 mặt thể chế, xây dựng tổ chức, bộ máy và xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức; đẩy nhanh tiến trình sắp xếp, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả của doanh nghiệp nhà nước và chăm lo đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể.

- Tập trung mọi nỗ lực tạo chuyển biến mạnh hơn trong công tác xây dựng Đảng trên các mặt chính trị, tư tưởng, tổ

chức và kiểm tra, nâng cao năng lực tổ chức thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng; nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức đảng và đảng viên; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước của các cấp chính quyền, chất lượng hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội ở địa phương; xây dựng cho được một đội ngũ cán bộ thực sự trong sạch, vững mạnh, ngang tầm với nhiệm vụ và đáp ứng được yêu cầu của hội nhập. Đẩy mạnh công tác đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí; xử lý nghiêm minh các vụ án tham nhũng, lãng phí.

3. Về một số kiến nghị của thành phố

Đối với những kiến nghị đã có kết luận (vấn đề quy hoạch, quản lý, khai thác quỹ đất ngoài đê hai bên sông và kè bờ sông Hồng; quy hoạch phát triển giao thông Hà Nội; ban hành "Quy chế đặc thù về quản lý tăng dân số tại Hà Nội"; vấn đề bàn giao toàn bộ khu di tích lịch sử văn hóa và cách mạng Thành cổ Hà Nội cho Hà Nội quản lý...), theo báo cáo của thành phố, nhiều vấn đề chưa được triển khai hoặc còn rất chậm, Bộ Chính trị giao cho Ban Cán sự Đảng Chính phủ tiếp tục chỉ đạo các bộ, ngành chức năng phối hợp với thành phố抓紧 trương thực hiện và hoàn thành trong thời gian sớm nhất.

Đối với những kiến nghị mới, Bộ Chính trị đồng ý về chủ trương và giao cho Ban Cán sự Đảng Chính phủ chỉ đạo:

- Về quy hoạch vùng Thủ đô và mở rộng địa giới hành chính Thủ đô Hà Nội, cơ bản đồng tình với phương án của Ban Cán sự Đảng Chính phủ trình Bộ Chính trị. Đây là vấn đề vừa cơ bản, lâu dài, vừa cấp bách đối với sự nghiệp phát

triển của Thủ đô, nhưng rất hệ trọng và nhạy cảm. Bộ Chính trị giao Ban Cán sự Đảng Chính phủ khẩn trương hoàn chỉnh phương án, làm việc với Hà Nội và các địa phương có liên quan để Bộ Chính trị thảo luận cụ thể hơn ở phiên họp khác, trước khi trình xin ý kiến Trung ương và trình Quốc hội thảo luận, quyết định, theo đúng trình tự và quy định của pháp luật.

- *Đồng ý để Chính phủ phân công đồng chí Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ trực tiếp làm Trưởng Ban Chỉ đạo quốc gia về công tác kỷ niệm 1000 năm Thăng Long - Hà Nội; chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án, công trình của Trung ương trên địa bàn; xem xét hỗ trợ bổ sung vốn hằng năm cho chương trình mục tiêu quốc gia về văn hóa, hỗ trợ ngân sách trung ương có mục tiêu cho thành phố để hoàn thành các công trình phục vụ cho kỷ niệm; nghiên cứu ban hành các đơn giá xây dựng phù hợp với đặc thù Thủ đô.*

- *Đồng ý cho Thủ đô Hà Nội thực hiện thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù (quy chế quản lý dân cư trên địa bàn Thủ đô; tăng mức xử phạt hành chính và bổ sung một số chế tài xử phạt trên một số lĩnh vực; về cơ chế, chính sách cho công tác giải phóng mặt bằng ở Thủ đô; thành lập công ty đầu tư tài chính). Những vấn đề thuộc thẩm quyền của Quốc hội thì trình Quốc hội xem xét, quyết định.*

- *Đồng ý để Chính phủ chỉ đạo xem xét những kiến nghị của Hà Nội về quản lý và phát triển đô thị theo hướng bền vững (xây dựng hệ thống giao thông hiện đại trên địa bàn thành phố; quy hoạch hai bên bờ sông Hồng đoạn qua Hà Nội; di dời các cơ sở công nghiệp, trường học, bệnh viện ra*

khỏi trung tâm thành phố; xây dựng đồng bộ các quy chuẩn xây dựng phù hợp với đặc thù của Thủ đô...).

- *Đồng ý để Chính phủ xem xét trình Quốc hội ban hành Luật Thủ đô Hà Nội (thay thế Pháp lệnh Thủ đô) vào thời điểm thích hợp.*

Trên cơ sở kết luận của Bộ Chính trị, Thành ủy Hà Nội chỉ đạo cụ thể hóa các nội dung Báo cáo thành các đề án, kế hoạch cụ thể, trình Chính phủ, các bộ, ban, ngành Trung ương giải quyết theo thẩm quyền và tiếp tục tổ chức thực hiện thắng lợi Nghị quyết 15 và Chỉ thị 32 của Bộ Chính trị.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
TRƯỞNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**THÔNG BÁO
KẾT LUẬN CỦA BAN Bí THƯ**

Số 119-TB/TW, ngày 18 tháng 12 năm 2007

**Về tiếp tục thực hiện Nghị quyết 36-NQ/TW
của Bộ Chính trị về công tác đối với
người Việt Nam ở nước ngoài và phương hướng
công tác trong tình hình mới**

Tại phiên họp ngày 11-12-2007, sau khi nghe Ban Cán sự
Đảng Bộ Ngoại giao trình bày Tờ trình về dự thảo Đề án
"Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết 36-NQ/TW của Bộ
Chính trị về công tác đối với người Việt Nam ở nước ngoài
trong tình hình mới giai đoạn 2007 - 2010" (số 81-TTr/BCSD-
UBNVN-m, ngày 31-10-2007) và ý kiến của các cơ quan liên
quan, Ban Bí thư kết luận như sau :

Việc triển khai thực hiện Nghị quyết 36-NQ/TW, ngày
26-3-2004 của Bộ Chính trị (khóa IX) về công tác đối với
người Việt Nam ở nước ngoài và Chương trình hành động của
Chính phủ trong ba năm qua đã thu được kết quả bước đầu
rất quan trọng, đã tạo một bước chuyển mới về tư duy và
hành động trong toàn hệ thống chính trị về công tác này. Các
bộ, ban, ngành từ Trung ương đến địa phương đã cụ thể hóa

Nghị quyết với việc tích cực rà soát, sửa đổi, bổ sung và xây
dựng mới các chính sách, biện pháp liên quan tới người Việt
Nam ở nước ngoài, tạo cơ sở pháp lý cho việc thực hiện Nghị
quyết một cách hiệu quả, đồng thời đã chủ động và tích cực
triển khai một loạt các hoạt động vận động cộng đồng với
nhiều biện pháp, hình thức phong phú. Những kết quả đó đã
có tác động tích cực đến tình cảm của bà con kiều bào cũng
như đến chính quyền các nước, đặc biệt là các nước có đông
người Việt làm ăn, sinh sống, tạo thuận lợi hơn cho bà con ổn
định cuộc sống và cho việc triển khai công tác đối với người
Việt Nam ở nước ngoài. Điều đó ngày càng khẳng định sự
đúng đắn và tính chiến lược lâu dài của Nghị quyết.

Tuy nhiên, sự phát triển của tình hình mới, đặc biệt là
việc đáp ứng những nguyện vọng thiết thân của bà con, cũng
như những khó khăn, hạn chế bộc lộ trong quá trình triển
khai Nghị quyết đã và đang đặt ra những yêu cầu mới, đòi
hỏi phải tạo động lực mới và bước đột phá nhằm đẩy mạnh
việc thực hiện Nghị quyết 36-NQ/TW và Chương trình hành
động của Chính phủ để tạo bước chuyển mạnh trong công tác
đối với người Việt Nam ở nước ngoài trong thời gian tới.

Theo tinh thần trên, Ban Bí thư hoan nghênh Bộ Ngoại
giao (Ủy ban Về người Việt Nam ở nước ngoài) đã chủ trì,
phối hợp với các cơ quan và địa phương tiến hành sơ kết ba
năm thực hiện Nghị quyết 36 và đề ra các giải pháp nhằm
thực hiện tốt Nghị quyết trong giai đoạn tiếp theo.

Ban Bí thư đồng ý về cơ bản với những nội dung của Đề
án, đồng thời lưu ý một số vấn đề sau:

1. Về tên gọi của Đề án, cần đặt vấn đề đây là Báo cáo sơ
kết ba năm thực hiện Nghị quyết 36-NQ/TW, ngày 26-3-2004

của Bộ Chính trị về công tác đối với người Việt Nam ở nước ngoài nhằm mục tiêu tiếp tục đẩy mạnh việc thực hiện Nghị quyết 36 trong thời gian tới. Không nên đặt mốc thời gian thực hiện chỉ trong giai đoạn 2007 - 2010.

2. Phân đánh giá về những mặt hạn chế trong triển khai Nghị quyết 36 và Chương trình hành động của Chính phủ:

- Cần nhấn mạnh việc nắm tình hình người Việt Nam ở nước ngoài, nhất là ở từng địa bàn và các đối tượng cụ thể vẫn còn những hạn chế cần khắc phục; trên cơ sở đó, đề ra các giải pháp cụ thể, thích hợp cho từng đối tượng và từng địa bàn.

- Công tác thông tin, tuyên truyền cho cộng đồng tuy có những chuyển biến tích cực nhưng nhìn chung vẫn chưa đáp ứng yêu cầu; nhiều thông tin đến với cộng đồng chủ yếu qua các luồng không chính thức hoặc đã bị các phần tử xấu xuyên tạc.

- Bộ máy tổ chức, cán bộ và kinh phí dành cho công tác vận động ở trong và ngoài nước chưa đáp ứng với tình hình và nhiệm vụ đặt ra. Các cơ quan, ban, ngành từ Trung ương đến địa phương, các cơ quan đại diện của ta ở nước ngoài vẫn còn có nhận thức coi công tác vận động cộng đồng là nhiệm vụ của cơ quan chuyên trách về công tác đối với người Việt Nam ở nước ngoài mà chưa xác định rõ đó là nhiệm vụ của chính mình. Việc phối hợp giữa các cơ quan liên quan đã được nâng lên một bước song chưa tạo được cơ chế phối hợp chặt chẽ và thông tin đầy đủ, thường xuyên. Những hạn chế về cải cách thủ tục hành chính, năng lực và phẩm chất đạo đức của một số cán bộ ở các cấp cũng làm giảm kết quả vận động.

- Việc chăm lo, hỗ trợ người Việt Nam ở nước ngoài hội nhập thành công và có cuộc sống ổn định tại nước sở tại, đoàn kết, đùm bọc, thương yêu, giúp đỡ lẫn nhau vẫn còn nhiều hạn chế. Chưa có những biện pháp hữu hiệu làm phân hóa, cô lập lực lượng chống đối ta trong cộng đồng.

3. Về phương hướng công tác trong tình hình mới, nhấn mạnh việc thực hiện công tác đối với người Việt Nam ở nước ngoài trong thời gian tới là trách nhiệm của toàn bộ hệ thống chính trị và của toàn dân. Vì vậy, cần phải quán triệt trong toàn Đảng, toàn dân những chủ trương lớn sau đây:

- Thực hiện đúng tinh thần Nghị quyết coi người Việt Nam ở nước ngoài là “bộ phận không tách rời và là một nguồn lực của cộng đồng dân tộc Việt Nam, là nhân tố quan trọng góp phần tăng cường quan hệ hợp tác, hữu nghị giữa nước ta với các nước”.

- Thể hiện rõ truyền thống đại đoàn kết toàn dân tộc trên cơ sở “ý thức dân tộc và lòng yêu nước, niềm tự hào dân tộc và mục tiêu chung của mọi người Việt Nam là giữ vững nền độc lập dân tộc, thống nhất của Tổ quốc, làm cho dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”.

- Tăng cường bảo vệ các quyền lợi chính đáng của người Việt Nam ở nước ngoài phù hợp luật pháp, công ước và thông lệ quốc tế, tạo điều kiện thuận lợi cho cộng đồng đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau, ổn định cuộc sống; tích cực đáp ứng các nhu cầu về thông tin, dạy và học tiếng Việt cũng như về văn hóa, tín ngưỡng của cộng đồng.

- Đáp ứng những quyền lợi thiết thân của người Việt Nam ở nước ngoài, có hình thức khen thưởng kịp thời đối

với kiều bào có thành tích đóng góp cho đất nước và chế độ đãi ngộ thỏa đáng đối với những cán bộ cốt cán, người có công với nước. Phát huy tiềm năng tri thức và kinh tế của người Việt Nam ở nước ngoài đóng góp vào sự phát triển của đất nước.

4. Về các giải pháp cụ thể, đồng ý về cơ bản với các giải pháp đã nêu trong Đề án và lưu ý một số ý sau:

- Cần rà soát lại các giải pháp đã nêu, làm sao cho các giải pháp không mang tính hình thức, có tính khả thi cao.

- Ban hành chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ về công tác đối với người Việt Nam ở nước ngoài nhằm thể chế hóa chủ trương của Đảng về công tác đối với người Việt Nam ở nước ngoài nêu tại Nghị quyết 36 của Bộ Chính trị và đề cập đến việc tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết 36 trong thời gian tới.

- Đề ra các giải pháp vận động thân nhân trong nước của người Việt Nam ở nước ngoài tham gia tích cực trong công tác đối với người Việt Nam ở nước ngoài.

- Cần có các giải pháp vận động, phân hóa lực lượng xấu và đấu tranh với các hoạt động chống đối trong cộng đồng.

- Không đặt vấn đề thành lập Ban Chỉ đạo (quốc gia) triển khai Nghị quyết 36. Cần khẩn trương củng cố và hoàn thiện bộ máy tổ chức, nhân sự của cơ quan Ủy ban về người Việt Nam ở nước ngoài và cơ chế phối hợp với các cơ quan, đoàn thể ở Trung ương và địa phương có liên quan đến công tác đối với người Việt Nam ở nước ngoài nhằm tăng cường sự chỉ đạo thống nhất của Đảng và Chính phủ đối với công tác này. Phân công đồng chí Ủy viên Bộ Chính

trị phụ trách công tác đối ngoại chịu trách nhiệm chính trước Đảng và Chính phủ về công tác đối với người Việt Nam ở nước ngoài.

- Cần có các giải pháp nâng cao hơn nữa vai trò và trách nhiệm của các cơ quan đại diện ta ở nước ngoài trong công tác đối với người Việt Nam ở nước ngoài. Tăng cường cán bộ làm công tác cộng đồng tại những địa bàn có đông người Việt Nam. Những cán bộ làm công tác cộng đồng phải giỏi công tác vận động quần chúng.

5. Tổ chức thực hiện:

- Căn cứ vào các ý kiến chỉ đạo trên đây của Ban Bí thư, giao Ban Cán sự Đảng Bộ Ngoại giao hoàn chỉnh Báo cáo sơ kết ba năm thực hiện Nghị quyết 36-NQ/TW và Chương trình hành động của Chính phủ về công tác đối với người Việt Nam ở nước ngoài và phương hướng công tác trong thời gian tới để triển khai thực hiện.

- Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, ban cán sự đảng các bộ, ban, ngành liên quan rà soát lại việc thực hiện nhiệm vụ đã nêu trong Chương trình hành động của Chính phủ và trên cơ sở Thông báo của Ban Bí thư, Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ, tiến hành xây dựng và triển khai các chương trình, dự án công tác cụ thể theo đúng tiến độ.

- Ban Cán sự Đảng Bộ Ngoại giao chủ trì hằng năm tiến hành sơ kết, đánh giá việc thực hiện Nghị quyết 36-NQ/TW của Bộ Chính trị và Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ, báo cáo Ban Bí thư và Ban Cán sự Đảng Chính phủ cho ý kiến chỉ đạo. Năm 2010, trước Đại hội lần thứ XI của Đảng, tổng kết việc thực hiện Nghị quyết 36-NQ/TW của Bộ Chính trị;

trên cơ sở đó kiến nghị phương hướng, chủ trương và các biện pháp lớn về công tác đối với người Việt Nam ở nước ngoài giai đoạn tiếp theo.

T/M BAN BÍ THƯ
TRƯỞNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**THÔNG BÁO
KẾT LUẬN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ**
Số 120-TB/TW, ngày 18 tháng 12 năm 2007
**Về việc thành lập các tiểu ban
trình Hội nghị Trung ương 6 (tháng 1-2008)**

Tại phiên họp ngày 6-12-2007, xem xét Tờ trình của Ban Tổ chức Trung ương về việc thành lập Tiểu ban tổng kết 20 năm thực hiện Cương lĩnh năm 1991, bổ sung và phát triển Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ mới; Tiểu ban tổng kết tình hình thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm (2001 - 2010) và xây dựng Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm (2011 - 2020) (Tờ trình số 166-TTr/BTCTW, ngày 6-12-2007), Bộ Chính trị có ý kiến như sau:

I- ĐỒNG Ý THÀNH LẬP 2 TIỂU BAN

1. Tiểu ban tổng kết 20 năm thực hiện Cương lĩnh năm 1991, bổ sung và phát triển Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ mới (dưới đây gọi tắt là Tiểu ban Cương lĩnh). Tiểu ban này đồng thời thực hiện nhiệm vụ chuẩn bị Báo cáo chính trị trình Đại hội XI của Đảng.

2. Tiểu ban tổng kết tình hình thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm (2001 - 2010) và xây dựng Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm (2011 - 2020) (dưới đây gọi tắt là Tiểu ban Chiến lược). Tiểu ban này đồng thời thực hiện nhiệm vụ chuẩn bị Báo cáo về kinh tế - xã hội trình Đại hội XI của Đảng.

II. VỀ NHÂN SỰ CÁC TIỂU BAN

1. Tiểu ban Cương lĩnh gồm các đồng chí:

- 1- Đồng chí Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh, Trưởng Tiểu ban;
- 2- Đồng chí Nguyễn Minh Triết, Ủy viên Bộ Chính trị, Chủ tịch nước;
- 3- Đồng chí Nguyễn Phú Trọng, Ủy viên Bộ Chính trị, Chủ tịch Quốc hội;
- 4- Đồng chí Nguyễn Tấn Dũng, Ủy viên Bộ Chính trị, Thủ tướng Chính phủ;
- 5- Đồng chí Trương Tấn Sang, Ủy viên Bộ Chính trị, Thường trực Ban Bí thư;
- 6- Đồng chí Hồ Đức Việt, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng Ban Tổ chức Trung ương;
- 7- Đồng chí Nguyễn Văn Chi, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương;
- 8- Đồng chí Phạm Quang Nghị, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Thành ủy Hà Nội;
- 9- Đồng chí Tô Huy Rứa, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng Ban Tuyên giáo Trung ương;

- 10- Đồng chí Tòng Thị Phóng, Bí thư Trung ương Đảng, Phó Chủ tịch Quốc hội;
- 11- Đồng chí Lê Văn Dũng, Bí thư Trung ương Đảng, Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam;
- 12- Đồng chí Uông Chu Lưu, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Chủ tịch Quốc hội;
- 13- Đồng chí Ngô Văn Dụ, Ủy viên Trung ương Đảng, Chánh Văn phòng Trung ương Đảng;
- 14- Đồng chí Nguyễn Văn Sơn, Ủy viên Trung ương Đảng, Chủ nhiệm Ủy ban Đối ngoại của Quốc hội;
- 15- Đồng chí Lê Hữu Nghĩa, Ủy viên Trung ương Đảng, Giám đốc Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh;
- 16- Đồng chí Đinh Thế Huynh, Ủy viên Trung ương Đảng, Tổng Biên tập Báo Nhân dân;
- 17- Đồng chí Tạ Ngọc Tấn, Ủy viên Trung ương Đảng, Tổng Biên tập Tạp chí Cộng sản;
- 18- Đồng chí Đỗ Hoài Nam, Ủy viên Trung ương Đảng, Chủ tịch Viện Khoa học xã hội Việt Nam;
- 19- Đồng chí Hà Thị Khiết, Ủy viên Trung ương Đảng, Trưởng Ban Dân vận Trung ương;
- 20- Đồng chí Trần Văn Hùng, Ủy viên Trung ương Đảng, Trưởng Ban Đối ngoại Trung ương;
- 21- Đồng chí Phùng Hữu Phú, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Trưởng Ban Thường trực Ban Tuyên giáo Trung ương;
- 22- Đồng chí Nguyễn Đức Hạt, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Trưởng ban Thường trực Ban Tổ chức Trung ương;
- 23- Đồng chí Phạm Văn Thọ, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Trưởng ban Tổ chức Trung ương;
- 24- Đồng chí Phạm Thị Hải Chuyền, Ủy viên Trung

ương Đảng, Phó Chủ nhiệm Thường trực Ủy ban Kiểm tra Trung ương;

25- Đồng chí Giàng Seo Phủ, Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc;

26- Đồng chí Nguyễn Văn Hưởng, Ủy viên Trung ương Đảng, Thứ trưởng Bộ Công an.

Thường trực Tiểu ban gồm các đồng chí:

1- Đồng chí Nông Đức Mạnh;

2- Đồng chí Nguyễn Minh Triết;

3- Đồng chí Nguyễn Phú Trọng;

4- Đồng chí Trương Tấn Sang;

5- Đồng chí Ngô Văn Dự;

6- Đồng chí Phùng Hữu Phú.

Đồng chí Nguyễn Phú Trọng làm Phó Thường trực Tiểu ban.

2. Tiểu ban Chiến lược gồm các đồng chí :

1- Đồng chí Nguyễn Tấn Dũng, Ủy viên Bộ Chính trị, Thủ tướng Chính phủ, Trưởng Tiểu ban;

2- Đồng chí Trương Tấn Sang, Ủy viên Bộ Chính trị, Thường trực Ban Bí thư;

3- Đồng chí Nguyễn Sinh Hùng, Ủy viên Bộ Chính trị, Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ;

4- Đồng chí Trương Vĩnh Trọng, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Phó Thủ tướng Chính phủ;

5- Đồng chí Phạm Gia Khiêm, Ủy viên Bộ Chính trị, Phó Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao;

6- Đồng chí Phùng Quang Thanh, Ủy viên Bộ Chính trị, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng;

7- Đồng chí Lê Hồng Anh, Ủy viên Bộ Chính trị, Bộ trưởng Bộ Công an;

8- Đồng chí Hồ Đức Việt, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng Ban Tổ chức Trung ương;

9- Đồng chí Lê Thanh Hải, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh;

10- Đồng chí Hoàng Trung Hải, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Thủ tướng Chính phủ;

11- Đồng chí Nguyễn Thiện Nhân, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Thủ tướng Chính phủ, kiêm Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

12- Đồng chí Nguyễn Đức Kiên, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Chủ tịch Quốc hội;

13- Đồng chí Võ Hồng Phúc, Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

14- Đồng chí Vũ Văn Ninh, Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Tài chính;

15- Đồng chí Vũ Huy Hoàng, Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Công thương;

16- Đồng chí Hà Văn Hiền, Ủy viên Trung ương Đảng, Chủ nhiệm Ủy ban Kinh tế của Quốc hội;

17- Đồng chí Đào Trọng Thi, Ủy viên Trung ương Đảng, Chủ nhiệm Ủy ban Văn hóa, Giáo dục, Thanh niên, Thiếu niên và Nhi đồng của Quốc hội;

18- Đồng chí Đặng Vũ Minh, Ủy viên Trung ương Đảng, Chủ nhiệm Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường của Quốc hội;

19- Đồng chí Trần Quốc Vượng, Ủy viên Trung ương Đảng, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;

20- Đồng chí Trương Hòa Bình, Ủy viên Trung ương Đảng, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao;

- 21- Đồng chí Hà Hùng Cường, Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Tư pháp;
- 22- Đồng chí Nguyễn Thị Kim Ngân, Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;
- 23- Đồng chí Hoàng Văn Phong, Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ;
- 24- Đồng chí Cao Đức Phát, Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- 25- Đồng chí Phạm Khôi Nguyên, Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- 26- Đồng chí Nguyễn Quốc Triệu, Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Y tế;
- 27- Đồng chí Trần Văn Tuấn, Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Nội vụ;
- 28- Đồng chí Hồ Nghĩa Dũng, Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải;
- 29- Đồng chí Nguyễn Hồng Quân, Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Xây dựng;
- 30- Đồng chí Lê Doãn Hợp, Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông;
- 31- Đồng chí Hoàng Tuấn Anh, Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
- 32- Đồng chí Nguyễn Văn Giàu, Ủy viên Trung ương Đảng, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- 33- Đồng chí Ksor Phước, Ủy viên Trung ương Đảng, Chủ nhiệm Hội đồng Dân tộc của Quốc hội;
- 34- Đồng chí Huỳnh Đảm, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Chủ tịch kiêm Tổng Thư ký Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;

- 35- Đồng chí Nguyễn Xuân Phúc, Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ;
- 36- Đồng chí Đỗ Hoài Nam, Ủy viên Trung ương Đảng, Chủ tịch Viện Khoa học xã hội Việt Nam;
- 37- Đồng chí Phùng Quốc Hiển, Ủy viên Trung ương Đảng, Chủ nhiệm ủy ban Tài chính - Ngân sách của Quốc hội;
- 38- Đồng chí Nguyễn Văn Đăng, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Chánh Văn phòng Trung ương Đảng.

Thường trực Tiểu ban gồm các đồng chí:

- 1- Đồng chí Nguyễn Tấn Dũng;
- 2- Đồng chí Nguyễn Sinh Hùng;
- 3- Đồng chí Trương Vĩnh Trọng;
- 4- Đồng chí Phạm Gia Khiêm;
- 5- Đồng chí Võ Hồng Phúc;
- 6- Đồng chí Nguyễn Xuân Phúc.

Đồng chí Nguyễn Sinh Hùng làm Phó Thường trực Tiểu ban.

III. Đồng ý lựa chọn thêm một số đồng chí Ủy viên Trung ương Đảng công tác ở địa phương, đại diện các vùng, miền bổ sung vào Tiểu ban Chiến lược. Giao Ban Tổ chức Trung ương tiếp thu ý kiến Bộ Chính trị, hoàn chỉnh Tờ trình này để Bộ Chính trị trình Ban Chấp hành Trung ương xem xét, quyết định (Tờ trình nêu cả nhiệm vụ, quyền hạn, tiến độ hoạt động của các tiểu ban).

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
TRƯỞNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**THÔNG BÁO
CỦA BAN Bí THƯ**

Số 121-TB/TW, ngày 18 tháng 12 năm 2007

Phân công các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, Ban Bí thư dự, chỉ đạo kiểm điểm tại các đảng ủy, ban cán sự đảng, các tỉnh ủy, thành ủy có gợi ý kiểm điểm của Ban Bí thư năm 2007

Thực hiện Thông báo kết luận số 116-TB/TW, ngày 13-12-2007 của Ban Bí thư về việc gợi ý kiểm điểm các tập thể và cá nhân thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý năm 2007, Ban Bí thư phân công các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, Ban Bí thư dự và chỉ đạo kiểm điểm tại các đảng ủy, ban cán sự đảng, các tỉnh ủy, thành ủy như sau:

1- Đồng chí Nông Đức Mạnh dự và chỉ đạo kiểm điểm của Đảng ủy Quân sự Trung ương.

2- Đồng chí Nguyễn Tấn Dũng dự và chỉ đạo kiểm điểm của Đảng ủy Công an Trung ương.

3- Đồng chí Trương Tấn Sang dự và chỉ đạo kiểm điểm của Ban Cán sự Đảng Bộ Tài chính.

4- Đồng chí Trương Vĩnh Trọng dự và chỉ đạo kiểm điểm của Ban Cán sự Đảng Bộ Giao thông vận tải.

5- Đồng chí Nguyễn Văn Chi dự và chỉ đạo kiểm điểm của Ban Thường vụ Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh.

6- Đồng chí Hồ Đức Việt dự và chỉ đạo kiểm điểm của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Bình.

7- Đồng chí Nguyễn Sinh Hùng dự và chỉ đạo kiểm điểm của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Kiên Giang.

8- Đồng chí Lê Hồng Anh dự và chỉ đạo kiểm điểm của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bạc Liêu.

9- Đồng chí Lê Văn Dũng dự và chỉ đạo kiểm điểm của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Sóc Trăng.

10- Đồng chí Tòng Thị Phóng dự và chỉ đạo kiểm điểm của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Cà Mau.

11- Đồng chí Tô Huy Rứa dự và chỉ đạo kiểm điểm của Ban Cán sự Đảng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Các ban đảng và Văn phòng Trung ương Đảng cùnghanhđạovàchuyênviêngiúpviệc,phụcvụcácđồngchíBộChínhtrị,Ban Bí thư chỉ đạo việc kiểm điểm ở các đơn vị được phân công.

- Các đảng ủy, ban cán sự đảng, các tỉnh ủy, thành ủy chuẩn bị và tổ chức kiểm điểm theo gợi ý kiểm điểm của Ban Bí thư và sự chỉ đạo của các đồng chí Bộ Chính trị, Ban Bí thư được phân công; việc kiểm điểm hoàn thành trong quý I-2008.

T/M BAN Bí THƯ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN Bí THU**

Số 118-QĐ/TW, ngày 19 tháng 12 năm 2007

**Về nhân sự Hội đồng Lý luận, phê bình văn học,
nghệ thuật Trung ương, nhiệm kỳ Đại hội X**

- Căn cứ Điều lệ Đảng;
- Xét đề nghị của Ban Tổ chức Trung ương,

BAN Bí THU QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Hội đồng Lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật Trung ương, nhiệm kỳ Đại hội X, gồm các đồng chí:

- 1- Đồng chí Phùng Hữu Phú, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Trưởng ban Thường trực Ban Tuyên giáo Trung ương, Chủ tịch Hội đồng,
- 2- Đồng chí Nguyễn Hồng Vinh, Phó Trưởng Ban Tuyên giáo Trung ương, Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng,
- 3- Đồng chí Đào Duy Quát, Phó Trưởng Ban Tuyên giáo Trung ương, Phó Chủ tịch Hội đồng,
- 4- Đồng chí Lê Tiến Thọ, Thứ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Ủy viên.

- 5- Đồng chí Hữu Thỉnh, Chủ tịch Hội Nhà văn Việt Nam, Phó Chủ tịch Hội đồng,
 - 6- Đồng chí Đinh Xuân Dũng, Vụ trưởng, Ban Tuyên giáo Trung ương, Ủy viên Thường trực,
 - 7- Đồng chí Đỗ Kim Cuông, Vụ trưởng Vụ Văn nghệ, Ban Tuyên giáo Trung ương, Ủy viên,
 - 8- Đồng chí Vũ Giáng Hương, Chủ tịch Ủy ban toàn quốc Liên hiệp các Hội Văn học, nghệ thuật Việt Nam, Ủy viên,
 - 9- Đồng chí Hà Minh Đức, Giáo sư, Ủy viên,
 - 10- Đồng chí Trần Luân Kim, Chủ tịch Hội Điện ảnh Việt Nam, Ủy viên,
 - 11- Đồng chí Mai Quốc Liên, Giáo sư, Ủy viên,
 - 12- Đồng chí Trần Đình Sử, Đại học Sư phạm Hà Nội, Ủy viên,
 - 13- Đồng chí Phan Trọng Thưởng, Viện trưởng Viện Văn học, Ủy viên,
 - 14- Đồng chí Đỗ Hồng Quân, Chủ tịch Hội Nhạc sĩ Việt Nam, Ủy viên,
 - 15- Đồng chí Hoàng Đạo Kính, Phó Chủ tịch Hội Kiến trúc Việt Nam, Ủy viên,
 - 16- Đồng chí Trọng Khôi, Chủ tịch Hội Nghệ sĩ Sân khấu Việt Nam, Ủy viên,
 - 17- Đồng chí Trần Khánh Chương, Chủ tịch Hội Mỹ thuật Việt Nam, Ủy viên,
 - 18- Đồng chí Ca Lê Thuần, Chủ tịch Liên hiệp các Hội Văn học, nghệ thuật Thành phố Hồ Chí Minh, Ủy viên.
- Điều 2.** Chức năng, nhiệm vụ, địa điểm làm việc và kinh phí hoạt động của Hội đồng Lý luận, phê bình văn học, nghệ

thuật Trung ương, nhiệm kỳ Đại hội X, thực hiện theo Thông báo số 84-TB/TW, ngày 27-6-2007 của Ban Bí thư.

Điều 3. Ban Tuyên giáo Trung ương, Văn phòng Trung ương Đảng, Ban Tổ chức Trung ương và các đồng chí có tên tại Điều 1 thi hành Quyết định này.

T/M BAN Bí THƯ
TRƯỞNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO

KẾT LUẬN CỦA BAN Bí THƯ

Số 122-TB/TW, ngày 20 tháng 12 năm 2007

**Về sơ kết 3 năm thực hiện Chỉ thị số 42-CT/TW
của Ban Bí thư (khóa IX) "Về nâng cao chất lượng
tổn diện của hoạt động xuất bản"**

Tại phiên họp ngày 11-12-2007, sau khi nghe Ban Tuyên giáo Trung ương báo cáo sơ kết 3 năm thực hiện Chỉ thị số 42-CT/TW, ngày 25-8-2004 của Ban Bí thư (khóa IX) "Về nâng cao chất lượng toàn diện của hoạt động xuất bản" (Tờ trình số 28-TTr/BTGTW, ngày 2-10-2007), ý kiến của đại diện các bộ, ngành, Ban Bí thư kết luận như sau:

1. Sau hơn 3 năm triển khai thực hiện Chỉ thị số 42-CT/TW của Ban Bí thư, hoạt động xuất bản có những chuyển biến tích cực, cơ sở vật chất, năng lực xuất bản được tăng cường, hoạt động xuất bản từng bước thích ứng với cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, xuất hiện một số mô hình xuất bản hoạt động có hiệu quả, chất lượng xuất bản phẩm được nâng lên, đáp ứng tốt hơn nhu cầu về xuất bản phẩm của xã hội, góp phần tích cực vào công tác tuyên truyền tư tưởng của Đảng. Công tác quản lý nhà nước về xuất bản có đổi mới.

Tuy nhiên, hoạt động xuất bản hiện còn nhiều khuyết điểm, yếu kém: chất lượng xuất bản phẩm chưa thực sự được nâng cao, còn ít tác phẩm có giá trị cao trên các lĩnh vực, vẫn còn các ấn phẩm có nội dung xấu về chính trị, tư tưởng, tuyên truyền mê tín dị đoan, văn hóa, lối sống không lành mạnh, tác động tiêu cực đến đời sống tinh thần xã hội. Xã hội hóa hoạt động xuất bản chưa huy động được nhiều nguồn lực xã hội, có khuynh hướng thương mại hóa, tư nhân hóa; không ít nhà xuất bản quản lý không chặt chẽ việc cấp giấy phép xuất bản, bị đối tác liên doanh, liên kết chi phối, không kiểm soát được nội dung ấn phẩm xuất bản. Hệ thống phát hành sách quốc doanh sau cổ phần hóa gặp nhiều khó khăn, sách đến các vùng nông thôn, miền núi ít, chưa đáp ứng được yêu cầu, làm tăng sự chênh lệch về hưởng thụ văn hóa giữa các vùng, các tầng lớp nhân dân. Hoạt động xuất bản còn tụt hậu về công nghệ và trình độ tổ chức sản xuất, kinh doanh so với các nước trong khu vực và thế giới. Công tác chỉ đạo, quản lý nhà nước về xuất bản chưa theo kịp yêu cầu của thực tiễn hoạt động xuất bản, thiếu chủ động trong định hướng chiến lược, chạy theo vụ việc, lúng túng trong quy hoạch, sắp xếp, phân loại mô hình xuất bản, một số nhà xuất bản chức năng, nhiệm vụ còn chồng chéo, một số cơ chế, chính sách chưa đáp ứng được đòi hỏi của thực tiễn hoạt động xuất bản; chưa ngăn chặn, đẩy lùi được nạn sách lậu, việc vi phạm quyền tác giả; xử lý các sai phạm chưa kịp thời, nghiêm minh; chậm đổi mới trong đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cao, gây hẫng hụt trong đội ngũ cán bộ lãnh đạo, biên tập viên ở các nhà xuất bản.

Nguyên nhân chủ quan của khuyết điểm, yếu kém nêu trên là:

- Nhiều cấp ủy đảng, chính quyền, nhất là cơ quan chủ quản chưa thực sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Chỉ thị 42 của Ban Bí thư, chưa nhận thức đúng vai trò, vị trí, chức năng giáo dục chính trị, tư tưởng của hoạt động xuất bản, chưa có giải pháp tạo điều kiện cho hoạt động xuất bản phát triển mạnh mẽ, đúng hướng.

- Cơ quan quản lý nhà nước về xuất bản chậm ban hành cơ chế, chính sách cụ thể hóa quan điểm, chủ trương trong Chỉ thị 42 nên chưa tháo gỡ kịp thời những khó khăn trong hoạt động xuất bản. Sự phối hợp giữa các cơ quan trong và ngoài ngành xuất bản thiếu chặt chẽ dẫn đến chậm xử lý những vấn đề bức xúc của ngành. Các cơ quan chỉ đạo, cơ quan quản lý nhà nước về xuất bản, cơ quan chủ quản chưa kiên quyết xử lý kịp thời, nghiêm minh những sai phạm trong hoạt động xuất bản.

- Bản lĩnh chính trị, trình độ chuyên môn của đội ngũ cán bộ lãnh đạo, biên tập viên và các lực lượng lao động khác trong ngành xuất bản còn hạn chế, chưa đáp ứng được đòi hỏi ngày càng cao của hoạt động xuất bản trong tình hình hiện nay. Hoạt động xuất bản chịu tác động của mặt trái của cơ chế thị trường và sự lợi dụng của các thế lực phản động, thù địch để chống phá Đảng, Nhà nước ta.

2. Để tiếp tục thực hiện tốt Chỉ thị 42-CT/TW của Ban Bí thư (khóa IX), cần nhanh chóng khắc phục những khuyết điểm, hạn chế, nâng cao chất lượng toàn diện hoạt động xuất bản trong thời gian tới, Ban Bí thư yêu cầu các cấp ủy đảng, chính quyền, cơ quan chủ quản, Hội Xuất bản và toàn ngành xuất bản thực hiện tốt một số công việc sau:

2.1. Tiếp tục quán triệt Chỉ thị 42-CT/TW của Ban Bí thư "Về nâng cao chất lượng toàn diện của hoạt động xuất bản", nhận thức đúng và đầy đủ vai trò, vị trí của hoạt động xuất bản, cũng như công tác chỉ đạo, quản lý hoạt động xuất bản trong tình hình hiện nay, thực hiện có hiệu quả định hướng phát triển, 5 nhiệm vụ, 6 giải pháp nêu trong Chỉ thị.

Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý, nâng cao chất lượng toàn diện các xuất bản phẩm, xây dựng tiềm lực và năng lực của hoạt động xuất bản; định hướng và đáp ứng tốt hơn nhu cầu đọc sách trong nhân dân; kiên quyết đấu tranh chống các khuynh hướng xuất bản sai trái; xử lý kịp thời, nghiêm minh những cá nhân, đơn vị vi phạm quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về xuất bản, tác động tiêu cực đến đời sống xã hội.

2.2. Ban Tuyên giáo Trung ương chủ trì, phối hợp với các cơ quan hữu quan tiến hành:

- Xây dựng quy chế phối hợp, phân rõ chức năng, nhiệm vụ, trách nhiệm, quyền hạn giữa cơ quan chỉ đạo, cơ quan quản lý nhà nước về xuất bản, Hội Xuất bản Việt Nam và cơ quan chủ quản nhà xuất bản trong hoạt động xuất bản.

- Xây dựng quy chế bổ nhiệm, điều động, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật cán bộ lãnh đạo nhà xuất bản (giám đốc, phó giám đốc, tổng biên tập, phó tổng biên tập), trình Ban Bí thư trong quý II-2008.

- Xây dựng chiến lược cán bộ đối với ngành xuất bản.

- Định kỳ cung cấp thông tin về đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, tình hình trong nước và quốc tế cho lãnh đạo, biên tập viên các nhà xuất bản; định hướng về chính trị, tư tưởng cho hoạt động xuất bản trong từng thời gian.

2.3. Bộ Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành hữu quan tập trung giải quyết những vấn đề sau:

- Nghiên cứu xây dựng quy hoạch, chiến lược phát triển ngành xuất bản, in, phát hành đến năm 2020, đề án về sửa đổi, bổ sung một số điều trong Luật xuất bản, Luật thuế giá trị gia tăng cho phù hợp với đặc thù và sự phát triển của hoạt động xuất bản khi nước ta gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới (WTO), trình Chính phủ và Quốc hội.

- Tiếp tục rà soát, sửa đổi, bổ sung, xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền; xây dựng quy chế về việc nhà xuất bản liên doanh, liên kết với các thành phần kinh tế khác trong tổ chức xuất bản sách, chấm dứt tình trạng buông lỏng quản lý việc cấp giấy phép xuất bản.

- Xây dựng đề án sắp xếp, đổi mới tổ chức, chức năng, nhiệm vụ, cơ chế hoạt động của các nhà xuất bản, công ty phát hành sách phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới. Xem xét lại quy trình xuất bản, in, phát hành sách nhằm tránh những sai phạm trong hoạt động xuất bản.

- Kiện toàn tổ chức và cơ chế hoạt động của thanh tra văn hóa - thông tin, tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý kịp thời, nghiêm minh các sai phạm; ngăn chặn, đẩy lùi tình trạng "thương mại hóa", tư nhân hóa, xuất bản sách trái phép, vi phạm bản quyền tác giả, xuất bản sách có chất lượng thấp, có quan điểm sai trái, tác động tiêu cực đến đời sống xã hội.

2.4. Cơ quan chủ quản các nhà xuất bản

Quan tâm chỉ đạo xây dựng, củng cố tổ chức, công tác cán bộ, định hướng hoạt động của nhà xuất bản. Xây dựng quy chế làm việc giữa cơ quan chủ quản và nhà xuất bản; có kế

hoạch bổ sung vốn lưu động, đầu tư cơ sở vật chất và đổi mới thiết bị, công nghệ cho nhà xuất bản. Chịu trách nhiệm trước các cơ quan lãnh đạo, cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động của nhà xuất bản.

2.5. Các nhà xuất bản

- Nâng cao bản lĩnh chính trị, ý thức trách nhiệm của lãnh đạo (giám đốc, phó giám đốc, tổng biên tập, phó tổng biên tập), nâng cao chất lượng đội ngũ biên tập viên cả về chính trị, tư tưởng, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đạo đức nghề nghiệp, tăng cường công tác xây dựng Đảng, nâng cao chất lượng hoạt động của các tổ chức đảng, các đoàn thể chính trị - xã hội trong đơn vị xuất bản.

- Rà soát, bổ sung, hoàn thiện cơ chế quản lý, quy chế hoạt động trong đơn vị, tăng cường tính công khai, minh bạch, phát huy dân chủ, xác định rõ thẩm quyền trách nhiệm của từng người, từng vị trí công tác, nhất là trách nhiệm của người đứng đầu.

2.6. Hội Xuất bản Việt Nam

Phát huy vai trò, tham gia tích cực cùng với các cơ quan chỉ đạo, cơ quan quản lý nhà nước trong việc lãnh đạo, quản lý hoạt động xuất bản; xây dựng quy ước đạo đức nghề nghiệp hội viên Hội Xuất bản; thường xuyên tổ chức các hoạt động giáo dục nhận thức chính trị, nâng cao trình độ chuyên môn của hội viên và các hoạt động khác góp phần đẩy mạnh, nâng cao chất lượng hoạt động xuất bản.

3. Giao Ban Tuyên giáo Trung ương chủ trì, phối hợp với Ban Cán sự Đảng Bộ Thông tin và Truyền thông tổ chức Hội nghị toàn quốc sơ kết 3 năm thực hiện Chỉ thị 42-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa IX) "Về nâng cao chất

lượng toàn diện của hoạt động xuất bản", đồng thời triển khai, quán triệt Thông báo kết luận này trong quý I-2008. Sau 5 năm thực hiện Chỉ thị 42-CT/TW, tiến hành tổng kết, báo cáo Bộ Chính trị.

T/M BAN Bí THU

TRƯỞNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**KẾT LUẬN
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ**

Số 18-KL/TW, ngày 21 tháng 12 năm 2007

Về Đề án "Tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa trong hội nhập kinh tế quốc tế"

Ngày 14-12-2007, sau khi nghe Ban Chỉ đạo xây dựng Đề án báo cáo Đề án "Tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa trong hội nhập kinh tế quốc tế", Bộ Chính trị đã thảo luận và kết luận:

Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là vấn đề rất lớn, rất hệ trọng, nhưng cũng là vấn đề khó, còn có nhiều ý kiến khác nhau. Ban Chỉ đạo chuẩn bị Đề án đã có nhiều cố gắng, thu hút được sự tham gia của nhiều bộ, ngành, viện nghiên cứu, các nhà khoa học vào việc chuẩn bị Đề án. Bộ Chính trị tán thành nhiều nội dung của Đề án, đồng thời cũng nêu lên nhiều vấn đề cần phải tiếp tục được bổ sung, làm rõ để hoàn thiện, nâng cao hơn chất lượng Đề án. Trong đó, đặc biệt chú ý các vấn đề sau:

1. Giữ tên gọi và chủ đề của Đề án là: "Tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa

"trong hội nhập kinh tế quốc tế" theo đúng tinh thần Nghị quyết Đại hội X của Đảng (không phải là "Một số vấn đề về hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa trong điều kiện hội nhập", thu hẹp phạm vi Đề án).

2. Cần đánh giá kỹ hơn, đầy đủ hơn quá trình xây dựng, từng bước hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta trong hơn 20 năm đổi mới vừa qua, những thành tựu cũng như những hạn chế và nguyên nhân. Trong đánh giá tình hình, Đề án cần kế thừa kết quả các đề tài nghiên cứu khoa học, nhất là nghiên cứu tổng kết lý luận và thực tiễn 20 năm đổi mới; kế thừa các đánh giá trong các văn kiện của Đảng (nhất là các văn kiện Đại hội IX và Đại hội X) về vấn đề này.

3. Về mục tiêu, quan điểm: Cần viết gọn hơn (không nên viết cả yêu cầu và quan điểm; các quan điểm không quá nhiều, tản漫, khó nhớ) và phải rõ các tư tưởng:

- Việc hoàn thiện thể chế phải bảo đảm giữ vững ổn định chính trị, kinh tế - xã hội và đưa nền kinh tế thị trường nước ta phát triển theo đúng định hướng xã hội chủ nghĩa (với đầy đủ các nội dung nêu trong Văn kiện Đại hội X của Đảng).

- Việc hoàn thiện thể chế phải tạo ra môi trường, điều kiện, cơ sở để nền kinh tế thị trường nước ta hội nhập thành công, phát triển nhanh (tốc độ cao), kết quả bền vững, đạt các mục tiêu chiến lược đến năm 2010 và năm 2020 như các văn kiện của Đảng đã xác định.

4. Về các chủ trương và giải pháp:

- Cần phải bám sát các nội dung thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa cần phải được tiếp tục hoàn thiện đã nêu trong Văn kiện Đại hội X của Đảng. Cụ thể là:

+ Cần làm rõ cơ cấu, định hướng vận động, phát triển của các hình thức sở hữu, các thành phần kinh tế, các chủ thể kinh tế trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các giải pháp để thực hiện các định hướng này.

+ Cần làm rõ định hướng, các giải pháp xây dựng và phát triển đồng bộ các loại thị trường theo đúng yêu cầu của nền kinh tế thị trường, bảo đảm tính định hướng xã hội chủ nghĩa của các thị trường này. Trong đó, rất chú ý tới những vấn đề thực tiễn đang bức xúc đặt ra, như: thị trường đất đai, bất động sản; thị trường các dịch vụ công (y tế, giáo dục...); thị trường khoa học công nghệ, thị trường lao động...

+ Cần làm rõ vai trò, định hướng đổi mới và tăng cường quản lý kinh tế của Nhà nước đối với nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, vừa tạo điều kiện cho sự phát triển nhanh, bền vững nền kinh tế thị trường, vừa bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa của sự phát triển đó. Trong đó, giải quyết tốt các vấn đề, như: phân biệt chức năng Nhà nước quản lý mọi thành phần kinh tế với chức năng Nhà nước là chủ sở hữu khu vực kinh tế nhà nước; phân biệt chức năng chủ sở hữu của Nhà nước với quyền tự chủ kinh doanh của doanh nghiệp nhà nước; các chính sách thu hút đầu tư, phân bổ nguồn lực tạo điều kiện thu hẹp trình độ phát triển các vùng, các khu vực; các chính sách xã hội (xóa đói, giảm nghèo, giáo dục, y tế...) để gắn kết phát triển kinh tế với tiến bộ, công bằng xã hội trong từng chính sách và từng bước phát triển...

- Các phương hướng, giải pháp Đề án đề xuất cần phải phù hợp, kế thừa những phương hướng, giải pháp đã được nêu trong các Văn kiện Đại hội X, nghị quyết các hội nghị Trung ương và có nội dung mới, cụ thể, khả thi. Đặc biệt, chú

ý tới các lĩnh vực đang có nhiều vấn đề bức xúc cần tháo gỡ hiện nay, như: phương hướng, giải pháp đối với vấn đề đất đai, thị trường bất động sản, đối với các lĩnh vực dịch vụ công, y tế, giáo dục, đối với quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và tiến bộ, công bằng xã hội ở từng chính sách, từng giai đoạn phát triển...

- Một số nội dung khác như: đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng, cải cách hành chính, phát huy quyền làm chủ của nhân dân... đã giải quyết ở các nghị quyết khác thì chỉ đề cập ở mức cần thiết, không cần nêu nhiều ở Đề án này. Một số vấn đề như: xã hội dân sự, luật về đảng, Hiến pháp... cũng không cần nêu trong Đề án, sẽ được nghiên cứu cùng với việc tổng kết để bổ sung, phát triển Cương lĩnh 1991 của Đảng.

- Đối với những vấn đề trình xin ý kiến Bộ Chính trị trong Tờ trình, cần nêu rõ các ý kiến khác nhau, lập luận, lý lẽ của từng loại ý kiến và ý kiến đề xuất của Ban Chỉ đạo chuẩn bị Đề án với Bộ Chính trị.

5. Theo tinh thần trên, Ban Chỉ đạo tiếp thu, hoàn chỉnh lại Đề án, Tờ trình, dự thảo Nghị quyết, phụ lục và chuẩn bị để báo cáo lại Bộ Chính trị vào tuần cuối tháng 12-2007, trước khi trình Trung ương.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

TRƯỞNG TẤN SANG

Đảng Cộng sản Việt Nam:

Các nghị quyết của Trung ương

Đảng 2005 - 2010, Sđd, tr.634-637.

**CHỈ THỊ
CỦA BAN Bí THU**

Số 19-CT/TW, ngày 22 tháng 12 năm 2007

**Về kỷ niệm 60 năm Ngày Chủ tịch Hồ Chí Minh
ra *Lời kêu gọi thi đua ái quốc*
(11-6-1948 - 11-6-2008)**

Ngày 11-6-1948, Chủ tịch Hồ Chí Minh ra *Lời kêu gọi thi đua ái quốc* để động viên đồng bào, chiến sĩ phát huy truyền thống thi đua yêu nước, giải quyết những nhiệm vụ cấp bách của dân tộc nhằm chống giặc đói, giặc dốt và giặc ngoại xâm. Hướng ứng Lời kêu gọi của Người, toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta đã đoàn kết một lòng, phát huy ý chí tự lực, tự cường, lòng tự hào, tự tôn dân tộc, vượt qua mọi hy sinh, gian khổ, hoàn thành thắng lợi sự nghiệp giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước. Truyền thống thi đua yêu nước của nhân dân ta đã và đang là động lực tinh thần quý báu tạo nên sức mạnh tổng hợp, đem lại những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử trong hơn 20 năm đổi mới, xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Kỷ niệm 60 năm Ngày Chủ tịch Hồ Chí Minh ra *Lời kêu gọi thi đua ái quốc* diễn ra trong bối cảnh toàn Đảng, toàn

dân, toàn quân ta đang tích cực triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ X. Đây là dịp để chúng ta giáo dục, bồi dưỡng, phát huy truyền thống yêu nước, cẩn cù, sáng tạo trong các tầng lớp nhân dân, nhất là thế hệ trẻ nhằm đẩy mạnh các phong trào thi đua yêu nước trên mọi lĩnh vực, thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ X.

Để tổ chức kỷ niệm 60 năm Ngày Chủ tịch Hồ Chí Minh ra *Lời kêu gọi thi đua ái quốc* thiết thực, hiệu quả, Ban Bí thư yêu cầu các cấp ủy, tổ chức đảng lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tốt các nội dung sau:

I- MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

- Tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức của các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân, cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân về vị trí, vai trò, tác dụng của phong trào thi đua yêu nước trong giai đoạn cách mạng hiện nay; coi thi đua yêu nước là động lực to lớn thúc đẩy sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

- Phát huy cao độ truyền thống yêu nước; khơi dậy ý thức tự giác, sức sáng tạo của các tầng lớp nhân dân; tạo khí thế thi đua sôi nổi trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội; đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, xóa đói, giảm nghèo, giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, đảm bảo quốc phòng - an ninh..., thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội trong năm 2008 mà Nghị quyết kỳ họp thứ hai

Quốc hội khóa XII đã đề ra, tạo cơ sở để hoàn thành kế hoạch 5 năm (2006 - 2010) theo tinh thần Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ X.

- Các hoạt động kỷ niệm cần thiết thực, hiệu quả, tạo động lực mới đẩy mạnh hơn nữa phong trào thi đua yêu nước, qua đó phát hiện, bồi dưỡng, tổng kết, biểu dương, khen thưởng kịp thời những tập thể, cá nhân tiêu biểu và nhân rộng các điển hình tiên tiến.

II- VỀ TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG KỶ NIỆM

1. Các cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân tổ chức học tập tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh về thi đua ái quốc, gắn với triển khai sâu rộng và có hiệu quả cuộc vận động "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh".

2. Các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy, ban cán sự đảng, đảng đoàn trực thuộc Trung ương chỉ đạo tổ chức phát động đợt thi đua nhân kỷ niệm 60 năm Ngày Chủ tịch Hồ Chí Minh ra *Lời kêu gọi thi đua ái quốc*, phấn đấu đạt và vượt các chỉ tiêu kế hoạch của địa phương, đơn vị trong năm 2008; có biện pháp cổ vũ, động viên, biểu dương, khen thưởng kịp thời các cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc qua phong trào thi đua.

3. Ban Tuyên giáo Trung ương có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương xây dựng đề cương tuyên truyền về 60 năm Ngày Chủ tịch Hồ Chí Minh ra *Lời kêu gọi thi đua ái quốc*; chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương tổ chức các hình thức tuyên truyền

sâu rộng về vai trò, tác dụng của thi đua yêu nước đối với sự nghiệp giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước, đổi mới và hội nhập kinh tế quốc tế; xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, rút ra những bài học kinh nghiệm trong phương pháp giáo dục, động viên các tầng lớp nhân dân phát huy truyền thống yêu nước, vượt qua mọi khó khăn, thử thách, hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị trong từng thời kỳ.

Chỉ đạo hệ thống tuyên giáo, đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền miệng, các cơ quan thông tin đại chúng có kế hoạch thông tin, tuyên truyền các hoạt động kỷ niệm, các phong trào thi đua yêu nước và các điển hình, nhân tố mới, lấy tích cực đẩy lùi tiêu cực, tạo ra không khí phấn khởi trong các tầng lớp nhân dân và trong xã hội.

4. Lễ kỷ niệm

Lấy ngày 11-6 hàng năm là Ngày truyền thống thi đua yêu nước.

- Tại Trung ương: Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Trung ương, Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức Lễ kỷ niệm 60 năm Ngày Chủ tịch Hồ Chí Minh ra *Lời kêu gọi thi đua ái quốc* (11-6-1948 - 11-6-2008).

- Tại các tỉnh, thành phố, bô, ban, ngành trực thuộc Trung ương, tổ chức kỷ niệm bằng các hình thức thích hợp, kết hợp với việc biểu dương các điển hình, nhân tố mới trong phong trào thi đua yêu nước và các gương điển hình trong cuộc vận động "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh" của bô, ban, ngành, địa phương, cơ quan, đơn vị.

Ban Tuyên giáo Trung ương, Ban Cán sự Đảng Bộ Nội vụ
giúp Ban Bí thư theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện
Chỉ thị này.

T/M BAN Bí THƯ

TRƯƠNG TẤN SANG

Đảng Cộng sản Việt Nam:

Các nghị quyết của Trung ương

Đảng 2005 - 2010, Sđd, tr.519-522.

997

998

PHỤ LỤC

TUYÊN BỐ CHUNG VỀ QUAN HỆ ĐỐI TÁC CHIẾN LƯỢC GIỮA VIỆT NAM VÀ ẤN ĐỘ*

1. Nhận lời mời của Thủ tướng Chính phủ nước Cộng hòa Ấn Độ, Tiến sĩ Manmohan Xinh, Thủ tướng Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam Nguyễn Tấn Dũng đã thăm cấp Nhà nước tới Ấn Độ từ ngày 4 đến ngày 6-7-2007.

2. Lễ đón chính thức Ngài Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng được tổ chức tại Phủ Tổng thống Ráptrapati Bahaoan vào ngày 6-7-2007. Trong các hoạt động của mình, Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng đã tới chào Tổng thống nước Cộng hòa Ấn Độ, Ngài Tiến sĩ A.P.J. Ápđun Calam. Thủ tướng nước Cộng hòa Ấn Độ, Ngài Tiến sĩ M.Xinh đã có cuộc hội đàm chi tiết và chủ trì chiêu đãi Ngài Thủ tướng Chính phủ Việt Nam Nguyễn Tấn Dũng, Chủ tịch Hạ viện, Lãnh tụ phe đối lập Hạ viện và Quốc vụ khanh Bộ Ngoại giao Ấn Độ đã chào xã giao Thủ tướng Chính phủ Việt Nam.

3. Ngài Nguyễn Tấn Dũng đã phát biểu ý kiến tại diễn đàn doanh nghiệp cấp cao do các phòng thương mại và công nghiệp hàng đầu cùng phối hợp tổ chức. Cuộc họp lần thứ

năm của Hội đồng Hợp tác Kinh doanh Việt Nam - Ấn Độ cũng được tiến hành tại Niu Đêli nhân dịp chuyến thăm.

4. Hai vị Thủ tướng đã có cuộc hội đàm sâu rộng vào ngày 6-7-2007 về toàn bộ các lĩnh vực của quan hệ song phương cũng như những vấn đề khu vực và quốc tế hai bên cùng quan tâm. Cuộc hội đàm diễn ra trong bầu không khí ấm áp và thân mật truyền thống vốn là đặc trưng của quan hệ hữu nghị lâu đời và gần gũi giữa Việt Nam và Ấn Độ. Hai vị Thủ tướng đặc biệt tập trung vào việc tăng cường quan hệ song phương và các biện pháp làm sâu sắc hơn nữa quan hệ đối tác giữa Việt Nam và Ấn Độ, có tính đến sự phát triển và tiềm năng của quan hệ song phương, cũng như những thay đổi to lớn trên trường quốc tế.

5. Hai nhà lãnh đạo cùng chia sẻ nhận thức rằng quan hệ giữa Việt Nam và Ấn Độ là hết sức thân thiết và hữu nghị kể từ khi Chủ tịch Hồ Chí Minh và Thủ tướng Giaoaháclan Nêru đặt nền móng hơn 50 năm trước. Hai nhà lãnh đạo cũng hài lòng nhắc lại cuộc trao đổi giữa hai bên trước đó tại Xêbu, Philíppin vào tháng 1-2007 bên lề Hội nghị Cấp cao ASEAN.

6. Hai nhà lãnh đạo ghi nhận rằng cuộc gặp này của họ diễn ra vào năm thứ năm kể từ khi hai nước ký "Tuyên bố chung về Khuôn khổ Hợp tác Toàn diện giữa Việt Nam và Ấn Độ bước vào thế kỷ XXI" tháng 5-2003. Hai nhà lãnh đạo cho rằng mặc dù tình hình quốc tế và khu vực có nhiều thay đổi trong những năm qua, mối quan hệ hữu nghị truyền thống thân thiết giữa hai nước vẫn phát triển vững chắc. Cùng ghi nhận những thành tựu trong quan hệ song phương trong các lĩnh vực chính trị, an ninh, kinh tế, khoa học, kỹ thuật và văn hóa, hai nhà lãnh đạo quyết tâm củng

* Tuyên bố sau Hội đàm cấp cao giữa Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng và Thủ tướng Manmohan Xinh ngày 6-7-2007.

cố quan hệ Việt Nam - Ấn Độ thông qua việc thiết lập quan hệ Đối tác Chiến lược Mới. Quan hệ đối tác này sẽ gắn kết và giúp đa dạng hóa và làm sâu sắc hơn quan hệ Việt Nam và Ấn Độ trong môi trường quốc tế biến đổi nhanh chóng trong những năm tới. Quan hệ Đối tác Chiến lược Mới này sẽ bao gồm các quan hệ song phương trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, an ninh, quốc phòng, văn hóa, khoa học, kỹ thuật và định hướng quan hệ hợp tác giữa hai nước trong các diễn đàn khu vực và đa phương.

HỢP TÁC CHÍNH TRỊ, QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH

7. Hai nhà lãnh đạo đánh giá cao những đóng góp quan trọng của các cơ chế sẵn có vào hợp tác song phương giữa hai nước như Ủy ban Hỗn hợp Việt Nam - Ấn Độ, Tham khảo giữa hai Bộ Ngoại giao hai nước và ghi nhận những kết quả quan trọng của các chuyến thăm cấp cao song phương gần đây giữa hai nước. Nhằm tăng cường hơn nữa sự hợp tác và hiểu biết lẫn nhau trong bối cảnh quan hệ Đối tác Chiến lược Mới được thiết lập giữa hai nước, hai nhà lãnh đạo đồng ý thiết lập cơ chế Đối thoại Chiến lược ở cấp Thủ tướng Ngoại giao.

8. Nhận thấy vai trò quan trọng của Ấn Độ và Việt Nam trong việc tăng cường an ninh khu vực, hai nhà lãnh đạo hoan nghênh sự phát triển vững chắc của quan hệ an ninh, quốc phòng song phương giữa hai nước. Hai nhà lãnh đạo nhấn mạnh tầm quan trọng của các khuôn khổ thể chế hiện nay trong hợp tác an ninh và quốc phòng giữa hai nước và cam kết củng cố hợp tác về cung ứng

quốc phòng, các dự án chung, hợp tác đào tạo và trao đổi thông tin tình báo.

9. Hai nhà lãnh đạo nhất trí cần phải tăng cường hơn nữa các cuộc tiếp xúc và trao đổi đoàn giữa các tổ chức Quốc phòng và An ninh hai nước.

10. Nhận thấy hai nước đều có lợi ích hàng hải lớn, hai bên nhất trí hợp tác chặt chẽ nhằm tăng cường hợp tác về xây dựng năng lực, hỗ trợ kỹ thuật và chia sẻ thông tin giữa các cơ quan liên quan của hai nước trong việc bảo đảm an ninh đường biển, bao gồm chống cướp biển, ngăn ngừa ô nhiễm, tìm kiếm và cứu hộ.

11. Nhận thấy chủ nghĩa khủng bố là một trong những mối đe dọa nghiêm trọng nhất đến hòa bình và an ninh quốc tế, hai nhà lãnh đạo lên án mạnh mẽ chủ nghĩa khủng bố dưới mọi hình thức và biểu hiện, do bất cứ ai tiến hành, ở bất kỳ đâu và vì bất kỳ mục đích gì và nhấn mạnh không một lý do hay động cơ nào có thể biện minh cho các hoạt động khủng bố. Hai nhà lãnh đạo quyết tâm củng cố hợp tác song phương trong việc đối phó với chủ nghĩa khủng bố một cách toàn diện và lâu dài, và với mục đích này, hai nhà lãnh đạo nhất trí tổ chức một cuộc họp của các cơ quan liên quan để xác định cách thức và biện pháp nhằm tăng cường và mở rộng quan hệ hợp tác chống khủng bố hiện có. Hai bên cũng nhất trí tăng cường hợp tác bảo đảm an ninh mạng.

12. Hai nhà lãnh đạo chia sẻ quan điểm rằng ngoài các cơ hội phát triển, quá trình toàn cầu hóa hiện nay đã đặt ra nhiều vấn đề an ninh phi truyền thống đa dạng như buôn lậu ma túy, thiên tai, biến đổi khí hậu, an ninh năng lượng, HIV/AIDS, cúm gia cầm và các dịch bệnh khác. Những vấn

đề này có thể giải quyết có hiệu quả thông qua hợp tác quốc tế. Trên tinh thần đó, hai nhà lãnh đạo quyết tâm củng cố hợp tác song phương trong việc giải quyết các vấn đề này thông qua chia sẻ kinh nghiệm, chuyên môn và thông tin.

HỢP TÁC KINH TẾ VÀ LIÊN KẾT THƯƠNG MẠI GẦN GŨI HƠN

13. Thủ tướng Ấn Độ khẳng định cam kết của Ấn Độ hỗ trợ Việt Nam thông qua viện trợ và cung cấp tín dụng ưu đãi cho những lĩnh vực có tầm quan trọng thiết yếu đối với sự phát triển kinh tế của Việt Nam trên cơ sở những nhu cầu mà phía Việt Nam đưa ra ở những thời kỳ khác nhau. Thủ tướng Việt Nam bày tỏ đánh giá cao về sự hỗ trợ mà Ấn Độ dành cho Việt Nam.

14. Nhận thấy sự liên kết kinh tế chặt chẽ hơn giữa Việt Nam và Ấn Độ có thể góp phần vào việc chuyển đổi khu vực châu Á rộng lớn hơn thành một “Vòng cung Lợi thế và Thịnh vượng” từ đó thúc đẩy tăng trưởng và ổn định, hai nhà lãnh đạo hoan nghênh những nỗ lực nhằm sớm hoàn tất Hiệp định Thương mại tự do Ấn Độ - ASEAN. Hai nhà lãnh đạo chỉ thị Bộ trưởng Thương mại hai nước sớm có cuộc gặp để xây dựng một chiến lược nâng cấp mạnh mẽ hợp tác kinh tế và thương mại song phương, cũng như hình thành một kế hoạch hợp tác trong nhiều diễn đàn khu vực và đa phương. Thủ tướng Ấn Độ nhất trí với đề nghị của Thủ tướng Việt Nam về việc Ấn Độ hỗ trợ các nỗ lực của Việt Nam hội nhập đầy đủ với nền kinh tế toàn cầu. Thủ tướng Ấn Độ chúc mừng Việt Nam gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) và cho rằng điều này sẽ

cung cấp thêm một diễn đàn nữa cho sự hợp tác giữa hai nước. Phía Việt Nam đề nghị Ấn Độ công nhận Việt Nam có một nền kinh tế thị trường đầy đủ. Phía Ấn Độ ghi nhận tích cực đề nghị của phía Việt Nam.

15. Hai nhà lãnh đạo hài lòng ghi nhận thương mại hai chiều tăng trưởng vững chắc và quyết tâm tiến hành các biện pháp nhằm nâng tổng kim ngạch thương mại giữa hai nước lên hai tỉ USD vào năm 2010. Hai bên cũng lưu ý đến việc Việt Nam chịu thâm hụt thương mại lớn với Ấn Độ và do đó nhất trí tiến hành các biện pháp cần thiết để khuyến khích xuất khẩu của Việt Nam vào Ấn Độ nhằm giảm bớt sự mất cân đối trong cán cân thương mại hiện nay giữa hai nước. Hai nhà lãnh đạo cũng ghi nhận rằng năm nay chứng kiến chiều hướng đáng hoan nghênh của đầu tư từ Ấn Độ vào Việt Nam. Tuy nhiên, vẫn còn nhiều tiềm năng chưa được khai thác cần được phát huy thông qua việc đa dạng hóa hàng hóa thương mại và tăng cường đầu tư dựa trên lợi thế bổ sung lẫn nhau sẵn có giữa hai nước. Hai nhà lãnh đạo hoan nghênh việc tăng cường hợp tác giữa các Phòng Thương mại và Công nghiệp hai nước để hỗ trợ khu vực tư nhân thông qua việc thành lập các đầu mối liên hệ cho doanh nghiệp, tổ chức các hội chợ thương mại và hội thảo hàng năm để trao đổi thông tin về kinh nghiệm, cơ hội thương mại, môi trường kinh doanh và đầu tư.

16. Ghi nhận tầm quan trọng của việc cung cấp năng lượng toàn cầu đối với lợi ích quốc gia của mỗi nước, hai nhà lãnh đạo hoan nghênh các đề xuất về việc liên doanh và đầu tư chung trong các lĩnh vực có nhiều sự bổ sung lẫn nhau như hydrocacbon (dầu khí, than đá) và năng lượng, đồng thời chỉ đạo các công ty dầu khí hai nước tăng cường đổi thoại hơn nữa nhằm

đạt được các thỏa thuận có lợi cho cả hai bên. Phía Việt Nam ghi nhận quan tâm của các công ty Ấn Độ về việc xây dựng các nhà máy lọc dầu ở Việt Nam và hoan nghênh sự tham gia của các công ty Ấn Độ trong đấu thầu để nhập khẩu dầu thô từ Việt Nam.

17. Hai nhà lãnh đạo nhất trí tăng cường các mối liên kết và giao lưu giữa nhân dân hai nước thông qua việc đẩy mạnh hợp tác du lịch, hàng không và đường biển. Hai nhà lãnh đạo cũng nhất trí tăng cường hợp tác song phương và hợp tác với các nước hữu quan khác trong ASEAN để thúc đẩy liên kết vận tải đường bộ giữa hai nước.

HỢP TÁC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

18. Hai nhà lãnh đạo nhất trí rằng trong quan hệ đối tác chiến lược mới giữa Việt Nam và Ấn Độ nhất thiết phải có sự hợp tác mật thiết hơn giữa hai nước trong lĩnh vực khoa học và công nghệ. Hai nhà lãnh đạo nhất trí tăng cường hợp tác công nghệ bao gồm các lĩnh vực nghiên cứu khí hậu, y học, công nghệ nanô, công nghệ sinh học và các lĩnh vực khác.

19. Hai nhà lãnh đạo bày tỏ hài lòng về hợp tác song phương không ngừng gia tăng trong lĩnh vực sử dụng năng lượng hạt nhân vì mục đích hòa bình và các lĩnh vực khoa học và công nghệ khác. Hai nhà lãnh đạo ghi nhận rằng có nhiều tiềm năng hợp tác về khoa học giữa hai nước trong các lĩnh vực công nghệ sinh học, y tế, khoa học cơ bản, nông nghiệp, quản lý khoa học, vật liệu mới và nghiên cứu khí hậu.

20. Hai nhà lãnh đạo hài lòng ghi nhận sự hợp tác hiện nay trong lĩnh vực công nghệ thông tin và truyền thông và các dự

án về phát triển nguồn nhân lực và tính toán hiệu năng cao đang giúp Việt Nam hoàn thành mục tiêu thúc đẩy ngành công nghiệp phần mềm trên tinh thần tự lực.

21. Thủ tướng Việt Nam hoan nghênh nguyện vọng của Tổ chức Nghiên cứu Không gian Ấn Độ muốn hợp tác với chương trình không gian của Việt Nam và cho biết phía Việt Nam sẽ cử một đối tác thích hợp cho phía Ấn Độ.

22. Hai nhà lãnh đạo nhất trí thúc đẩy những liên kết lớn hơn nữa giữa các viện và trung tâm nghiên cứu và giáo dục của hai nước và chỉ thị cho các cán bộ liên quan của mỗi nước thiết lập sự kết nối giữa các trung tâm được thành lập ở Việt Nam với sự trợ giúp của Ấn Độ nhằm tranh thủ các mặt mạnh của các trung tâm. Hai nhà lãnh đạo nhất trí khuyến khích công dân của mình tham gia vào các hoạt động nghiên cứu, trao đổi học thuật và các học bổng ở quy mô lớn hơn.

23. Phía Việt Nam đồng ý hợp tác với Ấn Độ trong các lĩnh vực Việt Nam có thế mạnh như sản xuất đồ gỗ, đồ da. Hai bên nhất trí tăng cường hợp tác và trao đổi kinh nghiệm trong các lĩnh vực hai bên cùng có thế mạnh như thương mại và chế biến hải sản. Hai bên cũng nhất trí trao đổi kinh nghiệm và hợp tác trên thị trường toàn cầu đối với các sản phẩm nông nghiệp như cà phê, hạt tiêu, hạt điều, cao su, v.v..

HỢP TÁC VĂN HÓA VÀ KỸ THUẬT

24. Hai nhà lãnh đạo hài lòng nhận thấy quan hệ song phương được mở rộng trên các lĩnh vực văn hóa, giáo dục và phát triển nguồn nhân lực. Hai bên cũng nhất trí thúc đẩy chuyến khảo sát của nhóm các chuyên gia thuộc Cơ quan

Nghiên cứu Khảo cổ Ấn Độ và việc tư vấn của nhóm này trong việc trùng tu các tháp Chàm ở Việt Nam. Phía Việt Nam hoan nghênh đóng góp của phía Ấn Độ trong việc trùng tu các tháp Chàm ở Việt Nam.

25. Thủ tướng Việt Nam bày tỏ đánh giá cao đối với các cơ hội đào tạo dành cho người Việt Nam theo Chương trình Hợp tác kinh tế và kỹ thuật của Ấn Độ (ITEC), các suất học bổng đại học và sau đại học tại Ấn Độ do Hội đồng Quan hệ văn hóa Ấn Độ tài trợ, việc đào tạo tại Trung tâm Phát triển Doanh nhân ở Việt Nam và tại Trung tâm Đào tạo tiếng Anh.

26. Hai bên bày tỏ hài lòng đối với việc tăng cường mối giao lưu nhân dân hai nước kể cả trực tiếp và thông qua các tổ chức như các hội hữu nghị.

HỢP TÁC KHU VỰC VÀ ĐA PHƯƠNG

27. Hai nhà lãnh đạo cam kết tăng cường vai trò của Liên hợp quốc để tổ chức này trở thành một hệ thống đa phương hiệu quả hơn dựa trên các nguyên tắc của luật pháp quốc tế và tôn chỉ mục tiêu nêu trong Hiến chương Liên hợp quốc. Điều này sẽ tăng cường vai trò của Liên hợp quốc đối với hòa bình, an ninh và phát triển quốc tế. Hai nhà lãnh đạo cho rằng cần phải thúc đẩy các mục tiêu của chương trình nghị sự toàn cầu một cách cân bằng và toàn diện nhằm thực hiện Tuyên bố Thiên niên kỷ và đạt được các Mục tiêu Phát triển Thiên niên kỷ.

28. Hai nhà lãnh đạo nhắc lại sự ủng hộ mạnh mẽ đối với tiến trình cải tổ Liên hợp quốc hiện nay và các cơ quan chủ chốt bao gồm Hội đồng Bảo an nhằm làm cho Liên hợp quốc dân chủ, minh bạch và hiệu quả hơn để có thể xử lý hữu hiệu hơn

các thách thức đa dạng của thế giới đương đại. Hai nhà lãnh đạo nhấn mạnh tầm quan trọng của việc sớm cải tổ Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc để cơ quan này phản ánh thực tế hiện tại và hoạt động một cách dân chủ, minh bạch và đáp ứng tốt hơn. Liên quan đến vấn đề này, hai nhà lãnh đạo nhấn mạnh việc cải tổ Hội đồng Bảo an cần đưa đến một trong những kết quả là thế giới đang phát triển sẽ được đại diện thỏa đáng hơn, bao gồm cả việc thông qua các Ủy viên thường trực Hội đồng Bảo an. Thủ tướng Việt Nam khẳng định lại việc Việt Nam luôn ủng hộ Ấn Độ ứng cử làm thành viên thường trực Hội đồng Bảo an khi tổ chức này được cải tổ và mở rộng. Thủ tướng Ấn Độ khẳng định lại việc Ấn Độ ủng hộ Việt Nam ứng cử làm thành viên không thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc nhiệm kỳ 2008 - 2009. Hai bên nhất trí phối hợp chặt chẽ trong hàng loạt các vấn đề liên quan đến việc cải tổ Liên hợp quốc như được phản ánh trong Báo cáo kết quả của phiên họp toàn thể cấp cao của kỳ họp lần thứ 60 của Đại hội đồng Liên hợp quốc tổ chức tại Niu Oóc vào tháng 9-2005.

29. Hai nhà lãnh đạo nhấn mạnh sự cần thiết phải hợp tác để bảo đảm đạt được các kết quả của Chương trình nghị sự Phát triển WTO vì điều đó sẽ rất quan trọng cho việc hoàn thành các Mục tiêu Phát triển Thiên niên kỷ. Hai nhà lãnh đạo cam kết bảo đảm rằng vòng đàm phán phát triển Đôla sẽ đem lại kết quả cân bằng, đáp ứng sự quan tâm của các nước đang phát triển.

30. Thủ tướng Ấn Độ ca ngợi vai trò quan trọng và mang tính xây dựng của Việt Nam trong tổ chức ASEAN và những đóng góp của Việt Nam đối với sự ổn định của khu vực. Thủ tướng Việt Nam đánh giá cao chính sách "Hướng Đông" của

Ấn Độ vì quan hệ đối tác ngày càng phát triển giữa ASEAN - Ấn Độ, được củng cố thêm nhờ việc thông qua "Quan hệ đối tác ASEAN - Ấn Độ vì hòa bình, tiến bộ và thịnh vượng chung" và Chương trình hành động chi tiết. Hai nhà lãnh đạo khẳng định lại cam kết và sự tham gia tích cực của Việt Nam và Ấn Độ vào Hợp tác sông Hồng - sông Mê Kong. Hai nhà lãnh đạo nhấn mạnh rằng quan hệ đối tác Ấn Độ - ASEAN dựa trên lợi ích chung về hòa bình và thịnh vượng của toàn bộ khu vực Nam Á và Đông - Nam Á. Hai nhà lãnh đạo cũng nhấn mạnh cam kết chung của mình đối với tiến trình hội nhập sâu hơn của nền kinh tế Ấn Độ với các nền kinh tế ASEAN.

31. Ấn Độ đánh giá cao sự ủng hộ của Việt Nam đối với việc Ấn Độ tham gia Cấp cao Đông Á. Cùng với việc thừa nhận vai trò trung tâm của ASEAN trong định hướng tiến trình thành lập cơ chế khu vực mới này, hai nước nhấn mạnh tất cả các nước thành viên của Cấp cao Đông Á cần tham gia đầy đủ và đóng góp tích cực cho một cộng đồng Đông Á, tạo thuận lợi cho hợp tác và liên kết khu vực và nhất trí cùng hợp tác chặt chẽ vì mục tiêu này. Hai nhà lãnh đạo cũng nhất trí Cấp cao Đông Á cần tiếp tục là một tiến trình mở và hướng ra bên ngoài cũng như hỗ trợ cho các cơ chế khu vực sẵn có.

Hai bên cũng nhất trí trao đổi quan điểm và phối hợp lập trường trên các vấn đề cùng quan tâm tại các diễn đàn đa phương như ARF, ASEM, Cấp cao Đông Á và Liên hợp quốc.

KẾT LUẬN

32. Hai bên bày tỏ tin tưởng rằng chuyến thăm hết sức thành công của Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng tới Ấn Độ và

quyết định của hai nước về việc thiết lập một quan hệ đối tác chiến lược mới sẽ mở ra một chương mới trong quan hệ hữu nghị và hợp tác giữa Ấn Độ và Việt Nam.

33. Thay mặt Chính phủ và nhân dân Việt Nam, Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng bày tỏ cảm ơn Chính phủ và nhân dân Ấn Độ đã dành cho Ngài và các thành viên trong Đoàn sự đón tiếp nồng hậu. Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng đã mời Thủ tướng M. Xinh thăm Việt Nam vào thời gian thuận tiện cho cả hai bên. Thủ tướng M. Xinh đã vui vẻ nhận lời và thời gian của chuyến thăm sẽ được thu xếp thông qua các kênh ngoại giao.

Ký tại Niu Déli, ngày 6-7.

Báo *Nhân Dân*, số 18953,
ngày 7-7-2007.

PHÁT BIỂU
CỦA ĐỒNG CHÍ NGUYỄN MINH TRIẾT, ỦY VIÊN
BỘ CHÍNH TRỊ, CHỦ TỊCH NƯỚC
TẠI LỄ KỶ NIỆM 30 NĂM NGÀY TRUYỀN THỐNG
CỦA HỌC VIỆN QUỐC PHÒNG VÀ ĐÓN NHẬN
DANH HIỆU ANH HÙNG LỰC LƯỢNG VŨ TRANG
NHÂN DÂN

Ngày 4 tháng 1 năm 2007

**Làm giàu thêm kho tàng văn hóa chính trị,
quân sự của nước nhà***

... Nhân dịp kỷ niệm 30 năm Ngày truyền thống Học viện Quốc phòng, trong niềm vui chung của cả nước trước thềm năm mới 2007, tôi vui mừng đến thăm Học viện Quốc phòng và cùng chung vui với các đồng chí trong ngày lễ kỷ niệm trọng thể và đón nhận danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân.

Tôi thân ái gửi tới toàn thể các đồng chí lời thăm hỏi ân cần, lời chúc mừng tốt đẹp nhất, chúc các đồng chí luôn mạnh khỏe, hạnh phúc, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao.

* Đầu đề do báo *Nhân Dân* đặt (B.T).

... Cách đây vừa tròn 30 năm, Học viện Quân sự cấp cao - nay là Học viện Quốc phòng, đã tổ chức trọng thể Lễ khai giảng khóa học đầu tiên đào tạo cán bộ chỉ huy quân sự cao cấp của Đảng, Nhà nước ta. Sự hình thành và phát triển của Học viện Quốc phòng là một trong những sự kiện quan trọng không chỉ phản ánh sự phát triển của Quân đội ta, mà còn phản ánh sự phát triển tư duy lý luận quân sự, quốc phòng và bảo vệ Tổ quốc của Đảng, Nhà nước và nhân dân ta.

Từ ngày thành lập đến nay, Học viện luôn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao. Đã có hơn một vạn cán bộ chỉ huy cao cấp của quân đội, công an được đào tạo về khoa học quân sự ở tầm chiến dịch - chiến lược, nhiều đồng chí đã trở thành tướng lĩnh, cán bộ chủ chốt, đã và đang đảm nhận nhiều trọng trách trong các cơ quan Đảng, Nhà nước và quân đội. Đã có hàng nghìn cán bộ lãnh đạo các tỉnh, thành phố, các ban, ngành, đoàn thể ở Trung ương được đào tạo, bồi dưỡng tại Học viện Quốc phòng. Đã có hàng trăm giáo sư, phó giáo sư, tiến sĩ về khoa học quân sự được đào tạo và phát triển từ đây, nhiều người đã trở thành cán bộ đầu ngành về khoa học, nghệ thuật quân sự của quân đội và Nhà nước ta.

Học viện đã có nhiều công trình nghiên cứu về khoa học, nghệ thuật quân sự; về khoa học xã hội và nhân văn quân sự, về lý luận công tác đảng, công tác chính trị cấp chiến dịch - chiến lược có giá trị khoa học và ý nghĩa thực tiễn sâu sắc, góp phần cung cấp cơ sở khoa học cho việc nghiên cứu, hoạch định và xử lý những vấn đề chiến lược quân sự, quốc phòng làm giàu thêm kho tàng văn hóa chính trị, quân sự của nước nhà.

Với nhiệm vụ hợp tác quốc tế, Học viện đã đào tạo và bồi dưỡng nhiều tướng lĩnh, sĩ quan quân đội một số nước theo các hiệp định và thỏa thuận song phương, đón tiếp nhiều

đoàn quân sự cấp cao các nước đến thăm và nghiên cứu tại Học viện. Các hoạt động đó đã đóng góp quan trọng vào việc thực hiện đường lối ngoại giao rộng mở, độc lập, tự chủ, đoàn kết, hữu nghị của Đảng, Nhà nước ta, góp phần nâng cao vị thế của Việt Nam, của Quân đội nhân dân Việt Nam trên trường quốc tế.

Cùng với việc hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ chính trị, Học viện Quốc phòng luôn chăm lo công tác xây dựng Đảng gắn với xây dựng Học viện vững mạnh toàn diện; luôn coi trọng bồi dưỡng, rèn luyện đội ngũ cán bộ, giảng viên để chủ động đáp ứng những yêu cầu ngày càng cao do sự phát triển của tình hình và nhiệm vụ mới đặt ra.

Đó là những thành tích rất đáng trân trọng và tự hào.

Nhân ngày kỷ niệm trọng thể này, tôi nhiệt liệt biểu dương các thế hệ cán bộ, giảng viên, học viên, công nhân viên, hạ sĩ quan - chiến sĩ của Học viện Quốc phòng trong suốt 30 năm qua luôn nỗ lực phấn đấu hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ được giao, xây dựng Học viện ngày càng phát triển, xây đắp nên truyền thống vẻ vang “trung thành, tận tụy, đoàn kết, sáng tạo”.

Tôi hoan nghênh các cơ quan Đảng, Nhà nước, các cơ quan đơn vị trong và ngoài Quân đội đã ủng hộ, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho Học viện Quốc phòng hoàn thành tốt nhiệm vụ mà Đảng, Nhà nước và Bộ Quốc phòng giao cho.

... Tình hình thế giới và khu vực trong những năm tới, tuy còn diễn biến phức tạp nhưng xu thế chung vẫn là hòa bình, hợp tác và phát triển. Kinh tế quốc tế tiếp tục phục hồi và phát triển nhưng vẫn tiềm ẩn những yếu tố bất trắc khôn lường. Toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế đang được

đẩy nhanh, tạo ra cơ hội phát triển nhưng cũng chứa đựng nhiều yếu tố bất bình đẳng, gây khó khăn, thách thức lớn cho các nước đang phát triển. Cạnh tranh kinh tế, giành giật các nguồn tài nguyên, năng lượng, thị trường ngày càng gay gắt. Chiến tranh cục bộ, xung đột vũ trang, hoạt động can thiệp, lật đổ, ly khai, hoạt động khủng bố, lợi dụng chống khủng bố; tranh chấp về lãnh thổ, biên giới, biển đảo và tài nguyên tiếp tục diễn ra ở nhiều nơi với tính chất rất phức tạp.

Nước ta đang đứng trước những cơ hội và thách thức lớn, đan xen nhau, tác động tổng hợp và diễn biến phức tạp, nhất là khi Việt Nam chính thức trở thành thành viên WTO và là Ủy viên không thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc. Có rất nhiều vấn đề lớn đặt ra về quân sự, quốc phòng và bảo vệ Tổ quốc cần được chủ động, tích cực nghiên cứu, hoạch định chiến lược và xử lý tốt các tình huống theo định hướng mà Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng đã chỉ ra.

Những thành tựu to lớn và có ý nghĩa lịch sử của 20 năm đổi mới đã tạo ra thế và lực mới, là nền tảng để đưa nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2020. Để đạt được mục tiêu chiến lược đó, toàn Đảng, toàn dân và toàn quân phải ra sức tranh thủ thời cơ, vượt qua thách thức, tiếp tục đổi mới mạnh mẽ, toàn diện và đồng bộ, phát triển nhanh và bền vững hơn.

Học viện Quốc phòng là một trong những trung tâm đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cấp cao đồng thời là trung tâm nghiên cứu phát triển khoa học nghệ thuật quân sự lớn nhất của quốc gia, cần thực hiện tốt một số nhiệm vụ sau đây:

Một là, luôn quán triệt sâu sắc các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, nhất là Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X

và Nghị quyết Trung ương 8 (khóa IX) về "Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới". Cân chuyển hóa các nghị quyết của Trung ương vào quá trình huấn luyện - đào tạo và nghiên cứu phát triển khoa học nghệ thuật quân sự, khoa học xã hội và nhân văn quân sự, lý luận công tác đảng, công tác chính trị cấp chiến dịch - chiến lược; tích cực đổi mới toàn diện để không ngừng nâng cao chất lượng và hiệu quả huấn luyện - đào tạo và nghiên cứu khoa học, chủ động đáp ứng những yêu cầu mới ngày càng cao hơn.

Hai là, tích cực phối hợp các cơ quan hữu quan để nghiên cứu, đề xuất của Đảng, Nhà nước và Bộ Quốc phòng các vấn đề về chiến lược quân sự, chiến lược quốc phòng, an ninh, xây dựng nền quốc phòng toàn dân, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân và xây dựng quân đội; dự báo và đề xuất chủ trương, giải pháp xử lý tốt những tình huống mới về chính trị - quân sự, quốc phòng - an ninh, v.v. bảo đảm giữ vững độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ và đóng góp tích cực vào hòa bình, ổn định trong khu vực và quốc tế.

Ba là, tăng cường xây dựng Đảng bộ Học viện trong sạch, vững mạnh gắn với xây dựng Học viện chính quy, tiên tiến, mẫu mực, tiếp tục khẳng định và nâng cao uy tín, tầm vóc của Học viện Quốc phòng là một trung tâm đào tạo bồi dưỡng cán bộ cao cấp, đồng thời là trung tâm nghiên cứu phát triển khoa học nghệ thuật quân sự của quân đội và của quốc gia, phấn đấu trở thành trung tâm đào tạo cấp cao và nghiên cứu về quân sự, quốc phòng tầm khu vực và quốc tế trong thời kỳ mới. Trong đó cần đặc biệt coi trọng bồi dưỡng, xây dựng đội ngũ cán bộ, giảng viên có chất lượng cao, số lượng và cơ cấu hợp lý, phấn đấu có thêm những cán bộ giảng dạy, nghiên cứu

khoa học đầu ngành về quân sự, quốc phòng của đất nước.

Bốn là, tích cực chuẩn bị chu đáo về cơ sở vật chất kỹ thuật, về đội ngũ cán bộ, giảng viên, về nội dung chương trình để thực hiện có chất lượng cao nhiệm vụ hợp tác quốc tế trong đào tạo và bồi dưỡng cán bộ, góp phần thực hiện tốt chính sách đối ngoại của Đảng, Nhà nước và Quân đội ta trong thời kỳ mới.

... Dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng, Nhà nước, mà thường xuyên và trực tiếp là Đảng ủy Quân sự Trung ương, Bộ Quốc phòng, với bề dày truyền thống và kinh nghiệm, với bản lĩnh và trí tuệ của Học viện Quốc phòng, tôi tin tưởng Học viện sẽ tiếp tục hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ được giao và xây dựng Học viện phát triển, góp phần xứng đáng vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Chúc các đồng chí luôn mạnh khỏe, hạnh phúc và tiến bộ, lập được nhiều thành tích cao hơn nữa trong thời kỳ mới.

Báo *Nhân Dân*, số 18773,
ngày 4-1-2007.

**DIỄN VĂN
CỦA TỔNG Bí THƯ NÔNG ĐỨC MẠNH
TẠI LỄ KỶ NIỆM 77 NĂM
NGÀY THÀNH LẬP ĐẢNG VÀ PHÁT ĐỘNG
CUỘC VẬN ĐỘNG "HỌC TẬP VÀ LÀM THEO
TẤM GUƠNG ĐẠO ĐỨC HỒ CHÍ MINH"**

Ngày 2 tháng 2 năm 2007

**Phát huy truyền thống vẻ vang của Đảng,
không ngừng học tập và làm theo tấm gương
đạo đức Hồ Chí Minh***

*Thưa các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước và Mặt trận
Tổ quốc Việt Nam,*

*Thưa các đồng chí lão thành cách mạng và Mẹ Việt Nam
Anh hùng,*

Thưa các vị khách quý,

Thưa đồng bào, đồng chí và chiến sĩ cả nước,

Hôm nay, cùng với đồng bào và chiến sĩ cả nước, chúng ta long trọng kỷ niệm 77 năm Ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam và phát động cuộc vận động lớn "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh".

* Đầu đê do báo *Nhân Dân* đặt (B.T).

77 năm qua, kể từ ngày thành lập cho đến nay, Đảng ta, Đảng do Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập và rèn luyện, trong tư cách người lãnh đạo cách mạng và là người con trung hiếu của Tổ quốc và nhân dân đã không ngừng phấn đấu hy sinh, dù trong bất cứ hoàn cảnh nào cũng luôn luôn đi đầu trong cuộc chiến đấu của dân tộc vì độc lập tự do và xây dựng cuộc sống mới ấm no, hạnh phúc, thật sự là đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiên phong của nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam; đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của dân tộc.

Vừa mới ra đời, tuy lực lượng còn rất nhỏ bé, Đảng ta đã đi sâu vào các tầng lớp nhân dân, tuyên truyền, vận động, tổ chức và lãnh đạo quần chúng liên tiếp dấy lên ba phong trào cách mạng rộng khắp cả nước, từ cao trào Xôviết Nghệ - Tĩnh 1930 - 1931 đến cuộc vận động dân chủ 1936 - 1939 rồi sau đó là cao trào cứu nước 1941 - 1945, thể hiện sức mạnh vĩ đại, lực lượng cách mạng to lớn của giai cấp công nhân, giai cấp nông dân và toàn thể dân tộc Việt Nam.

Mười lăm tuổi, với khoảng 5.000 đảng viên, Đảng đã lãnh đạo nhân dân tiến hành đồng loạt cuộc Tổng khởi nghĩa Tháng Tám, đập tan ách thống trị của chủ nghĩa thực dân kéo dài hơn 80 năm ở nước ta, giành chính quyền toàn quốc, lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, nhà nước dân chủ nhân dân đầu tiên ở Đông - Nam Á, mở ra kỷ nguyên độc lập tự do xán lạn của dân tộc. Với thắng lợi vĩ đại của Cách mạng Tháng Tám, Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ rõ: "Chẳng những giai cấp lao động và nhân dân Việt Nam ta có thể tự hào, mà giai cấp lao động và những dân tộc bị áp bức nơi khác cũng có thể tự hào rằng: lần này là lần đầu tiên trong lịch sử cách mạng của các dân tộc

thuộc địa và nửa thuộc địa, một đảng mới 15 tuổi, đã lãnh đạo thành công, đã nấm chính quyền toàn quốc".

Tiếp sau đó, liên trong 30 năm, từ 1945 đến 1975, trước mưu toan của chủ nghĩa thực dân cũ, rồi chủ nghĩa thực dân mới gây ra chiến tranh xâm lược hòng áp đặt trở lại ách thống trị của chúng, Đảng ta lại một lần nữa động viên toàn dân tộc đứng lên tiến hành hai cuộc kháng chiến cứu nước long trời lở đất, giành hết thắng lợi này đến thắng lợi khác, thắng lợi của cuộc kháng chiến thứ nhất, đánh dấu bằng chiến thắng lẫy lừng Điện Biên Phủ, giải phóng nửa nước và đưa miền Bắc tiến lên trên con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội. Đúng là: "Lần đầu tiên trong lịch sử, một nước thuộc địa nhỏ yếu đã đánh thắng một nước thực dân hùng mạnh. Đó là một thắng lợi vẻ vang của nhân dân Việt Nam, đồng thời cũng là thắng lợi của các lực lượng hòa bình, dân chủ và xã hội chủ nghĩa trên thế giới". Thắng lợi của cuộc kháng chiến lần thứ hai, kết thúc bằng cuộc tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975, đỉnh cao là Chiến dịch Hồ Chí Minh, đã giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất Tổ quốc, đưa cả nước tiến lên chủ nghĩa xã hội. Như đồng chí Bí thư thứ nhất của Đảng ta đã nói tại Đại hội lần thứ IV của Đảng: "Năm tháng sẽ trôi qua, nhưng thắng lợi của nhân dân ta trong sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước mãi mãi được ghi vào lịch sử dân tộc ta như một trong những trang chói lọi nhất, một biểu tượng sáng ngời về sự toàn thắng của chủ nghĩa anh hùng cách mạng và trí tuệ con người, và đi vào lịch sử thế giới như một chiến công vĩ đại của thế kỷ XX, một sự kiện có tầm quan trọng quốc tế to lớn và có tính thời đại sâu sắc"¹.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2004, t.37, tr.471 (B.T).

Lịch sử vẻ vang của Đảng ta, của dân tộc ta lại được viết tiếp bằng những trang xây dựng và bảo vệ Tổ quốc từ hơn ba thập kỷ nay. Chúng ta vừa khai phá con đường đi lên chủ nghĩa xã hội phù hợp thời đại mới, vừa tiến hành việc xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ phù hợp những đặc điểm của Việt Nam và theo cách thức của Việt Nam. Công cuộc đổi mới do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo, xuất phát từ những sáng kiến và nguyện vọng của nhân dân, là một cuộc trường chinh mới đầy sáng tạo, thể hiện bản lĩnh và trí tuệ của Đảng ta, của dân tộc ta cũng như sự gắn bó máu thịt giữa Đảng với nhân dân, theo tinh thần lấy dân làm gốc, vì lợi ích của nhân dân và cùng với nhân dân phấn đấu. Tổng kết 20 năm đổi mới, Đại hội X của Đảng đã rút ra kết luận: "Hơn hai mươi năm qua, công cuộc đổi mới ở nước ta đã đạt những thành tựu to lớn và có ý nghĩa lịch sử. Đất nước đã ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, có sự thay đổi cơ bản và toàn diện...". Đại hội đã đưa ra bức tranh toàn cảnh về những thay đổi đó và khẳng định: "Sức mạnh tổng hợp của quốc gia đã tăng lên rất nhiều, tạo ra thế và lực mới cho đất nước tiếp tục đi lên với triển vọng tốt đẹp".

Năm 2006 vừa qua, đánh dấu một sự kiện chính trị trọng đại trên đất nước ta; Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng thành công tốt đẹp với việc đưa ra quyết sách chiến lược: đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển trước năm 2010 và tiếp đó, tiến lên cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2020. Năm 2006 là năm đầu tiên thực hiện Nghị quyết Đại hội X của Đảng, cũng là năm đầu tiên giành thắng lợi toàn diện ngay từ năm đầu một kế hoạch năm năm mới. Trong năm qua, nước ta đã đạt được

những thành tựu to lớn trên các lĩnh vực của đời sống xã hội, nổi bật nhất là chính trị - xã hội ổn định, kinh tế tiếp tục duy trì mức tăng trưởng cao, hầu hết các chỉ tiêu chủ yếu đều đạt và vượt mức kế hoạch. Về đối ngoại, Việt Nam đã trở thành thành viên chính thức của Tổ chức Thương mại thế giới; tổ chức thành công Hội nghị APEC 14; được các nước châu Á thống nhất đề cử làm Ủy viên không thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc nhiệm kỳ 2008 - 2009, v.v..

Ôn lại chặng đường 77 năm lịch sử vẻ vang của Đảng ta và của cách mạng nước ta, chúng ta có quyền tự hào về những thắng lợi vĩ đại mà dân tộc ta đã giành được trong sự nghiệp độc lập dân tộc, kháng chiến cứu nước cũng như trong xây dựng hòa bình.

Chúng ta có quyền tự hào về Đảng Cộng sản Việt Nam quang vinh luôn giữ vững bản chất cách mạng và khoa học, trung thành với giai cấp và dân tộc, vững vàng trước mọi thách thức, sáng suốt trong vai trò lãnh đạo của mình.

Chúng ta tự hào về dân tộc ta, nhân dân ta anh hùng và sáng tạo, hết lòng, hết sức đi theo con đường cách mạng, thương yêu, dùm bọc, giúp đỡ Đảng Cộng sản Việt Nam và trìu mến gọi Đảng là "Đảng ta".

Trong ngày kỷ niệm trọng thể này, chúng ta bày tỏ tình cảm hữu nghị, lòng biết ơn tới các Đảng Cộng sản và công nhân, giai cấp công nhân, nhân dân lao động, các dân tộc yêu chuộng hòa bình và tiến bộ trên thế giới đã và đang dành cho Đảng ta và nhân dân ta sự ủng hộ, giúp đỡ vô cùng quý báu.

Thưa các đồng chí, đồng bào và chiến sĩ cả nước,

Sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng Cộng sản Việt Nam là nhân tố quyết định mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam.

Trong khi khẳng định những thành tựu to lớn đã đạt được, chúng ta cũng thẳng thắn thừa nhận rằng trong công tác lãnh đạo của mình, Đảng ta còn nhiều yếu kém và khuyết điểm. Công tác xây dựng Đảng chưa đáp ứng yêu cầu nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng. Để làm tốt nhiệm vụ lãnh đạo nhân dân ta xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc, tiếp tục phát huy sức mạnh toàn dân tộc, đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, sớm đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển như Đại hội X của Đảng đã chỉ rõ, Đảng ta cần "tiếp tục tự đổi mới, tự chỉnh đốn Đảng, tăng cường bản chất giai cấp công nhân và tính tiên phong, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng; xây dựng Đảng thật sự trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng, tổ chức, có bản lĩnh chính trị vững vàng, có đạo đức cách mạng trong sáng, có tầm trí tuệ cao, có phuơng thức lãnh đạo khoa học, luôn gắn bó với nhân dân"¹.

Đổi mới, chỉnh đốn Đảng, trọng tâm về tư tưởng là giáo dục lập trường giai cấp công nhân, bản chất cách mạng và niềm tin cộng sản, lòng yêu nước, thương dân là điều Bác Hồ đặc biệt quan tâm trong suốt cuộc đời hoạt động cách mạng của mình.

Người luôn chăm lo giáo dục, rèn luyện đảng viên về phẩm chất, đạo đức và đặt lên hàng đầu vấn đề "tư cách người cách mạng". Người luôn làm gương và yêu cầu mỗi người, nhất là cán bộ, đảng viên, phải có đạo đức cách mạng, phải kết hợp chặt chẽ phẩm chất và năng lực, hồng và chuyên, đức và tài, trong đó đức là gốc.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Sđd, tr.279 (B.T).

Người nói: "Cũng như sông thì có nguồn mới có nước, không có nguồn thì sông cạn. Cây phải có gốc, không có gốc thì cây héo. Người cách mạng phải có đạo đức, không có đạo đức thì dù tài giỏi mấy cũng không lãnh đạo được nhân dân"¹.

Người đòi hỏi "xây" phải đi đôi với "chống", nâng cao đạo đức cách mạng phải đi đôi với quét sạch chủ nghĩa cá nhân.

Ngay sau khi Cách mạng Tháng Tám thành công, Bác đã căn dặn cán bộ phải chống những biểu hiện của chủ nghĩa cá nhân. Bước vào kháng chiến, Người viết "Sửa đổi lối làm việc", trong đó đã nhiều lần nhấn mạnh tới sự cấp thiết phải chống chủ nghĩa cá nhân. Ngày 3-2-1969, nhân dịp kỷ niệm 39 năm Ngày thành lập Đảng, Bác viết bài đăng báo *Nhân dân* nhan đề "Nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân". Trong Di chúc để lại cho muôn đời con cháu, Bác căn dặn: "Đảng ta là một Đảng cầm quyền. Mỗi đảng viên và cán bộ phải thật sự thấm nhuần *đạo đức cách mạng*, thật sự cần kiệm liêm chính, chí công vô tư. Phải giữ gìn Đảng ta thật trong sạch, phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người dày tớ thật trung thành của nhân dân"².

Thực tiễn xây dựng Đảng trong 77 năm qua cho thấy rõ: Trong điều kiện Đảng cầm quyền, sự tha hóa về đạo đức, lối sống của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên có chức, có quyền, nhất là ở những người đứng đầu cơ quan, đơn vị, sẽ làm vô hiệu hóa toàn bộ công tác xây dựng Đảng, làm cho tổ chức đảng tê liệt, không còn sức sống. Đạo đức là cái gốc của

người cách mạng; nếu không có đạo đức, không toàn tâm, toàn ý vì Đảng, vì dân thì dù có tài giỏi mấy cũng chẳng có ích gì, có khi còn có hại cho cách mạng.

Trong sự nghiệp giáo dục, đào tạo các thế hệ chiến sĩ cách mạng, Bác Hồ là người đi tiên phong, gieo hạt mở đường. Từ các lớp huấn luyện chính trị ở Quảng Châu, các lớp bồi dưỡng ở biên giới Việt - Trung về "con đường giải phóng"... đến các lớp huấn luyện cán bộ, các lớp chỉnh huấn trong kháng chiến, các lớp bồi dưỡng đảng viên mới sau hòa bình, v.v. không lúc nào Người không đặt lên hàng đầu công việc giáo dục, đào tạo cán bộ. "Đường kách mệnh", "Sửa đổi lối làm việc" và các bài nói chuyện của Bác ở các lớp huấn luyện, lớp chỉnh huấn,... trước đây, cho đến nay vẫn là những lời dạy đầy tâm huyết, tiếp tục ngân vang, gợi mở trong tư duy và tâm hồn mỗi người chúng ta.

Chủ tịch Hồ Chí Minh rất chăm lo xây dựng con người, coi đó là vấn đề số một của cách mạng. Bác thường nói: Tất cả là do con người, có cán bộ tốt, việc gì cũng xong. "Muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội, trước hết cần có những con người xã hội chủ nghĩa"¹. Bác phê phán một số cán bộ ta hình như mải làm công tác hành chính, sự vụ hơn là để nhiều tâm sức xây dựng con người, xây dựng Đảng và các tổ chức cách mạng, cho nên không chịu theo dõi việc làm hàng ngày của cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân. Ai làm tốt, không chịu nêu gương, ai làm xấu không kịp thời giúp đỡ sửa chữa...". Bác gọi "đó là những cán bộ không biết làm việc".

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.5, tr.292 (B.T).

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.15, tr.622 (B.T).

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.13, tr.66 (B.T).

Bác chỉ rõ: "Đạo đức cách mạng là: quyết tâm suốt đời đấu tranh cho Đảng, cho cách mạng... Đặt lợi ích của Đảng và của nhân dân lên trên, lên trước lợi ích riêng của cá nhân mình. Hết lòng hết sức phục vụ nhân dân. Vì Đảng, vì dân mà đấu tranh quên mình, gương mẫu trong mọi việc"¹. Bác nói: "Tư tưởng không đúng, cũng còn có nhiều. Nhưng có một tư tưởng mẹ: Đó là chủ nghĩa cá nhân"². "Chủ nghĩa cá nhân là việc gì cũng chỉ lo cho lợi ích riêng của mình, không quan tâm đến lợi ích chung của tập thể. "Miễn là mình béo, mặc thiên hạ gầy"³. Nó là mẹ đẻ ra tất cả mọi tính hư nết xấu như: lười biếng, suy bì, kiêu căng, kèn cựa, nhút nhát, lãng phí, tham ô, v.v.. Nó là kẻ thù hung ác của đạo đức cách mạng, của chủ nghĩa xã hội". "Do cá nhân chủ nghĩa mà ngại gian khổ, khó khăn, sa vào tham ô, hủ hóa, lãng phí, xa hoa. Họ tham danh trực lợi, thích địa vị, quyền hành. Họ tự cao tự đại, coi thường tập thể, coi kinh quần chúng, độc đoán, chuyên quyền. Họ xa rời quần chúng, xa rời thực tế, mắc bệnh quan liêu, mệnh lệnh. Họ không có tinh thần cố gắng vươn lên, không chịu học tập để tiến bộ. Cũng do cá nhân chủ nghĩa mà mất đoàn kết, thiếu tính tổ chức, tính kỷ luật, kém tinh thần trách nhiệm, không chấp hành đúng đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, làm hại đến lợi ích của cách mạng, của nhân dân"⁴.

Chủ tịch Hồ Chí Minh không chỉ giáo dục đạo đức cách mạng cho cán bộ, đảng viên bằng lời nói mà còn bằng chính tấm

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.11, tr.603 (B.T).

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.10, tr.588 (B.T).

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.13, tr.90 (B.T).

4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.15, tr.547 (B.T).

gương sống của bản thân mình. Người suốt đời tự rèn luyện và lúc nào cũng nghiêm cẩn khép mình vào đạo đức. Tấm gương đạo đức của Bác Hồ là tuyệt vời trong sáng và toàn vẹn.

Thực hiện nhất quán giữa nói và làm, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã cùng với Đảng ta đào tạo nên bao thế hệ chiến sĩ cách mạng có phẩm chất tốt, lấy lời dạy của Bác làm phương châm hành động: Trung với Đảng, trung với nước, hiếu với dân: cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư; sẵn sàng hiến dâng đời mình cho lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; nhiệm vụ nào cũng hoàn thành, khó khăn nào cũng vượt qua, kẻ thù nào cũng đánh thắng!

Trong những năm đổi mới vừa qua, trong công tác lãnh đạo của mình, Đảng ta luôn luôn coi phát triển kinh tế là nhiệm vụ trung tâm, xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt. Trong xây dựng Đảng, chúng ta cũng đã quan tâm rất nhiều đến nhiệm vụ xây dựng Đảng về chính trị và tư tưởng, coi trọng việc giáo dục về phẩm chất và đạo đức. Đại hội X của Đảng ta đánh giá rằng "Công tác xây dựng Đảng đạt được một số kết quả tích cực"¹. "Đa số cán bộ, đảng viên phát huy vai trò tiên phong, năng động, sáng tạo, giữ gìn phẩm chất đạo đức"². Tuy nhiên Đại hội cũng chỉ rõ: "Công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng chưa đạt yêu cầu. Tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, bệnh cơ hội, chủ nghĩa cá nhân và tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí trong một bộ phận cán bộ, công chức diễn ra nghiêm trọng..."³. Đại hội đòi hỏi chúng ta: "Trong những năm tới, phải dành nhiều công sức tạo được chuyển biến rõ rệt về xây dựng Đảng"⁴. Chúng

1, 2, 3, 4. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Sđd, tr.61, 65, 130 (B.T).

ta cần thấy rõ ràng, trong tình hình hiện nay, những lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh về nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân vẫn giữ nguyên giá trị và tính thời sự.

Thưa đồng chí, đồng bào và chiến sĩ cả nước,

Chủ tịch Hồ Chí Minh là người Việt Nam đẹp nhất, tiêu biểu cho phẩm chất đạo đức và khí phách của dân tộc ta, Đảng ta. Giáo dục đạo đức, xây dựng lối sống tốt đẹp theo tư tưởng, đạo đức Hồ Chí Minh vừa là yêu cầu cấp bách hiện nay, vừa là nhiệm vụ cơ bản, lâu dài. Đẩy mạnh việc giáo dục, xây dựng đạo đức, lối sống trong cán bộ, đảng viên và nhân dân trong thời kỳ mới thông qua tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh nhằm khơi dậy và phát huy các giá trị đạo đức truyền thống tốt đẹp, đấu tranh khắc phục sự suy thoái về đạo đức, lối sống; chặn đứng, đẩy lùi tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí và các tệ nạn xã hội; hình thành và phát triển các giá trị đạo đức của chủ nghĩa xã hội; xây dựng con người Việt Nam xã hội chủ nghĩa có nhân cách cao đẹp, bản lĩnh chính trị vững vàng, lối sống văn minh, xây dựng các quan hệ xã hội lành mạnh, tiến bộ.

Hội nghị Trung ương 12 khóa IX đã quyết định triển khai chỉ đạo điểm cuộc vận động "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh" trong cán bộ, đảng viên và nhân dân, đúc rút kinh nghiệm để Bộ Chính trị ra chỉ thị tiến hành cuộc vận động lớn sau Đại hội toàn quốc lần thứ X của Đảng. Ngày 7-11-2006, Bộ Chính trị khóa X đã ban hành Chỉ thị số 06 về tổ chức cuộc vận động "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh". Yêu cầu chung của cuộc vận động là: Làm cho toàn Đảng, toàn dân, toàn quân thấm

nhuần nội dung và nhận thức sâu sắc vị trí, vai trò, giá trị to lớn của tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh trong đời sống tinh thần của xã hội ta. Tạo sự chuyển biến mạnh mẽ ở tất cả các cấp, các ngành, các địa phương và mỗi người về yêu cầu, nhiệm vụ học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh, gắn với thực hiện Nghị quyết Đại hội X của Đảng và các nghị quyết của Trung ương. Hình thành phong trào tu dưỡng, rèn luyện và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh thật sự sâu rộng trong toàn xã hội, đặc biệt trong cán bộ, đảng viên, công chức, thanh niên, học sinh..., góp phần đẩy lùi suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống và các tệ nạn xã hội.

Cuộc vận động "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh" là đợt sinh hoạt chính trị rộng lớn trong Đảng, hệ thống chính trị và toàn xã hội, được tiến hành trong thời gian dài, có nội dung phong phú, cụ thể và thiết thực. Đây là một trong những biện pháp cơ bản để thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội X của Đảng và các nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương khóa X; là một trong những động lực chính trị quan trọng góp phần tăng cường sức mạnh của Đảng, của dân tộc trước cục diện phát triển mới của đất nước.

Thắng lợi của cuộc vận động tùy thuộc trước hết vào nhận thức, tinh thần trách nhiệm, quyết tâm hành động và sự chỉ đạo chặt chẽ, thường xuyên của các cấp ủy đảng; sự phấn đấu tự giác của từng cán bộ, đảng viên và sự ủng hộ của toàn dân.

Thưa đồng chí, đồng bào và chiến sĩ cả nước,

Đất nước ta đã bước sang năm thứ hai thực hiện Nghị quyết Đại hội X của Đảng. Những năm tới, đất nước ta có cơ

hội lớn để tiến lên, tuy khó khăn, thách thức còn nhiều. Đòi hỏi bức bách của toàn dân tộc lúc này là phải tranh thủ cơ hội, vượt qua thách thức, tiếp tục đổi mới mạnh mẽ, toàn diện và đồng bộ, phát triển đất nước nhanh và bền vững hơn.

Thay mặt Ban Chấp hành Trung ương Đảng, tôi kêu gọi toàn thể cán bộ, đảng viên gương mẫu, đi đầu thực hiện tốt cuộc vận động "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh", lôi cuốn đồng bào và chiến sĩ cả nước, kiêu bào ta ở ngoài cùng tham gia; tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc, phát huy mạnh mẽ tinh thần yêu nước, ý chí tự lực, tự cường, đẩy mạnh phong trào thi đua lập nên những thành tích xuất sắc trong phát triển kinh tế và tiến bộ xã hội, sớm đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển, tạo nền tảng để đến năm 2020, cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại.

Với niềm tự hào và niềm tin sâu sắc vào Đảng quang vinh và Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại, toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, phát huy mạnh mẽ truyền thống vẻ vang của dân tộc, của Đảng vững bước tiến lên trong thời kỳ đổi mới, đoàn kết, hội nhập và phát triển bền vững.

Đảng Cộng sản Việt Nam - người lãnh đạo, tổ chức mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam muôn năm!

Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại sống mãi trong sự nghiệp của chúng ta!

Xin trân trọng cảm ơn.

Báo *Nhân dân*, số 18803,
ngày 3-2-2007.

**DIỄN VĂN
CỦA TỔNG Bí THƯ NÔNG ĐỨC MẠNH
TẠI LỄ KỶ NIỆM 100 NĂM
NGÀY SINH ĐỒNG CHÍ TRƯỜNG CHINH**

Ngày 8 tháng 2 năm 2007
**Một nhân cách lớn, xứng đáng để những người
cách mạng mãi mãi tôn vinh và học tập***

Thưa các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước và Mặt trận Tổ quốc Việt Nam,

Thưa các đồng chí lão thành cách mạng và Mẹ Việt Nam Anh hùng,

Thưa các vị khách quý,

Thưa các đồng chí và các bạn,

Hôm nay, chúng ta họp mặt tại đây để kỷ niệm 100 năm Ngày sinh đồng chí Trường Chinh (9-2-1907 - 9-2-2007), nguyên Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, nguyên Chủ tịch Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chủ tịch Hội đồng Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, nguyên Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, người cộng sản kiên cường, mẫu mực,

* Đầu đề do báo *Nhân Dân* đặt (B.T).

người học trò xuất sắc của Chủ tịch Hồ Chí Minh, nhà lãnh đạo kiệt xuất của Đảng và dân tộc ta.

81 tuổi đời, 63 năm liên tục hoạt động cách mạng, hiến trọn cuộc đời cho sự nghiệp giải phóng dân tộc, thống nhất Tổ quốc và xây dựng chủ nghĩa xã hội, tên tuổi, sự nghiệp của đồng chí Trường Chinh gắn liền với những kỳ tích của cách mạng Việt Nam trong thế kỷ XX.

Thưa các đồng chí và các bạn,

Đồng chí Trường Chinh tên thật là Đặng Xuân Khu, sinh ngày 9-2-1907, trong một gia đình trí thức yêu nước tại làng Hành Thiện, xã Xuân Hồng, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định.

Tham gia phong trào yêu nước từ năm 1925 và gia nhập Hội Việt Nam Thanh niên Cách mạng năm 1927, đồng chí Trường Chinh là một trong những đảng viên lớp đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam do lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc sáng lập.

Vượt qua sự đầy ải khốc liệt trong ngục tù đế quốc (1931-1935), trên cương vị Ủy viên Xứ ủy Bắc Kỳ, phụ trách công tác tuyên truyền, đồng chí Trường Chinh đã đem hết tài trí truyền bá Cương lĩnh, đường lối của Đảng, góp phần vào những thành công của cuộc vận động dân chủ do Đảng ta lãnh đạo trong những năm 1936 - 1939.

Năm 1940, trước sự khủng bố tàn bạo của chế độ thực dân, hầu hết các đồng chí trong Ban Chấp hành Trung ương Đảng lúc đó bị thực dân Pháp bắt và giết hại. Vượt qua sự truy sát của kẻ thù, đồng chí Trường Chinh đã góp phần tổ chức lại Ban Chấp hành Trung ương và trở thành Quyền Tổng Bí thư của Đảng tại Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành

Trung ương (tháng 11-1940). Cùng với Ban Chấp hành Trung ương mới, đồng chí từng bước lãnh đạo, củng cố hệ thống tổ chức của Đảng, xây dựng các an toàn khu và đồn lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc về nước trực tiếp lãnh đạo cách mạng.

Tháng 5-1941, dưới sự chủ trì của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc, Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương họp ở Pác Bó, Cao Bằng, đã ra nghị quyết, đánh dấu bước ngoặt lịch sử trong quá trình phát triển của cách mạng nước ta, Nghị quyết Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương là sự “thay đổi chiến lược”, là “chính sách mới” của Đảng, đã giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa dân tộc và giai cấp phù hợp với thực tế Việt Nam, tạo cơ sở chính trị cho sự ra đời, phát triển của Mặt trận Việt Minh. Tại Hội nghị này, đồng chí Trường Chinh được bầu là Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Đông Dương.

Từ tháng 8-1942 đến tháng 10-1944 và từ tháng 2 đến tháng 5-1945, trong thời gian lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc vắng mặt ở trong nước, đồng chí Trường Chinh trên cương vị Tổng Bí thư của Đảng, đã trực tiếp chỉ đạo triển khai thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương, đưa “chính sách mới” của Đảng thâm nhập vào các tầng lớp nhân dân, mở rộng Mặt trận Việt Minh, củng cố các an toàn khu (ATK), xây dựng các chiến khu, tổ chức lực lượng vũ trang và thành lập khu giải phóng. Trên cơ sở nắm chắc tình hình thế giới và trong nước, đồng chí Trường Chinh và Thường vụ Trung ương Đảng đã phát hiện đúng sự đột biến của tình hình thời cuộc, kịp thời ra Chỉ thị “*Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta*”, triệu tập Hội nghị quân sự cách mạng Bắc Kỳ, thống nhất các lực lượng vũ trang, kiện toàn các chiến

khu đã có, lập thêm các chiến khu mới, cử ra ủy ban quân sự, chuẩn bị các điều kiện cần thiết để khi thời cơ tới, kịp thời phát động nhân dân tiến lên tổng khởi nghĩa.

Tháng 5-1945, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc về nước, Đảng ta gấp rút tổ chức thành công Hội nghị toàn quốc của Đảng và Đại hội Quốc dân ở Tân Trào, thành lập Ủy ban giải phóng dân tộc Việt Nam tức Chính phủ lâm thời, do lãnh tụ Hồ Chí Minh làm Chủ tịch và Ủy ban khởi nghĩa toàn quốc do đồng chí Trường Chinh trực tiếp phụ trách. Đầu 13-8-1945, Ủy ban khởi nghĩa toàn quốc ra lệnh tổng khởi nghĩa. Bằng sự chuẩn bị chu đáo đó, tháng 8-1945, chỉ trong nửa tháng, tổng khởi nghĩa đã giành được thắng lợi trong cả nước, chế độ dân chủ cộng hòa được thành lập, mở ra kỷ nguyên mới cho dân tộc Việt Nam - kỷ nguyên độc lập - tự do và chủ nghĩa xã hội.

Sau Cách mạng Tháng Tám, dưới sự lãnh đạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh, trên cơ sở nắm vững nguyên tắc và thực hiện các sách lược hết sức mềm dẻo, Trung ương Đảng ta đã lãnh đạo toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta thực hiện chủ trương vừa kháng chiến vừa kiến quốc, xây dựng thành công nhà nước dân chủ mới, tạo ra cơ sở pháp lý để thực hiện sách lược “hòa đế tiến”, giành thắng lợi trong cuộc tranh đấu không cân sức chống giặc ngoài, thù trong, tạo ra *thế* và *lực* mới để bước vào cuộc chiến đấu bảo vệ nền độc lập non trẻ. Nhờ đó, cách mạng nước ta từng bước vượt qua tình thế “ngàn cân treo sợi tóc”, chế độ mới được củng cố và giành quyền chủ động lãnh đạo toàn dân ta tiến hành cuộc kháng chiến anh dũng chống thực dân Pháp và can thiệp Mỹ.

Năm 1947, theo tư tưởng Hồ Chí Minh, đồng chí Trường Chinh viết tác phẩm “Kháng chiến nhất định thắng lợi”, vạch

ra chiến lược chiến tranh ái quốc toàn dân, toàn diện, trường kỳ. Năm 1951, trước yêu cầu phát triển của cách mạng nước ta, dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Chủ tịch Hồ Chí Minh, đồng chí đã cùng Trung ương lãnh đạo tổ chức thành công Đại hội lần thứ II của Đảng, đưa Đảng ra hoạt động công khai với tên gọi mới là Đảng Lao động Việt Nam, đồng thời vạch ra con đường phát triển của cách mạng nước ta qua báo cáo “Luận cương về cách mạng Việt Nam”. Tại Đại hội này, đồng chí Trường Chinh được bầu là Tổng Bí thư của Đảng Lao động Việt Nam. Tháng 3-1951, đồng chí Trường Chinh lại góp phần lãnh đạo chuẩn bị và tổ chức Đại hội thống nhất Mặt trận Việt Minh và Hội Liên Việt thành Mặt trận Liên Việt, tăng cường hơn nữa sức mạnh của Mặt trận đoàn kết dân tộc.

Đảng ta khẳng định: “Dưới ngọn cờ lãnh đạo của Đảng, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại, trên cương vị là Tổng Bí thư của Đảng từ năm 1941, cùng với Ban Chấp hành Trung ương và Bộ Chính trị, đồng chí Trường Chinh đã có nhiều quyết sách đúng đắn, sáng tạo, nhất là trong những bước ngoặt của cách mạng, vai trò của đồng chí nổi bật là một trong những người lãnh đạo kiệt xuất đã đưa cuộc Cách mạng Tháng Tám đến thành công và đưa cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp đến thắng lợi cuối cùng”...

Trong những năm, tháng kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, là Ủy viên Bộ Chính trị trực tiếp phụ trách công tác tư tưởng và là Chủ tịch Ủy ban Thường vụ Quốc hội, đồng chí Trường Chinh có nhiều đóng góp quan trọng vào sự lãnh đạo tập thể của Đảng trong việc xây dựng đường lối cách mạng, tổ chức hậu phương miền Bắc vững mạnh, góp phần chuẩn bị

các quyết sách chiến lược lớn giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc, đưa cả nước tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Đồng chí Trường Chinh đã có những đóng góp to lớn trong sự nghiệp xây dựng nhà nước kiểu mới theo tư tưởng Hồ Chí Minh. Là Ủy viên Ủy ban dự thảo Hiến pháp 1946 và Hiến pháp 1959, Chủ tịch Ủy ban Thường vụ Quốc hội (1960 - 1981), Chủ tịch Ủy ban dự thảo Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (1980), Chủ tịch Hội đồng Nhà nước, Chủ tịch Hội đồng Quốc phòng nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (1981 - 1987), đồng chí Trường Chinh đã tham gia chỉ đạo soạn thảo và công bố nhiều đạo luật, hoàn chỉnh hệ thống pháp luật, góp phần xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở nước ta.

Trước thực trạng khủng hoảng của đất nước cuối những năm 70 thế kỷ XX, đồng chí Trường Chinh đã cùng nhiều đồng chí trong Bộ Chính trị và Ban Chấp hành Trung ương thâm nhập thực tế, tổng kết kinh nghiệm, tập hợp sáng kiến của nhân dân, tìm tòi lý luận để xác định *đổi mới là đòi hỏi bức thiết của đất nước và của thời đại, là vấn đề có ý nghĩa sống còn đối với đất nước và dân tộc ta*, là một trong những đồng chí đi tiên phong trong công cuộc đổi mới.

Tháng 7-1986, trên cương vị là Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Việt Nam, đồng chí cùng tập thể Ban Chấp hành Trung ương và Bộ Chính trị lãnh đạo chuẩn bị và tổ chức thành công Đại hội VI của Đảng, khẳng định đường lối đổi mới toàn diện, đưa đất nước ta từng bước vượt qua khủng hoảng, giữ vững chế độ xã hội chủ nghĩa ở nước ta trước sự đố võ của hệ thống xã hội chủ nghĩa.

Khi là Cố vấn của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, đồng chí đã hết lòng, hết sức góp phần xây dựng Cương lĩnh của Đảng và Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, chuẩn bị nội dung cho Đại hội lần thứ VII của Đảng.

Thưa các đồng chí và các bạn,

Trải qua nhiều giai đoạn phát triển của cách mạng nước ta, đồng chí Trường Chinh luôn trau dồi kiến thức, lắng nghe ý kiến đồng bào, đồng chí và quan tâm tổng kết thực tiễn để làm sáng tỏ và góp phần xây dựng đường lối của Đảng.

Trước sự vận động phức tạp của tình hình, dựa trên trí tuệ khoa học, đồng chí luôn tỏ rõ bản lĩnh chính trị, kiên định đối với việc hoạch định và thực thi “chính sách mới” của Đảng trong cách mạng dân tộc dân chủ, trong kháng chiến và trong sự nghiệp đổi mới đất nước.

Đồng chí luôn lưu ý Đảng, với tinh thần nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật, nói rõ sự thật, cần phân tích một cách sâu sắc những khuyết điểm, sai lầm và trên cơ sở đó đề ra chủ trương, biện pháp kiên quyết và thực tế để đưa cách mạng nước ta nhanh chóng vượt qua khó khăn, tiếp tục vững bước tiến lên.

Đồng chí cũng nhấn mạnh rằng, phương pháp tư duy đúng đắn không thừa nhận sự cường điệu hóa, cách làm phiến diện hoặc nhân danh đổi mới để phủ định những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, hoặc đề xuất những giải pháp không phân biệt nguyên tắc, xóa nhòa ranh giới giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản.

Ba lần trên cương vị Tổng Bí thư của Đảng do Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập và lãnh đạo - Tổng Bí thư Đảng Cộng

sản Đông Dương (1941 - 1951), Tổng Bí thư Đảng Lao động Việt Nam (1951 - 1956) và Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Việt Nam (1986) - đồng chí Trường Chinh vừa là một nhà chính trị kiên định, góp phần hoạch định đúng đắn và sáng tạo đường lối, chính sách của Đảng, nhà tổ chức tài năng cùng toàn Đảng lãnh đạo, tổ chức toàn dân ta thực hiện thắng lợi đường lối cách mạng, vừa là một nhà tư tưởng có những cống hiến xuất sắc về lý luận.

Là người chuẩn bị Nghị quyết Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương năm 1941, đồng chí Trường Chinh đã khẳng định và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh về cách mạng giải phóng dân tộc ở nước ta đã được đề ra trong *Chính cương văn tắt, Sách lược văn tắt* của Đảng (đầu năm 1930) trong việc giải quyết mối quan hệ giữa vấn đề dân tộc với vấn đề ruộng đất, mối quan hệ giữa quyền lợi của dân tộc với lợi ích của bộ phận và giai cấp trong cách mạng giải phóng dân tộc ở nước ta.

Năm 1951, tại Đại hội lần thứ II của Đảng, với “*Luận cương về cách mạng Việt Nam*”, đồng chí Trường Chinh phát triển khái niệm cách mạng tư sản dân quyền thành khái niệm cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân; đề ra một hệ thống lý luận, phương châm chiến lược và sách lược của cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân tiến lên cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Bên cạnh những đóng góp to lớn về lý luận, tổ chức và xây dựng Mặt trận thống nhất dân tộc, Mặt trận đoàn kết quốc tế, đồng chí Trường Chinh còn có những đóng góp xuất sắc về phương pháp, nghệ thuật chỉ đạo cách mạng, lý luận về khởi nghĩa giành chính quyền, về chiến tranh nhân dân,

về công tác xây dựng Đảng, xây dựng Nhà nước xã hội chủ nghĩa và về công tác tư tưởng công tác văn hóa - văn nghệ của Đảng...

Đổi mới giải phóng - phát triển nhằm khơi dậy và nhân lên sức mạnh mọi tiềm năng, cả vật chất và tinh thần của toàn thể dân tộc, làm cho cách mạng nước ta thuận với xu hướng phát triển của thời đại, phát huy hết sức mạnh đại đoàn kết của dân tộc và thâm nhận được tối đa sự ủng hộ của nhân loại tiến bộ. Nhờ đó, cách mạng nước ta có được “thiên thời, địa lợi, nhân hòa”, vượt qua những tình huống phức tạp trong đời sống chính trị quốc tế, tiến hành thắng lợi cuộc đấu tranh vì mục tiêu độc lập, tự do và hạnh phúc cho dân tộc Việt Nam.

Ngày nay, trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, chúng ta luôn ghi nhớ những bài học lớn mà Đảng ta đã tổng kết, trong đó có sự đóng góp rất quan trọng của đồng chí Trường Chinh:

Một là, sức mạnh của một nước, của cách mạng chính là ở nhân dân, phải tin tưởng ở nhân dân, mọi chủ trương, chính sách đều phải *lấy dân làm gốc*. Từ xưa, cha ông ta đã suy nghĩ và làm như vậy. Đảng ta, từ ngày thành lập đến nay và trong sự nghiệp đi lên chủ nghĩa xã hội ngày nay lại càng phải làm như vậy. Đó là bài học lịch sử vô giá của cách mạng nước ta.

Hai là, là người lãnh đạo, Đảng cần phải nắm vững là *phải tôn trọng quy luật khách quan*. Chủ nghĩa Mác - Lê nin nêu lên những nguyên lý chung có tính phổ biến, song, như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói, việc vận dụng những nguyên lý đó vào hoàn cảnh Việt Nam là việc của chúng ta phải làm.

Muốn vậy, phải xuất phát từ thực tế Việt Nam, với những con người Việt Nam cụ thể, với điều kiện phát triển cụ thể của lịch sử, của nền kinh tế, của điều kiện xã hội, của những truyền thống văn hóa Việt Nam.

Tiêu chuẩn đánh giá trình độ và khả năng vận dụng đúng đắn hệ thống quy luật, thông qua các chính sách của chúng ta là sản xuất phải phát triển, đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân phải ổn định và từng bước được cải thiện, xã hội phải lành mạnh, văn minh, các giá trị đạo đức và tinh thần ngày càng được nâng cao, quốc phòng, an ninh vững mạnh. Mọi chính sách dẫn tới kết quả ngược lại là biểu hiện của sự vận dụng không đúng đắn các quy luật khách quan, đều phải bãi bỏ hoặc sửa đổi. Tôn trọng và vận dụng đúng đắn quy luật khách quan chính là cách đi lên chủ nghĩa xã hội đúng nhất và nhanh nhất, không có con đường nào khác.

Ba là, phát triển kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh của thời đại trong điều kiện mới. Quá trình lãnh đạo cách mạng dày dặn của Đảng ta trong những năm qua đã chứng minh tính đúng đắn và sáng tạo trong việc kết hợp các yếu tố dân tộc và quốc tế, các yếu tố truyền thống và thời đại, các yếu tố chủ quan và sức mạnh của nhân dân với yếu tố khách quan về sự vận động của hệ thống quy luật. Do đó, cách mạng nước ta đã đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác.

Bốn là, phải giữ vững và tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, chăm lo xây dựng Đảng ngang tầm với một đảng cầm quyền lãnh đạo nhân dân tiến hành cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa. Đảng lãnh đạo phải nắm vững hệ thống quy luật tác động lên xã hội trong từng giai đoạn lịch sử và làm đúng

quy luật. Làm đúng quy luật chính là hợp với lòng dân, hợp với xu thế đi lên của đất nước và của thời đại. Vì vậy, làm đúng quy luật thì nhất định sản xuất sẽ phát triển, tình hình sẽ dần ổn định và từng bước đi lên.

Để bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng, cần tăng cường đoàn kết trong Đảng trên cơ sở của chủ nghĩa Mác - Lê nin và đường lối, chính sách của Đảng. Trước tình hình khó khăn phức tạp, có những ý kiến khác nhau là lẽ bình thường. Chúng ta cần chân thành, thẳng thắn, có thái độ xây dựng trong khi thảo luận để tìm ra chân lý, nhằm đạt tới nhất trí cao. Tình hình hiện nay đòi hỏi Đảng ta phải có bước đổi mới trong phong cách làm việc theo tác phong Hồ Chí Minh, đổi mới công tác tổ chức và cán bộ. Phải giữ vững nguyên tắc tập trung dân chủ trong sinh hoạt Đảng cũng như trong lãnh đạo kinh tế - xã hội.

Đồng chí Trường Chinh còn để lại cho chúng ta bài học về lòng dũng cảm của người cộng sản: ở thời điểm khó khăn nhất, trước những bước ngoặt của lịch sử thử thách vai trò của Đảng lãnh đạo, phải nhìn thẳng vào sự thật, công khai thừa nhận khuyết điểm và sai lầm để quyết tâm khắc phục, đưa đất nước tiến lên.

Trong quá trình hoạt động cách mạng, đồng chí Trường Chinh không ngừng nâng cao tầm văn hóa của mình bằng những giá trị văn hóa của dân tộc và nhân loại để luyện thành một nhân cách văn hóa lớn, đóng góp thiết thực vào việc hình thành và lãnh đạo thực hiện đường lối văn hóa của Đảng.

Đồng chí đã sớm đặt cơ sở lý luận cho việc xây dựng một nền văn hóa mới Việt Nam theo phương châm dân tộc, khoa

học, đại chúng. Các tác phẩm “*Đề cương về văn hóa Việt Nam*” (1943), “*Chủ nghĩa Mác và văn hóa Việt Nam*” (1948) được coi là những tác phẩm đặt cơ sở lý luận cho đường lối xây dựng nền văn hóa - văn nghệ cách mạng của Việt Nam.

Viết báo từ khi bắt đầu hoạt động cách mạng và lấy báo chí làm vũ khí tổ chức và tuyên truyền đường lối, chính sách của Đảng, đồng chí Trường Chinh là một sáng lập viên, người lãnh đạo trực tiếp của báo chí cách mạng nước ta trong thế kỷ XX, đồng thời là một nhà báo nổi tiếng với nhiều bài báo có sức chiến đấu, tổ chức ca, có sức thuyết phục, cổ động cách mạng mạnh mẽ và sâu rộng. Những hoạt động trên lĩnh vực báo chí và các bài báo của đồng chí giữ một vị trí đặc biệt trong lợi ích sử báo chí cách mạng Việt Nam.

Là người học trò xuất sắc của Chủ tịch Hồ Chí Minh, đồng chí đã phát huy sức mạnh của cả chính trị và văn hóa và trở thành một nhà lãnh đạo tiêu biểu về chính trị và uyên thâm về văn hóa của nước ta.

Trung thành và vận dụng một cách sáng tạo, thành công tư tưởng Hồ Chí Minh vào quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam, đồng chí Trường Chinh là người sớm kiến nghị Đảng ta lấy *Chủ nghĩa Mác - Lenin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động*; sớm đặt vấn đề phải nghiên cứu, học tập tư tưởng Hồ Chí Minh để cho các thế hệ người Việt Nam sống và làm theo tư tưởng, noi theo tấm gương sáng ngời về đạo đức, phẩm chất, lối sống của Người.

Trong suốt cuộc đời hoạt động cách mạng của mình, đồng chí Trường Chinh luôn kề vai sát cánh với đồng chí, hòa vào nhân dân, không ngưng nghỉ đấu tranh, thắng không kiêu,

bại không nản, một lòng một dạ do phục vụ sự nghiệp độc lập của dân tộc, tự do và hạnh phúc của nhân dân, không mảy may có tư tưởng địa vị hay tư lợi cá nhân.

Cách mạng Tháng Tám thành công, đồng chí không nhận một chức vụ nào của chính quyền.

Trước những sai lầm trong cải cách ruộng đất, đồng chí nhận trách nhiệm, xin từ chức Tổng Bí thư để nhận nhiệm vụ trưởng ban sửa sai và hoàn thành nhiệm vụ này một cách nghiêm túc, giữ vững uy tín của Đảng.

Suốt đời phấn đấu cho sự nghiệp của Đảng và dân tộc, đồng chí Trường Chinh là tấm gương sáng về sự kiên cường, cách mạng, tính nguyên tắc và ý thức kỷ luật cộng sản, quý trọng đồng bào, chân thành với đồng chí, khiêm tốn, giản dị, làm việc khoa học, thận trọng, cụ thể và thiết thực.

Đó là một nhân cách lớn, xứng đáng để những người cách mạng chúng ta và các thế hệ mai sau mãi mãi tôn vinh và học tập.

Thưa các đồng chí và các bạn,

Hơn 20 năm qua, công cuộc đổi mới do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo đã giành được những thắng lợi to lớn, có ý nghĩa lịch sử, nhưng cũng xuất hiện nhiều nguy cơ và thử thách mới. Nói gương các bậc tiền bối, những anh hùng mở lối tới độc lập, tự do và hạnh phúc cho dân tộc và con người Việt Nam, chúng ta phải xác định rõ trách nhiệm của mình trước vận mệnh của dân tộc và của Đảng, phấn đấu vượt qua mọi khó khăn, hoàn thành tốt nhiệm vụ mà Nghị quyết Đại hội lần thứ X của Đảng đã đề ra.

Tích cực tham gia cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh” mà Đảng ta vừa phát động,

toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta quyết phán đấu đưa sự nghiệp đổi mới vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh đến thắng lợi.

Đảng Cộng sản Việt Nam quang vinh muôn năm!

Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam muôn năm!

Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại sống mãi trong sự nghiệp của chúng ta!

Báo Nhân dân, số 18809,
ngày 9-2-2007.

DIỄN VĂN

CỦA TỔNG Bí THƯ NÔNG ĐỨC MẠNH TẠI LỄ KỶ NIỆM 100 NĂM NGÀY SINH ĐỒNG CHÍ LÊ DUẨN

Ngày 6 tháng 4 năm 2007

**Người cộng sản kiên trung, nhà lãnh đạo
kiệt xuất của cách mạng Việt Nam
trong thời đại Hồ Chí Minh***

*Thưa các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước và Mặt trận
Tổ quốc Việt Nam,*

*Thưa các đồng chí lão thành cách mạng và Mẹ Việt Nam
Anh hùng,*

Thưa đồng bào và chiến sĩ cả nước,

Thưa các vị khách quý,

Thưa các đồng chí và các bạn,

Hôm nay, chúng ta họp mặt tại đây để kỷ niệm 100 năm Ngày sinh đồng chí Lê Duẩn (7-4-1907 - 7-4-2007), nguyên Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, người cộng sản kiên trung, người học trò lỗi lạc của Chủ tịch Hồ Chí Minh, nhà lãnh đạo kiệt xuất của cách mạng Việt Nam.

* Đầu đề do báo Nhân Dân đặt (B.T).

Với 79 tuổi đời, gần 60 năm hoạt động cách mạng, đồng chí Lê Duẩn đã nêu tấm gương sáng của một người chiến sĩ cách mạng tiên phong, cống hiến trọn cuộc đời cho sự nghiệp giải phóng dân tộc, thống nhất Tổ quốc và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Tên tuổi và sự nghiệp của đồng chí Lê Duẩn gắn liền với những thắng lợi vẻ vang của cách mạng nước ta trong thế kỷ XX.

Thưa các đồng chí và các bạn,

Đồng chí Lê Duẩn tên thật là Lê Văn Nhuận, sinh ngày 7-4-1907 trong một gia đình lao động có truyền thống yêu nước tại làng Bích La, xã Triệu Đông, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị.

Sớm giác ngộ cách mạng và tham gia Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên từ năm 1928; năm 1930, đồng chí Lê Duẩn là một trong những đảng viên lớp đầu của Đảng Cộng sản Việt Nam do lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc sáng lập.

Năm 1931, đồng chí là Ủy viên Ban Tuyên huấn Xứ ủy Bắc Kỳ. Cũng trong năm đó, đồng chí bị thực dân Pháp bắt ở Hải Phòng, kết án 20 năm tù cầm cố và lần lượt bị đầy ải ở các nhà tù Hỏa Lò, Sơn La và Côn Đảo.

Năm 1936, do cuộc đấu tranh của nhân dân ta và thắng lợi của Mặt trận nhân dân ở Pháp, chính quyền thực dân Pháp buộc phải trả tự do cho nhiều chiến sĩ cách mạng Việt Nam, trong đó có đồng chí Lê Duẩn. Ra tù, vượt qua sự đe dọa, quản thúc của chính quyền thực dân, đồng chí lập tức trở lại hoạt động cách mạng, củng cố tổ chức đảng ở các tỉnh miền Trung và góp phần vào thành công của cuộc vận động dân chủ do Đảng ta lãnh đạo trong những năm 1936 - 1939.

Năm 1937, đồng chí giữ chức Bí thư Xứ ủy Trung Kỳ.

Năm 1939, đồng chí được bổ sung vào Thường vụ Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

Năm 1940, đồng chí lại bị địch bắt ở Sài Gòn, bị kết án 10 năm tù và đầy đi Côn Đảo lần thứ hai. Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công, đồng chí được Đảng và Chính phủ đón về đất liền, tham gia cuộc kháng chiến ở Nam Bộ.

Năm 1946, ra Hà Nội, đồng chí Lê Duẩn làm việc bên cạnh Chủ tịch Hồ Chí Minh, góp phần cùng Trung ương Đảng chuẩn bị cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược. Cuối năm đó, đồng chí được Chủ tịch Hồ Chí Minh và Trung ương Đảng cử vào lãnh đạo cuộc kháng chiến ở Nam Bộ.

Tại Đại hội lần thứ II của Đảng năm 1951, đồng chí được bầu vào Ban Chấp hành Trung ương và Bộ Chính trị. Từ năm 1946 đến năm 1954, với cương vị Bí thư Xứ ủy, rồi Bí thư Trung ương Cục miền Nam, đồng chí được phân công trực tiếp cùng với tập thể lãnh đạo Trung ương Cục tổ chức cuộc kháng chiến ở Nam Bộ, góp phần vào thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược.

Từ năm 1954 đến năm 1957, sau khi Hiệp định Giơnevơ được ký kết, đồng chí Lê Duẩn được Trung ương phân công trở lại miền Nam để lãnh đạo cách mạng. Trong những năm tháng vô cùng khó khăn, với sự khùng bố ác liệt của kẻ thù, sống trong lòng nhân dân, đồng chí đã kiên trì bám trụ, từ vùng nông thôn hẻo lánh đến các thành phố để củng cố các cơ sở cách mạng, chuẩn bị cuộc chiến đấu lâu dài chống đế quốc Mỹ xâm lược.

Năm 1957, đồng chí được Ban Chấp hành Trung ương Đảng điều động ra miền Bắc, cử vào Ban Bí thư, chủ trì công

việc của Ban Bí thư và là Phó ban chuẩn bị Văn kiện Đại hội III của Đảng.

Năm 1960, tại Đại hội lần thứ III của Đảng, đồng chí được bầu lại vào Ban Chấp hành Trung ương và Bộ Chính trị, giữ chức Bí thư thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

Tại Đại hội lần thứ IV của Đảng (năm 1976) và lần thứ V của Đảng (năm 1982), đồng chí Lê Duẩn tiếp tục được bầu vào Ban Chấp hành Trung ương và Bộ Chính trị, giữ chức Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

Hoạt động cách mạng trên cả ba miền của Tổ quốc, trải qua mọi thử thách khắc nghiệt của lao tù để quốc cũng như chiến tranh ác liệt, luôn luôn gắn bó với đồng bào, đồng chí Lê Duẩn đã có những đóng góp to lớn vào sự lãnh đạo của Đảng, đưa sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác.

Suốt đời phấn đấu theo chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, cống hiến trọn đời mình cho lý tưởng cộng sản chủ nghĩa, cho sự nghiệp giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước, vì tự do, hạnh phúc của nhân dân ta, đồng chí Lê Duẩn là hiện thân sinh động của một chiến sĩ cộng sản kiên cường, một nhà lãnh đạo kiệt xuất của cách mạng Việt Nam trong thời đại Hồ Chí Minh.

Thưa các đồng chí và các bạn,

Trên các cương vị quan trọng của Đảng từ sau khi Đảng ra đời và với 26 năm liên tục trên cương vị Bí thư thứ nhất và Tổng Bí thư của Đảng (1960 - 1986), đồng chí Lê Duẩn không chỉ là một nhà hoạt động chính trị kiên định, mà còn là một kiến trúc sư chiến lược của Đảng ta. Đồng chí đã cùng với Bộ Chính trị và Ban Chấp hành Trung ương, đứng đầu là

Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại, xác định đường lối, chính sách của các cuộc kháng chiến giải phóng dân tộc và bảo vệ Tổ quốc, xây dựng khoa học quân sự cách mạng Việt Nam, đánh thắng các cuộc chiến tranh xâm lược của chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động khác, cổ vũ mạnh mẽ phong trào đấu tranh của nhân dân thế giới chống chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa thực dân giành độc lập, tự do.

Năm 1939, tại Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương, dưới sự chủ trì của Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ, đồng chí đã góp phần cùng Ban Chấp hành Trung ương xây dựng nghị quyết đề cao nhiệm vụ giải phóng dân tộc, đoàn kết toàn dân trong Mặt trận phản đế Đông Dương, làm cho đường lối cách mạng nước ta trở lại đúng với tinh thần cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh đã thể hiện trong Chính cương văn tắt, Sách lược văn tắt do Người khởi thảo đầu năm 1930.

Năm 1951, Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ II họp ở Việt Bắc, tuy không ra dự được nhưng đồng chí đã gửi thư đóng góp những ý kiến quan trọng với Đại hội. Căn cứ vào tình hình thực tiễn ở miền Nam, đồng chí đã cùng Xứ ủy Nam Bộ đề ra chủ trương tiến hành cách mạng ruộng đất với phương pháp thích hợp, đoàn kết rộng rãi các lực lượng yêu nước, mở rộng Mặt trận dân tộc thống nhất, xây dựng, phát triển lực lượng vũ trang ba thứ quân, làm cho kháng chiến ở Nam Bộ có bước phát triển rõ rệt và góp phần cùng cả nước giành thắng lợi to lớn trong chiến cuộc Đông Xuân 1953 - 1954.

Những năm trở lại hoạt động ở miền Nam sau khi Hiệp định Giơnevơ được ký kết, vượt qua sự đàn áp khốc liệt của kẻ thù, bám sát thực tế đấu tranh bất khuất của đồng bào và nhìn rõ kẻ thù đã phá bỏ Hiệp định đình chiến, đồng chí

Lê Duẩn đã sớm suy nghĩ và tìm tòi đường lối cho cách mạng miền Nam. Tháng 8-1956, bản Đề cương cách mạng niềm Nam do đồng chí khởi thảo đã hoàn thành, góp phần quan trọng vào sự ra đời Nghị quyết 15 của Ban Chấp hành Trung ương (năm 1959). Nghị quyết 15 thể hiện sự thống nhất về tư duy chiến lược giữa Trung ương và các cấp lãnh đạo ở miền Nam, phản ánh đúng yêu cầu của lịch sử, ý chí, nguyện vọng của nhân dân, mở đường cho cách mạng miền Nam tiến lên, dẫn đến cao trào “Đồng khởi” oanh liệt trong những năm 1959 - 1960, chuyển cách mạng miền Nam từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công, mở ra bước ngoặt cho cách mạng miền Nam, góp phần bảo vệ và củng cố miền Bắc xã hội chủ nghĩa. Dưới sự lãnh đạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh, trên cương vị Phó Trưởng ban chuẩn bị Báo cáo chính trị cho Đại hội lần thứ III của Đảng, đồng chí Lê Duẩn đã góp phần quan trọng vào việc hình thành đường lối cách mạng cả nước. Đó là đường lối tiến hành đồng thời hai chiến lược cách mạng, cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam và cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc; kết hợp chặt chẽ hai chiến lược đó với nhau nhằm một mục tiêu chung là hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trên cả nước, thực hiện thống nhất nước nhà. Đường lối đó thể hiện độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, kết hợp những yêu cầu cơ bản của nhân dân ta với những mục tiêu cách mạng của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội, do đó đã động viên và tổ chức đến trình độ cao sức mạnh tổng hợp của cả dân tộc và nhận được sự ủng hộ, giúp đỡ quý báu của nhân dân các nước xã hội chủ nghĩa và nhân dân các nước

đang đấu tranh cho độc lập dân tộc, cho hòa bình và tiến bộ xã hội trên toàn thế giới. Đường lối đó cũng là cơ sở để hoạch định chiến lược tiến công và sáng tạo ra nghệ thuật biết đánh, biết thắng từng bước kẻ thù xâm lược, tiến lên giành thắng lợi hoàn toàn.

Trước diễn biến phức tạp của tình hình quốc tế trong những năm 60 và trước những thử thách quyết liệt của tình hình trong nước, trên cương vị Bí thư thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương (1960 - 1976), chịu trách nhiệm lãnh đạo tổ chức thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ III của Đảng, đồng chí Lê Duẩn đã tỏ rõ là một nhà tổ chức tài năng, góp phần to lớn vào việc lãnh đạo xây dựng hậu phương miền Bắc vững mạnh, đánh thắng chiến tranh phá hoại bằng không quân và hải quân của đế quốc Mỹ, đồng thời chỉ đạo tổ chức cuộc chiến đấu của quân và dân ta ở tiền tuyến lớn miền Nam, đánh bại các chiến lược chiến tranh của địch, từng bước bẻ gãy ý chí xâm lược của chúng.

Ngày 2-9-1969, Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩnh biệt chúng ta. Trước đau thương vô hạn và tổn thất lớn lao đó, đồng chí Lê Duẩn đã cùng Bộ Chính trị và Ban Chấp hành Trung ương Đảng kiên định đường lối độc lập, tự chủ và đoàn kết quốc tế, sáng suốt lãnh đạo quân và dân ta giữ vững quyết tâm chiến đấu, thực hiện lời thề với Người, đưa ngọn cờ độc lập - tự do của Chủ tịch Hồ Chí Minh đến đích: giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc, đưa cả nước tiến lên chủ nghĩa xã hội. Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước là một trong những chiến công chói lọi nhất của dân tộc ta và của loài người trong thế kỷ XX.

Đất nước thống nhất, 10 năm trên cương vị Tổng Bí thư

của Đảng (1976 - 1986), đồng chí Lê Duẩn đã cùng Ban Chấp hành Trung ương vạch ra và thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược: xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; đồng thời định ra chiến lược kinh tế trong chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Lý tưởng và hoài bão suốt đời của đồng chí Lê Duẩn là Tổ quốc độc lập và thống nhất, nhân dân có quyền làm chủ đất nước, làm chủ xã hội và làm chủ cuộc sống của mình.

Về mặt quốc tế, đồng chí Lê Duẩn đã có những đóng góp lớn vào việc xây dựng, củng cố tình hữu nghị và đoàn kết giữa nhân dân ta với nhân dân Lào, Campuchia và nhân dân các nước xã hội chủ nghĩa anh em; góp phần vào việc bảo vệ sự trong sáng của chủ nghĩa Mác - Lê nin, chống chủ nghĩa cơ hội và xét lại, tăng cường tình đoàn kết chiến đấu trong phong trào cộng sản, công nhân quốc tế và phong trào giải phóng dân tộc.

Dánh giá công lao của đồng chí Lê Duẩn, Đảng ta khẳng định: “Là một người mácxit - léninnít chân chính, đồng chí luôn luôn suy nghĩ, tìm tòi, xuất phát từ tình hình thực tế, phân tích, giải quyết những vấn đề mới do cuộc sống đề ra. Sự sáng suốt của đồng chí thể hiện nổi bật trước những bước ngoặt của lịch sử và những tình huống phức tạp”, “lịch sử nước ta mãi mãi khẳng định công lao to lớn và cống hiến xuất sắc của đồng chí. Tấm gương của đồng chí mãi mãi tỏa sáng”.

Thưa các đồng chí và các bạn,

Hai mươi sáu năm liên tục trên cương vị Bí thư thứ nhất và Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng ta, dưới ánh sáng của tư tưởng Hồ Chí Minh, đồng chí Lê Duẩn vừa là nhà lãnh đạo chính trị kiên định, nhà chiến lược xuất sắc, nhà tổ

chức tài năng, vừa là một nhà tư tưởng, một trí tuệ lớn của cách mạng Việt Nam đã có những cống hiến xuất sắc về lý luận.

Đồng chí luôn nắm vững và vận dụng sáng tạo những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê nin và tư tưởng Hồ Chí Minh vào hoàn cảnh Việt Nam để cùng với Đảng ta đề ra đường lối chiến lược đúng đắn, phương pháp cách mạng và khoa học.

Điều ấy được thể hiện ở hàng loạt tác phẩm giàu tính lý luận, khái quát từ thực tiễn cách mạng hết sức phong phú, có tính đến những biến đổi phức tạp của thế giới, của thời đại. Những tư tưởng lớn của đồng chí đóng góp vào việc xác định chính sách mới của Đảng ở Hội nghị Trung ương lần thứ sáu (năm 1939), vào đường lối cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân qua bản kiến nghị quan trọng với Đại hội lần thứ II của Đảng (năm 1951), vào việc hoạch định con đường đi lên của cách mạng miền Nam qua bản Đề cương cách mạng miền Nam và việc chuẩn bị Nghị quyết 15 của Trung ương (năm 1959), sau này được bổ sung và phát triển một cách toàn diện trong những năm 60, đầu những năm 70 của thế kỷ XX và đã là những đóng góp có ý nghĩa quyết định vào sự lãnh đạo của Đảng để đưa cách mạng Việt Nam đến toàn thắng vào mùa Xuân năm 1975. Về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội, đồng chí Lê Duẩn đã “góp phần làm sáng tỏ nhiều vấn đề lý luận và thực tiễn nhằm xác định và hoàn chỉnh đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta, trong điều kiện một nước nông nghiệp lạc hậu, tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội, bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa. Giường cao ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, đồng chí đã kiên trì nguyên tắc kết hợp sức mạnh của dân tộc với sức mạnh của thời đại, sức mạnh trong

nước với sức mạnh quốc tế để thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược: Xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”.

Là nhà lãnh đạo chiến lược của Đảng, đồng chí Lê Duẩn đặc biệt quan tâm đến vấn đề đường lối, phương pháp và nghệ thuật cách mạng, chiến lược và sách lược cách mạng, mà điều bao trùm nhất là tìm hiểu và nắm vững những quy luật và những vấn đề có tính quy luật của cách mạng Việt Nam, vận dụng một cách đúng đắn vào thực tiễn, để thực tiễn kiểm nghiệm.

Một nét rất nổi bật ở đồng chí Lê Duẩn là phong cách tư duy độc lập, tự chủ, sáng tạo, luôn trăn trở với những vấn đề mà cuộc sống đặt ra, luôn suy nghĩ tìm tòi cái mới.

Những đóng góp của đồng chí Lê Duẩn về lý luận trong cách mạng giải phóng dân tộc và cách mạng xã hội chủ nghĩa đã làm phong phú thêm kho tàng lý luận cách mạng Việt Nam.

Thưa các đồng chí và các bạn,

Trước những thử thách nghiêm ngặt của cuộc đấu tranh cách mạng qua các thời kỳ, đồng chí Lê Duẩn luôn nêu tấm gương về lòng trung thành vô hạn với Đảng và cách mạng, với lợi ích tối cao của Tổ quốc và nhân dân, với lý tưởng cộng sản chủ nghĩa cao cả, luôn kiên định ý chí cách mạng tiến công, một lòng một dạ phục vụ sự nghiệp độc lập cho dân tộc, tự do và hạnh phúc cho nhân dân.

Đồng chí sống một cuộc đời trung thực và giản dị, luôn gần gũi đồng bào, đồng chí, với tình thương yêu tha thiết và chân thành đối với mọi người, quan tâm đến ý kiến và nguyện vọng của nhân dân; luôn coi trọng tình thương và lẽ phải.

Đồng chí còn là tấm gương của một chiến sĩ quốc trong sáng, suốt đời noi gương Chủ tịch Hồ Chí Minh, chắp cánh cho

phản cung cố và tăng cường đoàn kết quốc tế giữa các lực lượng cách mạng và tiến bộ trên thế giới trong cuộc đấu tranh chung vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội.

Thưa các đồng chí và các bạn.

Kỷ niệm 100 năm Ngày sinh đồng chí Lê Duẩn, chúng ta tưởng nhớ đến một người học trò lỗi lạc của Chủ tịch Hồ Chí Minh, một tư duy sáng tạo lớn của cách mạng Việt Nam, người đã để lại những dấu ấn sâu đậm trên các chặng đường giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước, đưa cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội.

Noi gương đồng chí, toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta tăng cường đoàn kết nhất trí, tranh thủ thời cơ, sáng tạo và tiến lên, vượt qua mọi khó khăn, thử thách, hoàn thành tốt nhiệm vụ mà Nghị quyết Đại hội lần thứ X của Đảng đã đề ra, thực hiện có kết quả cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”, quyết phấn đấu đưa sự nghiệp đổi mới vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh đến thắng lợi.

Đảng Cộng sản Việt Nam vinh muôn năm!

Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam muôn năm!

Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại sống mãi trong sự nghiệp của chúng ta.

Xin trân trọng cảm ơn.

Báo Nhân Dân, số 18863,
ngày 7-4-2007.

PHÁT BIỂU
CỦA ĐỒNG CHÍ NGUYỄN MINH TRIẾT,
ỦY VIÊN BỘ CHÍNH TRỊ, CHỦ TỊCH NƯỚC
TẠI LỄ KỶ NIỆM 45 NĂM NGÀY TRUYỀN THỐNG
LỰC LUỢNG CẢNH SÁT NHÂN DÂN
VÀ ĐÓN NHẬN DANH HIỆU ANH HÙNG
LỰC LUỢNG VŨ TRANG NHÂN DÂN

Ngày 19 tháng 7 năm 2007

**Cảnh sát nhân dân phấn đấu để mãi mãi
 xứng đáng với niềm tin của Đảng, Nhà nước
 và nhân dân***

Kính thưa đồng chí Đỗ Mười, nguyên Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Việt Nam!

Thưa các đồng chí lão thành cách mạng, mẹ Việt Nam Anh hùng, Anh hùng Lực lượng vũ trang, Anh hùng Lao động!

Thưa các vị khách quý!

Thưa toàn thể các đồng chí!

Hôm nay, tôi rất vui mừng đến dự lễ kỷ niệm 45 năm Ngày Chủ tịch Hồ Chí Minh ký lệnh công bố Pháp lệnh Cảnh sát nhân dân, trong đó quy định rõ vị trí, tính chất và nhiệm vụ cực kỳ quan trọng của lực lượng Cảnh sát nhân dân trong sự nghiệp cách mạng của Đảng và của dân tộc. Pháp lệnh ra đời là cơ sở pháp lý cho mọi hoạt động công tác, chiến đấu của lực lượng Cảnh sát nhân dân, đồng thời khẳng định sự ghi nhận của Đảng, Nhà nước đối với bước trưởng thành của lực lượng Cảnh sát nhân dân từ sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945.

Cảnh sát nhân dân, do Bộ Công an tổ chức và trao tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân cho Tổng cục Cảnh sát nhân dân.

Trong những ngày này, cả nước ta đang tổ chức các hoạt động tiến tới kỷ niệm 60 năm Ngày thương binh, liệt sĩ, tại buổi lễ trọng thể hôm nay, chúng ta bày tỏ lòng biết ơn và nghĩa tình sâu nặng với các gia đình thương binh, liệt sĩ, các Bà mẹ Việt Nam Anh hùng, các đồng chí lão thành cách mạng, các đồng chí thương binh, bệnh binh, gia đình có công với nước đã có nhiều cống hiến, hy sinh cho sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc, trong đó có các chiến sĩ An ninh, Cảnh sát nhân dân đã anh dũng hy sinh vì độc lập, tự do của Tổ quốc, vì hạnh phúc của nhân dân.

Thưa các đồng chí!

Ngày 20-7-1962, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký lệnh công bố Pháp lệnh Cảnh sát nhân dân, trong đó quy định rõ vị trí, tính chất và nhiệm vụ cực kỳ quan trọng của lực lượng Cảnh sát nhân dân trong sự nghiệp cách mạng của Đảng và của dân tộc. Pháp lệnh ra đời là cơ sở pháp lý cho mọi hoạt động công tác, chiến đấu của lực lượng Cảnh sát nhân dân, đồng thời khẳng định sự ghi nhận của Đảng, Nhà nước đối với bước trưởng thành của lực lượng Cảnh sát nhân dân từ sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945.

Hơn 60 năm chiến đấu, công tác và xây dựng lực lượng, dưới sự lãnh đạo, chăm lo giáo dục và rèn luyện của Đảng và Bác Hồ kính yêu, được nhân dân đùm bọc, giúp đỡ chở che, lực lượng Công an nhân dân nói chung, lực lượng Cảnh sát nhân dân nói riêng ngày càng lớn mạnh, đã hoàn thành xuất

* Đầu đề do báo Nhân Dân đặt (B.T).

sắc mọi nhiệm vụ được giao, góp phần xứng đáng với sự nghiệp giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Phải khẳng định rằng, từ khi Pháp lệnh Cảnh sát nhân dân ra đời, hoạt động của Cảnh sát nhân dân có hiệu quả rõ rệt. Lực lượng Cảnh sát nhân dân trong khi thực hiện nhiệm vụ đã căn cứ vào các quy định về nhiệm vụ, quyền hạn ghi trong Pháp lệnh để tiến hành công tác phòng ngừa, tấn công tội phạm, giữ gìn trật tự an toàn xã hội. Trong những điều kiện hết sức khó khăn phức tạp, phải tập trung đấu tranh ngăn chặn hoạt động của bọn tội phạm, đội ngũ cán bộ, chiến sĩ Cảnh sát nhân dân vẫn vững vàng vươn lên, vượt qua gian khó, hiểm nguy, vượt qua những cám dỗ vật chất của cuộc sống đồi thường, trung thành tuyệt đối với Đảng, với Tổ quốc và nhân dân, chiến đấu kiên cường dũng cảm, đảm bảo trật tự kỷ cương xã hội và giữ gìn cuộc sống yên bình của nhân dân. Trong cuộc đấu tranh quyết liệt, hàng ngàn cán bộ, chiến sĩ Cảnh sát nhân dân đã cống hiến một phần xương máu của mình, nhiều đồng chí đã anh dũng hy sinh trong khi làm nhiệm vụ. Sự hy sinh của các đồng chí trong cuộc chiến đầy cam go quyết liệt này đã minh chứng cho truyền thống tốt đẹp, bản chất, nhân cách cao cả của người chiến sĩ Cảnh sát nhân dân “vì nước quên thân, vì dân phục vụ”, góp phần tô thắm trang sử vàng truyền thống của lực lượng Công an nhân dân Việt Nam.

Đảng, Nhà nước và nhân dân ghi nhận, đánh giá cao những cống hiến, hy sinh, những chiến công xuất sắc của lực lượng Cảnh sát nhân dân và đã tặng thưởng Huân chương

Sao Vàng và hàng trăm huân chương, huy chương các loại cho các đơn vị, cá nhân trong lực lượng Cảnh sát nhân dân. Đặc biệt, nhân kỷ niệm lần thứ 45 Ngày công bố Pháp lệnh Cảnh sát nhân dân, Đảng, Nhà nước đã quyết định trao tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân cho Tổng cục Cảnh sát nhân dân. Đây là phần thưởng cao quý thể hiện sự tin tưởng của Đảng, Nhà nước, sự tin yêu dùm bọc, giúp đỡ của nhân dân đối với lực lượng Công an nhân dân nói chung, lực lượng Cảnh sát nhân dân nói riêng. Các đồng chí cần phấn đấu hơn nữa để mãi mãi xứng đáng với niềm tin yêu của Đảng, Nhà nước và nhân dân đối với lực lượng Cảnh sát nhân dân anh hùng.

Thưa các đồng chí!

Trong giai đoạn hiện nay, tình hình thế giới và khu vực diễn biến rất phức tạp, bên cạnh những thời cơ thuận lợi to lớn cũng có những khó khăn thách thức không nhỏ, chúng ta phải tranh thủ nắm bắt những thời cơ, những điều kiện mới để đẩy nhanh tiến trình xây dựng và phát triển đất nước. Nhưng đồng thời chúng ta cũng phải đề cao cảnh giác sẵn sàng đối phó với những âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch và có phương sách phòng ngừa, đối phó với những thách thức nguy cơ mới; các thế lực thù địch sẽ triệt để lợi dụng những khó khăn, những điểm yếu của chúng ta để hoạt động chống phá, lật đổ chế độ. Ngăn chặn các loại tội phạm có tổ chức, ma túy, rửa tiền, tội phạm xuyên quốc gia, tội phạm có yếu tố nước ngoài, tội phạm lợi dụng công nghệ cao, tội phạm sinh học, tội phạm khủng bố... sẽ gia tăng; tệ nạn xã hội sẽ diễn biến phức tạp hơn.

Vì vậy, trong khi đặt nhiệm vụ xây dựng đất nước, phát triển kinh tế lên hàng đầu, Đảng, Nhà nước rất coi trọng nhiệm vụ củng cố an ninh, quốc phòng. Phát triển kinh tế - xã hội phải làm tăng tiềm lực an ninh, quốc phòng của đất nước, đồng thời công tác an ninh, quốc phòng phải phục vụ đắc lực cho phát triển kinh tế - xã hội.

Để hoàn thành nhiệm vụ của Đảng và Nhà nước giao cho, lực lượng Cảnh sát nhân dân có nhiều việc phải làm, ở đây tôi muốn nhấn mạnh một số nhiệm vụ sau đây:

1. Tăng cường thực hiện các Nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương, của Bộ Chính trị về an ninh quốc gia, Nghị quyết số 08 của Bộ Chính trị về cải cách tư pháp. Trước hết, lực lượng Cảnh sát nhân dân phải tiếp tục tham mưu cho Đảng và Nhà nước ban hành kịp thời những chủ trương, chính sách và các văn bản pháp luật để thực hiện tốt nhiệm vụ quản lý nhà nước về trật tự an toàn xã hội.

2. Kiện toàn tổ chức bộ máy Công an nhân dân, trong đó Cảnh sát nhân dân tinh gọn, tăng cường cho các đơn vị trực tiếp chiến đấu và cho cơ sở, giảm đầu mối trung gian, thực hiện phân công phân cấp rõ ràng và có cơ chế phối hợp chặt chẽ trong toàn lực lượng và với các cơ quan, đơn vị có liên quan.

3. Quan tâm đào tạo, bồi dưỡng, giáo dục đội ngũ cán bộ, chiến sĩ có năng lực và phẩm chất ngang tầm với yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới. Kiên quyết khắc phục tình trạng một bộ phận cán bộ, chiến sĩ Cảnh sát nhân dân thiếu trách nhiệm trước dân, kém ý thức phục vụ nhân dân, thậm chí tham nhũng, sách nhiễu, vi phạm pháp luật và quyền làm chủ của nhân dân. Vừa qua, trong lực lượng Cảnh sát

nhân dân có một số trường hợp sai phạm nghiêm trọng, làm giảm uy tín của lực lượng, của ngành. Do đó các cấp lãnh đạo trong lực lượng Cảnh sát nhân dân cần có những biện pháp triệt để nhằm khắc phục những khuyết điểm đó. Phải thực hiện nghiêm, đúng luật pháp, không được để vi phạm, không được để lọt tội phạm, nhưng cũng không được làm oan sai người ngay, không được gây khó khăn, sách nhiễu đối với nhân dân.

4. Thực hiện tốt công tác xây dựng và chỉnh đốn Đảng trong lực lượng Cảnh sát nhân dân, kết hợp chặt chẽ công tác giáo dục, xử lý nội bộ với việc phát huy sự giám sát, phê bình của nhân dân đối với lực lượng Cảnh sát nhân dân. Phải tiếp tục chỉ đạo thực hiện sâu rộng, hiệu quả phong trào “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh gắn kết chặt chẽ với phong trào Cảnh sát nhân dân vì nước quên thân, vì dân phục vụ”, tạo sự chuyển biến sâu sắc trong công tác phòng ngừa và đấu tranh phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội. Trong bất kỳ hoàn cảnh nào, lực lượng Cảnh sát nhân dân cũng phải tỏ rõ bản lĩnh chính trị vững vàng, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, đề cao cảnh giác cách mạng, tuyệt đối trung thành với Đảng, với Tổ quốc và nhân dân, coi phục vụ lợi ích của Tổ quốc và nhân dân là lý tưởng và mục đích cao nhất của mình. Mỗi cán bộ, chiến sĩ Cảnh sát nhân dân phải thực sự sống cùng nhân dân, vì nhân dân phục vụ và được nhân dân che chở, dùm bọc, đồng thời làm chỗ dựa cho nhân dân trong cuộc đấu tranh chống các loại tội phạm, chống các tệ nạn xã hội, chống các hành vi vi phạm pháp luật, bảo vệ quyền làm chủ của nhân dân.

Thưa các đồng chí!

45 năm thực hiện Pháp lệnh Cảnh sát nhân dân, lực lượng Cảnh sát nhân dân đã thật sự trưởng thành, xứng đáng với sự quan tâm, niềm tin tưởng của Đảng, Nhà nước và Bác Hồ kính yêu. Dẫu rằng vẫn còn có những vấn đề phải trăn trở, nhưng sự lớn mạnh không ngừng và sự cống hiến, hy sinh to lớn của lực lượng Cảnh sát nhân dân đối với sự nghiệp bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội, để đất nước ổn định và phát triển là rất đáng tự hào.

Đảng, Nhà nước và nhân dân tin rằng, lực lượng Cảnh sát nhân dân nhất định sẽ phát huy truyền thống vẻ vang, hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ. Xin kính chúc các đồng chí lão thành cách mạng cùng toàn thể các đồng chí đại biểu dồi dào sức khỏe và hạnh phúc.

Xin cảm ơn.

Báo *Nhân Dân*, số 18965,
ngày 19-7-2007.

**PHÁT BIỂU
CỦA ĐỒNG CHÍ NGUYỄN TẤN DŨNG,
ỦY VIÊN BỘ CHÍNH TRỊ, THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ
NHÂN DỊP KỶ NIỆM 40 NĂM THÀNH LẬP ASEAN
(8-8-1967 – 8-8-2007)***

Ngày 8 tháng 8 năm 2007

Hôm nay Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) vừa tròn 40 tuổi. Cùng với nhân dân các nước Đông Nam Á chúng ta mừng vui kỷ niệm ngày đáng nhớ này - một mốc quan trọng trong sự phát triển của Hiệp hội.

Lễ kỷ niệm năm nay được tiến hành với chủ đề "Một ASEAN trong trái tim châu Á năng động". Thật vậy, trong 40 năm qua, ASEAN đã trở thành một tổ chức khu vực rất thành công, phát triển năng động, hợp tác chặt chẽ, có quan hệ đối tác mật thiết với nhiều quốc gia và tổ chức quan trọng hàng đầu trên thế giới.

Sức mạnh và uy tín của ASEAN càng gia tăng khi Hiệp hội bao gồm cả 10 quốc gia Đông Nam Á. Điều đó góp phần củng cố hòa bình ổn định và sự phồn vinh ở khu vực, tăng cường sự hợp tác và liên kết giữa các nước thành viên, nâng

* Đầu đề do chúng tôi đặt (B.T).

cao vị thế của Hiệp hội trên trường quốc tế, tạo tiền đề cho những bước phát triển mạnh mẽ tiếp theo.

ASEAN đã đóng vai trò nòng cốt trong việc đẩy mạnh sự hợp tác ở Đông Á và châu Á - Thái Bình Dương vì hòa bình và phát triển thông qua các hoạt động của APEC, Diễn đàn Đông Á, Diễn đàn khu vực ASEAN...

Cùng với nhân dân các nước trong khu vực, chúng ta chia sẻ niềm vui và niềm tự hào về những thành tựu to lớn mà Hiệp hội ASEAN đã thu được trong 40 năm qua.

Ngày nay Hiệp hội đang đứng trước cục diện mới với nhiều cơ hội và thách thức đan xen. Để đáp ứng đòi hỏi của tình hình mới trong khu vực và trên thế giới, ASEAN đã đồng lòng nâng quan hệ hợp tác và liên kết lên tầm cao mới với quyết định hình thành Cộng đồng ASEAN vào năm 2015 trên cả ba trụ cột an ninh, kinh tế và văn hóa với mục tiêu biến Hiệp hội trở thành "một nhóm hài hòa các dân tộc gắn bó trong một cộng đồng các xã hội đùm bọc lẫn nhau". Đồng thời, ASEAN đang tích cực xây dựng Hiến chương ASEAN để làm cơ sở pháp lý cho sự phát triển trong giai đoạn mới.

Để biến những ý tưởng cao cả ấy thành hiện thực, Hiệp hội còn nhiều việc phải làm. Bên cạnh việc kiên trì những nguyên tắc cơ bản đã được thử thách qua thời gian như: tôn trọng độc lập, chủ quyền của mỗi nước, không can thiệp công việc nội bộ của nhau, đồng thuận, thống nhất trong sự đa dạng, hợp tác và liên kết trên cơ sở bình đẳng, cùng có lợi; ngày nay Hiệp hội đang đứng trước nhiệm vụ phải tự đổi mới mình về nhiều mặt. Một yêu cầu mang tính thời sự cao là cải tiến mạnh mẽ phương thức hoạt động sao cho sự hợp tác nội khối thiết thực hơn, hiệu quả hơn. Để Hiệp hội có thể liên kết

chặt chẽ hơn thì việc thu hẹp khoảng cách giữa các nước thành viên tiếp tục là một nhiệm vụ cực kỳ quan trọng và cấp bách.

Ngay từ khi ra đời và trong suốt 40 năm qua, ASEAN luôn theo đuổi ý tưởng là một tổ chức khu vực mở. Trước những biến động mới trên thế giới và ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương, ý tưởng ấy càng có tầm quan trọng lớn lao. Hơn lúc nào hết, ASEAN cần duy trì và củng cố vai trò và vị trí trung tâm của mình trong các thể chế hợp tác khu vực vì hòa bình, hợp tác và phát triển.

Chúng ta tin tưởng rằng, với những thành tựu đã đạt được và những ý tưởng mới đang hình thành, ASEAN sẽ có những bước phát triển mạnh mẽ mới trong những năm tiếp theo.

Thưa các quý vị,

Thưa các đồng chí và các bạn,

Việt Nam chúng ta gia nhập ASEAN từ năm 1995 nhằm củng cố môi trường khu vực thuận lợi vì lợi ích phát triển đất nước phồn vinh. 12 năm tham gia ASEAN đã khẳng định rằng, quyết sách đó của Đảng và Nhà nước ta là hoàn toàn đúng đắn. Thông qua sự hợp tác trong ASEAN, chúng ta càng củng cố vững chắc hơn môi trường hòa bình và ổn định, không ngừng mở rộng sự hợp tác về nhiều mặt với các nước trong khu vực, nhất là về kinh tế thương mại, nâng cao thêm vị thế quốc tế của nước ta, tạo tiền đề hội nhập sâu rộng hơn với kinh tế khu vực và toàn cầu.

Đồng thời, trong tiến trình này, nước ta đã có nhiều đóng góp rất quan trọng vào việc củng cố tình đoàn kết và sự thống nhất trong Hiệp hội, đẩy mạnh sự hợp tác và liên kết nội khối, mở rộng sự hợp tác với các nước và tổ chức đối thoại. Hội nghị cấp cao ASEAN năm 1998 và Chương trình hành

động Hà Nội cho tới nay vẫn là một mốc son trong những đóng góp của Việt Nam vào sự phát triển của ASEAN.

Hợp tác hữu nghị và liên kết khu vực trong khuôn khổ ASEAN tiếp tục là một trong những ưu tiên trong chính sách đối ngoại đa dạng hóa, đa phương hóa của nước ta. Chính phủ và nhân dân ta sẽ làm hết sức mình để góp phần xây dựng ASEAN ngày càng gắn kết và vững mạnh hơn, đưa quan hệ hợp tác hữu nghị với các nước thành viên cả trên bình diện song phương lẫn đa phương ngày càng bền chặt hơn, hiệu quả hơn.

Nhân dịp kỷ niệm lần thứ 40 ngày ASEAN ra đời, thay mặt Chính phủ và nhân dân Việt Nam tôi xin chuyển tới Chính phủ và nhân dân các nước trong đại gia đình ASEAN những lời chúc mừng tốt đẹp nhất; chúc cho ASEAN xây dựng thành công Cộng đồng ASEAN vì hòa bình, ổn định và thịnh vượng của khu vực, đóng góp lớn lao hơn nữa cho hòa bình, ổn định và sự hợp tác ở châu Á - Thái Bình Dương và trên thế giới.

Lưu tại Văn phòng Chính phủ.

**PHÁT BIỂU
CỦA ĐỒNG CHÍ NGUYỄN PHÚ TRỌNG,
ỦY VIÊN BỘ CHÍNH TRỊ, CHỦ TỊCH QUỐC HỘI
TẠI HỘI NGHỊ BIỂU DƯƠNG ĐIỂN HÌNH PHỤ NỮ
TÀI NĂNG TOÀN QUỐC THỜI KỲ ĐỔI MỚI**

Ngày 8 tháng 9 năm 2007

**Phụ nữ tài năng là lực lượng nòng cốt trong
sự phát triển bình đẳng giới, di tiên phong
trên các lĩnh vực của đời sống xã hội***

*Thưa các vị đại biểu, các vị khách quý,
Thưa toàn thể chị em,*

Hội nghị biểu dương điển hình phụ nữ tài năng toàn quốc thời kỳ đổi mới do Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam phối hợp với Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam tổ chức là một sự kiện quan trọng, diễn ra ngay trước thềm Đại hội đại biểu phụ nữ toàn quốc lần thứ X và Đại hội Công đoàn các cấp; đồng thời, đây cũng là một hoạt động thiết thực kỷ niệm 62 năm Cách mạng Tháng Tám và Quốc khánh 2-9. Vì vậy, nó rất có ý nghĩa. Thay mặt lãnh đạo Đảng và Nhà nước, tôi nhiệt liệt chào mừng các vị đại biểu

* Đầu đề do báo *Người đại biểu nhân dân* đặt (B.T).

khách quý, chào mừng các đại biểu điển hình là những phụ nữ ưu tú, xuất sắc đến từ mọi miền Tổ quốc, tiêu biểu cho phụ nữ Việt Nam trong 20 năm đổi mới. Chúc các đồng chí và toàn thể chị em sức khỏe, hạnh phúc. Chúc Hội nghị thành công tốt đẹp.

Thưa các đồng chí,

Trong suốt chiều dài lịch sử dựng nước và giữ nước, phụ nữ nước ta luôn luôn giữ vai trò quan trọng và có những cống hiến to lớn, góp phần xây dựng nền truyền thống vẻ vang của dân tộc và tạo dựng nền truyền thống tốt đẹp của phụ nữ Việt Nam. Từ ngày có Đảng và Bác Hồ lãnh đạo, vị trí của phụ nữ càng được đề cao, vai trò của phụ nữ càng được phát huy. Mọi thắng lợi của cách mạng, mọi tiến bộ xã hội đều có sự tham gia, đóng góp tích cực của phụ nữ; và cũng chính qua thực tiễn đấu tranh cách mạng mà phụ nữ Việt Nam ngày càng tiến bộ, trưởng thành.

Trong thời kỳ đổi mới, đất nước ta đã đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử. Kinh tế không ngừng tăng trưởng, công tác xóa đói giảm nghèo thu được nhiều thành quả, các mặt văn hóa, xã hội đều tiến bộ rõ rệt, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân từng bước được cải thiện, chính trị xã hội ổn định, an ninh, quốc phòng được giữ vững, vị thế nước ta trên trường quốc tế ngày càng được nâng cao. Trong tất cả những thành tựu đó, có sự đóng góp xứng đáng của các tầng lớp phụ nữ Việt Nam. Với bản lĩnh, trí tuệ, sự năng động, thông minh, sáng tạo và đức tính cần cù, chịu thương chịu khó, hơn 20 năm qua, phụ nữ nước ta đã tỏ rõ khả năng, sức mạnh của mình trên tất cả các lĩnh vực: từ kinh tế, văn hóa, giáo dục, khoa học, xã hội, tham gia xây

dựng Đảng, xây dựng Nhà nước, xây dựng nền quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân đến lĩnh vực đối ngoại và hợp tác quốc tế; ở đâu cũng có sự đóng góp rất đáng tự hào của lực lượng nữ, ở đâu cũng xuất hiện những tấm gương phụ nữ tiêu biểu. Không chỉ hoàn thành tốt công tác xã hội, chị em còn có công lớn trong xây dựng gia đình “no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc”, nuôi dạy con cái, góp phần đào tạo nguồn nhân lực quý giá cho đất nước.

Thưa các đồng chí và toàn thể chị em,

Tôi rất vui mừng và thực sự xúc động khi nghe Báo cáo biểu dương điển hình phụ nữ tài năng toàn quốc thời kỳ đổi mới, đặc biệt là các báo cáo tại Hội nghị hôm nay. Các đại biểu điển hình đều là những bông hoa đẹp, những tấm gương xuất sắc trong lao động, sản xuất, công tác và học tập - là bằng chứng cho sự lớn mạnh, trưởng thành của phụ nữ Việt Nam song hành đi lên cùng đất nước đổi mới. Trước những đòi hỏi và thách thức của cơ chế thị trường, mở cửa hội nhập kinh tế quốc tế, nhiều chị em trực tiếp làm chủ doanh nghiệp không những đứng vững mà còn làm tốt nhiệm vụ quản lý, chỉ đạo phát triển sản xuất, kinh doanh, tạo dựng được thương hiệu của sản phẩm, hàng hóa, mở rộng thị trường, tăng kim ngạch xuất khẩu, thu hút đầu tư nước ngoài, thu hút khách du lịch quốc tế..., góp phần hình thành đội ngũ nữ doanh nhân của đất nước. Với cương vị lãnh đạo, quản lý trong các cơ quan Đảng, Nhà nước, đoàn thể ở các cấp, nhiều chị đã đóng vai trò quan trọng đối với sự lớn mạnh của cơ quan, đơn vị được đồng nghiệp tin yêu, mến phục. Đội ngũ cán bộ làm công tác văn hóa, giáo dục, nghiên cứu khoa học, học sinh, sinh viên nữ cũng đạt nhiều thành tích xuất sắc,...

Điều đặc biệt đáng quý là, đằng sau mỗi tấm gương làm việc tận tụy, tài năng ấy là một tấm lòng nhân hậu, yêu quê hương, đất nước, yêu chế độ, một quyết tâm làm giàu chính đáng cho mình, cho gia đình và xã hội; một ý chí vươn lên làm chủ khoa học, công nghệ để lao động có năng suất, chất lượng và hiệu quả cao. Chúng ta có quyền tự hào về những người phụ nữ Việt Nam tài năng, sáng tạo, giàu lòng nhân ái - những tinh hoa của phong trào phụ nữ Việt Nam, kết quả của sự khổ công rèn luyện, nỗ lực phấn đấu của chị em; đồng thời, cũng là kết quả của việc thực hiện chủ trương đúng đắn của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước về bình đẳng giới, vì sự phát triển, tiến bộ của phụ nữ.

Thay mặt lãnh đạo Đảng và Nhà nước, tôi nhiệt liệt chúc mừng và biểu dương những thành tích to lớn mà chị em đã đạt được trong những năm đổi mới vừa qua. Chúc chị em tiếp tục phát huy những thành tích đã đạt được, luôn luôn là những hạt nhân tiêu biểu trong các phong trào thi đua lao động, sản xuất, làm rạng rõ thêm truyền thống tốt đẹp của phụ nữ Việt Nam “Anh hùng, bất khuất, trung hậu, đảm đang”.

Thưa các đồng chí,

Để thực hiện được mục tiêu cơ bản mà Đại hội toàn quốc lần thứ X của Đảng đề ra là: sớm đưa đất nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển vào năm 2010 và cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2020, Đảng ta đặc biệt coi trọng phát huy sức mạnh đại đoàn kết dân tộc, động viên sự nỗ lực của toàn dân, trong đó có phụ nữ. Bước vào thời kỳ hội nhập kinh tế quốc tế sâu rộng, Luật Bình đẳng giới và Nghị quyết số 11-NQ/TW của Bộ Chính trị về Công tác phụ nữ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện

đại hóa mở ra nhiều cơ hội thuận lợi, nhưng cũng đặt ra yêu cầu, trách nhiệm lớn lao cho phong trào phụ nữ và Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam. Tôi đề nghị các cấp Hội, các cấp Công đoàn có nhiều hình thức và biện pháp động viên, giúp đỡ, tạo điều kiện để các tầng lớp phụ nữ nước ta tiếp tục vươn lên, tích cực học tập, nâng cao kiến thức, trình độ học vấn, chuyên môn, nghề nghiệp, phấn đấu để từng bước tiến tới không còn phụ nữ nghèo, phụ nữ mù chữ, phụ nữ bị buôn bán và mắc các tệ nạn xã hội. Đặc biệt, cần có biện pháp nhân rộng các điển hình tiên tiến để ngày càng có nhiều phụ nữ tài năng trên các lĩnh vực, thực sự là lực lượng nòng cốt trong sự phát triển bình đẳng giới, đi tiên phong trên các lĩnh vực của đời sống xã hội, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Thưa các đồng chí,

Hội nghị biểu dương điển hình phụ nữ tài năng lần này là một dịp để chúng ta trao đổi, học tập kinh nghiệm của các điển hình phụ nữ tiêu biểu trên các lĩnh vực. Qua đây tiếp thêm sức mạnh cho phong trào thi đua của phụ nữ cả nước, động viên các tầng lớp phụ nữ ngày càng phát huy trí tuệ, sức sáng tạo và các đức tính cao quý của mình, quyết tâm thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội đại biểu phụ nữ toàn quốc lần thứ X và Đại hội Công đoàn các cấp, góp phần thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Đảng và Nhà nước tin tưởng rằng, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam sẽ tiếp tục phát huy vai trò nòng cốt của mình trong công tác phụ nữ, tổ chức nhiều phong trào thi đua thiết thực, tạo điều kiện để chị em phấn đấu vươn lên, ngày càng

khẳng định được vai trò và vị thế của mình, tham gia nhiều hơn công việc xã hội, bình đẳng trên mọi lĩnh vực, đóng góp ngày càng lớn hơn cho đất nước. Phấn đấu để nước ta là một trong những quốc gia có thành tựu bình đẳng giới tiến bộ nhất ở khu vực và trên thế giới.

Chúc các vị đại biểu cùng toàn thể chị em dồi dào sức khỏe, hạnh phúc, thành công.

Xin cảm ơn.

- Báo *Người đại biểu nhân dân*, ngày 9-9-2007.

- Nguyễn Phú Trọng: *Phát huy dân chủ, tiếp tục xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.591-595.

**PHÁT BIỂU
CỦA ĐỒNG CHÍ NGUYỄN TẤN DŨNG,
ỦY VIÊN BỘ CHÍNH TRỊ, THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ
TẠI LỄ KỶ NIỆM NGÀY LIÊN HỢP QUỐC VÀ
30 NĂM QUAN HỆ VIỆT NAM - LIÊN HỢP QUỐC***

Ngày 24 tháng 10 năm 2007

Thưa các vị đại diện các tổ chức thuộc Liên hợp quốc, các vị đại sứ và các vị trong đoàn ngoại giao,

Thưa các quý vị và các bạn,

Trước hết, thay mặt Chính phủ và nhân dân Việt Nam, tôi xin nhiệt liệt chào mừng các quý vị đã đến dự lễ kỷ niệm trọng thể ngày Liên hợp quốc năm nay, đây cũng là dịp đánh dấu 30 năm quan hệ hợp tác giữa Việt Nam và Liên hợp quốc. Lễ kỷ niệm ngày Liên hợp quốc hôm nay lại càng có ý nghĩa trọng đại đối với đất nước chúng tôi, vì Việt Nam vừa được Đại hội đồng Liên hợp quốc khóa 62 bầu làm Ủy viên không thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc nhiệm kỳ 2008 - 2009 với sự tín nhiệm cao của cộng đồng quốc tế.

Ba mươi năm qua đã chứng kiến sự phát triển vượt bậc của mối quan hệ hợp tác toàn diện giữa Việt Nam và Liên

* Đầu đề do chúng tôi đặt (B.T).

hợp quốc, đã khẳng định Việt Nam luôn phán đấu là một thành viên có trách nhiệm, cam kết ủng hộ mạnh mẽ các nguyên tắc và mục tiêu của Hiến chương và vai trò trung tâm của Liên hợp quốc trong việc duy trì hòa bình, an ninh quốc tế và giải quyết hiệu quả các vấn đề phát triển mang tính toàn cầu.

Thưa các quý vị,

Không chỉ có vai trò trung tâm trong việc duy trì, bảo đảm hòa bình và an ninh quốc tế, Liên hợp quốc còn có vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy hợp tác quốc tế vì sự phát triển. Trên lĩnh vực này, quan hệ hợp tác giữa Việt Nam và hệ thống phát triển Liên hợp quốc đã không ngừng được củng cố và tăng cường. Ngay từ những ngày đầu sau khi đất nước chúng tôi được thống nhất năm 1975 với bao khó khăn, thách thức, các tổ chức chuyên môn của Liên hợp quốc đã hỗ trợ tích cực chúng tôi trong tái thiết và phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Trong quá trình đổi mới ở Việt Nam, hệ thống phát triển Liên hợp quốc đã và đang giúp Việt Nam giải quyết nhiều vấn đề cấp thiết, đặc biệt trong lĩnh vực xóa đói, giảm nghèo, tăng cường năng lực hội nhập quốc tế, cải cách hành chính, bảo vệ môi trường, phòng, chống dịch bệnh... Nguồn vốn, tri thức và kinh nghiệm mà các tổ chức Liên hợp quốc dành cho Việt Nam trong những năm qua là một trong những nguồn hỗ trợ quan trọng cho Việt Nam trong tiến trình phát triển, đặc biệt là trong việc thực hiện thành công một số mục tiêu phát triển thiên niên kỷ.

Về phần mình, chúng tôi ngày càng tham gia tích cực vào các cơ chế hoạch định chính sách của Liên hợp quốc, bên

cạnh những vấn đề chính trị, hòa bình, an ninh, giải trừ quân bị, Việt Nam đã chủ động và đóng góp cụ thể vào các lĩnh vực như: xóa đói, giảm nghèo, phát triển xã hội, bảo vệ môi trường, an ninh lương thực, bình đẳng giới, phòng, chống HIV/AIDS. Việc Việt Nam chủ động đề xuất và đang tích cực cùng các tổ chức Liên hợp quốc thực hiện thí điểm sáng kiến "Một Liên hợp quốc tại Việt Nam" với những kết quả bước đầu đáng khích lệ, là đóng góp thiết thực của chúng tôi vào tiến trình cải cách hoạt động của Liên hợp quốc trong lĩnh vực phát triển. Quan hệ hợp tác giữa Việt Nam và Liên hợp quốc trong 30 năm qua có thể coi là một mẫu hình của quan hệ đối tác vì sự phát triển. Việt Nam luôn mong muốn hợp tác tốt đẹp với Liên hợp quốc vì mục tiêu chung là hòa bình, ổn định, hợp tác, phát triển cho mỗi quốc gia và toàn thế giới.

Thưa quý vị,

Xuất phát từ chính sách đối ngoại hòa bình, độc lập tự chủ, đa phương hóa, đa dạng hóa và mong muốn đóng góp nhiều hơn nữa vào các hoạt động của Liên hợp quốc trong việc duy trì hòa bình và an ninh quốc tế, Việt Nam đã quyết định ứng cử và trúng cử làm Ủy viên không thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc nhiệm kỳ 2008 - 2009 với số phiếu tín nhiệm cao. Nhân dịp này tôi xin thay mặt Chính phủ và nhân dân Việt Nam trân trọng cảm ơn và đánh giá cao sự ủng hộ của chính phủ các nước đối với Việt Nam. Với vai trò và vị thế mới, Việt Nam sẽ tiếp tục đóng góp tích cực và có trách nhiệm vào các công việc chung của Liên hợp quốc, xứng đáng với sự tin cậy của cộng đồng quốc tế.

Xin chúc cho quan hệ đối tác vì hòa bình, phát triển giữa Việt Nam và Liên hợp quốc ngày càng phát triển tốt đẹp.

Xin chân thành cảm ơn quý vị và các bạn.

Lưu tại Văn phòng Chính phủ.

**PHÁT BIỂU
CỦA ĐỒNG CHÍ NGUYỄN PHÚ TRỌNG,
ỦY VIÊN BỘ CHÍNH TRỊ, CHỦ TỊCH QUỐC HỘI
TẠI LỄ KỶ NIỆM 30 NĂM THÀNH LẬP
TỔ CHỨC LIÊN NGHỊ VIỆN HIỆP HỘI
CÁC QUỐC GIA ĐÔNG NAM Á (AIPO/AIPA)***

Ngày 14 tháng 11 năm 2007

*Thưa các vị đại biểu Quốc hội,
Thưa các vị khách quý và các bạn,*

Cách đây 30 năm, trước yêu cầu thúc đẩy hợp tác giữa nghị viện các nước thành viên ASEAN, những người đứng đầu cơ quan lập pháp của các nước Indônêxia, Malaixia, Philíppin, Xingapo và Thái Lan đã có sáng kiến thành lập Tổ chức Liên minh Nghị viện Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (AIPO), nay đổi thành Đại hội đồng Liên Nghị viện Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (AIPA).

Trải qua ba thập kỷ, từ 5 nghị viện thành viên ban đầu, AIPA đã mở rộng thành tám thành viên chính thức với sự tham gia của Việt Nam, Lào, Campuchia, trở thành

* Đầu đề do chúng tôi đặt (*B.T*).

một tổ chức lớn mạnh, tạo động lực củng cố và tăng cường sự hợp tác giữa nghị viện các nước trong khu vực và là một nhân tố quan trọng thúc đẩy sự phát triển của cộng đồng các nước ASEAN.

Trên nhiều phương diện, AIPA đã và đang phát triển đồng hành cùng ASEAN. Sự đóng góp của các nghị viện thành viên AIPA đối với các nỗ lực hội nhập quốc tế đã giúp ASEAN trở thành một tổ chức hợp tác khu vực được nhìn nhận một cách tích cực trên trường quốc tế. Thông qua các hoạt động trong khuôn khổ AIPA, nghị sĩ các nước ASEAN và nghị sĩ các nước đối tác đã hình thành nên các mối quan hệ giao lưu trực tiếp, cùng nhau trao đổi thông tin, kinh nghiệm, đối thoại cởi mở, chân thành về các vấn đề song phương, khu vực và quốc tế cùng quan tâm, làm sâu sắc hơn nữa sự hiểu biết và tin cậy lẫn nhau. Trên cơ sở đó, các nghị sĩ tham gia có hiệu quả vào việc giám sát và hỗ trợ chính phủ nước mình trong quá trình thực hiện các cam kết trong ASEAN, cùng chính phủ hoạch định chính sách của mỗi quốc gia, đồng thời xây dựng hành lang pháp lý cho hội nhập khu vực, để vừa chủ động tham gia hợp tác khu vực, vừa giữ vững bản sắc của dân tộc mình.

Hoạt động hợp tác liên nghị viện AIPA là những việc làm thiết thực, thúc đẩy quá trình liên kết nội khối và hợp tác với bên ngoài. Những quan điểm và giải pháp được đề ra trong các nghị quyết tại các kỳ họp AIPA đã góp phần giải quyết các vấn đề bức thiết của khu vực nhằm thực hiện các mục tiêu của ASEAN.

Trở thành thành viên chính thức của AIPA từ tháng 9-1995, Quốc hội Việt Nam đã chủ động tham gia vào các

hoạt động của tổ chức, tích cực triển khai thực hiện các chương trình hành động và Nghị quyết của AIPA, đóng góp quan trọng vào việc củng cố tình đoàn kết và sự thống nhất nội khối, mở rộng sự hợp tác với nghị viện các nước trong và ngoài khu vực, qua đó góp phần nâng cao vị thế của Việt Nam, tạo điều kiện để kinh tế Việt Nam ngày càng hội nhập sâu rộng hơn với các nền kinh tế khu vực và toàn cầu. Quốc hội Việt Nam đã đưa ra nhiều sáng kiến có giá trị nhằm chia sẻ và hỗ trợ Chính phủ các nước ASEAN giải quyết những vấn đề ưu tiên của khu vực. Chẳng hạn như: Sáng kiến tổ chức Hội nghị chuyên đề về vai trò của cơ quan lập pháp các nước ASEAN trong giải quyết khủng hoảng kinh tế và tài chính khu vực (năm 1999); sáng kiến lập giải thưởng chính thức của AIPA cho những người có nhiều công lao đóng góp vào sự lớn mạnh của AIPA cũng như sự nghiệp chung của ASEAN (năm 2002); sáng kiến tạo lập phương thức hợp tác mạnh mẽ và hiệu quả hơn giữa ASEAN và AIPA...

Với cương vị Chủ tịch AIPA nhiệm kỳ 2001 - 2002, Quốc hội Việt Nam đã điều hành mọi hoạt động và tổ chức thành công kỳ họp Đại hội đồng AIPA lần thứ 23 tại Hà Nội, đóng góp thiết thực vào quá trình phát triển của AIPA. Có thể nói, kỳ họp Đại hội đồng AIPA - 23 Hà Nội đã để lại một “dấu ấn Việt Nam” đậm nét trong bạn bè quốc tế. Đó không chỉ bởi những nét đẹp của văn hóa, lòng mến khách và sự tổ chức chu đáo mang đậm phong cách Việt Nam, mà còn bởi những nội dung chính trị, kinh tế, xã hội mà hội nghị đã đề cập. Trong tổng số 33 nghị quyết được thông qua tại kỳ họp này, có 20 nghị quyết do Việt Nam

đề xuất và điều quan trọng là những ý tưởng của Việt Nam đến nay vẫn còn nguyên giá trị.

Ba mươi năm không phải là khoảng thời gian dài đối với sự phát triển của một tổ chức khu vực, song đó là một chặng đường đáng tự hào của AIPA. Ngày nay, AIPA đang đứng trước yêu cầu mới với những cơ hội và thách thức đan xen, đặt ra sự cần thiết phải đổi mới phương thức hoạt động sao cho sự hợp tác nội khối ngày càng thiết thực và hiệu quả hơn trên cơ sở phát huy sự tham gia tích cực của các nghị viện thành viên và nguyên tắc đồng thuận với mức độ liên kết toàn diện hơn.

Thực tiễn 30 năm qua cho thấy, AIPA luôn giữ vững bản sắc của mình, nhưng cũng luôn năng động và tự điều chỉnh phương thức hoạt động để phù hợp với tình hình mới, khẳng định được sức sống và vị thế đối với sự phát triển của khu vực. Với tầm nhìn xa và quyết tâm của nghị viện các nước thành viên, cùng với sự hợp tác và hỗ trợ của các đối tác bên ngoài, chúng ta tin tưởng AIPA sẽ tiếp tục có nhiều đóng góp quan trọng vào thành công trong mục tiêu xây dựng Cộng đồng ASEAN thịnh vượng. Về phần mình, Quốc hội Việt Nam sẽ cố gắng làm hết sức mình để đóng góp vào sự nghiệp gìn giữ hòa bình, ổn định, tăng cường tình hữu nghị và hợp tác vì sự phát triển bền vững của khu vực và trên thế giới.

Nhân dịp kỷ niệm 30 năm ngày thành lập AIPA, thay mặt Quốc hội và nhân dân Việt Nam, tôi xin chuyển lời Quốc hội và nhân dân các nước trong Cộng đồng ASEAN những lời chúc mừng tốt đẹp nhất. Chúc AIPA của chúng ta

với những thành tựu đã đạt được và những ý tưởng mới tốt đẹp đang định hình sẽ có bước phát triển mới mạnh mẽ hơn nữa trong thời gian tới, xứng đáng với tầm vóc của một cơ chế hợp tác liên nghị viện có uy tín đã được trải nghiệm trong suốt ba thập kỷ qua.

Xin cảm ơn các quý vị và các bạn.

Nguyễn Phú Trọng: *Phát huy dân chủ, tiếp tục xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân, Sđd, tr.445-448.*

MỤC LỤC

Lời giới thiệu

- 1- Quyết định của Ban Bí thư, số 33-QĐ/TW, ngày 3 tháng 1 năm 2007, về việc thành lập Tổ Công tác của Ban Bí thư tại Lâm Đồng
- 2- Quyết định của Ban Bí thư, số 34-QĐ/TW, ngày 3 tháng 1 năm 2007, về việc thành lập Tổ Công tác của Ban Bí thư tại Thái Bình
- 3- Phát biểu của Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh khai mạc Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X, ngày 15 tháng 1 năm 2007
- 4- Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X, số 05-NQ/TW, ngày 24 tháng 1 năm 2007
- 5- Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X, số 06-NQ/TW, ngày 5 tháng 2 năm 2007, về phương hướng bầu cử và chuẩn bị nhân sự Quốc hội khóa XII
- 6- Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X, số 07-NQ/TW, ngày 5 tháng 2 năm 2007, về việc điều chỉnh thời gian tổ chức Đại hội Đảng toàn quốc, bầu cử Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp

Trang

V

1

3

5

10

13

18

- 7- Nghị quyết của Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X, số 08-NQ/TW, ngày 5 tháng 2 năm 2007, về một số chủ trương, chính sách lớn để nền kinh tế phát triển nhanh và bền vững khi Việt Nam là thành viên của Tổ chức Thương mại thế giới
- 8- Nghị quyết của Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X, số 09-NQ/TW, ngày 9 tháng 2 năm 2007, về Chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020
- 9- Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X, số 10-NQ/TW, ngày 9 tháng 2 năm 2007, về đổi mới, kiện toàn tổ chức bộ máy các cơ quan đảng, định hướng về đổi mới tổ chức bộ máy nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội
- 10- Phát biểu của Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh bế mạc Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X, ngày 24 tháng 1 năm 2007
- 11- Thông báo Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X
- 12- Quyết định của Bộ Chính trị, số 35-QĐ/TW, ngày 16 tháng 1 năm 2007, thành lập Ban Chỉ đạo Trung ương cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”
- 13- Quyết định của Ban Bí thư, số 36-QĐ/TW, ngày 17 tháng 1 năm 2007, thành lập bộ phận giúp việc Ban chỉ đạo Trung ương cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”
- 14- Chỉ thị của Ban Bí thư, số 08-CT/TW, ngày 18 tháng 1 năm 2007, về việc tổ chức kỷ niệm 45 năm thiết lập quan hệ ngoại giao và 30 năm ngày ký Hiệp ước hữu nghị và hợp tác Việt Nam - Lào (5-9-1962 - 5-9-2007 và 18-7-1977 - 18-7-2007)

21

43

60

71

81

89

92

95

- 15- Thông báo kết luận của Bộ Chính trị, số 55-TB/TW, ngày 18 tháng 1 năm 2007, về Đề án “Đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của bộ máy nhà nước” 99
- 16- Kế hoạch của Ban Bí thư, số 01-KH/TW, ngày 19 tháng 1 năm 2007, tổ chức kỷ niệm 77 năm Ngày thành lập Đảng và phát động cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh” 108
- 17- Chỉ thị của Bộ Chính trị, số 09-CT/TW, ngày 26 tháng 1 năm 2007, về lãnh đạo cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XII 113
- 18- Thông báo ý kiến của Bộ Chính trị, số 56-TB/TW, ngày 26 tháng 1 năm 2007, về Dự án Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn 117
- 19- Thông báo của Bộ Chính trị, số 58-TB/TW, ngày 29 tháng 1 năm 2007, về thời gian tổ chức bầu cử Quốc hội khóa XII 119
- 20- Thông báo của Bộ Chính trị, số 59-TB/TW, ngày 7 tháng 2 năm 2007, về phương hướng bầu cử và chuẩn bị nhân sự Quốc hội khóa XII 120
- 21- Thông báo ý kiến của Ban Bí thư, số 60-TB/TW, ngày 7 tháng 2 năm 2007, về việc thành lập Ban Chỉ đạo phòng, chống tham nhũng tại các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương 125
- 22- Quyết định của Ban Bí thư, số 37-QĐ/TW, ngày 9 tháng 2 năm 2007, về việc thay đổi, bổ sung các thành viên Hội đồng Xuất bản tác phẩm, bài nói, bài viết của Chủ tịch Hồ Chí Minh 127
- 23- Quyết định của Ban Bí thư, số 38-QĐ/TW, ngày 22 tháng 2 năm 2007, thành lập Hội đồng Chỉ đạo biên soạn và xuất bản bộ sách *Lê Duẩn tuyển tập* 129

- 24- Thông báo ý kiến của Bộ Chính trị, số 61-TB/TW, ngày 28 tháng 2 năm 2007, về việc bãi bỏ biện pháp quản chế hành chính 131
- 25- Thông báo kết luận của Bộ Chính trị, số 62-TB/TW, ngày 2 tháng 3 năm 2007, về Phương án quy hoạch, xây dựng Nhà Quốc hội tại lô D khu Trung tâm chính trị Ba Đình 132
- 26- Thông báo kết luận của Ban Bí thư, số 63-TB/TW, ngày 9 tháng 3 năm 2007, về việc xét tặng Huy hiệu Đảng 30 năm cho đảng viên 135
- 27- Thông báo của Bộ Chính trị, số 65-TB/TW, ngày 12 tháng 3 năm 2007, về việc chuyển Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất về trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi 136
- 28- Thông báo ý kiến của Bộ Chính trị, số 66-TB/TW, ngày 12 tháng 3 năm 2007, về Tờ trình Bộ Chính trị về một số vấn đề liên quan đến Đề án “Những vấn đề tư tưởng, lý luận và báo chí trong tình hình mới” trình Hội nghị Trung ương 5 137
- 29- Quyết định của Bộ Chính trị, số 39-QĐ/TW, ngày 15 tháng 3 năm 2007, về việc thành lập Hội đồng Lý luận Trung ương 139
- 30- Quyết định của Ban Bí thư, số 40-QĐ/TW, ngày 15 tháng 3 năm 2007, về thành phần Hội đồng Lý luận Trung ương 142
- 31- Quyết định của Ban Bí thư, số 41-QĐ/TW, ngày 20 tháng 3 năm 2007, ban hành Quy chế làm việc của Hội đồng Lý luận Trung ương 146
- 32- Quyết định của Ban Bí thư, số 42-QĐ/TW, ngày 26 tháng 3 năm 2007, thành lập Ban Chỉ đạo kiểm tra thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp

MỤC LỤC**1085**

- hành Trung ương (khóa IX) về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể
- 33- Chỉ thị của Ban Bí thư, số 10-CT/TW, ngày 30 tháng 3 năm 2007, về nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ
- 34- Thông báo ý kiến của Bộ Chính trị, số 70-TB/TW, ngày 6 tháng 4 năm 2007, về Dự án Pháp lệnh ký kết và thực hiện thỏa thuận quốc tế và Dự án Pháp lệnh bảo vệ công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia
- 35- Kế hoạch của Bộ Chính trị, số 02-KH/TW, ngày 11 tháng 4 năm 2007, tổ chức thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X “Về đổi mới, kiện toàn tổ chức bộ máy cơ quan đảng, định hướng về đổi mới tổ chức bộ máy nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội”
- 36- Quyết định của Bộ Chính trị, số 43-QĐ/TW, ngày 11 tháng 4 năm 2007, về việc hợp nhất Ban Bảo vệ Chính trị nội bộ Trung ương, Ban Tổ chức Trung ương thành Ban Tổ chức Trung ương
- 37- Quyết định của Bộ Chính trị, số 44-QĐ/TW, ngày 11 tháng 4 năm 2007, về việc hợp nhất Ban Khoa giáo Trung ương, Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương thành Ban Tuyên giáo Trung ương
- 38- Quyết định của Bộ Chính trị, số 45-QĐ/TW, ngày 11 tháng 4 năm 2007, về việc hợp nhất Ban Kinh tế Trung ương, Ban Nội chính Trung ương, Ban Tài chính - Quản trị Trung ương, Văn phòng Trung ương Đảng thành Văn phòng Trung ương Đảng
- 39- Quyết định của Bộ Chính trị, số 47-QĐ/TW, ngày 11 tháng 4 năm 2007, kết thúc hoạt động của 7 đảng bộ khối trực thuộc Trung ương, lập Đảng bộ Khối Các cơ quan Trung ương

157

160

166

168

178

180

182

184

1086**VĂN KIỆN ĐẢNG TOÀN TẬP**

- 40- Quyết định của Bộ Chính trị, số 48-QĐ/TW, ngày 11 tháng 4 năm 2007, lập Đảng bộ Khối Doanh nghiệp Trung ương
- 41- Quyết định của Ban Bí thư, số 49-QĐ/TW, ngày 12 tháng 4 năm 2007, thành lập Ban Chỉ đạo xây dựng Đề án “Đổi mới phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội”
- 42- Quyết định của Ban Bí thư, số 50-QĐ/TW, ngày 12 tháng 4 năm 2007, thành lập Ban Chỉ đạo xây dựng Đề án “Xây dựng giai cấp công nhân”
- 43- Chỉ thị của Bộ Chính trị, số 11-CT/TW, ngày 13 tháng 4 năm 2007, về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập
- 44- Quy định của Ban Bí thư, số 51-QĐ/TW, ngày 19 tháng 4 năm 2007, về nhiệm vụ và quan hệ công tác của thường trực tỉnh ủy, thành ủy
- 45- Quyết định của Ban Bí thư, số 52-QĐ/TW, ngày 25 tháng 4 năm 2007, về việc thành lập Tổ Biên tập chuẩn bị Đề án “Xây dựng giai cấp công nhân”
- 46- Quyết định của Ban Bí thư, số 53-QĐ/TW, ngày 25 tháng 4 năm 2007, thành lập Ban Chỉ đạo tổng kết việc thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương (khóa IX) về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể
- 47- Quyết định của Ban Bí thư, số 54-QĐ/TW, ngày 25 tháng 4 năm 2007, thành lập Ban Soạn thảo Đề án về chính sách nhà ở đối với cán bộ, công chức
- 48- Quyết định của Bộ Chính trị, số 56-QĐ/TW, ngày 25 tháng 4 năm 2007, chuyển Đảng bộ Đường sắt Việt

187

190

193

195

200

222

224

227

Nam đặt trực thuộc Đảng bộ Khối Doanh nghiệp Trung ương	229
49- Nghị quyết của Bộ Chính trị, số 11-NQ/TW, ngày 27 tháng 4 năm 2007, về công tác phụ nữ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước	231
50- Chỉ thị của Bộ Chính trị, số 12-CT/TW, ngày 3 tháng 5 năm 2007, về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giáo dục quốc phòng, an ninh trong tình hình mới	244
51- Thông báo kết luận của Ban Bí thư, số 71-TB/TW, ngày 7 tháng 5 năm 2007, về thực hiện Chương trình kiểm tra số 07-CTr/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí	251
52- Quyết định của Bộ Chính trị, số 58-QĐ/TW, ngày 7 tháng 5 năm 2007, ban hành Quy chế về chế độ kiểm tra, giám sát công tác cán bộ	257
53- Quyết định của Ban Bí thư, số 59-QĐ/TW, ngày 7 tháng 5 năm 2007, thành lập Ban Chỉ đạo xây dựng Đề án “Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa trong hội nhập kinh tế quốc tế”	271
54- Quyết định của Bộ Chính trị, số 60-QĐ/TW, ngày 7 tháng 5 năm 2007, về việc hợp nhất Học viện Hành chính quốc gia, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh thành Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh	274
55- Kế hoạch của Ban Bí thư, số 03-KH/TW, ngày 9 tháng 5 năm 2007, thực hiện Thông báo kết luận số 68-TB/TW của Bộ Chính trị tiếp tục thực hiện Thông báo kết luận số 41-TB/TW về một số biện pháp tăng cường lãnh đạo, quản lý báo chí	277

56- Thông báo kết luận của Bộ Chính trị, số 72-TB/TW, ngày 9 tháng 5 năm 2007, về quy hoạch các dự án bôxit - alumin - nhôm tại Tây Nguyên và các dự án sắt Thạch Khê (Hà Tĩnh)	285
57- Thông báo ý kiến của Bộ Chính trị, số 73-TB/TW, ngày 10 tháng 5 năm 2007, về Đề án Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội tham gia giám sát và phản biện xã hội	288
58- Thông báo kết luận của Ban Bí thư, số 74-TB/TW, ngày 11 tháng 5 năm 2007, tiếp tục thực hiện Chỉ thị 32-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa IX) về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ, nhân dân	291
59- Quyết định của Ban Bí thư, số 61-QĐ/TW, ngày 15 tháng 5 năm 2007, thành lập Ban Soạn thảo Đề án lập quỹ đào tạo cán bộ, công chức trong quy hoạch	298
60- Chỉ thị của Ban Bí thư, số 13-CT/TW, ngày 16 tháng 5 năm 2007, về lãnh đạo đại hội hội nông dân các cấp, tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc Hội Nông dân Việt Nam lần thứ V	300
61- Quyết định của Ban Bí thư, số 62-QĐ/TW, ngày 18 tháng 5 năm 2007, thành lập Ban Chỉ đạo xây dựng Đề án “Nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên ở cơ sở”	304
62- Chỉ thị của Ban Bí thư, số 14-CT/TW, ngày 19 tháng 5 năm 2007, về lãnh đạo đại hội công đoàn các cấp tiến tới Đại hội lần thứ X Công đoàn Việt Nam	307

- 63- Quyết định của Ban Bí thư, số 63-QĐ/TW, ngày 23 tháng 5 năm 2007, thành lập Ban Chỉ đạo sơ kết việc thực hiện Nghị quyết của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển thành phố Hải Phòng trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa
311
- 64- Thông báo ý kiến của Bộ Chính trị, số 77-TB/TW, ngày 24 tháng 5 năm 2007, về Đề án trình Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương (khóa X) về công tác kiểm tra, giám sát của Đảng
313
- 65- Quyết định của Ban Bí thư, số 64-QĐ/TW, ngày 7 tháng 6 năm 2007, thành lập Ban Chỉ đạo kiểm tra của Ban Bí thư năm 2007
317
- 66- Thông báo kết luận của Bộ Chính trị, số 80-TB/TW, ngày 19 tháng 6 năm 2007, về Đề án cơ cấu tổ chức Chính phủ khóa XII
320
- 67- Thông báo ý kiến của Ban Bí thư, số 81-TB/TW, ngày 19 tháng 6 năm 2007, về bản dự thảo Hướng dẫn xây dựng và thực hiện chuẩn mực đạo đức theo tấm gương Chủ tịch Hồ Chí Minh
323
- 68- Thông báo kết luận của Bộ Chính trị, số 82-TB/TW, ngày 19 tháng 6 năm 2007, về Đề án “Đẩy mạnh cải cách hành chính, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của bộ máy nhà nước”
327
- 69- Thông báo kết luận của Ban Bí thư, số 83-TB/TW, ngày 27 tháng 6 năm 2007, về tình hình lễ hội, tâm linh, ngoại cảm
333
- 70- Thông báo kết luận của Ban Bí thư, số 84-TB/TW, ngày 27 tháng 6 năm 2007, về Hội đồng Lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật Trung ương
336
- 71- Thông báo kết luận của Ban Bí thư, số 85-TB/TW, ngày 28 tháng 6 năm 2007, về Đề án nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác thông tin đối ngoại
339

- 72- Quyết định của Bộ Chính trị, số 67-QĐ/TW, ngày 4 tháng 7 năm 2007, ban hành Quy định về phân cấp quản lý cán bộ
342
- 73- Quyết định của Bộ Chính trị, số 68-QĐ/TW, ngày 4 tháng 7 năm 2007, ban hành Quy chế bổ nhiệm cán bộ và giới thiệu cán bộ ứng cử
368
- 74- Phát biểu của Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh khai mạc Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X, ngày 5 tháng 7 năm 2007
386
- 75- Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X, số 13-NQ/TW, ngày 14 tháng 7 năm 2007
542
- 76- Báo cáo giải trình của Bộ Chính trị, số 81/TLHN, ngày 13 tháng 7 năm 2007, tiếp thu ý kiến của Trung ương về Đề án Công tác tư tưởng, lý luận và báo chí trước yêu cầu mới
394
- 77- Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa X, số 16-NQ/TW, ngày 1 tháng 8 năm 2007, về công tác tư tưởng, lý luận và báo chí trước yêu cầu mới
411
- 78- Báo cáo giải trình của Bộ Chính trị, số 82/TLHN, ngày 13 tháng 7 năm 2007, tiếp thu ý kiến của Trung ương về Đề án Tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động của hệ thống chính trị
430
- 79- Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa X, số 15-NQ/TW, ngày 30 tháng 7 năm 2007, về tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động của hệ thống chính trị
445
- 80- Báo cáo giải trình của Bộ Chính trị, số 83/TLHN, ngày 13 tháng 7 năm 2007, tiếp thu ý kiến của Trung

ương về Đề án Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của Đảng	474
81- Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa X, số 14-NQ/TW, ngày 30 tháng 7 năm 2007, về tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của Đảng	
82- Báo cáo giải trình của Bộ Chính trị, số 84/TLHN, ngày 13 tháng 7 năm 2007, tiếp thu ý kiến của Trung ương về Đề án Đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của bộ máy nhà nước	486
83- Nghị quyết của Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa X, số 17-NQ/TW, ngày 1 tháng 8 năm 2007, về đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của bộ máy nhà nước	503
84- Kết luận Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X, số 11-KL/TW, ngày 14 tháng 7 năm 2007, về cơ cấu tổ chức Chính phủ nhiệm kỳ Quốc hội khóa XII	514
85- Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X, số 12-NQ/TW, ngày 14 tháng 7 năm 2007, về giới thiệu nhân sự chủ chốt của Nhà nước nhiệm kỳ Quốc hội khóa XII	538
86- Phát biểu của Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh bế mạc Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X, ngày 14 tháng 7 năm 2007	540
87- Thông báo Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa X	544
88- Thông báo kết luận của Bộ Chính trị, số 86-TB/TW, ngày 16 tháng 7 năm 2007, về việc giới thiệu nhân sự lãnh đạo các cơ quan nhà nước nhiệm kỳ Quốc hội khóa XII	558
	568

89- Quyết định của Ban Bí thư, số 72-QĐ/TW, ngày 15 tháng 8 năm 2007, kết thúc hoạt động của Hội đồng Lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật Trung ương nhiệm kỳ Đại hội IX (2003 - 2007)	572
90- Quyết định của Ban Bí thư, số 76-QĐ/TW, ngày 21 tháng 8 năm 2007, thành lập Đoàn kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết 10-NQ/TW của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Tây Nguyên thời kỳ 2001 - 2010	574
91- Quyết định của Bộ Chính trị, số 77-QĐ/TW, ngày 21 tháng 8 năm 2007, về việc kết thúc hoạt động của Ban Nghiên cứu của Bộ Chính trị về an ninh quốc gia	577
92- Quyết định của Bộ Chính trị, số 78-QĐ/TW, ngày 21 tháng 8 năm 2007, về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của Ban Tổ chức Trung ương	579
93- Quyết định của Bộ Chính trị, số 79-QĐ/TW, ngày 21 tháng 8 năm 2007, về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của Văn phòng Trung ương Đảng	585
94- Quyết định của Bộ Chính trị, số 80-QĐ/TW, ngày 28 tháng 8 năm 2007, về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của Ban Tuyên giáo Trung ương	594
95- Thông báo kết luận của Ban Bí thư, số 87-TB/TW, ngày 29 tháng 8 năm 2007, về việc tổ chức Đại hội đại biểu Phụ nữ toàn quốc lần thứ X	601
96- Thông báo ý kiến của Ban Bí thư, số 88-TB/TW, ngày 29 tháng 8 năm 2007, về Ngày truyền thống của Văn phòng Trung ương Đảng	604
97- Thông báo kết luận của Ban Bí thư, số 89-TB/TW, ngày 30 tháng 8 năm 2007, về quy hoạch chi tiết Dự án xây dựng Khu nghỉ dưỡng cao cấp tại Tuần Châu, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh	605

- 98- Thông báo kết luận của Ban Bí thư, số 90-TB/TW, ngày 31 tháng 8 năm 2007, về tình hình trật tự, an toàn giao thông 607
- 99- Quyết định của Bộ Chính trị, số 81-QĐ/TW, ngày 5 tháng 9 năm 2007, bổ sung thẩm quyền thi hành kỷ luật của Ủy ban Kiểm tra Trung ương đối với đảng viên trong “Hướng dẫn thực hiện các quy định về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng” ban hành kèm theo Quyết định số 25-QĐ/TW, ngày 24-11-2006 của Bộ Chính trị 609
- 100- Chỉ thị của Ban Bí thư, số 16-CT/TW, ngày 12 tháng 9 năm 2007, về việc tổ chức kỷ niệm 90 năm Cách mạng Tháng Mười (7-11-1917 - 7-11-2007) và 160 năm *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* (24-2-1848 - 24-2-2008) 611
- 101- Quyết định của Bộ Chính trị, số 84-QĐ/TW, ngày 18 tháng 9 năm 2007, kết thúc hoạt động của Ban Cán sự Đảng Tổng Công ty nhà nước hạng đặc biệt 616
- 102- Thông báo kết luận của Bộ Chính trị, số 93-TB/TW, ngày 19 tháng 9 năm 2007, về Đề án tổng thể các hình thức lưu niệm, tưởng niệm danh nhân 618
- 103- Quyết định của Bộ Chính trị, số 85-QĐ/TW, ngày 24 tháng 9 năm 2007, lập Đảng bộ Ngoài nước, tổ chức lại Ban Cán sự Đảng ngoài nước thành Đảng ủy Ngoài nước 621
- 104- Quyết định của Bộ Chính trị, số 86-QĐ/TW, ngày 24 tháng 9 năm 2007, về việc kiện toàn Ban Chỉ đạo cải cách tư pháp 624
- 105- Thông báo kết luận của Ban Bí thư, số 95-TB/TW, ngày 24 tháng 9 năm 2007, về Ngày truyền thống của Ban Tuyên giáo Trung ương 628

- 106- Thông báo kết luận của Ban Bí thư, số 96-TB/TW, ngày 24 tháng 9 năm 2007, về việc tổng kết 30 năm thực hiện Chỉ thị số 14-CT/TW về tổ chức đội ngũ báo cáo viên và tuyên truyền viên của Đảng và 10 năm thực hiện Thông báo số 71-TB/TW về tăng cường lãnh đạo và đổi mới công tác tuyên truyền miệng 629
- 107- Thông báo kết luận của Ban Bí thư, số 97-TB/TW, ngày 24 tháng 9 năm 2007, về việc tổng kết việc thực hiện Chỉ thị 15-CT/TW, ngày 28-8-2002 của Ban Bí thư về tăng cường và nâng cao chất lượng công tác nghiên cứu, biên soạn lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam 631
- 108- Kết luận của Bộ Chính trị, số 12-KL/TW, ngày 24 tháng 9 năm 2007, về những công việc cần làm để triển khai thực hiện các nghị quyết Trung ương 5 (khóa X), phân công chỉ đạo chuẩn bị và thời gian hoàn thành các đề án 633
- 109- Quy định của Bộ Chính trị, số 88-QĐ/TW, ngày 1 tháng 10 năm 2007, về tổ chức đảng trong Công an nhân dân 663
- 110- Quy định của Bộ Chính trị, số 89-QĐ/TW, ngày 3 tháng 10 năm 2007, về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy, địa bàn hoạt động, quan hệ công tác, chế độ, chính sách cán bộ của các Ban Chỉ đạo: Tây Bắc, Tây Nguyên, Tây Nam Bộ 688
- 111- Báo cáo của Bộ Chính trị, số 03-BC/TW, ngày 8 tháng 10 năm 2007 của Bộ Chính trị về quá trình xem xét, quyết định việc xây dựng Nhà Quốc hội tại Trung tâm chính trị Ba Đình, Hà Nội 702
- 112- Quyết định của Ban Bí thư, số 90-QĐ/TW, ngày 8 tháng 10 năm 2007, thành lập Ban Chỉ đạo xây dựng Đề án “Vấn đề nông nghiệp, nông dân, nông thôn” 715

- 113- Quy định của Ban Bí thư, số 91-QĐ/TW, ngày 9 tháng 10 năm 2007, về tổ chức cơ quan chính trị trong Quân đội nhân dân Việt Nam
- 114- Quyết định của Ban Bí thư, số 92-QĐ/TW, ngày 9 tháng 10 năm 2007, thành lập Đoàn kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết 37-NQ/TW, ngày 1-7-2004 của Bộ Chính trị (khóa IX) về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng trung du và miền núi Bắc Bộ đến năm 2010
- 115- Quyết định của Ban Bí thư, số 93-QĐ/TW, ngày 9 tháng 10 năm 2007, thành lập Ban Chỉ đạo tổ chức các lớp bồi dưỡng, cập nhật kiến thức cho cán bộ cao cấp của Cộng hòa Dân chủ nhân dân Lào
- 116- Quy định của Bộ Chính trị, số 94-QĐ/TW, ngày 15 tháng 10 năm 2007, xử lý kỷ luật đảng viên vi phạm
- 117- Chỉ thị của Ban Bí thư, số 17-CT/TW, ngày 15 tháng 10 năm 2007, về tiếp tục đổi mới và nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác tuyên truyền miệng trong tình hình mới
- 118- Quyết định của Ban Bí thư, số 95-QĐ/TW, ngày 16 tháng 10 năm 2007, thành lập Ban Chỉ đạo nhà nước kỷ niệm 90 năm Cách mạng Tháng Mười Nga và 160 năm *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*
- 119- Kết luận của Bộ Chính trị, số 13-KL/TW, ngày 17 tháng 10 năm 2007, về Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội năm 2007 và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2008
- 120- Kết luận của Bộ Chính trị, số 14-KL/TW, ngày 18 tháng 10 năm 2007, về cải cách chính sách tiền lương, bảo hiểm xã hội và ưu đãi người có công, giai đoạn 2008 - 2012

718

731

734

736

752

758

760

771

- 121- Kết luận của Bộ Chính trị, số 15-KL/TW, ngày 18 tháng 10 năm 2007, về sơ kết 5 năm thực hiện Nghị quyết 20-NQ/TW của Bộ Chính trị (khóa IX) về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2010 và về thí điểm mô hình chính quyền đô thị theo Nghị quyết Trung ương 5 (khóa X) ở Thành phố Hồ Chí Minh
- 122- Quyết định của Bộ Chính trị, số 96-QĐ/TW, ngày 22 tháng 10 năm 2007, về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của Ban Đổi ngoại Trung ương
- 123- Quyết định của Bộ Chính trị, số 97-QĐ/TW, ngày 22 tháng 10 năm 2007, về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của Ban Dân vận Trung ương
- 124- Quyết định của Bộ Chính trị, số 98-QĐ/TW, ngày 22 tháng 10 năm 2007, về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của Đảng ủy Khối Các cơ quan Trung ương
- 125- Quyết định của Bộ Chính trị, số 99-QĐ/TW, ngày 22 tháng 10 năm 2007, về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của Đảng ủy Khối Doanh nghiệp Trung ương
- 126- Quyết định của Bộ Chính trị, số 100-QĐ/TW, ngày 22 tháng 10 năm 2007, về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh
- 127- Thông báo ý kiến của Bộ Chính trị, số 102-TB/TW, ngày 30 tháng 10 năm 2007, về dự kiến chương trình xây dựng luật, pháp lệnh của Quốc hội nhiệm kỳ khóa XII (2007 - 2011) và năm 2008
- 128- Thông báo kết luận của Bộ Chính trị, số 103-TB/TW, ngày 30 tháng 10 năm 2007, về Dự án Luật thuế thu

776

787

792

797

802

809

816

nhập cá nhân và một số dự án luật trình Quốc hội thông qua tại kỳ họp thứ hai (tháng 11-2007)	819
129-Kết luận của Bộ Chính trị, số 16-KL/TW, ngày 31 tháng 10 năm 2007, về tình hình cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước và phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp giai đoạn 2007 - 2010, có tính đến năm 2015	821
130-Thông báo ý kiến của Ban Bí thư, số 106-TB/TW, ngày 5 tháng 11 năm 2007, về việc kiện toàn Ban Chỉ đạo Công nghệ thông tin của cơ quan đảng Trung ương	828
131-Thông báo kết luận của Ban Bí thư, số 107-TB/TW, ngày 5 tháng 11 năm 2007, về việc tổ chức kỷ niệm 40 năm cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân - 1968	830
132-Thông báo kết luận của Bộ Chính trị, số 108-TB/TW, ngày 8 tháng 11 năm 2007, về tổ chức cơ quan thường trú của các cơ quan thông tấn, báo chí nước ta ở nước ngoài	833
133-Quyết định của Ban Bí thư, số 103-QĐ/TW, ngày 8 tháng 11 năm 2007, thành lập Ban Chỉ đạo xây dựng Đề án “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với thế hệ trẻ thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa”	834
134-Quyết định của Ban Bí thư, số 104-QĐ/TW, ngày 13 tháng 11 năm 2007, thành lập Đoàn kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW, ngày 20-1-2003 và Chỉ thị số 12-CT/TW, ngày 16-4-2002 của Bộ Chính trị (khóa IX) về phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm an ninh, quốc phòng vùng đồng bằng sông Cửu Long thời kỳ 2001 - 2010	837

135-Thông báo kết luận của Ban Bí thư, số 109-TB/TW, ngày 14 tháng 11 năm 2007, về việc tổ chức Đại hội lần thứ IX Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh	841
136-Thông báo ý kiến của Ban Bí thư, số 111-TB/TW, ngày 16 tháng 11 năm 2007, về Đại hội Hội Cựu chiến binh Việt Nam lần thứ IV	844
137-Quy định của Bộ Chính trị, số 105-QĐ/TW, ngày 20 tháng 11 năm 2007, về tổ chức đảng trong Quân đội nhân dân	847
138-Thông báo kết luận của Bộ Chính trị, số 112-TB/TW, ngày 20 tháng 11 năm 2007, tổng kết 5 năm thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 (khóa IX) về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể	882
139-Quyết định của Bộ Chính trị, số 106-QĐ/TW, ngày 21 tháng 11 năm 2007, về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của cơ quan Ủy ban Kiểm tra Trung ương	885
140-Quyết định của Bộ Chính trị, số 107-QĐ/TW, ngày 21 tháng 11 năm 2007, về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của Báo Nhân dân	890
141-Quyết định của Bộ Chính trị, số 108-QĐ/TW, ngày 21 tháng 11 năm 2007, về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của Tạp chí Cộng sản	896
142-Chỉ thị của Ban Bí thư, số 18-CT/TW, ngày 22 tháng 11 năm 2007, về việc lãnh đạo Đại hội Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp và Đại hội đại biểu toàn quốc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam lần thứ VII	901
143-Quyết định của Ban Bí thư, số 109-QĐ/TW, ngày 23 tháng 11 năm 2007, về chức năng, nhiệm vụ và tổ chức bộ máy của Đảng ủy Ngoài nước	906

- 144-Thông báo kết luận của Ban Bí thư, số 113-TB/TW, ngày 27 tháng 11 năm 2007, về việc tổ chức kỷ niệm 100 năm Ngày sinh đồng chí Ngô Gia Tự 911
- 145-Thông báo kết luận của Ban Bí thư, số 114-TB/TW, ngày 27 tháng 11 năm 2007, về việc Nhà lưu niệm đồng chí Lê Duẩn và xây dựng tượng đài Bồ tát Thích Quảng Đức 913
- 146-Thông báo kết luận của Ban Bí thư, số 115-TB/TW, ngày 6 tháng 12 năm 2007, kết quả kiểm tra thực hiện Nghị quyết 32-NQ/TW, ngày 5-8-2003 của Bộ Chính trị “Về xây dựng và phát triển thành phố Hải Phòng trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước” 915
- 147-Quyết định của Ban Bí thư, số 114-QĐ/TW, ngày 7 tháng 12 năm 2007, về việc thành lập Ban Chỉ đạo chuẩn bị Đề án trình Hội nghị Trung ương 7 (khóa X) 924
- 148-Quy định của Bộ Chính trị, số 115-QĐ/TW, ngày 7 tháng 12 năm 2007, về những điều đảng viên không được làm 929
- 149-Kết luận của Bộ Chính trị, số 17-KL/TW, ngày 11 tháng 12 năm 2007, về dự thảo Đề án “Xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước” 934
- 150-Quyết định của Ban Bí thư, số 117-QĐ/TW, ngày 12 tháng 12 năm 2007, về việc thành lập Bộ phận thường trực Ban Chỉ đạo công tác thông tin đối ngoại 947
- 151-Thông báo kết luận của Bộ Chính trị, số 118-TB/TW, ngày 17 tháng 12 năm 2007, về kết quả thực hiện Nghị quyết 15-NQ/TW của Bộ Chính trị và công tác chuẩn bị kỷ niệm 1000 năm Thăng Long - Hà Nội 949

- 152-Thông báo kết luận của Ban Bí thư, số 119-TB/TW, ngày 18 tháng 12 năm 2007, về tiếp tục thực hiện Nghị quyết 36-NQ/TW của Bộ Chính trị về công tác đối với người Việt Nam ở nước ngoài và phương hướng công tác trong tình hình mới 961
- 153-Thông báo kết luận của Bộ Chính trị, số 120-TB/TW, ngày 18 tháng 12 năm 2007, về việc thành lập các tiểu ban trình Hội nghị Trung ương 6 (tháng 1-2008) 968
- 154-Thông báo của Ban Bí thư, số 121-TB/TW, ngày 18 tháng 12 năm 2007, phân công các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, Ban Bí thư dự, chỉ đạo kiểm điểm tại các đảng ủy, ban cán sự đảng, các tỉnh ủy, thành ủy có gợi ý kiểm điểm của Ban Bí thư năm 2007 975
- 155-Quyết định của Ban Bí thư, số 118-QĐ/TW, ngày 19 tháng 12 năm 2007, về nhân sự Hội đồng Lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật Trung ương nhiệm kỳ Đại hội X 977
- 156-Thông báo kết luận của Ban Bí thư, số 122-TB/TW, ngày 20 tháng 12 năm 2007, về sơ kết 3 năm thực hiện Chỉ thị số 42-CT/TW của Ban Bí thư (khóa IX) “Về nâng cao chất lượng toàn diện của hoạt động xuất bản” 980
- 157-Kết luận của Bộ Chính trị, số 18-KL/TW, ngày 21 tháng 12 năm 2007, về Đề án “Tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa trong hội nhập kinh tế quốc tế” 987
- 158-Chỉ thị của Ban Bí thư, số 19-CT/TW, ngày 22 tháng 12 năm 2007, về Kỷ niệm 60 năm Ngày Chủ tịch Hồ Chí Minh ra *Lời kêu gọi thi đua ái quốc* (11-6-1948 - 11-6-2008) 991
- PHỤ LỤC
- 159-Tuyên bố chung về quan hệ đối tác chiến lược giữa Việt Nam và Ấn Độ 997
-
-

MỤC LỤC**1101**

160-Phát biểu của đồng chí Nguyễn Minh Triết Ủy viên Bộ Chính trị, Chủ tịch nước tại Lễ kỷ niệm 30 năm Ngày truyền thống của Học viện Quốc phòng và đón nhận danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, ngày 4 tháng 1 năm 2007

1011

161-Diễn văn của Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh tại Lễ kỷ niệm 77 năm Ngày thành lập Đảng và phát động cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”, ngày 2 tháng 2 năm 2007

1017

162-Diễn văn của Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh tại Lễ kỷ niệm 100 năm Ngày sinh đồng chí Trường Chinh, ngày 8 tháng 2 năm 2007

1030

163-Diễn văn của Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh tại Lễ kỷ niệm 100 năm Ngày sinh đồng chí Lê Duẩn, ngày 6 tháng 4 năm 2007

1044

164-Phát biểu của đồng chí Nguyễn Minh Triết Ủy viên Bộ Chính trị, Chủ tịch nước tại Lễ kỷ niệm 45 năm Ngày truyền thống lực lượng Cảnh sát nhân dân và đón nhận danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, ngày 19 tháng 7 năm 2007

1055

165-Phát biểu của đồng chí Nguyễn Tấn Dũng Ủy viên Bộ Chính trị, Thủ tướng Chính phủ nhân dịp kỷ niệm 40 năm thành lập ASEAN (8-8-1967 - 8-8-2007), ngày 8 tháng 8 năm 2007

1062

166-Phát biểu của đồng chí Nguyễn Phú Trọng Ủy viên Bộ Chính trị, Chủ tịch Quốc hội Bộ Chính trị, Chủ tịch Quốc hội tại Hội nghị biểu dương điển hình phụ nữ tài năng toàn quốc thời kỳ đổi mới, ngày 8 tháng 9 năm 2007

1066

1102**VĂN KIỆN ĐẢNG TOÀN TẬP**

167-Phát biểu của đồng chí Nguyễn Tấn Dũng Ủy viên Bộ Chính trị, Thủ tướng Chính phủ tại Lễ kỷ niệm ngày Liên hợp quốc và 30 năm quan hệ Việt Nam - Liên hợp quốc, ngày 24 tháng 10 năm 2007

1072

168-Phát biểu của đồng chí Nguyễn Phú Trọng Ủy viên Bộ Chính trị, Chủ tịch Quốc hội tại Lễ kỷ niệm 30 năm thành lập tổ chức Liên nghị viện Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (AIPA/AIPA), ngày 14 tháng 11 năm 2007

1076

Chịu trách nhiệm xuất bản
Q. GIÁM ĐỐC - TỔNG BIÊN TẬP
PHẠM CHÍ THÀNH

Chịu trách nhiệm nội dung
PHÓ GIÁM ĐỐC - PHÓ TỔNG BIÊN TẬP
PGS.TS. VŨ TRỌNG LÂM

Biên tập nội dung: ThS. CHU VĂN KHÁNH
 ThS. ĐÀO QUỲNH HOA
 ThS. VÔ TÚ OANH

Vẽ bìa: PHÙNG MINH TRANG
Chế bản vi tính: NGUYỄN THỊ HẰNG
Sửa bản in: PHÒNG BIÊN TẬP KỸ THUẬT
Đọc sách mẫu: QUỲNH HOA - TÚ OANH

In ... cuốn, khổ 15x22cm, tại ...
Giấy phép số .../CXB- QLXB cấp ngày -2017
ISBN: 978-604-57-.....
In xong nộp lưu chiểu tháng 12-2017.